C.MÁC
VÀ
PH.ĂNG-GHEN
TOÀN TẬP
44

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

VÔ SẢN TẤT CẢ CÁC NƯỚC, ĐOÀN KẾT LẠI !

Mã số: 3 K1
CTQG-2004

TOÀN TẬP C. MÁC VÀ PH.ĂNG- GHEN XUẤT BẢN
THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN TOÀN TẬP C. MÁC VÀ PH. ĂNG - GHEN

GS. Nguyễn Đức Bình	Ủy viên Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng
GS. Đặng Xuân Kỳ	Phó chủ tịch chuyên trách Hội đồng Lý luận Trung ương, Phó chủ tịch (thường trực) Hội đồng
GS. TS. Trần Ngọc Hiên	Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương, ủy viên
PGS. Hà Học Hội	Phó trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, ủy viên
GS. TS. Phạm Xuân Nam	Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương, ủy viên
ThS. Trần Đình Nghiêm	Giám đốc - Tổng biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, ủy viên
GS. Trần Xuân Trường	Trung tướng, Viện trưởng Học viện chính trị-quân sự, ủy viên

C.MÁC

VÀ

PH.ĂNG-GHEN

TOÀN TẬP

TẬP 44

(THÁNG CHÍN 1849 - THÁNG NĂM 1873)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2004

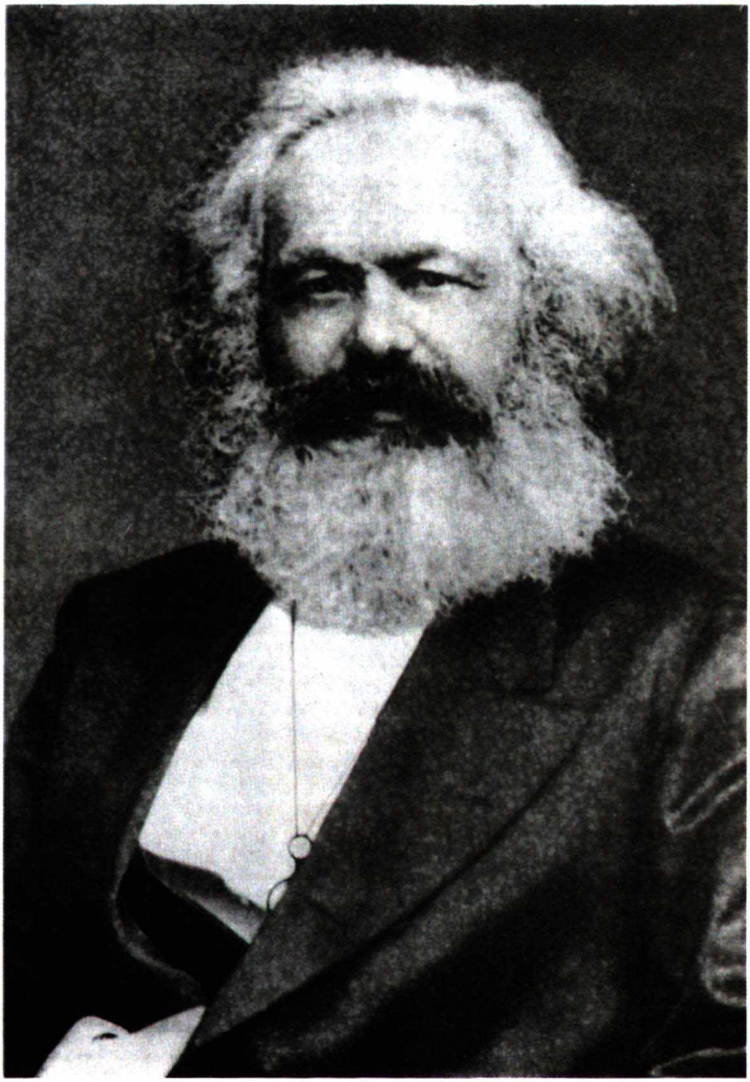

Karl Marx

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tập 44 của bộ Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghen bao gồm những tác phẩm của hai nhà kinh điển viết từ tháng Chín 1849 đến tháng Năm 1873 và chưa được in ở các tập trong thời gian tương ứng, tức là từ tập 7 đến tập 18 của bộ Toàn tập. Đây là những tài liệu sau này mới tìm thấy và xác minh được, hoặc là những bài viết, bài tin đã được in rải rác trên các báo chí, văn kiện khác nhau, nay mới tập hợp lại.

Các tác phẩm và bài viết trong tập này cho chúng ta thấy rõ những hoạt động lý luận và cách mạng - thực tiễn của C.Mác và Ph.Ang-ghen trong thời kỳ này, trong đó nổi bật nhất là những hoạt động nhằm xây dựng đường lối chiến lược và sách lược đấu tranh cách mạng cho giai cấp vô sản, xây dựng tổ chức quốc tế của giai cấp vô sản, chuẩn bị cho sự ra đời của tác phẩm lý luận đồ sộ: bộ "Tư bản", giúp đỡ và ủng hộ Công xã Pa-ri... Những tác phẩm ấy soi sáng công tác nghiên cứu khoa học của hai ông trong các vấn đề kinh tế chính trị học, lịch sử quan hệ quốc tế, các vấn đề lý luận quân sự. Đồng thời, chúng cung cấp thêm những bằng chứng mới về sự cộng tác đầy sáng tạo của hai ông, về hoạt động chính luận của hai ông, sự tham gia của hai ông vào phong trào công nhân quốc tế sau khi cuộc cách mạng 1848-1849 thất bại, và đặc biệt là hoạt động tích cực của hai ông trong thời kỳ Quốc tế I.

Tập này được dịch dựa vào bản tiếng Nga bộ Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghen, tập 44, do Nhà xuất bản sách Chính trị quốc gia Liên Xô xuất bản tại Mát-xcơ-va năm 1977. Ngoài phần chính văn, chúng tôi còn in kèm theo phần chú thích và các bản chỉ dẫn do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê-nin Liên Xô (trước đây) biên soạn để bạn đọc tham khảo. Các tác phẩm của C.Mác và Ph.Ăng-ghen được nhắc đến trong tập này đều được dẫn theo C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản tại Hà Nội và được ghi vắn tắt là Toàn tập, tiếp đó là số tập, năm xuất bản tập đó và số trang đề cập đến vấn đề được dẫn.

Đồng thời với việc xuất bản bộ Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghen, chúng tôi sẽ tổ chức biên soạn sách giới thiệu nội dung mỗi tập và các tư tưởng cơ bản trong các tác phẩm chính của hai nhà kinh điển.

Tháng 6 - 2000

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

C.MÁC
VÀ
PH.ĂNG - GHEN

THÁNG CHÍN 1849 - THÁNG NĂM 1873

PH.ĂNG-GHEN

NHỮNG BỨC THƯ TỪ NƯỚC PHÁP[1]

I

Pa-ri, 20 tháng Chạp 1849

Vấn đề thời sự nóng hổi là vấn đề "thuế rượu vang[2]" mà hiện nay Quốc hội lập pháp đang thảo luận. Vấn đề này có một ý nghĩa hết sức quan trọng và về thực chất nó phản ánh hết sức đầy đủ toàn bộ bối cảnh ở trong nước, cho nên sẽ rất hợp lý nếu dành toàn bộ bức thư này để bàn về vấn đề đó.

Thuế rượu vang có một lịch sử rất dài. Nó là một trong những đặc điểm tiêu biểu nhất của hệ thống tài chính của chế độ quân chủ ở thế kỷ XVIII và là một trong những nguyên nhân cơ bản gây nên sự bất bình của nhân dân trong thời kỳ diễn ra cuộc cách mạng lần thứ nhất, cuộc cách mạng ấy đã bãi bỏ cả loại thuế này. Na-pô-lê-ông lại áp dụng trở lại loại thuế này - dưới một hình thức hơi thay đổi một chút - vào khoảng năm 1808, vào thời điểm ấy ông ta đã quên nguồn gốc cách mạng của mình và đã xem mục tiêu chủ yếu là xác

lập triều đại của mình trong phạm vi các gia đình vua chúa cổ xưa của châu Âu. Loại thuế này đã bị nhân dân căm ghét đến nỗi sau khi Na-pô-lê-ông sụp đổ thì triều đại Buốc-bông đã hứa bãi bỏ ngay loại thuế này. Chính Na-pô-lê-ông ở trên đảo Xanh Hê-len cũng đã từng nói rằng đạo luật này, hơn bất kỳ nguyên do nào khác, đã trở thành nguyên nhân khiến ông ta sụp đổ, vì thuế này đã khiến cho toàn miền Nam nước Pháp đứng lên chống lại ông ta. Song triều đại Buốc-bông tuyệt nhiên không có ý định thực hiện lời hứa của mình, và thuế này tiếp tục được duy trì đến tận khi nổ ra cuộc cách mạng năm 1830, khi ấy ở trong nước người ta lại hứa hẹn xóa bỏ nó. Lời hứa này đã được thực hiện cũng giống như lời hứa lần trước, do vậy thuế gián thu này đã tồn tại ngay cả khi đã nổ ra cuộc cách mạng năm 1848. Chính phủ lâm thời, lẽ ra lập tức xóa bỏ loại thuế này và thay vào đó áp dụng loại thuế thu nhập cao đánh vào bọn tư bản lớn và địa chủ, thì lại chỉ hứa hẹn hoặc bãi bỏ, hoặc ít ra sẽ xem xét lại, còn Quốc hội lập hiến thì thậm chí đã đi xa đến mức quyết định giữ lại loại thuế ấy mà không hề có sự thay đổi nào cả. Chỉ mãi vào những ngày tồn tại cuối cùng của nó, khi mà chủ nghĩa bảo hoàng mạnh hơn bao giờ hết, thì các đại biểu "trung thực" và "ôn hòa" của Quốc hội này đã biểu quyết tán thành bãi bỏ thuế rượu vang từ ngày 1 tháng Giêng 1850[3].

Hoàn toàn rõ ràng là loại thuế được đề cập tới thực ra thuộc vào những truyền thống quân chủ của nước Pháp. Người ta bãi bỏ nó khi cán cân lực lượng nghiêng về phía quần chúng nhân dân, và người ta lại phục hồi loại thuế ấy ngay sau khi dây cương quyền lực lọt vào tay giới quý tộc hoặc *Giai cấp tư sản*[1*] mà đại diện là một ông Lu-i XVIII hoặc Lu-i-Phi-líp nào đấy. Ngay cả Na-pô-lê-ông, mặc dù về nhiều vấn đề ông ta chống lại giới quý tộc, cũng như chống lại giai cấp tư sản và đã bị lật đổ bởi vụ âm mưu thống nhất

1* Trong tạp chí in như vậy.

của họ, - ngay cả vị hoàng đế vĩ đại ấy cũng coi mình có bổn phận phải khôi phục đặc điểm này của các truyền thống cổ của nước Pháp quân chủ.

Gánh nặng thuế rượu vang được phân bổ hết sức không đều lên các giai cấp khác nhau của dân tộc. Đây là gánh nặng đau khổ đối với người nghèo, còn người giàu thì chỉ bị gánh nặng này làm phiền rất ít. Nước Pháp có khoảng 12 triệu hộ cất rượu vang ; họ không trả khoản thuế này, vì họ tiêu thụ rượu vang do chính họ sản xuất; tiếp nữa là 18 triệu người sống ở nông thôn và các thành phố có số dân dưới bốn nghìn người, họ trả từ 66 xăng-tim đến 1 phrăng 32 xăng-tim tiền thuế cho 100 lít rượu vang; và sau hết, khoảng năm triệu người sống ở các thành phố có số dân trên bốn nghìn người, họ trả thuế cho số rượu vang mà họ tiêu thụ thông qua *droit d'octroi*[4]; loại thuế này thu tại cửa ngõ thành phố và mức thu không đều nhau tại các khu vực khác nhau, nhưng trong tất cả mọi trường hợp mức thu ấy đều hết sức cao hơn mức mà loại cư dân trên đây nộp. Hơn nữa, mức thuế trả cho các loại rượu vang phẩm cấp thấp nhất cũng bằng mức thuế trả cho những loại rượu vang giá đắt nhất; mỗi héc-tô-lít với giá bán là 2, 3, 4 phrăng, cũng như một loại rượu có giá 12 - 1500 phrăng, đều phải nộp một mức thuế như nhau; như vậy, trong khi người tiêu dùng giàu có sử dụng loại rượu sâm-banh thượng hạng, loại rượu cla-rét và buốc-gun-đơ hầu như không phải trả tí gì, thì người công nhân lại trả cho chính phủ, về loại rượu vang kém, một mức thuế cao hơn giá đích thực của nó những 50%, 100%, và trong một số trường hợp thì mức thuế đó cao hơn 500% hoặc 1000%. Trong khoản thu nhờ loại thuế này có 51 triệu phrăng là thu của các giai cấp không có của và chỉ có 25 triệu phrăng thu của những công dân khá giả hơn. Trong tình hình như thế hoàn toàn không còn chút hoài nghi gì nữa rằng loại thuế này gây thiệt hại rất lớn cho ngành sản xuất rượu vang ở Pháp. Những thị trường chủ

yếu tiêu thụ sản phẩm này là các thành phố, mà đối với người sản xuất rượu thì các thành phố đã biến thành những ngoại bang thực sự mà tại đó, để bán được hàng hóa của mình, người sản xuất rượu buộc phải trả khoản thuế quan thật sự với mức từ 50% đến 1000% *ad valorem*[1*]. Tại khu vực khác của thị trường - ở chốn thôn quê - mức thuế chiếm ít nhất là từ 20% đến 50% giá trị ban đầu. Hậu quả không tránh khỏi của tình trạng ấy là sự phá sản của những vùng cất rượu vang của đất nước. Tuy nhiên, bất chấp loại thuế ấy, việc sản xuất rượu vang ngày càng tăng lên, nhưng sự gia tăng dân số lại vượt mức tăng trưởng ấy, với một nhịp độ nhanh hơn nhiều.

Vậy tại sao dưới thời chính phủ tư sản lại có thể duy trì loại thuế hết sức bị căm ghét ấy? Quý vị có thể nói rằng ở nước Anh, thậm chí Cốp-đen và Brai-tơ cũng đã có thể xóa bỏ loại thuế ấy từ lâu rồi. Và những nhân vật ấy có thể thật sự làm việc đó. Nhưng ở Pháp, các nhà công nghiệp đã không thể tìm ra được nhân vật *Cốp-đen*, cũng như nhân vật *Brai-tơ* để bảo vệ lợi ích của các nhà công nghiệp một cách kiên cường không gì lay chuyển nổi, cũng không tìm đâu ra nhân vật như ông *Pin* để thực hiện những đòi hỏi của các nhà công nghiệp. Hệ thống tài chính của nước Pháp, mặc dù đa số nghị sĩ trong Quốc hội hết sức tâng bốc nó, là một hệ thống tài chính rắc rối nhất và áp đặt gượng gạo, là một *mixtum compositum* [2*] mà người ta có thể hình dung được. Ở Pháp, dưới thời Lu-i-Phi-líp người ta đã không thử tiến hành bất kỳ một cuộc cải cách nào trong số những cải cách đã được tiến hành ở Anh sau năm 1842. Vào cái thời đại đáng khen của Ghi-dô, cuộc cải cách bưu chính đã bị coi gần như là một hành động phỉ báng Chúa. Cả thời ấy, cả giờ đây, sắc thuế đều không mang tính chất của một sắc thuế của chủ nghĩa tự do mậu dịch, cũng không mang tính chất của một sắc thuế đơn thuần

1* - giá trị

2*- sự pha trộn

nhằm thu tiền cho kho bạc, không phải là sắc thuế mang tính chất bảo hộ, không phải là sắc thuế mang tính chất cấm đoán, mà ở mức độ nào đó - ngoài tinh thần tự do mậu dịch - nó chứa đựng trong mình một số nét của tất cả những tính chất kia. Những biện pháp cấm đoán cũ và các mức thuế quan cao mà trong nhiều năm đã hoàn toàn chẳng mang lại kết quả nào, hơn thế nữa, những biện pháp ấy, không nghi ngờ gì cả, là tai hại đối với thương mại, - hiện diện trong tất cả các thành phần của thuế suất. Nhưng chẳng ai dám chống lại những biện pháp ấy. Ở tất cả các thành phố có số dân hơn 1000 người, các sắc thuế địa phương đều là các loại thuế gián thu và đánh vào các sản phẩm được chở đến đó. Như vậy, ngay cả bên trong đất nước, cứ cách 10-15 dặm, tự do mậu dịch lại vấp phải trở ngại dưới dạng các sắc thuế quan nội bộ đặc thù.

Tình trạng nhục nhã ngay cả đối với chính phủ của giai cấp tư sản như vậy vẫn không bị thay đổi vì nhiều nguyên nhân. Bất kể tất cả gánh nặng của các loại thuế đem lại 1 400-1 500 triệu phrăng, nhưng bao giờ đến cuối năm vẫn bị thiếu hụt ngân sách, và cứ 4-5 năm một lần người ta lại phát hành công trái. Tình trạng hết sức bi đát ấy của quốc khố, đối với những kẻ làm ăn ở sở giao dịch Pa-ri lại là nguồn kiếm chác vô tận, lừa đảo bẩn thỉu và những hoạt động đầu cơ ở sở giao dịch. Đám xoay xở ở sở giao dịch và những kẻ có quan hệ với chúng đã chiếm đa số trong lưỡng viện và như thế họ là những chúa tể thực sự của nhà nước; họ luôn luôn đòi hỏi phải thu vào những khoản tiền mới. Ngoài những nguyên nhân khác, không thể tiến hành được cải cách tài chính nếu không có những biện pháp sâu rộng khiến cho ngân sách có được sự cân bằng, thay đổi được sự phân bổ thuế và ngoài ra, qua việc đánh thuế chính ngay bọn hoạt động ở sở giao dịch, đem lại trọng lượng chính trị to lớn cho các phái khác trong giai cấp tư sản. Những thay đổi như vậy đã dẫn đến những hậu quả ra sao trong điều kiện cầm quyền của chính

phủ thối nát của Lu-i-Phi-líp, về điều này các vị có thể suy xét qua nguyên cớ tương đối không quan trọng đã gây ra cuộc cách mạng tháng Hai[5].

Cuộc cách mạng này đã không đưa một nhân vật nào có khả năng tiến hành cải cách hệ thống tài chính của nước Pháp lên cầm quyền. Các ngài trong tờ "National" - họ đã chiếm cứ ngành này[6] - cảm thấy mình bị trói chân tay bởi khoản thiếu hụt to lớn. Đã có nhiều toan tính định thực hiện cuộc cải cách ấy một cách từ từ; nếu không tính đến việc xóa bỏ thuế muối và cải cách bưu chính thì tất cả những toan tính ấy đều tỏ ra vô bổ. Cuối cùng thì trong cơn tuyệt vọng, Quốc hội lập hiến đã ra nghị quyết bãi bỏ thuế rượu vang, còn bây giờ các đại biểu "trung thực" và "ôn hòa" của nền trật tự[7] trong cái Quốc hội quý báu ngày nay lại phục hồi thuế đó ! Hơn thế nữa, ông bộ trưởng[1*] toan khôi phục lại thuế muối và lại tăng cước phí bưu chính; cho nên trong tương lai gần nhất ở Pháp sẽ lại khôi phục hệ thống tài chính cũ với những khoản thiếu hụt và khó khăn triền miên của nó, do đó, với quyền lực vô hạn của Sở giao dịch Pa-ri, với những vụ đầu cơ ở sở giao dịch, với những trò bịp bợm bẩn thỉu và chạy theo sự kiếm lời.

Song, vị tất nhân dân sẽ ngoan ngoãn phục tùng quyết định về việc khôi phục loại thuế nặng nề đánh vào các nhu yếu phẩm, loại thuế đó đè nặng lên dân nghèo, nhưng trong khi đó lại hầu như không đụng chạm đến người giàu. Nền dân chủ xã hội đã tỏa ảnh hưởng của mình một cách sâu rộng đáng ngạc nhiên tại các vùng nông nghiệp của nước Pháp, còn việc phục hồi thuế muối sẽ làm cho nhiều triệu người dân nữa tin vào nền dân chủ ấy, họ thuộc trong số những người mà mười hai tháng về trước đã bỏ phiếu cho cái tên khoác lác rỗng tuếch đầy hào danh ấy - Lu-i-Na-pô-lê-ông[8]. Sau

1* - bộ trưởng tài chính Phun-đơ

khi nền dân chủ xã hội ấy lôi kéo được nông dân về phía mình rồi thì chỉ vài tháng sau đó, thậm chí vài tuần sau đó, lá cờ đỏ sẽ tung bay trên Cung điện Tuy-lơ-ri và Ê-li-dê[9]. Chỉ đến khi ấy mới sẽ có thể phá đổ một cách triệt để hệ thống tài chính chuyên chế cũ, chấm dứt dứt điểm khoản nợ quốc gia, áp dụng hệ thống thuế trực thu lũy tiến và áp dụng những biện pháp khác cũng kiên quyết như vậy.

II

NHỮNG BẰNG CHỨNG HIỂN NHIÊN VỀ CÁC THẮNG LỢI VẺ VANG CỦA CHỦ NGHĨA CỘNG HÒA ĐỎ ![10]

Pa-ri, 21 tháng Giêng 1850

Từ sau bức thư gần đây nhất của tôi đã diễn ra rất nhiều sự kiện quan trọng, nhưng vì đa số bạn đọc đã biết về những sự kiện ấy qua các báo ngày và báo tuần, nên tôi sẽ không lặp lại cũng điều đó từ đầu đến cuối, và thay vào đó, trong thư này tôi chỉ đưa ra một số nhận xét chung về tình hình trong nước.

Trong 12-15 tháng gần đây, tinh thần cách mạng trên toàn nước Pháp đã tăng lên vô cùng. Cái giai cấp mà do địa vị xã hội của mình đã đứng - trong chừng mực có thể trong một xã hội văn minh - bên lề đời sống xã hội, cái giai cấp đã bị luật pháp quân chủ trước đây tước mất mọi quyền chính trị, cái giai cấp chưa từng bao giờ đọc báo nhưng đồng thời lại chiếm đại đa số dân tộc Pháp - cái giai cấp ấy cuối cùng đã nhanh chóng tỉnh ngộ[11]. Giai cấp tiểu nông ấy, với số lượng khoảng 28 triệu đàn ông, đàn bà và trẻ em, có một đội ngũ từ 8 đến 9 triệu tiểu chủ sở hữu ruộng đất, họ ở địa vị các phri-hôn-đơ[12] và sở hữu ít ra đến 4/5 toàn bộ diện tích ruộng đất của nước Pháp.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM HỌC LIỆU

Từ năm 1815 giai cấp này chịu sự áp bức cả của tất cả các chính phủ, kể cả chính phủ lâm thời đã từng bổ lên đầu họ loại thuế bổ sung 45 xăng-tim vào mỗi phrăng thuế ruộng đất[13], mà thuế ruộng thì rất cao ở Pháp. Giai cấp này còn chịu sự áp bức cả của bọn cho vay nặng lãi mà giai cấp này đã phải cầm cố gần như toàn bộ tài sản của mình để vay của bọn đó với lợi tức hết sức cao, và giai cấp ấy cuối cùng bắt đầu hiểu ra rằng, chỉ có chính phủ hành động vì lợi ích của công nhân thành thị mới sẽ giải phóng họ khỏi cảnh bần cùng đói rách mà họ càng ngày càng rơi sâu xuống vực thẳm của cảnh đó, mặc dù họ có một số ruộng được chia không lớn. Giai cấp ấy - cái giai cấp phần khá lớn đã thúc đẩy mạnh mẽ cuộc cách mạng năm 1789 và đã từng là cơ sở cho sự xuất hiện đế chế bao la của Na-pô-lê-ông - giờ đây với đại đa số, đã ngả về phía đảng cách mạng và công nhân Pa-ri, Li-ông, Ru-an và các thành phố lớn khác của nước Pháp. Giờ đây nông dân đã hiểu khá rõ rằng họ đã bị Lu-i-Na-pô-lê-ông lừa bịp, kẻ mà trong cuộc bầu cử tổng thống đã có được ít nhất là 6 triệu phiếu của họ và là kẻ đã trả giá cho họ bằng việc khôi phục thuế rượu vang. Như vậy, đại đa số nhân dân Pháp bây giờ đã đoàn kết lại để ngay khi có thời cơ thuận lợi sẽ lật đổ sự thống trị xấc xược của giai cấp các nhà tư bản. Tuy bị cơn bão tố tháng Hai đánh bại, nhưng giai cấp này lại nắm lại chính quyền và cai trị với thái độ tự mãn hơn nhiều thậm chí so với thời cai trị của nhân vật yêu chuộng của nó là Lu-i-Phi-líp.

Những sự kiện xảy ra trong những tháng gần đây đã cho ta vô số bằng chứng về sự thật rất quan trọng này. Ví dụ, thông tư của ông bộ trưởng Đ'Ô-pu-lơ, kẻ đã trao nhiệm vụ cho *bọn sen đầm* phải tổ chức hoạt động do thám ngay cả tại những nơi hẻo lánh nhất thuộc những vùng nông thôn heo hút nhất; lại còn đạo luật chống giới nhà giáo, ở các vùng nông thôn của Pháp các giáo viên thường thể hiện tốt nhất công luận của các địa phương ấy và giờ đây họ bị

rơi vào tình trạng tùy thuộc vào cách cư xử của chính phủ, bởi vì hiện nay hầu hết họ chia sẻ các quan điểm dân chủ-xã hội[14]. Cũng còn có nhiều sự kiện khác. Nhưng có một bằng chứng trong số những bằng chứng rõ ràng nhất - đó là cuộc bầu cử gần đây ở tỉnh *Ga-rơ*. Tỉnh này nổi tiếng là miền đất hứa cổ xưa nhất của "phái trắng" - phái theo chủ nghĩa chính thống. Tỉnh này đã từng là vũ đài diễn ra những vụ thanh toán khủng khiếp nhất với phái cộng hòa vào những năm 1794 và 1795 sau khi Rô-be-xpi-e sụp đổ; nơi đây đã từng là sào huyệt chủ yếu của chính sách "khủng bố trắng" vào năm 1815, khi người ta đã công nhiên giết hại những người theo đạo Tin lành và những người thuộc phái tự do, còn vợ, con gái và chị em của những nạn nhân ấy đã chịu đựng những hành động lăng nhục bỉ ổi nhất của những băng đảng chính thống, đứng đầu là tên Tơ-rê-xtai-ôn nổi tiếng, những băng đảng này đã có được sự che chở của chính phủ của chính thể chính thống do Lu-i XVIII cầm đầu. Và tỉnh này đã phải bầu một đại biểu thay cho nhân vật thuộc phái chính thống đã chết[1*], và kết quả là đại đa số đã bầu cho một ứng cử viên hoàn toàn đỏ[2*], còn hai nhân vật ứng cử viên [3*] thuộc phái chính thống thì đã bị thiểu số hoàn toàn[15].

Đạo luật mới về giáo dục[16] là một bằng chứng nữa nói lên những thắng lợi nhanh chóng của khối liên minh ấy giữa công nhân thành thị và nông dân thôn quê. Những phần tử thâm căn cố đế nhất thuộc phái Vôn-te trong các giới tư sản, ngay cả ngài Chi-e, cũng hiểu rằng chỉ có thể ngăn cản những thắng lợi đó bằng cách từ bỏ những học thuyết và nguyên lý cũ của mình và đặt nền giáo dục phục tùng giới tăng lữ !

1* - Đờ Bông

2* - Pha-văng

3* - Gre-lơ và Luốc-đu-ê

Hơn thế nữa. Hiện nay tất cả các nhà hoạt động xã hội và những tờ báo không công khai tỏ thái độ phản động thì đều tranh nhau giành lấy cái tên gọi đã có thời bị khinh miệt: "Người xã hội chủ nghĩa". Những kẻ thù kỳ cựu nhất của chủ nghĩa xã hội tự xưng là những người xã hội chủ nghĩa. Tờ "National" và thậm chí tờ "Siècle" - là những tờ báo mà dưới thời Lu-i - Phi-líp từng là những tờ báo theo chủ nghĩa bảo hoàng - tự gọi mình là những tờ báo xã hội chủ nghĩa. Thậm chí tên Ma-ra-xtơ, kẻ đã phản bội một cách ô nhục năm 1848, cũng hy vọng rằng - tuy uổng công thôi - sẽ bảo đảm mình trúng cử nếu tự xưng là người xã hội chủ nghĩa. Song, lừa bịp nhân dân là việc không đơn giản như thế; người ta chuẩn bị sẵn dây thừng cho tên đểu giả ấy rồi, và ngay khi có dịp thuận tiện là hắn sẽ bị treo cổ.

Hiện nay Quốc hội đang thảo luận đạo luật về việc thủ tiêu 468 tù nhân còn sống sót đã từng tham gia cuộc khởi nghĩa tháng Sáu, bằng cách đẩy họ đi làm các công việc cưỡng bức, đến những vùng có hại nhất cho sức khỏe ở An-giê-ri[17]. Không nghi ngờ gì nữa, đạo luật này sẽ được thông qua với đa số phiếu áp đảo. Nhưng cũng không có sự hoài nghi nào rằng trước khi những nhân vật anh tài bất hạnh của trận chiến đấu vĩ đại ấy của lao động đạt đến bến bờ được dùng làm mồ chôn họ, thì làn sóng phẫn nộ mới của nhân dân sẽ quét sạch những kẻ đã biểu quyết tán thành bản án tử hình ấy và chắc chắn sẽ tống cổ các đại biểu của phái đa số hiện nay đến nơi biệt xứ ấy, có thể là họ sẽ tránh được sự trả thù nhanh chóng hơn, nghiêm khắc hơn, và công minh hơn của nhân dân.

III

DẤU HIỆU CỦA THỜI ĐẠI. - CUỘC CÁCH MẠNG SẮP NỔ RA[18]

Pa-ri. 19 tháng Hai 1850

Tôi phải hạn chế đôi chút khuôn khổ bức thư này, tuy nhiên, những sự kiện diễn ra trong tháng này lại là những sự kiện hết sức đáng kinh ngạc, cho nên chúng sẽ tự nói về chúng. Cách mạng đến gần với tốc độ nhanh đến nỗi bất kỳ ai cũng *phải* nhìn thấy nó đến gần. Trong mọi tầng lớp xã hội người ta đều nói đến sự tới gần của cuộc cách mạng ấy, còn tất cả các tờ báo ngoại quốc, ngay cả những tờ báo thù địch với dân chủ, cũng tuyên bố cuộc cách mạng ấy là không tránh khỏi. Và hơn thế nữa, có thể gần như hoàn toàn tin chắc mà tiên đoán rằng nếu những sự kiện bất ngờ không làm thay đổi tiến trình phát triển xã hội thì trận chiến đấu vĩ đại giữa đảng trật tự hợp nhất với đại đa số nhân dân sẽ nổ ra, có thể là muộn nhất vào cuối mùa xuân năm nay. Kết cục của cuộc đấu tranh ấy thì không còn nghi ngờ gì nữa. Dân chúng Pa-ri tin rằng sẽ rất nhanh chóng xảy đến một thời điểm thuận lợi hơn bao giờ hết cho cách mạng, đến mức trong dân chúng Pa-ri đâu đâu cũng loan truyền lời kêu gọi: "Hãy tránh tất cả những cuộc xung đột nhỏ, hãy phục tùng tất cả những gì không đụng chạm đến những lợi ích bức thiết của các anh". Như vậy, mấy ngày gần đây, khi người ta chặt đổ các cây tự do, thì tuy đã hết sức cố gắng nhưng chính phủ đã thất bại ngay cả trong việc khiêu khích công nhân lao vào những vụ lộn xộn nhỏ trên đường phố, còn những phần tử nhảy múa xung quanh cây tự do ở Cảng Xanh Mác-tanh - những phần tử mà tờ "Illustrated London News" của các vị đã miêu tả rất đáng ghê sợ là một lũ gián điệp của

cảnh sát thì đã uổng công phí sức cả một ngày vì sự bình tĩnh của dân chúng[19]. Vậy là, tuy các tờ báo của chính phủ khẳng định điều trái hẳn lại, song ngày 24 tháng này[20] sẽ trôi đi một cách rất yên tĩnh. Chính phủ sẵn sàng làm hầu như tất cả mọi cái để gây ra những vụ lộn xộn ở Pa-ri, cũng như một số vụ âm mưu và khởi nghĩa được bày đặt ra ở các tỉnh nhằm mục đích áp dụng tình trạng giới nghiêm ở thủ đô và tại những tỉnh mà ở đó, vào ngày 10 tháng Ba, người ta sẽ bầu ra những đại biểu mới thay vào các đại biểu đã bị kết án ở Vec-xây[21].

Xin có vài lời về hệ thống mới của chế độ chuyên chế quân phiệt. Để giữ các tỉnh trong vòng cương tỏa, chính phủ đã nghĩ ra hệ thống mới của các vị tổng tư lệnh. Chính phủ đã hợp nhất 17 quân khu của nước Pháp thành 4 quân khu lớn, trong đó mỗi quân khu phải dưới sự chỉ huy của một viên tướng ; như thế, viên tướng này có được quyền hành gần như vô hạn của một bạo chúa phương Đông hoặc của một viên thái thú La Mã. Bốn quân khu ấy được bố trí trong tư thế bao bọc Pa-ri và toàn bộ vùng trung tâm nước Pháp bằng một thứ vành đai sắt để giữ các nơi ấy trong tư thế khuất phục. Song, những biện pháp phi pháp ấy đã được thi hành không những để đối phó với dân chúng, mà còn để đối phó với phái tư sản đối lập. Đảng của phái chính thống và đảng của phái Oóc-lê-ăng giờ đây hiểu khá rõ rằng Lu-i-Na-pô-lê-ông phục vụ họ rất tồi. Họ đã cần đến ông ta làm phương tiện để khôi phục nền quân chủ, như là công cụ có thể quẳng đi sau khi đã sử dụng, còn giờ đây họ thấy rằng ông ta đang đòi ngai vàng cho mình và về mặt này, ông ta thành công nhanh chóng hơn nhiều so với mức mà họ mong muốn. Họ cũng biết đủ rõ rằng vào thời điểm hiện nay nền quân chủ chẳng có cơ hội nào cả và họ cần chờ đợi; tuy nhiên, Lu-i-Na-pô-lê-ông cố gắng hết sức để đưa sự việc đến chỗ ngã ngũ, và ông ta thích mạo hiểm làm nổ ra cách mạng, một cuộc cách mạng có thể bắt ông ta trả giá bằng

mạng sống của mình, còn hơn là phải chờ đợi thời cơ của mình. Họ cũng biết rằng đảng của phái chính thống, cũng như đảng của phái Oóc-lê-ăng đều không đạt được sự vượt trội khiến cho thắng lợi của một trong hai đảng ấy trở thành một sự cần thiết hiển nhiên; cũng như trước ngày 10 tháng Chạp 1848, họ cần đến một nhân vật trung lập mới có thể cai quản đất nước phù hợp với lợi ích chung của cả hai đảng trong khi hai đảng ấy sẽ chờ đợi tình hình phát triển. Vậy là, cả hai đảng này - là những phái quan trọng duy nhất của đảng trật tự - giờ đây lại chống việc kéo dài thời gian làm tổng thống của Lu-i-Na-pô-lê-ông, tuy rằng bốn tháng trước đây hai đảng này có thể làm tất cả mọi cái để đạt cho được việc đó; cả lần này nữa, họ lại ủng hộ nền tảng trung lập của nền cộng hòa *do tướng Săng-gác-ni-ê làm tổng thống*. Xem ra Săng-gác-ni-ê có tham gia vào vụ âm mưu; và Na-pô-lê-ông không tin cậy ông tướng này nhưng không dám cất chức chấp chính của ông ta ở Pa-ri và đã lấy gông xiềng - đó là bốn quân khu của mình - cột chặt ông ta.

Điều đó có thể giải thích tại sao bài diễn văn của ngài Pa-xcan Đuy-pra (là kẻ đã phản bội cuộc khởi nghĩa tháng Sáu 1848, còn giờ đây lại đi tìm sự nổi tiếng) chống hệ thống quân sự mới và chống chính ngay Lu-i-Na-pô-lê-ông đã được đa số nghe với thái độ rất khoan dung. Trong khi ấy đã xảy ra hai sự cố đáng chú ý. Theo lời của một tờ báo, khi ngài Đuy-pra nói rằng Lu-i-Na-pô-lê-ông chỉ có thể lựa chọn giữa lập trường của chú mình và vị thế của Oa-sinh-tơn, thì ở phía tả có tiếng hô: "hoặc vị thế của hoàng đế Xu-lu-cơ ở Ha-i-ti!". Việc ví nhân vật có kỳ vọng làm hoàng đế Pháp với nhân vật được đem ra làm đề tài hết sức tốt cho những lời giễu cợt của tất cả các "Charivaris" ở Pa-ri này đã được hưởng ứng bằng trận cười của mọi người, trận cười mà ngay cả vị Chủ tịch Quốc hội[1*]

1*- Duy-panh

cũng không cắt ngang. Đấy, ngay cả cái đa số tuyệt vời ấy cũng có ý kiến về Lu-i-Na-pô-lê-ông như vậy đó. Lúc ấy vị bộ trưởng quốc phòng[1*] đứng lên, quay về phía cánh tả, đọc một bài diễn văn rất mạnh mẽ kết thúc với những lời sau đây: "Còn bây giờ, thưa các ngài, nếu các ngài muốn khởi sự thì chúng tôi đã sẵn sàng!"[22]. Cách diễn đạt này, hùng hồn hơn bất kỳ điều gì khác, cho các vị thấy rằng quả thật mọi người đang chờ đợi một cuộc xung đột khốc liệt.

Trong khi ấy, đảng dân chủ-xã hội tích cực chuẩn bị cho cuộc bầu cử. Mặc dù ở Pa-ri - nơi mà gần sáu chục nghìn công nhân bị gạch tên ra khỏi danh sách cử tri vì những cái cớ khác nhau - những phần tử "trung thực và ôn hòa" có cơ hội đưa được một hoặc hai ứng cử viên của mình vào Quốc hội, tuy nhiên không chút hoài nghi gì nữa rằng tại các tỉnh, những người xã hội chủ nghĩa sẽ giành được thắng lợi chói lọi. Bản thân chính phủ chờ đợi điều này. Vì vậy chính phủ đã chuẩn bị thủ tiêu điều mà hiện nay người ta công khai gọi là âm mưu thực hiện "quyền đầu phiếu phổ thông". Chính phủ có ý định áp dụng chế độ bầu cử gián tiếp, trong đó các cử tri bầu một số lượng hạn chế các đại biểu cử tri, đến lượt mình những đại biểu cử tri này lại nêu tên đại biểu của mình. Trong việc này chính phủ tin tưởng sẽ được đa số ủng hộ. Nhưng vì hành động ấy chẳng khác gì công khai lật đổ hiến pháp - bản hiến pháp này không thể được xét lại trước năm 1851, hơn nữa lại không thể được xét lại bởi cái Quốc hội được bầu ra chính là vì mục đích này - nên chính phủ trông đợi sẽ nổ ra một sự kháng cự mạnh mẽ của dân chúng. Do đó, cần lấy các quân đội ngoại quốc để hù dọa dân chúng, các đội quân này cần xuất hiện trên địa bàn sông Ranh vào thời điểm mà đề nghị ấy sẽ được trình ra Quốc hội. Nếu điều này thật sự xảy ra - có lẽ Lu-i-Na-pô-lê-ông thật ngu ngốc đủ đến mức có thể đi bước mạo hiểm như vậy - thì chắc chắn các vị sẽ phải được nghe thấy một

1*- D'Ô-pu-lô

điều giống như tiếng sấm cách mạng. Và đến lúc đó Thượng đế sẽ thương xót lấy linh hồn tất cả bọn Na-pô-lê-ông, bọn Săng-gác-ni-ê và bọn người thuộc đảng trật tự !

IV

CUỘC BẦU CỬ. - THẮNG LỢI VẺ VANG CỦA PHÁI ĐỎ. - ẢNH HƯỞNG VƯỢT TRỘI CỦA GIAI CẤP VÔ SẢN. - TÂM TRẠNG BUỒN NẢN TRONG ĐẢNG TRẬT TỰ. - CÁC KẾ HOẠCH KHỦNG BỐ VÀ KHIÊU KHÍCH MỚI ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG

Pa-ri. 22 tháng Ba 1850

Thắng lợi rồi! Thắng lợi rồi! Nhân dân đã nói lời của mình và nói lời đó lớn tiếng đến mức công trình nhân tạo xây dựng nên nền thống trị tư sản và những mưu mô tư sản đã bị lay chuyển tận gốc. *Các-nô, Vi-đan, Đơ-phlốt*, các đại biểu nhân dân của Pa-ri, đã trúng cử với số phiếu nhận được từ 127 đến 132 nghìn phiếu, - đó là câu trả lời của dân chúng đối với những hành động khiêu khích bỉ ổi của chính phủ và của phái đa số trong Quốc hội. Các-nô là thành viên duy nhất của phái "National" dưới thời chính phủ lâm thời đã không nịnh bợ giai cấp tư sản và đã hứng chịu một phần đáng kể sự căm ghét của giai cấp tư sản. Vi-đan từ lâu đã nổi tiếng như một người cộng sản ra mặt. Đơ-phlốt - phó Chủ tịch câu lạc bộ của Blăng-ki, một người đã tích cực tham gia các sự kiện ngày 15 tháng Năm 1848, một trong số những người đầu tiên đã xông vào Quốc hội, thì vào tháng Sáu cũng năm ấy đã có mặt trong hàng ngũ các chiến sĩ tiên phong trên các chiến lũy. Lĩnh án bị trục xuất, giờ đây ông đã từ

chiếc tàu vận tải bước thẳng vào cung điện Quốc hội lập pháp. Đó thật là một thành phần đáng ghi nhớ![23] Nó chứng tỏ rằng nếu thắng lợi mà đảng của phái đỏ thu được là nhờ sự liên minh của giai cấp các thợ tiểu thủ công và tiểu thương với giai cấp vô sản, thì sự liên minh này lại đặt cơ sở trên những điều kiện hoàn toàn khác hơn là sự thống nhất ngắn hạn đã dẫn đến sự lật đổ chế độ quân chủ. Hồi đó chính giai cấp những thợ tiểu thủ công và tiểu thương, giai cấp tiểu tư sản đã thắng thế trong chính phủ lâm thời và nhất là trong Quốc hội lập hiến, và họ đã rất nhanh chóng loại bỏ được ảnh hưởng của giai cấp vô sản. Còn giờ đây thì ngược lại, công nhân lãnh đạo phong trào, còn giai cấp tiểu tư sản - giai cấp này cũng bị tư bản đè nén và làm cho phá sản, và được đền đáp bằng sự phá sản về những sự giúp đỡ của giai cấp này hồi tháng Sáu 1848 - đã buộc phải bước theo phong trào cách mạng của giai cấp vô sản. Các nông chủ cũng ở trong tình thế như vậy, và giai cấp vô sản đang dẫn dắt toàn bộ khối những giai cấp ấy mà giờ đây thù địch với chính phủ, và họ chiếm đại đa số dân Pháp; tất cả các giai cấp ấy bắt buộc phải đi đến chỗ nhận ra rằng sự nghiệp giải phóng của chính họ khỏi ách tư bản phụ thuộc vào sự giải phóng hoàn toàn và tuyệt đối những người công nhân.

Cuộc bầu cử ở các tỉnh cũng tỏ ra rất thuận lợi đối với đảng của phái đỏ. Đảng này đã có được 2/3 số ứng cử viên của mình trúng cử, còn đảng trật tự thì chỉ có 1/3 số ứng cử viên trúng cử.

Đảng này, hay là một khối các đảng, đã hiểu rất rõ sự gợi ý không úp mở của nhân dân. Hiện nay nó đang đứng trước một sự diệt vong không tránh khỏi nếu nó để cho những cuộc tổng tuyển cử năm 1852, cuộc bầu cử Quốc hội, cũng như cuộc bầu cử tổng thống mới, được tiến hành trong hệ thống bầu cử hiện nay. Đảng này hiểu rằng nhân dân rất nhanh chóng đoàn kết xung quanh ngọn cờ đỏ, rằng nó không thể nắm chính quyền thậm chí cả trước khi nhiệm kỳ đó kết thúc.

Một bên là tổng thống và Quốc hội, bên kia là rất đông đảo quần chúng nhân dân ngày càng được tổ chức vững chắc hơn thành một đội ngũ bất khả chiến thắng. Như vậy, cuộc xung đột là không thể tránh được, và đảng trật tự mà chờ đợi càng lâu thì càng có nhiều hi vọng về thắng lợi của nhân dân. Đảng này hiểu rõ điều đó và vì vậy nó phải giáng ngay lập tức đòn quyết định. Cơ hội duy nhất còn lại của nó là làm sao thật nhanh chóng khiêu khích nổ ra cuộc khởi nghĩa và đấu tranh chống lại cuộc khởi nghĩa ấy đến cùng. Ngoài ra, sau cuộc bầu cử ngày 10 tháng Ba, "Liên minh thần thánh" không thể còn có sự hoài nghi nào về đường lối mà nó cần đi theo. Hiện nay không thể nói đến Thụy Sĩ được[24]. Đứng trước "Liên minh thần thánh" lại vẫn là nước Pháp cách mạng với tất cả tầm cỡ to lớn đáng sợ của nó. Do đó, cần tấn công nước Pháp và tấn công càng nhanh càng tốt. "Liên minh thần thánh" ngày càng thiếu tiền mặt, còn giờ đây lại hết sức ít có hi vọng nhận được số dự trữ mới của loại hàng đang mong mỏi ấy. Không thể nuôi quân đội ở bên trong từng nước được nữa - hoặc phải giải tán quân đội, hoặc quân đội phải tự nuôi mình bằng tiền của đối phương. Như thế quý vị thấy rằng lời tiên đoán về sự đến gần nhanh chóng của cách mạng và chiến tranh - lời tiên đoán trình bày trong bức thư gần đây nhất của tôi - đã hoàn toàn được chứng thực bởi các sự biến [25].

Đảng trật tự tạm thời lại gác lại những xích mích nội bộ. Nó lại thống nhất lại để tiến công nhân dân. Đảng này đã thay đội quân đồn trú ở Pa-ri mà ba phần tư đội quân này đã bỏ phiếu cho danh sách ứng cử viên phái đỏ [26]; còn hôm qua chính phủ đã trình lên Quốc hội đạo luật khôi phục thuế tem đánh vào các báo, đạo luật thứ hai quy định tăng gấp đôi số tiền ký quỹ đối với các báo, và đạo luật thứ ba bãi bỏ quyền tự do triệu tập các hội nghị bầu cử [27]. Sau những đạo luật ấy sẽ có những đạo luật khác: một trong số những đạo luật ấy sẽ dành cho cảnh sát quyền trục xuất ra khỏi Pa-ri bất

kỳ một công nhân nào không sinh ra tại thành phố này; đạo luật khác sẽ cho phép chính phủ *trục xuất không cần xét xử sang An-giê-ri bất kỳ công nhân nào bị thừa nhận là có tội tham gia hội kín*, và nhiều đạo luật khác, - tất cả những điều đó tất phải kết thúc bằng sự tấn công ít nhiều trực tiếp vào quyền đầu phiếu phổ thông. Vậy là các vị thấy đấy, họ khiêu khích gây ra cuộc khởi nghĩa bằng cách thủ tiêu mọi quyền và quyền tự do của các giai cấp cần lao. Cuộc khởi nghĩa sẽ nổ ra, và nhân dân sau khi thống nhất với đa số trong đội vệ binh quốc gia sẽ rất nhanh chóng lật đổ cái chính phủ không trung thực mang tính giai cấp ấy, nó tuyệt nhiên không thể làm được gì ngoài sự áp bức bỉ ổi, tuy nhiên, nó lại trơ trẽn tự xưng là "kẻ cứu tinh của xã hội"!!!

V

Pa-ri, 20 tháng Tư 1850[28]

Cuộc cách mạng trở nên không thể tránh được sau cuộc bầu cử ngày 10 tháng Ba đã chậm nổ ra do sự hèn nhát của Chính phủ, cũng như của những nhân vật hiện nay đảm nhận việc lãnh đạo phong trào ở Pa-ri. Chính phủ và Quốc hội đã bàng hoàng với kết cục cuộc bầu cử ngày 10 tháng Ba và vì những bằng chứng mới về tâm trạng phản loạn trong quân đội, đến nỗi họ đã không dám đưa ra một kết luận nào cả. Họ quyết định thông qua những đạo luật khủng bố mới mà tôi đã liệt kê cho các vị trong bức thư gần đây nhất của tôi; nhưng nếu nội các và một số thủ lĩnh của phái đa số tin vào những biện pháp như vậy thì không thể nói như thế về đại bộ phận đại biểu Quốc hội, và ngay cả chính phủ cũng đã rất nhanh chóng lại mất đi niềm tin vào những biện pháp ấy. Vậy là, những đạo luật cực đoan nhất trong số những đạo luật khủng bố ấy cho đến

nay vẫn chưa được đệ trình lên Quốc hội và ngay cả những đạo luật đã được đệ trình - các đạo luật về báo chí và về những cuộc hội nghị bầu cử - cũng đã vấp phải một sự đón nhận đáng nghi ngờ của phe đa số.

Mặt khác, đảng xã hội chủ nghĩa đã không thu được lợi lộc từ thắng lợi của mình như lẽ ra cần làm như thế. Giải thích điều này thì rất đơn giản. Đảng này chẳng những gồm công nhân mà hiện nay còn kết nạp cả một số lượng lớn những phần tử tiểu tư sản, các đại diện của giai cấp mà chủ nghĩa xã hội của nó trên thực tế mang tính chất rất ôn hòa hơn chủ nghĩa xã hội của những người vô sản. Các chủ hiệu và các thợ tiểu thủ công hiểu rất rõ rằng sự cứu vớt họ khỏi cảnh phá sản hoàn toàn phụ thuộc vào cuộc giải phóng giai cấp vô sản, rằng lợi ích của họ gắn liền với lợi ích của công nhân. Nhưng họ cũng hiểu rằng nếu giai cấp vô sản giành được chính quyền bằng con đường cách mạng thì họ sẽ hoàn toàn đẩy những chủ hiệu xuống hàng thứ yếu và sẽ buộc phải tiếp nhận từ tay giai cấp công nhân tất cả những gì mà giai cấp công nhân có thể dành cho họ. Ngược lại, nếu chính phủ hiện hữu sẽ bị loại bỏ bằng con đường hòa bình thì những chủ hiệu và các thợ tiểu thủ công - họ là những giai cấp ít nguy hiểm nhất (obnoxious) trong số tất cả các giai cấp đối lập hiện nay - sẽ hết sức thản nhiên can thiệp và cướp lấy chính quyền, trong khi đó dành cho các giai cấp công nhân hưởng một phần tối thiểu có thể có được của chính quyền ấy. Như thế, giai cấp những thợ tiểu thủ công và tiểu thương đã bị hoảng sợ bởi thắng lợi của chính mình, cũng y như chính phủ đã bị hoảng sợ bởi thất bại của chính mình. Họ đã thấy cách mạng đang phát triển ngay trước mắt họ, và họ đã dốc mọi nỗ lực để ngăn ngừa cuộc cách mạng ấy. Để làm điều đó, trong tay họ đã có sẵn một phương sách. Ngài Vi-đan trúng cử ở Pa-ri, nhưng ngoài ra còn trúng cử ở vùng Hạ Ranh. Ông

ấy được người ta thúc giục nhận ủy nhiệm thư Hạ Ranh, như vậy ở Pa-ri đã nảy sinh sự cần thiết phải có cuộc bầu cử mới. Vì rõ ràng là chừng nào nhân dân còn có khả năng giành thắng lợi bằng con đường hòa bình thì nhân dân sẽ không bao giờ kêu gọi "cầm lấy vũ khí", và tuy nhiên, nếu nhân dân bị khiêu khích tiến hành khởi nghĩa thì nhân dân sẽ phải chiến đấu với rất ít cơ may giành thắng lợi.

Cuộc bầu cử mới được ấn định vào ngày 28 tháng này, và chính phủ đã lập tức lợi dụng tình thế thuận lợi do những người tiểu chủ đầy nhã ý đã tạo ra. Các bộ trưởng đã bới tìm những quy định cũ của cảnh sát để trục xuất ra khỏi Pa-ri một số lượng nào đó những người vô sản bị mất việc làm vào thời điểm đó[29]; qua việc trực tiếp ra lệnh hoàn toàn cấm tiến hành các cuộc họp bầu cử, họ đã cho người ta thấy rằng họ có thể bỏ qua không cần đến cái đạo luật đã được đệ trình lên Quốc hội nhằm chống lại các hội nghị ấy. Nhân dân đã phục tùng, vì biết rằng ngay trước ngày bầu cử, cuộc đấu tranh của họ không thể thu được thắng lợi. Lẽ tự nhiên là báo chí dân chủ-xã hội, hoàn toàn nằm trong tay các tiểu chủ, đã làm tất cả những gì có thể làm được để duy trì sự yên tĩnh của quần chúng. Các báo chí này đã có hành vi hết sức đáng hổ thẹn kể từ thời gian xảy ra câu chuyện "cây tự do". Trong thời gian ấy đã nhiều lần có cơ hội để tiến hành cuộc khởi nghĩa nhân dân, nhưng các báo chí ấy đã luôn luôn tuyên truyền hòa bình và thái độ yên tĩnh, trong khi đó trong các ủy ban bầu cử và các tổ chức tương tự, các đại biểu của giới tiểu chủ lại luôn luôn cố gắng làm giảm cơ hội giành thắng lợi trong các trận chiến đấu đường phố, tìm kiếm lối thoát để sự phẫn nộ của nhân dân xả ra một cách êm thấm.

Lập trường sai trái mà đảng của phái đỏ đã rơi vào, cũng như lợi lộc do cuộc bầu cử mới đã mang lại cho đảng trật tự, thì đã được phản ánh đầy đủ trong tên tuổi của hai ứng cử viên cạnh tranh với nhau. Ứng cử viên của phái đỏ Ô-gien Xuy là đại biểu tuyệt hảo của

chủ nghĩa xã hội có thiện ý, "thiện tâm", ủy mị - tiểu thị dân, chủ nghĩa này rất xa với chủ trương công nhận sứ mệnh cách mạng của giai cấp vô sản, nó ưa thích tạo ra một thứ nhai lại nào đó sự giải phóng giai cấp vô sản nhờ sự che chở đầy thiện ý của giai cấp những tiểu chủ và tiểu thương. Trong tư cách một chính khách, Ó-gien Xuy là một lượng nhỏ nhoi không đáng kể. Việc đưa nhân vật này ra ứng cử nhằm những mục đích tỏ thái độ là bước lùi ra xa trận địa đã giành được vào ngày 10 tháng Ba. Song, cũng cần thừa nhận rằng nếu chủ nghĩa xã hội ủy mị có số mệnh trở thành mốt thời thượng thì tên tuổi của Xuy lại nổi tiếng nhất trong số những nhân vật đã có thể được đưa lên vị trí hàng đầu, và ông ta có nhiều cơ hội trúng cử.

Mặt khác, đảng trật tự đã thu hồi lại được những trận địa của mình đến mức là nó đã đem một tên tuổi biểu thị tất cả, tên tuổi của ngài Lơ-clếc, một nhân vật tư sản khắc khổ trong cuộc khởi nghĩa tháng Sáu[30], - để đối chọi lại với Ó-gien Xuy mà tên tuổi không có ý nghĩa gì hết hoặc có ý nghĩa rất ít. Lơ-clếc là câu trả lời trực tiếp cho Đơ-phlốt và là hành động xúi bẩy khiêu khích trực tiếp đối với công nhân, trực tiếp hơn bất kỳ một tên tuổi nào khác. Đối với Pa-ri, ứng cử viên Lơ-clếc là sự lặp lại câu nói của tướng Đ'Ô-pu-lơ: "Thưa các ngài, giờ đây nếu các ngài muốn xuống đường thì chúng tôi đã sẵn sàng!".

Như quý vị thấy đấy, cuộc bầu cử lại ở Pa-ri không hứa hẹn lợi lộc nào cả, mà ngược lại, đã gây ra tác hại đáng kể cho đảng vô sản. Cũng cần nêu ra sự việc sau đây: cuộc bầu cử ngày 10 tháng Ba đã được tiến hành theo các danh sách cử tri cũ; còn cuộc bầu cử ngày 28 tháng Tư sẽ được tiến hành theo danh sách cử tri mới, có sửa đổi cho năm 1850 và có hiệu lực vào ngày 1 tháng Tư; nhưng trong danh sách cử tri sửa đổi này, với nhiều cớ khác nhau, *người ta đã gạch tên từ hai mươi nghìn đến ba mươi nghìn cử tri công nhân*.

Song, nếu lần này đảng trật tự dù sẽ nhận được đa số không lớn thì nó cũng không thu được lợi. Sự thật sau đây vẫn là sự thật: nếu duy trì quyền đầu phiếu phổ thông thì nó sẽ không còn có thể cai trị nước Pháp được nữa. Sự thật sau đây vẫn là sự thật: mầm chủ nghĩa xã hội đã thâm nhập rộng rãi vào quân đội, quân đội chỉ chờ có cơ hội là công khai tiến hành binh biến. Sự thật sau đây vẫn là sự thật: công nhân Pa-ri, hơn bất kỳ lúc nào, đã thấm sâu ý nguyện muốn chấm dứt tình trạng hiện nay. Trước kia, chưa bao giờ tại các hội nghị bầu cử họ phát biểu công khai đến thế, như trong lần này, khi mà những hội nghị như thế chưa bị cấm. Còn chính phủ thì tăng cường cuộc tiến công của mình vào quyền phổ thông đầu phiếu và qua đó nó đã tạo điều kiện cho nhân dân tham gia cuộc đấu tranh mà trong đó giai cấp vô sản nhất định sẽ giành được thắng lợi.

VI

Pa-ri. cuối tháng Năm 1850[31]

Nếu những người vô sản cam chịu để người ta tước mất của họ quyền bầu cử thì họ sẽ cam chịu tình hình là *những gì do cuộc cách mạng tháng Hai đã làm liên quan đến lợi ích của họ, sẽ bị thủ tiêu*. Đối với họ nền cộng hòa sẽ chấm dứt tồn tại. Họ sẽ bị đẩy ra ngoài phạm vi của nó. Liệu họ có để cho điều đó xảy ra hay chăng?

Đạo luật này chắc chắn sẽ được thông qua. Nó sẽ không bị suy giảm chút nào cả. Trong vấn đề này ý chí của đa số đã bộc lộ rõ ràng[32]. Và tình hình hiện nay khiến cho không một ai có thể nói hậu quả sẽ ra sao - liệu nhân dân có sẽ đứng lên và truất bỏ chính phủ và Quốc hội hay không, hay là nhân dân sẽ chờ đợi một thời cơ thích hợp khác. Pa-ri có vẻ yên tĩnh, không có những dấu hiệu trực tiếp

về một cuộc cách mạng đang đến gần; nhưng chỉ cần một tia lửa là đủ để gây ra vụ bùng nổ với sức mạnh to lớn.

Vụ nổ này lẽ ra đã xảy ra sớm hơn nếu không có hành vi phản bội của các lãnh tụ chỉ tiến hành tuyên truyền "hòa bình", "sự tĩnh lặng" và "không khí yên tĩnh trang nghiêm"[33]. Song, điều đó không thể kéo dài được. Ở Pháp đang tồn tại tình thế mang tính chất hết sức cách mạng. Đảng trật tự không thể dừng lại ở những điều đã đạt được. Để đứng vững, mỗi ngày nó phải tiến lên một bước. Nếu đạo luật này được thông qua mà không gây ra cách mạng thì đảng trật tự sẽ mở màn những cuộc tiến công mới, điên cuồng hơn và ngang nhiên hơn đánh vào hiến pháp và nền cộng hòa. Đảng trật tự muốn có cuộc *nổi loạn*, nhưng nó sẽ nhận được một cuộc cách mạng, vả lại cũng nhanh thôi. Bởi lẽ cần thấy rằng đây là vấn đề *vài tuần lễ*, có thể là *vài ngày*, nhưng không phải là vấn đề *vài năm*.

VII

Pa-ri, 22 tháng Sáu 1850

Đạo luật về "cải cách" quyền bầu cử đã được thông qua, nhưng nhân dân Pa-ri đã không động đậy. Việc bãi bỏ quyền đầu phiếu phổ thông đã không mảy may gây ra một toan tính nào đứng lên đấu tranh hoặc biểu tình, còn công nhân Pháp thì lại ở vào vị trí của họ như dưới thời Lu-i-Phi-líp: là những chính đảng không có các quyền được công nhận, không được quyền biểu quyết, không có vũ khí.

Thật ra, điều rất đáng chú ý là ở Pháp quyền đầu phiếu phổ thông đã giành được một cách dễ dàng vào năm 1848 thì đến năm 1850, quyền đó lại bị xóa bỏ một cách còn dễ dàng hơn. Tuy nhiên, những sự thăng trầm như thế hoàn toàn phù hợp với tính cách của người

Pháp, những hiện tượng ấy là hiện tượng rất hay xảy ra trong lịch sử nước Pháp. Ở nước Anh không thể có hiện tượng như vậy. Ở đấy, một khi quyền đầu phiếu phổ thông đã được thiết lập thì nó được giành vĩnh viễn. Không một chính phủ nào dám xâm phạm quyền ấy. Chỉ cần hình dung trường hợp có một vị bộ trưởng nào đó nảy ra ý định toan tính thật sự khôi phục các đạo luật về lúa mì. Vị bộ trưởng ấy sẽ bị lật nhào bởi trận cười rộ lên của toàn dân tộc.

Không nghi ngờ gì nữa, nhân dân Pa-ri đã phạm phải sai lầm nghiêm trọng khi bỏ lỡ thời cơ dấy lên cuộc khởi nghĩa, do việc xóa bỏ quyền đầu phiếu phổ thông đem lại. Quân đội có thái độ thuận lợi, giai cấp các tiểu chủ và tiểu thương đã buộc phải đi theo nhân dân, còn phái Núi, hơn nữa, ngay cả đảng của Ca-vai-nhắc, cũng hiểu được rằng trong trường hợp khởi nghĩa thất bại thì họ sẽ không tránh khỏi bị thiệt hại do cuộc khởi nghĩa ấy, bất kể họ có đi theo nhân dân hay không. Như vậy, nếu khởi nghĩa nổ ra thì chí ít lần này cũng bảo đảm có được sự hậu thuẫn tinh thần của giai cấp những thợ tiểu thủ công và tiểu thương và của các đại biểu của họ trong nghị viện là phái Núi, và như vậy sẽ bẻ gẫy được sự kháng cự của phần lớn quân đội. Nhưng thời cơ thuận lợi đã bị bỏ lỡ, một phần do sự hèn nhát của các thủ lĩnh ở nghị viện và của giới báo chí, một phần là do tâm trạng đặc thù hiện nay của quần chúng nhân dân Pa-ri.

Hiện nay công nhân thủ đô đang trong trạng thái quá độ. Những học thuyết xã hội chủ nghĩa đủ loại mà trước đây thường được thảo luận trong giới này thì nay không còn đáp ứng được những đòi hỏi của họ nữa, và cần phải thừa nhận rằng điều này liên quan đến tất cả mọi học thuyết xã hội chủ nghĩa Pháp gộp lại, - trong tất cả các học thuyết ấy không có nhiều lắm nội dung cách mạng thật sự. Mặt khác, nhân dân đã biết bao lần bị các lãnh tụ của mình lừa bịp, giờ đây họ ngờ vực sâu sắc tất cả những ai đã có lúc từng là thủ lĩnh

của họ, thậm chí không loại trừ cả Bác-be và Blăng-ki[34], cho nên nhân dân đã quyết định không có những hành động đấu tranh nào nhằm mục đích đưa một người nào đó trong số họ lên cầm quyền. Như vậy, toàn bộ phong trào của giai cấp công nhân bắt đầu mang tính chất khác, tính chất cách mạng hơn nhiều. Nhân dân bắt đầu suy nghĩ một cách độc lập, thoát khỏi những truyền thống của các trường phái xã hội chủ nghĩa cũ, nhân dân sẽ nhanh chóng tìm được những luận điểm xã hội chủ nghĩa và cách mạng thể hiện nhu cầu và lợi ích của họ một cách rõ ràng hơn nhiều so với tất cả những điều mà tác giả các học thuyết và các lãnh tụ có tài hùng biện đã nghĩ ra *cho nhân dân*. Đến khi ấy, sau khi nhờ vậy đạt đến độ trưởng thành thì nhân dân sẽ lại biết cách sử dụng tất cả những gì là tài năng và dũng cảm ở những lãnh tụ cũ mà không lẽo đẽo theo đuôi bất cứ ai trong số họ. Chính tâm trạng ấy của quần chúng Pa-ri đã giải thích thái độ thờ ơ của nhân dân đối với việc bãi bỏ quyền đầu phiếu phổ thông. Trận đánh có tính chất quyết định được hoãn đến cái ngày mà một hoặc cả hai lực lượng kình địch với nhau ở trong quốc gia, tổng thống hoặc Quốc hội, sẽ tìm cách lật nhào nền cộng hòa.

Và ngày ấy phải đến nhanh chóng. Các vị còn nhớ đấy, báo chí phản động đã lớn tiếng khoác lác như thế nào về sự nhất trí tâm huyết giữa tổng thống và phe đa số. Giờ đây thì sự nhất trí tâm huyết ấy đã thật sự biến thành cuộc đấu tranh khốc liệt nhất giữa hai kẻ kình địch. Cái giá trả cho tổng thống về sự đồng ý với đạo luật bầu cử là lời hứa sẽ bổ sung hằng năm vào số lương ba triệu phrăng (120 nghìn pao xtéc-linh), đó là khoản bổ sung mà Lu-i-Na-pô-lê-ông, kẻ lún sâu trong nợ nần, hết sức cần đến. Ngoài ra, ông ta coi khoản bổ sung ấy là bước đi sơ bộ tiến tới kéo dài thời hạn làm tổng thống của ông ta thêm 10 năm. Ngay sau khi đạo luật bầu cử này được thông qua thì liền có sự can thiệp của các bộ trưởng và họ

đòi số lương hàng năm là ba triệu. Nhưng phái đa số đã đột nhiên hoảng sợ. Trong khi không còn xem Lu-i-Na-pô-lê-ông thiếu năng trí tuệ là một ứng cử viên quan trọng nữa và hoàn toàn không có ý định kéo dài thời hạn làm tổng thống của ông ta, phái đa số, ngược lại, mong thoát khỏi ông ta càng nhanh càng tốt. Phái đa số cử ra một tiểu ban đặc biệt để soạn bản báo cáo về dự luật, nhưng tiểu ban lại tỏ ý phản đối việc thông qua dự luật ấy[35]. Ở trong Điện Ê-li-dê đang diễn ra cảnh bối rối hết sức nghiêm trọng. Na-pô-lê-ông dọa sẽ từ chức. Một vụ xung đột nghiêm trọng nhất giữa hai quyền lực trong quốc gia đang chín muồi. Nội các, nhiều chủ ngân hàng, một số "bạn bè của trật tự" đứng ra làm trung gian, nhưng không có kết quả. Người ta đưa ra một số phương án "thỏa thuận" - tất cả đều uổng công. Sau cùng thông qua một điểm sửa đổi có lẽ có thể thỏa mãn được ít nhiều mọi bên. Phái đa số không hoàn toàn vững tin vào những hậu quả của việc đoạn tuyệt với tổng thống và từ trước đến nay chưa dứt khoát ký một bản thỏa thuận phải thống nhất được phái chính thống và phái Oóc-lê-ăng thành một đảng, - phái đa số ấy tựa hồ như đi giật lùi đôi chút và đồng ý bảo đảm trả tiền, nhưng dưới một hình thức khác. Cuộc thảo luận sẽ phải diễn ra vào thứ hai; tạm thời không ai có thể nói được rằng kết quả sẽ ra sao. Tuy nhiên, như tôi nghĩ việc đoạn tuyệt thật sự với Na-pô-lê-ông tạm thời chưa đáp ứng được đường lối chính trị của phe đa số bảo hoàng.

Sự thỏa thuận về việc thống nhất phái Oóc-lê-ăng và phái chính thống, nhánh thứ và nhánh trưởng của dòng họ Buốc-bông, - giờ đây hơn bao giờ hết là đề tài thảo luận. Thật vậy, đang có những cuộc thương thảo rất tích cực theo hướng đó. Những chuyến đi của các ngài Ci-e, Ghi-dô và của những nhân vật khác đến Xanh Lê-nác-đơ vào giờ phút lâm chung của Lu-i-Phi-líp không có mục đích nào khác. Tôi sẽ không kể với các vị về những giả thuyết khác nhau có

liên quan đến bối cảnh sự việc này và kết quả của những chuyến đi nói trên. Báo chí hằng ngày đã viết quá đủ về vấn đề này. Tuy nhiên, chính xác là ở Pháp, các đảng của phái Oóc lê-ăng và phái chính thống hầu như đã thỏa thuận được với nhau về các điều kiện, khó khăn duy nhất là làm sao buộc cả hai nhánh kình địch nhau ấy phải chấp nhận các điều kiện đó. Hăng-ri, quận công Boóc-đô[1*] phải trở thành ông vua, nhưng vì ông ta không có con, cho nên việc nhận bá tước Pa-ri, cháu của Lu-i-Phi-líp và là người kế vị hợp pháp ngai vàng, làm con nuôi hầu như là việc đương nhiên và không có khó khăn gì. Ngoài ra, phải duy trì lá cờ ba màu. Cái chết của ông già Lu-i-Phi-líp, mà mọi người trông đợi, sẽ tạo điều kiện dễ dàng cho việc giải quyết vấn đề. Ông ta tuồng như đã cam chịu với quyết định này, còn quận công Boóc-đô thì hình như cũng chấp nhận các điều kiện thỏa thuận. Nữ quận công Oóc-lê-ăng, mẹ của bá tước Pa-ri, và người em chồng của bà ta là Gioăng-vin, tuồng như là những người duy nhất phản đối sự thỏa thuận ấy. Người ta có ý định trả giá cho việc thoát khỏi Lu-i-Na-pô-lê-ông bằng mười triệu tiền mặt.

Không nghi ngờ gì nữa, sự thỏa thuận ấy hoặc sự thỏa thuận tương tự rốt cuộc sẽ được ký kết; và ngay sau khi điều đó diễn ra thì sẽ mở đầu cuộc tiến công trực tiếp vào nền cộng hòa. Trong khi ấy cuộc tấn công sơ bộ phải được khởi đầu bởi các hội nghị đại biểu của các tỉnh. Những hội nghị ấy vừa mới được người ta triệu tập trước thời hạn bình thường, và người ta dự đoán là những hội nghị ấy sẽ đề nghị Quốc hội xem xét lại bản hiến pháp. Cũng vấn đề ấy đã được thảo luận vào năm ngoái, nhưng hồi ấy bản thân những hội nghị đó coi bước ấy là quá sớm. Không nghi ngờ gì nữa, lần này các hội nghị đại biểu sẽ thể hiện thái độ dũng cảm hơn nhiều, đặc biệt là sau đòn đánh hữu hiệu giáng vào quyền bầu cử. Đến khi ấy cũng sẽ xuất hiện thời cơ để nhân dân cho mọi người thấy rằng nếu như

1* - Sam-bo

đã có lúc nào đó nhân dân tự kiềm chế không thể hiện sự hùng mạnh của mình, thì tuyệt nhiên nhân dân không có ý định cho phép người ta quẳng mình trở về thời kỳ Phục Tích bỉ ổi nhất.

P.S. Tôi vừa mới đọc một bài đả kích nhỏ giá 3 xu (nửa pen-ni), được phát miễn phí cùng với tờ "Republique". Trong bài này có những chỗ vạch trần đáng kinh ngạc nhất về những âm mưu và quỷ kế của bọn bảo hoàng kể từ mùa xuân năm 1848. Tác giả, một người có tên là Boóc-mơ, đã làm nhân chứng trong phiên tòa xử Bác-be và Blăng-ki ở Buốc-giơ. Ông ta thú nhận mình là mật vụ được trả lương của phái bảo hoàng đã đưa ra lời chứng giả tại phiên tòa này. Ông ta khẳng định rằng toàn bộ phong trào ngày 15 tháng Năm 1848 đã mở đầu bằng hành động của phái quân chủ, và ông ta cho biết nhiều sự việc rất đáng chú ý khác[36]. Có đôi điều liên quan cả đến tờ "Times"[37]. Boóc-mơ cho biết tên và địa chỉ. Ông ta sống ở Pa-ri. Tính chất của bài đả kích này khiến nó có thể kéo theo thêm không ít những điều phát giác nữa. Tôi khuyên quý vị hãy chú ý hết sức nghiêm túc đến bài này.

VIII

Pa-ri, 23 tháng Bảy 1850

Như tôi đã tiên liệu trong bức thư gần đây nhất của tôi, cuối cùng thì Quốc hội đã thông qua nghị quyết về việc cấp thêm tài chính cho Lu-i Bô-na-pác-tơ, về thực chất đã trao cho ông ta số tiền được mong đợi, nhưng về hình thức thì đã hạ nhục một cách sâu sắc ông ta trong con mắt toàn nước Pháp[38]. Sau đó, Quốc hội đã phục hồi lại hoạt động khủng bố của mình với việc thông qua luật báo chí[39]. Cho dù luật này, sau khi ra khỏi tay tác giả của nó là ngài Ba-rô-sơ,

có tỏ ra hà khắc như thế nào đi nữa so với điều mà sự hằn học của phe đa số trong Quốc hội đã biến nó thành, thì luật ấy cũng vô hại và vô thưởng vô phạt. Trong sự căm ghét điên cuồng nhưng bất lực đối với báo chí, phe đa số trong Quốc hội đã đánh những đòn hầu như hú họa mà không chú ý xem những đòn ấy rơi vào ai - vào báo chí "tốt" hay báo chí "xấu". Như vậy, "luật của lòng thù ghét" đã được thông qua. Mức tiền ký quỹ đã tăng lên. Thuế tem đánh vào các báo đã được khôi phục trở lại. Đã áp dụng thuế tem bổ sung đánh vào "các tiểu thuyết châm biếm", đánh vào những mục báo dành để đăng tiểu thuyết, - biện pháp này sẽ hoàn toàn không thể hiểu được nếu nó không phải là câu trả lời cho sự trúng cử của Ơ-gien Xuy mà ảnh hưởng của những tiểu thuyết xã hội chủ nghĩa do ông viết vẫn chưa bị phe đa số lãng quên. Cùng với các báo, thuế này cũng đánh vào tất cả các tác phẩm có độ dày nhất định được đăng trong các ấn phẩm ra hằng tuần và hằng tháng. Và sau cùng, mỗi bài tiểu luận đăng trên báo đều phải có chữ ký của tác giả.

Cái luật báo chí ấy, ở dưới dạng mà cơn giận dữ mù quáng của phe đa số đã đem lại cho nó, đang giáng một đòn mạnh chẳng những vào báo chí xã hội chủ nghĩa và báo chí cộng hòa, mà còn giáng đòn mạnh vào báo chí phản cách mạng, và có thể báo chí phản cách mạng gánh chịu đòn mạnh hơn rất nhiều so với báo chí đối lập. Tên tuổi của các nhà chính luận theo chủ nghĩa cộng hòa nổi tiếng khá nhiều, vì vậy hầu như chẳng có gì thay đổi do việc họ có ký hay không ký vào các bài tiểu luận của mình; nhưng nếu các tờ "Journal des Débats", "Assemblée Nationale", "Pouvoir", "Constitutionnel" v.v. sẽ buộc phải tiết lộ tên các cộng tác viên của mình thì các bài xã luận của những báo ấy sẽ mất đi ngay mọi ảnh hưởng, ngay cả đối với các bạn đọc thường xuyên. Đối với giới công chúng khả kính, tên gọi của một tờ nhật báo lớn, đặc biệt là tờ báo đã xuất bản từ lâu, luôn luôn đại diện cho một hãng khả kính; nhưng chỉ cần các hãng này - hãng

Béc-ten và Công ty, Vê-rông và Công ty, Đơ-la-ma-rơ và Công ty - dù chỉ một lần để lộ tên các tác giả đại diện cho họ, chỉ cần dù chỉ một lần cái "Công ty" bí ẩn ấy hiện ra dưới dạng những tay bồi bút viết thuê thâm căn cố đế đã từng nhận tiền để bảo vệ cho bất cứ điều gì, đại loại như Gra-ni-ê đơ Cát-xa-nhắc, hoặc dưới dạng các mụ già ngu ngốc tự xưng là người nhà nước, đại loại như Ca-pơ-phi-gơ, chỉ cần tất cả những con người ti tiện ấy - những kẻ vẫn giang họng ra mà la hét và phun ra những bài dài lê thê - xuất đầu lộ diện theo luật báo chí mới, thì lập tức toàn bộ đám báo giới khả kính ấy hiện ra trước mắt các vị với một bộ mặt rất thảm hại.

Không nghi ngờ gì nữa, với luật báo chí mới, do giá báo tăng lên, một số lượng rất đông bạn đọc sẽ bị mất đi nguồn thông tin ấy. Thế là các báo, các ấn phẩm định kỳ giá rẻ, cũng như các ấn phẩm đại chúng khác sẽ không đến được với số đông công nhân và đặc biệt với đa số dân cư nông thôn. Nhưng báo chí luôn luôn chỉ là phương tiện bổ sung trong việc tác động đến nông dân; giai cấp này phản ứng mạnh hơn nhiều đối với những khó khăn vật chất của mình và đối với việc tăng thuế, hơn là đối với những lời ba hoa của báo chí; và chừng nào chính phủ tư sản hiện nay không thể tìm ra phương cách - mà chính phủ này thì không bao giờ có thể tìm ra - để giảm nhẹ gánh nặng của tệ cho vay nặng lãi và gánh nặng thuế khóa đè lên nông dân, thì giai cấp vừa mới bừng tỉnh ấy sẽ biểu lộ sự bất bình và "những ý hướng cách mạng". Đối với công nhân ở các thành phố thì hoàn toàn không thể ngăn chặn họ tiếp cận các báo, và nếu các ấn phẩm định kỳ rẻ tiền không ra nữa thì họ sẽ lấp vào khoảng trống ấy bằng cách tăng số lượng các hội kín, các câu lạc bộ tranh luận bí mật v.v.. Nhưng nếu chính phủ, ở mức độ nào đó, đã giảm được số lượng các bài đả kích và các ấn phẩm định kỳ có tính chất cách mạng thì nó đã đạt được điều đó bằng cái giá là sự tiêu vong của ngành xuất bản và ngành kinh doanh sách; bởi vì với những hạn

chế do luật mới áp đặt thì những ngành hoạt động ấy không thể tồn tại được. Vì thế rất có thể là tất cả những điều này sẽ góp phần mạnh mẽ làm cho đảng trật tự bị phân liệt ngay trong Quốc hội, cũng như ở bên ngoài Quốc hội.

Ngay sau khi luật báo chí vừa được thông qua, Quốc hội lại một lần nữa cho Lu-i-Na-pô-lê-ông hiểu rõ rằng ông ta không được vượt ra ngoài khuôn khổ mà hiến pháp đã quy định cho ông ta. Tờ báo "Pouvoir" của Bô-na-pác-tơ đã đăng bài trong đó có những lời lẽ rất không hay ho về Quốc hội. Người ta đã lôi ra ánh sáng đạo luật cũ của thời Phục Tích, người xuất bản tờ "Pouvoir" đã bị ra tòa vì tội vi phạm những đặc quyền và đã bị toà phạt 5 nghìn phrăng (200 pao xtéc-linh)[40], dĩ nhiên khoản tiền phạt ấy đã được nộp ngay lập tức. Không thể gọi sự trừng phạt ấy là quá hà khắc, nhưng chính quyết định của Quốc hội lại rất có ý nghĩa. "Chúng ta đánh ở dưới, nhưng lại trúng ở phía trên", - đó là lời của một nghị sĩ phát biểu giữa những tiếng vỗ tay vang dội.

Sau đó Quốc hội quyết định hoãn các phiên họp của mình từ ngày 11 tháng Tám lui lại ba tháng. Theo hiến pháp quy định, Quốc hội phải cử ra một tiểu ban gồm hai mươi lăm đại biểu quốc hội, có nhiệm vụ ở lại Pa-ri trong thời gian Quốc hội nghỉ làm việc và tiến hành giám sát ngành hành pháp. Các thủ lĩnh của phe đa số vì cho rằng Lu-i-Na-pô-lê-ông đã bị hạ nhục đủ rồi, nên đã đưa ra danh sách ứng cử viên chỉ gồm các đại biểu của phe đa số: những phần tử thuộc phái Oóc-lê-ăng, những phần tử ôn hòa thuộc phái chính thống, một số phần tử thuộc phái Bô-na-pác-tơ và không có một nhân vật nào của phái cộng hòa hoặc thuộc phái chính thống cực đoan. Song, trong thời gian diễn ra cuộc bỏ phiếu, tất cả các phần tử thuộc phái Bô-na-pác-tơ đã bị gạt ra ngoài và thay vào chỗ họ, đã có một số phần tử ôn hòa thuộc phái cộng hòa và những phần tử cực đoan thuộc phái chính thống trúng cử. Qua đó Quốc hội một lần

nữa cho thấy rằng Quốc hội tuyệt nhiên không có ý định để xảy ra coup d'état[1*] mà Lu-i- Na-pô-lê-ông luôn luôn mơ ước thực hiện.

Tôi không nghĩ rằng sẽ có điều gì đó nghiêm chỉnh xảy ra trước khi người ta toan tính lật đổ nền cộng hòa - cho dù ai sẽ thực hiện hành động ấy: tổng thống hay là một trong các phái bảo hoàng. Không nghi ngờ gì nữa, điều đó sẽ làm cho nhân dân ra khỏi trạng thái thờ ơ; và sự kiện ấy phải diễn ra vào khoảng giữa ngày hôm nay và tháng Năm 1852, nhưng không thể tiên đoán được thời hạn chính xác.

Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 20 tháng Chạp 1849 - 23 tháng Bảy 1850
Đã đăng trên tạp chí "Democratic Review" tháng Giêng - tháng Tám 1850

In theo bản in trên tạp chí
Nguyên văn là tiếng Anh

1*- cuộc đảo chính

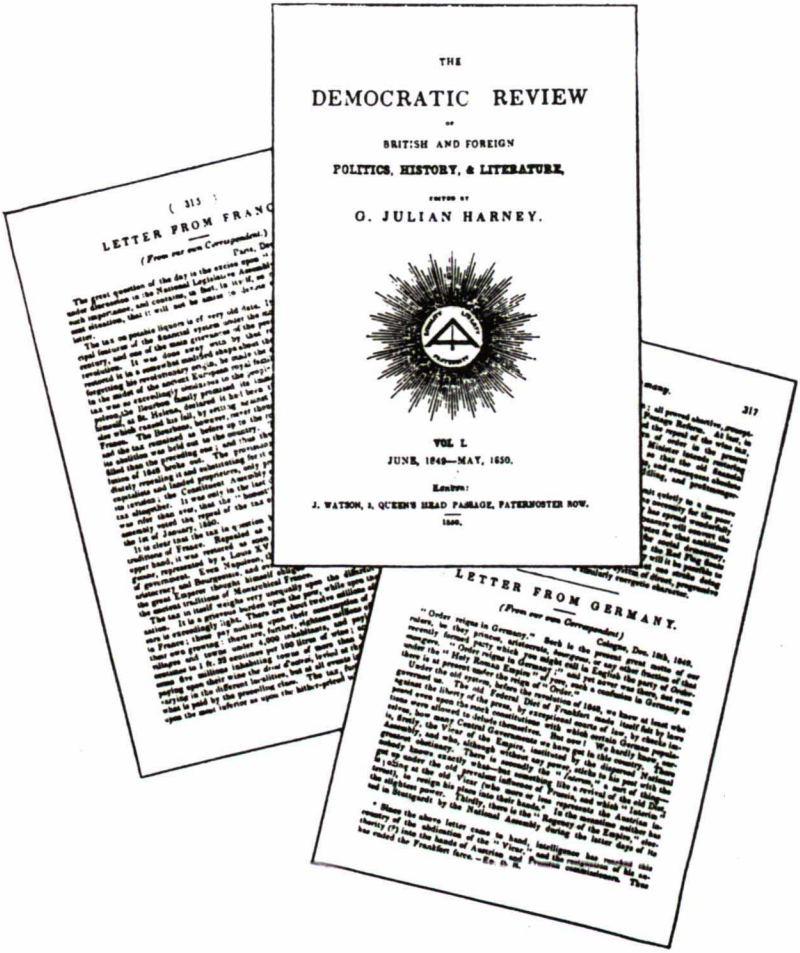
THE

DEMOCRATIC REVIEW

OF

BRITISH AND FOREIGN

POLITICS, HISTORY, & LITERATURE.

EDITED BY

G. JULIAN HARNEY.

VOL. I.

JUNE, 1849—MAY, 1850.

LONDON:

J. WATSON, 3, QUEEN'S HEAD PASSAGE, PATERNOSTER ROW.

1850.

LETTER FROM GERMANY.

(From our own Correspondent.)

BÌA TRONG CỦA TẠP CHÍ "DEMOCRATIC REVIEW" CỦA PHÁI HIẾN CHƯƠNG VÀ NHỮNG TRANG ĐĂNG CÁC BÀI VIẾT CỦA PH.ĂNG-GHEN "NHỮNG BỨC THƯ TỪ NƯỚC PHÁP" VÀ "NHỮNG BỨC THƯ TỪ NƯỚC ĐỨC"

PH. ĂNG-GHEN

NHỮNG BỨC THƯ TỪ NƯỚC ĐỨC[41]

I

Khuên. 18 tháng Chạp 1849

"Nền trật tự đang ngự trị ở Đức". Vào những ngày này, đó là châm ngôn cơ bản của các nhà cầm quyền của chúng ta, dù đó là các bậc vua chúa, các nhà quý tộc, *các nhà tư sản* hoặc bất kỳ phe phái nào khác của cái chính đảng mới thành lập cách đây không lâu mà người ta có thể gọi bằng tiếng Anh là đảng của *những phần tử ủng hộ trật tự ordermongers* [42]. "Nền trật tự đang ngự trị ở Đức", tuy nhiên, ở Đức chưa bao giờ, ngay cả vào cái thời đại xa xưa của "Đế quốc La Mã thần thánh", lại diễn ra tình trạng hỗn độn như trong thời ngự trị hiện nay của "Nền trật tự".

Dưới chế độ trước kia, trước cuộc cách mạng năm 1848, chúng ta chí ít cũng biết ai cai trị chúng ta. Quốc hội liên minh Phran-phuốc ngày trước tỏ rõ mình bằng những đạo luật chống tự do báo chí, bằng các tòa án đặc biệt, bằng những hạn chế áp đặt lên ngay cả những bản hiến pháp nực cười mà người ta đã cho phép các nhóm

nào đó trong dân chúng nước Đức dùng để an ủi mình. Còn giờ đây thì như thế nào ! Chính bản thân chúng ta chật vật lắm mới biết có bao nhiêu chính phủ trung ương ở nước ta. Thứ nhất, tồn tại Nhiếp chính đế chế [1*], nhân vật do cái Quốc hội đã bị giải tán[43] cho ra đời, nhân vật này tuy không có một chút quyền lực nào nhưng lại hết sức ngoan cố bám lấy cương vị của mình. Thứ hai, có "*Interim*"[44], một thứ định chế gì đó - chẳng ai biết chính xác đó là cái gì - nhưng chắc đó là cái đại loại như Quốc hội cũ tái sinh; định chế này được lập ra dưới thời nước Phổ còn nắm giữ ảnh hưởng vượt trội, và giờ đây cái "Interim" ấy đang gây áp lực đối với vị nhiếp chính già yếu (ông ta ít nhiều đại diện cho lợi ích của nước Áo) để ông ta nhường vị trí của mình cho "Interim"[45]. Trong khi ấy cả "Interim", cả vị nhiếp chính đều không có một chút quyền lực nào. Thứ ba, có "Hội đồng nhiếp chính của Đế chế"[46], do Quốc hội bầu ra ở Stút-gát vào những ngày tồn tại cuối cùng của quốc hội đó, và những tàn dư của cái quốc hội ấy - "Phe tả kiên quyết" và "Phe tả cực đoan". Cùng với "Hội đồng nhiếp chính", cả hai "Phe tả" ấy đại diện cho Những người dân chủ và Những chủ hiệu "ôn hòa và triết học" ở nước Đức. Chính phủ "đế chế" ấy họp tại một quán rượu ở Béc-nơ của Thụy Sĩ và chính phủ này cũng hùng mạnh gần như hai chính phủ trước. Thứ tư, tồn tại cái gọi là Liên minh Ba Vua, hay là "Quốc gia Liên bang hạn chế [Confined] (hay là cải tiến [Refined] [2*], tôi cũng chẳng biết đó là thế nào)" được lập ra nhằm mục đích biến vua của Phổ [3*] thành Hoàng đế *của* tất cả các quốc gia nhỏ hơn ở Đức[47]. Liên minh này được gọi là "Liên minh Ba Vua", *bởi vì* tất cả các vị vua, trừ vua Phổ, đều chống lại liên minh này! Còn Liên minh ấy tự gọi mình là "Quốc gia

1* - I-ô-han

2* Đây là cách chơi chữ không dịch ra được, dựa trên sự đồng âm: "hạn chế", "chật", "hẹp" và "sinh sản".

3* - Phri-đrích-Vin-hem IV

Liên bang Sinh sản", bởi lẽ tuy từ ngày 28 tháng Năm năm nay [48] Liên minh này trải qua những cơn đau đẻ thường xuyên, nhưng không có chút hy vọng sẽ có một cái gì đó có sức sống ra đời !! Thứ năm, có Bốn Vua [49] - vua Han-nô-vơ, vua Dắc-den, vua Ba-vi-e và vua Vuyếc-tem-béc [1*], những ông vua này đầy quyết tâm hành động theo ý muốn của mình và không chịu phục tùng bất kỳ một chính phủ nào trong số các "Chính phủ Trung ương Bất lực" nêu trên; và sau hết, có nước Áo, nước này toan tính dùng đủ mọi cách để duy trì vị thế đứng đầu của mình ở Đức và do vậy nó ủng hộ bốn ông vua trong cuộc đấu tranh của họ giành sự độc lập khỏi ảnh hưởng lấn át của Phổ. Trong khi ấy những chính phủ *thật sự* - những chính phủ có quyền lực - là chính phủ Áo và chính phủ Phổ. Các chính phủ này cai trị nước Đức bằng lực lượng quân sự chuyên chế, ban hành và bãi bỏ các đạo luật một cách tùy ý mình. Giữa các lãnh địa của họ và những quốc gia lệ thuộc vào họ có một lãnh thổ trung lập *quasi*[2*] - đó là bốn vương quốc nêu trên - và chính tại đây, đặc biệt là ở xứ Dắc-den, sẽ có sự xung đột giữa các tham vọng của hai cường quốc lớn ấy. Tuy nhiên, giữa hai cường quốc này không thể có vấn đề xung đột nghiêm trọng nào cả. Cả Áo, cả Phổ đều biết quá rõ rằng cả trong tương lai lực lượng của họ phải là những lực lượng thống nhất, nếu họ muốn kiềm chế đà phát triển của những tư tưởng cách mạng đã bao trùm toàn nước Đức, Hung-ga-ri và những tỉnh của Ba Lan thuộc về họ. Ngoài ra, trong trường hợp cần thiết "người anh họ khả ái của chúng ta"[50], vị Nga hoàng chính thống giáo trị vì toàn nước Nga, sẽ can thiệp vào và cấm các vị khâm sứ của mình ở Áo và Phổ cãi cọ nhau.

Tình trạng rối bời chưa từng thấy ấy diễn ra với các chính phủ, các tham vọng, các yêu sách, với bản hiến pháp liên minh toàn Đức,

1* - Éc-nơ-xtơ-Au-gu-xtơ, Phri-đrích-Au-gu-xtơ II, Mắc-xi-mi-li-an II, Vin-hem I

2* - giả

tuy nhiên nó lại có một ưu thế lớn. Cho mãi đến tận bây giờ những phần tử cộng hòa ở Đức phân ra thành phái liên bang và phái hợp nhất, vả lại, phái liên bang, về cơ bản, đã dựa vào miền Nam đất nước. Tình trạng rối bời nảy sinh mỗi khi có mưu toan cải tạo nước Đức thành một quốc gia liên bang, chứng minh hết sức hiển nhiên rằng bất kỳ một kế hoạch nào như thế cũng không đem lại kết quả, bất khả thi và điên rồ, vì nước Đức đã tiến xa trên con đường văn minh đến mức cơ cấu nhà nước của Đức chỉ có thể tồn tại dưới hình thức ***nước Cộng hòa Đức, thống nhất và không thể chia tách, dân chủ và xã hội.***

Tôi muốn có đôi lời về việc bào chữa cho Van-đếch-cơ và Gia-cô-bi[51], nhưng do thiếu chỗ nên tôi không làm được việc ấy. Chỉ cần nêu lên một điều là ít ra thì trong mấy tháng tới đây, chính phủ Phổ sẽ không có được một khả năng nào để đạt được việc đưa ra những bản án buộc tội tại các phiên tòa chính trị, có thể là trừ một số địa phương heo hút mà tại đó các viên bồi thẩm cũng mang đầu óc cuồng tín như phái O-răng-giơ ở Ôn-xtéc[52].

II

NHỮNG SỰ PHÁT GIÁC ĐÁNG CHÚ Ý, LIÊN QUAN ĐẾN NHỮNG KẺ CHUYÊN CHẾ ĐỨC. - CUỘC CHIẾN TRANH ĐANG SỬA SOẠN NHẰM CHỐNG LẠI NƯỚC PHÁP.- CUỘC CÁCH MẠNG SẮP TỚI

Khuên. 20 tháng Giêng 1850

Một ngày sau khi tôi gửi đi cho các vị bức thư trước thì ở đây được biết về "việc giải quyết vấn đề" ai có thể sẽ cai trị toàn nước

Đức. "Interim"- gồm hai đại diện của Áo và hai đại diện của Phổ - cuối cùng đã thắng đại công tước I-ô-han già nua, buộc ông ta phải từ chức. Kết quả là "Interim" đã thâu tóm vào tay mình bộ máy cai trị, song sự cai trị đó sẽ không lâu dài. Thẩm quyền của bộ máy cai trị này sẽ hết hạn vào tháng Năm năm nay, và có thể hoàn toàn có cơ sở hy vọng rằng ngay cả trước khi hết thời hạn ấy thì một số "những sự kiện không thuận lợi" sẽ lật nhào bốn nhân vật cai trị lâm thời ấy của Đức. Tên tuổi của bốn nhân vật tay sai này của chế độ chuyên chế quân sự rất đáng ghi nhớ. Nước Áo đã phái đến đây ngài Quy-bếch, bộ trưởng tài chính dưới thời Mét-téc-ních, và tướng Suên-han-xơ, cánh tay phải của tên đao phủ Ra-đét-xki. Người đại diện cho Phổ là tướng Ra-đô-vít-xơ, thành viên của giáo phái Dòng Tên, sủng thần của vua và là tác giả chính của tất cả các cuộc âm mưu mà nhờ đó Phổ đã tạm thời đàn áp được cách mạng Đức, cũng như còn có ngài Bơ-ti-khơ, trước cách mạng đã từng làm thống đốc tỉnh Đông Phổ, nơi mà cho đến nay người ta vẫn yêu quý (?) hồi tưởng về ông ta như là "kẻ bóp chết" các cuộc hội họp công cộng và kẻ tổ chức hệ thống gián điệp. Không cần phải nói với các vị xem những hành động của đám vô lại ấy sẽ như thế nào. Tôi chỉ xin dẫn ra một ví dụ. Do sức ép của cách mạng, chính phủ Vuyếc-tem-béc đã thỏa thuận với công tước Tuốc-nơ-un-Tắc-xít-xơ; như các vị đã biết, vị công tước này qua mặt các chính phủ - nắm độc quyền chuyển thư tín bằng bưu điện và chuyên chở hành khách trên phần lớn lãnh thổ nước Đức [53]. Chính phủ ở Vuyếc-tem-béc, như tôi đã nói, đã ký với tên ăn cướp tầm cỡ toàn quốc ấy một bản thỏa thuận về việc tên cướp này từ bỏ sự độc quyền của mình để nhượng cho chính phủ nêu trên và đổi lại, được nhận một khoản tiền lớn. Ngay sau khi thời đại hoàng kim đã đến với những kẻ sống bằng sự cướp bóc tài sản quốc gia thì công tước Tuốc-nơ-un-Tắc-xít-xơ bèn đánh giá các quyền lợi độc quyền của mình bằng số tiền lớn hơn số tiền mà hai bên đã thỏa

thuận, và ông ta không muốn từ bỏ những độc quyền ấy. Chính phủ Vuyếc-tem-béc, tuy không còn bị sức ép từ bên ngoài, song đã coi sự thay đổi ý kiến như vậy là hợp lý; thế là cả hai bên - vị công tước thì công khai, còn chính phủ kể trên thì bí mật - đều nhờ cậy đến "Interim" là phía đã lợi dụng một điều khoản trong đạo luật cũ ban hành năm 1815 làm cớ, tuyên bố bản thỏa thuận ấy không có hiệu lực và bất hợp pháp. Vậy là vụ việc đã được giải quyết. Thậm chí sẽ là điều tốt hơn khi ngài Tuốc-nơ-un-Tắc-xít-xơ duy trì đặc quyền của mình thêm mấy tháng nữa; đến khi nhân dân sẽ chấm dứt mọi đặc quyền thì nhân dân không những sẽ tước độc quyền của Tuốc-nơ-un-Tắc-xít-xơ mà không trả khoản tiền chuộc nào cả, mà sẽ còn buộc ông ta phải hoàn lại tất cả số tiền của nhân dân mà ông ta đã đánh cắp từ trước cho đến thời điểm ấy.

Ở Áo, chế độ chuyên chế quân sự ngày càng trở nên không thể chịu nổi. Báo chí hầu như bị thủ tiêu, tất cả các quyền tự do công dân đã bị xóa bỏ, toàn bộ đất nước tràn ngập bọn gian tế - những cảnh tù đầy, các tòa án quân sự, hình phạt đánh bằng roi trên khắp đất nước - hoá ra trên thực tế những bản hiến pháp của các tỉnh[54] - mà chính phủ thỉnh thoảng công bố và chẳng phí chút công sức nào cũng có thể vi phạm vào đúng giây phút chúng ra đời - là như thế đó. Song mọi cái đều có giới hạn, ngay cả tình trạng giới nghiêm và sự thống trị của thanh kiếm. Quân đội cần chi phí tiền, còn tiền thì lại là một thứ mà thậm chí một vị hoàng đế hùng mạnh nhất cũng không thể tạo ra theo ý mình được. Cho đến nay chính phủ Áo đã vá víu được trong lĩnh vực tài chính nhờ phát hành một khối lượng hết sức lớn tiền giấy. Nhưng điều ấy cũng đến hồi kết thúc; trái với viên trung úy Phổ đã có lần muốn thách tôi đấu súng chỉ vì tôi đã nói với ông ta về việc nhà vua hoặc hoàng đế không thể in ra một số lượng tiền giấy theo ý ông ta muốn [55], trái với nhà kinh tế học uyên thâm ấy, vị hoàng đế của Áo nhìn thấy rằng những đồng

tiền giấy của ông ta, tuy không thể chuyển đổi được, nhưng giá trị của những đồng tiền ấy rẻ hơn đến hai mươi - ba mươi phần trăm so với những đồng tiền bằng bạc và rẻ hơn đến gần năm mươi phần trăm so với những đồng tiền bằng vàng. Số công trái ngoại quốc mà ông ta có ý định phát hành thì đã đổ vỡ do những cố gắng của ngài Cốp-đen. Các nhà tư bản ngoại quốc chỉ ký cho vay 500 nghìn pao xtéc-linh, nhưng ông ta thì cần có số tiền 15 lần lớn hơn con số đó; trong khi ấy đất nước kiệt quệ của chính ông ta không có khả năng cung cấp cho ông ta những khoản tiền nào cả. Số thiếu hụt tính đến cuối tháng Chín năm ngoái là mười lăm triệu rưỡi thì đến nay chắc chắn đã lên đến hai mươi - hai mươi bốn triệu, hơn thế, phần lớn số tiền chi phí vào cuộc chiến tranh ở Hung-ga-ri sẽ phải trả vào quý cuối cùng của năm 1849. Như thế, nước Áo đứng trước một sự lựa chọn: hoặc là phá sản, hoặc là chiến tranh để buộc bản thân quân đội phải tự nuôi mình và nhờ những trận đánh thắng, nhờ vào các tỉnh đã chiếm được và các khoản bồi thường chiến tranh mà khôi phục tín dụng thương mại. Như thế, ngài Cốp-đen khi lên tiếng chống lại các công trái của Áo và của Nga dưới chiêu bài duy trì hòa bình[56], thì hơn bất cứ ai khác, ông ta góp phần - vì nước Nga cũng lâm vào hoàn cảnh khó khăn như nước Áo - vào việc làm cho cuộc chiến của liên quân chống lại nước cộng hòa Pháp xích lại gần một cuộc chiến mà người ta không thể trì hoãn thêm nữa trong bất kỳ hoàn cảnh nào.

Ở Phổ chúng ta chứng kiến sự biểu hiện thường lệ "lòng tận tâm của nhà vua". Các vị đã biết đấy, Phri-đrích Vin-hem IV - con người chưa bao giờ thất hứa - vào tháng Mười một 1848 đã dùng vũ lực giải tán Quốc hội của đất nước vừa áp đặt cho nhân dân nước mình bản hiến pháp hợp ý ông ta[57]; các vị đã biết việc ông ta đồng ý để cho Quốc hội thứ nhất mới được triệu tập đưa ra những sửa đổi cho tác phẩm nghệ thuật chói lọi ấy; các vị đã biết đấy, trong Quốc hội

này viện thứ hai (hạ nghị viện) đã bị giải tán ngay trước khi nó bắt đầu đưa ra những sửa đổi trong hiến pháp, mà nhân dân thì bị áp đặt luật bầu cử mới, đạo luật này đã đặt dấu chấm hết một cách tốt đẹp quyền đầu phiếu phổ thông và bảo đảm sự trúng cử cho phe đa số gồm bọn quý tộc địa chủ, các quan chức chính phủ và *giai cấp tư sản* [58]. Tất cả những người dân chủ đã từ chối tham gia cuộc bầu cử viện này, như vậy nó được bầu ra chỉ bởi một phần năm hoặc một phần sáu tổng số cử tri, - cùng với viện thứ nhất trước đây viện này đã bắt tay vào việc xét lại bản hiến pháp và đương nhiên là đã làm cho nó trở nên dễ chấp nhận hơn đối với nhà vua, so với phương án ban đầu của chính nhà vua. Bây giờ thì người ta hầu như đã chấm dứt tình hình đó. Các vị nghĩ rằng giờ đây đức vua sẽ hạ cố thừa nhận bản hiến pháp đã sửa đổi ấy và nhận tuyên thệ như hiến pháp quy định chăng? Vấn đề đâu phải thế. Nhà vua đã gửi thông điệp của mình cho Quốc hội trung thành với ông ta, tuyên bố rằng ông rất hài lòng với những thay đổi mà cả hai viện đã đưa vào bản hiến pháp của ông ta, nhưng trước khi "lòng tận tâm của nhà vua" cho phép ông ta nhận đọc lời tuyên thệ kể trên thì cần thay đổi gần một tá các mục trong bản hiến pháp của chính ông ta [59]. Những mục ấy là gì? Được thôi, nhà vua cũng đủ khiêm tốn để không đòi hỏi gì thêm ngoài những điều vụn vặt sau đây: 1. Viện thứ nhất - hiện nay viện này do các đại địa chủ và các nhà tư bản bầu ra - phải trở thành viện nguyên lão thật sự, bao gồm các hoàng tử dòng dõi vua chúa; gần một trăm vị quý tộc cha truyền con nối do đức vua cử ra; sáu mươi quý tộc do các đại địa chủ bầu ra; ba mươi người do đại tư bản bầu ra; sáu người do các trường đại học tổng hợp bầu ra. 2. Các bộ trưởng phải chịu trách nhiệm trước nhà vua và đất nước, chứ không phải trước Quốc hội.3. Tất cả các loại thuế mà hiện nay do ngân sách quy định sẽ được duy trì mãi mãi, Quốc hội không có quyền khước từ các loại thuế ấy. 4. Sẽ phải lập ra "Viện ngôi sao" [60], hay là Tòa án tối cao, để xét xử các vụ án chính trị (không có một

lời nào nói về các vị bồi thẩm). 5. Sẽ phải ban hành một đạo luật đặc biệt, quy định và hạn chế các quyền của viện thứ hai của Quốc hội v.v.. Thế nào, các vị có thích tất cả những thứ đó không? Đức vua áp đặt cho những người Phổ hiền lành bản hiến pháp mới mà Quốc hội phải đưa những điểm sửa đổi vào đó. Quốc hội của nhà vua sửa đổi bản hiến pháp ấy, quẳng khỏi đó tất cả những gì còn lại của các quyền của dân. Còn nhà vua thì không vừa lòng với điều đó nên tuyên bố rằng "lòng tận tâm của nhà vua" không cho phép ông ta thừa nhận bản hiến pháp của chính ông ta, đã được sửa đổi vì lợi ích của chính ông ta mà không có những điểm sửa đổi mới như đã kể trên. Quả thật đây đúng là lòng tận tâm kiểu "nhà vua" ! Thật ít có khả năng là ngay cả cái nhại lại giống Quốc hội ấy hiện nay phục tùng những đòi hỏi sống sượng ấy. Lúc đó Quốc hội sẽ bị giải tán, và tạm thời nước Phổ nói chung sẽ không có Quốc hội nào cả. Đằng sau tất cả những điều đó ẩn giấu khả năng nổ ra một cuộc chiến tranh liên quân quy mô lớn như đã nói đến ở trên. Quý ông "tận tâm" ngồi trên ngai vàng nước Phổ hy vọng rằng đến tháng Ba hoặc tháng Tư đất nước nổi loạn của ông ta sẽ tràn ngập một triệu người châu Á man rợ cùng với "quân đội vẻ vang của chính ông" tiến về Pa-ri nhằm chiếm lấy đất nước tươi đẹp ấy, đất nước sản xuất ra thứ rượu sâm-banh hết sức vừa lòng ông ta. Khi nào kết liễu xong nền cộng hòa và trên ngai vàng nước Pháp sẽ khôi phục lại địa vị của kẻ nối dõi của Lu-i Thần thánh [1*] thì các bản hiến pháp và những nghị viện ở quê nhà phỏng còn có ích gì nữa ?

Trong khi ấy trên toàn nước Đức, tinh thần cách mạng đang hồi sinh nhanh chóng. Nhân vật thủ cựu nhất trong số những nhân vật tự do chủ nghĩa trước kia [2*] - kẻ mà sau tháng Ba 1848 đã ngả theo

1* - Sam-bo

2*- Cam-pơ-hau-den

phía nhà vua để chống lại nhân dân - giờ đây đã nhận ra, như người ta vẫn nói ở Đức, rằng tuy ông ta chỉ trao cho con quỷ đầu ngón tay út của mình, nhưng vị trượng phu này đã biết cách chộp lấy cả cánh tay. Bằng chứng có sức thuyết phục nhất về điều đó là những bản nghị án bất tận xử trắng án tại các tòa án bồi thẩm xét xử các vụ án chính trị. Ngày nào cũng có những bằng chứng mới thuộc loại đó. Ví dụ, mấy ngày trước đây các công nhân ở Muyn-hai-mơ, những người mà vào hồi tháng Năm 1849 đã tháo dỡ đường sắt để ngăn cản việc gửi quân đội đến thành phố En-bơ-phen-đơ khởi nghĩa, thì ở đây, tại thành phố Khuên[61], họ đã được xử trắng án. Ở miền Nam nước Đức, các khó khăn về tài chính và tình trạng thuế má tăng lên đã khiến cho bất kỳ nhà tư sản nào cũng hiểu rõ rằng tình trạng như hiện nay không thể tiếp tục được. Ở Ba-đen, cũng chính *các nhà tư sản* ấy - những kẻ đã phản bội cuộc khởi nghĩa gần đây nhất và đã hoan nghênh chào đón người Phổ đến - nay đã bị trừng phạt và bị đẩy đến chỗ phát điên cũng bởi chính những người Phổ ấy và bởi cái chính phủ đã được sự che chở của bọn người Phổ ấy, đẩy họ đến cảnh phá sản và tuyệt vọng. Còn tầng lớp công nhân và nông dân thì đâu đâu cũng ở trong trạng thái qui vive[1*] và chờ tín hiệu khởi nghĩa, lần này thì cuộc khởi nghĩa ấy không lắng đi, chừng nào chưa đảm bảo giành được chính quyền và sự tiến bộ xã hội cho những người vô sản. *Và cuộc cách mạng ấy đang đến gần.*

1* - hoàn toàn sẵn sàng

III

VUA PHỔ TUYÊN THỆ VỚI BẢN HIẾN PHÁP VÀ "PHỤC VỤ CHÚA!" - VỤ ĐẠI ÂM MƯU CỦA LIÊN MINH THẦN THÁNH. - CUỘC TẤN CÔNG ĐANG ĐẾN GẦN CHỐNG LẠI THỤY SĨ. - CÁC KẾ HOẠCH XÂM CHIẾM VÀ CHIA CẮT NƯỚC PHÁP !

Khuên, 18 tháng Hai 1850

Cuối cùng thì đức vua Phổ đã tuyên thệ trung thành với cái gọi là "hiến pháp" [62]. Không nghi ngờ gì nữa, trò hề này của nhà vua lẽ ra đã có thể không diễn ra, nếu như trò hề ấy không tạo cơ hội thuận tiện để đọc bài diễn văn. Nhưng đức vua lại ưa thích diễn từ, vì có cơ hội để đọc diễn từ nên ông ta đã quyết định đọc nhanh lời tuyên thệ - một cách cũng nhẫn nhục như trước kia trước mặt mọi người ông ta đã cam chịu chấp nhận biết bao nhiêu điều khó chịu khác, đại loại như lời hô "Hãy bỏ mũ ra!" mà dân chúng Béc-lin đã hô vào mặt ông ta ngày 19 tháng Ba 1848. Lời tuyên thệ chẳng có ý nghĩa gì. Lời tuyên thệ của một ông vua nào đó và đặc biệt là của một ông Phri-đrích-Vin-hem IV nào đó là cái gì kia chứ ! Điều chủ yếu là bài diễn từ, mà quả thật bài diễn từ thật tuyệt diệu. Xin các vị hãy hình dung đức vua Phổ, ngài tuyên bố một cách nghiêm túc nhất - hơn nữa, cả ngài ấy, cả một người nào khác trong số những người tham dự đều không bật cười - rằng ngài là *con người trọng danh dự* và rằng ngài có ý định đưa ra lời hứa quý giá nhất đối với bản thân - lời hứa của nhà vua! Nhưng ngài nói tiếp sau một loạt thủ thuật hùng biện kỳ cục nhất - ngài đưa ra lời hứa ấy chỉ với một điều kiện: ngài sẽ được dành cơ hội cai trị với bản hiến pháp ấy và thực hiện

lời hứa đã đưa ra ba năm trước đây, cụ thể đó là: "Ta và triều đại của ta sẽ phục vụ chúa!"[63].

Người ta đã thấy khá rõ ràng "con người trọng danh dự" mới ra lò ấy ngụ ý gì khi ông ta nói cai trị với bản hiến pháp và phục vụ chúa. Sau trò hề tuyên thệ, các bộ trưởng của đức vua đã phát biểu: thứ nhất, về hai đạo luật đã hủy bỏ gần như sạch trơn tự do báo chí, quyền lập hội và các cuộc họp công cộng; thứ hai, về yêu sách đòi có 18 triệu ta-le (hai triệu rưỡi pao xtéc-linh) để *tăng thêm quân đội*. Ý nghĩa của việc này thật hiển nhiên. Thoạt đầu từng bước thủ tiêu số ít ỏi những quyền tự do giả mà cái bản nhại tuyệt vời hiến pháp ấy đã để lại cho nhân dân, sau đó phát triển quân đội lên đến mức thời chiến và cùng với nước Nga và nước Áo tiến đánh nước Pháp. Không nghi ngờ gì nữa, hai viện tư sản sẽ đồng ý chấp nhận tất cả những thứ đó và qua đó sẽ tạo cơ hội cho nhà vua cai trị bằng hiến pháp và cùng với triều đại của ông ta phục vụ chúa.

Cần so sánh khoản kinh phí của Phổ cấp cho quân đội "phòng trường hợp nổ ra các sự kiện có thể phát sinh vào mùa xuân", với các biện pháp khác của Liên minh thần thánh, lúc ấy chúng ta sẽ có thể đi sâu vào dụng ý của khoản kinh phí ấy. Ngoài mười tám triệu kể trên, Phổ đang tiến hành đàm phán về trái khoản mười tám triệu, với cái cớ giả mạo là để xây dựng tuyến đường sắt phía Đông vĩ đại. Từ sau câu chuyện về trái khoản của Nga các vị đã biết rất rõ rằng các chính phủ thuộc Liên minh thần thánh sử dụng đường sắt làm cái cớ tuyệt hảo để cơ được tiền. Như vậy là nước Phổ sắp có được năm triệu pao xtéc-linh, số tiền này sẽ được chuyển toàn bộ cho bộ chiến tranh sử dụng. Ngoài số tiền năm triệu pao xtéc-linh đã nhận được thì nước Nga còn dự định ký thỏa thuận về một trái khoản khác lên đến ba mươi sáu triệu rúp bạc hoặc năm triệu pao xtéc-linh. Chỉ riêng nước Áo, sau kết cục thảm hại của những cố gắng mới đây

của nó mong kiếm được tiền, sẽ phải thỏa mãn với khoản tiền mà nó có thể thu được ở trong nước mình. Khoản thiếu hụt của nó, như tôi đã nêu trong bức thư gần đây nhất của tôi, thật ra lên đến hai trăm triệu phlo-rinh (hai mươi triệu pao xtéc-linh) trong một năm! Thế là, nước Nga và nước Phổ đang kiếm tiền để tiến hành chiến tranh. Còn nước Áo thì phải đánh nhau để có được tiền!

Không nghi ngờ gì nữa, nếu như ở Pháp sẽ không xảy ra điều gì bất lợi thì tháng sau sẽ mở đầu chiến dịch "thần thánh" chống lại Thụy Sĩ và có thể là chống cả Thổ Nhĩ Kỳ nữa. Nước Nga đang duy trì ở Ba Lan và ở bên cạnh nước này đội quân 350 nghìn người sẵn sàng xung trận ngay tức khắc. Nó đã ký những hợp đồng cung cấp những khối lượng lương thực đại qui mô sẽ phải cung ứng vào tháng sau, và sẽ chở đến Phổ, đến Đăng-xích, chứ không phải đến Ba Lan. Quân đội Phổ giờ đây có khoảng 150 nghìn người thì trong vòng một tháng có thể đưa lên đến 350 nghìn người, bằng cách gọi nhập ngũ đội dự bị và đội lan-ve đợt thứ nhất. Quân đội Áo có khoảng 650 nghìn người, nó chưa bao giờ cắt giảm quân số, mà ngược lại, đã tăng số quân lên do bổ sung số tù binh Hung-ga-ri. Tổng số quân mà người ta có thể điều động cho cuộc chiến tranh ở nước ngoài, có lẽ lên đến gần một triệu người; nhưng hai phần ba số quân Phổ và quân Áo đã bị tiêm nhiễm bệnh dịch dân chủ, và rất có khả năng là số quân này sẽ chạy sang phía đối phương ngay khi có thời cơ.

Cái cớ đầu tiên để tấn công Thụy Sĩ là những kiều dân Đức đang sinh sống ở nước này. Cớ này sẽ mau chóng không còn tồn tại nữa, vì những vụ truy nã hèn nhát của Hội đồng liên bang sẽ trực tiếp hoặc gián tiếp buộc tất cả những người Đức lưu vong ấy phải rời khỏi Thụy Sĩ. Hiện nay ở nước này có khoảng 600 người Đức sống lưu vong, vả lại chẳng bao lâu nữa họ sẽ phải rời đất nước này. Nhưng cũng còn có một cớ khác - nước Phổ đòi phải khôi phục quyền

lực của vua Phổ đối với cựu công quốc Nơ-sa-ten mà năm 1848 đã tự tuyên bố là nước cộng hòa[64]. Và thậm chí nếu yêu sách ấy sẽ được thực hiện thì vẫn sẽ lại nảy sinh vấn đề về Đồng minh đặc biệt[65] do bản hiến pháp liên bang mới năm 1848 đã thay thế bản hiệp ước phản động cũ ký năm 1814 có sự bảo đảm của Liên minh thần thánh. Như vậy, Thụy Sĩ sẽ không có cơ hội tránh được chiến tranh và bị nước ngoài chiếm đóng.

Nhưng mục đích cuối cùng của Liên minh thần thánh là xâm lăng và chia cắt nước Pháp. Kế hoạch đề ra nhằm kết liễu dứt điểm cái trung tâm cách mạng vĩ đại ấy là như sau: - sau khi bị xâm chiếm, nước Pháp sẽ bị chia cắt thành ba vương quốc: Vương quốc Tây - Nam, hay là xứ Ác-vi-ta-ni-a (với thủ đô là Boóc-đô), sẽ được trao cho Hen-rích, quận công Boóc-đô; Vương quốc phía Đông hay là xứ Buốc-gun-đi (với thủ đô ở Li-ông) trao cho thái tử Gioăng-vin; còn Vương quốc miền Bắc hay là chính nước Pháp (với thủ đô là Pa-ri) thì trao cho Lu-i-Na-pô-lê-ông để thưởng về những đóng góp xuất sắc mà ông ta đã giúp cho Liên minh thần thánh. Như vậy, nước Pháp, sau khi bị đẩy vào tình trạng xé nhỏ như đã từng tồn tại cách đây mấy thế kỷ, sẽ hoàn toàn bị bất lực. Các vị sẽ nói gì về dự án tuyệt mỹ này mà không nghi ngờ gì nữa, đã nảy sinh trong cái đầu "có tính lịch sử" của vua Phổ ?

Nhưng xin các vị hãy tin rằng nhân dân - mà trong các tính toán của mình, Liên minh thần thánh đã không tính đến - sẽ rất nhanh chóng chấm dứt tất cả những âm mưu và quỷ kế ấy, và điều đó sẽ xảy đến ngay khi Liên minh thần thánh bắt đầu thực hiện kế hoạch của mình. Bởi vì ở Pháp, cũng như ở Đức, nhân dân đã ở tư thế sẵn sàng, và may thay, nhân dân đã đủ mạnh để có thể đối phó với tất cả các kẻ địch của mình một khi tình hình đưa đến cuộc đấu tranh chung, có tính chất quyết định và công khai. Đến lúc ấy kẻ thù của

Unter der Preſſe befinden ſich:

Karl Marx's
geſammelte Aufſätze,

herausgegeben

von

Hermann Becker.

Marx's Arbeiten ſind theils in beſondern Flugſchriften, theils in periodiſchen Schriften erſchienen, jetzt aber meiſtens gar nicht mehr zu bekommen, wenigſtens im Buchhandel ganz vergriffen. Der Herausgeber glaubt deßhalb, dem Publikum einen Dienſt zu erweiſen, wenn er mit Bewilligung des Verfaſſers dieſe Arbeiten, welche gerade ein Decennium umfaſſen, zuſammenſtellt und wieder zugänglich macht.

Der Plan iſt auf 2 Bände berechnet; der Band wird 25 Bogen umfaſſen. Dem zweiten Bande wird Marx's Portrait beigegeben. Die, welche bis zum 15 März 1851 auf dieſe Bände ſubſcribiren, erhalten ſolche in 10 Heften à 8 Sgr. Nach dieſem Termine tritt der Ladenpreis, 1 Thlr. 15 Sgr. per Band, ein.

Der erſte Band wird Marx's Beiträge zu den „Anekdota" von Ruge, der (alten) „Rheiniſchen Zeitung" (namentlich über Preßfreiheit, Holzdiebſtahlsgeſetz, Lage der Moſelbauern u. ſ. w.), den deutſch-franzöſiſchen Jahrbüchern, dem Weſtf. Dampfboote, dem Geſellſchaftsſpiegel u. ſ. w. und eine Reihe von Monographien enthalten, die vor der Märzrevolution erſchienen, aber, wie Marx an Becker ſchreibt, „leider" noch heute paſſen.

Beſtellungen nimmt an:

TRANG DẦU BẢN THÔNG BÁO CỦA H.BẾCH-CÓ VỀ VIỆC XUẤT BẢN "BỘ TÁC PHẨM" CỦA C.MÁC GỒM HAI TẬP (1850) (VIỆC XUẤT BẢN NÀY ĐÃ KHÔNG ĐƯỢC THỰC HIỆN TRỌN VẸN)

dân chủ sẽ kinh hoàng thấy rằng các phong trào của những năm 1848 và 1849 chẳng là gì so với đám cháy rộng khắp sẽ biến thành tro bụi những thiết chế cũ của châu Âu và sẽ soi rọi cho các dân tộc chiến thắng thấy rõ con đường đi đến tương lai tự do, hạnh phúc và vẻ vang.

Do Ph. Ăng-ghen viết ngày 18 tháng Chạp 1849- 18 tháng Hai 1850
Đã đăng trên tạp chí "Democratic Review" tháng Giêng - tháng Ba 1950

In theo bản in trên tạp chí Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

THÔNG BÁO[66]

Vì những nguyên nhân không phụ thuộc vào ban biên tập nên việc ấn hành số đầu tiên của tờ "Neue Rheinische Zeitung" đã bị trì hoãn. Do vậy, số thứ hai sẽ ra mắt muộn nhất là hai tuần lễ nữa sau lần ấn hành số đầu, và nói riêng sẽ gồm những bài sau đây:

Các Mác. Các năm 1848 - 1849. II. 13 tháng Sáu 1849. - III. Ảnh hưởng của ngày 13 tháng Sáu đến lục địa. - IV. Tình hình hiện nay; nước Anh[67].

Phri-đrích Ăng-ghen. Chiến dịch vận động ở Đức ủng hộ bản hiến pháp đế chế. III. Pphan-xtơ. - IV. Chết vì Tổ quốc [68].

Ngoài những bài khác, trong số 3 còn có những bài sau đây:

Các Mác. Sở hữu tư sản là gì? II. Chế độ sở hữu ruộng đất.- Những bài giảng đọc tại Hội công nhân Đức ở Luân Đôn[69].

V.Vôn-pho. Những ngày cuối cùng của nghị viện Đức.

Tình hình tài chính của Phổ v.v., v.v.. [70]

Sẽ thi hành các biện pháp để trong tương lai tạp chí được ấn hành từ ngày 1 đến ngày 10 mỗi tháng.

Ban biên tập [71]

Do C.Mác và Ph.Ăng-ghen viết vào giữa tháng Hai 1850
Đã đăng trên tờ "Neue Rheinische Zeitung" Politisch-Ökonomische Revue".
Erstes Heft.- Januar 1850.
London, Hamburg, New-York, 1850

In theo bản đăng trên tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu

PH.ĂNG-GHEN

HAI NĂM CỦA MỘT CUỘC CÁCH MẠNG. NĂM 1848 VÀ NĂM 1849[72]

Vào những năm 1848 và 1849, một tờ báo tiếng Đức ra hàng ngày - tờ "Neue Rheinische Zeitung" ("Báo mới tỉnh Ranh") - đã được ấn hành ở Khuên. Những người ấn hành tờ báo này gồm có Các Mác (tổng biên tập), Phri-đrích Ăng-ghen, Ghê-oóc Vét-thơ, nhà thơ rất nổi danh Phrai-li-grát, Ph. Vôn-phơ, V.Vôn-phơ và những nhân vật khác. Tờ báo này rất nhanh chóng trở nên hết sức có tiếng tăm nhờ nó đã kiên quyết và dũng cảm bảo vệ những nguyên lý cách mạng tiên tiến nhất và lợi ích của những người vô sản, là cơ quan ngôn luận duy nhất của họ ở Đức. Chính phủ Phổ đã lợi dụng sự thất bại của các cuộc khởi nghĩa ở tỉnh Ranh vào hồi tháng Năm năm ngoái để chấm dứt sự tồn tại của tờ báo bằng các hình thức truy nã chống lại các biên tập viên của tờ báo này. Kết quả là họ đã rời bỏ đất nước để tìm kiếm cho mình một trường hoạt động mới trong các phong trào khác nhau mà vào thời kỳ ấy đang được chuẩn bị hoặc đã diễn ra. Một số biên tập viên của báo này đã đi Pa-ri[73], tại đó đã hoàn toàn gần đến ngày xảy ra bước ngoặt có tính chất quyết định của các sự kiện (ngày 13 tháng Sáu) và tại đấy họ đã đại diện cho đảng

cách mạng Đức ở trung tâm phong trào dân chủ Pháp; có một biên tập viên [1*] trong số họ có ghế trong Quốc hội Đức hồi ấy đã bị cuốn hút vào cuộc khởi nghĩa; một nhân vật khác được cử đến Ba-đen và đã chiến đấu trong hàng ngũ quân đội cách mạng chống quân Phổ[74]. Sau thất bại của những cuộc khởi nghĩa ấy, họ rơi vào cảnh sống lưu vong ở Anh, Thụy Sĩ và Pháp. Hiện nay họ không có khả năng tái bản tờ báo ra hàng ngày, cho nên họ đã thành lập một tờ nguyệt san để sử dụng nó làm diễn đàn trong khi tình hình chưa cho phép họ trở lại chiếm trận địa trước đây trong giới báo ra hàng ngày của nước mình.

Số đầu tiên của tạp chí này chỉ vừa mới nhận được. Tạp chí này cũng được gọi bằng cái tên như của tờ báo ra hàng ngày trước kia - "*Báo mới tỉnh Ranh. Tạp chí kinh tế - chính trị*". *Chủ biên là Các Mác.*

Số tạp chí này chỉ có ba bài. Số này mở đầu bằng bài thứ nhất trong loạt bài nói về hai năm đã qua của cuộc cách mạng, tác giả bài này là Các Mác, chủ biên tạp chí. Tiếp theo đó là bài điểm lại chiến dịch nổi dậy ở miền Tây và miền Nam nước Đức trong suốt tháng Năm, tháng Sáu và tháng Bảy năm ngoái, do Phri-đrích Ăng-ghen soạn, và cuối cùng là bài tiểu luận của Các-lơ Blin-đơ (nguyên là phái viên của chính phủ lâm thời của Ba-đen ở Pa-ri) nói về tình hình các chính đảng ở Ba-đen. Hai bài nói sau cùng tuy có chứa nhiều điều phát giác quan trọng, nhưng chủ yếu đáp ứng sự quan tâm của bạn đọc Đức. Tác phẩm thứ nhất đề cập đến chủ đề có ý nghĩa hàng đầu đối với bạn đọc tất cả các nước, đặc biệt là đối với giai cấp công nhân. Hơn nữa, tác giả viết đề tài này là ngài Mác, một tác gia có khả năng đề cập đến đề tài ấy một cách xứng đáng

1* - V.Vôn-phơ

về mọi mặt. Xuất phát từ những suy nghĩ ấy chúng tôi thấy có bổn phận phải công bố tối đa những gì có thể công bố, dưới hình thức những trích đoạn, trong chừng mực số trang hạn chế mà chúng tôi có được cho phép.

Bài được điểm ở đây trình bày về cuộc cách mạng tháng Hai, về những nguyên nhân và kết quả của nó và về những sự kiện xảy ra tiếp theo sau nó, cho đến cuộc Khởi nghĩa tháng Sáu vĩ đại của năm 1848.

> "Chỉ trừ một số ít chương, mỗi một phần ít nhiều quan trọng của tập biên niên sử về cách mạng từ năm 1848 đến năm 1849 đều mang nhan đề: *thất bại của cách mạng* ! Nhưng cái đã tiêu vong trong những thất bại ấy không phải là cách mạng. Ngược lại, chỉ có những phần tử phi cách mạng trong đảng cách mạng[1*], những cá nhân, những ảo tưởng, những quan niệm, những dự án mang tính chất ít nhiều phi cách mạng đã tiêu vong, kẻ tiêu vong chỉ là những phần tử mà đảng lật đổ[2*] không thoát khỏi được họ trước khi nổ ra cuộc Cách mạng tháng Hai, đảng này đã có thể thoát khỏi họ không phải nhờ thắng lợi tháng Hai, mà chỉ nhờ một loạt thất bại. Tóm lại, cách mạng tiến lên và mở đường cho mình không phải bằng những thành tựu bi hài trực tiếp của mình, mà ngược lại, chủ yếu nhờ cách mạng đã cho ra đời thế lực phản cách mạng cố kết và mạnh mẽ, cho ra đời kẻ thù, để chỉ có trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù ấy đảng lật đổ mới có thể phát triển thành đảng cách mạng chân chính".

1* Trong bản thảo của Mác viết là: "những tàn dư cổ truyền của thời kỳ tiền cách mạng, tức là những sản phẩm của các quan hệ xã hội còn chưa phát triển đến mức có thể trở thành những mâu thuẫn giai cấp sâu sắc" (Toàn tập, t.7, 1993, tr.17).

2* Trong bản thảo của Mác viết là: "đảng cách mạng" (Toàn tập, t.7, 1993, tr.17).

Đó là đề tài chung mà ông Mác đã phát triển trong bài viết của mình. Ông bắt đầu từ việc vạch rõ các nguyên nhân của cuộc cách mạng tháng Hai và làm rõ cội rễ của những nguyên nhân ấy một cách sâu sắc hơn nhiều so với bất kỳ một người nào trong số các tác gia trước đây đã từng đề cập đến đề tài này. Thông thường tất cả các nhà sử học viết về các sự kiện hai mươi năm gần đây ở Pháp đều thống nhất ý kiến cho rằng dưới thời Lu-i-Phi-líp, lực lượng thống trị ở trong nước là giai cấp tư sản nói chung, rằng những vụ phát giác tai tiếng năm 1847 [75] đã là nguyên nhân chủ yếu của cuộc cách mạng và rằng cuộc cách mạng ấy là cuộc đấu tranh trực tiếp của những người vô sản chống lại giai cấp tư sản. Dưới ngòi bút của ông Mác, những sự khẳng định ấy tuy không bị phủ định một cách trực tiếp và tuyệt đối, nhưng đã có những thay đổi quan trọng.

Nhà sử học người Đức ấy chứng minh rằng dưới thời Lu-i-Phi-líp, quyền lực chính trị đã tập trung vào tay không phải của toàn giai cấp tư sản, mà chỉ của một nhóm người của giai cấp ấy, nhóm mà ở Pháp gọi là giới quý tộc tài phiệt, còn ở Anh thì gọi là các tay đầu sỏ ngân hàng, trùm ở sở giao dịch, các tay trùm đường sắt v.v., hay gọi là tư bản tiền tệ khác với tư bản công nghiệp.

> "Dưới thời Lu-i-Phi-líp không phải giai cấp tư sản Pháp thống trị, mà chỉ có một nhóm người của giai cấp ấy thống trị: bọn chủ ngân hàng, các ông vua sở giao dịch và đường sắt, bọn chủ các mỏ than và mỏ sắt và một bộ phận địa chủ gắn bó với chúng - cái gọi là *giới quý tộc tài phiệt*. Nhóm người này ngự trên ngai vàng, nó áp đặt các đạo luật trong hai viện Quốc hội, nó phân phát những chức vụ nhà nước béo bở, từ các chức bộ trưởng đến những quầy bán thuốc lá của nhà nước. Bản thân giai cấp tư sản *công nghiệp* tạo thành một bộ phận trong phái đối lập chính thức, nghĩa là có đại biểu trong hai viện chỉ dưới hình thức thiểu số. Thái độ đối lập của phái này càng trở nên

quyết liệt hơn khi mà trong quá trình phát triển của mình, sự chuyên chế của giới quý tộc tài phiệt càng mang tính chất thuần khiết và tự nó càng hình dung rằng sau những cuộc khởi nghĩa không có kết quả [1*] của giai cấp công nhân vào những năm 1832, 1834 và 1839[76] sự thống trị của nó đối với những người vô sản đã được củng cố... Giai cấp tiểu tư sản, giới tiểu thị dân[2*] - tất cả những tầng lớp ấy, cũng như giai cấp nông dân đã hoàn toàn bị gạt ra ngoài không được tham gia chính quyền".

Hậu quả không tránh khỏi của sự thống trị chuyên chế ấy của giới qúy tộc tài phiệt là tất cả những lợi ích của xã hội đều phục tùng nó; giới quý tộc ấy coi nhà nước là phương tiện đơn giản để nó gia tăng tài sản của mình trên lưng nhà nước. Ông Mác mô tả rất rõ ràng hệ thống đầy tai tiếng ấy đã được thực hiện như thế nào ở Pháp trong suốt mười tám năm trời; rằng sự tăng lên nhanh chóng khoản nợ quốc gia, việc gia tăng các khoản chi tiêu của nhà nước, những khó khăn bất tận về tài chính và những khoản thiếu hụt trong quốc khố đã trở thành vô số những nguồn từ đó những tài sản mới tuôn chảy vào túi bọn trùm tiền tệ, những nguồn mà từ đó mỗi năm người ta bòn rút ra ngày càng nhiều, làm khánh kiệt hết sức nhanh chóng nguồn dự trữ của đất nước; rằng các khoản chi tiêu của nhà nước cho quân đội và hạm đội hải quân, cho việc xây dựng đường sắt và cho những công tác xã hội khác đã tạo ra hàng trăm cơ hội để bọn tài phiệt bám vào một cách tham lam nhằm lừa đảo nhân dân bằng những hợp đồng bịp bợm v.v.. Nói vắn tắt :

"Chế độ quân chủ tháng Bảy chẳng qua chỉ là một công ty cổ phần để khai thác của cải của dân tộc Pháp; lợi tức cổ phần của công ty này được phân chia cho các bộ trưởng, hai viện

1* Trong bản thảo của Mác viết là: "những cuộc khởi nghĩa bị đàn áp đẫm máu" (Toàn tập. t.7. 1993. tr.18).

2* Trong bản viết của Mác không có từ này.

quốc hội, 240 nghìn cử tri và ít nhiều đông đảo bọn tay sai của chúng. Lu-i-Phi-líp đã là Gioóc-giơ Hát-xơn [1*] của công ty này - *Rô-bớc Ma-cơ* [77] trên ngai vàng. Chế độ này là mối đe dọa thường xuyên, là khoản thua thiệt thường xuyên cho thương mại, công nghiệp, nông nghiệp, ngành vận tải đường thủy, cho lợi ích của giai cấp tư sản công nghiệp ...

Vì giới qúy tộc tài phiệt ban hành các đạo luật, cai trị quốc gia, chi phối toàn bộ quyền lực xã hội có tổ chức, dùng bản thân sự thống trị của mình và dùng báo chí bất công luận phục tùng nó, nên trong tất cả các lĩnh vực xã hội, từ triều đình nhà vua cho đến café borgne[2*], đều đã ngự trị tình trạng đĩ điếm, tình trạng lừa lọc vô sỉ, lòng ham mê làm giàu không phải bằng sản xuất, mà bằng con đường khéo léo chiếm đoạt số của cải đã có sẵn của người khác. Chính trong các tầng lớp bên trên của xã hội[3*], những sự thèm khát bệnh hoạn và tội lỗi đã thể hiện dưới cái hình thức không kiềm chế được - ở đâu đâu cũng xung đột ngay cả với các đạo luật tư sản - trong đó của cải có được do đầu cơ đang tìm kiếm cho mình một sự thỏa mãn phù hợp với bản chất của mình, do đó sự hưởng lạc trở thành *sự trụy lạc*, còn tiền, bùn nhớp và máu thì hòa quyện thành một dòng. Xét về phương thức làm giàu, cũng như xét về tính chất những sự hưởng lạc của mình thì giới qúy tộc tài phiệt chẳng qua chỉ là *sự phục sinh giai cấp vô sản lưu manh ở tầng lớp bên trên của xã hội tư sản*".

Những vụ phát giác đầy tai tiếng trong năm 1847, các vụ Te-xtơ, Pra-xlanh, Guy-đen, Đuy-gia-ri-ê đã làm sáng tỏ bối cảnh ấy. Hành vi nhục nhã của chính phủ trong vấn đề Cra-cốp cũng như đối với

1* Trong bản thảo của Mác viết là: "giám đốc" (Toàn tập, t.7, 1993, tr.21).

2* - những hang ổ chứa chấp bọn người thấp hèn

3* Trong bản thảo của Mác viết là: "xã hội tư sản" (Toàn tập, t.7, 1993, tr.22).

Đồng minh đặc biệt Thụy Sĩ đã xúc phạm đến cực độ tình cảm dân tộc, trong khi thắng lợi của phái tự do ở Thụy Sĩ và cuộc cách mạng ở Pa-léc-mô hồi tháng Giêng 1848 đã tăng cường rõ rệt những tư tưởng đối lập[78].

"Cuối cùng, sự bùng nổ của lòng phẫn nộ chung đã biến thành cuộc khởi nghĩa nhờ có hai sự kiện kinh tế có tầm quan trọng thế giới. Sự kiện thứ nhất trong đó là bệnh khoai tây và nạn mất mùa vào những năm 1845 và 1846 [1*]. Năm 1847 nạn đói[2*] bắt đầu xảy ra đã khiến cho nhiều cuộc xung đột đẫm máu nổ ra ở Pháp, cũng như ở trên toàn lục địa. *Ở đây* là tiệc tùng linh đình của giới qúy tộc tài phiệt, còn *ở kia* là cuộc đấu tranh của nhân dân vì những thứ cần thiết nhất cho cuộc sống! Ở Buy-dan-xe những người tham gia các cuộc nổi loạn vì đói[79] bị hành quyết, còn ở Pa-ri thì hoàng gia giật lấy từ tay tòa án những kẻ quý tộc lừa đảo. Sự kiện kinh tế lớn thứ hai [3*] là cuộc tổng khủng hoảng thương nghiệp và công nghiệp. Cuộc khủng hoảng này ở Anh đã được báo trước vào mùa thu năm 1845, qua sự phá sản hàng loạt của bọn đầu cơ cổ phiếu đường sắt, năm 1846 cuộc khủng hoảng này bị chặn lại do nhiều tình huống ngẫu nhiên, ví dụ như việc bãi bỏ thuế quan đánh vào lúa mì, sau cùng đến mùa thu năm 1847 cuộc khủng hoảng ấy đã nổ ra dưới dạng những vụ phá sản của các đại thương gia Luân Đôn chuyên kinh doanh các mặt hàng thuộc địa, tiếp theo đó là những vụ phá sản của các ngân hàng ruộng đất và việc đóng cửa các nhà máy ở các khu công nghiệp của nước Anh.

1* Trong bản thảo của Mác câu này viết như sau: "*Bệnh khoai tây và nạn mất mùa năm 1845 và năm 1846* đã làm tăng thêm sự sôi sục chung trong nhân dân" (Toàn tập, t.7, 1993, tr.23).

2* Trong bản thảo của Mác viết là:"giá sinh hoạt đắt đỏ" (Toàn tập, t.7, 1993, tr.23).

3* Trong bản thảo của Mác viết tiếp: "đã thúc đẩy nhanh cách mạng nổ ra" (Toàn tập, t.7, 1993, tr.23).

Tại lục địa, tất cả các hậu quả của cuộc khủng hoảng này chưa kịp bộc lộ đến cùng thì cách mạng bùng lên. Nạn dịch làm cho nền thương mại và công nghiệp suy sụp, khiến cho ở Pháp ách chuyên chế của giới quý tộc tài phiệt càng trở nên không thể chịu đựng nổi. Các phái đối lập trong giai cấp tư sản đã đoàn kết lại trong chiến dịch [1*] tổ chức các bữa tiệc ủng hộ cuộc cải cách bầu cử sẽ phải làm cho họ chiếm đa số trong hai viện. Ở Pa-ri cuộc khủng hoảng thương mại [2*] đã buộc đông đảo các chủ xưởng và các nhà buôn phải đổ xô vào thị trường nội địa, bởi vì trong những điều kiện đã hình thành thì thị trường ngoại quốc không hứa hẹn cho họ những khoản lợi nhuận. Họ đã lập ra các hãng lớn chuyên bán lẻ mà sự cạnh tranh của các hãng này đã làm cho đông đảo các chủ tiệm bán hàng thực phẩm khô và các chủ hiệu nhỏ bị phá sản. Điều đó giải thích rõ nguyên nhân của nhiều vụ phá sản ở bộ phận này thuộc giai cấp tư sản Pa-ri và của hành động cách mạng của bộ phận ấy vào những ngày tháng Hai".

Tác động tổng hợp của những nguyên nhân này đã làm cho cuộc Cách mạng tháng Hai bùng nổ. Chính phủ lâm thời đã được thành lập. Chính phủ này gồm đại diện của tất cả các đảng đối lập : phái đối lập của triều đại (Crê-mi-ơ và thậm chí cả Đuy-pông đờ l'Ơ-rơ), giai cấp tư sản theo chủ nghĩa cộng hòa (Ma-ra-xtơ, Ma-ri, Gác-ni-ê-Pa-gie-xơ), giai cấp tiểu tư sản theo chủ nghĩa cộng hòa (Lơ-đruy-Rô-lanh và Phlô-công) và những người vô sản (Lu-i Blăng và An-be). Sau hết, La-mác-tin đã thể hiện tinh thần cách mạng tháng Hai, cuộc khởi nghĩa rộng khắp của những người tư sản và vô sản với những kết quả hữu danh vô thực của nó, với những lầm lạc

1* Trong bản thảo của Mác viết là: "Phái đối lập tư sản phát động trong toàn nước Pháp *cuộc vận động*" (Toàn tập. t.7, 1993. tr.24).

2* Trong bản thảo của Mác viết là: "công nghiệp" (Toàn tập. t.7, 1993. tr.24).

của nó, với chất thơ và với những câu suông sáo rất kêu của nó. Nhưng xét về địa vị và các quan điểm của mình thì La-mác-tin thuộc về giai cấp tư sản mà các đại biểu của nó, bằng cách ấy, đã tạo thành phái đa số quan trọng của chính phủ mới.

"Nếu như nhờ sự tập trung chính trị mà Pa-ri thống trị nước Pháp, thì vào những thời điểm chấn động cách mạng công nhân thống trị Pa-ri. Bước hành động đầu tiên của chính phủ lâm thời là cố gắng thoát khỏi ảnh hưởng áp đảo ấy bằng cách từ "Pa-ri say sưa cách mạng" hướng tới "nước Pháp tỉnh táo". La-mác-tin đã giành lại từ tay các chiến sĩ quyền tuyên bố thành lập nước cộng hòa. Ông ta nói, chỉ có đa số nhân dân nước Pháp[1*] mới có thể làm được điều đó, giai cấp vô sản Pa-ri không được làm vẩn đục thắng lợi của mình bằng việc tiếm quyền v.v.. Giai cấp tư sản chỉ cho phép giai cấp vô sản thực hiện một sự tiếm quyền - tiếm quyền đấu tranh".

Những người vô sản đã buộc chính phủ phải tuyên bố thiết lập chính thể cộng hòa. Ra-xpai là đại diện của họ, ông tuyên bố rằng nếu trong vòng hai giờ mà điều đó không xảy ra, thì ông sẽ trở về, cầm đầu 200 nghìn công nhân vũ trang. Khi chưa hết thời hạn 2 giờ thì chế độ cộng hòa đã được tuyên bố thiết lập.

"Sau khi buộc chính phủ lâm thời và toàn nước Pháp phải chấp nhận nền cộng hòa, giai cấp vô sản đã lập tức bước lên hàng đầu với tư cách một đảng độc lập, nhưng đồng thời nó cũng thách thức toàn thể nước Pháp tư sản đấu tranh chống lại nó. Giai cấp vô sản chỉ giành được miếng đất cho cuộc đấu tranh để tự giải phóng mình bằng con đường cách mạng, chứ tuyệt nhiên không phải đã giành được chính sự giải phóng ấy.

1* Trong bản thảo của Mác viết tiếp: "cần phải đợi cuộc đầu phiếu của họ" (Toàn tập, t.7, 1993, tr.25).

Ngược lại, nền cộng hòa tháng Hai trước hết đã phải làm cho sự thống trị của giai cấp tư sản được *đầy đủ hơn*: nhờ nó mà tất cả các giai cấp hữu sản ở Pháp đã tiếp cận được chính quyền. Chính thể cộng hòa đã kéo được đa số các đại địa chủ theo chủ nghĩa chính thống ra khỏi tình trạng thảm hại về phương diện chính trị mà cuộc cách mạng năm 1830 [1*] đã đẩy họ vào đó... Quyền đầu phiếu phổ thông đã trao vận mệnh nước Pháp vào tay giai cấp to lớn là giai cấp điền chủ chỉ trên danh nghĩa (những ông chủ thực sự là bọn tư bản đã cầm giữ bất động sản làm vật thế chấp) [2*], giai cấp này chiếm đại đa số trong dân chúng Pháp, - vào tay nông dân. Với việc đập tan ngai vàng - mà tư bản ẩn nấp đằng sau nó - nền cộng hòa tháng Hai cuối cùng đã đưa đến sự thống trị công khai của giai cấp tư sản. Cũng như vào những ngày tháng Bảy 1830 công nhân đã giành được chính thể quân chủ tư sản, thì vào những ngày tháng Hai 1848 họ đã giành được nền cộng hòa tư sản. Cũng giống như chế độ quân chủ năm 1830 đã buộc phải tự tuyên bố mình là "nền quân chủ được đặt trong khuôn khổ các thiết chế cộng hòa", thì chính thể cộng hòa năm 1848 đã buộc phải tự tuyên bố mình là "*chính thể cộng hòa được đặt trong khuôn khổ những thiết chế xã hội*". Giai cấp vô sản cũng đã giành được ở nền cộng hòa [3*] cả sự nhượng bộ đó".

"Quyền lao động" và Ủy ban Lúc-xăm-buốc (sau khi chuyển sang Ủy ban này, Lu-i Blăng và An-be trên thực tế đã bị loại ra khỏi chính phủ, và phái đa số tư sản trong chính phủ đã nắm giữ trong

1* Trong bản thảo của Mác viết là : "Nền Quân chủ tháng Bảy" (Toàn tập, t.7, 1993, tr. 27).

2* Những từ: "giai cấp to lớn", "điền chủ" và câu trong ngoặc đơn là do Ăng-ghen đưa vào bản thảo của Mác.

3* Những từ: "ở nền cộng hòa" là do Ăng-ghen đưa vào bản thảo của Mác.

tay mình quyền lực thật sự) là những thiết chế nổi bật nhất trong số những thiết chế xã hội ấy. Công nhân đã buộc phải đạt cho được sự giải phóng mình không phải *chống lại* giai cấp tư sản, mà là một cách độc lập với nó và kề vai sát cánh với nó. Sở giao dịch và ngân hàng tiếp tục tồn tại, có điều là bên cạnh những ngôi đền vĩ đại ấy của giai cấp tư sản thì một nhà thờ xã hội chủ nghĩa đã được dựng lên trong Cung điện Lúc-xăm-buốc, vì công nhân cho rằng có thể đạt được sự giải phóng mà không cần can thiệp vào lợi ích của giai cấp tư sản, cho nên họ cũng tin vào khả năng thực hiện điều đó mà không xung đột với lợi ích của các dân tộc tư sản khác ở châu Âu.

"Nói chung, sự phát triển của giai cấp vô sản công nghiệp do sự phát triển của giai cấp tư sản công nghiệp quy định. Chỉ có dưới sự thống trị của giai cấp tư sản thì giai cấp vô sản mới có ý nghĩa và chỉ có ý nghĩa ấy mới có thể [1*] nâng cuộc cách mạng của nó lên thành cuộc cách mạng toàn dân tộc; chỉ có dưới sự thống trị của nó giai cấp vô sản mới tạo ra được những tư liệu sản xuất hiện đại mà sau này chúng sẽ trở thành những phương tiện cho sự giải phóng bằng cách mạng của nó; chỉ có sự thống trị của giai cấp tư sản mới nhổ những gốc rễ cuối cùng [2*] của xã hội phong kiến và san bằng miếng đất trên đó duy nhất có khả năng thực hiện cuộc cách mạng vô sản. Hiện nay công nghiệp Pháp là nền công nghiệp phát triển nhất [3*] trên toàn lục địa. Nhưng việc cách mạng tháng Hai nhằm trước hết chống lại giới qúy tộc tài phiệt, cho thấy rõ ràng rằng trước tháng Hai giai cấp tư sản *công nghiệp* chưa giữ vị trí thống

1* Trong bản thảo của Mác thay vì những từ : "ý nghĩa" v.v. là những từ "sự tồn tại ... có được một quy mô toàn quốc, khiến ..." (Toàn tập, t.7, 1993, tr.29).

2* Trong bản thảo của Mác viết là: "vật chất" (Toàn tập, t.7, 1993, tr.29).

3* Tiếp đó Ăng-ghen bỏ đi những từ : "và giai cấp tư sản Pháp cũng là giai cấp tư sản phát triển hơn hết về phương diện cách mạng" (Toàn tập, t.7, 1993, tr. 29).

trị ở Pháp. Sự thống trị của giai cấp tư sản công nghiệp chỉ có thể có được ở nơi nào mà nền công nghiệp hiện đại [1*] đã giành được thị trường thế giới cho sản phẩm của mình, bởi vì sức chứa của thị trường trong nước [2*] không đủ để nền công nghiệp ấy phát triển. Còn nền công nghiệp của Pháp thì ngay cả thị trường trong nước, nó cũng chỉ giữ được phần nhiều nhờ hệ thống các thuế quan cấm chỉ. Vì vậy vào thời điểm nổ ra cách mạng, nếu giai cấp vô sản có ở Pa-ri một sức mạnh thực tế và ảnh hưởng đẩy nó tiến xa hơn là điều đó tương xứng với những phương tiện tối đa của nó, thì ở phần còn lại của nước Pháp - do chỉ tập trung ở một số trung tâm công nghiệp như Li-ông, Li-lơ, Muy-lu-dơ, Ru-ăng[3*] - giai cấp vô sản hầu như tan biến đi trong khối khổng lồ nông dân và tiểu tư sản bao quanh. Vì vậy mà cuộc đấu tranh chống tư bản, dưới hình thức phát triển nhất và có tính chất quyết định của cuộc đấu tranh ấy [4*], cuộc đấu tranh của người công nhân công nghiệp làm thuê chống lại nhà tư sản công nghiệp ở Pháp không phải là hiện tượng phổ biến và sau những ngày tháng Hai đã không thể là nội dung toàn dân tộc của cách mạng. Tuy nhiên, cuộc đấu tranh ấy đã có thể đóng một vai trò khiến cho cuộc đấu tranh chống lại những phương thức thứ yếu của sự bóc lột tư bản chủ nghĩa - cuộc đấu tranh của người nông dân chống nạn

1* Trong bản thảo của Mác viết tiếp: "đã nhào nặn theo cách thức của nó tất cả những quan hệ chiếm hữu; nhưng công nghiệp chỉ có thể có được các quyền lực ấy ở chỗ nào mà nó ..." (Toàn tập, t.7, 1993, tr.29-30).

2* Trong bản thảo của Mác thay vì các từ : "sức chứa của thị trường trong nước "đã viết là: "giới hạn quốc gia" (Toàn tập, t.7, 1993, tr.30).

3* Những tên gọi của các trung tâm công nghiệp là do Ăng-ghen thêm vào bản thảo của Mác.

4* Trong bản thảo của Mác viết là: "dưới hình thức hiện đại phát triển của nó, đã tới điểm tột cùng của nó" (Toàn tập, t.7, 1993, tr.30).

cho vay nặng lãi và chống hình thức cầm cố bằng ruộng đất, cuộc đấu tranh của người tiểu tư sản chống đại thương gia, chủ ngân hàng và chủ xưởng, tóm lại, chống nạn phá sản - vẫn còn ẩn giấu dưới cái vỏ bề ngoài là cuộc khởi nghĩa chung chống lại giới qúy tộc tài chính ...Công nhân Pháp đã không thể tiến lên một bước nào, đã không thể mảy may đụng chạm đến những thiết chế tư sản[1*] hiện hữu chừng nào tiến trình cách mạng chưa phát động được tất cả những giai cấp trung gian, nông dân và tiểu tư sản - họ không thuộc vào giai cấp tư sản, cũng không thuộc vào giai cấp vô sản và tạo thành ở Pháp một khối quần chúng quan trọng trong dân tộc [2*] - đứng lên chống lại sự thống trị của tư bản và chưa buộc được những giai cấp này đi theo những người vô sản [3*]. Khi đó và chỉ khi đó thì những người vô sản, thay vì bảo vệ lợi ích của mình mà không đụng chạm đến lợi ích của giai cấp tư sản, sẽ có thể đưa lợi ích của giai cấp vô sản lên thành lợi ích cách mạng của toàn dân tộc và thực hiện lợi ích ấy qua việc đối lập trực tiếp với lợi ích của giai cấp tư sản [80]. Chỉ có bằng cái giá của cuộc thất bại khủng khiếp hồi tháng Sáu 1848 công nhân mới đã có thể xích gần[4*] thắng lợi ấy...

Vậy là, không phải trên thực tế, mà[5*] là trong quan niệm của những người vô sản đã lẫn lộn giới qúy tộc tài phiệt với giai cấp tư sản nói chung; trong trí tưởng tượng của những

1* Trong bản thảo của Mác viết là: "chế độ tư sản" (Toàn tập, t.7, 1993, tr.30).

2* Trong bản thảo của Mác thay vì các từ: "tất cả những giai cấp trung gian" v.v. đã viết là :"động đảo nhân dân đứng giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, tức là nông dân và giai cấp tiểu tư sản" (Toàn tập, t.7, 1993, tr.30).

3* Trong bản thảo của Mác viết tiếp: "coi là đội tiên phong của mình" (Toàn tập, t.7, 1993, tr.30).

4* Trong bản thảo của Mác viết là: "mua được" (Toàn tập, t.7, 1993, tr.30)

5* Những từ: "không phải trên thực tế, mà" là do Ăng-ghen đưa vào bản thảo của Mác.

người ngây ngô thuộc phái cộng hòa đã phủ nhận chính sự tồn tại của các giai cấp thù địch[1*] hoặc may lắm cũng coi họ là hậu quả của chính thể quân chủ[2*], sự thống trị của giai cấp tư sản đã bị loại trừ cùng với việc thiết lập chính thể cộng hòa. Khi ấy tất cả các phần tử bảo hoàng đã lập tức biến thành những phần tử cộng hòa, tất cả các nhà triệu phú biến thành công nhân. *Tình huynh đệ* và sự kết nghĩa anh em khắp nơi là câu nói phù hợp với sự thủ tiêu tưởng tượng ấy các giai cấp và lợi ích giai cấp [3*]. Đó là tư tưởng điền viên lảng tránh mọi đối kháng hiện hữu giữa các giai cấp. Đó là tư tưởng ủy mị dung hòa các lợi ích giai cấp đối lập nhau, đó là sự mơ mộng muốn bay bổng trên cao bên trên cuộc đấu tranh giai cấp dưới trần gian, tóm lại, tình huynh đệ - đó là khẩu hiệu đích thực của Cách mạng tháng Hai. Chỉ có *sự hiểu nhầm* đơn giản đã phân xã hội thành các giai cấp đấu tranh với nhau, thế là ngày 24 tháng Hai, La-mác-tin đã đòi lập ra cái chính phủ có nhiệm vụ chấm dứt "*sự hiểu lầm* khủng khiếp" ấy nảy sinh giữa các giai cấp khác nhau trong xã hội".

Chúng tôi sẽ tiếp tục công bố những trích đoạn ấy trong số tới đây. Lúc ấy chúng ta sẽ thấy việc điểm lại các biện pháp của chính phủ lâm thời, việc triệu tập Quốc hội và cuộc Khởi nghĩa tháng Sáu.

1* Từ này do Ăng-ghen đưa vào bản thảo của Mác.

2* Trong bản thảo của Mác viết là: "nền quân chủ lập hiến" ;tiếp đó đã bỏ những từ của Mác: "trong những câu nói giả nhân nghĩa của các phe phái tư sản từ trước đến nay vẫn bị gạt ra khỏi chính quyền" (Toàn tập. t.7. 1993. tr .31).

3* Trong bản thảo của Mác thay vì những từ :"các giai cấp và lợi ích giai cấp" đã viết là: "các quan hệ giai cấp" (Toàn tập. t.7. 1993. tr.31).

Trong số tháng Tư của chúng tôi, chúng ta đã theo dõi những suy nghĩ của ông Mác về cuộc Cách mạng tháng Hai, đến tận thời điểm thành lập Chính phủ lâm thời và những hành động đầu tiên của nó. Đã nhiều lần chúng ta có dịp thấy rõ rằng các phần tử tư sản trong chính phủ này đã đủ mạnh để hành động phục vụ lợi ích của giai cấp mình và thu lợi qua việc những người vô sản Pa-ri không hiểu rõ những lợi ích thực sự của mình và những phương tiện để đạt những lợi ích ấy. Chúng tôi xin tiếp tục công bố các trích đoạn của chúng tôi.

"Chính thể cộng hòa đã không vấp phải một sự kháng cự nào từ bên ngoài, cũng như ở trong nước. Chỉ riêng tình hình này đã tước vũ khí của nó rồi. Giờ đây nhiệm vụ của chính thể ấy không còn là cải tạo thế giới theo tinh thần cách mạng, mà chỉ là làm cho chính nó thích nghi với các điều kiện của xã hội tư sản hiện hành. Chính phủ lâm thời đã bắt tay thực hiện nhiệm vụ này một cách cuồng tín như thế nào, những biện pháp tài chính của nó cho thấy điều đó rõ hơn cả.

Dĩ nhiên, tín dụng nhà nước và tín dụng tư nhân đã bị rệu rạo. Tín dụng nhà nước dựa trên lòng tin cho rằng nhà nước để cho bọn cho vay nặng lãi - tài phiệt bóc lột mình. Nhưng nhà nước *cũ* đã biến mất, mà cách mạng thì trước hết nhằm chống lại giới qúy tộc tài phiệt ấy. Ngoài ra, những cơn co giật của cuộc khủng hoảng thương mại gần đây ở châu Âu vẫn chưa kết thúc. Những vụ phá sản vẫn diễn ra hết vụ này đến vụ khác. Tín dụng tư nhân đã bị tê liệt, sự chu chuyển hàng hóa gặp khó khăn, sản xuất bị phá vỡ ngay trước khi bùng nổ cuộc Cách mạng tháng Hai. Cuộc khủng hoảng cách mạng tất nhiên đã làm trầm trọng cuộc khủng hoảng thương mại. Nếu tín dụng tư nhân dựa trên niềm tin rằng phương thức tư sản trong việc

sản xuất ra của cải [1*], toàn bộ chế độ tư sản vẫn không bị đụng đến và là bất khả xâm phạm, thì cuộc cách mạng đã từng đe dọa chính cơ sở của phương thức sản xuất tư sản - sự nô lệ kinh tế của giai cấp vô sản - cuộc cách mạng đã đem con thân sư tử đầu người ở Lúc-xăm-buốc đối chọi lại với sở giao dịch, - làm sao một cuộc cách mạng như thế lại có thể tác động đến loại tín dụng ấy được ? Cuộc giải phóng giai cấp vô sản đồng nghĩa với sự thủ tiêu tín dụng tư sản, vì cuộc giải phóng ấy có nghĩa là thủ tiêu nền sản xuất tư sản và thủ tiêu chế độ xã hội tương ứng với nền sản xuất ấy. Tín dụng nhà nước và tín dụng tư nhân là chiếc hàn thử biểu chỉ rõ cường độ của cách mạng. *Tín dụng tụt xuống trong chừng mực nào thì cường độ cách mạng và sức sáng tạo của nó tăng lên chừng ấy.*

Chính phủ lâm thời muốn trút bỏ cho chính thể cộng hòa cái mặt nạ chống tư sản của nó. Muốn thế trước hết cần phải bảo đảm giá trị trao đổi của hình thức nhà nước mới, *thị giá của nó trong sở giao dịch*. Cùng với sự định giá chính thể cộng hòa theo sở giao dịch thì tín dụng tư nhân tất yếu đã lại phải dâng cao lên.

Để loại bỏ sự nghi ngờ thậm chí nhỏ nhất rằng tuồng như thể chế cộng hòa không muốn hoặc không thể thực hiện những cam kết mà nó kế thừa của chế độ quân chủ, nhằm gây niềm tin tưởng vào tính trung thực tư sản và khả năng thanh toán của nền cộng hòa, Chính phủ lâm thời đã dùng đến thủ đoạn khoác lác vừa hèn hạ, vừa ngây ngô. Ngay *trước* khi hết thời hạn hợp pháp, chính phủ này đã trả cho các chủ nợ của nhà

1* Trong bản thảo của Mác viết: "toàn bộ quan hệ sản xuất tư sản" (Toàn tập, t.7, 1993, tr.53).

nước khoản tiền lãi theo các giấy nợ. Tất cả thái độ *quá tự tin* tư sản đã lập tức trở lại với các nhà tư bản khi họ thấy rằng người ta đang cố gắng mua lòng tin của họ với một sự hấp tấp sợ sệt như thế nào ...

Ngân hàng là đền thờ của giới qúy tộc tài phiệt đã từng ngự trị dưới thời Lu-i-Phi-líp. Sở giao dịch nắm trong tay mình tín dụng nhà nước như thế nào thì ngân hàng cũng điều khiển tín dụng tư nhân như thế [1*].

Cách mạng đã trực tiếp đe dọa chẳng những sự thống trị của ngân hàng, mà còn đe dọa chính sự tồn tại của ngân hàng, vì vậy ngay từ đầu ngân hàng đã cố gắng làm mất uy tín chính thể cộng hòa, làm cho tình trạng không có khả năng cấp tín dụng trở thành phổ biến. Ngân hàng đột nhiên đóng cửa không cấp tín dụng cho các chủ ngân hàng tư nhân, cho các chủ xưởng và các thương nhân. Không gây ra được cuộc phản cách mạng, thủ đoạn này đã giáng đòn ngược trở lại đánh vào chính ngân hàng. Các nhà tư bản đã lấy lại số tiền của mình được cất giữ dưới tầng hầm ngân hàng. Những người có giấy bạc ngân hàng đổ xô đến qũy ngân hàng để đổi chúng lấy tiền kim loại.

Chính phủ lâm thời có thể - một cách hoàn toàn hợp pháp, không cần có sự can thiệp bằng vũ lực - buộc ngân hàng phải chịu sự phá sản; chính phủ ấy chỉ cần giữ thái độ thụ động và bỏ mặc ngân hàng. *Sự phá sản của ngân hàng* sẽ là nạn hồng thủy để chỉ trong một giây lát dọn sạch miếng đất của nước Pháp không còn bóng bọn quý tộc tài phiệt, cái tượng đài bằng vàng đó của nền quân chủ tháng Bảy, kẻ thù hùng mạnh và nguy hiểm nhất của chính thể cộng hòa. Và trong trường hợp

1* Trong bản thảo của Mác viết là: "tín dụng thương nghiệp" (Toàn tập. t.7. 1993. tr.35).

ngân hàng phá sản thì chính giai cấp tư sản có nên coi việc chính phủ lập ra ngân hàng quốc gia và buộc tín dụng quốc gia phải chịu sự giám sát của dân tộc như là cố gắng tuyệt vọng cuối cùng nhằm cứu vớt hay không?

Nhưng thay vì làm như thế Chính phủ lâm thời lại hành động giống như Pít vào năm 1797: đã đình chỉ những cuộc thanh toán bằng tiền mặt [1*] và đã quy định tỷ giá bắt buộc đối với các giấy bạc ngân hàng. Không những thế, Chính phủ ấy đã biến tất cả các ngân hàng tỉnh thành những chi nhánh của Ngân hàng Pháp và như vậy đã cho phép ngân hàng này giăng mạng lưới của mình ra khắp nước Pháp. Sau này chính phủ ấy đã vay tiền của ngân hàng này và đã lấy các cánh rừng quốc gia để trao cho ngân hàng đó làm vật thế chấp. Như vậy là cuộc Cách mạng tháng Hai đã củng cố và phát triển rộng sự hùng mạnh của giới quý tộc tài phiệt [2*] mà lẽ ra cuộc cách mạng ấy đã phải lật đổ nó !"

Mọi người đều biết chính phủ ấy - cái chính phủ hết sức tử tế với bọn trùm tiền bạc ở sở giao dịch và ngân hàng - đã ban những gì cho những giai cấp tạo nên cực đối lập của xã hội: chính phủ ấy đã tịch thu của công nhân và các tiểu thương số tiền mà họ gửi trong các qũy tiết kiệm và ban tặng cho nông dân loại thuế 45 xăng-tim tính trên mỗi phrăng trong tất cả bốn loại thuế trực thu [13].

"Những số tiền gửi vào quỹ tiết kiệm đã bị tịch thu và bị tuyên bố là khoản nợ quốc gia dài hạn hoặc vô hạn. Hành động này đã làm cho những người tiểu tư sản giận dữ chống lại nền

1* Các từ: "hành động giống như Pít vào năm 1797: đã đình chỉ những cuộc thanh toán bằng tiền mặt"là do Ăng-ghen thêm vào.

2* Trong bản thảo của Mác viết là: "ngân hàng" (Toàn tập. t.7. 1993. tr.36).

cộng hòa [1*]. Sau khi chỉ nhận được những trái khoán quốc gia thay vì những đồng tiền của mình, họ đã buộc phải bán những trái khoán ấy ở sở giao dịch và như vậy là đã hoàn toàn trao mình vào tay chính cái bọn cho vay nặng lãi chuyên thao túng ở sở giao dịch, chính là chống lại bọn người này mà họ đã làm cuộc Cách mạng tháng Hai !!

... Sắc thuế 45 xăng-tim trước hết bổ vào nông dân, tức là vào đại đa số nhân dân Pháp. Nông dân đã phải gánh chịu những chi phí của cuộc Cách mạng tháng Hai, và lẽ đương nhiên là từ nay họ là chỗ dựa chủ yếu của thế lực phản cách mạng. Sắc thuế 45 xăng-tim là vấn đề thiết thân đối với nông dân, đến lượt mình người nông dân lại làm cho nó trở thành vấn đề sinh tử đối với chính thể cộng hòa. Từ thời điểm này trong con mắt người nông dân Pháp, cái sắc thuế ác độc này là hiện thân của chế độ cộng hòa, còn giai cấp vô sản Pa-ri thì bị họ quan niệm là kẻ chây lười và phung phí của cải, kẻ đã sống sung sướng trên lưng họ. Trong khi cuộc cách mạng năm 1789 đã bắt đầu bằng việc giải phóng nông dân khỏi tất cả những đảm phụ phong kiến thì cuộc cách mạng năm 1848 [2*] lại làm cái việc đầu tiên là tặng cho giai cấp này [3*] một sắc thuế mới !!

Chỉ bằng một cách mà chính phủ đã có thể xóa bỏ được tất cả mọi khó khăn ấy và lôi nhà nước ra khỏi quỹ đạo cũ của nó, cụ thể là bằng cách *tuyên bố nhà nước phá sản*. Mọi người còn nhớ, Lơ-đruy-Rô-lanh đã tỏ rõ thái độ phẫn nộ đầy đức hạnh như thế nào - như chính ông tuyên bố trước Quốc hội -

1* Tiếp đó Ăng-ghen đã bỏ đi những từ: "vốn đã lâm vào tình cảnh khá cùng khốn" (Toàn tập, t.7, 1993, tr . 34).

2* Tiếp đó Ăng-ghen đã bỏ đi những từ: "để khỏi làm nguy hại đến tư bản và để đảm bảo hoạt động của bộ máy nhà nước của tư bản" (Toàn tập, t.7, 1993, tr . 37).

3* Trong bản thảo của Mác viết là: "nông dân" (Toàn tập, t.7, 1993, tr . 37).

khi ông bác bỏ phương sách cứu nguy ấy do Phun-đơ, một tên cho vay nặng lãi ở sở giao dịch và hiện nay là bộ trưởng tài chính[1*], đã đề xuất với ông. Trong khi ấy Phun-đơ đã đề nghị ông nhận quả táo của cây tri thức !!!

Qua việc công nhận những tấm kỳ phiếu mà xã hội tư sản cũ phát hành cho nhà nước, Chính phủ lâm thời đã lọt vào tầm quyền lực của nó rồi! Chính phủ lâm thời đã rơi vào vị thế của con nợ bị xã hội tư sản trốc đòi, thay vì phải xuất hiện trước mặt xã hội ấy trong vai trò người chủ nợ đáng sợ đến đòi những món nợ cách mạng cũ. Chính phủ ấy đã phải củng cố xã hội tư sản để đối phó với những cam kết chỉ có thể thực hiện trong khuôn khổ xã hội đó mà thôi [2*]. Tín dụng đã trở thành điều kiện cần thiết nhất cho sự tồn tại của nó, còn những nhượng bộ đối với giai cấp vô sản và những sự hứa hẹn đưa ra với giai cấp ấy thì đã trở thành những gông xiềng phải bị đập tan bằng được. Giải phóng công nhân - thậm chí chỉ là lời nói suông về sự giải phóng ấy - đã trở thành mối nguy không thể chịu nổi đối với chính thể cộng hòa, vì yêu sách ấy đã từng là sự phản đối thường trực chống lại việc khôi phục hình thức tín dụng dựa trên sự thừa nhận vững chắc và bất di bất dịch sự đối kháng giai cấp hiện hữu[3*]. Do vậy, cần *dứt khoát vĩnh viễn kết liễu* công nhân[4*].

1* Trong bản thảo của Mác câu này được trình bày theo cách khác (Toàn tập, t.7, 1993, tr.37).

2* Trong bản thảo của Mác thay vì những từ: "xã hội tư sản" đã viết là: "những quan hệ tư sản" (Toàn tập, t.7, 1993, tr.37).

3* Trong bản thảo của Mác viết là: "những quan hệ kinh tế có tính chất giai cấp hiện tồn" (Toàn tập, t.7, 1993, tr . 37).

4* Những từ: "dứt khoát vĩnh viễn" là do Ăng-ghen thêm vào. Câu này kết thúc bài viết đăng trong số tháng Năm của tờ "Democratic Review".

Sau tháng Hai, quân đội bị đuổi ra khỏi Pa-ri; đội vệ binh quốc gia, *tức là* giai cấp tư sản vũ trang, lực lượng quân sự duy nhất trong thành phố, chưa bao giờ tỏ ra đủ mạnh để có thể độc lập đối phó với những người vô sản. Không những thế, bất chấp mọi sự kháng cự, đội vệ binh quốc gia đã mất đi sự thuần khiết của mình do chỗ đã để công nhân lọt vào hàng ngũ đội vệ binh này. Như thế, chỉ còn lại một kết cục: đẩy một bộ phận vô sản này đối chọi lại bộ phận vô sản khác.

"Nhằm mục đích này, Chính phủ lâm thời đã lập ra 24 tiểu đoàn gardemobile[1*] phần nhiều gồm thanh niên ở độ tuổi từ 15 đến 20 tuổi, mỗi tiểu đoàn có một ngàn người. Họ hầu như chỉ thuộc tầng lớp vô sản lưu manh tồn tại trong tất cả các thành phố lớn và khác hẳn giai cấp vô sản công nghiệp. Tầng lớp này cung cấp bọn trộm cắp và bọn tội phạm đủ loại, nó gồm những phần tử sống bằng những thứ rơi vãi trên bàn ăn xã hội, những con người không có việc làm xác định, những kẻ sống lang thang - gens sans feu et sans aveu; chúng khác nhau tùy theo tính chất[2*] dân tộc của chúng[3*]; ở cái lứa tuổi thanh niên khi chúng được Chính phủ lâm thời tuyển mộ thì chúng có thể có hành động anh hùng hết sức vĩ đại và tinh thần hy sinh quên mình nóng bỏng nhất, nhưng đồng thời chúng cũng có khả năng có những hành động ăn cướp thấp hèn nhất và hành động bán mình bẩn thỉu nhất. Chính phủ lâm thời đã mua chúng với giá 1 phrăng 50 xăng-tim một ngày. Chính phủ cấp trang phục đặc biệt cho chúng, nghĩa là làm cho chúng bề

1* - đội vệ binh cơ động

2* Trong bản thảo của Mác viết là: "trình độ văn hóa" (Toàn tập, t.7, 1993, tr. 38).

3* Tiếp đó Ăng-ghen bỏ đi những từ: "nhưng bất cứ lúc nào và ở đâu chúng cũng giữ cái tính chất lát-xa-rô-ni" (Toàn tập, t.7, 1993, tr.38).

ngoài khác với những công nhân mặc áo blu-dơ. Người ta đã cung cấp một phần các chỉ huy cho chúng từ đội ngũ sĩ quan quân đội thường trực, một phần thì lấy từ hàng ngũ các cậu con cưng tư sản - những người đã quyến rũ chúng bằng những câu rất kêu về sự hy sinh cho nền cộng hòa. Và nhân dân đã coi 24 nghìn lính trẻ đầy sức lực và liều lĩnh ấy - những người lính này vừa mới rời khỏi các chiến lũy - là quân đội của mình, là đội vệ binh đích thực vô sản khác với đội vệ binh quốc gia tư sản trước kia [1*]. Sai lầm của nhân dân có thể tha thứ được.

Bên cạnh đội vệ binh cơ động, chính phủ còn quyết định tập hợp một đội quân công nhân công nghiệp chung quanh mình. Bộ trưởng Ma-ri đã ghi tên 100 nghìn công nhân - do cuộc khủng hoảng và cách mạng họ đã bị quẳng ra ngoài đường- vào *ateliers nationaux*[2*]. Cái tên rất kêu ấy chẳng qua đã che đậy việc sử dụng công nhân vào các công việc đào đất nhàm chán, đơn điệu, không mang tính chất sản xuất, cũng như vào những công việc tương tự, với mức tiền công 23 xu (11 1/2 pen-ni) một ngày [3*]. *Những trại lao động ngoài trời ở nước Anh* - những *ateliers nationaux* ấy là như thế. Chính phủ lâm thời nghĩ rằng nó đã tìm kiếm được ở họ một đội quân vô sản thứ hai để chống lại toàn thể giai cấp công

1* Ăng-ghen lấy câu này để thay vào đoạn sau đây: "Như vậy là đối mặt với giai cấp vô sản Pa-ri, có một đạo quân tuyển mộ ngay trong hàng ngũ của chính họ, gồm 24000 người, trẻ, khỏe, đầy gan dạ. Giai cấp vô sản "*hoan hô*" đội cận vệ lưu động trong các cuộc diễu hành của đội quân này trên các đường phố Pa-ri. Giai cấp vô sản coi họ là những chiến sĩ tiền phong của mình trên các chiến lũy, coi họ là đội cận vệ *vô sản* đối lập với đội cận vệ quốc gia của giai cấp tư sản" (Toàn tập, t.7.1993, tr . 38-39).

2*- các công xưởng quốc gia

3* Những từ sau cùng là do Ăng-ghen đưa vào.

nhân [1*]. Nhưng giai cấp tư sản đã sai lầm với những *ateliers nationaux*, giống như nhân dân đã sai lầm với gardemobile. Giai cấp tư sản đã lập ra đội quân nổi loạn.

Nhưng có một mục tiêu đã đạt được: *ateliers nationaux* - đó là tên gọi của những xưởng thợ nhân dân mà Lu-i Blăng đã lên tiếng đòi hỏi tại Điện Lúc-xăm-buốc. Những ateliers của Ma-ri được lập ra theo một kế hoạch đối lập trực tiếp với kế hoạch Lúc-xăm-buốc ...Có tin đồn [2*] rằng những *ateliers nationaux* ấy là phát minh của Lu-i Blăng và tin đồn ấy lại càng có vẻ đúng sự thật, vì chính bản thân Lu-i Blăng , thánh tông đồ vẫn sùng bái các công xưởng quốc gia, lại đã là thành viên trong Chính phủ lâm thời. Đối với công luận được chế tạo một cách nhân tạo của giai cấp tư sản Pa-ri và đối với công luận nước Pháp và châu Âu [3*] thì các trại lao động ấy là bước đi đầu tiên để thực hiện chủ nghĩa xã hội đã bị bêu diếu đồng thời với những trại lao động ấy.

Nếu không phải về nội dung thì cũng về tên gọi của mình, các *ateliers nationaux* là sự phản kháng đã thể hiện của giai cấp vô sản chống lại nền công nghiệp tư sản, tín dụng tư sản và chính thể cộng hòa tư sản. Tất cả sự hằn thù của giai cấp tư sản đã trút xuống những xưởng thợ ấy. Đồng thời, giai cấp tư sản cũng xem chúng như là điểm mà nó có thể hướng đòn

1* Trong bản thảo của Mác viết là: "chống lại chính ngay công nhân" (Toàn tập, t.7. 1993, tr.39).

2* Trong bản thảo của Mác viết là: "Chính bản thân chính phủ lâm thời đã ngấm ngầm tung ra cái tin đồn "(Toàn tập, t.7. 1993, tr.39).

3* Trong bản thảo của Mác viết là: "Trong sự lẫn lộn mà giai cấp tư sản Pa-ri đã nửa ngây thơ, nửa cố ý gây ra như thế, trong dư luận mà người ta đã nuôi dưỡng một cách giả tạo ở Pháp và ở châu Âu" (Toàn tập, t.7. 1993, tr.39).

giáng đầu tiên của mình vào đó ngay sau khi giai cấp tư sản trở nên đủ mạnh để công khai đoạn tuyệt với những ảo tưởng tháng Hai. Những người tiểu tư sản cũng lập tức hướng tất cả lòng căm thù và sự tức giận của mình vào những *ateliers nationaux*. Họ đã nghiến răng kèn kẹt khi tính toán xem đã có bao nhiêu tiền bị những công nhân ăn bám nuốt đi mất trong khi tình trạng của chính họ ngày càng tồi tệ đi...Các công xưởng quốc gia, các lời nói hoa mỹ ở Điện Lúc-xăm-buốc, các cuộc biểu tình của công nhân Pa-ri trên đường phố - chính những cái đó, theo họ, là nguyên nhân đưa đến tình cảnh khốn đốn của họ. Và đã không ai biểu lộ tinh thần cuồng tín như thế trong cuộc đấu tranh chống lại những trò gian manh không có thực của những người cộng sản, như người tiểu tư sản, người chủ tiệm nhỏ ở Pa-ri mà bản thân họ đã đứng bên bờ vực phá sản [1*]. Như vậy, trong khi ngày nào cũng có những tin tức gây hồi hộp về những cuộc cách mạng mới và giữ được niềm say sưa của nhân dân với thắng lợi, thì giai cấp tư sản ngày càng tập trung trong tay mình tất cả mọi ưu thế, tất cả những vị trí quyết định trong trận chiến đấu sắp tới giữa nó và giai cấp vô sản, toàn bộ sự kiểm soát đối với các giai cấp trung gian trong xã hội" [2*].

1* Tiếp đó đã bỏ đi những từ sau đây: "một cách tuyệt vọng"; những từ: "người chủ tiệm nhỏ ở Pa-ri" là do Ăng-ghen đưa vào bản thảo của Mác (Toàn tập, t.7, 1993, tr . 40).

2* Trong bản thảo của Mác: "Như vậy là trong cuộc vật lộn sắp tới đây giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, thì giai cấp tư sản đã nắm trong tay tất cả những thuận lợi, tất cả những vị trí quyết định, tất cả những tầng lớp trung gian trong xã hội. Trong khi đó những làn sóng của cách mạng tháng Hai đang lan tràn khắp lục địa, mà mỗi kỳ thư mới đều mang tới một tin mới về cách mạng, khi thì ở nước I-ta-li-a, khi thì ở nước Đức, khi thì ở những miền đông nam xa xăm của châu Âu và nuôi dưỡng tình trạng say sưa chung của nhân dân bằng cách không ngừng mang lại cho nhân dân những bằng chứng về một thắng lợi mà kết quả đã tuột khỏi tay họ rồi" (Toàn tập, t.7, 1993, tr . 40).

Kết quả không tránh khỏi của điều này là một loại thắng lợi tinh thần của giai cấp tư sản. Mặc dù ngày 17 tháng Ba những người vô sản, xét về hình thức, đã chiếm được ưu thế, nhưng mục đích thực sự của cuộc biểu tình của họ - bắt Chính phủ lâm thời phục tùng ý chí của giai cấp vô sản - đã không đạt được, còn ngày 16 tháng Tư đã đem lại thất bại có tính chất quyết định cho những người vô sản, tiếp theo sau thất bại ấy là sự quay trở về Pa-ri của quân đội. Cuộc bầu cử Quốc hội diễn ra chẳng bao lâu sau đó đã đem lại cho giai cấp tư sản một đa số quyết định.

"Quyền đầu phiếu phổ thông đã không có được ma lực như phái cộng hòa kiểu cũ đã gán cho nó. Họ xem toàn nước Pháp hoặc ít ra là đa số người Pháp chỉ là *những công dân* có lợi ích giống nhau, có quan điểm và trí tuệ giống nhau. Ở họ đây là một thứ sùng bái nhân dân. Nhưng cuộc tổng tuyển cử đã không đem đến cho họ một dân chúng Pháp *trong trí tưởng tượng* mà đã cho họ thấy nhân dân thật sự, tức là những đại biểu của các giai cấp khác nhau tạo thành nhân dân đó. Chúng ta đã biết tại sao trong cuộc bầu cử nông dân và giai cấp tiểu tư sản đã buộc phải đi theo giai cấp tư sản giờ đây lại [1*] có thái độ hiếu chiến và đi theo bọn đại địa chủ khao khát cuộc phục tích. Song, nếu quyền đầu phiếu phổ thông không phải là chiếc gậy thần như những phần tử cộng hòa khờ khạo tự lừa dối mình đã từng coi là như thế, thì quyền đó lại có một phẩm chất khác, cao hơn nhiều; nó đã cởi trói cho cuộc đấu tranh giai cấp và qua đó đã buộc các tầng lớp trung gian [2*] khác nhau trong xã hội tư sản phải nhanh chóng - kinh qua những giai đoạn khác nhau[3*] - gột bỏ những ảo tưởng và những nỗi

1* Những từ : "giờ đây lại" là của Ăng-ghen.

2* Trong bản thảo của Mác viết là: "trung đẳng" (Toàn tập. t.7. 1993. tr . 42).

3* Những từ: "kinh qua những giai đoạn khác nhau" là do Ăng-ghen thêm vào.

thất vọng của mình; quyền đó đã tức khắc đưa lên đỉnh cao của nhà nước tất cả các phe phái thuộc giai cấp các nhà tư bản, qua đó mà lột chiếc mặt nạ đối lập giả dối của một bộ phận những phe phái ấy mà chúng đã đeo dưới thời quân chủ[1*].

Trong Quốc hội lập hiến khai mạc vào ngày 4 tháng Năm, phái cộng hòa tư sản, phái cộng hòa thuộc tờ "National", đã chiếm ưu thế. Thậm chí phái chính thống và phái Oóc-lê-ăng lúc đầu cũng chỉ dám lên tiếng dưới cái mặt nạ chủ nghĩa cộng hòa tư sản. Chỉ vì chính thể cộng hòa mới có thể mở màn cuộc đấu tranh chống giai cấp vô sản... Nền cộng hòa[2*] mà Quốc hội đã tuyên bố thành lập không phải là vũ khí cách mạng chống chế độ tư sản, mà ngược lại, là nền cộng hòa tư sản... Thông qua Quốc hội, toàn nước Pháp đã là quan tòa xét xử giai cấp vô sản Pa-ri. Quốc hội này đã lập tức đoạn tuyệt với những ảo tưởng xã hội của cuộc Cách mạng tháng Hai, đã thẳng thắn và rõ ràng tuyên bố nền cộng hòa tư sản[3*]. Quốc hội đã trục xuất các đại diện của giai cấp vô sản - Lu-i Blăng và An-be - khỏi Ủy ban chấp hành; Quốc hội đã bác bỏ đề nghị về việc lập ra một bộ đặc biệt về lao động và đã nhiệt liệt tán thành những lời tuyên bố dưới đây của bộ trưởng Tơ-rê-la: "Giờ đây vấn đề chỉ là *đưa lao động trở về với những điều kiện trước kia của nó*".

1* Trong bản thảo của Mác viết là: "... tất cả các phe phái trong giai cấp bóc lột.... do đó mà lột được cái mặt nạ lừa bịp của chúng, trong khi nền quân chủ, với chế độ tuyển cử dựa trên thuế suất, chỉ làm mất tín nhiệm của một số những phe phái nhất định trong giai cấp tư sản, giấu những phe phái khác ở hậu trường và khoác cho những phe phái này cái vòng hào quang là phe đối lập" (Toàn tập, t.7, 1993, tr. 42 - 43).

2* Trong bản thảo của Mác viết là: "nền cộng hòa duy nhất hợp pháp" (Toàn tập, t.7, 1993, tr. 43).

3* Trong bản thảo của Mác viết tiếp: "và chỉ có thể là nền cộng hòa tư sản mà thôi" (Toàn tập, t. 7, 1993, tr.44).

Nhưng tất cả những điều đó vẫn chưa đủ. Cách mạng tháng Hai do công nhân dựng lên[1*] với sự hậu thuẫn thụ động của giai cấp tư sản. Những người vô sản đã xem mình, một cách chính đáng, là những người chiến thắng đã đưa ra những yêu sách kiêu ngạo của người chiến thắng. Do đó, cần phải chiến thắng và đè bẹp họ trong cuộc chiến đấu trên đường phố... Trước kia, để xây dựng nền cộng hòa tháng Hai với những nhượng bộ của nó đối với chủ nghĩa xã hội, cần đến cuộc chiến đấu của giai cấp vô sản thống nhất với giai cấp tư sản chống lại chế độ quân chủ; giờ đây cần có trận chiến đấu thứ hai để giải thoát nền cộng hòa khỏi những nhân nhượng của nó đối với chủ nghĩa xã hội, để chính thức xác lập sự thống trị của chính thể cộng hòa tư sản... Cái nôi thật sự của nền cộng hòa tư sản không phải là thắng lợi tháng Hai, mà là thất bại tháng Sáu".

Mọi người đã biết đầy đủ về cuộc xung đột xảy ra vào ngày 15 tháng Năm[81] và trận chiến đấu diễn ra sôi sục vào những ngày 23, 24, 25 và 26 tháng Sáu, mọi người cũng đã biết những nguyên nhân trực tiếp của những trận chiến đấu ấy và những sự kiện liên quan đến những trận chiến đấu ấy. Thất bại tháng Sáu đã *tạm thời* giải quyết được sự xung đột giữa hai giai cấp chống lại nhau.

"Giai cấp tư sản đã *buộc* giai cấp vô sản Pa-ri phải phát động cuộc khởi nghĩa tháng Sáu. Chỉ riêng điều này đã làm cho giai cấp vô sản phải thất bại. Không phải nhu cầu trực tiếp, có ý thức, đã đẩy giai cấp vô sản đi đến chỗ toan tính dùng bạo lực lật đổ giai cấp tư sản; vả lại giai cấp vô sản cũng chưa đủ sức hoàn thành nhiệm vụ ấy. Tờ "Moniteur" đã phải

1* Trong bản thảo của Mác viết là: "giành được" (Toàn tập. t.7. 1993. tr.44).

chính thức tuyên bố với giai cấp vô sản rằng đã qua rồi thời kỳ mà chế độ cộng hòa thấy cần phải tính đến "những ảo tưởng" của giai cấp vô sản, và chỉ có thất bại là đã chỉ cho giai cấp vô sản thấy chân lý là đối với giai cấp vô sản không có hy vọng cải thiện tình cảnh của mình thậm chí hết sức ít ỏi, nếu cứ chờ đợi điều đó trong khuôn khổ chính thể cộng hòa tư sản[1*]... Lúc đó thay vì những yêu sách mà giai cấp vô sản đã muốn buộc chế độ cộng hòa tháng Hai phải thỏa mãn - những yêu sách quá đáng xét về hình thức, nhưng là nhỏ nhặt và thậm chí vẫn còn là những yêu sách tư sản xét về thực chất - lại đề ra khẩu hiệu táo bạo, mang tính cách mạng và tính chiến đấu: *Lật đổ giai cấp tư sản! Chuyên chính của giai cấp công nhân!*

Chính thể cộng hòa tư sản, được dựng lên bằng máu của công nhân, đã buộc phải lập tức[2*] hiện lên dưới dạng thuần khiết của mình như là một nhà nước mà nhiệm vụ được thừa nhận của nó là làm cho sự thống trị của tư bản và địa vị nô lệ của lao động tồn tại vĩnh viễn. Vì luôn luôn có trước mặt kẻ thù không khoan nhượng và bất khả chiến thắng của mình[3*], cho nên sự thống trị của giai cấp tư sản, được giải thoát khỏi mọi gông xiềng, đã phải lập tức biến thành *chủ nghĩa khủng bố của giai cấp tư sản*. Sau khi giai cấp vô sản tạm thời bị gạt khỏi sân khấu và chuyên chính tư sản được thừa nhận, thì các tầng lớp trung gian trong xã hội tư sản - giai cấp tiểu tư sản

---

1* Trong bản thảo của Mác viết là: "rằng một sự cải thiện nhỏ tình cảnh của giai cấp vô sản *trong phạm vi* nền cộng hòa tư sản trong đời sống của họ cũng vẫn là một *điều không tưởng*" (Toàn tập, t.7, 1993, tr .47).

2* Thay vì những từ này, trong bản thảo của Mác viết: "Bằng cách biến cái phần mộ của mình thành cái nôi của *nền cộng hòa tư sản*, giai cấp vô sản đã buộc nền cộng hòa" (Toàn tập, t.7, 1993, tr. 48).

3* Tiếp đó Ăng-ghen bỏ những từ: "không thể đánh bại được vì sự tồn tại của nó là điều kiện sống còn của chính bản thân giai cấp tư sản" (Toàn tập, t.7, 1993, tr.48).

và nông dân - đã phải đi theo giai cấp vô sản theo đà tình cảnh của họ xấu đi và sự đối kháng giữa họ với giai cấp tư sản trở nên gay gắt".

Nếu thất bại tháng Sáu đã củng cố sự thống trị chính trị của giai cấp tư sản ở Pháp thì thất bại đó đã phá huỷ sự thống trị ấy tại các nước khác trên lục địa. Sự liên minh công khai với các chế độ quân chủ phong kiến - mà giai cấp tư sản đã thiết lập ở mọi nơi sau cuộc khởi nghĩa tháng Sáu, - đã được các chế độ quân chủ ấy lợi dụng để phá hủy sự thống trị của giai cấp tư sản.

"... Thất bại tháng Sáu đã mở cho các cường quốc chuyên chế ở châu Âu thấy được bí mật là nước Pháp cần duy trì bằng được hòa bình với các nước láng giềng để có thể tiến hành cuộc nội chiến trong nhà mình. Điều đó đã khiến cho các dân tộc đã mở đầu cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc cho mình rơi vào vòng quyền lực của Nga, Áo và Phổ.

Vận mệnh của các cuộc cách mạng dân tộc ấy phụ thuộc vào vận mệnh của cách mạng vô sản[1*]. Người Hung-ga-ri, người Ba Lan, người I-ta-li-a sẽ chưa được tự do, chừng nào công nhân còn là nô lệ!

Sau hết, các thắng lợi của Liên minh thần thánh đã dẫn đến những thay đổi ở châu Âu, những thay đổi này sẽ là nguyên nhân khiến cho mọi cuộc cách mạng vô sản mới ở Pháp sẽ không tránh khỏi kéo theo một cuộc chiến tranh thế giới. Cuộc cách mạng mới ở Pháp sẽ buộc phải lập tức vượt ra khỏi khuôn khổ dân tộc và giành lấy cho mình vũ đài *châu Âu*, mà chỉ có

1* Tiếp đó Ăng-ghen bỏ những từ: "đều đã mất cái tính chất tự chủ bề ngoài, mất tính chất độc lập của chúng đối với cuộc đại cách mạng xã hội" (Toàn tập, t.7, 1993, tr.49).

trên vũ đài ấy cuộc cách mạng xã hội của thế kỷ XIX mới có thể phát triển tự do được[1*].

Như vậy, chỉ có thất bại tháng Sáu mới tạo ra được tất cả những điều kiện khiến cho nước Pháp có thể nắm quyền chủ động thực hiện cuộc cách mạng châu Âu. Chỉ có ngập chìm trong máu của nghĩa quân tháng Sáu thì lá cờ ba sắc mới biến thành ngọn cờ của cách mạng châu Âu - *thành ngọn cờ đỏ!*"[82].

Bản tóm lược do Ph.Ăng- ghen viết vào mùa xuân 1850
Đã đăng trên tạp chí "Democratic Review" tháng Tư - tháng Sáu 1850

In theo bản in trong tạp chí
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

1* Trong bản thảo của Mác viết là: "có thể thắng lợi được" (Toàn tập. t.7. 1993. tr.49).

PH. ĂNG - GHEN

BỨC THƯ TỪ NƯỚC ĐỨC. CUỘC CHIẾN TRANH Ở SLÊ-DƠ-VÍCH-HÔN-STAI-NƠ

Khuên, 21 tháng Bảy 1850

Ở Đức hiện nay, dĩ nhiên, tất cả mọi người đều nói về các sự kiện Slê-dơ-vích-Hôn-stai-nơ. Vì ở đất nước các vị, cũng như ở Pháp, người ta có một quan niệm rất mơ hồ về chuyện này, cho nên tôi mạn phép điểm lướt qua những sự kiện này.

Điều đã được làm đủ sáng tỏ là những quốc gia nhỏ bé độc lập bao quanh nước Đức - với hình thức tự do ít nhiều của chúng - đều là những điểm cơ bản tập trung thế lực phản động. Chẳng hạn, nước Bỉ, một quốc gia lập hiến kiểu mẫu, đã trở thành nước đầu tiên trụ lại được trước đòn tháng Hai[83], là nước đầu tiên thiết quân luật và ra những bản án tử hình đối với những người yêu nước[84]. Chẳng hạn như Thụy Sĩ đã tránh cơn bão tố cách mạng bằng một cách rất không khả kính, núp sau bức vạn lý trường thành là giữ lập trường trung lập chừng nào cách mạng ở thời kỳ cao trào, và đảm nhận vai trò là công cụ ngoan ngoãn của Liên minh thần thánh chống lại những

người lưu vong tay không, khi thế lực phản động lại ngóc đầu dậy trên toàn châu Âu. Hiển nhiên là chủ nghĩa tự ngã dân tộc nhỏ nhen của những quốc gia bất lực ấy tất yếu buộc họ phải nhờ cậy vào sự hậu thuẫn chủ yếu là của những chính phủ đã tồn tại từ lâu, *tức là* các chính phủ phản động, nhất là vì họ không thể không biết rằng bất kỳ cuộc cách mạng nào ở châu Âu cũng sẽ đặt nền độc lập dân tộc của họ thành vấn đề - đó là nền độc lập mà chỉ có những kẻ ủng hộ hệ thống chính trị cũ quan tâm bảo vệ.

Đan Mạch là một trong số những quốc gia nhỏ như vậy đã chia sẻ ý thức độc lập dân tộc kiêu ngạo ấy và lòng ước mong quá mức muốn mở rộng lãnh thổ của mình[1]. Chỉ có nước Nga và một nhóm các chính khách nào đó ở Anh là muốn cho Đan Mạch, một quốc gia chỉ sống bằng việc cướp bóc nền thương mại thế giới dưới hình thức thu thuế quan Dun-đơ[85], được độc lập và hùng mạnh. Thông qua một loạt bản hiệp ước được ký trong thế kỷ trước[86], nước Nga đã thật sự nô dịch Đan Mạch; với sự giúp sức của Đan Mạch, nước Nga đã chiếm đoạt vùng Đác-đa-nen miền Ban-tích này. Các chính khách Anh thuộc trường phái cũ cũng muốn nước Đan Mạch mở rộng lãnh thổ; điều đó phù hợp với chính sách trước kia của họ là phân nhỏ Trung Âu ra thành một loạt quốc gia nhỏ thù nghịch với nhau, như thế tạo cho nước Anh cơ hội thực hiện nguyên tắc "chia để trị" đối với những quốc gia ấy.

Ngược lại, ở tất cả các nước mà chính sách của đảng cách mạng luôn luôn hướng vào việc đoàn kết một cách vững chắc các dân tộc lớn trước kia bị phân thành những quốc gia nhỏ, và vào việc bảo

1) Hoàn toàn không phải mọi người đều biết rằng vào các năm 1848-1849 ở Thụy Sĩ người ta đã nói nhiều đến việc sáp nhập vùng Xa-voa và rằng người Thụy Sĩ hy vọng thực hiện chuyện đó nhờ thất bại của cuộc cách mạng ở I-ta-li-a. *Chú thích của Ăng - ghen.*

đảm nền độc lập và sự hùng mạnh không phải cho những dân tộc bị xé vụn như người Đan Mạch, người Crô-a-ti, người Séc, người Xlô-va-ki v.v. và v.v. mà mỗi dân tộc ấy ngay từ đầu có dân số từ một đến ba triệu người, hoặc cho những dân tộc giả hiệu pha trộn như người Thụy Sĩ và người Bỉ, mà là cho những dân tộc đông người và có sức sống hiện đang bị áp bức bởi hệ thống đang thống trị ở châu Âu. Hợp bang các nước cộng hòa châu Âu chỉ có thể được tạo dựng bởi những dân tộc lớn và có sức mạnh ngang nhau, như dân tộc Pháp, dân tộc Anh, Đức, I-ta-li-a, Hung-ga-ri và Ba Lan, nhưng tuyệt nhiên không phải bởi cái gọi là những dân tộc thảm hại và bất lực như người Đan Mạch, người Hà Lan, người Bỉ, người Thụy Sĩ v.v..

Ngoài ra, đảng cách mạng liệu có để cho vị trí hàng hải quan trọng nhất ở miền Bắc - lối vào biển Ban-tích - mãi mãi nằm dưới quyền của người Đan Mạch đầy lòng tự ái hay không? Liệu đảng cách mạng ấy có cho phép người Đan Mạch trả lãi số nợ quốc gia của mình thông qua việc thu thuế quan cao đánh vào mỗi chiếc tàu buôn đi qua eo Dun-dơ và Ben-tơ hay chăng? Đương nhiên là nó không cho phép.

Do hiệu lực của cái quyền thừa kế quý báu coi nhân dân là động sản, Đan Mạch đã sáp nhập vào nó hai khu vực của Đức - Slê-dơ-vích và Hôn-stai-nơ. Mỗi xứ ấy đều có hiến pháp của mình, hiến pháp này đều lặp lại hiến pháp kia, cũng như có cái quyền đã xác lập từ lâu do các vị chúa tể các xứ ấy ban cho, quy định "rằng những nước này phải mãi mãi là những quốc gia thống nhất và không thể chia cắt". Hơn thế nữa, đạo luật về quyền thừa kế ngôi báu ở Đan Mạch khác với thể thức kế thừa ngôi báu tại các công quốc này[87]. Năm 1815 tại Đại hội Viên ô nhục, nơi mà các dân tộc đã bị xé ra các mảnh nhỏ và bị đem bán đấu giá, thì vùng Hôn-stai-nơ đã bị sáp nhập vào Liên bang Đức, còn xứ Slê-dơ-vích thì không bị sáp nhập.

Từ thời điểm đó đảng dân tộc ở Đan Mạch đã uổng công tìm cách sáp nhập xứ Slê-đơ-vích vào Đan Mạch. Cuối cùng thì năm 1848 đã đến. Tháng Ba ở Cô-pen-ha-ghen đã xảy ra những cuộc đấu tranh của quần chúng nhân dân, và đảng dân tộc - tự do đã lên cầm quyền. Nó lập tức công bố hiến pháp và tuyên bố sáp nhập Slê-đơ-vích vào Đan Mạch. Kết quả của việc đó là nổ ra cuộc khởi nghĩa ở các công quốc này và cuộc chiến tranh giữa Đức và Đan Mạch.

Trong khi ở Pô-đơ-nan, ở I-ta-li-a và Hung-ga-ri binh lính Đức chiến đấu chống lại cách mạng thì cuộc chiến tranh ấy ở Slê-đơ-vích là cuộc chiến tranh cách mạng duy nhất mà nước Đức đã tiến hành. Vấn đề là liệu dân chúng ở Slê-đơ-vích có buộc phải gắn vận mệnh của mình với nước Đan Mạch nhỏ bé, bất lực và nửa văn minh và trở thành những nô lệ muôn đời của nước Nga hay không, hay là họ sẽ có được cơ hội tái thống nhất với dân tộc đông bốn chục triệu người - chính là vào lúc ấy đã bị lôi cuốn vào cuộc đấu tranh vì tự do của mình, vì sự thống nhất, do đó, vì sự khôi phục lại thực lực của mình. Các vị vua Đức, đặc biệt là nhân vật nát rượu Phổ đội vương miện[1*], đã hiểu quá rõ ý nghĩa cách mạng của cuộc chiến tranh ấy. Người ta biết rộng rãi về bức thông điệp trong đó viên công sứ Phổ là thiếu tá Vin-đen-brúc[88] đã đề nghị vua nước Đan Mạch[2*] cứ tiếp tục cuộc chiến để *chiếu lệ*, chỉ ở mức độ cần thiết để *cho phép các nhà cách mạng-hăng hái người Đan Mạch và người Đức đã chiến đấu như những chiến sĩ tình nguyện ở cả hai phía, tiêu diệt nhau*. Phù hợp với điều đó, đối với nước Đức chiến tranh là một chuỗi những sự phản bội cho đến trận đánh ở Phrê-đê-ri-xi[89], nơi mà quân đoàn cộng hòa của Slê-đơ-vích-Hôn-stai-nơ, với quân số 10 nghìn người, đã bị tấn công bất ngờ và bị đánh bại bởi những lực

1* - Phri-đrích - Vin-hem IV

2* - Phrê-đê-rích VII

lượng đông gấp ba lần của người Đan Mạch, trong khi 40 nghìn quân Phổ và quân lính khác chỉ ở cách đó có mấy dặm, nhưng đã không đến tiếp viện vào giờ phút khó khăn ấy, đến việc ký bản hòa ước phản bội được vạch ra ở Béc-lin[90], bản hòa ước cho phép nước Nga đổ bộ quân ở Slê-dơ-vích, cho phép Phổ tiến vào Hôn-stai-nơ nhằm đàn áp cuộc khởi nghĩa mà chính Phổ, ít ra là trên phương diện chính thức, đã giúp đỡ và kích động xúi bẩy.

Nếu như trước kia còn có những thắc mắc về việc bên nào đã bảo vệ lợi ích của cách mạng, bên nào đã bảo vệ lợi ích của thế lực phản động thì bây giờ đây những thắc mắc ấy không còn nữa: nước Nga cử hạm đội của mình đến củng cố tình huynh đệ với người Đan Mạch và cùng với họ phong tỏa bờ biển xứ Slê-dơ-vích-Hôn-stai-nơ.

Tất cả "những kẻ mạnh của thế giới này" đều chống lại bộ tộc Đức nhỏ bé này với dân số không quá 850 nghìn người, còn sự chi viện duy nhất mà dân tộc nhỏ bé nhưng dũng cảm này nhận được, - đó là cảm tình của những người cách mạng tất cả các nước. Không nghi ngờ gì nữa, nhân dân ấy sẽ chịu thất bại; nhân dân ấy sẽ có thể kháng cự một thời gian và thậm chí lật nhào chính phủ tư sản phản bội mà Phổ đã áp đặt cho dân tộc ấy; dân tộc ấy có thể gây thất bại cho người Đan Mạch và người Nga; nhưng cuối cùng rồi người ta sẽ đánh bại dân tộc ấy miễn là quân đội Phổ - nó nhất định sẽ tiến vào xứ Hôn-stai-nơ - sẽ không từ chối hành động. Nếu điều đó vẫn xảy ra - tuyệt nhiên không thể hoàn toàn loại trừ điều đó được - thì các vị sẽ thấy tình hình ở Đức sẽ có chiều hướng khác. Ở đó khi ấy có thể sẽ nổ ra cuộc khởi nghĩa, và lại đó sẽ là cuộc khởi nghĩa mà năm 1848 không thể nào so sánh với nó được, vì những việc làm của Liên minh thần thánh đã ảnh hưởng khá đủ đối với dân tộc Đức; nếu như vào năm 1848 thậm chí nền cộng hòa liên bang đã tỏ ra không thể thực hiện được thì giờ đây

nước *Cộng hòa dân chủ Đức thống nhất và không thể chia cắt* và chậm nhất là sau sáu tháng nữa sẽ là nước *Cộng hòa xã hội* sẽ là điều duy nhất có thể chấp nhận được.

Do Ph.Ăng- ghen viết ngày 21 tháng Bảy 1850
Đã đăng trên tạp chí "Democratic Review"
tháng Tám 1850

In theo bản in trên tạp chí
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

C. MÁC

*PHÁC THẢO VỀ NƯỚC ĐỨC ĐỂ VIẾT TÁC PHẨM CỦA C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN "BÀI THỨ BA ĐIỂM TÌNH HÌNH QUỐC TẾ"[91]

1. Sự bộc lộ công khai vị thế đứng đầu của nước Nga. Bá quyền lãnh đạo được chia sẻ giữa Phổ và Áo. Do sự kình địch giữa những nước ấy, các quốc gia nhỏ lại được củng cố, tuy về mặt hình thức. Song dưới con mắt đa số người Đức thì các công tước của những quốc gia nhỏ (ví dụ, của Hét-xen[92], Ba-đen) đã bị ô nhục, và như vậy, các ước nguyện vẫn còn rất mạnh vào năm 1848 muốn coi trọng các khác biệt bộ tộc và địa phương [Stamm- und Städtchendifferenzen] đã bị đập tan. Do phong trào năm 1848, uy quyền của tất cả các nhà đương cục chính thức hiện hữu cũng đã bị phá vỡ.

2. *Nước Phổ*. Giai cấp tư sản đã đạt được mọi cái và thậm chí nhiều hơn những gì nó dám đòi hỏi vào năm 1847, mặc dù nó bị ném ra khỏi *chính phủ*, bị hạ nhục và chỉ nhận được cái vẻ bề ngoài của bản hiến pháp[62].

3. *Nước Áo*. Cho đến nay người ta dành sự yêu chuộng cho nông dân. nông dân đã gặt hái thành quả của cách mạng.

Chế độ bảo hộ đối với ngân hàng[93].

4. *Những bất đồng giữa nước Áo và Phổ trong lĩnh vực chính sách thương mại*. Ở Phổ giai cấp quý tộc mang tư tưởng tự do mậu dịch, cũng giống như giai cấp tư sản công nghiệp ở nước Anh.

Do C.Mác viết vào tháng Mười 1850

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
Công bố lần đầu

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

BẢN SƠ THẢO TUYÊN BỐ VỀ TIỀN CỦA ỦY BAN DÂN CHỦ - XÃ HỘI TRỢ GIÚP NHỮNG NGƯỜI ĐỨC LƯU VONG[94]

1. Do cuộc sống lưu vong vì lý do chính trị - mà các đại biểu của giới lưu vong này đã được các ngài Sáp-pơ và Vi-lích sẵn lòng tiếp nhận vì các lý do tài chính - và do việc kết nạp vào làm hội viên danh dự có quyền bỏ phiếu những nhân vật không trả những khoản hội phí nào cả cho nên tính chất của Hội[1*] đã hoàn toàn thay đổi. Việc cung cấp tiền cho Hội sẽ chỉ dẫn đến chỗ sử dụng số tiền ấy theo cách trái hẳn với mục tiêu ban đầu.

2. Chúng tôi đã tiếp nhận tiền với tư cách là những người được ủy quyền của Hội. Địa vị của những người được ủy quyền được pháp luật nước Anh xác định. Người được ủy quyền có thể sử dụng tiền bạc theo ý mình nếu người ấy có khả năng trả số tiền ấy sau khi có thông báo trước theo thể thức bình thường.

1*- Hội giáo dục công nhân Đức ở Luân Đôn

3. Về việc tạm thời sử dụng tiền thì ngài Sáp-pơ và Vi-lích, mà giờ đây vì những lý do đặc biệt đang đòi trả tiền, biết rất rõ rằng kẻ từ lâu nấp sau lưng Hội, mà đa số hội viên không hề biết trước, là một ủy ban bí mật có những quyền hạn không hạn chế trong việc chi phối các quỹ của Hội. Ngài Sáp-pơ càng biết rõ điều ấy vì ông ta đã nhiều lần thông qua ủy ban này nhận được tiền của Hội để dùng vào những mục đích cá nhân.

4. Mặc dù vậy, chúng tôi đã đề nghị Hội nhận tiền, vì Hội, sau khi tuồng như đã đồng ý với những kiến nghị của chúng tôi, đã bỗng nhiên gọi chúng tôi ra tòa - không có kết quả - chúng tôi đã chuyển tiền cho một vị ở Luân Đôn[1*], số tiền ấy sẽ nằm trong tay vị ấy chừng nào Hội chưa đưa ra được những bảo đảm đầy đủ cho thấy số tiền ấy sẽ được sử dụng phù hợp với mục tiêu ban đầu.

5. Về việc từ chối tuyên bố bằng văn bản thì xét về pháp lý bản tuyên bố này sẽ chẳng có một ý nghĩa nào. Thậm chí lời tuyên bố bằng văn bản cũng không thể đặt những trách nhiệm pháp lý nào lên những người đã ký tên đối với pháp nhân. Lời tuyên bố bằng văn bản sẽ chỉ có một mục đích là sử dụng văn bản ấy để kiện lại.

Những người ký tên đều là công nhân, mà đối với họ thì hoàn toàn không thể chấp nhận sống - bằng việc bóc lột Hội như ngài Sáp-pơ, hoặc sử dụng quỹ lưu vong như ngài Vi-lích[2*].

Do C.Mác và Ph.Ăng - ghen soạn vào cuối tháng Chạp 1850

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
Công bố lần đầu

1*- chắc là U.P.Rô-bóc

2* Ở cuối bản sơ thảo này Mác viết: "Bau-ơ người Pa-ri (8). Pphen-đơ (7)".

CÁC MÁC

* VỀ CUỐN SÁCH CỦA Đ.RI-CÁC-ĐÔ "VỀ NGUYÊN LÝ CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ HỌC VÀ CỦA THUẾ KHÓA"

(CÁC TRÍCH ĐOẠN, NHỮNG NHẬN XÉT, TÓM LƯỢC)[95]

Viết vào tháng Chạp 1850, tháng Ba - tháng Tư 1851
Công bố lần đầu trong cuốn Karl Marx. "Grundrisse der Kritik der politischen Ökonomie. Anhang". Moskau, 1941

In theo bản viết tay
In bằng tiếng Nga lần đầu

RICARDO. (D.) ON THE PRINCIPLES OF POLITICAL ECONOMY, AND TAXATION.

3 ED. LONDON. 1821

(HỌC THUYẾT VỀ TIỀN TỆ)[96]

1) NHỮNG THAY ĐỔI TRONG GIÁ TRỊ[97] *CỦA VÀNG VÀ CỦA BẠC*

[IV-55] "Giá trị của vàng và của bạc bị biến động do đã tìm ra những mỏ mới giàu hơn; ...do trình độ lao động được nâng cao và cải tiến những máy móc dùng để khai thác mỏ" (hoặc chế biến bản thân quặng); "... do sự cạn kiệt của các mỏ" (tr.6) [tr.36]. "Việc chuyển những kim loại ấy đến thị trường có thể trở nên dễ dàng" (tr.77) [tr.79]. "Giá trị của chúng, cũng như giá trị của tất cả các hàng hóa khác, phụ thuộc", xét cho cùng, "vào tổng khối lượng lao động cần thiết để thu được kim loại ấy và chuyên chở nó ra thị trường" (như trên). Những sự biến động ấy của giá trị vàng và bạc không phải là ngẫu nhiên và nhất thời, mà là thường xuyên và tự nhiên (tr.78) [tr.79]. Song chúng bị biến đổi ít hơn tất cả những hàng hóa khác (tr.79) [tr.79]. "Mặc dù vàng và bạc đều là thước đo hay thay đổi.... nhưng chúng là *thước đo qua đó những giá trị khác thể hiện ra, được đánh giá*" (tr.79, 78) [tr.79].

Về khía cạnh này vàng và bạc là *thước đo giá trị, là đồng hồ đo, là đơn vị tính toán, là điểm so sánh*.

2) "NHỮNG HẬU QUẢ KHÁC NHAU NẢY SINH TỪ SỰ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ CỦA TIỀN"[98]

Nếu tiền công tăng vì giá trị của tiền giảm đi thì đồng thời giá trị của tất cả các hàng hóa khác cũng tăng lên; như vậy, sự thay đổi diễn ra không phải trong tỷ lệ giữa các giá trị của lao động và của hàng hóa, mà là trong tỷ lệ chung của chúng đối với tiền (tr.47) [tr.61-62].

Ngoài những thay đổi này sinh do những nguyên nhân thường trực kể trên, giá trị của tiền không ngừng thay đổi do sự phân bố khác nhau của tiền giữa các nước khác nhau "theo những tỷ lệ liên tục biến đổi với từng sự cải tiến máy móc và hoạt động thương mại và với từng sự gia tăng khó khăn" trong việc sản xuất ra "thực phẩm và những tư liệu sinh hoạt cần thiết khác" (tr.48) [tr.62].

"Dù cho *sự biến đổi giá trị của tiền* có lớn bao nhiêu thì sự biến đổi ấy cũng không ảnh hưởng đến *tỷ suất* lợi nhuận"; nếu giá hàng hóa của chủ xưởng tăng từ 1000 p.xt. lên đến 2000 p. xt., hay là tăng 100%, thì giá tư bản của ông ta cũng tăng lên ở mức độ như vậy, nghĩa là cũng tăng lên 100% nếu như những biến đổi về giá trị của tiền cũng có ảnh hưởng như thế đối với giá trị của tư bản ấy.[99] "Như vậy là tỷ suất lợi nhuận vẫn như thế, và người chủ xưởng có trong tay một khối lượng sản phẩm lao động không lớn hơn trước" (tr.51) [tr.64].

3) TIỀN VÀNG VÀ TIỀN BẠC, VÀ NGOẠI THƯƠNG

α) MỖI NƯỚC CHIẾM HỮU VÀNG VÀ BẠC TƯƠNG ỨNG VỚI TRÌNH ĐỘ NỀN THƯƠNG MẠI CỦA MÌNH.

β) NHỮNG NGUYÊN NHÂN KHÁC NHAU GÂY RA NHỮNG SỰ BIẾN ĐỔI VỀ GIÁ TRỊ CỦA VÀNG VÀ BẠC Ở CÁC NƯỚC KHÁC NHAU.

γ) TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

"Vì vàng và bạc đã được chọn làm phương tiện lưu thông phổ biến cho nên cạnh tranh thương mại phân bố chúng giữa các nước khác nhau trên thế giới theo những tỷ lệ tương ứng với sự trao đổi bằng hiện vật có thể diễn ra nếu như không có các kim loại như thế và nền thương mại giữa các nước thuần túy mang tính chất trao đổi. Ví dụ, dạ nỉ được xuất khẩu từ nước Anh sang Bồ Đào Nha chỉ vì ở đó nó được bán lấy khối lượng vàng lớn hơn ở đây; ngược lại, cũng vì nguyên nhân ấy rượu vang được xuất khẩu từ Bồ Đào Nha sang nước Anh. Nếu nền thương mại mang tính chất thuần túy trao đổi thì nó chỉ có thể

tiếp diễn chừng nào nước Anh có thể sản xuất ra dạ nỉ với giá rẻ để với số lượng lao động đó khi sản xuất dạ nỉ nhận được một số lượng rượu vang nhiều hơn là khi sản xuất rượu vang, và ngược lại. Bây giờ lại giả định rằng nước Anh đã tìm ra được một phương pháp sản xuất rượu vang khiến cho nước Anh được lợi hơn nếu tự nó sản xuất ra rượu vang so với khi nhập khẩu rượu; khi ấy nó chuyển một bộ phận tư bản của mình từ ngoại thương sang nội thương: nó sẽ thôi sản xuất dạ nỉ để xuất khẩu và sẽ sản xuất rượu vang cho mình. Giá cả bằng tiền của những hàng hóa ấy cũng sẽ được điều chỉnh theo tình hình ấy: ở nước Anh giá rượu vang sẽ giảm, còn giá dạ nỉ sẽ không thay đổi, còn ở Bồ Đào Nha thì giá của cả hai loại hàng hóa ấy sẽ không có sự biến đổi nào cả. Trong một thời gian nào đó dạ nỉ vẫn sẽ được xuất khẩu từ Anh sang Bồ Đào Nha, vì ở Bồ Đào Nha giá của loại hàng hóa này sẽ vẫn cao hơn ở đây như trước; nhưng thay vì rượu vang người ta sẽ trả bằng tiền khi mua nó cho đến khi sự tích lũy tiền ở Anh và sự giảm sút số lượng tiền ở Bồ Đào Nha sẽ ảnh hưởng đến giá trị tương đối của dạ nỉ ở hai nước đến mức việc xuất khẩu dạ nỉ sẽ không còn đem lại lợi nhuận nữa. [...] Ở nước Anh, giá cả tương đối của rượu vang có thể giảm xuống do có sự cải tiến việc sản xuất rượu vang, còn giá cả tương đối của dạ nỉ có thể tăng lên do sự tích lũy tiền. [Chúng ta hãy giả định rằng] trước khi có sự cải tiến ấy giá rượu vang ở Anh là 50 p. xt., còn giá dạ nỉ là 45 p. xt.; ở Bồ Đào Nha giá rượu vang là 45 p. xt., còn giá dạ nỉ là 50 p. xt.. Người ta sẽ xuất khẩu dạ nỉ từ nước Anh, còn rượu vang sẽ được xuất khẩu từ Bồ Đào Nha - trong cả hai trường hợp đều thu khoản lợi nhuận 5 p. xt.. Thương nhân [IV-56] có thể mua dạ nỉ ở nước Anh với giá 45 p. xt. và bán nó với giá 50 p. xt. ở Bồ Đào Nha, khi mua dạ nỉ trả bằng kỳ phiếu mà anh ta mua bằng tiền Bồ Đào Nha. [...] Trong lúc Bồ Đào Nha xuất khẩu rượu vang thì người xuất khẩu rượu vang ở Bồ Đào Nha lại là người bán kỳ phiếu, tấm kỳ phiếu ấy hoặc được chính người nhập khẩu dạ nỉ mua hoặc được mua bởi người đã bán tấm kỳ phiếu của mình cho anh ta. Như vậy, ở mỗi nước ấy những người xuất khẩu khi bán hàng hóa của mình thì được thanh toán về số hàng hóa của họ mà không cần phải chuyển tiền từ nước này sang nước khác".

(Người nhập khẩu ở nước Anh trả cho người xuất khẩu ở nước Anh, còn người nhập khẩu ở Bồ Đào Nha thì trả cho người xuất khẩu ở Bồ Đào Nha.)

"Để làm việc này không cần có sự giao dịch *trực tiếp* nào giữa người xuất khẩu và người nhập khẩu ở mỗi nước. Nhưng nếu giá rượu vang ở Bồ Đào Nha khiến cho rượu vang không thể xuất khẩu sang Anh được thì người nhập khẩu dạ nỉ sẽ vẫn mua kỳ phiếu như trước đây" (ở người nào?). "song giá của kỳ phiếu ấy sẽ cao hơn, bởi lẽ người bán nó biết rằng trên thị trường không có tấm kỳ phiếu đối ứng để nhờ nó anh ta rốt cuộc có thể điều

tiết những vụ giao dịch giữa hai nước. Chắc hẳn anh ta biết rằng vàng hoặc bạc mà anh ta nhận được khi bán tấm kỳ phiếu, sẽ phải được chuyển thực sự sang nước Anh cho thông tín viên của anh ta để cho người ấy có thể trả tiền theo tấm kỳ phiếu mà để xuất trình nó thì đã được trao những quyền hạn tương ứng; do vậy anh ta đưa vào giá cả tấm kỳ phiếu của mình tất cả những chi phí có thể phát sinh cùng với khoản lợi nhuận thông thường của mình. Do đó, nếu khoản thưởng ấy về tấm kỳ phiếu phát sang nước Anh sẽ bằng khoản lợi nhuận nhờ nhập khẩu dạ nỉ, thì tất nhiên việc nhập khẩu sẽ chấm dứt. Nhưng nếu khoản tiền thưởng về tấm kỳ phiếu sẽ chỉ bằng 2%, nếu như để có thể trang trải món nợ 100 p. xt. ở nước Anh, cần phải trả 102 p. xt. ở Bồ Đào Nha trong khi số dạ nỉ giá 45 p. xt. sẽ được bán với giá 50 p.xt., [thì dạ nỉ sẽ được nhập khẩu], còn các tấm kỳ phiếu sẽ được mua và tiền sẽ được xuất khẩu cho đến khi số lượng tiền ở Bồ Đào Nha giảm đi và được tích lũy ở nước Anh sẽ dẫn đến tình hình giá cả khiến cho sẽ không có lợi nữa nếu cứ tiếp tục những dịch vụ mua bán ấy. Nhưng sự giảm số lượng tiền ở nước này và sự tăng số lượng tiền ở nước kia ảnh hưởng đến giá cả chẳng những của một loại hàng hóa nào đó, mà ảnh hưởng đến giá cả của tất cả các hàng hóa. Do vậy, giá rượu vang cũng như giá dạ nỉ sẽ tăng lên ở Anh và sẽ giảm đi ở Bồ Đào Nha. Ví dụ, giá dạ nỉ ở Bồ Đào Nha sẽ giảm từ 50 p. xt. xuống còn 49 hoặc 48 p. xt. và sẽ tăng lên ở Anh đến 46 hoặc 47 p. xt., kết quả là sau khi trả khoản tiền thưởng về tấm kỳ phiếu thì các mức giá ấy sẽ không đem lại số lợi nhuận đủ để cho một thương nhân nào đó có sự kích thích nhập khẩu loại hàng hóa này. Như vậy, ở mỗi nước tiền chỉ được chiếm hữu với những số lượng cần thiết để điều chỉnh mức lợi nhuận của sự trao đổi[100]. Do đó, khi đến thời điểm việc trao đổi thôi không còn hữu ích nữa thì tiền sẽ thôi không chảy từ nước này sang nước khác, việc buôn bán giữa hai nước ấy sẽ chấm dứt. Cả hai nước sẽ sản xuất dạ nỉ của chính mình và rượu vang của chính mình, nhưng đồng thời sẽ diễn ra sự phân bố mới các kim loại quý. Tuy ở nước Anh rượu vang sẽ rẻ hơn, nhưng giá dạ nỉ sẽ tăng lên, và người tiêu dùng sẽ phải trả giá nhiều hơn cho dạ nỉ, trong khi ấy ở Bồ Đào Nha những người tiêu dùng dạ nỉ và rượu vang sẽ có khả năng mua những mặt hàng này với giá rẻ hơn. Ở đất nước đã có sự cải tiến thì giá cả sẽ tăng lên, còn ở đất nước không diễn ra sự thay đổi nào - nhưng nước này đã bị mất đi ngành ngoại thương có lãi - thì giá cả sẽ giảm xuống. Song đối với Bồ Đào Nha, điều đó chỉ là lợi thế bề ngoài, bởi vì *tổng* số lượng rượu vang và dạ nỉ được sản xuất ra ở nước này sẽ giảm trong khi ở nước Anh khối lượng ấy sẽ tăng lên. Giá trị của tiền sẽ giảm đi ở Anh và sẽ tăng lên ở Bồ Đào Nha. Tổng thu nhập thể hiện bằng tiền của Bồ Đào Nha sẽ giảm đi, còn tổng thu nhập của Anh thì sẽ tăng lên. Như vậy, sự cải tiến sản xuất ở một nước nào đó làm thay đổi sự phân bố các kim loại quý giữa các nước trên thế giới;nó kích thích tăng khối lượng hàng hóa và đồng thời dẫn

đến sự tăng giá phổ biến tại nước có sự cải tiến ấy. Nhưng vì sự trao đổi giữa hai nước không hạn chế ở hai mặt hàng như dạ nỉ và rượu vang, mà có nhiều mặt hàng khác nhau tham gia vào các hoạt động nhập khẩu và xuất khẩu; vì việc tiền bị đưa ra khỏi nước này và được tích lũy ở nước khác đều ảnh hưởng đến giá cả của tất cả các mặt hàng và, do đó, khuyến khích việc xuất khẩu nhiều mặt hàng khác ngoài tiền tệ ra, cho nên qua đó mà ngăn ngừa được sự thay đổi hết sức lớn về giá trị của tiền ở cả hai nước, một sự thay đổi có thể chờ đợi diễn ra trong những điều kiện khác" (tr. 143-150) [tr.118 - 122]. "*Ngoài những cải tiến trong sản xuất và trong các máy móc* còn có những nguyên nhân khác thường xuyên ảnh hưởng đến tiến trình tự nhiên của thương mại và làm mất thế cân bằng và *giá trị tương đối của tiền. Những khoản thưởng về xuất khẩu hoặc nhập khẩu*[101], *những khoản thuế* mới *đánh vào hàng hóa* đôi khi phá vỡ trực tiếp, đôi khi phá vỡ một cách gián tiếp tiến trình tự nhiên của nền thương mại trao đổi và kết quả là làm nảy sinh sự cần thiết phải xuất khẩu hoặc nhập khẩu tiền; [...] kết quả như thế không những nảy sinh ở nước có sự tác động của nguyên nhân gây ra sự phá vỡ thế cân bằng, mà ít nhiều còn nảy sinh trên thị trường thế giới. Điều đó cắt nghĩa *giá trị khác nhau của tiền ở các nước khác nhau*, điều đó cắt nghĩa tình trạng ở những nước có nền công nghiệp thịnh vượng" [giá cả] các sản phẩm nông nghiệp "cao hơn" bởi vì "nhờ tài nghệ của mình và nhờ máy móc những nước này bán hàng hóa đối dào của mình để nhập tiền vào" (tr. 150 - 151) [tr.122].

[IV-57] Như vậy, "ngoài những thay đổi thông thường trong giá trị của tiền và ngoài những thay đổi chung cho toàn thế giới thương mại ra, cũng có những thay đổi cục bộ của tiền tệ ở từng nước. *Giá trị của tiền tệ không bao giờ giống nhau ở hai nước*, vì giá trị ấy phụ thuộc vào những sự khác biệt trong lĩnh vực thuế khóa của các nước ấy hoặc trong tài nghệ công nghiệp, trong những ưu thế về khí hậu, trong những tài nguyên thiên nhiên, cũng như vào nhiều nguyên nhân khác ... Cả hiện tượng tiền nhập vào, cả hiện tượng tiền bị xuất ra khỏi nước đều không tác động gì đến *tỷ suất* lợi nhuận. Tư bản sẽ không tăng lên do số lượng tiền nằm trong lưu thông tăng lên" (vì lợi nhuận, địa tô, tiền công tăng theo cùng tỷ lệ như tỷ lệ tăng số lượng tiền nằm trong lưu thông. Như vậy, [tỷ suất] lợi nhuận vẫn giữ nguyên khi địa tô và tiền công tăng 20%; nhưng đồng thời cả giá trị danh nghĩa của số tư bản của người phéc-mi-ê cũng tăng 20%) (tr.151-152) [tr.123].

"Trong các giai đoạn phát triển ban đầu của xã hội, khi công nghiệp còn ít phát triển và tất cả các nước đều sản xuất những hàng hóa hầu như giống nhau, chủ yếu là những hàng hóa cồng kềnh và thông dụng nhất, thì giá trị của tiền ở các nước khác nhau được điều tiết chủ yếu bằng *khoảng cách của những nước ấy với những mỏ* khai thác các kim loại quý; nhưng theo đà phát triển của nghề thủ công trong xã hội và do người ta ngày

càng áp dụng những cải tiến kỹ thuật, còn các dân tộc khác nhau thì có được ưu thế trong một số ngành công nghiệp, nhân tố chủ yếu điều tiết giá trị của các kim loại quý là ưu thế của các ngành công nghiệp như vậy, mặc dù khoảng cách vẫn còn được tính đến" (tr.153) [tr.123]. "Chỉ có hai nguyên nhân ấy" - khoảng cách đến các mỏ khai thác vàng, cũng như sự khác biệt về ưu thế của tài nghệ công nghiệp và của máy móc - "mới điều tiết giá trị tương đối của tiền ở các nước khác nhau trên thế giới, bởi lẽ tuy chính việc đánh thuế dẫn đến phá vỡ sự cân bằng tiền tệ, nhưng điều đó xảy ra chỉ vì đất nước áp dụng các sắc thuế thì lại bị mất đi một số ưu thế của mình liên quan đến kinh nghiệm, tài nghệ và khí hậu" (tr.154-155) [tr.124].

(Ở đây nhấn mạnh sự khác biệt sau đây: hàng hóa ấy có cồng kềnh không, nặng nề hay là trong thể tích không lớn của nó lại chứa đựng một giá lớn hơn; vậy là, nhấn mạnh sự khác biệt giữa sản phẩm nông nghiệp và sản phẩm công nghiệp.)

Vậy là ở những nước đặc biệt phát triển về công nghiệp thì "giá trị của tiền sẽ thấp hơn, còn giá lúa mì và giá lao động thì cao hơn ở những nước khác. *Giá trị cao hơn ấy của tiền*" tồn tại vì nguyên nhân kể trên ở những nước có tình hình ít thuận lợi hơn thì "*sẽ không do tỉ giá hối đoái* quyết định. Cũng như trước kia, các tấm kỳ phiếu có thể được trao đổi theo tỷ giá danh nghĩa, mặc dù giá lúa mì và giá lao động ở nước này sẽ cao hơn 10, 20 hoặc 30% so với ở nước kia. Với bối cảnh đã giả định, một sự khác nhau như thế về giá cả sẽ là điều bình thường, và *tỷ giá hối đoái có thể giữ ở mức danh nghĩa chỉ trong trường hợp nếu như nước có nền công nghiệp phát triển nhập một số lượng tiền đủ để giá lúa mì và giá lao động ở nước ấy tăng lên một cách tương ứng*. Nếu những nước khác sẽ cản trở việc xuất khẩu tiền và biết cách buộc người ta phải tuân theo luật lệ ấy thì họ thật sự có thể ngăn cản sự tăng giá lúa mì và giá lao động ở nước công nghiệp. Bởi vì hiện tượng tăng giá như thế chỉ có thể xảy ra trong trường hợp các kim loại quý được nhập với điều kiện là không sử dụng tiền giấy. Nhưng các nước ấy không thể ngăn cản việc tỷ giá hối đoái rất bất lợi đối với họ. Nếu như nước Anh là một nước công nghiệp như thế và nếu như có thể ngăn cản việc nhập khẩu tiền thì tỷ giá hối đoái với Pháp, với Hà Lan và với Tây Ban Nha có thể chênh lệch 5, 10 hoặc 20% bất lợi cho những nước ấy. Khi dòng tiền tệ bị chặn lại một cách cưỡng bức và có những trở ngại để tiến đạt đến mức bình thường của chúng, thì không có những trở ngại đối với *những thay đổi có thể có của tỷ giá hối đoái*. Kết quả cũng hệt như khi *đưa vào lưu thông những tiền giấy không đổi ra vàng được*. Sự lưu thông của những tiền ấy tất yếu bị hạn chế ở phạm vi quốc gia đã phát hành chúng: với số lượng chúng quá nhiều, chúng không thể được phổ biến rộng rãi sang các

nước khác. Mức độ lưu thông bị phá vỡ, thế là tỷ giá hối đoái sẽ bất lợi đối với quốc gia mà tại đó có quá nhiều tiền lưu thông. Tác động của lưu thông bằng tiền kim loại cũng hệt như vậy nếu dùng những biện pháp cưỡng bức, dùng các luật lệ không thể qua mặt, để kìm giữ tiền ở trong nước, trong khi đó tiến trình thương mại xô đẩy chúng theo hướng chạy tới những nước khác. Khi mỗi nước có đúng số lượng tiền mà nó phải có thì tiền ở một nước này sẽ không thật sự có giá trị như ở nước kia: đối với nhiều hàng hóa sự chênh lệch ấy có thể là 5, 10 hoặc thậm chí 20%, nhưng tỷ giá hối đoái sẽ có tính chất danh nghĩa. Ở nước Anh 100 p. xt. hoặc số bạc chứa đựng trong 100 p.xt. mua được tấm kỳ phiếu 100 p. xt. hoặc mua được một lượng bạc ngang bằng ở Pháp, ở Tây Ban Nha hoặc ở Hà Lan. Khi nói về tỷ giá hối đoái và giá trị khác nhau của tiền ở các nước khác nhau, chúng ta không được tính đến giá trị của tiền được thể hiện trong các hàng hóa của nước này hay nước khác. Tỷ giá hối đoái không bao giờ được xác định bằng cách đánh giá giá trị khác nhau của tiền bằng lúa mì, dạ nỉ hoặc mặt hàng nào khác, nhưng bằng cách đánh giá giá trị của các phương tiện lưu thông của nước này bằng phương tiện lưu thông của nước khác. Cũng có thể xác định tỉ giá ấy [IV-58] bằng cách so sánh với một thước đo nào đó chung cho cả hai nước. Nếu tấm kỳ phiếu 100 p. xt. phát hành cho nước Anh sẽ mua được một số lượng hàng hóa như thế ở Pháp hoặc ở Tây Ban Nha, giống như tấm kỳ phiếu cùng mệnh giá như thế phát hành cho Hăm-buốc, - thì tỷ giá hối đoái giữa Hăm-buốc và nước Anh đứng ở mức danh nghĩa; nhưng nếu tấm kỳ phiếu 130 p. xt. phát hành cho nước Anh sẽ mua được lượng hàng hóa không nhiều hơn là tấm kỳ phiếu 100 p. xt. phát hành cho Hăm-buốc, thì tỷ giá hối đoái ấy chênh lệch 30% so với ở nước Anh. Giả sử ở nước Anh 100 p. xt. có thể mua được tấm kỳ phiếu hoặc quyền nhận 101 p. xt. ở Hà Lan, 102 p. xt. ở Pháp và 105 p. xt. ở Tây Ban Nha. Khi ấy tỷ giá hối đoái giữa nước Anh và các nước kia chênh lệch 1% so với ở Hà Lan, 2% so với ở nước Pháp và 5% so với ở Tây Ban Nha. Tình hình này chứng tỏ rằng mức lưu thông tiền tệ tại các nước này cao hơn mức cần thiết, và giá trị tương đối của số tiền nằm trong lưu thông ở các nước ấy và ở nước Anh sẽ lập tức trở về mức danh nghĩa trong điều kiện số lượng tiền lưu thông ở những nước ấy giảm đi hoặc số lượng ấy tăng lên ở Anh". Trong 10 năm trở lại đây, khi tỷ giá hối đoái dao động từ 20% đến 30% so với nước Anh thì tiền ở nước này bị mất giá không phải vì giá trị của tiền, so với các hàng hóa khác nhau, không thể ở nước này cao hơn so với ở nước khác; "130 p. xt. đã không thể trụ lại ở Anh mà lại không bị mất giá, nếu như khi đem chúng ra định giá bằng tiền của Hăm-buốc hay của Hà Lan, mà chúng đại diện cho một giá trị không lớn hơn một thỏi kim loại quý trị giá 100 p. xt.. Khi gửi đến Hăm-buốc 130 pao của Anh có giá trị đầy đủ thì tôi sẽ có ở đấy 125 p. xt. ngay cả khi phải chi phí 5 p. xt. vào khâu vận chuyển, vậy trong trường hợp này điều gì đã thúc đẩy

tôi trả 130 p. xt. cho tấm kỳ phiếu sẽ chỉ mang lại cho tôi 100 p. xt. ở Hăm-buốc, nếu không phải là do những đồng pao xtéc-linh của tôi không có giá trị đầy đủ. Chúng đã bị hư hỏng, giá trị bên trong của chúng đã giảm xuống thấp hơn những pao xtéc-linh ở Hăm-buốc, và nếu chúng thực sự được gửi đến đó với chi phí vận chuyển 5 p. xt. thì [chúng] sẽ chỉ được mua với giá 100 p. xt..Đối với những pao xtéc-linh kim loại thì không ai phủ nhận rằng khi bỏ ra 130 p. xt. tôi sẽ nhận được 125 p. xt. ở Hăm-buốc, nhưng đổi lại những pao tiền giấy tôi đã chỉ có thể nhận được 100 p. xt.[102]; thế nhưng người ta đã khẳng định rằng 130 p. xt. tiền giấy bằng 130 p. xt. bằng vàng hoặc bằng bạc" (tr. 156-60) [tr.125-127].

Do đó, về tỷ giá hối đoái Ri-các-đô đã khẳng định điều sau đây: vì tiền được phân bố một cách tự nhiên giữa các nước khác nhau tương ứng với trình độ phát triển của nền công nghiệp ở những nước ấy và đặc biệt là với mức xuất khẩu của chúng - kết quả của sự phát triển ấy - cho nên tỷ giá hối đoái bất lợi chỉ là bằng chứng cho thấy rằng nước có tỷ giá hối đoái bất lợi không xuất khẩu một khối lượng tương ứng những kim loại quý sang nước khác có tỷ giá hối đoái có lợi. Ở nước có tỷ giá hối đoái thuận lợi thì tổng số phương tiện lưu thông[103] tăng lên, vì nó không nhập khẩu một khối lượng kim loại quý tương ứng với mức độ thương mại của nó. Tại nước có tỷ giá hối đoái bất lợi, các phương tiện lưu thông bị mất giá, vì nước này giữ lại trong nước mình một khối lượng kim loại quý cao hơn mức độ thương mại của nó. Nếu tình hình đó không phải do những nguyên nhân miễn cưỡng phá vỡ thế cân bằng, thì tỷ giá hối đoái có thể tăng lên so với một nước chỉ tới giới hạn khi mà việc xuất khẩu vàng và bạc trở nên rẻ hơn là khoản lời nhờ các kỳ phiếu, hoặc khi mà khoản lời này không thể vượt quá những khoản chi phí cho việc trực tiếp vận chuyển vàng và bạc, mà lại không gây nên - thực tế là liền sau đó - việc xuất như thế và không qua đó mà khôi phục lại, bằng hoạt động này, mức danh nghĩa của tỷ giá hối đoái. Nếu điều đó không xảy ra thì việc xuất khẩu vàng và bạc sẽ bị cấm một cách cưỡng bức và như vậy số lượng tiền kim loại trong lưu thông sẽ tăng lên một cách cưỡng bức, hoặc là việc phát hành quá mức tiền giấy đã làm mất giá số tiền lưu thông trong nước, cho nên khoản lời nhờ các kỳ

phiếu đem lại sẽ tăng lên không phải bằng lượng chi phí cho công việc xuất khẩu kim loại quý, mà lại vượt lượng mất giá của tiền giấy, và vượt tất cả các khoản chi gộp lại. Tỷ giá hối đoái biểu thị giá trị của các phương tiện lưu thông của một nước thể hiện qua các phương tiện lưu thông của nước khác. Nếu tỷ giá ấy không đứng ở mức danh nghĩa thì điều đó xảy ra không phải vì giá trị của tiền ở một nước thấp hơn hoặc cao hơn so với giá trị của những hàng hóa khác nhau khác, mà ngược lại, vì người ta không cho phép giá trị các phương tiện lưu thông ở mỗi nước trong số hai nước ấy - so với những nước khác - lại ở mức thấp hoặc cao chỉ do những giao dịch thương mại chế định.

' Nhưng nếu như lần nào Ri-các-đô cũng suy tỷ giá hối đoái bất lợi là do tình trạng tăng lên quá mức của số phương tiện lưu thông ở nước có tỷ giá hối đoái bất lợi, thì: 1) ông đã đánh đồng tỷ giá hối đoái thực tế và tỷ giá hối đoái danh nghĩa; 2) đối với nước chỉ có lưu thông tiền kim loại và không áp dụng các biện pháp cưỡng bức chống lại việc xuất khẩu kim loại quý thì tỷ giá hối đoái không bao giờ có thể bị bất lợi; 3) như thế thực sự đã không nói điều gì khác ngoài ý kiến cho rằng tỷ giá hối đoái cho thấy rằng tiền phải được xuất từ nước này sang nước khác không phải vì số lượng phương tiện lưu thông vượt trội mức [danh nghĩa], mà vì nước này là con nợ của nước kia. Ở đây điều quan trọng chỉ là ở chỗ sự khác biệt về giá trị của tiền ở các nước khác nhau không đụng chạm đến tỷ giá hối đoái.

4) "TIỀN CHỈ LÀ THƯỚC ĐO DỂ BIỂU THỊ *GIÁ TRỊ TƯƠNG ĐỐI", SỐ LƯỢNG MỘT LOẠI HÀNG HÓA MÀ NGƯỜI TA ĐEM TRAO ĐỔI LẤY LOẠI HÀNG HÓA KHÁC* (tr.180, 181) [tr.139]

5) THUẾ ĐÁNH VÀO VÀNG. (HAY LÀ VẤN ĐỀ: *KHÓ KHĂN TĂNG LÊN TRONG SẢN XUẤT* VÀNG ẢNH HƯỞNG NHƯ THẾ NÀO ĐẾN *GIÁ TRỊ CỦA VÀNG?)*

[IV-59] "Thuế đánh vào vàng sẽ bổ lên những ai có tài sản là tiền, và điều này sẽ tiếp diễn *cho đến khi số lượng tiền giảm tỷ lệ với mức tăng chi phí sản xuất vàng do thuế làm phát sinh*". "*Số cầu về tiền không có sự biểu hiện xác định về số lượng* như số cầu về các mặt hàng về y phục hoặc ăn uống. *Số cầu về tiền được điều tiết hoàn toàn bởi giá trị của chúng, còn giá trị của chúng lại được điều tiết bởi số lượng của tiền*".

(Về sau lại nói: số lượng tiền được điều tiết bởi giá trị của chúng.)

"Nếu giá trị của vàng tăng lên gấp đôi thì một nửa số lượng của vàng sẽ có thể thực hiện chừng ấy chức năng trong lưu thông, còn nếu giá trị của vàng giảm đi hai lần thì để thực hiện những chức năng ấy cần có số vàng nhiều gấp đôi. Nếu giá thị trường[104] của lúa mì - do bị đánh thuế hoặc do sản xuất lúa mì có khó khăn hơn trước, - tăng lên một phần mười, thì người ta hoài nghi điều đó có thể ảnh hưởng ở mức độ nào đó đến số lượng tiêu dùng lúa mì", bởi vì có một nhu cầu nào đó về lúa mì. "Còn về tiền tệ thì số cầu về chúng lại tỷ lệ thuận với giá trị của chúng. Không ai có thể ăn một lượng bánh mì nhiều gấp đôi mức bình thường cần phải có" để thỏa mãn nhu cầu của người đó[105]. "nhưng mỗi người mua và bán cùng một số lượng hàng hóa thì có thể buộc phải dùng số lượng tiền nhiều hơn trước gấp hai, gấp ba hoặc gấp mấy lần". Đây là nói nước "có sử dụng các kim loại quý làm tiền", nhưng tiền giấy thì chưa được áp dụng... "Vì số lượng tiền giấy có thể dễ dàng giảm đi, nên giá trị của tiền giấy - tuy thước đo của chúng là vàng - vẫn có thể tăng lên nhanh chóng như giá trị của chính vàng... Khi giá trị của tiền bị giảm thì tình trạng tăng số lượng của nó không có giới hạn nào cả, số lượng tiền ấy có thể bị áp đặt" cho nước ấy "bởi nền ngoại thương, còn khi giá trị của tiền tăng lên" thì nước ấy "sẽ phải chấp nhận mọi sự giảm số lượng tiền... Nếu như [do áp dụng thuế] trong các mỏ chỉ khai thác bằng 1/10 số lượng vàng hiện đang sản xuất thì giá trị của 1/10 ấy sẽ bằng giá trị của 10/10 số lượng vàng hiện đang được sản xuất ra... Sự tương ứng giữa giá trị thị trường và giá trị tự nhiên[106] của tất cả mọi thứ hàng hóa vào tất cả mọi thời đại, đều phụ thuộc vào tính chất dễ dàng của sự tăng lên hoặc giảm xuống về số cung của chúng" (tức là số lượng sản xuất ra chúng). "Trong những trường hợp trước mặt chúng ta là những loại hàng hóa như vàng, nhà cửa, lao động và nhiều hàng hóa khác thì một kết quả như vậy không thể có được nhanh chóng" (tr. 216-221) [tr. 161-164].

Thật là một chương sách hết sức rối mù. Theo Ri-các-đô, chi phí sản xuất vàng chỉ có thể có tác động khi vì lý do đó mà số lượng vàng tăng lên hoặc giảm đi, mà tác động ấy chỉ biểu hiện ra rất muộn. Mặt khác: theo sự giải thích ấy, người ta hoàn toàn không

cần biết khối lượng tiền trong lưu thông là bao nhiêu, bởi vì trong lưu thông có nhiều kim loại có giá trị thấp hay là có ít kim loại có giá trị cao thì điều ấy không quan trọng. Nhưng phải chăng số lượng mua và bán tăng lên diễn ra trong cùng một thời điểm há không đòi hỏi một khối lượng phương tiện lưu thông lớn hơn hay sao? Và nếu trong lưu thông chỉ có tiền có giá trị cao thì số tiền ấy không đủ để dùng trong trao đổi giữa người tiêu dùng và các thương nhân bán lẻ cũng như để dùng cho sản xuất. Điều đó cũng chẳng khác gì nếu như, chẳng hạn, trong lưu thông chỉ có giấy bạc ngân hàng trị giá 500p. xt..

6) LÃI SUẤT [CHO VAY] TIỀN

"Rốt cuộc thì lãi suất luôn luôn được điều tiết bởi tỷ suất lợi nhuận. Song, nó chịu những biến động nhất thời khác nhau. Mỗi khi số lượng và giá trị của tiền thay đổi thì giá cả của hàng hóa cũng thay đổi. [...] Nếu giá thị trường của hàng hóa giảm", ví dụ, "do giá trị của tiền tăng lên", thì trong tay các chủ xưởng và thương nhân tích lũy một số lượng lớn hàng hóa mà những chủ xưởng và thương nhân ấy không muốn bán theo giá rất hạ. "Để thực hiện những khoản thanh toán thông thường của mình mà ông ta đã quen trang trải nhờ vào số tiền bán hàng của mình, thì ông ta [chủ xưởng] giờ đây lại tìm cách vay tiền và thường bị buộc phải trả những lãi suất tăng cao" (tr.349-350) [tr. 245].

Vậy là: khối lượng tiền giảm đi làm tăng giá trị của chúng, giá hàng hóa giảm đi theo tỷ lệ với mức tăng ấy, kết quả là nhu cầu về tín dụng tăng lên, do đó mà lãi suất cũng tăng lên. Để đi tới xem xét lãi suất, ở đây Ri-các-đô, như mọi khi, trước hết giả định tác động trực tiếp của [sự thay đổi] khối lượng tiền đến [giá cả] hàng hóa, trong khi thị trường tín dụng lại do những tình huống hoàn toàn khác quy định.

7) TIỀN, XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU

[IV-60] "Tất cả những gì tạo dễ dàng cho việc xuất khẩu đều góp phần vào việc tích lũy tiền ở trong nước, còn tất cả những gì gây khó khăn cho việc xuất khẩu thì góp phần làm giảm số lượng tiền" (tr. 373) [tr. 259].

8) VỀ LƯU THÔNG TIỀN TỆ VÀ NGÂN HÀNG. TIỀN GIẤY. SỰ HOẢNG LOẠN. NHÀ NƯỚC PHÁT HÀNH GIẤY BẠC. NÊN DÀNH CHO AI QUYỀN PHÁT HÀNH TIỀN GIẤY: NÊN DÀNH CHO NHÀ NƯỚC HAY LÀ CHO MỘT CÔNG TY THƯƠNG MẠI NÀO ĐÓ? ĐIỀU NÓI SAU ẤY CÓ CẦN THIẾT ĐỐI VỚI THƯƠNG MẠI HAY KHÔNG? VÀNG

Vàng đắt hơn bạc 15 lần, vì để sản xuất ra số lượng vàng nhất định nào đó cần một khối lượng lao động nhiều hơn 15 lần (tr.421) [tr. 288].

Số lượng tiền có thể được sử dụng ở một nước nào đó tùy thuộc vào giá trị của chúng. Nếu trong lưu thông chỉ có vàng thì sẽ cần số lượng vàng ít hơn 15 lần so với trường hợp nếu chỉ sử dụng bạc vào mục đích ấy (như trên). "Lưu thông không bao giờ có thể đổi dào đến mức vượt ra khỏi bến bờ; giá trị của các phương tiện lưu thông giảm đi sẽ dẫn đến chỗ làm tăng số lượng phương tiện lưu thông theo cùng tỷ lệ, còn khi giá trị của các phương tiện lưu thông tăng lên sẽ làm giảm, theo cùng một tỷ lệ, số lượng các phương tiện lưu thông ấy" (tr.422) [tr. 288].

"Chừng nào chỉ có nhà nước thực hiện việc đúc tiền thì không thể có giới hạn đối với *khoản thuế* mà nhà nước *thu* về chuyện ấy, bởi vì bằng cách giảm số lượng tiền đúc, giá trị của tiền đúc có thể tăng lên đến bất kỳ giới hạn nào. Nguyên tắc này là cơ sở của lưu thông tiền giấy. Tất cả mọi chi phí liên quan với sự lưu thông tiền giấy có thể coi là khoản thuế về việc đúc tiền. Tuy tiền giấy không có giá trị nội tại, nhưng [trong trường hợp hạn chế số lượng tiền giấy] giá trị trao đổi của chúng cũng vẫn lớn như giá trị của tiền đúc cùng mệnh giá hoặc của kim loại quý chứa đựng trong tiền đúc ấy. Cũng vì nguyên nhân đó mà tiền đúc đã mòn, do hạn chế số lượng của nó, cũng có thể lưu thông như trường hợp nó còn đầy đủ trọng lượng" (tr. 422) [tr. 289].

"Để đảm bảo giá trị của tiền giấy, không cần thiết phải đổi tiền giấy lấy tiền đúc. Chỉ cần một điều là số lượng tiền giấy phải được điều tiết theo giá trị của kim loại được tuyên bố là thước đo tiền tệ. Nếu thước đo như vậy là vàng với một chuẩn độ nhất định và một trọng lượng nhất định, thì có thể tăng số lượng tiền giấy mỗi lần giá trị của vàng sụt xuống hoặc, điều này cũng vậy thôi, mỗi khi giá cả của hàng hóa tăng lên" (tr.424) [tr. 290].

[Ri-các đô] cho rằng để ngăn ngừa tình trạng phát hành tiền giấy quá mức

"không có biện pháp nào thích hợp hơn là giao trách nhiệm dùng vàng dưới dạng tiền đúc hoặc thỏi trả thay giấy bạc" (tr.426) [tr.292]. "Để bảo đảm cho dân cư khỏi bị mọi thay đổi khác trong giá trị của các phương tiện lưu thông, ngoài những thay đổi mà bản thân thước đo tiền tệ trải qua, và đồng thời tiến hành lưu thông nhờ phương tiện rẻ tiền nhất, nghĩa là, do đó, đưa lưu thông tiền tệ đến trình độ hoàn hảo nhất", chỉ cần "giao cho Ngân hàng [Anh] trách nhiệm xuất những thỏi vàng hoặc bạc với giá và độ tuổi mà Sở đúc tiền đã ấn định để đổi lấy giấy bạc, chứ không phải là xuất những đồng ghi-nê. Nhờ vậy, sự sụt tỷ giá của giấy bạc xuống thấp hơn giá trị của các thỏi kim loại quý sẽ kèm theo sự hạn chế ngay lập tức số lượng tiền giấy. Để ngăn ngừa sự tăng giá của tiền giấy cao hơn giá trị của các thỏi kim loại quý, cũng cần phải bắt Ngân hàng phải xuất giấy bạc của nó đổi lấy vàng với độ tuổi tiêu chuẩn theo giá" của Sở đúc tiền (tr.427) [tr.292]. Đồng thời cần phải cho hoàn toàn tự do xuất khẩu và nhập khẩu kim loại quý dưới dạng thỏi (tr.428) [tr. 293].

"Các ngân hàng không có *bất kỳ bảo đảm nào với bất kỳ hệ thống nào để chống lại trạng thái hoảng loạn phổ biến* bao trùm đất nước khi mỗi người đều muốn có kim loại quý coi là phương tiện tốt nhất để thực hiện hoặc để giấu tài sản của mình; các ngân hàng chịu sự hoảng loạn như vậy do bản chất của nó, vì *trong bất cứ ngân hàng nào hoặc ở bất cứ nước nào không bao giờ có thể có số lượng tiền đúc hoặc thỏi kim loại quý* mà những người có tiền của nước đó có quyền đòi hỏi. Nếu tất cả họ trong cùng một ngày đều đòi lấy tiền gửi của mình ở các chủ ngân hàng của mình, thì số lượng tiền giấy lưu thông trong thời điểm đó"[107] thường "sẽ không đủ để thỏa mãn những yêu cầu như vậy" (tr. 429 - 430) [tr. 294]. Mối lợi lớn nhất mà hệ thống đó đưa lại [108] sẽ là: nhờ thay một phương tiện lưu thông rất quý bằng một phương tiện lưu thông rất rẻ, đất nước sẽ có được khả năng sử dụng có hiệu suất khoản tư bản bằng số tiền (đôi ra) ấy (tr. 432) [tr. 295]. "Lưu thông tiền tệ ở *vào trạng thái hoàn hảo nhất*" khi nó hoàn toàn gồm *tiền giấy* mà giá trị của chúng bằng giá trị của vàng mà chúng đại diện. Việc dùng tiền giấy thay cho vàng thay thế phương tiện lưu thông đắt nhất bằng phương tiện lưu thông rẻ nhất và tạo khả năng cho đất nước - không gây tổn thất cho từng người - đổi toàn bộ số vàng mà trước đó đã được dùng cho mục đích lưu thông lấy nguyên vật liệu, công cụ và lương thực thực phẩm" (tr. 432 - 433) [tr. 295 - 296].

Nhưng dù sao cũng chỉ có số vàng mà Ngân hàng không tích lũy trong các hầm chứa của mình hay sao?

"Giả sử *để trang cấp cho một đợt phát hành giấy bạc nào đó cần có một triệu đồng*. Nếu như nhà nước phát hành một triệu tiền giấy và thu hồi khỏi lưu thông một triệu tiền

kim loại thì đợt phát hành này được trang cấp mà không gây ra gánh nặng nào cho dân chúng. Nhưng nếu một triệu đồng ấy được Ngân hàng tung vào lưu thông và nó cấp khoản tín dụng ấy cho nhà nước với lãi suất 7% thì đất nước sẽ gánh khoản thuế thường xuyên nộp hàng năm là 70.000 p. xt.; nhân dân sẽ phải đóng thuế, còn Ngân hàng sẽ nhận khoản thuế ấy ... Dân chúng trực tiếp muốn cơ quan phát hành tiền giấy là nhà nước, chứ không phải là một công ty của các thương nhân [hoặc của các chủ ngân hàng]". Song, chính phủ liên quan nhiều hơn đến nguy cơ nó gỡ bỏ những hạn chế của lưu thông (khả năng đổi tiền lấy vàng v.v.) ... Ri-các-đô đề nghị [dành quyền phát hành tiền giấy] cho những nhân vật được ủy quyền đặc biệt, chịu trách nhiệm trước nghị viện (tr. 433 - 435) [tr. 296-297].

[IV-61] Ri-các-đô bác bỏ ý kiến cho rằng Ngân hàng Anh - ngân hàng này phát hành tiền giấy - là cần thiết để thúc đẩy thương mại thông qua hoạt động chiết khấu kỳ phiếu và cho vay tiền. Ông suy luận như sau:

Tiền được đem cho vay bất kể Ngân hàng có muốn điều đó hay không, bởi vì tỷ suất thị trường của lợi nhuận và của lợi tức không phụ thuộc vào khối lượng tiền giấy được phát hành, mà phụ thuộc vào số lượng của cải đích thực v. v.. Tỷ suất thị trường của lợi tức không phải do Ngân hàng điều tiết - dù Ngân hàng cho vay tiền với lãi suất 5%, 4% hay là 3% - mà được điều tiết bởi việc đầu tư tư bản, hoàn toàn không phụ thuộc vào khối lượng tiền hoặc giá trị của tiền. "Ngân hàng sẽ cung cấp những khoản tín dụng 1 triệu, 10 triệu hay 100 triệu thì Ngân hàng cũng không thể liên tục thay đổi lãi suất được. Nó chỉ có thể thay đổi giá trị của số tiền đã phát hành theo cách ấy". "Nếu Ngân hàng thu lãi suất ít hơn so với lãi suất thị trường thì không có một số lượng tiền nào mà nó lại không thể cho vay; nếu lãi suất ấy cao hơn lãi suất thị trường thì có chăng chỉ những kẻ phung phí tiền bạc mới đồng ý vay tiền của nó". "Nếu Ngân hàng - như người ta nói - trong suốt 20 năm trở lại đây đã có sự giúp đỡ to lớn cho thương mại qua việc cung cấp tiền cho các thương nhân, thì điều đó đã diễn ra vì trong suốt thời kỳ ấy lãi suất của số tiền mà nó cho vay thấp hơn lãi suất thị trường; thấp hơn lãi suất mà theo đó các thương nhân có thể vay tiền ở một nơi nào khác ... *Chúng ta có thể nói gì về cái cơ quan có thể cung cấp đều đặn len cho một nửa tổng số các chủ xưởng sản xuất dạ nỉ theo giá thấp hơn giá trị thị trường của len? ... Điều đó sẽ không giảm giá dạ nỉ đối với người tiêu dùng, bởi vì giá cả ấy được điều tiết bởi những chi phí sản xuất của bộ phận các nhà sản xuất ở trong hoàn cảnh ít thuận lợi nhất. Vì thế, kết quả duy nhất sẽ là sự gia tăng lợi nhuận của bộ phận các chủ xưởng sản xuất dạ nỉ ở mức cao hơn tỷ suất lợi nhuận bình thường*... Bằng cách như vậy Ngân hàng của chúng ta "đã đặt một bộ phận các nhà công nghiệp - một cách

không công bằng và làm thiệt hại cho toàn bộ đất nước - vào một hoàn cảnh đặc biệt thuận lợi nhờ cơ hội có được tư liệu để kinh doanh theo một giá cả thấp hơn so với những nhà kinh doanh công nghiệp hoàn toàn phụ thuộc vào giá cả thị trường. Toàn bộ hoạt động công nghiệp mà toàn xã hội có thể phát triển đều phụ thuộc vào số lượng tư bản của xã hội, nghĩa là phụ thuộc vào nguyên liệu, máy móc, thực phẩm, tàu bè v. v. được sử dụng trong sản xuất. Sau khi đã thiết lập được sự lưu thông tiền giấy được điều tiết tốt, khối lượng những vật phẩm ấy không thể tăng lên, cũng không thể giảm xuống bằng những hoạt động ngân hàng. Do vậy, nếu nhà nước phát hành tiền giấy thì, tuy nhà nước ấy trong khi đó đã không chiết khấu một tấm kỳ phiếu nào và không cho ai vay một si-linh nào, sẽ không xảy ra một sự thay đổi nào về quy mô sản xuất... Chắc chắn người ta sẽ đem cho vay những khoản tiền cũng như thế", tuy là theo những lãi suất khác nhau - "với 6%, 7%, hoặc 8%, tùy theo kết quả sự cạnh tranh giữa những người cho vay và những con nợ" (tr. 435-439) [tr. 297-299].

"Ở những nước giàu có, vàng luôn luôn được ưu tiên dùng để trả nợ, vì điều đó có lợi cho con nợ" (tr. 442) [tr. 301] (bởi vì như thế tương đối rẻ hơn). "Chừng nào mỗi kim loại trong hai loại kim loại ấy" (vàng và bạc) "đều có thể được dùng như nhau làm phương tiện hợp pháp để trả nợ với mọi số lượng, thì chúng ta đã thường xuyên phải thay đổi đơn vị đo lường chủ yếu của chúng ta về giá trị. Tùy theo những thay đổi trong giá trị tương đối của hai kim loại đó mà thước đo ấy đôi khi là vàng, đôi khi là bạc; và đến khi một trong hai kim loại ấy thôi không còn là thước đo nữa thì kim loại ấy được nấu chảy ra và bị rút ra khỏi lưu thông, vì giá trị của kim loại ấy ở dạng thỏi cao hơn giá trị của nó ở dạng tiền đúc" (tr. 443) [tr. 302].

9) VỀ GIÁ TRỊ TƯƠNG ĐỐI CỦA VÀNG, CỦA LÚA MÌ VÀ CỦA LAO ĐỘNG Ở CÁC NƯỚC GIÀU VÀ CÁC NƯỚC NGHÈO

"Khi chúng ta nói đến giá trị cao hay thấp của vàng hoặc của bạc ở những nước khác nhau thì chúng ta đồng thời phải luôn luôn chỉ rõ một thước đo nào đó dùng để đánh giá chúng; nếu không thì không thể gắn bất cứ một quan niệm nào với lời khẳng định của chúng ta được". Chẳng hạn, vàng được đánh giá bằng dầu ô-liu, thì ở Tây Ban Nha đắt hơn ở nước Anh; còn vàng được đánh giá bằng dạ nỉ, thì ở nước Anh lại đắt hơn (tr. 453) [tr. 309]. [IV-61]

*NHỮNG NHẬN XÉT VỀ CÁC QUAN ĐIỂM CỦA RI-CÁC-ĐÔ VỀ THUẾ ĐẤT[109]

NHỮNG SẮC THUẾ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỊA VỊ XÃ HỘI (STAND)

[33] *Thuế địa tô*. "Thuế địa tô thực đánh vào *điền chủ*". Thuế địa tô giả tưởng[110] thì "đánh vào *người tiêu dùng* (nguyên liệu)" (tr. 193) [tr. 147].

Thuế thập phân. "Nó làm tăng giá sản phẩm nguyên liệu" (tr. 195) (tr. 148). (Như vậy nó không đánh vào điền chủ, cũng không đánh vào tá điền.)

Thuế đất. Nếu thuế này đánh vào *địa tô*, thì nó là thuế địa tô. Nếu nó phù hợp với độ phì của đất thì thuế này đồng nghĩa với thuế thập phân. Nếu nó là một *số cố định* tính trên *a-cơ đất* bất kể độ phì của đất thì đấy là loại thuế *đặc thù*[111]. Loại thuế này đánh vào ruộng đất tốt nhất theo cùng một tỷ lệ với loại đất xấu nhất; do nâng cao giá sản phẩm của loại đất tốt nhất cũng như của loại xấu nhất, thuế này dẫn đến chỗ dân chúng bị đánh thuế bổ sung - thoạt đầu

có lợi cho người thuê ruộng tốt nhất (trong suốt thời gian anh ta thuê ruộng), sau đó có lợi cho cả điền chủ (tr. 201-203) [tr.152-153].

Thuế đánh vào sản phẩm nguyên liệu. Nó làm tăng chi phí sản xuất và vì vậy nó nhập vào *giá sản phẩm*, tức là đánh vào *người tiêu dùng* (tr.169-170) [tr.133-134]. [33]

*BẢN PHÁC THẢO MỤC LỤC VẤN ĐỀ CHO CUỐN SÁCH CỦA RI-CÁC-ĐÔ[112]

[1a][113] *Ảnh hưởng của giá các tư liệu sinh hoạt đối với tiền công* (tr.176-183) (tr.360,361) [tr.137-141, 251-252].

Tỷ lệ nghịch giữa lợi nhuận và tiền công (tr.23, 152, 153, 500) [tr. 47-48, 123, 338].

Tích luỹ tư bản (tr. 94) [tr. 89 - 90].

Dân số và tiền công tr. 93, 94, 95 [tr.89-91]. [1a]

[34] *Về tiền công* (tr.7,8) (tr.151) tr.176, 177, 178, 179, 180, 181, 182, 183, 360, 361, 461 [tr.36-37, 122, 137-141, 251-252, 314].

Về lợi nhuận và tiền công (tr.21)(tr.23) tr.500, 152, 153 [tr.45-48, 338, 123].

Ảnh hưởng của ngoại thương đối với tỷ suất lợi nhuận tr.135, 136, 137 [tr.114-115]. *Cũng vậy về nội thương* 138 [...][1*] 310, 311 [tr.116, 220].

1* Trong bản viết tay có một số con số không đọc ra được.

Thuế (tr.198) (tr.205, 206) (tr.210) (184) (185) (tr.384) [tr.150, 154 - 155, 157, 141-142, 265-266]. *Ảnh hưởng* tr.276, tr.242, 243 [tr.198-199, 178-179].

Sự mở rộng của nông nghiệp diễn ra chính là như thế nào (tr.361) [tr.252].

Giá lúa mì không điều tiết giá các hàng hóa khác (bổ sung cho chương nói về giá thị trường và giá tự nhiên) (tr.364) [tr.253-254].

Giá cả thị trường (tr.504) [tr.341].

Giá cả thực tế[114] (tr.460, 481, 499, 505) [tr.314, 327, 338, 342].

Tổng thu nhập và thu nhập ròng (tr.512, 513) [tr.346-347].

Ảnh hưởng giảm giá của những cải tiến trong nông nghiệp và công nghiệp đối với bộ phận tư bản hiện có (tr.318) (321) [tr.224, 226-227].

Phần thứ hai của địa tô (tr.315, chú thích) [tr.223].

Tư bản (tr.327) [tr.230].

Ngoại thương tr.481 [tr.326-327].

Sự khác nhau giữa giá cả biệt và giá trị tự nhiên.

[.....] và *giá cả.*

[.....][1*] [34]

1* Phần cuối của bản phác thảo mục lục không đọc ra được.

RICARDO (DAVID). ON THE PRINCIPLES OF POLITICAL ECONOMY, AND TAXATION. 3 ED. LONDON 1821[115]

I) *VỀ GIÁ TRỊ*

[VIII-19] Tính hữu ích của một đồ vật nào đó và khả năng mua những hàng hóa khác: *giá trị sử dụng* và giá trị *trao đổi* (tr.1) [tr.33]. "Tính hữu ích *không phải là thước đo* giá trị trao đổi, tuy rằng tính hữu ích là cần thiết quan trọng đối với giá trị trao đổi" (tr.2) [33]. "Các hàng hóa có được giá trị trao đổi của mình do hai nguồn: 1. do tính chất khó kiếm của nó và 2. do số lượng lao động cần thiết để sản xuất ra chúng. Có một số hàng hóa không thể tăng số lượng chúng lên bằng lao động được; vì vậy giá trị của chúng không thể bị giảm xuống do số cung tăng lên, mà chỉ hoàn toàn do tính chất quý hiếm của chúng quyết định. Giá trị ấy biến đổi cùng với sự giàu có đang thay đổi và sở thích của những cá nhân muốn có được chúng" (như trên) [tr.34]. Tình hình lại khác đi với những hàng hóa được trao đổi hàng ngày ở thị trường. Chúng tôi muốn để cập đến những hàng hóa này khi nói về các quy luật giá trị. "Số lượng những hàng hóa ấy có thể tăng lên bằng lao động, còn việc sản xuất ra chúng được thực hiện thông qua *sự cạnh tranh không hạn chế*" (tr.3) [tr.34].

Đó là tiền đề khi Ri-các-đô xác định giá trị.

Vậy, giá trị tương đối của các hàng hóa được xác định bởi số lượng khác nhau của chúng, số lượng này có thể được sản xuất ra *trong cùng một khoảng thời gian lao động*, hoặc bởi số lượng lao động được kết tinh tương ứng trong các hàng hóa đó. Do đó, mọi

sự gia tăng số lượng lao động ấy đều làm tăng giá trị của hàng hóa, còn mọi sự giảm đi thì đều làm giảm giá trị của hàng hóa (tr.4) [tr.35]. Giá trị của lao động và số lượng hàng hóa [do lao động ấy sản xuất ra] có thể dùng để mua một số lượng lao động nào đó, thì không ngang nhau, bởi vì sản phẩm của người công nhân hoặc vật ngang giá của sản phẩm này không ngang bằng với khoản thù lao cho người công nhân. Như thế, giá trị của lao động không phải là thước đo của các giá trị, thước đo ấy là số lao động hao phí để sản xuất ra số lượng hàng hóa đó (tr.5) [tr.35-36]. Như vậy, "giá trị tương đối quá khứ hoặc giá trị tương đối hiện tại của hàng hóa được quyết định bởi số lượng tương đối của những hàng hóa ấy" mà một số lượng lao động nhất định có thể sản xuất ra (tr.9) [tr.38].

Dĩ nhiên, có những sự khác nhau về chất lượng lao động và có những khó khăn khi so sánh những giờ lao động khác nhau trong những ngành sản xuất khác nhau. Nhưng bằng đánh giá những sự khác nhau ấy nhanh chóng được xác lập trong thực tiễn (tr.13) [tr.40].

(Ri- các- đô không phát triển tiếp vấn đề này.)

Đối với những khoảng thời gian ngắn, ít ra là từ năm này sang năm khác, sự thay đổi của tình trạng không ngang bằng ấy giữa các loại hình lao động khác nhau lại không đáng kể, do vậy sự thay đổi ấy không được xét đến (tr.15) (tr.41).

Lao động quyết định giá trị của hàng hóa gồm có thời gian và lao động cần thiết để tạo ra số tư bản được sử dụng trong sản xuất (tr.16) [tr.42]. Người ta cũng xét đến cả lao động cần thiết để vận chuyển hàng hóa đến thị trường (tr.18) [tr.43-44]. *Cùng với sự tiến bộ của xã hội* giá trị của hàng hóa thay đổi nhiều cùng với sự thay đổi của số lượng lao động kết tinh trong tư bản (như trên). "Việc tiết kiệm trong khâu sử dụng lao động luôn luôn làm giảm giá trị tương đối của hàng hóa, bất kể là giá trị ấy liên quan đến lượng lao động cần thiết để chế tạo ra chính hàng hóa, hay là liên quan đến lượng tư bản nhờ đó hàng hóa được sản xuất ra" (tr.19-20) [tr.44]. Việc đưa vào đây loại thước đo là vàng, cũng không đưa đến thay đổi gì trong nguyên lý này (tr.23) [tr.46-47].

"Nguyên lý mà theo đó số lượng lao động hao phí vào việc sản xuất ra hàng hóa điều tiết giá trị tương đối của hàng hóa, - nguyên lý ấy thay đổi nhiều do áp dụng máy móc và tư bản cố định và lâu bền khác" (tr.25) [tr.49][116]. Thứ nhất, tính chất lâu bền khác nhau của tư bản cố định, thứ hai, tỷ lệ khác nhau giữa mức hao phí tư bản vào việc duy trì lao động và vào máy móc, công cụ, nhà xưởng. Hai điều này quy định rằng ngoài số thời gian lao động cần thiết để sản xuất ra hàng hóa thì giá trị của hàng hóa còn chịu ảnh hưởng

của sự tăng lên hoặc giảm xuống của *giá trị lao động* (tr.25-26) [tr.49]. Tùy vào tốc độ nhanh hay chậm của quá trình hao phí tư bản, nghĩa là tư bản phải được tái sản xuất thường xuyên hơn hay ít thường xuyên hơn trong một khoảng thời gian nào đó, mà nó được gọi là *tư bản lưu động* hoặc là *tư bản cố định* (tr.26) [tr.49-50]. Tiếp nữa, tư bản "chu chuyển hoặc quay trở về người sở hữu nó trong những khoảng thời gian rất không như nhau". Ví dụ, "lúa tiểu mạch do người phéc-mi-ê mua để gieo trồng là tư bản cố định so với lua tiểu mạch do người chủ lò bánh mua vào để dùng nó sản xuất ra bánh mì" (tr.26-27) [tr.50]. "Như vậy, trong hai ngành có thể sử dụng một lượng tư bản ngang bằng nhưng lại được phân ra một cách rất khác nhau thành phần tư bản cố định và phần tư bản lưu động" (tr.27) [tr.50]. Tất nhiên, sự tăng lên của tiền công đụng chạm đến hai tư bản ấy ở mức độ không giống nhau, trong hai tư bản ấy một tư bản hầu như hoàn toàn được ứng trước để trả tiền công, còn tư bản kia thì gần như hoàn toàn được đầu tư vào máy móc (như trên). Hai chủ xưởng có thể sử dụng một số lượng tư bản cố định như nhau nhưng có độ lâu bền khác nhau (như trên). Ngoài ra, ở đây còn có *lợi nhuận cho tư bản cố định* đối với loại hàng hóa được sản xuất ra có nhờ sử dụng máy móc, còn lợi nhuận thu được khi bán những hàng hóa được sản xuất nhờ hầu như chỉ hoàn toàn sử dụng tư bản lưu động thì ngay sau khi bán chúng đi thì được chi vào các nhu cầu cá nhân... Hoặc là cũng "có khoản hoàn bù cho khoảng thời gian lâu hơn phải mất thì loại hàng hóa đắt giá hơn, trong hai loại hàng hóa ấy, mới có thể được chở đến thị trường" (tr.29-30) [tr.50-51]. (Cụ thể là: một chủ xưởng, ví dụ, chi phí 5 000 p. xt. vào việc trả công lao động và 5 000 p. xt. vào việc mua sắm máy móc [với lợi nhuận bằng 10%], và người chủ xưởng ấy có [vào cuối năm đầu tiên] 5 500 p. xt. dưới dạng giá trị các hàng hóa của mình, như vậy tức là, sau năm thứ hai ông ta phải nhận được nhiều thêm 550 p. xt. nhờ khoản lợi nhuận của số tư bản 5 500 p. xt. đầu tư vào máy móc[117]. Khoản lợi nhuận về tư bản cố định lại được cộng vào [tư bản ứng trước].) Nếu giá trị của hàng hóa do số lượng lao động tương đối được chi phí vào việc sản xuất ra chúng quyết định thì, do đó, những hàng hóa trao đổi với nhau là những hàng hóa chứa đựng trong mình số thời gian lao động như nhau. Lợi nhuận và tiền công chỉ là những phần trong đó [VIII-20] cả hai giai cấp - các nhà tư bản và công nhân - đều tham dự vào việc chia thứ hàng hóa được sản xuất ra lúc đầu, có nghĩa là cũng dự phần chia cả thứ hàng hóa nhận được nhờ trao đổi loại hàng hóa thứ nhất. Do vậy, giá trị tương đối của hàng hóa không bị đụng chạm bởi tỷ lệ giữa lợi nhuận và tiền công (tr. 21) [tr. 46]. Không một sự thay đổi nào về tiền công có thể gây ra bất kỳ một sự thay đổi

nào trong giá trị tương đối của hàng hóa. Nếu tiền công tăng lên thì từ đó không thể kết luận rằng để chế tạo ra hàng hoá đòi hỏi nhiều thời gian lao động hơn; điều đó chỉ có nghĩa là cũng lượng thời gian đó được trả công đắt hơn. Nếu dựa trên cơ sở ấy một ai đó trong số các nhà tư bản muốn tăng giá hàng hóa của mình lên thì nhà tư bản khác cũng sẽ đưa ra những yêu sách như vậy và địa vị tương đối của các nhà kinh doanh trong các ngành công nghiệp khác nhau trước và sau khi tiền công tăng lên cũng sẽ vẫn như vậy . Tiền công có thể tăng lên 20%, còn lợi nhuận có thể giảm xuống ngần ấy mà không gây ra mày may sự thay đổi nào trong giá trị tương đối của các hàng hóa (tr. 23) [tr. 47-48]. Như thế, nếu tiền công tăng thì lợi nhuận giảm. Nhưng cũng như trước kia, hàng hóa được sản xuất ra nhờ sử dụng chủ yếu là tư bản lưu động thì hàng hóa ấy sẽ được bán ra vẫn với giá cả đó. Sẽ chỉ có lợi nhuận giảm đi, ví dụ ở người phéc-mi-ê đã ứng trước 5 000 p. xt.. Chủ xưởng sản xuất ra những hàng hóa mà để sản xuất ra chúng phải sử dụng "các máy móc hoặc các nhà xưởng đắt tiền hoặc phải mất một khoảng thời gian dài thì chúng mới có thể được vận chuyển đến thị trường" - người chủ xưởng ấy qua đó thu ít lợi nhuận hơn về tư bản cố định của mình vì *tỷ suất lợi nhuận của tư bản ấy* nhìn chung cũng giảm đi và như vậy là *giá trị tương đối của hàng hóa của người chủ xưởng ấy giảm đi so với những hàng hóa được sản xuất ra chủ yếu bằng lao động.*

Ở đây giả định trong các ngành sản xuất khác nhau có tỷ suất lợi nhuận như nhau.

... Tuy nhiên, nguyên nhân này chỉ tác động yếu ớt. [làm giảm giá cả tương đối của hàng hóa] nhiều nhất là 6-7%, vì "chắc chắn là lợi nhuận sẽ không chịu nổi một sự sụt giảm chung và thường xuyên lớn hơn" (tr. 32 - 33) [tr. 52-53].

(Cần thấy rằng Ri-các-đô cũng còn có thể phát triển vấn đề này theo cách khác: chúng ta giả định rằng một hàng hóa được sản xuất ra chỉ nhờ sử dụng tư bản lưu động, còn hàng hóa kia thì được sản xuất ra chỉ nhờ tư bản cố định. Cả hai [chủ xưởng] đều sử dụng số tư bản 5 000 p. xt.. Nếu bây giờ tiền công tăng lên 10% và nếu chủ xưởng thứ nhất đã chi phí 3 000 p. xt. cho nguyên liệu v.v. và 2 000 p. xt. cho tiền công thì khoản tiền công do ông ta trả tăng lên đến 2 200 p. xt.. Nếu trước kia ông ta đã bán hàng với lợi nhuận 10% tính trên 5500 p. xt. thì bây giờ ông ta bán hàng với 5 700[118] p. xt..

Lợi nhuận của ông ta vẫn bằng 10% như trước. Trong khi ấy chủ xưởng [thứ hai] có thể bán hàng của mình với 5 500 p. xt..Lợi nhuận của ông ta cũng vẫn đúng bằng 10%. Nhưng giá trị hàng hóa của ông ta đã giảm so với hàng hóa của chủ xưởng thứ nhất, mặc dù *thời gian lao động* hao phí vào việc sản xuất ra cả hai loại hàng hóa ấy vẫn ở mức như vậy. Hoặc là, nếu giá cả hàng hóa của chủ xưởng thứ nhất vẫn y như thế, thì chủ xưởng thứ hai phải hạ giá cả hàng hóa của mình xuống. *Tính trung bình* tỷ lệ ấy là đúng. Nhưng vì sự cào bằng như vậy không diễn ra tức khắc, cho nên các nhà tư bản kiên trì muốn áp dụng máy móc.)

"Một sự thay đổi đôi chút quan trọng trong tỷ suất cố định của lợi nhuận là kết quả của những nguyên nhân chỉ phát huy tác dụng sau một số năm, trong khi đó những thay đổi về số lượng lao động cần thiết để sản xuất ra hàng hóa thì lại diễn ra hằng ngày... Vì thế, tất cả những thay đổi lớn trong giá trị tương đối của hàng hóa" đều bắt nguồn từ những thay đổi của lượng thời gian lao động cần thiết để sản xuất ra chúng (tr. 33 - 34) [tr. 53].

"Giá trị tương đối[119] của các hàng hóa - mà việc sản xuất ra chúng cần tiêu hao một khối lượng lao động như nhau - thay đổi nếu chúng không thể được chở đến thị trường vào cùng một thời gian ...". Cũng như cả khi sử dụng khối lượng tư bản cố định lớn hơn thì "giá trị cao hơn [120] của một trong số các hàng hóa có nguyên nhân là phải mất một thời gian dài hơn thì hàng hóa ấy mới có thể được đưa đến thị trường... *Trong cả hai trường hợp, sự khác nhau về giá trị đều bắt nguồn từ chỗ những khoản lợi nhuận được tích lũy với tư cách là tư bản*, và nó chỉ là *sự hoàn bù chính đáng* cho số thời gian *trong đó các lợi nhuận không được thực hiện*" (tr. 34-35) [tr. 54].

Như vậy, *tiền công tăng lên* làm giảm giá cả của những hàng hóa được sản xuất ra nhờ áp dụng chủ yếu tư bản cố định, và "mức giảm giá càng lớn nếu *tư bản cố định chiếm tỷ trọng càng lớn*" (tr. 35) [tr.54].

(Cần nhận thấy rằng đây là hiện tượng thuần túy có tính chất danh nghĩa. *Thứ nhất*, vì tư bản mà phần lớn gồm tư bản cố định hoặc tư bản lâu bền hơn, hay là hàng hóa của nó đòi hỏi một thời

gian lâu hơn để vận chuyển chúng đến thị trường, - vì tư bản đó bán hàng hóa của mình đắt hơn, cho nên điều đó diễn ra - như chính Ri- các- đô nói - chỉ là do *các lợi nhuận được tích lũy với tư cách tư bản*. Điều đó cũng chẳng khác nào nếu sử dụng một khối lượng tư bản *lớn hơn. Thứ hai. Tiền công tăng lên* có tác động *ngược lại làm giảm giá* đối với tư bản cố định. *Lao động đã hoàn thành, lao động chết* do lao động sống quyết định, tức là cả lợi nhuận do lao động chết đem lại cũng do lao động sống quyết định. *Như vậy, ở đây trong giá cả bộc lộ cái* mà trong trường hợp đầu[121] *không thấy được*. Người phéc- mi- ê cũng bán theo giá đó, nhưng tỷ suất lợi nhuận của người này đã giảm xuống. Chủ xưởng bán hàng theo giá thấp hơn. Ví dụ, tư bản cố định của ông ta là 1 000 p. xt.. Kết hợp với lao động, tư bản này sản xuất ra một khối lượng hàng hóa trị giá 2 000 p. xt.. Nếu bây giờ tiền công tăng lên 10% hoặc lợi nhuận giảm đi 10% thì người chủ xưởng sẽ phải bán hàng hóa của mình với giá 2000 p. xt. như trước[122]; đồng thời chúng ta giả định là [thoạt đầu] có 500 p. xt. được chi cho tiền công, tức là [tỷ suất lợi nhuận là] $33\frac{1}{3}\%$. Nếu bây giờ tiền công tăng lên 10% thì nó tăng lên 50 p. xt., do đó, tăng lên đến 550 p. xt.. Có nghĩa là bây giờ đây [VIII-21] nhà tư bản chỉ còn lại lợi nhuận 450 p. xt. vì dù nhà tư bản ấy vẫn bán hàng hóa của mình lấy 2 000 p. xt., thì người ta thấy rằng phần của nhà tư bản ấy chỉ có 1 450 p. xt., còn 550 p. xt. thuộc về lao động. Như thế, giờ đây lợi nhuận của nhà tư bản chỉ là khoảng 30%, còn số 1 000 p. xt. của nhà tư bản đó tăng lên không phải đến 1 333, mà chỉ lên đến 1 300 p. xt.[123]. Điều đó sẽ bộc lộ ra nếu chủ xưởng hoàn toàn không sử dụng tư bản lưu động dưới hình thức lao động trực tiếp. Nhưng bây giờ, nếu ở đây có 1 000 p. xt. đã chi cho một lượng lao động nhất định, khoản khấu trừ ấy trong lợi nhuận của nhà tư bản biểu hiện ra là khoản khấu trừ trong *giá hàng hóa*, vì đối với *tư bản đã được tạo ra* đó, đối với *lao động đã hoàn thành* thì khoản

khấu trừ ấy không còn có thể biểu hiện ra như là khoản tăng tiền công và khoản giảm lợi nhuận tương ứng với điều đó, mà lại không làm thay đổi giá trị của hàng hóa. Như vậy, hiện tượng này chẳng qua chỉ là tác động ngược chiều của sự xác định giá trị về lao động *đã hoàn thành*; điều này còn được biểu hiện ra theo cách khác.)

Vừa rồi đã giả định rằng trong hai ngành sản xuất, tỷ lệ giữa tư bản cố định và tư bản lưu động là không giống nhau. Bây giờ chúng ta giả định rằng *tỷ lệ* ấy *là như nhau* trong cả hai ngành sản xuất, nhưng *tính chất lâu bền* của tư bản cố định lại *không giống nhau*. "Tư bản cố định mà càng ít lâu bền thì, xét về tính chất, nó càng giống tư bản lưu động. Tư bản ấy sẽ được tiêu dùng, còn giá trị của nó thì sẽ được tái sản xuất trong một thời hạn ngắn hơn nhằm mục đích bảo tồn tư bản của chủ xưởng... Nếu tư bản cố định không lâu bền thì hẳng năm phải có một số lượng lớn lao động để duy trì mức độ hiệu quả ban đầu của nó; nhưng lao động đã được tiêu hao theo cách ấy có thể được xem là đã thật sự tiêu hao cho hàng hóa đã được sản xuất ra mà vì vậy giá trị tỷ lệ thuận với khối lượng lao động ấy phải chuyển vào hàng hóa đó". - "Nếu hàng năm tôi cần có 50 người để duy trì cỗ máy của tôi trong trạng thái tốt, thì tôi phải đòi trả thêm giá cho các hàng hóa của tôi, giá này bằng với giá mà mọi chủ xưởng khác - có thể nhận được nếu người chủ xưởng đó thuê 50 người trong việc sản xuất ra những hàng hóa khác và hoàn toàn không sử dụng máy móc. Tiền công tăng lên sẽ ảnh hưởng không giống nhau đến những hàng hóa được sản xuất ra bằng những máy móc chóng hao mòn, cũng như đến những hàng hoá được sản xuất ra bằng những máy móc hao mòn chậm. Trong việc sản xuất những hàng hóa loại thứ nhất, một số lượng lớn lao động được thường xuyên chuyển vào hàng hóa được sản xuất ra, còn trong việc sản xuất những hàng hóa khác thì bằng cách đó một số lượng lao động rất ít được chuyển vào hàng hóa được sản xuất ra. Vì thế, mọi sự tăng lên của tiền công hay là - điều này cũng vậy thôi - mọi sự giảm hạ lợi nhuận đều sẽ giảm giá trị tương đối của những hàng hóa được sản xuất ra nhờ tư bản lâu bền và sẽ tăng một cách tương ứng giá trị của những hàng hóa được sản xuất ra nhờ tư bản bị hao mòn nhanh hơn. Khi tiền công giảm xuống thì sẽ có tác dụng hoàn toàn ngược lại" (tr.36-38) [55-56]. Vì vậy *các nước cũ* thường xuyên buộc phải sử dụng máy móc, còn các nước mới thì *sử dụng* lao động. Với mỗi khó khăn mới trong việc bảo đảm các tư liệu sinh hoạt cho mọi người thì "[giá trị] của lao động tất yếu phải tăng lên, còn với mỗi lần giá lao động tăng lên thì lại có động cơ mới thôi thúc sử dụng máy móc. Khó khăn này trong việc bảo đảm nuôi sống

mọi người thường xuyên tồn tại ở các nước cũ, còn ở những nước mới thì có thể diễn ra hiện tượng dân số tăng lên nhiều mà tiền công không tăng lên. Ở đây cung cấp các tư liệu sinh sống cho triệu người thứ bảy, thứ tám, thứ chín, cũng dễ như cung cấp cho triệu người thứ hai, thứ ba, thứ tư" (tr.39, chú thích) [tr. 57]. "Những nhân viên làm việc thầm lặng ấy", các máy móc, "luôn luôn là sản phẩm của khối lượng lao động ít hơn nhiều so với khối lượng lao động mà các máy móc ấy thay thế, thậm chí nếu chúng có cùng một giá trị bằng tiền như nhau. Nhờ ảnh hưởng của chúng mà sự tăng giá của thực phẩm đụng chạm đến số người ít hơn; sự tiết kiệm ấy biểu hiện ở giá cả đã giảm xuống" của máy móc[124] (tr.40) [tr.57]. "Như vậy, ở những giai đoạn phát triển ban đầu của xã hội khi sử dụng ít máy móc hoặc ít tư bản bền lâu thì những hàng hóa được sản xuất ra nhờ những khối lượng tư bản bằng nhau đều có những giá trị gần như bằng nhau, những giá trị này tăng lên hoặc giảm xuống so với nhau tùy theo chỗ chi phí lao động nhiều hơn hay ít hơn vào việc sản xuất ra chúng. Song, sau khi áp dụng những công cụ đắt tiền ấy, *những hàng hóa được sản xuất ra nhờ sử dụng những khối lượng tư bản như nhau lại có những giá trị rất không giống nhau*; và tuy đối với nhau chúng tiếp tục [tăng lên hoặc] giảm xuống như trước tùy vào việc tăng lên hoặc giảm xuống của số lượng lao động cần thiết để sản xuất ra chúng, nhưng chúng còn chịu những thay đổi khác, nhỏ hơn do lợi nhuận và tiền công tăng lên hoặc giảm xuống" (tr. 40 - 41) [tr. 57-58]. Như vậy, giá cả lao động tăng lên dẫn đến chỗ giá những hàng hóa được sản xuất ra chủ yếu nhờ sử dụng máy móc giảm xuống, còn giá lao động giảm thì dẫn đến chỗ giá những hàng hóa ấy tăng lên nhưng giá những hàng hóa được sản xuất ra chủ yếu nhờ sử dụng lao động lại giảm xuống (tr. 45) [tr.60-61].

Giá cả[125] của hai loại hàng hóa, trong đó một loại hàng hóa được sản xuất ra nhờ sử dụng lao động trị giá 1 000 p. xt., còn loại hàng hóa kia thì được sản xuất ra nhờ sử dụng lao động trị giá 2 000 p. xt., có tỷ lệ là 1:2. Nhưng như vậy không có nghĩa là những hàng hóa ấy được bán ra tương ứng với giá 1 000 và 2 000. Thực chất của sự việc, tỷ lệ vẫn như thế, nếu chúng được bán ra cũng với giá 1 100 và 2 200 hoặc với giá 1500 và 3 000 (tr.46) [tr.61]. [VIII-21][126]

[VIII-29] "*Chỉ nên* suy xét về sự *tăng lên hoặc giảm xuống của địa tô, của lợi nhuận và của tiền công theo sự phân chia tổng sản phẩm của một nông trại nào đó* giữa *ba giai cấp, điền chủ, nhà tư bản* và *công nhân làm thuê*, chứ không phải căn cứ theo giá trị của sản phẩm, là giá trị có thể được đánh giá qua một thước đo hay thay đổi nào đó" (qua tiền tệ). Tỷ suất của lợi nhuận, của địa tô và của tiền công không phải do *số lượng tuyệt*

đối của sản phẩm mà một giai cấp nào đó trong số những giai cấp ấy nhận được, mà do số lượng lao động cần thiết để sản xuất ra sản phẩm ấy quyết định. Nhờ những cải tiến trong nông nghiệp và trong công nghiệp, tổng sản phẩm ấy có thể tăng gấp đôi. Nếu đồng thời địa tô, lợi nhuận và tiền công tăng gấp đôi như nhau thì chúng không có những thay đổi nào đối với nhau. Nhưng nếu một trong ba đại lượng ấy tham gia vào sự gia tăng ấy một cách *không đều*[127] [mà ở mức độ ít hơn], *thì* đại lượng ấy *giảm đi* mặc dù phần số lượng của nó trong sự gia tăng ấy tăng tuyệt đối (tr. 48-49) [tr. 62-63]. Xét trên góc độ tỷ suất thì địa tô, lợi nhuận và tiền công thay đổi chỉ do có sự thay đổi phần của chúng trong tổng sản phẩm (tr. 52) [tr. 64].

II) *VỀ ĐỊA TÔ*

Ri-các-đô nghiên cứu địa tô để tìm hiểu xem ý kiến của A.Xmít có đúng không khi cho rằng

"việc ruộng đất chuyển thành sở hữu và sự hình thành địa tô vì lý do ấy gây ra một sự thay đổi nào đó trong giá trị tương đối của các hàng hóa, bất kể số lượng lao động cần thiết để sản xuất ra chúng như thế nào" (tr. 53) [tr.65].

"*Địa tô* - đó là phần sản phẩm ruộng đất trả cho điền chủ để đổi lấy việc khai thác các lực lượng ban đầu và không thể phá hủy được của đất". Cần phân biệt địa tô với lợi tức và lợi nhuận của tư bản được trả cho điền chủ để đổi lấy việc khai thác số tư bản được đầu tư vào ruộng đất (tr.53 - 54)[tr. 65]. "Khi lần đầu tiên người ta đến ở một nước có đồi đào ruộng đất màu mỡ và phì nhiêu thì người ta không phải trả một khoản địa tô nào cả ... Cũng như vậy, người ta không phải trả tiền về không khí và nước ... Nếu tất cả ruộng đất có những thuộc tính như nhau, nếu như nó có số lượng không hạn chế và có cùng một phẩm chất, thì người ta không phải trả một tý gì về việc sử dụng ruộng đất ấy, trừ những trường hợp khi ruộng đất ấy ở vào một địa thế đặc biệt có lợi. Địa tô được trả cho việc sử dụng ruộng đất chỉ vì, theo đà gia tăng dân số, người ta đưa vào canh tác những ruộng đất có phẩm chất kém hoặc ở vào một địa thế ít thuận lợi hơn ... Mỗi khi dân số tăng lên buộc đất nước phải canh tác ruộng đất có phẩm chất kém hơn đều làm tăng địa tô đối với những ruộng đất phì nhiêu hơn"... Thoạt đầu "toàn bộ sản phẩm ròng thuộc về điền chủ và tạo thành lợi nhuận của số tư bản được điền chủ ấy đầu tư vào ruộng đất"... Trường

hợp như vậy xảy ra khi trên cùng một diện tích ruộng đất, người ta sử dụng một lượng tư bản bổ sung ngang bằng [với lượng tư bản ban đầu] đem lại sản phẩm ít hơn... "*Địa tô luôn luôn là số chênh lệch trong sản phẩm thu được nhờ sử dụng hai khối lượng tư bản và lao động như nhau*... Nguyên nhân: không thể có hai tỷ suất lợi nhuận khác nhau". Nếu lượng tư bản thứ nhất gồm 1 000 p. xt. đem lại cho người thuê ruộng 100 quác-tơ lúa tiểu mạch, còn lượng tư bản thứ hai gồm 1 000 p. xt. chỉ đem lại cho người thuê ruộng 85 quác-tơ lúa tiểu mạch, thì sau khi hết hạn thuê, điền chủ sẽ đòi khoản địa tô bằng 15 quác-tơ lúa tiểu mạch. Người thuê ruộng sẽ không đầu tư số 1000 p. xt. chỉ đem lại 85 quác-tơ, nếu như người ấy có thể tìm được chỗ đầu tư có lợi nhuận cao hơn. "Trong tỷ lệ kể trên sẽ chứa đựng tỷ suất lợi nhuận chung, và nếu người thuê ruộng thứ nhất khước từ thì sẽ có người khác nào đó đồng ý trả cho điền chủ toàn bộ số lợi nhuận dư trội ngoài tỷ suất ấy... Trong cả hai trường hợp" (đầu tư những khối lượng tư bản như nhau trên những ruộng đất có độ phì không giống nhau hoặc đầu tư hai khối lượng tư bản như nhau trên cùng một diện tích nhưng đem lại lượng sản phẩm không giống nhau) "tư bản do người thứ hai đầu tư không trả khoản địa tô nào cả... Địa tô luôn luôn bắt nguồn từ chỗ việc sử dụng lượng lao động bổ sung đem lại thu nhập ít hơn một cách tương ứng"... Khi người ta đưa vào canh tác ruộng đất có chất lượng kém hơn thì *giá trị trao đổi (giá cả) của sản phẩm của ruộng đất ấy tăng lên, vì cần đầu tư nhiều lao động hơn vào việc sản xuất ra nó. "Giá trị trao đổi của tất cả mọi hàng hóa - sản phẩm công nghiệp và sản phẩm của hầm mỏ hoặc của ruộng đất* - không bao giờ được điều tiết bởi lượng lao động ít nhất đủ để sản xuất ra chúng trong những điều kiện đặc biệt thuận lợi, những điều kiện vốn là vận hội đặc biệt của những ai được hưởng những khả năng đặc biệt để sản xuất. *Ngược lại, giá trị trao đổi được điều tiết bởi khối lượng lao động lớn nhất do những người không được hưởng những điều kiện như vậy*, do những người tiếp tục sản xuất ra những hàng hóa ấy *trong những điều kiện bất lợi nhất, đầu tư vào việc sản xuất hàng hóa (do cần thiết); những điều kiện bất lợi nhất* được hiểu là *những điều kiện trong đó cần tiến hành sản xuất để tạo ra một lượng sản phẩm cần thiết*... Trên ruộng đất tốt nhất *vẫn sản phẩm* như trước kia, được thu hoạch với *lượng lao động hao phí như trước*, nhưng *giá trị của sản phẩm ấy tăng lên*, vì những người đầu tư thêm lao động và tư bản trên ruộng đất kém phì nhiêu hơn thu được sản phẩm ít hơn... Những ưu thế của ruộng đất phì nhiêu so với ruộng đất không mầu mỡ không bị mất đi, mà được chuyển từ tay người canh tác, hoặc người tiêu dùng, sang tay người sở hữu ruộng đất. Nhưng vì để canh tác ruộng xấu hơn cần nhiều lao động hơn và vì chỉ từ ruộng đất ấy chúng ta mới có thể có được thêm khối lượng sản phẩm

nguyên liệu cần thiết, nên [VIII - 30] giá trị tương đối của sản phẩm này vẫn thường xuyên cao hơn mức trước kia của giá trị ấy... Như vậy, nguyên nhân làm tăng [giá trị] của sản phẩm không phải là khoản địa tô trả cho người sở hữu ruộng đất, mà là số lượng lao động tăng lên đã đầu tư vào việc sản xuất ra lượng sản phẩm có được lần sau cùng. Giá [128] lúa mì được điều tiết bởi số lượng lao động hao phí vào việc sản xuất ra nó trên ruộng đất không phải trả khoản địa tô nào cả. Lúa mì đắt không phải vì phải trả địa tô, mà địa tô được trả vì lúa mì đắt... Khoản đội ra mà ruộng đất đem lại dưới hình thức địa tô" không phải là sự ưu việt mà là khiếm khuyết của ruộng đất, là sức mạnh giảm đi của nó... Ruộng đất chỉ khác nhau ở tính hạn chế của sức "sản xuất" của mình... những máy móc mới được chế tạo ra không phải là kém năng suất hơn những máy móc cũ; nếu không thì những máy móc cũ sẽ đem lại địa tô... "Trong nông nghiệp, lao động của thiên nhiên được trả công không phải vì thiên nhiên làm nhiều, mà vì nó làm ít"... Con người buộc phải lao động nhiều hơn, vã mồ hôi trên mặt, còn thiên nhiên thì làm ít hơn... "Theo quá trình thiên nhiên ngày càng keo kiệt trong việc cung cấp tặng vật của mình, nó đòi hỏi giá cao hơn cho công việc của mình. Còn ở nơi nào mà thiên nhiên hào phóng cung cấp tặng phẩm của mình thì nó làm việc không công"... Trái với ý kiến của A. Xmít, thiên nhiên làm rất nhiều cho con người "trong công nghiệp. Sức gió và sức nước làm chuyển động các cỗ máy của chúng ta và thúc đẩy ngành giao thông thủy. Áp lực của khí quyển và tính chất đàn hồi của hơi nước cho phép chúng ta khởi động những động cơ tuyệt mỹ nhất, đó là tặng vật của thiên nhiên, ấy là chưa kể đến tác động của nhiệt khi làm mềm và làm nóng chảy các kim loại, chưa kể đến tác động phân hủy của khí quyển trong các quá trình nhuộm và lên men. Trong bất kỳ ngành công nghiệp nào, thiên nhiên cũng giúp con người, hơn nữa đó là sự giúp đỡ cho không... Địa tô tăng lên là kết quả của sự giàu có tăng lên của đất nước và của tình trạng khó khăn về cung cấp thực phẩm cho dân cư của đất nước ấy. Đó là dấu hiệu, nhưng tuyệt nhiên không phải là nguyên nhân của sự giàu có". Của cải có thể tăng nhanh, còn [129] "địa tô vẫn không thay đổi hoặc giảm đi. Địa tô tăng lên nhanh nhất khi sức sản xuất của ruộng đất hiện có giảm xuống. Của cải tăng nhanh nhất ở những nước mà tại đó ruộng đất hiện có phì nhiêu hơn cả, việc nhập khẩu bị hạn chế ít nhất, và tại đó nhờ các cải tiến trong nông nghiệp mà số lượng sản phẩm có thể tăng lên mà không cần tăng tương ứng số lượng lao động, và vì thế ở đó địa tô tăng lên chậm... Như thế, địa tô không phải là một bộ phận cấu thành của giá cả"... Tất cả những gì "làm cho phần tư bản" và lao động [130] "đầu tư lần sau cùng có năng suất hơn đều *làm giảm địa tô*"... Đó là

tác động của *việc giảm bớt đầu tư tư bản* ở bất kỳ một đất nước nào, bởi vì tiếp theo sau nó sẽ là sự giảm đi của dân số, có nghĩa là của số cầu về lúa mì, kết quả sẽ là sự giảm giá và giảm diện tích ruộng đất canh tác... "Đó cũng là tác động của hiện tượng *tăng tư bản và tăng dân số*, nếu sự gia tăng ấy có kèm theo *những cải tiến trong nông nghiệp* khiến giảm thiểu sự cần thiết phải canh tác những ruộng đất nghèo hơn hoặc khiến người ta không phải đầu tư cùng số lượng tư bản như thế vào việc canh tác ruộng đất giàu hơn... Trong mọi trường hợp, sau một *thời kỳ* nào đó, giá sản phẩm nguyên liệu giảm đi [sẽ dẫn đến] chỗ làm tăng lợi nhuận và tích lũy, có nghĩa là dẫn đến chỗ làm tăng công ăn việc làm cho công nhân, tăng dân số, làm tăng nhu cầu về lúa mì và rốt cuộc lại dẫn đến chỗ làm tăng địa tô lên đến mức trước đây của nó hoặc cao hơn mức đó[131]... "Những cải tiến trong nông nghiệp có hai loại: có loại cải tiến làm tăng sức sản xuất của ruộng đất, loại cải tiến khác cho phép chúng ta bằng con đường cải tiến máy móc để thu được" cũng "sản phẩm" đó[132] "nhờ một lượng lao động ít hơn"... Thuộc những cải tiến loại thứ nhất "có, ví dụ, việc luân canh hợp lý hơn hoặc việc lựa chọn phân bón tốt hơn. Những cải tiến ấy cho phép chúng ta có được cùng sản phẩm ấy từ một diện tích ruộng đất ít hơn... Nhưng *để giảm địa tô thì không cần phải rút ruộng đất ra khỏi khâu canh tác*. Muốn thế chỉ cần làm sao những phần tư bản kế tiếp được đầu tư vào cùng một diện tích ấy với những kết quả khác nhau và làm sao thu hồi lại bộ phận tư bản đem lại kết quả ít nhất... Những cải tiến trong *nông nghiệp cho phép canh tác ruộng đất nghèo hơn với chi phí ít hơn*"[133]... Những cải tiến thuộc loại thứ hai "nhằm *hình thành số tư bản đầu tư vào ruộng đất hơn là vào việc canh tác chính ruộng đất*... [nhờ những cải tiến ấy] người ta đầu tư vào ruộng đất ít tư bản hơn, nói cách khác, ít lao động hơn, nhưng để thu được cùng sản phẩm như thế cần canh tác ruộng đất có cùng diện tích như thế... Những cải tiến ấy có thể làm giảm giá trị" trao đổi[134] "của sản phẩm, mà không làm giảm *địa tô lúa mì*, mặc dù những cải tiến ấy có làm giảm *địa tô tiền*". Những cải tiến ấy liệu có làm giảm "địa tô lúa mì hay không, điều đó tùy thuộc vào chỗ mức chênh lệch về sản phẩm thu được nhờ áp dụng những phần tư bản khác nhau tăng, giữ nguyên hay giảm... Nếu những cải tiến cho phép hoàn toàn tiết kiệm được phần tư bản được đầu tư một cách kém năng suất nhất, thì địa tô lúa mì sẽ hạ xuống ngay lập tức, vì mức chênh lệch giữa *tư bản có năng suất nhất và tư bản ít năng suất nhất* sẽ giảm, *mà khoản chênh lệch ấy tạo thành địa tô*"... Như vậy, "tất cả những gì *làm giảm* mức chênh lệch trong sản phẩm [VIII-31] thu được nhờ những phần tư bản được đầu tư liên tiếp vào cùng một diện tích ruộng đất hoặc vào diện tích ruộng

đất mới, đều có xu hướng hạ địa tô xuống, còn tất cả những gì làm tăng mức chênh lệch ấy thì tất yếu gây ra tác động ngược lại và có xu hướng làm tăng địa tô... Người sở hữu ruộng đất được hai khoản lợi nhờ tính chất khó khăn của sản xuất. Thứ nhất, người đó nhận được phần lớn hơn, thứ hai, thứ hàng hóa mà người sở hữu ruộng đất được trả có giá trị lớn hơn" (tr. 55-74) [tr. 65-77]. Địa tô hầm mỏ cũng được điều tiết bởi những nhân tố vẫn điều tiết địa tô ruộng đất (tr. 76-79) [tr. 78-80]. "Địa tô luôn luôn đánh vào người tiêu dùng và không bao giờ đánh vào người thuê ruộng" (tr. 113) [tr. 101]. "*Thuế địa tô* hoàn toàn đánh vào địa tô, vào người sở hữu ruộng đất và không thể đánh vào một giai cấp tiêu dùng nào cả... Thuế địa tô không làm giảm sự kích thích canh tác ruộng đất mới, bởi vì ruộng đất ấy không trả địa tô, có nghĩa là nó không chịu thứ thuế đó... Thuế ấy sẽ làm giảm sự kích thích canh tác ruộng đất, bởi vì nó đồng thời cũng là thuế đánh vào lợi nhuận của người sở hữu ruộng đất... Loại thuế này đánh vào khoản thù lao mà người sở hữu ruộng đất nhận được do sử dụng số tư bản của người này đầu tư vào nông trại, nên ở nước *đang thăng tiến* nó đánh vào *người tiêu dùng* sản phẩm nguyên liệu".... Khoản tư bản đầu tư vào nhà xưởng và những công trình khác v.v. sẽ phải đem lại lợi nhuận thông thường cho tư bản; nhưng khoản tư bản ấy sẽ thôi mang lại khoản lợi nhuận đó nếu khoản thuế ấy[135] không đánh vào người thuê ruộng, và lúc đó người thuê ruộng, về phía mình, sẽ không nhận được khoản lợi nhuận thông thường cho tư bản của mình, nếu như anh ta không thể chuyển thuế ấy sang người tiêu dùng (tr. 191-194) [tr. 146-147]. "*Thuế thập phân là thuế đánh vào tổng sản phẩm của ruộng đất*. Loại thuế này đánh vào những ruộng đất chưa bị thuế địa tô dụng đến, và nó làm tăng giá sản phẩm nguyên liệu là giá cả mà thuế địa tô không thể làm thay đổi được. Thuế thập phân đánh vào toàn bộ ruộng đất tỷ lệ với số lượng sản phẩm do ruộng đất ấy sản xuất ra. Do đó, thuế thập phân là thuế *đều đặn*"... Trong trạng thái *ổn định* của xã hội, khi mà giá trị lúa mì không thay đổi, thì thuế này cũng không thay đổi. Trong trường hợp này nó giống *thuế đánh vào sản phẩm nguyên liệu*. Trong trạng thái *thoái bộ* của xã hội hoặc trong trạng thái *tiến bộ* khi mà trong nông nghiệp diễn ra những sự cải tiến thì giá trị bằng tiền của *thuế thập phân* giảm đi. Trong trạng thái *tiến bộ* của xã hội thì nếu không có những cải tiến quan trọng [trong nông nghiệp], khi giá lúa mì tăng lên thì *thuế thập phân* trở thành thứ *thuế nặng nề*, xét về giá trị bằng tiền của nó ... "Thứ thuế tăng lên cùng với tổng thu nhập, nhưng đánh vào thu nhập ròng, là loại thuế không thể chịu nổi. Thuế thập phân chiếm 1/10 tính trên tổng thu nhập, chứ không phải tính trên sản phẩm ròng của ruộng đất. Do đó, theo đà phát triển tăng lên của của cải xã hội, thuế thập phân - tuy nó theo đúng tỷ lệ với tổng sản phẩm -

phải chiếm phần ngày càng lớn hơn trong sản phẩm ròng" (tr. 195 - 198) [tr.148 - 150]. "*Thuế ruộng đất*. Nếu thuế này thu tỷ lệ với địa tô và thay đổi cùng với mỗi thay đổi của địa tô, thì nó chẳng qua chỉ là *thuế đánh vào địa tô*... Trong trường hợp này nó không đụng chạm đến giá cả của sản phẩm nguyên liệu, mà hoàn toàn đánh vào người sở hữu ruộng đất... Nhưng nếu thuế ruộng đất đánh vào toàn bộ ruộng đất được canh tác thì nó hóa ra là thuế đánh vào sản phẩm và vì thế nó làm tăng giá" lúa mì... Ruộng đất được đưa vào canh tác lần cuối không đem lại cho người thuê ruộng đất khoản lợi nhuận thông thường mà lại không làm tăng giá sản phẩm... "Thuế không thể đánh vào người sở hữu ruộng đất, bởi vì trong trường hợp được giả định thì điền chủ không thu được khoản địa tô nào cả. Loại thuế này có thể tương ứng với chất lượng của đất và với sự dồi dào sản phẩm của đất, và khi đó nó không khác với *thuế thập phân*, hoặc nó có thể là loại thuế cố định đánh vào mỗi a-crơ của toàn bộ đất canh tác, dù chất lượng của đất ấy như thế nào"... Khi ấy loại thuế này "làm tăng giá lúa mì tỷ lệ với khoản thuế mà người canh tác ruộng đất có chất lượng kém nhất nộp ... Như vậy, người tiêu dùng lúa mì bị đánh thuế, để không những thỏa mãn nhu cầu của quốc gia, mà còn phải trả cho người thuê ruộng đất tốt hơn, ví dụ, 100 p. xt. mỗi năm" (nếu ruộng đất kém nhất đem lại 1 000 quác-tơ, thì khoản thuế 100 p. xt. sẽ dẫn đến chỗ làm tăng giá lúa mì lên 2 si-linh mỗi quác-tơ. Trên ruộng đất tốt, cùng một lượng tư bản như thế sản xuất ra 2 000 quác-tơ, do vậy, điều này làm tăng [giá] sản phẩm của số đầu tư ấy lên 200 p. xt., tuy khoản tư bản này, cũng giống như tư bản thứ nhất, chỉ trả 100 p. xt. [thuế] "trong thời gian nó thuê ruộng đất, rồi sau đó sẽ tăng địa tô - trả cho người sở hữu ruộng đất - lên số lượng ấy". Như vậy, "từ túi nhân dân người ta rút ra nhiều hơn con số được đưa vào quốc khố. Loại thuế *ta-li-a* ở Pháp thời kỳ trước cách mạng là loại thuế như thế"... Thuế này đánh vào mỗi a-crơ ruộng đất không tỷ lệ với lượng sản phẩm thực tế của a-crơ ấy, mà tỷ lệ với lượng sản phẩm của mỗi a-crơ ruộng đất kém năng suất nhất (tr. 201-204) [tr.152-153].

THUẾ ĐÁNH VÀO SẢN PHẨM NGUYÊN LIỆU

Thuế đánh vào sản phẩm nguyên liệu làm tăng *chi phí sản xuất* trên ruộng đất không đem lại một khoản địa tô nào, do đó, làm tăng *giá của sản phẩm này*... Như vậy, thuế ấy đánh toàn bộ *vào người tiêu dùng*... "Sản phẩm nguyên liệu có tỷ lệ bao nhiêu trong thành phần những hàng hóa khác thì giá trị của những hàng hóa ấy cũng tăng lên theo tỷ lệ bấy nhiêu ... Thuế đánh vào sản phẩm nguyên liệu dẫn đến chỗ làm tăng *tiền công*, và lợi nhuận giảm xuống tỷ lệ với sự tăng lên của tiền công"... Vì thế thuế này đụng chạm đến lợi nhuận, nhưng không đụng đến địa tô và lợi tức cổ phần tính theo tư bản... "Những hàng hóa không chứa đựng sản phẩm nguyên liệu, ví dụ như các sản phẩm kim loại và bằng gốm, thì giảm giá"... Vì nói chung sản phẩm nguyên liệu nằm trong thành phần các hàng hóa khác nhau với những tỷ lệ rất khác nhau, cho nên "thuế đánh vào sản phẩm nguyên liệu tác động đến giá trị của các hàng hóa theo cách hết sức khác nhau. Vì tác động ấy tồn tại, nên nó tăng cường hoặc kìm hãm việc xuất khẩu một số loại hàng hóa, và cũng như mọi việc đánh thuế, nó chứa đựng cùng những điều bất tiện ấy: nó *phá vỡ mối tương quan tự nhiên giữa các giá trị của hàng hóa*. Mà điều này lại cản trở sự phân bố một cách tốt nhất tư bản trên toàn thế giới" (tr. 169 - 190) [tr. 133 - 145].

[VIII-32] "*Những khoản lợi* nhờ *xuất khẩu lúa mì làm giảm giá lúa mì đối với người tiêu dùng ngoại quốc*, nhưng *không có tác động thường xuyên đến giá lúa mì trên thị trường nội địa*"... Những khoản lợi ấy cho phép các chủ nông trại bán "lúa mì ở nước ngoài với giá *thấp hơn* chi phí sản xuất [ở những nước ấy]. Do vậy, ở nước ngoài số cầu về lúa mì của Anh tăng lên, còn số cầu về lúa mì nước sở tại lại giảm đi. Nhu cầu tăng lên đó về lúa mì của Anh có tác dụng tạm thời làm tăng giá lúa mì trên thị trường nội địa, cũng như gây cản trở, trong thời gian đó, cho sự giảm giá lúa mì trên thị trường nước ngoài xuống đến mức mà khoản lợi do xuất khẩu có xu hướng quy nó vào... Như thế, lợi nhuận của các chủ nông trại sẽ lên cao hơn mức trung bình ... Như vậy, "khoản lời nhờ xuất khẩu tác động như sự khuyến khích nông nghiệp, và tư bản được rút khỏi ngành công nghiệp chế tạo để được đầu tư vào nông nghiệp; điều này diễn ra cho đến khi thỏa mãn được số cầu tăng lên của thị trường bên ngoài", kết quả là giá cả và lợi nhuận trên thị trường nội địa lại giảm xuống. "Số cung tăng lên về ngũ cốc tác động đến thị trường bên ngoài cũng sẽ làm giảm giá ngũ cốc ở nước mà ngũ cốc được nhập khẩu vào, do đó, sẽ hạn chế lợi nhuận của người xuất khẩu bằng tỷ suất thấp nhất mà người ấy có thể đồng ý tiếp tục công việc

buôn bán". Rốt cuộc, đối với người nước ngoài thì giá lúa mì giảm xuống một số bằng toàn bộ khoản lợi, "nếu như trước đó khoản lợi ấy ở thị trường bên ngoài không thấp hơn so với trên thị trường nội địa, và nó giảm xuống ở mức độ ít hơn, nếu giá lúa mì ở thị trường trong nước đã từng cao hơn giá lúa mì trên thị trường ngoại quốc" (tr. 354-356) [tr. 248-249]. "Nếu thường xuyên tồn tại khoản lợi nhờ xuất khẩu lúa mì thì sẽ tạo ra xu hướng thường xuyên nâng cao giá lúa mì", nghĩa là dẫn đến nâng cao địa tô, vì ruộng đất xấu nhất sẽ được đưa vào canh tác (tr. 368-369) [tr. 257]. Cả những chủ nông trại, cả các chủ xưởng - "mặc dù họ có lợi khi giá thị trường của sản phẩm của họ cao hơn giá tự nhiên" - đều không muốn nâng giá tự nhiên của các hàng hóa của họ. Người sở hữu ruộng đất muốn điều đó, bởi vì bằng cách đó mà tạo ra địa tô... "Những khoản lợi nhờ xuất khẩu lúa mì và việc cấm nhập khẩu lúa mì làm tăng số cầu và buộc chúng ta phải chuyển sang canh tác những ruộng đất nghèo nàn hơn, điều này không tránh khỏi dẫn đến làm tăng khó khăn của sản xuất" (tr. 370) [tr.258].

ĐỊA TÔ (CHỐNG HỌC THUYẾT CỦA A.XMÍT VỀ ĐỊA TÔ)

Đối với hầm mỏ thì A.Xmít thừa nhận rằng việc thu địa tô từ các hầm mỏ tùy thuộc vào năng suất tương đối của những hầm mỏ ấy và vào vị trí của chúng(tr. 391 và những trang tiếp theo) [tr. 270-271]. Tuy nhiên, ông Xmít lại cho rằng hầm mỏ có *năng suất sản lượng phong phú nhất*, chứ không phải phong phú ít nhất - ví dụ, mỏ than đá - có tác dụng điều tiết giá sản phẩm của tất cả các mỏ.

Ri- các- đô nhận xét về vấn đề này:

"*Nếu* những mỏ cũ không thể cung cấp được số lượng than cần có thì giá than sẽ tăng lên và sẽ tiếp tục tăng lên chừng nào người sở hữu mỏ mới và nghèo hơn chưa thấy rằng khai thác nó người đó sẽ có thể thu được khoản lợi nhuận thông thường cho tư bản. Nếu mỏ của người đó thuộc vào số những hầm mỏ có năng suất vừa phải thì sự tăng lên ấy sẽ không phải là đặc biệt quan trọng trước khi người đó thấy rằng đầu tư vào khai thác mỏ ấy thì có lợi. Nhưng nếu mỏ ấy không thuộc vào số những mỏ có năng suất vừa phải thì hiển nhiên là giá cả phải tăng lên cho đến khi giá cả đó sẽ tạo cho người chủ mỏ ấy khả năng trang trải những chi phí của mình" (tr. 393) [tr.271].

Như vậy, ở đây Ri-các-đô thừa nhận rằng thoạt đầu *giá cả* tăng lên, sau đó ruộng đất ít phì nhiêu hơn được đưa vào canh tác và việc đưa ruộng đất ấy vào canh tác tùy thuộc vào sự tăng giá. Như thế, không phải sự tăng lên của chi phí sản xuất - sự tăng chi phí sản xuất làm tăng giá [của sản phẩm] cả trên ruộng đất phì nhiêu hơn - mà là sự tăng giá [của sản phẩm] trên ruộng đất mầu mỡ là nhân tố khiến người ta có thể canh tác ruộng đất trong điều kiện chi phí sản xuất tăng lên. Như vậy, ở đây sự tăng lên của giá thị trường so với giá thực tế là sự tăng lên có trước, còn khi người ta thấy rằng mức chênh lệch giữa hai loại giá ấy đủ lớn và là kết quả của số cầu thường trực thì giá thị trường [đã tăng lên] được xác lập vững chắc nhờ đưa vào canh tác ruộng đất xấu hơn. Ri-các-đô cũng thừa nhận rằng giờ đây vấn đề còn là ở chỗ có thật sự cần phải đưa vào canh tác ruộng đất xấu hơn hay không và liệu các giá cả lúa mì có lại hạ xuống mức trước kia hay không:

"Chính nhờ vậy mà luôn luôn diễn ra sự mở rộng nông nghiệp và các nhu cầu tăng lên của thị trường được thỏa mãn. Quỹ thù lao cho lao động và tiền công tăng lên. Đời sống được cải thiện của công nhân kích thích việc lấy vợ lấy chồng, dân số tăng lên, và số cầu về lúa mì nâng giá lúa mì lên so với các hàng hóa khác. Số tư bản được đầu tư có lợi trong nông nghiệp tăng lên; tư bản tiếp tục đổ vào nông nghiệp cho đến khi số cung ngang bằng với số cầu, khi ấy giá cả lại hạ xuống, và thế là lợi nhuận trong nông nghiệp ngang bằng với lợi nhuận trong công nghiệp" (tr. 361) [tr. 252].

Như vậy, Ri-các-đô cho rằng mọi sự dư trội của giá thị trường của sản phẩm nông nghiệp, so với giá thực tế của chúng, lọt vào tay người chủ nông trại, với tư cách là lợi nhuận, chỉ chừng nào số dư trội ấy phát sinh từ số cầu tăng lên, chứ không phải từ khó khăn tăng lên trong việc canh tác ruộng đất. Tuy nhiên, tất cả những điều đó rất đáng hoài nghi.

[VIII-33] "Nếu khoai tây trở thành một loại thực phẩm thông thường và phổ biến của nhân dân giống như gạo ở một số nước thì do chỗ [theo ý kiến của A.Xmít] một a - cơ

ruộng trồng khoai tây đem lại số lượng thực phẩm nhiều gấp ba so với một a-crơ trồng tiểu mạch, cho nên 1/4 hoặc 1/2 số ruộng đất đang được canh tác sẽ lập tức bị bỏ hoang, bởi vì trong một khoảng thời gian trước mắt, dân số không thể tăng mạnh đến mức có thể tiêu dùng hết toàn bộ số khoai tây có thể thu hoạch được từ những ruộng đất trước kia trồng lúa mì. Do đó, địa tô sẽ giảm, và chỉ sau khi dân số tăng gấp đôi hoặc gấp ba thì mới lại có thể canh tác một số lượng ruộng đất như thế và trả mức địa tô như trước" (tr. 395) [tr. 272-273]. "Trước hết tất cả những khoản lợi lộc của sự tăng khối lượng sản xuất sẽ đo công nhân, các nhà tư bản và những người tiêu dùng hưởng, nhưng khi dân số tăng lên thì những khoản lợi lộc ấy sẽ dần dần được chuyển vào tay những người sở hữu ruộng đất. Bất kể những cải tiến ấy [136] - được xã hội quan tâm trực tiếp, còn những người sở hữu ruộng đất thì quan tâm đến khi thấy có triển vọng trong tương lai - *lợi ích của những người sở hữu ruộng đất luôn luôn đối lập với lợi ích của người tiêu dùng và chủ xưởng*" (tr.399) [tr. 275]. "Những giao kèo giữa người sở hữu ruộng đất và người tiêu dùng không hề có chút gì giống những giao kèo thương mại trong đó, có thể nói, người bán cũng như người mua đều dè xẻn, ngược lại, trong những giao kèo loại thứ nhất toàn bộ sự thua thiệt rơi vào một phía, còn toàn bộ lợi lộc lại lọt vào tay phía khác" (tr. 400) [tr. 275].

ĐỊA TÔ (CHỐNG CÁC QUAN ĐIỂM CỦA MAN-TÚT VỀ ĐỊA TÔ)

"*Địa tô là sản phẩm của giá trị*, nhưng không phải *là sản phẩm của sự giàu có* ... Giá trị này mang tính chất *danh nghĩa* thuần túy, vì nó không thêm gì vào những nhu yếu phẩm, các vật phẩm tiện nghi và hưởng thụ thuộc về xã hội" ... Một triệu quác-tơ lúa mì đã từng trị giá 4 triệu p. xt., bây giờ có giá trị 5 triệu p. xt. vì giá một quác-tơ lúa mì đã là 5 p. xt. thay vì 4 p. xt.. "Kết quả của việc đó là một phần giá trị của lúa mì và của những hàng hóa [khác] chuyển từ tay những người sở hữu trước đây của chúng vào tay những người sở hữu ruộng đất ... Địa tô không thêm gì vào các nguồn tài nguyên của đất nước ... Địa tô chỉ là sự chuyển dịch giá trị chỉ có lợi cho người sở hữu ruộng đất và gây thua thiệt một cách tương ứng cho người tiêu dùng" (tr. 485 - 486) [tr. 329-330].

"*Giá cao của lúa mì*" cần được hiểu "không phải là *giá một quác-tơ hoặc một bu-sen*, mà là *khoản phụ trội của giá cả khi bán toàn bộ sản phẩm* so với chi phí sản xuất ra nó ... 150 quác-tơ lúa mì với giá 3 p. xt. 10 si-linh một quác-tơ đem lại khoản địa tô lớn hơn là 100 quác-tơ lúa mì với giá 4 p. xt. một quác-tơ, với điều kiện là chi phí sản xuất vẫn như

trước" (tr. 487) [tr. 330]. "Địa tô không phải tỷ lệ với độ phì nhiêu tuyệt đối của ruộng đất canh tác, mà tỷ lệ với độ phì nhiêu tương đối của ruộng đất" (tr. 490) [tr. 332]. *Độ phì tăng lên* của ruộng đất" chỉ "làm cho nó *có khả năng* trong tương lai trả địa tô cao hơn ... Địa tô thực trên ruộng đất hết sức mầu mỡ có thể thấp hơn so với trên ruộng đất chỉ đem lại thu nhập vừa phải ... Địa tô tỷ lệ với giá trị của sản phẩm, chứ không phải với sự dồi dào của sản phẩm" (tr. 491) [tr. 333]. "Chất đất dù có ra sao thì địa tô cao cũng phải phụ thuộc vào giá cả cao của sản phẩm; nhưng nếu giá cả cao đã có rồi thì mức độ cao thấp của địa tô phải tỷ lệ với sự dồi dào của sản phẩm, chứ không phải với tính chất khan hiếm của sản phẩm" (tr. 492) [tr.334]. Man-tút cho rằng "bản thân thực phẩm tạo ra số cầu cho mình", rằng việc đảm bảo thực phẩm cho dân cư có tác dụng kích thích việc lấy vợ lấy chồng, thay vì phải chú ý rằng *sự gia tăng chung của dân số bắt nguồn từ sự gia tăng của tư bản, từ số cầu tiếp theo về lao động* và *từ sự tăng lên của tiền công* và rằng *việc sản xuất thực phẩm chỉ là kết quả của số cầu ấy*" (tr. 493) [tr.334]. Man-tút cho rằng: "Nếu như các tư liệu sinh hoạt, những sản phẩm quan trọng nhất của ruộng đất không có thuộc tính tạo ra việc tăng số cầu tỷ lệ với *số lượng đã tăng lên* của chúng, thì số lượng đã tăng lên ấy sẽ gây ra sự hạ thấp giá trị trao đổi của chúng".

Về điều này, Ri-các-đô đưa ra một nhận xét chính đáng:

"Ngài Man-tút nói đến số lượng đã tăng nào vậy? Ai sản xuất ra số lượng ấy? Ai có thể có sự thôi thúc muốn sản xuất ra khối lượng ấy trước khi có số cầu về số lượng bổ sung đó?" (tr. 495) (tr. 335). "Những cải tiến trong nông nghiệp và trong phân công lao động là những cải tiến *chung* cho tất cả ruộng đất; chúng làm tăng số lượng tuyệt đối của sản phẩm nguyên liệu thu hoạch được trên mỗi lô ruộng, nhưng hoàn toàn chắc chắn là chúng không phải phá vỡ một cách đáng kể phần nào *mối tương quan* đã từng tồn tại giữa chúng" (tr. 501 - 502) [tr. 339-340][137]. "Số lượng lúa mì được sản xuất ra chịu ảnh hưởng không phải của giá cả mà theo đó nó có thể được sản xuất ra, mà chịu ảnh hưởng của giá cả mà theo nó có thể được bán. Tư bản được thu hút vào ruộng đất hoặc được rút ra khỏi ruộng đất tuỳ theo chỗ giá lúa mì thấp hơn hay cao hơn bao nhiêu so với chi phí sản xuất. Nếu mức phụ trội ấy làm cho tư bản đầu tư vào nông nghiệp đem lại lợi nhuận cao hơn mức thông thường thì tư bản sẽ được thu hút vào ruộng đất", và ngược lại (tr. 505) [tr. 342]. "Hoàn toàn không còn nghi ngờ gì nữa, người nắm giữ các giấy có giá của nhà nước cũng được lợi khi giá trị của lúa mì giảm nhiều" (tr. 516) [tr. 349].

ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC NHẬP KHẨU LÚA MÌ ĐẾN ĐỊA TÔ VÀ LỢI NHUẬN CỦA CHỦ NÔNG TRẠI

[VIII-34] "Vì địa tô là kết quả của giá lúa mì cao cho nên địa tô bị mất đi là kết quả của giá lúa mì thấp. Lúa mì của nước ngoài không khi nào tham gia cạnh tranh với lúa mì sản xuất ở trong nước vẫn đem lại địa tô. Giá cả hạ xuống không ngừng gây thua thiệt cho người sở hữu ruộng đất, cho đến khi cuối cùng giá cả ấy nuốt hết địa tô của người đó. Nếu giá cả hạ xuống thấp hơn nữa thì nó sẽ không đem lại thậm chí khoản lợi nhuận thông thường cho tư bản. Khi ấy tư bản sẽ rời bỏ ruộng đất để đầu tư vào một công việc khác nào đó, còn lúa mì mà trước kia vẫn được sản xuất trên ruộng đất này thì nay sẽ được thay thế bằng lúa mì nhập khẩu chỉ đến khi đó thôi, chứ không sớm hơn" (tr. 519) [tr.351].

ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC TỰ DO NHẬP KHẨU LÚA MÌ ĐẾN LỢI NHUẬN VÀ TƯ BẢN CỦA NGƯỜI CHỦ NÔNG TRẠI

"Mỗi khi lượng cung về lúa mì tăng lên và giá cả của nó do đó giảm đi thì tư bản được rút ra khỏi những ruộng đất nghèo màu mỡ hơn, và biện pháp mới điều tiết giá cả tự nhiên của lúa mì sẽ là những ruộng đất có độ phì nhiêu hơn mà giờ đây không phải trả địa tô nữa... Song, người ta nói rằng tư bản không thể rút ra khỏi ruộng đất, bởi vì nó được đầu tư dưới những hình thức (phân bón, tiêu nước, đắp bờ v.v.) không để cho nó rút ra được. Điều đó phần nào đúng; nhưng tư bản được đầu tư vào đại gia súc có sừng, cửu, kho chứa ngũ cốc và cỏ khô, xe vận chuyển v.v. có thể rút ra được", thì đã được bán và chuyển vào lĩnh vực khác nào đó ... Nhưng nếu không một bộ phận tư bản nào có thể được rút ra khỏi ruộng đất, thì người chủ nông trại vẫn tiếp tục sản xuất ra lúa mì, hơn nữa với một số lượng càng nhiều càng tốt[138], dù cho giá cả mà chủ nông trại ấy có thể bán như thế nào ... Nếu không thì "người chủ nông trại sẽ tuyệt nhiên không thu được khoản thu nhập nào từ tư bản của mình. Không thể nhập khẩu lúa mì được"(?)... Giá lúa mì thấp ấy chỉ có thể đụng chạm đến lợi nhuận thông thường của số tư bản không đem lại địa tô, "còn địa tô trên ruộng đất tốt hơn sẽ giảm; tiền công cũng sẽ giảm, còn lợi nhuận thì sẽ tăng"... khoản lợi ấy nhờ giá cả tương đối thấp của lúa mì luôn luôn khiến cho *"phần lớn hơn* thì rơi vào tay *giai cấp sản xuất dưới hình thức lợi nhuận* và *phần nhỏ hơn* thì *thuộc về* giai cấp *phi sản xuất* dưới *tên gọi là địa tô*... Nhưng nếu một bộ phận đáng kể của tư bản có thể được rút ra khỏi ruộng đất thì phần tư bản ấy sẽ chỉ được rút ra trong trường hợp nếu phần ấy đem lại khoản thu nhập lớn hơn" trong ngành sản xuất khác... Người sở hữu tư bản vứt bỏ

phần tư bản đã gắn liền với ruộng đất, bởi vì với phần tư bản còn lại người sở hữu tư bản ấy có thể thu được khoản lợi nhuận lớn hơn là nếu như người ấy không làm như thế. Ở đây tình hình cũng diễn ra giống như với những máy móc đắt tiền mà sau này đã bị lấn át bởi những máy móc được cải tiến nhờ các phát minh, như thế những hàng hóa do chúng sản xuất ra thì có giá rẻ hơn nhiều. Trong trường hợp này người chủ xưởng cần quyết định xem mình phải từ bỏ những máy cũ và áp dụng những máy móc được cải tiến, *chịu mất hết giá trị của những máy cũ*, hay là tiếp tục sản xuất với những máy móc cũ. "Trong tình huống ấy ai lại đi khuyên chủ xưởng ấy khước từ việc sử dụng các máy móc tốt hơn, bởi vì việc sử dụng ấy dẫn đến chỗ làm giảm hoặc làm tiêu tan giá trị của các máy cũ ? Đó chính là những lý lẽ của những người muốn cấm nhập khẩu lúa mì, vì việc nhập khẩu ấy dẫn đến chỗ làm giảm hoặc xóa sạch phần tư bản của người chủ nông trại đã vĩnh viễn gắn liền với ruộng đất" (tr. 314 - 318) [tr. 222 - 224].

PHẦN THỨ HAI CỦA ĐỊA TÔ KHÔNG PHÁT SINH TỪ ĐỘ PHÌ NHIÊU TƯƠNG ĐỐI CỦA RUỘNG ĐẤT

Ở trên chúng tôi đã nêu lên "sự khác nhau giữa *địa tô đích thực* và khoản thù lao, mang tên gọi là địa tô, được trả cho người sở hữu ruộng đất về những khoản lợi mà sự đầu tư tư bản của người đó đã đem lại cho người thuê ruộng của điền chủ". Tuy nhiên, sự khác nhau ấy không phải là một cái gì đấy cố định. "Vì một phần tư bản này, một khi được đầu tư vào việc hoàn thiện nông trại, *đã gắn chặt với ruộng đất* và hướng vào việc làm *tăng sức sản xuất của ruộng đất*, cho nên khoản thù lao được trả cho người sở hữu ruộng đất thì phù hợp chính xác với bản chất của địa tô và tuân theo tất cả *các quy luật của địa tô*. Những cải tiến ấy được thực hiện bằng vốn của người sở hữu ruộng đất hoặc của người thuê ruộng, những cải tiến ấy trước hết chỉ có thể được áp dụng trong trường hợp nếu có khả năng to lớn là thu nhập" sẽ ở mức trung bình của lợi nhuận tư bản. "Nhưng một khi sự cải tiến ấy đã được thực hiện thì khoản thu nhập có được sẽ hoàn toàn tương ứng với bản chất của địa tô và sẽ chịu mọi sự thay đổi vốn có của địa tô. Một số những chi phí ấy làm cho ruộng đất tốt lên chỉ trong một thời gian nhất định và làm tăng sức sản xuất của ruộng đất ấy không phải vĩnh viễn. Ví dụ như, nếu những chi phí ấy được đầu tư vào nhà xưởng và vào những cải tiến khác có tính chất nhất thời, chúng phải luôn luôn được lặp đi lặp lại và vì vậy chúng không đem lại cho người sở hữu ruộng đất một khoản bổ sung thường xuyên nào cả vào địa tô thật sự của người sở hữu ruộng đất" (tr. 306, chú thích) [tr. 216 - 217].

Ở đây Ri-các-đô thừa nhận rằng độ phì nhiêu tự nhiên chỉ có thể tạm thời tách khỏi độ phì nhiêu được tạo ra một cách nhân tạo. Song cần nhận thấy rằng một bộ phận nào đó những sự cải thiện ruộng đất là thành tựu đối với cả một thời đại và không được trả cho ai cả. Ví dụ, người ta không trả cho ai số chênh lệch giữa lô đất được canh tác bằng những phương tiện hiện đại và lô đất của thế kỷ VIII. Thậm chí ruộng đất không được canh tác cũng liên quan đến thành tựu ấy, vì ruộng đất ấy liên quan đến những phương tiện hiện đại làm cho dễ dàng gấp mười lần việc canh tác ruộng đất, việc khai phá đất hoang. Thành tựu khoa học này đã trở thành thước đo chung.

"Dù bộ phận nào của tư bản được đầu tư vào ruộng đất đi nữa thì sau khi hết hạn thuê ruộng đất, phần tư bản ấy phải thuộc về người sở hữu ruộng đất, chứ không phải thuộc về người thuê ruộng. Dù người sở hữu ruộng đất có nhận được thù lao như thế nào về khoản tư bản ấy, thì khi đưa lô đất ấy cho thuê lại, khoản thù lao ấy vẫn biểu hiện ra dưới hình thức địa tô; nhưng không có ai trả địa tô, nếu như nhờ khoản tư bản ấy có thể nhập được từ nước ngoài nhiều lúa mì hơn là trồng lúa mì trên ruộng đất ấy ở trong nước... Điều đó không gây ra một sự thua thiệt nào cả, dù khoản tư bản được đầu tư trên ruộng đất ấy có lớn đến đâu đi nữa. Khoản tư bản ấy [VIII - 35] đã được đầu tư chỉ để làm tăng số lượng sản phẩm: mục đích là như thế. Phải chăng đối với xã hội có gì khác nhau nếu một nửa số tư bản của nó đã giảm giá trị hoặc thậm chí bị thủ tiêu hoàn toàn, một khi xã hội có thể nhận được một sản lượng hàng năm lớn hơn? Trong trường hợp này ai than khóc sự mất mát tư bản thì người đó hy sinh mục tiêu cho phương tiện" (tr.315, chú thích) [tr. 223].

III) *VỀ GIÁ TỰ NHIÊN VÀ GIÁ THỊ TRƯỜNG*

Một số lượng tương ứng hàng hóa được quy định bởi thời gian lao động cần thiết để sản xuất ra những hàng hóa ấy, và là số lượng được đem trao đổi lấy một hàng hóa nào đó, - thì tạo thành *giá tự nhiên* của hàng hóa ấy. Bên cạnh giá tự nhiên còn có *giá thị trường. Những sự chênh lệch ngẫu nhiên và tạm thời của giá thị trường so với giá tự nhiên.* Số cung không tương ứng *chính xác* với nhu cầu và với những mong ước của loài người ...

"Chính là do những thay đổi ấy mà tư bản được phân bổ chính xác vào việc sản xuất ra các hàng hóa khác nhau. *Giá cả tăng cao hoặc hạ thấp* thì lợi nhuận cũng tăng lên cao hơn hoặc [hạ xuống] thấp hơn *mức chung* của mình, và tư bản được khuyến khích đầu tư vào hoặc rút ra ở những ngành công nghiệp riêng lẻ ... Ước mong không nguôi ấy của tất cả các nhà tư bản, muốn từ bỏ công việc làm ăn ít lợi nhuận hơn để đầu tư vào công việc có lợi nhuận cao hơn, tạo ra xu hướng mạnh mẽ đưa lợi nhuận của tất cả các nhà tư bản vào mức tỷ suất như nhau hoặc xác lập giữa họ một tỷ lệ làm cân bằng - theo sự tính toán của các bên hữu quan - những lợi thế thực sự hoặc bề ngoài của những người này so với những người khác. Sự thay đổi này diễn ra không phải là nhờ người chủ xưởng đã hoàn toàn thay đổi công việc làm ăn của mình, mà chỉ bằng cách người chủ xưởng ấy giảm bớt số lượng tư bản mà người chủ xưởng ấy đã đầu tư trong công việc kinh doanh của mình. Ở tất cả các nước giàu đều có cái gọi là *giai cấp tiền tệ* không kinh doanh trong bất kỳ một ngành công nghiệp nào, mà sống bằng lợi tức do tư bản của mình đưa lại, dùng nó vào việc chiết khấu các kỳ phiếu hoặc cho bộ phận kinh doanh năng động hơn trong xã hội vay. Các chủ ngân hàng cũng dùng một số lượng tư bản lớn vào những hoạt động tương tự. Tư bản được dùng theo cách ấy tạo thành tư bản lưu động có quy mô đáng kể, và tất cả các ngành sản xuất khác nhau ở trong nước đều sử dụng loại tư bản này với tỷ lệ nhiều hay ít. Có lẽ không có một chủ xưởng nào - dù ông ta có giàu như thế nào chăng nữa - lại hạn chế công việc làm ăn của mình ở những quy mô mà số tiền của chính ông ta cho phép. Ông ta luôn luôn có một bộ phận nào đó tư bản vãng lai ấy, bộ phận tư bản này tăng lên hoặc giảm xuống tùy theo cường độ nhu cầu về các hàng hóa của ông ta. Nếu số cầu về lụa tăng lên và số cầu về dạ nỉ giảm xuống thì chủ xưởng sản xuất dạ nỉ không chuyển tư bản của mình vào công nghiệp dệt lụa, mà sa thải một bộ phận công nhân của mình và giảm nhu cầu vay tiền ở các chủ ngân hàng và ở những người có tiền. Ngược lại, chủ xưởng sản xuất lụa vay tiền nhiều hơn, như thế tư bản được chuyển từ một ngành này sang ngành khác mà người chủ xưởng không cần phải chấm dứt công việc kinh doanh thông thường của mình" ... Điều này bảo đảm cung cấp hàng hóa một cách nhịp nhàng cho các thành phố lớn ... Người ta *ghi nhận những sự khác biệt* về tỷ suất *lợi nhuận* để hoàn bù lại những lợi thế thực sự hoặc giả tưởng, ví dụ như tính tin cậy, tính dễ dàng, tính cẩn thận v.v.. Bây giờ, sau khi kết thúc cuộc chiến tranh vĩ đại[139], một sự kết thúc "đã hết sức đảo lộn[140] sự phân chia các lĩnh vực hoạt động kinh doanh đã từng tồn tại trước kia ở châu Âu, từng nhà tư bản vẫn chưa tìm được chỗ đứng của mình trong sự phân chia mới mà giờ đây đã trở nên cần thiết ... Chính sự cạnh tranh ấy" (giữa các nhà tư bản) "thiết lập giá trị trao đổi của các hàng hóa đến nỗi sau khi đã trả tiền công cho số lượng lao

động cần thiết để sản xuất ra những hàng hóa ấy và trang trải tất cả các khoản chi phí khác cần có để đưa khoản tư bản được đầu tư trở lại mức năng suất ban đầu, thì *phần giá trị còn lại, hay là phần giá trị dôi ra*, trong mỗi ngành đều *tỷ lệ thuận với giá trị của lượng tư bản được đầu tư*" (tr. 80 - 84) [tr. 81-82].

Nếu *sự thay đổi của thời trang* (v.v. và v.v.) làm tăng số cầu về một loại hàng hóa này và làm giảm số cầu về loại hàng hóa khác, hơn nữa số lượng tương đối của thời gian lao động cần thiết để sản xuất ra các hàng hóa ấy lại không thay đổi, thì *giá thị trường của một loại hàng hóa này* tăng lên, *còn của loại hàng hóa khác lại hạ xuống ; lợi nhuận* trong một ngành này tăng lên *cao hơn* mức chung, còn trong ngành khác lợi nhuận giảm đi *thấp hơn* mức đó. Tình hình ấy cũng xảy ra với tiền công trong hai ngành khác nhau ấy ... Sau đó lại diễn ra sự bình quân hoá (tr. 83-84) [tr. 83].

"Sau khi tôi vừa thừa nhận" - Ri-các-đô nói - "những ảnh hưởng tạm thời mà những nguyên nhân ngẫu nhiên có thể gây ra đối với giá cả của hàng hóa, cũng như đối với tiền công và lợi nhuận của tư bản trong các lĩnh vực đầu tư khác nhau của nó, và những ảnh hưởng ấy không đụng chạm đến mức giá chung của hàng hoá, của tiền công hoặc lợi nhuận, vì những ảnh hưởng ấy tác động như nhau trong tất cả các giai đoạn phát triển của xã hội, - *giờ đây chúng tôi có ý định hoàn toàn không tính đến những ảnh hưởng ấy* khi diễn giải về các quy luật điều khiển các giá cả tự nhiên, tiền công tự nhiên và lợi nhuận tự nhiên - là những hiện tượng hoàn toàn không phụ thuộc vào những nguyên nhân ngẫu nhiên ấy". (tr. 85) [tr. 84].

Ri- các- đô trừu tượng hóa điều mà ông coi là *cái ngẫu nhiên*. Vấn đề lại khác khi miêu tả *quá trình thực tế*, trong đó điều mà ông gọi là sự vận động ngẫu nhiên nhưng lại ổn định và có thật, cũng như *quy luật* của quá trình ấy, tỷ lệ trung bình - cả hai điều đó đều quan trọng như nhau.

SỰ KHÁC NHAU GIỮA GIÁ TRỊ (GIÁ CẢ TỰ NHIÊN) VÀ CỦA CẢI

"Giá trị và của cải khác nhau một cách căn bản, của cải phụ thuộc vào sự dồi dào, còn giá trị thì phụ thuộc vào tính chất dễ dàng hoặc khó khăn của sản xuất. Lao động của một

triệu người trong các công xưởng luôn luôn sản xuất ra cùng một giá trị, nhưng lao động ấy không phải lúc nào cũng sản xuất ra cùng một số lượng của cải".

(Nhưng thế thì giá trị lại tăng lên như thế nào ? Nếu không kể đến địa tô thì hiển nhiên là: khi có hai triệu người lao động thay vì một triệu người. Do đó, nhờ tăng dân số, nhờ nhân lên *cùng một loại hoạt động sản xuất*. Muốn vậy, không cần làm thế nào để sản phẩm trị giá bằng một lượng lao động lớn hơn trước. Muốn vậy, chỉ cần: *sự gia tăng dân số. Sự gia tăng tư bản đem lại việc làm cho dân cư. Sự gia tăng số ngành lao động.)*

..." Một người giàu hoặc nghèo tùy thuộc vào sự dồi dào về những nhu yếu phẩm và các vật phẩm xa xỉ mà người đó có. Và cho dù giá trị trao đổi của những vật phẩm ấy cao hoặc thấp như thế nào so với tiền, so với lúa mì hoặc lao động thì tất cả các vật phẩm ấy đều thỏa mãn nhu cầu của người sở hữu chúng. Do sự lẫn lộn các khái niệm giá trị và của cải nên người ta đi đến khẳng định rằng của cải có thể tăng lên bằng con đường giảm bớt số lượng hàng hóa ...Một cá nhân nhờ sở hữu một thứ hàng hóa hiếm có thể có được một số lượng nhu yếu phẩm lớn hơn" v.v., trở thành người giàu hơn, nhưng chỉ nhờ giảm tương ứng phần của những cá nhân khác ...Nếu nhờ một phát minh nào đó mà có thể, tuy vẫn sử dụng cùng một khối lượng tư bản và lao động, nhưng lại tăng gấp đôi sản lượng tất cả các hàng hóa ở trong nước, kể cả vàng, thì khối lượng của cải tăng lên gấp đôi, nhưng giá trị vẫn thế ...."Như vậy, của cải của một nước có thể [VIII - 36] tăng lên bằng hai cách: *bằng cách sử dụng* một phần lớn hơn *trong thu nhập để nuôi lao động sản xuất*, - việc này sẽ làm tăng không những số lượng, mà cả giá trị của toàn bộ khối hàng hóa; hoặc khối lượng ấy có thể tăng lên *mà không cần chi phí thêm khối lượng lao động, bằng cách tăng năng suất của cùng một khối lượng lao động*, - việc này sẽ chỉ làm tăng sự dồi dào, nhưng không phải làm tăng giá trị của hàng hóa ...Nếu chiếc cối xay bột chuyển động nhờ sức của 10 người và sẽ phát hiện thấy rằng nhờ không khí hoặc sức nước có thể tiết kiệm được lao động của 10 người ấy thì giá trị của bột, mà một phần là sản phẩm của hoạt động của chiếc cối xay - sẽ lập tức giảm xuống tương ứng với số lượng lao động đã được tiết kiệm. Xã hội sẽ giàu hơn với số lượng hàng hoá mà lao động của 10 người có thể sản xuất ra; quỹ dành cho việc nuôi số người ấy sẽ không hề giảm đi chút nào ...Xây chỉ trích một cách vô căn cứ A.Xmít rằng Xmít đã không phát hiện ra giá trị do các nhân tố thiên nhiên và máy móc đem lại cho hàng hóa, vì giá trị của tất cả các vật phẩm đều được ông suy ra từ

lao động của con người ...A.Xmít không đánh giá thấp những nhân tố giúp sức ấy, nhưng ông nhận xét có cơ sở rằng tuy những nhân tố giúp sức ấy làm tăng *giá trị sử dụng* - bằng cách chúng làm tăng sự dồi dào về sản phẩm và làm cho con người giàu hơn - nhưng chúng không thêm gì vào *giá trị trao đổi*, vì người ta không phải trả gì cho việc sử dụng không khí, sức nóng và sức nước, do chúng làm việc không công" (tr.320-337) [tr.226-236].

(Qua việc vạch ra sự khác nhau giữa giá trị và của cải chỉ *trong khái niệm* thôi, Ri-các-đô đã không loại trừ được khó khăn. Của cải của giai cấp tư sản và mục đích của toàn bộ nền sản xuất tư sản là *giá trị trao đổi*, chứ không phải là việc thỏa mãn nhu cầu. Để tăng giá trị trao đổi ấy, không có cách nào khác - nếu không kể đến những hành động lừa bịp nhau - ngoài một cách: tăng số lượng sản phẩm, sản xuất nhiều hơn. Để đạt được mức tăng ấy của sản xuất, cần phải tăng lượng sản xuất. Nhưng sức sản xuất của một số lượng lao động nào đó - của một tổng số tư bản và lao động nào đó - tăng lên bao nhiêu thì giá trị trao đổi của sản phẩm giảm đi bấy nhiêu, và số lượng sản phẩm tăng gấp đôi ấy có cùng một *giá trị* như giá trị của một nửa số lượng sản phẩm ấy trước kia. Chúng tôi hoàn toàn không nói đến sự mất giá mà sau này chúng tôi sẽ xem xét đến. Nếu điều ấy [sự gia tăng sản phẩm] diễn ra một cách đều đặn, thì giá trị sẽ chẳng bao giờ thay đổi, do đó, sẽ mất đi mọi nguồn kích thích đối với sản xuất tư bản chủ nghĩa. Do việc đó diễn ra không đều đặn, nên xuất hiện tất cả những hiện tượng xung đột, nhưng đồng thời cũng có cả tiến bộ tư sản. Sự tăng lên của sản xuất hàng hóa *không khi nào* là mục đích của nền sản xuất tư sản, mục đích của nền sản xuất ấy là tăng sản xuất ra *các giá trị*. Sự tăng lên diễn ra thực tế của sức sản xuất và của nền sản xuất hàng hóa diễn ra trái với mục đích của nền sản xuất tư sản, và mâu thuẫn bắt nguồn từ *sự gia tăng ấy của các giá trị*- một sự gia tăng tự triệt tiêu trong sự vận động của chính mình qua việc chuyển thành sự gia tăng của sản phẩm - là cơ sở của tất cả các cuộc khủng hoảng v.v.. Đó là mâu thuẫn mà nền sản xuất tư sản thường xuyên xoay tròn trong đó.)

Ri-các-đô nói về *tư bản*:

"*Tư bản* là phần *của cải* của đất nước được chi phí nhằm mục đích tiến hành sản xuất trong tương lai và phần của cải ấy *có thể được tăng lên* cũng theo phương thức như của cải tăng lên. *Tư bản bổ sung* cũng sẽ có hiệu quả trong việc sản xuất ra của cải trong tương lai bất kể nó có được bằng cách nâng cao nghệ thuật và cải tiến máy móc, hay là bằng cách sử dụng phần lớn thu nhập vào sản xuất. Của cải luôn luôn phụ thuộc vào số lượng hàng hóa được sản xuất ra, không phụ thuộc vào mức độ dễ dàng trong việc có thể sản xuất ra những công cụ được sử dụng trong sản xuất. Một số lượng nào đó quần áo và thực phẩm sẽ nuôi sống và đem lại việc làm cho cùng một số người như thế và do vậy đảm bảo hoàn thành cùng một khối lượng công việc như thế, bất kể những vật phẩm ấy được sản xuất ra bởi lao động của 100 người hay là của 200 người; tuy nhiên, giá trị của chúng sẽ gấp đôi nếu để sản xuất ra chúng đã chi phí lao động của 200 người" (tr.327-328)[tr.230-231].

Thứ nhất. Bây giờ chúng ta giả định rằng 100 công nhân đã sản xuất được một số lượng hàng hóa bằng số lượng hàng hóa trước kia do 200 công nhân sản xuất ra. Như vậy, lao động của 100 công nhân ấy có thể hoàn thành công việc của 200 công nhân. Vậy liệu sản phẩm của 200 công nhân hiện nay đang lao động sẽ có một giá trị gấp đôi so với sản phẩm của 100 công nhân kể trên, với lý do sản phẩm ấy là sản phẩm của 200 công nhân, trong khi sản phẩm kia là sản phẩm chỉ của 100 công nhân ?

Thứ hai. Ở đây Ri-các-đô lẫn lộn tư bản với *vật liệu* tạo thành tư bản. Của cải chỉ là vật chất của tư bản. Tư bản bao giờ cũng là *tổng số các giá trị* lại được dùng vào sản xuất; nó không chỉ là tổng số các sản phẩm và cũng được dùng vào việc sản xuất ra không phải các sản phẩm, mà là sản xuất ra các giá trị. Nếu nhờ có máy móc v.v. mà sản xuất được một số lượng hàng hóa bổ sung để nhờ chúng có thể đưa thêm số lượng công nhân bổ sung vào hoạt động, thì bằng cách ấy không tạo ra thêm một tư bản nào cả, mà chỉ *tăng sức sản xuất của tư bản trước đó* mà thôi. Sẽ không có một nhà tư bản nào nói rằng ông ta có một lượng tư bản bổ sung, nếu nhờ cũng số 100

ta- le ấy ông ta có thể sử dụng số công nhân nhiều hơn. Trong trường hợp này, *tư bản của ông ta tăng lên* [VIII- 37] vì tỷ suất lợi nhuận tăng lên so với tiền công, và như thế, một phần lớn hơn của tư bản có trước được tái sản xuất dưới hình thức tư bản, thay vì được tái sản xuất dưới hình thức các chi phí của công nhân. Khoản lợi ấy chỉ được thực hiện cho đến khi sự cạnh tranh từ phía những tư bản có cùng một năng suất dẫn đến chỗ làm ngang bằng khoản lợi nhuận dư trội ấy. Nếu không thì cần phải xem đó là sự tăng lên của của cải, chứ không phải sự tăng lên của tư bản. Tuy vậy, sau khi có sự bình quân hoá ấy, giá trị sử dụng vẫn tăng lên, nhưng tư bản thì thôi không tăng lên cùng mức độ như thế nữa. Nếu tư bản trở nên có năng suất cao hơn, thì nó sẽ không tăng lên trong trường hợp nếu tất cả các tư bản cùng ngành sản xuất đó và trong tất cả các ngành sản xuất khác đều cùng trở nên có năng suất hơn. Tư bản của đất nước vẫn sẽ y nguyên như trước, nhưng sẽ sản xuất ra số của cải nhiều hơn theo cách hiểu của Ri- các- đô, sản xuất ra nhiều nhu yếu phẩm hơn v.v..Vì sự tăng lên của sức sản xuất của tư bản luôn luôn *mang tính chất một phía,* có nghĩa là trước hết sự tăng lên ấy cũng là sự tăng lên *của các giá trị* (ở đây cỗ máy tốt nhất tham gia vào giá cả [của sản phẩm] của cỗ máy có năng suất trung bình, cũng giống như khoảnh đất xấu nhất tham gia vào giá cả [của sản phẩm] của khoảnh đất tốt nhất, và cũng như trong trường hợp địa tô, ở đây diễn ra quá trình tạo ra giá trị), bởi vì, tiếp nữa, nhà tư bản dùng cũng tư bản ấy để sử dụng nhiều công nhân hơn, do đó, nhà tư bản ấy tăng số lượng lao động, ví dụ, bắt hai triệu công nhân làm việc thay vì một triệu công nhân đã làm việc trước kia, và qua đó cũng gia tăng các giá trị.

Ở Ri- các- đô nói chung không bao giờ có thể hiểu được làm sao lại có thể làm tăng *các giá trị,* tức là cũng làm tăng tư bản, để đồng thời ở người này không bị tước đi cái mà người kia nhận được, giống

như tình hình xảy ra trong trường hợp địa tô. Muốn vậy thì ngoài sự gia tăng dân số, tăng sức sản xuất của tư bản, tức là giảm tiền công tương đối của công nhân, tiết kiệm lao động đã được thực hiện, trước hết cũng *cần tăng một cách tương ứng các phương thức sử dụng lao động*. Người ta tạo ra nhiều giá trị hơn: 1) nhờ sử dụng nhiều nhân lực hơn trong một ngành sản xuất nào đó và 2) điều này làm xuất hiện lao động tương ứng trong các ngành khác có thực hiện trao đổi. Các xưởng sản xuất vải bông ở Anh sẽ không tạo ra nhiều *giá trị* hơn nếu như lao động mà các xưởng này có thể tiến hành trao đổi không làm xuất hiện 1000 thị trường tiêu thụ ở trong và ngoài nước. Ri-các-đô đã hoàn toàn bỏ qua khả năng trao đổi ấy và sự tạo ra vật ngang giá. Ở một đoạn khác, Ri-các-đô nói:

" Có thể chấp nhận điều sau đây là nguyên lý chung, luôn luôn đúng đắn: chỉ có việc *giá cả thị trường* [141] *của hàng hóa vượt giá trị tự nhiên* hay là *giá trị tất yếu* của hàng hóa mới là động lực duy nhất kích thích tăng sản xuất hàng hóa"(tr.504)[tr.341].

Như vậy, ở đây Ri-các-đô thừa nhận rằng vấn đề không phải là sản xuất ra "của cải" theo cách hiểu của ông, mà ở việc sản xuất ra "các giá trị"."Giá trị tự nhiên" tự khẳng định mình đối với *giá cả thị trường* nhưng điều đó diễn ra trong một cuộc đấu tranh không có gì giống sự bình quân hoá giản đơn của Ri-các-đô. Vào thời kỳ đầu phát triển công nghiệp, khi mà số cầu phần nhiều khớp với số cung, cạnh tranh còn hạn chế, do đó, trong tất cả các ngành công nghiệp đã tồn tại các giá độc quyền, thường xuyên diễn ra hiện tượng sở hữu công nghiệp ăn chặn của sở hữu ruộng đất (cũng cả dưới hình thức phân chia ra thành các nước [nông nghiệp và công nghiệp]), do vậy sự giàu lên ở phía này và sự nghèo đi ở phía khác, *do đó*, cuộc đấu tranh giữa giá thị trường và giá trị thực tế đã không dẫn đến chính cái hiện tượng ấy và đã không được tiến hành với quy mô y như trong xã hội đương đại. Việc giá thị trường cao hơn giá thực tế vào hồi ấy có tính chất cố định.

VỀ ẢNH HƯỞNG CỦA CẦU VÀ CUNG ĐỐI VỚI GIÁ CẢ

(Căn cứ theo những điều chúng ta đã nghe thấy cho đến nay, sự cạnh tranh giữa các nhà tư bản để giành lấy sự đầu tư tư bản một cách có lãi nhất luôn luôn làm giảm giá thị trường xuống bằng giá cả tự nhiên - *sự đầu tư tư bản cân đối vào các ngành sản xuất khác nhau*. Nhưng, sự cạnh tranh ấy giữa các nhà tư bản lại do sự thay đổi số cầu quy định. Như thế, việc lấy thời gian lao động để xác định giá cả được thực hiện chính là trong khuôn khổ cung-cầu quyết định những tỷ lệ phân bố các tư bản khác nhau giữa các ngành sản xuất khác nhau. Mặt khác, cung cũng như cầu, đều do chính sản xuất quyết định.)

"Tỷ lệ giữa cầu và cung chỉ tạm thời đụng chạm đến giá thị trường [142] của hàng hóa, chừng nào hàng hóa ấy còn được cung cấp với khối lượng lớn hơn hoặc nhỏ hơn theo sự tăng hoặc giảm của cầu. Các vị hãy giảm chi phí sản xuất mũ, thế là cuối cùng giá cả của mũ sẽ hạ xuống đến mức giá tự nhiên mới của mũ, mặc dù số cầu về mũ đã tăng gấp đôi, gấp ba hoặc gấp bốn" ...Nếu như [giá trị] của vàng giảm xuống bằng một nửa chi phí sản xuất của nó thì giá cả hàng hóa biểu thị bằng vàng sẽ tăng lên 100%, mặc dù số cầu về các mặt hàng đó sẽ không tăng, chỉ vì giá trị của chúng, do thời gian lao động quyết định, đã tăng lên so với vàng, hay là giá trị tương đối của vàng đã giảm 1/2 ...8 tình huống của Lô-đéc-đan khiến cho giá trị trao đổi của hàng hóa có thể tăng lên hoặc giảm đi; ví dụ, *A* so với *B* và so với *C* (tiền). Nếu số lượng *A* giảm đi, thì [giá trị của nó] so với *B* tăng lên; nếu số lượng *A* tăng, thì [giá trị của nó] so với *B* giảm; nếu [số lượng] *A* vẫn như trước, còn [số lượng *B*] giảm đi, thì [giá trị] của *A* [so với B] giảm đi; nếu [số lượng] *A* vẫn như cũ, còn [số lượng] *B* tăng lên, thì [giá trị] của *A* [so với B] tăng lên, và 4 trường hợp quan hệ giữa *A* và *C* ... cũng như thế. Ri-các-đô nói, "điều đó đúng [VIII-38] đối với các *mặt hàng độc quyền*, còn đối với *tất cả các mặt hàng khác* thì điều đó đúng *trong một thời gian hạn chế*".

(Dĩ nhiên, luôn luôn giả định rằng số lượng [hàng hóa] tăng lên hoặc giảm đi khi số cầu không thay đổi, hoặc là số lượng hàng hóa vẫn như trước, nhưng số cầu tăng lên hoặc giảm đi.)

....Nếu chi phí sản xuất của một hàng hoá nào đó giảm đi thì hàng hóa ấy sẽ không vì thế mà được cung cấp với số lượng lớn hơn, nếu số cầu về mặt hàng ấy không tăng lên; bởi vì "hàng hóa được cung cấp không phải chỉ vì nó có thể được sản xuất mà bởi vì có nhu cầu về mặt hàng ấy ... Các giá cả của những hàng hóa chịu tác động của cạnh tranh và số lượng những hàng hoá ấy có thể tăng lên ở mức độ vừa phải thì xét cho cùng, chúng phụ thuộc không phải vào quan hệ cung cầu, mà phụ thuộc vào sự tăng lên hoặc giảm đi của chi phí sản xuất ra chúng" (tr.460-465) [tr.314-317].

SỐ LƯỢNG HÀNG HÓA SẢN XUẤT RA KHÔNG PHẢI DO CHI PHÍ SẢN XUẤT RA CHÚNG, TỨC LÀ GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA CHÚNG, MÀ DO GIÁ THỊ TRƯỜNG CỦA CHÚNG QUYẾT ĐỊNH

(Giá thực tế là giá cả theo đó hàng hóa *có thể được sản xuất ra*; *giá thị trường* là giá cả mà theo đó hàng hóa *có thể được bán ra*.)

Số lượng lúa mì *được sản xuất ra* chịu ảnh hưởng không phải của giá cả mà theo đó lúa mì có thể được sản xuất ra, mà chịu ảnh hưởng của giá cả theo đó lúa mì có thể được bán ra. Tư bản được thu hút đầu tư vào ruộng đất hoặc bị rút ra khỏi ruộng đất tùy theo giá lúa mì cao hơn bao nhiêu hoặc thấp hơn bao nhiêu so với chi phí sản xuất. Nếu mức vượt ấy lớn đến mức khiến cho tư bản được đầu tư vào nông nghiệp đem lại lợi nhuận cao hơn so với lợi nhuận chung, thì tư bản sẽ được thu hút đầu tư vào ruộng đất, còn nếu tư bản ấy đem lại lợi nhuận ít cao hơn thì nó sẽ bị rút ra khỏi nông nghiệp" (tr.505) [tr.342].

TÁC ĐỘNG LÀM MẤT GIÁ CỦA NHỮNG SỰ CẢI TIẾN TRONG NÔNG NGHIỆP VÀ TRONG MÁY MÓC

"Tất cả những cải tiến trong nông nghiệp và công nghiệp và tất cả những sự sáng chế ra máy móc ...vào thời điểm áp dụng chúng nhất định sẽ làm giảm bớt hoặc thủ tiêu giá trị của một phần tư bản hiện có của các phéc-mi-ê hoặc của các chủ xưởng" (tr.318) [tr.224-225].

"Giả sử lao động của một số người nào đó sản xuất ra, nhờ một khối lượng tư bản nhất định, 1 000 đôi bít-tất, và nhờ các sáng chế máy móc cũng vẫn số người như thế có thể sản xuất ra 2 000 đôi hoặc 1 000 đôi bít-tất và 500 chiếc mũ. Trong trường hợp này, giá trị của 2 000 đôi bít tất hoặc của 1000 đôi bít tất và 500 chiếc mũ sẽ không lớn hơn giá trị của 1 000 đôi bít tất trước khi áp dụng máy móc, vì chúng là sản phẩm của cùng một số lượng lao động. Nhưng giá trị của tổng khối lượng hàng hóa tuy vậy sẽ giảm đi, bởi vì ...có sự tác động đến bộ phận những hàng hóa chưa tiêu dùng được sản xuất ra trước khi có sự cải tiến; giá trị của những hàng hóa ấy sẽ giảm đi, vì giá trị ấy phải hạ xuống đến mức bằng giá trị của cùng một số lượng hàng hóa như thế đã được sản xuất ra với tất cả những ưu thế của sự cải tiến; và mặc dù số lượng hàng hóa đã tăng lên nhưng xã hội ...sẽ có một tổng số giá trị ít hơn. Bằng cách không ngừng tăng tính chất dễ dàng của sản xuất, chúng ta luôn luôn giảm giá trị của một số hàng hóa đã sản xuất trước kia, mặc dù cũng bằng cách ấy chúng ta không những tăng của cải của đất nước, mà còn tăng cả các lực lượng sản xuất của tương lai" (tr.320-322) [tr.226-227].

GIÁ LÚA MÌ KHÔNG PHẢI LÀ NHÂN TỐ ĐIỀU TIẾT GIÁ CẢ CỦA NHỮNG HÀNG HÓA KHÁC [143]

Chúng ta trừu tượng hóa việc tiêu dùng tiền tệ. "Trong những tình huống như thế, liệu giá trị trao đổi của lúa mì [144] có thể tăng lên so với các vật phẩm khác hay không? Nếu có thể, thì như vậy sẽ không đúng khi cho rằng giá trị của lúa mì điều tiết giá trị của tất cả các hàng hóa khác, bởi vì nếu không thì giá trị tương đối của lúa mì sẽ không được biến đổi so với các hàng hóa khác. Nếu không thể tăng lên thì như thế" cần phải chứng minh[145] "rằng bất kể lúa mì được thu hoạch từ ruộng đất mầu mỡ hay không mầu mỡ, nhờ sử dụng số lượng lao động nhiều hay ít, có sử dụng máy móc hay là không sử dụng chúng, lúa mì ấy sẽ luôn luôn được trao đổi lấy cùng một số lượng những hàng hóa khác" (tr.364-365) [tr.254].

(Ở Ri-các-đô, điều quan trọng là trong khi ngay cả A.Xmít và Xây vẫn còn coi *một sản phẩm xác định* nào đó của lao động là nhân tố điều tiết [giá trị], thì đâu đâu ông đều lấy lao động, hoạt động, chính sản xuất - không phải lấy sản phẩm, mà lấy sản xuất, hành

động sáng tạo, [làm nhân tố điều tiết]. Cả một thời đại sản xuất tư sản gắn với điều đó. Ở A.Xmít hoạt động chưa được giải phóng, chưa được tự do, chưa tách ra khỏi những ràng buộc tự nhiên, chưa tách khỏi vật phẩm.) (Ở Ri-các-đô, con người đâu đâu cũng có quan hệ với khả năng sản xuất của chính mình, ở A.Xmít thì con người còn khuất phục trước sự sáng tạo của chính mình, vấn đề vẫn còn xoay quanh một vật phẩm xác định nào đó, vật phẩm ở bên ngoài hoạt động của con người.)

[VIII-39] (Điều đó lý giải tại sao có cuộc luận chiến của Ri-các-đô chống [việc xác định] lúa mì [là nhân tố điều tiết giá trị của tất cả các hàng hóa khác] và *giá cả* lao động, *tiền công*, mà đương nhiên tiền công không phải là bản thân lao động.) (Cả cuộc luận chiến của ông chống [định nghĩa] *tiền tệ* cũng y như thế.)

Giá hiện thực - trái với một số ý kiến khẳng định - không phụ thuộc vào giá trị của tiền; nó cũng không phụ thuộc vào quan hệ của giá trị đối với lúa mì, đối với lao động hoặc đối với một hàng hóa nào khác được tách riêng ra, hoặc đối với tất cả mọi hàng hóa gộp chung lại" (tr.499) [tr.338].

([Giá cả thực tế] nói chung không phụ thuộc vào bất kỳ một hàng hóa nào, mà phụ thuộc vào hoạt động sản xuất ra các hàng hóa. Như vậy, nó cũng không phụ thuộc vào lao động trong chừng mực lao động được trả công, nhưng phụ thuộc vào lao động vì nó là lao động sản xuất, không phải trong chừng mực bản thân lao động là hàng hóa, mà trong chừng mực lao động tạo ra các hàng hóa.)

NGOẠI THƯƠNG VÀ GIÁ TRỊ TRAO ĐỔI

"Vì *giá trị của tất cả các hàng hóa ngoại quốc được đo bằng số lượng [sản phẩm] của ruộng đất và lao động của chúng ta* được đem *trao đổi* lấy chúng, cho nên chúng ta sẽ không có một giá trị lớn hơn, nếu do tìm ra được những thị trường mới mà chúng ta sẽ nhận được số lượng hàng hóa ngoại quốc nhiều gấp đôi do đổi lấy số lượng kể trên các sản phẩm của

chúng ta. Nếu như nhờ bán được [146] các hàng hóa của Anh trị giá 1 000 p. xt. nên thương gia có thể, với số tiền ấy, nhận được một số lượng hàng hóa ngoại quốc mà thương gia ấy có thể bán tại thị trường nước Anh với giá 1 200 p. xt., thì bằng cách đầu tư như thế tư bản của mình, thương gia ấy thu được 20% lợi nhuận; song cả lợi nhuận của thương gia ấy, cả giá trị các hàng hóa mà thương gia ấy nhập khẩu đều sẽ không tăng lên và sẽ không giảm đi do có sự tăng lên hoặc giảm đi của số lượng những hàng hóa ngoại quốc mà thương gia ấy nhận được. Dù thương gia ấy nhập khẩu 25 hay là 50 thùng rượu vang thì điều đó sẽ không thể ảnh hưởng đến lợi nhuận của thương gia ấy nếu như trong trường hợp thứ nhất thương gia ấy bán đi 25 thùng, còn trong trường hợp thứ hai người ấy bán đi 50 thùng rượu vang với giá 1 200 p. xt.. Trong cả hai trường hợp lợi nhuận của thương gia ấy hạn chế ở 200 p. xt., hay là 20% tính theo số tư bản của anh ta, và trong cả hai trường hợp đều nhập khẩu vào nước Anh một giá trị như nhau. Nếu 50 thùng sẽ được bán với giá cao hơn 1 200 p. xt. thì lợi nhuận của thương gia ấy sẽ cao hơn tỷ suất lợi nhuận trung bình, và các tư bản sẽ chảy vào ngành thương mại có lợi đó cho đến khi giá rượu vang hạ xuống và khôi phục lại tình hình như trước" (tr.131-132) [tr.112].

Để chứng minh rằng giá trị của các hàng hóa ngoại quốc được đo bằng số lượng [sản phẩm] của ruộng đất nước nhà và của lao động nước nhà, Ri-các-đô nói như sau:

"Để mua các hàng hóa ngoại quốc người ta dùng *cũng chính phần đó*, hoặc phần *lớn hơn*, hoặc phần *nhỏ hơn* [của sản phẩm] ruộng đất và lao động", ví dụ, của nước Anh. "Nếu người ta sử dụng *cũng cái phần đó*, thì đối với" những hàng hóa nước nhà "cũng có một số cầu như thế, và cũng có một phần tư bản như thế được sử dụng vào việc sản xuất ra chúng như trước kia. Nếu người ta sử dụng phần *nhỏ hơn* do giá sản phẩm ngoại quốc rẻ đi thì" khi ấy phần lớn hơn của nó có thể được sử dụng để thỏa mãn số cầu về các hàng hóa trong nước. Nếu người ta sử dụng phần *lớn hơn*, thì khi ấy số có ít tư bản hơn được sử dụng trong việc sản xuất ra các hàng hóa nội địa và số cầu về chúng sẽ ít hơn. Bằng cách đó "tư bản được dôi ra để mua các hàng hóa ngoại quốc, và như vậy, trong tất cả mọi trường hợp số cầu về các hàng hóa ngoại quốc và hàng hóa nội địa gộp chung lại, vì điều này có liên quan đến giá trị, chỉ hạn chế ở số thu nhập và tư bản của đất nước. Nếu số cầu về một mặt hàng tăng lên thì số cầu về loại hàng hóa khác phải giảm đi" (tr.133 - 134) [tr.113-114].

(Điều này đúng: ví dụ, giá trị [của sản phẩm] ruộng đất và lao động là 1 000 p. xt.; có nghĩa là nếu dùng 800 p. xt. để mua các

hàng hóa ngoại quốc thì sẽ chỉ có thể dùng 200 p. xt. vào việc mua các hàng hóa nội địa; nếu dùng 800 p. xt. để mua các hàng hóa nội địa, thì chỉ có 200 p. xt. dùng vào việc mua các hàng hóa ngoại quốc v.v.. Điều đó không có ý nghĩa nào khác ngoài ý nghĩa sau đây: *chúng ta chỉ có thể* trao đổi *lao động của chúng ta, các sản phẩm lao động của chúng ta*. Vì đây là một số tiền nào đó đã có rồi, cho nên nếu chúng ta sử dụng một phần nào đó của số tiền ấy vào một ngành trong hai ngành thương mại, thì chúng ta chỉ có thể sử dụng trong ngành thương mại kia số còn lại của số tiền ấy mà thôi. Nhưng điều này không chứng minh được rằng đổi lại, chúng ta không thể nhận được nhiều *giá trị* hơn. Ở đây Ri-các-đô cho rằng *giá trị* mà chúng ta đổi lấy được sẽ lập tức được chi phí ra, được đem ra trao đổi ở chính trong nước, do đó, nó hạn chế trong phạm vi những giá trị hiện có ở trong nước. Nhưng giống như tất cả các nước tiến hành thương mại vẫn làm, chúng ta *tích lũy* và để dành, ví dụ, vàng, nếu chúng ta chưa tìm thấy vật ngang giá trực tiếp để đổi lấy những giá trị lớn hơn mà chúng ta có được qua trao đổi. Vì nếu không thì luận điểm chung dưới đây cũng sẽ đúng: chúng ta không thể tạo ra một giá trị *mới* nào, mà chỉ có thể tạo ra giá trị sử dụng, vì *giá trị* mới được xác định bởi những sản phẩm lao động đã có rồi và bởi lao động, nó được đo lường bằng giá trị đã có sẵn mà nó phải được trao đổi lấy. Như thế, giá trị đã có sẵn không bao giờ có thể được tăng lên. Nhưng phải chăng chúng ta không thể làm xuất hiện lao động mới ? Và phải chăng tiền chỉ có quan hệ với những giá trị đã được tạo ra hoặc [cũng cả] với những giá trị có thể được tạo ra ? Và phải chăng một dân tộc này không [VIII-40] thể ăn chặn một dân tộc khác cũng thành công y như một cá nhân này ăn chặn một cá nhân khác ?

Nhưng Ri-các-đô sẽ nói: chỉ có thể có ba trường hợp.

Tôi nhập khẩu từ nước ngoài hoặc là *hàng hóa*,

hoặc là *tiền*,

hoặc là *thu nhập*, cho nên trong trường hợp sau cùng tôi có được thu nhập hằng năm qua trao đổi.

Cả cái này, cả cái kia, cả cái thứ ba, tôi đều phải trao đổi ở trong nước. Trao đổi lấy gì ? Đổi lấy [sản phẩm] đã có sẵn của lao động và của ruộng đất. Do đó, *giá trị* của tất cả ba cái đều được đo bằng *giá trị* của cái sau cùng. Hóa ra là thông qua ngoại thương, các giá trị sẽ không bao giờ có thể tăng lên được.

Hóa ra, một dân tộc nghèo lúc đầu, ví dụ dân tộc Hà Lan, thông qua ngoại thương, không bao giờ có thể kiếm được các giá trị trao đổi và trở nên giàu có, *hiểu theo nghĩa tư sản*. Ri-các-đô đưa ra điều nghịch lý ấy.

Dĩ nhiên, điều đó sẽ đúng, nếu tôi đem *giá trị mới* mà chính tôi có được ở ngoài nước đổi lấy giá trị cũ. Nhưng tôi có thể:

bằng giá trị mới làm xuất hiện lao động mới, rồi bằng lao động ấy làm xuất hiện những giá trị mới mà tôi sẽ dùng chúng để rồi lại đổi lấy những giá trị mới, lặp lại toàn bộ quá trình;

đem lại giá trị cho những cái mà trước đó chẳng có một giá trị nào cả, làm cho vật đó trở thành đối tượng trao đổi;

lại đem xuất khẩu ra nước ngoài một phần [giá trị], còn một phần thì đổi lấy chính giá trị mà tôi đã xuất khẩu ra nước ngoài một cách có lời. Bằng cách ấy dân tộc làm thương mại có thể giàu lên.

Và có thể, xét trên góc độ thời gian lao động tôi nhập khẩu nhiều hơn là xuất khẩu.

Khi Ri-các-đô khẳng định một cách xác đáng rằng hàng hóa được sản xuất ra với những chi phí nhất định, không phải vì hàng hóa đó được sản xuất ra với những chi phí ấy, mà là vì nó có thể được bán [theo những chi phí ấy] [147], - thì cũng xác đáng như vậy khi nói rằng,

hàng hóa có giá trị không phải do những chi phí sản xuất ra nó, mà vì lẽ nó có thể được trao đổi lấy những chi phí sản xuất nhất định [của hàng hóa khác].

Nếu thời gian lao động là thước đo giá trị, tức là thước đo số lượng hàng hóa được đem trao đổi lấy một đại lượng thứ ba nào đó, thì cũng sẽ đúng nếu nói rằng bản thân thước đo giá trị không phải là *giá trị*, không phải là vật được đo lường, và để có thể đo lường những số lượng các hàng hóa được trao đổi lấy nhau thì *trước hết* điều cần thiết là các hàng hóa *được trao đổi với nhau*. Do vậy, trao đổi mở ra *khả năng thực hiện giá trị của hàng hóa*. Vì thế mọi vật phẩm mới trở nên có khả năng trao đổi được đều là giá trị mới do eo ipso[1*] và nhân số các giá trị lên. Do vậy, trong chừng mực các nguồn trao đổi được mở ra, thì số các giá trị cũng tăng lên trong nội thương, cũng như trong ngoại thương. Vì thế, năng lực trao đổi tạo ra lao động mới và thu hút những ruộng đất mới vào canh tác, như vậy, năng lực ấy không được đo lường bằng chúng. Nếu không thì điều đó khác nào khẳng định rằng, giá trị của hàng hóa do thời gian lao động chứa đựng trong hàng hóa ấy tạo ra, và hàng hóa là *giá trị* trong khi chưa *được đem trao đổi*. Những hàng hóa không có một giá trị nào thì thoạt đầu có được giá trị ấy nhờ khả năng trao đổi được. Thoạt đầu - đơn giản nhờ kết quả của khả năng trao đổi được. Vì sau đó chúng nhanh chóng được tiêu dùng, nên lao động phải tái sản xuất ra chúng, và nếu như ban đầu giá trị của chúng được xác định một cách ngẫu nhiên, thì bây giờ nó được quy định bởi chi phí sản xuất ra chúng. Do vậy, nếu những nguồn trao đổi bị đóng lại thì sản xuất chấm dứt, có nghĩa là cũng sẽ thôi tồn tại cả cái thước đo mà - theo Ri-các-đô - người ta dùng để đo lường sự trao đổi: "[sản phẩm] hằng năm của ruộng đất và lao động hằng năm".)

1* - chính điều đó, tự nó

VIỆC XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TRAO ĐỔI Ở CÁC NƯỚC KHÁC NHAU

"Quy tắc điều tiết giá trị tương đối của các hàng hóa ở một nước nào đó không điều tiết giá trị tương đối của các hàng hóa được trao đổi giữa các nước khác nhau. Với hệ thống mậu dịch hoàn toàn tự do, mỗi nước chi phí tư bản và lao động của mình trong những ngành sản xuất đem lại những khoản lợi lớn nhất cho nước ấy...Điều đó dẫn đến một sự phân công lao động có hiệu quả nhất và kinh tế nhất, bởi vì khi làm cho tổng khối lượng sản phẩm tăng lên thì điều đó làm cho sự thịnh vượng chung lan tràn khắp nơi và liên kết - bằng những mối lợi chung và quan hệ - tất cả mọi dân tộc của thế giới văn minh thành một cộng đồng toàn thế giới" (tr.138-139) [tr.116]. [VIII-40]

[VIII-43][148] "Trong cùng một nước, mức lợi nhuận, nói chung, luôn luôn như nhau. Những sự khác biệt diễn ra chỉ vì một sự đầu tư tư bản này tỏ ra an toàn và có sức hấp dẫn nhiều hơn hoặc ít hơn một sự đầu tư khác. Quan hệ này hình thành theo cách khác giữa các nước khác nhau" ...Với sự khác nhau có thể có về lợi nhuận thì tư bản nhanh chóng chuyển từ Luân Đôn về I-oóc-sia, "nhưng nếu vì sự tăng lên của tư bản và của dân số khiến cho tiền công tăng lên, còn lợi nhuận giảm đi, thì tư bản và dân số hoàn toàn không nhất thiết sẽ phải chuyển từ nước Anh sang Hà Lan, hoặc sang Tây Ban Nha, hoặc sang nước Nga, nơi mà lợi nhuận có thể cao hơn" ...Nếu như ở Bồ Đào Nha cần 90 người để sản xuất ra một số lượng dạ nhất định và cần có 80 người để sản xuất ra một số lượng rượu vang nhất định, trong khi đó ở nước Anh cần đến 100 người để sản xuất dạ và 120 người để sản xuất ra rượu vang, thì Bồ Đào Nha sẽ xuất khẩu rượu vang, còn nước Anh thì sẽ xuất khẩu dạ... "Số lượng rượu vang mà Bồ Đào Nha đem trao đổi lấy dạ của nước Anh, không được xác định bởi những số lượng lao động tương ứng chi phí vào việc sản xuất ra cả hai mặt hàng ấy, như lẽ ra đã xảy ra, nếu cả hai hàng hóa ấy đều được sản xuất ra tại nước Anh hoặc tại Bồ Đào Nha [149]... Sự trao đổi này có thể diễn ra mặc dù những hàng hóa do Bồ Đào Nha nhập khẩu có thể được sản xuất ra ở đó với những chi phí lao động ít hơn ở nước Anh. Tuy Bồ Đào Nha có thể sản xuất dạ bằng lao động của 90 người, nhưng nó sẽ nhập khẩu dạ từ đất nước mà tại đó việc sản xuất dạ đòi hỏi lao động của 100 người, bởi lẽ đối với nước này, nói đúng ra, sẽ có lợi hơn nếu dùng tư bản của mình vào việc sản xuất rượu vang mà nó đem trao đổi lấy được nhiều dạ hơn từ nước Anh hơn là nó tự sản xuất ra, nếu như nó chuyển một phần tư bản của mình từ ngành làm rượu

vang sang ngành sản xuất dạ. Như vậy, nước Anh sẽ đem sản phẩm lao động của 100 người để đổi lấy sản phẩm lao động của 80 người. Sự trao đổi như vậy sẽ không thể diễn ra giữa các cá nhân trong cùng một nước... Có thể dễ dàng giải thích sự khác biệt về phương diện này giữa một nước riêng biệt nào đó với nhiều nước, nếu chúng ta lưu ý đến tính chất khó khăn của việc chuyển tư bản từ một nước này sang một nước khác nhằm tìm kiếm một sự đầu tư có lời hơn, mặt khác, nếu ta lưu ý đến cường độ của tư bản ấy không ngừng chuyển dịch từ một lĩnh vực này sang lĩnh vực khác trong phạm vi cùng một nước. Từ đó thấy rằng nước nào có nhiều ưu thế về máy móc và tài nghệ và do đó có khả năng sản xuất hàng hóa với những chi phí lao động ít hơn nhiều so với những nước bên cạnh nó, nước ấy có thể xuất khẩu những hàng hóa ấy để đổi lấy một phần lúa mì mà nó cần để tiêu dùng, thậm chí ngay cả trong trường hợp ruộng đất của nước đó mầu mỡ hơn và việc trồng lúa mì trên ruộng đất ấy rẻ hơn ở nước xuất khẩu lúa mì. Nếu hai người cùng sản xuất ra giày dép và mũ, và một trong số hai người ấy trội hơn người kia trong cả hai nghề ấy, nhưng trong việc sản xuất mũ anh ta có thể trội hơn người cạnh tranh của mình 20%, còn trong việc sản xuất giày dép thì trội hơn 33%, thì liệu có lợi hơn chăng, đối với cả hai người ấy, nếu như người khéo léo hơn chỉ sản xuất giày dép, còn người kém khéo léo hơn thì sản xuất mũ ?...Sự chuyển dịch tư bản (từ một nước này sang nước khác) bị cản trở bởi tính chất không đáng tin cậy, tưởng tượng hoặc có thật, của việc đầu tư khi tư bản không còn nằm trong sự kiểm soát trực tiếp của người sở hữu tư bản nữa, kết hợp với tâm lý tự nhiên của mọi người không thích rời bỏ tổ quốc, cắt đứt những mối quan hệ cũ và trao gởi thân mình, với tất cả những thói quen đã có, cho chính phủ nước ngoài và những luật lệ mới. Vàng và bạc được phân bố giữa các nước trên thế giới theo những tỷ lệ tương ứng với sự trao đổi tự nhiên có thể diễn ra, nếu như tuyệt nhiên không tồn tại những kim loại ấy và thương mại giữa các nước khác nhau mang tính chất thuần túy trao đổi ...Sự cải tiến sản xuất ở một nước nào đó có xu hướng thay đổi sự phân bố các kim loại quý giữa các nước trên thế giới: sự cải tiến ấy hướng tới việc gia tăng số lượng hàng hóa và đồng thời dẫn đến chỗ nâng cao các giá cả trung bình ở đất nước diễn ra sự cải tiến ấy" (tr.139-149)[tr.116-122]. "Mỗi nước chỉ có được một số lượng tiền cần thiết để điều tiết nền thương mại trao đổi có lợi nhuận" (tr.147-148) [tr.121].

(Theo quan niệm này thì hóa ra là thương mại trao đổi chẳng những làm tăng *số lượng sản phẩm*, mà còn làm tăng *giá*.)

ẢNH HƯỞNG CỦA THƯƠNG MẠI THUỘC ĐỊA ĐẾN GIÁ CẢ

Những hạn chế đối với thuộc địa có thể đem lại cho chính quốc những lợi thế đặc biệt (tr.404) [tr.277-278]. "Bản thân A.Xmít đồng ý với ý kiến cho rằng sự thua thiệt do sự phân công lao động bất lợi giữa hai nước gây ra có thể có lợi cho một trong hai nước ấy, trong khi đó nước kia bị thiệt hại vì sự thua thiệt ấy. Nhưng điều đó chứng minh rằng biện pháp có thể gây ra cho thuộc địa sự thiệt hại to lớn có thể có lợi phần nào cho chính quốc" (tr.405)[tr.278]. "Chính A.Xmít nói đến những hiệp ước thương mại buộc một nước nào đó hoặc phải cho phép nhập khẩu những mặt hàng nào đó từ một nước khác mà nó cấm nhập khẩu từ tất cả những nước khác, hoặc phải miễn cho hàng hóa của một nước khỏi đóng những loại thuế quan mà nước này đánh vào hàng hóa của tất cả những nước khác: "các nhà công nghiệp và các thương gia của nước được hưởng những điều kiện rất thuận lợi ấy thu được những khoản lợi to lớn; họ được hưởng một thứ độc quyền ở trong một nước" bị ràng buộc bởi hiệp ước này. "Nước này trở thành một thị trường tiêu thụ vừa rộng lớn hơn, vừa có lợi hơn cho các hàng hóa của họ; rộng lớn hơn, vì do loại bỏ hoặc đánh thuế nặng hơn vào hàng hóa của các nước khác nên nước này tiêu thụ một số lượng hàng hóa lớn hơn của các nhà công nghiệp và của các thương gia nước được hưởng điều kiện thuận lợi; có lợi hơn, vì họ được hưởng một thứ độc quyền và thường xuyên có thể bán hàng hóa của mình đắt hơn trong trường hợp nếu họ bị sự cạnh tranh tự do của những nước khác" [150]. Như vậy, nếu một trong hai nước ấy là thuộc địa, còn nước kia là chính quốc, thì chính quốc có thể thu lợi qua việc chèn ép thuộc địa" (tr.405 - 406) [tr. 278-279]. Dĩ nhiên, một mặt, [sự độc quyền] ấy bị phá hoại bởi sự cạnh tranh giữa các thương gia của ngay [VIII-44] chính quốc (nếu thương mại không bị một công ty nắm độc quyền)... Nhưng thậm chí cả trong trường hợp này, thuộc địa vẫn có thể mua những mặt hàng nào đó nhiều lắm là theo giá cả tự nhiên của chúng ở chính quốc, "trong khi với nền mậu dịch tự do chắc chắn nước này có thể mua các mặt hàng ấy ở những nước khác theo giá cả tự nhiên hạ hơn nhiều" (tr. 406-407) [tr. 279].

"Do đó, điều này là nguyên nhân gây ra hiện tượng phân bố bất lợi tổng tư bản, sự phân bố như thế chủ yếu là gánh nặng cho nước mà bản hiệp ước buộc phải mua hàng hóa" ở nước có năng suất thấp nhất [151] (tr. 407) [tr.279].

Lợi thế của chính quốc "là như sau: những hàng hóa xác định đó sẽ không được sản xuất ở Anh để xuất khẩu nếu nước này không được hưởng đặc quyền phục vụ thị trường

đặc biệt ấy; bởi vì sự cạnh tranh của những nước mà ở đó giá cả tự nhiên thấp hơn sẽ làm cho nước Anh mất đi mọi khả năng bán những mặt hàng ấy. Điều này sẽ không có ý nghĩa quan trọng nếu nước Anh có đầy đủ khả năng bán, lấy cũng một số tiền như vậy, các hàng hóa khác nào đó mà nó có thể sản xuất, dù là bán ở thị trường Pháp, hay là ở bất cứ một thị trường khác nào đó cũng có lợi như vậy". Chẳng hạn, nước Anh muốn mua rượu vang của Pháp với số tiền 5 000 p. xt., đổi lại, nó muốn bán hàng hóa của mình cũng với số tiền 5 000 p. xt.. "Nếu nước Pháp dành cho nó được hưởng độc quyền trên thị trường dạ, thì nước Anh sẽ lập tức xuất khẩu dạ, nhưng nếu tồn tại thương mại tự do, thì với sự cạnh tranh của các nước khác, giá cả tự nhiên của dạ ở Anh có thể không ở mức đủ thấp để thu được 5 000 p. xt. khi bán dạ ra. Do đó, nền công nghiệp Anh sẽ phải chuyển sang sản xuất một thứ hàng hóa khác nào đó, nhưng đồng thời có thể xảy ra tình hình là *với giá trị hiện hành của tiền*, nước này không có khả năng bán ra một thứ hàng hóa nào của mình theo *giá cả tự nhiên* của chúng ở những nước khác. Do vậy, 5 000 p. xt. được xuất sang Pháp ở dạng tiền để mua rượu vang. Do vậy giá trị của tiền tăng lên ở Anh và giảm đi ở những nước khác, do đó *giá cả tự nhiên* của tất cả các hàng hóa do công nghiệp nước Anh sản xuất ra hạ xuống. Giờ đây để có được 5 000 p. xt. sẽ có thể xuất khẩu hàng hóa, bởi vì với *giá cả tự nhiên* đã giảm xuống của chúng, giờ đây những hàng hóa ấy có thể cạnh tranh với hàng hóa của các nước khác. Tuy nhiên, giờ đây phải bán nhiều hàng hóa hơn theo những giá thấp để thu được số tiền 5 000 p. xt. cần có mà giờ đây, số tiền này không thể mua được cũng số lượng rượu vang như thế, bởi vì ở Pháp việc tăng lượng tiền đã dẫn đến chỗ làm tăng giá cả tự nhiên của hàng hóa [kể cả] rượu vang. Như thế, trong điều kiện hoàn toàn tự do mậu dịch, người ta sẽ xuất sang nước Anh một lượng rượu vang ít hơn để đổi lấy hàng hóa của nó", so với trường hợp thương mại của nó bị ràng buộc bởi những hiệp ước thương mại. Do vậy, lợi thế đối với Pháp và sự thua thiệt đối với Anh là ở chỗ nước Pháp nhận số lượng hàng hóa của nước kia nhiều hơn, còn nước Anh thì nhận được số lượng hàng hóa của nước kia ít hơn (tr 407-409) [tr.279-280].

"*Như vậy, ngoại thương được điều tiết* - dù tính chất khó khăn tương đối của sản xuất ở những nước khác nhau có như thế nào đi nữa - bằng cách thay đổi *giá cả tự nhiên*, chứ không phải thay đổi *giá trị tự nhiên* mà theo đó các hàng hóa có thể được sản xuất ra ở những nước ấy. Còn sự thay đổi của giá cả tự nhiên thì bắt nguồn từ *sự thay đổi việc phân bố các kim loại quý*" (tr.409) [tr.281].

(Như vậy, ở đây Ri-các-đô phân biệt giá cả tự nhiên và giá trị tự nhiên. Giá cả tự nhiên có thể thay đổi, trong khi giá trị tự nhiên

không thay đổi. Giá cả tự nhiên là giá trị tự nhiên được biểu thị qua thước đo tiền tệ, và sự biểu thị ấy có thể thay đổi tùy theo sự thay đổi *giá trị* của tiền.)

Như vậy, thương mại thuộc địa - nếu hoạt động này bị ràng buộc [bởi những hiệp ước thương mại] - "có thể có lợi hơn đối với chính quốc so với nền thương mại hoàn toàn tự do. Đối với người tiêu dùng riêng lẻ thì bất lợi, nếu người tiêu dùng ấy buộc phải thực hiện tất cả mọi việc mua hàng của mình chỉ ở một cửa hiệu, cũng như đối với cả một nước những người tiêu dùng thì bất lợi, nếu nước này buộc phải mua hàng chỉ ở một nước" (tr.410)[tr.281].

ẢNH HƯỞNG CỦA CẦU VÀ CUNG ĐỐI VỚI GIÁ TRỊ TRAO ĐỔI

"Sự tăng chi phí sản xuất của một hàng hóa nào đó là nhu yếu phẩm không nhất thiết dẫn đến chỗ giảm mức tiêu dùng mặt hàng ấy, vì tuy sức mua chung của những người tiêu dùng giảm đi do có sự tăng giá của bất kỳ hàng hóa nào, nhưng họ có thể từ chối tiêu dùng một mặt hàng khác nào đó mà chi phí sản xuất đã không tăng lên. Trong trường hợp này số cung, cũng như số cầu vẫn như trước, chỉ có chi phí sản xuất là tăng lên; song giá cả sẽ tăng lên, và lại, ắt phải tăng lên, để lợi nhuận của người sản xuất hàng hóa có chi phí sản xuất đã tăng được giữ ở mức trung bình (tr.410-411)[tr.281].

Vì giá cả của các hàng hóa do chi phí sản xuất của chúng quyết định, cho nên việc áp dụng các máy móc đã được cải tiến dẫn đến chỗ giảm giá và cho phép bán hàng hóa tại các thị trường bên ngoài rẻ hơn. Nếu một nước khước từ áp dụng máy móc, trong khi tất cả những nước khác đều áp dụng chúng, thì nước ấy buộc phải xuất khẩu tiền thay vì hàng hóa cho đến khi nó hạ được các giá cả tự nhiên của hàng hóa của mình xuống bằng mức giá hàng hóa của các nước khác. *Nhưng khi ấy, nước này có thể bị buộc phải xuất ra hai ngày lao động để đổi lấy một ngày lao động được thực hiện ở nước ngoài* [152] (tr.481) [tr.327]. *Ri-các-đô* nói: điều đó sở dĩ xảy ra là vì nước kể trên đã không thể hiện được đầu óc khôn ngoan như những nước láng giềng của nó đã thể hiện qua việc áp dụng máy móc" (tr.481-482) [tr.327].

Từ đó phải chăng thấy rằng một nước nào đó [VIII-45] hành động khôn ngoan khi nó trước hết áp dụng máy móc ở nước mình nhờ những thuế quan bảo hộ, để khỏi bị buộc phải thường xuyên bán hai ngày lao động của mình đổi lấy một ngày lao động của một nước khác nào đó ? [153]

Nhận xét chung. Khi xem xét sự điều tiết giá cả, Ri-các-đô lưu ý quá ít đến số lượng, cũng giống như khi xem xét sự điều tiết địa tô, ông luôn luôn chỉ đề cập đến giá của một quác-tơ. Nhưng nên biết rằng giá cả mà theo đó [hàng hóa] có thể được bán thì đồng thời lại phụ thuộc cả vào chỗ có thể bán được bao nhiêu trong số lượng kể trên. Bởi vì x, tổng giá cả của sản phẩm của một xưởng máy nào đó, vẫn y nguyên như cũ, bất kể là liệu có khả năng bán 1000 ác-sin theo giá 4 si-linh mỗi ác-sin, hay là 2 000 ác-sin được sản xuất ra cũng bằng [số lượng] lao động như vậy với giá 2 si-linh mỗi ác-sin. Nhưng trong cả hai trường hợp, điều cần thiết là làm sao để trong một trường hợp, chủ xưởng bán được 1 000, còn trong trường hợp kia thì bán được 2 000 ác-sin. Tổng giá cả của hàng hóa được xác định bằng giá cả của một đơn vị hàng hóa ấy (thước đo, ác-sin, quác-tơ v.v.) nhân với số lượng hàng hóa bán ra.

IV) *VỀ TIỀN CÔNG*

"Cũng như mọi vật phẩm khác được mua và bán, và số lượng chúng có thể tăng lên hoặc giảm đi, *lao động* cũng vậy, nó có *giá cả tự nhiên* và *giá cả thị trường* của mình" (tr.86) [tr.85].

"*Giá cả tự nhiên của lao động* là giá cả cần thiết để công nhân, xét trung bình, có khả năng tồn tại và tiếp tục nòi giống của mình mà không tăng hoặc giảm số lượng công nhân. Năng lực của người công nhân tự nuôi bản thân và nuôi gia đình mình tùy thuộc không phải vào số lượng tiền mà người ấy nhận được dưới hình thức tiền công, mà phụ thuộc vào

số lượng thực phẩm, nhu yếu phẩm và các tiện nghi có thể mua được bằng số tiền ấy. *Vì vậy*, giá cả tự nhiên của lao động *tùy thuộc* vào *giá cả của thực phẩm, các nhu yếu phẩm* và các tiện nghi... Vì vậy, *khi giá cả thực phẩm và các nhu yếu phẩm tăng lên* thì *giá cả tự nhiên* của lao động *tăng lên*, còn khi giá cả những thứ đó giảm xuống thì giá cả tự nhiên của lao động giảm xuống. Cùng với đà *tiến bộ của xã hội*, giá cả tự nhiên của lao động có xu hướng tăng lên, bởi vì một trong số những mặt hàng chủ yếu điều tiết giá cả tự nhiên của lao động lại có xu hướng trở nên đắt hơn do tính chất khó khăn ngày càng tăng của việc sản xuất ra nó. Song những cải tiến trong nông nghiệp, hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài thậm chí có thể dẫn đến chỗ làm cho giá cả thực phẩm giảm xuống và kiềm chế sự tăng lên của giá thực phẩm. Giá cả tự nhiên của lao động cũng chịu tác động như vậy. "Giá cả tự nhiên của tất cả mọi hàng hóa, trừ sản phẩm nguyên liệu và lao động, đều có xu hướng giảm xuống". Thật ra, nguyên liệu có trong thành phần hàng hóa làm cho giá cả các hàng hóa ấy tăng lên [154], tuy nhiên "sự tăng giá ấy hết sức được cân bằng nhờ các cải tiến trong máy móc, nhờ sự phân công và phân bố lao động tốt hơn và nhờ sự thông thạo ngày càng tăng của người sản xuất về kiến thức và về nghề nghiệp" (tr.86-87) [tr.85-86].

"*Giá cả thị trường của lao động* là giá cả thật sự được trả cho lao động do tác động tự nhiên của *quan hệ giữa cầu và cung*. Lao động đắt giá khi nó hiếm và rẻ khi nó có dồi dào. Khi giá cả thị trường của lao động cao hơn giá cả tự nhiên của nó thì tình hình của công nhân được may mắn ...Nhưng nếu vì đã khuyến khích dân số gia tăng, do tiền công cao, mà số công nhân tăng lên thì tiền công lại giảm xuống đến *mức tự nhiên* của nó, mà" thường khi [155] "vì sự phản ứng nên *thấp hơn mức đó*. Trong trường hợp nói sau đó, tình cảnh người công nhân bất hạnh nhất... Chỉ sau khi những thiếu thốn làm giảm số lượng công nhân hoặc nhu cầu về lao động tăng lên, thì giá cả thị trường của lao động lại tăng lên bằng mức tự nhiên của nó"... Ở một nước thăng tiến, *giá cả thị trường* [của lao động] có thể cao hơn giá cả tự nhiên của nó *trong* một khoảng thời gian không xác định: "tiếp theo sau đà thúc đẩy mà **sự gia tăng của tư bản đã đem lại** cho nhu cầu mới về lao động, **có thể diễn ra một sự gia tăng mới của tư bản cũng với đà thúc đẩy ấy; và như thế, nếu như sự gia tăng của tư bản diễn ra dần dần và thường xuyên** thì nhu cầu về lao động có **thể đem lại một đà thúc đẩy liên tục cho sự gia tăng dân số**" (tr. 87-88) [tr.86].

SỰ KHÁC NHAU GIỮA TIỀN CÔNG VÀ SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG HAO PHÍ VÀO QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT RA HÀNG HÓA

"Nếu sự thù lao cho công nhân luôn luôn tỷ lệ thuận với khối lượng sản phẩm do công nhân sản xuất ra thì số lượng lao động chi phí vào hàng hóa và số lượng lao động có thể mua được bằng hàng hóa ấy sẽ bằng nhau... nhưng số lượng lao động nói sau đó lại chịu hết sức nhiều biến động, giống như giá trị của hàng hóa được đem so sánh với nó" (tr.5) [tr.35-36]. "Trong cùng một nước, việc sản xuất ra một số lượng nhất định các thực phẩm và nhu yếu phẩm có thể đòi hỏi một lượng lao động nhiều gấp đôi so với thời kỳ khác, thời kỳ đã qua; song mức thù lao cho công nhân chỉ có thể giảm đi không nhiều"... vì số lượng thực phẩm và nhu yếu phẩm mà người công nhân nhận được hoàn toàn chắc chắn là số lượng cần thiết để duy trì sự tồn tại của anh ta, có nghĩa là số lượng ấy phải được cung cấp cho anh ta, mặc dù giá trị của số lượng ấy đã tăng lên ...Quan hệ giữa hai nước hoặc giữa số nước nhiều hơn cũng y như vậy. "Ở Mỹ và ở Ba Lan, trên ruộng đất được đưa vào canh tác gần đây nhất, lao động hằng năm của một số lượng người nào đó sẽ sản xuất ra được một khối lượng lúa mì nhiều hơn nhiều so với trên ruộng đất y như thế ở nước Anh. Bây giờ giả định rằng tất cả những nhu yếu phẩm khác đều rẻ như nhau ở ba nước này, thì sẽ phạm phải sai lầm lớn nếu kết luận rằng ở mỗi nước ấy, số lượng bánh mì mà người công nhân nhận được tỷ lệ thuận với tính chất dễ dàng của việc sản xuất ra lúa mì. Nếu nhờ cải tiến máy móc mà giày dép và quần áo của công nhân đã có thể được sản xuất ra với 1/4 số chi phí lao động cần thiết hiện nay thì chắc là những thứ ấy lẽ ra đã giảm [về giá trị] được 75%, nhưng từ đó không thể nói rằng người công nhân sẽ nhận được 4 đôi giày hoặc 4 đơn vị quần áo thay vì một đơn vị. Điều chắc chắn hơn, đó là: chẳng bao lâu nữa, do ảnh hưởng của cạnh tranh và sự khuyến khích dân số gia tăng, tiền công của người công nhân ấy sẽ được làm cho tương ứng với giá trị mới của các nhu yếu phẩm mà số tiền công ấy được chi phí vào việc sản xuất ra chúng. Nếu những sự cải tiến như vậy được áp dụng [VIII-46] đối với tất cả các vật phẩm tiêu dùng của người công nhân, thì chắc chắn chúng ta sẽ thấy rằng sau ít năm nữa, người công nhân ấy sẽ chỉ nhận được - nếu nói chung sẽ nhận được - một số lượng bổ sung không lớn vào số của cải mà anh ta tiêu dùng" (tr. 7-8) [tr.36-37]. "Hãy giảm chi phí cho các tư liệu sinh hoạt của con người bằng cách giảm giá cả tự nhiên của các thực phẩm và quần áo được dùng để duy trì cuộc sống, thì

rốt cuộc tiền công sẽ giảm đi, mặc dù số cầu về công nhân có thể tăng lên rất mạnh" (tr.460) [tr.314].

ẢNH HƯỞNG CỦA SỰ TĂNG LÊN CỦA TƯ BẢN ĐỐI VỚI GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG CỦA TIỀN CÔNG VÀ ĐỐI VỚI [GIÁ CẢ] TỰ NHIÊN CỦA [LAO ĐỘNG]

"*Tư bản* là bộ phận của cải của đất nước được dùng trong sản xuất và gồm thực phẩm, quần áo, công cụ, nguyên liệu, máy móc v.v. cần thiết để lao động hoạt động được. Số lượng tư bản có thể tăng lên cùng một lúc với sự tăng giá trị của nó. Nhưng tư bản cũng có thể tăng lên mà giá trị của nó không tăng hoặc thậm chí trong điều kiện giá trị của nó" thường xuyên[156] "giảm đi". Trường hợp thứ nhất xảy ra khi cần có nhiều lao động hơn để sản xuất ra một số lượng bổ sung về thực phẩm và quần áo, trường hợp thứ hai xảy ra khi để làm việc này cần cùng một số lượng lao động như thế hoặc nhờ máy móc, cần một số lượng lao động ít hơn. "Trong trường hợp thứ nhất *giá cả tự nhiên* của lao động tăng lên, trong trường hợp thứ hai giá cả ấy không thay đổi hoặc giảm đi; trong cả hai trường hợp, *giá cả thị trường của tiền công* tăng lên, bởi vì cả *số cầu về lao động* cũng tăng lên *tương ứng với sự tăng lên của tư bản*. Tương ứng với công việc cần hoàn thành, số cầu về những công nhân phải hoàn thành công việc đó cũng sẽ tăng lên. Trong cả hai trường hợp, giá cả thị trường sẽ có xu hướng phù hợp với giá cả tự nhiên, nhưng trong trường hợp thứ nhất điều đó được thực hiện nhanh hơn, vì giá cả đã tăng lên của lương thực và các nhu yếu phẩm sẽ ngốn hết phần khá lớn số tiền công đã tăng lên của công nhân. Vì vậy, số cung không lớn về lao động hoặc mức tăng không đáng kể của dân số sẽ làm cho giá cả thị trường của lao động trở lại bằng giá cả tự nhiên của nó mà trong trường hợp này thì giá cả tự nhiên ấy tăng lên. Trong trường hợp thứ hai, đời sống của công nhân sẽ rất được cải thiện... Và chỉ sau khi dân số tăng lên đáng kể thì giá cả thị trường của lao động mới lại giảm xuống bằng giá cả tự nhiên của nó... Nhưng giá cả thị trường của lao động tăng lên bao lâu thì điều đó tùy thuộc vào sự tăng giá cả tự nhiên của các nhu yếu phẩm mà tiền công được chi phí vào chúng" (tr. 89-91) [tr.86-88].

NHỮNG BIẾN ĐỔI CỦA GIÁ CẢ TỰ NHIÊN CỦA LAO ĐỘNG

"Giá cả tự nhiên của lao động, ngay dù nó được đo bằng thực phẩm và bằng các nhu yếu phẩm [khác], không phải là tuyệt đối bất động và cố định. Giá cả ấy biến đổi vào những thời gian khác nhau ở trong cùng một nước và khác biệt rất nhiều ở những nước khác nhau. Giá cả ấy tùy thuộc căn bản vào tập quán và thói quen của dân tộc... Nhiều tiện nghi mà hiện giờ người ta đang sử dụng tại một chung cư nào đó ở nước Anh lại bị xem là đồ xa xỉ vào một thời kỳ trước kia trong lịch sử nước chúng ta" (tr.91) [tr.88]. "Vì cùng với sự phát triển của xã hội [giá cả tự nhiên] của các hàng hóa công nghiệp thường xuyên giảm xuống, còn của nguyên liệu thì thường xuyên tăng lên, cho nên *hình thành một tình trạng không cân xứng* trong giá trị tương đối của những hàng hóa ấy, khiến cho tại các nước giàu, người công nhân chỉ cần hy sinh một số lượng nhỏ thực phẩm là có thể thoải mái thỏa mãn mọi nhu cầu khác của mình" (tr.92) [tr.88].

(Do đó, ví dụ, vì nền mậu dịch tự do thủ tiêu sự *không cân xứng* ấy, nên nó thủ tiêu cái nguồn mà từ đó người công nhân có thể "thoải mái thỏa mãn mọi nhu cầu khác của mình". Ở trên (tr.89-91) [tr.87-88] Ri-các-đô đã quan niệm sự tăng giá cả tự nhiên của lao động chỉ đem lại cho công nhân ít lợi lộc, còn ở đây ông lại quan niệm sự tăng lên ấy là nguồn chủ yếu để mở rộng sự tiêu dùng của công nhân.)

"Ở những nước mà các giai cấp lao động có những nhu cầu tối thiểu và bằng lòng với loại thực phẩm rẻ tiền nhất, dân chúng phải chịu những bất trắc hết sức to lớn và cảnh bần cùng. Dân cư không có chỗ nào để trốn tránh khỏi tai họa; họ không thể tìm kiếm chốn nương thân với một mức sống thấp kém hơn, bởi vì mức sống ấy đã thấp đến mức không thể nào xuống thấp hơn được nữa. Trong mọi trường hợp thiếu tư liệu sinh sống chủ yếu của mình, dân chúng chỉ có thể dùng đến rất ít những vật phẩm thay thế, và đối với họ, nạn đắt đỏ kèm theo hầu như mọi nỗi khủng khiếp của cảnh đói" (tr.95) [tr.90-91].

TIỀN CÔNG VÀ ĐỊA TÔ

Như chúng ta đã thấy, dân số tăng lên thì giá bánh mì và thực phẩm tăng lên. Do vậy, tiền công của công nhân biểu hiện bằng tiền cũng tăng lên, nhưng không theo tỷ lệ thuận.

mà theo cách là "sau khi [giá cả] những hàng hóa ấy tăng lên, người công nhân sẽ không thể mua được ngần ấy vật phẩm tiện nghi [và nhu yếu phẩm] như trước kia nữa. Nếu trước kia tiền công của công nhân là 24 p. xt., hay là 6 quác-tơ lúa mì mỗi năm với giá 4 p. xt. một quác-tơ, thì chắc chắn người công nhân sẽ chỉ nhận được 5 quác-tơ nếu như giá một quác-tơ tăng lên đến 5 p. xt.. Nhưng giá của 5 quác - tơ ấy sẽ là 25 p. xt.". Như vậy, *tiền công bằng tiền* của công nhân sẽ tăng lên, nhưng *tiền công bằng lúa mì* của người công nhân ấy và khả năng của anh ta mua những hàng hóa khác "mà trước kia anh ta và gia đình tiêu dùng" sẽ giảm đi. "Song mặc dù người công nhân realiter [1*] được trả công kém hơn, nhưng lợi nhuận của các chủ xưởng sẽ giảm đi". Như vậy hóa ra cùng một nguyên nhân làm cho *tiền công và địa tô* tăng lên. Song ở người điền chủ thì địa tô lúa mì tăng lên đồng thời với địa tô tiền, "và mỗi đơn vị xác định của lúa mì ấy được đổi lấy một số lượng nhiều hơn của tất cả những hàng hóa khác" mà giá cả [157] "của chúng đã không tăng"; còn ở người công nhân thì tuy tiền công bằng tiền của anh ta tăng lên, nhưng tiền công bằng bánh mì của anh ta lại giảm đi, và anh ta khó khăn hơn trong việc duy trì giá cả thị trường của lao động của mình so với giá cả tự nhiên của lao động ấy... Với tiền công bằng lúa mì đã giảm đi, người công nhân, mặc dù giá trị trao đổi của lúa mì tăng lên, không thể mua một số lượng hàng hóa như trước kia, bởi vì [giá cả] của những hàng hóa khác - trong đó bao gồm sản phẩm nguyên liệu - đã tăng lên, tức là người công nhân sẽ phải trả nhiều tiền hơn cho những hàng hóa ấy "và do đó, tình cảnh của anh ta [VIII-47] sẽ xấu đi" (tr. 96-99) [tr. 91-93].

SỰ TĂNG GIÁ CẢ TỰ NHIÊN CỦA LAO ĐỘNG VÀ GIÁ CẢ BẰNG TIỀN CỦA HÀNG HÓA

Người ta không cần biết vàng hoặc kim loại nào khác dùng để đúc tiền có phải là sản phẩm của nước mà tại đó tiền công tăng lên do thực phẩm đắt lên, do đó, giá cả bằng tiền của tiền công và của thực phẩm cũng đồng thời tăng lên hay không ... Nếu giá cả của tiền công "tăng lên thì điều đó diễn ra nói chung vì sự tăng lên của của cải và của tư bản gây ra một nhu cầu mới về lao động, điều đó lại kèm theo một sự gia tăng sản xuất hàng hóa. Để lưu thông số lượng hàng hóa đã tăng lên ấy - dù chỉ theo những giá cả như trước kia - cần có nhiều tiền hơn; để tung những hàng hóa ấy vào lưu thông cần có một số lượng

1* - trên thực tế

lớn hơn về loại hàng hóa ngoại quốc dùng làm tiền và chỉ có thể có được bằng cách nhập khẩu[158]. Nếu hàng hóa cần có với số lượng nhiều hơn trước, thì giá trị tương đối của nó tăng lên so với những hàng hóa mà nó được đổi lấy". Do đó, nếu cần có nhiều vàng hơn thì [giá cả] của vàng tăng lên so với những hàng hóa mà vàng được đổi lấy.

(Cái đó kém phù hợp với việc số cầu có thể tăng lên mà giá cả không tăng lên.)

"Nhưng nếu trong trường hợp được giả định mà nói rằng [*các giá cả*] *của hàng hóa tăng lên, bởi vì tiền công tăng lên*, thì có nghĩa là rơi vào mâu thuẫn hiển nhiên: bởi vì, một mặt, chúng ta nói rằng do nhu cầu mà giá trị tương đối của vàng tăng lên, mặt khác, giá trị tương đối của nó sẽ giảm đi, bởi vì các giá cả tăng lên, - hai kết quả hoàn toàn không tương dung với nhau. Nói rằng giá cả các hàng hóa đều tăng lên, thì chẳng khác gì nói rằng giá trị tương đối của tiền đã giảm, bởi vì giá trị trương đối của vàng được đánh giá bằng hàng hóa. Do đó, nếu giá cả *tất cả* các hàng hóa tăng lên thì vàng sẽ không thể chảy từ nước ngoài vào để mua các hàng hóa đắt giá ấy. Ngược lại, vàng sẽ được xuất ra khỏi nước để mua những hàng hóa ngoại quốc tương đối rẻ hơn. Vì vậy, tiền công tăng lên không thể làm tăng giá cả hàng hóa, bất kể kim loại [tiền] được sản xuất ở trong nước hay ở nước ngoài. [Giá cả] của tất cả mọi hàng hóa không thể tăng lên cùng một lúc mà không cần một số lượng tiền bổ sung thêm. Nhưng số lượng tiền bổ sung thêm ấy không thể có được... Việc nhập khẩu vàng và sự tăng giá của tất cả các hàng hóa nội địa mà vàng được dùng để mua hoặc vàng được mua bằng chúng, - là những kết quả tuyệt đối không thể dung hòa được. Việc sử dụng rộng rãi tiền giấy cũng không làm thay đổi vấn đề, bởi vì tiền giấy phải tương ứng với giá trị của vàng", do đó, giá trị của chúng tăng lên vì cũng những nguyên nhân đã gây ra sự tăng giá trị của vàng (tr. 99-101) [tr. 93-94].

Vì vậy, bất kể tiền công bằng tiền tăng lên và giảm xuống do có những thay đổi trong giá trị của tiền, "tiền công tăng lên hoặc giảm đi do hai nguyên nhân: 1) cung và cầu về công nhân; 2) giá cả các hàng hóa mà tiền công được chi phí vào đó" (tr. 92) [tr. 88].

DÂN SỐ VÀ TIỀN CÔNG

"Trong những giai đoạn phát triển khác nhau của xã hội, *sự tích lũy tư bản*, hay là *tích lũy các tư liệu sử dụng lao động*, diễn ra với *một tốc độ nhanh hơn hoặc chậm hơn*, và trong tất cả mọi trường hợp, sự tích lũy ấy phải *phụ thuộc vào các lực lượng sản xuất, vào*

lao động. Các lực lượng sản xuất cao nhất khi có đồi dào ruộng đất màu mỡ, và vào những thời kỳ như vậy sự tích lũy diễn ra nhanh đến mức sự tăng lên của số cung về công nhân không theo kịp mức tăng của số cung về tư bản. Trong những điều kiện thuận lợi, dân số có thể tăng lên gấp đôi trong 25 năm, nhưng trong những điều kiện cũng thuận lợi như thế, tư bản của một nước nào đó sẽ có thể tăng gấp đôi trong một khoảng thời gian ngắn hơn. Trong trường hợp này tiền công sẽ tăng lên bởi vì số cầu về công nhân sẽ tăng còn nhanh hơn so với số cung về họ". Trong tiến trình phát triển, dĩ nhiên hiện tượng này tiếp diễn không lâu ." Năng suất giảm xuống theo đà đầu tư tư bản vào ruộng đất một cách tuần tự , kém năng suất hơn, trong khi khả năng [gia tăng] của dân số vẫn như trước kia. Như vậy, ở những nước có đồi dào ruộng đất màu mỡ, nhưng" lại ngự trị tình trạng thiếu thốn "do tình trạng dốt nát, lười biếng và dã man của cư dân và tại đó" - như Man-tút nói[159] - "dân số đè nặng lên các tư liệu sinh hoạt, thì chỉ cần có" sự phát triển văn hóa, cải tiến hình thức cai trị v.v., để bảo đảm gia tăng tư bản nhanh hơn đà gia tăng dân số, và trong trường hợp này "dân số không bao giờ có thể tăng lên quá nhanh". Trái lại, ở các nước cũ "dân số tăng nhanh hơn các tư liệu cần thiết để nuôi sống dân số đó. Mọi sự gia tăng sản xuất, nếu không đi kèm theo sự giảm mức tăng dân số, thì sẽ chỉ làm tăng tai họa, bởi vì sản xuất không thể theo kịp đà tăng dân số". Không còn cách nào khác ngoài *việc giảm dân số* (tr. 92-94) [tr. 89-90].

"Trong điều kiện xã hội đạt được sự tiến bộ tự nhiên, tiền công - *trong chừng mực nó do cung và cầu điều tiết* - có xu hướng giảm đi, vì số cung về công nhân sẽ tiếp tục tăng với những nhịp độ đều đặn, trong khi đó số cầu về công nhân tăng chậm hơn. Ví dụ, nếu tiền công do mức tăng hằng năm 2% của tư bản điều tiết, thì tiền công ấy sẽ giảm nếu số tích lũy ấy chỉ là 1,5%". Và cứ như thế, tình hình sẽ tiếp diễn với mỗi lần sụt giảm tiếp theo của tỷ suất tích lũy "cho đến khi tư bản, do đó, cả tiền công trở nên bất biến, và tiền công sẽ chỉ đủ để duy trì số lượng dân cư hiện có" (tr. 95-96) [tr.91].

[VIII-48] "Giống như mọi sự thỏa thuận khác bằng hợp đồng, việc quy định mức tiền công phải được giao cho sự cạnh tranh trung thực và tự do trên thị trường và không khi nào bị kiểm soát bởi sự can thiệp của luật pháp. Định hướng rõ ràng và trực tiếp của các đạo luật về người nghèo[160] trực tiếp mâu thuẫn với những nguyên tắc hiển nhiên ấy; những đạo luật ấy không dẫn đến chỗ cải thiện tình cảnh của người nghèo là mục tiêu của các nhà làm luật có thiện chí, mà dẫn đến chỗ làm xấu thêm tình hình cả của người giàu, cả của người nghèo. Thay vì làm cho người nghèo trở thành giàu, những đạo luật ấy nhằm làm cho những người giàu trở thành người nghèo. Vì thế, chừng nào những đạo luật hiện nay còn hiệu lực thì điều hoàn toàn tự nhiên là quỹ nuôi dưỡng người nghèo sẽ tăng lũy tiến cho đến khi quỹ ấy nuốt hết toàn bộ thu nhập ròng của đất nước" (tr. 101-102) [tr. 95].

ẢNH HƯỞNG CỦA GIÁ CẢ SẢN PHẨM NGUYÊN LIỆU ĐỐI VỚI TIỀN CÔNG

Trong những hoàn cảnh khác nhau, sự tăng giá của *sản phẩm nguyên liệu* có ảnh hưởng rất khác nhau đối với tiền công. Trong những trường hợp này việc giá lúa mì tăng lên không gây ra một sự tăng lên *nào* của tiền công; "trong những trường hợp khác tiền công tăng lên trước khi giá lúa mì tăng lên; trong những trường hợp này tác động vào tiền công thể hiện chậm chạp, trong những trường hợp khác nó thể hiện nhanh chóng. Giá cả cao của thực phẩm có thể là hậu quả của bốn nguyên nhân: 1) cung không đủ; 2) cầu tăng lên dần dần, rốt cuộc kèm theo sự gia tăng chi phí sản xuất; 3) giá trị của tiền giảm; 4) đánh thuế các nhu yếu phẩm. Mùa màng xấu gây ra nạn đắt đỏ của thực phẩm, và đây là phương cách duy nhất để buộc sự tiêu dùng tương xứng với mức cung. Nếu tất cả những người tiêu dùng đều giàu thì giá [lúa mì] có thể tăng mãi cho đến khi những người ít giàu có nhất sẽ buộc phải từ chối tiêu dùng một phần nào đó số lượng mà họ thường tiêu dùng, vì chỉ có thông qua việc cắt giảm tiêu dùng thì số cầu mới có thể hạ xuống đến những giới hạn của số cung. Trong những hoàn cảnh như vậy, không có gì phi lý hơn là việc điều tiết một cách cưỡng bức mức tiền công bằng tiền thông qua giá cả các thực phẩm... Biện pháp như vậy không thực sự làm cho người công nhân dễ chịu bởi vì kết quả của biện pháp ấy là tình trạng bánh mì đắt đỏ nhiều hơn nữa, rốt cuộc người công nhân vẫn buộc phải hạn chế sự tiêu dùng của mình theo số cung đã giảm đi. Sự tăng lên của tiền công chỉ mang tính chất danh nghĩa đối với những ai nhận nó; sự tăng lên ấy làm tăng cạnh tranh trên thị trường lúa mì, và kết quả cuối cùng là lợi nhuận của các chủ ruộng và của các thương lái kinh doanh lúa mì tăng lên"... Do vậy, trong trường hợp này "với diễn biến tự nhiên của tình hình, tiền công hoàn toàn không tăng lên... sự thiếu thốn của công nhân là không tránh khỏi. Luật pháp chỉ có thể giúp bằng cách nhập khẩu thêm một số lượng lương thực hoặc thay số đó bằng những vật phẩm thay thế hữu dụng nhất. Nếu *giá lúa mì* cao *là kết quả của số cầu đã tăng thì trước khi giá lúa mì tăng tiền công đã tăng rồi*, vì số cầu không thể tăng lên trong khi dân chúng không có thêm tiền để trang trải những cái mà họ có nhu cầu mua... Tiền công đã tăng lên không phải bao giờ cũng được chi phí trực tiếp vào việc mua thực phẩm; thoạt đầu tiền công được chi vào việc mua sắm những đồ dùng tiện nghi khác. Song đời sống của công nhân được cải thiện" đưa anh ta đến hôn nhân, hôn nhân dẫn đến gia đình, còn gia đình thì dẫn đến chỗ tăng số cầu về thực phẩm... "Lợi nhuận của các chủ trang trại tăng lên cao hơn mức chung cho đến khi một số lượng tư bản cần thiết sẽ được đầu tư vào việc sản xuất lúa mì". Nếu ruộng đất mới được đưa vào canh tác

cũng có độ phì nhiêu [như ruộng đất được đưa vào canh tác ngay trước đó] thì "giá lúa mì sẽ giảm xuống bằng mức giá trước kia; nếu ruộng đất ấy ít màu mỡ hơn thì giá lúa mì luôn luôn vẫn cao hơn mức giá ấy". Tình hình kể trên của nông nghiệp quyết định việc tiền công có giảm xuống bằng mức trước kia của nó ngay khi đạt đến số cung cần có về công nhân hay là sẽ vẫn cao hơn mức đó... "Khi có nhân tố kích thích tăng dân số thì kết quả tỏ ra mạnh hơn mức cần thiết trong trường hợp này: trong trường hợp này dân số thường tăng đến mức là tuy số cầu về lao động tăng lên nhưng dân số vẫn lớn hơn so với các qũy dành để nuôi sống công nhân so với trước khi tư bản tăng. Đến lúc đó sẽ xảy ra sự phản ứng, tiền công giảm xuống dưới mức tự nhiên của nó và vẫn ở trong trạng thái ấy cho đến khi khôi phục lại được quan hệ thông thường giữa cung và cầu". Sau cùng, nếu giá lúa mì tăng lên do giá trị của tiền giảm hoặc do sản phẩm nguyên liệu bị đánh thuế, thì - do cả hai nhân tố này không làm thay đổi số lượng [sản phẩm] được sản xuất ra và số công nhân - *số tiền trả công lao động* sẽ tăng lên; điều này sẽ không ảnh hưởng đến giá trị thực tế[161]... Việc đánh thuế [sản phẩm nguyên liệu] đẩy người công nhân[162] vào cùng một sự rủi ro như mọi sự đánh thuế khác: "thuế có thể đụng đến các quỹ dùng để nuôi dưỡng lao động, qua đó mà kìm giữ hoặc làm giảm số cầu về lao động" (tr. 176-181. Đoạn cuối cùng trong số các đoạn được dẫn ra nói về ảnh hưởng của thuế là ở tr. 183) [tr. 136-141].

"Không khó khăn gì cũng có thể hiểu được tại sao trong khi tư bản của một nước nào đó tăng lên không đều đặn thì tiền công lại tăng lên, trong khi giá lúa mì vẫn không thay đổi hoặc tăng lên ít hơn, và tại sao khi tư bản của một nước nào đó giảm đi thì tiền công cũng giảm đi, trong khi giá lúa mì vẫn không thay đổi hoặc giảm đi ở mức độ ít hơn nhiều, hơn nữa lại trong một thời gian dài. Nguyên nhân là ở chỗ: *lao động là loại hàng hóa mà số lượng của nó không thể tăng lên hoặc giảm đi theo ý muốn*". Nếu số cầu về mũ tăng lên, thì giá cả của chúng tăng lên, nhưng [VIII-49] không lâu, bởi vì lượng cung tương ứng được đảm bảo nhanh chóng. Với công nhân thì tình hình không như vậy: không thể tăng hay giảm số công nhân trong trường hợp tư bản tăng lên hay giảm xuống... "Vì thế, trong khi các quỹ dành để nuôi dưỡng lao động tăng lên nhanh chóng thì phải mất một khoảng thời gian đáng kể giá cả lao động mới được giá cả lúa mì và giá cả của những tư liệu sinh hoạt khác điều chỉnh chính xác (tr. 181-182) [tr.140].

(Sự gia tăng [của số công nhân] có thể diễn ra "rất nhanh chóng" nhờ việc áp dụng máy móc khiến cho số công nhân tăng tương đối.)

"Nếu người công nhân không tiêu dùng cái gì khác ngoài bánh mì, và nếu phần bánh mì anh ta dùng ở mức tối thiểu, thì chúng ta có một vài căn cứ để cho rằng số lượng bánh

mì được trả cho công nhân ấy không thể bị giảm đi trong bất kỳ điều kiện nào. Nhưng thật ra *tiền công* lao động" thường [163] "tuyệt nhiên không tăng lên và *không bao giờ tăng lên* tỷ lệ với giá tiền của bánh mì, bởi vì bánh mì tuy là một phần quan trọng, nhưng dù sao cũng chỉ là một phần nào đó trong khối lượng tiêu dùng của người công nhân mà thôi. Giả sử một nửa tiền công của người công nhân được chi dùng vào bánh mì, còn nửa kia được chi để mua xà phòng, nến, chất đốt, chè, đường, quần áo v.v., nghĩa là chi phí vào những mặt hàng mà [giá cả] của chúng không tăng lên; khi ấy người công nhân sẽ có được số tiền công trả như nhau khi anh ta nhận được 1,5 bu-sen lúa tiểu mạch với giá 16 si-linh một bu-sen, hay là 2 bu-sen với giá 8 si-linh một bu-sen, khi anh ta nhận được số tiền công 24 si-linh hay là vẫn như trước, 16 si-linh. Tiền công của anh ta sẽ chỉ tăng 50%, trong khi giá lúa mì sẽ tăng 100% (tr.360-361) [tr.251-252].

(Cần ad notam[1*] điều này, đặc biệt đối với *thuế*, cụ thể là: chính Ri-các-đô thừa nhận rằng có thể thường xuyên giảm tiền công xuống. Và thậm chí cũng có thể giảm hơn nữa phần tiền công bao gồm bánh mì, tuy phần đó là phần tối thiểu bằng cách thay bánh mì bằng khoai tây hoặc, như người ta làm ở Xcốt-len, thay tiểu mạch bằng đại mạch v.v..)

ẢNH HƯỞNG CỦA MÁY MÓC ĐỐI VỚI TIỀN CÔNG

Ri-các-đô nói rằng thoạt đầu những quan điểm trước kia của ông là như thế này:

Nhờ áp dụng máy móc mà hàng hóa rẻ hơn. Do đó, bằng cách ấy, giai cấp công nhân có khả năng "mua được nhiều hàng hóa hơn với số tiền công y như thế. Tiền công bằng tiền không giảm đi, vì nhà tư bản có thể có nhu cầu về một số lượng lao động y như thế và sử dụng nó như trước, tuy là nhà tư bản ấy trong trường hợp này buộc phải sử dụng lao động ấy để sản xuất mặt hàng mới, hoặc chỉ ít là mặt hàng có thay đổi chút ít về hình thức. Nếu nhờ áp dụng[164] máy móc mà có thể - cũng với lượng lao động như thế - sản xuất ra số bít-tất gấp 4 lần trước kia, trong khi số cầu về bít-tất có thể chỉ tăng lên gấp

1* - lưu ý

đôi, - thì tất nhiên, một phần số công nhân ấy sẽ bị sa thải ra khỏi hoạt động sản xuất bít-tất. Nhưng vì tư bản đem lại việc làm cho họ vẫn tiếp tục tồn tại và vì lợi ích của các chủ sở hữu tư bản nên sử dụng số công nhân ấy vào sản xuất, cho nên tôi cảm thấy rằng tư bản ấy sẽ được đầu tư vào việc sản xuất một mặt hàng hữu hiệu khác nào đó mà nhất định có nhu cầu về mặt hàng ấy". Do đó, vẫn số cầu như thế về lao động, như vậy, vẫn số tiền công như thế và giá cả đã giảm của những hàng hóa được sản xuất ra nhờ áp dụng máy móc (tr.467-468) (tr. 319). "Nhưng giờ đây tôi tin rằng việc thay lao động của con người bằng máy móc thường gây ra thiệt hại rất lớn cho lợi ích của giai cấp lao động" (tr.468) [tr. 319]. "Sai lầm của tôi xuất phát từ chỗ cho rằng khi thu nhập ròng của xã hội tăng lên thì tổng thu nhập của xã hội cũng phải tăng lên; nhưng quỹ đem lại thu nhập cho các điền chủ và cho các nhà tư bản thì có thể tăng, mặc dù quỹ khác - mà giai cấp cần lao phụ thuộc vào đó - lại giảm đi. Từ đó thấy rằng cùng một nguyên nhân làm cho thu nhập ròng của đất nước tăng lên lại đồng thời có thể làm cho dân cư nước ấy trở nên thừa và làm cho tình cảnh của công nhân xấu đi" (tr. 469) [tr. 319 - 320].

Còn bây giờ [Ri-các-đô] chứng minh rằng,

bằng máy móc, trước hết, có thể sản xuất ra một lượng *tổng thu nhập* ít hơn, thu nhập này quyết định sự nuôi dưỡng công nhân, và rằng cùng một số lượng công nhân như thế chỉ có thể lại tìm được việc làm trong trường hợp nếu "sản xuất tăng lên sẽ cung cấp - dưới hình thức sản phẩm ròng - một số lương thực và nhu yếu phẩm giống như trước kia đã tồn tại dưới hình thức tổng sản phẩm" (tr. 471 - 472) [321]. Sau khi áp dụng máy móc, chủ xưởng chỉ cần sản xuất ra một số lượng sản phẩm ít hơn trước đó; "bởi vì một phần số lượng sản phẩm mà trước kia dùng để trả công cho số công nhân đông hơn thì giờ đây không cần thiết đối với người thuê công nhân nữa" (tr. 472 - 473) [tr.322]. "Ý kiến của giai cấp lao động, theo đó việc sử dụng máy móc thường hay gây ra thiệt hại cho lợi ích của họ, không phải dựa trên định kiến hoặc sự nhầm lẫn, mà phù hợp với những nguyên lý chính xác của khoa kinh tế chính trị ... Nếu các tư liệu sản xuất được cải tiến, nhờ áp dụng máy móc, đã làm tăng sản phẩm ròng của đất nước ở mức độ khiến tổng sản phẩm không giảm, thì tình cảnh của tất cả các giai cấp đều được cải thiện, tình cảnh của giai cấp lao động sẽ được cải thiện nhiều: 1) do nhu cầu về nhân công phục vụ gia đình tăng lên; 2) do chỗ sự đối đào nói trên của sản phẩm ròng tạo ra sự kích thích để dành tiền thu nhập; 3) do giá cả hạ của tất cả các vật phẩm tiêu dùng mà tiền công của giai cấp cần lao chi phí vào" (tr. 474 - 475) [tr. 323]. "Cuộc chiến tranh được tiến hành nhờ vào thu nhập, chứ không phải nhờ vào tư bản của đất nước, có tác dụng làm tăng dân số vì nó làm tăng nhu cầu về người" (tr. 477) [tr.324]. Sau chiến tranh những người ấy cạnh tranh với những công nhân khác. Do vậy "tiền công giảm xuống và tình cảnh của các giai cấp lao động xấu đi rất nghiêm trọng" (như trên) (tr.324 - 325). [VIII - 49][165]

[VIII - 53] "Nếu tôi thuê 100 người cho nông trại của tôi và thấy rằng số thực phẩm dùng để nuôi 50 người trong số đó có thể được dùng để nuôi những con ngựa và đem lại cho tôi - sau khi đã trả lợi tức về tư bản dùng để mua số ngựa ấy - một số lượng sản phẩm nguyên liệu nhiều hơn, thì tôi sẽ có lợi nếu thay người bằng ngựa, và tôi sẽ làm như thế. Nhưng việc làm ấy không có lợi cho công nhân, và nếu như thu nhập của tôi [không] tăng đến mức tạo cho tôi khả năng" nuôi được cả ngựa, cả người ,"thì hiển nhiên là sẽ xuất hiện số người thừa và tình cảnh của công nhân sẽ xấu đi một cách phổ biến" (tr. 478) [tr. 325]. Song "những phát minh" ra những máy móc cải tiến "diễn ra từ từ và tác động như là nhân tố quyết định lượng tư bản tiết kiệm được và được tích luỹ, hơn là nhân tố thu hút tư bản ra khỏi lĩnh vực đầu tư hiện tại của nó" (như trên). "Thông thường, mọi lần tư bản và dân số tăng lên thì [giá cả] thực phẩm lại tăng lên do tính chất khó khăn đã tăng lên trong việc sản xuất ra chúng. Hậu quả của sự tăng [giá] thực phẩm là tiền công tăng lên, mà mọi sự tăng lên của tiền công đều có xu hướng - ở mức độ còn lớn hơn trước - tung số tư bản đã để dành vào việc áp dụng máy móc. Máy móc và lao động luôn luôn cạnh tranh với nhau, và máy móc thường chỉ có thể được sử dụng sau khi [giá] của lao động tăng lên. Ở Mỹ và ở nhiều nước khác, nơi dễ dàng kiếm được thực phẩm cho con người, không có sự ham muốn áp dụng máy móc như ở Anh, nơi mà thực phẩm đắt đỏ và sản xuất chúng đòi hỏi nhiều lao động. Nguyên nhân làm tăng [giá] của lao động, không làm tăng giá trị của máy móc, và do đó, mỗi lần tư bản tăng thì có một bộ phận lớn hơn của nó được chi vào máy móc. *Cầu về lao động tiếp tục [tăng] theo đà tăng lên của tư bản, nhưng không theo tỷ lệ như tư bản; tỷ lệ giữa chúng không tránh khỏi giảm đi*" (tr. 478 - 479) [tr. 325 - 326][166]. "Sự gia tăng của thu nhập ròng tính bằng hàng hóa - sự gia tăng này luôn luôn là kết quả của sự cải tiến máy móc - dẫn đến những khoản tiết kiệm và tích lũy mới. Những khoản tiết kiệm ấy diễn ra hằng năm và phải mau chóng tạo ra một quỹ lớn hơn nhiều so với tổng thu nhập mà ban đầu đã bị mất đi do việc phát minh ra máy móc. Khi ấy cầu về lao động cũng sẽ lớn như trước kia" (tr. 480) [tr. 326].

THUẾ ĐÁNH VÀO TIỀN CÔNG

"Thuế đánh vào tiền công làm cho tiền công tăng lên và do vậy làm giảm" lợi nhuận của tư bản. "Thuế đánh vào các nhu yếu phẩm không tránh khỏi kèm theo sự tăng giá của chúng, còn thuế đánh vào tiền công thì không kèm theo hiện tượng ấy. Vì vậy, thuế đánh vào tiền công hoàn toàn không đụng chạm đến điền chủ, không đụng chạm đến nhà tư

bản tiền tệ, cũng không đụng chạm đến giai cấp nào khác, trừ những người sử dụng [lao động] làm thuê. Thuế đánh vào tiền công hoàn toàn là thuế đánh vào lợi nhuận, thuế đánh vào các nhu yếu phẩm thì một phần là thuế đánh vào lợi nhuận, một phần là thuế đánh vào những người tiêu dùng giàu có. Đó là lý do tại sao những hậu quả mà sau chót thuế tiền công dẫn đến, hoàn toàn giống như những hậu quả của thuế trực tiếp đánh vào lợi nhuận" (tr. 245) [tr. 180]. "Giá cả tự nhiên của hàng hóa - luôn luôn, mà xét cho cùng quyết định giá cả thị trường của hàng hóa - phụ thuộc vào tính chất dễ dàng của sản xuất, nhưng số lượng đã sản xuất ra không tỷ lệ với tính chất dễ dàng ấy" (tr. 248) [tr. 182]). "Giá cả lao động nhất thiết thể hiện nhu cầu của xã hội đối với dân số" (Man-tút nói như vậy) ... Nhưng nếu tiền công của công nhân cho đến nay chỉ đủ để nuôi sống số dân cần có thì sau khi áp dụng thuế đánh vào tiền công, tiền công ấy không đủ" để trang trải quỹ này ... "Do vậy, chỉ do tiền công tăng lên thì cung về lao động không chấm dứt" (tr. 250 - 251) [tr. 183 - 184]. "Dúng là giá cả của hàng hóa bị đánh thuế không tăng lên tỷ lệ với thuế nếu như cầu về mặt hàng ấy giảm đi, còn số lượng của mặt hàng ấy thì không thể bị giảm đi ... Cũng nguyên nhân ấy thường hay ảnh hưởng đến tiền công. Số công nhân không thể tăng hay giảm một cách nhanh chóng tỷ lệ với mức tăng hay giảm của quỹ dành để thuê họ, nhưng trong trường hợp giả định này sự giảm số cầu về lao động không phải là điều tất yếu, mà nếu số cầu ấy có giảm đi thì cũng giảm đi không tỷ lệ với thuế. Số tiền thu được qua đánh thuế cũng được chính phủ sử dụng vào việc nuôi công nhân" (tr. 252) [tr.184].

"Bản thân công nhân chỉ trả một phần nhỏ thuế vì cầu về lao động giảm, mà xu hướng giảm lượng cầu ấy do việc đánh thuế đủ loại sinh ra" (tr. 269) [tr. 194 - 195].

(Ở đây, cũng như ở mọi chỗ khác, Ri-các-đô luôn luôn nói đến một loại tư bản cố định nào đó sau khi được rút ra khỏi một hoạt động kinh doanh này lại được đầu tư vào hoạt động kinh doanh khác. Ví dụ, Ri-các-đô cho rằng

nếu ở Pháp thuế muối dẫn đến chỗ giảm sản lượng muối xuống một nửa, thì như vậy cũng chỉ cần đầu tư vào việc khai thác nó một nửa số tư bản so với lượng tư bản trước kia, còn một nửa kia thì đầu tư vào sản xuất các mặt hàng khác[167].

Nhưng chính ở một nước như nước Pháp, phần khá lớn tư bản gồm bất động sản nhỏ nhoi của nông dân cùng với lao động của họ. Do đó, nếu một loại thuế nào đó, chẳng hạn như thuế muối, làm

giảm sản lượng muối, thì tư bản bị thủ tiêu, chứ tuyệt nhiên không được rút ra để đầu tư vào một hoạt động khác nào đó.)

THÊM MỘT NHẬN XÉT NỮA VỀ QUAN HỆ GIỮA LỢI NHUẬN VÀ TIỀN CÔNG

Có lẽ, người ta có thể bảo rằng, tiền công không tăng lên cùng với sự tăng giá của sản phẩm chưa chế biến, "vì người công nhân có thể đóng khung ở một lượng phúc lợi ít hơn. Thật vậy, chắc chắn tiền công trước kia đã ở mức cao và vì thế có thể chịu đựng một sự hạ thấp nào đó. Trong trường hợp này sự sụt xuống của lợi nhuận bị kiềm chế, nhưng không thể hình dung được việc giá cả bằng tiền của tiền công lại giảm đi hoặc không thay đổi trong điều kiện giá các nhu yếu phẩm tăng dần" (tr. 117 - 118) [tr. 104] [VIII - 53][168].

V) *VỀ LỢI NHUẬN NHỮNG THAY ĐỔI LIÊN TỤC CỦA TỶ SUẤT LỢI NHUẬN. SỰ PHÂN CHIA GIÁ CẢ SẢN PHẨM GIỮA CÁC NHÀ TƯ BẢN VÀ CÔNG NHÂN*

[VIII - 56] "Tổng giá trị các hàng hóa của người phéc-mi-ê canh tác ruộng đất có tác dụng điều tiết giá cả [của lúa mì] và của chủ xưởng sản xuất các hàng hóa [công nghiệp], *chỉ được chia thành hai phần*: một phần là lợi nhuận tư bản, phần kia là tiền trả công lao động" (tr. 107) [tr. 98]. Nếu lúa mì và hàng hóa công nghiệp luôn luôn được bán theo cùng một giá thì lợi nhuận sẽ cao hoặc thấp tương ứng với tiền công thấp hay cao. Nếu giờ đây giá lúa mì tăng lên vì để sản xuất ra nó cần một lượng lao động nhiều hơn, thì tiền công sẽ tăng lên, còn lợi nhuận sẽ giảm đi". Nếu chủ xưởng bán hàng hóa của mình được 1 000 p. xt., thì lợi nhuận của chủ xưởng tùy thuộc vào chỗ tiền công là 800 p. xt. hay chỉ là 600 p. xt.. Sự tăng lên [của giá cả] sản phẩm nguyên liệu cũng đụng chạm đến lợi nhuận của người phéc-mi-ê như vậy... Bởi vì để có được điều đó, "người phéc-mi-ê" phải trả địa tô, hoặc phải thuê thêm công nhân để có thể thu được khối lượng sản phẩm y như vậy", hơn nữa giá cả tăng lên của sản phẩm nguyên liệu chỉ tương ứng với một trong hai khoản chi phí bổ sung ấy thôi, nhưng "không bù đắp cho anh ta số tăng lên của tiền công"[169] (tr. 108) [tr. 98-99].

"Dù sản phẩm của người phéc-mi-ê là 180, 170, 160 hay là 150 quác-tơ thì anh ta luôn luôn thu vào" - thoạt đầu do bán 180 quác-tơ, cũng như về sau do bán 170 quác-tơ v.v. - "720 p. xt.[170], vì giá cả của lúa mì tăng lên tỷ lệ nghịch với số lượng lúa mì" (tr. 112-113) [tr. 101]. "Lợi nhuận không bao giờ có thể tăng lên cao đến mức trong số 720 p. xt. còn lại không đủ để cung cấp cho công nhân các vật phẩm tuyệt đối cần thiết; nhưng cả tiền công cũng không bao giờ có thể tăng lên cao đến mức trong số tiền ấy chẳng còn lại gì cho lợi nhuận" (tr. 113) [tr. 102]. "Chúng ta không xem xét những thay đổi ngẫu nhiên phát sinh từ những vụ bội thu hoặc thất thu, hoặc do số cầu tăng hoặc giảm vì có những thay đổi đột ngột nào đó trong tình hình dân số. Chúng tôi nói đến giá cả tự nhiên và cố định của lúa mì" (tr. 114, chú thích) [tr. 102]. "Do đó, người phéc-mi-ê rất quan tâm đến việc duy trì giá cả tự nhiên của sản phẩm nguyên liệu ở mức thấp. Một mặt, với tư cách là người tiêu dùng, và mặt khác", với tư cách là người sử dụng lao động [làm thuê] (tr. 114) [tr. 102].

"Sự tăng lên của [giá cả] sản phẩm nguyên liệu không chỉ ảnh hưởng đến giá cả của số ít hàng hóa, bởi vì một phần nào đó nguyên liệu" luôn luôn nằm trong thành phần của những hàng hóa ấy. [Giá cả] của chúng "tăng lên vì chi phí nhiều lao động hơn vào nguyên liệu dùng để tạo ra những hàng hóa ấy, chứ không phải vì các chủ xưởng trả nhiều hơn cho các công nhân mà họ sử dụng. Trong mọi trường hợp, [giá cả] của hàng hóa tăng lên vì chi phí nhiều lao động hơn cho chúng, chứ không phải vì lao động chi phí cho chúng có giá trị cao hơn. [Giá cả] của đồ kim hoàn, các vật phẩm làm bằng sắt, thép lá và đồng không tăng, vì trong thành phần của chúng không có sản phẩm nguyên liệu nào lấy từ bề mặt của đất cả" (tr. 117) [tr. 104]. "Sự tăng giá các nhu yếu phẩm khác (ngoài lương thực) mà tiền công chi vào sẽ tác động giống nhau hoặc hầu như giống nhau đến lợi nhuận" (tr. 118) [tr. 104]. Nếu giá cả thị trường của một hàng hóa nào đó cao hơn giá cả tự nhiên của nó, thì đương nhiên là lợi nhuận trong ngành sản xuất đặc biệt ấy sẽ tăng lên cao hơn mức lợi nhuận chung. "Nhưng đó chỉ là kết quả tạm thời" (tr. 118-119) [tr.105]. "Lợi nhuận phụ thuộc vào tiền công cao hay thấp, tiền công phụ thuộc vào giá cả các nhu yếu phẩm, mà giá cả của các nhu yếu phẩm thì chủ yếu phụ thuộc vào giá cả thực phẩm" (tr. 119) [tr. 105].

"*Vậy, lợi nhuận có xu hướng tự nhiên giảm xuống*, vì cùng với đà tiến bộ của xã hội và của cải, để có số lượng bổ sung về thực phẩm ngày càng đòi hỏi phải có nhiều lao động hơn. Xu hướng này, sự níu kéo ấy của lợi nhuận, ngừng lại vào những khoảng thời gian lặp đi lặp lại nhờ có những cải tiến máy móc liên quan đến việc sản xuất ra các nhu yếu phẩm, cũng như nhờ có những phát minh trong khoa học nông nghiệp" dẫn đến chỗ giảm

bớt chi phí sản xuất (tr. 120-121) [tr. 106]. Cùng với sự tăng giá cả tự nhiên của thực phẩm, "giá cả các nhu yếu phẩm khác cũng tăng lên do có sự tăng giá trị của nguyên liệu làm ra những nhu yếu phẩm ấy, điều đó dẫn đến chỗ tiền công tiếp tục tăng lên và lợi nhuận giảm xuống" (tr. 122-123) [tr. 107].

"Người phéc-mi-ê và chủ xưởng không thể sống thiếu lợi nhuận, giống như công nhân không thể sống thiếu tiền công. Động cơ tích luỹ của họ sẽ giảm đi mỗi khi lợi nhuận giảm và sẽ hoàn toàn chấm dứt khi lợi nhuận của họ sẽ không đem lại cho họ khoản thù lao thích đáng về những nỗi khó nhọc và rủi ro của họ" liên quan đến việc đầu tư tư bản của họ vào sản xuất (tr. 123) [tr. 107-108]. Tuy nhiên, tỷ suất lợi nhuận có thể giảm xuống nhanh hơn nhiều so với mức nêu trên, bởi vì nếu [giá trị] của sản phẩm tăng lên mạnh, thì giá trị của số tư bản của người phéc-mi-ê cũng tăng lên đáng kể, vì tư bản ấy tất yếu gồm nhiều thứ hàng hóa mà giá cả của chúng đã tăng lên. Nếu lợi nhuận của người phéc-mi-ê là 6% tính trên tư bản ban đầu của anh ta, thì giờ đây lợi nhuận ấy chỉ còn là 3%. Ví dụ, nếu 3 000 p. xt. với lợi nhuận 6% đem lại 180 p. xt., thì 6000 p. xt. với lợi nhuận 3% cũng sẽ đem lại 180 p. xt. [lợi nhuận]. Mà trong những hoàn cảnh như vậy thì "chỉ với những điều kiện như thế người phéc-mi-ê mới, có trong túi 6 000 p. xt, mới có thể kinh doanh nông nghiệp" (tr. 123-124) [tr. 108].

Một bộ phận chủ xưởng cũng nhận được một sự thù lao nào đó. Ví dụ, "người sản xuất bia, chủ xưởng rượu trắng, chủ xưởng dạ, chủ xưởng lụa cũng phần nào được hoàn bù về số lợi nhuận giảm đi của họ bằng sự gia tăng giá trị khối lượng dự trữ [VIII- 57] nguyên liệu và thành phẩm của họ"; nhưng những khoản thù lao như vậy không đến tay các chủ xưởng sản xuất hàng kim khí, đồ kim hoàn v.v., cũng như không đến tay những người mà tư bản của họ chỉ gồm có tiền (tr. 124) [tr.108].

Mặt khác: "Dù tỷ suất lợi nhuận của tư bản có giảm đi như thế nào do sự tích lũy tư bản trong nông nghiệp và do tiền công tăng lên, tổng khối lượng lợi nhuận vẫn phải tăng lên. Ví dụ, giả định rằng cứ mỗi lần tích lũy 100 000 p. xt. thì tỷ suất lợi nhuận giảm từ 20% xuống còn 19, 18, 17%, chúng ta có thể dự kiến rằng *tổng số lợi nhuận*, mà tất cả những người sở hữu tư bản lần lượt nhận được, sẽ luôn luôn tăng lên; rằng khi tư bản bằng 200 000 p. xt. thì tổng số lợi nhuận ấy sẽ lớn hơn so với khi nó bằng 100 000; càng lớn hơn nữa khi nó đạt tới 300 000; và cứ thế nó tiếp tục tăng lên, tuy với tỷ lệ ngày càng giảm, cùng với mỗi lần tư bản tăng lên. Tuy nhiên, sự tăng lên ấy chỉ thực sự diễn ra trong một khoảng thời gian nào đó: ví dụ, 19% của 200 000 p. xt. thì lớn hơn 20% của 100 000; 18% của 300 000 thì lớn hơn 19% của 200 000; nhưng khi tư bản đã tích lũy đạt đến những quy mô to lớn, còn lợi nhuận giảm đi, thì việc tiếp tục tích lũy làm giảm tổng lợi nhuận.

Chẳng hạn, giả sử số tiền tích lũy đã đạt đến 1 000 000, còn lợi nhuận bằng 7%, khi đó tổng lợi nhuận sẽ là 70 000 p. xt.; nếu giờ đây cộng thêm tư bản 100 000 p. xt. vào 1 000 000, còn lợi nhuận sẽ giảm xuống còn 6% thì các chủ sở hữu tư bản sẽ nhận được 66 000 p. xt., hay là 4 000 p. xt. ít hơn, tuy tổng khối lượng tư bản đã tăng lên từ 1 000 000 lên thành 1 100 000 p. xt." (tr.124 - 125) [tr. 108 - 109]). "Tuy nhiên, chừng nào tư bản còn đem lại lợi nhuận thì không thể có một sự tích lũy tư bản nào không gây ra một sự gia tăng chẳng những số lượng, mà cả giá trị của sản phẩm. Việc chi phí bổ sung 100 000 p. xt. tư bản bổ sung sẽ không làm cho bất cứ một bộ phận nào của tư bản trước kia trở nên kém năng suất hơn. Sản phẩm của ruộng đất và của lao động phải tăng lên, còn giá trị của sản phẩm ấy sẽ phải tăng lên một số không những bằng giá trị những khoản bổ sung vào khối lượng sản phẩm trước kia, mà còn bằng giá trị mới được cộng thêm vào toàn bộ khối lượng sản phẩm của ruộng đất do tính chất khó khăn tăng lên trong việc sản xuất ra phần sau cùng của sản phẩm ấy. Song, khi mức tích lũy tư bản trở nên rất lớn thì, tuy giá trị tăng lên như vậy, nhưng tư bản sẽ được phân bố sao cho phần của lợi nhuận sẽ được một giá trị nhỏ hơn trước, trong khi phần của địa tô và tiền công sẽ được một giá trị lớn hơn". Trong một giai đoạn nhất định, "các điền chủ và công nhân sẽ nhận được nhiều hơn sản phẩm bổ sung thêm ấy, và thậm chí họ - xét theo hoàn cảnh của họ - có thể chiếm đoạt lấy một phần trong khoản lợi nhuận trước kia của nhà tư bản ... Chỉ các điền chủ là thật sự được lợi, vì họ sẽ nhận được" nhiều sản phẩm hơn và nhiều giá trị hơn về sản phẩm đó... Đối với công nhân, tiền công đã tăng lên sẽ chỉ mang tính chất danh nghĩa mà thôi, còn [tiền công thực tế] thì thậm chí sẽ giảm đi ... "Tuy đã sản xuất ra một giá trị lớn hơn, nhưng một phần lớn hơn trong số những gì còn lại của giá trị ấy sau khi đã trả địa tô, được những người sản xuất tiêu dùng, và chính điều đó và chỉ có điều đó điều tiết lợi nhuận ... Một phần lớn hơn trong phần sản phẩm còn lại sau khi đã trả địa tô và phải được đem chia giữa các nhà tư bản và các công nhân làm thuê, là thuộc về công nhân làm thuê. Chắc chắn, mỗi công nhân sẽ có thể nhận được ít hơn, nhưng vì sẽ có nhiều công nhân hơn có việc làm so với lượng toàn bộ sản phẩm mà người phéc-mi-ê giữ lại, nên giá trị của phần lớn hơn trong tổng số sản phẩm sẽ bị tiền công nuốt mất và do đó, đối với lợi nhuận chỉ còn giá trị của phần nhỏ hơn" (tr. 125 - 128) [tr.109 - 120].

Như vậy, tỷ suất lợi nhuận "phụ thuộc vào số lượng lao động cần thiết để" sản xuất[171] "các nhu yếu phẩm trên ruộng đất[172] không đem lại khoản địa tô nào cả. Vì thế kết quả của việc tích lũy không giống nhau ở các nước khác nhau và đặc biệt phụ thuộc vào độ phì nhiêu của ruộng đất" (tr. 128) [tr.110 - 111].

Chúng ta đã thấy rằng "giá tiền của các hàng hóa không tăng lên do tiền công tăng lên", bất kể vàng có phải là sản phẩm của chính nước ấy hay không. Nhưng chúng ta giả định rằng có một tỷ lệ khác, rằng giá cả của hàng hoá tăng lên do tiền công tăng lên, thì khi đó việc tiền công tăng lên vẫn sẽ dẫn đến chỗ giảm lợi nhuận. "Giả sử người sản xuất mũ, người sản xuất bít-tất và người sản xuất giày dép mỗi người đều trả tiền công nhiều thêm 10 p. xt. và" [giá cả] sản phẩm của họ cũng tăng lên 10 p. xt., thành thử "hoàn cảnh của họ không tốt hơn. Nếu người sản xuất bít-tất bán sản phẩm với giá 110 p. xt. thay vì 100 p. xt. thì lợi nhuận của anh ta cũng bằng số tiền như trước kia, song đổi lại" giá tiền 110 p. xt. ấy, "người sản xuất ấy sẽ nhận được số mũ, số giày dép và mọi thứ hàng hóa khác ít đi 1/10, và vì, với mức để dành như trước kia ấy, do tiền công tăng, anh ta sẽ có thể thuê ít công nhân hơn, và do giá cả tăng mà có thể mua ít nguyên liệu hơn - nên anh ta sẽ ở trong một tình hình không khá hơn so với khi lợi nhuận bằng tiền của anh ta realiter[1*] giảm đi, nhưng giá cả của tất cả mọi vật phẩm vẫn ở mức trước kia... Trên thực tế, cái sẽ giảm chỉ là giá trị của vật trung gian được dùng để tính toán giá cả và lợi nhuận"(tr. 129 - 130) [tr. 111].

QUAN HỆ GIỮA LỢI NHUẬN VÀ TIỀN CÔNG

"Tiền công có thể tăng 20%, còn lợi nhuận vì vậy có thể giảm đi với tỷ lệ nhiều hay ít mà không gây ra một sự thay đổi nhỏ nào về giá trị tương đối" của các hàng hóa khác nhau (tr. 23) [tr. 48].

"Lợi nhuận phụ thuộc vào tiền công, nhưng không phải là tiền công danh nghĩa, mà là tiền công thực tế; không phụ thuộc vào số lượng pao xtéc-linh được trả hằng năm cho người công nhân, mà phụ thuộc vào số ngày lao động cần thiết để nhận được những pao xtéc-linh ấy. Do vậy, tiền công có thể hoàn toàn giống nhau ở hai nước; [VIII - 58] nó cũng có thể có một tỷ lệ giống nhau đối với địa tô và đối với tổng số sản phẩm thu hoạch được trên ruộng đất, mặc dù ở một nước này người công nhân nhận được mỗi tuần 10 si-linh, còn ở nước khác thì người công nhân nhận được mỗi tuần 12 si-linh" (tr. 152 - 153) [tr. 123].

1* - trên thực tế

"Phần dành cho tiền công càng ít thì phần dành cho lợi nhuận càng nhiều một cách tương ứng, và vice versa"[1*] (tr. 500) [tr. 338].

Đa số những người phản đối Ri-các-đô - ví dụ, những người như Uây-cơ-phin[173] - khẳng định rằng ông không thể giải thích được số thặng dư [của giá trị]. Ví dụ, chủ xưởng chi phí 30 p. xt. vào nguyên liệu, 20 p. xt. vào máy móc, 50 p.xt. vào tiền công - tổng cộng là 100 p. xt.. Người chủ xưởng ấy bán hàng hóa của mình với giá 110 p. xt.. 10 p. xt. do đâu mà có ? Giả sử chủ xưởng giờ đây chi 50 p. xt. vào máy móc, 30 p. xt. vào nguyên liệu, 20 p. xt. vào việc thuê lao động - tổng cộng là 100 p. xt. và bán hàng hóa của mình với giá 110 p. xt. như trước kia... Số 10 p. xt. ấy có quan hệ như thế nào với tiền công? Nên biết rằng lợi nhuận của chủ xưởng phụ thuộc vào việc ông ta bán 100 p. xt. của mình với giá bao nhiêu, chứ không phải phụ thuộc vào việc ông ta phải trả bao nhiêu cho lao động. Như thế tức là lợi nhuận phụ thuộc vào thương mại chăng? Nhưng ai là người trả 10 p.xt. cho chủ xưởng? Thương gia. Vậy từ người nào thương gia ấy được trả 10 p.xt. ấy? Từ thương nhân khác. Vậy thương nhân khác ấy? Xét cho cùng là từ người tiêu dùng. Nhưng người tiêu dùng ấy là ai? Đây không tránh khỏi là điền chủ, chủ xưởng hoặc công nhân. Nếu đó là điền chủ thì anh ta lấy từ đâu để trả? Lấy từ địa tô của mình. Nếu đó là chủ xưởng ? Lấy từ lợi nhuận của mình. Nếu đó là công nhân thì lấy từ tiền công của mình. Nhưng bản thân địa tô và tiền công là những phần trong giá trị sản phẩm của chủ xưởng. Vậy là, số 10 p. xt., ngoài 100 p. xt., được trả thêm cho chủ xưởng trong thương mại chỉ vì ông ta hoặc một chủ xưởng nào khác thoạt đầu đã tạo ra 10 p. xt. ấy trong sản xuất của mình rồi. Điều đó đã rõ ràng. Các thương gia, và xét cho cùng là những nhà sản xuất có thể lừa bịp nhau. Nếu tổng số thặng dư là 100 thì qua trao đổi, một

1* - ngược lại

người này có thể nhận được 20, người thứ hai nhận được 40, người thứ ba nhận được 10, người thứ tư nhận được 8, người thứ năm nhận được 6, người thứ sáu nhận được 4, người thứ bảy nhận được 2% tổng số thặng dư ấy v.v.. Nhưng để cho một người nào đó trong số họ, sau khi anh ta hoàn lại tổng tư bản, còn lại một số thặng dư nào đó thì đương nhiên số thặng dư ấy phải có sẵn rồi. Những khoản lợi nhuận tương đối mà họ thu được bằng cách chia gian chỉ là sự phân phối không đồng đều tổng số thặng dư mà thôi. Nhưng để phân phối thì phải có sẵn cái gì đó cần được phân phối: để lợi nhuận có thể không đồng đều thì phải có bản thân lợi nhuận. Vì thế, khoản thặng dư không thể được cắt nghĩa bởi thương mại, mặc dù xuất phát từ thương mại có thể giải thích khoản lợi nhuận đặc biệt riêng lẻ nào đó. Sự giải thích như vậy rơi rụng ngay từ đầu nếu người ta nêu câu hỏi về số thặng dư của toàn thể giai cấp các nhà tư bản công nghiệp. Bởi vì khoản thặng dư ấy không thể giải thích là do các nhà tư bản ăn chặn của nhau với tư cách một giai cấp.

Cũng như vậy, [người ta sẽ bảo rằng] lợi nhuận có thể thường xuyên tăng lên ở một nước do một giai cấp, giai cấp các nhà tư bản công nghiệp, lừa bịp giai cấp điền chủ. Như thu nhập được giả định của từng giai cấp hữu sản phải bắt nguồn từ sản xuất, tức là, ngay từ đầu thu nhập ấy phải là khoản rút ra từ lợi nhuận hoặc từ tiền công.

Hoặc có thể người ta sẽ nói rằng tổng sản phẩm tăng lên. Nhà tư bản đầu tư vào sản xuất 100, nhưng nhận được sản phẩm trị giá 110. Sau khi nhà tư bản ấy hoàn bù mọi khoản chi phí thì như vậy, ngoài ra, ở nhà tư bản ấy còn lại 10. Song đây là nói về giá trị, mà giá trị lại là một đại lượng tương đối: nó không phải là số lượng mà là quan hệ của nó đối với cái thứ ba nào đó. Cái thứ ba ấy chỉ có thể là giai cấp công nhân. Muốn cho giá trị của lợi nhuận tăng lên thì phải có sẵn cái thứ ba, mà giá trị của nó lại giảm đi. Nếu người

ta nói rằng trong số 100 nhà tư bản chi phí 30 vào nguyên liệu, 20 vào máy móc, 50 vào tiền công, rồi sau đó đem bán 100 ấy lấy 110, thì như vậy người ta quên rằng nếu nhà tư bản ấy buộc phải chi phí 60 vào tiền công, thì với giá bán là 110 ông ta sẽ tuyệt nhiên không nhận được một khoản lợi nhuận nào cả - không có 8%, cũng không có 2% v.v.. Nhà tư bản ấy đem sản phẩm của mình đổi lấy sản phẩm khác mà giá trị của nó do thời gian hao phí để sản xuất ra sản phẩm ấy, quyết định. Ví dụ, ông ta bán sản phẩm của 20 ngày lao động và đổi lấy một sản phẩm khác nào đó. Số thặng dư không phải có được trong sự trao đổi ấy, tuy nó chỉ được thực hiện trong sự trao đổi ấy. Số thặng dư thể hiện ở chỗ trong sản phẩm trị giá 20 ngày lao động ấy, người công nhân chỉ nhận được sản phẩm của 10 ngày lao động v.v.. Giá trị tiền công giảm đi tương ứng với mức tăng của sức sản xuất của lao động[174].

TÍCH LŨY TƯ BẢN

[VIII-59] "Khi dân số đè nặng lên tư liệu sinh hoạt thì những phương sách duy nhất để chữa khỏi tai họa là giảm dân số hoặc tích lũy tư bản nhanh hơn nữa. Ở các nước giàu có, nơi mà tất cả ruộng đất mầu mỡ đã được đưa vào canh tác, thì phương sách thứ hai vừa không thực tế, lại vừa không đáng mong muốn, bởi vì kết quả của nó, nếu nó được áp dụng quá tích cực, sẽ là tình trạng nghèo khổ như nhau của tất cả các giai cấp. Nhưng ở những nước nghèo thì đây là những cách duy nhất để khắc phục tai họa" (tr. 94-95) [tr.90].

ẢNH HƯỞNG CỦA THƯƠNG MẠI ĐỐI VỚI LỢI NHUẬN

Ảnh hưởng của ngoại thương.

"Có thể tích lũy tư bản bằng hai cách. Tư bản có thể được tiết kiệm do *tăng thu nhập* hoặc *giảm tiêu dùng*. Nếu lợi nhuận của tôi tăng từ 1 000 lên đến 1 200 trong khi chi tiêu

của tôi vẫn như trước, thì hằng năm tôi sẽ tích lũy được 200 p. xt. nhiều hơn trước. Nếu tôi tiết kiệm được 200 p. xt trong việc chi tiêu của mình trong khi lợi nhuận của tôi vẫn như trước thì kết quả vẫn sẽ như thế thôi: hàng năm sẽ có 200 p. xt. được cộng thêm vào tư bản của tôi... Nếu nhờ áp dụng máy móc nên [giá trị] của tổng số hàng hóa mà thu nhập của tôi đã chi phí vào sẽ giảm đi 20%, thì tôi có thể thực hiện tiết kiệm cũng có kết quả như trường hợp nếu thu nhập của tôi tăng 20%; nhưng trong một trường hợp tỷ suất lợi nhuận không thay đổi, còn trong trường hợp khác thì tỷ suất lợi nhuận tăng 20%. Nếu nhờ nhập khẩu lúa mì của ngoại quốc[175] "tôi có thể tiết kiệm được 20% trong các khoản chi tiêu của tôi thì kết quả sẽ hoàn toàn như trường hợp máy móc giảm chi phí sản xuất lúa mì, nhưng lợi nhuận sẽ không tăng. Vì vậy tỷ suất lợi nhuận tăng lên không phải do thị trường được mở rộng, tuy rằng sự mở rộng như vậy cũng có thể góp phần tăng khối lượng hàng hóa và qua đó tạo cho chúng ta khả năng tăng các quỹ dành để nuôi sống lao động và [mua sắm] vật liệu mà lao động sẽ được sử dụng vào... Nếu nhờ mở rộng ngoại thương - cũng giống như những cải tiến trong máy móc, - thực phẩm và các nhu yếu phẩm của công nhân có thể cung cấp cho thị trường với giá hạ, thì lợi nhuận sẽ tăng lên". Nếu không thì lợi nhuận sẽ không tăng... "Mức tiền công cũng sẽ không thay đổi cả trong trường hợp nếu rượu vang, nhung, lụa và những hàng hóa đắt giá khác sẽ giảm giá 50% và do đó, lợi nhuận sẽ không thay đổi. Vì vậy, tuy ngoại thương rất hữu ích đối với đất nước vì nó làm tăng khối lượng và sự đa dạng của những vật phẩm mà thu nhập có thể được chi vào, và nhờ hàng hóa đồi dào và rẻ mà kích thích tiết kiệm và tích lũy tư bản, song nó có xu hướng làm tăng, nâng cao lợi nhuận" (tức là tỷ suất lợi nhuận) "của tư bản, nếu những hàng hóa nhập khẩu không thuộc vào loại hàng hóa mà tiền công chi phí vào đó" (tr. 135-138) [tr. 114-116].

Xây nói: ""Thương mại tạo cho chúng ta khả năng nhận hàng hóa tại nơi hàng hóa được sản xuất ra, và chở hàng hóa đến nơi khác, mà ở đó hàng hóa được tiêu dùng. Vì vậy thương mại tạo cho chúng ta khả năng tăng giá trị của hàng hóa lên một lượng bằng toàn bộ số chênh lệch giữa giá cả của nó ở địa điểm này với giá cả của nó ở địa điểm khác". Điều đó đúng, nhưng bằng cách nào hàng hóa có được giá trị bổ sung ấy ? Bằng cách bổ sung vào chi phí sản xuất, thứ nhất, những chi phí vận chuyển, thứ hai, lợi nhuận của tư bản mà thương gia đã ứng trước. Hàng hóa đó có giá trị lớn hơn vì chính cái nguyên nhân khiến cho mỗi hàng hóa sẽ có giá trị lớn hơn, vì đã phải chi phí nhiều lao động hơn vào việc sản xuất và vận chuyển hàng hóa trước khi hàng hóa được người tiêu dùng mua. *Không nên coi đây là một trong số những ưu thế của thương mại.* Nếu chúng ta nghiên cứu

vấn đề này kỹ hơn, chúng ta sẽ thấy rằng tất cả những lợi ích của thương mại tựu trung là nó cung cấp cho chúng ta các phương tiện để mua sắm được những vật phẩm không phải đắt giá hơn, mà là hữu ích hơn" (tr. 309-310, chú thích) [tr. 219].

Ảnh hưởng của nội thương.

"Những điều đã nói về ngoại thương cũng có thể vận dụng cả vào nội thương. Tỷ suất lợi nhuận không bao giờ tăng nhờ phân công tốt hơn, nhờ phát minh máy móc", nhờ cải tiến đường giao thông " hoặc nhờ bất kỳ phương thức nào nhằm cắt giảm lao động trong sản xuất hoặc trong vận chuyển hàng hóa. Những nguyên nhân ấy ảnh hưởng đến giá cả và đem lại ích lợi rất to lớn cho người tiêu dùng": người tiêu dùng nhận được nhiều hàng hóa hơn cũng bằng số lao động ấy hoặc bằng giá trị [của sản phẩm] cũng của lao động ấy; "nhưng những nguyên nhân ấy không tác động gì đến lợi nhuận cả. Mặt khác, *mọi sự sút giảm tiền công đều làm tăng lợi nhuận*"

(như vậy, [VIII-60] cả trong những trường hợp khi mà sự giảm sút ấy diễn ra vì những nguyên nhân khác chứ không phải do [giá cả] thực phẩm giảm đi),

"nhưng không tác động gì đến giá cả hàng hóa. Cái này có lợi cho tất cả hàng hóa. Cái này có lợi cho tất cả mọi giai cấp, vì tất cả các giai cấp đều là người tiêu dùng; cái kia chỉ đem lại ích lợi cho những người sản xuất thôi; họ thu được nhiều lợi nhuận hơn, nhưng giá cả của mỗi hàng hóa vẫn không thay đổi" (tr. 138) [tr. 116].

SỰ THAY ĐỔI ĐỘT NGỘT TRONG TIẾN TRÌNH THƯƠNG MẠI

"Ở những nước giàu có và hùng mạnh, nơi mà những khối tư bản to lớn được chi vào máy móc, thì sự thay đổi bất ngờ trong tiến trình thương mại gây ra nhiều tai họa hơn là ở những nước nghèo hơn, mà tại đó, xét về mặt tỷ lệ, có một số lượng tư bản cố định ít hơn, và một khối lượng tư bản lưu động lớn hơn nhiều, và tại đó, do vậy" lao động chân tay chiếm ưu thế. Chuyển tư bản lưu động từ lĩnh vực đầu tư này sang lĩnh vực đầu tư khác dễ hơn là chuyển tư bản cố định. "Những máy móc được tạo ra chỉ dành cho một mục đích này thường không thể sử dụng vào các mục đích của ngành sản xuất khác; nhưng quần áo, lương thực và nhà ở của công nhân làm việc trong một ngành này có thể dùng

tốt cho công nhân sử dụng trong ngành công nghiệp khác; nói cách khác, vẫn người công nhân ấy có thể nhận được cùng một thứ thực phẩm, quần áo và nhà ở như thế, mặc dù anh ta đã thay đổi việc làm. *Song đó là tai họa mà một nước giàu có tất yếu bị rơi vào.* Ta thán về tai họa ấy sẽ không có lý hơn là trường hợp một thương gia giàu có phàn nàn về việc chiếc tàu thủy của ông ta bị những mối nguy hiểm trên biển, trong khi ngôi nhà bé nhỏ của người hàng xóm nghèo của ông ta không chịu những bất trắc như thế" (tr. 311) [tr. 220].

ẢNH HƯỞNG CỦA TÍCH LŨY ĐỐI VỚI LỢI NHUẬN VÀ LỢI TỨC

"Không một sự tích lũy tư bản nào dẫn đến chỗ thường xuyên hạ thấp lợi nhuận, nếu không có nguyên nhân gây ra hiện tượng tiền công tăng lên ... A. Xmít quy sự sút giảm" lợi nhuận[176] "là do tích lũy tư bản và do sự cạnh tranh phát sinh vì sự tích lũy ấy ... Nhưng nếu tư bản đã tăng lên, thì cả khối lượng công việc cần hoàn thành nhờ tư bản ấy cũng tăng lên cùng một tỷ lệ ... Không có một số lượng tư bản nào không thể đem đầu tư ở một nước nào đó chỉ vì số cầu bị sản xuất hạn chế ... Khi thực hiện hoạt động sản xuất, người sản xuất trở thành người tiêu dùng các hàng hóa của chính mình hoặc trở thành người mua và tiêu dùng hàng hóa của những người khác" ... Ở Hà Lan lợi nhuận giảm đi vì nước này "đã buộc phải nhập khẩu hầu như toàn bộ số lượng lúa mì mà nước này tiêu dùng", và ngoài ra, tiền công đã tăng lên do "đánh thuế nặng vào các nhu yếu phẩm mà công nhân tiêu dùng" (tr. 338 - 340) [tr. 238 - 239].

((Ở đây Ri-các-đô không thấy điều mà chúng ta đã nhận ra từ trước, khi ông xem xét việc xác định giá trị[177], cụ thể là: *trao đổi* là điều kiện quan trọng để xác định giá trị. Tất nhiên, nhà tư bản có thể luôn luôn tiến hành trao đổi với công nhân. Nhưng nhà tư bản chỉ trao đổi với công nhân chừng nào nhà tư bản ấy cổ thể trao đổi sản phẩm lao động của công nhân với lợi nhuận. Sự trao đổi ấy bị hạn chế bởi những tư liệu và nhu cầu của những người khác về mỗi mặt hàng *xác định* có thể được sản xuất trong phạm vi một nước nào đó và thậm chí một thị trường nào đó trong thành phần thị

trường thế giới. Chính sự mất cân đối giữa thị trường - giữa những bên trao đổi - và tư bản, sự mất cân đối của sản xuất trong một nước xác định đẩy [tư bản] ra thị trường thế giới, cũng như từ thị trường này sang thị trường khác. Nền sản xuất cân đối - dĩ nhiên là trong khuôn khổ tư sản - trong điều kiện nền công nghiệp hiện đại cần đến chính là quy mô thế giới, để thông qua sản xuất tạo ra sản xuất đáp lại và qua đó tạo ra nhu cầu thực sự.)

Ri-các-đô tự giúp mình chống lại A.Xmít bằng cách [đáp lại ý kiến của A.Xmít], *cho rằng*

một phần tư bản [sản xuất] ra

"số thặng dư cần xuất ra nước ngoài và đổi lấy một mặt hàng nào đó mà trong nước có nhu cầu",

Ri-các-đô nói:

vậy thì ai buộc chúng ta lúc đó "sản xuất ra số lúa mì, hàng hóa bằng len và kim khí thặng dư"? Bởi vì nếu việc sử dụng một phần tư bản nào đó trong việc sản xuất chúng tỏ không có lợi thì "tư bản được chuyển *vào* một lĩnh vực đầu tư *nào đó*"

(chính từ "nào đó" bao hàm thực chất của vấn đề)

"có lợi hơn" ... Sự ứ thừa của thị trường chỉ có thể xảy ra đối với *một mặt hàng riêng lẻ* nào đó, chứ không khi nào xảy ra với tất cả các mặt hàng ... "Chỉ có trong một trường hợp sự tích lũy tư bản mới có thể kèm theo hiện tượng lợi nhuận giảm đi", tuy thực phẩm có giá rẻ, "cụ thể là: khi mà các quỹ dùng để nuôi lao động tăng lên nhanh hơn dân số, - khi ấy tiền công sẽ cao, còn lợi nhuận thì thấp ... Nếu các thương gia đầu tư vào ngoại thương hoặc vào vận tải, thì việc đó luôn luôn diễn ra theo sự lựa chọn của họ và không bao giờ diễn ra do cần thiết cả: chỉ vì [VIII - 61] trong ngành ấy, lợi nhuận của họ sẽ cao hơn đôi chút so với trong ngành nội thương" (tr. 341 - 344) [tr. 240 - 241].

(Ri-các-đô đưa ra một sự phản bác hết sức nghèo nàn cùng với "sự chế tạo một mặt hàng khác nào đó" của ông. Ông nói:

"Nếu như chúng ta cần nhung"

(và nếu bị cô lập với ngoại thương),

"thì phải chăng chúng ta sẽ không thể thử tìm cách sản xuất nhung hay sao? Và nếu như chúng ta không làm được việc đó thì phải chăng chúng ta sẽ không thể sản xuất ra nhiều dạ hơn hoặc nhiều hơn nữa *một vật phẩm khác nào đó* mà chúng ta mong muốn?" (tr. 346) [tr. 243].))

"Mặc dù suy đến cùng thì *tỷ suất lợi tức* luôn luôn do tỷ suất lợi nhuận điều tiết, nhưng nó bị những dao động tạm thời do cả những nguyên nhân khác ... Nếu giá cả thị trường của hàng hóa giảm xuống do số cung tăng lên hoặc số cầu giảm xuống, hoặc do giá trị của tiền tăng lên, thì chủ xưởng tích lũy cho mình một số lượng không bình thường những thành phẩm mà ông ta không muốn bán với giá rất thấp. Để thực hiện những đợt thanh toán thông thường của mình - mà trong đó ông ta thường phụ thuộc vào việc bán ra các hàng hóa của mình - ông ta sử dụng tín dụng và thường phải trả mức lợi tức tăng lên. Song đây chỉ là hiện tượng tạm thời" ... Trong một khoảng thời gian nhất định, lợi tức cũng chịu tác động của việc lượng tiền tăng lên [do] sự lạm dụng của các ngân hàng, tuy rằng rốt cuộc điều đó dẫn đến chỗ làm tăng giá hàng hóa. "Thị giá của các chứng khoán quốc gia không phải là chuẩn mực đáng tin cậy cho mức lợi tức". Trong thời gian có chiến tranh, người ta phát hành công trái, hết đợt này đến đợt khác, rất nhiều lần và tâm lý chờ đợi các sự kiện chính trị có ảnh hưởng đến nỗi "thị giá của các chứng khoán không có thời gian để ổn định ở mức xác đáng. Trái lại, trong thời bình các hoạt động của quỹ thanh toán nợ và việc" những nhân vật khác nhau[178] "không muốn rút tiền của mình ra khỏi lĩnh vực đầu tư tiền quen thuộc đối với họ này - mà họ xem là đáng tin cậy và trong đó họ được trả đều đều lợi tức cổ phần - dẫn đến chỗ tăng thị giá các chứng khoán và, do đó, đến chỗ giảm lợi tức của các chứng khoán ấy xuống dưới mức thị trường". Ngoài ra, "chính phủ trả lợi tức không giống nhau cho những chứng khoán khác nhau. Tư bản 100 p. xt. ghi trong các chứng khoán 5%" thì thường "được bán với giá 95 p. xt., còn các phiếu kho bạc 100 p. xt. đem lại một khoản lợi tức chỉ bằng 4 p. xt. 11 si-linh 3 pen-xơ mà thôi" thì thường[179] "được bán với giá 100 p. xt. 5 si-linh, bởi vì các chủ ngân hàng có nhu cầu về một phần nào đó những phiếu kho bạc ấy, xem đó là một lĩnh vực đầu tư tiền đáng tin cậy và dễ thực hiện" (tr. 349 - 351) [tr. 245 - 246].

VỀ TỔNG THU NHẬP VÀ THU NHẬP RÒNG

"A.Xmít thường hay tán dương những mối lợi mà đất nước thu được từ tổng thu nhập lớn, so với những mối lợi do thu nhập ròng lớn đem lại".

(mà từ đó ông tán dương cả những mối lợi của việc đầu tư phần lớn tư bản hoặc toàn bộ tư bản trong nông nghiệp). (Bây giờ thì Ri- các- đô phản bác điều đó.) (Từ đó mà có sự sắp xếp các ngành do A.Xmít[180] đưa ra, căn cứ theo mức độ hữu ích của chúng: nông nghiệp, công trường thủ công và sau cùng là tư bản đầu tư vào ngoại thương.)

"Tổng sản phẩm của một nước nào đó được phân thành ba phần: một phần quyết định tiền công, phần khác quyết định lợi nhuận, phần thứ ba quyết định địa tô. Chỉ có hai phần sau cùng của tổng sản phẩm là có thể trích ra những khoản nộp thuế hoặc để dành. Đối với người sở hữu số tư bản 20 000 p. xt. đem lại cho anh ta hàng năm 2 000 p. xt. lợi nhuận, thì tư bản của anh ta sử dụng 100 hay 1 000 công nhân, hàng hóa sản xuất ra được bán với giá 10 000 hay 20 000 p. xt., điều đó không quan trọng. *Phải chăng lợi ích thực tế của một dân tộc là như vậy*? Nếu như thu nhập ròng thực tế của dân tộc, địa tô và lợi nhuận của dân tộc không thay đổi thì người ta không cần biết dân tộc ấy gồm 10 triệu hay 12 triệu người. Khả năng của dân tộc ấy nuôi được quân đội và hạm đội và mọi loại lao động phi sản xuất phải tương ứng với thu nhập ròng, chứ không phải với tổng thu nhập của nó. Nếu 5 triệu người có thể sản xuất ra một khối lượng thực phẩm và quần áo đủ cho nhu cầu của 10 triệu người thì số thực phẩm và quần áo cho 5 triệu người là thu nhập ròng. Phải chăng sẽ có một lợi lộc nào đó, nếu để sản xuất ra một khối lượng thu nhập ròng như vậy cần phải có 7 triệu người, nghĩa là nếu 7 triệu người sẽ chỉ làm công việc sản xuất ra thực phẩm và quần áo cho 12 triệu người? ... Việc sử dụng một số lượng người đông hơn sẽ không tạo ra cho chúng ta khả năng tăng số quân của quân đội và hạm đội, dù chỉ một người, cũng như không tạo ra khả năng đóng thuế thêm một đồng ghi-nê nào" (tr. 415 - 417) [tr. 284 - 285]. "Trong sự phân bố các lĩnh vực hoạt động kinh doanh giữa tất cả các nước thì tư bản của các dân tộc nghèo hơn đương nhiên sẽ được đầu tư vào những lĩnh vực kinh doanh tạo khả năng nuôi được một số lượng lao động đông ở trong nước, vì ở những nước như vậy, có thể dễ dàng có được thực phẩm và các nhu yếu phẩm cho một dân số đang gia tăng. Trái lại, ở các nước giàu có - nơi mà thực phẩm đắt đỏ - với chế độ mậu dịch tự do thì tư bản đương nhiên sẽ chảy vào những lĩnh vực đòi hỏi nuôi một lượng lao động tối thiểu ở trong nước: vào những lĩnh vực như vận tải, ngoại thương với các nước xa xôi, cũng như vào những lĩnh vực đòi hỏi sử dụng những máy móc đắt tiền; vào những ngành trong đó lợi nhuận tương ứng không phải với lao động" thủ công "được sử dụng, mà tương ứng với tư bản được đầu tư" (tr. 418) [tr. 286].

[VIII - 62] "Sự khác nhau giữa tổng thu nhập và thu nhập ròng có ý nghĩa quan trọng vì tất cả mọi loại thuế đều phải được trả bằng thu nhập ròng của xã hội. Giả sử tất cả các hàng hóa ở trong nước (toàn bộ lúa mì, sản phẩm nguyên liệu, hàng công nghiệp v.v.) mà người ta có thể cung cấp ra thị trường trong cả năm, có giá trị 20 triệu, và để có được giá trị ấy cần lao động của một số lượng người nhất định, mà việc thỏa mãn những nhu cầu bức thiết nhất của số công nhân ấy đòi hỏi phải chi ra 10 triệu. Tổng thu nhập của xã hội ấy là 20 triệu, thu nhập ròng là 10 triệu. Từ giả định ấy không thể kết luận rằng công nhân phải nhận được công lao động của mình chỉ bằng 10 triệu; họ có thể nhận được 12 triệu, 14 triệu hoặc 15 triệu [và trong trường hợp này họ có thể nhận được 2,4 hoặc 5 triệu] lấy từ thu nhập ròng. Số còn lại sẽ được chia cho các điền chủ và các nhà tư bản, nhưng toàn bộ thu nhập ròng sẽ không vượt quá 10 triệu. Nếu xã hội ấy trả thuế 2 triệu, thì thu nhập ròng của nó sẽ giảm xuống còn 8 triệu" (tr. 512 - 513) [tr. 346].

THUẾ ĐÁNH VÀO LỢI NHUẬN

"Thuế về các xa xỉ phẩm chỉ đánh vào những người tiêu dùng chúng". Thuế đánh vào các nhu yếu phẩm, do chúng dẫn đến chỗ làm tăng tiền công, nên rơi vào nhà kinh doanh không chỉ với tính cách là người tiêu dùng, mà cũng đụng chạm đến tỷ suất lợi nhuận (tr. 231) [tr. 172]. "*Thuế cục bộ đánh vào lợi nhuận* làm tăng giá loại hàng hóa mà nó đánh vào ... Nếu như thuế tỷ lệ với lợi nhuận được quy định trong tất cả các ngành sản xuất thì giá cả tất cả các hàng hóa đều tăng. Nếu mỏ cung cấp vật liệu làm ra tiền của chúng ta cũng nằm trong nước và nếu thuế cũng đánh vào lợi nhuận của các chủ sở hữu mỏ đó thì sẽ không có mặt hàng nào tăng giá ... Nếu tiền không bị đánh thuế và vì thế mà giữ được giá trị của mình" thì thuế sẽ đánh đồng đều vào những khoản lợi nhuận như nhau của các tư bản như nhau. "Nếu số thuế là 100 p. xt., thì giá trị của mũ, dạ và lúa mì sẽ tăng lên mỗi thứ 100 p. xt.. Nếu chủ xưởng sản xuất mũ bán mũ thu lợi nhuận 1 100 p. xt. thay vì 1 000 và nộp thuế cho chính phủ 100 p. xt., thì chủ xưởng ấy còn lại 1 000 p. xt. để chi cho sự tiêu dùng của chính mình. Nhưng cũng vì chính nguyên nhân ấy mà giá cả của dạ, lúa mì và của tất cả các hàng hóa khác tăng lên, thì với số tư bản 1 000 p. xt. của mình, chủ xưởng mũ nhận được số tiền không lớn hơn trước kia thu được về số tiền 910 p. xt. của mình, và bằng cách đó, qua việc giảm những khoản chi tiêu của cá nhân

mình, chủ xưởng ấy sẽ tham gia vào việc trang trải những đòi hỏi của nhà nước. Khi nộp thuế, người chủ xưởng - thay vì tự mình tiêu dùng một phần nào đó sản phẩm đồng ruộng và sản phẩm lao động của đất nước - trao phần ấy cho chính phủ định đoạt. Nếu như thay vì chi tiêu hết 1 000 p. xt., chủ xưởng ấy gộp số tiền ấy vào tư bản của mình, thì người chủ ấy sẽ thấy rằng khoản tiết kiệm 1000 p. xt. ấy, do tiền công tăng lên và chi phí vào nguyên liệu và máy móc tăng lên, nên giờ đây không nhiều hơn khoản tiết kiệm 910 p. xt. trước kia" (tr. 232 - 233) [tr. 172 - 173]. "Nhưng tuy giá cả của tất cả mọi hàng hóa đều tăng lên, thậm chí trong điều kiện không có thuế đánh vào tiền, chúng tăng lên theo tỷ lệ không giống nhau; sau khi bị đánh thuế, hàng hóa sẽ không ở trong quan hệ [giá trị] với nhau như trước khi bị đánh thuế ... Chúng ta đã thấy hai chủ xưởng có thể đầu tư tư bản với quy mô hoàn toàn như nhau và vì vậy nhận được một số lượng lợi nhuận hoàn toàn như nhau, nhưng hàng hóa của họ sẽ được bán với những số tiền rất khác nhau, tùy theo chỗ những tư bản mà họ đầu tư được tiêu dùng và được tái sản xuất nhanh hay chậm". Ở đây sự bổ sung thuế vào làm thay đổi quan hệ trước kia, bất kể là thuế đánh trực tiếp vào thu nhập hay là "bản thân hàng hóa bị đánh thuế tỷ lệ với tư bản được đầu tư để sản xuất chúng" (tr. 234 - 235) [tr. 174]. Từ đó thấy rằng ở nước nào tồn tại việc đánh thuế thì sự thay đổi giá trị của tiền này sinh do thiếu hay thừa tiền, ảnh hưởng đến giá cả tất cả mọi hàng hóa một cách không đồng đều ... "Nếu trong trường hợp này, giá cả của mọi hàng hóa đều tăng lên tỷ lệ với sự sụt giảm giá trị của tiền, thì các khoản lợi nhuận sẽ không giống nhau" (tr. 236 - 237) [tr. 175].

MÁY MÓC VÀ THUẾ. ẢNH HƯỞNG ĐẾN LỢI NHUẬN

"Việc sáng chế những máy móc cải thiện nền công nghiệp nội địa luôn luôn có xu hướng làm tăng *giá trị tương đối của tiền*, do đó, cũng khuyến khích việc nhập khẩu chúng. Ngược lại, mọi việc đánh thuế, mọi sự gia tăng những trở ngại đối với các nhà kinh doanh trong việc sản xuất hàng hóa công nghiệp và nông nghiệp, đều có xu hướng làm *giảm giá trị tương đối của tiền*, tức là, khuyến khích việc xuất khẩu chúng" (tr. 243 - 244) (tr. 179).

THUẾ ĐÁNH VÀO CÁC HÀNG HÓA KHÁC, NGOÀI SẢN PHẨM NGUYÊN LIỆU

Giá cả của mọi hàng hóa riêng lẻ bị đánh thuế đều tăng lên một số bằng số thuế đó (tr. 281) [tr. 202]. Để trang trải chi phí quân sự người ta đi vay 20 triệu chẳng hạn. Số tiền ấy được đem ra chi tiêu. Chúng "được rút ra khỏi tư bản sản xuất của đất nước". Số thuế hàng năm 1 triệu, - thu để trả lợi tức cho khoản vay ấy, [VIII - 63] chỉ là sự chuyển dịch, "sự chuyển từ những người đóng thuế sang những người nhận chúng, từ những người đóng thuế" sang những người nhận thuế[181]. "Chi tiêu thực tế là 20 triệu ấy, chứ không phải số lợi tức phải trả cho số tiền ấy. Dù số lợi tức ấy có được trả hay không thì đất nước cũng sẽ không trở nên giàu hơn hoặc nghèo hơn". Chính phủ cũng có thể đòi lập tức số 20 triệu ấy để xuất trả lại số tiền ấy. "Điều đó không thay đổi gì trong bản chất của sự giao dịch" (tr. 282 - 283) [tr. 203].

(Nhưng như vậy hóa ra những người cho chính phủ vay tiền lại không đem tiền của mình ra cho vay, mà lấy tiền của những người nộp thuế đem cho vay, còn bản thân họ thì ít nhiều được miễn thuế, do đó, toàn bộ sự giao dịch hóa ra chỉ là cái vẻ bề ngoài. Nhưng sẽ có người bảo rằng thuế đánh vào giá cả của hàng hóa và đụng chạm đến từng người trong chừng mực người đó là người tiêu dùng hay nhà kinh doanh. Chắc chắn mỗi người hữu sản đều là một trong hai nhân vật ấy. Nhưng *primo*[1*]: chúng ta có thể giả định rằng các nhà kinh doanh không bao giờ cho vay, mà luôn luôn đi vay. Đó là quy tắc chung. Nếu không thì làm sao tư bản của đất nước có thể tái sản xuất lại được ? Mà nếu một bộ phận các nhà kinh doanh - có thể chiếm đến 1/3 tổng số họ - lẽ ra phải biến tư bản không đầu tư trong sản xuất thành tư bản sản xuất, thì họ lại sử dụng tư bản của mình một cách phi sản xuất? Do đó, trường hợp thứ nhất - nhà kinh doanh - không tồn tại nữa. Giờ đây chỉ còn lại người tiêu dùng.

1* - thứ nhất

Secundo[1*]: nếu người cho vay là kẻ keo kiệt hoặc tiêu dùng lợi tức cổ phần của mình ở nước ngoài, thì với tư cách là người tiêu dùng, ông ta chỉ bù được một phần nhỏ sự tăng giá hoặc hoàn toàn không bù được một phần nào cả. Ông ta đơn giản buộc những người nộp thuế khác phải cho chính phủ vay 1 000, 2 000 p. xt. v.v., chẳng hạn, để dùng vào chiến tranh chống lại cách mạng, tuy họ có thể có thái độ rất ác cảm đối với cuộc chiến tranh ấy. Như vậy, người cho vay không được *trả* một xăng-tim nào trong số tiền mà anh ta cho chính phủ vay. Anh ta chỉ cho chính phủ vay tiền profanum vulgus[2*]. Sau đó sự tiêu dùng của cá nhân này không có quan hệ gì với tổng sản phẩm hàng năm của dân tộc - số sản phẩm mà anh ta theo thiện ý của chính mình trao cho chính phủ sử dụng. Tổng sản phẩm ấy được phân bố như thế nào, thuế đánh vào ai và thuế ấy làm cho giá cả tăng lên không đồng đều như thế nào, - tất cả những cái đó đều thuần túy ngẫu nhiên, và một khi điều đó có liên quan đến quần chúng [dân cư] thì điều đó phải áp dụng đối với các hàng hóa mà khối quần chúng ấy tiêu dùng, như vậy chính là áp dụng vào những hàng hóa mà người cho vay ấy chỉ có phần tham gia nhỏ nhất vào việc tiêu dùng chúng ex professo[3*]. Ở đây tuyệt nhiên không lưu ý đến những người coi việc cho vay tiền không phải là nghề kinh doanh, mà là phương tiện tồn tại. Cuối cùng: sau một cuộc chiến tranh nào đó v.v. mọi thứ đều giảm giá - bánh mì, cũng như các hàng công nghiệp - vì những nguyên nhân không cần xem xét ở đây. Như vậy, việc đánh thuế vào hàng hóa - trong điều kiện sức ép thuế má đè nặng lên tất cả thì điều đó vốn đã mang tính chất thuần túy danh nghĩa - chuyển thành mặt đối lập của mình. Giá cả bằng tiền của

1* - thứ hai

2*- của đám đông ngu muội

3*- do công việc của mình, do nghề nghiệp

mọi hàng hóa giảm xuống. Như thế, người cho vay chẳng những hàng năm nhận lại số tư bản đã cho vay (khoản nợ thường xuyên của quốc gia đền bù cho anh ta nhiều hơn là số tư bản đem lại số lợi tức và lợi nhuận thông thường), mà còn làm cho tư bản của mình tăng lên cả về chất lượng, cả về số lượng. Như vậy, người cho nhà nước vay chẳng những đem tiền của người khác cho vay, mà còn đem cho vay số tiền ấy với những điều kiện có lợi nhất cho mình mà những người cho vay khác không bao giờ có thể có được. Những người khác trả tiền, còn anh ta nhận lại tiền. Anh ta đánh thuế vào dân tộc, nhưng lại hoàn toàn miễn thuế ấy cho bản thân mình hoặc miễn ở mức độ nhiều nhất, và còn biến thứ thuế ấy thành nguồn thu nhập của mình. Như vậy, xét trên quan điểm chủ nghĩa cấp tiến tư sản thì thậm chí trên phương diện chính trị-kinh tế, dân tộc không có nghĩa vụ trả món nợ quốc gia. Còn xét trên quan điểm cách mạng thì "il n'en faut pas parler"[1*].)

[VIII-64] Quả thật, Ri-các-đô cho rằng:

Nếu chính phủ đòi tôi phải lập tức trả toàn bộ số tiền 2 000 p. xt. thay vì để tôi trả hàng năm 100 p. xt., thì có lẽ tôi sẽ buộc phải - thay vì dụng đến số tư bản sản xuất của chính mình - đi vay 2 000 p. xt. ấy ở một cá nhân và hàng năm trả 100 p. xt. lãi cho cá nhân ấy (tr.283-284) [tr.203].

Tôi trả số tiền ấy cho một cá nhân hoặc cho chính phủ - điều đó có gì khác nhau ? Bản thân Ri-các-đô trả lời:

"Đất nước nghèo đi chính vì những sự chi tiêu lãng phí của chính phủ và của các cá nhân, cũng như vì những khoản vay" (tr.285-286) [tr.204].

Thưa Quý ngài, nhưng ai dám bảo đảm với Ngài rằng chính phủ sau khi đòi ngay mỗi cá nhân phải nộp 1 000 phrăng, chẳng hạn, thì chính phủ thu được kết quả trong hoạt động này? Như vậy, ai là

1*- "chẳng cần nói về điều này"

người cung cấp cho chính phủ tiền dùng cho "những sự chi tiêu phung phí", nếu đó không phải là chính những kẻ đầu cơ ở sở giao dịch và những kẻ đầu cơ tiền biết trước rằng họ chẳng những không bị thua thiệt gì trong việc này, mà còn được lợi khi đem cho vay số tiền không thuộc sở hữu của họ, mà là của số quần chúng còn lại của xã hội?

Đương nhiên, cần xem những khoản nợ quốc gia cả từ góc độ khác.

"Không có quỹ trả nợ nào có thể dẫn đến làm giảm món nợ, nếu quỹ đó không hình thành từ số trội lên của các thu nhập của nhà nước so với các khoản chi của nhà nước" (tr.288) [tr.206]. "Tư bản của người sở hữu các chứng khoán quốc gia không bao giờ có thể trở thành tư bản sản xuất - trên thực tế đó *tuyệt nhiên không phải là tư bản*"

(có nghĩa là một điều giả tưởng thuần túy).

"Nếu người đó đem bán đi các chứng khoán của mình để dùng vào sản xuất số tư bản thu được nhờ bán các chứng khoán ấy, thì người ấy chỉ có thể làm được việc này bằng cách rút tư bản của người mua các chứng khoán của người ấy ra khỏi lĩnh vực đầu tư sản xuất" (tr.289 [chú thích]) [tr.207].

THUẾ DO NHỮNG NGƯỜI SẢN XUẤT ĐÓNG

(tr.457-459) (tr.312-313)

[Chương này] không chứa đựng điều gì ngoài một số nhận xét không có ý nghĩa, chống lại Xây và Xi-xmôn-đi.

THUẾ NHÀ

"Ngoài vàng ra, còn có những hàng hóa khác mà số lượng của chúng không thể giảm đi nhanh chóng được.

Vì vậy, mọi loại thuế đánh vào những hàng hóa như thế sẽ đánh vào người sở hữu chúng, nếu giá cả của chúng tăng lên dẫn đến chỗ làm giảm số cầu. Trong loại thuế đó có thuế nhà: tuy thuế này đánh vào những người thuê nhà, nhưng do địa tô giảm, nên các thuế ấy thường rơi cả vào điền chủ. Sản phẩm ruộng đất", cũng như sản phẩm công nghiệp, "được tiêu dùng và được tái sản xuất từ năm này qua năm khác. Điều này cũng xảy ra với nhiều hàng hóa khác. Vì do đó có thể nhanh chóng làm cho số lượng chúng cân bằng với số cầu, nên [giá cả] của chúng không thể cao hơn giá cả tự nhiên trong một thời gian dài. Nhưng thuế nhà có thể được xem là địa tô bổ sung, do người thuê nhà trả. Vì thế, thuế này có xu hướng làm giảm số cầu về những nhà ở đem lại khoản địa tô hàng năm y như thế, mà không làm giảm số cung về những nhà ở ấy. Vì vậy, địa tô giảm, và một phần thuế do điền chủ trả" (tr. 226) [tr. 168].

VI) *VỀ THUẾ*
THUẾ ĐÁNH VÀO TƯ BẢN HOẶC VÀO THU NHẬP

"Xét cho cùng thì thuế nộp từ nguồn tư bản hoặc từ nguồn thu nhập của đất nước ... Nếu sản xuất hàng năm của một nước nào đó vượt trội số tiêu thụ hàng năm của nó thì tư bản của nó tăng lên; khi số tiêu dùng hàng năm thậm chí không trang trải được bằng khối lượng sản xuất hàng năm thì tư bản của nước ấy giảm đi. Do vậy, tư bản có thể tăng hoặc do sản xuất tăng, hoặc do số lượng tiêu dùng phi sản xuất giảm". Sự tăng lên của sản xuất hoặc sự tiêu dùng của dân chúng giảm đi có tương ứng với số tiêu dùng của chính phủ hay không, - điều đó quyết định thuế có đánh vào thu nhập hay không và thuế có để yên không dụng chạm đến tư bản của dân tộc hay không, hoặc nếu không thì thuế có đánh vào tư bản và qua đó mà giảm quỹ dành cho tiêu dùng phi sản xuất hay không. "Tất cả sản phẩm của đất nước đều được tiêu dùng, nhưng có một sự khác nhau hết sức to lớn giữa sự tiêu dùng chúng" bởi những người tái sản xuất ra chúng và bởi những người [không] tái sản xuất ra giá trị mới[182]. "Khi chúng ta nói rằng thu nhập được tiết kiệm và được cộng

thêm vào tư bản thì chúng ta hàm ý rằng, thu nhập được tiêu dùng bởi những công nhân sản xuất thay vì những người không sản xuất ... Tương ứng với sự giảm xuống của tư bản của đất nước, sản xuất của nó cũng giảm đi, vì vậy nếu chính phủ và dân chúng tiến hành chi tiêu phi sản xuất, còn khối lượng sản xuất hàng năm thường xuyên giảm đi, thì các nguồn lực bị hao hụt" v.v.. "Những khoản chi to lớn của chính phủ Anh" trong cuộc chiến tranh trên lục địa[183] "đã được bù đắp quá đủ bởi sự gia tăng của nền sản xuất quốc dân ... Tất cả các loại thuế đều có xu hướng kiềm chế cường độ (VIII - 65) tích lũy ... Nếu các loại thuế ấy đánh vào tư bản, thì" chúng trực tiếp kìm hãm hoạt động sản xuất. "Còn nếu những thuế ấy đánh vào thu nhập thì chúng làm giảm tích lũy, hoặc buộc những người đóng thuế phải giảm - để trang trải các thuế đó - một lượng tương ứng sự tiêu dùng phi sản xuất trước kia của mình về các nhu yếu phẩm và xa xỉ phẩm" ... Cả thuế đánh vào tư bản cũng có thể rơi vào thu nhập, nếu tôi cắt giảm một cách tương ứng các khoản chi tiêu của mình (tr. 162 - 165) [tr. 129 - 131]. "Việc đánh thuế dưới bất kỳ hình thức nào cũng chỉ là sự lựa chọn trong số những tai họa khác nhau; nếu việc đánh thuế không ảnh hưởng đến lợi nhuận hoặc đến những nguồn thu nhập khác thì nó phải ảnh hưởng đến chi tiêu; và nếu giả định rằng gánh nặng thuế mà được phân bổ đồng đều và không đè nén tái sản xuất thì thuế đánh vào đâu cũng không quan trọng ... Kẻ keo xỉn có thể trốn tránh nộp thuế chi tiêu, nhưng kẻ đó không thể trốn tránh việc nộp thuế lợi nhuận, trực tiếp hoặc gián tiếp ... Nếu tôi có 1 000 p. xt. thu nhập hàng năm và phải đóng thuế với số tiền 100 p. xt., thì tôi không cần biết xem tôi nộp thuế đó trực tiếp lấy từ thu nhập của mình, chỉ để lại cho mình 900 p.xt., hay là tôi đóng nhiều thêm 100 p.xt. tiền thuế về các hàng nông phẩm hoặc công nghệ phẩm của mình" (tr. 184 - 185) [tr. 141 - 142]. "Tất cả những gì làm tăng giá trị trao đổi của hàng hóa có nhu cầu phổ biến nhất đều cản trở việc canh tác ruộng đất cũng như cản trở sản xuất. Nhưng tai họa ấy gắn liền với việc đánh thuế... Mỗi thuế mới đều trở thành gánh nặng mới đối với sản xuất và nâng cao giá cả tự nhiên. Phần lao động của đất nước mà người nộp thuế có trước kia thì giờ đây rơi vào tay nhà nước và vì vậy phần lao động ấy không thể đầu tư vào sản xuất được"(tr. 206) [tr. 155]. "Thuế một chiều[184] đánh vào lợi nhuận không bao giờ đánh vào ngành chịu thuế đó, vì nhà kinh doanh hoặc sẽ đình chỉ hoạt động của mình [trong ngành kể trên], hoặc sẽ hoàn bù lại cho mình khoản thuế ấy" (tr. 210) [tr. 157]. "Thuế không bao giờ có thể được phân bổ đồng đều khiến nó có thể ảnh hưởng, về cùng một phương diện, đến giá trị của tất cả mọi hàng hóa và vẫn duy trì như trước giá trị tương đối của chúng ở cùng một mức" (tr. 276) [tr. 199]. "Thuế đánh vào các nhu yếu phẩm không tạo ra bất cứ những sự bất tiện nào.

Lợi nhuận thật sự giảm, nhưng chỉ giảm một số bằng phần nộp thuế của công nhân, mà phần này dù thế nào cũng phải được trả bởi nhà kinh doanh, hoặc bởi người tiêu dùng sản phẩm lao động của công nhân" (tr. 384) [tr. 265-266].

SỰ TĂNG LÊN CỦA GIÁ CẢ HÀNG HÓA DO THUẾ VÀ TIỀN

Không cần phải có "thêm nhiều tiền để lưu thông cùng một khối lượng hàng hóa, nếu giá cả của chúng tăng lên vì bị đánh thuế, chứ không phải vì tính chất khó khăn tăng lên trong việc sản xuất ra hàng hóa". Nếu giá cả hàng hóa tăng lên thì tôi sẽ được ăn một lượng ít hơn, tuy trả cùng một giá như thế. Số còn lại do chính phủ ăn. Chính phủ nhận được số tiền cần có để mua những hàng hóa ấy bằng cách đánh thuế từng loại hàng hóa riêng rẽ. Chủ xưởng hoặc chủ nông trại nhận được khoản thuế ấy của dân chúng. Thuế hiện vật được che đậy (chú thích ở trang 242-243) [tr.179].

VII) *TRÍCH LỜI TỰA (PHẦN ĐẦU CỦA CUỐN SÁCH)*

"Sản phẩm của ruộng đất - tất cả những gì thu hoạch được từ bề mặt trái đất bằng cách cùng đầu tư lao động, máy móc và tư bản - được phân phối giữa ba giai cấp xã hội, cụ thể là: các điền chủ, các chủ sở hữu số tư bản cần thiết để canh tác ruộng đất và những công nhân dùng lao động canh tác ruộng đất ấy. Nhưng các phần trong tổng sản phẩm của ruộng đất - mà từng giai cấp trong ba giai cấp ấy nhận được dưới những tên gọi: địa tô, lợi nhuận và tiền công - rất khác nhau ở những giai đoạn phát triển khác nhau của xã hội, tùy thuộc chủ yếu vào độ màu mỡ hiện có của chất đất, vào sự tích lũy tư bản và vào sự gia tăng dân số, cũng như vào nghệ thuật và tài sáng tạo của người lao động và vào những công cụ được sử dụng trong nông nghiệp. *Xác định các quy luật điều tiết sự phân phối đó là nhiệm vụ chủ yếu của khoa kinh tế chính trị*" (lời tựa, phần đầu) [tr. 30]. [VIII-65][185]

C.MÁC

NHỮNG ĐIỀU SUY NGẪM[186]

[VII - 48] Phân biệt thương mại - giữa một bên là những nhà kinh doanh [dealers], và một bên khác là giữa những nhà kinh doanh và những người tiêu dùng; loại thứ nhất là sự chuyển dịch tư bản, loại thứ hai là trao đổi thu nhập lấy tư bản; loại thứ nhất được thực hiện bằng tiền của chính mình, còn loại thứ hai thì bằng những đồng tiền kim loại của mình - sự phân biệt này do A.Xmít xác lập có ý nghĩa quan trọng và đã được Tu-cơ nêu rõ, cũng như đã được nêu rõ từ trước kia, ngay trong bản báo cáo của ủy ban về vàng bạc thoi[187]. Nhưng điểm thiếu sót là không thấy mối liên hệ giữa hai hình thức ấy của thương mại, cũng như của tiền.

1) Tất cả các cuộc khủng hoảng đều thực tế cho thấy rằng việc buôn bán giữa các nhà kinh doanh thường xuyên vượt quá giới hạn mà việc buôn bán giữa các nhà kinh doanh và những người tiêu dùng đặt ra cho việc buôn bán trên. Tất cả những lý lẽ mà các nhà kinh tế học đưa ra để chứng minh rằng không thể xảy ra tình trạng sản xuất thừa - ít ra là tổng sản xuất thừa[188] - thì chỉ thuộc về hoạt động thương mại giữa các nhà kinh doanh, điều này thì đã được Xi-xmôn-đi nêu ra một cách đúng đắn khi bác bỏ ý kiến của Mắc-Cu-lốc. Điều đó càng thấy rõ hơn nếu ta lưu ý rằng sự trao đổi

giữa những nhà kinh doanh với những người tiêu dùng là - ít ra cũng đến ba phần tư - sự trao đổi giữa công nhân với những người bán lẻ, cũng như với những thợ thủ công, nhưng sự trao đổi ấy vẫn lại tùy thuộc vào sự trao đổi giữa công nhân và các nhà tư bản công nghiệp, và sự trao đổi này, đến lượt nó, lại do sự trao đổi giữa những nhà kinh doanh quy định - thật là một cái cercle vicieux[1*].

2) Như A.Xmít nói, tất nhiên, sự trao đổi giữa các nhà kinh doanh tất yếu bị giới hạn bởi sự trao đổi giữa các nhà kinh doanh và những người tiêu dùng, vì giá cả mà theo đó người tiêu dùng mua hàng là những giá cả cuối cùng, những giá cả ấy, bên cạnh lợi nhuận, lại phải bù đắp các chi phí sản xuất đã phát sinh trong những sự giao dịch trước đó. Trong khi đó, trên cơ sở luận điểm kể trên của A.Xmít, toàn bộ khoa kinh tế chính trị đã bị Pru-đông[189] đơn giản hóa một cách ngu ngốc v.v.. Vậy mà vấn đề lại không đơn giản như vậy. Trước hết: hoạt động thương mại giữa các nhà kinh doanh, ví dụ ở nước Anh, tuyệt nhiên không bị giới hạn ở hoạt động thương mại giữa các nhà kinh doanh và những người tiêu dùng [chỉ] ở nước Anh, mà cũng còn bị giới hạn, ở mức độ nhiều hay ít, bởi hoạt động thương mại giữa các nhà kinh doanh và những người tiêu dùng trên toàn bộ thị trường thế giới. Ví dụ, Công ty [Đông] Ấn hay là các thương gia Đông - Ấn gửi chàm sang thị trường Luân Đôn. Ở đây diễn ra việc bán chàm. Đây là cuộc làm ăn giữa những nhà kinh doanh với nhau. Người mua chàm đem một phần bán sang Pháp, Đức v.v., tại đó người mua chàm là các thương gia và các chủ xưởng hữu quan. Rốt cuộc, liệu họ sẽ hoàn bù được giá cả của chàm hay không, điều này phụ thuộc vào việc bán sản phẩm cuối cùng cho người tiêu dùng, có thể là người sống trên quần đảo I-ô-niêng, hoặc ở Ap-ga-ni-xtan, hoặc ở A-đê-lai-đơ. Do đó, sẽ không đúng nếu nói rằng hoạt động buôn bán giữa các nhà kinh doanh trong một nước nào đó bị giới

1* - vòng luẩn quẩn

hạn ở việc buôn bán giữa các nhà kinh doanh và những người tiêu dùng ngay bên trong nước đó. Nếu hoạt động thương mại ấy [giữa các nhà kinh doanh] mang tính chất [VII - 49] toàn thế giới thì hoạt động ấy bị giới hạn ở hoạt động buôn bán giữa các nhà kinh doanh và những người tiêu dùng trên thị trường thế giới, và ở mức độ càng lớn nếu quy mô của bản thân hoạt động thương mại giữa các nhà kinh doanh càng lớn và nếu địa vị của nước đó trên thị trường thế giới càng quan trọng. *Thứ hai*. Vì giai cấp công nhân là bộ phận lớn nhất trong hàng ngũ những người tiêu dùng, nên có thể nói rằng thu nhập của giai cấp công nhân giảm đi chừng nào - không phải trong một nước, như Pru-đông nghĩ, mà trên thị trường thế giới - thì xuất hiện chừng ấy tình trạng mất cân đối giữa sản xuất và tiêu dùng, do đó, xuất hiện hiện tượng sản xuất thừa. Điều đó đúng về nhiều mặt. Nhưng bối cảnh ấy biến đổi do sự xa xỉ ngày càng tăng của các giai cấp hữu sản. Và cũng sai lầm như vậy nếu tuyệt đối hóa luận điểm này, giống như nếu muốn nói rằng hoạt động thương mại của chủ đồn điền do sự tiêu dùng của những người da đen làm việc ở đồn điền ông ta quyết định. *Thứ ba*. Hoạt động thương mại giữa các nhà kinh doanh phần lớn làm nảy sinh hoạt động mua bán giữa các nhà kinh doanh và những người tiêu dùng. Ví dụ, nếu các chủ xưởng nhận được rất nhiều đơn đặt hàng của những kẻ đầu cơ thì công nhân có rất nhiều việc làm, tiền công của họ tăng lên, sự tiêu dùng của họ tăng lên; trong các hoạt động đầu cơ trong ngành xây dựng đường sắt đã tạo nên một khối lượng tiêu dùng cuối cùng rất lớn mà rốt cuộc, hóa ra mang tính chất "phi sản xuất" thuần túy. Trên thực tế, chúng ta cũng phát hiện thấy rằng trong đa số trường hợp hoạt động mua bán giữa các nhà kinh doanh và người tiêu dùng, xét cho cùng, bị đụng phải hoạt động thương mại giữa các nhà kinh doanh làm cho bị vỡ. Khủng hoảng luôn luôn xảy đến trước hết trong hoạt động mua bán giữa các nhà kinh doanh và những người tiêu

dùng; dĩ nhiên, thường hay diễn ra sau khi đã đảm bảo thỏa mãn những khả năng tiêu dùng hạn chế, nhưng thường chỉ trong trường hợp nếu số cung vượt quá những đánh giá phỏng chừng (ví dụ, trong các vụ đầu cơ lúa mì). *Thứ tư*. Tình trạng sản xuất thừa được quyết định không chỉ bởi sự mất cân đối của sản xuất, mà cả bởi quan hệ giữa giai cấp các nhà tư bản và giai cấp công nhân.

3) Về *tiền* có mặt trong cả hai hình thức thương mại - phương tiện lưu thông trực tiếp trong thương mại và phương tiện lưu thông trong trao đổi thu nhập lấy hàng hóa, nghĩa là lấy các phần tư bản, - nếu chỉ ghi nhận sự khác biệt giữa chúng thì chưa đủ, vấn đề cũng còn liên quan đến mối liên hệ và sự tác động qua lại của chúng. Tiền của các cá nhân, của những người tiêu dùng - thứ nhất, của tất cả mọi đẳng cấp chính trị và tư tưởng, thứ hai, của những người thu địa tô, thứ ba của cái gọi là các nhà tư bản (phi công nghiệp), của các chủ nợ quốc gia v.v., thậm chí của công nhân [gửi trong các ngân hàng tiết kiệm] - tóm lại, số thu nhập *dư thừa* của các giai cấp dân cư không kinh doanh thương mại sau khi đã thực hiện các khoản chi tiêu hàng ngày và ngoài phần tiền mà bản thân họ coi là cần luôn luôn có trong tay, tức là dự trữ sẵn bên mình (tiết kiệm), - khoản dư thừa ấy tạo thành nguồn *tiền gửi* chủ yếu, những khoản tiền ấy, đến lượt mình, lại tạo thành nền móng chủ yếu của *tiền trong thương mại*. Những sự chuyển dịch [tư bản], những hoạt động tín dụng, tóm lại, toàn bộ sự vận động của tiền bên trong thế giới thương mại ấy đều dựa trên cơ sở những khoản tiền gửi mà phần lớn thuộc sở hữu của khối dân cư không kinh doanh thương mại. Khi [....[1*]] thiếu tín dụng thì những khoản tiền gửi ấy được rút ra khỏi thương mại. Tư bản trở thành phi sản xuất, vì những phương tiện chi phối nó nằm

1* Từ trong ngoặc vuông không đọc ra được.

trong tay các giai cấp lãnh đạo sản xuất lại tỏ ra nhỏ nhoi. Mặt khác, trong khi những giai cấp này cần đến tiền để thực hiện những vụ giao dịch với nhau, còn chủ ngân hàng thì không cho chủ hiệu buôn, chủ xưởng vay tiền nữa, còn trong tay bản thân những người tiêu dùng thì, cùng với thu nhập, số lượng các phương tiện lưu thông cũng giảm đi, như vậy là những lời ta thán về nạn thiếu tiền từ thế giới thương mại thâm nhập vào thế giới những người tiêu dùng.

4) Sẽ là sai lầm nếu nói rằng vào thời kỳ có khủng hoảng, tình trạng thiếu thốn tín dụng là tất cả, còn phương tiện lưu thông chẳng là cái gì cả. Vì nguyên nhân nêu trên, đương nhiên thấy rõ là vào những thời kỳ như vậy, số lượng phương tiện lưu thông hóa ra ít nhất[190] chính vì một mặt, tốc độ lưu thông của chúng giảm, mặt khác, vì cần đến tiền mặt để thực hiện rất nhiều vụ giao dịch, mà trước kia số tiền mặt này không cần đến. Nhưng chính vì vậy mà bộc lộ một sự khác biệt to lớn giữa số lượng tiền và giá trị của những vụ giao dịch được thực hiện chỉ bằng một số lượng tương đối nhỏ phương tiện lưu thông. Như thế, thực tế thiếu phương tiện lưu thông, chứ không phải thiếu tư bản. Tư bản bị giảm giá và trước hết tỏ ra không có khả năng thực hiện giá trị của mình. Nhưng ở đây sự bất lực không thực hiện được giá trị của mình có nghĩa là gì? Điều đó có nghĩa là không có khả năng biến thành các phương tiện lưu thông, vậy mà giá trị của tư bản lại thể hiện chính là ở khả năng trao đổi. Nhưng bất chấp tất cả, tư bản hiện hữu. Vấn đề thể hiện chủ yếu ở việc ngừng chiết khấu các kỳ phiếu, cũng như ngừng chiết khấu những kỳ phiếu dựa trên những vụ giao dịch bona fide[1*]. Mà kỳ phiếu là tiền của thương mại, giá trị [của kỳ phiếu] đại biểu cho các tư bản thương mại. Khả năng chuyển *giấy bạc thành vàng* hóa ra kém nhất, sự mất giá của giấy bạc chỉ làm trầm trọng thêm những cuộc

1* - trung thực

khủng hoảng thương mại. Khó khăn thật sự là *việc không thể chuyển hàng hóa*, tức là *tư bản thực tế*, thành vàng và giấy bạc, do vậy đối với những hiện tượng các năm 1793, 1825 và 1847[191] ở những nơi có tư bản thực tế, có thể giúp chúng bằng cách phát hành kỳ phiếu quốc khố và giấy bạc. [...] không thể khẳng định rằng những kỳ phiếu ấy và giấy bạc ấy là tư bản bên cạnh các hàng hóa. Chúng chỉ là phương tiện lưu thông mà thôi. Khủng hoảng không chấm dứt, nhưng cái đã chấm dứt là khủng hoảng tiền tệ. Vì vậy, ở sau hậu trường của khả năng chuyển đổi giấy bạc là khả năng chuyển đổi của các chứng khoán - không chỉ trong ngành ngân hàng, mà cả trong thương mại nữa. Nhưng ngay cả những chứng khoán được xem là có khả năng chuyển đổi, xét về tính chất của chúng - các chứng khoán của nhà nước và các kỳ phiếu ngắn hạn - cũng không còn khả năng chuyển đổi nữa. Ở đây có lẽ vấn đề tuyệt nhiên không phải là nói về các hàng hóa, mà nói về khả năng chuyển đổi của những ký hiệu giá trị đại diện cho chúng. Hàng hóa không còn là tiền nữa, chúng có khả năng chuyển đổi thành tiền. Dĩ nhiên, quy tắc này được áp dụng vào hệ thống tiền tệ, vào hình thức *đặc biệt* nào đó của hệ thống ấy. Tất cả những cái đó đều dựa trên sự tồn tại của hệ thống tiền tệ, giống như hệ thống này dựa trên phương thức sản xuất hiện nay. Xét cho cùng thì tính có thể chuyển đổi [VIII-50] của giấy bạc thành vàng là cần thiết, bởi vì cần có tính có thể chuyển đổi của hàng hóa thành tiền; nói cách khác, - vì hàng hóa có giá trị trao đổi, giá trị này tất yếu có một vật thay thế *đặc biệt* khác với hàng hóa; nói cách khác, - vì nói chung có hệ thống trao đổi tư nhân. Sự mất giá của tiền và sự mất giá của hàng hóa thực tế thậm chí còn tỷ lệ nghịch với nhau. Nhưng giấy bạc có thể bị mất giá so với vàng chỉ vì hàng hóa có thể bị mất giá so với giấy bạc. Nói chung, sự mất giá của giấy bạc có nghĩa là gì ? Có nghĩa là đối với hàng hóa, tức là giá trị của chúng, không thể bất kỳ lúc nào cũng buộc chúng biến

thành vàng và bạc, và mọi thành phần trung gian giữa hàng hóa và vàng, hay là vật thay thế, vẫn chỉ là vật thay thế và vì vậy không có giá trị. Do đó, vấn đề chủ yếu luôn luôn vẫn là *tính không thể chuyển đổi của hàng hóa*, của chính *tư bản*. Thật là phi lý khi ý kiến của một số người nói rằng: cái thiếu không phải là tiền, mà là tư bản, còn các phương tiện lưu thông thì không có ý nghĩa. Bởi vì chính là ở đây có vấn đề sự khác biệt giữa tư bản, tức là hàng hóa, và tiền; vấn đề là cái này không nhất thiết kéo theo mình cái khác như là vật đại diện cho mình, như là *giá cả* của mình vào thế giới thương mại; vấn đề là tư bản không còn là tiền nữa, nó mất khả năng lưu thông, mất khả năng là giá trị. Và thật là nực cười nếu miêu tả tiền như là vật bổ trợ ở nơi mà tư bản đóng vai trò như một cái *bổ trợ*. Mặt khác, người ta còn mắc phải một điều phi lý nghiêm trọng hơn nữa ở một khía cạnh khác: người ta thừa nhận tính không thể chuyển đổi của tư bản và đồng thời không coi trọng khả năng chuyển đổi của giấy bạc. Nhưng họ muốn xóa bỏ tính không thể chuyển đổi của tư bản bằng kiến tạo giả tạo và biến đổi bằng cách nào đó *hệ thống tiền tệ*, như thể nếu như tính không thể chuyển đổi của tư bản không còn chứa đựng trong sự tồn tại của mọi hệ thống tiền tệ nữa, hơn nữa, còn không còn chứa đựng cả trong sự tồn tại của sản phẩm dưới hình thức tư bản. Mong muốn thay đổi điều đó trên một cơ sở như vậy thì có nghĩa là làm cho tiền mất đi thuộc tính là tiền, đồng thời không đem lại cho tư bản thuộc tính luôn luôn có khả năng trao đổi, hơn nữa theo giá cả xác đáng của mình. Trong *sự tồn tại của hệ thống tiền tệ* đã chứa đựng chẳng những khả năng, mà cả tính hiện thực của sự tách [hàng hóa khỏi tiền]; điều đó tồn tại chứng minh rằng ngay tư bản, do đó, toàn bộ tổ chức sản xuất đã làm cho giá trị của tư bản không có khả năng thực hiện chính vì nó cân xứng với tiền. Nhưng cũng sai như vậy nếu nói rằng áp lực này đối với thị trường tiền tệ chỉ bắt nguồn từ những thủ đoạn bịp bợm về tín

dụng. Tiền, với tư cách là tiền, từ phía mình lại quy định hệ thống tín dụng. Nói cách khác, cùng một nguyên nhân đã làm nảy sinh cả cái này, cả cái kia. Đương nhiên, những kẻ ngu ngốc là phái Bớc-minh-hêm[192], họ muốn loại bỏ những sự bất tiện vốn có của tiền bằng cách phát hành một số lượng lớn tiền, hoặc là bằng cách làm mất giá thước đo của chúng. Những kẻ ngu ngốc còn gồm cả Pru-đông, Grây và những người khác muốn duy trì tiền, nhưng làm sao để chúng không có những thuộc tính của tiền. Vì cuộc tổng khủng hoảng nổ ra trên thị trường tiền tệ, còn việc khôi phục hoàn toàn nền sản xuất tư sản biểu hiện ra như là những triệu chứng, mà những triệu chứng này thì - tất nhiên là ngẫu nhiên - lại trở thành nguyên nhân của [tổng khủng hoảng], nên không có gì đơn giản hơn là việc các nhà cải cách có đầu óc hạn chế, vẫn đứng trên miếng đất tư sản muốn cải cách tiền tệ. Họ duy trì việc tách sản phẩm khỏi tính có thể trao đổi của nó, vì họ duy trì giá trị và sự trao đổi tư nhân. *Nhưng họ muốn chấn chỉnh ký hiệu của sự tách rời đó sao cho ký hiệu ấy biểu thị sự đồng nhất*[193].

5) Những kẻ tuyệt đối khờ khạo, nghĩa là các nhà dân chủ đứng đắn ngu muội chỉ biết đến *tiền* trong hoạt động mua bán giữa những nhà kinh doanh và người tiêu dùng. Vì thế lĩnh vực mà trong đó diễn ra những xung đột, bão tố, khủng hoảng tiền tệ và những vụ giao dịch lớn về tiền tệ, thì họ không biết đến. Do vậy, những kẻ khờ khạo ấy hình dung vấn đề này - cũng giống họ quan niệm mọi cái - như là vấn đề đơn giản và ngây ngô chẳng khác gì bản thân họ. Họ coi hoạt động mua bán ấy giữa các nhà kinh doanh và những người tiêu dùng là sự trao đổi trung thực kiểu tiểu thị dân đổi giá trị lấy giá trị, trong đó tự do của từng cá nhân được xác nhận cao nhất trong thực tiễn. Trong sự trao đổi ấy không thể có chuyện đối lập giai cấp. Một thương nhân này đối lập với thương gia khác, một cá nhân có

tiền này đối lập với cá nhân có tiền khác. Việc mỗi cá nhân phải có tiền để mua hàng tiêu dùng, tức là để có khả năng sống, dĩ nhiên là một tiền đề mà bản thân nó do điều sau đây quy định: mỗi cá nhân phải làm việc và [VII-51] - như Stiếc-nơ nói - buộc các năng lực của mình phải hoạt động[194]. Trước hết có một sự thật lịch sử mà không ai có thể phủ nhận được, đó là: trong tất cả các cơ cấu xã hội trước đây dựa trên sự khác biệt và sự đối lập của các đẳng cấp, các bộ lạc, các tầng lớp, các giai cấp v.v. - tiền là bộ phận hợp thành căn bản của tổ chức xã hội ấy, còn hệ thống tiền tệ thì bất kỳ lúc nào cũng là [biểu hiện] sự suy sụp và sự thịnh vượng của tổ chức ấy. Như vậy, không phải chúng ta là những người phải chứng minh rằng hệ thống tiền tệ dựa trên sự đối lập giữa các giai cấp, mà chính là những kẻ khờ khạo ấy cần chứng minh rằng, trái với tất cả kinh nghiệm lịch sử trước đây, hệ thống tiền tệ cũng có một ý nghĩa nào đó ngay cả khi không có sự đối lập giữa các giai cấp, rằng chỉ một mắt xích này của toàn bộ chế độ xã hội trước đây là có khả năng tiếp tục sự tồn tại của mình trong những trật tự [xã hội] phủ nhận toàn bộ chế độ xã hội trước đó. Nhưng đặt nhiệm vụ như thế cho những kẻ tuyệt đối khờ khạo thì quá ngây thơ. Vì họ giải quyết mọi vấn đề bằng những cụm từ đơn giản. Đó chính là sự vĩ đại đặc thù của họ. Trong con mắt của họ, hệ thống tiền tệ, và cả toàn bộ hệ thống hiện nay, tỏ ra cũng đứng đắn, ngu đần y như bản thân họ vậy.

Nhưng chúng ta hãy lại chuyển sang lĩnh vực hoạt động mua bán mà họ tâm đắc, giữa những người tiêu dùng và những nhà kinh doanh. Ngoài phạm vi hoạt động mua bán ấy họ không thấy gì hết ở mọi phía, ở phía trước cũng như ở phía sau.

Những cá nhân tự do lấy gì để mua của người chủ hiệu? Bằng vật ngang giá, hay là bằng ký hiệu giá trị, của thu nhập của mình. Bằng phương thức như vậy, người công nhân trao đổi tiền công, chủ

xưởng trao đổi lợi nhuận, nhà tư bản trao đổi lợi tức, điền chủ trao đổi địa tô - đã được chuyển hóa thành vàng, bạc và giấy bạc - [lấy hàng hóa] ở chủ hiệu, thợ làm giày, người bán thịt, người chủ lò bánh mì v.v.. Thế còn người làm giày, người chủ hiệu và những người khác thì lấy gì để đổi lấy tiền công, địa tô, lợi nhuận, lợi tức đã chuyển hóa thành tiền? Đổi bằng tư bản của mình. Qua động tác này họ hoàn bù, tái sản xuất và tăng thêm tư bản ấy.

Như vậy, trong động tác tưởng như hết sức đơn giản này ta thấy xuất hiện , *thứ nhất*, các quan hệ giai cấp tổng hợp, giả định có các giai cấp: công nhân làm thuê, các điền chủ, các nhà tư bản công nghiệp và phi công nghiệp. Mặt khác, và trước hết, giả định có sự tồn tại của những quan hệ xã hội xác định, làm cho của cải mang tính chất tư bản và tách tư bản khỏi thu nhập. Sự đơn giản biến mất do [thu nhập] chuyển hóa thành tiền.

Công nhân nhận được tiền công, cũng như điền chủ nhận được địa tô, còn chủ xưởng thì nhận được lợi nhuận, được trả dưới hình thức tiền thay vì nộp hiện vật, cung cấp hiện vật và thương mại trao đổi, - điều đó chỉ chứng tỏ rằng hệ thống tiền tệ giả định một trình độ phát triển cao và một sự phân chia và chia tách các giai cấp lớn hơn so với khi chưa có hệ thống tiền tệ, so với những giai đoạn phát triển của xã hội có trước tiền tệ. Không có tiền tệ thì không có lao động làm thuê, do đó cũng không có lợi nhuận và lợi tức dưới hình thức khác này [của xã hội], vì vậy cũng không có địa tô, mà địa tô chỉ là một bộ phận của lợi nhuận.

Dưới hình thức tiền, vàng, bạc hoặc giấy bạc đương nhiên thu nhập không còn tạo khả năng thấy được rằng thu nhập thuộc về một cá nhân chỉ trong tư cách một cá nhân thuộc một giai cấp xác định, chỉ như là một cá nhân mang tính giai cấp, nếu như cá nhân không kiếm khoản thu nhập ấy cho mình dưới hình thức của ăn xin hoặc nếu không ăn cắp thu nhập ấy, tức là, dù sao cũng không rút khoản

thu nhập ấy từ một khoản thu nhập nào đó thuộc dạng đó, và nếu cá nhân ấy không trở thành - do một thủ tục mang tính chất khá cưỡng bức - đại diện của một cá nhân này hay cá nhân khác mang tính giai cấp. Sự chuyển hóa [thu nhập] thành vàng hoặc bạc xóa nhòa và che đậy tính chất giai cấp của thu nhập. Do đó - nếu ta không xét đến tiền - mà có sự bình đẳng hình thức trong xã hội tư sản. Do đó, mặt khác, trong một xã hội có hệ thống tiền tệ hoàn toàn phát triển thì thật ra có sự bình đẳng tư sản thực sự của các cá nhân trong chừng mực các cá nhân ấy có tiền, dù nguồn thu nhập ấy là như thế nào. Ở đây không chỉ các cá nhân có đặc quyền mới có thể trao đổi cái này hoặc cái kia, như đã diễn ra trong xã hội cổ đại, mà tất cả mọi người đều có thể nhận được tất cả, mỗi cá nhân đều có thể thực hiện mọi sự trao đổi chất tương xứng với lượng tiền mà thu nhập của anh ta có thể chuyển hóa thành. Những phụ nữ bán mình, khoa học, sự bảo hộ, các huân chương, địa tô, những người ăn dậu ở nhờ - tất cả tạo thành các khoản mục trao đổi, hoàn toàn như cà phê, đường và cá trích. Trong khuôn khổ đẳng cấp, sự tiêu dùng của một cá nhân, sự trao đổi chất của anh ta phụ thuộc vào một sự phân công nào đó chi phối cá nhân. Trong khuôn khổ giai cấp, sự tiêu dùng và sự trao đổi ấy chỉ phụ thuộc vào phương tiện trao đổi phổ biến mà cá nhân ấy có thể chiếm hữu được. Trong trường hợp thứ nhất, cá nhân - với tư cách là chủ thể hạn chế về phương diện xã hội - tham gia trao đổi bị hạn chế bởi địa vị xã hội của anh ta. Trong trường hợp thứ hai - trong tư cách người sở hữu phương tiện trao đổi phổ biến - anh ta tham gia trao đổi với tất cả những gì mà xã hội có thể cung cấp để đổi lấy vật đại diện này của mọi cái. Trong sự trao đổi tiền lấy hàng hóa, trong hoạt động mua bán ấy giữa các nhà kinh doanh và những người tiêu dùng thì chủ xưởng - khi ông ta mua hàng của chủ hiệu - cũng là người tiêu dùng giống như công nhân của ông ta, còn người đày tớ, bằng một giá trị tiền tệ như thế, cũng nhận đúng thứ hàng hóa như ông chủ anh ta

vậy. Như thế, trong động tác trao đổi ấy không còn [VII - 52] tính chất đặc biệt của thu nhập đã chuyển hóa thành tiền, còn tất cả các cá nhân mang tính giai cấp thì đều bị xóa nhòa và hòa tan trong phạm trù người mua mà ở đây đối diện với người bán. Đó là lý do tại sao trong động tác mua bán này ảo tưởng thể hiện ở chỗ người ta không thấy cá nhân mang tính giai cấp, mà đơn giản thấy cá nhân mua hàng, cá nhân đã mất tính chất giai cấp.

Tạm thời chúng ta không bàn đến tính chất đặc thù của thu nhập, tính chất này ít biểu hiện trong vàng và bạc, như mùi nước giải ít biểu hiện trong loại thuế đánh vào các nhà chứa mà hoàng đế La Mã A-đri-an[195] đã nói: non olet![1*] Tính chất ấy lại biểu hiện ra trong lượng tiền có thể chi phối. Nhìn chung và xét toàn bộ phạm vi những việc mua hàng do tính chất của chính thu nhập quyết định. Khối lượng và chủng loại những vật phẩm mà giai cấp lớn nhất trong số những người tiêu dùng, tức là công nhân, mua bị giới hạn bởi chính bản chất khoản thu nhập của họ. Dĩ nhiên, người công nhân - thay vì mua cho các con mình thịt và bánh mì - có thể uống rượu hết số tiền công của mình bằng việc mua rượu, điều mà anh ta không thể làm được nếu nhận thù lao bằng hiện vật. Như vậy tự do cá nhân của anh ta được mở rộng, nghĩa là anh ta có khả năng lớn hơn để tăng cường quyền lực của rượu. Mặt khác, giai cấp công nhân có thể dùng số tiền tiết kiệm được - ngoài số tư liệu sinh hoạt cần thiết - để mua sách và trả thù lao cho các giảng viên và chi phí vào các cuộc mít-tinh, thay vì mua thịt và bánh mì. Giai cấp công nhân có khả năng to lớn hơn trong việc chiếm hữu những sức mạnh phổ biến của xã hội, như những sức mạnh trí tuệ của nó. Ở đâu mà tính chất của thu nhập vẫn còn được xác định bởi tính chất của chính sự tìm kiếm ra thu nhập, không phải đơn giản - như hiện nay - bởi khối lượng của phương tiện trao đổi phổ biến, mà bởi chất lượng của chính

1* - không thấy bốc mùi!

việc tìm kiếm ra khoản thu nhập, thì ở đó những mối liên hệ mà người công nhân có thể có với xã hội và người công nhân có thể chiếm hữu cho mình lại vô cùng hẹp hơn, còn tổ chức xã hội để tiến hành việc trao đổi chất giữa những sản phẩm vật chất và sản phẩm tinh thần của xã hội thì bị hạn chế từ trước bởi một phương thức nhất định và bởi một nội dung đặc biệt. Vì vậy, tiền - với tư cách là biểu hiện cao nhất của những đối lập giai cấp - đồng thời xóa nhòa những sự khác biệt về tôn giáo, về đẳng cấp, về trí tuệ và về mặt cá nhân. Bọn phong kiến đã uổng công toan tính - ví dụ, đối với những người tư sản, bằng các đạo luật về xa xỉ phẩm - chèn ép về mặt chính trị và bẻ gẫy sức mạnh làm ngang bằng phổ biến ấy của tiền. Như vậy, trong hành động mua bán giữa người tiêu dùng và các nhà kinh doanh, sự khác biệt giai cấp về chất biến mất trong sự khác biệt về *lượng* trong lượng tiền nhiều hay ít mà người mua có được, còn bên trong chính giai cấp ấy thì sự khác biệt về lượng tạo ra sự khác biệt ***về chất***. Bằng cách ấy người ta [phân biệt] các nhà đại tư sản, tư sản hạng trung, tiểu tư sản. [VII-52]

Viết vào tháng Ba 1851
Công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong tạp chí "Người cộng sản", số 1, 1977

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức

PH.ĂNG-GHEN

PHÂN TÍCH PHÊ PHÁN CUỐN SÁCH CỦA PRU-ĐÔNG "TƯ TƯỞNG PHỔ BIẾN CỦA CÁCH MẠNG TRONG THẾ KỶ XIX"[196]

P.GI.PRU-ĐÔNG. "TƯ TƯỞNG PHỔ BIẾN CỦA CÁCH MẠNG TRONG THẾ KỶ XIX. NHỮNG BÀI NGHIÊN CỨU CHỌN LỌC VỀ THỰC TIỄN CÁCH MẠNG VÀ THỰC TIỄN CÔNG NGHIỆP"

PA-RI, ANH EM NHÀ GÁC-NI-Ê, 1851[1*]

1. "*Về giai cấp tư sản*". "Các ngài tư sản, trong mọi thời đại các ngài đều là những nhà cách mạng dũng cảm nhất, khéo léo nhất...". Ngay trước khi có cuộc xâm lăng của các dân tộc dã man, các ngài bằng những liên bang thành thị, giống như tấm vải liệm, đã bao bọc lấy đế quốc La Mã ở xứ Gô-lơ (tr. I). Từ bấy đến nay các ngài đã dẫn đầu cuộc cách mạng. Không một mưu toan nào định thực hiện một việc nào đó, mà không có các ngài hoặc chống lại các ngài thành công cả; tất cả những gì các ngài tiến hành đều thành đạt; tất cả những gì các ngài sẽ làm đều sẽ thành đạt.

1* *P.J.Proudhon*. Idée générale de la Révolution au XIXe Siècle (Choix d'études sur la pratique révolutionnaire et industrielle). Paris, Garnier frères, 1851

Đề tài này được trình bày theo văn phong hoa mỹ lịch sử. -

Ngày nay những chính khách mưu kế giả cỗi lại cầm quyền và xem *các ngài* như những nhà cách mạng (tr.V). Chẳng hề gì, các ngài hãy nhận lấy tước hiệu, hãy là những nhà cách mạng!

2. *Chúng ta chuyển sang công việc*. Tiếp theo là 7 bài nghiên cứu nhằm trình bày quá trình phát triển trong ba khía cạnh dưới đây:

a) trật tự trước kia, b) các đảng phái vào thời điểm nổ ra cách mạng, c) quá trình giải quyết, tức là cách mạng hiểu theo đúng nghĩa (tr.1-2).

BÀI NGHIÊN CỨU THỨ NHẤT
"THẾ LỰC PHẢN ĐỘNG LÀ NGUYÊN NHÂN GÂY RA CUỘC CÁCH MẠNG"

Không thể ngăn cản bất cứ cuộc cách mạng nào. Cả quan niệm của Drô-đơ cũng nực cười, ông ta tưởng rằng có thể ngăn ngừa cuộc cách mạng thứ nhất [197] bằng những nhượng bộ và những mánh khóe tinh vi, cả quan niệm của Blăng-ki cũng vậy khi ông ta cho rằng có thể triệt tiêu cách mạng bằng trò ảo thuật bịp bợm (tr.3-4).

Chế độ quân chủ Pháp từ Clốt-vít đến Ri-sơ-li-ơ đã tỏ ra có tính chất cách mạng; năm 1614, trong thời gian triệu tập Quốc hội cuối cùng, chế độ này đã trở nên phản động, sự trừng phạt là ngày 21 tháng Giêng 1793 [198]. Có thể hướng cuộc cách mạng, kiềm chế nó, làm chậm tiến trình của nó, và cái hệ thống nhượng bộ ấy, từng bước một, là một hệ thống sáng suốt nhất (tr. 5). Nhưng không thể làm cách mạng dừng lại. Witness [1*] cho điều này là cuộc đàn áp những vụ âm mưu năm 1822 và 1839 [199] và đàn áp các cuộc cách mạng năm 1830 và năm 1848. Song "những lợi ích thống trị và sự kiêu ngạo của chính phủ" thì luôn luôn đi ngược lại tiến trình hòa bình của cách mạng (tr.8). Phản động luôn luôn đẻ ra cách mạng. Tình hình đã diễn ra như vậy vào năm 1789 và vào những năm tiếp theo, tình hình cũng diễn ra như vậy vào năm 1848. Vào tháng Hai, khi can dự vào cuộc tranh chấp giữa giai cấp tư sản và ngai vàng, giai cấp vô sản chỉ đòi việc làm. Phái cộng hòa đã hứa thực hiện đòi hỏi này của giai cấp vô sản và thế là giai cấp vô sản đã đi theo phái cộng hòa (tr. 10-11). "Có việc làm và kiếm tiền mua bánh mì - đó là yêu sách của công

1* - Bằng chứng

nhân vào năm 1848, đó là cơ sở không thể lay chuyển được mà họ đã tạo ra cho chế độ cộng hòa, đó là thực chất của cách mạng". [Việc tuyên bố thiết lập] chế độ cộng hòa là "hành động của thiểu số ít nhiều... mang tính chất tiếm quyền". "Vấn đề cách mạng của lao động" là cái hoàn toàn khác. Chế độ cộng hòa chỉ là "sự bảo đảm cho cách mạng" (tr. 11).

Chính phủ lâm thời có thái độ nghiêm túc đối với những sự hứa hẹn của mình liên quan đến việc làm, nhưng chính phủ ấy đã không thể thực hiện được các lời hứa ấy, bởi vì để làm việc đó nó sẽ phải "thay đổi hướng đi, thay đổi toàn bộ nền kinh tế của xã hội". Song, thay vì công khai thừa nhận những khó khăn và dựa vào những nhà chính luận thì chính phủ ấy lại im lặng, đã thật sự trở nên phản động, tự coi mình là người chống lại chủ nghĩa xã hội - "cái tên mới mà cách mạng đã tiếp nhận" (tr. 13). Chính phủ ấy đã đẩy quần chúng đói khát ở Pa-ri và Ru-ăng đứng lên khởi nghĩa và nó đã tìm cách dìm trong máu tư tưởng vĩ đại của cuộc cách mạng tháng Hai - sự phản kháng của công nhân. Từ thời điểm ấy người ta đã thấy rõ rằng nền cộng hòa năm 1848 và nền cộng hòa năm 1793 là những điều hoàn toàn khác nhau và rằng đỉnh cao nhất của nền cộng hòa năm 1848 là chủ nghĩa xã hội.

Vậy là, bây giờ đang diễn ra cuộc đấu tranh giữa một bên là tất cả những sắc thái trước đây của cách mạng với bên kia là chủ nghĩa xã hội. Và nếu thoạt đầu người ta chưa biết chủ nghĩa xã hội là gì thì, về mặt này, những hành động của thế lực phản động - kể từ tháng Hai 1848 - đã làm cho chúng ta sáng tỏ - "cách mạng sẽ được quyết định chính là nhờ thế lực phản động" (tr. 17).

Thật là một sự miêu tả khoa trương về việc thế lực phản động và những hành động khủng bố đã dần dần cách mạng hóa như thế nào phần lớn dân tộc và bản thân giai cấp tư sản, "người bạn lâu đời của chế độ", đã bị nghi ngờ như thế nào, do đó nó đã bị áp chế và do vậy đã bị đẩy vào vòng tay của cách mạng. Sự trình bày ấy đã đề cập đến luật bầu cử mới [200].

Thế là, "khi nhân dân đã bị đưa đến chỗ mất lý trí" thì phương thuốc duy nhất vẫn là "vũ lực" (tr. 26), -

mà "vũ lực" ấy, áp dụng vào cuộc khủng hoảng năm 1852 [201], đã được thể hiện qua một loạt biện pháp mà khâu cuối cùng của loạt biện pháp ấy sẽ chỉ là sự khôi phục hoàn toàn chế độ phong kiến cũ.

Nhưng đối với các anh điều đó là không thể có được, các anh không dám làm việc đó (tr. 31). Kêu gọi phái cộng hòa giờ đây hãy trở thành những người cách mạng thực sự, đem lại "những bảo đảm cho cách mạng", "những kế hoạch đổi mới kinh tế" (tr. 33,34).

BÀI NGHIÊN CỨU THỨ HAI
"LIỆU CÓ CƠ SỞ ĐẦY ĐỦ CHO CUỘC CÁCH MẠNG Ở THẾ KỶ XIX HAY KHÔNG?"

1. "Quy luật của xu hướng của xã hội. Trong năm 1789 cách mạng mới chỉ làm một nửa công việc của mình"

"Cách mạng có nguyên nhân thúc đẩy nó nổ ra, đó không phải chủ yếu là những thiếu thốn mà xã hội trải qua vào thời điểm đó, mà chủ yếu do tính chất kéo dài của những thiếu thốn ấy, điều đó dẫn đến loại bỏ và thủ tiêu mọi phúc lợi" (tr.36). Như vậy, nguyên nhân của cách mạng là *xu hướng* của xã hội. Nhân dân không lạc quan, mà cũng không bi quan; nhân dân không đòi hỏi một chế độ xã hội hoàn hảo, song nhân dân mong muốn "tồn tại xu hướng hướng tới hạnh phúc và đạo đức"; nhân dân nổi dậy "khi trước mặt nó xuất hiện xu hướng hướng tới bần cùng và tan rã" (tr. 37).

Vậy, hiện nay xu hướng của xã hội là như thế nào?

Năm 1789 chỉ đạp đổ, nhưng tuyệt nhiên không dựng lên một cái gì cả. Do vậy mà tồn tại "lối sống không thể chịu đựng nổi đã 60 năm nay làm cho xã hội Pháp sôi sục".

(Vậy là, trong chế độ xã hội tư sản *hiện thực* không có gì là tích cực, cạnh tranh tự do chỉ có ý nghĩa tiêu cực, như thế, còn phải tìm kiếm một chế độ tư sản *chân chính.)*

Tổ chức phong kiến, bị thủ tiêu ngày 4 tháng Tám 1789, đã không được thay thế bởi "nền kinh tế" mới "của dân tộc và bởi sự cân bằng lợi ích". "Vì địa vị của người công dân không còn do sự ra đời của anh ta quyết định nữa, vì chỉ có lao động trở thành tất cả (?!), còn bản thân sở hữu đã trở nên phụ thuộc vào lao động ...cho nên điều hiển nhiên là các vấn đề cách mạng đã thể hiện ...ở việc xác lập ở khắp nơi...***một chế độ dựa trên sự bình đẳng*** [le régime égalitaire]. ***tức là chế độ công nghiệp***" (tr.39).

(Tựa hồ như thể trong chừng mực khả năng cho phép, điều này đã không được thực hiện !)

Nhưng người ta đã không hiểu điều đó và hoàn toàn hiến dâng mình cho ***chính trị***. "Tình trạng thiếu các tri thức kinh tế, ***tư tưởng nhà nước*** [202] [l'idée gouvernementale][1*], sự nghi ngờ của họ đối với giai cấp vô sản", - tất cả những điều đó đã đẩy các nhà cách mạng vào con đường sai lầm (tr.40). "Trong đầu óc của mọi người, chính trị lại có ý nghĩa hàng đầu so với công nghiệp; ***Rút - xô và Mông - te - xki - ơ lấn át Kê - nê và A - đam Xmít*** " (!!!), vì vậy mà xã hội mới luôn luôn ở trạng thái phôi thai (t.41).

2. "Trạng thái vô chính phủ của các lực lượng kinh tế. Xu hướng xã hội đi đến bần cùng"

"Tôi gọi một số yếu tố hoạt động là *các lực lượng kinh tế*, cụ thể là: *sự phân phối lao động, cạnh tranh, sức mạnh tập thể, sự trao đổi, tín dụng, sở hữu;* đối với lao động và của cải những yếu tố hoạt động ấy tạo thành cái giống như những gì mà sự khác biệt trong các giai cấp, hệ thống đại diện, chế độ quân chủ cha truyền con nối, sự tập trung quản lý đã tạo thành

(một sự so sánh không tồi!)

đối với nhà nước. Nếu những lực lượng ấy được duy trì trong thế cân bằng và tuân theo những quy luật chỉ chúng mới có và tuyệt nhiên không phụ thuộc vào sự tùy tiện của con người, thì có thể xem lao động là có tổ chức và hạnh phúc chung được bảo đảm. Ngược lại, nếu các lực lượng ấy bị mất phương hướng và đối trọng

(đối trọng với cái gì ??),

thì khi đó lao động ở trong trạng thái hoàn toàn vô chính phủ và khi đó trong kết quả hữu ích của sự tác động của các lực lượng kinh tế còn lẫn cả một phần ngang bằng như thế của tác động có hại; sự thiếu hụt làm cân bằng thu nhập; xã hội, với tư cách là điểm tập trung, là người đảm nhiệm hoặc chủ thể của sản xuất, của lưu thông và tiêu dùng, - rơi vào trạng thái tật bệnh ngày một tăng" (tr. 42-43).

Cho đến nay người ta chỉ biết hai hình thức tồn tại xã hội [2*]: "hình thức chính trị và hình thức kinh tế, giữa hai hình thức ấy còn tồn tại thêm cả sự ác cảm và những mâu thuẫn căn bản".

1* Trong tác phẩm của Pru-đông: "định kiến nhà nước" ("le préjugé gouvernemental").

2* Trong tác phẩm của Pru-đông: "l'ordre dans une Société" ("trật tự trong xã hội") (p.43).

"Trạng thái vô chính phủ của các lực lượng kinh tế, cuộc đấu tranh của các lực lượng ấy chống lại hệ thống nhà nước, vật cản duy nhất ấy đối với sự tổ chức các lực lượng đó lại, - đấy chính là nguyên nhân đích thực, sâu sắc của căn bệnh làm hao mòn xã hội Pháp".

(Như vậy, Pru-đông - với tư cách là một người Pháp thực thụ - đã lẫn lộn chính phủ quan liêu Pháp với trạng thái bình thường của giai cấp tư sản tự quản lý bản thân mình cũng như quản lý giai cấp vô sản) (tr. 43).

Những ví dụ: 1) "Phân công lao động". - Nguyên tắc cơ bản của nền công nghiệp hiện đại và đồng thời là nguyên nhân chủ yếu khiến công nhân bị ngu muội và khiến cho tiền công giảm sút. Ví dụ, ở nước Anh do phân công lao động và do áp dụng máy móc mà số lượng công nhân ở cùng một xí nghiệp đã giảm xuống còn 1/2, 1/3 và thậm chí còn 1/6 số lượng trước kia, "và sau đó còn thấy hiện tượng tiền công giảm theo cùng một tỷ lệ như thế, *trung bình từ 3 phrăng giảm xuống còn 50 và 30 xăng - tim*" [mỗi ngày] (!!) (tr.46).

Nếu không kể đến những dữ kiện tuyệt vời này (tr.46), thì rất là tầm thường và chẳng có gì độc đáo.

2) Cạnh tranh. - "Chính cạnh tranh là quy luật của thị trường, là vật bổ sung vào trao đổi, là tinh hoa của lao động".

(Beautiful![1*])

"Nhưng một sự cạnh tranh mất đi những hình thức hợp pháp (!), mất đi yếu tố hợp lý tối cao và có tác dụng điều tiết thì đến lượt nó, sự cạnh tranh ấy bị xuyên tạc". Công nhân bị gạt bỏ ra khỏi sự tham gia vào cạnh tranh, trừ sự cạnh tranh giữa họ với nhau, một sự cạnh tranh dẫn đến làm giảm tiền công. Cạnh tranh đã biến thành độc quyền và tạo ra tầng lớp quý tộc mới".

Rất tầm thường.

"Mới đây, khi cảnh sát trưởng

(câu nói lấy lòng đối với Các-li-ê)

đáp ứng sự mong mỏi của mọi người, đã cho phép tự do bán thịt [203], thì người ta thấy hiển nhiên rằng cạnh tranh tự do có thể thúc đẩy như thế nào đối với phúc lợi của dân

1* - Tuyệt vời !

chúng và trong xã hội chúng ta sự bảo đảm ấy [1*] còn mang tính chất ảo tưởng biết nhường nào" (tr.48).

Ôi, một con người tiểu thị dân! Những biện pháp tư sản của ngài Các-li-ê lại mang tính chất xã hội chủ nghĩa! Free trade [2*] mang tính chất xã hội chủ nghĩa, bởi vì ở Pháp nó không tồn tại !

Tiếp nữa. tín dụng. Sự độc quyền của ngân hàng Pháp. Theo ý kiến của Pru-đông. sự độc quyền ấy là nguyên nhân khiến cho "sở hữu chịu gánh nặng của khoản nợ cầm cố dần dần tăng lên. trị giá 12 tỷ. còn nhà nước thì chịu gánh nợ 6 tỷ"; nó là nguyên nhân khiến cho lợi tức và những chi phí khác liên quan đến khoản nợ ấy lên tới 1 200 triệu hàng năm

(vẫn chỉ là $6\frac{2}{3}\%$)

ngoài ra. từ 700 triệu đến 800 triệu hàng năm phải trả về kỳ phiếu. "về các quỹ ứng trước. về hoãn thanh toán. dưới hình thức các cổ phiếu hùn vốn. lợi tức cổ phần. các trái khoán không có bảo đảm. những khoản bồi hoàn chi phí tòa án v.v.."; nó là nguyên nhân khiến cho giá thuê nhà và địa tô. vì tất cả những điều đó. đã tăng lên cao hơn mọi tiêu chuẩn và trong tổng sản phẩm hàng năm 10 tỷ thì có 6 tỷ dùng vào sự tiêu dùng mang tính chất ăn bám [204] (tr. 51-52).

Những ví dụ tiếp theo hoặc những đoạn trích dẫn được dùng để chứng minh rằng tình cảnh của nhân dân luôn luôn bị xấu thêm, còn thu nhập của họ thì thường xuyên giảm theo cấp số cộng, giống như cấp số mà Man-tút đã tìm ra, cụ thể là:

65 xăng-tim. 60. 55... 15,10. 5,0. - 5. - 10. - 15 (tr. 52).

Sau đó như thể sẽ đến thời kỳ mà người công nhân chẳng những sẽ không nhận được một số lượng xăng-tim nhất định về lao động hàng ngày của mình, mà bản thân anh ta sẽ còn phải trả thêm 5, 10, 15 xăng-tim ! Vậy quy luật tiền công thì sao ! Còn cạnh tranh!!

Tiếp nữa là những ví dụ phải cho ta thấy rằng kể từ thời cách mạng tình cảnh của nhân dân luôn luôn xấu thêm.

1* Ở phía trên đó mấy dòng, trong tác phẩm của Pru-đông có nói: "cạnh tranh phải là... sự bảo đảm lòng trung thực trong buôn bán".

2* - Mậu dịch tự do

Sự giảm sút mức tiêu dùng rượu, thịt v.v.; tình trạng hạ thấp "đòi hỏi về vóc người trong việc tuyển quân" và tình trạng gia tăng số người không đủ điều kiện phục vụ trong quân đội: những năm 1830-1839- 45.5 %, các năm 1839-1848 - 50.5%; tình trạng huấn luyện phổ thông không đáp ứng tình hình hiện tại của xã hội;tội ác gia tăng:

năm 1827 có 34 908 vụ hình sự, 47 443 bị can

năm 1846 có 80 891 vụ hình sự, 101 433 bị can

năm 1847 có 95 914 vụ hình sự, 124 159 bị can

và đối với các tòa án cải tạo:

năm 1829 có 108 390 vụ, 159 740 bị can

năm 1845 có 152 923 vụ, 197 913 bị can

năm 1847 có 184 922 vụ, 239 291 bị can

3. "Những sự dị thường của chính phủ, xu hướng bạo ngược và tham nhũng"

Trước năm 1848 thậm chí chính phủ cũng đã có những sự quan tâm từ thiện đối với công nhân. Từ năm 1848 đã có bước tiến: người ta được biết, chỉ có cách mạng mới có thể làm được một cái gì đó triệt để ở đây, và sự thể chỉ có thế.

Năm 1814 số lợi tức về quốc trái là 63 triệu, hiện nay là 271 triệu. Ngân sách năm 1802 là 589 triệu, ngân sách năm 1848 là 1 692 triệu; sự gia tăng của nó không thể được giải thích bởi sự ngu dốt và ác ý của các chính phủ. Từ năm 1830 đến năm 1848 tổng số tiền lương trả cho các quan chức đã tăng 65 triệu. Nguyên nhân vẫn thế.

(Ở Pháp có 568 365 quan chức, trên cơ sở ấy Pru-đông làm con tính cho thấy cứ 9 người thì có 1 người sống bằng tiền của ngân sách nhà nước, nghĩa là ở Pháp có tất cả 5 115 285 đàn ông, trong khi vào năm 1848 đã có hơn 6 1/2 triệu người đi *bỏ phiếu*!)(tr.62).

Số lượng quan chức tăng lên như vậy và ngân sách quân sự tăng lên chứng tỏ ngày càng cần phải tăng cường quyền lực trừng phạt, do đó, chứng tỏ có sự gia tăng nguy cơ đe dọa nhà nước từ phía giai cấp vô sản [1*]. Xu hướng ấy của nhà nước muốn nâng đỡ đại

1* Trong tác phẩm của Pru-đông: "des classes laborieuses" ("các giai cấp cần lao") (p.63).

sở hữu ruộng đất và tư bản đã trực tiếp đưa tới tham nhũng, mà tham nhũng là hậu quả trực tiếp của mọi sự tập trung.

- Vậy:

"trong thế kỷ XIX có cơ sở đầy đủ cho cách mạng nổ ra".

Tuy nhiên, trong bài nghiên cứu thứ hai này cũng có những điều châu ngọc sau đây:

1) "Chế độ thuế khóa hiện hành... đã được vạch ra sao cho người sản xuất phải trả tiền về mọi thứ, còn nhà tư bản thì không trả gì cả. ***Thật ra,*** thậm chí cả khi nhà tư bản được ghi vào sổ thuế của viên thanh tra sở thuế, để trả một khoản tiền thuế nào đó hoặc khi nhà tư bản trả các khoản thuế do biểu thuế quy định về các vật phẩm tiêu dùng, thậm chí ngay cả khi ấy thì người ta cũng thấy ***hiển nhiên*** rằng thu nhập của nhà tư bản - hoàn toàn chỉ gồm những khoản thu sơ bộ từ các tư bản của ông ta, chứ không phải nhờ trao đổi sản phẩm được sản xuất ra - cũng không bị đánh thuế, ***vì người nộp thuế chỉ là người sản xuất***" (tr. 65).

Trong từ "vì" sau cùng ấy đã chứa đựng cũng chính luận điểm đã được dẫn ra trong câu thứ nhất như là một luận điểm cần được chứng minh, và qua đó nó tự nhiên trở thành một luận điểm đã được chứng minh rồi. Ở đây lô-gích dứt khoát của ngài Pru-đông là như vậy. Ông ta đã phát triển tiếp luận điểm này:

"Vậy là, giữa tư bản và chính quyền tồn tại một sự thỏa thuận về việc trút việc nộp thuế hoàn toàn lên đầu người lao động, và - như tôi đã nói về điểm này - bí mật của thỏa thuận này đơn giản là thực hành việc ***đánh thuế vào các sản phẩm thay vì xác lập thuế đánh vào tư bản***. Nhờ thủ đoạn đánh tráo ấy nhà tư bản - chủ sở hữu tạo ra ***cái vẻ cả hắn cũng nộp thuế giống như tất cả mọi công dân khác***, về ruộng đất của mình, về ngôi nhà của mình, về động sản của mình, về những cuộc giao dịch chuyển giao tài sản, về những chuyến du hành của mình và về việc thỏa mãn các nhu cầu của mình. Như vậy, hắn khẳng định rằng thu nhập của hắn mà trước khi bị đánh thuế là bằng 3 000, 6 000, 10 000 hoặc 20 000 phrăng, thì do có các thuế, khoản thu nhập ấy trở nên không lớn hơn 2 500, 4 500, 8 000 hoặc 1 500 phrăng. Đồng thời nhà tư bản ấy lại phản đối việc tăng ngân sách với sự phẫn nộ còn lớn hơn là sự phẫn nộ của những người thuê nhà của hắn. Một mánh khóe láu cá

trăm phần trăm! ***Nhà tư bản không trả khoản tiền nào cả: chính phủ ở trong cùng một địa vị như nhà tư bản, có thể thôi***".

(Chính phủ ở cùng một địa vị như người sản xuất khi nó tước đoạt của người sản xuất một phần sản phẩm của họ, còn nhà tư bản, dicitur potest[1*], cũng ở trong cùng một địa vị với người sản xuất.)

"Chính phủ và nhà tư bản làm công việc chung"

(ô, Stiếc-nơ!).

"***Có người lao động nào lại không thấy có diễm phúc được ghi tên vào sổ những người nộp thuế, với tư cách là người thu 2 000 phrăng địa tô, với một điều kiện duy nhất là: nộp một phần tư địa tô vào khoản trả các khoản nghĩa vụ thuế khóa*** ?"!!! (tr. 65-66).

2) Thống kê ruộng đất được tiến hành theo cách "như thể mục tiêu của nhà làm luật[2*] là khôi phục tính chất không thể chuyển nhượng của bất động sản và tuồng như nhà làm luật ấy cố gắng không ngừng nhắc người vi-lăng [205] được giải phóng vào đêm ngày 4 tháng Tám nhớ đến kiếp nô lệ trước kia của anh ta, để anh ta nhớ rằng quyền sở hữu ruộng đất không phải thuộc về anh ta và rằng mỗi một người nông dân, nếu anh ta không nhận được phần đất do đẳng tối cao ban cho, thì đều hoàn toàn có cơ sở được coi là người tá điền dài hạn và người nông nô không có quyền chi phối tài sản của mình [emphytéote et mainmortable]!" (tr. 66).

Ô, Stiếc-nơ ! Tuồng như thể những đại điền trang không thuộc diện thống kê ruộng đất, trên những cơ sở như nhau với những tiểu điền trang, như vậy hóa ra bản thân Lu-i-Phi-líp cũng đã từng là nông nô.

3) Dựng xây free trade và giải thích chính sách bảo hộ mậu dịch.

Các khoản thuế quan đem lại cho nhà nước 160 triệu. Giả sử, thuế quan bị bãi bỏ và trên thị trường Pháp sự cạnh tranh của ngoại bang tăng cường. "Giả định rằng khi đó chính phủ sẽ hỏi các nhà công nghiệp Pháp: để bảo vệ các lợi ích của mình, các vị lựa chọn cách nào: trả cho tôi 160 triệu hay là để lại số tiền ấy cho mình? Các vị có nghĩ rằng các nhà công nghiệp sẽ lựa chọn đề nghị thứ nhất không? Chính là đề nghị ấy do chính phủ áp

1*- có thể thậm chí khẳng định

2* Trong tác phẩm của Pru-đông: "nhà làm luật năm 1789" (p.66).

đặt *cho họ*. Ngoài các khoản chi trên thông thường của chúng ta chi vào các hàng hóa ngoại quốc và chi vào các sản phẩm của chính mình xuất ra nước ngoài, nhà nước còn có thêm 160 triệu mà nó coi là khoản đút lót bỏ vào túi của mình, và chỉ vào túi của mình mà thôi; thuế quan là như thế đó" (tr. 68 - 69).

Nếu như còn có thể biện hộ cho điều kỳ quặc ấy bằng thuế biểu điên rồ của Pháp, thì dẫu sao ngài Pru-đông cũng đã nói quá khi ông ta nói chung áp dụng chuẩn mực Pháp để xem xét chính sách bảo hộ mậu dịch và xem nó là *khoản thuế đánh vào các chủ xưởng*.

4) Ở các trang 73 và 74 Pru-đông trích bài diễn văn của Roay-ê-Cô-la (hạ viện, cuộc tranh luận vào các ngày 19-24 tháng Giêng 1822) [206] trong đó vị luật sư này tỏ ý lấy làm tiếc về sự biến mất của những tổ chức quan toà độc lập (các nghị viện) [207] và "các thiết chế dân chủ" khác - "những điểm hội tụ mạnh mẽ của quyền tư nhân, những nước cộng hòa thực sự trong lòng chế độ quân chủ". Theo ý ông ta, những thiết chế ấy có thể ngăn cản, về mọi phương diện, chính quyền tối cao, trong khi ấy thì hiện nay chính quyền nhà nước, tuy là được phân chia, vẫn không bị hạn chế gì cả trong các hành động của mình.

Ngài Pru-đông đã sai lầm khi coi là quan điểm xã hội - cách mạng cái bản hồi ức phản động của tay luật sư cổ lỗ không thể giấu giếm thái độ căm ghét của mình đối với chế độ hành chính.

"Những điều mà ngài Roay-ê-Cô-la nói về nền quân chủ năm 1814 thì càng có cơ sở tỏ ra là đúng đối với nền cộng hòa năm 1848".

Điều đã làm cho ngài Pru-đông lầm lạc là câu nói rối rắm của Roay-ê-Cô-la:

"Vậy là, Hiến chương [208] đã phải kiến tạo ***cả chính phủ, cả xã hội***; không nghi ngờ gì nữa, người ta đã không quên xã hội, đã không khinh rẻ xã hội, nhưng người ta đã không bận tâm ngay lập tức về xã hội...".

Roay-ê-Cô-la đã hiểu xã hội là gì, điều này hiện rõ qua lời nói dưới đây của ông ta:

"Chỉ sau khi thiết lập tự do báo chí, coi đó là chuẩn mực của công quyền thì bản Hiến chương mới trả xã hội cho chính nó" (tr. 75).

Như vậy, xã hội là những thần dân, được xem xét dưới góc độ năng lực của họ phản kháng lại chính phủ.

BÀI NGHIÊN CỨU THỨ BA
"VỀ NGUYÊN TẮC HIỆP HỘI"

Trước hết, trước khi chúng ta bắt tay giải quyết vấn đề thì "cần xác định ý nghĩa của các học thuyết được đề xuất để đáp ứng nhu cầu của dân chúng, những học thuyết tạo thành hành trang nhất thiết phải có của tất cả các cuộc cách mạng" (tr. 79). Thông qua việc phê phán nguyên tắc của chúng, chúng ta kết liễu một lần tất cả những học thuyết ấy: kết liễu phái Xanh Xi-mông, Phu-ri-ê, Ô-oen, Ca-bê, Lu-i Blăng và những phái khác. Đối với tất cả các học thuyết ấy nguyên tắc này là hiệp hội.

Hiệp hội không có nghĩa là "sự cân bằng các lực lượng kinh tế", nó tuyệt nhiên thậm chí không phải là "lực lượng", nó là "*giáo điều*" (tr. 84). Sự phát triển nhất quán nguyên tắc hiệp hội nhất định dẫn đến ***hệ thống***, và chủ nghĩa xã hội dựa trên hệ thống ấy tất yếu trở thành ***tôn giáo***"(tr.84).

Hiệp hội không phải là "lực lượng kinh tế". ***Thương mại*** là một lực lượng như thế, bởi vì "bất kể những dịch vụ được cung ứng bởi sự thật vật chất là những sự vận chuyển, bản thân thương mại là nhân tố trực tiếp kích thích tiêu dùng, và do đó, là một trong những nguyên nhân dẫn đến sản xuất. ***là nguyên nhân ban đầu của sự tạo ra giá trị (!), là hành vi siêu hình của trao đổi***, là người sản xuất ra - với mức độ như lao động - các vật phẩm hiện thực và những của cải, tuy nó tạo ra chúng theo một cách khác hơn là lao động... Vì vậy, thương gia - kẻ trở nên giàu có nhờ các hoạt động thương mại không mang mọi hành vi đầu cơ (!!) - hoàn toàn có quyền sử dụng tài sản kiếm được; tài sản ấy là hợp pháp cũng y như tài sản do lao động làm ra".

(Ở đây, nhà tư sản ấy quên rằng nếu không có tư bản tôi không thể nào tiến hành thương mại và tôi chỉ có thể làm việc cho kẻ khác, cho nhà tư bản; còn nói chung thì luận điệu biện hộ ấy cho thương nhân là rất đáng chú ý.) Tiếp nữa...

"trao đổi là một hoạt động ***thuần túy tinh thần***... nó cũng là hành vi sáng tạo" (tr. 85).

Trong số các lực lượng kinh tế, cũng có cả sức mạnh tập thể.

- như Pru-đông tự an ủi mình bằng niềm hy vọng, việc phát hiện ra sức mạnh này đã được ông ta thực hiện trong cuốn "Sở hữu là gì",

- cũng như sự cạnh tranh, phân công lao động, sở hữu v.v..

Cái mà Pru-đông gọi là "các lực lượng kinh tế" thì, nói đơn giản, là những hình thức của phương thức sản xuất và trao đổi kiểu tư sản [Verkehr] dưới dạng mà những hình thức ấy thích dụng cho phương thức sản xuất và trao đổi đó trong chừng mực những hình thức ấy, dưới con mắt của ông ta, có độc mặt tốt, hoặc đồng thời với mặt xấu cũng có chí ít một khía cạnh tốt rõ rệt. Thậm chí những hình thức chung nhất của trao đổi và sản xuất mà những hình thức này một khi được phát hiện thì sau đó ở đâu đâu cũng được mỗi thế hệ tiếp theo áp dụng, dưới dạng đã biến đổi tương ứng, và thuộc vào số những thành quả của xã hội, như: việc sử dụng sức nước, quan niệm về hình cầu của trái đất, việc biết cách phân chia quả đất theo các kinh tuyến và vĩ tuyến, v.v., - thậm chí những hình thức ấy cũng chỉ được Pru-đông cảm thụ dưới cái vỏ tư sản của chúng. Ví dụ, như chúng ta đã thấy trên đây, ở ông ta trao đổi lập tức bị hòa tan trong thương mại. Nếu như cùng lắm sức mạnh tập thể trông có vẻ là một cái gì đó có tính chất vĩnh hằng thì sức mạnh ấy không vì thế mà thôi không còn chỉ là một mưu toan biến chính sự tồn tại của xã hội thành lực lượng kinh tế. Không có xã hội, cũng như nếu không có sức mạnh tập thể thì không thể có quan hệ nào giữa người với người, không thể có sự trao đổi nào cả. Trao đổi, phân công lao động, cạnh tranh, tín dụng là những biểu hiện của sức mạnh tập thể. Để có mọi quan hệ thì chí ít cần có hai người, còn ở đâu mà hai người cùng hợp tác trong một công việc nào đó mà một người không đủ sức làm thì ở đó có sức mạnh tập thể. Song, thật đáng nực cười khi mà tất cả những hình thức, trong đó các thành viên xã hội tiến hành trao đổi, và sản xuất, lại được người ta thoạt đầu miêu tả như là các lực lượng, rồi sau đó, kết cục người ta lại mưu toan áp đặt cho chúng ta coi sự tồn tại của xã hội, của sản xuất xã hội và của trao đổi xã hội là một lực lượng kinh tế đặc biệt. Tuy nhiên, hình thức thô thiển, chưa phát triển của sức mạnh tập thể mà ông Pru-đông chú ý quá nhiều (lao động tập thể trong việc xây dựng các tượng đài, các kim

tự tháp v.v.) thì từ lâu lắm rồi hầu như đã bị máy móc, ngựa, phân công lao động v.v. lấn gạt và được thay thế bằng các hình thức hoàn toàn khác.

Nhưng nếu thương mại, cạnh tranh, phân công lao động v.v. là các lực lượng kinh tế thì không có cơ sở nào để không coi, ví dụ, hệ thống công xưởng, hệ thống ngân hàng, tiền giấy, sự phân nhỏ sở hữu ruộng đất, đại sở hữu ruộng đất, lao động làm thuê, tư bản và địa tô cũng là các lực lượng kinh tế. Chẳng khó khăn gì cũng có thể soạn một bài tán tụng mỗi lực lượng kể ra ấy, theo văn phong của những bài ca tụng mà Pru-đông đã viết về những lực lượng kinh tế nói đến lúc ban đầu. Nhưng chính đó là điểm mắc mứu.

Thật nực cười khi Pru-đông, ở trang 88, gọi những quan hệ ấy giữa các lực lượng "là những lực lượng phi vật chất về thực chất" và, dựa vào tính chất bảo là phi vật chất của chúng, ông ta ngân nga những ca khúc của mình, ví dụ,

về việc các nhà kinh tế học, bằng học thuyết của mình về các lực lượng công nghiệp, "đã chứng minh - tuy bản thân họ tuyệt nhiên không hoài nghi về nó - giáo điều cơ bản của thần học Cơ Đốc giáo: sự sáng tạo "*de Nihilo*"

(ex ??) [1*] (tr.87), hay là ở phía trên [đã lải nhải]

về hành vi "*thuần túy tinh thần*" của "thương mại" mà ông cũng coi là "*hành vi xây dựng*" (tr.86).

Sau đó là những câu ngụy biện tuyệt diệu về hiệp hội:

"Xét về bản chất của nó, hiệp hội là vô bổ, thậm chí có hại, vì nó kìm hãm tự do của người lao động. Các tác giả chịu trách nhiệm về những ảo tưởng của tình huynh đệ ...đã gán - không có mọi căn cứ nào và bằng chứng nào - cho *hợp đồng về cộng đồng* [contrat de société] những phẩm giá và hiệu lực chỉ thuộc về sức mạnh tập thể, về phân công lao động hoặc về trao đổi ...Khi một cộng đồng nào đó, một cộng đồng công nghiệp hoặc thương mại, đề ra cho mình mục tiêu vận hành một trong những lực lượng kinh tế lớn

1* Trong tác phẩm của Pru-đông viết sai là: "de nihilo" - "không có cơ sở","không có nguyên nhân" (p.87). Ăng-ghen sửa lại là "ex [nihilo]" - "từ cái hư vô".

hoặc khai thác nguồn của cải [fonds] mà chính bản chất của nguồn của cải ấy đòi hỏi nguồn đó không bị phân chia, là một bạn hàng duy nhất, là một tổ chức độc quyền, thì cái cộng đồng được lập ra vì mục đích ấy có thể thu được một kết quả tốt. Nhưng cộng đồng ấy sẽ đạt kết quả ấy không phải nhờ nguyên tắc của nó, nó có được kết quả ấy là nhờ các phương tiện của nó. Và điều đó đúng đến mức mọi người

(tức là các nhà tư bản)

thích không tham gia hiệp hội mỗi khi cũng một kết quả như thế có thể đạt được mà không cần đến hiệp hội" (tr.88-89). Mọi người chỉ liên kết lại khi cần làm như vậy.

Hiệp hội có nghĩa là tính đoàn kết, "là trách nhiệm chung, sự hợp nhất các quyền lợi và nghĩa vụ đối với những người thứ ba".- "Tiền công bình quân là đạo luật tối cao của hiệp hội". Vì vậy, "có thể nói rằng hiệp hội chỉ có ích đối với thành viên yếu ớt hoặc lười biếng của hiệp hội - và chỉ đối với thành viên này mà thôi". - "Sự đoàn kết của những kẻ vụng về và không có năng lực" (tr.89, 90). Mỗi hiệp hội hưng thịnh "thành đạt đều nhờ một nguyên nhân khách quan nào đó xa lạ với nó và tuyệt nhiên không liên can đến bản chất của hiệp hội". Hiệp hội chỉ hữu ích "trong những điều kiện đặc biệt" (tr. 91).

Tuy nhiên, trong tất cả các hiệp hội công nhân hiện nay tiền công bình quân đã được thay thế bằng piece-work[1*] - càng ít tính đoàn kết, càng nhiều tính độc lập trong sự liên kết các lực lượng và các tư bản càng tốt.

nghĩa là càng ít *hiệp hội* càng tốt và càng nhiều *tiền* càng hay.

"Hiệp hội, được lập ra đặc biệt nhờ các mối liên hệ gia đình và luật hy sinh quên mình, bất kể mọi lý do kinh tế bên ngoài và bất kể mọi lợi ích ưu tiên, sau cùng, hiệp hội, với tính cách mục đích tự thân, là hành vi mang tính tôn giáo thuần túy, là mối liên hệ siêu tự nhiên, không có giá trị tích cực, là huyền thoại".

Về các hiệp hội của công nhân Pa-ri thì Pru-đông bình thản phân loại chúng như sau:

"Có nhiều hiệp hội trong số những hiệp hội ấy tiếp tục đứng vững và thậm chí có hy vọng phát triển trong tương lai. Nguyên nhân thì đã rõ. Có những hiệp hội gồm những người lao động tài nghệ nhất trong nghề của mình - đó là sự độc quyền về tài năng mà chính nhờ đó chúng tồn tại. Những hiệp hội khác thu hút và giữ chân thành viên bằng

1*- chế độ trả công theo sản phẩm

những giá rẻ - cạnh tranh đã thổi luồng sinh khí vào chúng ...Sau cùng, theo thông lệ, trong tất cả các hiệp hội ấy, công nhân ...phải bỏ ra nhiều lao động hơn đôi chút và thỏa mãn với tiền công ít hơn. Ở đây không có gì hết ngoài những hiện tượng bình thường nhất trong khoa kinh tế chính trị, những hiện tượng ấy có thể có được ...mà không hề cần đến hiệp hội" (tr.96-97).

Hiệp hội giết mổ súc vật tuyệt nhiên không phải là hiệp hội ."Đó là [những tổ chức] để cạnh tranh, do những người có địa vị khác nhau thành lập bằng vốn chung, nhằm chống lại sự độc quyền của giới kinh doanh thịt. Đó là một hình thức áp dụng nguyên tắc mới,- nếu không muốn nói

(tại sao lại không?)

là ***lực lượng kinh tế*** mới - nguyên tắc *tương hỗ* [réciprocité]: những người tham gia trao đổi phải bảo đảm vô điều kiện cung cấp cho nhau các sản phẩm của mình theo giá thành"[209].

(Đương nhiên, bản thân ngài Pru-đông đóng vai người đầu tiên nghĩ ra "nguyên tắc tương hỗ", hãy tham khảo tác phẩm của ông "Tổ chức tín dụng và lưu thông", Anh em nhà Gác-ni-ê, 1848, cũng như tác phẩm của ông ta "Ngân hàng nhân dân") (tr.97-98)[210].

Tiếp đó là lời tán tụng của ngài Pru-đông, những ngón ba hoa về nguyên tắc do Lu-i Blăng đề ra "mỗi người làm theo năng lực, mỗi người hưởng theo nhu cầu" [211], sau đó là đoạn dưới đây:

trong số 36 triệu người Pháp có 24 triệu là nông dân. "Các anh sẽ không bao giờ có thể đưa họ vào hiệp hội được đâu. Lao động nông nghiệp không cần đến cộng đồng trong đó mọi người làm theo lệnh chỉ huy [choréographie sociétaire], tâm hồn người nông dân ghê tởm cộng đồng ấy".

Một sự viện dẫn sự tức giận của nông dân chống lại những người khởi nghĩa hồi tháng Sáu bị nghi ngờ theo chủ nghĩa cộng sản - Tiếp nữa,

trong số 12 triệu còn lại ít ra cũng có một nửa là "các chủ xưởng, thợ thủ công, viên chức... không cần đến hiệp hội"; còn lại 6 triệu người, có lẽ có thể thu hút họ vào hiệp hội, nhưng họ sẽ rất mau chóng trút bỏ cái ách đa số ấy.

Cần phân xét về các hiệp hội công nhân hiện có không căn cứ vào "xu hướng ẩn kín" của chúng "là hướng tới thiết lập chế độ cộng hòa xã hội. Công nhân có ý thức được điều

đó hay không, song ý nghĩa sự nghiệp của họ tuyệt nhiên không phải ở những lợi ích nhỏ mọn của những hội đoàn của họ ...Trong tương lai ... các công ty của nhân dân lao động sau khi gác bỏ những hàng hóa thời thượng và các đồ chơi [bilboquets], sẽ phải hướng đến những ngành đại công nghiệp mà xét về bản chất, chúng là số phận tự nhiên của chính họ" (tr.107).

Cuối cùng ông ta đưa ra đòi hỏi đối với L.Blăng,

"con dế mèn của cách mạng"[1*], "để người này góp phần kiềm chế và lặng thinh vào sự nghiệp của giai cấp vô sản đã rơi vào bàn tay ẻo lả của ông ta vào một ngày bất hạnh" (tr.108).

Tất cả vấn đề là ở chỗ: *với tư cách như thế*, hiệp hội, in abstracto[2*], đương nhiên cũng phụ thuộc vào các điều kiện với mức độ y như mọi quan hệ xã hội khác. Ở đâu không có những điều kiện tương ứng thì không một lực lượng kinh tế nào có thể giúp được. Cạnh tranh cũng đòi hỏi phải có tiền làm tiền đề, y như hiệp hội vậy. Phân công lao động có thể được áp dụng cũng không đúng chỗ giống như hiệp hội. Có thể tiến hành trao đổi một cách cũng tồi tệ như lập ra hiệp hội vậy. Xét một cách trừu tượng thì mỗi lực lượng kinh tế đều là một giáo điều giống như hiệp hội vậy, - tất cả đều do những quan hệ hiện hữu quyết định . Mà để nghiên cứu những quan hệ ấy thì Pru-đông chính là đã không làm gì cả; ông ta coi nền tiểu công nghiệp của Pa-ri là chuẩn mực, thay vì phải coi sự phát triển đại công nghiệp, sản xuất cơ giới, phân công lao động - dưới hình thức mà chúng đang phát triển ở Anh - và sự tập trung tư bản nhờ vậy ngày càng tăng là nhu cầu về hiệp hội, cũng như phải hiểu rằng để thỏa mãn nhu cầu ấy cần có những hình thức hoàn toàn khác liên kết và tập trung lực lượng khác với những hình thức vốn có của các hiệp hội đồ chơi [Bilboquet - Assoziation] ở Pa-ri và của các công ty công nhân của Pru-đông[212].

1* Trong tác phẩm của Pru-đông: "Lu-i Blăng coi mình là con ong của cách mạng, nhưng ông ta chỉ là con dế mèn của cách mạng" (p.108).

2* - xét một cách trừu tượng

BÀI NGHIÊN CỨU THỨ TƯ

"VỀ NGUYÊN TẮC QUYỀN LỰC"

Thoạt đầu là những lời tán tụng "tình trạng vô chính phủ" mà ngài Pru-đông đã phát hiện ra.

1. "Sự phủ nhận mang tính truyền thống bác bỏ [ý tưởng] chính phủ. Sự xuất hiện của ý tưởng thay thế ý tưởng kia" (tr. 116)

Mọi chính phủ đều nảy sinh từ gia đình mang tính gia trưởng. "Dân chủ là giới hạn cực điểm của quá trình tiến triển của chủ nghĩa nhà nước [évolution gouvernementale]" (tr. 119); giới hạn cực điểm của dân chủ là chế độ dân chủ nhân dân trực tiếp cầm quyền của Công-xi-đê-răng. Rít-tinh-hau-den và những nhân vật khác. Nhưng chính phủ sẽ tuần tự trực tiếp dẫn đến chế độ hoàng đế chuyên chế, như đã diễn ra ở Hy Lạp và ở La Mã (tr. 121).

"Sự phủ nhận chính phủ" bắt nguồn từ thời Cải cách tôn giáo. Hồi ấy nguyên tắc quyền uy đã bị tự do tín ngưỡng gạt ra khỏi lĩnh vực tôn giáo. Về sau điều đó cũng được áp dụng sang lĩnh vực thế tục, đặc biệt nhờ Giuy-ri-e, là người đã nghĩ ra chính thuật ngữ "khế ước *xã hội*" (?). Ý tưởng về khế ước, về "vương quốc những khế ước", được áp dụng trên thực tế vào đời sống xã hội, vào thương mại v.v., chứ không phải chỉ vào chính trị, - ý tưởng ấy sẽ vượt ra ngoài khuôn khổ của toàn bộ chế độ cai trị ấy. Nhưng Rút-xô đã làm hỏng tất cả công việc, "ông ta đã không hiểu tý gì trong khế ước xã hội".

Khế ước xã hội phải được tự do thảo luận và phải được mỗi cá nhân hữu quan chấp thuận, nếu không thì khế ước không có hiệu lực

và những sự giải thích tương tự theo tinh thần luân lý của Stiếc-nơ (tr.125 - 127).

Còn trong khế ước xã hội của Rút-xô thì: 1) không có những dữ kiện nào cho thấy cái gì phải là đối tượng của khế ước; 2) trong khế ước ấy không chứa đựng các quyền, các bổn phận, mà chỉ có những hình phạt (tr. 128).

Chứng minh tỉ mỉ rằng Rút-xô, sau khi đã lấy "các cơ sở dân chủ rộng rãi nhất" [1*] làm

1* Ăng-ghen đã đặt câu này trong ngoặc kép.

điểm xuất phát, thì lần lượt vứt bỏ chúng đi, coi là những cơ sở không thực hiện được [unpraktikabel], và ông ta, sau khi thừa nhận không thể duy trì sự bình đẳng và chính phủ dân chủ, "đã đưa ra kết luận về tính chất tất yếu [của sự tồn tại] giai cấp vô sản, về sự chi phối ngày càng tăng đối với người lao động, về chuyên chính và về tòa án tôn giáo", rồi sau đó lại đưa ra một cái gì đó chẳng qua chỉ là "bộ luật của chế độ chuyên chế tư bản chủ nghĩa và trọng thương chủ nghĩa" (tr. 131 - 133).

Đó là những lời đả kích điên cuồng nhằm vào Rút-xô theo văn phong hết sức hoa mỹ trong tuyên ngôn của Pru-đông, nhưng đối với những nhân vật như Lu-i Blăng và bạn bè ông ta thì những lời đả kích ấy vẫn chưa mất đi tính chất nghiêm túc nhất định.

Xanh Xi-mông là người đầu tiên đã tiên đoán lờ mờ sự diệt vong của hệ thống nhà nước và sự xác lập hệ thống công nghiệp. Ông ta suy diễn sự phủ định nhà nước "qua sự quan sát lịch sử và qua sự giáo dục của loài người".

Còn Pru-đông thì suy diễn sự phủ định ấy

"qua sự phân tích các chức năng kinh tế và từ học thuyết về tín dụng và trao đổi". Thế kỷ XVIII đã hoàn tất thời kỳ Cải cách tôn giáo và, thay cho ý tưởng về chính phủ, thế kỷ này đề ra ý tưởng về khế ước (tự do tín ngưỡng trong lĩnh vực thực tiễn) (tr.136-140).

2. "Phê phán tổng quát tư tưởng quyền lực" (tr.141)

1) "Quyền lực tuyệt đối".

Trash [1*].

"Chế độ quân chủ chuyên chế, trong biểu hiện ấu trĩ của nó, thật đáng căm ghét đối với lý trí và tự do"(!)

và những câu thâm thúy tương tự (tr.142- 146).

2) "Các luật lệ".

Có nhiều vô kể những tiền lệ - do đó, các luật lệ bị tan biến trong sự bất tận tồi tệ (tr.147-150).

3) "Chế độ quân chủ lập hiến".

"Chính phủ quái thai". ***Số lượng***, đa số quyết định.

1*- Đồ bỏ đi, điều vô vẫn

Sự lặp lại miên man tất cả những lời chửi bới cũ của trường phái lịch sử [213] chống lại đa số, chống lại cách tính theo số đầu người v.v. (tr.150-156).

4) "Quyền đầu phiếu phổ thông".

Những lời ba hoa trống rỗng thông thường về những cơ sở đạo đức của cuộc cách mạng tháng Hai.

Có thể đạt được cái gì bằng quyền đầu phiếu phổ thông, điều đó có thể thấy qua hai quốc hội và qua việc Lu-i Bô-na-pác-tơ trúng cử [214].

Quyền đầu phiếu phổ thông đã hoàn toàn bị mất uy tín (tr. 156-162).

5) "Quyền lập pháp trực tiếp".

Dù sao đi nữa, quyền này cũng dân chủ triệt để, và Rô-be-xpi-e và Lu-i Blăng đều không có lý (xét theo quan điểm của chính họ) khi chống lại quyền này.

Lao vào cuộc tranh luận vô vị về chính quyền nhân dân trực tiếp.

Vấn đề là phát hiện ra "ý chí chung" như là "một thực thể tập thể". Nhưng điều đó không thể làm được. Do đó, cần có một hệ thống câu hỏi mà các đại biểu phải đưa ra cho nhân dân và nhân dân phải trả lời: đồng ý hoặc phản đối. Song, điều đó thật kỳ quặc, bởi vì không thể nêu một câu hỏi nào theo cách là ở một phía chỉ có chân lý, quyền và sự công bằng, còn ở phía kia chỉ có sự ngu dốt và tình trạng vô luật pháp.

Đã dẫn ra nhiều ví dụ, chủ yếu lấy của chính ngài Rít-tinh-hau-den, trong đó có một ví dụ liên quan đến trật tự *công nghiệp* theo tinh thần Pru-đông.

Rít-tinh-hau-den hỏi nhân dân: "Có cần xây dựng đường sắt từ Li-ông đến A-vi-nhông hay không", và nhân dân trả lời: "Có". "Song câu trả lời "có" ấy có thể chứa đựng một sai lầm nghiêm trọng, trong mọi trường hợp điều đó có nghĩa là xâm phạm đến các quyền của từng địa phương".

"Giữa Sa-lông và A-vi-nhông có đường thủy cho phép vận chuyển hàng hóa rẻ hơn 70% so với mọi biểu giá đường sắt (!). Ở đây giá vận chuyển có thể được giảm xuống nữa - về phương diện này tôi có hiểu biết chút ít - giảm 90% (!!). Tại sao không ***sử dụng*** con đường gần như miễn phí này.

(điều đó có nghĩa là gì, lẽ nào người ta không còn dùng con đường ấy nữa chăng?)

thay vì xây dựng con đường sắt với chi phí 200 triệu và làm phá sản công cuộc giao thương của bốn tỉnh? Nhưng ở viện lập pháp người ta nhìn vấn đề hoàn toàn không phải như vậy, trong viện lập pháp không có những nhà đại lý vận tải, và vì nhân dân Pháp - trừ các cư dân vùng ven bờ các sông Rôn và Xô-na - đều không biết nhiều hơn các bộ trưởng nước mình về những gì đang xảy ra trên hai con sông ấy, cho nên họ sẽ đưa ra ý kiến - điều đó không khó thấy trước - không dựa vào ý kiến của mình, mà căn cứ vào nguyện vọng của các đại diện của mình. Tám mươi hai tỉnh sẽ đẩy bốn tỉnh còn lại vào chỗ phá sản (!!!); đó là ý nguyện của cơ quan lập pháp trực tiếp" (tr. 169).

Vậy là, khi xuất hiện chế độ công nghiệp [Régime industriel] thì đường sắt không có cơ may nhìn thấy thế giới, nếu trên sông Rôn sẽ tồn tại tuyến tầu thủy kéo. Chỉ riêng điều đó đã đủ có nhiều hứa hẹn.

Sau đó, ở tr. 173 là đoạn chống lại Lơ-đruy-Rô-lanh, phản đối bản hiến pháp năm 1793 [215] và chống lại cái chế độ mà trong đó nhân dân chỉ biểu quyết các đạo luật, những quy định chung, còn các nghị sĩ thì thông qua các sắc lệnh, nghĩa là đóng vai trò quyền hành pháp. Đoạn này chỉ rõ rằng thông qua các sắc lệnh có thể vô hiệu hóa, đến từng chi tiết, những quyết định đã được nhân dân thông qua dưới hình thức chung, dưới hình thức những nguyên tắc chung (tr. 174-176).

Hình thức cực đoan nhất là khi nhân dân tự mình thực hiện tất cả mọi trách nhiệm của chính phủ. Nhưng khi ấy nhân dân không thể lao động được, mà nhân dân lại không có các nô lệ. Vậy là, ý tưởng nhà nước dẫn đến sự phi lý.

Hiến pháp năm 1793 và hoạt động của Rô-be-xpi-e được coi là một ví dụ thực tiễn. Kể từ năm 1791 Rô-be-xpi-e chủ trương ủng hộ cái trung dung vàng ngọc và đã căm ghét chế độ nhân dân trực tiếp cầm quyền. Ông đã cố tập trung nhiều hơn nữa chính quyền nhà nước để loại bỏ bản hiến pháp năm 1793, điều đó phù hợp với nguyện vọng của đa số trong Hội nghị quốc ước, nhưng cái đa số ấy lại không tín nhiệm ông ta: sau khi nắm lấy ý tưởng của chính ông ta, đa số này đã loại bỏ Rô-be-xpi-e và sau đó thực hiện ý tưởng ấy. Phái tham gia cuộc chính biến tháng Tec-mi-đo chỉ thực hiện những gì mà bản thân ông ta đã muốn làm.

Rô-be-xpi-e tuồng như là một kẻ phản động trong tất cả các giai đoạn cách mạng và thường xuyên tuyên truyền chủ trương bình định. Cuối cùng là một đoạn nhận định có tính chất hoa mỹ về Rô-be-xpi-e.

BÀI NGHIÊN CỨU THỨ NĂM

"SỰ THỦ TIÊU VỀ MẶT XÃ HỘI"

Tóm lược:

chiếc chìa khóa đi đến giải pháp là sự hỗ tương và ý tưởng về khế ước, nó tựa hồ như là biểu hiện pháp lý của tính hỗ tương. Do đó, cần giải quyết ba nhiệm vụ: "1) Hoàn toàn ngăn chặn tác động của xu hướng phá hoại tổ chức mà chúng ta thừa kế của cuộc cách mạng trước đây [216], và bắt tay - nhờ nguyên tắc mới - vào việc ***thủ tiêu những lợi ích hiện hữu***; 2) tổ chức - vẫn lại nhờ nguyên tắc mới - các lực lượng kinh tế và tạo ra bản hiến pháp của chế độ sở hữu; 3) hòa tan, nhấn chìm và buộc phải tan biến - trong hệ thống kinh tế - hệ thống chính trị hoặc hệ thống nhà nước" (tr. 196).

Nếu giả định rằng cuộc bầu cử năm 1852 sẽ mang tính chất cách mạng thì như vậy cần làm điều dưới đây:

1. "Ngân hàng quốc gia"

Các công dân có thể thỏa thuận với nhau và khi cần thiết thì tổ chức góp vốn nhằm lập ra mọi tổ chức đem lại lợi lộc cho những người tham gia, - do đó, cũng nhằm lập ra ngân hàng chiết khấu, và lại có thể đạt đến điều đó mà không hề cần đến "***hiệp hội*** cũng như hội ái hữu nào... chỉ cần có sự cam kết hỗ tương về bán hoặc trao đổi, tóm lại, chỉ cần có một khế ước đơn giản" (tr.198).

Ngân hàng hiện hữu [217] có xu hướng biến thành "tổ chức xã hội": 1) bởi vì nó sử dụng những nguồn vốn không thuộc sở hữu của nó; 2) vì nó hưởng đặc quyền phát hành tiền giấy, mà mọi đặc quyền đều "là sở hữu xã hội"; 3) bởi vì việc chiếm hữu lợi tức từ những nguồn vốn của người khác và việc tăng giá một cách giả tạo đối với tư liệu lưu thông là bất hợp pháp, - "vì thế mà ngân hàng - do tính chất bất hợp pháp của những khoản thu nhập của nó - tất phải trở thành một thiết chế xã hội" (tr. 199) . Vậy, sắc lệnh: "***Ngân hàng được coi là thiết chế của lợi ích xã hội, chứ không phải là sở hữu của nhà nước, vì vậy ban hành lệnh thủ tiêu công ty***". Với tư cách là "một thiết chế của lợi ích xã hội, lấy các khách

hàng của mình đóng vai các nhà tư bản" (!). ngân hàng không trả cho bất kỳ ai, các khoản lợi tức, vì lợi ích xã hội đòi hỏi phải cố hết sức có những đồng tiền rẻ nhất. Vì những lợi tức ngân hàng trở thành tài sản xã hội, cho nên những lợi tức ấy có thể giảm xuống đến mức chỉ dùng để trang trải các chi phí quản lý. ***nghĩa là xuống còn 1/4 hoặc 1/2 %*** (tr.200-201). Điều này căn bản khác với ngân hàng nhà nước xã hội chủ nghĩa và khác với tín dụng nhà nước mà chẳng qua chỉ là "sự thiêng liêng hóa một cách dân chủ và mang tính xã hội đối với nguyên tắc cướp bóc, là sự bóc lột người lao động vì nền cộng hòa, theo kiểu mẫu và dưới sự bảo trợ của nền cộng hòa" (tr.201-202). Như vậy, điều này phải được Quốc hội ban thành sắc lệnh.

2."Nợ nhà nước"

Khoản nợ này bằng 6 tỷ; khoản lợi tức là 270 triệu và những số tiền trả nợ hằng năm là 74 triệu, tổng cộng là 344 triệu hằng năm, cộng với 56 triệu tiền hưu bổng và các khoản trả cho các quan chức tư chức.

Sự cách mạng hóa ngân hàng và việc hạ thấp lãi suất sẽ cho phép tính mức lãi thấp hơn cho khoản nợ nhà nước. Khoản lợi tức ấy sẽ được trả dưới hình thức những khoản trả hằng năm cộng lãi [218], tức là trong số 5 % tiền trả nợ thì 1/4 là số lãi, còn 4 3/4 % sẽ là khoản hoàn bù tư bản (tr.204-205).

3. "Những khoản nợ có thế chấp, những trái khoán giản đơn"

Hằng năm số tiền trả lãi là 1200 triệu.

như vậy, số tư bản là 24 tỷ.

Sắc lệnh: "Đối với lãi suất của tất cả các trái khoán, có thế chấp, không được bảo đảm bằng vật thế chấp, đối với các cổ phiếu góp vốn thì cũng quy định cùng một lãi suất như vậy

(như đã nêu ở trên - 1/2%);

chỉ có thể đòi hỏi trả nợ dưới hình thức trả dần hằng năm có kèm theo tiền lãi. Những khoản trả hằng năm, đối với tất cả các số nợ dưới 2 000 phrăng, phải bằng 10%, đối với tất cả các số tiền nợ trên 2 000 phrăng thì khoản trả hằng năm cộng tiền lãi là bằng 5%. Một trong những chi nhánh của Ngân hàng chiết khấu quốc gia trở thành Ngân hàng ruộng đất; tổng số tiền mà nó cho vay hằng năm nhiều nhất là 500 triệu" (tr.213).

4. "Các tòa nhà"

Nếu lãi suất bằng số không thì tiền thuê nhà cũng giảm xuống đến số không.

(Hóa ra, lợi nhuận và địa tô phụ thuộc vào lãi suất)(tr.218).

Sắc lệnh: "Mọi khoản trả về thuê nhà đều sẽ tính vào khoản tiền chuộc tài sản mà giá của nó được quy định bằng hai mươi lần tiền thuê nhà

(vậy còn tiền sửa chữa?)

Với mỗi lần trả tiền, người thuê có được một phần sở hữu tương ứng không chia sẻ về ngôi nhà trong đó anh ta đang ở, cũng như về tổng số các kiến trúc được đem cho thuê và được dùng làm nơi ở cho các công dân. Tài sản được chuộc lại theo cách đó sẽ dần dần được chuyển giao cho cơ quan quản trị công cộng quản lý (!), chính nhờ khoản chuộc lại ấy

(mà cơ quan quản trị này không trả !)

nên cơ quan quản trị này được tiếp nhận, nhân danh quần chúng những người thuê nhà.

(và cả không cần có sự đồng ý ?)

quyền thế chấp và quyền ưu tiên, và cơ quan này đảm bảo vĩnh viễn cho tất cả những người thuê nhà

(tình đoàn kết !!!)

có nơi cư trú theo giá bằng giá thành tòa nhà. - Các công xã [219] có thể có những thỏa thuận tự nguyện với những người sở hữu về việc lập tức hủy bỏ và chuộc lại quyền sở hữu của họ đối với những căn nhà được đem cho thuê. Trong trường hợp này, để cho cả thế hệ đương thời cũng có thể được hưởng mức tiền thuê nhà hạ, các công xã nêu trên có thể lập tức giảm giá thuê nhà tại những ngôi nhà đã có sự thỏa thuận, tính toán sao cho việc trả tiền chỉ kéo dài trong 30 năm. - Để thực hiện việc sửa chữa, bảo dưỡng và duy trì các tòa nhà, cũng như để xây dựng những tòa nhà mới, các công xã ký hợp đồng với các hội thợ nề hoặc với các hiệp hội công nhân xây dựng trên cơ sở các nguyên tắc và quy tắc của khế ước xã hội mới. Những chủ sở hữu nào còn sống một mình trong các ngôi nhà của mình thì vẫn được hưởng quyền sở hữu chúng chừng nào họ còn thấy điều đó là cần thiết" (tr. 221-222).

5. "Sở hữu ruộng đất"

Sở hữu ruộng đất được cách mạng hoa bởi Ngân hàng ruộng đất. "Đặc điểm của Ngân hàng ruộng đất, ngoài lãi suất thấp và khả năng dễ vay, còn là *việc trả nợ được thực hiện*

dưới hình thức những khoản trả hằng năm" (tr.223). Ví dụ. Ngân hàng có 2 tỷ vốn và hằng năm cho vay 400 triệu với điều kiện trả lãi 5%, dưới hình thức trả hằng năm. Nhờ vậy, nông dân thanh toán được với những người chủ tiệm cầm đồ và 20 năm sau khi nhận khoản tiền vay thì nông dân đã trả hết mọi khoản nợ nần. "Sau 5 năm số tư bản 2 tỷ sẽ cạn hết; nhưng Ngân hàng này thu được các khoản trả nợ hằng năm và thực hiện chiết khấu các khoản cho vay (?!!), sẽ có thể thu hồi cho qũy số tiền khoảng 400 triệu mà nó sẽ lại đưa vào lưu thông. Như vậy, sự vận động sẽ tiếp tục, và như vậy sau 20 năm tài sản ruộng đất sẽ trang trải 4 x 2 tỷ hay là 8 tỷ số nợ có thể chấp, còn sau 30 năm số tài sản ấy sẽ hoàn toàn không phụ thuộc vào bọn cho vay nặng lãi" (tr.224).

Một sự tính toán không tồi! 1) Thật là điều không thể hiểu nổi, cái khác kia - nếu không phải là sự lừa bịp - lại có thể là "những khoản chiết khấu thu được từ những khoản cho vay". 2) Trong năm đầu ngân hàng sẽ *không* có những khoản thu vào dưới hình thức những khoản trả nợ hằng năm, sau năm thứ nhất ngân hàng sẽ nhận được những khoản đó bằng 5% của con số 400 triệu, nghĩa là 20 triệu; sau năm thứ hai nó nhận được 5% của 800 triệu, nghĩa là 40 triệu; sau năm thứ ba - 60 triệu; sau năm thứ tư - 80 triệu; sau năm thứ năm - 100 triệu; và như vậy sẽ hoàn trả 300 triệu, nhưng tuyệt nhiên không phải là khoảng 400 triệu. Song, chúng ta giả định rằng trong năm thứ sáu ngân hàng sẽ phải xuất ra 400 triệu, khi ấy sau năm thứ sáu ngân hàng sẽ chỉ hoàn lại 120 triệu, và như thế, nó không thể xuất ra tiếp hằng năm 400 triệu. Thậm chí nếu ngân hàng được thành lập với số qũy không phải 2, mà là 4 tỷ và nhờ vậy có thể, trong vòng 10 năm, xuất ra hàng năm 400 triệu mà không đụng chạm đến số tiền hoàn trả cho nó, - thì trong trường hợp ấy vào năm thứ 13 nó sẽ phải cáo chung, và trong năm ấy nó sẽ có thể xuất ra cả thảy 360 triệu thay vì 400. Với 4 400 triệu - thành thử với số tư bản cố định đảm bảo xuất cho vay trong vòng 11 năm - ngân hàng ấy sau 17 năm sẽ bị sa lầy và khi ấy sẽ có thể xuất ra cả thảy 320 triệu. Chỉ với 4 800 triệu, cuối cùng ngân hàng ấy mới có khả năng xuất tiền cho vay trong vòng 12 năm lấy từ qũy cơ bản,

còn trong những năm tiếp theo thì lấy từ những khoản nộp trả lại, và đến cuối năm thứ 20 thì ngân hàng sẽ duy trì được số dư là 600 triệu, đến lúc ấy nó có trong tay khoản trả nợ phải trả và được lặp lại đều đặn hằng năm để trả nợ số tiền 400 triệu.

Chứng minh:

Trước năm thứ mười hai các khoản xuất cho vay được lấy từ tư bản

	Số ứng trước hằng năm	Các khoản trả nợ hằng năm	Số dư	Tổng sai ngạch hằng năm
năm thứ 1..12	4800 triệu	-		1320
năm thứ 13	400 triệu	240 +	(1320-400) 920	= 1160
năm thứ 14	400 triệu	260 +	760	= 1020
năm thứ 15	400 triệu	280 +	620	= 900
năm thứ 16	400 triệu	300 +	500	= 800
năm thứ 17	400 triệu	320 +	400	= 720
năm thứ 18	400 triệu	340 +	320	= 660
năm thứ 19	400 triệu	360 +	260	= 620
năm thứ 20	400 triệu	380 +	220	= 600
năm thứ 21	400 triệu	400 +	200	= 600
năm thứ 22	400 triệu	400 +	200	= 600
				v.v.

- vẫn không thay đổi.

Ngài Pru-đông gây dựng cơ sở như vậy đó cho Ngân hàng ruộng đất.

Nhưng có thể giải quyết việc này một cách nhanh hơn. Ban hành sắc lệnh sau đây:

"Mọi khoản nộp tiền thuê sử dụng bất động sản sẽ đem lại cho người phéc-mi-ê một phần sở hữu về bất động sản ấy và sẽ là khoản thế chấp đối với anh ta. Sở hữu ruộng đất, sau khi được trả hoàn toàn, ***sẽ lập tức chuyển vào tay công xã, nó sẽ thay chỗ người sở hữu trước kia***

(tại sao người sở hữu mới không lập tức thực hiện các quyền của mình?)

và sẽ chia sẻ, cùng với người phéc-mi-ê, quyền sở hữu chính thức, cũng như sản phẩm ròng. Các công xã có thể cùng với những chủ sở hữu muốn làm việc đó - ký kết thỏa thuận tự nguyện về việc chuộc lại địa tô và về việc lập tức trả khoản thuế các trang trại. Trong trường hợp này, theo đề nghị của các công xã, sẽ bảo đảm phân bố (!?) nông dân và phân định ranh giới các trại ấp, ngoài ra sẽ có những biện pháp cố gắng hết sức bù đắp (!?) sự chênh lệch diện tích các khoảnh ruộng bằng chất lượng đất và ấn định mức giá thuê đất

(thì ra khoản trả nợ hằng năm dẫn đến chỗ này đây!)

phù hợp với mức thu nhập... Ngay sau khi toàn bộ tài sản ruộng đất được hoàn toàn mua lại, tất cả các công xã của nước cộng hòa sẽ phải thỏa thuận về việc cân bằng (!?) với nhau về những khác biệt chất lượng các lô ruộng đất, cũng như [về những hậu quả] của những bất trắc vốn có của nông nghiệp. Phần tiền trả thuê các lô đất nằm trong lãnh địa thuộc quyền của họ sẽ được dùng để thực hiện khoản bù đắp ấy và dùng vào khoản bảo hiểm chung. Kể từ thời điểm ấy những người nào, trong số các chủ sở hữu trước kia, tự mình canh tác các trang trại của mình thì vẫn được quyền sở hữu, họ ***sẽ hòa nhập với các chủ sở hữu mới, sẽ có trách nhiệm trả một khoản tiền thuê ruộng như thế và sẽ được hưởng cũng những quyền như thế***

(những quyền nào?)

sao cho không có những sự ngẫu nhiên nào, liên quan đến địa hình và sự thừa kế, có thể đem lại cho bất kỳ ai những đặc quyền so với những người khác, và các điều kiện canh tác sẽ như nhau đối với mọi người (!!!!). Thuế ruộng đất sẽ được bãi bỏ

(sau khi thuế đất mới được đặt ra thay cho thuế cũ!).

Các chức năng của cảnh sát nông thôn được chuyển giao cho các hội đồng thị chính" (tr. 228).

Thật là một điều phi lý quá đáng !

Sau đó là những lời giải thích rằng

"quyền được hưởng giá trị tăng thêm [plus - value]" [220], tức là quyền của người phéc-mi-ê được hưởng [các thành quả] của những cải tiến mà anh ta áp dụng vào việc canh tác đất, cũng ít có khả năng thực hiện, cũng như quyền lao động, bất kể tính chất phổ biến của hai quyền đó.

Một giọng điệu dạy đạo đức pháp lý thật đặc sắc.

BÀI NGHIÊN CỨU THỨ SÁU

"TỔ CHỨC CÁC LỰC LƯỢNG KINH TẾ"

Mọi cái đều được thực hiện thông qua thỏa thuận. Tôi thỏa thuận về điều gì đó với người láng giềng của mình - ý chí của tôi được thể hiện trong bản thỏa thuận. Tôi cũng có thể ký thỏa thuận với tất cả các cư dân trong công xã của mình, còn công xã của tôi có thể ký thỏa thuận với bất kỳ công xã nào khác, với tất cả các công xã khác trong nước. "Tôi tin rằng một khi được xác lập theo cách đó ở khắp nơi trong nước cộng hòa và thể hiện hàng triệu ý chí khác nhau, thì luật pháp sẽ luôn luôn chỉ là ***luật pháp của tôi***" (tr. 236).

Ôi, Stiếc-nơ!! Vậy, chế độ thỏa thuận đại thể là như thế này:

1. "Tín dụng"

Tín dụng đi vào nền nếp nhờ ngân hàng và nhờ rút lãi suất xuống còn 1/2, 1/4 và 1/8; việc tổ chức tín dụng sẽ được hoàn tất bằng việc rút toàn bộ số vàng và bạc ra khỏi lưu thông.

"Về tín dụng *cá nhân*

(tức là những khoản vay không có thế chấp),

thì việc áp dụng loại tín dụng này không liên quan đến Ngân hàng quốc gia; loại tín dụng này chỉ có thể được áp dụng trong các hội công nhân và trong các hiệp hội công nghiệp hoặc nông nghiệp" (tr. 237 - 238).

2. "Sở hữu"

Tất cả những người xã hội chủ nghĩa [321] đều quan niệm sở hữu dưới dạng sở hữu của công xã được tổ chức thành hiệp hội, trong đó người nông dân là người công nhân nông nghiệp trở thành thành viên trong hiệp hội, hoặc là dưới hình thức sở hữu nhà nước được đem cho nông dân thuê. Hình thức thứ nhất là hình thức "cộng sản chủ nghĩa", "không tưởng", "chết yểu"; với mọi mưu toan thật sự áp dụng hình thức này "nông dân sẽ bị đẩy đến chỗ đứng lên khởi nghĩa" (238-239). Hình thức thứ hai cũng không thể áp dụng được, nó là hình thức "nhà nước", phong kiến, "thuế khóa" v.v.. Những động cơ đưa ra để luận chứng cho hình thức này sẽ bị vô hiệu hoá, vì sản phẩm ròng

(tức là địa tô),

kết quả của chất lượng chất đất không đồng đều - không thuộc về nhà nước, mà thuộc về "những nông dân bị đặt vào những điều kiện xấu nhất; chính vì thế mà trong bản dự án của chúng ta về thủ tiêu, chúng ta đã đề xuất một mức trả địa tô tương ứng cho các loại cây khác nhau nhằm cân bằng thu nhập của các nông dân, cũng như để bảo hiểm sản phẩm" (tr. 240).

Điều đó có nghĩa là mọi cái vẫn như cũ, người phéc-mi-ê tiếp tục trả địa tô trong 20-30 năm đầu cho chủ sở hữu trước kia, sau đó trả vào quỹ bảo hiểm chung, quỹ này phân phối địa tô ấy cho các chủ những ruộng đất xấu. Những lô đất tốt và xấu nhờ vậy sẽ có hay không một giá trị hoàn toàn như nhau, hay là, nói đúng hơn, cả hai loại ruộng đất ấy đều sẽ mất đi mọi giá trị, bởi vì làm sao mà trong trường hợp này ruộng đất lại có thể nói chung có được giá trị với tư cách là tư bản, - tất cả những điều này không thể hiểu được. Điều cũng không thể hiểu được là: ở đây đâu là sự khác biệt so với việc trả địa tô cho nhà nước, đặc biệt khi có sự can thiệp tự do của các công xã vào mọi chuyện. Và Pru-đông gọi chính điều đó là

"sở hữu độc lập với địa tô, thoát khỏi mọi xiềng xích và được chữa khỏi bệnh phong",

đồng thời cho rằng giờ đây sở hữu ấy đã hoàn toàn biến thành tư liệu lưu thông (tr. 242).

Khi nhà nước tịch thu sở hữu ruộng đất thì sẽ có 80 tỷ giá trị bị rút ra khỏi lưu thông - giá trị của toàn bộ sở hữu ruộng đất trong nước, số giá trị ấy sẽ phải bị loại ra khỏi bản danh sách các giá trị, được coi là những giá trị thuộc về mọi người, nghĩa là không thuộc ai cả. "Của cải *tập thể* của dân tộc, không nghi ngờ gì nữa, hoàn toàn không mất đi điều gì và không có thêm được gì cả vì chuyện đó; 80 tỷ bất động sản tạo thành tài sản của từng cá nhân có được ghi trong bảng tính toán chung hay không - có phải điều đó đằng nào cũng vậy thôi đối với xã hội không? Nhưng liệu người tá điền - trong tay anh ta có số ruộng đất đang lưu thông đang trở thành giá trị được lưu thông, lại trở thành tiền - có thờ ơ với điều đó hay không? (tr. 245).

Trong hệ thống, khi mà người nông dân thuê ruộng đất của nhà nước, thì người nông dân rất nhanh chóng khẳng định quyền sở hữu của mình về ruộng đất, đối với anh ta việc này không khó, "vì ở Pháp nông dân luôn luôn vẫn là một lực lượng lớn nhất" (tr.246).

Điều đó hoàn toàn đúng và tự nhiên trong điều kiện nếu duy trì được chế độ ruộng đất phân nhỏ tồi tệ [Lauseparzellensystem] mà Pru-đông chỉ biết có nó thôi. Nhưng, như thế, trái với Pru-đông, những hiệu cầm đồ và nạn cho vay nặng lãi sẽ lại được khôi phục nhanh chóng.

"Nhờ sự dễ dàng có được do hình thức trả nợ hằng năm nên có thể phân chia bất tận, trao đổi, làm thay đổi đủ kiểu giá trị bất động sản mà không đụng chạm đến chính bất động sản. Những điều còn lại là công việc của cảnh sát, chúng ta tuyệt nhiên không cần bận tâm đến chuyện đó" (tr. 246-247).

3. "Phân công lao động, các lực lượng tập thể, máy móc. Các hiệp hội công nhân"

"Lao động nông nghiệp có đặc điểm là nó đòi hỏi ít nhất hình thức cộng đồng, hay là tốt hơn nên nói rằng nó bác bỏ một cách kiên quyết nhất hình thức cộng đồng; chưa ai thấy nông dân thành lập hiệp hội để cùng canh tác ruộng đất của mình bao giờ, và sẽ không bao giờ có ai nhìn thấy điều đó. Hình thức liên kết và đoàn kết duy nhất có thể tồn tại trong quan hệ giữa nông dân với nhau, sự tập trung duy nhất có thể áp dụng được [1*] đối với sản xuất nông nghiệp ... chỉ là sự tập trung xuất hiện nhờ ***sự bình quân hoá sản phẩm ròng***, nhờ sự giúp đỡ lẫn nhau trong lĩnh vực bảo hiểm và đặc biệt nhờ ***thủ tiêu địa tô***" (!!) (tr.. 247).

Đối với đường sắt, hầm mỏ, các xưởng thủ công thì tình hình lại khác. Ở đây hoặc là lao động làm thuê dưới sự chỉ huy của nhà tư bản, hoặc là hiệp hội. "Tất cả các ngành công nghiệp, các hầm mỏ hoặc các xí nghiệp mà xét về bản chất thì chúng đòi hỏi một sự sử dụng có phối hợp một số lượng lớn công nhân thuộc các nghề khác nhau, - đều tất yếu phải trở thành những cái nôi đẻ ra các hiệp hội hoặc các hội đoàn công nhân" (tr.249).

Ngược lại, trong ngành thủ công "tôi tuyệt nhiên không thể thấy có cơ sở cho hiệp hội, nếu không tính đến những lý do cho thấy nó hữu dụng trong những trường hợp riêng lẻ". Ở đây quan hệ giữa chủ và thợ cũng thuộc loại khác; "trong hai người ấy một người gọi là chủ, người kia gọi là thợ - còn về thực chất thì cả hai người ấy đều hoàn toàn ngang

1* - "capable", trong tác phẩm của Pru-đông: "susceptible", cũng mang một ý nghĩa như vậy

nhau và hoàn toàn tự do" (!!). Trong những điều kiện như vậy, sự liên kết, trong cùng một xưởng thợ, nhiều người lao động "mà tất cả họ hầu như cùng làm một công việc, là chỉ nhằm mục đích tăng số lượng sản phẩm, chứ không phải thúc đẩy - qua việc sử dụng các năng lực đa dạng của họ - việc cải tiến chất lượng của chính sản phẩm" (tr. 251).

Đúng là một tay tiểu thị dân chỉ biết đến những loại hàng hóa thời thượng và nền sản xuất tiểu thủ công của Pa-ri, một nền công nghiệp không có phân công lao động và máy móc !

Khế ước giữa xã hội và các hội đoàn công nhân:

"Hội công nhân cam kết với xã hội - mà nó là con đẻ và phụ thuộc vào xã hội này - là sẽ luôn luôn cung cấp sản phẩm theo những giá cả sát gần nhất với giá thành và những dịch vụ mà nó phải cung ứng, cũng như dành cho nhân dân tất cả những cải tiến và những sự hoàn thiện đáng mong muốn. Vì mục đích ấy hội công nhân không tham gia vào bất cứ liên hiệp nào, nó phục tùng cạnh tranh [1*], cung cấp tất cả các sổ sách và tài liệu lưu trữ của mình cho xã hội sử dụng, xã hội có ***những thẩm quyền giải tán hội công nhân,*** đó là sự thể hiện quyền kiểm soát của xã hội đối với hội công nhân".

(Vậy ai sẽ sử dụng những thẩm quyền ấy?)

Về bản thân các thành viên của hội thì :

"Mỗi thành viên của hiệp hội... đều có quyền không chia sẻ về tài sản của hội; thành viên có quyền thực hiện triệt để tất cả các bổn phận trong hiệp hội, giữ mọi chức vụ trong hiệp hội phù hợp với giới tính, tài năng, lứa tuổi và cấp bậc của thành viên ấy; do đó, phải lãnh đạo việc giáo dục, dạy dỗ và huấn luyện thành viên ấy sao cho trao được cho thành viên ấy phần trách nhiệm không dễ chịu và nặng nề của anh ta, để anh ta làm quen với đủ mọi kỹ năng lao động, cũng như các tri thức, và đảm bảo cho anh ta, đến tuổi trưởng thành, có được những kỹ năng tổng hợp và có được thu nhập thỏa đáng. Các chức vụ được nhận bằng con đường bầu cử, và các quy tắc của điều lệ phải được tất cả các thành viên của hiệp hội phê chuẩn. Mức thù lao được quy định phù hợp với tính chất chức vụ, mức độ tài năng và mức độ trách nhiệm. Mỗi thành viên trong hiệp hội đều được hưởng lợi nhuận, cũng như gánh vác các trách nhiệm của hiệp hội, căn cứ theo đóng góp của mình.

1* - "se soumet à la concurrence", trong tác phẩm của Pru-đông: "nó phục tùng quy luật cạnh tranh" ("se soumet à la loi de la concurrence") (p.256)

Mỗi thành viên đều có quyền ra khỏi hiệp hội nếu người ấy muốn, tiến hành việc thanh toán tương ứng và từ bỏ các quyền của mình; về phía mình hiệp hội có quyền kết nạp các thành viên mới vào bất cứ thời gian nào" (tr. 255-257).

"Việc áp dụng những nguyên tắc này trong thời đại quá độ sẽ dẫn đến ***hoạt động chủ động của giai cấp tư sản và sự hòa đồng của giai cấp này với giai cấp vô sản*** - kết quả ấy... sẽ phải ***gây nên một niềm phấn khởi ở mỗi nhà cách mạng chân chính***" (tr. 257). Giai cấp vô sản thiếu những khối óc biết suy nghĩ, và giai cấp tư sản sẵn lòng liên hiệp với giai cấp vô sản. "Không có một người tư sản nào, một khi biết thế nào là thương mại và công nghiệp với sự rủi ro khôn lường của chúng, mà lại không lựa chọn lấy một khoản thu nhập chắc chắn và một chức vụ danh giá trong hiệp hội công nhân, chứ không nhận lấy mọi sự lo âu gắn liền với hoạt động kinh doanh tư nhân" (tr. 258).

(Ngài Pru-đông ơi, chính ngài biết rõ điều đó mà.)

4. "Sự cấu tạo nên giá trị, tổ chức một nền thương mại ít tốn kém"

"Giá cả chính đáng",

đối tượng của những sự mong đợi to lớn,

bao gồm: 1) chi phí sản xuất và 2) ***khoản thù lao*** cho thương gia hoặc "khoản bù đắp cho những lợi lộc mà người bán không được hưởng khi khước từ sở hữu vật phẩm" (tr. 262). Để bảo vệ thương gia, cần đảm bảo việc tiêu thụ hàng hóa cho anh ta. Chính phủ lâm thời có thể đạt đến ngay tức khắc một sự hưng thịnh về thương mại, nếu nó bảo đảm 5% thu nhập cho 10 000 nhà công nghiệp đầu tiên, trong số đó mỗi người đều đóng góp đến 100 000 phrăng vào công việc.

(Vậy lấy đâu ra con số ấy thậm chí trong thời kỳ hưng thịnh nhất!)

Sẽ có 1 000 triệu được đầu tư vào công nghiệp. "Mười nghìn xí nghiệp thương mại và công nghiệp không thể làm việc cùng một lúc mà lại không có sự hỗ trợ cho nhau; những gì mà xí nghiệp này sản xuất ra thì xí nghiệp khác tiêu dùng; lao động là tiêu thụ".

(" Con chuột trên cạn ấy chỉ biết đến hometrade [1*] và tưởng tượng - giống như phần tử To-ri tầm thường nhất ở Anh - rằng có thể dùng nền thương mại ấy để đạt đến sự hưng thịnh của đại công nghiệp!)

1*- nội thương

Vì vậy, để tạo ra một sự bảo đảm như vậy, nhà nước chẳng những không cần chi ra 50 triệu, mà thậm chí không cần chi 10 triệu (tr. 266 - 267).

Worse trash never was written not even by Proudhon himself [1*].

Vậy, những bản hợp đồng thỏa thuận trên những cơ sở dưới đây:

"Nhà nước, vì những lợi ích mà nó tạm thời đại diện, các tỉnh và các công xã - mỗi tỉnh và mỗi công xã đại diện cho các cư dân của mình... - đề nghị đảm bảo cho những nhà kinh doanh nào sẵn sàng đưa ra những điều kiện có lợi nhất, được hưởng hoặc lợi tức phần trăm

(sau khi đã xóa bỏ lợi tức)

tính theo số tư bản và nguyên vật liệu đã tiêu hao tại các xí nghiệp của họ, hoặc được hưởng khoản thù lao cố định, hoặc nữa - ở nơi nào có thể làm được việc này - được nhận những đơn đặt hàng với số lượng đủ. - Về phần mình, các nhà thầu cam kết cung cấp sản phẩm và thực hiện những cam kết của mình trong khâu phục vụ người tiêu dùng, thỏa mãn mọi đòi hỏi của họ. Tuy nhiên, vẫn có một địa bàn đầy đủ cho cạnh tranh. Tất cả các nhân vật ấy phải chỉ rõ những yếu tố cấu thành giá cả sản phẩm, phương thức cung ứng, thời hạn hợp đồng và các phương tiện mà họ có trong tay để thực hiện hợp đồng đó. Các đơn xin nhận thầu được để trong những phong bì được niêm phong trong một thời hạn quy định, sau đó các phong bì được mở ra và được công bố trước lúc đem đấu thầu 8,15 ngày [2*]... Sau khi hết hạn của từng hợp đồng người ta ấn định những cuộc đấu giá công khai mới" (tr.268 -269).

5. "Ngoại thương, bảng cân đối giữa xuất khẩu và nhập khẩu"

Vì nhiệm vụ của hải quan là bảo vệ nền công nghiệp trong nước, nên việc giảm lãi suất, xóa nợ nhà nước và nợ tư nhân, việc giảm giá thuê các căn hộ và giá thuê nhà, sự cấu tạo giá trị v.v. đã giảm đáng kể chi phí sản xuất đối với tất cả các sản phẩm, qua đó mà tạo ra cả khả năng giảm thuế quan (tr.272).

Pru-đông chủ trương thủ tiêu thuế quan ngay khi lãi suất giảm xuống còn 1/2 hoặc 1/4%.

1* - Chưa ai viết ra điều nhảm nhí hơn thế, ngay cả bản thân Pru-đông

2* Trong tác phẩm của Pru-đông: "tùy theo tầm quan trọng của các bản hợp đồng - trước một tuần, hai tuần, ba tháng" (p.269).

"Nếu như ngày mai... ngân hàng Pháp giảm mức chiết khấu xuống còn 1/2 %, bao gồm lãi và tiền hoa hồng, thì các chủ xưởng và các thương gia ở Pa-ri và ở các tỉnh ***mà trước đây chưa vay tiền của ngân hàng này*** sẽ lập tức cố gắng đạt kết quả trong các cuộc thương thảo nhằm có được các ngân phiếu của ngân hàng này, ***bởi vì về những ngân phiếu này - được nhận theo mệnh giá, - họ sẽ trả lãi suất 1/2% thay vì 6,7,8 hoặc 9% mà họ phải trả về số tiền mà họ nhận vay ở các ngân hàng khác !!!***... Các chủ xưởng và các thương gia ở nước ngoài cũng sẽ sử dụng các ngân phiếu ấy. Vì các ngân phiếu của Pháp chỉ phải trả lãi 1/2% trong khi ngân phiếu các nước khác phải trả lãi cao gấp 10 lần hoặc 12 lần (!!), cho nên người ta sẽ lựa chọn các ngân phiếu của Pháp, ***mọi người sẽ muốn sử dụng chính những đồng tiền ấy trong hoạt động thanh toán của mình*** *!!* (tr. 274). Để nhận được nhiều hơn nữa các ngân phiếu của ngân hàng Pháp, các nhà sản xuất ngoại quốc sẽ giảm giá hàng hóa của mình, và khối lượng nhập khẩu của chúng ta sẽ tăng lên. Nhưng vì người nước ngoài không thể sử dụng những ngân phiếu được xuất khẩu ấy để mua địa tô ở Pháp, cũng như để hoàn trả chúng lại cho chúng ta dưới hình thức những khoản vay nợ, cũng như để có được các quyền thế chấp ruộng đất của chúng ta, nên việc nhập khẩu ấy sẽ không gây hại cho chúng ta; "ngược lại, sẽ không phải chúng ta là người hạn chế những vụ mua của chúng ta, mà người nước ngoài sẽ phải thận trọng trong việc bán hàng" (!!) (tr. 274 - 275).

Do ảnh hưởng của sự nhập khẩu những ngân phiếu có phép lạ ấy của Pháp, người nước ngoài sẽ buộc phải lặp lại ở nước mình cũng cuộc cách mạng kinh tế mà Pru-đông đã thực hiện ở Pháp.

Cuối cùng là lời kêu gọi các luật sư cộng hòa, tất cả những phần tử Crê-mi-ơ, Ma-ri, Lơ-đruy-Rô-lanh, Mi-sen và những người khác chấp nhận các tư tưởng đó. Họ đại diện cho tư tưởng *pháp quyền*, do sứ mạng của mình mà họ có trách nhiệm mở con đường mới ở đây (tr. 275 - 276).

BÀI NGHIÊN CỨU THỨ BẢY
"SỰ HÒA TAN CHÍNH PHỦ TRONG CƠ THỂ KINH TẾ"

1. "Xã hội không có chính quyền".

Lối nói hoa mỹ.

2. "Xóa bỏ các chức năng chính quyền. Những hình thức thờ phụng".

Những sự hoang tưởng lịch sử, tôn giáo - triết học và thơ ca. Kết quả: voluntary system [1*] - đang ngự trị ở Mỹ - trong lĩnh vực này đồng nghĩa với việc xóa bỏ nhà nước (tr. 293 - 295).

3. "Tư pháp".

Không ai có quyền xét xử người khác, nếu người ấy tự mình không làm cho người thứ nhất trở thành quan tòa và nếu như đạo luật bị vi phạm không có được sự tán thành tự do của chính kẻ vi phạm,

và những ý kiến phát biểu thâm thúy tương tự.

Với chế độ khế ước, mỗi người đều bày tỏ sự đồng ý của mình với luật pháp, và "phù hợp với nguyên tắc dân chủ, quan tòa phải do chính các bị cáo bầu ra"

(tình hình này tồn tại ở Mỹ);

trong các vụ án dân sự các bên khiếu kiện phải bầu ra các thẩm phán trọng tài mà quyết định của họ phải được thi hành trong mọi trường hợp. Như vậy, nhà nước cũng bị loại trừ khỏi lĩnh vực tư pháp (tr. 301 - 302).

4. " Cơ quan hành chính, cảnh sát".

Ở nơi nào mọi người đều tham gia các quan hệ thỏa thuận với nhau thì hoàn toàn không cần có cảnh sát; "các công dân và các công xã

(do đó, cả những tỉnh lẻ, cả từng dân tộc)

không còn cần đến sự can thiệp của nhà nước để quản lý tài sản của họ, xây dựng các cây cầu của họ v.v. và để thực hiện tất cả những trách nhiệm về giám sát, bảo vệ và công việc phục vụ của cảnh sát nữa" (tr. 311).

Nói cách khác, sự quản lý hành chính không bị loại bỏ, nó chỉ *được phi tập trung hóa.*

5. "Giáo dục quốc dân, công tác xã hội, nông nghiệp, thương mại, tài chính".

Tất cả những bộ này đều bị xóa bỏ. Các người cha của các gia đình bầu ra các thầy

1* - Chế độ tự nguyện

giáo ở trường học. Các thầy giáo ở các nhà trường bầu ra các nhân vật chức sắc cao cấp trong lĩnh vực giáo dục, kể cả "Hội đồng hàn lâm" tối cao (tr. 317). Giáo dục lý thuyết cao đẳng sẽ gắn với giáo dục nghề nghiệp; chừng nào nó còn tách rời khỏi việc dạy nghề thì nó còn mang bản chất quý tộc, nó phục vụ giai cấp thống trị, củng cố giai cấp ấy và quyền lực của giai cấp này đối với những người bị áp bức (tr. 318 - 319).

Nhìn tổng thể giáo dục lý thuyết được lý giải rất hẹp, nó được xem xét trong phạm vi phân công lao động, cũng hoàn toàn như là việc học nghề trong các hiệp hội công nhân.

Tuy nhiên, nếu "trong nước cộng hòa sẽ tồn tại hội đồng trung ương về dạy nghề, giống như hội đồng dạy nghề về các vấn đề xưởng thủ công và nghệ thuật ...thì tôi sẽ không phản đối".

Chỉ cần loại bỏ các bộ và hệ thống tập trung của Pháp (tr.319).

Bộ công tác xã hội phải chấm dứt tồn tại, vì nó đè nén sáng kiến của các công xã, các tỉnh và các hội công nhân.

Vậy là, cả ở đây nữa cũng vẫn là hệ thống Anh-Mỹ trong cái khung xã hội (tr.320-321).

Bộ nông nghiệp và thương mại - thói ăn bám và nạn tham nhũng dưới hình thức thuần túy. Bằng chứng: ngân sách của nó (tr.322-324).

Bộ tài chính tự nó sẽ tiêu vong khi sẽ không cần quản lý nền tài chính nào nữa (tr.324).

6. "Ngoại giao, chiến tranh, hạm đội".

Các công việc đối ngoại sẽ biến mất cùng với sự lan tràn rộng khắp không tránh khỏi của cách mạng. Các dân tộc đều phi tập trung hóa, và những bộ phận riêng biệt của các dân tộc sẽ giao tiếp với những người láng giềng của mình theo cách như thể tất cả họ đều thuộc cùng một dân tộc. Ngoại giao và các cuộc chiến tranh sẽ cáo chung. Nếu nước Nga rắp tâm can thiệp thì người ta sẽ cách mạng hóa nước Nga. Nếu nước Anh không muốn giảm bớt đôi chút những yêu sách của mình thì cả nó cũng sẽ được cách mạng hóa và nhờ vậy các khó khăn sẽ mất đi. Các dân tộc được cách mạng hóa đều có chung những lợi ích, bởi vì khoa kinh tế chính trị, giống như môn hình học, đều giống nhau đối với tất cả các nước. "***Không tồn tại khoa kinh tế chính trị Nga, Anh, Áo, Tác - ta hoặc Ấn Độ, cũng giống như không có môn vật lý học hoặc hình học Hung-ga-ri, Đức, Mỹ***" (tr.328).

"LỜI BẠT"

Lối nói hoa mỹ một trăm phần trăm. Và ở đây có đoạn dưới đây đánh trúng mục tiêu, đoạn này lật nhào một cách nực cười nhất toàn bộ cả tòa lâu đài của tình trạng vô chính phủ.

Với trật tự kinh tế thì "lý trí, có kèm theo kinh nghiệm, mở ra cho con người các quy luật của thiên nhiên và của xã hội, rồi sau đó nói với con người: những quy luật ấy là những đòi hỏi của bản thân tính tất yếu; không một ai trong mọi người tạo ra chúng, không một ai áp đặt chúng cho anh... Liệu anh có hứa tôn trọng danh dự, tự do và tài sản của những người anh em của mình hay không? Liệu anh có hứa không bao giờ chiếm đoạt - bằng vũ lực, bằng lừa đảo, bằng đút lót, bằng sự đầu cơ ở sở giao dịch - sản phẩm được sản xuất ra hoặc tài sản của người khác hay không? Liệu anh có hứa sẽ không bao giờ nói dối và lừa bịp - cả trước tòa án, cả trong thương mại, cũng như trong bất kỳ một vụ giao dịch nào của anh, hay không? Anh được tự do chấp nhận cũng như bác bỏ điều đó. ***Nếu khước từ anh sẽ trở thành thành viên của xã hội những người dã man; rời bỏ cộng đồng loài người, anh sẽ bị hoài nghi, anh sẽ mất đi mọi sự bảo vệ. Trong bất kỳ một trường hợp nào bị xúc phạm mảy may, bất cứ người nào cũng có thể đánh anh, mà có chăng họ chỉ bị buộc tội đối xử tàn bạo không cần thiết với súc vật***. Ngược lại, nếu anh thể tuân theo khế ước thì anh sẽ được kết nạp vào xã hội những con người tự do. Cùng với anh tất cả những người anh em của anh sẽ lãnh lấy sự cam kết, hứa với anh về lòng trung thành, tình bạn, sự giúp đỡ, những sự trợ giúp, sự trao đổi với nhau. Trong trường hợp anh hoặc họ vi phạm khế ước – do bất cẩn, vì ảnh hưởng của sự đam mê hoặc vì ác ý - các anh sẽ một mình chịu trách nhiệm trước những người khác về số thiệt hại, cũng như về tình trạng lộn xộn và về tình trạng không có an ninh mà bản thân các anh là nguyên nhân dẫn đến những tình trạng ấy, và trách nhiệm ấy có thể dẫn đến sự trừng phạt, kể cả trục xuất ***hoặc tử hình***, tùy theo tính chất nghiêm trọng của hành động vi phạm lời thề hoặc có phải đó là sự tái phạm hay không" (tr. 342 - 343).

Tiếp theo là công thức tuyên thệ của liên minh mới - người ta tuyên thệ

"bằng lương tri của mình đứng trước những người anh em của mình và trước toàn Nhân loại".

Kết thúc là những lời suy xét về tình hình hiện thời.

Người nông dân đứng bên ngoài chính trị, công nhân cũng vậy, nhưng cả nông dân, cả công nhân đều có tinh thần cách mạng. Cũng như họ, người tư sản theo đuổi những lợi ích của mình và cũng ít quan tâm đến hình thức cai trị. Do ngây thơ, chính anh ta gọi đó "là người bảo thủ và tuyệt nhiên không phải là người ủng hộ cách mạng". - "Thương gia, chủ xưởng, chủ xưởng thủ công, người chủ sở hữu ở nông thôn... tất cả những người ấy đều khao khát sống, và sống tốt đẹp; họ có tinh thần cách mạng đến tận đáy lòng, có điều là trong việc tìm kiếm cách mạng họ bước dưới lá cờ lầm lạc". Ngoài ra, họ hoảng sợ trước sự thật là vào thời điểm ban đầu cách mạng không tránh khỏi phải "đặc biệt" bày tỏ "quan điểm của giai cấp vô sản"; "giờ đây vấn đề này đã được làm sáng tỏ đủ rõ ràng để cho một sự phân liệt như thế

(giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản)

vẫn tiếp diễn cả về sau này" (tr. 347). Với tín dụng có mức lãi 1/4 thì cả giai cấp tư sản cũng trở nên cách mạng, cách mạng sẽ không còn gây sợ hãi cho nó nữa.

Lời kết thúc khoa trương hướng vào Ca-ve-nhắc và Lơ-đruy-Rô-lanh:

nếu họ khẳng định rằng "nền cộng hòa cao hơn quyền đầu phiếu phổ thông" thì điều đó có nghĩa là "cách mạng cao hơn nền cộng hòa" [222].

Do Ph.Ăng- ghen viết vào tháng Tám và tháng Mười 1851
Công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong "Văn khố của Mác và Ăng - ghen", t.X, 1948

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức và tiếng Pháp

C.MÁC

TƯỚNG CLÁP-CA [223]

Cương lĩnh dẫn ra dưới đây của tướng Cláp-ca - mà chúng tôi đã nhận được từ một nguồn đáng tin cậy - là để chuyển cho Cô-sút sau khi ông này đến Luân Đôn. Cương lĩnh này chứng tỏ uy tín của Cô-sút đã bị lung lay mạnh như thế nào trong hàng ngũ những nhân vật nổi tiếng nhất ủng hộ ông ta. Trong cương lĩnh ấy có nói như sau:

CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ

Vì tôi rời khỏi sân khấu của mọi hoạt động chính trị trong một thời gian, và có thể là lâu dài, nên vì không muốn có sự lý giải sai lạc những nguyên tắc và quan điểm của tôi, tôi xin tuyên bố ở đây với bạn bè tôi.

1) Không thực hiện nền chuyên chính nào tại tổ quốc cũng như ở bên ngoài biên giới tổ quốc, chừng nào nhân dân chưa bày tỏ ý chí của mình trong vấn đề này.

2) Tính đến ý kiến của đa số đồng bào và căn cứ vào sự tin tưởng vững chắc của chính mình, tôi thừa nhận nhân vật đứng đầu tổ chức của những người Hung-ga-ri lưu vong là ngài Lút-vích Cô-sut đáng kính của chúng ta, nhưng đồng thời tôi tuyên bố rằng tôi thấy rằng việc bám lấy chức vụ và tước hiệu thủ lĩnh là điều hoàn toàn không tương dung với nguyên tắc cơ bản trong hoạt động cách mạng của chúng ta.

3) Về hoạt động của chúng ta ở ngoại quốc:

a) để lãnh đạo công việc, một số đại diện do toàn thể giới lưu vong bầu ra, cùng với vị đứng đầu nêu trên, phải tạo thành ủy ban trung ương;

b) trong phân phối số tiền nhận được nhờ uy tín của sự nghiệp Hung-ga-ri cần phải tuân theo không phải các quan hệ cá nhân, mà chỉ tuân theo những suy nghĩ xem người con trung thành nào đó của tổ quốc đã làm gì cho tổ quốc và nói chung người con ấy có quyền được hưởng sự hậu thuẫn không. Căn cứ vào đó thì số tiền mà ủy ban trung ương dành cho việc hỗ trợ các cá nhân, sẽ được trao cho những ủy ban chi phối do những hiệp hội tương ứng của giới lưu vong bầu ra để sử dụng một cách vô tư và công khai.

Về hoạt động của chúng ta ở trong nước.

Ngay khi nào Hung-ga-ri đủ khả năng bắt đầu cuộc đấu tranh sống mái chống lại bọn bạo chúa của mình thì người nào lúc ấy sẽ đứng đầu sự nghiệp chung sẽ phải triệu tập trong thời hạn ngắn nhất, trên cơ sở quyền đầu phiếu phổ thông, quốc hội lập hiến với tư cách là chính quyền cách mạng duy nhất, và chính phủ sẽ phải ra đời chỉ như là kết quả hoạt động của quốc hội này.

4) Vì nhiệm vụ của chúng tôi không thể là can thiệp vào hoạt động của các đại biểu tương lai của dân tộc và việc soạn thảo ngay bây giờ bản hiến pháp cho tổ quốc chúng ta, nên chúng tôi chỉ có thể nêu ra những nguyên tắc mà chúng tôi hy vọng sẽ đem lại trong tương lai một sự hưng thịnh - một sự phục hưng, sự hùng cường, hạnh phúc của tổ quốc và một sự đảm bảo liên minh chặt chẽ và không gì phá vỡ được của tất cả các dân tộc; những nguyên tắc ấy - nếu chúng ta, ngoài ra, còn muốn tính đến tinh thần và quá khứ của dân tộc chúng ta - là : tự do, bình đẳng và tình anh em, được áp dụng như nhau đối với các cá nhân cũng như đối với các dân tộc.

Đó là những nguyên tắc của cá nhân tôi. Nhưng vì mệnh trời không đếm xỉa đến những suy nghĩ nhỏ mọn của chúng tôi nên thường có ảnh hưởng quyết định đối với vận mệnh của các dân tộc chính là ở nơi mà người ta ít chờ đợi điều đó nhất, và vì - theo ý kiến tôi - hiện nay các vấn đề về bản hiến pháp tương lai của Hung-ga-ri đứng ở hàng thứ hai, nhưng vấn đề chủ yếu, vấn đề sống còn là lật đổ ách thống trị của Áo đang đe dọa thủ tiêu hoàn toàn sự tồn tại của dân tộc, - nên tôi tuyên bố rằng tôi sẽ dùng thanh gươm của mình, cũng như ảnh hưởng của mình để phục vụ bất cứ cường quốc nước ngoài nào theo đuổi

mục tiêu lật đổ triều đại Áo. gắn liền với việc khôi phục nền độc lập và sự tồn tại quốc gia của Hung-ga-ri.

Tháng Tư 1852 Tướng *Ghê - oóc - gơ Cláp - ca*

Qua bản cương lĩnh dẫn ra trên đây có thể có được một quan niệm rất chính xác về tính cách của Cláp-ca. Ông ngồi vững chắc giữa hai chiếc ghế, ông rất muốn tỏ ra độc lập và tích cực, nhưng để làm được việc này ông không có đủ lực lượng. Bản năng tự nhiên mạnh hơn ý chí. Ông muốn có Cô-sút và đồng thời lại không muốn có ông ta. Ông dùng một tay vuốt ve Cô-sút, nhưng dùng tay kia tát vào má ông ấy, nhưng để những cái tát ấy thật êm dịu, ông đã đeo găng tay bằng lụa. Cláp-ca quên rằng cái tát được thực hiện bằng bàn tay đeo găng hoặc không đeo găng vẫn là cái tát, và rằng một con người hết sức háo danh, hay cáu kỉnh và hiếu thắng như Cô-sút thì sẽ không quên những sự xúc phạm nhỏ cũng như những sự xúc phạm lớn. Những người hay dao động, thiếu tinh thần độc lập như Cláp-ca thì có nỗi bất hạnh là luôn luôn làm mọi việc chỉ nửa chừng. Bằng cương lĩnh này Cláp-ca biểu lộ thái độ ấu trĩ chính trị, còn câu nói cuối cùng của ông thậm chí còn mang dấu ấn một sự sơ xuất vụng về. Cláp-ca quên rằng nhiều lúc chỉ cần một câu nói không đúng lúc là đủ để làm lộ mọi kế hoạch. Chúng tôi mong tướng Cláp-ca không rơi vào tình huống ông ta sẽ phải hối hận về sự vụng về của nhà ngoại giao Cláp-ca.

Do C.Mác viết vào nửa đầu tháng Năm 1852

In theo bản sao viết tay do Gien - ni Mác thực hiện

Nguyên văn là tiếng Đức
Công bố lần đầu

C.MÁC

VỀ KÊ-RI [224]

Ở Mỹ, nơi mà ngày nay các mâu thuẫn xã hội kém phát triển hơn nhiều so với ở châu Âu - những nền tảng của châu Âu đã bị xói mòn một cách căn bản - học thuyết này đã tìm thấy người đại diện cho mình là nhà kinh tế học Kê-ri [225]. Giáo sư *Uây-len-đơ* đã trở thành đối phương bảo thủ - tư sản (xét theo quan điểm trường phái mới hơn ở Anh) của học thuyết này. Thật hết sức đáng buồn cho phái ủng hộ Kê-ri, tác phẩm "Những nguyên lý của kinh tế chính trị học" của Uây-len-đơ [226] đã được dùng làm sách giáo khoa ở đa số các trường ở Niu-In-glân [227].

Công lao chủ yếu của Kê-ri là ở chỗ ông đã thật sự làm ra một sản phẩm đặc thù, trực tiếp nảy sinh trên miếng đất của Mỹ mà không có những sự pha tạp bên ngoài. Học thuyết của ông, không hơn không kém, là thực thể vạn năng, nó là *môn khoa học* thuần túy *của người Mỹ*. Nó tìm cách chứng minh rằng tuồng như những điều kiện *kinh tế* của xã hội tư sản không phải là những điều kiện của đấu tranh và đối kháng, mà đúng hơn, đó là những điều kiện cho liên hiệp và hài hòa. (Trong lý luận thì rất đẹp đẽ, còn thực tiễn trong lĩnh vực này là do các thành phố công xưởng hiện đại cung cấp!) Những điều kiện kinh tế ấy phân ra thành:

1) *địa tô*, phần của người sở hữu ruộng đất;

2) *lợi nhuận*, phần của nhà tư bản;

3) *tiền công*, phần của công nhân trong giá trị thành phẩm.

Như chúng ta thấy, Kê-ri tỏ ra quá am hiểu để gắn - theo gương của đám người trẻ tuổi kiểu La Mã mới ra lò ở Phi-la-đen-phi-a [228] hoặc là nhân vật đi trước họ, s.v. [1*] Hai-nơ-txen, - sự tồn tại của các giai cấp với sự tồn tại của các đặc quyền và độc quyền *chính trị* và vì vậy cho rằng Đại cách mạng Pháp, không nghi ngờ gì nữa, đã tạo nên sự hài hòa xã hội và vĩnh viễn chiếm quyền phát minh về sự hài hòa ấy [229]. Ngược lại, Kê-ri tìm kiếm những nguyên nhân kinh tế để giải thích những hiện tượng kinh tế, trong việc này dĩ nhiên ông không vượt ra ngoài khuôn khổ những quan hệ giai cấp ở Mỹ chưa biểu lộ rõ ràng, lờ mờ, còn ở trong sự vận động. Vì vậy ông chỉ chứng minh cái gì đã được *yếu tố nhất thời nào đó* trong tiến trình phát triển của xã hội coi là *những quan hệ bình thường* trong đời sống xã hội. Cuộc luận chiến giữa trường phái Kê-ri với các nhà kinh tế học Anh là tiêu biểu nhất. Trường phái Kê-ri đả kích *Ri-các-đô*, đại biểu cổ điển của giai cấp tư sản và là đối thủ khắc kỷ nhất của giai cấp vô sản, một người mà các tác phẩm của ông tựa hồ như là một kho vũ khí cho phái vô chính phủ, những người xã hội chủ nghĩa, nói vắn tắt, cho tất cả "các kẻ thù của chế độ tư sản". Cũng với một đầu óc cuồng tín như khi nó đả kích Ri-các-đô, trường phái này cũng truy nã tất cả những nhà kinh tế học có uy tín khác của châu Âu tư sản hiện đại và nó trách cứ các nhà kinh tế học cột trụ của giai cấp tư sản rằng họ xé xã hội thành những mảnh nhỏ và rèn đúc vũ khí cho nội chiến, khi họ trắng trợn chứng minh rằng những cơ sở kinh tế của các giai cấp khác nhau tất làm nảy sinh sự đối kháng tất yếu và luôn tăng lên giữa các giai cấp ấy.

1* - salva venia - nếu quý vị cho phép thì tôi xin nêu cụ thể là

Ông Ba-xti-a người Pháp dứt khoát là người ủng hộ nền mậu dịch tự do; những nhân vật trẻ tuổi kiểu La Mã ở Phi-la-đen-phi-a tỏ ra khờ khạo ngây thơ khi họ lặp lại theo ông lời cầu nguyện "ban phước lành cho mậu dịch tự do". Bản thân Kê-ri đã bắt đầu con đường danh vọng của nhà kinh tế học từ chỗ là người ủng hộ mậu dịch tự do và trước đây đã từng tung ra những câu bông đùa tuyệt trần; ví dụ, ông đã coi nước Pháp tư sản giống nước Trung Quốc do nước Pháp có thiên hướng thực hiện thuế quan bảo hộ [230]. Cũng giống như tất cả những người ủng hộ mậu dịch tự do, ông coi nguyên nhân của tất cả mọi trục trặc trong xã hội là sự can thiệp không đúng chỗ của nhà nước vào các công việc thuộc thẩm quyền của công nghiệp tư nhân, v.v.. Về mặt này ông hoàn toàn là người Mỹ, người Mỹ từ đầu đến chân. Ngày hôm nay ngài Kê-ri buồn rầu, ông đang rên rỉ và cùng với *Xi-xmôn-đi* người Pháp, ông đả kích kịch liệt về những ảnh hưởng hủy hoại của nền đại công nghiệp của nước Anh đang ở trong quá trình tập trung hóa mà, theo ý kiến của ông, nước Anh đã tạo ra "nguyên tắc tồi tệ" trong xã hội [231]. Chưa nói đến việc Kê-ri đã hoàn toàn không nhận thấy yếu tố *cách mạng* và có tác dụng cải tạo trong những ảnh hưởng phá hoại của công nghiệp, thì ông cũng đã tỏ ra quá ư là người Mỹ nên không thể trút *trách nhiệm* lên bản thân nền công nghiệp, điều đó sẽ là kết luận duy nhất đúng đắn trong những suy xét của ông. Ông trút lên đầu người Anh trách nhiệm cá nhân về ảnh hưởng của nền công nghiệp của họ, chưa nói đến việc Ri-các-đô lại còn phải chịu trách nhiệm về nước Anh. Rơi vào mâu thuẫn ấy, Kê-ri tất yếu phải dần dần ngày càng có khuynh hướng ngả về [trật tự] tiểu tư sản, ngả về sự liên minh gia trưởng đã từng có lúc tồn tại, nhưng từ lâu đã bị loại trừ, giữa nông nghiệp với công trường thủ công.

Tất cả những gì xảy ra với Kê-ri và những người theo trường phái của ông, đều do họ là người Mỹ; dưới chiêu bài và - chúng tôi thậm chí có thể giả định như vậy - với thiện ý và do tin chắc rằng họ bênh

vực "giai cấp đông đảo nhất và đau khổ nhất", họ thách thức giai cấp tư sản Anh. Xi-xmôn-đi đã làm điều đó khi ông ta công kích *nền công nghiệp hiện đại* và nuối tiếc *nền công nghiệp công trường thủ công ngày trước*; chính họ làm điều đó khi họ tuyên truyền chế độ thuế quan bảo hộ ngày nay. Như vậy, về thực chất, với tất cả những câu nói từ thiện của mình, họ chỉ muốn *đẩy nhanh* một cách giả tạo quá trình phát triển ***kiểu Anh*** *của giai cấp tư sản công nghiệp ở Mỹ*. Đó là phong cách từ thiện - không tưởng trong cuộc cạnh tranh giữa Anh và Mỹ, cuộc cạnh tranh này là hiện tượng hết sức thú vị đối với môn kinh tế chính trị học hiện đại. Khía cạnh thiên tài của môn kinh tế chính trị học thể hiện ở đây một cách sáng chói nhất [232].

Vấn đề là trong cuộc cạnh tranh giữa Mỹ và Anh chúng ta thấy rằng nước Anh ngày càng bị chèn ép xuống địa vị như Vơ-ni-dơ, Giê-nơ và Hà Lan, tất cả họ buộc phải đem tư bản của mình cho vay lấy lãi sau khi địa vị độc quyền của họ trong thương mại không còn nữa. Giê-nơ và Vơ-ni-dơ đã giúp vào sự vươn lên cao của Hà Lan, Hà Lan đã cung cấp tư bản cho nước Anh, bây giờ thì nước Anh cũng buộc phải làm y như vậy đối với Hợp chúng quốc Mỹ. Có điều là hiện nay, về tất cả mọi phương diện, cuộc cách mạng này tỏ ra hết sức lớn hơn những gì đã diễn ra trước đây. Địa vị của nước Anh khác với địa vị của những nước ấy ở chỗ là đối với những nước này độc quyền thương mại đã từng là yếu tố hàng đầu và đó là điều không khó phá vỡ, trong khi đó nước Anh ngoài ra còn nắm cả độc quyền công nghiệp mà xét về bản chất thì sự độc quyền này vững vàng hơn. Nhưng, mặt khác, giai cấp tư sản Anh hết sức có quá nhiều tư bản, cho nên nó buộc phải xây dựng đường sắt ở cả hai phần thế giới, đầu tư vào ngành chiếu sáng bằng khí đốt ở Béc-lin, vào các cánh đồng nho ở Boóc-đô, vào các công xưởng Nga và các tầu thủy Mỹ. Tất cả những điều đó cung cấp tư liệu cho những sự quan sát hết sức lý thú, nó như là lực hấp dẫn được tư bản tập trung

của Anh [Central kapital] sử dụng và không tránh khỏi được bổ sung bằng lực ly tâm lại làm cho nó vươn tới tất cả mọi góc trời. Chỉ cần cách mạng nổ ra là người ta sẽ thấy rằng người Anh đã tạo ra cho lục địa châu Âu tất cả các phương tiện giao thông và máy móc cho sản xuất mà không phải trả tiền; Mỹ thì không chờ đợi các cuộc cách mạng; nó tính toán bằng phương pháp bảo thủ-tư sản, thỉnh thoảng thanh toán khoản nợ của mình với nước Anh bằng sự phá sản. Đó là một trong số những bí quyết khiến nó nhanh chóng vươn lên cao, đó là hiện tượng hợp quy luật, giống như những tai nạn đường sắt và đường thủy. Cũng vẫn thái độ vô tâm bất cần đó, cũng vẫn hiện tượng sản xuất bung ra điên cuồng nhất, tạo khả năng xuất hiện hàng chục ngàn doanh nghiệp mà nếu trong những hoàn cảnh khác sẽ không bao giờ ra đời được, thản nhiên đẩy hàng trăm và hàng trăm con người - thông qua máy hơi nước - đi đến chết sớm. Cái này chỉ bổ sung cho cái kia. *Sự nhân lên một cách không kìm giữ của cải của các hiệp hội tư bản chủ nghĩa với thái độ hoàn toàn xem thường tính mạng con người* ! - đó là lời bình luận về "thắng lợi của tinh thần cá nhân ở những người Ăng-glô-xắc-xông"! [233]

Do C. Mác viết năm 1852- 1853
Đã đăng trên báo "Die Reform", các số 49 và 50, ngày 17 và 21 tháng Chín 1853

In theo bản in trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

C.MÁC

ĐA-VÍT UỐC-CÁC-TƠ [234]

Điều làm chúng tôi ngạc nhiên là trên một trong số những tờ báo Anh mà những chuyến tầu thủy gần đây chở đến cho chúng tôi, chúng tôi phát hiện thấy rằng ngài Uốc-các-tơ - người mà gần đây người ta đã nhiều lần nhắc tới như là nhà cổ động cho việc tiến hành những cuộc mít-tinh bài Nga ở nước Anh - lại được nêu tên như là *một vụ phục vụ cho nước Nga* [235]. Chúng tôi chỉ có thể giải thích điều phi lý ấy là những mưu mô của "chủ nghĩa Xla-vơ tự do", bởi lẽ cho đến nay toàn thể châu Âu đã biết Uốc-các-tơ chỉ là kẻ thù không đội trời chung, cuồng tín đến điên rồ của nước Nga và là bạn của Thổ Nhĩ Kỳ. Người ta khẳng định rằng khi ông này là bí thư sứ quán ở Công-xtăng-ti-nô-plơ, người Nga thậm chí đã toan đầu độc hạ thủ ông ta. Vì vậy, chúng tôi xin nói vài lời về con người này, mà về vai trò thực tế của ông ta - tuy tên của ông ta ai ai cũng nói - thì hầu như không một ai biết rõ.

Uốc-các-tơ luôn luôn chú ý quá nhiều về một ý tưởng dai dẳng *nào đó*. Trong suốt 20 năm ông ta đã *uổng công* vạch mặt Pan-mốc-xtơn và những âm mưu của người Nga, và do vậy ông ta đương nhiên đã phải mất một nửa trí khôn, giống như bất kỳ một người nào ấp ủ một tư tưởng đúng đắn *nào đó*, song lại không đem

thực hiện được tư tưởng này trong cuộc sống. Pan-móc-xtơn cho đến nay vẫn đứng vững bằng hành động ngoại giao của mình, điều này đã được Uốc-các-tơ lý giải là do những sự lục đục giữa phái cấp tiến và phái bảo thủ, điều này có phần đúng, nhưng dĩ nhiên chỉ đúng một phần thôi. Là một phần tử bảo thủ bẩm sinh, Uốc-các-tơ cho rằng lối thoát duy nhất để thoát khỏi nghị viện Anh hiện nay - nghị viện này đánh giá mọi người không phải căn cứ vào những công lao của người đó, mà chỉ tùy thuộc vào việc người ấy có giữ chức vụ nào đó hay không - là : một mặt, tăng cường những đặc quyền của chính quyền nhà vua và mặt khác, áp dụng chế độ tự quản thị chính ở địa phương. Ông ta mong muốn phương Tây phải tạo thành một khối hết sức gắn chặt và thống nhất - như người Nga - để kháng cự lại nước Nga. Vì vậy, ông ta không muốn *nghe thấy điều gì nói về các chính dảng* và ông ta là kẻ thù chủ yếu chống lại những ý đồ tập quyền. Vì tất cả các cuộc cách mạng đã từng diễn ra cho đến nay, kể từ năm 1848, trong một thời điểm nào đó đã góp phần thuận lợi vào sự bành trướng của nước Nga, nên ông ta có ý nghĩ điên rồ nhất là quy những kết quả ấy cho những ý đồ *có suy tính từ trước* của giới ngoại giao Nga. Đồng thời, trong ý thức của Uốc-các-tơ, các gián điệp của Nga đều là những kẻ bí mật cầm đầu các cuộc cách mạng. Vì trong khuôn khổ hệ thống bảo thủ cũ, *nước Áo* là đối trọng trực tiếp của Nga, cho nên ông ta tỏ thái độ đặc biệt gắn bó với nước Áo và ghét bỏ mọi cái gì có thể đe dọa sự hùng mạnh quốc tế của nước Áo. Đối lập với thái độ cào bằng, một mặt là của Nga, và mặt khác là của cách mạng, ông ta kiên quyết ủng hộ chủ nghĩa cá nhân và tính độc đáo của các dân tộc. Vì vậy, trong con mắt của ông ta, người Do Thái, người Di-gan, người Tây Ban Nha và người Hồi giáo, kể cả người Tréc-kê-xi, đều là bốn dân tộc xuất sắc nhất, bởi vì, theo lời ông ta, họ chưa bị nhiễm phải thói tầm thường (vulgarism) của Pa-ri và Luân Đôn. Qua tất cả những điều đó, người ta thấy rằng

quan niệm của ông ta về lịch sử ắt mang tính chất rất chủ quan; đối với ông ta, lịch sử ít nhiều chỉ là công việc của giới ngoại giao. Về quan niệm khách quan, duy vật về lịch sử thì ông ta coi quan niệm ấy là cái gì đó mưu toan ngăn cản các tội ác đứng trước công lý, và ngược lại, mong muốn nâng các tội ác ấy thành luật pháp. Như một nhà phê bình đã nhận xét về Uốc-các-tơ,

"ông là một ông già đáng kính, cổ chấp, yêu chuộng sự thật, hân hoan, hết sức lún sâu vào những định kiến và đã hoàn toàn lầm cẩm".

Vì cuộc đời ông ta chỉ theo đuổi *một* mục đích - đấu tranh chống nước Nga - ông ta tiến hành cuộc đấu tranh ấy với một sự sáng suốt vốn có của những người cuồng si và với sự rất am hiểu công việc - cho nên tất cả những điều đó không đáng sợ cho lắm. Hiệp sĩ của *một* mục tiêu cuộc đời không tránh khỏi lại phải hiện ra dưới hình dáng "một hiệp sĩ cao thượng và đau khổ", và ở ông ta cũng không thiếu các nhân vật Xăng-sô Păng-xa - ở đây cũng như ở châu Âu. Một trong những khuôn mẫu hiện đại thuộc loại này đã được thể hiện qua A.P.C. [1*], thành trì chủ yếu ấy ở Luân Đôn của tờ "Tribune".

Do C.Mác viết khoảng ngày 20 tháng Mười một 1853

Đã đăng trên báo "Die Reform" số 112, ngày 19 tháng Chạp 1853

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

1*- A.Ph. Pun-xki

C.MÁC

NỀN TÀI CHÍNH CỦA ANH. - NHỮNG VỤ LỘN XỘN Ở PRE-XTƠN [236]

Luân Đôn. thứ sáu, 31 tháng Ba 1854

Dự luật về thuế thu nhập đã được thông qua[237]. Ngài Gi. Pa-kinh-tơn đã công khai chống lại dự luật này là hoàn toàn cơ sở, mặc dù khá tẻ nhạt, và nêu rõ rằng việc mới đây công bố các Sách xanh [238], các thư tín bí mật và riêng tư đã soi sáng hoàn toàn theo cách mới chính sách tài chính trước đây của bộ trưởng tài chính. Ngài Glát-xtơn đã đệ trình ngân sách hòa bình ngày 18 tháng Tư 1853 khi ông ta phải hoàn toàn tin chắc rằng chiến tranh đang đến gần [239]. Trước khi ông ta đưa ra bản tuyên bố 3 ngày thì nội các liên hiệp đã được viên đại tá Rô-dơ thông báo rằng,

"công tước Men-si-cốp, tuy chưa trình bày để tỏ tường biết về tính chất sứ mạng của mình và những đòi hỏi của mình, đã khăng khăng tìm cách muốn vị tể tướng kia đưa ra lời cam đoan chính thức rằng ông ta sẽ không thông báo về những đòi hỏi ấy cho các đại diện của Anh và của Pháp" [240].

Qua bản tin mật, nội các liên hiệp [241] cũng đã biết về ý định của

hoàng đế [1*] muốn loại trừ "con người ốm yếu" [242]để người ấy không tuột khỏi tay vị hoàng đế ấy. Cớ trong tay thông tin này, vị tín đồ ngọt ngào của giáo phái Pi-u-di[243] còn đi xa hơn nữa và nói với nghị viện:

"Nếu các vị kéo dài hiệu lực của thuế thu nhập đến 7 năm thì trong hai năm đầu tôi chỉ đề nghị thu 7 pen-xơ đối với 1 pao thôi; trong hai năm tiếp theo tôi đề nghị thu 6 pen-xơ đối với 1 pao, còn trong 3 năm còn lại thì chỉ thu 5 pen-xơ đối với 1 pao, rồi sau đó thuế thu nhập phải hoàn toàn biến mất".

Như bạn đọc của bản báo còn nhớ [244] ngài Glát-xtôn đã quan niệm thuế thu nhập là công cụ hùng mạnh của chiến tranh mà trong thời bình cần thoát khỏi công cụ này. Ông ta tuyên bố điều này khi biết rằng chiến tranh hầu như không tránh khỏi và ngay trước cuối năm sẽ cần phải tăng gấp đôi mức thuế 7 pen-xơ đối với 1 pao. Hiện nay mức thuế ấy bằng 1 si-linh 2 pen-xơ đối với 1 pao. Nếu sẽ có ai đó bảo rằng vị bộ trưởng ngân khố hết sức chi ly ấy tự mình lầm lẫn trong tình hình công việc thì tôi xin trả lời rằng vào thứ hai tuần trước [2*] đã xảy ra vụ sụt giá của các chứng khoán quốc gia, bởi vì, theo lời cam đoan của những người môi giới ở sở giao dịch, việc công bố các tài liệu mật đã xác nhận hiển nhiên ý định dứt khoát của Nga hoàng muốn thực hiện các kế hoạch của mình, và không thể tin vào thậm chí những lời cam đoan nhất quyết nhất của Nga hoàng. Các ủy viên của "nội các của tất cả các tài năng" phải có sự sáng suốt ít ra cũng bằng sự sáng suốt của các ủy viên của sở giao dịch chứng khoán.

Đúng vào lúc *Đun-xơ Xcốt* trong nội các liên hiệp, tiến sĩ Xúp-ti-lit-xi-mu-xơ[245], đệ trình kế hoạch tài chính của mình về hoàn chuyển các chứng khoán quốc gia thì bằng cách đó ông ta - không

1*- Ni-cô-lai I

2*- ngày 20 tháng Ba 1854

đếm xỉa đến việc đã được cảnh báo - đã bảo đảm sự trống rỗng của quốc khố đúng vào lúc xảy ra "tai hoạ". Trong những năm nêu ở dưới đây bảng cân đối của quốc khố diễn ra như sau:

năm 1844 - 6 254 113 p .xt.

năm 1845 - 8 452 090 p. xt.

năm 1846 - 9 131 282 p. xt.

năm 1847 - 8 457 691 p. xt.

năm 1848 - 8 105 561 p. xt.

năm 1849 - 9 748 539 p. xt.

năm 1850 - 9 [245 676][1*] p. xt.

năm 1851 - 8 [381 637] p. xt.

năm 1852 - 8 [841 822] p. xt.

Vào đầu năm 1853 ngài Glát-xtôn đã khôn khéo cắt giảm bảng cân đối xuống còn 4 485 230 p. xt. rồi chẳng bao lâu nữa bảng cân đối ấy nói chung sẽ còn là số không, vì *nhà tài chính* sáng ý ấy buộc phải hoàn trả số nợ còn lại của Công ty Nam Hải [246] với mức 100 p. xt. cho mỗi cổ phiếu, trong khi ở sở giao dịch khó lắm mới có thể bán cổ phiếu ấy với giá 85 p. xt..

Chính sách tài chính như vậy của nội các liên hiệp hoàn toàn [phù hợp] với chính sách ngoại giao của nó, khi mà người ta "cảm ơn" Nga hoàng về các kế hoạch phân chia đã được mật báo; với chính sách của nó đối với nghị viện, khi mà nghị viện luôn luôn nhận được [những tin tức] trực tiếp trái với những tin tức mà nội các có trong tay; với chính sách quân sự của nó, khi mà vị Ô-me-rơ-pa-sa bị người ta bắt phải bất hành động chừng nào Nga hoàng chưa kết thúc những công việc chuẩn bị cho cuộc xâm lăng; với chính sách quân

1* Các con số này được ghi lại căn cứ theo bài diễn văn của Pa-kinh-tơn, công bố trên báo "Time", 31.III.1854.

sự khi mà người ta chuyển quân trên những chiếc tàu thủy chạy bằng hơi nước, còn ngựa thì trên những chiếc thuyền buồm, các sĩ quan thì bị giữ lại ở Luân Đôn, khi mà quân lính được đổ bộ ở Công-xtăng-ti-nô-plơ về cho rằng chính Công-xtăng-ti-nô-plơ - chứ không phải Ô-đét-xa, Crưm, Phần Lan, vùng cửa sông Đa-nuýp hoặc bất cứ địa điểm nào khác nguy hiểm cho nước Nga - là địa điểm thích hợp nhất, trong số tất cả các địa điểm khác, để đánh chiếm, và việc này được thực hiện không phải nhằm mục đích đập tan tên Ca-dắc[1*], mà là để vào thời điểm nguy cấp này giới thiệu luật pháp phương Tây và quyền bình đẳng công dân với các mục sư của Hồi giáo và của Bi-dăng-xơ.

Bất chấp sự chống đối mạnh mẽ của các nghị sĩ Ai-rơ-len, hạ nghị viện hình như đã quyết định chuyển sang xem xét đề nghị của ngài Cham-bớc-xơ và cử ra một ủy ban điều tra về hoạt động và về công việc tổ chức quản lý của các tu viện nữ. Lý lẽ chủ yếu dùng làm chỗ dựa cho đề nghị của ngài Sam-béc-xơ là tình trạng cách ly của các em gái bị cưỡng bức xa cha mẹ và của những người bảo trợ được luật pháp quy định. Giai cấp tư sản Anh cảm thấy rùng mình khi nghĩ đến khả năng các bé gái có thể bị bắt cóc cho các tu viện. Song, ý thức công bằng mà giai cấp ấy thể hiện trong trường hợp này rất bị mai một khi mà người ta bắt cóc các em gái để thỏa mãn dục vọng của bọn quý tộc hoặc để thỏa mãn những thèm muốn của các ông trùm ngành bông vải. Tuần trước người ta đã quyến rũ một cô gái 16 tuổi bỏ bố mẹ, lôi đến một xưởng máy ở Lan-kê-sia, tại đó cô ta bị nhốt ngày và đêm như trong nhà tù, bị khóa cửa lại, buộc cô ta phải ăn ngủ tại đó. Khi người cha biết chuyện gì đã xảy ra với con gái của mình thì ông ta thậm chí đã không được phép gặp cô ta, và cảnh sát đã đuổi ông ta ra khỏi xưởng máy. Trong trường hợp này đã có sự vi phạm luật công xưởng, luật tự do thân thể, luật cho

1* - Ni-cô-lai I

phép người cha được quyền bảo vệ đứa con vị thành niên của mình, như vậy thật chẳng đáng giá một xu các quyền mà *Habeas corpus* đã đem lại. Đã xảy ra một vụ bắt cóc thô bạo và trắng trợn đứa trẻ. Song, trong trường hợp này chính quyền địa phương đã xử sự như thế nào khi người cha bất hạnh nhờ họ tìm kiếm sự công bằng? Câu trả lời là: "Chúng tôi không thể làm gì được".

Ngài Tô-mát Đơn-côm-bơ đã đệ trình bản thỉnh cầu thu được, trong vòng 24 giờ, chữ ký của hơn 7 600 cư dân thành phố Pre-xtơn, khiếu nại cách hành động của chính quyền sở tại của thành phố này trong khi thi hành các đạo luật về duy trì sự bình yên và trật tự. Ông ta tuyên bố rằng ngay sau kỳ nghỉ lễ Phục sinh ông sẽ đề nghị lập một ủy ban điều tra.

"Những người cổ động ở Pre-xtơn, những kẻ có kinh nghiệm trong nghề xúi giục bãi công, - đó là những người có tham vọng muốn tạo thành đẳng cấp mới trong quốc gia, và cho rằng họ đã tạo ra Nghị viện công nhân[247], nhưng họ đã bị chặn lại. Gần một chục người trong số họ đã bị bắt, đã bị chính quyền sở tại thẩm vấn quy tội âm mưu, được thả ra với điều kiện có bảo đảm và sẽ bị đưa ra tòa án bồi thẩm lưu động Li-vớc-pun".

Bằng những câu diễn đạt như vậy, tờ "Morning Post"[248] đưa tin về sự kiện[249] mà trước đây một số bối cảnh đã không cho phép tôi viết. Lời buộc tội chống lại những người cầm đầu là dựa trên cơ sở sau đây: giới chủ đã phái người đến Man-se-xtơ và thuyết phục công nhân ở đấy đến Pre-xtơn. Đa số các công nhân ấy là người xứ Ai-rơ-len. Cư dân ở Pre-xtơn đã đón họ ở ga xe lửa; những người mới tới là những người bần cùng và bất hạnh. Khoảng 54 người đã đồng ý đi đến Phác-mơ-xơ-am-xơ[250], tại đó họ được cho ăn uống thoải mái cả ngày, đến tối, khi họ đồng ý trở về thì có 15 nghìn người vỗ tay tiễn họ ra ga xe lửa. Trong số họ có 7 người bị giới chủ chặn giữ và đưa trở lại về Pre-xtơn để quy tội ngài Cô-oen và các đồng sự của ông tham gia vụ âm mưu. Giờ đây, nếu chúng ta xem xét các sự kiện [có thật] thì không còn hoài nghi gì về kẻ chủ mưu thực sự gây ra vụ âm mưu này[251].

Năm 1847 bọn trùm của ngành bông vải ở Pre-xtơn đã giảm mức tiền công, đồng thời đã long trọng hứa phục hồi lại mức tiền công ấy ngay khi nào thương mại lại bước vào thời kỳ sôi động. Năm 1853, năm thịnh vượng, họ đã từ chối giữ lời hứa của mình. Công nhân ở bốn xưởng máy đã bãi công, được những người tiếp tục làm việc góp tiền trợ giúp. Đến lúc ấy, bọn chủ đã bí mật thỏa thuận đóng cửa các công xưởng của mình và để thực hiện âm mưu này, họ đã đưa ra lời cam kết là mỗi chủ xưởng sẽ đóng góp 5 000 pao xtéc-linh[1*]. Công nhân đã kêu gọi các thành phố khác ở Lan-kê-sia giúp đỡ, thế là họ đã được ủng hộ. Bọn chủ đã phái đi các nơi những nhân viên để thuyết phục và thúc giục bọn trùm công nghiệp vải sợi ở các thành phố khác tuyên bố giãn thợ của mình, và chúng đã thu được kết qủa trong những nỗ lực của mình. Không hài lòng với điều đó, và đối chọi lại những hành động tương tự của công nhân, họ đã mở cuộc quyên góp tiền bạc với quy mô rộng rãi. Sau khi thấy rõ tính chất vô bổ của tất cả những biện pháp này, họ đã phái nhân viên đi khắp nơi để xúi giục công nhân, gia đình công nhân, thợ may và người nghèo trong các nhà lao động ở nước Anh và Ai-rơ-len đến Pre-xtơn. Sau khi phát hiện thấy rằng những biện pháp bổ sung ấy không có tác động đáng mong muốn một cách đủ nhanh, họ đã cố khiêu khích đẩy nhân dân vào những vụ rối loạn. Bằng hành vi trắng trợn của mình họ làm cho nhân dân tức giận. Họ đã cấm các cuộc mít-tinh ở Mác-sơ, nhưng nhân dân đã tiến hành các cuộc mít-tinh ở Blếch-xtơn-Ét-giơ và tại những địa phương khác mà ở đó cũng không được phép làm việc này. Họ đã đưa đến gần một trăm cảnh sát mới, đã tổ chức lễ tuyên thệ cho các cảnh sát mới, đã tổ chức lễ tuyên thệ cho các cảnh sát đặc biệt, tổ chức ra đội chữa cháy, đặt quân đội trong tư thế sẵn sàng vũ khí và đã đi xa đến mức là người ta đã đọc Đạo luật về bạo loạn [252] để khiêu khích nổ ra cuộc bạo loạn. Đó là

1* Trong trường hợp ông ta (nhà kinh doanh) chấp nhận thỏa thuận với công nhân.

âm mưu của bọn chủ, nhưng chúng đã không đạt được kết quả nào cả. Bất chấp những sự kiện ấy, người ta đã đưa ra lời buộc tội âm mưu, tuy nhiên, không phải buộc tội giới chủ, mà lại buộc tội công nhân. Ngoài ra, còn có một tình huống nữa tạo khả năng quy tội âm mưu cho giới chủ. Công nhân ở một xưởng máy đã đi làm trở lại. Cả ủy ban giới chủ, cả Ủy ban công nhân đều đòi hỏi phải có những lời giải thích. Công nhân đã tung ra biểu ngữ thông báo họ đã trở lại làm việc với điều kiện được hưởng mức tiền công nhất định. Ủy ban giới chủ đe dọa chủ xưởng này[1*] là sẽ có biện pháp, đòi nộp phạt 5 nghìn pao xtéc-linh mà viên chủ xưởng ấy đã cam kết đóng góp để duy trì việc giãn thợ. Viên chủ xưởng ấy đã tuyên bố một điều gì đó hoàn toàn trái với thông báo của công nhân, khiến cho bọn chủ lùi bước. Quả thật là, nếu theo luật pháp, một sự cam kết đóng góp 5 nghìn pao xtéc-linh lại là một hành động âm mưu, thì lời đe dọa dùng vũ lực bắt buộc thực hiện lời cam kết ấy lại càng là một hành động âm mưu. Nhưng đó chưa phải là tất cả. Bản thân việc luận tội các thủ lĩnh công nhân là kết quả của hành động câu kết của các quan tòa ở Pre-xtơn. Theo tin của chính tờ "Times" thì các quan tòa trong khi thu thập bằng chứng, đã đạt được điều đó, đã chở trong các xe thùng số công nhân bổ sung[253] không phải đến Tòa thị chính - ở nơi đó họ sợ bị lộ - mà là chở đến phòng giam của tòa án để ở đó thỏa thuận về những lời khai của họ; và ở đó, trong bóng đêm, người ta đã lao vào những nạn nhân mà bọn chúng đã lựa chọn.

Tuy nhiên, sự sáng suốt của công nhân đã không cho phép người ta khiêu khích mình vi phạm trật tự công cộng, cũng như không để người ta dọa nạt mình [đến mức phải phục tùng] sự độc đoán của đám người parvenus[2*] ở Pre-xtơn, - đã vô hiệu hóa những mưu đồ của đám tiểu Na-pô-lê-ông ấy xuất thân từ Lan-kê-sia.

1*- Xu-en-xơn

2*-mới phất lên

Tối thứ tư ở Luân Đôn, tại lâu đài Xanh Mác-tin, thuộc phố Lông-gơ-Ai-crơ, đã diễn ra cuộc mít-tinh của công chúng mà mục đích là tạo cơ hội cho giai cấp công nhân thủ đô có thể phát biểu ý kiến của mình về hành vi của bọn chủ ở Pre-xtơn. Hai nghị quyết tiếp theo đã được nhất trí thông qua:

"Xuất phát từ cách lý giải sau đây của vị đại pháp quan Anh hiện nay, nam tước Rôn-phơ[1*], về luật pháp, khi ông ta còn là quan toà:

Nếu nhằm thuyết phục mọi người, vì lợi ích của chính họ, hãy chỉ làm việc với khoản tiền công nhất định, còn trong những điều kiện khác nào đó thì không làm việc, người ta đạt đến mục tiêu bằng những biện pháp hòa bình và không theo đuổi những ý đồ khác, thì hành động đó vẫn nằm trong khuôn khổ luật pháp.

Xuất phát từ chỗ,

công nhân ở Pre-xtơn, bị lôi cuốn vào cuộc xung đột ba mươi tuần lễ với giới chủ của mình, trong suốt thời gian ấy đã xử sự một cách hòa bình nhất và hoàn toàn tuân thủ trật tự;

mặc dù đã xảy ra tất cả những sự việc ấy, bốn[2*] ủy viên Ủy ban công nhân sẽ phải ra trước tòa án bồi thẩm lưu động của Li-vớc-pun với tội danh âm mưu, mặc dù không hề có bằng chứng nào về bạo lực và hành động dọa nạt từ phía họ, hơn thế nữa, thậm chí cũng không có ai quy tội này cho họ;

vì vậy hội nghị coi hành động của các chủ xưởng và chính quyền sở tại ở Pre-xtơn đáng bị khiển trách, coi họ mắc tội chiếm quyền không được phép, chà đạp sự bình đẳng trước pháp luật và chà đạp tự do thân thể cùng một lúc, và cho rằng những hành động như thế phải bị nhân dân đồng thanh lên án.

Xuất phát từ chỗ cảm tình và sự giúp đỡ của toàn thể giai cấp công nhân của Vương quốc liên hiệp phải được dành cho việc bảo vệ sự công bằng và củng cố trật tự luật pháp, hội nghị cam kết hết sức thường xuyên ủng hộ công nhân ở Pre-xtơn trong những điều kiện gay go hiện nay của họ và nhiệt liệt kêu gọi tất cả những ai quan tâm đến việc cải

1* Cran-uốc-thơ, Rô-bớc Mông-xi Rôn-phơ

2* Trên báo "Peoplés Paper" in là "mười một".

thiện các điều kiện lao động hãy đi theo họ và hãy ủng hộ những khát vọng tốt đẹp nhất của họ"[254].

Đa số báo chí Luân Đôn đều lên án hành động của bọn chủ ở Pre-xtơn, nhưng không phải vì ý thức về sự công bằng, mà vì lo sợ những hậu quả có thể xảy ra. Các báo ấy lo ngại rằng giai cấp công nhân giờ đây bắt đầu hiểu rằng sau lưng từng nhà tư bản, kẻ bóc lột họ, là cả một cỗ máy [của xã hội tư bản], và muốn đánh gục nhà tư bản riêng lẻ thì giai cấp công nhân phải kết liễu cỗ máy kia.

Do C.Mác viết ngày 31 tháng Ba 1854
Đã đăng trên báo "New - York Semi - Weekly Tribune" số 929, ngày 21 tháng Tư 1854
Ký tên: C.Mác

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

PH.ĂNG-GHEN

QUÂN ĐỘI NGA

GỬI ÔNG CHỦ BIÊN BÁO "DAILY NEWS"[255]

Thưa ngài ! Đã đến lúc phải nhìn thẳng vào mặt kẻ thù của chúng ta, để biết xem nó có thể trở thành một đối phương như thế nào. Về thực lực quân sự và những khả năng của nước Nga người ta đưa ra những lời suy xét hết sức khác nhau. Thực trạng - một số người đánh giá quá cao, những người khác lại đánh giá thấp thực trạng ấy - hình như vẫn còn bị che khuất bởi một bức màn mà không phải một bài viết nào đó như bài "Những điều vạch trần về nước Nga"[256], mà chỉ có những sự kiện quân sự thực tế mới có thể vén nổi bức màn ấy.

Tuy nhiên, trong sách báo phương Tây của chúng ta có không ít những tư liệu quý giá mà chỉ cần đem ra phân tích và tổng hợp chúng lại. Vả lại, chính nước Nga cũng cung cấp thừa thãi những tư liệu như vậy. Bởi vì sách báo quân sự của Nga vẫn sử dụng tiếng Pháp và tiếng Đức hết sức thường xuyên, nếu không phải thường xuyên hơn là sử dụng tiếng mẹ đẻ của mình. Bằng chứng về điều đó

là tác phẩm có giá trị của thiếu tá Xmít về chiến dịch Ba Lan năm 1831 và tác phẩm của đại tá Tôn-xtôi mô tả cuộc xâm lược Hung-ga-ri. Các tác phẩm quân sự viết bằng tiếng Nga rõ ràng thua kém các tác phẩm của các sĩ quan quân đội Nga viết bằng tiếng nước ngoài. Những cuốn sách của Mi-khai-lốp-xki-Đa-nhi-lép-xki và của Bu-tuốc-lin nói về chiến dịch năm 1812, các tác phẩm của Lu-ki-a-nô-vích viết về chiến dịch những năm 1828-1829 và các tác phẩm tương tự quá giống với những sự mô tả các chiến dịch mà chúng ta thường hay bắt gặp trong các trước tác lịch sử loại hai của Pháp. Tính chất tỉnh táo trong việc giải thích các sự việc bị chìm ngập trong những dòng thác của sự khoác lác hoa mỹ, còn các sự kiện thì bị bóp méo cho hợp với những tình cảm cực đoan về lòng tự tôn dân tộc, những thắng lợi giành được trên bãi chiến trường bị mờ nhạt trước những thắng lợi còn vĩ đại hơn do các tác giả giành được trên giấy, còn kẻ thù - dù nó là ai đi nữa - được người ta cố mô tả từ đầu đến cuối dưới một hình ảnh bất lợi. Trong điều này có rất ít nhận thức vốn có của người lính thực sự, rằng điều danh giá hơn là giành thắng lợi trước kẻ thù dũng cảm, hơn là trước một kẻ thù nhát gan, sự nhận thức ấy, chẳng hạn, đã biến tác phẩm của ngài U. Nây-pia "Cuộc chiến trên bán đảo Pi-rê-nê" thành tác phẩm không những của "một sĩ quan", mà chủ yếu là "của một đấng trượng phu". Có thể, lối mô tả lịch sử ấy cần được giải thích là do cần phải duy trì lòng hăng hái chiến đấu của cư dân Nga. Song bức tranh đổi khác ngay khi tác giả chọn một ngôn ngữ phương Tây. Khi ấy châu Âu trở thành người phán xét, còn tính chất công khai tồn tại ở phương Tây sẽ nhanh chóng làm tan biến trong gió những lời khẳng định mà ở Nga người ta mù quáng tin vào bởi vì người phản biện ở đó không có quyền trả lời. Xu hướng ca ngợi nước Nga thần thánh và ông vua của nó vẫn như trước, nhưng sự lựa chọn các phương cách thì trở nên bị hạn chế hơn. Người ta phải tuân thủ nghiêm ngặt hơn

những dữ kiện chính xác, người ta lựa chọn cách trình bày bình tĩnh hơn và thiết thực hơn, và bất chấp những mưu toan nguyên tắc theo thông lệ, những sự xuyên tạc ấy khá nhanh chóng tự bị vạch trần - ít ra vẫn có những thông tin đủ cụ thể, mà trong nhiều trường hợp thông tin ấy biến một cuốn sách như vậy thành một tài liệu lịch sử quan trọng. Ngoài ra, nếu xảy ra trường hợp một người có địa vị tương đối độc lập viết về chuyện này thì cuốn sách như thế có thể trở thành một tác phẩm quân sự - lịch sử tuyệt hảo, đó chính là tác phẩm của Xmít "Lịch sử cuộc chiến Ba Lan".

Thành phần và tổ chức của quân đội Nga thì giới quân sự trên toàn châu Âu đã biết khá rõ. Tính chất đơn giản cực kỳ của tổ chức này - ít ra về mặt liên quan đến "quân thường trực" - cho phép hiểu nó một cách dễ dàng. Khó khăn thực sự chỉ là ở chỗ tìm hiểu xem tổ chức ấy được thực hiện đến mức nào, bộ phận nào của quân đội ấy tồn tại không chỉ trên giấy, mà có thể được đem ra đánh lại kẻ thù bên ngoài. Xét theo quan điểm ấy thì chủ yếu là những tác phẩm quân sự Nga viết bằng các thứ tiếng phương Tây là quan trọng. Lòng tự hào dân tộc không cho phép các tác giả ấy - trong những trường hợp khi mà đối phương đã giành được thắng lợi cục bộ và kháng cự kịch liệt - thổi phồng số lượng những người chiến đấu bên phía Nga. Để bảo vệ danh dự của vũ khí Nga, họ buộc phải tiết lộ bí mật và cho thấy sự khác nhau giữa số quân thực tế và số quân trên danh nghĩa của quân đội Nga. Về mặt này tác phẩm đặc biệt hữu ích là tác phẩm của Xmít, trong đó có dẫn ra những bản liệt kê chính thức về thành phần quân số. Ngược lại, "Chiến dịch Hung-ga-ri" của Tôn-xtôi thì hoàn toàn phù hợp với lối hành động của người Nga tại đất nước ấy; hình như tác phẩm này nhằm phô trương không phải chủ yếu tinh thần anh dũng, mà chủ yếu phô trương số lượng đáng sợ và trội hơn của quân đội Nga sẵn sàng vào bất cứ lúc nào cũng được tung sang phương Tây cách mạng.

Nhưng nếu như chúng ta có thể, với một sự vững tin nào đó, suy xét ít ra là về bộ phận quân đội Nga trực tiếp đe dọa phần châu Âu còn lại, thì công việc còn khó khăn hơn nhiều là làm rõ thực trạng của hạm đội. Sau này chúng tôi tập hợp tất cả mọi thông tin mà chúng tôi đã tìm kiếm được, nhưng sẽ phải chờ đợi một điều gì đó xác định hơn cho đến khi "Sác-li"[1*] đưa ra những thông tin tốt hơn về hạm đội ấy hoặc gửi đến một số mẫu để nghiên cứu tại chỗ.

Đương nhiên thật rất khó tiếp cận hệ thống công sự, việc chuẩn bị sơ bộ bãi chiến trường để phòng thủ và tiến công ở một nước như nước Nga. Các công sự trên bờ phần nào được đánh dấu trên các bản đồ và sơ đồ mà chính tính chất của chúng làm cho người ta không thể hoàn toàn che giấu chúng được. Crôn-stát và Xê-va-xtô-pôn, tuy có nhiều chi tiết có ý nghĩa quân sự quan trọng, lại ít được biết đến và phần nào tỏ ra không bí ẩn lắm như một số người vẫn tưởng. Nhưng về những công sự phòng thủ của Ba Lan, của chính cụm pháo đài mà bản thân sự tồn tại của chúng làm lộ rõ ý đồ tiến hành cuộc chiến tranh tấn công và xâm lược, thì người ta được biết ít, ngoài địa điểm xây dựng các công sự ấy. Một số cơ quan quân sự châu Âu - có thể nhờ vàng - đã lấy được ở các employe's[2*] Nga những sơ đồ các pháo đài ấy; nếu đúng như vậy thì họ đã giữ lại thông tin ấy cho bản thân. Nếu giới lưu vong Ba Lan kiếm được những sơ đồ ấy - đó là điều không thể không thực hiện được đối với họ - thì nếu đem công bố ra những sơ đồ ấy nó sẽ gây cho nước Nga nhiều tác hại hơn nhiều so với mức nó đã làm được việc này lúc nào đó.

Quân đội Nga gồm bốn bộ phận lớn: quân chủ lực tác chiến, các đơn vị dự bị của nó, các quân đoàn đặc biệt và những chiến đoàn có vai trò ở địa phương, các đơn vị người ca-dắc (gồm tất cả các đơn vị quân không chính quy bất kể nguồn gốc của chúng).

1* - đô đốc Sác-lơ Nây-pia

2* - các quan chức

Những điều kiện đặc biệt của nước Nga đòi hỏi phải có một tổ chức quân sự hoàn toàn khác với tổ chức tương ứng ở các nước châu Âu khác. Trong khi ở phía đông-nam, từ Thái Bình Dương đến biển Ca-xpiên, các đường biên giới của nó được các hoang mạc và thảo nguyên bảo vệ và chỉ chịu những cuộc tấn công của các bộ lạc du mục cướp phá mà để đối phó với chúng một cách có hiệu quả nhất tại những địa phương ấy thì có những đội quân phần nào được xây dựng cũng theo khuôn mẫu ấy; trong khi ở Cáp-ca-dơ quân đội Nga phải đánh nhau với các bộ lạc miền núi kiên cường, mà cách đấu tranh tốt nhất chống lại họ là kết hợp hợp lý quân chính quy và phi chính quy, - thì các vùng biên giới tây-nam và phía tây của nó lại đòi hỏi sự có mặt trực tiếp của một đội quân lớn được xây dựng theo kiểu chính quy châu Âu và được trang bị bằng vũ khí ngang tầm với vũ khí của các quân đội phương Tây mà có thể là nó sẽ phải đánh nhau với các quân đội ấy. Nhưng vì ở một đất nước có các nguồn lực chỉ phần nào phát triển thì không thể thường xuyên duy trì một quân đội như vậy trong trạng thái sẵn sàng chiến đấu, cho nên phải giải ngũ một bộ phận quân đội để xây dựng lực lượng dự bị phòng khi nổ ra chiến tranh. Do đó mà hình thành bốn bộ phận lớn của quân đội Nga.

Cơ cấu như vậy của quân đội Nga bắt nguồn từ sự phân chia Ba Lan lần thứ nhất, dần dần được hoàn thiện nhờ những lần chia cắt tiếp theo đối với đất nước này, những cuộc xâm lược trên Biển Đen, những cuộc chiến tranh lớn với nước Pháp; sau cuộc cách mạng Ba Lan năm 1830 cơ cấu ấy được hoàn thiện như ngày nay.

Một đội quân chủ lực cơ động, hầu như tuyệt đối được bố trí trên biên giới châu Âu của nước Nga, nó đặc biệt là sản phẩm của sự chia cắt Ba Lan, của các cuộc chiến tranh với Pháp và của cuộc cách mạng Ba Lan. Nó có hai nhiệm vụ: khống chế những phần ở phía tây, có trình độ văn minh hơn, và những khu vực không phải Nga

của đế chế, và treo lơ lửng trên đầu Tây Âu như một đám mây giông sẵn sàng bất cứ lúc nào cũng biến thành cơn sấm sét ngay trên đầu Tây Âu. Trong quá khứ nhiệm vụ này đã được thực hiện đến mức nào, hay nói đúng hơn, đã không được thực hiện ra sao, điều này được biết quá rõ. Chúng ta chẳng bao lâu nữa sẽ thấy nhiệm vụ ấy có thể được thực hiện đến mức nào trong cuộc chiến tranh hiện nay.

Quân chủ lực cơ động hay là đội quân tác chiến (quân tác chiến[1*]) gồm mười một quân đoàn: một quân đoàn cận vệ, một quân đoàn phóng lựu, sáu quân đoàn bộ binh và ba quân đoàn kỵ binh dự bị.

Về tổng thể toàn bộ cơ cấu lập lại hệ thống đã được Na-pô-lê-ông áp dụng. Tám quân đoàn đầu hoàn toàn tương ứng với các quân đoàn của Pháp trong thời gian diễn ra cuộc đại chiến. Quân đoàn cận vệ và quân đoàn phóng lựu hình như đặc biệt dùng để hình thành bộ phận dự bị chung của quân đội, còn các quân đoàn kỵ binh, theo dự tính, phải thực hiện các hoạt động đặc biệt có tính chất quyết định, mà để tiến hành những hoạt động ấy trước kia Na-pô-lê-ông luôn luôn có những số lượng dự bị lớn số quân và pháo binh thuộc loại này. Như vậy, tất cả tám quân đoàn kể trên, mặc dù mang tên là các quân đoàn bộ binh, nhưng do chính tổ chức của chúng, nên các quân đoàn ấy đều có kỵ binh và nhiều pháo binh. Mỗi quân đoàn đều có bộ tham mưu với thành phần đồng bộ, có công binh, các phương tiện vận chuyển cầu phao và đạn dược, đội pháo binh và tất cả mọi thứ quân trang khác cho một đội quân tác chiến độc lập. Vệ binh và các đơn vị tinh binh thì ít bộ binh hơn các quân đoàn khác, mỗi trung đoàn trong các quân đoàn ấy đều có ba tiểu đoàn chứ không phải bốn tiểu đoàn. Mặt khác, vệ binh có nhiều kỵ binh và pháo binh hơn đáng kể; nhưng có thể có trường hợp là trong bảng phân bố chiến đấu phần lớn các đơn vị ấy sẽ được sát nhập vào tổng số quân dự

1* Những từ trong ngoặc đơn được Ph.Ăng-ghen viết bằng tiếng Nga bằng chữ cái la-tinh.

bị về kỵ binh và pháo binh. Quân đoàn kỵ binh thứ nhất và thứ hai gồm kỵ binh hạng nặng và pháo binh do ngựa kéo (kỵ binh chính quy nhẹ thì được phiên chế vào các quân đoàn bộ binh); quân đoàn kỵ binh thứ ba, hay là quân đoàn thương kỵ, thì có cơ cấu đặc biệt; vì những thương kỵ binh ấy, theo thông lệ ngày trước, được sử dụng trong đội hình tác chiến của bộ binh cũng như kỵ binh, cho nên họ tạo thành quân đoàn dự bị của tất cả các binh chủng, đồng thời có khả năng cơ động và di chuyển nhanh mà chỉ kỵ binh mới có. Thời gian sẽ cho thấy điều đó sẽ có đạt được hay không; kinh nghiệm tất cả các quân đội khác - kinh nghiệm ấy là biến gần như hoàn toàn và ở khắp nơi thương kỵ binh thành kỵ binh thường - đều là một dấu hiệu không thuận lợi cho lắm. Ý tưởng nêu trên đã được phát triển đến mức là quân đoàn thương kỵ, cũng như các tiểu đoàn vệ binh đều có công binh cưỡi ngựa, các công binh về mìn và phụ trách bắc cầu phao, - đó là một quy định được những người hâm mộ hệ thống quân đội Nga ca ngợi hết lời, nhưng vẫn còn phải được kiểm tra qua kinh nghiệm.

Có thể nói thêm rằng cơ cấu này, gồm mười một quân đoàn với phiên chế gồm các sư đoàn, các lữ đoàn, các trung đoàn, - tồn tại không chỉ trên giấy và không chỉ theo đuổi độc những mục đích hành chính. Ngược lại, cuộc chiến tranh gần đây với Thổ Nhĩ Kỳ[257], chiến dịch ở Ba Lan, cuộc xâm nhập vào Hung-ga-ri và cuộc chiến tranh hiện nay với Thổ Nhĩ Kỳ đã cho thấy rằng sự bố trí trong thời bình là hoàn toàn trù tính cho chiến tranh, khiến cho dù bất cứ ở đâu bắt đầu cuộc chuyển quân đến khu vực biên giới thì cũng không phải lấy một sư đoàn, một lữ đoàn hay một trung đoàn nào của một quân đoàn này để bổ sung cho quân đoàn kia. Đó là một ưu thế lớn về quân sự, là kết quả của trạng thái gần như thường xuyên sắp nổ ra chiến tranh mà nước Nga đã quen với trạng thái ấy rồi. Những quốc gia khác, những quốc gia yêu chuộng hòa bình hơn, khi chiến tranh đến gần, thì họ phát hiện thấy rằng những bánh xe và các đòn xeo

của bộ máy quân sự của họ đã hoen gỉ, còn toàn bộ bộ máy thì rệu rã. Cơ cấu các quân đoàn, các sư đoàn, các lữ đoàn, dù có hoàn thiện đến đâu thì cũng phải được cải tạo một cách căn bản, để có thể chuyển quân đủ nhanh chóng đến biên giới đang bị đe dọa. Các viên tư lệnh, các viên tướng và các bộ tham mưu đều được bổ nhiệm lại, các trung đoàn được điều động từ lữ đoàn này sang lữ đoàn khác, từ quân đoàn này sang quân đoàn khác, do đó vào thời điểm tập trung quân đội để tiến hành các hoạt động tích cực thì đã có sẵn một thành phần hỗn hợp đa dạng các sĩ quan, ít nhiều không quen biết nhau, chưa quen biết đối với các thủ trưởng và các đơn vị binh lính của họ; đa số các sĩ quan ấy chắc hẳn tràn đầy ý thức hư danh đã bị tổn thương. Song, phải hy vọng rằng cái guồng máy mới, "mới toanh" ấy sẽ hoạt động ổn thỏa. Đó là khiếm khuyết hiển nhiên, mặc dù trong những quân đội như các quân đội của phương Tây, thì thiếu sót này có ý nghĩa nhỏ hơn nhiều so với trong quân đội Nga. Để tránh khỏi tình trạng bất lợi ấy chỉ có thể là một quân đội thường xuyên ở trong giai đoạn sẵn sàng đón nhận chiến tranh (như quân đội Áo trong năm 1848, nhờ vậy các quân đoàn của nó cũng có một cơ cấu đủ vững chắc), tuy nhiên trình độ phát triển cao hơn của công nghiệp các nước phương Tây lại bù đắp - thậm chí xét trên gốc độ thuần túy quân sự - tình trạng bất lợi mà trong trường hợp này và trong bất cứ trường hợp nào khác đều có thể do những đòi hỏi phát triển của nền văn minh ở những nước này tạo ra.

Do Ph.Ăng - ghen viết giữa ngày 3 và ngày 12 tháng Tư 1854

In theo bản in thử
Nguyên văn là tiếng Anh
Công bố lần đầu

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

CUỘC CHIẾN TRANH CHÂU ÂU[258]

Không nghi ngờ gì nữa, trong số những tin tức từ châu Âu do chiếc tàu "Bắc cực" chuyển đến sáng hôm qua, thì quan trọng nhất là tin tức về việc quân đội Nga vượt Hạ Đa-nuýp với lực lượng 50 nghìn người, gồm ba quân đoàn, dưới sự chỉ huy trực tiếp của công tước Goóc-tra-cốp, tướng Li-đéc-xơ và tướng U-sa-cốp, và về việc quân Nga đã chiếm một phần của vùng Đô-brút-gia thuộc Thổ Nhĩ Kỳ. Vùng này thuộc một tỉnh của Bun-ga-ri, nó là một bình nguyên không rộng giáp với sông Đa-nuýp ở phía tây và phía bắc, con sông này sau đoạn Tséc-na-vô-đa thì ngoặt về hướng bắc, chảy rất ngoằn ngoèo trước vùng cửa sông; còn ở phía đông thì bình nguyên này giáp với Biển Đen. Phần lớn vùng này là đầm lầy và thường hay bị lụt. Ở nơi đây có một số công sự như: Ba-ba-đác, I-xac-tsa, Mê-tsin, Tun-tsa; như người ta cho biết, những công sự này đã bị quân Nga chiếm. Tuy nhiên, thông tín viên thạo tin của chúng tôi ở Luân Đôn cho rằng đây là trò bịa đặt của bọn người hoạt động ở sở giao dịch. Giữa bình nguyên Đô-brút-gia và vùng nội địa Thổ Nhĩ Kỳ là dãy

núi Ban-căng tạo thành lá chắn bảo vệ. Sau chiến dịch này quân Nga đã không tiến dần đến Công-xtăng-ti-nô-plơ và đã không dành được ưu thế nào đối với quân Thổ Nhĩ Kỳ. Thật ra, hình như hoàn toàn hiển nhiên đây là cuộc chuyển quân thuần túy có tính chất phòng thủ, nó chỉ chứng tỏ ý đồ của quân Nga muốn rút khỏi những khu vực phía cực tây của xứ Va-la-ki. Ở Va-la-ki quân Nga chỉ có cả thảy bảy sư đoàn bộ binh, một sư đoàn dự bị ở I-xmai, ở phía sau thì có quân đoàn của Sê-ô-đa-ép gồm ba sư đoàn mà có thể là hiện nay quân đoàn này đã xuất quân tiến về I-a-xư. Tám sư đoàn cùng kỵ binh chưa chắc có số lượng quá 110 nghìn người. Nếu tính đến khả năng quân Anh-Pháp đổ bộ ở bờ phía tây-bắc của Biển Đen - mà điều này sẽ đe đọa phía lưng quân Nga - thì hiển nhiên việc chiếm Đô-brút-gia là nhằm mục đích đảm bảo an toàn cho sườn quân Nga, đồng thời bị mất đất càng ít càng tốt. Ở đây chỉ có hai phương thức bảo đảm một trận địa cho phép họ tránh được nguy cơ bị cô lập: hoặc rút thẳng lên phía bắc, biến vùng Hạ Đa-nuýp thành tuyến phòng thủ, lấy Phốc-sa-nư, Ga-lát và I-xmai làm các điểm tựa, hoặc là thực hiện cuộc hành quân thần tốc về phía Đô-brút-gia, chuyển mặt trận sang tuyến Quy-xten-gi, Hiếc-xô-va, Ôn-tê-nít-sa và Bu-ca-rét; đồng thời biến thành lũy Tơ-ra-i-an, sông Đa-nuýp, Ác-gie-sơ sẽ là tuyến phòng thủ thứ nhất, Bu-dê-u sẽ là tuyến phòng thủ thứ hai và Xê-rét sẽ là tuyến phòng thủ thứ ba. Không nghi ngờ gì cả, kế hoạch cuối cùng ấy là kế hoạch hay nhất vì thay cho *vùng lãnh thổ* bị mất ở phía này thì lại giành được vùng lãnh thổ mới ở phía sườn đối diện, cuộc rút quân trông có vẻ như là tiến quân lên phía trước và giữ được point d'honneur[1*] quân sự của quân Nga. Việc chiếm lấy Đô-brút-gia làm cho mặt trận của quân Nga được rút ngắn

1* - uy tín, thanh danh

lại và, nếu gặp kết cục chẳng may, thì dành cho quân Nga có đường rút lui về Sô-tin trên sông Đơ-ne-xtơ-rơ thậm chí cả trong trường hợp có cuộc đổ quân ở Ác-kéc-man hoặc ở Ô-đét-xa. Tuy nhiên, chúng tôi còn phải chờ biết chi tiết về các cuộc chuyển quân làm xuất hiện những thay đổi ấy trong trận địa của quân Nga.

Tiếp nữa, điều gây nên sự quan tâm là sự thật hiển nhiên về việc chế độ quân chủ Hy Lạp đã sử dụng tất cả mọi ảnh hưởng của mình để ủng hộ cuộc khởi nghĩa Hy Lạp: vua và hoàng hậu[1*] đã đến vùng biên giới để khích lệ nghĩa quân. Trong bối cảnh đặc biệt này cuộc chiến tranh giữa Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ - đằng Thổ Nhĩ Kỳ là các nước đồng minh - trở nên hầu như không tránh khỏi, điều đó làm cho phức tạp thêm tình hình vốn đã rắm rối, nếu như không phải là làm tăng thêm một cách nghiêm trọng nguy cơ nổ ra một cuộc xung đột rộng khắp. Trong khi đó chúng tôi có những tin tức về đề nghị mới của Nga hoàng về hòa bình, được ông ta chuyển nhờ sự trung gian của Phổ[259]. Vua Ni-cô-lai đặt việc dàn xếp cuộc xung đột phụ thuộc vào việc các nước đồng minh có được phía Thổ Nhĩ Kỳ đảm bảo hoàn toàn giải phóng tất cả các thần dân Cơ Đốc giáo của nước này hay không. Với những điều kiện ấy Nga hoàng sẽ bắt đầu rút ra khỏi các công quốc Đa-nuýp vào thời điểm hạm đội của các nước đồng minh sẽ đi qua Đác-đa-nen. Nếu như các điều kiện ấy được đưa ra công khai sớm hơn, thì chúng sẽ giảm được đáng kể nguy cơ chiến tranh, bởi vì không nghi ngờ gì cả, sự giải phóng như vậy chính là điều mà các nước đồng minh mong muốn, nhưng sự khước từ của hai thành viên nổi tiếng trong chính phủ[2*] không chịu thực hiện sự giải phóng ấy, thậm chí một phần thôi, đã buộc vua Thổ[3*] phải bắt họ từ chức[260]. Nhưng bây giờ xem ra đề nghị này đã không thể ngăn

1* - Ốt-tôn I và A-ma-li-a

2* - Ri-pha-át-pa-sa và A-ri-phơ Hích-mét-bây

3* - Áp-đun Mét-gít

chặn được cuộc chiến tranh ấy; hạm đội của các nước đồng minh được tăng cường bằng các quân đội Anh và Pháp, và ngài Sác-lơ Nây-pia chắc chắn đang tấn công và sẽ chiếm được quần đảo A-lăng trước khi người ta có thể ban ra lệnh mới, và ông ta sẽ nhận được mệnh lệnh ấy. Tuy nhiên, có thể là đề nghị ấy có ý nghĩa lớn hơn nhiều so với điều chúng tôi nghĩ. Không nghi ngờ gì nữa, điều đó sẽ thấy rõ khi mà chuyến tàu biển tiếp theo sẽ chuyển đến cho chúng tôi thông tin đầy đủ.

Giữa tất cả những điều rắm rối và bất định ấy có một điều không còn hoài nghi gì nữa: sự tồn tại của cường quốc Hồi giáo với tính cách là một hình thức thể chế nhà nước đặc biệt ở châu Âu sắp kết thúc. Sự giải phóng các tín đồ Cơ Đốc giáo ở Thổ Nhĩ Kỳ, thông qua con đường nhượng bộ hòa bình hoặc bằng vũ lực, sẽ làm cho Hồi giáo từ chỗ là lực lượng chính trị trở thành một giáo phái, và sẽ hoàn toàn làm suy sụp những cơ sở cũ của đế chế Ốt-tô-man. Điều đó chẳng những hoàn toàn thừa nhận tính đúng đắn của lời khẳng định của Nga hoàng rằng Chính phủ Ốt-tô-man đang mắc bệnh nặng, nhưng người ta lại đề nghị cứa cổ để cứu bệnh nhân. Có thể, sau cuộc phẫu thuật ấy vua Thổ vẫn ngồi trên ngai vàng của tổ tiên mình như là một lực lượng chính trị hữu danh vô thực, nhưng cần phải tìm kiếm những nhân vật thật sự cai trị đất nước ở một nơi khác. Rõ ràng là vì sao trong những điều kiện như thế ông vua Nga chuyên chế muốn lẳng lặng thỏa thuận với các đối thủ phương Tây của mình. Ông ta muốn thực hiện ở Thổ Nhĩ Kỳ, tùy theo khả năng, một cuộc cách mạng đầy đủ nhất, và thực hiện nó hoàn toàn vì lợi ích của mình. Sau khi đã làm suy yếu như vậy chính quyền hiện hành thì quan hệ giữa Nga hoàng với giáo hội chính thống giáo ở nước này và với các dân tộc Xla-vơ sẽ bảo đảm cho ông ta có quyền lực tối cao thực tế đối với đất nước này. Bằng cách đó Nga hoàng sẽ vớ được ruột con ốc, còn các chính phủ phương Tây thì sẽ buộc phải

thỏa mãn với cái vỏ con ốc. Một kết cục như vậy có thể xảy ra, tuy hiện nay kết cục ấy có vẻ không thực tế. Nhưng chúng tôi cho rằng có đủ những nhân tố còn ẩn kín mà giờ đây những nhân tố ấy đang ào vào tiến trình những sự kiện một cách rất nhanh và sẽ có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển của cuộc đấu tranh vĩ đại này. Trong số những nhân tố ấy có cả vấn đề xét xem vai trò của cuộc cách mạng châu Âu âm ỉ rất lâu là lớn lao đến chừng nào; đó là vấn đề mà các vị đại nhân hoạt động nhà nước của bán cầu ấy đang cố gắng bỏ qua, và điều làm cho họ không hài lòng là vấn đề ấy rất mau chóng sẽ lại làm cho họ nhớ đến nó.

Do C.Mác và Ph.Ăng - ghen viết ngày 3 - 4 tháng Tư 1854
Đã đăng trên báo "New York Daily Tribune" số 4055, 17 tháng Tư, cũng như đăng làm xã luận trên báo "New York Weekly Tribune" số 658, 22 tháng Tư 1854

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

PH. ĂNG-GHEN

CUỘC CHIẾN TRANH THỔ NHĨ KỲ[261]

Tại khu vực sông Đa-nuýp không có gì mới cả, ngoài việc quân Nga đã hoàn toàn rút ra khỏi Tiểu Va-la-ki và chuẩn bị tấn công pháo đài Xi-li-xtơ-ri. Nhằm mục đích này, họ đã tập trung ở phía bờ đối diện những lực lượng lớn pháo binh và đang sửa soạn—có tin như vậy—ném gần ba mươi nghìn lính vào đây để mở cuộc tấn công. Không biết tin ấy xác thực đến mức nào, nhưng bất luận thế nào thì một kế hoạch như vậy là điều hoàn toàn chắc chắn. Nhưng kế hoạch này có cơ may thắng lợi ra sao thì đó lại là vấn đề khác. Không nghi ngờ gì nữa, thành Xi-li-xtơ-ri là pháo đài yếu nhất trong số các pháo đài lớn của Thổ Nhĩ Kỳ, những điểm cao khống chế pháo đài ấy ở một khoảng cách thuận tiện cho việc đột phá bằng bộ binh đã không được củng cố từ khi chấm dứt cuộc chiến tranh gần đây nhất[262], chúng tôi tin chắc như vậy. Nhưng chính pháo đài Xi-li-xtơ-ri ấy, cái pháo đài mà vào năm 1810 đã bị thất thủ sau bốn ngày tấn công, thì vào các năm 1828—1829 đã chịu được hai cuộc bao vây kéo dài 10 tháng trời, đã đứng vững 35 ngày sau khi bắt đầu cuộc bao vây chính quy và *9 ngày* sau khi bức thành chính đã bị chọc thủng một

lỗ đi qua được. Có lẽ tốt hơn nên nói rằng không thể đánh giá được sự vững chắc của pháo đài này, một pháo đài đã trải qua biết bao nhiêu bất trắc của số phận, và khả năng phòng thủ của nó[263].

Tuy vậy, chúng tôi cứ giả định rằng pháo đài Xi-li-xtơ-ri sẽ bị đánh chiếm bởi những lực lượng quân địch vượt trội; điều đó tuyệt nhiên sẽ không mở đường cho quân địch tiến về Công-xtăng-ti-nô-plơ. Để mở cuộc tấn công vào Sum-la và Vác-na, quân địch phải để lại ở pháo đài Xi-li-xtơ-ri không ít hơn 6 nghìn người, trong trường hợp này, pháo đài Xi-li-xtơ-ri có thể trở thành công sự đầu cầu cho một điểm tựa khác nằm ở một vị trí thuận tiện hơn. Quân địch chưa chắc sẽ tấn công Sum-la: thậm chí sau khi đã chiếm được trại binh có công sự tuyệt vời này rồi thì nó sẽ chỉ làm cho kẻ thù bị mất một trận địa tuyệt vời, chứ không giành được cho mình một trận địa như thế. Sum-la cản đường quân Nga băng qua Ban-căng, nhưng việc chiếm được nó sẽ không mở ra con đường đó cho quân Nga.

Sum-la có ý nghĩa như là chiếc chìa khóa mở vào Vác-na, còn Vác-na lại là chiếc chìa khóa mở đường đi vào vùng Tiểu Ban-căng. Cho dù những công sự của Vác-na có những thiếu sót như thế nào đi nữa - mà những thiếu sót ấy thì quá đủ - thì trong điều kiện có một đội quân đồn trú được biên chế quân số đầy đủ, muốn bao vây pháo đài này phải có một quân đoàn 20-30 nghìn lính. Ngoài ra, ngoài số lực lượng ấy để thực hiện thành công cuộc bao vây thì còn cần đến một số quân đủ để yểm hộ cho số quân vây hãm chống lại những cuộc tập kích của phía trại binh có công sự ở Sum-la, tại đó quân Thổ Nhĩ Kỳ có thể tập trung tất cả lực lượng của mình. Năm 1828, Vác-na đã trụ được *ba tuần lễ* sau khi những tường thành của nó có hai chỗ bị chọc thủng có thể băng qua được, và chuyện đó xảy ra vào thời hạm đội Nga thống trị trên Biển Đen, còn phía Thổ Nhĩ Kỳ thì chưa có được cái gì giống với một quân đội có khả năng tấn

công quân bao vây. Bây giờ chúng tôi giả định rằng Xi-li-xtơ-ri bị đánh chiếm, nhiều tuyến đường thủy rất khó vượt qua ở khu vực trước mặt Vác-na và Sum-la bị khống chế, và Vác-na bị bao vây; liệu quân Nga có khả năng để lại đủ lực lượng để vô hiệu hóa Sum-la không? Còn quân Thổ Nhĩ Kỳ thì không những có thể từ Sum-la đánh vào những lực lượng bao vây Vác-na, mà còn đánh theo hướng Đa-nuýp, ngoài ra còn đánh vào ít nhất là một trong số các tuyến giao thông của quân Nga, bằng cách ấy buộc quân Nga phải rút đi ngày càng nhiều quân khỏi các lực lượng chủ lực, điều đó rốt cuộc tất phải làm suy yếu quân Nga do phân tán quân ra một cách nguy hiểm.

Nhưng thậm chí nếu Vác-na bị thất thủ thì Pa-xkê-vích sẽ làm gì khi mà tại cứ điểm của mình ở Sum-la, Ô-me-rơ-pa-sa vẫn tiếp tục ngồi lỳ và sẵn sàng lợi dụng ngay sai lầm đầu tiên của quân Nga? Liệu Pa-xkê-vích có dám tiến về Công-xtăng-ti-nô-plơ hay không khi ông ta chỉ có trong tay một tuyến giao thông duy nhất mà cùng một lúc, nó lại bị uy hiếp bởi một bên là đội quân đóng ở Sum-la, và bên kia là hạm đội của quân đồng minh trên biển Đen, bằng cách tiến sát đến tuyến giao thông này? Theo chỗ chúng tôi có thể xét đoán, căn cứ vào những hoạt động của ông ta ở châu Á và ở Ba Lan, thì cách làm đó không nằm trong tính cách của ông ta. Pa-xkê-vích thuộc số những viên chỉ huy hết sức thận trọng, ở ông ta không có chút gì giống với Ra-đét-xki. Nếu vấn đề ấy được đặt ra trước mặt thì ông ta xem cuộc chuyển quân ấy là hết sức mạo hiểm, vì ông ta biết rất rõ người tiền nhiệm của ông ta là Đi-bích đã rơi vào hoàn cảnh khó khăn như thế nào ở A-đri-a-nô-pôn vào năm 1829. Như vậy, nếu thậm chí không tính đến cuộc đổ bộ của liên quân Anh-Pháp ở Phra-ki-a, và nếu không chờ đợi ở hạm đội quân đồng minh một hành động nào nhiều hơn những gì mà hạm đội ấy đã làm cho đến nay – nghĩa là có tính đến sự án binh bất

động của nó trên thực tế – thì chúng ta vẫn có thể nói rằng đối với quân Nga, việc thực hiện một cuộc tiến quân thẳng đến Công-xtăng-ti-nô-plơ với cờ mở trống giong không phải là một việc đơn giản. Song, rốt cuộc thì thế nào họ cũng sẽ tới được đó nếu Thổ Nhĩ Kỳ không có được sự chi viện, về điều này thì không bao giờ có ai phủ nhận, ngoài những nhà văn quân sự theo mốt mới, với những suy xét của họ không xuất phát từ các sự thật, mà từ sự tin tưởng rằng "quyền chống lại vũ lực" thế nào cũng sẽ thắng, và rằng trong "sự nghiệp chính nghĩa" mọi sai lầm đều bị loại trừ[1*].

Cần nói thêm rằng các lực lượng của Anh trên biển Ban-tích còn làm ít hơn là trên biển Đen.

Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 24 tháng Tư 1854
Đã đăng trên báo "New-York Daily Tribune" số 4080, ngày 16 tháng Năm, cũng như đăng làm xã luận trên báo "New-York Weekly Tribune" số 662, ngày 20 tháng Năm 1854

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

1* *Arnold.* The Coming War

PH. ĂNG-GHEN

NHỮNG TIN TỨC VỀ CUỘC ĐẤU TRANH Ở CHÂU ÂU[264]

Các báo và thư từ mà "châu Âu" gửi đến đều khẳng định những tin tức về việc bắn phá Ô-đét-xa, là sự việc đã được đưa tin từ trước. Những tin tức nhận được hiện nay về sự kiện này mang tính chất chính thức và khiến cho người ta không còn hoài nghi gì nữa về tính chất xác thực của những sự việc đã xảy ra. Các công trình ở cảng đã bị phá hủy, hai kho thuốc súng đã bị nổ tung, 12 chiếc tàu nhỏ của Nga đã bị đánh chìm và 13 tàu vận tải bị chặn bắt; trong trận này số thiệt hại của hạm đội quân đồng minh gồm 8 người bị giết và 18 bị thương. Số thiệt hại nhỏ về người chứng tỏ đây tuyệt nhiên không phải là chiến công lớn. Sau đó, hạm đội bỏ đi và đi về hướng Xê-va-xtô-pôn, mà theo ý kiến chúng tôi thì để phá hủy thành phố này, hạm đội ấy cần phải có những nỗ lực hoàn toàn khác.

Từ chiến trường vùng sông Đa-nuýp đã nhận được tin mới về thắng lợi quyết định của Ô-me-rơ-pa-sa đối với tướng Li-đéc-xơ, nhưng về chuyện này chúng tôi không có những dữ kiện nào khác

ngoài tin điện nhận được qua ngả Viên[265],– cái nhà bếp lớn ấy, nơi nhào nặn ra những tin đồn thất thiệt nhằm phục vụ lợi ích của bọn đầu cơ ở sở giao dịch. Theo tin đồn này thì lực lượng Thổ Nhĩ Kỳ gồm 70 nghìn quân đã bất ngờ đánh Li-đéc-xơ ở một nơi giữa Xi-li-xtơ-ri và Ra-xô-va, cách Séc-na-vô-đa khoảng 10 dặm, về phía thượng lưu sông Đa-nuýp. Trong khi Ô-me-rơ-pa-sa ép quân Nga từ phía chính diện thì một quân đoàn khác, được đặc biệt phái đi vu hồi, đã tấn công quân Nga từ phía sườn, và như vậy, nằm giữa hai làn đạn, quân Nga đã bị đánh tan. Phương án này không phải không có khả năng xảy ra, song chúng tôi không hình dung được bằng cách nào mà Ô-me-rơ-pa-sa lại có thể tập trung được những lực lượng lớn như thế tại một địa điểm nào đó phía dưới Xi-li-xtơ-ri một cách nhanh chóng, đến nỗi Li-đéc-xơ đã không kịp chuẩn bị[266]. Xét theo những số liệu gần đây nhất, nhận được trước khi nổ ra trận đánh thì đại bộ phận quân đội của ông ta–tổng số quân, kể cả các đội quân đồn trú bảo đảm toàn bộ trận tuyến kéo dài, không vượt quá 120 nghìn người – đã tập trung ở Sum-la, cách nơi xảy ra trận đánh mấy trăm dặm, như đã nói. Và tuyệt nhiên không phải là chuyện đơn giản, sau khi vượt qua một khoảng cách như vậy lại bất ngờ tập kích quân địch, khi mà cần phải đưa 70 nghìn quân đến bãi chiến trường. Song chúng tôi xin nhắc lại rằng điều đó có thể có được; chắc là khi chuyến tàu thủy tiếp theo đến đây thì chúng tôi sẽ biết điều đó có đúng sự thật hay không.

Cuộc khởi nghĩa ở Hy Lạp đã chịu thêm một thất bại, nhưng không nên cho rằng nó đã bị đè bẹp hoàn toàn. Không nghi ngờ gì nữa, sẽ lại có những binh sĩ và những người chỉ huy khôi phục cuộc đấu tranh, và họ sẽ tiến hành cuộc chiến tranh du kích đầy cực nhọc chống lại quân đội Thổ Nhĩ Kỳ, ít ra cũng ở những vùng biên cương. Liệu điều đó có phát triển thành một việc gì đó nghiêm chỉnh hơn

không, điều đó sẽ phụ thuộc vào hoàn cảnh; như bạn đọc của chúng tôi sẽ thấy ở một trang khác[267], ở ngay chính Thổ Nhĩ Kỳ một cuộc âm mưu rộng rãi của người Hy Lạp và người Nga đã chín muồi; vì một sự ngẫu nhiên mà tất cả những đầu mối của âm mưu ấy đã lọt vào tay chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ[268]. Song, có thể xuất hiện cả những vụ âm mưu khác giống như thế, và những tình huống ngẫu nhiên sẽ không cản trở những âm mưu ấy. Trong khi ấy, các cường quốc đồng minh thì liên tiếp đe dọa triều đình Hy Lạp và đổ bộ quân vào Thổ Nhĩ Kỳ, tuồng như sửa soạn hoàn toàn chiếm lấy nước này. Đại bộ phận số quân ấy vẫn còn đóng ở ngoại vi Công-xtăng-ti-nô-plơ, mặc dù theo yêu cầu của viên đại sứ Pháp[1*], đã có một đội quân được phái lên phía bắc, đến Vác-na, là nơi chắc chắn liên tiếp diễn ra các cuộc dụng độ. Song, điều đáng hoài nghi là các lực lượng chủ lực của quân đồng minh đã nhanh chóng bắt tay thực hiện một chiến dịch tích cực. Vấn đề này không thể giải quyết được trước khi các viên tư lệnh[2*] đến Công-xtăng-ti-nô-plơ.

Trên biển Ban-tích, ngài Sác-lơ Nây-pia vẫn còn ở gần Xtốc-khôm, không hề tấn công một pháo đài nào trong số các pháo đài của Nga dọc theo bờ biển. Có lẽ, điều làm cho ông ta lo ngại là đội pháo thuyền mà người Nga dùng để đánh lại ông ta ở các vùng nước nông và trong khu vực các đảo thuộc vịnh Phần Lan. Nây-pia đã cử người về nước Anh để lấy những chiếc tàu nhỏ chạy bằng hơi nước có mớn nước nhỏ, có thể truy đuổi các pháo thuyền nhỏ đến những địa điểm mà chúng ẩn náu. Mặt khác, theo bản tin của thông tín viên ở Xanh-Pê-téc-bua của một tờ báo ở Béc-lin[269] thì triều đình Nga lo

1* - Ba-ra-ghê đ' I-li-ê

2* - Ra-glan và Xanh-Ác-nô

ngại rằng Crôn-stát sẽ không thể chống đỡ nổi cuộc tấn công được dự định của những Rough and Ready[1*] Anh, rằng các chiến hạm sẽ không thể cơ động tốt và khai hỏa ở trong khu vực bến cảng, thậm chí với mục đích thị uy, và rằng đang có những sự chuẩn bị phòng khi lực lượng bộ binh của quân địch đổ bộ ở khu vực này.

Song, trên biển Ban-tích ít có khả năng xảy ra những hoạt động tấn công nào đó trước khi hạm đội Pháp tới nơi, nhưng sau đó chắc chắn là Crôn-stát sẽ có vinh dự hứng chịu cuộc bắn phá đầu tiên. Crôn-stát sẽ bị đánh chiếm hay là sẽ bị phá hủy—đó là vấn đề khác, nhưng với những phương tiện phá hủy mà các nước đồng minh dự định tung ra chống lại thành phố này thì sự thất thủ của nó sẽ không phải là điều ngạc nhiên.

Phấn chấn vì những lời nhã ý dành cho công tước Căm-brít-giơ trong buổi lễ nhân dịp lễ kết hôn của hoàng đế[2*], các cường quốc phương Tây tự an ủi bằng niềm hy vọng rằng nước Áo đang ngả về phía họ. Nhưng từ Phổ chưa nhận được những tin tức làm yên lòng người như thế. Nhìn tổng thể thì nước Đức vẫn giữ lập trường như trước, và các nước đồng minh không có hy vọng lôi kéo được nước Đức vào một hoạt động nào đó nhằm phục vụ các lợi ích của mình. Không nghi ngờ gì nữa, nước Áo sẽ sẵn sàng chiếm đóng Xéc-bi và xứ Séc-nô-gô-ri-a, tại đó đã nổ ra một cuộc khởi nghĩa thật sự, chống lại vua Thổ[270], nhưng một cuộc chiếm đóng như thế – như trước đây chúng tôi đã từng nói[271] – sẽ chỉ là bước tiếp theo tiến

1* - những binh sĩ dũng mãnh. Đây là biệt hiệu chỉ binh lính Anh hồi thế kỷ XIX, sau trận Oa-téc-lô biệt hiệu này được sử dụng phổ biến, trong trận này đại tá Ra-phơ đã tỏ ra là một nhân vật xuất sắc. Lợi dụng tính chất đồng âm của họ tên vị anh hùng này ("Rough"– "thô lỗ", "không được gọt giũa") nên hầu tước Oen-linh-tơn đã gọi ông bằng chính cái tên "Rough and Ready" ("Thô lỗ, nhưng luôn luôn sẵn sàng hành động").

2* - Phran-txơ-I-ô-xíp I

đến chia cắt Thổ Nhĩ Kỳ và thật ra sẽ có lợi cho nước Nga hơn là cho những đối phương của nó.

Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 4 tháng Năm 1854
Đã đăng làm xã luận trên báo "New-York Daily Tribune" số 4084, ngày 20 tháng Năm 1854

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

C. MÁC

HỘI ĐỒNG TRUNG ƯƠNG[272]

NGÀY 26 THÁNG CHÍN 1806 (A-RAN-HU-Ê-XƠ) - NGÀY 29 THÁNG GIÊNG 1810[1*]

Chắc chắn là sau khi quân Pháp rút khỏi Ma-đrít thì Na-pô-lê-ông sẽ lại nhanh chóng đứng đầu một đội quân còn hùng mạnh hơn. Như vậy, những biện pháp phòng thủ chung là điều không tránh khỏi; mọi người đều cảm thấy rằng tình trạng có nhiều hội đồng quyền lực ở các tỉnh – mà những sự hiềm khích của các hội đồng ấy sau trận thắng ở Bai-len[273] đã mang tính chất càng gay gắt hơn – phải nhường chỗ cho một chính phủ trung ương nào đó. Song các hội đồng lại quan tâm đến việc không để quyền lực tuột khỏi tay mình, vì vậy họ đã chấp nhận đề nghị của hội đồng Xê-vi-lơ[274] là mỗi hội đồng bầu ra hai đại biểu trong số các thành viên của mình, số người này họp lại phải trở thành chính phủ trung ương, trong khi đó vẫn duy trì quyền điều hành nội bộ cho các hội đồng tỉnh đối với các vùng tương ứng. Vậy là, hội đồng trung ương, gồm 34 đại biểu của các hội

1* Trong bản viết tay, Mác ghi chú vào đầu đề này như sau: "(Tháng Giêng 1809. Phlo-ri-đa-blan-ca)".

đồng tỉnh, đã họp hội nghị ở A-ran-hu-ê-xơ vào ngày 26 tháng Chín 1808, và nó nắm quyền đến ngày 29 tháng Giêng 1810. Bị kẻ xâm lược truy nã, hội đồng trung ương đã từ Ma-đrít chạy về Xê-vi-li-a, và từ Xê-vi-li-a chạy về Ca-đi-xơ. Trong khi hội đồng trung ương thuộc vương triều ở A-ran-hu-ê-xơ tiến hành chiến tranh bằng các sắc lệnh, thì quân Pháp đã đánh chiếm đèo Xô-mô-xi-e-ra; trong khi hội đồng trung ương từ Xê-vi-li-a giải trí cho dân chúng bằng những lời kêu gọi mạnh mẽ thì những con đèo Xi-e-ra-Mô-re-na đã bị mất, còn quân đội của Xun-tơ thì ào tới An-đa-lu-di-a.

Trong thời gian hội đồng trung ương cầm quyền thì quân đội Tây Ban Nha đã biến mất khỏi mặt đất, hết thất bại nhục nhã này che mờ thất bại khác, và trận đánh rất tai hại ở Ô-ca-nhi-ê (ngày 19 tháng Mười một 1809) là trận đánh lớn cuối cùng của người Tây Ban Nha, từ sau thời điểm đó họ chỉ giới hạn ở việc đánh du kích mà thôi.

Khi Đại "Nữ hoàng" - Hội đồng trung ương tự phong cho mình tước hiệu này[275]- bỏ chạy khỏi Xê-vi-li-a thì Ca-đi-xơ là nơi nương náu duy nhất, và nếu công tước An-bu-kéc-cơ, thay vì đưa quân tiến về Ca-đi-xơ, lại tuân theo lệnh của hội đồng trung ương và tiến về Coóc-đô-va thì đội quân của ông sẽ bị cô lập, Ca-đi-xơ sẽ được giao nộp cho quân Pháp và mọi chính quyền trung ương ở Tây Ban Nha sẽ đến hồi cáo chung. Nếu ở đâu đó họ có gặp phải sự kháng cự anh hùng - đấy chỉ là ngoại lệ-thì đó không phải từ phía các đơn vị chính quy trên bãi chiến trường, mà là từ phía những thành phố bị vây hãm, như đã xảy ra ở Xa-ra-gô-xơ và ở Giê-rông.

Chỉ cần đưa ra một ít sự thật về cuộc chiến tranh Tây Ban Nha giành độc lập cũng đủ để đánh giá hội đồng trung ương. Đánh đuổi quân Pháp ra khỏi đất Tây Ban Nha – đó là mục tiêu chủ yếu của việc thiết lập ra hội đồng trung ương, và nó đã phá hỏng một cách xuất sắc nhiệm vụ này. Trong điều kiện thời kỳ cách mạng thì những thắng lợi của quân đội phản ánh tính chất của chính quyền trung

ương ở mức độ nhiều hơn là trong một hoàn cảnh bình thường. Chỉ nguyên việc khước từ chiến tranh chính quy để đổi lấy những chiến công chiến tranh du kích cũng chứng minh rằng trung tâm toàn quốc đã bị lu mờ trước những trung tâm kháng cự địa phương. Chính phủ toàn quốc thất bại vì lẽ gì?

Chính thành phần hội đồng trung ương đã hoàn toàn không đáp ứng nhiệm vụ đặt ra cho nó. Hội đồng trung ương quá cồng kềnh và quá đa tạp nên không thể thực hiện được quyền lực độc tài, Hội đồng ấy lại quá đông nên không thể đòi có quyền uy của hội nghị quốc ước. Việc nó được các hội đồng địa phương trao cho thẩm quyền đã làm cho hội đồng trung ương mất đi năng lực khắc phục những khuynh hướng háo danh, ác ý và chủ nghĩa vị kỷ đỏng đảnh của những hội đồng địa phương ấy. Hai đại biểu xuất sắc nhất trong số các thành viên khác của Hội đồng trung ương – Phlo-ri-đa-blan-ca, vị bộ trưởng tám mươi tuổi của nhà độc tài có học vấn Sác-lơ III, và Hô-vê-li-a-nốt, nhà cải cách đầy thiện ý mà vì tính quá cẩn thận trong việc lựa chọn phương tiện nên không bao giờ hoàn thành được công việc, - nhất định đã không thể có gì để chống lại cuộc khủng hoảng khủng khiếp mà đất nước đã rơi vào.

Cảm giác mình bị suy yếu và hoài nghi về thẩm quyền của mình trong con mắt nhân dân đã làm cho Hội đồng trung ương lâm vào tình trạng luôn luôn sợ hãi và nghi ngờ các viên tướng mà nó buộc phải giao cho quyền chỉ huy quân sự. Tướng Moóc-la, bản thân ông ta là ủy viên Hội đồng trung ương, đã chuyển sang phái Bô-na-pác-tơ, trước đó đã nộp Ma-đrít cho Na-pô-lê-ông. Cu-ê-xta mở đầu bằng việc bắt giam các đại biểu của Lê-ông trong Hội đồng trung ương, và bằng việc chuẩn bị các kế hoạch khôi phục quyền lực trước kia của các chủ soái[276] và của audiencias[1*] hoàng gia, hình như về sau

1* Các tòa án tối cao ở Tây Ban Nha và ở Mỹ la-tinh.

này ông ta đã tranh thủ được sự tin cậy của chính phủ theo đà thua các trận có ý nghĩa quyết định số phận của Tổ quốc. Thái độ không tin cậy của Hội đồng trung ương đối với các viên tướng La Rô-man-na và Ca-xta-nhi-ô-xơ, người chiến thắng ở Bai-len, đã được chứng thực một cách có sức thuyết phục bởi thái độ thù địch công khai mà La Rô-man-na đã tỏ rõ với Hội đồng trung ương trong lời kêu gọi gửi nhân dân, de dato: Xê-vi-li-a, ngày 4 tháng Mười 1809, còn viên tướng kia thì tỏ rõ bằng thái độ của mình đối với Hội đồng ấy sau khi trở thành ủy viên trong hội đồng nhiếp chính. Trong tất cả các viên tướng Tây Ban Nha thời bấy giờ, chắc công tước An-bu-kéc-cơ là viên tướng duy nhất có năng lực tiến hành một cuộc chiến tranh lớn, đặc biệt hình như ông ta có tất cả những đặc tính nguy hiểm của nhà độc tài quân sự – đó là nguyên nhân hoàn toàn đủ để loại trừ ông ta khỏi tất cả các cương vị chỉ huy quan trọng. Chúng ta có thể mạnh dạn tin công tước Oen-linh-tơn, nhân vật đã viết cho anh trai của mình là hầu tước Oen-xli vào ngày 1 tháng Chín 1809 như sau:

"Quan sát các hành động của Hội đồng trung ương, tôi bắt đầu lo ngại rằng trong việc sử dụng lực lượng của mình, Hội đồng này tuân theo những mưu đồ chính trị và những mục tiêu chính trị nhỏ nhen hơn là những nhiệm vụ phòng thủ quân sự và các hoạt động tác chiến"[277].

Hình như dự cảm về vai trò xuất chúng mà các nhà hoạt động quân sự có sứ mạng đảm đương trong các làn sóng sôi sục trong nước đã làm cho chính phủ nhân dân đầu tiên của Tây Ban Nha rơi vào tâm trạng sợ hãi sùng kính. Do chính thành phần của mình mà Hội đồng trung ương bị mất đi mọi sức mạnh cách mạng chân chính, nó không khỏi phải sử dụng những âm mưu nhỏ nhen để làm tê liệt ảnh hưởng của các viên tướng của mình. Mặt khác, Hội đồng trung ương không có khả năng chống lại sức ép của sự phẫn nộ của nhân

dân, nên thường hay bắt các viên tướng của mình có những hành động vội vã ở nơi mà chỉ có phòng thủ hết sức thận trọng lâu dài mới mong thành công được.

Do C.Mác viết giữa ngày 5 và ngày 22 tháng Chín 1854
Công bố một phần lần đầu bằng tiếng Nga trong "Bản tin khoa học của bộ môn tác phẩm C.Mác và Ph.Ăng-ghen", 1959, số 2

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Anh
In toàn văn lần đầu

PH. ĂNG-GHEN

BA-LA-CLA-VA[278]

BẢN TIN CỦA ANH

Sau một trận đánh ác liệt người ta đã chiếm được thoạt đầu là pháo đài thứ nhất, sau đó đã nhanh chóng chiếm được pháo đài thứ hai, thứ ba và thứ tư. Trung đoàn số 93 là lực lượng dự trữ, ở sát Ba-la-cla-va có hạm đội, ngoài ra còn có gần 100...[1*] Quân Thổ Nhĩ Kỳ tổ chức đội hình ở sườn trung đoàn 93, ở phía sau các ngọn đồi và cạnh tuyến bố phòng thứ hai.

BẢN TIN CỦA NGA[279]

Cánh quân ở trung tâm: trung đoàn Lê-vút-xki – đội tiên phong (4 2/3 tiểu đoàn, 16 khẩu pháo). Trung đoàn Xê-mi-a-kin – các lực lượng chủ lực (9 tiểu đoàn, 10 khẩu pháo) bố trí từ Soóc-gu-nhơ đến Ca-đư-côi. Cánh quân bên trái - trung đoàn Gríp-bơ (3 1/2 tiểu đoàn, 10 khẩu pháo, 8 đại đội kỵ binh, 1 đại đội) bố trí theo hướng Cô-ma-ra (về sau được sự hỗ trợ của trung đoàn thương kỵ hỗn hợp) – đã chiếm ngôi làng và tạo thành sườn bên trái.

1* Trong bản viết tay có một từ không đọc được.

Các sư đoàn số 1 và số 4 của [công tước] Căm-brít-giơ và của Cát-các-tơ, cũng như sư đoàn kỵ binh chiếm trận địa ngay bên cạnh Cát-các-tơ, đã nhập cuộc.

Tiếp đó ở bên trái là một sư đoàn Pháp và hai trung đoàn xạ thủ châu Phi. Cuộc tấn công của kỵ binh Nga đã bị trung đoàn Xcốt-len số 93 và một lữ đoàn kỵ binh nặng đánh lui. Một cuộc tấn công tuyệt vời (về phía nam đại lộ).

Quân Nga rút khỏi một phần lãnh thổ đã chiếm. Mưu toan đưa các khẩu pháo ra khỏi các pháo đài (trong số các khẩu pháo ấy [họ] đã không để lại một khẩu nào). Lệnh về việc phái lên phía trước đội kỵ binh nhẹ với sự yểm trợ của Cát-các-tơ. Quân Nga lại triển khai đội hình chiến đấu với các khẩu đội pháo dọc theo trận tuyến và ở hai bên sườn. Cuộc tấn công điên rồ của Các-đi-gan đã bị đẩy lui.

Cánh quân thứ nhất gồm: 1) lữ đoàn kỵ binh Hu-xa của Rư-giốp, chiếm trận địa bên phải trung tâm (14 đại đội kỵ binh, 9 đại đội bộ binh, 20 khẩu pháo), và

2) lữ đoàn của bản thân Gia-bô-crít-xki (7 1/3 tiểu đoàn, 2 đại đội kỵ binh, 2 đại đội bộ binh, 14 khẩu pháo).

Trung đoàn A-dốp tấn công pháo đài thứ nhất, vào lúc sáu giờ rưỡi sáng quân địch rời bỏ các pháo đài số 2 và số 3, chúng lập tức bị trung đoàn U-cra-i-na chiếm lấy.

Trung đoàn Ô-đét-xa chiếm được pháo đài số 4, nhưng pháo đài này đã bị phá sạch và bị bỏ lại.

Trận địa ở giữa ba pháo đài còn chống giữ.

Cuộc tấn công của kỵ binh Nga vào trại binh Anh đã bị đẩy lui bởi hỏa lực tạt sườn của trung đoàn Xcốt-len số 93, và bởi cuộc tấn công của lữ đoàn kỵ binh nặng.

Gia-bô-crít-xki được phái đến điểm cao ở phía bên phải.

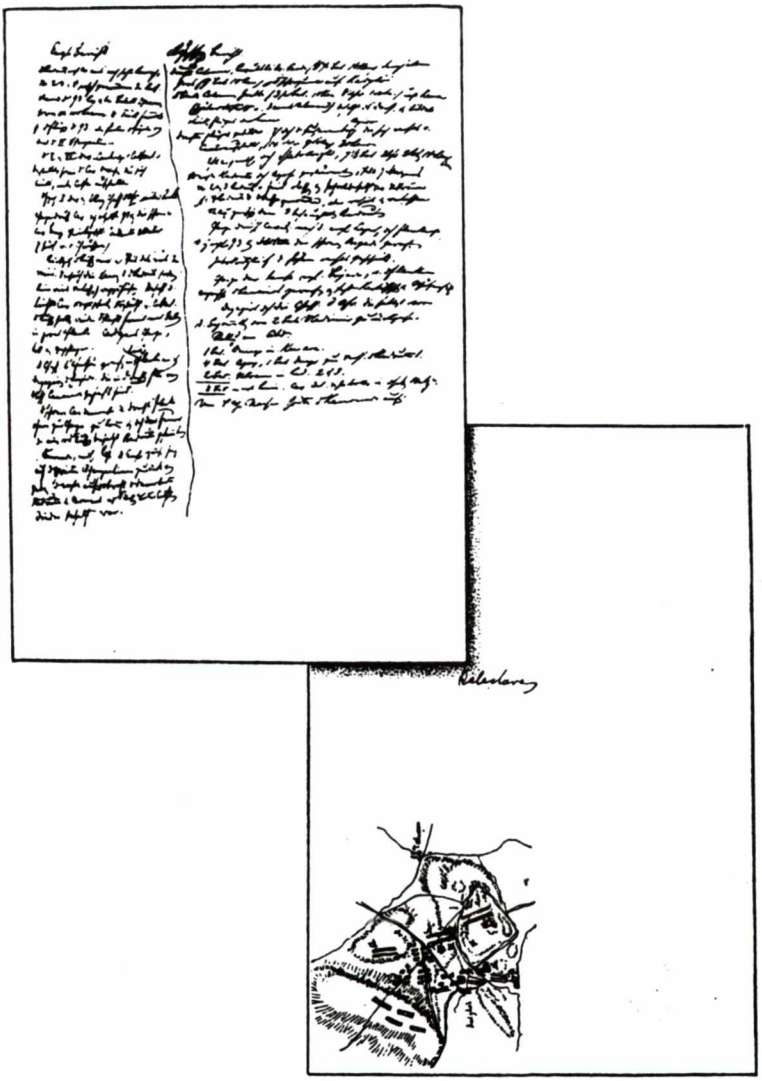

CÁC TRANG BẢN VIẾT TAY CỦA PH.ĂNG-GHEN TRONG BÀI "BA-LA-CLA-VA", CÓ KÈM THEO SƠ ĐỒ TRẬN ĐÁNH

Các xạ thủ châu Phi tấn công từ sườn trái, và giải thoát quân Anh ở sườn phải bị các thương kỵ binh của Nga tấn công.

Kỵ binh nặng đã tiến hành cuộc thị uy ở sườn phải mà không chuyển sang tấn công, và nó đã dùng hỏa lực làm tê liệt một trong số các pháo đài do quân Nga chiếm giữ. Cuối cùng thì sau đợt pháo kích lại đến sự im ắng. Quân Anh rút về tuyến phòng thủ thứ hai và bỏ tuyến phòng thủ thứ nhất, mặc dù vào một khoảnh khắc nào đó, pháo đài bị phá hủy lại rơi vào tay quân Thổ Nhĩ Kỳ dưới sự chỉ huy của Cát-các-tơ.

Cuộc tấn công của lữ đoàn kỵ binh nhẹ của Anh đã bị đẩy lui sau khi bị các thương kỵ binh [của Nga] tấn công từ hai bên sườn; hỏa lực mạnh của pháo bắn đạn ria và của súng trường.

Lữ đoàn này đã được các xạ thủ châu Phi cứu thoát, bản thân các xạ thủ ấy lại rút lui trước các chiến binh của hai tiểu đoàn thuộc trung đoàn Vla-đi-mia.

Tình hình vào buổi tối:

1 tiểu đoàn thuộc trung đoàn Đni-e-prơ ở Cô-ma-rư.

4 tiểu đoàn thuộc trung đoàn A-dốp, 1 tiểu đoàn thuộc trung đoàn Đni-e-prơ để phòng thủ pháo đài thứ nhất. *2 tiểu đoàn* thuộc trung đoàn U-cra-i-na tại các pháo đài số 2 và số 3.

8 tiểu đoàn ở tuyến thứ nhất, kỵ binh, pháo binh và Gia-bô-crít-xki cũng đóng tại các trận địa ấy.

Vào lúc 4 giờ chiều, đợt pháo kích đã chấm dứt.

I. Cánh quân bố trí từ Soóc-gu-nhơ đến Ca-dư-côi: thiếu tướng Lê-vút-xki

4 tiểu đoàn thuộc trung đoàn U-cra-i-na, 16 khẩu pháo.

4 tiểu đoàn thuộc trung đoàn Ô-đét-xa. 2/3 tiểu đoàn xạ thủ.

---

8 2/3 tiểu đoàn, 16 khẩu pháo.

4 tiểu đoàn thuộc trung đoàn A-dốp.

1 tiểu đoàn thuộc trung đoàn Đni-e-prơ, 10 khẩu pháo.

---

13 2/3 tiểu đoàn, 26 khẩu pháo.

Trung đoàn xạ thủ U-cra-i-na,

IV[1*] VI

4 khẩu pháo hạng nặng, 6 khẩu pháo hạng nhẹ. Chống lại các pháo đài số 1 và số 2 ở Ca-đư-côi.

Phía sau nó : thiếu tướng Xê-mi-a-kin, trung đoàn A-dốp. Tiểu đoàn 4 thuộc trung đoàn bộ binh Đni-e-prơ.

IV VI

4 khẩu pháo hạng nặng, 6 khẩu pháo hạng nhẹ.

Ngoài ra, trung đoàn xạ thủ Ô-đét-xa và 6 khẩu pháo hạng nhẹ thuộc khẩu đội pháo hạng nhẹ số 6.

II. Cánh quân: từ Soóc-gu-nhơ đến Cô-ma-rư

3 tiểu đoàn thuộc trung đoàn Đni-e-prơ.

1/2 tiểu đoàn bộ binh Cô-dắc.

10 khẩu pháo, 8 đại đội kỵ binh, 1 đại đội bộ binh.

Thiếu tướng Gríp-bơ phái quân Cô-dắc đến thung lũng Bai-đa-rơ. Các tiểu đoàn số 1, số 2 và số 3 thuộc trung đoàn bộ binh Đni-e-prơ.

1* Ăng-ghen dùng các chữ số La Mã để chỉ số hiệu các khẩu đội pháo.

3 1/2 tiểu đoàn, 10 khẩu pháo, 8 đại đội kỵ binh, 1 đại đội bộ binh.	IV VI 4 khẩu pháo hạng nặng và 6 khẩu pháo hạng nhẹ. 1 đại đội kỵ binh thuộc trung đoàn thương kỵ binh hỗn hợp. 1 đại đội thuộc trung đoàn Cô-dắc sông Đông số 53. Về sau, từ Bai-đa-rơ có một trung đoàn thương kỵ binh hỗn hợp được phái đi, cũng có cả bộ binh Cô-dắc (ở vùng Hắc Hải) và một bộ phận thuộc tiểu đoàn xạ thủ số 6 được phái đi.

III. Sườn phải: kỵ binh, trung tướng Rư-giốp

14 đại đội kỵ binh, 20 khẩu pháo, 9 đại đội.	Lữ đoàn kỵ binh nhẹ số 6. Các trung đoàn kỵ binh nhẹ số 11 và số 12. Trung đoàn Cô-dắc U-ran số 1. Ba đại đội thuộc trung đoàn Cô-dắc sông Đông số 53. 12 khẩu đội pháo binh nhẹ có ngựa kéo. Khẩu đội pháo binh Cô-dắc hạng nặng số 3.

IV. Sườn cực phải: thiếu tướng Gia-bô-crít-xki

Tại đây các xạ thủ châu Phi đã tấn công. 7 1/3 tiểu đoàn, 14 khẩu pháo, 2 đại đội kỵ binh, 2 đại đội bộ binh.	Ba tiểu đoàn thuộc trung đoàn Vla-đi-mia 4 tiểu đoàn thuộc trung đoàn Xu-dơ-đan 10 khẩu pháo hạng nặng (I) 4 khẩu pháo hạng nhẹ (II) 2 đại đội kỵ binh nhẹ của đại công tước Vây-ma-rơ. 2 đại đội thuộc trung đoàn Cô-dắc số 60 (của Pô-pốp).	2 đại đội, 6 tiểu đoàn bộ binh xạ thủ

Tổng cộng đưa vào trận đánh:

24 1/2 tiểu đoàn	70 khẩu pháo,	24 đại đội kỵ binh	13 đại đội bộ binh
600 [người ở mỗi tiểu đoàn]	8-22 [người]	80 [người ở mỗi đại đội kỵ binh]	
14700 bộ binh 900 pháo thủ 2600 kỵ binh 1000 lính Cô-dắc	900	1 920	800 lính Cô-dắc
19200 người	24 1/2 tiểu đoàn 400		
	9800 bộ binh[1*]		

1* Đây là lần tính thứ hai về số lượng bộ binh Nga đã tham gia trận đánh ở Ba-la-cla-va. Trong bảng tính toán này Ăng-ghen lấy số lượng của từng tiểu đoàn là 400, chứ không phải 600 tay súng, như ông đã làm ở phần trên.

Quân Anh: sư đoàn số 1–8 tiểu đoàn = 3000 người;
sư đoàn số 4–8 tiểu đoàn = 3000 người;
sư đoàn kỵ binh – 10 trung đoàn – 20 đại đội kỵ binh = 1 200 người;
Quân Thổ Nhĩ Kỳ: gần 8 tiểu đoàn, 8 tiểu đoàn = 4000 người;
Quân Pháp: thuộc sư đoàn số 1 có 6 tiểu đoàn = 3000 người;
12 đại đội kỵ binh = 800 người;

[Tổng cộng] 13000 [bộ binh] 2000 [kỵ binh]
và hạm đội Anh[280].

Do Ph.Ăng-ghen viết giữa ngày 13 và ngày 16 tháng Mười một 1854

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
Công bố lần đầu

PH. ĂNG-GHEN

CUỘC CHIẾN TRANH CRƯM[281]

1854

Tháng Chín, ngày 14.	Đổ bộ ở pháo đài Cổ.
" , *ngày 20.*	Trận đánh ở An-me.
" , *ngày 25.*	Cuộc hành quân của các nước đồng minh về phía Nam thành phố Xê-va-xtô-pôn.
" , *ngày 26.*	Ba-la-cla-va bị đánh chiếm.
" , *ngày 28.*	Cuộc phong tỏa phía Nam thành phố. (Ở thời điểm đó tại phía Nam, ngoài số thủy quân chỉ có 8 tiểu đoàn.)
Tháng Mười, ngày 1.	Đã có cuộc trinh sát và quyết định bắn phá trước khi mở cuộc tấn công.
" , *ngày 9-10.*	[Tiến hành đào] tuyến số 1 cách công sự 600 sažen[1*].

1* - xa-gien, bằng 2. 134m

Tháng Mười , ngày 17. Cuộc bắn phá thành phố Xê-va-xtô-pôn (ưu thế về hỏa lực của quân Nga trên bộ: 200 khẩu pháo hạng nặng chống lại 126 khẩu của phía tấn công), đồng thời pháo binh còn bắn từ các tàu chiến. Người ta đã buộc pháo binh Pháp phải câm họng. Thời cơ tấn công đã bị bỏ lỡ.

" , *ngày 25.* Trận đánh ở Ba-la-cla-va[1*].

" , *ngày 26.* Cuộc tấn công của 9 tiểu đoàn quân Nga tại trận địa của quân Anh.

Tháng Mười một, ngày 4 Ưu thế của lực lượng Nga đối với quân đồng minh. Cuộc tấn công.

" , *ngày 5.* Trận đánh ở In-ke-rơ-man[282]. Các công việc bao vây của quân Anh giờ đây hầu như đã hoàn toàn bị dừng lại. Chỉ còn tiếp tục xây dựng tuyến bao quanh nhằm đảm bảo chống đột phá giải vây.

Tháng Chạp, ngày 11. Ô-xten-Xa-ken chỉ huy quân đồn trú. Ngày càng có nhiều cuộc đột kích và ngày càng thành công hơn.

[1855]

Tháng Giêng. Đầu tháng. Quân Anh có mặt sau tuyến thứ hai, cách các công sự 400 sažen. Những cuộc đột kích vẫn tiếp diễn.

1* Xem tập này, tr. 303-311.

" , *ngày 27.* Ni-en đã tới. Cuộc công kích, có tính chất quyết định của quân Pháp đánh vào Ma-la-khốp, đã bị hoãn lại; quân Anh nhường lại một nửa số chiến hào của mình – tổng cộng dài 1 dặm !

Tháng Hai, ngày 22-23. Đã xây xong pháo đài Xê-len-ghin[283]. Ngày 23, cuộc tấn công vào pháo đài này đã bị đẩy lui. Cách bức thành chính 1100 i-ác.

" , *ngày 28–1 tháng Ba.* Đã xây xong pháo đài Vô-lưn – cách bức thành chính 1450 i-ác.

Tháng Ba, ngày 11-12. Pháo đài hình cặp kính kiểu Cam-sát-ca dài 770 i-ác[284] ; như vậy là cách công sự 470 saž. quân địch buộc phải sử dụng hào vây khắp pháo đài.
Ngoài ra, phía trước những công sự ấy là những hốc bắn.

" , *ngày 22-23.* Cuộc tấn công vào các hốc bắn ấy đã bị đẩy lui, và những hốc bắn ấy được nối với nhau thành một khối nhờ các chiến hào; tình hình cũng như vậy trước pháo đài số 3 - Quarry[1*], cách bức thành lũy chính 430 i-ác.

Tháng Tư Cuộc chiến đấu nhằm đánh chiếm các ổ bắn được xây cách 200 bước trước mặt các pháo đài số 4-6, và

1* - Công trường khai thác đá

Tháng Tư, ngày 19-20	cuộc chiến đấu của quân Anh đánh vào Quarry
", ngày 20-21	bị đẩy lùi.
Tháng Năm	Lực lượng của quân đồng minh (quân Pháp và quân xứ Xác-đi-ni) và Pê-li-xi-ê tăng thêm. Cuộc tấn công với cường độ mạnh hơn.
" ngày 23.	Cuộc chiến đấu nhằm chiếm các chiến hào ở trước pháo đài số 5, là cuộc chiến đấu thành công đối với phía Nga.
Tháng Sáu, ngày 7.	Cuộc tấn công pháo đài hình cặp kính kiểu Cam-sát-ca, công trường khai thác đá, các pháo đài Xê-len-ghin và Vô-lun.
" , ngày 18.	Cuộc tấn công thứ nhất bị đẩy lui[285].
Tháng Tám, ngày 16.	Sông Đen[286].
Tháng Chín, ngày 8.	Cuộc tấn công.

Do Ph.Ăng-ghen soạn sau ngày 8 tháng Chín 1855
Công bố lần đầu, dưới dạng bản chụp, trong Toàn tập C.Mác và Ph. Ăng-ghen, t.11

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức

C. MÁC

SỰ KHIẾM NHÃ VỀ NGOẠI GIAO[287]

Luân Đôn, ngày 2 tháng Mười. Bài diễn văn của ngài A-lếch-xan-đe-rơ Ma-lít – viên công sứ Anh bên cạnh Quốc hội liên bang Đức – đọc trong buổi tiệc trưa ở Hôm-buốc, nhân dịp chiếm được Xê-va-xtô-pôn, đã gây ra ở đây một sự sửng sốt không nhỏ do có những lời đả kích gay gắt vua Phổ và nội các của nhà vua. Trong bài diễn văn ấy, viên công sứ Anh đã tuyên bố thẳng thừng rằng dân tộc Anh có quyền mong đợi nước Phổ thi hành một chính sách khác, nhất là vì đa số nhân dân Phổ chưa bao giờ che giấu cảm tình của mình đối với các cường quốc phương Tây. Ngài A-lếch-xan-đe-rơ cho rằng nếu Phổ có thái độ ủng hộ các cường quốc phương Tây thì lẽ ra Áo đã có hành động kiên quyết, và nhờ vậy mà đứng trước khối liên minh Phổ, sự kháng cự của Nga lẽ ra đã không thể có được. Ở mức độ nào đó, nước Phổ trực tiếp chịu trách nhiệm về cuộc chiến tranh. Vì vua Phổ là thành viên của Liên bang Đức – mà ngài A-lếch-xan-đe-rơ là công sứ của Anh bên cạnh nó – cho nên người ta cho rằng dù thế nào đi nữa, lời đả kích này cũng sẽ dẫn đến những quan niệm hết sức nghiêm trọng. Nếu viên công sứ sẽ được chính phủ

nước mình bảo vệ thì đó sẽ là dấu hiệu nói lên tính chất của chính sách tương lai của nước Anh; còn nếu không, thì có thể tin chắc rằng ông ta sẽ bị triệu hồi.

Do C. Mác viết ngày 2 tháng Mười 1855
Đã đăng trên báo "Neue Oder - Zeitung" số 465, ngày 5 tháng Mười 1855

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu

C. MÁC

ỦY BAN Ở NIU-CÁT-XƠN TRÊN SÔNG TAI-NƠ

Luân Đôn, ngày 6 tháng Mười. Ủy ban ở Niu-cát-xơn trên sông Tai-nơ[288] – được thành lập nhằm mục đích điều tra "hoạt động của ngành ngoại giao"– vừa mới công bố một bản báo cáo hết sức đáng quan tâm. Chúng tôi dẫn ra đây những đoạn trích quan trọng nhất trong văn bản này, nhưng chúng tôi xin nhận xét trước rằng *ngài Poóc-tơ*, người đóng vai trò chủ yếu trong các tài liệu dẫn ra dưới đây, là thứ trưởng trong Board of Trade[1*] Anh và có một vị trí đáng kể trong văn học nước Anh, với tư cách là tác giả cuốn sách "Sự tiến bộ của dân tộc".

Số 1. *Báo cáo của Ủy ban ở Niu-cát-xơn trên sông Tai-nơ.* Ủy ban cho rằng: 1) ngài Poóc-tơ giữ chức vụ trong Board of Trade vào thời kỳ huân tước Men-buốc là thủ tướng, còn huân tước Pan-mốc-xtơn là bộ trưởng ngoại giao; nhờ sự quan sát của chính mình và trên cơ sở những kết luận rút ra từ những sự việc ông biết, ngài Poóc-tơ đi đến sự khẳng định chắc chắn, mà ông đã đưa ra, về việc huân tước Pan-mốc-xtơn đã hy sinh một cách có hệ thống các lợi ích của nước Anh để làm vừa lòng nước Nga trong những vấn đề có liên quan đến các hiệp định thương mại; 2) ngài Poóc-tơ đã tuyệt nhiên không giấu sự

1*- bộ thương mại

khẳng định chắc chắn ấy với thủ trưởng của mình là bộ trưởng thương mại[1*], bạn đồng sự của huân tước Pan-mốc-xtơn; nói đúng ra thì ngược lại, vào năm 1840, khi ông ấy được đề nghị đi Pa-ri để ký hiệp nghị thương mại với Pháp thì Poóc-tơ đã không đồng ý nhận sứ mạng ấy, chừng nào chưa trực tiếp thỏa thuận rằng ông ấy sẽ không phải gửi một báo cáo nào đến bộ ngoại giao. Dòi hỏi này dựa trên sự tin chắc rằng mọi cố gắng của ông trong việc ký kết hiệp nghị ấy sẽ bị phá hỏng một cách trắo trở bởi người đứng đầu ngành ấy; 3) điều kiện này đã được chấp nhận, thế là Poóc-tơ đã đi Pa-ri với sứ mạng ấy; 4) trong thời gian giữ chức vụ bên cạnh Glát-xtôn, dưới thời cầm quyền của ngài R.Pin, ngài Poóc-tơ đã không ngừng giữ những quan điểm trước kia của mình và ngoài ra còn quy tội huân tước Pan-mốc-xtơn đã nhận tiền của người Nga. Poóc-tơ khẳng định rằng người trung gian trong vụ làm ăn này là một người Do Thái tên là Giê-cốp Hác-tơ, là người trước kia làm chủ một sòng bạc ở phố Xanh-Giêm-xơ, sau đó được huân tước Pan-mốc-xtơn cử giữ chức lãnh sự Anh ở Lai-pxích. Poóc-tơ đoan chắc điều này nhờ những cuộc điều tra do chính phủ tiến hành nhằm mục đích thoát khỏi Hác-tơ; 5) bất kể lời chứng của ngài Poóc-tơ thì sự việc này cũng không thể chối cãi được, và bất kỳ ai muốn đều có thể có bằng chứng để tin rằng Giê-cốp Hác-tơ quả thật đã làm chủ một sòng bạc, và rằng huân tước Pan-mốc-xtơn đã cử ông ta làm lãnh sự ở Lai-pxích, nơi mà mọi người đều né tránh ông ta như một con người có tiếng tăm rất đáng ngờ. Dưới đây, Ủy ban dẫn ra những lời khai của các nhân chứng mà Ủy ban này đã thu thập được.

Niu-cát-xơn, ngày 20 tháng Chín 1855

Gi.Crô-si và những người khác

Chúng tôi dẫn ra đây *những đoạn trích* từ những lời khai ấy của các nhân chứng:

Số 2. Vụ giao kèo với sòng bạc chỉ mãi sau này, dưới thời chính phủ của ngài R.Pin, ngài Poóc-tơ mới được biết. Sự thể mà Poóc-tơ cho tôi biết là như thế này: có một người Do Thái, viên lãnh sự của Anh ở Lai-pxích, đã được các thương gia địa phương và các thương gia Anh xem là người đại diện hết sức không xứng đáng của nước Anh, đặc biệt là sau khi người ta thấy rõ rằng trong quá khứ ông này là chủ của một sòng bạc ở phố Xanh-Giêm-xơ. Người ta đã cố gắng loại bỏ ông ta, và vấn đề này đã được đặt ra trước chính phủ của ngài R.Pin. Song, chính phủ của ông này đã vấp phải một sự phản đối hết sức kiên quyết và gay gắt của Pan-mốc-xtơn - người đã cử Hác-tơ giữ chức vụ này – đến nỗi chính phủ này đã phải nhượng bộ. Sau này, bí mật của sự dính líu của Pan-mốc-xtơn với phần tử hết sức bỉ ổi ấy đã trở thành đối tượng của cuộc điều tra, và người ta phát

1* - Hen-ri La-bu-se-rơ

hiện rằng có một lần, khi huân tước Pan-mốc-xtơn gặp những khó khăn nghiêm trọng về tiền bạc-tôi cho rằng điều này xảy ra vào năm 1825-thì công tước phu nhân Li-ven đã khuyên ông ta đến sòng bạc của người Do Thái ấy, tại đó có một người ngoại quốc trong hai đêm liền đã thua bạc cho Pan-mốc-xtơn 20 nghìn pao xtéc-linh. Ngài Poóc-tơ đã công khai nói chuyện này với nhiều người, trong đó có cả ngài Brai-tơ.
Ngày 7 tháng Tư 1855

Đ. Rốt-xơ, từ Blây-đen-xbéc-gơ

Số 3. Việc bổ nhiệm Hác-tơ diễn ra vào thời điểm Pan-mốc-xtơn có ý định rút ra khỏi nội các, vào năm 1841. Tại Lai-pxích, Hác-tơ đã công khai khoe với nhiều người về bức thư của Pan-mốc-xtơn tỏ ý lấy làm tiếc là vào thời điểm đó, ông ta không có khả năng dành cho Hác-tơ bất kỳ một chức vụ béo bở nào.

Uốc-tơ-linh, ngày 28 tháng Tư 1855

Đ.Uốc-các-tơ

Số 4. Sẽ hoàn toàn vô bổ, vả lại tôi cũng không thể lặp lại tất cả các cuộc nói chuyện riêng của tôi với Poóc-tơ. Tôi chỉ giới hạn ở một trường hợp mà thôi. Đã có một hiệp ước quan trọng được ký với một quốc gia châu Âu (Na-plơ), nếu hiệp ước ấy được phê chuẩn thì lẽ ra nước ta đã có thể có được những mối lợi to lớn về thương mại bằng con đường hữu nghị. Những nhân vật chính thức biết về các hành động của Nga trong nội các và chống lại những hành động ấy, đã tỏ ý lo ngại rằng hiệp ước ấy sẽ bị thất bại nếu xuất hiện những cái cớ nào đó để tranh cãi, để đòi tiến hành các thủ tục và đòi có những điều kiện tiên quyết. Để tránh mối nguy hiểm đó, người ta đã làm cho văn bản hiệp ước ấy hoàn toàn hoàn hảo và trình ra nội các chỉ sau khi văn bản hiệp ước này được Na-plơ tán thành và ký vào. Tại Anh, bản hiệp ước này đã được đón nhận bằng một sự im lặng hoàn toàn. Không một cơ quan nào của chính phủ được phép đón chào sự kiện này. Bộ ngoại giao đã hoàn toàn coi thường hiệp ước đó. Những nhân vật thực hiện hiệp ước này đã thôi thúc một nghị sĩ đưa ra lời chất vấn là đã nhận được hay chưa sự đồng ý của Na-plơ về hiệp ước này. Pan-mốc-xtơn trả lời rằng đây là một sự hiểu lầm hoàn toàn - không hề có một hiệp ước nào như vậy - chỉ có một số điểm phác thảo sơ bộ của hiệp ước này mà thôi. Tôi còn nhớ, nhân lời giải đáp ấy của vị bộ trưởng mà Poóc-tơ, ngay trước mặt tôi, đã mở tủ đựng các văn bản chính thức, rút ra một văn bản, trao nó cho tôi và thốt lên: "*Hiệp ước đây này*". Chắc là cho đến nay ,văn bản ấy vẫn nằm ở chỗ ấy. Mác-Grê-go, nghị sĩ hiện nay, đại biểu của Gla-xgô, là người đã tiến hành cuộc đàm phán về bản hiệp ước ấy với Na-plơ. Điều còn đáng ngạc nhiên hơn nữa là câu chuyện của Poóc-tơ kể về việc

hy sinh một bản hiệp ước thương mại mà chính ông này đã tiến hành đàm phán về nó với nước Pháp, và việc thi hành bản hiệp ước ấy cũng đã bị Pan-mốc-xtơn phá hoại.

Ngày 4 tháng Năm 1855

R.Môn-tít

Số 5. Tôi còn nhớ, đã có lần tôi được nghe đến việc bổ nhiệm một người Do Thái hoặc một người đã từng là người Do Thái, có họ là Mít-sê-li (hoặc giống như vậy), giữ chức vụ chính thức, ông này là đồng sở hữu, cũng là một trong số những người biên tập báo "Morning Post". Pan-mốc-xtơn đã cử ông này làm lãnh sự ở X.Pê-téc-bua, chức vụ này ông ta đã giữ cho đến khi chiến tranh nổ ra, và nhờ nó mà ông ta đã kiếm được 4-5 nghìn pao xtéc-linh mỗi năm. Ngay sau cuộc tổng tuyển cử năm 1847, báo "Morning Post"— hồi ấy báo này trung thành với Đốc-bi và là tờ báo hết sức bảo thủ — đã đăng một bài nói về nội các, trong bài này, khi đề cập đến Pan-mốc-xtơn có nói rằng Uốc-các-tơ có thể đưa ra những lời buộc tội Pan-mốc-xtơn khiến cho Pan-mốc-xtơn phải dựng tóc gáy. *Sau đó chẳng bao lâu*, Mít-sê-li được bổ nhiệm. Tuy nhiên, hồi ấy việc lãnh đạo báo này đã chuyển vào tay người khác, nhưng kể từ thời gian ấy trở đi và trong suốt thời gian báo này tiếp tục trung thành với Đốc-bi và với các đạo luật về ngũ cốc, tuy nó vẫn đả kích nội các nói chung, *nhưng nó đã không đụng đến Pan-mốc-xtơn*; ngược lại, báo này còn thường xuyên tâng bốc và ủng hộ ông ta. Trong 12 tháng gần đây, báo này đã công khai đào ngũ khỏi phe bảo thủ và đã không những theo Pan-mốc-xtơn, mà còn trở thành tờ báo của chính phủ.

Sác-lơ Át-vút[289]

Do C.Mác viết ngày 6 tháng Mười 1855
Đã đăng trên báo "Neue Oder - Zeitung" số 475, ngày 11 tháng Mười 1855

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu

C. MÁC

CUỘC MÍT-TINH LỚN ĐỂ BÊNH VỰC NHỮNG NGƯỜI LƯU VONG CHÍNH TRỊ[290]

Luân Đôn, ngày 13 tháng Mười một. Tối hôm qua tại Xanh-Mác-tin-hôn đã có cuộc mít-tinh đông lạ thường, mà những thông báo đã mời người ta tới dự cuộc mít-tinh ấy như là một "cuộc biểu dương thống nhất nhằm phản đối hành động trục xuất khỏi Giớc-xi mới đây, phản đối dự luật về người nước ngoài[291] đang soạn thảo và phản đối chính sách chiến tranh hiện nay". Nhưng mục cuối cùng đã được rút khỏi chương trình nghị sự để đảm bảo có được sự nhất trí về hai mục đầu. Chủ tịch cuộc mít-tinh là Ê-đu-a Mai-an, nghị sĩ, đã điểm lại những sự biến đưa đến vụ trục xuất, và nói tiếp:

"Mục đích của cuộc mít-tinh này thật đơn giản; nó nhằm phản đối quá khứ cũng như chống lại tương lai. Vì lợi ích của những người lưu vong chính trị, chúng tôi đòi được hưởng quyền cư trú (có tiếng hô "hoan hô!"); chúng tôi đòi hỏi điều này đơn giản vì họ là những người lưu vong *chính trị* (lại "hoan hô!"). Số phận đau buồn của họ là căn cứ đủ để đảm bảo cho họ có được sự thông cảm của chúng ta và sự che chở của chúng ta ("hoan hô!"). Chúng ta không hỏi những quan điểm chính trị của họ như thế nào: chúng ta không muốn biết họ thuộc đảng nào ở nước họ. Về phương diện này, chúng ta không có sự phân biệt nào giữa công tước và người bình dân ("hoan hô!"). Chúng ta đòi quyền cư trú cho

tất cả những ai đến được bến bờ này. Cho đến nay, chúng ta làm việc này với thái độ không thiên vị. Chúng ta chìa bàn tay trợ giúp hoàng tử Lu-i -Na-pô-lê-ông, cũng như bảo vệ vị quốc vương bị lãng quên[1*] mang tên Giôn-xmít (có tiếng "hoan hô!" và tiếng cười). Các đạo luật của chúng ta đã từng bảo vệ phái Oóc-lê-ăng, phái Hợp nhất[292], phái bảo hoàng và phái cộng hòa – và không phải vì chính sách của những người cầm quyền tại đất nước mà từ đó họ đã bỏ chạy, mà nhờ hiệu lực của các đạo luật của nước Anh. ("Hoan hô!") Chúng ta chân thành và sẵn lòng dành sự mến khách của dân tộc chúng ta cho tất cả mọi người. Trong số những người khác, chúng ta đã chào đón long trọng một nhân vật như *Cô-sút* (những tràng vỗ tay vang dậy) mà báo "Times" mới đây đã gọi là "một người Hung-ga-ri vĩ đại", cũng như đã bảo vệ *Mát-di-ni* (vỗ tay vang dậy), một sự bảo vệ mà ông ấy đã đề nghị. Chúng ta thấy không cần phải hỏi xem các quan điểm chính trị của những người ấy có trùng hợp với các quan điểm chính trị của chúng ta không. Chúng ta chỉ cần biết rằng họ là những người lưu vong vì các lý do chính trị, và những nỗi khổ sở của họ là căn cứ đầy đủ để chúng ta dành thiện cảm cho họ. ("Hoan hô!") Đó là những gì chúng ta muốn dành cho những người lưu vong từ Giốc-xi đến. ("Hãy nghe đây!", "Hãy nghe đây!"). Đó là điều mà chúng ta phấn đấu dành cho tất cả những ai đến được bến bờ này, và chúng ta không muốn từ bỏ, dù là một ly, lòng mến khách của dân tộc chúng ta do sự đòi hỏi của bất kỳ ai. (Những lời "hoan hô!" vang dội và kéo dài) Do vậy, cần tiếp nhận những người đã đến đây, để họ được hưởng mọi quyền tự do của nước Anh, chứ không chỉ hưởng cảnh ngục tù. ("Hãy nghe đây !" "Hãy nghe đây !") Không cần đến mọi sự đăng ký của những người đã bỏ chạy khỏi tổ quốc mình vì các lý do chính trị; không cần có bất kỳ sự giám sát nào của cảnh sát. ("Hãy nghe đây !" "Hãy nghe đây !") Chúng ta không muốn trao sự tự do của những con người ấy vào tay vị bộ trưởng hoặc vào tay nhà vua, cũng như sự tự do của chính mình vậy v.v.".

Sau khi *Mai-an* kết thúc bài diễn văn khá dài và được vỗ tay hoan nghênh vang dậy – trong đó không tránh khỏi có những lời đả kích gay gắt nhằm vào Lu-i-Na-pô-lê-ông và nước Áo – ngài *Oa-sinh-tơn Uyn-xơ* đã tuyên đọc bức thư dưới đây của *Cốp-den*:

"Thưa quý ngài! Tôi rất lấy làm buồn là sẽ không thể tham gia vào cuộc biểu tình của các vị phản đối hành động lộng quyền đối với ngài *Vích-to Huy-gô* và các đồng chí lưu vong của ngài ấy. Nhưng mặc dù đường đến thành phố thì xa và những công việc thuộc loại khác không cho phép tôi hiện diện trong cuộc mít-tinh, tuy nhiên tôi hết lòng đồng tình với các vị tổ chức cuộc mít-tinh này. Những biện pháp giống như những biện pháp mà các ngài định phản đối sẽ thực sự mở mắt ít nhất là cho một bộ phận công chúng ủng

1*- Lu-i-Phi-líp

hộ chiến tranh ("ố! ố!") do có cảm tình với chủ nghĩa tự do ở nước ngoài, mở mắt cho họ thấy rõ sự lừa bịp mà do nhẹ dạ, bộ phận công chúng ấy đã mắc phải ("ố! ố!") – của những kẻ đã từng thuyết phục họ tin rằng dưới sự lãnh đạo của chính phủ ở nước ta hiện nay thì cuộc chiến tranh mà chúng ta tham gia là cuộc đấu tranh cho tự do. (Có tiếng suỵt và tiếng "hoan hô!") Xin các vị hãy tin rằng từ khi hòa bình ở châu Âu bị phá hoại thì ở trong nước cũng như ở nước ngoài, xu hướng luôn luôn trực tiếp mang tính chất đối chọi; và nếu họ buộc chúng ta tiến hành chiến tranh thêm vài năm nữa thì họ sẽ đẩy chúng ta vào những hành động chính trị đen tối của thời kỳ khổ đau khi Xít-mut cầm quyền[293]. ("Không, Không!" Có tiếng suỵt và tiếng "hoan hô!".)

R.Cốp-đen"

Cuộc mít-tinh đã thông qua nghị quyết dưới đây:

"Hội nghị phẫn nộ phản đối hành động trục xuất những người lưu vong ra khỏi Giốc-xi mới đây, và cho rằng những người ngoại quốc đến được lãnh thổ của vua nước Anh sẽ lập tức được hưởng quyền lợi đương nhiên và hợp pháp của người Anh, quyền được thẩm vấn công khai và được điều tra trước các vị bồi thẩm, trước khi họ bị truy nã về mặt hình sự. Hội nghị cam kết sử dụng mọi biện pháp hợp pháp để chống lại những mưu toan gây lo ngại, đó là những mưu toan thông qua tại nghị viện một đạo luật sẽ hủy bỏ hoặc hạn chế quyền cư trú, và kêu gọi toàn thể đất nước hưởng ứng việc này".

Cuộc biểu tình này sẽ kéo theo nó nhiều cuộc biểu tình tương tự. Tuy nhiên, tôi không thể kìm nổi mà không đưa ra nhận xét là trong toàn bộ vấn đề lưu vong, có nhiều khói hơn là lửa. Dư luận xã hội kiên quyết chống lại chính phủ; nhưng đồng thời tôi thậm chí nghĩ rằng tấn kịch này nằm trong sự tính toán của chính phủ. Chính phủ đã nhượng bộ – một cách vụng về và với một thái độ sẵn sàng bi hài đến thế – những đòi hỏi đầu tiên của Lu-i-Na-pô-lê-ông chính là nhằm chứng minh trên thực tế cho Na-pô-lê-ông thấy rằng, bất kỳ một chính phủ nào ở nước Anh cũng không thể có những nhân nhượng *hơn nữa*. Nếu chính phủ nhìn vấn đề này một cách nghiêm túc thì lẽ ra nó đã hành động khôn khéo hơn và lẽ ra đã không có bước đi kỳ cục từ lâu, trước khi khai mạc nghị viện. Pan-mốc-xtơn không ưa thích những người lưu vong, nhưng ông ta coi họ như là

một phương tiện, mà nếu có trong tay thì tốt, để nếu gặp dịp thì sẽ có khả năng dùng họ để dọa nạt các nước trên lục địa. Tôi tin rằng chính giờ đây, những người lưu vong ít phải lo ngại hơn bất cứ lúc nào.

Do C.Mác viết ngày 13 tháng Mười một 1855
Đã đăng trên báo "Neue Oder-Zeitung" số 537, ngày 16 tháng Mười một 1855

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu

C. MÁC

GỬI CHỦ BIÊN BÁO "FREE PRESS"[294]

Thưa ngài, tôi hân hạnh gửi kèm theo đây bài báo mà có thể ngài sẽ thấy cần thông báo với bạn đọc của mình.

Nay kính thư
Tiến sĩ Các Mác

Luân Đôn, ngày 26 tháng Tư
28, Đin-xtơ-rít, Xô-hô

Do C.Mác viết ngày 26 tháng Tư 1856
Đã đăng trên các báo "The Free Press" và "The Sheffield Free Press" ngày 3 tháng Năm 1856

In theo bản đăng trên báo "The Free Press"
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

C. MÁC

NƯỚC PHỔ ("NHÀ NƯỚC QUÂN PHIỆT")

(XEM STAI-NƠ)[295]

_ 1320	_ 1417
1142	1320
178	97[296]

Thời kỳ I. Năm 1142 (Bá tước Phôn Ba-len-stết, An-brếch Gấu)

Trấn miền bắc.

Năm 1133. Hoàng đế Lô-ta-rơ (các năm 1125-1137) đã trao nộp trấn miền Bắc cho bá tước ***An-brếch Phôn Ba-len-stết,*** con trai của bá tước Ốt-tô, người được phong công quốc Dắc-den[297].

Thời kỳ II. Các quan trấn thủ thuộc dòng họ Ba-len-stết. Các năm 1142-1320

Họ chủ yếu đấu tranh chống tổng giáo chủ Mác-đơ-buốc, cố gắng thoát khỏi sự phụ thuộc phong kiến. Đó là điều mà họ chưa đạt được trong 178 năm.

Thời kỳ III. Ba-vi-e và Lúc-xăm-buốc. Các năm 1320-1417[298]

Hoàng đế Xi-ghi-dơ-mun-đơ (vua xứ Bô-hêm, thuộc vương triều Lúc-xăm-buốc) năm 1411 đã cử tổng trấn *Phri-đrích VI* Nu-ren-be - người đã cho ông ta vay tiền làm khâm sứ, và đến *năm 1415*, sau khi Phri-đrích *lại cho ông ta vay những số tiền lớn*, thì cử Phri-đrích làm công tước sở hữu Trấn Bran-đen-buốc, sau hành động này thì *vào năm 1417* đã diễn ra lễ long trọng tấn phong danh hiệu đại vương công và tuyển đế hầu thuộc Đế chế La Mã thần thánh.

Trong 97 năm tiếp theo (1320-1417), lịch sử của họ được đặc trưng bởi việc vương triều Ba-vi-e và Lúc-xăm-buốc on an average[1*] chống lại niềm vinh hạnh được làm những người sở hữu Trấn cũ[2*]. *Hô-hen-txô-léc*[3*] năm 1411 được bổ nhiệm làm tổng khâm sứ và người cai trị Trấn (1411), (1415) vụ mua tước hiệu quan trấn thủ Bran-đen-buốc của Xi-ghi-dơ-mun-đơ. *Điều kiện*: (1415) Triều vua Lúc-xăm-buốc phải được công nhận và giữ quyền chuộc lại Trấn Bran-đen-buốc cùng với danh hiệu tuyển đế hầu, với giá 400 nghìn gun-đen vàng.

Thời kỳ IV. Dòng họ Hô-hen-txô-léc. Từ năm 1417 đến nay

Giai đoạn thứ nhất. Các năm 1417-1535 (Từ Phri-đrích I đến thời kỳ Cải cách tôn giáo).

1* - đều như nhau

2*- Trấn miền Bắc

3*- tổng trấn Nu-ren-be Phri-đrích VI

Các năm 1413-1417. Cuộc đấu tranh của quân đội của tổng trấn chống lại các hiệp sĩ ăn cướp hoành hành trong Trấn (Kít-xốp, Pút-lít-xơ v.v.). *Các năm 1414-1418*. Nhà thờ ở Công-xtăng-xơ trên hồ Bô-đen (tại đây, nhờ các khoản tiền vay mới mà Phri-đrích I đã mua của Xi-ghi-dơ-mun-đơ những đặc quyền mới v.v.. Ngày 30 tháng Tư 1415, Xi-ghi-dơ-mun-đơ phong cho Phri-đrích tước hiệu cha truyền con nối là quan trấn thủ Bran-đen-buốc, đại vương công của Đế chế La Mã, tuyển đế hầu v.v.. Cũng tại đấy ngày 18 tháng Tư 1417, Xi-ghi-dơ-mun-đơ phong cho Phri-đrích đất đai và từ bỏ điều kiện về việc chuộc lại). (Năm 1415 Phri-đrích cam kết, trong mỗi cuộc bầu cử hoàng đế, sẽ bỏ phiếu cho Vương triều Lúc-xăm-buốc.) *Năm 1419* vua xứ Bô-hêm Ven-xen qua đời. Anh trai của ông là hoàng đế Xi-ghi-dơ-mun-đơ đòi quyền hưởng ngai vàng xứ Bô-hêm; ông ta đòi hưởng ngai vàng ấy vào năm 1420.

Vụ mua tước hiệu quan trấn thủ. Ông ta sử dụng Công đồng Công-xtăng-xơ nhằm mục đích này[299].

Phái Gu-xơ, đứng đầu là Gi-giơ-ca, chiếm Pra-ha, đánh bật quân đội hoàng đế ra khỏi xứ Bô-hêm. Trong tất cả các chiến dịch tiếp theo, quân đội hoàng đế - mà Phri-đrích Bran-đen-buốc đã nhiều lần đứng đầu với tư cách là tổng tư lệnh – đã chịu ô danh như vậy, và vào *năm 1432* quân của Gu-xơ vượt biên giới của Trấn, tiến quân đến Phran-phuốc trên sông Ô-đe và xa hơn nữa, đến Béc-man, tại đó, cuối cùng họ bị đánh bại và buộc phải rút đi. *Công đồng Ba-lơ*[300] *năm 1432 or so about*[1*].

Cuộc chiến tranh lớn đầu tiên của các tuyển đế hầu Bran-đen-buốc; chống lại tự do tôn giáo. (Phái Gu-xơ và phái Ta-bo-rơ.)

1*- hoặc đại thể vào thời gian đó

Giờ đây, khi xứ sở của ông ta đang bị tàn phá thì Phri-đrích đòi phải có những nhượng bộ cho phái Gu-xơ (từ ngày đó đã tách khỏi phái Ta-bo-rơ). Ông ta đe dọa sẽ ký *hòa ước đặc biệt*[1*] với xứ Bô-hêm, để đất nước của ông ta không bị tiếp tục tàn phá.

Bran-đen-buốc dọa ký "hòa ước riêng rẽ".

Năm 1436 sau cùng đã có cuộc ký kết hòa ước tại Công đồng Ba-lơ[301]. Cuộc đấu tranh chống các công tước các xứ *Pô-mê-ra-ni, Mê-clen-buốc, Dắc-den – Lau-en-buốc*. (Bran-đen-buốc ký liên minh với Hăm-buốc và Lu-bếch-cơ.) Phri-đrích chiếm *trấn U.kéc* của xứ Pô-mê-ra-ni v.v.. Ông ta mất ngày *21 tháng Chín 1440.*

Năm 1440 *Phri-đrích II Sắt*.(Là một con người rất yếu đuối, giả nhân giả nghĩa, nhưng thường xuyên mặc áo giáp sắt)

Ông ta thành lập hội đoàn Thiên nga.

Phri-đrích I đã sử dụng các thành phố để bẻ gẫy sự kháng cự của giới quý tộc. Nhưng giờ đây các thành phố đã giàu lên lại trở nên cứng đầu. Phri-đrích I ban cho các thành phố hưởng các đặc quyền về thị chính. Sau đó là cuộc đấu tranh giữa các thành viên quý tộc trong hội đồng thị chính với các công xã có tư tưởng dân chủ.

1* Trong bản viết tay ở phía trên từ "đặc biệt" ("besondern") Mác viết từ "riêng rẽ" ("separat").

Trong những năm đầu của thời kỳ cai trị của Phri-đrích II đã xảy ra cuộc tranh chấp giữa Khuên trên sông Sprê và Béc-lin mà trước đó, cả hai thành phố này đều do một tòa thị chính chung cai quản; các công xã đã đòi tuyển đế hầu phải dứt bỏ mối liên hệ này. Ông ta đã không ra một quyết định nào cả. Cuộc nổi dậy công khai của dân cư ở các thành phố Khuên và Béc-lin chống lại hội đồng thị chính của họ. Hội đồng thị chính ẩn náu ở chỗ tuyển đế hầu, trao cho ông ta các chìa khóa của thành phố, từ bỏ các thẩm quyền. Phri-đrích đã lập ra cho mỗi thành phố một hội đồng thị chính của mình,

ông ta đặt việc lựa chọn thị trưởng tùy thuộc vào vị tuyển đế hầu. Sự phẫn nộ của cư dân thành phố. Vụ đàn áp cuộc nổi dậy bằng vũ lực. Cư dân thành phố bị mất nhiều đặc quyền.

Họ đã buộc phải đồng ý nhượng bộ cho tuyển đế hầu địa điểm xây dựng lâu đài ở gần tu viện dòng Đô-mi-ních ở Khuên. Công trình này chẳng bao lâu sau đó được khởi công nhưng luôn bị cư dân thành phố làm gián đoạn, mãi vào khoảng *năm 1448* mới hoàn thành. Năm *1451* Phri-đrích II vào ở tại lâu đài mới. "Chắc là việc chinh phục các thành phố cứng đầu đã được vị tuyển đế hầu ấy thực hiện không phải dễ dàng đến thế, nếu ông ta không ngăn chặn được xu hướng nguy hiểm của nhiều thành phố trong Trấn muốn gia nhập Liên minh Han-da[302] bằng cách liên minh chặt chẽ hơn nữa với một loạt cường quốc *phương bắc*, đặc biệt với *Đan Mạch*".

Năm 1455 ông ta mua Trấn mới với giá 100 nghìn gun-đen của giáo đoàn Tơ-tông nay đã bị tan tác đáng ghê sợ[303].

Vụ mua thứ hai. Vụ mua Trấn mới.

Đến khi Phri-đrích I chết thì quốc gia này rộng 381 dặm vuông, đến khi Phri-đrích II từ bỏ ngai vàng thì quốc gia này rộng 572 dặm vuông.

(Nơ-sa-ten – 14 dặm vuông). Toàn bộ nước Phổ rộng 5062 dặm vuông.

Năm 1470 thời An-brếch (em của Phri-đrích II) (*A-khin-lét*[1*]) quốc gia này rộng 602 dặm vuông.

Năm 1486 I-ô-han Xi-xê-rôn. Ông ta tăng diện tích lên 6 dặm vuông bằng cách mua lại lãnh địa Xô-xen.

Vụ mua thứ 3.

Năm 1499 I-ô-a-sim I Ne-xtô. Nhà chiêm tinh học. Cuộc truỳ đuổi người Do Thái. *Hăng hái hơn nữa - chống lại phong trào cải cách tôn giáo. Chết năm 1535.* Quốc gia rộng: 641 dặm vuông.

Người anh em họ của I-ô-a-sim dòng Phrăng-côn là *hoàng tử An-brếch* đã trở thành đại tôn sư giáo đoàn Tơ-tông, sau khi chấp nhận đạo Tin lành *năm 1525* thì ông biến [các lãnh địa của giáo đoàn này] thành công quốc thế tục[304].

Các thủ đoạn trong việc thừa kế.

Giai đoạn thứ 2. Các năm 1535-1640

Năm 1535. I-ô-a-sim II Hếch-tô chết *vào năm 1571* (em trai của ông ta I-ô-han[2*] là quan trấn thủ của Trấn mới). Lúc đầu ông ta không chủ trương theo đảng công giáo, nhưng cũng không theo Liên minh Sman-can-đen[305]. Ông ta đã bí mật chuẩn bị phong trào cải cách tôn giáo ở trong nước. "Ông ta thậm chí đã ra lệnh cho giới tăng lữ công giáo soạn dự án áp dụng học thuyết mới".

1*- An-brếch III A-khin-lét

2*- I-ô-han II

Ngày 1 tháng Mười một 1539. Tại Span-dau, ông ta đã công khai chuyển sang đạo Tin lành.

Năm 1541. Đã áp dụng điều lệ mới của nhà thờ. *Thế tục hóa các tu viện và các thiết chế khác của nhà thờ ở Trấn Bran-đen-buốc*. "Cuộc cải cách nhà thờ đã đem lại mối lợi lớn nhất cho các công tước trong đế chế, sau khi ký hòa ước tôn giáo Au-xbuốc nổi tiếng[306], nhờ hiệu lực của đạo luật do quốc hội đế chế ban hành, theo đó mỗi công tước trong địa phận của mình còn có cả các quyền giáo chủ. Đối với Bran-đen-buốc, quyền này đã có một ý nghĩa hết sức to lớn, vì nó mở ra những triển vọng đáng tin cậy về việc dần dần thiết lập mối liên hệ của các lãnh địa giáo chủ với ngai vàng".

Năm 1545. **Đáp lại yêu cầu của các thành viên trong Liên minh Sman-can-đen về việc cầm vũ khí bảo vệ sự nghiệp của tôn giáo đang bị hoàng đế[1*] đe dọa, ông ta không những đã bác bỏ yêu cầu ấy, mà còn tìm cách thúc giục các thủ lĩnh của liên minh hòa giải với hoàng đế.**

Chẳng bao lâu sau đó nổ ra cuộc chiến tranh Sman-can-đen, khi ấy cá nhân I-ô-a-sim đứng bên ngoài tất cả các phái, nhưng không trực tiếp từ chối giúp hoàng đế.

Năm 1568 ông ta đã được quốc hội Ba Lan trao cho công quốc Phổ để cùng sở hữu đất đai. I-ô-a-sim II cũng gia nhập bản thỏa hiệp Interim (quyết định này đã được quốc hội Đức thông qua *năm 1548* tại Au-xbuốc, sau đó hoàng đế đã tuyên bố cần có thái

1*-Sác-lơ V

độ như thế nào đối với tôn giáo, trước khi kết thúc công đồng chung Tơ-ri-đen-tơ[307]).

I-ô-a-sim II ở trong cảnh "túng thiếu tài chính" nghiêm trọng. Dưới thời cầm quyền của ông ta, những người Do Thái - mà ông ta nợ rất nhiều – đã quay trở về.

Năm 1571. I-ô-han-Ghê-oóc. Sự truy đuổi người Do Thái. Cuộc xua đuổi người Do Thái. Tín đồ cuồng tín của đạo Lu-the. Kẻ xua đuổi phái Can-vanh. Ông ta chuẩn bị sự phát triển tương lai của vương triều mình

một phần bằng cách ban những lãnh địa lớn của nhà thờ cho các thành viên hàng thứ trong gia tộc, và

một phần bằng cuộc hôn nhân *vào năm 1594* của người cháu trai của mình là I-ô-han-Xi-ghi-dơ-mun-đơ, lấy con gái công tước Phổ An-brếch Phri-đrích[1*], đồng thời cô ta cũng thừa kế vùng đất Giu-lích-Clê-ve.

Các năm 1598-1608. I-ô-a-sim-Phri-đrích.

Vào năm 1598, căn cứ theo cái gọi là Hiệp ước triều đại Hê-ra-xơ, lần đầu tiên quy định tính chất không thể chia cắt của các vùng đất thuộc hầu quốc Bran-đen-buốc.

***Các khoản nợ được thanh toán bằng con đường thế tục hóa các ruộng đất của giáo chủ* ở Bran-đen-buốc, Ha-phen-béc-gơ, Lê-bu-xơ.**

Công tước Phổ mất trí An-brếch - Phri-đrích. Ông ta đã chết vào năm 1618.

1* – An-na

Năm 1605, nhờ dùng nhiều mưu mô, I-ô-a-sim - Phri-đrích đã nhận được cho mình và cho gia đình mình quyền bảo hộ công quốc Phổ, cùng với tước và danh hiệu công tước, ông ta cũng nhận được quyền cai trị đất nước. Tác động thông qua những người trung gian của mình bên cạnh triều đình Ba Lan, ông ta đã không tiếc công sức và tiền bạc để đảm bảo cho mình quyền thừa kế ngai vàng ở Phổ.

An-brếch[1*] – người đã theo đạo Tin lành vào năm 1525, cũng là cháu họ vua Ba Lan Xi-ghi-đơ-mun-đơ. Hiệp ước quy định việc quốc gia của Giáo đoàn biến thành công quốc thế tục, ở trong tư thế lệ thuộc phong kiến vào ngai vàng Ba Lan, được ký ngày 8 tháng Tư 1525.– An-brếch ấy thuộc nhánh Phrăng-côn-Bran-đen-buốc.-

Trong hiệp ước này không hề có ngụ ý nào về việc *các tuyển đế hầu Bran-đen-buốc* có thể đòi có các quyền về nước Phổ. I-ô-a-sim II[2*] kết hôn với công chúa Ba Lan[3*]; và chỉ sau khi bị buộc phải chịu những hy sinh to lớn trước hết vì cái quốc hội Ba Lan bán mình, chỉ có sau những cuộc thương lượng kéo dài và khó khăn, ông ta mới có được sự bảo đảm về các quyền cha

1*– An-brếch Bran-đen-buốc

2*– I-ô-a-sim II Hếch-tô

3*– I-át-vi-ga

truyền con nối đối với Phổ của vương triều các tuyển đế hầu Bran-đen-buốc, chính vào thời điểm công tước trẻ tuổi An-brếch-Phri-đrích được phong đất đai.

(Năm 1571) Công tước An-brếch - Phri-đrích đã phát điên; do vậy việc cai trị chuyển vào tay người bà con gần nhất của ông ta về phía nội là bá tước Ghê-oóc - Phri-đrích thuộc nhánh Phrăng-côn-Bran-đen-buốc. Trong số những người con của An-brếch Phri-đrích mất trí có hai người con trai đã chết, chỉ có hai con gái còn sống. Nhân vật cầm quyền Ghê-oóc - Phri-đrích không có con. *I-ô-han-Xi-ghi-đơ-mun-đơ* kết hôn với An-na, con gái trưởng trong số hai con gái của An-brếch - Phri-đrích mất trí, còn người cha đẻ của ông ta, *I-ô-a-sim - Phri-đrích* thì kết hôn với *cô em gái* Ê-lê-ô-no-ra.

Chẳng bao lâu sau khi đính hôn (năm 1591) với An-na, con gái trưởng của An-brếch - Phri-đrích mất trí I-ô-han-Xi-ghi-đơ-mun-đơ cố gắng đạt cho được việc trao nước Phổ cho ông ta làm lãnh địa phong cấp. Ba Lan đã gây cho ông ta những khó khăn hết sức lớn, trong việc này Ba Lan đặc biệt được sự ủng hộ của giới qúy tộc Phổ. I-ô-han-Xi-ghi-đơ-mun-đơ đã buộc phải sử dụng đến "đủ loại mánh khóe"; song hy vọng của ông ta chỉ xuất hiện khi người cha của ông ta, I-ô-a-sim - Phri-đrích, được cử làm người bảo trợ công tước mất trí An-brếch - Phri-đrích,

đồng thời cũng được cử làm người nhiếp chính và người cai trị đất nước. Sau khi ông ta chết, danh hiệu này đã chuyển sang người con trai.

Các năm 1608-1619. I-ô-han-Xi-ghi-dơ-mun-đơ. Nhân vật này cuối cùng đã thắng được đảng đại diện cho vương quyền giữ Ba Lan, do vậy mà *vào năm 1609* người ta đã chuyển cho ông ta việc bảo hộ cũng như việc cai quản công quốc.

Năm 1611 đã diễn ra lễ long trọng chuyển giao nước Phổ thành lãnh đại phong cấp[308]. Khi công tước mất trí An-brếch-Phri-đrích chết *(năm 1618)* thì cuối cùng đã hợp nhất được công quốc Phổ với hầu quốc Bran-đen-buốc.

Những trò bịp bợm của I-ô-han-Xi-ghi-dơ-mun-đơ về vùng đất Giu-lích-Clê-ve, ông ta đã có được các quyền về vùng đất ấy thông qua vợ của mình là An-na.

I-ô-han-Xi-ghi-dơ-mun-đơ chuyển sang phía giáo hội (Can-vanh) đã cải cách (1613). Kể từ lúc đó, *Giu-lích,* trong suốt nửa thế kỷ đã trở thành chiến địa, nơi mà trong thời gian diễn ra chiến sự đã có sự xâm nhập một mặt là của người Tây Ban Nha đã tham chiến đứng về phía công tước Nây-buốc[1*], ủng hộ liên minh công giáo, mặt khác là sự xâm nhập của người Hà Lan ủng hộ

1*- Phi-líp Lút-vích

Bran-đen-buốc, là vùng đất thuộc về Liên minh đạo Tin lành[309].

Trong suốt thời kỳ chiến tranh Ba mươi năm, vùng đất này là miếng mồi mong ước trong con mắt của tất cả các bên thù địch; thậm chí hòa ước Ve-xtơ-pha-li[310] cũng không chấm dứt được cuộc đấu tranh này, mà chỉ mãi đến hiệp ước, được Bran-đen-buốc và P phan-xơ - Nây-buốc ký kết ở Clê-ve vào *năm 1666*, mới làm được điều đó. Theo hiệp ước này, các bên thù địch đã chia vùng đất này với nhau. *Năm 1678* hiệp ước này được hoàng đế[1*] phê chuẩn.

Những năm 1619-1640. Ghê-oóc-Vin-hem (*nhân vật đại diện* cho ông ta là bá tước A-đam Phôn Svác-xen-béc).

Ghê-oóc - Vin-hem luôn luôn công khai tuyên bố rằng đứng trước cuộc tổng đấu tranh, ông ta có ý định giữ trung lập. Từ năm 1625 các Trấn bị tàn phá khủng khiếp, một phần do phía quân đội của Liên minh, một phần thì do phía quân đội hoàng đế;

nước Phổ cũng rơi vào số phận y như vậy trong thời gian cuộc chiến tranh giữa Thụy Điển và Ba Lan[311].

Ghê-oóc Vin-hem là người quan sát lãnh đạm.

Năm 1629, Chiếu dụ hoàn trả của hoàng đế[312]. (Cũng trong năm ấy Ba Lan nhượng lại cho Thụy Điển một phần nước Phổ.)

Năm 1630. Gu-xtáp-A-đôn-phơ, vua Thụy Điển, đã

1* – Lê-ô-pôn I Háp-xbuốc

đổ bộ lên vùng bờ biển xứ Pô-mê-ra-ni; *Ghê-oóc - Vin-hem* dao động: "mặc dù những quân đội hoàng đế đã gây ra điều ghê tởm không tả xiết, nhưng nỗi sợ hãi và sự ngại ngùng đã khiến cho ông ta không dám công khai đoạn tuyệt với hoàng đế". Svác-xen-béc cũng làm như vậy. Sự liên minh của Gu-xtáp-A-đôn-phơ với công tước xứ Pô-mê-ra-ni-Stét-tin là Bô-ghi-xláp, công tước xứ Hét-xen-Cát-xen[1*] và thành phố Mác-đơ-buốc. "Trong khi Ghê-oóc - Vin-hem không thể đưa ra một quyết định nào thì Ti-li Mác-đơ-buốc bị bao vây đã kêu gọi Gu-xtáp-A-đôn-phơ giúp đỡ. Gu-xtáp-A-đôn-phơ đã hứa mau chóng đến giải cứu Mác-đơ-buốc, nhưng để đảm bảo thắng lợi và yểm hộ hậu phương của mình, ông ta đã đòi phải nhượng (tạm thời) các pháo đài Span-đau và Quy-xtơ-rin".

Ghê- oóc- Vin- hem dùng thủ đoạn quanh co; ông ta chỉ đồng ý sau khi Gu-xtáp A-đôn- phơ dọa sử dụng vũ lực.

(Mác-đơ-buốc thất thủ ngày 20 tháng Năm 1631)

Ngày 6 tháng Mười một 1632. Trận đánh ở Luy-tơ-xen. Gu-xtáp-A-đôn-phơ hy sinh.

Năm 1635. Bran-đen-buốc tách khỏi Thụy Điển, ký ***hòa ước riêng rẽ*** với Áo, để đổi lại, hoàng đế[2*] cam kết hủy bỏ chiếu dụ hoàn trả, đảm bảo rằng trong tương lai tuyển đế hầu Bran-đen-buốc sẽ được sở hữu xứ Pô-mê-ra-ni, ngoài ra cũng cam kết phê chuẩn hiệp ước về quyền kế thừa tương hỗ được ký kết giữa Dắc-den, Bran-đen-buốc và Hét-xen. Từ đó Thụy Điển chống lại Bran-đen-buốc. Bran-đen-buốc bị viên tướng Thụy Điển Ba-ne-rơ đánh bại *ngày 24 tháng Chín 1636.*

Hòa ước riêng rẽ trong cuộc chiến tranh Ba mươi năm. Năm 1635.

1*– Vin-hem V

2*– Phéc-đi-năng II

Năm 1637, công tước xứ Pô-mê-ra-ni là Bô-ghi-xláp qua đời, không có con trai nối dõi. *Quân Thụy Điển* lập tức chiếm Pô-mê-ra-ni. Quân đội hoàng đế và quân Dắc-den đến giúp Bran-den-buốc. Cuộc chiến đấu ở xứ Pô-mê-ra-ni, quân Thụy Điển thắng.

Bây giờ quân Thụy Điển tấn công vào chính hầu quốc. *Ghê-oóc - Vin-hem* chết ngày 20 tháng Mười một 1640. Quân Thụy Điển đòi xứ Pô-mê-ra-ni, miền đất mà ngay các nhân vật thuộc dòng họ Ba-len-stết "và tổ tiên của Ghê-oóc-Vin-hem đã thường xuyên nhòm ngó với lòng tham lam".

Giai đoạn 3. Các năm 1640-1786 (Từ cái gọi là "đại tuyển đế hầu"[1*] đến Phri-đrích II).

Các năm 1640-1688. Phri-đrích - Vim-hem (Vĩ đại!!) (vợ của ông ta – công chúa Lu-i-da-Hăng-ri-ét-ta thuộc triều đại Na-xau-Ô-răng-giơ). Vào thời ấy quốc gia này đã chiếm 1 444 dặm vuông, nhưng phần lớn quốc gia này nằm trong tay kẻ thù.

Tạm thời *Phri-đrích - Vin-hem* quyết định theo quân Thụy Điển.

Ngày 14 tháng Bảy 1641. Dình chiến với quân Thụy Điển, nhờ vậy mà công quốc này hầu như đã hoàn toàn được giải phóng, trừ một số thành phố. Cũng trong năm ấy Ba Lan trao công quốc Phổ làm lãnh địa phong cấp với điều kiện là hằng năm, Phri-đrích - Vin-hem sẽ trả cho Ba Lan 130 nghìn gun-đen và thường xuyên giúp đỡ Ba Lan.

Theo Hòa ước Ve-xtơ-pha-li năm 1648 thì miền Tây Pô-mê-ra-ni và Ruy-ghen, và Stết-tin thuộc Đông Pô-mê-ra-ni cùng với một số thành phố khác,

1*- Phri-đrích - Vin-hem

Phri-sơ-Ha-phơ với vùng châu thổ của sông Ô-đe, đều bị cắt trao cho Thụy Điển; còn Bran-đen-buốc thì được nhận phần còn lại của Đông Pô-mê-ra-ni, các giáo xứ cũ Han-béc-stát, Min-đen và Ca-min, ngoài ra - ngay sau khi công tước cầm quyền Au-gu-xtơ Dắc-den chết – còn được nhận cả đại giáo khu Mác-đơ-buốc với tư cách là công quốc thế truyền.

Giáo khu Ca-min là phần đất không nổi bật như vậy của xứ Pô-mê-ra-ni; miền đất ấy nay được trao về cho Bran-đen-buốc theo hòa ước Ve-xtơ-pha-li. Giám mục cuối cùng của Ca-min là Éc-nơ-xtơ Bô-ghi-xláp đã từ bỏ tất cả mọi quyền và yêu sách của mình để đổi lấy *một số tiền khá lớn*. Dưới thời Phri-đrích - Vin-hem, lãnh thổ của Phổ đạt đến *2 046 dặm vuông* với số dân 1,5 triệu người.

Vụ mua .

Năm 1654. Các-lơ Gu-xtáp[1*], bá tước Phan- xơ, ngự trên ngai vàng Thụy Điển. Cuộc chiến tranh của ông ta với Ba Lan; *Phri-đrích-Vin-hem*, tùy theo bối cảnh, lúc thì cùng với Thụy Điển chống lại Ba Lan khi quân đội Thụy Điển thắng, còn nếu ngược lại thì lại cùng với Ba Lan chống lại Thụy Điển.

Năm 1657 Phri-đrích – Vin-hem được Ba Lan trao cho chủ quyền đối với nước Phổ[313].

Năm 1660 – Hòa ước Ô-li-vơ[314].

Năm 1663 – Hiệp ước của Phri-đrích - Vin-hem ký với các tầng lớp Đông Phổ, theo đó đặc biệt có điều khoản cấm áp dụng các sắc thuế chưa được phép của quốc hội.

Chủ quyền đối với Phổ.

1*– Các-lơ X Gu-xtáp

Ngay từ *năm 1673*, Phri-đrích-Vin-hem đã nhổ toẹt vào bản hiệp ước này và đã tự ý áp dụng các sắc thuế.

Năm 1672. Cuộc chiến tranh với nước Pháp. Ngày 10 tháng Sáu 1673 Phri-đrích - Vin-hem ký hiệp ước với nước Pháp ở Phô-xen.

Năm 1674. Lu-i XIV tuyên chiến với đế quốc Đức. *Phri-đrích - Vin-hem* bị lôi kéo vào cuộc chiến tranh này. Vào cuối năm quân Thụy Điển xâm nhập vào các Trấn. *Ngày 18 tháng Sáu 1675* – trận đánh ở Phéc-bê-lin.

Năm 1678 – Áo ký hòa ước với Pháp, Hòa ước Nim-vê-ghen[315]. Cuộc xâm nhập mới của quân Thụy Điển vào Phổ; quân Thụy Điển bị đánh bại; Lu-i XIV xâm nhập vào Clê-ve, buộc nước Phổ phải ký hòa ước năm 1679, ở Xanh-Giéc-men-an-Lê. Tuyển đế hầu này được bảo đảm sở hữu chỉ một phần nhỏ xứ Pô-mê-ra-ni[316] mà thôi.

Các năm 1688-1713. Phri-đrích III. Từ năm 1701 ông ta tự xưng danh là vua *Phri-đrích I.*

Năm 1697. Hòa ước Ri-xvích. Nước Phổ không nhận được gì ngoài sự phê chuẩn hòa ước Ve-xtơ-pha-li và bản hiệp ước ở Xanh – Giéc-men-an-Lê. Sau khi trở thành vua Ba Lan thì *Au-gu-xtơ II* cần có tiền. Với giá *300 nghìn ta-le* Phri-đrích mua của ông ta *các quyền thừa kế Phô-gtơ đối với thành phố và khu tu viện Quê-đlin-buốc*, các quận Lau-en-béc, Dê-ven-béc và Héc- xđoóc-phơ, cũng như các quyền tư pháp của thành phố đế chế ở Noóc-đơ-hau-den.

Việc mua tước hiệu vua.

Để có được *tước hiệu vua*, Phri-đrích III *mua chuộc* nhân vật phản trắc Vôn-phơ, *người cha tinh thần của hoàng đế (Lê-ô-pôn I).* Thêm vào đó, đã nổ ra cuộc chiến tranh nhằm giành quyền thừa kế

ngai vàng Tây Ban Nha. *Ngày 16 tháng Mười một 1700* tước hiệu này được ban cho ông ta theo hiệp ước ký với nước Áo, theo hiệp ước này, ông ta phải cung cấp quân đội cho Áo để chống lại nước Pháp v.v..[317]

Nhờ quan hệ họ hàng với triều đại Ô-răng-giơ mà ngoài những thành quả khác, nước Phổ cũng còn được cả *Nơ-sa-ten và công quốc Va-lan-gien*. "Công quốc Noi-en-buốc cùng với công quốc Va-lan-gien – trong thời kỳ trung thế kỷ, công quốc này thuộc quyền nhà vua Buốc-gun-đơ – ngoài ra còn trở thành thành viên của Liên bang Thụy Sĩ, sau này chuyển vào tay triều đại Sa-lông-Ô-răng-giơ, sau nữa lại chuyển về tay triều đại Lông-gơ-vi-lơ, theo sáng kiến của người Thụy Sĩ và được bảo đảm có các quyền phong cấp của triều đại Ô-răng-giơ; và sau cùng, do triều đại này không có hậu duệ nam giới, cho nên được chuyển cho người em gái của vị công tước cuối cùng, tức là cho nữ công tước góa chồng Nơ-mua. Khi bà nữ công tước này trở thành người sở hữu các vùng đất ấy, thì Uy-li-am III (Ô-răng-giơ), trái lại, đã trao cả hai vùng đất ấy cho người anh em họ của mình là Phri-đrích I. Sau khi nữ công tước Nơ-mua chết (năm 1707), Phri-đrích I đòi các quyền của mình, nhưng vì các gia đình công tước khác cũng đồng thời tuyên bố các quyền thừa kế của mình, cho nên Phri-đrích I đã chuyển việc giải quyết vấn đề này cho Tòa án tối cao của ba đẳng cấp ở Noi-en-buốc. Những đẳng cấp này đã thừa nhận các quyền của Phri-đrích I như là nhân vật cầm quyền của Noi-en-buốc và Va-lan-gien."

Các năm 1713-1740. Phri-đrích - Vin-hem I. Theo Hòa ước U-tơ-rếch năm 1713 thì nước Pháp công nhận souveraineté[1*] của Phổ đối với Nơ-sa-ten và Va-lan-gien[319].

Ma-xê-ốp-xki[318].

1*– chủ quyền

Năm 1713. Quân Nga chiếm Stết-tin; họ chuyển nó cho người Phổ, song người Phổ phải trả cho nội các Nga và nội các Dắc-den 400 nghìn ta-le để bồi hoàn chi phí quân sự. Phri-đrích - Vin-hem đã thực hiện việc tịch biên vùng Tây Pô-mê-ra-ni nằm giữa Ô-đe và Pê-na và đồng thời khẳng định sự trung lập của các vùng đất đã tịch biên

Vụ mua.

Phri-đrích - Vin-hem đã thực hiện điều này bằng con đường "hòa bình".

Vì [các hành động] của Các-lơ XII mà ông ta đã buộc phải tuyên chiến với nhân vật đó năm 1714.

Ngày 21 tháng Giêng 1720. Hòa ước Xtốc-khôm: Phổ nhận được Tây Pô-mê-ra-ni đến Pê-na, Stết-tin, U-đê-đôm và Vô-lin; Phổ đã đảm nhận trả số tiền nợ 600 nghìn ta-le, do Pô-mê-ra-ni nợ, và ngoài ra đã trả cho Thụy Điển 2 triệu ta-le. Như vậy, một phần xứ Pô-mê-ra-ni được trao trả về cho Phổ.

Vụ mua.

Năm 1725. Phổ gia nhập Liên minh Han-nô-vơ chống Áo[320].

Năm 1726. Phổ rút khỏi Liên minh Han-nô-vơ và *đến tháng Mười 1726 thì ký hiệp ước bí mật với Vu-xtơ-hau-den*, theo đó Phổ thừa nhận chỉ dụ của hoàng đế Sác-lơ VI v.v.[321]. Đổi lại, hoàng đế giúp chiếm đoạt vùng Giuy-lích và Béc-gơ, trong trường hợp dòng nam của triều đại hầu quốc P phan-xơ-Noi-buốc bị tàn lụi.

Tính đến khi Phri-đrích - Vin-hem chết: quốc gia này rộng 2 275 dặm vuông với 2,5 triệu dân.

Các năm 1740-1786. Phri-đrích II.

Năm 1763. Hòa ước Gu-béc-tơ-xbuốc[322]. Phri-đrích nhận được vùng Xi-lê-di.

Ngày 7 tháng Chín 1764. Được sự ủng hộ của quân Nga. Pô-nhi-a-tốp-xki trở thành vua của Ba Lan.

Ngày 5 tháng Tám 1775. Sự chia cắt Ba Lan. (Hiệp ước về việc chia cắt giữa Phổ, Áo và Nga.) **Phổ nhận** được Tây Phổ (do giáo đoàn Tơ-tông **nhượng** lại cho Ba Lan theo Hòa ước Tô-run vào năm 1466[323]), trừ vùng Tô-run và Dan-txích, cũng như nhận được một phần của cái gọi là quận Nét-xki. Quốc gia này: rộng 3 600 dặm vuông và gồm 6 triệu dân.

Giai đoạn 4. Từ năm 1786 và v.v..

Các năm 1786-1797. Phri-đrích - Vin-hem II.

Năm 1788. Quân đội Phổ tiến vào Hà Lan nhằm hậu thuẫn cho quốc vương thế tập *Vin-hem V* (con rể) chống lại những người yêu nước.

Tháng Ba 1790. Hiệp ước về hữu nghị và liên minh giữa Phổ và Ba Lan.

Ngày 7 tháng Hai 1792. Hiệp ước Béc-lin giữa Phổ và Áo chống lại Pháp.

Ngày 5 tháng Tư 1795. Hòa ước riêng rẽ *(Hòa ước Ba-lơ)* giữa Phổ và Cộng hòa Pháp.

Tháng Tám 1796. Mật ước của Phổ ký với Pháp, theo đó Phổ đồng ý nhường lại các lãnh địa ở tả ngạn sông Ranh.

Ngày 17 tháng Mười 1797. Hòa ước ở Cam-pô-phoóc-mi-ô[324].

Năm 1793.

Cuộc phân chia Ba Lan lần thứ hai giữa Nga và Phổ,

kết quả là nước Phổ nhận được phần lớn Đại Ba Lan, Đan-txích và Tô-run.

Năm 1795. **Cuộc phân chia Ba Lan lần thứ ba,**

kết quả là Phổ lại nhận được 900 dặm vuông.

Năm 1791. Hiệp ước, theo đó nhân vật không có con[1*], sở hữu vùng An-xbắc và Bai-roi-tơ, nhượng lại những vùng đất ấy cho Phổ để đổi lấy khoản địa tô mãn đời.

Quốc gia ấy: rộng 5 250 dặm vuông, gồm 8,5 triệu dân.

Các năm 1797-1840. Phri-đrích Vin-hem III. Địa vị trung lập.

Tháng Tư 1801. Phổ chiếm giữ hầu quốc Han-nô-vơ. Tháng *Chạp* nó lại rời bỏ hầu quốc này.

Tháng Năm 1802. Hiệp ước của Phổ ký với Pháp, theo đó Pháp bảo đảm cho những vùng đất "*đã phải* trao trả cho Phổ" với điều kiện thưởng cho các công tước Đức trong đế chế. Nó chiếm giữ tất cả những gì nó được nhượng bộ lại ngay từ năm 1802 (coi đó là khoản thưởng về các vùng lãnh địa của nó ở sông Ranh). (Những bản hiệp ước về trao đổi và đền bù.) *Sau* trận Ô-xtéc-lít (*ngày 2 tháng Chạp 1805*), quân Phổ ký với Bô-na-pác-tơ một hiệp ước, theo đó họ nhận được "Han-nô-vơ" như là khoản thưởng[325].

Ngày 14 tháng Mười 1806. Hai trận đánh ở gần I-ê-na và ở gần Au-ơ-stết. Kết quả của Đại hội Viên – tỉnh mà nay gọi là *Công quốc Dắc-den* (rộng 460 dặm vuông) và Pô-dơ-nan (rộng 536 dặm vuông), *Đại công quốc Hạ Ranh* v.v.. Vì chịu mất vùng Pô-mê-ra-ni thuộc Thụy Điển, cùng với Ruy-ghen, Thụy Điển[326] đã được đền bù bằng việc nhường lại Lau-en-buốc cho Đan Mạch và được trả *một khoản tiền bồi thường*.

Do C.Mác soạn tháng Mười một 1856

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
Công bố lần đầu

1* – Các-lơ A-lếch-xan-đrơ

C. MÁC

VƠ-NI-DƠ[327]

Vơ-ni-dơ và Giê-nơ. (Tơ-ri-e-xtơ gắn bó với thương mại của hai thành phố này ở Địa Trung Hải...) *Giê-nơ. Nửa cuối thế kỷ XIII*: những đặc quyền mà người Giê-nơ đã có được nhờ họ đã giúp đỡ người Hy Lạp chống các ông vua Thiên Chúa giáo, là rất lớn (các đặc quyền ở Công-xtăng-ti-nô-plơ – Ga-la-ta và Pê-ra)[328]. Ưu thế ở đây so với người Vơ-ni-dơ (tại Công-xtăng-ti-nô-plơ và trên biển Đen); *người Vơ-ni-dơ* được sự bảo hộ của các ông vua Thiên Chúa giáo, sự thống trị về thương mại ở Đan-ma-xi, Mô-rê-a, Tiểu Á, trên đảo Síp, tại Xi-ri v.v..

Những nguyên nhân của sự suy sụp. Từ đầu thế kỷ XV, người Thổ Nhĩ Kỳ xâm chiếm đế quốc Hy Lạp, đặc biệt là cuộc xâm chiếm Công-xtăng-ti-nô-plơ năm *1453*. Người I-ta-li-a lập tức bị mất đi các đặc quyền của mình và những sở đại lý thương mại tại Công-xtăng-ti-nô-plơ, Xi-ri, Ác-mê-ni-a, trên biển Đen v.v.. Họ có được các đặc quyền ở Ai Cập, do vua Thổ dành cho v.v..

Vào cuối thế kỷ XV, người Bồ Đào Nha đã đi vòng qua mũi Hảo Vọng; sự chuyển dịch thị trường hàng hóa Ấn Độ đến Li-xbon. *Đà*

suy sụp đặc biệt *từ giữa thế kỷ XVI*. Thậm chí *việc tìm ra châu Mỹ* ít có lợi đối với họ hơn là đối với các quốc gia khác v.v.. Tình hình của Vơ-ni-dơ rất lung lay, kể từ khi Công-xtăng-ti-nô-plơ không còn là trung tâm thương mại và vận chuyển hàng hóa từ châu Á nữa.

Từ cuối thế kỷ XVIII– sự thống trị của Pháp; cuộc chiến tranh chống lại nước Anh; *sự suy sụp về thương mại của tất cả các thành phố duyên hải* I-ta-li-a.

Hòa ước *năm 1815* thậm chí chỉ khôi phục lại được một phần nhỏ, của cái hoạt động thương mại mà họ đã có được trước cuộc cách mạng Pháp; phần lớn hoạt động thương mại ấy rơi vào tay *Tơ-ri-e-xtơ*; thành phố này có được sự bảo trợ rất lớn của chính phủ Áo. Xét về khối lượng thương mại thì *Tơ-ri-e-xtơ* vượt trội hơn Vơ-ni-dơ 3 lần. Tơ-ri-e-xtơ có thuận lợi đặc biệt nhờ sự phồn thịnh của *các hải cảng Nga* trên biển Đen, đặc biệt là cảng *Ô-đét-xa*, Tơ-ri-e-xtơ chiếm lĩnh hoạt động buôn bán ngũ cốc mà thậm chí ở cuối thế kỷ XVIII, Vơ-ni-dơ còn tiến hành.

Tơ-ri-e-xtơ. (Năm 1838) – có 1 700 ngôi nhà, 52 nghìn dân; ở vịnh Tơ-ri-e-xtơ; ngoài ra còn được bao bọc bởi những ngọn núi dốc đứng của dãy Các-xtơ; có 1 000 thương gia; 700 người môi giới; có các nhà buôn Anh, Pháp, Đức, Hy Lạp, Ác-mê-ni-a, Do Thái.

Ngay trước khi ký hòa ước tại Cam-pô-phoóc-mi-ô ngày 17 tháng Mười 1797[324], Na-pô-lê-ông đã chấm dứt sự tồn tại của Cộng hòa Vơ-ni-dơ; Mi-la-nô Măng-tua và những thành phố khác, [bình nguyên] Ven-tơ-li-na, Rô-ma-nhơ v.v. [đã được trao lại] cho Cộng hòa Xi-dan-pơ. *Đại bộ phận Cộng hòa Vơ-ni-dơ, kể cả Ét-sơ, đã sáp nhập vào Áo*.

Hòa ước Luy-nơ-vin ngày 9 tháng Hai 1801: con đường chạy qua bình nguyên Ét-sơ trở thành ranh giới giữa Áo và Cộng hòa Xi-dan-pơ;

nước này [nước Áo] đã có được Vơ-ni-dơ với đại bộ phận [các vùng đất] thuộc về Cộng hòa Vơ-ni-dơ trước kia, cho đến bình nguyên Ét-sơ cùng với I-xtơ-ri-a, vùng Đan-ma-xi thuộc Vơ-ni-dơ và những hòn đảo kế cận với vùng đó, cũng như vùng cổ chai [vịnh] Cát-ta-rô.

Năm 1805, ngày 26 tháng Chín. Hòa ước Prê-xbuốc. Áo nhường cho I-ta-li-a phần lãnh thổ Vơ-ni-dơ thuộc về I-ta-li-a.

Năm 1807, ngày 10 tháng Mười. Áo đã buộc phải trao trả cho I-ta-li-a công quốc Môn-tê-phan-cô-nê[329], do vậy, bình nguyên sông I-dôn-xô trở thành mốc biên giới.

Ngày 14 tháng Mười 1809. Hòa ước Viên: Từ quận Vi-la-khơ ở Kéc-nơ-then, từ công quốc Crai-na, tỉnh Tơ-ri-e-xtơ, công quốc Hớc-xơ, Phri-u-li, từ xứ Crô-a-xi nằm trên hữu ngạn sông Xa-va cùng với Phi-u-mê, cũng như từ vùng ven biển của Hung-ga-ri và xứ I-xtơ-ri-a thuộc Áo, Na-pô-lê-ông đã tạo ra cái gọi là các tỉnh I-li-ri mà ông ta sáp nhập vào đó vùng I-xtơ-ri-a, Đan-ma-xi và Ra-gu-da, giữ lấy các tỉnh đó cho mình và đặt các tỉnh ấy dưới sự cai trị của một viên toàn quyền đặc biệt.

Tính bằng tiền quy ước[330]
tính đến năm 1844 kim ngạch thương mại của Tơ-ri-e-xtơ:
Các năm 1842-1843

Nhập khẩu 58 400 000 (*Hăm-buốc,* năm 1843, *tổng trị giá* 215 500 000)

Xuất khẩu 40 500 000 (*Ha-vrơ,* năm 1842, *tổng trị giá* 168 700 000)

Tổng cộng: 98 900 000

Tính bằng đồng phlo-rin, tiền đúc quy ước
Khối lượng chuyên chở bằng tàu thủy của Áo

Tính đến ngày 1 tháng Giêng 1840	*Số tàu thủy*	*Trọng tải (tấn)*
	1 590	176 696

Thương mại của Áo
(*Các con số* tính bằng triệu)

Thương mại bằng đường biển	Năm 1838		Năm 1841		Năm 1842	
	nhập khẩu	xuất khẩu	nhập khẩu	xuất khẩu	nhập khẩu	xuất khẩu
Qua ngả *Phi-u-mê*	0,2	1,7	0,2	1,6	0,2	1,7
" *Tơ-ri-e-xtơ*	32,2	14,4	22,3	11,2	24,9	11,9
" *Vơ-ni-đơ*	9,0	5,3	8,5	3,1	11,5	3,4
" *các thành phố ven biển khác*	8,0	2,0	5,3	1,9	5,1	2,6
	49,4	23,4	36,3	17,8	41,7	19,6

Năm 1839

Thương mại của Tơ-ri-e-xtơ và Vơ-ni-đơ

Nhập khẩu của Vơ-ni-đơ so với nhập khẩu của Tơ-ri-e-xtơ là 1:2,84

Xuất khẩu của Vơ-ni-đơ so với xuất khẩu của Tơ-ri-e-xtơ là: 1: 3,8

Thương mại của Tơ-ri-e-xtơ
(trị giá tính bằng phlo-rin, tiền đúc quy ước)

Năm 1832		Năm 1836		Năm 1840	
Nhập khẩu	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Xuất khẩu
57 000 000	44 000 000	77 000 000	54 000 000	49 000 000	37 000 000

Số tàu thủy đến và đi ở Tơ-ri-e-xtơ

Năm 1835		Năm 1836		Năm 1837		Năm 1838	
Số tàu đến cảng	Số tàu ra biển	Số tàu đến cảng	Số tàu ra biển	Số tàu đến cảng	Số tàu ra biển	Số tàu đến cảng	Số tàu ra biển
988	1 069	1 146	1 117	1 094	1 132	1 154	1 118

Năm 1839

Số tàu nước ngoài đến:		Tỷ lệ số tàu đến Vơ-ni-đơ với số tàu đến Tơ-ri-e-xtơ bằng
Tơ-ri-e-xtơ – 1 217, Vơ-ni-đơ –	271	
Các tàu của Áo đến:		
Tơ-ri-e-xtơ – 10 375, đến Vơ-ni-đơ - 3 147		1: 4
Tổng cộng: 11 592	3 418	

Trọng tải của các tàu nước ngoài:	133 343	20 254
Trọng tải của các tàu Áo:	330 404	196 135
	463 747	216 389

Trị giá tính bằng pi-a-xtơ-rơ của Thổ Nhĩ Kỳ

Nhập khẩu và xuất khẩu của Xmiếc-na từ năm 1835 đến năm 1839

	Nhập khẩu
Vị trí thứ nhất thuộc về *nước Anh* –	126 313 146
(*Man-ta* –	2 979 040)
Sau đó *Tơ-ri-e-xtơ* –	93 500 456
Mỹ và các nước khác –	57 329 165

		Xuất khẩu
Nước Anh	–	44 618 032
(Man-ta	–	3 361 185)
Tơ-ri-e-xtơ	–	52 477 765
Mỹ	–	46 608 320

Nhập khẩu và xuất khẩu của Ai Cập (năm 1837) tính bằng phrăng

	Nhập khẩu	*Xuất khẩu*
1) *Áo* (Tơ-ri-e-xtơ).....	13 858 000	14 532 000
2) *Thổ Nhĩ Kỳ*.....	12 661 000	12 150 000
3) ***Pháp***.....	10 702 000	11 463 000
4) ***Anh và Man-ta***.....	15 158 000	5 404 000

Do C.Mác viết tháng Mười một 1856

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
Công bố lần đầu

PH. ĂNG-GHEN

*CUỘC CHIẾN TRANH TRONG VÙNG RỪNG NÚI TRƯỚC ĐÂY VÀ NGÀY NAY
(bài thứ hai)[331]

Lịch sử chiến tranh rừng núi hiện đại – trong bài trước chúng tôi đã điểm qua về hình thức chiến tranh này – chứng minh một cách không thể chối cãi được là tính cơ động của các quân đội ngày nay tạo khả năng tuyệt vời để có thể khắc phục, hoặc đi vòng qua tất cả mọi trở ngại tự nhiên của một nước – có rừng núi ngăn cản bước tiến của các đội quân ấy, – như Thụy Sĩ. Vậy, chúng ta hãy giả định rằng thật sự đã bùng nổ cuộc chiến tranh giữa vua Phổ và Thụy Sĩ. Không nghi ngờ gì cả, vì lợi ích an ninh của nước mình, người Thụy Sĩ sẽ buộc phải quan tâm đến những phương tiện phòng thủ khác, ngoài "các pháo đài núi" hết sức được ca ngợi.

Trong trường hợp kể trên, tuyến của những cuộc tấn công có thể diễn ra nhằm vào Thụy Sĩ sẽ kéo dài từ Công-xtăng-xơ, dọc theo sông Ranh đến Ba-lơ, và lại, cũng cần coi cả Áo, lẫn Pháp như là những quốc gia trung lập, bởi vì sự can thiệp tích cực của bất kỳ

nước nào trong số hai nước ấy sẽ làm cho cuộc tấn công đó có một sức mạnh tàn phá đến mức mọi kế hoạch chiến lược phản công sẽ trở nên vô ích. Như thế, chúng ta giả định là chỉ có biên giới phía bắc sẽ được khai thông cho sự xâm nhập. Sông Ranh là tuyến phòng thủ thứ nhất của nó, đó là vật cản không có ý nghĩa lớn. Con sông này chảy dọc theo đường biên giới bị tấn công trên một chiều dài 70 dặm, và mặc dù sông sâu và chảy nhanh nhưng ở đây có đủ chỗ thuận tiện để vượt sông. Trong thời gian diễn ra các cuộc chiến tranh cách mạng của Pháp không bao giờ có trận đánh thật sự nhằm chiếm lấy con sông này, và thật vậy, đội quân hùng mạnh tấn công trên một chiều dài 70 dặm luôn luôn có thể tổ chức vượt sông băng qua bất cứ con sông nào. Không nghi ngờ gì nữa, trong mọi trường hợp những cuộc báo động giả và những cuộc tấn công giả - mà tiếp sau đó sẽ là cuộc tập trung quân bất ngờ ở những địa điểm vượt sông thật sự - đều thành công. Ngoài ra, có một số cầu đá vắt qua sông, và quân Thụy Sĩ chưa chắc sẽ tìm cách phá hủy chúng một cách nghiêm trọng đến mức biến chúng thành vô dụng trong thời gian chiến tranh; và sau chót, thành phố Công-xtăng-xơ nằm trên bờ nam sông Ranh, vì nó là thành phố Đức, cho nên nó là công sự đầu cầu thuận tiện đối với quân Phổ để từ mạn sườn đánh vu hồi toàn tuyến.

Nhưng không xa, ở phía sau sông Ranh, còn có một vật cản gián tiếp làm tăng tính chất hữu dụng của nó đối với việc phòng thủ, giống như dãy núi Ban-căng ở Bun-ga-ri làm tăng tính chất hữu dụng của sông Đa-nuýp đối với việc phòng thủ. Ba nhánh của sông Ranh, A-a-rê ở tây-nam, Rây-xơ và Li-mát ở đông-nam (hai nhánh nói cuối cùng tạo thành góc vuông với nhánh A-a-rê) hòa vào nhau ở gần Bru-gơ, sau đấy chảy thẳng lên phía bắc tới sông Ranh, và vào khoảng 10 dặm phía dưới chỗ những nhánh này hợp nhất thì chúng đổ vào sông Ranh tại Cô-blen-txơ (dĩ nhiên, không nên nhầm

thành phố Cô-blen-txơ này ở trên bờ sông A-a-rê và Ranh với pháo đài cũng mang cái tên gọi như vậy trên bờ sông Mô-den và sông Ranh). Như vậy, sông A-a-rê, đoạn ở giữa Bru-gơ và Ranh, chia đôi vùng thung lũng của con sông này, do vậy quân tấn công, sau khi vượt qua sông Ranh ở phía trên hoặc phía dưới Cô-blen-txơ, sẽ xuất hiện trước Li-mát hoặc trước A-a-rê và do vậy, sẽ lại đứng trước mặt con sông có thể dùng làm tuyến phòng thủ. Như thế, góc chồi lên phía trước – được tạo ra bởi nơi hòa vào nhau của sông A-a-rê và Li-mát (Rây-xơ chỉ là tuyến phòng thủ mạnh tiếp theo so với tuyến Li-mát) – là trận địa phòng thủ quan trọng thứ hai. Các mạn sườn của trận địa này được bảo vệ, ở phía trái (phía tây), nhờ các hồ[332] Xuy-rích, Va-len-stát[1*], Xu-ga và Bốn bang[2*], mà trong những tình huống nêu trên thì quân Phổ *sẽ không dám* băng qua một hồ nào trong số những hồ ấy. Các trận địa A-a-rê và Li-mát – trong điều kiện sông Ranh nằm ở sau lưng của bất kỳ một *đội quân nào tấn công các trận địa ấy* – tạo thành trận địa phòng thủ chiến lược chủ yếu của Thụy Sĩ chống lại sự xâm nhập từ phía bắc. Chúng ta giả định rằng quân Thụy Sĩ đánh lui cuộc tấn công vào trận địa này và giành thắng lợi sau khi đã tổ chức phản công và tích cực truy kích [địch], trong khi ấy quân thất bại sẽ bị làm cho tản mát ra, bị đánh bại, bị cô lập và bị tiêu diệt trước khi đội quân ấy kịp rút lui qua mấy chiếc cầu mà nó có thể có được trên sông Ranh.

Mặt khác, nếu tuyến phòng thủ ở hạ lưu sông A-a-rê và Li-mát được người ta vượt qua một cách thắng lợi, vậy thì khi ấy quân Thụy Sĩ còn biết làm gì? Ở đây chúng ta lại phải chú ý đến địa hình. Các đội quân lớn không thể tồn tại trong điều kiện vùng núi cao và không

1*– hồ Va-len-đê

2*– Phiếc-van-stết

thể bố trí ở đó các căn cứ tác chiến và kho tàng chủ yếu của mình được. Đó là một số nguyên nhân khiến cho những chiến dịch quân sự ở những địa hình đồi núi luôn luôn rất ngắn ngủi nếu những lực lượng lớn được thu hút vào các chiến dịch ấy. Do vậy, người Thụy Sĩ không có lý do để nghĩ đến chuyện rút lui với những lực lượng lớn vào các vùng núi cao, họ cần trụ lại càng lâu càng tốt ở một địa điểm đồng bằng bằng phẳng hơn, nơi mà họ có các thành phố với tất cả những nguồn lực của chúng và có những con đường làm cho việc di chuyển được dễ dàng. Nếu kẻ một đường thẳng từ nơi mà sông Rôn chảy vào hồ Giơ-ne-vơ ở Vin-nhốp, đến điểm sông Ranh đổ vào hồ Công-xtăng-xơ[1*] ở gần Rây-nếch thì nó sẽ chia Thụy Sĩ thành hai phần, trong đó phần tây-bắc (không kể đến Giuy-ra) sẽ tạo thành Hạ Thụy Sĩ, còn phần đông-nam sẽ tạo thành Thượng Thụy Sĩ, hay là miền núi cao của Thụy Sĩ. Vậy là chiến lược của phía Thụy Sĩ được xác định rõ. Các lực lượng chủ lực của họ sẽ phải rút lui dọc theo tuyến Xuy-rích - Béc-nơ - Lô-dan - Giơ-ne-vơ để bảo vệ từng tấc đất ở phần đồng bằng của đất nước, và để vùng núi phía đông-nam ở dưới sự bảo vệ của các đơn vị quân đội có thể bị chia cắt, cũng như của những đơn vị Landsturm[2*] và các xạ thủ độc lập thực hiện tác chiến du kích. Trên đường rút lui, tất cả các nhánh phía nam của sông A-a-rê sẽ là chỗ dựa cho các lực lượng chủ lực, tất cả các nhánh ấy đều chảy song song với sông Rây-xơ và sông Li-mát; còn ở Béc-nơ thì chính con sông A-a-rê, mà ở thượng lưu nó cũng chảy từ đông sang tây-bắc, cũng là chỗ dựa như vậy cho các lực lượng chủ lực đó. Nếu ở phía thượng lưu sông A-a-rê sẽ bị quân địch vượt qua và Béc-nơ bị đánh chiếm, thì trên thực tế, người Thụy Sĩ sẽ không còn cơ hội nào kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh, trừ

1*– hồ Bô-đen

2*– dân binh

phi các đội quân sơn cước và các đơn vị mới lập từ phía đông-nam chiếm lại được một phần Hạ Thụy Sĩ, nhờ đó mà tạo ra một sự uy hiếp hết sức nghiêm trọng cho hậu phương quân Phổ, điều đó sẽ dẫn đến một cuộc tổng rút lui. Nhưng, nói chung, có thể không cần xem xét phương án này.

Như vậy, phía Thụy Sĩ sẽ có một số tuyến phòng thủ có lợi: thứ nhất, dọc theo sông A-a-rê và Li-mát, sau đó là dọc theo sông A-a-rê và Rây-xơ, thứ ba, dọc theo sông A-a-rê và Ê-ma (ấy là chưa nói đến những nhánh ở giữa, cạn hơn của sông A-a-rê) và thứ tư, dọc theo phía thượng lưu sông A-a-rê, sườn trái [của trận địa này]– ở phía sau các vùng đầm lầy kéo dài từ hồ Nơ-sa-ten đến con sông này.

Chiến lược tác chiến tiến công, cũng như tác chiến phòng thủ, đều phụ thuộc vào địa hình. Nếu quân Phổ sẽ buộc phải đưa các lực lượng chủ lực của mình vượt qua sông Ranh ở phía trên Cô-blen-txơ và tấn công các trận địa dọc theo Li-mát, thì họ sẽ phải làm cái việc cầm chắc là mạo hiểm; họ chẳng những sẽ phải tấn công cái trận địa mà vào năm 1799, Ma-xê-na đã bảo vệ hết sức thành công chống lại quân Áo và quân Nga, mà nếu có chiếm được trận địa ấy thì họ sẽ phát hiện thấy – qua 5 dặm – một tuyến phòng thủ mạnh cũng như thế dọc theo Rây-xơ; sau nữa, qua 2,3 hoặc 5 dặm nữa thì một con suối khác sẽ cản đường họ, cho đến khi, rốt cuộc, sau những đợt dừng chân liên miên, sau những trận đánh và tổn thất triền miên, họ sẽ lại đụng phải các trận địa của quân Thụy Sĩ trên sông Ê-ma, hơn nữa con sông này là một vật cản hầu như cũng nghiêm trọng như Li-mát. Nếu không kể đến những nguyên nhân chính trị (ở đây chúng tôi hoàn toàn không đề cập đến những nguyên nhân ấy) sẽ buộc quân Phổ phải ở một khoảng cách khá xa cách biên giới Pháp, thì như vậy con đường tấn công ấy sẽ là hoàn toàn sai lầm. Con đường chính xác đến Thụy Sỹ là con đường vượt sông Ranh ở đoạn

giữa Ba-lơ và Cô-blen-txơ; hoặc nếu phải để một bộ phận quân đội vượt sông ở đoạn phía trên Cô-blen-txơ, thì cần phải lập tức tổ chức việc vượt sông A-a-rê ở đoạn giữa Bru-gơ và Cô-blen-txơ, để tập trung chủ lực ở phía tả ngạn con sông này. Cuộc tấn công trực tiếp theo tuyến A-a-rê sẽ bọc sườn Li-mát và Rây-xơ, và cũng tạo khả năng tránh được tất cả những nhánh nhỏ phía nam của sông A-a-rê cho đến tận Ê-ma ở hai bên sườn. Hơn nữa, chiều dài các trận địa dọc Li-mát lại không lớn, phía chính diện của các trận địa ấy có thể dùng để mở cuộc tấn công, kéo dài từ Xuy-rích đến Bru-gơ không quá 20 dặm, trong khi đó tuyến A-a-rê, từ Bru-gơ đến Dô-lô-tuốc-nơ, lại mở ra khả năng tấn công trên một chiều dài 36 dặm, và lại nó ở phía bên trên Dô-lô-tuốc-nơ và tuyến này cũng không được bảo vệ chống lại một cuộc tấn công trực diện. Sườn trái của trận địa, giữa Dô-lô-tuốc-nơ và A-ác-béc-gơ, là chỗ yếu của trận địa này; nếu nó bị chọc thủng ở chỗ này thì phía Thụy Sĩ chẳng những mất đi tuyến phòng thủ này, mà sẽ còn bị cắt đứt với Béc-nơ, Lô-dan và Giơ-ne-vơ, và họ chỉ còn cơ cách là rút lui vào các khu vực núi cao ở phía đông-nam.

Song, ở đây việc phòng thủ được bảo đảm nhờ những vật cản có tính chất chiến thuật. Các vị càng đi ngược lên phía trên theo sông A-a-rê về phía Dô-lô-tuốc-nơ, thì những dãy núi thấp của vùng Giuy-ra càng gần với con sông ấy, những thung lũng độc đáo chạy dọc theo các dãy núi ấy và song song với sông A-a-rê lại gây khó khăn cho các hoạt động tác chiến. Những cản trở của vùng núi ấy hoàn toàn có thể vượt qua được, tuy nhiên việc tập trung các đơn vị lớn trong những điều kiện như vậy sẽ đòi hỏi phải có những cuộc chuyển quân rất phức tạp, luôn luôn không nên thực hiện trước mắt quân địch, và bất kỳ một viên tướng nào cũng rất miễn cưỡng thực hiện những cuộc cơ động quân như vậy, nếu viên tướng ấy chưa vững

tin vào bản thân mình và vào quân đội mình. Phẩm chất nói sau cùng ấy không hay gặp thấy ở những viên tướng già của Phổ, có thể khẳng định rằng vị tất họ đã tham gia vào bất kỳ hoạt động quân sự nào sau năm 1815. Chưa chắc họ sẽ dám mạo hiểm tiến hành một cuộc chuyển quân như vậy và nói đúng hơn, họ sẽ thực hiện những biện pháp nửa vời ở các sườn và sẽ tập trung những nỗ lực chủ yếu của mình dọc theo chiến tuyến.

Do Ph.Ăng-ghen viết giữa ngày 1 và 10 tháng Giêng 1857

In theo bản sao viết tay của C.Mác
Nguyên văn là tiếng Anh
Công bố lần đầu

C. MÁC

CUỘC CHIẾN TRANH CHỐNG BA TƯ[333]

I

Cuộc chiến tranh Ba Tư là sự lặp lại tấn kịch quân sự - ngoại giao mà lần đầu tiên đã được huân tước Pan-mớc-xtơn trình diễn cách đây 20 năm[334]. Cũng như bây giờ, hồi ấy tín hiệu mở đầu chiến tranh là cuộc tấn công của Ba Tư vào Hê-rát; cũng như bây giờ, hồi ấy ngài tử tước ấy muốn thông qua việc trừng trị Ba Tư mà trừng phạt Nga. Sau đó, ngài ấy đã tỏ ý muốn đưa vào cuộc chơi một điều mới mẻ: ông ta chẳng những có tham vọng thông qua việc trừng trị Ba Tư để trừng phạt nước Nga, mà còn có tham vọng dùng đòn giáng vào Ca-bun, hay nói đúng hơn, đánh vào người cầm quyền của Áp-ga-ni-xtan là Đô-xtơ-Mô-ha-mét mà đánh bại Ba Tư. Chúng ta thấy rằng lần này thì chính bản thân Đô-xtơ-Mô-ha-mét ấy lại đóng vai trò người đồng minh và bạn chiến đấu của ông ta, - đó là vai trò mà trong quá khứ do lãnh tụ của người Xích là Răng-gi-tơ Xinh-khơ đảm nhiệm . Phương án này trở nên vô cùng cần thiết chính từ sau khi Răng-gi-tơ Xinh-khơ rời khỏi vũ đài, còn những vùng đất mà

trước kia đã có lúc ông ta cai trị thì chuyển sang tay đế quốc Anh ở phương Đông[335].

Vì Pan-mớc-xtơn thích làm cái trò ăn cắp văn của chính bản thân mình, cho nên đã xuất hiện sự cần thiết phải tìm hiểu phương án ban đầu của cuộc xung đột Ba Tư để hiểu rõ sự lặp lại phương án đó.

Trước khi bắt tay vào việc nghiên cứu này, có thể cũng nên đưa ra một số nhận xét mào đầu về tình hình hiện nay của Áp-ga-ni-xtan, Ba Tư và Anh.

Sau khi các bộ lạc Áp-ga-ni-xtan, vào những thời kỳ khác nhau, tràn ngập vào lãnh thổ Ba Tư và Ấn Độ, thì Ba Tư dưới thời Na-đia-sắc chẳng những đã chinh phục Áp-ga-ni-xtan mà còn tiến quân thắng lợi đến tận Đê-li[336]. Sau khi Na-đia-sắc chết, đã xuất hiện một vương quốc Áp-ga-ni-xtan độc lập nằm dưới quyền của một nhân vật A-khmét-sắc Đua-ra-ni nào đó, vương quốc này hợp nhất các công quốc Hê-rát, Ca-bun, Can-đa-gác, Pê-sa-vác và tất cả các vùng đất của người Xích, do người Xích[1*] sở hữu trước kia... Nhưng cái vương quốc chỉ được kết dính yếu ớt ấy đã sụp đổ cùng với người lập ra nó; sau khi ông ta chết vương quốc này lại phân ra thành các bộ phận cấu thành ra nó, thành những bộ lạc Áp-ga-ni-xtan riêng lẻ với những vị thủ lĩnh độc lập, bị chia rẽ bởi những cuộc chém giết nhau bất tận và chỉ được thống nhất lại khi đứng trước mối nguy cơ chung là đụng độ với Ba Tư.

Bên cạnh đó còn có tình trạng đối kháng chính trị giữa người Áp-ga-ni-xtan và người Ba Tư, dựa trên những khác biệt dân tộc kết hợp với những truyền thống lịch sử, sự đối kháng ấy được nuôi dưỡng bởi những hiềm khích trên vùng biên giới và bởi những yêu sách đối với nhau, mà những yêu sách ấy trở nên gay gắt thêm do

1* Tiếp đó trong bản viết tay câu sau đây đã bị xóa bỏ: "sau này đã chiếm hữu".

có sự đối kháng tôn giáo: người Áp-ga-ni-xtan là những tín đồ Hồi giáo thuộc giáo phái Xun-nít, tức là những người Hồi giáo chính thống, trong khi người Ba Tư lại là thành trì chủ yếu của tà giáo Si-ít.

Bất kể sự đối kháng gay gắt và phổ biến đó, người Ba Tư và người Áp-ga-ni-xtan vẫn có một điểm chung – lòng thù ghét chung của họ đối với nước Nga. Nước Nga xâm lăng Ba Tư ngay từ thời vua Pi-ốt Đại đế. Sau thất bại của Na-pô-lê-ông, A-lếch-xan-đrơ I áp đặt Ba Tư chấp nhận bản Hòa ước Guy-li-xtan[337], làm cho Ba Tư mất 12 tỉnh, toàn bộ phần lãnh thổ nằm về phía nam dãy núi Cáp-ca-dơ và hiện nay thuộc về nước Nga. Do cuộc chiến tranh các năm 1826-1827 và do Hiệp ước Tuốc-man-sai[338], vua Nga Ni-cô-lai đã lấy mất của Ba Tư một số tỉnh nữa, trút lên đầu nó gánh nặng một khoản nợ lớn và làm cho Ba Tư bị mất (cấm Ba Tư) quyền đi lại bằng tàu thủy ở vùng bờ biển phía bắc của chính nó trên Biển Ca-xpiên. Như vậy, hồi ức về những vùng đất của nó bị chiếm mất trong quá khứ, những hành động hà hiếp mà giờ đây Ba Tư buộc phải chịu đựng hiện nay, cũng như nỗi lo sợ bị xâm lăng trong tương lai đều đã góp phần gây nên ở Ba Tư một lòng tử thù đối với nước Nga. Về phía mình, người Áp-ga-ni-xtan, mặc dù chưa bao giờ xảy ra những cuộc đụng độ thật sự giữa họ và nước Nga, đã quen coi nước Nga là kẻ thù truyền kiếp của tôn giáo Áp-ga-ni-xtan, kẻ thù ấy không ngừng có dã tâm chống lại nền độc lập của họ: thứ nhất, vì các cuộc chiến tranh truyền thống của Nga chống lại đấng tối cao của các tín đồ đạo Hồi chính thống, thứ hai, vì các chiến dịch mới đây của Nga chống lại Tuốc-kê-xtan[339]. Vì coi nước Nga là kẻ thù tự nhiên của mình, nên cả hai dân tộc, dân tộc Ba Tư và dân tộc Áp-ga-ni-xtan, theo lô-gích, buộc phải xem nước Anh là đồng minh

tự nhiên của mình. Giữa nước Anh và các dân tộc châu Á ấy đã không xảy ra những cuộc xung đột (lòng hận thù), và phải chăng cuộc đấu tranh giữa Anh và Nga không phải là điều tất yếu, một khi cuộc đấu tranh ấy là kết quả của chính sự tồn tại của nước Nga châu Á và của Ấn Độ thuộc Anh? Như vậy, nước Anh đã giành được sự ngưỡng mộ của người Ba Tư và người Áp-ga-ni-xtan đối với nó bằng một *giá rẻ*, tuyệt nhiên không phải bằng việc làm của nước Anh, mà chỉ nhờ sự tồn tại những lãnh địa của nó ở châu Á. Người Ba Tư và người Áp-ga-ni-xtan đã coi nước Anh là đồng minh của mình, vì nước Anh hình như là kẻ thù của kẻ thù của các dân tộc đó.

Vậy là, có lẽ chẳng có gì có thể thuận lợi hơn và dễ kiểm soát hơn là địa vị chính trị của nước Anh đối với Ba Tư và Áp-ga-ni-xtan. Hai nước này tạo thành rào cản tự nhiên ngăn cách Ấn Độ thuộc Anh với nước Nga, vả lại đến lượt mình cả hai nước ấy không thể trở nên nguy hiểm, vì hai nước này đều kiềm chế nhau. Nếu Ba Tư tỏ ra bất bình thì Áp-ga-ni-xtan đe dọa Ba Tư ở phía chính diện; nếu Áp-ga-ni-xtan trở nên cứng đầu thì Ba Tư uy hiếp nó từ phía sau lưng. Ba Tư che chở cho Ấn Độ từ phía tây; Áp-ga-ni-xtan không chỉ bảo vệ đèo Hai-béc cũng nằm trong hướng đó – đó là chìa khóa để đi vào Ấn Độ – mà còn ngăn cản bước tiến của nước Nga ở phía bắc, ở các khu vực xuyên Cáp-ca-dơ. Đây là những cao nguyên châu Á mà việc nắm giữ được chúng luôn luôn quyết định sự thống trị ở phương Đông. Trong khi người Áp-ga-ni-xtan nhờ đến sự giúp đỡ của nước Anh năm 1809 thì người Ba Tư đã làm việc này vào năm 1801, quả thật nước Anh đã ký liên minh phòng thủ với Ba Tư vào năm 1814[340]. Như vậy, để duy trì ảnh hưởng thống trị của mình, nước Anh chỉ cần sắm vai người trung gian có thiện chí giữa Ba Tư và Áp-ga-ni-xtan và kiên quyết chống lại cuộc xâm lăng của người

Nga. Một mặt là tình hữu nghị bề ngoài, mặt khác là sự thù ghét thật sự – chẳng cần điều gì nhiều hơn thế. Bây giờ chúng ta hãy xem tình hình đáng thèm muốn đã được huân tước Pan-mốc-xtơn, nhà độc tài của nước Anh và mối đe dọa đối với nước Nga, cải thiện ra sao.

II

Chúng ta đã thấy, ngay từ khi nước Anh dùng sức mạnh của vũ khí đưa tên tay sai của Nga[1*] lên ngôi vua Ba Tư thì việc tấn công vào Hê-rát được chuẩn bị một cách công khai, và Pan-mốc-xtơn chẳng những không phản đối hành động ấy mà còn cấm cả các viên đại sứ của mình phản đối hành động ấy.

Tháng Chín 1837, cuối cùng thì quân đội Ba Tư đã xâm nhập vào Áp-ga-ni-xtan. Một loạt thắng lợi đã mở đường cho quân đội Ba Tư tiến về Hê-rát, tại cửa ngõ thành phố này họ dừng lại dựng trại và bắt đầu các hoạt động bao vây dưới sự chỉ huy của đích thân bá tước Xi-mô-ni-sơ, viên đại sứ Nga bên cạnh triều đình Ba Tư. Mặc dù tiến hành bao vây rất lâu, nhưng các cuộc tấn công của quân Ba Tư đã bị đẩy lui, và đến ngày 15 tháng Tám 1838, vua Ba Tư đã buộc phải hủy bỏ cuộc bao vây, và bằng một cuộc hành quân nhanh chóng, đưa quân đội của mình ra khỏi đất nước mà ông ta đã xâm nhập.

Đương nhiên, giờ đây đã đến thời kỳ hù dọa.

Trong suốt thời gian diễn ra những hoạt động thù địch ấy, ngài Giôn Mác-Nai-lơ, viên đại sứ Anh, còn bị trói chân trói tay bởi những

1* – Mô-ha-mét-sắc

chỉ thị trái ngược nhau. Không phải chỉ có thế, mà một mặt, Pan-mớc-xtơn còn chỉ thị cho ông ta phải tránh thảo luận vấn đề quan hệ của Ba Tư với Hê-rát, bảo là vì những quan hệ ấy không liên quan đến nước Anh; mặt khác, huân tước Ô-clên-đơ, toàn quyền Ấn Độ, lại bày tỏ lòng mong muốn viên đại sứ khuyên can vua Ba Tư đừng tiếp tục các hoạt động quân sự nữa. Ngay từ khi mở đầu cuộc viễn chinh này, ngài Ê-li-xơ đã triệu hồi các sĩ quan Anh lúc đó đang phục vụ trong quân đội Ba Tư, nhưng Pan-mớc-xtơn đã đưa họ trở lại nơi đó. Còn khi chính phủ Ấn Độ lại ra lệnh cho Mác-Nai-lơ triệu hồi các sĩ quan Anh thì Pan-mớc-xtơn lại hủy bỏ mệnh lệnh này. Ngày 8 tháng Ba 1838 Mác-Nai-lơ đã đến trại binh ở cửa ngõ Hê-rát và tự đề nghị sẽ đứng ra làm *trung gian*, nhưng không phải thay mặt nước Anh, mà nhân danh Ấn Độ. Về phía mình, vua Ba Tư tuyên bố rằng "ông ta lo ngại sẽ làm phật lòng chính phủ Nga nếu ông ta rút lui trước khi chiếm được Hê-rát", và vào thời điểm ấy, ông ta sẽ chỉ rút quân trong trường hợp trực tiếp "*có sự đe dọa* từ phía nước Anh". Nhưng hóa ra không thể có được những sự đe dọa như vậy từ phía Pan-mớc-xtơn, ông này giải trí bằng cách đáp lại những đòi hỏi khẩn thiết của Mác-Nai-lơ bằng những công văn khẩn với 6 dòng chữ mà nội dung chủ yếu của những dòng ấy bao giờ cũng vẫn là một câu y hệt như nhau: "Tôi đình chỉ việc gửi đi những chỉ thị tiếp theo".

Nhưng đến cuối tháng Năm 1838, vì nghĩ rằng thành phố Hê-rát đã bị đánh chiếm (kể từ khi bắt đầu cuộc bao vây đến thời điểm ấy đã được gần 9 tháng), nên Pan-mớc-xtơn đã lợi dụng sự xúc phạm đối với người đầy tớ của Mác-Nai-lơ – đây là vụ việc mà Pan-mớc-xtơn đã được biết cách đấy mấy tháng và tuyệt nhiên không hề chú ý đến vụ việc này – để gửi cho triều đình Ba Tư một bức công văn khẩn đe dọa, trong đó lần đầu tiên lên tiếng phản đối các sự kiện ở Hê-rát

và lần đầu tiên đã ra sức lên án "mối liên hệ của Ba Tư với nước Nga". Đồng thời với công văn khẩn đe dọa ấy, các đơn vị quân đội do chính phủ Ấn Độ phái đi bằng đường biển đến Vịnh Ba Tư đã chiếm lấy đảo Hác-cơ. Ít lâu sau, đại sứ Anh đã chuyển từ Tê-hê-ran đến Éc-dê-rum, còn viên đại sứ Ba Tư được cử đến nước Anh sau vụ thất bại quân sự ở cửa ngõ Hê-rát thì đã không được phép nhập cảnh vào nước Anh. Còn Hê-rát thì quả thật đã đứng vững, mặc dù nước Anh đã không giúp gì cho nó.

Là một người nhất quán trong việc lặp lại quá khứ của chính mình, huân tước Pan-mớc-xtơn đã khôn khéo bổ sung cho sự tái bản cuộc chiến tranh Ba Tư của mình bằng sự tái bản cuộc chiến tranh Trung Quốc của mình. Ngay khi tin điện vừa thông báo về cuộc bắn phá Quảng Châu[341] thì tờ "Times" lập tức đánh liều bổ nhào vào biện hộ cho cuộc chiến tranh Trung Quốc của Pan-mớc-xtơn, mặc dù chỉ mới một ngày trước đó, trong bài viết về cuộc chiến tranh Ba Tư, tờ "Times" ở Luân Đôn đã loan tin về quy luật lịch sử là các sự kiện lặp lại qua những khoảng thời gian nhất định, và giống như chúng tôi đã làm trên đây, tờ báo này đã có sự so sánh hơi đáng ngờ giữa cuộc chiến tranh Ba Tư năm 1838 và cuộc chiến tranh Ba Tư năm 1856[342]. Chỉ có điều là tờ báo ấy làm ra vẻ quên rằng, một khi các sự kiện giống nhau thì cánh tay hướng dẫn các sự kiện ấy đều chỉ là một mà thôi, còn quy luật lịch sử mà tờ báo ấy nghĩ ra thì bây giờ đây có phần giống như sự tán dương trơ trẽn chính sách đối ngoại của huân tước Pan-mớc-xtơn. Song, ngay cả tờ "Times" cũng không thể không thừa nhận rằng cho dù kết quả cuộc viễn chinh của Ba Tư có như thế nào, với kết cục thắng lợi hoặc thất bại, thì cả hai điều đó đều tai hại cho nước Anh và đều có lợi cho nước Nga. Thất bại sẽ làm bộc lộ sự yếu kém của nước Anh, mà uy tín của nó ở Trung Á đã bị lung lay bởi sự đầu hàng của Các-xơ; thắng lợi sẽ làm

suy yếu Ba Tư, sẽ làm cho nó càng giảm sự vững tin vào sức mạnh của mình và sẽ đẩy nó vào tư thế hoàn toàn lệ thuộc vào nước Nga. Nếu không hù dọa được triều đình Ba Tư và buộc nó chấp nhận nhượng bộ thì như vậy, nước Anh sẽ phải cấp tốc xâm nhập vào Nam Ba Tư, điều đó sẽ gây nên một hành động đáp lại của Nga là quân Nga sẽ xâm nhập vào Bắc Ba Tư. Nếu triều đình Ba Tư để cho người ta hù dọa được mình thì Ba Tư sẽ trở thành một nước không có tiếng nói, và dĩ nhiên nó sẽ không thể trở thành vật cản thật sự giữa Ấn Độ thuộc Anh và các lãnh địa xuyên Cáp-ca-dơ của người Nga. Đó là tình thế nan giải mà tờ "Times" nêu lên. Khi buộc phải đi đến kết luận này, tờ "Times" lại bỏ qua một sự việc đơn giản là năm 1856, cũng như năm 1838, Pan-mớc-xtơn đã đặt nước Anh trước tình thế nan giải nguy hiểm ấy vì đã có ý đồ trừng phạt người Ba Tư về hành động tấn công Hê-rát sau khi cuộc tấn công ấy đã xảy ra, thay vì cố gắng ngăn chặn cuộc tấn công ấy. Trước cuộc chiến tranh Ba Tư thứ nhất của mình, ông ta đã trực tiếp giúp nước Nga thông qua việc xúi bẩy vua Ba Tư tấn công Hê-rát. Phải chăng Pan-mớc-xtơn không mở đầu cuộc chiến tranh Ba Tư lần thứ hai của mình bằng việc lặp lại một cách bí mật vẫn cái sách lược quỷ quyệt ấy, bằng cách triệu hồi, vào thời điểm gay cấn, sứ quán Anh ra khỏi Tê-hê-ran và qua đó mà cố ý xóa bỏ ảnh hưởng của mình đối với triều đình Ba Tư và nhường chỗ cho sự kiểm soát không thể chối cãi được của Nga, dưới cái cớ thảm hại là đã xảy ra cuộc cãi cọ phi lý giữa cá nhân ông đứng đầu chính phủ Ba Tư và vị công sứ Anh[1*]? Nếu như tờ "Times" đã cố ý và bất ngờ không chấm dứt việc xem xét những chiến công ban đầu của huân tước Pan-mớc-xtơn ở Trung Á, thì báo này lẽ ra đã không phải kết thúc bài báo mà nó đã chật vật viết ra đó, bằng một câu hỏi có lẽ chân thành: liệu nước Anh có lại bị lôi

1* — A-ga-khan Nu-ri và Me-rây

kéo vào cuộc xung đột này của châu Á vì sự tự ái của một viên đại diện ngoại giao thứ yếu, hay là vì lòng tham vô tận của chính phủ Ấn Độ trong lĩnh vực xâm lược, hay không? Khi nêu ra câu hỏi như vậy, nó đã không tính đến huân tước Pan-mốc-xtơn trong khi lẽ ra nó đã phát hiện thấy – chỉ cần tờ báo này tạo điều kiện để cho những hồi ức lịch sử của mình được thỏa sức – rằng ngài Em-phi và huân tước Ca-ninh, chỉ là những nhân vật mới đóng các vai dramatis personae[1*] cũ, rằng trong năm 1856 họ chỉ sắm các vai diễn do huân tước Pan-mốc-xtơn soạn ra năm 1838 cho ngài Gi.Mác-Nai-lơ và huân tước Ô-clen-đơ.

Ngược lại, lẽ ra nó đã phải thừa nhận rằng họ chỉ là những công cụ mà huân tước Pan-mốc-xtơn sử dụng, và cách đây 20 năm họ đã đóng vai trò ấy dưới những cái tên khác.

Chúng tôi lại nhắc lại: để hiểu rõ sự lặp lại hiện nay vở diễn của Pan-mốc-xtơn thì cần phải tìm hiểu vở kịch ban đầu của ông ta. Vì vậy, đến đây chúng tôi muốn kết thúc việc điểm lại cuộc xung đột lần thứ nhất của ông ta tại Trung Á, mà chúng tôi đã bắt đầu trong bài báo trước.

III

NHỮNG DỮ KIỆN THỰC TẾ

Ngày 16 tháng Sáu 1838, tại La-ho, Răng-gi-tơ Xinh-khơ, vua Sút-gia và toàn quyền Ấn Độ đã ký bản hiệp ước. Theo hiệp ước này, Răng-gi-tơ Xinh-khơ cam kết giúp vua Sút-gia chiếm lại từ tay

1*- những nhân vật trong vở kịch

Đô-xtơ-Mô-ha-mét ngai vàng ở Ca-bun, nhưng binh lính Anh không được tham gia vào cuộc xâm nhập được trù định ấy. Sau đó ba tháng rưỡi, ngày 1 tháng Mười 1838, huân tước Ô-clên-đơ, toàn quyền Ấn Độ, [hiện diện] tại Xim-lê, đã tuyên chiến và tuyên bố rằng sẽ sử dụng 20 nghìn lính Anh để chống lại Đô-xtơ-Mô-ha-mét. Lại thêm bốn tháng rưỡi nữa, ngày 19 tháng Hai 1839, số quân này, với sự hộ tống của người Xích, cuối cùng đã hành động để xâm nhập vào lãnh thổ Áp-ga-ni-xtan. Giờ đây cần chăm chú theo dõi ngày tháng thực hiện các bước đi mâu thuẫn ấy. Ngày 16 tháng Sáu 1838, khi Hiệp ước La-ho được ký kết, thì vẫn còn tồn tại cái gọi là mối nguy hiểm: cuộc vây hãm Hê-rát bởi quân đội Ba Tư hành động dưới ảnh hưởng của Nga. Ngày 1 tháng Mười 1838, khi cuộc chiến tranh được tuyên bố, thì cùng với việc gỡ bỏ cuộc bao vây, cùng với thất bại của quân đội Ba Tư và với việc nó rời khỏi lãnh thổ Áp-ga-ni-xtan, mối nguy hiểm ấy cũng tan biến mất. Ngày 16 tháng Sáu 1838, khi còn tồn tại cái cớ để nổ ra chiến tranh, quân Anh không được sử dụng để chống lại Đô-xtơ-Mô-ha-mét. Ngày 1 tháng Mười 1838, khi cái cớ ấy không còn nữa thì người ta tuyên bố sử dụng 20 nghìn lính Anh để chống lại Ca-bun. Nhưng đó chưa phải là tất cả. Ngày 1 tháng Mười 1838, cái gọi là vụ âm mưu của Đô-xtơ-Mô-ha-mét với Ba Tư và Nga đã hoàn toàn vô bổ, vì quân đội Ba Tư đã tỏ ra không có khả năng tiến đến Can-đa-gác và Ca-bun, mà nước Nga thì hiển nhiên chỉ có thể hậu thuẫn cho Áp-ga-ni-xtan bằng lực lượng của quân đội Ba Tư.

Nước Nga còn có thể duy trì ảnh hưởng của mình đối với triều đình Ba Tư, nhưng như vậy là ảnh hưởng ấy mất đi sự sắc bén của nó; những quan điểm chính trị trái ngược của các nội các ở Xanh Pê-téc-bua và ở Luân Đôn, mà họ có thể có đối với Trung Á, đã trở thành đối tượng của sự quan tâm trừu tượng hơn là của sự quan tâm trực tiếp. Đó là tình hình nhờn tiền cho đến ngày 1 tháng Mười

1838. Ngày 8 tháng Mười một 1838, toàn quyền Ấn Độ nhận được của ngài Gi.Mác-Nai-lơ thông báo cho biết rằng thất bại ở cửa ngõ Hê-rát đã hoàn toàn làm mất hết ảnh hưởng của Nga bên cạnh triều đình Ba Tư, và đến cuối tháng Mười thì đích thân huân tước Pan-móc-xtơn đã nhận được của bá tước Nê-xen-rô-đe một "*sự giải thích*" "hết sức thỏa đáng", đã hoàn toàn thuyết phục được ông ta tin rằng nước Nga không có "các ý đồ thù địch".

"Nếu – người ta khẳng định - nước Nga có lỗi thì tại sao chúng ta lại không tấn công vào nước này mà lại tấn công vào Áp-ga-ni-xtan? Câu trả lời của ông ta (của huân tước Pan-móc-xtơn) trước nhận xét này là: chúng tôi đã đến Xanh Pê-téc-bua, nhưng không đem theo hạm đội. Chúng tôi đã đòi chính phủ Nga phải có lời giải thích. Chúng tôi đã thông báo cho nước Nga về tính chất của bản tin do chúng tôi nhận được. Chúng tôi đã vẽ lên bức tranh về việc các mật vụ Nga xúi bẩy các dân tộc láng giềng chống lại chúng ta. Chính phủ Nga đã được hỏi có phải hành động này được thực hiện với sự cho phép của chính phủ Nga hay không. Nếu chính phủ Nga trả lời là có thì chính phủ sẽ có thời gian để nhờ nghị viện giúp sức; nhưng chính phủ Nga đã phủ nhận tư cách đại diện của các mật vụ này. Người ta nói rằng những mật vụ ấy đã hành động mà không được phép và họ sẽ bị triệu hồi; *thật ra nước Nga không có những ý định thù địch đối với nước ta*. Trong những tình huống như vậy, làm sao chính phủ Anh lại có thể phái hạm đội đến biển Ban-tích được?

Sau sự việc này nước Nga có thái độ như thế nào? Nó tỏ thái độ hữu hảo. *Đó là tình hình vào thời gian ông ta còn nắm quyền*".

Đó là lời tuyên bố của huân tước Pan-móc-xtơn tại hạ viện, ngày 1 tháng Ba 1843, trong thời gian thảo luận đề nghị của ngài Rô-bác về bổ nhiệm một ủy ban chuyên trách việc điều tra về cuộc chiến tranh Áp-ga-ni-xtan.

Lời giải thích của phía Nga, mà ông ta gọi là lời giải thích hoàn toàn thỏa đáng, đề ngày 20 tháng Mười 1838. Vì vậy, ngày 19 tháng Hai 1839[343] ngay cả một dấu vết nhỏ nhoi của cái cớ tuyên chiến với Đô-xtơ-Mô-ha-mét vì nguyên nhân do quan hệ của nhân vật này với Ba Tư và với Nga cũng hoàn toàn biến mất, [điều đó đã xảy ra] ba tháng sau khi chính phủ Ấn Độ tin chắc rằng ảnh hưởng của Nga

ở Tê-hê-ran đã hoàn toàn sụp đổ, và bốn tháng sau khi huân tước Pan-mớc-xtơn đích thân bày tỏ sự hài lòng về việc phía Nga không hề có những ý đồ thù địch nào cần phải bị phản đối ở Trung Á. Nhưng những nguyên cớ được thừa nhận để khai chiến ở Áp-ga-ni-xtan giảm đi mức nào thì những hành động thù địch của chính phủ Ấn Độ lại tăng thêm với mức ấy, và sau khi những nguyên nhân bịa đặt ra để tiến hành các hoạt động quân sự không còn nữa thì các hoạt động quân sự ấy lại thật sự được bắt đầu.

IV

TUYÊN BỐ CỦA PAN-MỚC-XTƠN TẠI NGHỊ VIỆN

Còn có thêm một tình huống làm sáng tỏ hơn cuộc xích mích giữa Pan-mớc-xtơn và nước Nga. Qua cuốn Sách xanh nhan đề "Những thư từ trao đổi có liên quan đến Ba Tư và Áp-ga-ni-xtan" – đây là cuốn sách do ông ta trình nghị viện vào đầu năm 1839 – chúng tôi được biết rằng công văn khẩn của phía Nga, mà sau này được ông ta trình hạ viện như là *câu trả lời* hết sức thỏa đáng, lại là văn bản được đưa ra trước khi chính ông ta đòi đưa ra lời giải thích. Bức công văn khẩn của Nê-xen-rô-đe đề ngày 20 tháng Mười 1838, còn bức công văn của Pan-mớc-xtơn thì đề ngày 26 tháng Mười 1838, như vậy, người Nga đưa ra câu trả lời trước sáu ngày so với lúc phía Anh đưa ra lời chất vấn. Thật ra, để cho bức công văn khẩn của Nga có được cái vẻ một câu trả lời thì người ta đã cho in nó trong Sách xanh *sau* bức công văn khẩn của phía Anh. Dĩ nhiên, cả hai bức công văn ấy đều không chứa đựng những sự viện dẫn lẫn nhau; cả hai văn bản ấy đều được thảo ra với những lời lẽ mạnh như nhau. Trong

công văn này nước Nga đòi nước Anh chịu trách nhiệm về lập trường của Anh tạo ra mối uy hiếp ở Trung Á. Trong công văn kia nước Anh quy tội Nga thường xuyên có những mưu đồ ở Ba Tư. Nước Nga tuyệt nhiên đã không trả lời người Anh, cũng như nước Anh đã tuyệt nhiên không trả lời bức công hàm của Nga, nhưng ngược lại, cả hai chính phủ ấy đều cảm nhận sự xỉ vả nhau như là một lời giải thích hết sức thỏa đáng. Phải chăng còn cần đến những bằng chứng khác để chứng minh rằng cuộc đấu súng giữa Pan-móc-xtơn và Nê-xen-rô-đe chỉ là một sự giả vờ, và rằng những bức công hàm của họ đã được phối hợp với nhau nhằm mục đích tạo ra một cái cớ nào đó để đưa quân vào Ca-bun? Vào chính thời gian cuộc chiến Áp-ga-ni-xtan đang sôi sục (đang được tiến hành) với cái cớ chống lại ảnh hưởng của Nga thì Pan-móc-xtơn đã công khai liên kết với Nga để chống lại Pháp[344].

Bản sơ thảo do C.Mác soạn tháng Giêng 1857

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Anh
Công bố lần đầu

C. MÁC

NHỮNG CUỐN SÁCH CỦA B. BAU-Ơ VỀ CUỘC XUNG ĐỘT VỚI NƯỚC NGA[345]

A) NƯỚC NGA VÀ NƯỚC ANH, NĂM 1854

Những cuốn sách này đặc biệt có tham vọng đưa ra lời tiên tri, vén bức màn vận mệnh thông qua việc nghiên cứu có phê phán tình hình các nước châu Âu, quan hệ giữa các nước ấy và lịch sử hiện đại bắt nguồn từ những quan hệ ấy. Phương pháp giải quyết nhiệm vụ này chứng tỏ một sự khôn khéo nào đó. Vì sự am tường của Sự phê phán[346] và tài nghệ tiên đoán của nó phải được lịch sử hiện đại kiểm tra, cho nên điều đơn giản hơn cả có lẽ là so sánh những kết luận của Sự phê phán với các sự kiện xảy ra của lịch sử hiện đại, đối chiếu những kết luận ấy với những sự kiện ấy và qua đó mà nhận rõ tính chất có cơ sở của những tham vọng của Sự phê phán, hoặc nhận rõ thái độ kiêu căng của nó. Ví dụ, trong cuốn sách nêu trên chúng ta đọc thấy đoạn dưới đây:

"*La pratique constitutionnelle* a gagné infiniment de terrain; et la *résistance passive* des assemblées nationales, issues de la révolution de l'année 1848, a pris de plus grandes

proportions. Toute l'Europe s'est partagé, en ce moment, les différents rôles du drame constitutionnel: l'Occident s'est chargé du rôle de l'opposition honnête; la Russie représente le gouvernement, armé de la force et usant de son autorité"[1*]. (Châu Âu đã được phân chia các vai trong tấn kịch lập hiến: phương Tây đảm nhận vai trò phái đối lập trung thực, nước Nga thì nhận được vai trò một chính phủ *được vũ trang bằng vũ lực* và *thực hiện quyền lực* của mình".)

Chúng tôi không muốn bàn về tính chất không chính xác của lối nói thêm từ "và" để hoà lẫn "*thực tiễn lập hiến*" với "*sự phản kháng thụ động*" của những quốc hội "phi lập hiến" năm 1848 v.v.. Trong tất cả các quốc hội ấy điều đó có thể chỉ đúng đối với "Assemblée législative"[2*]. Nhưng chúng ta hãy xem xét câu ấy như nó được viết ra. Tây Âu, assemblée législative, giới hạn ở sự phản kháng thụ động, còn nước Nga, "chính phủ được vũ trang bằng vũ lực", "*thực hiện quyền lực của mình*" thông qua coup d'état[3*], giống như cách đã làm của Bô-na-pác-tơ, Phran-txơ-I-ô-xíp và Phri-đrích - Vin-hem IV. Đó là quan niệm của Sự phê phán về tình hình hồi tháng Tư – một quan niệm về quá khứ mới đây, đồng thời cũng là sự tiên đoán về tương lai trước mắt. Những tuần lễ tiếp theo đó đã bác bỏ cả quan niệm ấy, cả sự tiên đoán ấy, những tuần lễ ấy đã cho thấy rằng sự phê phán ấy đã vội vã một cách khinh suất để biến cái nhãn mặt thoáng qua[4*] thành một nét biểu hiện chết cứng. Không chỉ các cường

---

1* "*Thực tiễn lập hiến* đã "mở rộng" rất nhiều, "và *sự phản kháng thụ động* của các quốc hội là con đẻ của cuộc cách mạng năm 1848 đã có những quy mô hết sức to lớn. Vào thời điểm này, toàn châu Âu đã được phân chia các vai khác nhau trong tấn kịch lập hiến: phương Tây đảm nhận vai trò phái đối lập trung thực; nước Nga là một chính phủ được vũ trang bằng vũ lực và thực hiện quyền lực của mình" (*B. Bauer*. "La Russie et l'Angleterre," p.19).

2*- "Quốc hội lập hiến". Tiếp đó trong bản viết tay đoạn sau đây đã bị gạch bỏ: "tại sao điều đó không đúng đối với nó, điều này không được xem xét ở đây".

3*- đảo chính

4* Tiếp đó trong bản viết tay đoạn sau đây đã bị gạch bỏ: "thành một phạm trù tổng quát".

quốc phương Tây từ bỏ "sự kháng cự thụ động" và chuyển sang những hành động xâm lược, mà trước khi họ bắt đầu hành động như vậy thì nước Nga, bằng những cuộc hành quân của mình ở khu vực sông Đa-nuýp, đã chứng minh rằng nước Nga không "được vũ trang" bằng vũ lực, mà hơn nữa, vũ khí của nó lại bất lực [ungewaltig], và thay vì "thực hiện quyền lực của mình" nước Nga vội vàng thực hiện cuộc rút lui[347]. Vậy là chẳng còn lại tí gì ở sự so sánh của ông ta về các chính phủ ban phát và thực hiện coup d'état với các quốc hội năm 1848 v.v.. Vậy thì lời tiên đoán của Sự phê phán tỏ ra không đúng ư? Vậy thì quan niệm của Sự phê phán về bối cảnh là ảo tưởng chăng? Tuyệt nhiên không. Sau khi xảy ra các sự kiện không hay, làm vô hiệu các kết luận của bài văn phê phán "a)" thì Bru-nô Bau-ơ bắt đầu viết một cách trơ trẽn cuốn sách "b)" ("*Lập trường hiện nay của nước Nga*", 1854) bằng một đoạn châm ngôn ngoại giao dưới đây:

"Lời khẳng định ấy (nêu trên)[348] – mà chúng tôi đã phát biểu *ngay từ*(!) hồi tháng Tư - *đã hoàn toàn được chứng thực* trong tình hình các sự biến diễn ra ở ngay Xi-li-xtơ-ri: châu Âu *quả thật* đã diễn tấn kịch *hoàn toàn* mang tính chất lập hiến; chính phủ tỏ ra ngang bằng với phái đối lập, nó *cũng* tỏ ra là chính phủ *lập hiến* – hoặc tuyệt nhiên không sử dụng đến bạo lực, hoặc sử dụng bạo lực chỉ dưới một hình thức không nhằm đi đến kết cục".

Tính chất lập lờ của sự thỏa mãn, mà "bước ngoặt của các sự kiện" đem lại cho sự phê phán, bộc lộ ra qua "bước ngoặt" đặc biệt của sự khẳng định trong câu đó. "Đã được phát biểu *ngay từ* hồi tháng Tư". Phải chăng Sự phê phán chối bỏ lời khẳng định của mình được phát biểu vào tháng Tư sau khi quân Nga đã rút lui khỏi *Xi-li-xtơ-ri* vào tháng Ba? Tuyệt nhiên không. Vậy thì "*Ngay từ*" sẽ phải có nghĩa là "*Đã*". Lời khẳng định mà chúng tôi "đã" phát biểu hồi tháng Tư, trước lúc sự kiện xảy ra, đã được chứng thực vào tháng Ba. Nhưng nói đúng hơn, nó đã không được chứng thực. Vậy, không phải "đã" mà "ngay từ" cùng với phần bổ sung, nhờ đó câu này trở nên không thể

có được về phương diện văn phạm. "Ý kiến mà tôi theo ngay vào tháng Tư thì vào tháng Ba đã được thực hiện". Nhưng Sự phê phán không nói rằng "lời khẳng định được phát biểu ngay từ tháng Tư" của nó đến tháng Ba "đã được xác nhận". Tuyệt nhiên không. "Bước ngoặt" mới "của các sự kiện", nói đúng hơn, đã đem lại cho cả lời khẳng định của nó một "bước ngoặt" mới mà "ngay vào" tháng Tư người ta chưa ngờ tới. Những sự kiện tiếp theo đã không "*xác nhận*" lời khẳng định của Sự phê phán, mặc dù lời khẳng định ấy "*đã được thực hiện hoàn toàn*". Very well[1*]. Điều này làm sáng tỏ thêm mối quan hệ của các sự kiện đối với Sự phê phán. Nếu các sự kiện, trên thực tế, không chứng thực những lời khẳng định của Sự phê phán, thì ít ra những sự kiện ấy cũng giúp "thực hiện" tiếp lời khẳng định ấy và làm lộ ra phẩm giá ẩn kín của Sự phê phán mà tự bản thân nó cho đến nay chưa ngờ tới phẩm giá ấy. Chẳng những Sự phê phán có quan hệ lý luận đến các sự kiện, mà ngay cả các sự kiện cũng có quan hệ thực tiễn đến Sự phê phán: Còn bây giờ thì "*sự thực hiện hoàn toàn*" – mà lời khẳng định tháng Tư "đã có được" nhờ các sự kiện tháng Ba – ra sao?

"Châu Âu đã diễn tấn kịch mà xét về tính chất của nó thì thật sự *và hoàn toàn* mang tính chất lập hiến!"

Thật sự và hoàn toàn! Phải chăng từ "hoàn toàn" đem lại định nghĩa mới cho từ "thật sự"? Từ thứ nhất ấy làm yếu và tầm thường hóa từ thứ hai. Tất cả chỉ có thế. Nhưng thứ văn phong nặng nề ấy, cách diễn đạt "thật sự và hoàn toàn" ấy, cũng như từ "*ngay từ*" bất hạnh trước kia, chỉ nói lên chính sự bất lực thảm hại ấy mà thôi. Trong lời khẳng định tháng Tư, thứ nhất, "sự kháng cự thụ động" của các quốc hội năm 1848 và của những năm tiếp theo đã được quy

1* – Rất tốt

đồng một cách không đúng với "thực tiễn lập hiến", và thứ hai, cuộc xung đột phương Đông đã biến thành tấn kịch "lập hiến", trong đó các cường quốc phương Tây được so sánh – do "sự kháng cự thụ động" của những cường quốc ấy – với các quốc hội của năm 1848 và những năm tiếp theo, còn nước Nga thì được so sánh với các chính phủ thực hiện coup d'état. Thật ra đây tuyệt nhiên không phải là tấn kịch lập hiến, bởi vì cách hành động lập hiến chỉ thấy có ở các quốc hội, còn các chính phủ thì chỉ làm công việc thủ tiêu các bản hiến pháp. Còn bây giờ, sau khi nước Nga bị bươu trán, cuộc xâm lược vũ trang bị đẩy lùi bằng sức mạnh của vũ khí và nó bắt đầu "tiến hành thương lượng", giờ đây tấn kịch mà trước kia mang tính chất lập hiến chỉ có điều là "không phải thực sự", đã "thật sự" trở thành "hoàn toàn lập hiến". Nhưng kể từ thời điểm chính phủ trở nên mang tính chất "lập hiến", chẳng hạn như ở Anh và ở Bỉ, hoặc ở nước Pháp dưới thời Lu-i–Phi-líp, thì nó thôi không còn giống các quốc hội của năm 1848 và những năm tiếp theo, và không còn giống các chính phủ đối chọi với chúng nữa. Nhưng chưa hết! Khi nước Nga bắt đầu "tiến hành các cuộc thương lượng" và vì vậy – theo Bru-nô Bau-ơ-nó bắt đầu đóng vai trò "chính phủ lập hiến" thì lúc đó, mặt khác, các cường quốc phương Tây thôi không còn có "sự kháng cự thụ động" nữa và đã chuyển sang các hành động quân sự tích cực, chuyển sang xâm lăng. Nếu trước kia từ ngữ "lập hiến" không thích hợp với nước Nga thì giờ đây từ ngữ ấy thôi không còn thích hợp với các cường quốc phương Tây nữa. Và Sự phê phán cho rằng đó là "sự thực hiện hoàn toàn" lời khẳng định tháng Tư của nó rồi! Nhưng như vậy, dù sao thì về một phía vẫn còn lại "sự thực hiện" từ ngữ "lập hiến", đã có trong lời khẳng định tháng Tư. Hiển nhiên là những lời tiên tri của Sự phê phán cũng tỏ ra mập mờ nước đôi

y như những lời của các nhà tiên tri thời cổ. Nếu như những lời khẳng định của Sự phê phán ấy rõ ràng đã bị các sự kiện bác bỏ thì[1*] đó chỉ là bề ngoài mà thôi. Ngay khi xảy đến điều ngược hẳn lại thì hóa ra lời khẳng định ban đầu của Sự phê phán, nói đúng ra, có nghĩa là "sự đối lập" của chính lời khẳng định ấy, còn các sự kiện thì chỉ làm bộc lộ tính chất biện chứng của nó. Thông qua phép biện chứng loại đó – phép biện chứng này chứng minh sự thực hiện lời tiên đoán bằng sự xuất hiện của cái đối lập – thì những lời tiên tri của Sự phê phán, trong mọi tình huống, đều tỏ ra không bị sơ hở. Uốc-các-tơ theo một phương pháp khác. Nếu những lời tiên đoán của ông ấy tỏ ra đúng thì tính chất chính đáng của những lời tiên đoán ấy được xác nhận qua sự thực hiện chúng. Nếu những lời tiên đoán ấy không trở thành hiện thực thì bản thân lời tiên tri đã ngăn cản sự thực hiện chúng. Trường hợp thứ nhất thể hiện chân lý lý luận, trường hợp sau thể hiện mục đích thực tế của lời tiên tri.

Sự phê phán quở trách báo chí hằng ngày rằng nó quá quan tâm đến lợi ích chốc lát. Ngược lại, Sự phê phán chỉ cảm nhận thời điểm chốc lát trong mối liên hệ với cái toàn thể, tức là dưới hình thức chung. Thật ra người ta thấy rằng nếu trên thực tế những sự kiện trước mắt thống trị báo chí hằng ngày, thì Sự phê phán cũng chịu một thất bại như thế trong lĩnh vực lý luận. Sự kiện riêng lẻ của từng ngày được Sự phê phán ghi nhận và trở thành sự thể hiện lời khẳng định chung mà thậm chí nó cũng bị mỗi bước ngoặt tiếp theo của các sự kiện làm cho mất đi cả cái vẻ bề ngoài của tính chân thực. (*Pru-đông* cũng hành động theo cách ấy. Khi mà vào năm 1850

1* Tiếp đó trong bản viết tay của Mác đã gạch bỏ đoạn sau đây: "những lời khẳng định ấy chỉ được xác nhận trong chừng mực giờ đây chúng mang nội dung và ý nghĩa mới, hoàn toàn khác".

(?) dự trữ kim loại qúy của ngân hàng tăng lên hơn 20 triệu pao xtéc-linh, còn tỷ suất chiết khấu giảm đi 2 1/2% (?) thì sự kiện này đã lập tức có nghĩa là sự thực hiện giai đoạn mới trong lịch sử của xã hội công dân, kỷ nguyên Banque du peuple[1*] đã đến. Đối với Pru-đông ở Pa-ri thì sự kiện này là *mới*, hoàn toàn mới, bởi vì tầm nhìn của ông ta giới hạn ở bờ phía nam của biển Măng-sơ). Trong khi "thời đại" của nước Nga ngay hồi tháng *Tư* đã trở thành biểu hiện của một giai đoạn lịch sử – toàn thế giới mới nào đó trong cuốn sách "a)", thì những hành động của nước Nga hồi tháng Ba trong cuốn sách "b)" đã gợi ra cho Sự phê phán một câu hỏi hèn nhát:

"Phải chăng cả ở nước Nga nữa cũng đã bắt đầu thời đại phương Tây? Có thể liệt nước này vào phương Tây v.v. hay không?" ("*Lập trường hiện nay của nước Nga*", tr.18).

Vì lời khẳng định mà Sự phê phán đưa ra "ngay" vào tháng Tư nói về tấn kịch lập hiến – trong đó nước Nga đảm nhận vai chính phủ, hành động bằng sức mạnh, còn các cường quốc phương Tây thì đảm nhận vai trò kháng cự thụ động, phái đối lập trung thực – tạo thành then chốt của cuốn sách "a" và vì ngay trong tháng Ba các sự kiện đã làm cho lời khẳng định ấy mất đi sự sắc bén, cho nên như vậy trên thực tế vai trò của sự phê phán, về thực chất, đã "hoàn toàn" kết thúc ở điểm đó. Nhưng chúng ta hãy chuyển qua các vấn đề cục bộ.

Thứ nhất, về cái gọi là *những minh họa lịch sử*. Tuy nhiên, người ta có sự so sánh giữa các sự kiện chuẩn bị cho cuộc cách mạng Pháp năm 1789 với những sự kiện hiện nay tuồng như đang chuẩn bị cho cuộc cách mạng ở Anh. Tuyếc-gô coi "tự do buôn bán lúa mì" là sự giải quyết mọi vấn đề (tr.72). Tình hình cũng diễn ra như vậy ở Anh vào thời Đồng minh chống các đạo luật về ngũ cốc[350]. Có thể áp đặt

1*– Ngân hàng nhân dân[349]

khứ của chế độ quân chủ Pháp, trong các đề nghị của Rớt-xen năm 1831 có đề cập đến mưu mô trong nội các; ở chỗ kia thì nói về sự đoạn tuyệt với quá khứ nhiều thế kỷ, ở đây thì nói về những hậu quả của những biện pháp mới được đề ra chưa đầy ba thập kỷ; ở chỗ kia giai cấp tư sản không quan tâm đến các đề nghị của chính phủ, bởi vì những đề nghị ấy không thể so sánh được với cuộc cách mạng mà giai cấp tư sản đã cần đến, còn ở đây, *mặc dù bản thân nó quan tâm* đến những mưu kế nhỏ nhen của đảng Vích, nhưng giai cấp tư sản không gây được sự quan tâm của quần chúng nhân dân đã thất vọng với các cải cách của đảng Vích không phải từ ngày hôm qua, mà là từ khi công bố luật cải cách[352]. Tiếp đó có sự so sánh giữa Nếch-ke và Pan-mớc-xtơn ! Để vừa lòng Sự phê phán, Pan-mớc-xtơn để mất đi "lòng dũng cảm và nghị lực", ông ta "thấm nhuần sứ mạng của mình" và tự coi mình là "vị cứu tinh cuối cùng của đất nước". Ngay cả sự so sánh giữa Rô-be-xpi-e và Rớt-xen cũng không thể phi lý hơn thế. Sau những điều đó thì hoàn toàn không nên ngạc nhiên khi thấy queen Victoria[1*] biến thành reine Antoinette[2*].

Chúng tôi tuyệt nhiên không phủ nhận việc nước Anh đang đứng ở ngưỡng cửa của những cuộc xung đột lớn. Chúng tôi chỉ không đồng ý với ý kiến cho rằng trong "các minh họa lịch sử" được nêu lên thể hiện một sự nhận thức cho dù xa xôi nhất về bản chất của những cuộc xung đột ấy. Một mánh khóe chính trị tầm thường nhất cũng cao hơn nhiều so với sự uyên thâm trống rỗng ấy.

Để chứng minh sai lầm của những người Anh cho rằng trong nội các của họ có "*influence étrangère*"[3*], Bru-nô Bau-ơ nêu *Phốc-xơ là người đã tìm ra* nước Nga như là người bảo trợ và bảo đảm hòa bình

1* — nữ hoàng Vích-tô-ri-a

2* — nữ hoàng Ăng-toa-nét (Ma-ri Ăng-toa-nét)

3* — ảnh hưởng của nước ngoài[353]

ở châu Âu. Đồng thời ông ta còn dẫn ra một đoạn trong bài văn của Phốc-xơ ngày 24 tháng Năm 1803. Lẽ ra ông ta phải đi xa hơn nữa và nhắc đến sứ mạng "*bí mật*" do Phốc-xơ trao cho A-đơ vào năm 1790[354] trong vấn đề chia cắt Ba Lan lần thứ hai sắp tới. Còn mối quan hệ "bí mật" và phi pháp của Phốc-xơ với Ê-ca-tê-ri-na II chứng minh điều gì[355]? Chứng minh rằng Pan-mốc-xtơn *không có quan hệ bí mật và phi pháp với Ni-cô-lai*I*. Phốc-xơ đã không cần làm cái việc phát hiện về nước Nga. Dưới thời Uy-li-am III, công việc này đã được hầu tước Các-mác-ten thực hiện rồi, còn dưới thời Giooc-giơ I thì công việc ấy đã được thực hiện bởi đảng Vích cầm quyền hồi đó. Các văn kiện ngoại giao chứng tỏ rằng kể từ đó ảnh hưởng của Nga đối với nội các của đảng Vích đã mang tính chất truyền thống. Và chính vì vậy Pan-mốc-xtơn đã phải chấm dứt truyền thống của đảng Vích? Vậy tại sao, ngược lại, ông ta không nên "thực hiện" đến cùng truyền thống ấy và bán mình cho nước Nga một cách hết lòng? Lời khẳng định rằng Phốc-xơ đã phát hiện ra khối liên minh Anh-Pháp cũng không đúng y như "sự biện hộ" này cho Pan-mốc-xtơn. Xtan-hốp đã thực hiện sự phát hiện này ngay sau khi ký hòa ước U-tơ-rếch[356].

Để chứng minh ảnh hưởng tốt của nước Nga, người ta nói rằng lập trường của Nga đã dẫn đến "*décadence de l'antagonisme anglo-français*"[2*] hoặc sự hình thành "alliance anglo-française"[3*]. Liên minh Anh-Pháp đã tồn tại vào năm 1717, sau đó mấy năm, chính liên minh này đã bị Giooc-giơ I tìm cách biến thành liên minh châu Âu chống lại nước Nga. Liên minh bốn bên năm 1834[357] là liên minh thứ hai của Anh và Pháp mà *người ta cho rằng* đồng thời cũng nhằm

1* Tiếp đó Mác gạch bỏ đoạn sau đây: "Ở đây, khi bị mất đi sự tương đồng lịch sử...".

2* – "sự suy giảm tình trạng đối kháng Anh-Pháp". Đó là đầu đề của một chương trong cuốn sách của *B.Bau-e* "La Russie et l'Angleterre" (p.5).

3* – "Liên minh Anh-Pháp" (p.5)

chống lại Nga. Như vậy, về mặt này nước Nga không thể tạo ra được một điều gì mới mẻ và chưa từng thấy. Nhưng nếu chỉ một liên minh giữa Pháp và Anh phải được xem là thắng lợi to lớn của nước Nga, thì phải đánh giá như thế nào liên minh Anh, Nga, Phổ và Áo chống lại nước Pháp dưới thời Lu-i–Phi-líp, khối liên minh năm 1840[344]? Theo cấu trúc của Bru-nô Bau-ơ thì khối liên minh này chứng minh rằng nước Pháp dưới thời Lu-i–Phi-líp còn nguy hiểm hơn nước Nga dưới thời Ni-cô-lai.

Theo những phát hiện tiếp theo của Sự phê phán thì sau khi trao lục địa vào tay nước Nga bằng cuộc chiến tranh của mình chống lại nước Pháp cách mạng – chí ít thì phát hiện này cũng không có công lao mới – nước Anh đã cảm thấy cần phải

"de se charger elle-même de la tâche révolutionnaire de la France. C'est *Canning* qui a rempli ce vide. Il leva en Angleterre l'étendard de la révolution, pour en faire le véritable adversaire de la Russie"[1*].

Để chứng minh người ta dẫn ra một cách diễn đạt hùng biện mà Ca-ninh đã mượn của Viếc-gi-lơ (quos ego: de dieu Eole)[2*], tựa hồ như câu nói của "viên đại úy trường I-tơn"[358] là bằng chứng. Những lời lẽ nói về "chính sách các nguyên tắc" được người ta nhầm mắt tin ngay là thật[359]. Nhưng những lời lẽ ấy còn tỏ ra giả dối hơn là những câu nói trước kia về "chính sách các lợi ích". Tuy nhiên, ở khắp nơi người ta cũng làm rùm beng về cuộc chiến tranh của Pít[360] như là "cuộc chiến tranh các nguyên tắc", và một bộ phận đáng kể

1*– "đảm nhận sự nghiệp cách mạng của nước Pháp. Và chính *Ca- ninh* đã lấp chỗ trống. Ông này giương cao ở Anh ngọn cờ cách mạng để biến nước Anh thành địch thủ thật sự của nước Nga" *(B.Bauer*. "La Russie et l'Angleterre", p.7)

2*– "Ta sẽ trị ngươi: thần Ê-ô-lơ". Bằng tiếng thét đáng sợ ấy, thần Nép-tuyn đã làm dịu các cơn gió đang thổi mạnh như bão của Ê-ô-lơ *(Viếc-gi-lơ*. "Ê-nê-i-đa", quyển I. dòng 135).

người Anh đã tin vào điều đó. Chính sách ấy một phần là như vậy, bởi vì không lâu trước khi nổ ra cuộc cách mạng Pháp và khi cuộc cách mạng ấy bắt đầu, quyền lực của bọn đầu sỏ đã bị đe dọa bởi những làn sóng sôi sục ở trong nước. Tuy nhiên, câu nói của Ca-ninh trước hết không phải nhằm chống nước Nga, mà nhằm chống lại nước Pháp. Cuộc can thiệp vũ trang ở Bồ Đào Nha là sự trả đũa cuộc can thiệp vũ trang của nước Pháp ở Tây Ban Nha, và dưới dạng biểu hiện thực tế của nó – thừa nhận nền độc lập của các lãnh địa cũ của Tây Ban Nha ở châu Mỹ[361] – cái "chính sách các nguyên tắc" ấy hóa ra gắn bó hoàn toàn chính xác với các lợi ích thương mại của Anh. Vì Pan-mốc-xtơn dùng câu nói của Ca-ninh để che đậy chính sách của mình – chính sách này xuất phát từ những động cơ hoàn toàn khác – cho nên Bru-nô Bau-ơ tin chắc rằng câu nói của Ca-ninh về "intervention révolutionnaire"[1*] đã trở thành chính sách thật sự của nước Anh và gây ra cho nó nhiều tai hại. Đồng thời chúng tôi còn nhận được tin cho biết rằng đạo luật về cải cách đã làm thay đổi tính chất của hiến pháp Anh đến nỗi

"que les Anglais mêmes ne reconnaissent plus en quoi se distingue leur constitution de celles du continent" (p.9)[2*].

Từ thời Giooc-giơ I hiến pháp Anh chỉ thay đổi ở chỗ: 1) sự phân bổ rotten boroughs[3*] đã thay đổi có lợi cho đảng Vích, một trong số các phe phái của giới qúy tộc, 2) năm 1831, giai cấp tư sản công nghiệp đã tăng cường ảnh hưởng của mình tại nghị viện, giống như giai cấp tư sản tài chính đã làm việc này bằng glorious revolution[4*] năm 1689. Bru-nô Bau-ơ cũng đã phát hiện rằng

1* – "cuộc can thiệp vũ trang cách mạng" (p.8)

2* – "bản thân người Anh cũng không còn nhận biết được bản hiến pháp của họ khác với hiến pháp của lục địa ở chỗ nào"

3* – những địa phương thối rữa[362]

4* – cuộc cách mạng vinh quang

"l'abrogation des lois des céréales, comme la proclamation du principe de la liberté du commerce renferment l'aveu que sa suprematie (nền công nghiệp của nước Anh) est perdue"[1*].

Ngược lại, những sự thật này chứng minh rằng: 1) lợi ích của giai cấp tư sản công nghiệp đã thắng lợi ích của giai cấp qúy tộc địa chủ và 2) nền công nghiệp Anh không cần đến bất cứ một sự độc quyền nào khác ngoài sự độc quyền của tư bản của chính nó, rằng chỉ đến bây giờ nó mới có thể vững tin trông cậy vào ưu thế thật sự của mình. Bây giờ, ở vào đầu cuộc chiến tranh, nước Anh vẫn chưa

"assez dégradée" "pour supporter l'idée offensante d' une alliance avec sa rivale" (p.10)[2*]

Đương nhiên, nước Anh của giai cấp tư sản công nghiệp hiện đại không thể ký kết những liên minh – mà không tự hạ nhục bản thân[3*] – đi ngược lại lợi ích và những định kiến của giai cấp trước kia đã từng thống trị. Nước Anh luôn luôn "*vẫn là*" một nhân cách có đạo đức. Một sự hạ nhục sâu sắc mà ở đây nước Anh đã gánh chịu – được chứng minh bằng câu nói:

"Les peuples ne sauraient oublier leur passé qu' en renonçant à l'avenir"[4*].

Tựa hồ như "sự thủ tiêu" thường xuyên quá khứ không phải là "sự sáng tạo" tương lai.

Vậy là, tương lai của nước Anh dưới thời Pít được đồng nhất với tương lai của nước Anh. Ngay sau khi "*nhân dân*" thắng giai cấp đã

1*– "việc hủy bỏ các đạo luật về ngũ cốc, cũng như việc tuyên bố các nguyên tắc mậu dịch tự do đều chứng tỏ rằng ưu thế của nó (của nền công nghiệp Anh) đã bị mất". (*B.Bauer*. "La Russie et l'Angleterre". p.9)

2*– "thoái hóa đến mức". "để cam chịu với ý nghĩ có tính chất xúc phạm về sự liên minh với địch thủ của mình"

3* Ở đây Mác dùng động từ tiếng Đức "degradieren" với ý nghĩa từ "dégrader" của tiếng Pháp ("hạ thấp". "làm nhục". cũng như "thoái hóa").

4*– "Xem ra, các dân tộc chỉ có thể quên quá khứ của mình, khi chối bỏ tương lai" (*B.Bauer*. "La Russie et l' Angleterre". p.11)

từng thống trị trước kia và qua đó mà đoạn tuyệt với quá khứ chính trị do giai cấp ấy tạo ra[1*], thì nhân dân thủ tiêu tương lai của mình.

Theo Bru-nô Bau-ơ, tính chất biệt lập dân tộc của nước Anh biểu hiện ở lòng thù ghét nước Pháp và vice versa[2*]. "Tính chất biệt lập dân tộc" này của nước Anh – những cuộc chiến tranh phong kiến thời xưa giữa Pháp và Anh dĩ nhiên mang một ý nghĩa hoàn toàn khác – chỉ được tạo ra bởi "glorious revolution", và do vậy, tính chất ấy "không thể xóa bỏ tận gốc được". Thật là thâm thúy làm sao!

Tính chất biệt lập dân tộc của nước Nga biểu hiện ở việc ký kết các liên minh lúc thì với Pháp chống lại Anh, lúc thì ký với Anh để chống lại Pháp... Nhưng Anh và Pháp không thể liên kết lại với nhau để chống lại nước Nga, nếu không muốn chối bỏ "tương lai". Thật ra Bru-nô Bau-ơ muốn chứng minh rằng ngoại trừ nước Nga ra, còn thì các đặc điểm dân tộc của các quốc gia châu Âu bị tan biến mất, nước Pháp và nước Anh, hiện thân của "phương Tây", đều chống lại nước Nga. Qua đó họ đánh mất tính biệt lập dân tộc của mình. Nhưng phải chăng nước Nga, nước Anh, nước Áo, nước Phổ, Na-plơ, Tây Ban Nha đã không chống lại nước Pháp, đồng thời các nước ấy vẫn là hiện thân của châu Âu hay sao? Và phải chăng qua đó họ đã chẳng tái tạo lại những đặc điểm dân tộc của mình, hay sao? Dĩ nhiên, xã hội công dân không phải là mối quan tâm của sự phê phán. Xã hội Anh và xã hội Pháp đang trải qua những biến đổi chính trị khác nhau. Khi một trong số những vỏ ngoài bị vứt bỏ thì sự phê phán hiểu rõ rằng sự diệt vong đang đến với xã hội ấy. Vậy giờ đây, chẳng

1* Tiếp đó Mác gạch bỏ đoạn sau đây: "nó dương nhiên phải thôi tồn tại với tư cách là nhân dân".

2* – ngược lại

hạn, chương sách về "calclus" và "arrière-pensées des alliés"[1*] được nhét đầy lời ba hoa chính trị trống rỗng chứng minh điều gì nếu không phải là điều sau đây: những xã hội ấy vẫn còn đang đấu tranh chống lại các truyền thống chính trị thuộc về một trong số các giai đoạn phát triển trước kia; các xã hội ấy vẫn chưa có được hình thức chính trị phù hợp với các nhu cầu của giai đoạn phát triển mới! Ai dám bảo đảm với ông ta rằng liên minh ấy, dù nó thảm hại như thế nào đi nữa, không phải là phương tiện để đạt đến cái hình thức cao hơn ấy? Bảo rằng xã hội với phương thức sản xuất hiện đại cần đến những quan hệ quốc tế kiểu khác hơn là quan hệ phong kiến, thì đấy là lối nói trùng ý.

Ai nói với ông ta rằng nước Nga

"a formé le plan de consolider son influence sur la Turquie, sans l'aide d'un allié"[2*].

Nó có tìm kiếm một sự liên minh lần lượt với Pháp, với Anh, với Áo để tiến hành cuộc chiến tranh gần đây nhất hay không, và nó có luôn luôn duy trì liên minh với nước Phổ hay không? Cho dù các dân tộc Pháp và Anh có những quan điểm và ý định như thế nao đi nữa, thì ai sẽ bảo đảm với ông ta rằng nước Nga không luôn luôn vững tin vào sự liên minh bí mật với chính phủ Anh, vì cho rằng sự liên minh ấy bảo đảm cho thái độ táo tợn của nó?

Ông Bru-nô Bau-ơ đáng kính tin vào nước Nga, cho rằng cái cớ do nó đưa ra

"cause des populations gréco-slaves de la Turquie"[3*] (p.11) – là động cơ thực sự của nó.

1* – "những động cơ vụ lợi", và "những ẩn ý của các đồng minh". Nhan đề của một chương trong cuốn sách của *B.Bau-ơ* "La Russie et l'Angleterre" (p.13).

2* – "đã thảo ra kế hoạch củng cố ảnh hưởng của mình đối với Thổ Nhĩ Kỳ mà không cần đến sự giúp đỡ của bất kỳ một đồng minh nào" *(B.Bauer.* "La Russie et l'Angleterre", p.12)

3* – "sự nghiệp của người Hy Lạp-Xla-vơ ở Thổ Nhĩ Kỳ"

Và tại I-xra-en tôi đã không tìm thấy niềm tin như vậy![1*]

Một phần đáng kể trong cuốn sách này miêu tả các thủ đoạn của chính phủ Anh (cũng như của chính phủ Pháp) và những nhượng bộ của họ đối với nước Nga. Thật ra không phải do lỗi của chính phủ Anh mà nước Nga đã không thực hiện những ý đồ của mình ở Thổ Nhĩ Kỳ. Vậy điều đó chứng minh cái gì? Chứng minh rằng các chính phủ Anh và Pháp, đặc biệt là chính phủ Anh, đã buộc phải hành động dưới sức ép của quần chúng ư? Không phải thế, [điều đó chỉ chứng minh] rằng nước Anh nhận thức được "sự yếu kém của mình" và rằng chính phủ và xã hội, cho dù trên thực tế có bị chia rẽ đi nữa, thì về mặt lý luận cũng cần phải đồng nhất.

Demandes[2*] *của nước Nga*! Mục đích thực sự của chính phủ Nga là thay thế chế độ tự quản ít nhiều tồn tại ở các bộ tộc Xla-vơ và Hy Lạp[363] bằng chế độ cai quản của các viên lãnh sự Nga. Dĩ nhiên, Sự phê phán coi một cách *cả tin* những lời tuyên bố của nước Nga là những động cơ thực sự của nó, để trong một cuốn sách xuất bản sau này [364] bực tức xác nhận rằng giờ đây chính phủ Nga chối bỏ false pretences[3*] của mình. Bru-nô Bau-ơ chỉ trích các báo là không biết câu chuyện xảy ra mới đây ở Thổ Nhĩ Kỳ. Song ông ta chứng minh sự ngu dốt của chính mình khi không nhận thấy những cố gắng lặp đi lặp lại của người Nga (ví dụ, ở Xéc-bi, ở Hy Lạp) tìm cách phá đổ chế độ tự quản của các cộng đồng. Cái mà nước Nga cố sức duy trì – đó là quyền giáo trị của các cha cố Hy Lạp dưới chủ quyền của Thổ Nhĩ Kỳ, đó là quyền lực kìm hãm và bóp nghẹt mọi sự phát

1* – kinh phúc âm của Ma-thi-ơ, 8, 10

2* – *Các đòi hỏi* ("*Các đòi hỏi của nước Nga*" - nhan đề của một chương trong cuốn sách "La Russie et l' Angleterre", p.28)

3* – sự giả vờ

triển dân sự độc lập của các cộng đồng Hy Lạp-Xla-vơ. Tính chất uyên bác của sự phê phán bộc lộ ra một cách sáng chói đặc biệt trong

"gages que la Russie possède dans sa participation à l'oeuvre de l'organisation en Serbie"[1*]

và trong cái "réglement organique"[2*] của nó,

quy chế mà thông qua Ki-xê-lép nó đã đem lại cho các công quốc vùng Đa-nuýp[365]! C'est par trop fort[3*]. Theo ý kiến của Bru-nô Bau-ơ, các dân tộc Nam Xla-vơ phải trở thành người Nga: thứ nhất, "en vertu *de la nature des choses*"[4*], sự viện dẫn điều trừu tượng ấy là luận cứ rất có sức thuyết phục; sau nữa chẳng những do "nature des choses", mà còn do "de l'histoire"[5*] mà tại Xéc-bi thì lịch sử ấy chứng minh điều ngược lại; sau hết, do "position géographique"[6*] mà nhờ đó người Hung-ga-ri và người Rú-ma-ni tách họ khỏi nước Nga. Thật là một cung bậc tuyệt làm sao! Từ độ cao "nature des choses" ông ta tụt xuống "l'histoire", rồi từ cái điều trừu tượng ấy lại hạ xuống điều cục bộ là "position géographique".

Ông ta chứng minh rằng *nước Áo* phải giới hạn ở vai trò trung gian. Lời khẳng định ấy đúng "ngay" vào tháng Tư thì đến tháng Sáu nó đã trở nên "sai lầm", bất chấp những luận cứ tuyệt đối và xuất phát từ bản chất của sự vật, của Sự phê phán. Ông ta chứng minh rằng nước Áo sẽ không "pourra ranger du côté des alliés"[7*].

1*— "những bảo đảm mà nước Nga có được khi tham gia vào công việc tổ chức của Xéc-bi" *(B.Bauer.* "La Russie et l' Angleterre", p.33)

2*— "quy chế tổ chức"

3*— Điều đó thật quá đáng

4*— "do *bản chất của sự vật*" *(B.Bauer.* "La Russie et l'Angleterre", p.34)

5*— "lịch sử" (p.34)

6*— "vị trí địa lý" (p.33)

7*— "có khả năng đứng về phía các nước đồng minh" (p.36)

Chúng ta sẽ lại kiểm tra lời khẳng định ấy. Trong những suy xét lịch sử được nặn ra một cách khó nhọc của mình về những quan hệ trước kia giữa nước Áo và nước Anh, ông ta đã xuyên tạc lịch sử theo kiểu thuần túy Nga. Tuy viện vào Hiệp ước A-đri-a-nô-pôn, nhưng ông ta e ngại đưa ra một lịch sử thật sự. Đó là quân đội Nga lẽ ra đã bị tiêu diệt và lẽ ra đã không bao giờ từ A-đri-a-nô-pôn trở về dù là với một số lượng không đáng kể mà nó thực hiện được, nếu như nước Anh không dùng những thủ đoạn bí ẩn giành lấy hiệp ước này của chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ. Bau-ơ cũng truyền đạt không chính xác nội dung công văn khẩn của Li-ven. Không phải "traité de paix[1*]" – như ông ta khẳng định – là nguyên nhân trước mắt của perplexité[2*] của A-bớc-đin và Oen-linh-tơn, mà chính là cuộc bao vây Ê-nô-xơ[366] mà người Nga cũng đã từ bỏ do sợ gây ra sự phản đối của Oen-linh-tơn. Tuy nhiên, Li-ven nói:

"that the Duke of Wellington and Lord Aberdeen have put everything in motion to extort from us *confidences* as to the conditions of our future peace with the Turks"[3*].

Vẫn ông Li-ven ấy không hề bác bỏ điều đó bằng một câu nói khoác lác mà Bau-ơ dẫn ra từ bức công văn khẩn của Li-ven[367], và nói tiếp:

"It appeared to us useful to *repeat* the assurances which on this point all the declarations of the Emperor contained, and even to add some developments to them. We shall confine ourselves to these generalities, for every circumstantial communication on a subject so delicate *would draw down real dangers*, and if once we discuss with our allies the articles of a Treaty with the Porte, we shall only content them, when they would have believed

1* – "hòa ước" (*B.Bauer*. "La Russie et l'Angleterre", p.39)

2* – thái độ không kiên quyết

3* – "rằng công tước Oen-linh-tơn và huân tước A-bớc-đin đã sử dụng mọi thủ đoạn để moi ở chúng ta *những dữ kiện bí mật* về những điều kiện hòa ước tương lai của chúng ta với Thổ Nhĩ Kỳ"

that they had imposed upon us irreparable sacrifices"[1*].

Và chỉ sau đó mới đến câu nói khoác lác mà vì những thủ đoạn thô bạo ấy, câu nói đó sẽ có thể mất đi tính chất anh hùng của nó, điều này thì không nằm trong kế hoạch của Sự phê phán. Sau đấy có nhắc đến mọi hành động bịp bợm của Pam[2*], để chứng minh rằng ông ta cảm nhận được "sự yếu kém của nước Anh" và rằng trên thực tế sự yếu kém ấy là có thật. Hơn thế nữa, chúng còn làm lộ bí mật "sức mạnh" của Nga đối với nước Anh. Về mặt này Bau-ơ dùng thủ đoạn xuyên tạc, ví dụ, trong câu chuyện về "Vích-xen". Theo lời ông ta thì hóa ra nước Nga chỉ cần

"à lui rappeler que ce forfait inoui avait été commis dans la mer Noire, près de la côte de la Circassie"[3*].

Ở một đoạn khác tôi đã chỉ rõ Pam và Nê-xen-rô-đe đã sử dụng đến những mánh khóe phức tạp như thế nào trong trường hợp này[368].

Trong chương nói về nước Áo chúng ta cũng được biết rằng vào các năm 1848-1849

"toute l'Allemagne réduite à la passivité par les illusions du principe national, aurait taxé de crime politique chaque tentative d'intervenir dans cette lutte des nationalités"[4*].

1*— "Chúng tôi thấy sẽ là bổ ích nếu *nhắc lại* những lời cam đoan về mục này có trong tất cả những tuyên bố của hoàng đế, và thậm chí còn nên bổ sung đôi chút vào những lời cam đoan ấy. Chúng tôi chỉ giới hạn ở những lời cam đoan chung ấy thôi, vì mọi thông báo chi tiết về vấn đề tế nhị này *có thể dẫn đến những mối nguy hiểm thực sự*, và nếu chúng ta bắt đầu thảo luận, dù chỉ một lần, với các đồng minh của chúng ta về các điều khoản trong bản hiệp ước ký với chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ, thì chúng ta sẽ chỉ làm cho họ được thỏa mãn khi họ tưởng tượng rằng người ta đã buộc chúng ta phải chấp nhận những sự hy sinh không được đền đáp".

2*— Pan-móc-xtơn

3*— "nhắc cho ông ta [Pan-móc-xtơn] nhớ rằng tội ác chưa từng có ấy đã diễn ra trên biển Đen, ở gần bờ biển xứ Séc-ke-xơ" (*B.Bauer*. "La Russie et l'Angleterre". p.42)

4*— "toàn bộ nước Đức bị đẩy đến trạng thái thụ động do hiểu không đúng nguyên tắc dân tộc, sẽ coi là một tội ác chính trị bất cứ một cố gắng nào toan can thiệp vào cuộc đấu tranh ấy của các dân tộc" (p.43)

"Tựa hồ như" Quốc hội Phran-phuốc đã không chống lại I-ta-li-a, cũng như không chống lại Ba Lan[369]! Sẽ là hoàn toàn thừa nếu nói thêm một điều gì đó về cuốn sách này, chỉ ngoại trừ một điều là Sự phê phán đã coi cuộc hành quân ở khu vực Đa-nuýp của Ô-me-rơ-pa-sa là chuyện bịa đặt của báo chí.

Do C.Mác viết vào tháng Giêng 1857
Công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong tạp chí "Biên niên chủ nghĩa Mác", t.VI, 1928

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức

C. MÁC

*VỀ VẤN ĐỀ PHƯƠNG ĐÔNG
(Phác thảo)[370]

Như vậy là chúng ta lại đi đến kết luận mà chúng ta đã rút ra hồi đầu cuộc chiến tranh đó[371]. Nếu châu Âu sẽ duy trì được cấu trúc hiện nay thì tất cả các vấn đề tạo thành cái gọi là vấn đề phương Đông tất yếu sẽ được giải quyết theo tinh thần của nước Nga, còn nếu những vấn đề ấy sẽ được đồng nhất với sự nghiệp của cách mạng toàn châu Âu thì chúng sẽ có được khía cạnh hoàn toàn mới. Có khả năng duy trì một cách giả tạo status quo[1*] hiện nay dựa trên cơ sở một nền độc lập giả hiệu và tính bất khả xâm phạm của đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ. Trong tình hình như vậy chỉ có thể tạm thời tránh né những khó khăn và tạo ra vẻ bề ngoài của giải pháp.

Do C.Mác viết vào tháng Ba 1857

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Anh
Công bố lần đầu

1*— nguyên trạng

C. MÁC

NHỮNG GHI CHÚ VỀ LỊCH SỬ CHÂU ÂU (các thế kỷ XV-XVIII)[372]

I) Nhờ Liên bang Thụy Sĩ được thành lập vào năm 1315 mà *Thụy Sĩ* vào cuối thế kỷ XV trở thành một đồng minh giữ vai trò quyết định trong các cuộc chiến tranh giữa các nước láng giềng của nó.

Cũng giống như các chư hầu thời trung thế kỷ, vào *thế kỷ XV* các quốc gia ngoại bang đã phải lãnh nhận những sự bảo đảm khi ký các bản hòa ước. Chính trị đã thao túng trước hết các triều đình phương Tây và phương Nam, làm tăng số lượng các liên minh và làm nảy sinh các sứ quán thường trú.

Vào những năm 1477-1515 Hà Lan và I-ta-li-a là nguyên nhân gây ra sự hiềm thù giữa Pháp, Áo và Tây Ban Nha. Năm 1477, sau khi Các-lơ Dũng cảm chết thì đã nổ ra [cuộc tranh giành] *quyền thừa kế Buốc-gun-đi*. Lu-i XI đã chiếm một phần các lãnh địa của ông ta[373]. Mắc-xi-mi-li-an (của Áo)[1*] cưới Ma-ri-a – người đàn bà thừa kế Các-lơ Dũng cảm – làm vợ. *Những yêu sách của Pháp về Na-plơ và Mi-la-nô*. Con trai của Mắc-xi-mi-li-an là Phi-líp[2*] cưới Hoan-na, người đàn bà thừa kế *ngôi vua Tây Ban Nha*.

1* – Mắc-xi-mi-li-an I

2* – Phi-líp I đẹp trai

Năm 1494 – Sác-lơ VIII ở I-ta-li-a. Phía chống lại ông ta là Ligue du bien public[1*] (Giáo hoàng[2*], Mắc-xi-mi-li-an, Tây Ban Nha, công tước Mi-la-nô[3*])[374]. (Từ năm 1416 – công tước Xa-voa.) Lu-i XII vào năm 1498 [tham gia] vụ âm mưu bí mật với Phéc-đi-năng Ca-tô-lích. Lu-i XII nhượng lại cho ông này các quyền của mình đối với Na-plơ (năm 1506)[375]: đổi lại, Lu-i XII nhận được (ở Đế chế) sự hậu thuẫn tại Mi-la-nô. *Năm 1506* Lu-i XII đòi [tạo ra] *Đồng minh thần thánh* cùng với Giáo hoàng[4*], cùng với Vơ-ni-dơ và các quốc gia I-ta-li-a khác chống lại Mắc-xi-mi-li-an[376]. Song, sau chiến thắng của quân Pháp ở gần *Ghi-ác-đát-đa* năm 1509, Giáo hoàng cầm đầu Đồng minh thần thánh chống lại nước Pháp (dưới thời Lu-i XII) (với sự tham gia cả của *Hen-ri VII của Anh*; Hen-ri VIII rút ra khỏi Đồng minh này[377]). Lu-i XII – mà các lãnh địa của ông ta bị Thụy Sĩ uy hiếp - vào *năm 1513* [ký] hòa ước với Phéc-đi-năng Ca-tô-lích ở *Bloa*.

Về I-ta-li-a thì sự trớ trêu của toàn bộ thời kỳ này là ở chỗ : nước Pháp (Lu-i Ca-tô-lích XII) đã đứng vững ở Mi-la-nô, Phéc-đi-năng Ca-tô-lích (ở xứ A-ra-gông) thì đứng vững ở Na-plơ, nhưng kết quả của *Đồng minh thần thánh* là đánh đuổi Pháp ra khỏi I-ta-li-a; Phéc-đi-năng (Ca-tô-lích) giữ vững Na-plơ và các cảng của A-pu-li; Giáo hoàng kiểm soát các thành phố ở Rô-ma-nhi-ê. Năm 1512 (nhờ sự giúp sức của người Thụy Sĩ) Mi-la-nô lại rơi vào tay Ma-xi-mi-li-a-nô Xphoóc-txa; Mê-đi-si thì được trao lại cho Phlo-ren-xi-a (ngày 31 tháng Tám 1512). Trong suốt thời kỳ này (1494-1515) chỉ có người Thụy Sĩ là có bộ binh giỏi. Như vậy, thắng

1*– Đồng minh phúc lợi xã hội

2*– A-lếch-xan-đrơ VI Boóc-gia

3*– Lô-đô-vi-cô Mo-rô

4*– Giu-li II

lợi nhiều lần và những cuộc xâm lăng I-ta-li-a của người Pháp (dưới thời Sác-lơ VIII và Lu-i-XII) đã tỏ ra vô hiệu...

II) *Các năm 1515-1559.* Năm 1515 Phrăng-xoa I chinh phục Mi-la-nô (hòa ước vĩnh viễn của ông ta với Thụy Sĩ ký vào năm 1516). Năm 1519 Các-lơ I trở thành Sác-lơ V, hoàng đế Đức.

Bốn cuộc chiến tranh I-ta-li-a:

Các năm 1521-1526. Phran-tse-xcô Xphoóc-txa lại được tại vị ở Mi-la-nô; Phrăng-xoa I của Pháp bị bắt làm tù binh ở Pa-vi-a (năm 1525) (Liên minh chống Phrăng-xoa I);

Các năm 1526-1529. Đồng minh thần thánh thứ hai chống lại Phrăng-xoa I[378]. Ông này thừa nhận công tước Phran-tre-xcô II là công tước Đức ở xứ Mi-la-nô, cũng như thừa nhận nền tự do của Giê-nơ. Phrăng-xoa I giữ lại Buốc-gun-đi. Từ bỏ các quyền phong cấp đối với xứ Phlan-đrơ và Ác-toa.

Các năm 1536-1538. Cái chết của công tước Phran-tre-xcô ở Mi-la-nô, ông này không có người thừa kế. Phrăng-xoa I đòi phải trao lại Mi-la-nô cho con trai thứ hai của ông ta là Hen-rích với tư cách là đất phong. Chiến tranh với Sác-lơ V. Cuộc đình chiến mười năm, trong thời gian ấy *Phrăng-xoa I vẫn là chủ nhân xứ Xa-voa*: Giơ-ne-vơ đòi độc lập.

Các năm 1541-1546. Sác-lơ trao Mi-la-nô cho con trai của mình là Phi-líp làm đất phong. Nước Pháp vẫn ở bên ngoài ranh giới I-ta-li-a. Nó bị mất Bu-lông cho nước Anh.

Cuộc chiến tranh tôn giáo của Đức. Trong cuộc chiến tranh tôn giáo lần thứ hai của Đức, *Hăng-ri II* (nước Pháp) chiếm lấy *Mét-xơ, Tu-lơ và Véc-đen, vào năm 1552.* Theo hòa ước ký với Tây Ban Nha ở *Ca-tô-Cam-brê-di* (ngày 3 tháng Tư 1559). Pháp phải hoàn trả 195 lãnh địa tại Hà Lan và I-ta-li-a một phần cho Tây Ban Nha. một phần cho xứ Xa-voa[379].

Sự tách ra của Hà Lan. Năm 1572 đã nổ ra cuộc cách mạng ở các tỉnh miền bắc. Các tỉnh này, vào năm 1579, đã tạo thành liên

minh độc lập ở U-tơ-rếch. Năm 1581 bắt đầu nổ ra cuộc chiến tranh 70 năm[380]. Năm 1584 – chế độ Cộng hòa của các tỉnh hợp nhất. Đến cuối thế kỷ XVI nền tự do của chế độ Cộng hòa này đã được bảo đảm. Trong hiệp ước đình chiến ký ngày 3 tháng Tư 1609, Tây Ban Nha coi các tỉnh hợp nhất là một quốc gia độc lập trên thực tế.

Năm 1592[1*]. Sự hình thành các Hội nghị ba đẳng cấp[381]. Châu Âu chưa hề biết đến một cường quốc thương mại, một cường quốc trên biển nào như nước Cộng hòa Hà Lan. *Các năm 1556-1618*. Các lãnh địa Đông Ấn của người Bồ Đào Nha lọt vào tay người Hà Lan; người Hà Lan thâu tóm nền thương mại thế giới.

III) *Các năm 1608-1648*. *Nước Đức* là trung tâm chính trị ở châu Âu. Từ năm 1621 bùng nổ trở lại cuộc chiến tranh Hà Lan – Tây Ban Nha. Cuộc chiến tranh Pháp – Tây Ban Nha kết thúc không phải nhờ hòa ước Ve-xtơ-pha-li, mà chỉ nhờ hòa ước Pi-rê-nê ký ngày 7 tháng Mười một 1659[382].

Từ năm 1624 – nội các của Ri-sơ-li-ơ. Tại I-ta-li-a, Pháp và Xa-voa – chống lại Tây Ban Nha và Giê-nơ[383].

Năm 1634. Thụy Điển và các đồng minh của nó nhượng lại cho Pháp những lãnh địa của mình chiếm được ở An-da-xơ.

Hòa ước tại Muyn-xtơ[384]. Năm 1645 – trước hết giữa Tây Ban Nha và Cộng hòa Các tỉnh hợp nhất.

Thụy Điển nhận được phần lớn xứ Pô-mê-ra-ni, Brê-men, Véc-đen[2*] v.v.. Nước Pháp nhận được chủ quyền hoàn toàn đối với Mét-xơ, Tu-lơ và Véc-đen[3*] cùng với cả quận này, với Brây-da-khơ và cả những quyền mà nước Áo đã có ở An-da-xơ.

1* Trong bản viết tay của Mác viết như vậy.

2* – giáo khu ở Vê-đê-rơ

3* – giáo khu ở Ma-a-xơ

Các năm 1520-1559. Cuộc chiến tranh giữa Phrăng-xoa I và Các-lơ V[385].

Hòa ước Ve-xtơ-pha-li (năm 1648) (Hòa ước Muyn-xte và hòa ước Ô-xna-bruých):

"Về nước *Pháp*... thì hoàng đế[1*] nhường lại cho Pháp vùng Thượng An-da-xơ và Hạ An-da-xơ. Brây-da-khơ (thành phố). ba giáo khu - Mét-xơ. Tu-lơ. Véc-đen; quyền đóng quân đồn trú ở Phi-líp-xbuốc.

Thụy Điển [nhận được] xứ Pô-mê-ra-ni. v.v.. và được công nhận là thành viên của Đế quốc Đức. với quyền được tham gia quốc hội đế chế.

Bran-đen-buốc, Mê-clen-buốc, Han-nô-vơ, Hét-xen... được bồi hoàn chủ yếu bằng tài sản của nhà thờ.

Áo ở I-ta-li-a đã khẳng định sự thống trị của mình đối với Mi-la-nô và Tô-xca-na. Nền độc lập của *Thụy Sĩ*. cũng như nền độc lập của *Hà Lan được thừa nhận*. nền độc lập đó trên thực tế đã tồn tại sau hòa ước riêng rẽ ký giữa Hà Lan với Tây Ban Nha[386].

Những sự hiềm thù và chia rẽ tôn giáo... tất cả đều được giải quyết trên cơ sở những hòa ước ở Pát-xan và ở Au-xbuốc (các năm 1552 và 1556)".

Bô-hêm... **đã hoàn toàn bị lãng quên: thậm chí sự ân xá cũng không được nói đến[387]. Đã củng cố thêm chế độ liên bang của Đức (chế độ phi nhất thể). Trên thực tế – đó là hiệp ước về việc chia cắt nước Đức.**

Các năm 1648-1660. Cuộc chiến tranh Pháp-Tây Ban Nha.

Hòa ước Pi-rê-nê.

Các năm 1660-1697. Các cuộc chiến tranh của Lu-i XIV. Hòa ước Ri-xvích[388].

Các năm 1697-1715. Cuộc chiến giành quyền thừa kế ngai vàng Tây Ban Nha. Hòa ước U-tơ-rếch[389].

Ngoài những mối lợi mà nước Anh được hưởng nhờ hòa ước U-tơ-rếch (vịnh Hút-đôn. Niu-phau-len-đơ. Tân Xcốt-len. cảng hoàng gia. thỏa thuận về "độc quyền nhập khẩu nô lệ da đen vào các thuộc địa của Tây Ban Nha ở châu Mỹ" v.v.) chỉ đơn giản sáp nhập vùng Xi-xin vào là *xứ Xa-voa đã được biến thành vương quốc*, trong khi đó nước Áo được nhận các lãnh địa Na-plơ. Mi-la-nô. Tô-xca-nơ. điều đó đã giúp duy trì vĩnh viễn việc nô dịch I-ta-li-a. *Hà Lan thuộc Tây Ban Nha* được chuyển giao cho nước Áo[390].

1* – Phéc-đi-năng III

Các năm 1715-1740.

Hòa ước Viên, tháng Mười 1735. "Au-gu-xtơ III xứ Dắc-den phải trở thành vua Ba Lan; Xta-ni-xláp Lê-sin-xki nhận được các công quốc Lo-ren-nơ và công quốc Ba-rơ mà sau khi ông này qua đời lại bị hoàn trả lại cho nước Pháp; công tước xứ Lo-ren-nơ[1*] phải nhận được Tô-xca-nơ. Dôn Các-lốt[2*] (của Tây Ban Nha) sẽ sở hữu Na-plơ. Xi-xin và vùng ven biển Tô-xca-nơ thuộc Áo. Xứ Xác-đi-ni phải nhận được Nô-va-ra. Toóc-tô-na và một số vùng đất khác của Mi-la-nô. Pác-ma và Pi-a-sen-xa phải được trao trả cho hoàng đế".

Theo hiệp ước này giữa Áo và Pháp (Phlơ-ri)

"mà chẳng bao lâu sau đó Tây Ban Nha, các cường quốc trên biển và nước Nga đã tham gia hiệp ước này - nước Pháp đã bảo đảm đưa ra Chỉ dụ[321] nhằm bảo vệ người phụ nữ thừa kế tương lai của đế chế Áo[3*]... chống lại mọi hành động xâm phạm trong tương lai".

Các năm 1740-1763. Cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế ngôi vua Áo. Cuộc chiến tranh bảy năm[391].

Tất cả các nước đều thỏa thuận, trừ nước Nga và nước Anh năm 1741, nhằm chống lại dòng họ Háp-xbuốc. Theo kế hoạch của Ben-li-lơ (đại thần ngự triều của Lu-i XV)

Xác-đi-ni phải nhận được Mi-la-nô; Tây Ban Nha phải nhận được công quốc Tô-xca-nơ; tuyển đế hầu xứ Ba-vi-e[4*] phải nhận được ngôi hoàng đế; Hung-ga-ri và Bô-hêm phải được độc lập; dự định đưa Ma-ri-a-Tê-rê-đi-a xuống thành một vua nhỏ của Đức.

Trong Cuộc *chiến tranh bảy năm*, nước Anh và nước Phổ đã liên kết lại để chống nước Pháp và nước Áo, mà đằng sau lưng họ là nước Nga. Cuộc chiến tranh thứ hai ấy đã dẫn đến liên minh Phổ và Nga, điều đó dẫn đến hậu quả là sự chia cắt Ba Lan; nhờ vậy mà Ê-ca-tê-ri-na II đã có được cơ hội chiếm lấy Crưm, trong khi đó nước Pháp bị hạ nhục đã trả thù nước Anh về những thất bại của mình, qua việc ủng hộ các di dân nổi loạn ở Mát-xa-su-xét.

(Theo kế hoạch của Hăng-ri IV của Pháp[392]

1*- Phran-xi-xcơ III

2*- Sác-lơ III

3*- Ma-ri-a- Tê-rê-đi-a

4*- Các-lơ VII An-brếch

thì nước Pháp, Tây Ban Nha, nước Anh, Đan Mạch, Thụy Điển, *Lôm-bác-đi* phải trở thành các vương quốc cha truyền con nối; các nước I-ta-li-a, Thụy Sĩ, Hà Lan phải trở thành các nước cộng hòa. Cả hai nhánh thuộc triều đại Áo phải tước đi của những nước trên các lãnh địa của họ ở Hung-ga-ri, Đức, I-ta-li-a và Hà Lan, những lãnh địa ấy phải thuộc về Tây Ban Nha và về một số đảo ở bờ Địa Trung Hải. Về I-ta-li-a thì Giáo hoàng phải được coi là vị chúa tể thế tục đặt dưới quyền của mình La Mã, Na-plơ, A-pu-li-a, Ca-la-bri-a, Phlo-ren-xi-a, Mô-đe-na, cũng như một số ít quốc gia nhỏ khác phải được hợp nhất với cộng hòa Vơ-ni-đơ; công tước xứ Xa-voa phải trở thành vua xứ Lôm-bác-đi. Bô-hêm là vương quốc được lựa chọn, bao gồm Mô-ra-vi, Xi-lê-đi, vùng đất cư trú của dân Lu-gi-sin. Hung-ga-ri là **vương quốc được lựa chọn, cần biến nó thành vương quốc mạnh hơn bằng cách sáp nhập vào nó giáo khu Áo, xứ Stê-ri-a và** Ca-rin-ti-a. Cũng cần củng cố cả Ba Lan nữa. Thụy Sĩ **phải được mở rộng bằng cách sáp nhập** An-da-xơ, Ti-rôn và những lãnh thổ khác.)[393]

Do C.Mác viết sớm nhất là giữa năm 1857

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức và tiếng Anh
Công bố lần đầu

PH. ĂNG-GHEN

A-BEN-XBÉC[394]

A-ben-xbéc là một thành phố nhỏ với 1.200 dân trong quận Rê-ghen thuộc vương quốc Ba-vi-e. Người ta cho rằng tại nơi đây ngày trước có thành phố A-ba-xi-num của La Mã. Ở vùng phụ cận có suối nước nóng và các phế tích của một tòa lâu đài đẹp. Ngày 20 tháng Tư 1809 Bô-na-pác-tơ đã giao chiến với quân Áo ở gần A-ben-xbéc và đã đánh bại họ; trong trận này họ đã mất 12 khẩu pháo và 13 nghìn lính. Chiến thắng này mở đầu cho những chiến thắng ở Lan-đơ-xhút và Ếch-muy-lơ và đã mở đường tiến đến Viên.

Do Ph.Ăng.ghen viết khoảng từ ngày 11 đến 14 tháng Bảy 1857
Đã đăng trên báo "New American Cyclopaedia", v.I, 1858

In theo bản in trong bách khoa thư
Nguyên văn là tiếng Anh

PH. ĂNG-GHEN

A-CRƠ[395]

A-crơ, Xanh-Giăng-d', Ác-ca, Pơ-tô-lê-mau-da, hay là *Ác-cô* – bến cảng của Xi-ri ở chân núi Các-men, 32°54' vĩ tuyến bắc, 35°4' kinh tuyến đông; dân số – khoảng 15 nghìn người. Đây là vịnh tốt nhất của phần bờ biển này, tuy rất nông. Những cuộc vây hãm khốc liệt và những trận đánh phòng thủ đã đem lại vinh quang cho A-crơ. Năm 1104 thành phố này đã bị quân Giê-nơ chiếm, còn vào năm 1187 đã được Xa-la-đin giành lại. Cuộc công phá của Ri-sớt Tim sư tử đánh vào A-crơ năm 1191 là một trong số những chiến công táo bạo nhất ở thời kỳ diễn ra những cuộc thập tự chinh. Trước năm 1292 thành phố này nằm dưới quyền các hiệp sĩ của thánh Gioan[396], những hiệp sĩ này đã củng cố thành phố này vững mạnh, nhưng quân Thổ Nhĩ Kỳ đã buộc họ rời bỏ pháo đài này. Chính ở nơi đây quân Thổ Nhĩ Kỳ, với sự hậu thuẫn của Xít-nây Xmít cao quý và một nhúm nhỏ thủy thủ Anh, trong 60 ngày đã kìm chân Na-pô-lê-ông và quân đội Pháp trong vịnh này cho đến khi Na-pô-lê-ông chấm dứt bao vây và rút lui. Khi Mô-ha-mét-A-li phát động cuộc khởi nghĩa chống lại chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ, thì sau sáu tháng bao vây, I-bra-him-pa-sa đã đánh chiếm được A-crơ vào năm 1832 và đã chiếm lấy Xi-ri. Tuy nhiên, đến năm 1839 Xi-ri lại được trả lại cho

Thổ Nhĩ Kỳ, thành phố này một lần nữa lại trải qua những nỗi kinh hoàng của chiến tranh: I-bra-him không chịu rời bỏ thành phố này cho đến khi hạm đội liên quân Anh, Áo và Thổ Nhĩ Kỳ bắn phá A-crơ ngày 4 tháng Mười một 1840.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng từ ngày 11 đến ngày 14 tháng Bảy 1857
Đã đăng trên báo "New American Cyclopaedia", v.I, 1858

In theo bản in trong bách khoa thư
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

PH. ĂNG-GHEN

ÁC-XI

Ác-xi (Ακτιου), nay là La Pun-ta - một vùng đất mũi và một làng ở A-các-na-ni-a tại cửa đi vào vịnh Am-bra-ki, mà gần đấy, vào ngày 2 tháng Chín, năm 31 trước công nguyên, giữa Xê-da Ốc-ta-vi-ăng – sau này là hoàng đế Ô-guy-xtơ – và Mác-cút An-tô-ni-út đã xảy ra một trận chiến trên biển, trong đó Ốc-ta-vi-ăng đã giành được thắng lợi hoàn toàn. Trận đánh này đã quyết định vấn đề sự thống trị thế giới. Trước đó Ốc-ta-vi-ăng ngự trị ở phương Tây, An-tô-ni-út ngự trị ở phương Đông[397]. Các trại binh của hai quân đội được bố trí ở hai phía đối diện nhau trong vịnh Am-bra-ki. Ốc-ta-vi-ăng có 80 nghìn bộ binh, 12 nghìn kỵ binh và 260 tàu chiến. An-tô-ni-út có 100 nghìn bộ binh, 12 nghìn kỵ binh và 220 tàu chiến. Hạm đội của An-tô-ni-út được trang bị các súng bắn đá nhưng lại kém linh hoạt. Các tàu của Ốc-ta-vi-ăng không lớn, nhưng chạy nhanh hơn. Clê-ô-pát tiếp viện thêm cho An-tô-ni-út 60 tàu chiến, thế là theo sự xúi bẩy của bà này và bất chấp những lời khuyên của các thuyền trưởng có kinh nghiệm nhất của mình, An-tô-ni-út đã thách Ốc-ta-vi-ăng chấp nhận trận chiến trên biển. Lời thách thức

đã được chấp nhận. Sau mấy giờ giao chiến không có kết quả, A-grip-pa, đô đốc của Óc-ta-vi-ăng, đã thực hiện một cuộc cơ động nhanh chóng, thế là Clê-ô-pát cùng với các thuyền chiến của mình bỏ chạy. An-tô-ni-út hám sắc không kiềm chế được đã lao theo bà ta với một số ít tàu chiến. Sau khi bị viên chỉ huy bỏ rơi, hạm đội của ông ta đã đầu hàng, quân đội của ông ta cũng làm như vậy sau khi chờ bảy ngày mà không thấy An-tô-ni-út trở lại. Con người thảm hại ấy đã cùng với người tình của mình chạy về Ai Cập. Để đánh dấu thắng lợi huy hoàng của mình, người chiến thắng đã tô điểm ngôi đền A-pô-lông ở Ác-xi, và còn xây dựng Ni-cô-pôn (thành phố của chiến thắng) ở phía bắc vịnh này.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng từ ngày 11 đến ngày 14 tháng Bảy 1857
Đã đăng trên "New American Cyclopaedia", v.I, 1858

In theo bản in trong bách khoa thư
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

PH. ĂNG-GHEN

QUẦN ĐẢO A-LĂNG

Quần đảo A-lăng là một nhóm đảo núi đá, gồm khoảng 200 hòn đảo, trong đó 80 đảo có người ở, nằm ở nơi đi vào vịnh Bốt-nơ, giữa 59° và 60°32" vĩ tuyến bắc, 19° và 21° kinh tuyến đông. Quần đảo này thuộc về nước Nga, do Thụy Điển nhường lại cho Nga vào năm 1809 và quần đảo này là một bộ phận của tỉnh A-bô ở Phần Lan. Cư dân trên quần đảo này có khoảng 15 nghìn người gốc Thụy Điển, họ là những người đi biển và dân chài tuyệt vời. Trên các núi đá phủ một lớp đất mỏng, có các cây thông và bạch dương mọc; tại đây người ta trồng hắc mạch, đại mạch, khoai tây, cây hoa bia, lanh; cư dân nuôi nhiều đại gia súc có sừng và xuất khẩu pho-mát, bơ, da; họ cũng sản xuất vải gai dùng trong nhà và dùng làm buồm. Hòn đảo chính có tên là A-lăng; diện tích của nó là 28 dặm vuông, dân số 10 nghìn người; ở phần phía tây đảo này có hải cảng tốt. Tất cả các cảng ở đây đều ít nhiều được bố phòng. Trong số đó phải liệt vào hàng đầu là đảo và cảng Bô-mác-xun-đơ, đã bị hạm đội liên quân Anh-Pháp chiếm và phá nổ vào năm 1854, trong thời gian cuộc chiến tranh của họ với nước Nga[398]. Năm 1714 đô đốc Nga A-prắc-xin đã

giành được thắng lợi quyết định đối với Thụy Điển ở trên biển, gần các mỏm đá Xích-nin-đơ-se[399]

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng từ ngày 11 đến ngày 14 tháng Bảy 1857
Đã đăng trong "New American Cyclopaedia", v.I, 1858

In theo bản in trong bách khoa thư
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

PH. ĂNG-GHEN

AN-ĐEN-HÔ-VEN

An-đen-hô-ven – thành phố không lớn ở vùng Ranh thuộc Phổ, nằm trên con đường đi từ Giuy-lích đến A-khen. Thành phố này đã đem lại tên gọi cho trận đánh mà trong đó quân Áo, dưới sự chỉ huy của hoàng tử Cô-buốc-gơ, ngày 1 tháng Ba 1793 đã đánh thắng một đơn vị quân Pháp của Đuy-mu-ri-ê. Sau khi chinh phục được Bỉ năm 1792, vì có ý định xâm lăng Hà Lan nên Đuy-mu-ri-ê đã để lại 70 nghìn binh sĩ ở giữa Ma-a-xơ và Rua để bao vây Ma-a-xtơ-rích và Ven-lô, và để yểm hộ cho cuộc bao vây này, rồi cùng số quân còn lại mở cuộc tấn công từ Ăng-ve đánh vào Hà Lan. Do sự cần thiết nên số quân ở Ma-a-xơ bố trí rất phân tán; các sư đoàn yểm trợ cho cuộc bao vây được bố trí ở gần A-khen, An-đen-hô-ven và Ê-svai-lơ. Cô-buốc-gơ tập hợp 40 nghìn lính và bằng hai cánh tiến quân đến hai địa điểm nói sau cùng ấy, vu hồi trận địa ở Ê-svai-lơ, tấn công trực diện và chiếm được các công sự ở An-đen-hô-ven, đánh bật quân Pháp bỏ chạy tán loạn về A-khen là thành phố đã bị đánh chiếm vào ngày hôm sau. Cuộc bao vây Ma-a-xtơ-rích bị dỡ bỏ, còn đội quân tiên phong của Áo thì đã truy kích quân Pháp, thậm chí

đuổi đến quá Ma-a-xơ, đánh tan đội quân này ở gần Tông-grơ. Chỉ sau khi đến được Tia-lê-môn, các sư đoàn quân Pháp bị tan tác mới liên lạc được với nhau và mới bắt đầu chờ Đuy-mu-ri-ê. Như vậy, người ta đã mở được con đường cho liên quân tiến vào Bỉ, và sau đó vài ngày, nhờ chiến thắng tiếp theo ở gần Nê-ếc-vin-đen, cuộc chinh phục nước này đã hoàn thành. Trong trận An-đen-hô-ven và trong khi bị truy đuổi, quân Pháp bị thiệt hại ít nhất là 10 nghìn người, bị giết, bị thương và bị bắt làm tù binh, chưa kể 10 nghìn lính đào ngũ ngay sau trận đánh; đồng thời một khối lượng lớn *quân trang* rơi vào tay quân Áo[400].

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng từ ngày 11 đến ngày 14 tháng Bảy 1857
Đã đăng trong "New American Cyclopaedia", vol.I, 1858

In theo bản in trong bách khoa thư
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

PH. ĂNG-GHEN

A-LÊ-XAN-ĐRI-A[401]

Thành phố được bố phòng ở Pi-ê-mông sau khi sáp nhập Boóc-mi-đa và Tô-na-rô, cách Pô mấy dặm. Thành phố này do người Mi-la-nô dựng lên vào năm 1178 như một thành trì chống lại những cuộc xâm lăng của các hoàng đế Đức, còn trong thời đại ngày nay, thành phố này lại mang ý nghĩa là một pháo đài của dân tộc I-ta-li-a chống Áo từ thời kỳ có các cuộc chiến tranh năm 1848 và năm 1849. Quân Pháp đã uổng công vây hãm A-lê-xan-đri-a vào năm 1657, còn hoàng tử Ô-gien Xa-voa đã chiếm thành này vào năm 1707, chỉ sau một cuộc kháng cự kéo dài, mặc dù trước đầu thế kỷ này các công sự phòng thủ của thành phố này đã trở nên lỗi thời và có ít ý nghĩa. Cứ như trạng thái hiện nay, thì sức mạnh chủ yếu của pháo đài này là ở những công trình xây thêm do Na-pô-lê-ông tiến hành sau khi sáp nhập Pi-ê-mông vào Pháp. Đây là pháo đài duy nhất do Na-pô-lê-ông xây dựng, và trong các công sự của nó lần đầu tiên đã áp dụng – tuy không được hoàn chỉnh – hệ thống các hầm ngầm liên hoàn của Mông-ta-lăm-be để bảo vệ hào bao quanh. Na-pô-lê-ông đã đặc biệt tăng cường thành lũy, pháo đài lục giác với nhiều công

sự bên ngoài, còn ở phía bờ đối diện của Boóc-mi-đa thì ông ta đã xây công sự đầu cầu. Vừa mới đây chính phủ Pi-ê-mông đã quyết định xây thêm một số công trình cho pháo đài này; một khi địa điểm vượt sông Pô ở Va-len-xa được bảo vệ thích đáng thì pháo đài này có thể trở thành điểm tựa của một trại binh rộng lớn được bố phòng vững chắc và chiếm giữ những vị trí khống chế. Trong thành phố này có trường trung học, trường dòng, 13 nhà thờ, kể cả nhà thờ lớn; tại đây người ta chế biến len, lụa, dạ và nến sáp ong. Số dân, kể cả vùng ngoại thành, là 36 nghìn người.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng từ ngày 11 đến ngày 14 tháng Bảy 1857
Đã đăng trong "New American Cyclopaedia", v.I, 1858

In theo bản in trong bách khoa thư
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

PH. ĂNG-GHEN

AN-MÂY-ĐA[402]

Thành phố ở Bồ Đào Nha, tại tỉnh Bây-ra, giữa các con sông Qua và Đoa-xơ Ca-da. Số dân là 6 200 người. Thành phố này có công sự bố phòng mạnh; tại đây ngày 5 tháng Tám 1811 công tước Oen-linh-tơn đã giáng đòn thất bại cho quân Pháp, dưới sự chỉ huy của Ma-xê-na.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng từ ngày 11 đến ngày 14 tháng Bảy 1857
Đã đăng trong "New American Cyclopaedia", v.I, 1858

In theo bản in trong bách khoa thư
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

PH. ĂNG-GHEN

A-MUY-DÉT

A-muy-dét – một loại pháo nhỏ hạng nhẹ với đạn cỡ một pao, trước kia được sử dụng ở các địa hình miền núi. Thống chế Xắc-xơ đã đánh giá cao loại pháo này, nhưng giờ đây loại pháo này hoàn toàn không còn được sử dụng nữa.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng từ ngày 11 đến ngày 14 tháng Bảy 1857
Đã đăng trong "New American Cyclopaedia", v.I, 1858

In theo bản in trong bách khoa thư
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

PH. ĂNG-GHEN

ĂNG-VE

Ăng-ve – thành phố duyên hải của Bỉ, trung tâm hành chính của tỉnh cùng tên. Nằm trên bờ bắc của sông Sen-đa, cách Bruy-xen 26 dặm về phía bắc và cách Gan-tơ 32 dặm về phía đông-bắc. Số dân (năm 1855) – 79 nghìn người. Thành phố có hình chiếc cung: các bức thành của nó tạo thành hình vòng cung, còn con sông thì tạo thành dây cung. Chiều dài của những công sự bố phòng rất hoàn thiện, bao gồm cả thành trì, – là khoảng 2,75 dặm. Một thành trì kiên cố, với hình ngũ giác, do công tước An-ba xây dựng nên vào năm 1567. Ăng-ve là thành phố rất cổ. Nó đạt tới đỉnh cao thịnh vượng vào thế kỷ XV và XVI, lúc đó thành phố trở thành trung tâm thương mại của châu Âu, nắm giữ trong tay hoạt động ngoại thương rộng lớn, ra vào thành phố này có tàu biển của mọi dân tộc (trong hải cảng này cùng một lúc đã có đến 2 500 tàu), còn dân cư thành phố này, theo như người ta khẳng định, là 200 nghìn người. Năm 1576 thành phố này bị quân Tây Ban Nha cướp phá và đốt trụi. Năm 1585, sau một cuộc bao vây kéo dài, A-lếch-xan-đrơ, hoàng tử xứ

Pác-mơ[1*], đã chiếm được thành phố này. Từ đó hoạt động thương mại của Ăng-ve được chuyển tới Am-xtéc-đam và các thành phố khác của Các tỉnh hợp nhất. Năm 1794, thành phố này rơi vào tay người Pháp. Sau cuộc khởi nghĩa của các tỉnh của Bỉ, thành phố này bị thống chế Pháp Giê-rác chiếm vào năm 1832 nhờ một cuộc bao vây đáng ghi nhớ[403]. Tuy hiện nay thành phố này không có ý nghĩa quan trọng như vào thời trung cổ, song ngày nay thương mại và công nghiệp của Ăng-ve hoàn toàn không phải là nhỏ. Các tàu loại lớn nhất đi lại được trên sông ở đây. Các vũng tàu do Na-pô-lê-ông xây dựng và được biến thành những bến cảng thương mại rộng lớn có thể chứa được 1 000 chiếc tàu. Mạng lưới đường giao thông phát triển theo các kênh đào tạo cho Ăng-ve khả năng tiến hành một hoạt động nội thương rộng lớn: năm 1846 tại đây đã có 1970 tàu với sức chứa 286 474 tấn. Thành phố này có sự giao thông bằng tàu thủy đều đặn và khá thường xuyên với nước Anh, gần đây nó đã trở thành điểm xuất phát của nhiều dân di cư sang Mỹ. Tại đây có một trong những thị trường da lớn nhất ở châu Âu. Sản phẩm chủ yếu của Ăng-ve là lụa đen và nhung; cũng có các nhà máy sản xuất vải bông và vải lanh, các xí nghiệp sản xuất sản phẩm ren, thảm, mũ, các dụng cụ dao, ngoài ra còn có các xưởng sản xuất đường tinh chế và các xưởng đóng tàu. Cho đến nay, thành phố này vẫn giữ lại được nhiều nét của sự nguy nga trước kia. Đa số các ngôi nhà đều thuộc kiến trúc rất cổ và vững chắc. Có nhiều tòa nhà công cộng tuyệt đẹp, trong đó tòa lâu đài chủ yếu là nhà thờ lớn, một tòa nhà tuyệt vời theo lối kiến trúc gô-tích, được bắt đầu xây dựng vào đầu thế kỷ XV và kết thúc sau đó ít nhất là 84 năm. Có ba nhà thờ danh thắng khác, sở giao dịch được xây năm 1583, tòa thị chính, cung điện dành

1*- A-léch-xan-đrơ Phác-ne-dơ

cho nhà vua khi ông vua này chọn Ăng-ve làm nơi đặt dinh thự của mình, và có tòa nhà trụ sở của các thành phố thuộc liên minh Han-dây. Ngoài ra, trong thành phố này còn có Viện hàn lâm hội họa, điêu khắc và khoa học; thư viện công cộng gồm 15 nghìn cuốn sách; một phòng trưng bày tranh có 200 bức tranh vải rất quý giá, trong số đó có nhiều bức là kiệt tác của các nghệ nhân Phla-măng thời cổ; một vườn bách thảo và các trường học thuộc nhiều loại, các bệnh viện và nhà tế bần.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng từ ngày 11 đến ngày 14 tháng Bảy 1857
Đã đăng trong "New American Cyclopaedia", v.I, 1858

In theo bản in trong bách khoa thư
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

PH. ĂNG-GHEN

ÁC-BE-LƯ

Ác-be-lư, nay là Ác-bi-lơ hay Ếc-bi-lơ – một thị trấn không lớn ở Cuốc-đi-xtan, nằm trên con đường giao thông giữa Bát-đa và Mô-xu-lơ, tại 36°11' vĩ tuyến bắc theo Ni-bua. Các ngôi nhà được xây bằng gạch không nung. Thị trấn Ác-be-lư đã đem lại tên gọi cho trận đánh thứ ba và cuối cùng trong số các trận đánh lớn giữa A-lếch-xan-đrơ và Đa-ri năm 331 trước công nguyên. Thật ra trận đánh đã diễn ra không phải ở Ác-be-lư, mà cách đó 36 dặm về phía tây-bắc, ở gần ngôi làng nhỏ có tên gọi là Gap-ga-me-lư, nay gọi là Các-mê-le-xơ. Sau trận đánh này, A-lếch-xan-đrơ vượt sông Li-cu-xơ và dừng lại ở Ác-be-lư.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng từ ngày 14 đến ngày 24 tháng Bảy 1857
Đã đăng trong "New American Cyclopaedia", v.II, 1858

In theo bản in trong bách khoa thư
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

PH. ĂNG-GHEN

BEN-NÍCH-XEN VÀ BÁC-CLAI[404]

Về Ben-ních-xen, tôi không biết gì ngoài việc vào năm 1807, khi cuộc chiến bắt đầu nổ ra thì ông chỉ huy đạo quân thứ nhất (có hai đạo quân – Búc-xghép-đen chỉ huy đạo quân thứ hai) dưới sự chỉ huy chung của Ca-men-xki; ngày 26 tháng Chạp 1806, tại Pun-tu-xcơ ông bị Lan-nơ tấn công, và nhờ có số quân vượt trội Lan-nơ, nên ông đã trụ vững (vì Na-pô-lê-ông đã dùng các lực lượng chủ lực tấn công vào đạo quân kia), sau đó, coi mình là người chiến thắng nên ông muốn chuyển sang thực hiện cuộc tấn công có tính chất quyết định. Chẳng bao lâu sau ông trở thành tổng tư lệnh và đến cuối tháng Giêng 1807, ông mở cuộc tấn công quân đội của Na-pô-lê-ông lúc ấy đang trú đông; chẳng mấy chốc ông đã bị đẩy lui và nhờ gặp may mà đã thoát khỏi cái bẫy do Na-pô-lê-ông cài bẫy ông; ngày 7 và 8 tháng Hai, ông chiến đấu ở Ây-lau. Ngày 7 Na-pô-lê-ông đã chiếm được Ây-lau (*trong trận này Bác-clai–đơ–Tô-li đã tỏ ra xuất sắc* trong việc chỉ huy cuộc phòng thủ)[405], còn ngày 8 thì nổ ra trận đánh chủ yếu mà Ben-ních-xen đã phải tiến hành để tránh khỏi một cuộc truy kích ác liệt của Na-pô-lê-ông; trong trận này Ben-ních-xen

đã thoát khỏi thất bại hoàn toàn chỉ là nhờ tinh thần ngoan cường của quân lính của ông, nhờ quân Phổ đã đến chi viện dưới sự chỉ huy của Le-xtốc và nhờ sự chậm chạp mà các quân đoàn riêng lẻ của Na-pô-lê-ông mắc phải khi xuất hiện trên chiến địa. Đến mừa xuân Ben-ních-xen chốt lại ở phía ngoài Hây-lơ-xbéc, vì lực lượng của ông yếu hơn; trong khi chưa xuất hiện đơn vị quân đội Pháp thực hiện cuộc bao vây Đan-txích[406] thì ông chưa tấn công Na-pô-lê-ông, nhưng khi Đan-txích thất thủ và quân đội Pháp hợp nhất lại, thì ông chuyển sang tấn công (!) và đã bị đội quân tiên phong của Na-pô-lê-ông chặn lại, lực lượng của đội quân ấy chỉ bằng một phần ba các lực lượng của bản thân ông, sau đó Na-pô-lê-ông buộc ông phải rút lui về trại quân cố công sự phòng thủ. Na-pô-lê-ông đã tấn công không thành công trại quân này vào ngày 10 [tháng Sáu] chỉ bằng lực lượng của hai quân đoàn và vài tiểu đoàn cận vệ, nhưng sang ngày hôm sau, Na-pô-lê-ông đã buộc Ben-ních-xen phải bỏ trại quân và vội vã rút lui; nhưng bất ngờ Ben-ních-xen chuyển sang tấn công *mà không* chờ quân đoàn với số quân 28 nghìn người lúc đó còn ở Tin-dít đến; ông chiếm Phrít-lan-đơ và đóng quân ở đó, vì *ở phía sau lưng* là con sông, nghĩa là chỉ có một con đường *duy nhất* để rút lui – cây cầu Phrít-lan-đơ (giao chiến *trước* một đường hẻm luôn luôn là sai lầm). Thay vì nhanh chóng tiến lên phía trước, trước khi Na-pô-lê-ông có thể tập trung quân, ông đã để cho Lan-nơ và Moóc-chi-ê kìm chân ông trong suốt năm – sáu giờ ("coupe-gorge dans lequel B[ennigsen] s'etait engagé"[1*], – Giô-mi-ni nói như vậy về thế trận này) cho đến vào lúc năm giờ thì Na-pô-lê-ông đã sẵn sàng và ra lệnh mở cuộc tấn công. Quân Nga bị đánh bật sang bên kia sông, Phrít-lan-đơ bị chiếm, cây cầu bị chính quân Nga phá hủy khi ở phía bên kia vẫn còn toàn bộ cánh quân Nga ở phía

1* – "ổ cướp mà B[en-nich-xen] đã để cho người ta đẩy mình vào đó"

sườn phải, cánh quân này đã thoát chết chỉ nhờ lội được qua sông, nhưng đã bị mất pháo binh. Số quân bị tổn thất là 20 nghìn người. Trong suốt ngày hôm đó Ben-ních-xen phạm hết sai lầm này đến sai lầm khác... hành động của ông là sự pha trộn giữa sự sơ suất điên rồ và thái độ không kiên quyết.

Năm 1812 ông có mặt ở gần đại bản doanh Nga, chửi bới Bác-clai để chiếm lấy chỗ của ông kia, và bày kế chống lại Bác-clai cho đến khi A-lếch-xan-đrơ thải hồi Beɲ-ních-xen. Năm 1813 ông nhận được lệnh đưa đội quân dự trữ từ Nga đến Bô-hêm, sau khi đến nơi thì đội quân này bị giải thể, còn Ben-ních-xen thì biến mất.

Ở Ây-lau, Bác-clai-đờ-Tô-li chỉ huy một lữ đoàn v.v. (xem ở phần trên). Năm 1812 ông là tư lệnh đạo quân miền Tây thứ nhất và bộ trưởng chiến tranh, sau khi A-lếch-xan-đrơ rời đi và trước khi viên tổng tư lệnh Cu-tu-dốp tới nơi thì Bác-clai-đờ-Tô-li đã chỉ huy tài tình cuộc rút lui của quân đội Nga; công lao to lớn của ông là ông đã chống lại các đòi hỏi của phía Nga và của toàn thể đại bản doanh về việc phải tiến hành trận đánh. Ở nơi mà ông *đã buộc phải nghênh chiến như ở Xmô-len-xcơ, ông đã bố trí trận địa sao cho người ta không thể lôi kéo ông vào trận đánh quyết định*[407], và đến khi không thể tránh né được trận đánh này – cách Mát-xcơ-va không xa – thì Bác-clai-đờ-Tô-li đã chọn lấy, ở gần Gơ-giát-xcơ, một trận địa hầu như không thể tấn công từ phía chính diện được, mà chỉ có thể đánh vu hồi bằng con đường vòng xa. Quân của ông đã chiếm lĩnh trận địa, nhưng Cu-tu-dốp đã đến và ông này dĩ nhiên không tán thành cách bố trí trận địa như vậy, vì không phải *ông* đã lựa chọn trận địa này, và như vậy là quân Nga đã phải chiến đấu trên một trận địa tồi ở Bô-rô-đi-nô. Vào những năm 1813 và 1814, Bác-clai-đờ-Tô-li chỉ huy không phải một tập đoàn quân độc lập nào đó, mà chỉ huy tất cả các đơn vị quân Nga trong liên quân, dưới sự

chỉ huy của Svác-xen-béc; vì những đơn vị ấy nằm trong các tập đoàn quân riêng lẻ và thường hay bị phiên chế lại, nên ông đảm nhiệm các chức năng hành chính và ngoại giao hơn là những chức năng chiến đấu[408]; cũng như trước kia, ông đã tỏ ra là một viên tướng ưu tú trong số các viên tướng thuộc cỡ hạng trung, có tư duy lành mạnh và lòng kiên định, dù sao cũng là viên tướng tốt nhất trong số các viên tướng thuộc thế hệ già hơn của phía Nga.

Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 10 tháng Chín 1857

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
Công bố lần đầu

PH. ĂNG-GHEN

PHÁO KÍCH[409]

Pháo kích hiểu theo nghĩa rộng là hỏa lực pháo binh trong thời gian diễn ra trận đánh hoặc có cuộc vây hãm. Với ý nghĩa là thuật ngữ chiến thuật chuyên dùng, pháo kích có nghĩa là cuộc đấu súng giữa hai quân đội, trong đó chỉ có pháo binh tác chiến, còn các binh chủng khác thì hoặc là thụ động, hoặc ít ra những hoạt động của họ cũng không vượt ra khỏi phạm vi một cuộc nghi binh thuần túy. Trận pháo kích ở Van-ma năm 1792 là ví dụ rõ ràng nhất về các hoạt động loại này. Ke-léc-man, trong lúc chờ cuộc tấn công của quân Phổ ở tuyến điểm cao, đã bố trí pháo binh ở phía trước các đội quân của mình. Quân Phổ bố trí đội hình ở dãy đồi đối diện, đặt pháo binh ở phía trước, và cuộc pháo kích bắt đầu. Đã mấy lần bộ binh Phổ lập đội hình để tấn công và đã tiến lên phía trước đôi chút; nhưng quân Pháp vẫn không bị lay chuyển, thế là quân Phổ lại rút lui, nên không lọt vào tầm bắn của súng trường. Một ngày đã qua đi như thế, đến hôm sau thì bắt đầu cuộc tổng rút lui của quân Phổ. Những trận pháo kích như vậy vẫn diễn ra trong đa số các trận đánh lớn. Thường thường các trận pháo kích là màn đầu của vở diễn;

những trận pháo kích lấp chỗ trống trong những khoảng thời gian ngưng nghỉ giữa cuộc tấn công đã bị đẩy lui và cố gắng mới nhằm đánh bật quân địch ra khỏi trận địa; và chính những trận pháo kích cũng là *màn cuối* của đa số những trận đánh không đem lại thắng lợi cho một phía nào cả. Trong đa số trường hợp, những trận pháo kích không theo đuổi mục đích nào khác ngoài mục đích thị uy; ở những khoảng cách lớn và với sự phung phí rất nhiều đạn pháo, những cuộc pháo kích ấy đem lại một tỷ lệ trúng mục tiêu gần như ít ỏi, không tưởng tượng được so với những lần bắn trượt; đây là nét rất đặc trưng của hoạt động pháo binh trong chiến tranh hiện đại.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng ngày 7 tháng Giêng 1858
Đã đăng trong "New American Cyclopaedia", v.IV, 1859

In theo bản in trong bách khoa thư
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

PH.ĂNG-GHEN

CÁC-TÚT [410]

Các-tút (tiếng Pháp: *cartouche)* là thuật ngữ đôi khi được dùng, trong các tác phẩm quân sự cũ như là từ đồng nghĩa với "đạn ria", cũng như từ "đạn đại bác chứa bi". Trong một số trường hợp, thuật ngữ này cũng còn được dùng để chỉ bao đạn của bộ binh.

Trong ngành kiến trúc và điêu khắc, từ này được dùng để chỉ khối hoặc đầu chìa trên thành gờ, và nói chung là mọi khung trang trí đắp nổi, trên đó đặt biểu tượng hoặc dòng chữ ghi nào đó.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng ngày 21 tháng Giêng 1858
Đã đăng trong "New American Cyclopaedia", v.IV, 1859

In theo bản in trong bách khoa thư
Nguyên văn là tiếng Anh

C. MÁC

BUY-LỐP[411]

Buy-lốp (Phri-đrích Vin-hem, nam tước, từ năm 1814 là bá tước Phôn Đen-nê-vít-xơ, tướng bộ binh hoàng gia Phổ v.v..) sinh ngày 16 tháng Hai 1755, tại thái ấp Phan-ken-béc-gơ của dòng họ Buy-lốp thuộc Công xã cổ. Ở tuổi 14, tại Béc-lin ông gia nhập trung đoàn của bá tước Lốt-tum với danh hiệu học sinh sĩ quan. Từ năm 1772 ông là chuẩn úy, từ năm 1777 là thiếu úy, từ năm 1786 là trung úy. Từ năm 1793 ông là thượng úy và là thầy giáo của thái tử Lút-vích Phéc-đi-năng của Phổ; ông tham gia cuộc tiến quân năm 1793, với danh hiệu này và chẳng bao lâu sau được phong hàm thiếu tá. Trong thời gian có cuộc bao vây và chinh phục Ma-in-xơ (năm 1793) ông đã nêu gương dũng cảm sáng chói. Năm 1805 ông được phong hàm trung tá, đến năm 1806 ông tham gia phòng thủ Tô-ru-ni dưới sự chỉ huy của tướng Le-xtốc và cùng với tiểu đoàn của mình, ông đã lập công trong trận đánh ở gần Van-téc-xđoóc-phơ. Năm 1808 ông trở thành thiếu tướng và tư lệnh lữ đoàn Pô-mê-ra-ni mà ông tạm thời đảm nhận vào đầu năm, khi còn là đại tá. Năm 1811 ông được

chuyển đến lữ đoàn Tây Phổ ở Ma-ri-en-véc-đơ, khi nổ ra cuộc chiến tranh Pháp-Nga ông tạm thời trở thành thống đốc Đông Phổ và Tây Phổ. Vào đầu chiến dịch năm 1813 ông là trung tướng, được giao nhiệm vụ bao vây Stết-tin. Sau khi được tướng Tau-en-txin thay thế, Buy-lốp hợp quân với các tướng I-oóc và Vít-ghen-stây-nơ và tiến quân đón lõng các đơn vị quân Pháp lúc đó đang vượt qua hữu ngạn sông En-bơ dưới sự chỉ huy của phó vương I-ta-li-a[1*]. Tại đây, ông đã có trận đánh thắng lợi đầu tiên vào ngày 5 tháng Tư tại Mớc-kéc-nơ và sau đó đã nhanh chóng chiếm được Ha-lơ, song trong một thời gian hết sức ngắn ngủi ông đã buộc phải rời bỏ thành phố này do sự rút lui của liên quân. Ông lại vượt ngược trở lại sông En-bơ để đảm nhiệm việc phòng thủ Béc-lin lúc đó đang bị U-đi-nô đe dọa. Chiến thắng ở gần Lúc-cau ngày 4 tháng Sáu đã kết thúc chiến dịch. Sau thời gian ngừng chiến, dưới sự chỉ huy tối cao của thái tử kế ngôi vua Thụy Điển[2*], ông đã chỉ huy quân đoàn Phổ thứ ba. Trong cương vị người chỉ huy quân đoàn này, lần thứ hai ông đã cứu Béc-lin nhờ trận đánh ở Grô-xơ-Bê-ren diễn ra ngày 23 tháng Tám; ngày 6 tháng Chín, trong trận đánh ở Đen-nê-vit-xơ ông đã bảo vệ Béc-lin lần thứ ba, tại đây ông đã buộc thống chế Nây rút lui về Vít-ten-béc-gơ. Sau cuộc bao vây Vít-ten-béc-gơ ông đã tham gia trận đánh ở gần Lai-pxích, cùng với đạo quân miền bắc. Trong khi liên quân vượt sông Ranh, ông đã đột nhập vào Hà Lan, đánh chiếm Đu-xbuốc, Duýt-phen, Ác-nem; ngày 2 tháng Chạp ông đã bố trí đại bản doanh của mình ở U-tơ-rếch và bắt Goóc-cum và Héc-tô-hen-bô-xơ đóng thuế. Năm 1814 ông đã xuất kích từ Brê-đa,

1* — Ô-gien Bô-hác-ne

2* — Béc-na-đốt-tơ

ngày 11 tháng Giêng ông đã giành thắng lợi ở Hoóc-xtơ-ra-ten, bẻ gãy phá Ăng-ve, tiến quân vào Bruy-xen, chiếm La-Phe-rơ và Xoa-xôn, hội quân với quân đoàn Xi-lê-di, trong trận đánh ở Lao-nơ ngày 9 và 10 tháng Ba ông chỉ huy cánh quân trung tâm. Sau khi được nhận huân chương Đại bàng Đen, ông đã được phong hàm đại tướng bộ binh. Sau khi hòa ước được ký kết, ông trở thành thống đốc Tây Phổ và Đông Phổ, rồi vào năm 1815, khi chiến tranh lại nổ ra, ông được giao chỉ huy quân đoàn Phổ số bốn. Ông đã không tham gia trận đánh ở Li-nhi (ngày 15 tháng Sáu) vì mệnh lệnh đến chậm, nhưng việc ông hội quân với Bluy-khơ – được thực hiện nhờ hành quân tăng tốc – đã góp phần vào kết cục trận đánh ở Ben-A-li-ăng-xơ[412], về công lao này, kẻ thô lỗ[1*] đã cử ông làm người chỉ huy trung đoàn chủ lực số 15 hết sức dũng cảm do ông chỉ huy, hơn thế nữa trung đoàn này còn phải mang tên ông. Ngày 11 tháng Giêng 1816, ông trở lại chức thống đốc của mình. Ngày 25 tháng Hai ông qua đời ở Khuê-ních-xbéc vì bệnh đau gan. Nhà vua[1*] đã phong tặng Buy-lốp Huân chương chữ thập sắt hạng nhất, và đến năm 1814, tại Pa-ri nhà vua đã phong tước hiệu bá tước cho ông và con cháu của ông. Ông đã tham gia cuộc chiến của các dân tộc[413]. Sau đó ông đã tiến vào Hà Lan và đánh đuổi quân Pháp ra khỏi nước này.

Do C.Mác viết vào tháng Ba 1858

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
Công bố lần đầu

1* – Phri-đrích Vin-hem III

C. MÁC

BUY-LỐP, PHRI-ĐRÍCH VIN-HEM[414]

Buy-lốp, Phri-đrích Vin-hem, bá tước Phon Đen-nê-vit-xơ, tướng Phổ, sinh ngày 16 tháng Hai 1755, mất ngày 25 tháng Hai 1816. Ngay từ giai đoạn mới bắt đầu nổ ra các cuộc chiến tranh của Na-pô-lê-ông ở châu Âu, Buy-lốp đã tham gia các trận đánh chống lại hoàng đế Pháp. Năm 1808 ông được phong hàm chuẩn tướng. Năm 1813 ông được phong danh hiệu quý tộc vì những chiến thắng đã giành được ở gần Mốc-kéc-nơ, Lu-cau, Grô-xơ-Bê-ren và Đen-nê-vít-xơ. Sau đó Buy-lốp lập công ở Ve-xtơ-pha-li, Hà Lan và Bỉ, ông đã góp phần đáng kể (như Oen-linh-tơn đã nồng nhiệt thừa nhận điều này) vào kết cục thắng lợi của trận đánh ở gần Oa-téc-lô, trong thời gian diễn ra trận đánh này ông chỉ huy sư đoàn số 4 của liên quân.

Do C.Mác viết vào cuối tháng Ba 1858
Đã đăng trong "New American Cyclopaedia", v.IV, 1859

In theo bản in trong bách khoa thư
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

PH. ĂNG-GHEN

VẬN CHUYỂN QUÂN ĐẾN ẤN ĐỘ[415]

Luân Đôn, ngày 27 tháng Bảy 1858

Khi nổ ra cuộc chiến tranh Anh - Ấn **đã nảy sinh cuộc tranh luận** xung quanh hai vấn đề lý thú: một **trong hai vấn đề ấy liên quan** đến những ưu thế của các tàu chạy **bằng hơi nước hay là các tàu** chạy bằng buồm, vấn đề kia liên quan **đến việc sử dụng đường bộ để** chuyển quân. Vì chính phủ Anh chủ trương sử dụng tàu buồm, chứ không phải tàu chạy bằng hơi nước, cũng như tán thành cho tàu chạy vòng qua mũi Hảo Vọng, chứ không sử dụng đường bộ, cho nên hạ viện, theo đề nghị của tòng nam tước Đơ Lây-xi Ê-van-xơ, ngày 4 tháng Hai 1858 đã thông qua quyết định thành lập một ủy ban dưới sự chủ trì của viên tướng có kinh nghiệm ấy, trao nhiệm vụ cho ủy ban này tiến hành điều tra "về những biện pháp đã được thực hiện". Do có sự thay đổi nội các vào thời gian ấy, cho nên thành phần của ủy ban này cũng đã hoàn toàn thay đổi: huân tước Xten-li và tòng nam tước Giôn Pa-kinh-tơn đã thay vào chỗ của ba nhân vật thuộc phái Pan-mớc-xtơn. Vì bản báo cáo của ủy ban này, xét về toàn cục, đã tỏ ra thuận lợi cho chính phủ cũ, nên tướng tòng nam tước Đờ

Lây-xi Ê-van-xơ đã cho công bố và phổ biến lời phản đối. Trong bản phản kháng này ông tuyên bố rằng kết luận của ủy ban hoàn toàn không phù hợp với những tiền đề, mà như người ta khẳng định, làm căn cứ để rút ra kết luận ấy, và kết luận ấy hoàn toàn không đáp ứng những sự thật và các dữ kiện mà ủy ban này có trong tay. Việc xem xét chính các sự thật ấy tất phải buộc tất cả những người không thiên vị phải hoàn toàn đồng ý với quan điểm ấy.

Hoàn toàn chẳng cần chứng minh ý nghĩa quyết định của con đường giao thông ngắn giữa đội quân đang tác chiến và căn cứ của nó mà nó cần duy trì liên lạc. Trong thời gian diễn ra cuộc chiến tranh của Mỹ giành độc lập, khó khăn chủ yếu mà nước Anh phải khắc phục là con đường biển dài 3 nghìn dặm, nó đã phải dùng con đường này để chuyển quân, vật tư và quân tiếp viện. Theo các số liệu gần đây nhất, khoảng cách từ nước Anh đến các cửa sông Ấn và sông Hằng, đến Can-cút-ta, Ma-đrát, Ca-ra-si và Bom-bay có thể coi là bằng khoảng 14 nghìn dặm, nhưng việc sử dụng hơi nước tạo khả năng rút ngắn đáng kể khoảng cách ấy. Cho đến nay, trong mọi tình huống, việc thay thế các trung đoàn ở Ấn Độ đã được thực hiện bằng con đường biển xa xôi ấy bằng tàu buồm. Chính phủ trước đây của Anh coi đây là căn cứ đủ để tuyên bố, vào thời điểm nổ ra những cuộc xáo động ở Ấn Độ, rằng trong khâu vận chuyển quân sẽ dành ưu tiên cho tàu buồm, chứ không phải tàu chạy bằng hơi nước. Cho đến tận ngày 10 tháng Bảy 1857, hầu như tất cả các tàu trong số 31 chiếc được dùng vào việc này đều là các tàu buồm. Trong khi đó, do ảnh hưởng của dư luận xã hội ở Anh và do các tin tức không tốt gửi đi từ Ấn Độ, cho nên trong thời gian từ ngày 10 tháng Bảy đến ngày 1 tháng Chạp, trong số 59 tàu được dùng để vận chuyển quân đã có 29 tàu hơi nước có chân vịt. Như vậy đã có thể thực hiện một điều gì đó đại loại như việc thử nghiệm sơ bộ các phẩm chất so sánh của tàu hơi nước và tàu buồm trong vận chuyển. Theo báo cáo của công ty đường biển Đông Ấn – trong đó có nêu tên gọi các tàu vận tải và chiều dài các lộ trình từ nước Anh đến bốn hải cảng chủ

yếu của Ấn Độ – có thể coi những chỉ số dưới đây là những chỉ số trung bình khi so sánh tốc độ của tàu hơi nước và tàu buồm:

Từ Anh đến Can-cút-ta

	Số ngày
Trong thời gian từ ngày 6 tháng Tám đến ngày 21 tháng Mười 1857, tính trung bình đối với một tàu hơi nước, trừ những trường hợp bị hỏng hóc	82
Trong thời gian từ ngày 10 tháng Sáu đến ngày 27 tháng Tám 1857, tính trung bình đối với mỗi chiếc trong số 22 chiếc tàu buồm	116
Chênh lệch có lợi cho tàu hơi nước	34

Đến Ma-đrát

Tính trung bình đối với mỗi chiếc trong số 2 chiếc tàu hơi nước	90
Tính trung bình đối với mỗi chiếc trong số 2 chiếc tàu buồm	131
Chênh lệch có lợi cho các tàu hơi nước	41

Đến Bom-bay

Tính trung bình đối với mỗi chiếc trong số 5 chiếc tàu hơi nước	76
Tính trung bình đối với mỗi chiếc trong số 9 chiếc tàu buồm	118
Chênh lệch có lợi cho tàu hơi nước	42

Đến Ca-ra-si

Tính trung bình đối với mỗi chiếc trong số 3 chiếc tàu hơi nước	91
Tính trung bình đối với mỗi chiếc trong số 10 chiếc tàu buồm	128
Chênh lệch có lợi cho tàu hơi nước	37
Tính trung bình đối với tất cả 19 chuyến tàu hơi nước đến bốn hải cảng của Ấn Độ	83
Thời gian trung bình của mỗi chuyến đối với 43 chiếc tàu buồm	120
Chênh lệch giữa các chỉ số trung bình của các tàu hơi nước và tàu buồm	37

Cũng vẫn bản báo cáo chính thức ấy tính đến ngày 27 tháng Hai 1858 cung cấp những số liệu dưới đây:

Đã vận chuyển được	Số người
Đến Can-cút-ta bằng tàu hơi nước	6 798
Đến Can-cút-ta bằng tàu buồm	9 489
Tổng số người được vận chuyển đến Can-cút-ta	16 287
Đến Ma-drát bằng tàu hơi nước	2 089
Đến Ma-drát bằng tàu buồm	985
Tổng số người được vận chuyển đến Ma-drát	3 074
Đến Bom-bay bằng tàu hơi nước	3 906
Đến Bom-bay bằng tàu buồm	3 439
Tổng số người được vận chuyển đến Bom-bay	7 345
Đến Ca-ra-si bằng tàu hơi nước	1 351
Đến Ca-ra-si bằng tàu buồm	2 321
Tổng số người được vận chuyển đến Ca-ra-si	3 672

Như vậy, qua các con số nêu trên đây ta thấy rõ rằng 27 chiếc tàu hơi nước đã vận chuyển đến đích, đến bốn hải cảng của Ấn Độ, 14 444 người – thành thử trung bình mỗi tàu vận chuyển được 548 người; 55 chiếc tàu buồm đã vận chuyển được 16 234 người, trung bình mỗi chiếc vận chuyển được 289 người. Tiếp nữa, cũng qua các số liệu trung bình chính thức ấy, ta thấy rõ rằng 14 444 người được vận chuyển bằng các tàu hơi nước thì trung bình đến đích sớm hơn được 37 ngày so với 16 234 người được vận chuyển bằng tàu buồm. Bộ hải quân Anh và những cơ quan chính thức khác của Anh đã không đưa ra những luận cứ nào khác để chứng minh ưu thế của phương pháp vận chuyển truyền thống, ngoài việc viện dẫn tiền lệ và cách thức đã được xác lập từ thời kỳ người ta còn hoàn toàn chưa biết tới việc đi lại bằng các tàu hơi nước.

Song, đối với huân tước Pan-mớc-xtơn thì lý do chủ yếu để biện minh cho những sự chậm trễ là các khoản chi phí: trong đa số các trường hợp nêu ở trên, giá vận chuyển bằng tàu hơi nước đã vượt gần gấp ba giá vận chuyển bằng tàu buồm. Chưa kể đến việc do sự thu hẹp nhu cầu bất thường chính yếu nhất mà những khoản chi phí cao hơn nhiều đó cho vận chuyển bằng tàu hơi nước tất sẽ phải dần dần giảm đi, và chưa kể đến sự thật là trong vấn đề hết sức quan trọng như thế, được những chi phí bất thường không được tính đến, - thì hiển nhiên là giá vận chuyển tăng lên sẽ được bù đắp quá mức nhờ giảm khả năng nổ ra khởi nghĩa.

Có một cuộc tranh luận được coi là còn quan trọng hơn vấn đề ưu thế của tàu hơi nước so với tàu buồm, đó là cuộc tranh luận xung quanh việc đi giữa một bên là đi tàu vòng qua mũi Hảo Vọng và một bên là đi đường bộ; tuy nhiên, huân tước Pan-mớc-xtơn tuyên bố đường bộ là hoàn toàn không thích dụng. Xem ra, những sự lục đục trên vấn đề này giữa Hội đồng kiểm tra của ông ta về các vấn đề Ấn Độ với các vị giám đốc của công ty Đông-Ấn đã nổ ra cùng một lúc với việc ở Anh, người ta nhận được những tin tức đầu tiên về cuộc khởi nghĩa ở Ấn Độ. Còn trên thực tế thì vấn đề này đã được giải quyết vào đầu thế kỷ này. Năm 1801, khi chưa có các đại diện của các hãng tàu biển để trợ giúp các hoạt động quân sự và chưa có đường sắt thì những lực lượng quân sự lớn dưới quyền chỉ huy của tòng nam tước Đa-vít Bây-rnơ đã xuất phát từ Ấn Độ và đến tháng Năm - tháng Sáu thì đổ bộ ở Cu-xây-rơ trong vòng chín ngày họ đã đi băng qua sa mạc Kê-ri[1*] đến sông Nin; sau khi xuôi theo con sông này, họ đồn trú ở A-lếch-xan-đri, rồi sang năm sau, năm 1802, đến tháng Sáu thì một số trung đoàn trở lại Ấn Độ qua Xu-ê và Biển Đỏ. Đội quân gồm đến 5 nghìn người này có một khẩu đội pháo

1* - Va-đi-ca-rây-mơ

binh do ngựa kéo với sáu khẩu, súng bộ binh, đạn dược, thiết bị lều trại, trang bị lưu động và 126 hòm tiền. Như thông lệ, sức khỏe của binh lính rất tốt. Cuộc hành quân qua sa mạc Xu-ê, từ hồ các vị Thánh hành hương[1*] ở gần Đại Cai-rô đến Xu-ê, đã được thực hiện trong bốn ngày một cách hết sức dễ dàng, đồng thời những cuộc di chuyển được thực hiện vào ban đêm, còn ban ngày thì quân lính ngả trại. Ngay trong tháng Sáu, các tàu biển đã đến Ấn Độ, vì vào mùa ấy, gió thổi dọc theo Biển Đỏ. Các tàu được đảm bảo có tốc độ nhanh. Một lần nữa, vào thời gian cuộc chiến tranh gần đây nhất với nước Nga, vào mùa hè 1854, các trung đoàn long kỵ binh số 10 và số 11 (1400 ngựa, 1600 người) đã từ Ấn Độ đến Ai Cập và từ Ai Cập được chuyển đến Crưm. Như đã biết, tuy số quân ấy được di chuyển vào những tháng oi bức, vào thời kỳ gió mùa, và mặc dù họ buộc phải lưu lại một thời gian ở Ai Cập, song, sức khỏe của binh lính và khả năng chiến đấu của họ lại ở trong trạng thái tốt một cách kỳ lạ, và còn được duy trì trong suốt thời gian phục vụ tại Crưm. Sau cùng, có kinh nghiệm của cuộc chiến tranh hiện nay ở Ấn Độ. Sau khi bị mất gần bốn tháng, mấy nghìn binh lính đã được di chuyển qua ngả Ai Cập, điều đó hết sức có lợi vì nó cho phép tiết kiệm được thời gian và hoàn toàn giữ gìn được sức khoẻ cho binh lính. Trung đoàn thứ nhất được phái đi bằng con đường này, đã đi từ Pli-mút đến Bom-bay hết 37 ngày. Trong trung đoàn thứ nhất được phái đi từ Man-ta, nửa thứ nhất số binh lính đã đến Bom-bay sau 16 ngày, còn nửa kia thì đến đó sau 18 ngày. Tuyệt đại đa số các bằng chứng của rất đông đảo những người chứng kiến đáng tin cậy đã xác nhận những cái lợi đặc biệt của đường bộ trong việc vận chuyển [quân], đặc biệt trong trường hợp cực kỳ cần thiết. Đại tá Pe-cling-tơn, phó trưởng cục doanh trại, được bổ nhiệm hồi tháng Mười 1857 để chỉ đạo cuộc chuyển quân

1* - Biếc-két-en-Ha-gơ (nay không còn nữa)

và kiểm tra cuộc chuyển quân ấy, đã khẳng định như sau trong bản báo cáo gửi lên ủy ban điều tra, bản báo cáo này đã được đặc biệt soạn thảo theo lệnh của bộ chiến tranh :

"Đường bộ có những ưu thế rất lớn, và việc di chuyển lại hết sức đơn giản. Các nhà đương cục ở Ai Cập phụ trách việc chuyển quân có thể chuyển được mỗi tuần lễ một nghìn quân băng qua eo đất mà không làm đảo lộn giao thông bình thường của hành khách ; một số lượng 300 - 400 người có thể di chuyển cùng một lúc băng qua đoạn đường từ chỗ xuống tàu này đến chỗ lên tàu khác trong vòng 26 giờ. Việc di chuyển bằng đường sắt kết thúc cách Xu-ê khoảng 20 dặm. Đoạn đường cuối cùng này binh lính đi qua bằng cách cưỡi lừa trong khoảng sáu giờ. Hoàn toàn không còn một sự hoài nghi nào rằng kinh nghiệm ấy đã được thực hiện thành công".

Khoảng thời gian quân đội cần có để vượt quãng đường từ Anh đến Ấn Độ bằng đường bộ là 33 - 46 ngày. Từ Man-ta đến Ấn Độ là 16 - 18 hoặc 20 ngày. Xin hãy so sánh thời gian ấy với 83 ngày cần thiết để vượt một chặng đường biển dài trên những chiếc tàu hơi nước, và với 120 ngày cần cho các tàu buồm, thì sẽ thấy có sự khác nhau đáng kinh ngạc. Ngoài ra, với quãng đường dài hơn, thì trên thực tế từ 15 nghìn đến 20 nghìn binh lính của nước Anh hors de combat[1*] và nằm ở ngoài tầm tiếp cận - trong trường hợp có sự thay đổi mệnh lệnh - trong vòng 3-4 tháng trong năm, trong khi đó, với quãng đường ngắn hơn thì số quân này chỉ bị một thời gian ngắn - khoảng hai tuần lễ, trong thời gian đi bằng đường thủy từ Xu-ê đến Ấn Độ, - nằm ở ngoài tầm tiếp cận mệnh lệnh đòi trở về trong trường hợp xảy ra những sự kiện không lường trước ở châu Âu.

Chỉ mãi 4 tháng sau khi nổ ra chiến tranh ở Ấn Độ người ta mới chuyển sang sử dụng đường bộ và chỉ để chuyển một số quân ít ỏi, như vậy là Pan-mốc-xtơn đã coi thường những sự mong đợi

1* — bị loại ra khỏi đội ngũ chiến đấu

chung ở Ấn Độ cũng như ở châu Âu. Viên toàn quyền Ấn Độ[1*] cho rằng chính phủ ở chính quốc sẽ gửi quân qua ngả Ai Cập. Dưới đây xin dẫn lời trong bức thư của viên toàn quyền ấy gửi chính phủ ở chính quốc[2*], đề ngày 7 tháng Tám 1857:

"Chúng tôi cũng có đường dây liên lạc với công ty đường biển Pi-rê-nê và công ty tàu biển phương đông trong vấn đề vận chuyển quân từ Xu-ê, có thể số quân ấy sẽ được chuyển đến Ấn Độ bằng con đường này".

Vào đúng ngày tại Công-xtăng-ti-nô-plơ nhận được tin tức về cuộc khởi nghĩa thì huân tước Xtơ-rát-pho đơ Rét-clíp-phơ đã đánh điện về Luân Đôn để hỏi rõ xem ông ta có phải xin phép chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ để cho quân lính Anh đi qua Ai Cập để đến Ấn Độ hay không. Trong khi ấy, vua Thổ Nhĩ Kỳ[3*], vào ngày 2 tháng Bảy, đã ban bố và chuyển giao một sắc dụ tương ứng, nhưng Pan-mớc-xtơn thì lại trả lời bằng điện tín rằng ông ta không có ý định chuyển quân bằng con đường này. Vì ở Pháp người ta cũng cho rằng - coi đó là điều tất nhiên - vào thời điểm ấy, việc gấp rút chuyển quân tiếp viện phải là nhiệm vụ hàng đầu của chính phủ Anh, cho nên Bô-na-pác-tơ đã chủ động cho phép quân Anh đi qua đất Pháp, tạo điều kiện để nếu muốn thì có thể đưa quân xuống tàu ở Mác-xây để chuyển sang Ai Cập. Mới đây, cuối cùng, khi ngài Hôn-tơn - người quản lý công ty đường biển Pi-rê-nê và Công ty đường biển phương đông ở Ai Cập - được trao thẩm quyền làm sáng tỏ vấn đề này, thì viên tổng đốc Ai Cập[4*] đã lập tức trả lời rằng

"ông ta lấy làm vinh dự được tạo điều kiện dễ dàng cho việc di chuyển chẳng những hai trăm người được đề cập vào lúc ấy, mà trong trường hợp cần thiết, cả cho việc di

---

1* - Sác-lơ Giôn Ca-ninh

2* - nước Anh

3* - Áp-đun-Mết-gít

4* - Xai-đơ-pa-sa

chuyển 20 nghìn người, và không chỉ en bourgeois[1*], mà nếu cần thì cả mặc quân phục và cùng với vũ khí".

Đó là những khả năng thuận lợi mà người ta đã coi thường một cách khinh suất, và lẽ ra việc sử dụng một cách thích đáng những khả năng ấy đã có thể ngăn chặn sự lan rộng cuộc chiến ở Ấn Độ đến quy mô đáng sợ đến thế. Những động cơ khiến cho huân tước Pan-mốc-xtơn thích tàu buồm hơn tàu hơi nước và thích tuyến giao thông trải dài hơn 14 nghìn dặm hơn khoảng cách không quá 4 nghìn dặm, là một trong những điều bí mật của lịch sử hiện đại.

Do Ph.Ăng-ghen viết giữa ngày 16 và ngày 20 tháng Bảy 1858
Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune" số 5401, 13 tháng Tám 1858

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

1* - mặc y phục dân sự

C. MÁC

TUYÊN NGÔN CÁCH MẠNG MỚI CỦA PHÁP[416]

Luân Đôn. 24 tháng Chín 1858

Tối hôm qua, trong cuộc họp công cộng được triệu tập để kỷ niệm 66 năm ngày thiết lập chế độ Cộng hòa Pháp thứ nhất, ngài Phê-lích-xơ Pi-a đã tuyên đọc một văn bản hết sức đáng chú ý, đó là "Thư gửi các quan của nước Pháp", trong đó ông phẫn nộ lên án tất cả các trước tác gia Pháp, vì họ đã thiếu sự dũng cảm đạo đức trong điều kiện chế độ hiện hữu. Chúng tôi có ý định dẫn bức thư ấy ra đây trên những nét chung, đôi khi né tránh nguyên bản, nhằm truyền đạt tinh thần của nó một cách rõ ràng hơn:

"Trong bóng tối bao phủ toàn nước Pháp sau thảm họa coup d'état[1*], các vị, những đấng trượng phu của ngành báo chí, đã tự đánh mất mình nhiều hơn những người khác. Các vị chịu đựng những hành động khủng bố, với một thái độ nhẫn nại và ngoan ngoãn

1* - đảo chính

khủng khiếp. Quý vị âm thầm chịu đựng những hành động ấy, y như sự trừng phạt là xứng đáng, và với thái độ cam chịu, y như điều đó là vĩnh hằng. Có thể như thế được không? Trong mười năm không hề có một cử chỉ nào, không có một âm thanh nào, không có một lời phản kháng nào, không có một lời hy vọng nào. Những người mạnh và người yếu, những người già và người trẻ, những người lớn và những người bé, những vị thầy và những học trò - tất cả mọi người đều câm lặng, tất cả đều suy sụp tinh thần. Không nghe thấy một giọng nói nào trong sa mạc. Trong từ điển Pháp không còn có từ nào biểu thị tự do nữa. Người Anh hỏi chúng tôi rằng tiếng Pháp có còn được vang lên ở Pháp không, còn chúng tôi thì cúi gằm mặt xuống. Thậm chí báo chí của Áo cũng chế giễu các vị, thậm chí báo chí của Nga cũng đau buồn về các vị. Một nền báo chí như vậy của Pháp đã trở thành đối tượng để cho một gã cô-dắc thương hại và khinh rẻ! Bu-ô-na-pác-tơ đã nhổ toẹt vào mặt trời và dập tắt nó. Ai là người phải thổi bùng lên hoặc thay thế ngôi sao đã tắt ngấm ấy? Chẳng còn mặt trời, chỉ còn lại những núi lửa. Nếu bầu trời không còn đem lại ánh sáng cũng như hơi ấm nữa, thì còn mặt trời ẩn kín, ngọn lửa dưới mặt đất, tia sáng từ bóng tối, còn lửa nhân dân. Chúng ta đã thấy ngọn lửa của thần Vê-đu-vơ ấy, vì vậy không có chỗ cho sự tuyệt vọng".

Mở đầu việc điểm lại thế giới văn chương Pháp từ các thành viên của Institut[1*], ngài Pi-a nói với họ những lời sau đây:

"Chúng ta bắt đầu từ những người đã chết một cách vô vọng - từ immortels[2*] . (Người ta gọi các thành viên của "Viện" là "immortels"). Đấy chúng đấy, những chiếc ghế bành, nói chính xác hơn, những chiếc quan tài của bốn chục người ấy; những cái bóng của các tác giả, những cái bóng câu nhàu của những bài thơ trào phúng, những bộ óc khô héo của chúng chỉ làm ngưng lại những hoài niệm và những niềm nuối tiếc về quá khứ. Đây, ông ta (Ghi-dô) đó, Ích-xi-ôn lụ khụ mê mẩn với đám mây mù khổng luận[417] và theo đuổi điều hão huyền lập hiến của mình, chạy qua chạy lại giữa Gốt và Phrô-xdoóc-pho vòng quanh cái vòng luẩn quẩn của chiếc bánh xe quân chủ, một biểu tượng được quấn rơm của "chủ nghĩa hợp nhất"[292]. Và còn đây, một vị phù thủy nữa, người cùng thời với ông ta (Cu-danh) rời bỏ Xoóc-bon vì vương quốc của tình yêu, giống như Phau-xtơ đi tìm sự bù đắp cho thời gian đã bị mất, với hành trang trên vai mình hơn sáu chục năm, ông ta trở lại thiếu thời và hiến dâng đời mình cho việc

1* - Viện, tức là Viện Hàn lâm Pháp

2* - những người bất tử

hầu hạ các nàng Mác-ga-rít của Phrôn-đa[418], bởi vì ở tuổi hai mươi, ông ta đã quá yêu thuyết chiết trung! Và đây là vị thứ ba (Chi-e). ông ta không già mà cũng chẳng trẻ, trong ông ta có cái gì đó chưa chín muồi, lại có cái gì đó đã thối rữa, một đứa trẻ đã già nua, một perpetuum mobile[1*] đã xơ cứng, nhảy từ lĩnh vực nghệ thuật sang lĩnh vực chính trị, và từ lĩnh vực chính trị nhảy sang lĩnh vực lịch sử, cáu nhàu về cách mạng, tán dương Đế chế và đã hai lần mai táng vị đại trượng phu[2*], trong Dôme des Invalides[3*] và trong các tác phẩm của mình[419] - tóm lại, là một nhà sử học dân tộc, một tenia[4*] của lịch sử, một Ta-xít siêu việt cent-gardes[5*], có bằng do đức hoàng đế ban cho và có được những thẩm quyền do chính phủ trao cho. Và kết cục là nhân vật cuối cùng, nhưng không phải là kém nhất trong số các nhân vật ấy, một Hô-me không có "I-li-át" (La-mác-tin), một Vê-li-da-ri chưa được ngửi thuốc súng chỉ xua tan bầy lũ những ông thầy quèn và chỉ ca ngợi việc chinh phục nàng Ên-vi-ra, nhà viết sử của *Gra-xi-ê-la*, nhà thơ của *phái Gi-rông-đanh*, kẻ tán dương thời Phục tích, nhà hùng biện của nền Cộng hòa, kẻ nghèo khổ trung thực của Đế chế".

"Nhưng chúng ta hãy chuyển từ những hóa thạch sang những con người. Chúng ta hãy nhìn vào những con người sống động nhất trong số họ - chí ít là nhìn vào những con người giả vờ là như vậy - vào những người bảo vệ các nguyên tắc của mình dưới những lá cờ mở rộng: phái chính thống, phái Oóc-lê-ăng và phái tự do. Một nghĩa địa khác! Nhưng tại đây chí ít còn nghe thấy điều gì đó, Điều gì vậy? Tiếng thở dài, khóc than, ám chỉ. Họ có đủ tinh thần để làm việc này. Nhưng không đi xa hơn thế. Họ thở dài, khóc lóc; nhưng đâu có thấy nước mắt. Đó chỉ là sự nổi loạn thầm lặng, sự dũng cảm buồn thảm và sự mạnh bạo của những niềm nuối tiếc. Người ta than khóc hiến pháp và Hiến chương[208], và Hăng-ri V, tất thảy, kể cả các nữ công tước[6*] mà chính bản thân họ đã tống khứ đi. Bê-răng-giê đã được ướp xác. Vôn-te đã được phục sinh từ trong đám người đã chết... Bê-răng-giê đã vào tù, Vôn-te bị đẩy biệt xứ. Còn những kẻ than khóc họ thì đến nhà thờ. Báo "Débats" [7*] dũng cảm tuyên bố rằng chết

1* - động cơ vĩnh cửu

2* - Na-pô-lê-ông I

3* - Điện thương binh

4* - con giun

5* - của đội cận vệ [420]

6* - Be-ri và Oóc-lê-ăng

7* - "Journal des Débats"

cho những kẻ vô ơn thì có nghĩa là hy sinh một cách uổng phí, còn nó thì thích sống còn bằng mọi giá hơn... Báo "Siècle" tuyên bố rằng nếu phải chết thì chỉ chết vì sự ôn hòa. Những đại biểu sáng suốt của thế hệ mình cam chịu tình hình hiện hữu và hài lòng với việc họ buôn bán bản thân mình trên vỉa hè". "... Những nhân vật Brút thực thụ trong số họ sẽ đứng vào tư thế phải đối lập ôn hòa đối với Vây-ô[421]. Phải, vào giữa thế kỷ XIX, sau ba cuộc cách mạng được tiến hành vì chủ quyền của nhân dân và của lý trí, thì 66 năm sau cuộc cách mạng tháng Chín, 28 năm sau cuộc cách mạng tháng Bảy và 10 năm cuộc cách mạng tháng Hai, thì vào năm 1858, ở Pháp, người ta thảo luận... Điều gì? Những điều kỳ diệu... Về La-mơ-ne, kiểu mẫu về lòng dũng cảm và sự cao thượng, một người nồng nhiệt hâm mộ chính nghĩa, nhưng sang ngày hôm sau, sau trận đánh tháng Sáu 1848, thì thích và bẻ gãy cây bút của mình hơn là đẽo nó theo chuẩn mực của cây kiếm, và con người ấy đã biểu thị sự phản kháng của mình chống lại kẻ chiến thắng giàu có bằng tiếng hô dũng cảm: "Những người nghèo phải im lặng",[422] một con người đã biến chính tuổi đời của mình trong cảnh mất tự do, cả chính sự chôn vùi của mình trong ngôi mộ chung thành công cụ phản kháng[423], anh đã chỉ là một kẻ hèn nhát và ngu si! Sự sáng suốt thể hiện ở việc viết mà đồng thời không nói ra điều gì cả; sự dũng cảm thể hiện ở chỗ phát biểu ý kiến vì sự đối trá và phản bội, vì hòa thuận với chế độ của những sự hạn chế, nhằm thích ứng với sự ăn kiêng do bác sĩ Phi-a-lanh chỉ định, nhằm đọc những bài xã luận trơn tru và ngọt ngào, nhằm nuốt trôi những cuộc tranh luận lập pháp ở Pi-ê-mông và ở Bi[424]. Suốt thời gian đó, chế độ tháng Chạp tiếp tục chi phối đời sống, chi phối các quyền và tương lai của nước Pháp. Những cựu đại diện của nhân dân, các nhà báo, những công dân ưu tú – tất cả những gì còn lại của cách mạng – sẽ bị chuyển từ ngục tối Ben-I-li-a đến ngục tối Coóc-xơ để rồi khi mãn hạn trừng phạt lại sẽ bị đưa đi xa hơn nữa – đến miền cát nóng rực lửa Cai-en-na, như người ta đã xử sự với Đê-lê-cluy-dơ... và ngay cả những tin tức như vậy cũng phải bí mật lọt vào nước Pháp từ các nguồn sâu thẳm của báo chí nước Anh. Thật là một nỗi ô nhục chưa từng thấy ngay cả tại La Mã đa thần giáo, thậm chí trong giới các tín đồ cuồng tín Gít-đa[425]! Có một người đàn bà nào đó bỏ chồng và đến với Pa-ri xa lạ đối với bà ta; tại đây người ta bắt giữ bà và giải đến nơi tạm giam; còn bây giờ, xin hãy nghe xem bọn binh lính của chế độ tháng Chạp đã giở trò gì! Chúng tôi xin trích bản cáo trạng chính thức. Viên trung sĩ đội canh gác tống giam chị ta vào phòng và quấy nhiễu chị ta bằng những lời tán tỉnh bẩn thỉu, nhưng đã uổng công. Sau đấy, y ra lệnh cho hai tên trong số các chasseurs[1*]

1* - xạ thủ

của mình đi vào phòng giam và thử vận may. Người đàn bà ấy chống cự cả hai tên này. Tên trung sĩ dùng vũ lực quật ngã người đàn bà ấy ngay tại đây, trong trại lính, đè chị ta xuống tấm phản, kê dưới đầu chị ta một cái bọc. Sau đó hắn tắt nến, và tất cả những kẻ có mặt ở đó - (chín người đàn ông) do tên trung sĩ và tên cai cầm đầu, giữ tay chân người đàn bà rồi hãm hiếp chị ta, còn chị ta thì gào thét: "Trời ơi! Hãy buông tôi ra, hãy buông tôi ra!" Sau khi làm gương xong, tên trung sĩ ra lệnh: "Từ phải sang trái, lần lượt điểm danh! Lần lượt vào!"...

Sau đó bọn chúng uống hết hai quác-tơ bia bren-đi, bắt người đàn bà bị hại phải trả tiền. Và những kẻ bảo vệ trật tự ấy, những cứu tinh ngực đầy huy chương ấy, cái tinh hoa ấy của dân tộc, những xạ thủ ấy của Vanh-xăng đã từng thực hiện cuộc chính biến tháng Chạp và giờ đây lại thực hiện vụ hiếp dâm tập thể cả đội, – thì chỉ bị lĩnh án sáu ngày giam và bị phạt 16 phrăng về sự thiệt hại do chúng gây ra. Bọn người hiếp dâm ấy là bất khả xâm phạm, còn tờ báo loan tin những sự việc này thì nhận được lệnh phải tuyên bố rằng trong vụ án này "đã có những tình tiết giảm nhẹ". Hoàng đế muôn năm! Quả thật tờ "Times" đã có lý: bất cứ ai có lương tri và có tình cảm lành mạnh đều phải thích hoàn toàn thủ tiêu báo chí Pháp hơn là chấp nhận sự đồng lõa của nó trong những tội ác như vậy. Người thắp đèn mà không đem lại được ánh lửa thì không được phép ám mùi khói khét! Vì có gì cần nói dối tiếp nữa, vì có gì cần làm xao xuyến dư luận xã hội? Thôi đủ rồi sự nói dối dưới chiếc mặt nạ sự thật, thôi đủ rồi thói đánh đĩ núp dưới cái vỏ bọc sự e thẹn, thôi đủ rồi sự hèn nhát núp dưới danh nghĩa lòng kiên định, thôi đủ rồi sự thối rữa núp dưới dạng sự sống. Hỡi những xác ướp giả nhân, giả nghĩa, dối trá, xin hãy đừng giả vờ còn sống nữa, xin hãy bước xuống mồ... và xin hãy nghĩ xem, đó còn là những con người ưu tú, những vị trượng phu của nền báo chí, tự vỗ ngực khoe rằng ít ra thì họ cũng ủng hộ quan điểm này hoặc quan điểm khác!... Vậy, còn những người khác thì sao? Thứ nhất, ở đây có những nhân vật trung lập, thờ ơ với đời sống xã hội, bỏ đi để đến núp dưới bóng những hang động mát mẻ, để ở đó làm đỏm với nghệ thuật vì nghệ thuật, hoặc làm đỏm với triết học vì triết học; đó là một loại người sống ẩn dật trở nên phấn chấn cao độ vì một vần thơ hoặc một đường nét; đó là những công tử bột chỉ coi trọng hình thức; những kẻ thông thái rởm, ưa thích sự trừu tượng, biện minh cho thái độ thờ ơ của mình bằng tính vô tích sự của cái tầm thường, và đồng thời họ còn cho phép con đại bàng hoàng đế ban cho họ mỗi người một ít bánh ngọt và những chiếc huy chương chữ thập, còn bản thân họ thì tự sát trong các tác phẩm của mình, giống như loài côn trùng tự sát trong cái kén; những con bọ hám danh ấy, những con rối duy ngã ấy của những kẻ

nhẫn tâm, bị diệt vong do bệnh tự ái của mình, giống như Nác-xít-xơ vậy. Tiếp theo đó là đám người thứ hai mà các đại biểu của họ đã có lúc tham gia cách mạng, còn giờ đây lại tham gia vào những vụ đấu cơ... Những kết quả tuyệt diệu của đế chế hòa bình[126]... Đã có lúc họ phụng sự các nguyên tắc, còn giờ đây thì họ phụng sự tư bản; đã có lúc họ đại diện cho các đảng, giờ đây họ đại diện cho các chủ ngân hàng; đã có lúc họ tự xưng là phái bảo hoàng hoặc phái cộng hòa, giờ đây họ hành động nhân danh ngân hàng Tây - Bắc hoặc ngân hàng lớn phương Đông, như là những thần dân của văn phòng hãng Mi-re-xơ hoặc nhà buôn Mi-lô, phái chính thống ăn lương của những triều đại chủ ngân hàng đó, những Lê-vít[127] của những thần tượng sở giao dịch vẫn ngợi ca địa tô và quảng bá quyền được thưởng tại ngôi đền của các con buôn; những dư đảng ấy của chủ nghĩa Xanh-Xi-mông, chỉ đạo dàn hợp xướng đứng bên bàn thờ con bê vàng một lần nữa đã trở thành Thượng đế, và đứng bên ngai vàng của tên bịp bợm[1*] đã biến thành Xê-da thật kinh tởm...! Chúng ta cảm thấy mùi của bọn cặn bã ghê tởm của giới cầm bút, mùi của sự thối nát quan phương, của những xác chết mặc đồng phục, những bộ xương được kết ngù kim tuyến, - "Pays", "Patrie", "Moniteur", "Constitutionnel" - những kẻ ăn bám đất nước đang nhảy điệu múa vòng tròn trong đống phân của chuồng ngựa Ô-gi-át".

Trong phần thứ hai của "Bức thư gửi các quan", ngài Pi-a đem lòng trung thành tích cực của báo chí Pháp thời Phục tích và thời Lu-i - Phi-líp đối chứng với tình trạng hoàn toàn thoái thác hiện nay của nền báo chí ấy. Dưới chế độ Hiến chương vua ban

"tất cả mọi người, từ những người nổi tiếng nhất đến những người hoàn toàn không có tiếng tăm, đều đã thực hiện nghĩa vụ của mình. Từ Bê-răng-giê đến Phăng-tô, từ Ma-ga-lông đến Cu-ri-ê, Ta-i, Tu-i, Béc-tơ, Căng-sua, Sát-lanh - tất cả những nhân vật ấy đã bị đưa vào tù, có người thì bị tống giam ở Xanh Pê-la-gi, những người khác bị tống giam ở Poa-xi. Cũng tình hình đó đã xảy ra vào thời "nền cộng hòa ưu việt nhất trong các nền cộng hòa": La-mơ-ne bị tống vào ngục, ngoài ra còn có Ra-xpai, Ca-ren, Ma-ra-xtơ, Duy-pô-ti, E-xki-rốt, Tô-rê - tất cả họ đều là những người cộng hòa. Ác-măng Ca-ren - thật vinh quang đời đời cho ông - lúc ấy đã lấy vũ lực chống lại bạo lực, dùng thanh kiếm để bảo vệ tờ báo của mình và buộc Pe-ri-ê phải lùi bước trước lời thách thức không thể nào quên được: "Sinh mạng của một người bị giết lén lút ngoài đường phố thì chẳng đáng giá gì cả, nhưng sẽ phải trả giá đắt cho sinh mạng của một

1* - Lu-i - Bô-na-pác-tơ

người trung thực nếu như người ấy bị bọn sbirri[1*] của ngài Pe-ri-ê giết ngay tại nhà mình trong lúc người đó kháng cự hợp pháp. Máu của người ấy sẽ kêu gọi trả thù. Mỗi trước tác gia thấm nhuần ý thức về phẩm giá của mình đều phải lấy luật pháp chống lại hành động trái luật pháp và lấy vũ lực chống lại vũ lực. Dù điều gì có xảy ra đi nữa thì bổn phận của tôi là như thế..."[428]. Song nếu sau tháng Chạp, tất cả "các quan" của nước Pháp đã rút khỏi chiến địa thì giai cấp công nhân, và thậm chí nông dân, đã trở thành trung tâm của đời sống chính trị. Một mình họ đã gánh chịu những sự trục xuất đầy tội ác, đã chuẩn bị những vụ âm mưu, chuyển sang tấn công - họ là những người mà không một ai biết đến, những người không tên tuổi, đơn giản là những kẻ *bình dân* như ta thấy... Vụ án Trường đua ngựa [429] cũng liên quan đến họ, cả những mưu toan phát động các cuộc khởi nghĩa vũ trang lan ra từ Pa-ri đến Li-ông, từ Xanh-Ê-chiên đến Boóc-đô. Ở Ăng-giê thì có các carriers[2*], ở Sa-lông thì có các thợ đóng thùng, những công nhân bình thường mình làm mình chịu mà không có những người lãnh đạo từ các giai cấp thượng lưu"[430].

Về vụ âm mưu ở Sa-lông thì ngài Pi-a thông báo một số chi tiết chưa được biết đến trước đây mà chúng tôi muốn dùng để kết thúc những đoạn trích dẫn này. Người cầm đầu vụ âm mưu này là công nhân (thợ làm thùng) A-giê-ne, 32 tuổi. Ngài Li-e-vrơ, công tố viên nhà nước, khi phát biểu trước tòa án, đã mô tả anh A-giê-ne như sau:

"Con người này là một công nhân cần mẫn, có kỷ luật, được huấn luyện và không vụ lợi, do vậy anh ta lại càng nguy hiểm và càng đáng được cảnh sát và bàn tay công lý chú ý. Anh ta đã tuyên bố sẽ không chịu để cho một người I-ta-li-a được vinh dự cứu nước Pháp". Nhằm mục đích thuyết phục các quan tòa tin rằng cần liệt con người ấy vào số "các kẻ thù của gia đình, của tôn giáo và sở hữu", ngài Li-e-vrơ đã đọc bức thư sau đây được A-giê-ne gửi từ An-giê-ri cho mẹ mình và bị cảnh sát của chế độ tháng Chạp chộp lấy: "Những tên cai ngục của con ở châu Phi được biết con có liên hệ với gia đình, thường hay đặt con trước một sự lựa chọn - trái tim hay lý trí, tình cảm hay bổn phận. Những sự hành hạ ấy cứ lặp lại mỗi khi con nhận được thư của mẹ, bọn chúng theo dõi gắt gao xem những lá thư ấy tác động như thế nào đến con. Tình hình này tiếp diễn kéo dài. Cuối cùng, sau khi thi thố hết những mánh khóe và

1* - mật vụ của cảnh sát

2* - công nhân các mỏ đá

mệt mỏi vì đấu tranh, tên chánh cai ngục - một sĩ quan cấp cao - có một buổi tối đã vào phòng giam của con, và sau khi trao đổi với con vài lời, đã kết thúc như thế này: "Nếu anh không quy phục, người ta sẽ bẻ gãy anh". Con đáp lại: "Có thể người ta sẽ bẻ gãy tôi, nhưng tôi không khuất phục". Sau mấy ngày, con được thông báo rằng có lệnh chuyển con đến Cai-en-nơ. Người ta cho con 12 giờ để suy nghĩ. Con đã sử dụng những giờ đó có lợi cho mình. Như vậy là con đã không khuất phục và người ta đã không bẻ gãy được con. Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên - vẫn câu tục ngữ cũ ấy. Vì vậy con mừng cho mẹ, vì mẹ đã có cơ hội thấy con không bị rơi vào sự cám dỗ, không ngả theo những lời cầu khẩn của mẹ, và con đã hành động chỉ theo tiếng gọi của lương tâm mình. Vị cố vấn trung thành ấy đã nhiều lần nhắc nhở con phải sống chỉ theo mệnh lệnh trái tim và vì bổn phận, bởi nếu không làm như thế thì con sẽ chẳng còn gì ngoài cái vỏ thô kệch; và mỗi ngày qua đi, con càng cảm nhận rõ ràng tiếng nói nội tâm chính là tiếng nói của chân lý... Chính đó là điều con có thể đem ra để thanh minh cho bản thân con trước gia đình".

Ngài Pi-a nhận xét: "Ngài công tố viên đế chế dĩ nhiên không thể bịa ra điều đó".

Anh A-giê-ne không muốn bị khuất phục, bị bẻ gẫy, đã bỏ trốn khỏi nhà tù ở An-giê-ri để tránh bị giam ở Cai-en-nơ; anh đã bơi đến chiếc tàu biển, trở về Tây Ban Nha, từ đó anh trở lại Pháp, và ở Pháp, anh lại xuất hiện ở Sa-lông. Đó là người lính trung thành của Ma-ri-an-na và là một người kiên cường bảo vệ nền Cộng hòa.

Do C. Mác soạn thảo ngày 24 tháng Chín 1858
Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune" số 5458, ngày 19 tháng Mười 1858

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

C. MÁC

NGÀI GIÔN BRAI-TƠ[431]

Ngài Giôn Brai-tơ không chỉ là một trong những diễn giả cớ tài nhất từ xưa tới nay của nước Anh, mà còn là thủ lĩnh hiện nay của các nghĩ sĩ cấp tiến trong hạ viện, ông duy trì sự thăng bằng lực lượng giữa các đảng truyền thống là đảng Vích và đảng To-ri[432]. Sau khi bị các cử tri Man-se-xtơ đuổi khỏi nghị viện do phản đối cuộc chiến tranh Trung Quốc của huân tước Pan-mớc-xtơn[433], ông lại được triệu tập vào thời điểm ông đang mệt mỏi, suy kiệt do ảnh hưởng cùng một lúc của cả thất bại chính trị, lẫn căn bệnh nặng nề, và ông được bầu làm nghị sĩ đại biểu của khu bầu cử Bớc-minh-hêm. Ông rời bỏ hạ viện vào một thời điểm lịch sử quan trọng, cũng giống như việc ông quay trở lại hạ viện sau thời gian dài đau khổ và im lặng, là một cái mốc khác cũng như vậy. Sự quay trở lại ấy được đánh dấu bởi vụ từ chức bất đắc dĩ của chính phủ của huân tước Pan-mớc-xtơn[434]. Sau khi vào hạ viện - nơi mà Pan-mớc-xtơn đã có được quyền uy của một nhà độc

tài - ngài Brai-tơ, tuy hầu như không có những người ủng hộ cá nhân mình, đã lật nhào được nhà sách lược dày kinh nghiệm ấy, và chẳng những đã lập ra được nội các mới, mà thật ra, còn biết áp đặt các điều kiện mà ông phải dựa vào thực hiện các trách nhiệm của mình. Tầm quan trọng của tư thế ấy đã tạo nên tầm quan trọng khác thường cho cuộc gặp gỡ đầu tiên của ngài Brai-tơ với các cử tri của ông, diễn ra vào tuần cuối tháng Mười. Lần đầu tiên kể từ khi bình phục sức khỏe, nhà hùng biện vĩ đại đã nói chuyện trước cuộc hội họp của công chúng, vì vậy, sự kiện này đã gây ra một sự chú ý hết sức không tự nhiên. Trong lúc đó, các đảng chính thức của đất nước đã lo lắng chờ đợi công bố hòa bình hoặc chiến tranh ở cửa miệng một con người nếu không tự mình bắt tay vào việc soạn ra một dự luật mới về cải cách luật bầu cử, thì dù thế nào cũng sẽ quyết định đảng nào trong số các đảng sẽ phải làm việc này.

Ngài Brai-tơ phát biểu trước các cử tri của mình hai lần: một lần tại cuộc họp của công chúng được triệu tập để gặp gỡ với ông, lần thứ hai trong bữa tiệc chào mừng ông. Ở một chỗ khác chúng tôi dẫn ra những luận điểm cơ bản và những đoạn gây ấn tượng nhất trong các bài diễn văn ấy[435]. Nếu xem xét những đoạn này chỉ trên góc độ nghệ thuật hùng biện, thì chúng thua những diễn văn trước kia của ông. Mặc dù trong các đoạn này có chứa đựng những ví dụ tuyệt vời về tài hùng biện, song, dù sao, thì về mặt này, chúng cũng yếu hơn bài diễn văn nổi tiếng về cuộc chiến tranh với nước Nga hoặc bài diễn văn đọc hồi mùa xuân năm ngoái về cuộc khởi nghĩa ở Ấn Độ[436]. Nhưng đó là vì cần phải làm như vậy. Mục đích trực tiếp của nhà hùng biện ấy là đề ra một cương lĩnh chính trị có thể dùng để giải quyết hai nhiệm vụ rất khác nhau. Một mặt, cương lĩnh ấy được dùng để trình ngay lên nghị viện với tư cách một biện pháp lập pháp, mặt

khác, cương lĩnh ấy phải trở thành lời kêu gọi thống nhất tất cả các đội ngũ những người ủng hộ cải cách và trên thực tế lập ra một đảng cải cách cố kết. Nhiệm vụ mà ngài Brai-tơ cần phải giải quyết ấy đã không cho phép ông đặc biệt phô bày nghệ thuật hùng biện của ông, mà đã đòi hỏi một thái độ thẳng thắn, một lương tri và một sự rõ ràng. Trong trường hợp này, để khen ngợi ông, chỉ cần nói rằng ngài Brai-tơ lại một lần nữa tỏ rõ là một nhà hùng biện độc nhất vô nhị, biết làm cho phong cách diễn thuyết của mình phù hợp với chủ đề của bài diễn văn. Có thể xác định cương lĩnh của ông là việc đưa cái gọi là Hiến chương nhân dân lên ngang tầm giai cấp tư sản[437]". Ông hoàn toàn chấp nhận một mục trong bản cương lĩnh đó - việc bỏ phiếu biểu quyết[438]. Ông quy điều mục khác trong bản cương lĩnh ấy - quyền đầu phiếu phổ thông - thành quyền bỏ phiếu dành cho người nộp thuế, tuy ông có tuyên bố rằng cá nhân ông đặt những hy vọng to lớn vào quyền đầu phiếu phổ thông; như vậy, điều kiện bầu cử - mà hiện nay đang được áp dụng đối với các đại biểu cử tri của giáo khu hoặc thành phố - đủ để làm cho mỗi người đều trở thành cử tri trên quy mô đế chế. Và cuối cùng, Brai-tơ quy điều mục thứ ba của bản Hiến chương - cụ thể là cân bằng các khu bầu cử - vào một cách phân phối công bằng hơn sự đại diện của các khu vực bầu cử khác nhau. Những đề nghị của ông là như vậy. Soạn xong dự luật, ông muốn trình dự luật ấy lên nghị viện, coi đó là dự luật cải cách của bản thân ông đối chọi lại các biện pháp của các địa chủ mà xem ra nội các Đớc-bi sửa soạn đưa ra; đồng thời Brai-tơ cho rằng sự nhất trí - như đã xảy ra trong trường hợp dự luật cải cách năm 1830[352] - sẽ xuất hiện, chỉ có điều bản dự luật ấy sẽ được đưa ra thảo luận tại hạ viện. Khi cuộc cải cách được đề xuất ấy sẽ được đem ra xem xét thì các thư thỉnh nguyện của các thành phố phải được gửi tới để làm hậu thuẫn cho cuộc cải cách ấy. Chắc chắn hạ viện sẽ lui bước trước

sự bày tỏ ý chí của toàn thể, và nếu chính phủ phải sử dụng đến những cuộc bầu cử mới - điều đó hoàn toàn có thể xảy ra - thì sẽ xuất hiện thêm một khả năng để cổ động. Và sau hết, ngài Brai-tơ muốn đảng cải cách bác bỏ mọi dự án đòi hỏi ít hơn điều ông ta đòi hỏi.

Không nghi ngờ gì nữa, ấn tượng do những bài phát biểu ấy gây ra ở nước Anh đã được các báo ở Luân Đôn phản ánh khá đầy đủ. Với sự bực dọc được che đậy vụng về, báo "Times" đã so sánh, bài diễn văn cuối cùng và quan trọng nhất với con chuột huyền thoại do quả núi đẻ ra trong tác phẩm của nhà thơ La Mã[1*]. Báo này khẳng định rằng nội dung bài diễn văn ấy thật tầm thường. Trong bài diễn văn ấy không có gì mới mẻ. Thậm chí cái vỏ ngôn từ của nó cũng không mới. Bất kỳ một diễn giả vỉa hè nào ba hoa về công cuộc cải cách cũng đều có thể đọc một bài diễn văn như thế, cũng với những câu chữ như vậy. Điều duy nhất mà báo "Times" cảm thấy mới - do tính chất lỗi thời của chính báo đó - là ngài Brai-tơ có cái sở thích tồi là moi ra những lời chửi đã bị lãng quên từ lâu để chửi thượng viện, - như thể các vị thượng nghị sĩ đã không suy đồi đến chỗ trở thành những tay truyền bá xã hội học một cách phổ thông, họ dạy các đẳng cấp bên dưới phải vui vẻ chịu đựng địa vị phụ thuộc đã định trước cho các đẳng cấp ấy! - như thể Bớc-minh-hêm năm 1858 cũng giống như Bớc-minh-hêm năm 1830 với liên minh chính trị cách mạng của ông ta! Chỉ có kẻ học hành kém cỏi mới có thể sử dụng những từ ngữ cũ rích không còn thời thượng nữa như vậy. Mặt khác, báo "Times" băn khoăn do sự thiếu sáng suốt của ngài Brai-tơ là người đã phát biểu bảo vệ chế độ bỏ phiếu, vì ông ta không thể không biết rằng tất cả các nhà hoạt động nhà nước

1* - Hô-ra-xơ. Khoa học thơ ca. 139.

được Thượng đế phái xuống - đảng Vích và đảng To-ri, phái Pin và những phần tử đi theo Pan-mốc-xtơn - đều nhất trí chống lại tà thuyết chính trị ấy. Về phần mình, báo chí của phái bảo thủ than khóc những sự lầm lạc của con người rất đỗi "trung thực" như ngài Brai-tơ. Báo chí ấy khẳng định rằng ông ta đã để cho mình bị rơi vào cái bẫy mà phái cấp tiến giả dối đã tráo trở giăng ra để bẫy ông ta. Xem ra, báo chí ấy coi bài diễn văn này rõ ràng là vi phạm sự hòa hoãn giữa phái cấp tiến và phái bảo thủ. Song, báo "The Morning Post" của Pan-mốc-xtơn tuyệt nhiên không thất vọng, vì từ lâu nó hiểu rằng không thể chờ đợi điều gì tốt đẹp ở con người đầu tròn bướng bỉnh[439] ấy. Báo "The Morning Chronicle" giữ vị trí trung gian giữa báo chí của Pan-mốc-xtơn và báo chí của phái đi theo Đốc-bi; vì lợi ích của chính ngài Brai-tơ, nó đau khổ vì nỗi ông ta dường như đã vứt bỏ mọi thái độ tự kiềm chế và lên tiếng không phải với tư cách là một nhà hoạt động nhà nước, mà như là một kẻ mị dân. Mặt khác, báo chí cấp tiến, và đặc biệt là những tờ báo cấp tiến rẻ tiền đã nhất trí tán thành những nguyên tắc của ngài Brai-tơ, cũng như hình thức mà ông đã trình bày những nguyên tắc ấy[440].

Do C. Mác viết ngày 29 tháng Mười 1858
Đã đăng làm xã luận trên báo "New - York Daily Tribune" số 5479, ngày 12 tháng Mười một 1858

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

C. MÁC

*CÁC DẤU HIỆU CỦA SINH HOẠT NỘI BỘ ĐANG HỒI SINH CỦA NƯỚC PHÁP[441]

Pa-ri, ngày 9 tháng Mười một

Dân cư của thành phố này nói chung đã chán ngấy những thành tựu của tự do ở nước ngoài, đến nỗi họ hầu như quên theo dõi những thành tựu của chế độ nô lệ ở nước mình. Tuy vậy, lúc thì ở chỗ này, lúc thì ở chỗ kia, trên bề mặt xã hội của cộng đồng đã xuất hiện những dấu hiệu của đời sống trong nước đang hồi sinh.

Đặc biệt chúng tôi xin nhắc tới việc ông Bê-ri-ê lên án quyết liệt sự sa sút trong vai trò của *barreau*[1*] và thân phận lệ thuộc của ngành tư pháp Pháp. Một bằng chứng khác - những mưu toan của phái tự do thuộc mọi màu sắc muốn khôi phục lại cuộc đấu tranh và, ít ra là gây trở ngại trên báo chí cho dòng thác

1* - giới luật sư

những sự đê tiện hằng ngày đang trút lên đất nước qua các cánh cửa báo chí của chế độ tháng Mười. Chẳng hạn, ở Pa-ri, các ngài d'Ô-xôn-vin, Giuy-lơ Xi-môn, Bác-tê-lê-mi-Xanh-I-le-rơ, Ô-đi-lông Ba-rô, Đuy-véc-giê Đờ Hô-ran, Bác-ni, Hô-rô và những người khác tìm cách làm tất cả những gì có thể làm được theo hướng này. Ở tỉnh *Móc-tơ*[1*] một nhóm các nhà văn độc lập đã bắt tay vào ấn hành ấn phẩm định kỳ dưới tên gọi "*Varia*" nhằm đấu tranh chống lại sự tập trung quái dị bóp nghẹt nước Pháp trong những vòng tay gây chết chóc của nó, chẳng khác gì những con rắn quấn quanh mình Lao-cơ-ông; những ấn phẩm thuộc loại đó cũng được thực hiện cả ở An-da-xơ. Tuy vậy, xem ra, tờ tuần báo Pa-ri "*Courrier du Dimanche*" đã đảm nhận vai trò lãnh đạo trong phái đối lập tự do chủ nghĩa mới. Thậm chí chỉ cần nhìn qua những trang của tuần san này cũng đủ hình dung ngay được những khó khăn to lớn đang xuất hiện trên đường đi của nó, vả lại, ngoài ra hình như cả các tác giả ấn phẩm ấy cũng ít nhiều bị tiêm nhiễm tinh thần của môi trường tham nhũng mà họ đang hít thở bầu không khí của nó. Nhưng dù sao cũng đang có những nỗ lực đáng kể để làm sáng tỏ, vì vậy tôi dự định điểm những bài phê bình gần đây nhất của họ về các tác phẩm đả kích Bô-na-pác-tơ[2*].

Do C. Mác viết ngày 9 tháng Mười một 1858

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Anh
In lần đầu

1* - Móc-tơ và Mô-den

2* Đến đây bản viết tay bị gián đoạn.

C. MÁC

*NHẬN XÉT MÀO ĐẦU VỀ VIỆC CÔNG BỐ CÁI GỌI LÀ "BỊ VONG LỤC VỀ NƯỚC NGA ĐỂ THÔNG BÁO CHO HOÀNG ĐẾ ĐANG TRỊ VÌ"[442]

Ngay sau khi giải quyết xong vấn đề nhiếp chính ở Phổ và sau vụ từ chức của nội các Man-toi-phen thì những người kế thừa nội các ấy đã tìm thấy, trong số các văn bản chính thức khác, bản "Bị vong lục về nước Nga" rất đáng chú ý. Bất kể tất cả những biện pháp phòng ngừa, đoạn trích bản Bị vong lục ấy đã rơi vào tay những người ngoài cuộc coi thời điểm này là thời điểm thích hợp để công bố văn kiện nhà nước ấy.

Tất cả những đoạn trích nguyên văn từ nguyên bản đều được đặt trong ngoặc kép. Bỏ qua những điểm suy xét chung về lịch sử nước Nga ở phần mở đầu văn kiện này, chúng tôi xin bắt đầu từ những gì có liên quan đến thời kỳ cai trị của Pi-ốt Đại đế[1*].

Do C. Mác viết ngày 14 tháng Bảy 1859
Đã đăng trên báo "New-York Daily Tribune" số 5703, ngày 3 tháng Tám 1859

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

1* Trên báo "Das Volk" Mác đã công bố đoạn dưới đây trước phần in "văn kiện": "Dưới đầu đề này, cơ quan ngôn luận của phái Uốc-các-tơ "Free Press" đã công bố một văn kiện có ý nghĩa rất to lớn đối với Phổ và Đức, khiến chúng tôi dẫn ra đây toàn văn văn kiện ấy. Trong một số gần đây nhất, bản thân chúng tôi sẽ nghiên cứu những đường dây bí mật của tấn kịch trong đó Bô-na-pác-tơ thủ vai nhân vật hài, còn nước Nga thủ vai người điều khiển tấn kịch. Còn tạm thời thì chúng tôi xin nhường lời cho tờ "Free Press"".

PH. ĂNG-GHEN

CUỘC CHIẾN TRANH I-TA-LI-A. NĂM 1859[443]

Ngày 1 tháng Giêng	Diễn văn chúc mừng Năm Mới của Bô-na-pác-tơ[444].
Ngày 26 tháng Hai	Sứ mạng của Cau-li[445] với mục đích trấn an và làm cho cả hai [quốc gia[1*]] rút [quân] ra khỏi lãnh địa của Giáo hoàng.
Tháng Ba	Nước Áo vũ trang và tăng cường đạo quân đang có mặt ở I-ta-li-a.
Ngày 23 tháng Tư	Áo gửi *tối hậu thư* cho Tu-ri-nô: lập tức giải giáp hoặc là bắt đầu các hoạt động quân sự. Ca-vuốc phát biểu với hội nghị mà các nước Pháp, Phổ và Nga[446] đã đồng ý triệu tập theo đề nghị của Anh.

1*- Pháp và Áo

Ngày 24 tháng Tư	Các trạm gác ở biên giới.
Ngày 25 tháng Tư	*Quân Pháp đổ bộ ở Giê-nơ.*
Ngày 26 tháng Tư	Quân Áo *vượt qua Ti-si-nô, bắt đầu* các hoạt động quân sự.
Ngày 27 tháng Tư	*Đại công tước*[1*] *bỏ chạy khỏi Tô-xca-nơ* do nổ ra cách mạng. Chính phủ lâm thời. Ngày 11 tháng Năm chính phủ này được thay bằng Ủy ban Pi-ê-mông[447]. Theo các tin tức từ Viên: *liên minh phòng thủ - tấn công giữa Pháp và Nga.*
Ngày 29 tháng Tư	*Áo củng cố vị trí ở Lô-mê-lin.*
Ngày 1 tháng Năm	*Quận chúa Pác-ma* đã buộc phải bỏ chạy, quay trở lại mấy ngày, nhưng sau đó đã vĩnh viễn bỏ lại [công quốc].
Ngày 10 tháng Năm	Bô-na-pác-tơ [lên đường] đi I-ta-li-a.
Ngày 20 tháng Năm	*Trận đánh ở Mông-tê-ben-lô*[448].
Ngày 31 tháng Năm	*Cũng như vậy ở Pa-le-xtơ-rô*[449].
Ngày 4 tháng Sáu	*Trận đánh ở Mát-gien-ta*[450].
Ngày 7 tháng Sáu	Trận đánh ở Mê-lê-nhi-a-nơ.
Ngày 24 tháng Sáu	Xôn-phê-ri-nô[451].
Ngày 5 tháng Bảy	Huân tước Rớt-xen gửi công văn khẩn khuyên từ bỏ việc thôn tính xứ Xa-voa[452].
Ngày 7 tháng Bảy	*Đình chiến ở Vi-la-phran-ca.*

1*- Lê-ô-pôn II

Ngày 11 tháng Bảy *Cũng ở đó ký hòa ước sơ bộ*[453].

Do Ph. Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 19 tháng Bảy 1859

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
Công bố lần đầu

C. MÁC

TƯƠNG LAI CỦA I-TA-LI-A[454]

Người ta đồn rằng bài báo về tình hình I-ta-li-a đăng ngày 9 tháng Chín trên tờ "Moniteur" và đã trở thành bài báo nổi tiếng là do chính trực tiếp Lu-i - Na-pô-lê-ông đưa ra ; bài báo gây ra những lời bình luận rộng rãi đến như thế, có thể nói rằng nó chứa đựng ba điểm cơ bản. Điểm thứ nhất trong ba điểm ấy là sự tán dương bản hiệp ước Vi-la-phran-ca[453], đặc biệt là phần trong bản hiệp ước ấy quy định phục hồi các đại công tước đã bị trục xuất. Điểm thứ hai là việc thừa nhận rằng bản hiệp ước và cuộc chiến tranh hao tốn tiền bạc diễn ra trước đó đã không mang lại một giải pháp nào cho tình hình ở I-ta-li-a, cũng như còn là mưu toan trút tội lỗi về thất bại ấy, từ bản thân hiệp ước đó, lên vai những ai đã ngăn cản việc thực hiện điều khoản do bản hiệp ước ấy quy định là phục hồi các công tước bị trục xuất. Điểm thứ ba là nhắc nhở người I-ta-li-a: một khi họ không muốn cân nhắc đến trật tự mà hoàng đế Pháp thấy cần thiết lập cho họ,

thì họ đừng mong chờ gì thêm nữa ở vị hoàng đế ấy; họ phải sẵn sàng với sự thể là trong trường hợp nước Pháp hoàn toàn không can thiệp, nước Áo sẽ lại lấy lại địa vị trước kia của nó là kẻ áp bức người I-ta-li-a - những người bị ách thống trị trực tiếp của nó, - kẻ thù đầy lòng ghen ghét, tàn bạo và luôn luôn không lơ là cảnh giác của dân tộc I-ta-li-a, luôn luôn đe dọa I-ta-li-a bằng một đạo quân lớn và thường xuyên giữ đất nước này trong tình trạng lo lắng và ngờ vực.

Để biện minh cho bản thân việc ký hiệp ước và cho sự thật là bất chấp kế hoạch được công bố hồi đầu chiến tranh, một bộ phận đáng kể nước I-ta-li-a vẫn nằm dưới quyền của nước Áo, người ta viện dẫn, thứ nhất, đến sự hùng mạnh của chính nước Áo, là nước tuy bị thất bại nhưng vẫn nắm ưu thế về số quân với những thành trì vững mạnh của họ, thứ hai - và đây là điều chủ yếu - viện dẫn nguy cơ treo trên đầu là sự can thiệp của nước Đức, điều đó sẽ buộc hoàng đế Na-pô-lê-ông chuyển các hoạt động quân sự của mình đến vùng bờ sông Ranh; như vậy thật sự có nguy cơ bị mất đi những lợi thế đã có được ở I-ta-li-a. Còn để biện minh cho sự thỏa thuận về việc phục hồi các đại công tước đã bị trục xuất, Na-pô-lê-ông viện dẫn rằng chỉ có bằng sự nhượng bộ ấy ông ta mới đã thúc giục được hoàng đế Áo[1*] gia nhập Hiệp bang I-ta-li-a được đề nghị thành lập, qua đó thừa nhận dân tộc I-ta-li-a và tự nguyện từ bỏ việc thống trị và kiểm soát bán đảo I-ta-li-a mà ông ta đã nắm giữ trước đây và là nguyên nhân của cuộc chiến tranh vừa qua. Ông ta viện dẫn một nguyên nhân nữa khiến ông ta đồng ý phục hồi các đại công tước, là sự cam kết đáp lại của nước Áo (lần đầu tiên được nói tới) dành cho Vơ-ni-dơ chế độ tự quản khác với bộ máy cai

1* - Phran-txơ - I-ô-xíp

quản chung của Đế quốc Áo. Nói cách khác, biến Vơ-ni-dơ từ một tỉnh của Áo bị kiềm tỏa bởi bàn tay của kẻ xâm lược nhờ sức mạnh quân sự, thành một công quốc I-ta-li-a với bộ máy tự cai quản của địa phương mình, được hưởng - với tư cách là thành viên trong Hiệp bang I-ta-li-a - những ưu thế bắt nguồn từ việc họ thuộc dân tộc I-ta-li-a. Na-pô-lê-ông còn đưa ra một luận cứ khác để biện minh cho thỏa thuận đó, mà xem ra, như là một sự phản bội đối với những ai đã được chính ông ta khuyến khích hành động, và do sự thỏa thuận ấy, tiếng tăm của ông ta trong dân I-ta-li-a đã bị tổn hại đến như thế. Ông ta nói rằng sự trở về của các đại công tước đã được quy định có sự đồng ý của nhân dân và có sự bảo đảm cho tương lai, nhất quyết không phải nhờ quân đội nước ngoài.

Tiếp đó bài báo ấy nói dông dài, với những lời lẽ lòe loẹt, về điều mà người ta có thể chờ đợi nếu nhân dân I-ta-li-a thành thật chấp nhận và thực hiện sự thỏa thuận về I-ta-li-a mà cả hai vị hoàng đế đã nhất trí. Từ nguy cơ và nỗi khủng khiếp đối với I-ta-li-a, Áo sẽ lập tức biến thành một lực lượng hữu hảo, hoặc ít nhất cũng vô hại. Hiệp bang I-ta-li-a trên thực tế bảo đảm sự tồn tại của dân tộc I-ta-li-a, mà đại diện là Xác-đi-ni, như là thành viên có ảnh hưởng nhất của mình, - sẽ có thể có được người đại diện cho sự nghiệp của I-ta-li-a. Nhưng, thật quá đau buồn cho vị tác giả hết sức khả kính của tờ "Moniteur", tất cả những niềm hy vọng ấy đã bị tan vỡ bởi tính không nhìn xa trông rộng và tính vị kỷ - như ông ta khẳng định - của những kẻ đã và vẫn còn đứng cản con đường phục hồi các vị đại công tước bị trục xuất; và ông ta tuyên bố rằng vì thái độ đó của họ mà cuộc chiến tranh và bản hiệp ước đã hoàn toàn thất bại. Vì phần này của bản hiệp ước đã không đạt được mục tiêu, nên Na-pô-lê-ông tuyên bố rằng nước Áo thoát khỏi các cam kết của

mình đối với Vơ-ni-dơ và Hiệp bang I-ta-li-a. Giờ đây, trong cả hai vấn đề này, nước Áo không bị trói buộc nữa, và nước Áo tự do tiếp tục thực hiện chính sách cũ của mình: coi các lực lượng vũ trang bố trí ở bờ phía nam sông Pô là cơ sở để duy trì quân đội của mình ở bờ phía đối diện, ở trong tình trạng chiến tranh, và, trên thực tế, đối với toàn bộ phần còn lại của I-ta-li-a vẫn giữ chính cái lập trường đã từng là nguyên nhân gây ra cuộc chiến tranh vừa qua, và xét cho cùng, sẽ không tránh khỏi gây ra những vụ lộn xộn mới và những tai họa mới.

Xem ra, lời tuyên bố rằng trong hiệp ước Vi-la-phran-ca không đặt ra việc sử dụng lực lượng vũ trang vào việc phục hồi các đại công tước bị trục xuất, đã được hiểu - ở I-ta-li-a - như một bản tuyên bố của Na-pô-lê-ông về việc không cho phép sử dụng quân đội ngoại quốc vào các mục đích đó, và xét trên góc độ này thì bài báo trên tờ "Moniteur" đã được đón nhận ở đó với thái độ hài lòng. Nhưng nó không tạo ra một cơ sở nào cho sự giải thích như thế. Điều lớn nhất mà nó biểu đạt là: Na-pô-lê-ông đã không ràng buộc mình bằng sự cam kết sử dụng vũ lực để thực hiện điều khoản ấy trong bản hiệp ước và không có ý định làm việc này. Nhưng trong lời tuyên bố này không hề có một chút ý ám chỉ nào, rằng ông ta coi mình có bổn phận phải can thiệp trong trường hợp nước Áo thấy cần vượt sông Pô, nó tuyệt nhiên không khó tìm ra cớ để làm việc này. Mặt khác, chỉ có thể hiểu những lời lẽ của ông ta như là một lời cảnh cáo, rằng trò chơi của ông ta can thiệp vào công việc của I-ta-li-a đã kết thúc, và ông ta tự trút bỏ mọi trách nhiệm về những điều có thể xảy ra ở I-ta-li-a trong tương lai. Đề cập đến hội nghị châu Âu dự định họp về vấn đề I-ta-li-a, ông ta thậm chí còn đưa ra giả thiết rằng không thể đạt được điều gì ở nước Áo nếu không có sự đền bù lại. Dù thế nào đi nữa, chiến tranh là sự lựa chọn duy nhất. Về mặt này

nước Pháp đã làm tất cả những gì nó định làm, và người I-ta-li-a sẽ uổng công chờ đợi sẽ có ai đó còn muốn can dự vào chiến tranh vì họ.

Quả thật, xem ra bài báo ấy đưa ra cho người I-ta-li-a một sự lựa chọn: hoặc là đồng ý với việc phục hồi các đại công tước, hoặc là phải từ bỏ mọi hy vọng vào sự can thiệp sau này của Pháp và phải sẵn sàng tự mình đối phó với nước Áo bằng cách mà người I-ta-li-a có thể làm. Thật vậy, căn cứ vào giọng điệu có thiện ý trong bài báo khi nói về hoàng đế Áo và về thái độ sẵn sàng của ông này - nhằm có sự hiểu biết lẫn nhau với nước Pháp - chấp nhận những sự hy sinh mà ông ta đã chịu nhận khi ký hòa ước Vi-la-phran-ca, thì xem ra không thể hoài nghi gì về việc người ta hoàn toàn chẳng có ý định gây chuyện cãi cọ mới với ông ấy nữa. Mặt khác, mục đích chủ yếu của bản tuyên ngôn này có lẽ là để cho nước Áo hiểu rằng - trong chừng mực điều đó phụ thuộc vào nước Pháp - nước Pháp tự do xử sự với I-ta-li-a theo cách mà nước Pháp muốn. Sau khi tiêu tốn 100 triệu đô-la và để lại trên bãi chiến trường 50 nghìn xác binh sĩ nhằm tạo ra Hiệp bang I-ta-li-a, một điều đã tỏ ra là huyền hoặc, hoàng đế Pháp có ý định từ bỏ mọi sự chăm lo tiếp tục đối với các công việc của I-ta-li-a.

Do C. Mác viết khoảng ngày 12 tháng Chín 1859
Đã đăng làm xã luận trên báo "New - York Daily Tribune" số 5752, ngày 29 tháng Chín 1859

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

C. MÁC

VỀ PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG[455]

... tạo thành cái chỉnh thể [xã hội]. Như vậy, lao động của tôi biểu hiện ra là một bộ phận độc lập của toàn bộ lao động xã hội. Các dạng lao động khác nhau tạo thành những bộ phận khác nhau của lao động xã hội và như vậy, xét trong tổng thể, chúng biểu hiện ra như là *sự phân công lao động*, thông qua trao đổi, sự phân công ấy được hình dung như là cái chỉnh thể, như là những bộ phận bổ sung cho nhau, như là những khâu trong hệ thống lao động xã hội.

Trong sự phân công lao động này - sự phân công này thể hiện qua sự trao đổi các dạng lao động hữu ích khác nhau - cần phân biệt hai khía cạnh.

Thứ nhất, cái gắn các dạng lao động lại với nhau là *tính chất khác biệt* của chúng, chứ không phải *tính đồng nhất* của chúng, *sự đa dạng* của chúng, chứ không phải *sự đơn dạng* của chúng. Phân công lao động xã hội là tổng thể các dạng lao động đa dạng,

bổ sung cho nhau chính là nhờ tính muôn màu muôn vẻ của chúng, nhờ tính chất khác nhau của chúng.

Người thợ đóng giày muốn đem lao động đóng giày của mình, thể hiện trong những chiếc giày, đổi lấy bánh mì, chè, đường, than, thịt, quần áo, mũ v.v., nghĩa là đổi lấy lao động của thợ làm bánh, lao động của người nông dân trồng chè, lao động của người công nhân ở nhà máy đường, lao động của người sản xuất thịt, lao động của người thợ may, của thợ làm mũ, v.v.. Người thợ giày ấy đem lao động của mình trao đổi lấy lao động của những người khác, bởi vì lao động của những người khác khác với lao động của bản thân anh ta, và như vậy thỏa mãn được những nhu cầu mà lao động của bản thân anh ta không thỏa mãn được; lao động ấy của những người khác thể hiện ở những tư liệu sinh hoạt mà lao động của bản thân anh ta không thể thể hiện ra trong đó. Nếu lao động của những người khác *cũng* thuộc loại *như* lao động của bản thân anh ta, thì anh ta sẽ không cần đến lao động của họ và sẽ không đem lao động của mình đổi lấy lao động ấy. Như vậy, trong chừng mực lao động là lao động hữu ích, thì lao động đó được đem trao đổi lấy những dạng lao động khác, vì những dạng lao động ấy *khác nhau* ở mức độ như chúng vẫn khác nhau, và thuộc về những lĩnh vực khác nhau của nhu cầu của con người.

Thứ hai, nếu tự bản thân tôi thực hiện tất cả những dạng lao động cần thiết cho cuộc sống của tôi, nghĩa là tôi tự mình sản xuất ra tất cả mọi tư liệu sinh hoạt cho bản thân mình, thì tôi sẽ không cần đến lao động của những người khác và sẽ không đem lao động của mình đổi lấy lao động của những người khác, mà họ thì cũng tự mình thực hiện y như vậy tất cả mọi dạng lao động cần thiết để duy trì đời sống của họ. Nếu tôi không chỉ đóng

giày ủng, mà còn tự mình nướng bánh mì, tự nấu bia của mình, trồng lúa mì, tự dệt vải may quần áo cho mình, thì tôi sẽ không đem lao động của thợ đóng giày đổi lấy lao động của người thợ nướng bánh, người làm bia, người làm ruộng, người thợ dệt.

Lao động của tôi mang tính chất *phiến diện*, nhưng nó thỏa mãn một nhu cầu *xã hội* nào đó, nhu cầu của các thành viên khác trong xã hội. Tôi sẽ không thể chỉ làm thứ lao động phiến diện đó, nếu như tôi không biết rằng những thành viên khác của xã hội thực hiện những dạng lao động cần thiết khác và bằng cách đó bổ sung cho lao động của tôi. Như thế, lao động để thỏa mãn một nhu cầu xã hội là lao động đặc biệt của từng cá nhân xác định, cá nhân này biến lao động ấy thành nghề nghiệp của mình.

Do C. Mác viết vào mùa thu 1859

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
Công bố lần đầu

C. MÁC

HOÀNG ĐẾ NA-PÔ-LÊ-ÔNG III VÀ NƯỚC PHỔ[456]

Béc-lin, 12 tháng Sáu 1860

Dưới đây là những trích đoạn trong cuốn sách mỏng mới toanh của ngài A-bu, sẽ ra mắt vào những ngày tới đây ở Pa-ri:

"Nước Đức cần biết cái giá phải trả cho tình hữu nghị của nước Pháp. Chẳng phải là các binh sĩ của chúng ta đã lao đến Biển Đen để cứu đế quốc Ốt-tô-man khỏi sự diệt vong đó sao? Chẳng phải là cuộc giải phóng các dân tộc Môn-đa-vi và Va-la-ki đã được thực hiện không có đổ máu chỉ là nhờ ảnh hưởng của chúng ta đó sao? Dưới sự bảo trợ của chúng ta, nước I-ta-li-a đã bước vào con đường độc lập và thống nhất, các đội quân của chúng ta đã mở đường để giờ đây, nước I-ta-li-a tiến lên dưới sự cầm đầu của xứ Pi-ê-mông, và nếu ông trời cho phép hoàn tất công trình vĩ đại này, nếu ở cửa ngõ của chúng ta một dân tộc 26 triệu người được tổ chức lại, thì nước Pháp sẽ không bị ăn hiếp". "Bởi vì nó cho rằng chừng nào còn tồn tại các dân tộc bị áp bức và *các ông vua mà thần dân của họ không chịu đựng nổi*, thì ở châu Âu không thể thiết lập được trật tự nào cả".

"Chưa bao giờ dân tộc cao thượng ấy"

(Nước Đức)

"lại vĩ đại như vào thời kỳ từ năm 1813 đến năm 1815, vì chưa bao giờ dân tộc ấy thống nhất đến thế. Khi một người Pháp nói một cách cảm phục về những cuộc chiến khủng khiếp như vậy đối với nước Pháp thì bằng chứng của người Pháp ấy đáng được chú ý. Ý thức về niềm vinh dự và về nền độc lập của nước Đức, được thức tỉnh bởi cuộc xâm lăng, đã làm nên những kỳ tích. Đất nước này chỉ có một niềm say sưa, chỉ có một trái tim, cả nước đứng lên muôn người như một, và thất bại của các đội quân vô song của chúng ta chứng tỏ nước Đức thống nhất có khả năng làm được gì".

"Mong rằng nước Đức sẽ lại trở nên thống nhất. Nước Pháp nhiệt thành mong muốn điều đó, bởi vì nước Pháp có lòng yêu mến bất vụ lợi đối với dân tộc Đức. Nếu chúng ta không bị giày vò bởi lòng hiếu danh tàn nhẫn mà một số ông vua quy cho chúng ta, thì lẽ ra, chúng ta đã không thúc giục nước Đức đi đến thống nhất. Mong rằng nước Đức sẽ thống nhất và tạo thành một chỉnh thể đoàn kết nhất trí đến mức khiến không thể có một sự xâm lăng nào được. Nước Pháp không hề sợ hãi đứng nhìn nước I-ta-li-a, với số dân 26 triệu người, trỗi dậy ở biên giới phía nam của nó, nước Pháp sẽ không cảm thấy khiếp sợ cả khi nhìn thấy 32 triệu người Đức ở biên giới phía đông của mình".

"Người Đức bắt đầu hiểu rằng thật là điên rồ nếu duy trì 37 chính phủ khác nhau".

họ tràn đầy quyết tâm đạt tới tự thống nhất.

"Nước Phổ sẽ là hạt nhân của họ, bởi vì nước Phổ là hiện thân của tự do buôn bán và tự do tư tưởng, trong khi nước Áo đại diện cho chủ nghĩa bảo hộ, chủ nghĩa chuyên chế và tất cả những điều khủng khiếp bắt nguồn từ thỏa ước của nó với giáo hội[457]. Vì vậy, họ sẽ đoàn kết chung quanh nước Phổ. Nhưng Phổ phải lựa chọn giữa quyền của Chúa và các quyền của nhân dân. Trong khi một số ông vua bám chắc vào chủ nghĩa chính thống giả hiệu thì những đế chế chính thống được tạo ra trên cơ sở quyền phổ thông đầu phiếu. Vua Na-plơ[1*] khẳng định rằng thần dân của ông ta thuộc về ông ta, còn các thần dân ấy thì lấy sự kháng cự vũ trang để đối chọi lại những tham vọng đó. Hoàng đế Pháp[2*] và vua xứ Xác-đi-ni[3*] đưa ra những lời tuyên bố theo tinh thần triết học hiện đại, rằng các dân tộc chỉ thuộc về chính họ, và hai dân tộc vĩ đại hầu như nhất trí lựa chọn họ là các lãnh tụ của mình. Hoàng tử Phổ[4*] sẽ tán

1*- Phran-xi-xcơ II

2*- Na-pô-lê-ông III

3*- Vích-to - Ê-ma-nu-en II

4*- Vin-hem, vua Phổ tương lai Vin-hem I

thành quyền của Chúa hay là tán thành các quyền của nhân dân? Đối với ông ta, một lời tuyên bố như vậy lại càng cần thiết, vì năm 1849, Quốc hội, thành quả của cuộc tổng tuyển cử, đã đem đến cung điện cho nhà vua[1*] chiếc ngai vàng hợp pháp. Vậy ông ta đã làm gì? Ông ta tán thành quyền của Chúa trời, chống lại các các quyền của nhân dân; ông ta đồng ý tiếp nhận ngai vàng chỉ với điều kiện là các vị vua chúa để nghị ông tiếp nhận ngai vàng ấy.

và thế là những thằng ngốc Phổ đã vỗ tay và tuyên bố:

""Chúng tôi không muốn cái ngai vàng đã bị phái dân chủ phỉ nhổ". Dắc-den và Ba-den đã lật đổ các vua chúa của mình rồi. Hai đạo quân Phổ đã tiến binh vì quyền của Chúa trời và đã xâm nhập vào Dắc-den và Ba-den. Người ta lại đặt vua Dắc-den[2*] lên ngai vàng, cũng như đặt công tước Ba-den lên ngai vàng; và sau khi mọi chuyện đã được giải quyết bằng cách đó và quân đội dân chủ của Ba-den tìm được nơi ẩn náu ở Thụy Sĩ thì quân Phổ đã thản nhiên xử bắn 26 người yêu nước Đức".

"Có một người dân chủ Phổ mới đây đã viết cho những người ở Vuyếc-tem-béc: "Tại sao các vị không liên kết với chúng tôi?" Họ đã trả lời: "Nếu chúng tôi là người Phổ thì tất cả chúng tôi, đứng đầu là nhà thơ U-lan, đã bị đầy biệt xứ rồi"".

"Không có gì kỳ lạ hơn và chính xác hơn lời khẳng định ấy. Sau năm 1848 tất cả các vua chúa châu Âu, thậm chí cả Giáo hoàng, đã ban bố ân xá. Cuộc ân xá ở Phổ chưa được công bố. Nếu hoàng tử - nhiếp chính muốn được đất nước mình thưởng công thì mong ông ta sẽ để những người đi biệt xứ trở về và sẽ trở thành người thực hiện di chúc của Quốc hội năm 1849, giống như các nhân vật dòng họ Na-pô-lê-ông đã thực hiện di chúc của cách mạng Pháp!".

"Cho phép chúng tôi bác bỏ một số quan niệm sai lầm tồn tại ở nước Đức. Ở đó người ta cho rằng - vì tin vào một số tờ báo phong kiến - đế chế Pháp đang ở trong tình trạng nô lệ, rằng chính quyền hoàng đế đã kìm hãm tư tưởng, đã thủ tiêu quyền đại diện của nhân dân"

và đã quẳng cho ma quỷ chó má những quyền tự do của chúng ta.

1*- Phri-đrích - Vin-hem IV

2*- Phri-đrích Au-gu-xtơ II

"Người Phổ cho rằng họ tự do hơn chúng ta và hạnh phúc hơn dưới chế độ cai quản theo chủ nghĩa tự do và có nghị viện. Đúng là hoàng đế Pháp đã dựng lên sự vĩ đại và sự phồn vinh cho nước Pháp"

bằng cách sử dụng quyền độc tài,

"nhưng về thực chất đây là chính quyền dân chủ, bởi vì chính quyền này do nhân dân trao cho ông ta".

Nhưng chẳng phải ở nước Phổ, chế độ phong kiến đã xuyên suốt mọi mặt đời sống đó sao?

"Quân đội Pháp trung thành với hoàng đế, nhưng nó không thuộc về hoàng đế, mà thuộc về dân tộc. Còn quân đội Phổ thuộc về nhà vua hay là thuộc về dân tộc? "Thuộc về nhà vua, - cách đây mấy ngày, vị thủ tướng Hô-hen-txô-léc nói.- Các đại biểu của nhân dân tuyệt nhiên không liên can gì đến quân đội"".

"Đúng là tự do báo chí ở nước chúng ta chịu những hạn chế hà khắc, nhưng quyển in và được in không bị thủ tiêu, mà chỉ bị hoãn lại mà thôi. Dân tộc đồng ý im lặng trước sự hiện diện của nhà vua đang làm những việc vĩ đại, giống như bạn bè của nhà triết học hoặc của một đại văn hào giữ im lặng trong phòng làm việc của nhà triết học hoặc nhà văn đó. Về quyền thì nó vẫn bất khả xâm phạm, và người Pháp có khả năng đòi hỏi quyền đó vào thời điểm thích đáng và ở một nơi thích đáng, nếu vị hoàng đế quên (!) trả lại quyền đó cho họ". Chắc chắn các tác giả ở Béc-lin được tự do hơn, bất kể các khoản thuế, khoản thế chấp v.v.. "nhưng ai sẽ bảo đảm cho họ hưởng lâu dài những ưu đãi?". Bàn tay trao cho họ những ưu đãi ấy cũng có thể thu hồi lại chúng. Sự khác biệt giữa chúng ta và họ là ở chỗ chúng ta cho hoàng đế vay các quyền tự do của chúng ta, trong khi họ lại vay mượn những quyền tự do ấy ở vị hoàng tử nhiếp chính".

"Người Đức nghĩ rằng chúng ta đã cho phép người ta tước mất của chúng ta chế độ nghị viện. Điều này đúng. Từ năm 1848 nghị viện của chúng ta sẽ thay đổi. Nó không còn là bè lũ đại biểu cho 400 hoặc 500 nghìn người; toàn thể dân tộc cử các đại biểu của mình đến Viện lập pháp. Quốc hội này, cũng như bản thân hoàng đế, được bầu ra thông qua phổ thông đầu phiếu, nó không còn được hưởng đặc quyền phi lý (!) là phá hoại diễn tiến của công việc nhà nước, đem các bài diễn văn thay cho hành động, thay sự thống nhất bằng bè cánh, thay lợi ích quốc gia bằng thói hư danh cá nhân, thay sự tiến bộ thật sự của nhân dân vĩ đại bằng sự dung túng cho thói hám danh nhỏ nhen của trò hùng biện; nhưng quốc hội được hưởng cái quyền vô giá là bỏ

phiếu biểu quyết về mọi loại thuế và mọi đạo luật của đế chế". "Liệu chúng ta có cơ sở gì để ghen tị với bản hiến pháp của Phổ chăng? Phải chăng ở Phổ người ta áp dụng nguyên tắc nội các chịu trách nhiệm? Tuyệt nhiên không phải thế. Phải chăng các viện của quốc hội có cái quyền được thừa nhận là khước từ việc biểu quyết về các khoản thuế? Không. Và các viện trong quốc hội Phổ là gì vậy? Cái viện tương ứng với Viện lập pháp của chúng ta hoặc (!) tương ứng với hạ viện, thì được lập ra bằng một cơ chế khôn khéo hơn là cơ chế dân chủ". Giả sử, có một quận trả 300 nghìn phrăng thuế trực thu. Những người nộp thuế phân ra thành ba nhóm: 15 - 20 chủ sở hữu lớn trả 100 nghìn phrăng thuế thì tạo thành lớp cử tri thứ nhất; lớp cử tri thứ hai gồm 200 - 300 người nộp 100 nghìn phrăng tiếp theo, và lớp cử tri thứ ba gồm 2-3 nghìn người trả số thuế còn lại. Mỗi lớp cử tri trong số đó bầu ra sáu đại biểu cử tri, và 18 vị đại biểu cử tri ấy, đến lượt mình, lại bầu ra một đại biểu quốc hội. Như thế là hoàn toàn loại trừ quyền đại diện của các giai cấp trung lưu; chính vì vậy mà ngài Phôn Phin-kê, giữ ghế nghị sĩ của phái bảo thủ tại nghị viện Phran-phuốc, thì giờ đây - mặc dù vẫn không thay đổi các quan điểm của mình - lại là một nhà dân chủ tiên tiến nhất trong quốc hội Phổ. Với một nghị viện như thế thì liệu nước Đức theo chế độ tự do có thể làm được gì nhiều không? Và thậm chí nếu hạ viện sẽ có ý nguyện nào đó hướng đến tiến bộ, thì phải chăng thượng viện lại sẽ không trói chân trói tay hạ viện và không lấn át hạ viện ? "Quốc hội này gồm giới quý tộc có được vị trí của mình do nguồn gốc xuất thân của mình, và những nhân vật do nhà vua lựa chọn trong số những người dự tuyển do giới quý tộc, các trường đại học và các thành phố lớn giới thiệu với ông ta; một mặt là quyền do nguồn gốc xuất thân của mình, mặt khác là sự lựa chọn của nhà vua. Thượng viện được bổ sung chỉ từ các nguồn này, và do vậy, nó chống lại mọi biện pháp của phái tự do". Trong thời gian gần đây "với đa số phiếu áp đảo, nó đã bác bỏ nguyên tắc hôn nhân dân sự; còn vừa mới đây, suýt nữa nó đã dấy lên cuộc nổi dậy chống lại ông bộ trưởng[1*] đã đưa ra đề nghị buộc giới quý tộc phải nộp thuế, giống như tất cả các tầng lớp công dân khác".

"Bản hiến pháp này hoàn toàn chưa hoàn thiện. Và nếu nước Đức dám lao vào vòng tay của nước Phổ thì cần phải thay đổi bản hiến pháp ấy một cách căn bản".

"Rất mong rằng nước Phổ tỏ ra công bằng hơn một chút đối với các chính phủ dựa vào quyền phổ thông đầu phiếu. Chúng tôi không trách triều đình Béc-lin vì những lời đả kích thóa mạ của báo chí Đức. Chúng tôi cũng không trông đợi vị hoàng tử

1*- Rôn

nhiếp chính sẽ bịt miệng các thần dân của mình, thậm chí ngay cả khi họ thóa mạ chúng tôi. Song, chúng tôi xin phép nhận xét rằng nếu tờ "Siècle" và tờ "Opinion nationale" có thái độ phỉ báng đối với một ông vua không phải là kẻ thù của nước Pháp, thì tờ "Moniteur", hoặc ít ra các tờ báo bán chính thức, sẽ vội vàng làm dịu sự xúc phạm ấy bằng một lời đáp lại nghiêm khắc".

"Cũng hết sức mong rằng các nhà hoạt động chính trị Phổ trong nghị viện Phổ hãy tự kiềm chế, đừng có những lời đả kích sấm sét công khai nhằm vào nước Pháp. Khi ngài Phôn Phin-kê tại hạ viện Phổ tuyên bố rằng cần phải giành lại vùng An-da-xơ và Lo-ren-nơ của chúng ta thì lời phát biểu không khôn ngoan ấy không làm cho dân tộc Pháp lo lắng đến mức phải cầm lấy vũ khí, nhưng điều đó tạo ra cái cớ để tuyên bố một cách thỏa mãn rằng những hành động sơ xuất loại ấy không thể diễn ra được ở nước Pháp". "Từ khi Na-pô-lê-ông III lên ngôi, và đặc biệt là sau khi Ni-xơ[1*] và Xa-voa bị thôn tính thì các nhà chính luận Đức, và có lẽ ngay cả các vị vua chúa Đức, đã khá lớn tiếng bày tỏ sự không tin cậy hoàn toàn không có cơ sở đối với chính sách của Pháp. Họ khăng khăng gán cho chúng ta ý định thôn tính các tỉnh vùng Ranh và xâm chiếm đất đai của Đức. Họ tuyên bố nỗi lo lắng vô căn cứ ấy một cách lớn tiếng và kiên quyết đến nỗi *nếu chúng ta không hết sức vô tư, thì điều đó lẽ ra đã có thể đẩy chúng ta đến những ý nghĩ không hay. Không thể bác bỏ được rằng nếu trên đường phố, các vị tiến đến một người dễ tính nhất và hiền lành nhất và bảo người ấy rằng: "Thưa quý ông, ông có ý định cho tôi một cái tát. Ông có thể thề rằng ông không có ý định ấy, nhưng tôi biết rằng ông muốn tát vào mặt tôi. Chẳng có lý do gì đem sự thề thốt ra để thuyết phục tôi tin vào điều ngược lại, bởi vì tôi sẽ không tin ông và không tin vào những lời thề của ông, vì tôi biết ông có ý định tát vào mặt tôi. Nhưng tôi mạnh hơn ông, tôi không sợ ông. Tôi sẽ đè bẹp ông như đập bẹp con ruồi. Tôi thách ông thử tát vào mặt tôi đi", - phải chăng một người dễ tính và hiền lành nhất không xem đó là nguyên cớ đủ để anh ta thực hiện điều người ta đòi hỏi anh ta phải làm hay sao, phải chăng anh ta lại không tát vào mặt kẻ khiêu khích ư?"*.

"Nhưng chẳng có những sự khiêu khích nào buộc được nước Pháp đi chệch đường lối mà nó đã vạch ra cho mình. Chúng tôi quá chính nghĩa nên không thể nghĩ đến chuyện xâm lược lãnh thổ thuộc dân tộc khác. Cầu trời, mong sao Hiệp bang Đức được cổ vũ cũng bởi những ý tưởng như thế! Như vậy thì Hiệp bang Đức lẽ ra đã không

1* Từ "Ni-xơ" do Mác bổ sung vào chính văn cuốn sách của A-bu.

chiếm công quốc Pô-dơ-nan. lẽ ra nó đã không tấn công miền đất phía bắc Slê-dơ-vích, đã không tuyên bố Tơ-ri-e-xtơ là thành phố của Đức. Về phía chúng tôi, chúng tôi không sợ khẳng định rằng miền đất Lo-ren-nơ và An-da-xơ là của Pháp, bởi vì bản thân những vùng này đã xác nhận điều đó bất chấp ý kiến người Đức. *Chúng tôi gìn giữ cái thuộc về chúng tôi*. Chúng tôi không muốn nhiều hơn thế! Chúng tôi cho rằng tất cả những biên giới tự nhiên, tất cả các con sông của châu Âu không có giá trị để bảo vệ lãnh thổ chúng tôi bằng một nửa giá trị của một trung đoàn khinh binh Bắc Phi hoặc xạ thủ bộ binh với những lưỡi lê gắn vào đầu súng".

"Liệu chúng tôi có được phép bổ sung thêm một ước nguyện nữa vào những lời khuyên hữu hảo ấy, hay không? Ước nguyện đó sẽ cho thấy chúng tôi quan tâm sâu sắc như thế nào đến sự thống nhất của nước Đức và đến tương lai của nước Phổ".

"Cái tên gọi của nước Phổ, bản hiến pháp của nó, con người của vị hoàng tử nhiếp chính vô cùng cao quý của nước này gợi lên biết bao nhiêu cảm tình ở Đức, thì có lẽ giới quan liêu của nó lại gây nên thái độ ghê tởm còn mạnh hơn thế, và không chỉ ở Đức, mà cả ở những người trung thực trong tất cả mọi nước. Ngày 12 tháng Năm 1860, ánh sáng đã rọi vào những thủ đoạn của cảnh sát Phổ; ánh sáng ấy đã rọi sáng trước mắt mọi người một sự pha trộn hết sức kỳ lạ của sự vụng về và vô đạo đức, sự mẫn cán và tính thiếu thận trọng, những hành động xúi giục có tính chất khiêu khích và thứ mưu kế quỷ quyệt vụng về".

"Đó là những sự thật dưới dạng mà chúng đã được ngài Ni-e-gô-lép-xki, nghị sĩ khả kính đại diện cho đại công quốc Pô-dơ-nan, báo cáo với quốc hội Phổ. Ba quan chức Phổ - ngài Phôn Pút-ca-mơ, tổng đốc tỉnh Pô-dơ-nan, ngài Phôn Bê-ren-spơ-rung, chánh cảnh sát, và ngài Pô-xtơ, thư ký kiêm phiên dịch - đã tìm cách thể hiện sự mẫn cán của mình và được chính phủ biết ơn. Ngài Phôn Pút-ca-mơ là một nhân vật quan trọng, một nhân vật lớn hơn tỉnh trưởng, nhưng lại bé hơn bộ trưởng; ngài Phôn Bê-ren-spơ-rung là một người nổi tiếng và quan trọng; Pô-xtơ là một nhân vật nhỏ bé không quan trọng".

"Nhân vật thứ nhất thì sáng tác, nhân vật thứ hai đọc, nhân vật thứ ba chép lại. Ba nhân vật xứng đáng ấy, sau khi mở rộng khối óc quan chức của mình đã này ra ý tưởng vĩ đại là dấy lên cuộc khởi nghĩa ở Pô-dơ-nan, để sau đó có được vinh dự và niềm vinh quang bởi vụ đàn áp cuộc khởi nghĩa ấy. Vai trò của tên mật vụ khiêu khích - ngay cả Vi-đốc cũng phải chùn bước trước vai trò ấy - đã không làm cho họ ghê tởm. Họ đã mang bộ mặt những người Ba Lan bất bình với sự cai trị của Phổ. Trong

văn phòng của mình họ đã thành lập ủy ban dân chủ giả hiệu và đặt quan hệ với ủy ban trung ương đặt trụ sở ở Luân Đôn. Họ lặp lại: "Hãy cử đến chỗ chúng tôi các phái viên, những lời kêu gọi, vũ khí". Về phía mình, họ gửi đến Luân Đôn tiền bạc lấy từ ngân quỹ, những đồng ta-le chụp giật từ tay những người đóng thuế khốn khổ. Tiền thuế đã được dùng một cách không tồi. Nhân vật giữ quỹ của vụ này là viên thư ký cảnh sát, ngài Stôn-xen-béc-gơ. Các bức thư phải gửi về địa chỉ người vợ của viên cố vấn Tòa án tối cao là bà Ru-khơ".

"Ủy ban Luân Đôn mắc câu không phải ngay lập tức. Nó lưỡng lự tỏ ý không tin. Xem ra, ủy ban này đã cảm thấy có sự phản trắc. Nhưng bộ ba quan chức này đã khẩn khoản cầu xin gửi một số bức thư và thông tri đến cho họ, đã hết sức khâm phục nói đến tướng Mát-di-ni, hết sức xúc động bình phẩm văn xuôi của Phê-lích-xơ Pi-a như nguồn thức ăn thiết yếu, khiến cho một số nhà cách mạng ở Luân Đôn, thậm chí kể cả chính Mát-di-ni, đã bắt đầu trao đổi thư từ với họ. Cái trò chơi phản trắc ấy diễn ra trong ba năm, lẽ ra nó còn kéo dài đến tận bây giờ nếu như nó không bị bất ngờ dừng lại bởi những lời sấm sét của ngài Ni-c-gô-lép-xki".

"Nhà hùng biện ấy của Pô-đơ-nan đặt lên bàn nguyên bản 24 bức thư mà ngài Pô-xtơ đã viết và do ngài Bê-ren-spơ-rung đọc theo gợi ý của ngài Pút-ca-mơ. Bức thư thứ nhất đề ngày 19 tháng Tám 1858, bức thư cuối cùng đề tháng Tư 1860. Không một ai, thậm chí cả bộ trưởng nội vụ là ngài Phôn Svê-rin, dám bác bỏ tính đích thực của những văn bản ấy. Chúng tôi có bản dịch của người dịch có tuyên thệ. Những bức thư ấy chứng tỏ rằng cảnh sát Phổ đã thúc ủy ban Luân Đôn gửi những truyền đơn này lửa đến đại công quốc Pô-đơ-nan, nó đã trả chi phí cho việc in ấn những lời kêu gọi ấy ở Luân Đôn và tiếp tay cho việc phổ biến những truyền đơn ấy trong hàng ngũ những cá nhân đang bị nghi ngờ, để sau này có thể chộp bắt họ, mà cảnh sát thì sẽ biết cách phô bày sự sốt sắng của mình nhờ tiền của của một số thần dân của vua Phổ; những bức thư ấy chứng minh rằng Pút-ca-mơ, Bê-ren-spơ-rung và đồng bọn của họ đã dùng những thủ đoạn thuyết phục và hứa hẹn để thúc giục ủy ban Luân Đôn cử đến chỗ họ phái viên có tên là Ri-uy-ít, người mà họ"

(tức là cảnh sát)

"đã cung cấp hộ chiếu, tạo điều kiện cho người này đi chuyển tự do, nhằm mục đích để người đó làm mất uy tín càng nhiều người càng tốt, rồi sau đó bắt giam người đó và kết án hai năm tù giam". Sau chiến công vẻ vang ấy, ngài Phôn Bê-ren-spơ-rung, người đã cứu nguy cho trật tự do chính ông ta xâm phạm, đã tự ứng cử vào nghị viện,

song đã bị thất cử. "nhưng ông ta vẫn tiếp tục trao đổi thư tín với Mát-di-ni và ủy ban Luân Đôn, thề thốt với họ rằng giới quý tộc Ba Lan đã tố giác Ri-uy-ít (bức thư ngày 5 tháng Bảy 1859).và rằng một số quý tộc Ba Lan đang phục vụ cảnh sát (bức thư ngày 19 tháng Bảy 1859)".

"Những quan chức này trong những bức thư của mình đã tìm cách bôi nhọ giới quý tộc Ba Lan và giới tăng lữ, kể cả công tước Sác-tô-ru-ski, trước con mắt ủy ban Luân Đôn. Họ nói đến việc chiếm những điền trang của địa chủ và phân chia chúng vì lợi ích của nhân dân. Ngày 27 tháng Ba 1859 họ được biết hoàng đế Pháp sửa soạn có một cử chỉ rộng lượng là lên tiếng ủng hộ nền độc lập của I-ta-li-a. Để đi trước việc làm này, họ viết thư cho ủy ban Luân Đôn cầu khẩn Mát-di-ni phát động đất nước đứng lên trước khi quân đội Pháp tới, để nghị ông này giương cao lá cờ đỏ lên trước khi Na-pô-lê-ông có thể can thiệp được vào công việc của I-ta-li-a. Ngày 21 tháng Năm họ cảm ơn ủy ban Luân Đôn về việc ủy ban này đã gửi đến cho họ "công thức chế tạo bom của Oóc-xi-ni". Không cần phải là nhà tiên tri cũng có thể đoán biết tại sao họ lại nhận công thức chế tạo này. Chúng ta biết rằng những ngài này phục vụ trong cảnh sát, vì vậy họ đã không thể là những kẻ âm mưu; những ý định của họ tất phải là những ý định trong trắng nhất. Không nghi ngờ gì nữa, họ đã có ý định phòng trước cho hoàng đế tránh khỏi mối nguy hiểm, chính điều đó đã giải thích vì sao có dòng viết thêm vào bức thư: "Liệu những người dân chủ Pháp trì hoãn bao lâu nữa vụ mưu sát mới nhằm vào Na-pô-lê-ông?" Sau hiệp ước Vi-la-phran-ca[453] có căn cứ để cho rằng người Đức ai ai cũng phải hài lòng thấy rằng Vơ-ni-đơ vẫn thuộc về Áo, nhưng họ đã viết cho Mát-di-ni: "Cách mạng sẽ nổ ra ở I-ta-li-a, Hung-ga-ri, Đức, Phổ,có thể cả ở Pháp nữa và thậm chí ở Ba Lan. Sự phản bội của Na-pô-lê-ông đã mở mắt cho toàn thế giới, và tất cả các dân tộc bị áp bức sẽ vui sướng nếu được thoát khỏi ông ta". Và tiếp nữa những mật vụ ấy của cảnh sát Phổ viết: "Điều gì xảy ra ở Pháp? Phải chăng sẽ không xuất hiện một Oóc-xi-ni thứ hai? Phải chăng phái cộng hòa không muốn làm gì cả để lật đổ tên bạo chúa?" (ngày 20 tháng Tám 1859)".

"Chúng tôi không muốn trút trách nhiệm cho những giới quá cao cấp về những hành vi bộp chộp ấy. Cảnh sát tỏ ra vụng về hơn là có tội, vì nó không có đủ sự tế nhị để che giấu những giấy tờ hết sức mật của mình khỏi con mắt của những người trung thực. Nhưng lẽ ra chính phủ Phổ phải kéo cảnh sát của mình ra khỏi con đường nguy hiểm ấy; không bao giờ được đẩy con người tới chỗ phạm tội, ngay dù đó là phương cách tìm hiểu điều uẩn khúc của họ".

"Ai ai cũng biết rằng nếu Oóc-xi-ni thành công trong cuộc mưu sát tội lỗi của mình thì ông ta sẽ giết chết người giải phóng trong tương lai của I-ta-li-a và gây cho đất nước mình nhiều tai hại hơn là ích lợi. Chúng tôi cũng có thể nói thêm rằng nếu cảnh sát Phổ không có ác ý gì cả, mà chỉ do sự sốt sắng ngu xuẩn mà đi tìm kiếm một Oóc-xi-ni thứ hai, thì nó sẽ làm cho nước Phổ mất đi một đồng minh rất có ích, có thể đồng minh ấy có sứ mạng giúp đỡ to lớn đối với nước Phổ, miễn là nước Phổ đến gặp người đồng minh ấy"[458].

Bản tin do C. Mác soạn ngày 12 tháng Sáu 1860
Đã đăng trên báo "New-York Daily Tribune" số 5986, ngày 30 tháng Sáu 1860

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh

C. MÁC

NHỮNG TRÍCH ĐOẠN TRONG CUỐN SÁCH CỦA [I.XA-BÔ] "CHÍNH SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA CHÂU ÂU HIỆN ĐẠI, TỪ ĐẦU THẾ KỶ XVI ĐẾN NGÀY NAY". GỒM 2 TẬP. LUÂN ĐÔN, 1857[1] [TẬP I][459]

I) *Các năm 1520- 1559. Phrăng-xoa I và Sác-lơ V*

(Năm 1523. Vụ xé bỏ hiệp ước liên minh Can-ma-rơ[460]; Gu-xtáp Va-da được bầu làm vua của Thụy Điển).

Năm 1520 Sác-lơ (V) lên ngôi hoàng đế ở Ếch-xơ-la-Sa-pen (sở hữu *Buốc-gun-đi, Tây Ban Nha, Xi-xin, Na-plơ và Na-va-ra* cũng như cả nước *Áo* (sau cái chết của Mắc-xi-mi-li-an I vào năm 1519).

Mi-la-nô - xứ này bị Lu-i XII đòi cai quản trên cơ sở quyền của bà ông ta thuộc dòng họ Vi-xcôn-ti - đã bị Phrăng-xoa I giành lại vào năm 1515 từ tay Xphoóc-txa[2*], còn bây giờ thì Sác-lơ đòi sở hữu Mi-la-nô như là lãnh địa phong cấp của đế chế. Phrăng-xoa cũng lặp lại những đòi hỏi của nước Pháp về Na-plơ và Buốc-gun-đi. Thế là nổ ra cuộc chiến tranh mười bốn năm - không nghi ngờ gì nữa, nguyên nhân chỉ là sự giành giật Mi-la-nô.

1* The State Policy of Modern Europe, from the Beginning of the Sixteenth Century to the Present Time. In two volumes. London, 1857.

2* - Phran-tre-xcô II

Hen-ri VIII liên minh với Áo. Quân đội Tây Ban Nha buộc người Pháp (sau thất bại ở Bi-cô-cô) phải rút khỏi công quốc Mi-la-nô. Rô-ma, Vơ-ni-dơ, Phlo-ren-xi-a và Giê-nơ tham gia liên minh với Áo.

Phrăng-xoa I không có một đồng minh nào;

Sác-lơ Buốc-bông (nguyên súy) chạy sang phía Sác-lơ.

Cuộc chiến tranh lần thứ hai của Pháp (ở I-ta-li-a) dưới sự chỉ huy của tướng Bon-ni-vê. Quân Pháp bị đánh bại. Sác-lơ Buốc-bông tiến vào Prô-văng-xơ, quân Anh chuẩn bị tiến vào Pi-các-đi-a.

Phrăng-xoa đánh đuổi quân xâm lược ra khỏi lãnh thổ nước Pháp, giành lại công quốc Mi-la-nô (sau trận đánh ở Ma-ri-a-nô).

Năm 1525. Phrăng-xoa bị thất bại ở Pa-vi-a, ông ta bị bắt làm tù binh và bị giải đi Ma-đrít. Liên minh chống Sác - lơ - những tiểu quốc gia I-ta-li-a, Giáo hoàng mới (Cli-men-tơ VII), Hen-ri VIII, Lu-i-đa Xa-voa (nữ nhiếp chính nước Pháp, mẹ của Phrăng-xoa). *Năm 1526*, để được tự do, Phrăng-xoa đồng ý chấp nhận hòa ước Ma-đrít.

Liên minh giữa Phrăng-xoa, giáo hoàng, Vơ-ni-dơ, Mi-la-nô, Phlo-ren-xi-a, Hen-ri VIII[461].

Buốc-bông cùng với quân đội để chế đẩy Xphoóc-txa ra khỏi Mi-la-nô, cướp phá Rô-ma. Phrăng-xoa và Hen-ri VIII tuyên chiến với Sác-lơ.

Quân đội Pháp chiếm Rô-ma, bao vây Na-plơ. Bệnh dịch trong trại binh Pháp, việc trở về nước Pháp.

Các công tước theo giáo phái Lu-the của Đức và quân đội của Xu-lây-man kìm giữ Sác-lơ. Các nhân vật triều đại Ô-xman chiếm hầu như toàn bộ Hung-ga-ri, là quốc gia mà Phéc-đi-năng, em trai của Sác-lơ, cố giành lấy cho mình. Xu-lây-man tiến sát đến chân thành Viên.

Năm 1529. Hiệp ước Cam-brây (traité des dames)[462] Phrăng-xoa lại từ bỏ những đòi hỏi về Mi-la-nô, Na-plơ và Phlan-đrơ. Về xứ Buốc-gun-đi, một trong những nguyên nhân chủ yếu gây ra vụ hiềm thù, - thì chỉ có được sự thỏa thuận tạm thời: cuộc hôn nhân của Phrăng-xoa lấy Ê-lê-o-no-ra người Bồ Đào Nha, chị của Sác-lơ, được coi là một điều kiện đặc biệt.

Sác-lơ quay ra chống các tín đồ giáo phái Lu-the.

Từ nay các vua chúa có hai đường lối chính trị đối với công việc đối nội và đối ngoại. Giáo hoàng thậm chí tìm kiếm sự liên minh với những người không theo đạo.

Năm 1530. Quốc hội Au-xbuốc[463]. Nghị quyết lên án những biện pháp mới. Các người theo đạo Tin lành thành lập ra *Liên minh Sman-can-đen*[305], tìm kiếm sự giúp đỡ của Pháp và của Anh. Phrăng-xoa đáp ứng lời đề nghị; ông ta cũng ký liên minh với *I-a-nốt Da-pô-li-a ở Hung-ga-ri*, địch thủ của Phéc-đi-năng của Áo, và cử Rin-côn đến Công-xtăng-ti-nô-plơ để đảm bảo nhận *được sự ủng hộ của vua Thổ Nhĩ Kỳ*. Phrăng-xoa cho con trai của mình[1*] lấy Ê-ca-tê-ri-na Mê-đi-si, cháu gái của Giáo hoàng, trong khi đó, Hen-ri VIII xé bỏ quan hệ giữa nước Anh với ngai vàng La Mã[464].

Năm 1532. Hòa ước tạm thời Nu-ren-be

(giữa Sác-lơ và phái Tin lành).

Cuộc viễn chinh của Sác-lơ chống lại Bác-ba-rô-xa[2*].

Năm 1535. Sau sáu năm hòa bình.

Phrăng-xoa lại tiếp tục chiến tranh (*cuộc chiến tranh thứ ba*),

ông ta lại xuất hiện ở I-ta-li-a; thành công; ông ta áp đặt các điều kiện cho Mi-la-nô và Xa-voa. Từ An-giê-ri, Sác-lơ chiến thắng trở về, đẩy quân Pháp ra khỏi I-ta-li-a, tiến vào Prô-văng-xơ, và cuối cùng thì ông ta bị người ta đánh đuổi khỏi đó.

Năm 1538. Hòa ước ở Ni-xơ với thời hạn 10 năm. Song, có hai viên công sứ Pháp (Rin-côn ở bên cạnh chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ, Phre-gô-xô ở Vơ-ni-dơ), theo lệnh của Sác-lơ, đã bị bắt ở I-ta-li-a, đã bị giết hại một cách tráo trở. Phrăng-xoa lại tiếp tục cuộc chiến. Có năm quân đoàn được điều động, nhưng mọi chuyện đều vô ích.

Năm 1544 hòa ước ở Cre-xti: Phrăng-xoa từ bỏ những đòi hỏi của mình về Na-plơ và ác-tua, cam kết không can thiệp vào công việc của Na-va-ra.

1* - Hăng-ri II

2* - Khai-ra-đin Bác-ba-rô-xa

(Hen-ri VIII lại ngả về phía Sác-lơ).

Năm 1547. Phrăng-xoa I chết; *Hăng-ri II*, con trai của ông ta.

Sác-lơ quay ra chống lại liên minh Sman-can-đen.

Năm 1547 nhờ Mô-ri-txơ Dắc-đen, quân đội đế chế đã chiến thắng ở Muyn-béc-gơ, liên minh tan rã.

Sác-lơ tuyên bố Interim[307].

Sau khi đảm bảo có được sự tiếp tay của Hăng-ri II. Mô-ri-txơ đột nhiên tấn công hoàng đế ở Ti-rôn.

(Vào năm 1552, Sác-lơ đã buộc phải chấp nhận ký hòa ước Pát-xan với phái Tin lành)

cũng trong năm đó, khi quân Pháp tiến vào công quốc Lo-ren-nơ để chiếm lấy ở đó Mét-xơ, Tu-lơ và Véc-đen. Sác-lơ bị đánh bật khỏi Mét-xơ và vào *năm 1556* ông ta đã rút khỏi vũ đài chính trị, chia các lãnh địa của mình cho người em trai của mình Phéc-đi-năng nước Áo và con trai của mình là Phi-líp II.

Ở I-ta-li-a và Hà Lan cuộc chiến giữa Hăng-ri II và Phi-líp II vẫn tiếp diễn.

Năm 1559. Hiệp ước Ca-tô - Cam-brê-di. Mỗi bên cam kết trả lại tất cả những gì mà bên đó chiếm được từ năm 1551; ngoài Xa-voa[379], nước Pháp đã trao trả hơn 180 pháo đài. Cuộc hôn nhân của Ê-li-da-ve-ta, con gái của Hăng-ri II, kết hôn với Phi-líp II. Cái chết của Hăng-ri II.

Về thực chất, đây là thời kỳ (thời kỳ Sác-lơ V) thống trị của dòng họ Háp-xbuốc. Pháp là nước đầu tiên đứng lên chống lại Sác-lơ V, nhưng với sự hậu thuẫn của các tín đồ giáo phái Lu-the ở Đức, của vua Xu-lây-man, của Hung-ga-ri (Da-pô-li-a) và của Giáo hoàng (Cli-men-tơ), cũng như lợi dụng sự ganh đua của các tiểu quốc gia I-ta-li-a.

II) *Các năm 1559 - 1618. Hà Lan và Phi-líp II*

Năm 1559. Phrăng-xoa II ở Pháp.

(Các cuộc Chiến tranh tôn giáo ở Pháp.) *Năm 1566.* Những cuộc xáo trộn bắt đầu nổ ra ở Hà Lan.

Năm 1572. Vin-hem Ô-răng-giơ được tuyên bố là người cai trị Hà Lan. Di-lân. U-tơ-rếch. *Năm 1579.* Liên minh U-tơ-rếch.

Ê-li-da-ve-ta ở nước Anh.

Vào *năm 1562* (sau hiệp ước của Ê-li-da-ve-ta với những tín đồ đạo Tin lành ở Pháp) hiệp ước với *Sác-lơ IX* (của Pháp). Tham gia vào hiệp ước này còn có Phéc-đi-năng (hoàng đế) và Phi-líp II.

Năm 1572. Cuộc chém giết ở Bác-tô-lô-mê.

Trước *năm 1585.* Hà Lan được độc lập. Vào *năm 1585* hiệp ước liên minh của Ê-li-da-ve-ta với Hà Lan.

***Năm 1589. Hăng-ri III* bị giết, ông ta là người cuối cùng trong dòng họ Va-loa.**

Hăng-ri ở Na-va-ra (Hăng-ri IV).

Năm 1593. Liên minh giữa Ê-li-da-ve-ta và Hăng-ri IV ở La Hay; Hà Lan tham gia liên minh này.

Năm 1598. Hòa ước ở Véc-ven giữa Hăng-ri IV và Phi-líp II (hai bên trả lại cho nhau những đất đai đã chiếm từ năm 1559). Hòa ước này cho thấy rằng ưu thế của Tây Ban Nha đã sa sút. (Cũng ngay trong năm ấy có bản *Chỉ dụ Năng-tơ*). Cái chết *của Phi-líp II. Phi-líp III. (Năm 1588.* Hạm đội Tây Ban Nha (Ác-ma-đa bị đại bại). Cái chết của Ê-li-da-ve-ta. *Gia-cốp I.*

Năm 1609. Hiệp ước giữa Hăng-ri và Tây Ban Nha về chấm dứt các hoạt động quân sự chống lại *Các tỉnh liên hợp* (về hình thức thì đây là hiệp định ngừng chiến 12 năm; trên thực tế thì đó là sự công nhận nền độc lập của Hà Lan). (Nhánh Tây Ban Nha của dòng họ Háp-xbuốc còn duy trì được sự thống trị đối với I-ta-li-a và đến năm 1581 thì chiếm được cả Bồ Dào Nha).

Kế hoạch chia lại châu Âu mà Hăng-ri IV là tác giả (sự hạ nhục nước Áo)[392].

Theo kế hoạch này:

I-ta-li-a: Giáo hoàng - lãnh chúa thế tục (Rô-ma; Na-plơ, A-pu-li-a. Ca-la-bri-a dưới

quyền Giáo hoàng); *Vơ-ni-đơ* (nước cộng hòa, hợp nhất với Phlo-ren-xi-a, Mô-đe-na và một số ít quốc gia nhỏ khác); *công tước xứ Xa-voa* (phải trở thành vua xứ Lôm-bác-đi).

Bô-hêm (vương quốc được lựa chọn; cần liệt Mô-ra-ví, Xi-lê-di và khu vực sinh sống của dân Lu-gích vào xứ này). *Hung-ga-ri* (cần liệt vào đây đại giáo khu Áo, xứ Sti-ri-a, Ca-rin-ti-a). *Ba Lan* cũng phải được mở rộng về quy mô. *Thụy Sĩ* (cần thêm vào đây Ti-rôn, An-da-xơ và những lãnh thổ khác). *Hà Lan* (phải trở thành nước cộng hòa).

[Các lãnh địa] của vương triều Áo phải được sáp nhập vào Tây Ban Nha và một vài hòn đảo ở bờ Địa Trung Hải.

Cái chết của *Hăng-ri IV* vào năm 1610.

(Vào thời kỳ ấy, nhánh trưởng của dòng họ Háp-xbuốc bị suy đồi).

III) *Các năm 1618 - 1648 (Cuộc chiến tranh ba mươi năm)*

Năm 1617 **hiệp ước giữa Gu-xtáp - A-đôn-phơ và Mi-kha-in Phê-đô-rô-vích (nhân vật đầu tiên của dòng họ Rô-ma-nốp). Thụy Điển được khẳng định quyền sở hữu xứ Ca-rê-li-a, Kếch-xhôm và In-gri-a. Mô-xcô-vi-a bị cắt khỏi Vịnh Phần Lan và biển Ban-tích. A-đôn-phơ (chống lại Ba Lan) khẳng định sự thống trị của mình ở Li-vô-ni-a và ở vùng Ba Lan thuộc Phổ. Cuối thế kỷ XVI - sự chặn đứng triều đại I-a-ghe-lông.**

Giờ đây, Hung-ga-ri và Bô-hêm nằm dưới quyền của dòng họ Háp-xbuốc; hơn nữa, Hung-ga-ri lại được Thổ Nhĩ Kỳ giúp đỡ, - nhưng đồng thời cũng bị nó cản trở trong những toan tính lật đổ dòng họ này.

Dưới thời Phéc-đi-năng I, Mắc-xi-mi-li-an, Ru-đôn-phơ II (trị vì toàn bộ thế kỷ XVI) Áo hoàn toàn không tham gia các cuộc chiến tranh giữa Tây Ban Nha và Pháp; nó làm yên lòng các vua Thổ bằng cách nộp cống

và tiến hành tranh chấp vì Hung-ga-ri.

Năm 1606. Ở Hung-ga-ri hòa bình đã được thiết lập bằng *Hiệp ước Viên* (*Ru-đôn-phơ II*). Nền độc lập của Tơ-ran-xin-va-ni-a được thừa nhận[465]. Quốc vương Ba Tư A-ba-xơ kìm giữ Thổ Nhĩ Kỳ; bước tiến của nó ở châu Âu đã bị chặn lại.

Phéc-đi-năng II (đại công tước xứ Sti-ri-a) lên ngôi vua.

Năm 1618. Các vụ xáo trộn bắt đầu nổ ra ở Bô-hêm. Người Séc đề nghị *Phri-đrích V* (tuyển đế hầu xứ Pphan-xơ) lên ngôi; đồng minh của ông ta là *Bét-len*[1*] (công tước xứ Tơ-ran-xin-va-ni-a).

Ngày 28 tháng Tám 1619 Phéc-đi-n · II được chọn làm hoàng đế Đức, ông ta ký liên minh với Mắc-xi-mi-li-an Ba-vi-e, v · ·y Ban Nha, với Giáo hoàng[2*] và với Ma-ri-a Mê-đi-si (trong khi Lu-i XIII ở tuổi vị nh niên, ông này lấy An-na, con gái của Phi-líp III). (Quận công Ăng-gu-lêm nhân danh nước Pháp ký hiệp định với Phéc-đi-năng II ở Un-ma vào *năm 1620*). Cái chết của Phi-líp III. Phi-líp IV. Các tín đồ đạo Tin lành ở Đức [tìm thấy] đồng minh của mình là Cri-xti-an IV nước Đan Mạch; quân đội của Va-len-stai-nơ. Chiến tranh bắt đầu[466]. Thái tử xứ Uên-xơ kết hôn với Hăng-ri-ét - ta của nước Pháp[3*].

Năm 1624. Ri-sơ-li-ơ lên nắm quyền.

Năm 1625. Ri-sơ-li-ơ gây chiến tranh với Tây Ban Nha, chiếm Van-tê-li-na. *Sác-lơ I* (ở Anh).

Năm 1626. Bét-len đã buộc phải ký hòa ước với Phéc-đi-năng II[467]. Đan Mạch (tham chiến từ năm 1625) buộc phải chấp nhận hòa ước riêng rẽ với Phéc-đi-năng II (năm 1629).

Năm 1629. Chỉ dụ hoàn trả của *Phéc-đi-năng II*[312]. La - Rô-sen đầu hàng Ri-sơ-li-ơ.

Năm 1629. Ri-sơ-li-ơ làm trung gian trong cuộc ký hòa ước giữa Thụy Điển và Ba Lan[468]. Gu-xtáp - A-đôn-phơ (sau khi nhận được lời hứa của phía Pháp cung cấp các khoản tài trợ) cho quân đội đổ bộ ở Pô-mê-ra-ni.

Năm 1631. Hiệp ước giữa Pháp và Thụy Điển.

(Năm 1629. Sau cái chết của quận công xứ Măng-tua Gôn-da-ga[4*], những nhân vật có tham vọng về công quốc này gồm có: Sác-lơ, quận công xứ Ne-ve-rơ và Phéc-đi-năng, [công tước] Gu-a-xta-la. Sác-lơ được Pháp ủng hộ, nhân vật thứ hai được Áo ủng hộ.

1*- Ga-bo-rơ Bét-len

2*- Pa-ven V

3*- Hăng-ri-ét-ta Ma-ri-a

4*- Vin-tren-txơ II Gôn-da-ga

Quân đội Pháp dùng sức mạnh quân sự mở đường tới Xu-đu và đã khẳng định quận công xứ Ne-ve-rơ[469].

Năm 1632. Trận đánh ở Luýt-xen. Gu-xtáp - A-đôn-phơ bị giết.

Năm 1634. Thất bại của quân Thụy Điển trong trận đánh ở Nóc-đơ-lin-ghen.

Sự tham gia trực tiếp của Pháp trong cuộc chiến tranh ở Đức.

Nước Pháp chiếm giữ vùng An-da-xơ sau khi các pháo đài của nó được đồng minh của họ là người Thụy Điển trao cho quân Pháp. Ri-sơ-li-ơ thiết lập liên minh mới với Hà Lan.

Tuyển đế hầu xứ Dắc-den[1*] ngả về phía hoàng đế;

Hòa ước Pra-ha[470].

Chiến tranh tái diễn cùng một lúc ở Tây Ban Nha, I-ta-li-a, Hà Lan, ở vùng sông Ranh và sông Da-nuýp. Ri-sơ-li-ơ xâm nhập Tây Ban Nha. *(Năm 1635).* Các thống soái Sa-ti-ông và Brê-dê xâm nhập Hà Lan; Crê-ki nhất trí với quận công xứ Xa-voa[2*] ở I-ta-li-a; Ghê-bri-ăng và Tuy-ren hiệp đồng hành động với quân Thụy Điển ở vùng Ranh; các đơn vị quân khác xâm nhập Tây Ban Nha.

Các đối thủ chủ yếu: một bên là Áo và Tây Ban Nha, bên kia là Pháp, Thụy Điển và Hà Lan.

Năm 1637. Phéc-đi-năng II chết. Hoàng đế Phéc-đi-năng III.

Năm 1640. *Đức-đi Ra-cô-txi, công tước xứ Tơ-ran-xin-va-ni-a*, có ý định bắt đầu cuộc chiến mới ở Hung-ga-ri trong sự liên minh với Pháp và Thụy Điển; nước đó (nước Pháp) cũng liên minh với những người ở Ca-ta-lô-nhơ, nơi đã bùng lên cuộc khởi nghĩa. Cách mạng ở Bồ Đào Nha; việc đánh đuổi quân Tây Ban Nha. Sau khi đảm bảo được cuộc ngừng chiến với Thổ Nhĩ Kỳ, hoàng đế chiếm giữ một nửa nước Hung-ga-ri. Những thắng lợi của quân đội Pháp ở I-ta-li-a, Tây Ban Nha, Phlan-đrơ, ở vùng sông Ranh.

Ngày 4 tháng Chạp 1642. Ri-sơ-li-ơ chết. *Năm 1643.* Lu-i XIII chết. *Ma-da-ri-ni*

(chế độ nhiếp chính của An-na ở Tây Ban Nha)[471].

Năm 1645. Hội nghị các đại diện toàn quyền ở *Muyn-xtơ* (ở đây chủ yếu thảo luận tình hình của Thụy Điển và của các quốc gia theo đạo Tin lành) và ở *Ô-xna-bruy-kê*

1*- I-ô-han - Ghê-oóc I

2*- Vích-to - A-mê-đây

(về cơ bản là tình hình của nước Pháp)[384] (155 người tham gia cuộc thương nghị).

(Xa-voa - đồng minh của Pháp).

Thư thông tri của đại sứ Pháp: "*Lợi ích của Pháp đồng nhất với nền tự do ở Đức*".

Những thắng lợi của người Pháp và người Thụy Điển.

"Người Hà Lan không sợ kẻ thù truyền kiếp của mình là người Tây Ban Nha nữa, mà sợ người Pháp, những đồng minh từ lâu của họ nay đã trở thành đối tượng ngờ vực của họ) (Bu-giăng[472]). "Họ (người Hà Lan) dần dần đã nhận ra rằng an ninh là ở chỗ có được cái rào cản, là người Tây Ban Nha để chống lại nước Pháp" (l.c.[1*]).

Hiệp định sơ bộ giữa đại sứ Tây Ban Nha và đại sứ Hà Lan.

Năm 1648. Những thắng lợi của người Thụy Điển. Phê chuẩn hòa ước giữa Tây Ban Nha và Hà Lan[386].

Tháng Mười 1648. Hòa ước. (Tây Ban Nha không được tham gia bản hòa ước).

Nước Pháp nhận được: Thượng An-da-xơ và Hạ An-da-xơ, Brây-dắc, có quyền duy trì đội quân đồn trú ở Phi-líp-xbuốc, ba giáo khu: Mét-xơ, Tun và Véc-đen. Thụy Điển nhận được Tây Pô-mê-ra-ni, Stết-tin, Hác-xơ v.v.; hải cảng Vi-xma-rơ; các giáo khu Véc-đen và Brê-men với quyền được tham gia nghị viện đế chế. Bran-đen-buốc, Mếch-clen-buốc, Han-nô-vơ, Hét-xen v.v. được đền bù chủ yếu bằng sở hữu của nhà thờ. *(Pi-nê-rô-lô* trước kia thuộc về Xa-voa, nay được chuyển cho nước Pháp). Ở I-ta-li-a, nước Áo đã đứng vững ở Mi-la-nô và ở Tô-xca-nơ. Nền độc lập của Hà Lan và của Thụy Sĩ được thừa nhận

(điều nói sau cùng de facto từ năm 1315).

Về các vấn đề tôn giáo thì tất cả những vấn đề ấy đã được giải quyết trên cơ sở các bản hòa ước ở Pát-xan và Au-xbuốc (năm 1552 và năm 1556). Hoàng đế ban bố tổng ân xá trên lãnh thổ đế chế, trừ những tỉnh của riêng mình.

(Bô-hêm bị lãng quên.)[387]

Sự suy yếu của nhánh thứ dòng họ triều đại Áo.

IV) *Các năm 1648 - 1660. Chiến tranh Pháp - Tây Ban Nha. Hòa ước Pi-rê-nê*

1*- loco citato - như trên

Crôm-oen.

Năm 1654. Chiến tranh ở Phlan-đrơ giữa Ma-da-ri-ni và Tây Ban Nha.

Năm 1654. Hòa ước giữa nước Anh và Hà Lan[473].

Năm 1655. Liên minh giữa nước Anh và nước Pháp; hiệp ước thương mại của Anh với Pháp. *Năm 1657.* Crôm-oen phái 6 nghìn lính đi giúp quân Pháp, chiếm được Đuyn - Kéc-cơ.

Năm 1657. Phéc-đi-năng III chết. *Năm 1658.* Hoàng đế Lê-ô-pôn. Crôm-oen chết.

Năm 1657. Liên minh của Đan Mạch, Ba Lan, Mô-xcô-vi-a. Áo chống lại Thụy Điển. *(Các-lơ - Gu-xtáp* - vua của Thụy Điển.) Đồng minh duy nhất của ông ta là công tước Ra-cô-txi xứ Tơ-ran-xin-va-ni-a.

Năm 1659. Những cuộc gặp gỡ giữa Ma-đa-ri-ni và Đôn Lu-ít đơ Ha-rô trên đảo Phê-đan (trên sông Bi-đa-xoa). Cuộc hôn nhân của Lu-i XIV và *Ma-ri-a - Tê-rê-đi-a*, con gái của Phi-líp IV (hoàn toàn từ bỏ tước hiệu công chúa). *Hiệp ước Pi-rê-nê*[382]. Pháp nhận được: công quốc *A-ra-xơ* ở Hà Lan; một số vùng đất ở Phlan-đrơ; Ghê-nê-gau và công quốc Lúc-xăm-buốc; tại Pi-rê-nê thì có Ru-xi-li-ông và Công-phlăng. Quận công xứ Lo-ren-nơ phải có bổn phận cho phép phía Pháp chuyển quân [qua các vùng đất của mình].

Tháng Ba 1661. Ma-đa-ri-ni chết.

Năm 1654. Nữ hoàng Cri-xti-na từ bỏ ngai vàng, nhường cho Các-lơ X (con trai của chị mình - Gu-xtáp-A-đôn-phơ)[1*].

Ông này, bị ràng buộc bởi liên minh với tuyển đế hầu xứ Bran-đen-buốc[2*], xâm nhập vào Ba Lan. Khi ấy xuất hiện liên minh của Đan Mạch với Mô-xcô-vi-a và Hà Lan nhằm chống lại ông ta.

Năm 1660. Các-lơ X buộc người Đan Mạch đi đến hòa ước, nhận được các vùng đất Xcô-nê, Ha-lan-đơ, một số vùng đất trên đảo Ruy-ghen, được miễn trả khoản thuế quan Đun-đơ[474], *năm 1660.* Các-lơ X chết; người thừa kế ông ta là con trai ông ta -

1*- Ca-tơ-ri-na

2*- Phri-đrích - Vin-hem

Các-lơ XI . Ông này lại tiếp tục ký hiệp ước với Đan Mạch; ký kết *hòa ước Ô-li-vơ*[314] với Ba Lan. nước này nhượng lại cho ông ta xứ Li-vô-ni-a, Ê-xtô-ni-a và Ê-den. *Năm 1661*. Hòa ước với Mô-xcô-vi-a trên cơ sở status quo ante bellum[1*].

"Như vậy Thụy Điển đã khẳng định ảnh hưởng vượt trội của mình ở phía bắc trong khi Pháp trở thành nước hùng mạnh nhất ở phía nam và phía tây châu Âu".

V) *Các năm 1660 - 1697. Các cuộc chiến tranh của Lu-i XIV. Hòa ước Ri-xvích*

Thời kỳ Phục tích ở nước Anh.

Đuyn-kéc-cơ bị Sác-lơ II bán cho Lu-i XIV.

Cuộc chiến tranh giữa Anh và Hà Lan.

Đơ Roi-tơ và Tơ-rôm-pơ buộc nước Anh phải ký *Hòa ước Brê-đa (năm 1667).*(Lu-i XIV đã hành động trong cuộc chiến tranh này cùng với Hà Lan). Lu-i XIV giúp Bồ Đào Nha chống lại Tây Ban Nha.

Năm 1665. Phi-líp IV của Tây Ban Nha (bố vợ của Lu-i XIV) chết. Sác-lơ II (con trai của Phi-líp IV - chưa chắc đầy bốn tuổi). (Con gái thứ hai của Phi-líp IV[2*] - phu nhân của hoàng đế Lê-ô-pôn.)

Trên cơ sở "luật chuyển giao"[475], Lu-i XIV đưa ra yêu sách đòi chiếm Hà Lan thuộc Tây Ban Nha.

***Năm 1667*. Lu-i XIV (Tuy-ren) chiếm phần lớn xứ Hà Lan thuộc Tây Ban Nha.**

Năm 1668 (Mùa đông) bình định *Phrăng-sơ Công-tê.*

***Ngày 22 tháng Giêng 1668. Liên minh tay ba* Anh, Hà Lan và Thụy Điển. Pháp đã hoặc phải từ bỏ những miền đất chiếm được ở Hà Lan thuộc Tây Ban Nha, hoặc phải từ bỏ xứ Phrăng-sơ Công-tê.**

Tháng Năm 1668. Hòa ước của Lu-i XIV với Tây Ban Nha tại Ếch-xơ-la-Sa-pen (ông ta giữ lại những vùng chiếm được ở Hà Lan, từ bỏ xứ Phrăng-sơ Công-tê).

1* - nguyên trạng trước chiến tranh

2* - Mác-ga-ri-ta - Tê-rê-đi-a

Năm 1670. Vụ âm mưu của giới quý tộc ở Hung-ga-ri chống lại sự thống trị của dòng họ Háp-xbuốc. Hiệp ước của Lê-ô-pôn với Lu-i XIV. Sau khi bình định được Hung-ga-ri, Lê-ô-pôn tiến đánh Hà Lan.

Năm 1671. Hiệp ước bí mật của Lu-i XIV với Sác-lơ II của nước Anh.

Năm 1672. Pháp xâm lăng Hà Lan.

Năm 1673. Sác-lơ buộc phải từ bỏ liên minh với nước Pháp. Khối liên minh giữa Tây Ban Nha, hoàng đế I*, Bran-đen-buốc, Hà Lan, Đan Mạch nhằm chống nước Pháp. Đồng minh của nước này là một mình Thụy Điển. Chiến trường được chuyển từ Hà Lan sang Hà Lan thuộc Tây Ban Nha và chuyển đến biên giới Đức.

Năm 1675. Bắt đầu cuộc thương lượng ở *Nim-vê-ghen,*

tại đó:

Ngày 10 tháng Tám 1678. Hiệp ước riêng rẽ giữa Lu-i XIV và Hà Lan. *Tháng Chín* 1678 Tây Ban Nha ký hòa ước. Nó từ bỏ Phrăng-sơ Công-tê, đổi lấy việc hoàn trả một số vùng đất ở Hà Lan thuộc Tây Ban Nha. Cuối cùng thì *Lê-ô-pôn* ký hòa ước[476]; Lu-i ra điều kiện cho Đan Mạch, Brao-svai-gơ, Bran-đen-buốc phải trả lại cho Thụy Điển những vùng đất của nó bị chiếm đoạt trong quá trình chiến tranh. Lu-i XIV giành được thắng lợi - ở vùng bờ biển Xi-xin - đối với hạm đội liên quân của Hà Lan và Tây Ban Nha. Nhưng hòa ước Nim-vê-ghen đã không khẳng định quyền của Lu-i đối với một số thành phố ở An-đa-xơ.

Năm 1681. Viện liên kết ở Mét-xơ[477].

Hoàng đế hướng đến chiến tranh [với Pháp], song lại là chiến tranh chống lại Hung-ga-ri và Thổ Nhĩ Kỳ; *năm 1684* hoàng đế ký hòa ước với Lu-i XIV ở Ra-ti-xbon.

Năm 1686. Liên minh giữa Hà Lan, Áo, Xa-voa, Bran-đen-buốc.

Năm 1688. Lu-i XIV phái quân đội đến vùng sông Ranh. Uy-li-am III ở Anh lên ngai vàng. Liên minh tấn công lớn chống lại Pháp (nước Anh, Hà Lan, hoàng đế Lê-ô-pôn, Tây Ban Nha, Bran-đen-buốc, Vích-to-A-mê-đây xứ Xa-voa).

Năm 1689. Hà Lan, Anh, Tây Ban Nha và Áo tuyên chiến với nước Pháp.

1* - Lê-ô-pôn I

(Hiệp ước riêng rẽ giữa Hà Lan, Anh và hoàng đế vào tháng Năm 1689) (Hoàng đế hoặc những người thừa kế ông ta sẽ được sự hỗ trợ để có thể thừa kế ngai vàng của nền quân chủ Tây Ban Nha. Con trai của ông ta, I-ô-dép, vua của Hung-ga-ri, phải được hoàng đế Đức lựa chọn). (Nước Pháp phải bị hạn chế bằng những điều kiện của Hiệp ước Ve-xtơ-pha-li và Hiệp ước Pi-rê-nê).

Tháng Tám 1696. Hòa ước riêng rẽ ký ở Tu-rin giữa Lu-i XIV và Vích-to - A-mê-đây xứ *Xa-voa*. Pi-nê-rô-lô được chuyển giao cho Xa-voa.

Năm 1697. Hòa ước Ri-xvích[388].

Thoạt đầu là hòa ước giữa Pháp, Hà Lan và Anh. Sau đó là Tây Ban Nha.

Sự hoàn trả cho nhau. *Tháng Bảy 1697* hòa ước ký với hoàng đế. Kê-lơ, Phrây-buốc, Brây-dắc, Phi-líp-xbuốc được Lu-i XIV trao trả để đổi lấy Xtơ-ra-xbua.

Về phần còn lại - hoàn trả tất cả những vùng đất chiếm được trong chiến tranh, ngoài vùng An-da-xơ.

VI) *Các năm 1697 - 1715. Cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế Tây Ban Nha. Hòa ước U-tơ-rếch*

Ngày 11 tháng Mười 1698. Tại La Hay ký *hiệp ước về việc phân chia* (Tây Ban Nha) giữa Lu-i XIV và Uy-li-am III. (Cả hai miền Xi-xin, Tô-xca-nơ, Hi-pu-xqua được chuyển giao cho thái tử[1*]. Mi-la-nô được trao cho đại công tước Các-lơ, con trai thứ hai của hoàng đế. Tây Ban Nha và các lãnh địa khác của nó được trao cho tuyển đế hầu xứ Ba-vi-e[2*] và những người thừa kế của ông ta.)

Tháng Hai 1698. Tuyển đế hầu xứ Ba-vi-e chết.

Ngày 11 tháng Ba 1700. Uy-li-am và Lu-i [đồng ý] với kế hoạch thứ hai về việc phân chia.

(Ngoài những lãnh địa theo hiệp ước thứ nhất, người kế vị phải nhận được Lo-ren-nơ, đổi lại, quận công xứ Lo-ren-nơ [sẽ nhận được] Mi-la-nô. Tất cả các lãnh địa khác của vua Tây Ban Nha thì trao cho đại công tước Các-lơ).

1*- Lu-i

2* Đây muốn nói đến I-ô-dép - Phéc-đi-năng.

Năm 1699. Hòa ước Các-lô-vi giữa chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ, Áo, Vơ-ni-dơ và Ba Lan.

Năm 1700. Liên minh giữa Nga hoàng Pi-ốt, Ba Lan và Đan Mạch chống lại Thụy Điển, Các-lơ XII đã giáng đòn thất bại vào quân Nga ở gần Nác-va.

Tháng Mười 1700. Di chúc của *Sác-lơ II*, người đã cử quận công xứ Ăng-giuy,[1*] con trai thứ hai của thái tử, làm người kế vị của mình.

Tháng Mười một 1700. Sác-lơ II chết.

Quận công xứ Xa-voa, quận công xứ Măng-tua [2*], Bồ Đào Nha và cuối cùng là *vua Uy-li-am*, công nhận Phi-líp V.

Tháng Hai 1701. Lu-i XIV phái quân đội đến Hà Lan thuộc Tây Ban Nha, buộc quân Hà Lan phải rút các đội quân đồn trú ra khỏi đó; văn bản đặc biệt, trong đó ông ta thừa nhận quyền của Phi-líp kế thừa ngai vàng Pháp.

Tháng Chín 1701. Liên minh lớn thứ hai[478]. Gia-cốp II chết. *Lu-i XIV* thừa nhận người ngấp nghé ngôi vua [3*]. Vin-hem chết. Cuộc chiến tranh cục bộ giữa Áo và Pháp ở I-ta-li-a[479].

Năm 1702. Nữ hoàng An-na lập lại liên minh. *Tháng Năm.* Nước Anh, Hà Lan và hoàng đế[4*] tuyên chiến với Pháp. (Bồ Đào Nha, Han-nô-vơ, Phổ liên kết lại với nhau). (Một số tiểu quốc gia Đức [cũng làm như vậy]). (Đứng về phía Lu-i XV có: Ba-vi-e, Brao-svai-gơ, Khuên, quận công xứ Xa-voa).

Năm 1704. Gi-bran-ta bị quân Anh chiếm. *Năm 1706.* Thắng lợi trong trận Ra-mi-a[5*] (Man-bô-rô). Nội chiến ở Hung-ga-ri[480]. Nước Áo xâm chiếm Na-plơ.

Năm 1707. Các-lơ XII ở Dắc-den.

(Hung-ga-ri ở trong tình trạng chiến tranh với nước Áo từ năm 1703.)

1* - Phi-líp xứ Ăng-giuy (Phi-líp V)

2* - Phéc-nan-đô Các-lô

3* - Gia-cốp Xtiu-át

4* - Lê-ô-pôn I

5* - Ra-mi-a Ô-phuy

Năm 1709. Trận đánh ở Pôn-ta-va. Các-lơ XII [bỏ chạy] đến Thổ Nhĩ Kỳ.

Năm 1710. Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ tuyên chiến với nước Nga.

Năm 1711. Hòa ước Prút giữa Thổ Nhĩ Kỳ và nước Nga.

Những hiệp định sơ bộ về hòa ước giữa nước Anh và nước Pháp.

Tháng Tư 1711. Hoàng đế I-ô-dép chết. Con trai của ông ta, đại công tước Các-lơ[481], trở thành người thừa kế tất cả các lãnh địa của ông ta.

Theo các hiệp định sơ bộ *(giữa nước Anh và nước Pháp):*

Duyn-kéc-cơ đã thuộc diện cần bị phá hủy; Gi-bran-ta và hải cảng *Ma-ông,* Niu-phan-len và vịnh Gút-dôn được dành cho nước Anh.

Ngày 12 tháng Giêng 1712. Tại U-tơ-rếch đã khai mạc Đại hội. (Phi-líp từ bỏ các yêu sách của mình về nước Pháp). (Quận công xứ Béc-ri) và quận công Oóc-lê-ăng từ bỏ các yêu sách của mình về Tây Ban Nha).

Tháng Tư 1713. Hòa ước U-tơ-rếch giữa Anh, Pháp, Tây Ban Nha và Hà Lan được ký kết. Ngoài những điều kể trên, nước Pháp đã nhượng cho nước Anh những lãnh địa của mình trên đảo Xanh Cri-xtô-phơ, Tân Xcốt-len, Hải cảng hoàng gia. Nhân danh Tây Ban Nha, Lu-i nhượng lại cho Phổ vùng Thượng Hen-đéc-nơ, thừa nhận Phri-đrích I [1*] được hưởng tước vua và thừa nhận chủ quyền của ông ta đối với Nơ-sa-ten. Xa-voa thì nhận được Xi-xin và nếu Phi-líp V không có con thì Xa-voa được hưởng quyền thừa kế ngai vàng. Biên giới giữa Pháp và xứ Xa-voa là đỉnh dãy núi An-pơ. Hà Lan nhận được hiệp ước thương mại và trao đổi một số vùng đất. *Ngày 11 tháng Tư* 1713. Hiệp ước thương mại giữa Pháp và Anh.

Năm 1711. Hung-ga-ri được trấn an nhờ bản hiệp ước được ký ở Xát-ma-rơ. Nga hoàng Pi-ốt đã hứa giúp ông ta [2*] bằng một đội quân 30 nghìn người, nếu Pi-ốt có được khả năng duy trì cho mình Li-phli-an-đi-a với tư cách lãnh địa của đế quốc Đức phong cho. Một cuộc chiến ngắn ngủi; ở vùng sông Ranh, nước Pháp thắng Áo.

Ngày 7 tháng Chín 1714. Hòa ước Ba-đen giữa Pháp và Áo. Nước Pháp thừa nhận quyền của hoàng đế đối với Na-plơ, Mi-la-nô, Tô-xca-nơ, Hà Lan thuộc Tây Ban Nha;

1* - Phri-đrích-Vin-hem I

2* - hoàng đế Sác-lơ VI

Pháp trả lại vùng Brây-dắc và Phrây-buốc. Các tuyển đế hầu xứ Khuên và Ba-vi-e phải được hoàn trả các lãnh địa của họ.

Năm 1715. Gioóc-giơ I và nước Phổ gia nhập liên minh mới chống lại Thụy Điển.

Phi-líp V vẫn chưa được Áo thừa nhận. Mãi đến *năm 1715* mới ký được bản hiệp ước giữa Hà Lan và Áo, - nước Áo nhượng cho Hà Lan một số vùng đất ở Hà Lan thuộc Tây Ban Nha

để bổ sung vào quyền được duy trì các đội quân đồn trú tại một số vùng đất khác.

Ngày 1 tháng Chín 1715. Lu-i XIV chết.

VII) *Các năm 1715 - 1721*

Gioóc-giơ I và quận công xứ Oóc-lê-ăng liên kết thành đồng minh chống lại Tây Ban Nha. (An-be-rô-ni.)

Năm 1699. Hòa ước Các-lô-vít-xơ. Pi-ốt nhận được vùng biển A-dốp; toàn bộ Hung-ga-ri, từ *Ba-nát,* được chuyển giao cho Áo; Mô-rê-a được trả lại cho Vơ-ni-đơ; Pô-đô-li-a và U-cra-i-na được trao cho Ba Lan.

Năm 1719. Đại hội A-lan-đơ (khai mạc ngày 24 tháng Tư)[482].

Theo hiệp ước giữa Anh (Han-nô-vơ), Phổ, Ba Lan (Dắc-den) và Đan Mạch thì Nga hoàng nhận được các tỉnh vùng ven Ban-tích; phổ nhận được Stết-tin và các vùng đất lân cận; Au-gu-xtơ xứ Dắc-den, vua Ba Lan, thì nhận được Cuốc-len; Han-nô-vơ nhận được Brê-men và Véc-đen; Đan Mạch nhận được đảo Ruy-ghen với một phần xứ Pô-mê-ra-ni thuộc Thụy Điển. Sau đó, tại quần đảo A-lăng người ta đã thỏa thuận rằng:

Nga hoàng sẽ giúp Các-lơ XII trong việc đòi lại ở Phổ vùng Stết-tin và một phần xứ Pô-mê-ra-ni do quân Phổ chiếm; Nga hoàng sẽ cung cấp đội quân 20 nghìn người để giúp Thụy Điển tiến hành chiến tranh ở Đức, và sẽ giúp Các-lơ chiếm Na Uy, coi đó là khoản đền bù vào các tỉnh vùng ven Ban-tích đã bị nhượng lại cho nước Nga; Nga hoàng sẽ giúp Các-lơ thu hồi Brê-men và Véc-đen v.v. từ tay Gioóc-giơ I.

(cũng như trong việc phục tích dòng họ Xtiu-át).

Các-lơ XII chết. Chính phủ mới ở Thụy Điển ký hòa ước với nước Anh, Đan Mạch và Phổ.

(Hiệp ước Xtốc-khôm, ngày 1 tháng Mười một 1719.)

Hiệp ước Ni-stát (ở Phần Lan) *ngày 30 tháng Tám 1721.* (Thụy Điển nhượng lại Li-phli-an-đi-a, Ê-xlan-đi-a, In-gri-a, một phần Ca-rê-li-a, quận Vư-boóc-gơ, quần đảo Ê-đen, Đa-gô, Mơn và những đảo khác ở vùng bờ biển các tỉnh kể trên. Nga hoàng trao trả Phần Lan, trừ phần lãnh thổ cần được xác định khi xác định chính xác đường biên giới.) [483]

(Theo Hòa ước Xtốc-khôm thì Slê-dơ-vích được trao cho Đan Mạch. Pi-ốt gả con gái An-na của mình cho quận công xứ Hôn-stin[1*], thu nhận cho mình "các quyền" của quận công xứ Hôn-stin. Thoạt đầu - liên minh giữa Pi-ốt với Đan Mạch chống lại quận công này.)

"Công cuộc cải tạo miền bắc châu Âu dựa trên cơ sở phân chia Thụy Điển".

VIII) *Các năm 1715 - 1740. Tình trạng rối loạn ở khắp châu Âu*

Cuộc chiến tranh giữa Tây Ban Nha và Áo ở I-ta-li-a. Áo nhận được sự ủng hộ của nước Anh. Chiến tranh của nước Anh và nước Pháp chống lại Tây Ban Nha.

An-be-rô-ni bị đưa đi đày biệt xứ.

Tháng Giêng 1720. Tây Ban Nha gia nhập Liên minh tay tư[484]. *Xi-xin* được giao cho hoàng đế[2*], để bù lại việc trao trả Xi-xin, Xa-voa nhận được Xác-đi-ni. Pác-ma, Pi-a-sen-xa, Tô-xca-nơ được người ta hứa trao trả - sau khi người cuối cùng của dòng họ Mê-đi-si[3*] chết - cho Đôn Các-lốt, con trai của Phi-líp V, con của bà vợ thứ hai của ông ta Ê-li-da-bét xứ Pác-ma.

Năm 1724. Đại hội Cam-brây (Anh, Pháp, Tây Ban Nha và Áo).

1* - Các-lơ I

2* - Sác-lơ VI

3* - Cô-đi-mô III

Năm 1725. Những hiệp ước bí mật giữa Tây Ban Nha và Áo. Phản hiệp ước Han-nô-vơ[485].

Năm 1728. (Khai mạc ngày 14 tháng Sáu) *Đại hội Xoa-xông.*

Năm 1729. Hòa ước Xê-vin giữa Tây Ban Nha, Anh và Pháp.

Năm 1731. Hiệp ước Viên giữa Áo. Anh và Hà Lan. Vua Au-gu-xtơ chết.

Tháng Chín 1733. Xta-ni-xláp Lê-sin-xki được tuyên bố là vua của Ba Lan. Nước Nga (dưới sự cai trị của An-na từ năm 1730) và nước Áo (Sác-lơ VI) ủng hộ con trai[1*] của vị vua đã chết, người từng hứa với hoàng đế về việc bảo đảm chỉ dụ[321], hứa với nữ hoàng của Nga là không đòi trả lại xứ Cuốc-lan-đi-a trước kia đã từng là lãnh địa phong cấp của Ba Lan.

Cuộc chiến tranh giành ngai vàng Ba Lan. Nước Pháp đã tấn công nước Áo.

Thống soái Bơ-vích hoạt động ở khu vực sông Ranh. Một đội quân khác của Pháp, dưới sự chỉ huy của Vi-la-rơ vượt qua dãy núi An-pơ và sau khi hội quân với Các-lơ-Ê-ma-nu-in Xác-đi-ni, đã đẩy quân Áo ra khỏi Mi-la-nô. Chẳng bao lâu sau đó, Đôn Các-lốt

(con trai của Ê-li-da-bét) (ở Tây Ban Nha)

xâm nhập vào Na-plơ và Xi-xin, tại đó ông ta được tuyên bố là vua, ông làm tan tác (với sự giúp sức của nhân dân đã bị sự cai trị tàn bạo của Áo đẩy đến tình trạng tuyệt vọng) toàn bộ quân đội của hoàng đế; như vậy, chẳng mấy chốc trong tay người Áo chẳng còn lại tí gì ở I-ta-li-a, ngoài pháo đài Măng-tua. Chỉ có 1500 lính Pháp được phái đến Đan-tzích.

(Tháng Mười) *1735. Hòa ước Viên* giữa Pháp và Áo. (Au-gu-xtơ III của xứ Dắc-den phải trở thành vua của Ba Lan. Xta-ni-xláp, với tước hiệu vua, *nhận được các công quốc Lo-ren-nơ và Ba-rơ; sau khi ông ta chết, những công quốc này phải được hoàn trả cho nước Pháp.* Đôn Các-lốt giữ lại cho mình Na-plơ, Xi-xin, vùng ven biển thuộc Áo của Tô-xca-nơ). Để bù lại những vùng đất thừa kế của mình, quận công xứ Lo-ren-nơ, được nhận Tô-xca-nơ làm lãnh địa. *Xác-đi-ni phải nhận được Nô-va-ra, Toóc-tô-na, cũng như một số vùng đất khác của Mi-la-nô.* Pác-ma và Pi-a-sen-xa phải được trao cho hoàng đế. Tất cả các vùng đất khác do liên quân chiếm đều phải được hoàn trả. Nước

1* - Au-gu-xtơ III

Pháp. Tây Ban Nha, các cường quốc trên biển và nước Nga *bảo đảm chỉ dụ*. (Ma-ri-a Tê-rê-di-a, con gái của hoàng đế, kết hôn với Phran-txơ của xứ Lo-ren-nơ [1*]).

Năm 1736. Cuộc chiến tranh Nga-Áo chống lại chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ. Quân Nga tiến vào Crưm. Mi-ních chiếm vùng Pê-rê-cốp, tàn phá phần phía nam của bán đảo này.

Năm 1737. Mi-ních chiếm Ô-sa-cốp. Tướng La-xi (của Nga) lại tiến vào Crưm. Đại hội *Ne-mi-rốp*. Nước Nga đòi: 1)hủy bỏ tất cả các hiệp ước trước kia; 2) nhượng Crưm, Cu-ban và các tỉnh khác của người Tác-ta; 3) độc lập cho các tỉnh khu vực sông Đa-nuýp dưới sự bảo hộ của nước Nga; 4) Nga hoàng phải được công nhận mang tước *hoàng đế*; 5)tự do cho tàu bè đi lại trên Biển Đen, qua Bô-xpho và Đác-đa-nen và trên biển Ca-xpiên.

Nước Áo đòi những vùng lãnh thổ rộng lớn ở phía bên kia sông Đa-nuýp, bao gồm cả Ben-grát, Vi-đin, một số khu vực của Môn-đa-vi và Va-la-ki.

Năm 1739. Hòa ước Ben-grát: Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ được hoàn trả tất cả những vùng đất, trừ A-dốp. Tiếp nữa: triều đình Thổ Nhĩ Kỳ còn chiếm giữ: Ben-grát, Oóc-sô-va và những phần đất còn đang tranh chấp của Va-la-ki và Bô-xni-a. (Hung-ga-ri chưa bao giờ có được cơ hội tốt hơn thế để khôi phục nền độc lập của mình.

Ra-cô-txi, cựu công tước xứ Tơ-ran-xin-va-ni-a, ở Thổ Nhĩ Kỳ cùng với các thủ lĩnh Hung-ga-ri có tinh thần chống Áo).

Cuộc chiến tranh ở Ấn Độ giữa Tây Ban Nha và nước Anh. Nước Anh tuyên chiến với Tây Ban Nha.

Năm 1740. Phri-đrích-Vin-hem I của Phổ chết; Hoàng đế Sác-lơ VI chết; An-na, nữ hoàng Nga chết.

Các năm 1713-1740. Liên minh vô hiệu của Pháp và Anh. Tình trạng thảm hại của Thụy Điển, bị phân chia thành phái "mũ thường" (thân Pháp) và phái "mũ trụ" (thân Phổ), (trong số những phái này thì phái "mũ trụ" chẳng bao lâu sau đã giành được ưu thế).

IX) *Các năm 1740 - 1763. Chiến tranh giành quyền thừa kế ngai vàng nước Áo. Cuộc chiến tranh bảy năm*

1* - Phran-txơ Xtê-phan xứ Lo-ren-nơ (Phran-txơ I)

Năm 1740. Phri-đrích II xâm nhập Xi-lê-di.

Năm 1741. Hiệp ước ở Nim-phen-bua, dựa trên cơ sở sự phân chia nước Áo (giữa Pháp, tuyển đế hầu xứ Ba-vi-e [1*], Tây Ban Nha, Au-gu-xtơ III (của xứ Dắc-đen và Ba Lan) và nước Phổ).

Dòng họ Háp-xbuốc được cứu thoát nhờ sự hăng hái của người Hung-ga-ri, cũng như nhờ chính sách phản bội và những biện pháp nửa vời của hồng y giáo chủ Phlơ-ri. *Năm 1741* (mùa xuân). Phri-đrích II tiến vào Mô-ra-vi-a; Xác-đi-ni - về sau nó đã bị người ta lôi kéo về phía khác - chuẩn bị tiến vào Mi-la-nô.

Năm 1742 Nước Anh tự tuyên bố đứng về phía Áo.

Ngày 11 tháng Sáu. Hòa ước Bre-xlau giữa Phri-đrích và Áo (ông ta nhận được vùng Hạ Xi-lê-di).

Chiến tranh giữa Pháp và Áo tiếp tục ở Đức và I-ta-li-a.

Các-lơ VII (xứ Ba-vi-e) lên ngôi hoàng đế tại *Phran-phuốc* (năm 1742).

Để ngăn cản nước Nga giúp đỡ Ma-ri-a-Tê-rê-đi-a, người Pháp đã gây ra cuộc chiến tranh Nga - Thụy Điển; chẳng bao lâu sau cuộc chiến tranh này đã kết thúc có lợi cho Nga. *Năm 1743.* Hòa ước A-bốt-xcơ; Thụy Điển phải nhượng lại một số vùng đất ở Phần Lan; cử quận công xứ Hôn-stai-nơ-Gốt-toóc-pơ [2*] - theo yêu cầu của nữ hoàng [3*] - làm người kế vị ngai vàng Thụy Điển.

Năm 1745. Hiệp ước ở Vác-sa-va giữa Anh, Dắc-đen và Áo chống lại Phri-đrích.

(Năm 1743. Hiệp ước ở Voóc-mơ giữa Áo, Anh và Xác-đi-ni). Phri-đrích lại liên minh với Pháp.

(Mùa xuân 1744. Pháp và Anh tuyên chiến với nhau.)

Năm 1745 (tháng Chạp). Hòa ước Đre-xđen giữa Phri-đrích và Áo: khôi phục lại hiệp ước Bre-xlau, nhờ vậy Phri-đrích đã giữ được Xi-lê-di, sau khi hứa dành tiếng nói của mình cho Phran-txơ xứ Lo-ren-nơ, chồng của Ma-ri-a-Tê-rê-đi-a. Hoàng đế Các-lơ-An-brếch (của xứ Ba-vi-e) đã chết, còn con trai của ông ta [4*] đã ký hòa ước với Ma-ri-a-Tê-rê-đi-a. (Đây là hòa ước riêng rẽ Áo - Phổ thứ hai).

1* - Các-lơ VII An - brếch

2* - A-đôn-phơ Phrê-đrích

3* - Ê-li-da-ve-ta Pê-tơ-rốp-na

4* - Mắc-xi-mi-li-an III Giô-dép

Hòa ước này đã cho phép Ma-ri-a-Tê-rê-di-a phái những lực lượng chi viện lớn đến I-ta-li-a, tại đó, Mi-la-nô, Pác-ma và Pi-a-sen-xa đã rơi vào tay quân đội Pháp - Tây Ban Nha; tình hình đã thay đổi.

Nước Anh tiến hành thắng lợi chiến tranh tại các vùng đất Ấn Độ và trên Địa Trung Hải. Phi-líp V của Tây Ban Nha chết. Quân Tây Ban Nha rút khỏi I-ta-li-a.

Trong khi Ben-li-lơ bị đánh tan ở I-ta-li-a thì có những thắng lợi của thống soái Sắc-xơ [1*] và của Lô-ven-đan ở Hà Lan. Cuộc tiến quân của thống soái Sắc-xơ vào năm *1747* trên lãnh thổ Cộng hòa Hà Lan, việc đánh chiếm pháo đài Béc-ghen-ốp-Dôm. Những thắng lợi trên biển của các đô đốc Anh - An-xơn, Oa-ren và Hau-cơ. Đội quân 40 nghìn người của Nga được Ê-li-da-ve-ta khởi động do bị cám dỗ bởi lời hứa về những khoản tài trợ của Anh.

Năm 1748 (tháng Mười). Hoà ước A-khen mà Ma-ri-a-Tê-rê-di-a không thể không chấp nhận. Nước Pháp và nước Anh trả lại cho nhau những vùng đất đã chiếm. Để đổi lấy Cây-pơ-Brê-tơn, nước Pháp đã trao lại những vùng đất ở Hà Lan và trả Ma-đrát cho Anh; cuộc tranh luận về đường biên giới ở Ca-na-đa được hoãn lại để sau này giải quyết. Pác-ma, Pi-a-sen-xa, Gua-xta-la được trao lại cho Đôn Phi-líp và cho các nhân vật nam giới kế vị ông ta. Xác-đi-ni vẫn duy trì status quo. Hiệp ước về độc quyền nhập khẩu nô lệ da đen vào châu Mỹ được gia hạn 4 năm cho nước Anh, bảo đảm [thể thức] kế vị ngôi vua ở Anh, trục xuất dòng họ Xtiu-át ra khỏi nước Pháp. Chỉ dụ được bảo đảm, vùng Hạ Xi-lê-di được khẳng định thuộc về Phri-đrích II. Các mầm mống của cuộc chiến tranh mới là: những mâu thuẫn chưa được giải quyết giữa Pháp và Anh.

Các năm 1751-1753. Những cuộc đàm phán bí mật của Cau-nít-xơ ở Pa-ri. Việc này dẫn đến việc bổ nhiệm trước hết cha sở Đờ Béc-ni làm bộ trưởng, sau đó đến quận công Đờ Soa-đơn.

Năm 1754. Ở châu Mỹ chiến tranh lại tái diễn giữa Pháp và Anh : cuộc tranh chấp diễn ra xung quanh vấn đề đường biên giới Tân Xcốt-len, hay còn gọi là Ác-ca-đi, được nhường lại cho nước Anh theo Hòa ước U-tơ-rếch [390]; do có công trình xây dựng các pháo đài của Pháp dọc theo Ô-hai-ô, do người Pháp chiếm các đảo trung lập: quần đảo Ăng-tin, Tô-ba-gô, Xanh Vanh-xăng, Xanh Luy-xi-a.

1* - Mô-rít-xơ-đờ Sắc-xơ.

Tháng Giêng 1756. Hiệp ước Anh - Phổ ký tại Oe-xtơ-min-xtơ. Liên minh phòng thủ *Pháp-Áo* ký tại Véc-xây *(tháng Năm 1756)* chống lại bản hiệp ước trên. (Cùng lúc đó có cuộc thương thuyết giữa Áo, Dắc-den và (Ê-li-da-ve-ta) nước Nga).

Tháng Sáu 1756. Người Pháp chiếm hải cảng Ma-ông. Phri-đrích giáng đòn thất bại cho quân Dắc-den ở Piếc-na (buộc đội quân 18 nghìn người phải đầu hàng)

(mùa thu 1756).

Năm 1757. (Mùa đông). Áo, Pháp, Nga, Thụy Điển và một số "giới" ở Đức tập hợp lực lượng với số quân 400 nghìn người để chống lại Phri-đrích. Mùa xuân 1757 Phri-đrích đánh bại quân Áo ở gần Pra-ha; Sau khi bị Đao-nơ đánh bại ở Cô-lin, ông ta buộc phải rút lui về Dắc-den. Ri-sơ-li-ơ giáng đòn thất bại cho quân của phía Han-nô-vơ-Hét-xen[486]. (*Công ước ký tại Clô-xtơ-Xê-vên, theo đó quận công Căm-bếc-len-đơ phải giải thể đội quân xứ Han-nô-vơ-Hét-xen.*) Phri-đrích thôi thúc Ri-sơ-li-ơ giữ thế bất động, nhưng đúng vào lúc đó bản thân ông ta lại tấn công vào Xu-bi-đơ và vào quân Đức do quận công Hin-đơ-buốc-hau-den chỉ huy. *Ngày 5 tháng Mười một. Thắng lợi của Phri-đrích ở Rô-xbắc,* trong khi Ri-sơ-li-ơ vẫn án binh bất động tại nơi đóng quân ở Han-béc-stát. Sau đó - tiến vào Xi-lê-di. *Chiến thắng ở Li-xơ*[487].

Năm 1758. Pít lên cầm quyền.(Huân tước Sa-tam) cầm lái.

Tháng Chạp 1758, Hiệp ước Pháp - Áo thứ hai ký ở Véc-xây. Lu-i XV cam kết tài trợ cho người Thụy Điển, nuôi đội quân 100 nghìn người (của Pháp) tại Đức, cũng như quân đội Dắc-den; Xi-lê-di và Glát-txơ phải được trả lại cho nữ hoàng [1*]; các tỉnh vùng Ranh phải được giành lại từ tay nước Phổ và nhường lại cho Áo; nhưng những khoản thu nhập [từ các tỉnh này] trong thời gian chiến tranh phải trao cho nước Pháp. Nước Pháp đã quên cuộc chiến tranh của chính mình trên biển [488], một cuộc chiến vì lợi ích của Áo.

Năm 1759. Thất bại của quân Phổ ở Hô-khơ-kiếc-sen.

Các năm 1759-1760. Những thắng lợi của người Anh ở Đông Ấn, ở Mỹ (Un-phơ chiếm Kê-bếch. như vậy là chinh phục được Ca-na-đa) và Tây Ấn.

Soa-đơn - vì lợi ích của nước Áo.

Năm 1761. Liên minh dòng họ giữa các dòng họ Buốc-bông ở Pháp và ở Tây Ban Nha.

1* - Ma-ri-a Tê-rê-đi-a

Sa-tam muốn ngăn ngừa [các hành động] của Tây Ban Nha. Bị thay thế bằng *huân tước* Buy-tơ.

Tây Ban Nha xâm nhập Bồ Đào Nha.

Tháng Giêng 1762. Ê-li-da-ve-ta của Nga chết. Hoàng đế Pi-ốt III. Những đề nghị của *huân tước Buy-tơ* đưa ra với Nga hoàng - thông qua công sứ Nga là công tước Gô-li-txưn - về việc buộc Phổ phải ký hòa ước với bất kỳ điều kiện nào, đã bị bác bỏ.

(Pi-ốt III báo cho Phri-đrích biết những tin tức này).

Những cuộc thương thảo bí mật của Buy-tơ với Áo về việc chia cắt nước Phổ đã tỏ ra cũng vô hiệu như thế.

Tháng Hai 1763. Hòa ước ký ở Pa-ri giữa Anh, Pháp và Phổ. Nước Anh nhận được Tân Xcốt-len, Ca-na-đa, Kếp-brê-tơn, trong khi nước Pháp được quyền tham gia đánh bắt cá ở bờ biển Niu-phan-len. Sông Mít-xi-xi-pi được công bố là đường biên giới giữa Luy-di-a-na và các thuộc địa Anh. Tại Tây Ấn, nước Pháp đã nhường lại cho Anh Grê-na-đa và các đảo trung lập: Xanh Vanh-xăng, Đô-mi-ni-ca, Tô-ba-gô. Tại châu Phi, người Anh đã trả lại Gô-rê-a, giữ lại Xê-nê-gan; Mê-noóc-ca được trả lại cho nước Anh. Nước Pháp nhận lại những lãnh địa nhỏ của mình ở Đông Ấn, nhưng đã cam kết không duy trì quân đội ở Ben-gan. Tây Ban Nha đã trả lại cho Anh miền Phlo-ri-đa, khẳng định nước Anh có quyền lấy gỗ bạch đàn trên bờ vịnh Hông-đu-rát, nhưng Cu-ba và Ha-ba-na được trả lại cho Tây Ban Nha. Bồ Đào Nha - *status quo ante bellum*[1*].

Hòa ước Gu-béc-tơ-xbuốc [322] giữa Phri-đrích và nước Áo (chẳng qua là sự khẳng định Hòa ước Bre-xlau và Hòa ước Đre-xđen [2*]). (Phri-đrích cam kết dành tiếng nói của mình cho con trai của Ma-ri-a-Tê-rê-đi-a, đại công tước I-ô-dép, trong cuộc bầu chọn vua Ru-ma-ni.) Sau bảy năm chiến tranh, ở châu Âu không có một sự thay đổi nào về lãnh thổ.

Nếu Phri-đrích nâng được nước Phổ lên đến tầm cao mà trước kia Thụy Điển đã có được (từ sau Hòa ước Ve-xtơ-pha-li[310]), thì ông ta đã đủ thận trọng để lợi dụng *sự gia tăng những ý đồ háo danh của người Nga*; nhưng ông ta lại quá yếu cho nên không thể ngăn cản người Nga.

1* - ở nguyên trạng trước chiến tranh

2* Xem tập này, tr. 494.

Phri-đrích II đã không có một kế hoạch chính trị đáng kể nào. Tư tưởng xuyên suốt và duy nhất của ông ta là Xi-lê-di.

Nét tiêu biểu của thời kỳ này là sự suy đồi của nước Pháp. Trong cuộc chiến tranh thứ nhất, các cuộc liên minh chính trị của Pháp với Phri-đrích - ông này đã hai lần vứt bỏ những cuộc liên minh ấy - đã không thể đoạt được vương trượng của đế chế Đức từ tay nước Áo đã rơi vào tình trạng suy đồi. Trong cuộc chiến tranh thứ hai, nước Pháp, tuy đã liên minh cũng với nước Áo ấy, với Dắc-den, Thụy Điển và nước Nga, nhưng đã không đoạt được ngay cả xứ Xi-lê-di từ tay Phri-đrích.

X) *Các năm 1763 - 1774. Cuộc chia cắt Ba Lan. Hòa ước Cai-nác-gio*

Au-gu-xtơ III xứ Dắc-den, vua của Ba Lan chết.

***Tháng Sáu 1762.* Ê-ca-tê-ri-na chiếm đoạt ngai vàng nước Nga. Ê-ca-tê-ri-na và Phri-đrích tỏ ý ủng hộ Pô-nhi-a-tốp-xki.**

Liên minh phòng thủ giữa họ với nhau, điều khoản bí mật của liên minh ấy đã không cho phép có sự thay đổi nào trong bản hiến pháp khác thường của Ba Lan[489].

Năm 1764. Quân Nga tiến vào Ba Lan. *Tháng Chín*, Pô-nhi-a-tốp-xki được đưa lên ngai vàng. Công sứ Nga [1*] ở Vác-sa-va trên thực tế là chủ tịch các khóa quốc hội Ba Lan. Ê-ca-tê-ri-na lên tiếng bảo vệ những người theo tôn giáo khác (các tín đồ chính thống giáo và các tín đồ đạo Tin lành), những tín đồ này cũng được Anh và Thụy Điển ủng hộ, họ được coi là những đảm bảo của Hòa ước Ô-li-vơ [314].

Quốc hội Ba Lan năm 1767. Đại sứ Nga, công tước Rép-nhin giành cho mình vai trò kẻ độc tài. *Liên minh Ba-rơ của Ba Lan* (tại Pô-đô-li-a). Chiến tranh với người Nga; những tàn dư của Liên minh Ba-rơ đã bị đẩy đến các lãnh địa của chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ là chính phủ đã bị Pháp giật dây can thiệp vào cuộc chiến tranh Nga - Ba Lan.

Cuối năm 1768 hoặc đầu năm 1769 vua Thổ Nhĩ Kỳ [2*] tống giam đại sứ Nga [3*] vào lâu đài Xê-mi-ba-sen.

1* - N.V. Rép-nhin

2* - Mu-xta-pha III

3* - A.M. Ô-bra-xcốp

Năm 1770. Chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ.

(Giê-nơ đã bán đảo Coóc-xơ cho Pháp.) [1*]

Năm 1772. Cuộc chia cắt Ba Lan. Do sự chia cắt này, Phổ nhận được *Tây Phổ* (600 nghìn nhân khẩu; nó trở thành chủ nhân của con sông Vi-xla, con đường huyết mạch của nền thương mại của Ba Lan); Ê-ca-tê-ri-na nhận được *Lít-va* và lãnh thổ nằm giữa sông Dvi-na và sông Đnép (1 triệu 800 nghìn nhân khẩu); Áo nhận được Lô-đô-mê-ri-a, Ga-li-xi-a và những vùng đất khác xung quanh Hung-ga-ri (3 triệu nhân khẩu).

Tháng Bảy 1774 (Hòa ước Cai-nác-giơ.) (Nền độc lập của Crưm.) A-đốp, Kin-bua, Kéc-sơ, Ê-ni-ca-lê thuộc về nước Nga v.v.. Nước Nga được quyền đưa ra những sự giới thiệu miệng tại Công-xtăng-ti-nô-plơ có lợi cho Môn-đa-vi và Va-la-ki.

Áo nhận được một phần Môn-đa-vi-*Bu-cô-vi-na* (Áo là đồng minh của Thổ Nhĩ Kỳ).

XI) *Các năm 1774 - 1783. Cuộc chiến tranh của Mỹ giành độc lập* [2*]. *Hòa ước Pa-ri*

Năm 1763. Những biện pháp hà khắc (của Anh) nhằm ngăn chặn nạn buôn lậu; thuế tem [490].

Năm 1773. Cuộc biểu tình Bô-xtơn (các kiện trà trên tàu bị ném xuống biển).

Tháng Chạp 1776. (Phran-clin đến Pháp.)

Ngày 6 tháng Hai 1778. Hiệp ước giữa Pháp và các thuộc địa khởi nghĩa.

Tháng Tư 1778. Hạm đội Pháp dưới sự chỉ huy của bá tước Đ' Ê-xten, với một đạo quân bộ binh lớn trên các tàu, đã nhổ neo đi sang Mỹ.

I-ô-đép (của Áo) toan sáp nhập Hạ Ba-vi-e vào nước Áo (sau cái chết của tuyển đế hầu Mắc-xi-mi-li-an-Giô-dép).

1* Trong bản tóm lược của Mác, câu này đứng ở sau dòng chữ: "Năm 1772. Cuộc chia cắt Ba Lan", nhưng trong bản in lần này, để cho phù hợp với nội dung cuốn sách được tóm tắt, câu này được đặt trước dòng chữ trên đây.

2* Trong tác phẩm của I.Xa-bô: "Cuộc chiến tranh của các thuộc địa của Anh ở Mỹ" ("State Policy...", v.1, p.296).

Cuộc chiến tranh khoai tây [491].

Ông ta cũng toan dùng sức mạnh của vũ khí để mở đường thủy cho tàu bè đi lại tự do trên sông Sen-đơ.

Năm 1779. Tây Ban Nha liên kết với Pháp trong cuộc chiến tranh chống nước Anh.

***Năm 1780.* Nước Nga tuyên bố nền trung lập có vũ trang**[492].

Ngày 3 tháng Chín 1783. Hòa ước Vec-xây giữa Pháp, Tây Ban Nha, Mỹ và Anh.

Tháng Năm 1784. Hòa ước giữa Anh và Hà Lan.

XII) *Các năm 1783 - 1790. Crưm hoàn toàn sáp nhập vào đế quốc Nga*

Liên minh với Nga, nước Áo sẵn sàng nhận phần của mình trong miếng mồi chiếm được.

Năm 1790. Liên minh Phổ - Thổ Nhĩ Kỳ... Đại hội Rai-sen-béc (sự hòa giải hoàn toàn của Phổ và Áo)[493] ...

Hòa ước Vê-ren (trên cơ sở status quo) giữa Thụy Điển và Nga [494]... Sự bất bình của người Hung-ga-ri và người Bỉ... Hòa ước Xi-xtốp giữa Áo và Thổ Nhĩ Kỳ [495]... Hòa ước I-át-xcơ (giữa Nga và Thổ Nhĩ Kỳ [496]).

Từ thời Sác-lơ V, Áo không còn khả năng tiến hành chiến tranh, cũng như không còn khả năng thu hồi lại cho mình một tỉnh nào cả.

[Tập II][497]

I a) *Các năm 1790 - 1796*

Ngày 25 tháng Tám 1791. Tuyên bố Pin-nít-xơ của Áo - Phổ.

Năm 1792 (ngày 20 tháng Tư). Pháp tuyên chiến với Áo.

Năm 1792 (ngày 25 tháng Bảy, Cô-blen-xơ). Tuyên cáo của quận công Brao-nơ-svai-gơ.

Ngày 21 tháng Giêng 1793. Lút-vích Ca-pét bị hành quyết.

Ngày 25 tháng Ba 1793. Công ước của Pít với nước Nga; tiếp theo đó là những hiệp ước liên minh và những công ước về các khoản tài trợ ký với Xác-đi-ni, Tây Ban Nha, các quốc vương I-ta-li-a thuộc triều đại Buốc-bông, với Phổ, Áo, Bồ Đào Nha và một số các quốc gia nhỏ của Đức

(chống lại nước Pháp).

Liên minh thứ nhất. (Phái quân đội của mình vào sâu nước Pháp, vua Phổ [1*] âm mưu cùng với Ê-ca-tê-ri-na thực hiện cuộc phân chia Ba Lan lần thứ hai).

Tháng Bảy 1793. Cuộc phân chia Ba Lan lần thứ hai. Phổ nhận được Đan-tzích và Tô-run.

(Hiến pháp mới của Ba Lan được công bố ngày 3 tháng Năm 1791.) (Ngai vàng cha truyền con nối.) (Cuộc chiến của Nga ở Ba Lan vào năm 1792.) (Công ước giữa Phổ và Nga ở Xanh Pê-téc-bua ngày 23 tháng Giêng 1793. Quân Phổ tiến vào Ba Lan. Nước Nga nhận được gần một nửa Lít-va (các tỉnh Pô-đôn-xcơ, Pô-lốt-xơ và Min-xcơ, một nửa tỉnh Nô-vô-grút-cơ, Bre-xtơ, cũng như Vô-lưn) (3 triệu dân).)

Ê-ca-tê-ri-na chửi bới dữ dội *nước Pháp*, nhưng bà ta giữ quân đội của mình ở nhà.

Tháng Tư 1794. (Thỏa ước về tài trợ giữa Phổ và Anh.)

Ngày 24 tháng Ba 1794. Cô-xti-u-scô (kẻ độc tài). Cuộc khởi nghĩa ở Vác-sa-va và Vin-nơ. Áo cũng phái quân đội đi. *Ngày 9 tháng Mười một 1794*. Xu-vô-rốp tiến vào Vác-sa-va.

Ngày 3 tháng Giêng 1795. Tuyên bố riêng rẽ ở Pê-téc-bua của Áo và Nga (về việc phân chia).

Ngày 24 tháng Mười 1795. Phổ cùng với Áo ký công ước Pê-téc-bua. Cra-cốp thuộc về Áo. Nước Nga nhận được phần còn lại của Ba Lan và Lít-va đến tận Nê-man và lãnh thổ Bre-xtơ, Nô-vô-grút-cơ, phần lớn vùng Xe-mô-ghi-ti-a, toàn bộ xứ Cuốc-lan và Xê-mi-ga-li-a; tại Tiểu Ba Lan thì nó nhận được một phần lãnh thổ của quận Khôn-mơ nằm bên hữu ngạn sông Bu-gơ, và nhận được phần còn lại của tỉnh Vô-lưn (1200000 dân).

Nước Áo [còn nhận được] - ngoài phần chủ yếu của [tỉnh] Cra-cốp - các tỉnh Xan-đô-mia và Lu-blin, một phần quận Khôn-mơ,

1* - Phri-đrích -Vin-hem II

các tỉnh Bre-xtơ, Pốt-li-a-sơ và Ma-dô-vét (ở phía tả ngạn sông Bu-gơ) (khoảng một triệu nhân khẩu).

Phổ thì nhận được một phần Ma-dô-vi và Pốt-li-a-si phía hữu ngạn sông Bu-gơ, một phần tỉnh Tơ-rốc và Xa-mô-ghi-ti ở Lít-va và một quận nhỏ ở Tiểu Ba Lan, một phần tỉnh Cra-cốp (khoảng 1 triệu dân).

Cuộc chia cắt Ba Lan lần thứ ba.

Cho đến nay, nước Nga được lợi nhiều nhất nhờ cuộc chiến tranh với Pháp. Thành công trong việc thuyết phục nước Anh, nước Áo, nước Phổ có những quan niệm về sự nguy hiểm của những nguyên tắc cách mạng, Ê-ca-tê-ri-na đã theo đuổi những lợi ích riêng rẽ của mình, đồng thời không cung cấp một lính Cô-dắc nào và không chi một rúp nào cho "sự nghiệp chung". Việc bà ta phái mấy chiếc tàu chiến đi giúp nước Anh xem ra như một sự nhạo báng.

Ngày 5 tháng Tư 1795. Hòa ước Ba-lơ của Pháp với Phổ. Hiệp ước cuối cùng và bí mật ký hồi tháng Tám. Phổ nhường lại các lãnh địa của mình ở tả ngạn sông Ranh, đổi lại nó được đền bù bằng việc thế tục hóa một số giáo khu Đức. Sau đó là Tây Ban Nha. (Nước Pháp chỉ giữ lại phần thuộc Tây Ban Nha ở Xan Đô-min-gô.)[498] Trước nữa, Tô-xca-nơ đã ký hòa ước với Pháp. Có hai nước ven biển Ban-tích giữ trung lập. Những nước còn liên minh với Anh chỉ gồm Xác-đi-ni và Áo. Bỉ được sáp nhập vào nước Pháp. Pháp được nhường lại các phần lãnh thổ Hà Lan [499].

II a) *Các năm 1796 - 1801. (Hòa ước Luy-nê-vin)*

Tháng Tư 1796. (Ba trận đánh xảy ra kế tiếp nhau - Bô-na-pác-tơ - quyết định số phận Xác-đi-ni.) (Nước Pháp nhận được Xa-voa, Ni-xơ và quyền chiếm giữ một số pháo đài.) Bô-na-pác-tơ ở Lôm-bác-đi. Các thuộc địa của Cộng hòa Ba-ta-va rơi vào tay nước Anh.

Ngày 17 tháng Mười một 1796. Ê-ca-tê-ri-na chết.

Ngày 18 tháng Tư 1797. Áo ký hòa ước sơ bộ ở Lê-ô-ben.

Cộng hòa Xi-dan-pin (Mô-đe-na, Phê-ra-ra, Rô-ma-ni-a, Măng-tua). *Cộng hòa Li-gu-ri* (Giê-nơ v.v.).

Ngày 17 tháng Mười 1797. Hòa ước Cam-pô-phoóc-mi-ô. (Áo từ bỏ Hà Lan, đồng ý với việc Pháp nhận phía tả ngạn sông Ranh; Áo *nhận Vơ-ni-đơ* và *phần Đan-ma-xi*

thuộc các lãnh địa Vơ-ni-đơ. An-ba-ni và các đảo của Vơ-ni-đơ, hay còn gọi là quần đảo I-ô-ni, tách ra chuyển cho nước Pháp) [324].

(Ngày 19 tháng Năm 1798 Bô-na-pác-tơ rời Tu-lông đi Ai Cập bằng tàu biển). (Bô-na-pác-tơ chiếm Man-ta vào tháng Sáu 1798.)

Ngày 15 tháng Ba 1798. Đại hội Ra-stát[500].

Tháng Chạp 1798. Hiệp ước giữa Anh và Nga. (Cả hai nước này đều tham gia các liên minh riêng rẽ với Thổ Nhĩ Kỳ và Xi-xin.)

Cộng hòa Thụy Sĩ - dưới sự bảo hộ của Pháp.

Quân Pháp chiếm đóng các lãnh địa của Giáo hoàng. *Liên minh thứ hai.*

Tháng Tư 1799. Giải tán Đại hội Ra-stát.

Áo tham gia *liên minh thứ hai.* Dần dần tham gia vào liên minh ấy còn có Bồ Đào Nha, Ba-vi-e, tuyển đế hầu xứ Ma-in-xơ[1*], quận công xứ Vuyếc-tem-béc[2*].

Chiến tranh ở I-ta-li-a và ở Đức. Na-plơ chịu thất bại. *Cộng hòa Pác-tê-nô-pây* [501].

Dưới chiêu bài giả hiệu, Pi-ê-mông trở thành xứ thuộc Pháp (de facto. *Các-lơ-Ê-ma-nu-in* IV bỏ đi đến Xác-đi-ni).

(Ngày 9 tháng Mười 1799. Bô-na-pác-tơ đổ bộ ở Pháp.)

Ngày 14 tháng Sáu 1799. Ma-ren-gô. Quân Anh chiếm Man-ta. *Hoàng đế Pa-ven: trung lập có vũ trang* cùng với Dan Mạch, Thụy Điển và Phổ.

Ngày 23 tháng Ba 1801. Pa-ven. A-lếch-xan-đrơ I chết.

Ngày 9 tháng Hai 1801. Hòa ước Luy-nê-vin. (Áo đã công nhận sông Ranh là đường biên giới của Pháp. Cuộc phân chia các lãnh địa Vơ-ni-đơ. Nước Bỉ được nhường cho Pháp.) (Các nước cộng hòa Xi-dan-pin, Li-gu-ri, Hen-vét, Ba-ta-va được công nhận.)

III a) *Các năm 1801 - 1805*

Tháng Giêng 1802. Bô-na-pác-tơ - tổng thống của Cộng hòa I-ta-li-a.

Ngày 27 tháng Ba 1802. Hòa ước A-mi-en (Pháp, Anh, Tây Ban Nha, Hà Lan). (Nước Anh giữ lại Tơ-ri-ni-đát và Xây-lan.) (Quân Anh phải rời khỏi Man-ta, nền độc

1* - Phri-đrích Các-lơ I-ô-dép, công tước Éc-tan

2* - Phri-đrích I

lập của xứ này.) (Nước Pháp hứa rời khỏi Na-plơ. các lãnh địa của Giáo hoàng; nước Anh nhận được tất cả các cảng và các đảo trên Địa Trung Hải và trên biển A-đri-a-tích. Có sự bảo đảm cho Cộng hòa quần đảo I-ô-ni và cho sự toàn vẹn của Thổ Nhĩ Kỳ.)

Ngày 18 tháng Năm 1803. Nước Anh tuyên chiến với Pháp.

Ngày 18 tháng Năm 1804. Bô-na-pác-tơ trở thành hoàng đế. *Ngày 2 tháng Chạp 1804* Giáo hoàng [1*] làm lễ đăng quang cho ông ta.

IV a) *Các năm 1805 - 1807. Liên minh thứ ba. Hòa ước Tin-dít*

Pê-téc-bua - trung tâm của những liên minh mới chống lại Pháp.

Ngày 11 tháng Tư 1805. Hiệp ước liên minh giữa Anh và Nga. (Thụy Điển đã bị ràng buộc với nước Anh bởi hiệp ước tháng Chạp 1804, theo đó Stơ-ran-dun-đơ trở thành căn cứ của quân Anh.)

Các bản tuyên bố ngày 9 tháng Tám ở Pê-téc-bua mà Áo đã trao đổi với Anh và Nga.

Ngày 17 tháng Mười 1805. Văn bản đầu hàng ký ở Un-ma. *Ngày 2 tháng Chạp* Ô-xtéc-lít.

Ngày 26 tháng Chạp 1805. Hòa ước riêng rẽ ở Prê-xbuốc (Áo và Bô-na-pác-tơ). (Na-pô-lê-ông được thừa nhận là vua của I-ta-li-a. Áo bị mất các tỉnh ở Vơ-ni-đơ. Nhường Ti-rôn cho Ba-vi-e, còn những vùng đất khác của mình thì nhường cho Ba-đen và Vuyếc-tem-béc. Ba-vi-e và Vuyếc-tem-béc trở thành các vương quốc, còn Ba-đen thì trở thành đại công quốc.)

Ngày 23 tháng Giêng 1806. Pít chết. Cuộc thương thảo của Phốc-xơ với Pháp. *Nước Nga phá hoại cuộc đàm phán hòa bình ấy.*

(Ngày 13 tháng Chín 1806. Phốc-xơ chết.)

Ngày 12 tháng Bảy 1806 (Pa-ri. Liên minh Ranh, 16 vua chúa Đức).

Ngày 6 tháng Tám 1806. Áo từ bỏ [quyền mang] tước hiệu hoàng đế Đức. (*Sự cáo chung của đế chế.)*

1* - Pi VII

Ngày 14 tháng Mười 1806. Trận đánh ở gần I-ê-na và Au-ơ-stết.

Ngày 14 tháng Sáu 1807. Trận đánh ở Phrít-lan-đơ.

Ngày 7 tháng Bảy 1807. Hòa ước Tin-dít (Vác-sa-va và một phần Tây Phổ được trao cho *Au-gu-xtơ III* (của xứ Dắc-den) và được nâng lên hàng vương quốc; Đông Phổ được trao cho Nga hoàng. *Các điều khoản bí mật:* Môn-đa-vi và Va-la-ki được trao cho Nga. Mô-rê-a và Can-đi-a [1*] được trao cho nước Pháp, hệ thống lục địa. Cuộc lật đổ triều đại Buốc-bông ở Tây Ban Nha).

Va) *Các năm 1807 - 1814 (Hòa ước Pa-ri)*

Tháng Mười 1808. Hội nghị Éc-phuốc. Những miền đất nước Nga xâm chiếm được ở Thụy Điển (Phần Lan) và ở Thổ Nhĩ Kỳ (các công quốc vùng Đa-nuýp).

(Đồng thời, người Nga còn tiến hành cuộc đàm phán ở hậu trường với Phổ và Áo chống lại Pháp.)

Tháng Ba 1809. Tuyên ngôn của Áo kêu gọi dân chúng ở Ti-rôn cầm vũ khí. Đại công tước I-ô-han xâm nhập I-ta-li-a, Phéc-đi-năng tiến về Vác-sa-va. Các-lơ tiến về Ba-vi-e.

Ngày 12 tháng Năm 1809. Na-pô-lê-ông tiến vào Viên. *Ngày 5,6 tháng Bảy* Va-gram. *Ngày 10 tháng Mười* ký hòa ước Suên-brun. (Áo nhường lại xứ Ca-rin-ti-a, một phần Ti-rôn, lãnh thổ Tơ-ri-e-xtơ, một phần Crô-a-xi, vùng bờ biển A-đri-a-tích của Hung-ga-ri cùng với Phi-u-mê. Vua Dắc-den [2*] nhận được Tây Ga-li-xi. Với tư cách là đồng minh của Pháp, *nước Nga nhận được phần còn lại ở Ba Lan thuộc* Áo để bù lại việc đã có những hoạt động chậm chạp, được thực hiện một cách rõ ràng là miễn cưỡng trong tiến trình cuộc chiến.) (*Áo đã nhận được từ phía Nga hoàng những lời cam đoan bí mật về thái độ trung lập.*)

Tháng Chín 1809. Hòa ước của Nga với Thụy Điển. (*Nga nhận được Phần Lan và quần đảo A-lan.*)

Tháng Chạp 1810. Tại Nga đã ban bố sắc lệnh nhằm chống lại các nguyên tắc của hệ thống lục địa.

Đến cuối năm 1811 tất cả những âm mưu giữa các triều đình phương bắc và triều đình Xanh Giêm-xơ đã sẵn sàng được đem thực hiện. Các kênh liên lạc giữa Pê-téc-bua

1* - Cri-tơ

2* - Phri-đrích-Au-gu-xtơ I

và Luân Đôn là Pốt-xô-đi-Boóc-gô và công tước Liu-bô-mia-xki. Người ta đã xem Béc-na-đốt-tơ như một cây bài chắc ăn. Nước Anh đã hậu thuẫn cho Phổ và Nga bằng vũ khí và trang bị. Ở I-ta-li-a, Pốt-xô-đi-Boóc-gô đã chuẩn bị cuộc tổng khởi nghĩa.

Năm 1812. Hòa ước Bu-ca-rét

với sự trung gian của nước Anh;

nước Nga nhận được xứ Bét-xa-ra-bi-a và một phần Môn-đa-vi.

Tháng Hai 1813. Hiệp ước Ca-li-sơ của Nga-Phổ.

Ngày 12 tháng Tư 1814. Na-pô-lê-ông thoái vị.

Ngày 30 tháng Năm 1814. Hòa ước Pa-ri. (Nước Pháp lui về đường biên giới năm 1792, một số phần lãnh thổ được mở rộng ở phía bắc đất nước.)

VIa) *Tháng Năm 1814 - tháng Mười một 1815*

Ngày 1 tháng Mười một 1814. Khai mạc Đại hội Viên.

Ngày 9 tháng Giêng 1815. Hiệp ước bí mật giữa Áo, Pháp và Anh.

Ngày 1 tháng Ba 1815 Bô-na-pác-tơ đổ bộ ở Pháp.

Ngày 18 tháng Sáu 1815. Oa-téc-lô. *(Ngày 26 tháng Chín 1815.* Liên minh thần thánh).

Cuối tháng Sáu 1815. Kết thúc Đại hội Viên. ("Vương quốc Ba Lan" thuộc về nước Nga; một phần công quốc Vác-sa-va (Pô-đơ-nan) thuộc về Phổ, Ga-li-xi thuộc về Áo. Phổ nhận được một nửa xứ Dắc-den, một phần Pô-mê-ra-ni của Thụy Điển, một số tỉnh của vùng Ve-xtơ-pha-li và ở phía tả ngạn sông Ranh. Bỉ và Lúc-xăm-bua thuộc về Hà Lan. *Áo* (để đánh đổi Bỉ) còn nhận được - không kể những lãnh địa trước kia của mình - toàn bộ Vơ-ni-đơ, Măng-tua v.v. (Mô-đê-na, Tô-xca-nơ và Pác-ma thì thuộc về những thành viên khác của vương triều Háp-xbuốc). Na-plơ được trả lại cho Phéc-đi-năng[1*]; Giê-nơ thuộc về Pi-ê-mông. Đan Mạch phải trao Na Uy cho Thụy Điển. Áo trở thành chủ tịch quốc hội Phran-phuốc[502]. *Thụy Sĩ:* Va-lê, Nơ-sa-ten, Giơ-ne-vơ được sáp nhập vào nó. Nước Anh: một số thuộc địa thuộc Đông Ấn và Tây Ấn, mũi Hảo vọng, Man-ta, quần đảo I-ô-ni, Hê-li-gô-lan - là chiến lợi phẩm chiếm được từ tay Pháp. Hà lan, Vơ-ni-đơ, các hiệp sĩ của thánh Gioan và Đan Mạch).

Ngày 26 tháng Chín 1815. Liên minh thần thánh.

Ngày 20 tháng Mười một 1815. Hiệp ước Pa-ri thứ hai. Pháp phải trao lại một số

1* - Phéc-đi-năng I

pháo đài dọc đường biên giới vùng Ranh, dọc đường biên giới với Hà Lan và trong dãy núi An-pơ.

VII a) *Các năm 1815 - 1825*

Tháng Mười 1817. Lễ hội Vác-tơ-buốc của các sinh viên Đức. Hội sinh viên [503]. Bãi bỏ bản hiến pháp (năm 1812) ở Xi-xin. Bãi bỏ bản hiến pháp của nghị viện ở Tây Ban Nha[504].

Tháng Chín 1818. Đại hội A-khen. (Cuộc rút quân ra khỏi Pháp. Chiến tranh ở Bồ Đào Nha. Chiến tranh giữa Tây Ban Nha và các thuộc địa của nó ở châu Mỹ. Đề nghị của Mét-téc-ních về *những cuộc gặp gỡ định kỳ* nhằm đè bẹp tinh thần cách mạng. *Ngày 15 tháng Mười một* nghị định thư về những cuộc gặp gỡ ấy được ký kết. Ca-xlê-ri đã ký nghị định thư này. Nước Pháp cũng được thu nhận vào Liên minh thần thánh)

Ca-xlê-ri rời đi theo yêu cầu của chính phủ mình.

(Mét-téc-ních, Hác-đen-béc-gơ, Nê-xen-rô-đê, tạo thành bộ ba nhiếp chính.)

Năm 1819. Đại hội Các-xbát dưới ảnh hưởng của Áo-Phổ; sau đó, đại hội này được dời đến Viên. Bản hiến pháp của Đức đã được sửa đổi lại. Ủy ban cảnh sát ở Ma-in-xơ[505]. Các hội Các-bô-na-ri. (Các hội này hình thành vào năm 1809 xung quanh ngai vàng hoàng đế Phrăng-xoa1*.) [506] Giáo hoàng2* đưa ra những lời lên án sấm sét chống chủ nghĩa Các-bô-na-ri và chủ nghĩa Phran-cơ-ma-xông.

Tháng Giêng 1820. Phéc-đi-năng của Tây Ban Nha 3* buộc phải khôi phục bản hiến pháp của nghị viện Tây Ban Nha, *vua Phéc-đi-năng của Na-plơ* cũng vậy *(ngày 6 tháng Bảy).* (Tướng Ghi-li-en-mô Pê-pê, lãnh tụ của tổ chức Các-bô-na-ri.)

Tháng Tám 1820. Hoàng đế Phran-txơ I ở vùng Lôm-bác-đi - Vơ-ni-đơ đã ban bố bản tuyên cáo chống lại chủ nghĩa Các-bô-na-ri.

Tháng Mười 1820. Đại hội Tơ-rốp-pau. Sự can thiệp vũ trang ở Na-plơ do Mét-téc-ních đề nghị. (Sự bất đồng ý của Ca-xlê-ri) (nhưng ông này "sẽ không gây cản trở cho công việc của Áo"); đại hội được dời đến

Lai-bắc (năm 1821)

1* - Phrăng-xoa I

2* - Pi VII

3* - Phéc-đi-năng VII

Tháng Hai 1821. Quân đội Áo dưới quyền chỉ huy của nam tước Phri-môn tiến vào Na-plơ. Các cuộc nổi dậy ở Xác-đi-ni, Va-la-ki, Hy Lạp. Cuộc can thiệp vũ trang của Áo ở Xác-đi-ni.

Tháng Chín 1822. Đại hội Vê-rôn. Lời phản kháng của Ca-ninh. Cuộc can thiệp của Pháp ở Tây Ban Nha.

Ngày 28 tháng Giêng 1823. Diễn văn của vua Lu-i XVIII.

Ông ta tuyên bố về cuộc can thiệp ở Tây Ban Nha.

A-lếch-xan-đrơ I tuyên bố dứt khoát về quyết tâm của mình muốn giúp nước Pháp trong trường hợp nước Anh tấn công nước Pháp.

(Mét-téc-ních bắt đầu xoay xở.)

Phản cách mạng ở Bồ Đào Nha. (Vào năm 1822 triều đại Bra-gan-xa đã ban cho bản hiến pháp theo mẫu bản hiến pháp Tây Ban Nha [507]. (Vua Gioăng VI.) (Ông ta thực hiện cuộc đảo chính phản cách mạng nhờ sự giúp sức của con trai mình là Dôn-Mi-ghen và bá tước A-ma-ran-tê.) *Ca-ninh* ngăn cản cuộc can thiệp ở Tây Ban Nha; ông ta thừa nhận nền độc lập của các thuộc địa ở Mỹ).

Ngày 2 tháng Chạp 1923. Thông điệp của Tổng thống *Giêm-xơ Môn-rô* gửi quốc hội Mỹ.

Năm 1825. Can-ninh đã thừa nhận Mê-hi-cô.

Tháng Chín 1824. Lu-i XVIII chết.

Sác-lơ X.

Ngày 1 tháng Mười 1825. Cái chết của A-lếch-xan-đrơ I ("thiên thần trắng" của bà Đờ Cruy-đe-nơ)[508]. *Ni-cô-lai.*

VIII a) *Các năm 1825 - 1834.*

Ma-khơ-mút II (nhà cải cách tôn giáo). (Cuộc nổi loạn của bộ binh Thổ Nhĩ Kỳ, sự bất bình của các u-lêm [509], sự phản bội của một số vị Pa-sa.) ("Ghê-tê-ri-a"). (Lần đầu tiên được thành lập ở Mát-xcơ-va[510]) (Ca-pô-đi-xtơ-ri, bộ trưởng xứ I-ô-ni của A-lếch-xan-đrơ [511]. - công cụ chủ yếu trong phong trào Hy Lạp.) (A-li-pa-sa I-a-nin-xki năm 1821 đã phát tín hiệu mở đầu cuộc tổng khởi nghĩa của người Hy Lạp.) (Cuộc khởi nghĩa đầu tiên là của A-lếch-xan-đrơ I-pxi-lan-ti ở Va-la-ki. Đồng thời diễn ra các cuộc khởi nghĩa trên đảo Pê-lô-pô-nét-xơ, trên các đảo của quần đảo v.v.. Việc xóa bỏ quân đoàn lục quân Thổ Nhĩ Kỳ.)

Tháng Hai 1825. I-bra-him-pa-sa (con trai của Mô-ha-mét - A-li) đổ bộ ở Mô-rây.

Vụ xung đột của Thổ Nhĩ Kỳ với Nga trước lúc A-lếch-xan-đrơ chết.

Ngày 4 tháng Tư 1826. Nghị định thư Anh-Nga (ký tại Pê-téc-bua) về Hy Lạp.

Công ước Ác-kéc-man, tháng Mười 1826 (giữa Nga và Thổ Nhĩ Kỳ). (Thỏa thuận về các công quốc vùng Đa-nuýp [1*] và về Xéc-bi.)

Tháng Ba 1826. Vua Bồ Đào Nha Gioăng VI chết. (Con trai trưởng của ông ta Đôn Pê-đru trao Bồ Đào Nha cho con gái của mình là Ma-ri-a) Mét-téc-ních có những mưu mô cùng với vua Thổ Nhĩ Kỳ [2*] và để làm lợi cho ông ta.

Ngày 6 tháng Bảy 1827. Pháp, Anh và Nga ký tại Luân Đôn bản *công ước* (về Hy Lạp) (việc làm trung gian giữa các bên tham chiến).

Ngày 20 tháng Mười 1827. Trận thảm bại tại Na-va-rin. (Trong khi ấy Ca-ninh chết.)

Mùa xuân 1828. Quân đội Nga vượt sông Prút, chiếm các công quốc. Pốt-xô-đi - Boóc-gô, bạn chí thiết của bộ trưởng ngoại giao Pháp La-phe-rô-ne, được cho biết mọi tin tức mật đến từ Viên.

Ngày 14 tháng Chín 1829. Hiệp ước A-đri-a-nô-pôn; Nước Nga nhận được vùng của sông Đa-nuýp. Bá tước Ca-pô-đi-xtơ-ri là tổng thống Hy Lạp.

Năm 1830, tháng Bảy. Lu-i - Phi-líp lên ngôi vua. Tháng Chín. Cách mạng ở Bỉ.

Năm 1831. Cuộc khởi nghĩa của người Ba Lan. Các cuộc khởi nghĩa ở I-ta-li-a. **Việc giải quyết các vấn đề của Bỉ. Việc giải quyết các vấn đề của Hy Lạp.**

Tháng Mười 1831. Finis Poloniae[3*].

Ngày 20 tháng Giêng 1831. Bỉ tuyên bố độc lập.

Năm 1833, tháng Hai. Hiệp ước Un-ki-a - I-xkê-lê-xi *(ngày 10 tháng Bảy)*[512].

Ngày 7 tháng Năm 1832. Ốt-tôn xứ Ba-vi-e đã trở thành vua của Hy Lạp.

(Dưới chiêu bài yểm trợ cuộc chiến tranh Hy Lạp, nước Nga đã dùng vũ lực giành được công ước Ác-kéc-man, sau đó là Hiệp ước A-đri-a-nô-pôn, trong số các cường quốc châu Âu, nước Nga là phía duy nhất được hưởng lợi.)

1* - Môn-đa-vi và Va-la-ki

2* - Ma-khơ-mút II

3* - Sự cáo chung của Ba Lan

Năm 1832. Theo sáng kiến của Mét-téc-ních các biện pháp phản động được thi hành ở Đức.

IX a) *Các năm 1834 - 1846*

Năm 1828 (Cuộc nổi loạn của Đôn Mi-ghen) *Năm 1832.* Đôn Pê-đru đổ bộ lên đảo Téc-xây-rơ.

Năm 1833. Phéc-đi-năng của Tây Ban Nha chết. Ngày 1 tháng Bảy 1833. (Tòng nam tước Sác-lơ Nây-pia tiêu diệt các đoàn thuyền chiến của Mi-ghen tại mũi Xanh Vanh-xăng).

Tháng Tư 1834. Liên minh tay tư (Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha)[357].

Hiệp ước ngày 15 tháng Bảy 1840. [344]

Ngày 6 tháng Mười một 1846. Cra-cốp sáp nhập vào Áo.

XI a) *Các năm 1846 - 1850*

Giáo hoàng Pi-IX. Chiến tranh với Đồng minh đặc biệt [65] ***ở Thụy Sĩ.***

Cách Mạng tháng Hai 1848.

Tháng Mười một 1846. Giáo hoàng ban bố sắc lệnh về việc triệu tập "Consulta di stato" [1*].

Quốc hội Prê-xbuốc. Năm 1847.

Ngày 9 tháng Tám 1848. Sác-lơ An-be (Xác-đi-ni) buộc phải trả giá để có được *cuộc đình chiến ở Xô-la-xcô* (kéo dài đến *giữa tháng Ba 1849).*

Ngày 25 tháng Mười một 1848. Cuộc chạy trốn của Pi.

Tháng Năm 1848. Quốc hội Phran-phuốc.

Ngày 23 tháng Ba 1849. Trận đánh ở Nô-va-rơ.

Ngày 14 tháng Tư 1849. Hung-ga-ri tuyên bố độc lập.

Ngày 9 tháng Hai 1849. La Mã tuyên bố thiết lập nền cộng hòa.

Ngày 30 tháng Sáu 1849. La Mã sụp đổ. *Ngày 13 tháng Tám 1849.* Hung-ga-ri đầu hàng.

Ngày 22 tháng Tám 1849. Vơ-ni-đơ đầu hàng.

1* - "Hội đồng nhà nước" [513]

Tháng Bảy 1848. Quân Nga tiến vào các công quốc vùng Đa-nuýp.

Quận công xứ Giê-nơ [1*] trở thành vua của Xi-xin.

Năm 1849 [514]. *Tháng Hai.* Quân Nga ở Tơ-ran-xin-va-ni-a.

Ngày 15 tháng Ba. Quân Nga bị đánh đuổi ra khỏi Tơ-ran-xin-va-ni-a.

Ngày 23 tháng Ba. Thất bại của quân xứ Xác-đi-ni ở Nô-va-rơ.

Ngày 14 tháng Tư. Cuộc lật đổ vương triều Háp-xbuốc (ở Hung-ga-ri).

Ngày 9 tháng Hai. Cộng hòa La Mã.

Năm 1849. Tháng Tư. Công ước Ban-ta-Li-man.

Ngày 22 tháng Tư. Quân Pháp đổ bộ ở Si-vi-ta-vếch-ki-a.

Tháng Sáu. Quân Nga tiến vào *Hung-ga-ri.*

Ngày 30 tháng Sáu. La Mã đầu hàng quân Pháp.

Ngày 13 tháng Tám. Các lực lượng chủ lực của quân đội Hung-ga-ri đầu hàng quân Nga.

Ngày 22 tháng Tám. Vơ-ni-đơ đầu hàng.

XIIa) *Các năm 1850 - 1853*

Năm 1850. Tháng Giêng. Quân Anh bao vây Hy Lạp.

Ngày 24 tháng Năm. Hiệp ước của ba ông vua (Phổ, Dắc-den, Han-nô-vơ [2*]).

Tháng Mười. Cuộc đàm phán ở Vác-sa-va.

Tháng chạp. Cuộc đàm phán Áo-Nga ở Đre-xđen.

Ngày 2 tháng Chạp 1851. Coup d' État [3*].

Năm 1851. Nga rút quân ra khỏi các công quốc vùng Đa-nuýp.

Năm 1852. Ngày 2 tháng Chạp. Đế chế Pháp được tuyên bố thành lập.

Ngày 6 tháng Chạp. Nghị viện Anh công bố việc công nhận Đế chế Pháp.

Năm 1852. Tháng Năm. Hiệp ước về quyền thừa kế Đan Mạch.

1* - Phéc-đi-năng-đô-An-béc-tô A-mê-đê-ô

2*- Phri-đrích-Vin-hem IV, Phri-đrích Au-gu-xtơ II, Éc-nơ-xtơ Au-gu-xtơ

3* - Đảo chính

XIIIa) *Các năm 1853 - 1856* [1*]

Do C. Mác soạn vào tháng Sáu 1860

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Anh và tiếng Đức
Công bố lần đầu

1* Đến đây bản tóm tắt bị đứt đoạn.

PH. ĂNG-GHEN

BÀI TƯỜNG THUẬT CỦA ĐỨC VỀ CUỘC DUYỆT BINH Ở NIU-TƠN[515]

Tờ "Allgemeine Militär - Zeitung" xuất bản ở Đác-mơ-stát - được coi là tờ báo quân sự số một ở Đức - đã đăng, trong số ra ngày 8 tháng Chín, thông báo của một thông tín viên về cuộc duyệt binh ở Niu-tơn và những tin tức tổng quát về phong trào của các xạ thủ. Dưới đây công bố bản dịch bài báo đó (dành riêng cho tờ "Volunteer Journal"). Không nghi ngờ gì nữa, bài báo này sẽ quan trọng đối với những người lính tình nguyện ở Lan-kê-sia và Sê-sia, đặc biệt là đối với những người đã tham gia cuộc duyệt binh này. Như điều tất phải trông đợi, bài tường thuật này được soạn thảo tuyệt nhiên không phải theo một giọng điệu ca ngợi không chừng mực mà báo chí của Anh thường xem là đóng góp của mình vào phong trào; song, tính chất của bài báo ấy có thể là điều đảm bảo đầy đủ để cho rằng nó do một người am hiểu viết ra, còn giọng đồng tình của nó thì chứng minh rằng tác giả tuyệt nhiên

không có ý định làm cái việc bới móc vô nghĩa. Còn về những đề nghị đưa ra trong bài báo này thì chúng tôi dành cho bạn đọc cơ hội đưa ra ý kiến riêng của mình về những đề nghị ấy[516].

Do Ph. Ăng-ghen viết giữa ngày 8 và 14 tháng Chín 1860
Công bố trong tạp chí "The volunteer Journal, for Lancashire and Cheshire" số 2, 14 tháng Chín 1860

In theo bản đăng trong tạp chí
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

C. MÁC

VỀ VẤN ĐỀ ÂN XÁ[517]

Ngày 4 tháng Giêng 1862 *Vin-hem Vôn-phơ*, nguyên là chủ bút tờ "Neue Rheinische Zeitung", nay làm nghề dạy học ở Man-se-xtơ, đã gửi đơn cho chính quyền ở Bre-xlau. Trên cơ sở sắc lệnh mới ban hành về ân xá[518] ông đã yêu cầu được khôi phục quyền công dân Phổ cho mình. Sau chín tháng, ông nhận được văn bản phúc đáp như sau:

"Trên cơ sở các lá đơn ngày 4 tháng Giêng và ngày 4 tháng Sáu[1*] năm nay, chúng tôi xin thông báo với ông rằng do ông đã bỏ trốn, để tránh cuộc điều tra tư pháp tiếp theo đối với ông vào các năm 1845 và 1848, cho nên chúng tôi thấy không thể thỏa mãn đơn của ông yêu cầu phục hồi quyền công dân Phổ cho ông được (!) Tuy nhiên, nếu ông cho rằng nhờ sắc lệnh của đức vua ban hành ngày 12 tháng Giêng mà ông *không bị trừng phạt*, thì quan niệm ấy dựa trên một cách hiểu không đúng về sắc lệnh nêu trên, theo sắc lệnh này ông (!) phải *có mặt* (!) tại *quốc gia đã biết* để tiếp tục cuộc điều tra đối với ông và sau đó chờ kết quả.

Bre-xlau, ngày 5 tháng Chín 1862. Chính phủ hoàng gia, Nha nội vụ, ký tên: *Sti-khơ*.

Gửi phó tiến sĩ triết học, ngài I-ô-han Phri-đrích Vin-hem Vôn-phơ ở Man-se-xtơ".

Nhân tiện, chúng tôi xin lưu ý một điều kỳ lạ: mặc dù ông Vôn-phơ đã mất quyền công dân "tại quốc gia đã biết", nhưng,

---

1* Xem tập này, tr. 532.

tuy vậy, ông ấy vẫn tiếp tục tồn tại bất diệt tại quốc gia ấy với tư cách là "phó tiến sĩ". Còn bây giờ xin đi vào vấn đề.

Vì chính quyền ở Bre-xlau bỏ ra ba tháng để sáng tác ra văn bản kể trên, cho nên không biết liệu có thể, chí ít, "chờ đợi" *tính chính xác thực tế* trong sự luận chứng cho câu trả lời khước từ ấy, hay không ? Song chính quyền ở Bre-xlau, xem ra, "cho rằng" các cơ quan hành chính chia sẻ với ngành tư pháp đặc quyền "Fictiones juris"[1*].

Vôn-phơ chạy trốn *vào năm 1846* (chứ không phải vào năm 1845) sau khi vụ án về các vấn đề báo chí chống lại ông đã khởi tố và *đã trải qua mọi giai đoạn điều tra*, sau khi chính ông ấy đã trả lời tất cả các cuộc hỏi cung, không lâu trước khi ra bản án. Như vậy, sau khi chạy trốn, Vôn-phơ đã tránh *bản án*, chứ không phải né tránh "*cuộc điều tra* tư pháp tiếp theo đối với ông ấy".

Hơn nữa. Vào năm 1848 nhân dân đã dùng vũ lực đạt được đợt tổng ân xá, nhờ vậy mà ông Vôn-phơ thoạt đầu đã trở về Bre-xlau. Tháng 4 năm 1848, người ta đã triệu tập ông đến tòa hình sự của Bre-xlau để ông đưa ra lời tuyên bố bằng văn bản - dĩ nhiên, ông đã làm đúng như vậy - rằng, về phía mình, ông chấp nhận sự ân xá.

Như vậy, xem ra chính quyền ở Bre-xlau "cho rằng" cuộc ân xá năm 1848 và *các quyền đã thu được* nhờ cuộc ân xá ấy *bị hủy bỏ* bởi cuộc ân xá năm 1861. Trong trường hợp này, loại hình luật pháp như vậy "*có hiệu lực trái chiều*" và sẽ tạo ra một thời đại mới trong lịch sử pháp luật.

1*- Quyền tư pháp hữu danh vô thực

Lời khẳng định cũng không kém phần sai trái là lời của chính quyền ở Bre-xlau, rằng Vôn-phơ, "vào năm 1848, đã bỏ trốn, để tránh cuộc điều tra tư pháp đối với ông ấy". Vôn-phơ đi sống lưu vong không phải vào năm 1848, mà vào năm 1849, vả lại *trước* khi có bất kỳ một cuộc điều tra nào đối với ông. Cuộc điều tra đó có liên quan đến việc ông ấy tham gia vào công việc của bọn tay chân trong nghị viện. Mùa hè năm 1849, Vôn-phơ sang Thụy Sĩ. Vào thời điểm ấy chưa có cuộc điều tra nào chống lại ông, và như vậy, ông ấy đã không thể "lẩn tránh" bất kỳ cuộc điều tra nào. *Lệnh triệu ông ấy đến tòa án* xuất hiện vào mùa thu năm 1849, khi ấy, ông ấy đã ở nước ngoài từ lâu rồi. Cuộc điều tra tư pháp *diễn ra trước* khi có cuộc chạy trốn và lệnh triệu đến tòa án - lệnh này *phát ra sau đó* - xem ra được con mắt của chính quyền ở Bre-xlau coi là hai điều giống hệt nhau. Vì lý do gì mà các cơ quan chính phủ trả công cho quan tòa, nếu có thể diễn ra một sự vi phạm hết sức thô bạo - ấu trĩ như vậy đối với những quy tắc hết sức đơn giản và hết sức thông thường trong việc giải thích đạo luật?

Do C. Mác viết vào giữa tháng Chín 1862
Đã công bố trên tờ "Barmer Zeitung" số 226, 28 tháng Chín 1862

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu

PH. ĂNG-GHEN

CÁC TIỂU LUẬN VỀ PHÁO BINH Ở MỸ[519]

Phải thấy rằng, Nội chiến ở Mỹ - với tinh thần sáng tạo của dân tộc và với trình độ cao trong lĩnh vực kỹ thuật dân dụng ở trong nước – sẽ dẫn đến tiến bộ to lớn trong lĩnh vực kỹ thuật quân sự, tạo ra một thời đại. Trận đánh giữa "Mô-ni-tơ" và "Mê-ri-mác" [520] mà tờ "Allgemeine Militär-Zeitung"[521] đã một lần nữa bàn tới, đã xác nhận những sự chờ đợi ấy là đúng. Bây giờ chúng ta phải nêu ra một vài số liệu mới.

I

Song, cuộc chiến đấu giữa "Mô-ni-tơ" và "Mê-ri-mác" - tuy rốt cuộc cuộc chiến đấu ấy đã được giải quyết có lợi cho loại tàu chiến có tháp pháo - đã không giải đáp được câu hỏi là loại thiết giáp hạm nào tốt hơn: loại tàu có tháp pháo hay là loại tàu có trang bị các khẩu pháo bố trí trên boong tàu. Nhưng rồi vừa mới đây đã diễn ra trận đánh[522] xem ra đã hoàn toàn dứt khoát làm rõ câu hỏi này, và chúng tôi sẽ càng vui lòng nói tỉ mỉ về trận đánh này, bởi vì, như chúng tôi biết, ở Anh và ở Pháp chưa chắc người ta đã biết điều gì về trận đánh này, còn ở Đức thì tuyệt nhiên không biết tí gì cả.

Tại hải cảng Xa-va-na, phía quân liên bang đã đóng chiếc tàu buôn "Phin-ga-lơ" theo kiểu Xcốt-len, với thân tàu làm bằng những tấm gỗ thông dày 4 in-sơ, ván gỗ sồi dày 4 in-sơ, bên ngoài bọc một lớp sắt dày 4 in-sơ. Vỏ sắt gồm 2 lớp các tấm rộng 6 in-sơ và dày 2 in-sơ, lớp phía dưới chúng, nhờ những đinh ốc vững chắc, đã được ghép theo chiều nằm ngang, còn lớp phía trên thì ghép theo chiều thẳng đứng. Theo mẫu con tàu "Mê-ri-mác", vỏ sắt được bọc lên con tàu với chiều dốc giống như mái nhà, nhưng ở bên trên nó được san bằng, khiến cho con tàu trông giống hình chóp cụt. Dọc theo boong tàu bố trí bốn khẩu pháo cỡ 6 in-sơ, còn ở đuôi tàu và mũi tàu thì bố trí hai khẩu pháo cỡ 7 in-sơ đặt trên tháp quay.

Sáng sớm, chiếc "*Át-lan-ta*" – giờ đây con tàu mang tên gọi như thế - xuôi xuống phía hạ lưu sông Xa-va-na và chẳng bao lâu sau nó đã đụng đầu với hai chiếc tàu loại có tháp pháo là chiếc "Uy-hau-kin" và "Na-han-tơ" lúc đó thực hiện cuộc bao vây, hai chiếc này lập tức lao về phía chiếc "Át-lan-ta". (Trong việc mô tả trận đánh này chúng tôi căn cứ theo tờ báo xuất bản ở Niu-oóc "Harper's Weekly", số ra ngày 11 tháng Bảy.) Chiếc "Át-lan-ta" khai chiến bằng ba loạt pháo bắn vào chiếc "Uy-hau-kin", chiếc tàu này không khai hỏa mà tiến càng lúc càng gần, rồi sau đấy bắn trả theo kiểu Anh bằng hỏa lực của khẩu pháo cỡ 15 in-sơ kiểu Đan-gren[1)] với những quả đạn 440 pao. Phát đạn thứ

1) Pháo Đan-gren là loại pháo tương đối ngắn, với chiều dài khoảng 12-14 ca-líp. Vẻ bề ngoài của loại pháo này đã được Đan-gren (nay là đô đốc chỉ huy ở Sác-lơ-xtơn) tính toán như sau: cách nhau một đoạn như nhau, dọc theo trục của nòng pháo, nằm vuông góc với nòng pháo, người ta khoan các lỗ có đường kính của súng trường và bỏ vào đó những mồi thuốc súng trường, trong khi đó việc mồi thuốc vào pháo và việc bắn của khẩu pháo được thực hiện bằng phương pháp thông thường. Tốc độ ban đầu của từng viên đạn súng trường được xác định bằng phương pháp thông thường và được dùng làm bảng tính áp suất của khí cháy thuốc súng trên những vùng tương ứng của thành nòng pháo.

nhất đã làm thủng *cả hai mạn boong tàu* của chiếc "Át-lan-ta" và đã loại khỏi vòng chiến đấu 40 người, một phần do những mảnh đạn, một phần do sức nổ mạnh. Trong số họ có một trung úy mà – như sau này anh ta kể lại – đã không thể gượng dậy được trong suốt 10 phút. Phát đạn thứ hai đã làm thủng mái sắt của một tháp pháo và đã gây sát thương cho 17 người. Qủa đạn thứ ba đã phá tan tành phần phía trên của khoang lái bọc sắt trên boong thượng của con tàu, làm tử thương hai hoa tiêu và làm gục cả hai người lái tàu. Qủa đạn thứ tư trúng vào sườn tàu nơi tiếp giáp sàn tàu và boong tàu và xem ra đã nảy bật đi mà không gây hư hại. Qủa đạn thứ năm làm thủng ống khói đúng vào lúc tàu "Át-lan-ta" kéo cờ trắng đầu hàng, trước khi chiếc "Na-han-tơ" lúc đó đến gần, nhưng không thể kịp bắn dù chỉ một phát. Trong vòng 15 phút mọi chuyện đã kết thúc

Hôm qua, tác giả những dòng này đã xem xét, tại cảng Li-vơ-pun, hạm đội Anh đang hoạt động trên biển Măng-sơ. Ở đó có các chiến hạm "Uô-ri-o-rơ", "Blếch Prin-xơ", "Rô-i-an Uốc", "Đi-phen-xơ", "Rê-di-xtan-xơ" – tất cả đều là những tàu bọc sắt với những khẩu pháo bố trí dọc hai mạn tàu (các khẩu pháo 68 pao, nòng

---

Để tìm các hoành độ tương ứng, trên trục của rãnh nòng pháo người ta đánh dấu các tung độ và đường cong biểu diễn liên kết chúng quyết định hình thức bề ngoài của khẩu pháo. Các khẩu pháo được thiết kế theo nguyên tắc này thì rất dày ở phần cơ bản của nòng và ở khu vực các ngõng trục, có đường kính nhỏ hơn nhiều ở mặt cắt của nòng súng: trông chúng giống như cái chai nước giải khát xô-đa. Chúng được khoan mà không có các đường khía và được đúc rỗng ở phía trên ngõng trục rỗng để nước lạnh chảy qua đó làm nguội nòng súng. Cách làm nguội từ bên trong này làm cho các khẩu pháo có được tính chất rất chắc chắn (ngay cả nếu chúng được làm bằng gang), khiến có thể đúc các khẩu pháo 15 và thậm chí cỡ 20 đuy-mơ, những khẩu pháo này có thể chịu được 500 phát với lượng thuốc nổ lớn mà không hề e ngại gì cả. Thoạt đầu, những khẩu pháo này chỉ được dùng để bắn các viên đạn rỗng nhưng về sau chúng đã được gia cố vững chắc hơn, cho nên có thể dùng những khẩu pháo ấy bắn những quả đạn đặc. Những khẩu pháo mạnh mẽ hơn ấy được gọi là những khẩu pháo *Cô-lôm-bô. Chú thích của Ăng-ghen.*

trơn, cỡ nòng 8 in-sơ, và các khẩu pháo 110 pao kiểu Am-xtơ-rông, cỡ nòng 7 in-sơ), được bọc sắt và làm bằng gỗ dày 18-24 in-sơ và sắt dày 4 1/2-5 in-sơ; không còn nghi ngờ gì nữa, đây là hạm đội bọc sắt tốt nhất và mạnh nhất đang hoạt động trên biển và có thể - nếu mớn nước của nó cho phép – bình thản đi ngang qua giữa bất kỳ *pháo đài bờ biển nào của châu Âu với trang bị vũ khí như hiện nay* và đi vào các hải cảng nằm ở phía sau các pháo đài ấy. Nhưng ngay cả chiến hạm tốt nhất trong số các chiến hạm ấy làm sao sánh được với một trong số những chiến hạm của Mỹ có tháp pháo với những khẩu pháo 440 pao của chúng ? Căn cứ theo những cuộc thử nghiệm của bản thân người Anh thì chỉ cần cỡ nhỏ hơn nhiều cũng đủ để chọc thủng các mạn tàu của họ, còn loại đạn pháo 440 pao thì sẽ gây nên tai họa như thế nào ở bên trong tàu ? Chỉ cần một quả đạn duy nhất trúng ở mớn nước cũng đủ làm chìm tàu, vì không thể bít một lỗ thủng như vậy được. Nhìn vào những chiến hạm tuyệt vời ấy - mà mỗi chiếc, nếu tính cả những cuộc thử nghiệm, trị giá suýt soát 1 triệu pao xtéc-linh - không thể không nghĩ rằng tất cả những chiến hạm ấy đã hết đời và đã hoàn toàn lỗi thời rồi.

Do vậy, hình như việc trang bị cho những tàu bọc thép ấy các khẩu pháo loại hết sức nặng mà tàu có thể chịu nổi, là điều tuyệt đối cần thiết. Song, những khẩu pháo này không thể được sử dụng làm pháo mạn tàu được; một chiếc tàu lớn nhất cũng chỉ có thể chở một số lượng nhỏ những khẩu pháo như vậy, và lại cần bố trí những khẩu pháo ấy *ở phần giữa* tàu. Nhưng chỉ có thể làm được điều này *trên các tàu có tháp pháo*, vì vậy từ nay sức mạnh quyết định của mỗi hạm đội là ở những chiến hạm có tháp pháo.

Tuy nhiên, tính năng đi biển của các tàu có tháp pháo được đóng cho đến nay thì rất hạn chế. Số là ở Mỹ, người ta đóng các

tàu ấy nhằm một mục đích xác định: để hoạt động trên những thủy vực nông gần bờ. Nếu những tàu ấy có cỡ lớn hơn và có mớn nước nhiều hơn thì chắc chắn khi ấy chúng hoạt động trên biển khơi ít ra cũng chẳng kém gì các tàu bọc sắt với những khẩu pháo bố trí ở hai mạn tàu, mà về phương diện này những tàu ấy vẫn còn phải hoàn thiện. Nhưng thậm chí trên cơ sở kinh nghiệm vừa nêu ở trên, ta cũng có thể xác nhận chắc chắn điều dưới đây:

1) các tàu có tháp pháo với những khẩu pháo hạng nặng (cỡ 10-15 in-sơ), không nghi ngờ gì nữa, là những chiến hạm mạnh nhất dành cho những hoạt động thuần túy phòng thủ, cũng như để thực hiện những hoạt động tiến công chống lại tuyến phòng thủ bờ biển gần;

2) các chiến hạm bọc sắt, có vỏ bọc sắt dày 2 1/2 - 5 in-sơ và với những khẩu pháo cỡ 8 in-sơ bố trí ở hai mạn tàu, có thể rất hữu ích trong các hoạt động ở những khoảng cách xa để chống lại tuyến phòng thủ bờ biển, nếu có *những cơ sở than đá* và nếu không tham gia - đây là điều trước tiên – vào những trận đánh chống lại các chiến hạm có tháp pháo;

3) đối với chiến thuật thật sự cơ động trên biển khơi thì vẫn chỉ có những tàu gỗ là hữu dụng. Chỉ có những loại tàu như thế mới có thể chứa rất nhiều thực phẩm, than và đạn dược, tựa hồ như những chiếc tàu ấy chở theo căn cứ tác chiến của mình trong mấy tháng trời; sau trận đánh chỉ có những chiếc tàu ấy mới có thể độc lập tự đưa mình vào tư thế chiến đấu.

Ví dụ ở Ấn Độ và ở Trung Quốc, chẳng hạn, thì ngay cả những tàu bọc thép thuộc mọi kiểu của người Anh cũng sẽ tỏ ra bất lực.

Từ đó, cần rút ra những kết luận gì đối với nước Đức ?

1) Học cho được cách đúc các khẩu pháo có kích cỡ của Mỹ và đóng những chiến hạm có tháp pháo. Hai chiến hạm kiểu đó trên sông En-bơ hoặc trên sông Vê-dơ sẽ bảo đảm cho toàn bộ khu vực bờ biển Bắc. Trên biển Ban-tích chỉ cần bốn chiến hạm như vậy đủ để buộc nó phục tùng chúng ta, và trong trường hợp cần thiết sẽ buộc Cô-pen-ha-ghen phải đầu hàng : lúc ấy sẽ không có ai nói đến hạm đội hiện nay của Đan Mạch nữa[523]. Nếu những sự cải tiến trở thành hiện thực để tạo điều kiện đóng những chiếc tàu có tháp pháo thật sự đi biển được, lúc ấy những chiến hạm có tháp pháo kiểu cũ vẫn sẽ còn là phương tiện tốt nhất trong số các phương tiện hiện hữu để phòng thủ các hải cảng. Hơn nữa, chúng lại không đắt.

2) Mỗi chiếc tàu bọc sắt kiểu Anh hoặc kiểu Pháp có trang bị các khẩu pháo ở hai mạn tàu, với sức chở 6-7 nghìn tấn, thì có giá đắt bằng sáu chiếc tàu có tháp pháo, trong khi ấy chỉ cần hai chiếc tàu có tháp pháo là đủ để thắng một chiếc tàu loại đó. Những chiếc tàu ấy không xứng đáng với những khoản chi phí như vậy. Tuy nhiên những chiếc tàu cỡ trung bình có chân vịt, *với tốc độ rất nhanh*, có lớp vỏ sắt bảo vệ dày 2 1/2 - 3 in-sơ bằng loại sắt tốt nhất (ví dụ, bằng loại sắt Sti-ri-a), với số lượng khẩu pháo ít hơn, nhưng là thuộc loại pháo hạng nặng, - những chiếc tàu ấy có thể rất có ích trong việc chống lại các hạm đội *hiện hữu*. Chúng sẽ thoát khỏi những pháo hạm bọc sắt lớn và nặng nề, và hoàn toàn có thể đối phó được với loại tàu chủ lực làm bằng gỗ.

3) Đối với những hoạt động ở khoảng cách xa thì các tàu bằng gỗ - các tàu buồm và các tàu có chân vịt - là không thể thay thế được. Chúng ta đã có căn cứ ở Trung Quốc[524], mỗi năm qua đi, căn cứ này lại có ý nghĩa to lớn hơn. Chừng nào ở đó chúng

ta chưa có được căn cứ than đá thì ở khu vực ấy chỉ có thể sử dụng được các tàu buồm; hơn nữa, hiện nay có đủ số lượng các tàu loại này. Nhu cầu về các căn cứ ở Tây Ấn, ở các khu vực bờ biển phía đông và phía tây của Bắc Mỹ và Nam Mỹ, ở Lê-văng-tơ đã chín muồi từ lâu; đâu đâu cũng cần bảo vệ thương mại của Đức, tranh thủ lòng qúy trọng đối với danh tiếng của nước Đức. Tại các khu vực ấy, tỷ lệ được coi là đủ sẽ là: một phần tư là tàu hơi nước, ba phần tư là tàu buồm. Ngược lại, ở quê hương chúng ta chẳng cần một số lượng lớn tàu gỗ, cũng như chẳng cần những kích cỡ lớn của chúng; những chiếc tàu vượt trội hơn các pháo hạm có 60 khẩu pháo thì giờ đây nói chung không hợp lý, bởi vì những chiến hạm tuần dương hiện đại đã lỗi thời rồi, mà những kiểu chiến hạm tương lai thì chưa được sáng chế ra.

II

Theo cách thức trước kia thì khi bao vây các tường thành có công sự, các khẩu đội pháo công thành được đặt trên đỉnh hào, cách tường thành cần công phá chừng 50 bước. Đến khi Mông-ta-lăm-be đề xuất kiểu công sự ngầm xây bằng đá không nắp đậy[525] và đặc biệt là khi những công sự bằng đá không che đậy ấy được áp dụng tại nhiều nơi ở Đức thì, quả thật, người ta đã nói rất nhiều về chúng, phán xét về chúng thế này thế nọ, người ta khẳng định rằng thậm chí từ xa có thể chọc thủng một công sự bằng đá như vậy; song, qua kinh nghiệm thực tế, chúng tôi chỉ biết về kinh nghiệm của Oen-linh-tơn năm 1823; hơn nữa lỗ thủng được thực hiện không phải bằng loạt đạn bắn thẳng ở khoảng cách 500-600 bước trên bức tường không được gia cố bằng trụ ốp mà được che bằng trụ đỡ. Cuộc chiến tranh Crưm chỉ chứng minh tính chất không thể công phá được của những pháo đài bờ biển xây bằng đá đối với các chiến hạm, còn trận Bô-mác-xun-đơ

chỉ chứng minh rằng các nhà thầu xây dựng đã lừa bịp một cách khủng khiếp chính phủ Nga. Cuộc chiến tranh ở I-ta-li-a không cho thấy điều gì cả, bởi vì chưa đến chỗ bao vây các pháo đài. Cho đến tận thời gian gần đây, người ta quen cho rằng với những phương tiện pháo binh trước đây thì trong những điều kiện nhất định, hầm công sự bằng đá không có nắp che sẽ tạo khả năng có được ưu thế về hỏa lực chống lại các khẩu đội pháo công thành, khiến cho ưu thế ấy xứng đáng với những chi phí vào loại công sự này[1*]. Kinh nghiệm của I-u-lích cho thấy rằng những khẩu pháo nòng có rãnh bắn những quả đạn phá thì, ngay cả với những cỡ nòng nhỏ, cũng có thể xuyên thủng tường công sự bằng đá ở khoảng cách 1200 bước, ngay cả trong trường hợp không bắn thẳng. Còn bây giờ thì cả ở Mỹ cũng đã diễn ra những sự kiện đem lại bài học hoàn toàn khác.

Trong cuộc tấn công pháo đài Puy-la-xki (ở phía trước Xa-va-na), tướng Gi-lơ-mo-rơ (không nghi ngờ gì nữa, đây là sĩ quan pháo binh số 1 trong số những sĩ quan pháo binh Mỹ hiện còn sống) chỉ có những khẩu pháo hạng nặng kiểu Cô-lôm-bô, nòng nhẵn với cỡ 15 in-sơ, bắn đạn nhồi những liều thuốc súng mạnh[526]. Ông ấy đã bố trí các khẩu đội của mình ở khoảng cách 1200 bước, và trong ít ngày, ông đã biến những hầm có công sự vững chắc bằng đá thành đống rác. Tuy nhiên, kinh nghiệm này đã làm cho ông nhận rõ rằng ở một khoảng cách xa hơn nữa, các khẩu pháo của ông sẽ không thể phá hủy được công sự xây bằng đá. Tiếc thay, chúng tôi không có số liệu về những liều thuốc súng được nhồi vào súng, vì tất cả các thông tin của Mỹ được soạn một cách cực kỳ hời hợt; song có thể hình dung được rằng với những khẩu pháo như vậy không thể có chuyện liều thuốc nhồi bằng 1/3 trọng lượng quả đạn.

1* Tiếp đó Ăng-ghen gạch bỏ câu: "Còn giờ đây thì tình hình ra sao?".

Vì vậy, để tấn công Sác-lơ-xtơn, Gi-lơ-mo-rơ đã yêu cầu cung cấp những khẩu pháo cỡ lớn, nòng có rãnh, và ông đã nhận được những khẩu pháo loại này. Đây là những khẩu pháo có tên gọi là pháo Pa-rốt, những khẩu pháo nạp đạn từ phía khóa nòng, có 4-7 rãnh trên nòng súng tùy theo cỡ nòng. Những đường rãnh dẹt, bề rộng của rãnh nhỏ hơn so với ở các khẩu pháo kiểu Am-xtơ-rông. Các khẩu pháo này được làm *bằng gang* với vòng bằng sắt rèn, gắn chặt vào bộ phận nạp đạn, vòng này đến sát các ngõng trục; chúng có hình dáng như những khẩu pháo bình thường. Giá bán của chúng tất phải bằng vừa vặn một phần tư – tính so sánh từng tạ với từng tạ – giá bán của những khẩu pháo hạng nặng của Anh kiểu Am-xtơ-rông. Các quả đạn có hình trụ dài và thân đạn bằng thép nhẹ để đạn có thể ép vào các rãnh.

Gi-lơ-mo-rơ đã dùng những khẩu pháo này tấn công pháo đài Vác-nơ (hãy xem sơ đồ Sác-lơ-xtơn, mới đây được đăng trên tờ "Allgemeine Militär-Zeitung"[527]). Nhưng công sự này, được xây bằng loại cát còn nhẹ, đã trụ vững. Những công trình để tránh đạn pháo và được che đậy ở phía trên, đã bảo vệ đội quân đồn trú, mấy cuộc tấn công đều bị đẩy lui. Người ta đã phải chuyển sang bao vây kiểu chính quy, và ở đây các khẩu pháo hạng nặng đã tỏ ra xuất sắc. Vậy là Gi-lơ-mo-rơ đã dùng những khẩu pháo này tạo ra ba khẩu đội mới và được ông bố trí đối diện với pháo đài Xam-tơ nằm ở giữa vùng cổ chai dẫn vào hải cảng. Những khẩu đội này – một trong các khẩu đội ấy *đặt trên đầm lầy* – đã được rời cách pháo đài Xam-tơ ở khoảng cách 3300 - 4200 ác-đơ (4-5 nghìn bước).

Pháo đài Xam-tơ được xây dựng trên một hòn đảo nhân tạo, bằng loại gạch đặc biệt, rất vững chắc. Chiều dày các bức tường

là 6-7 pao, chân tường dày đến 12 pao, các vòm hầm ngầm và các trụ ốp dày 8-9 pao. Pháo đài này có hai tầng hầm tránh đạn và một tầng đặt các khẩu pháo trên mái, bắn đạn ngang qua dải đá ngầm. Pháo đài này có hình dạng bức thành hở phía sau với những góc tù; hỏa lực các khẩu đội của Gi-lơ-mo-rơ chủ yếu bắn đến bờ hào và tới một góc tường thành mà thôi. Trong pháo đài này có 140 khẩu pháo.

Cuộc bắn phá kéo dài 8 ngày, từ ngày 16 đến ngày 23 tháng Tám; thỉnh thoảng hạm đội có tham gia bắn phá, nhưng không có kết quả lớn. Song, những khẩu pháo 200 pao nòng có rãnh đã thực hiện được công việc của mình. Những tường hào và góc tường bị bắn sập đầu tiên, sau đó là những bức tường nằm ở phía khác. Đến khi cuộc bắn phá kết thúc, theo lời kể của Gi-lơ-mo-rơ, pháo đài này chỉ còn là ashapeless mass of ruins – một đống đổ nát hoang tàn. Tất cả đã bắn 7551 phát, trong số đó 5626 phát trúng (ở một khoảng cách lớn như vậy!); 3495 phát trúng những bức tường phía ngoài, 2130 phát trúng các bức tường bên trong. Chỉ cần chỉnh tầm ngắm một chút là nhiều quả đạn đã xuyên thủng cùng một lúc hai bức tường.

Gi-lơ-mo-rơ có một khẩu pháo 300 pao nòng có rãnh, nó đã bị nổ tung ở phát đạn thứ bảy. Hình như sáu quả đạn đầu tiên đã bắn xuyên thủng hai bức tường, làm cho ở một số chỗ, những bức tường cao 20 phút đã sụp đổ.

Dĩ nhiên, pháo đài đáp lại yếu ớt. Ở khoảng cách nửa dặm Đức, các khẩu đội của pháo đài này đã không thể bắn phá những mục tiêu nhìn thấy được, nếu thậm chí chúng có những khẩu pháo có tầm bắn tương ứng. Vì pháo đài này nằm trong tầm hỏa lực của nhiều khẩu đội pháo của quân liên bang, cho nên người ta

đã không tìm cách lập tức chiếm lấy nó[528], song bây giờ, sau khi các pháo đài Vác-nơ và Ca-ninh-xpông-tơ thất thủ thì chắc chắn cố gắng ấy sẽ được thực hiện.

Gi-lơ-mo-rơ cũng dùng những khẩu đội này bắn ra 15 quả đạn cháy vào thành phố Sác-lơ-xtơn - ở khoảng cách hơn một dặm Đức - và đã chấm dứt bắn phá chỉ vì những quả đạn phá của ông đã không nổ, do vận chuyển lâu nên kim hỏa bị hóc.

Nhân cuộc bắn phá này, chúng tôi phải nói điều gì ở nước Đức đây? Liệu công sự xây bằng đá không có mái che có thể trụ vững được không ? Điều gì sẽ xảy đến với những pháo đài nhô ra cách bức tường chính 800-1200 bước - có nhiệm vụ bảo vệ trung tâm khỏi bị bắn phá ? cái gì sẽ còn lại ở những lô-cốt của các pháo đài Khuên, ở những cánh cổng góc thành Cô-blen-xơ và ở Ê-ren-brây-stai-nơ ? Kẻ thù của chúng ta - chúng là những cường quốc trên biển - chẳng bao lâu nữa sẽ có đủ số khẩu pháo nòng có rãnh với những cỡ nòng lớn nhất, còn đường sắt để vận chuyển những khẩu pháo ấy thì đâu đâu cũng có. Ngược lại, theo chúng tôi được biết, cho đến nay ở Đức, trong số những khẩu pháo nòng có rãnh được trang bị cho quân đội thì loại lớn nhất là loại pháo 24 pao, với cỡ nòng $4\frac{1}{2}$ in-sơ - đó thực sự là những chú tí hon so với những khẩu pháo mà người ta sẽ đem ra bắn vào chúng ta; và nếu thậm chí các hầm công sự tránh đạn của chúng ta có được những khẩu pháo như vậy, thì ở khoảng cách 5 nghìn bước, những khẩu pháo ấy cũng sẽ không thể hạ gục được các khẩu đội pháo công thành. Những thành trì của chúng ta ở vùng sông Ranh - cho dù tuyến công sự trên bờ có không hoàn thiện đến mức nào đi nữa - cho đến nay vẫn là chỗ dựa chủ yếu của chúng ta chống

lại đợt tấn công đầu tiên của quân Pháp; nhưng giờ đây những thành trì ấy có giá trị gì sau khi đã có thực tế như vậy ?

Ở đây không phải là lúc suy nghĩ dài dòng. Ở đây cần hành động và hành động ngay tức khắc. Mọi sự chậm trễ có thể làm cho chúng ta trả giá bằng thất bại trong chiến tranh. Videant consules, ne quid respublica detrimenti, capiat[1*].

Do Ph.Ăng-ghen viết vào cuối tháng Chín 1863
Phần đầu của bài này đã được công bố trong ấn phẩm "Schriftenreihe des Forschungsinstitus der Friedrich - Ebert-Stiftung". Bd. 85. Friedrich Engels 1820-1970. Referate, Diskussionen, Dokumente Internationale wissenschaftliche Konferenz in Wuppertal vom 25-29. Mai 1970. Hannover, 1971, S. 69-71

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
Công bố toàn văn lần đầu

1* Mong các vị trưởng lão hãy theo dõi đừng để cho quốc gia chịu một thiệt hại nào cả. - Công thức lời kêu gọi của viện nguyên lão La Mã nói với các trưởng lão vào giờ phút nguy hiểm đối với quốc gia.

C. MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN

CÁO PHÓ[529]

Ngày 9 tháng Năm năm nay, tại Man-se-xtơ, ở độ tuổi gần 55, do xuất huyết não,

VIN-HEM VÔN-PHƠ

đã từ trần. Ông quê ở Tác-nau, gần Svây-đơ-nít-xơ, thuộc Xi-lê-di; vào những năm 1848 và 1849 đã từng là một trong những biên tập viên của tờ "Neue Rheinische Zeitung" ở Khuên và là nghị sĩ Quốc hội Đức ở Phran-phuốc và ở Stút-gát; từ năm 1853 là giáo viên dạy tư ở Man-se-xtơ.

Man-se-xtơ, ngày 13 tháng năm 1864

Các Mác. Phri-đrích Ăng-ghen. Éc-nơ-xtơ Đron-ke

Tiến sĩ y học ***Lu-i Boóc-khác-tơ.***

Tiến sĩ y học ***Ê-đu-ác Gum-péc-tơ.***

Do C.Mác và Ph.Ăng-ghen soạn thảo ngày 13 tháng Năm 1864
Đã đăng trong phụ trương của tờ "Allgemeine Zeitung" số 144, ngày 23 tháng Năm 1864

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

C. MÁC

*NHỮNG GHI CHÉP VỀ TIỂU SỬ VIN-HEM VÔN-PHƠ[530]

Sinh năm 1809, ngày 21 tháng Sáu, tại Tác-nau, quận Svây-đơ-nít-xơ.

Năm 1813. Người Nga.

Những năm 1834-1838. 4 1/2 năm *ở Din-béc-béc-gơ*[531]. *Tù nhân Vôn-phơ* muốn đến thăm người cha đang hấp hối của mình, dù là với sự áp giải của các cảnh binh. Bị khước từ.

Từ năm 1843 đến tháng Hai 1846 có mặt ở Bre-xlau.

Năm 1846 Vôn-phơ chạy trốn vì có nguy cơ bị đưa ra tòa xét xử vì tội vi phạm luật báo chí. Bài báo nói về cuộc nổi dậy của thợ dệt ở Xi-lê-di.

Các năm 1846-1848. Bruy-xen. "Phòng thông tin viên"[532]. Tại Bruy-xen ông bị bỏ tù. (Bị bắt khoảng từ ngày 26 đến ngày 28 tháng Hai).

Tháng Tư - tháng Sáu 1848 ông có mặt ở Bre-xlau.

Tháng Chín 1848. Khuên. Ông Lu-pu-xơ bị gọi [ra tòa][533]. Lệnh bắt giữ bị hủy bỏ.

Ngày 22 tháng Mười 1848. Lệnh của Hếch-cơ về việc bắt giữ. Lệnh này bị hủy bỏ ngày 8 tháng Ba 1849.

Tháng Sáu 1848-ngày 10 tháng Năm 1849 ông sống ở Khuên. Từ đó ông đến Phran-phuốc.

Ngày 26 tháng Năm 1849. Cảnh tượng diễn ra trong nghị viện Đức (Phran-phuốc)[534].

Năm 1849. Sau khi Lu-pu-xơ đã đến được Thụy Sĩ, thì liền có lệnh đưa ông ra tòa vì tham gia hoạt động của đám tay chân trong nghị viện ở Stút-gát.

Ngày 5 tháng Bảy 1849 ông đã đến Ba-lơ. Từ đó ông đến sống lưu vong ở Béc-nơ. Ông dạy học 1 3/4 năm ở Xuy-rích. *Ngày 31 tháng Ba 1851*. Văn bản lệnh trục xuất ông ra khỏi Xuy-rích. (*Ngày 10 tháng Chín 1850. Xuy-rích*. Lu-pu-xơ phản đối lệnh buộc ông phải cư trú ở bang Luy-xéc-nơ theo quyết định của Hội đồng liên bang về việc phân bố nơi cư trú của những người lưu vong.)

Ngày 4 tháng Sáu 1851-1853. Ông đến Luân Đôn. Sống ở Luân Đôn khoảng 2 năm.

Ngày 12 tháng Giêng 1861. Sắc lệnh của Phổ về ân xá [518]. *Ngày 4 tháng Giêng 1862*. Đơn gửi lên chính phủ Phổ. Nó nằm im năm tháng mà không có được lời phúc đáp. Đơn mới, gửi ngày *4 tháng Sáu 1862*. *Ngày 1 tháng Tám 1862* tòa án Svây-đơ-nít-xơ đòi ông Vôn-phơ thông báo nơi cư trú gần đây nhất ở Phổ.

Ngày 5 tháng Chín 1862 chính phủ Phổ thông báo rằng cuộc ân xá sẽ dẫn đến việc tiếp tục điều tra[1*].

Do C.Mác viết vào cuối tháng Năm - đầu tháng Sáu 1864
Công bố lần đầu trong tạp chí "Lịch sử cận đại và hiện đại", 1959, số 4

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức

1* Xem tập này, tr . 515.

C. MÁC

*CÁC NGHỊ QUYẾT VỀ THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG TRUNG ƯƠNG LÂM THỜI[535]

I

Các cá nhân sinh sống ở mọi miền nước Anh đều có thể gia nhập Hội liên hiệp. Nhưng không một thành viên nào của Hội liên hiệp có thể được bầu vào Hội đồng Trung ương, nếu thành viên ấy không có khả năng đến dự các phiên họp của Hội đồng và tham gia vào hoạt động của nó[536].

II

Những cá nhân nào chưa trả trước – với tư cách là thành viên của Hội liên hiệp – khoản hội phí hàng năm của mình thì không thể được bầu vào Hội đồng trung ương.

III

Đề cử các ứng cử viên vào Hội đồng trung ương ít nhất là một tuần trước cuộc bầu cử, còn cuộc bầu cử phải tiến hành không có mặt ứng cử viên; qui định rằng chỉ có thể đề cử ứng cử viên sau khi cá nhân đó đã nhận được thẻ hội viên.

IV

Bắt đầu thu hội phí từ ngày 1 tháng Giêng và kết thúc vào ngày 31 tháng Chạp.

V

Ủy nhiệm cho bí thư thông báo bằng văn bản cho những ủy viên Hội đồng trung ương nào chưa có thẻ hội viên biết rằng nếu đến hết ngày 25 tháng Tư họ không hoàn thành việc này, thì điều này sẽ được xem là họ muốn rút khỏi Hội đồng, và do đó, họ tên của những cá nhân ấy sẽ bị gạch khỏi danh sách các ủy viên của Hội đồng.

Hội đồng trung ương thấy cần phải thông qua nghị quyết này, vì đã có những ý kiến khiếu nại rằng nghị quyết thông qua trước đây, có cùng nội dung như thế này đã không được chính thức thông báo đến các ủy viên vắng mặt của Hội đồng.

VI

Xét về vị thế của mình, các ủy viên thông tấn trên lục địa đều là ủy viên của Hội đồng trung ương.

Đã được thông qua tại các phiên họp của Tổng Hội đồng vào các ngày 8, 29 tháng Mười một 1864; ngày 24, 31 tháng Giêng, ngày 11, 25 tháng Tư 1865
Công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong cuốn sách: "Tổng Hội đồng của Quốc tế I. 1864-1866" M., 1961

In theo bản viết trong sổ biên bản của Tổng Hội đồng
Nguyên văn là tiếng Anh

C. MÁC

*NGHỊ QUYẾT VỀ THỂ THỨC CÁC HỘI CÔNG NHÂN VÀ CÁC CÁ NHÂN GIA NHẬP QUỐC TẾ[537]

Tiểu ban[538] kiến nghị với Hội đồng trung ương thông qua những quyết định dưới đây:

[1.] Ấn hành các tờ khai đặc biệt cho các hội gia nhập Hội liên hiệp [1*]. Những tờ khai này phải mang tính chất chung, trong đó phải chỉ rõ rằng hội được nêu tên đã gia nhập Hiệp hội quốc tế.

2. Tất cả số tiền thu được tại nước Anh, dưới hình thức hội phí của các thành viên, phải được trao cho Hội đồng trung ương, nhưng nếu một phân bộ nào đó của Hội liên hiệp đã thực hiện một khoản chi hợp lý thì Hội đồng trung ương, nếu thấy cần, có thể dành một khoản tiền tương ứng để xóa món nợ này.

3. Cung cấp thẻ hội viên cho các anh em của chúng ta trên lục địa , với giá 1 si-linh; số tiền thu được phải được chuyển cho Hội đồng trung ương.

Đã được thông qua tại phiên họp của Tổng Hội đồng ngày 7 tháng Hai 1865
Công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong cuốn sách "Tổng Hội đồng của Quốc tế I. 1864-1866". M., 1961

In theo bản viết trong sổ biên bản của Tổng Hội đồng
Nguyên văn là tiếng Anh

1* Xem tập này, tr. 739-740

C. MÁC

NHỮNG GHI CHÉP VỀ VỤ XUNG ĐỘT TRONG CHI HỘI PA-RI[539]

Ngày 21 tháng Hai. (Thứ ba). Nghị quyết của Hội đồng trung ương cử Lơ Luy-bơ đi, ông ấy lên đường.

Thứ tư, ngày 22 tháng Hai. (Buổi tối) Luy-bơ lên đường.

Pa-ri. Ngày 23 tháng Hai. Lời mời *gặp mặt* với Lơ-pho ở chỗ Phri-bua v.v. (xem *bức thư của Phri-bua. Phúc đáp của Lơ-pho trong thư của Si-li*, tr.2).

Ngày 24 tháng Hai[540]. *Buổi tối. Cuộc gặp gỡ với Phri-bua* v.v..

Ngày 25 tháng Hai. Buổi sáng. Lơ-pho cùng với Lơ Luy-bơ đến thăm Si-li. Sau đó Si-li để Lơ-pho đứng quanh quẩn, rồi đi đến chỗ Phri-bua, tại nơi ấy họ gặp gỡ với nhiều bạn bè: ngoài những người khác còn có người bạn của Lơ-pho. Mọi người đều kiên quyết phản đối những hành động xâm phạm của ông ta. Khi ấy Si-li đi gặp ông này và không giấu giếm rằng Si-li coi đòi hỏi của ông ta, trong cách trình bày ấy, là không thể chấp nhận được (tr.2). Bản thân Lơ-pho cũng bị lừa (như trên). Người ta có những bước đi đầy nhã ý để đáp ứng Lơ-pho (tr. 2, 3).

Ngày 25(!) tháng Hai. Buổi tối. Có cuộc họp. Lơ Luy-bơ vắng mặt;

ông ấy đến dự cuộc gặp gỡ buổi tối ở nhà Lơ-pho (tr. 3, 4). Việc mô tả cuộc họp này ngày 25 tháng Hai (tr. 4, 5, 6).

Do C.Mác viết ngày 4 tháng Ba 1865
Công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong cuốn sách: "Tổng Hội đồng của Quốc tế I. 1864-1866". M., 1961

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức và tiếng Anh

C. MÁC

*BẢN GHI CHÉP GỬI G. I-UNG VỀ VỤ XUNG ĐỘT TRONG CHI HỘI PA-RI[541]

Tiểu ban. Phiên họp ngày 4 tháng Ba. Ông ấy[1*] đã có ý định đưa ra một dự thảo nghị quyết, theo đó những ủy viên Ban lãnh đạo Pa-ri phải gồm có: Phri-bua, Vanh-xác, Li-mu-danh, ba ủy viên theo sự chỉ dẫn của Lơ-pho, *Si-li* với tư cách là *người trọng tài*.

Tiểu ban. Phiên họp ngày 6 tháng Ba. Ông ấy lần thứ hai lại đưa ra dự thảo nghị quyết ấy.

Phiên họp của Tổng Hội đồng ngày 7 tháng Ba. Ông ta đã cho phép cử Si-li mà không thông qua *biểu quyết bằng phiếu ghi danh*, nghĩa là, nói bằng ngôn ngữ nghị viện, ông ta đã *tán thành* việc đề cử này.

Sau khi cuộc đề cử ấy đã hoàn thành, ông ta vô cùng vội vã viết thư gửi đến Pa-ri, mặc dù thậm chí chưa có *các nghị quyết* trong tay. Như lời ông ta nói (ngày 14 tháng Ba), ông ta tính toán rằng *Ban lãnh đạo Pa-ri* sẽ *phản đối Si-li*. Vì theo bản nghị quyết thứ năm (*Nghị quyết V. Vì Ban lãnh đạo Pa-ri tỏ ra sẵn sàng công nhận người đại diện trực tiếp* của Hội đồng trung ương, cho nên Hội đồng cử ông Si-li làm đại diện của mình bên cạnh

1*- Lơ-pho

Ban lãnh đạo kể trên) Si-li chỉ được cử làm đại diện bên cạnh Ban lãnh đạo *này*, nên việc đề cử ông này chỉ có thể bị các ủy viên Ban lãnh đạo phản đối.

Sau khi bị thất bại với họ, Luy-bơ âm mưu câu kết với những người anh em của mình ngồi cùng hàng ghế, để nêu lên việc đề cử Si-li như là cái cớ khiến họ từ chức[542].

Bản thân ông ta đặt mình vào tình huống khó xử ấy: ông ta thay mặt Lơ-pho phản đối Ban lãnh đạo Pa-ri và phản đối Si-li nhân danh Ban lãnh đạo Pa-ri *đại diện* cho chi hội Pháp v.v..

Khi ngài Phốc-xơ nhận xét (tại phiên họp gần đây nhất của Hội đồng trung ương) rằng về cái việc tại sao Lơ Luy-bơ, trong các phiên họp ngày 4 và ngày 6 tháng Ba, lại quên thành phần dân tộc của Si-li và lại rất sốt sắng nhớ đến chuyện đó vào ngày 14 tháng Ba thì chỉ có thể giải thích rằng đó là do ông ta muốn trả thù thái độ không tôn trọng đối với ngài Lơ-pho, như lời ông ta nói, - thì lúc ấy, Lơ Luy-bơ đã đồng ý với lời giải thích *đơn giản ấy*.

Những sự bịa đặt bỉ ổi của ông ta:

thứ nhất, tựa hồ như phần mào đầu trong nghị quyết V đã được đưa vào dựa trên những căn cứ sai lạc, nhằm mục đích tranh thủ phiếu ủng hộ. Những lời này dựa trên những sự việc có thật, *trên bức thư bỏ ngỏ của ông Si-li*, do Lơ Luy-bơ mang đến và đã được công bố ngày 7 tháng Ba khi có mặt Tô-lanh và những người khác, sau nữa dựa trên *bản tường trình* của Si-li trước Tiểu ban, và cuối cùng, dựa trên *những nghị quyết được thông qua tại hội nghị ngày 24 tháng Hai* ở Pa-ri. Những câu nói này được thêm vào chỉ nhằm mục đích tránh ngay cả cái vẻ chuyên quyền của Hội đồng trung ương;

thứ hai, tựa hồ như ngày 7 tháng Ba đã giết nhiều thời gian vào những lời lẽ qua lại giữa các cá nhân, để rồi sau đó vội vàng thông qua ba nghị quyết cuối cùng và đặt mọi người vào thế bất ngờ;

thứ ba, lời phản bác cho rằng ông Si-li không phải là công nhân. *Về nguyên tắc* lời phản bác này bị bác bỏ bởi nghị quyết II. Si-li đã phải hành động chỉ *với tư cách cá nhân* cùng với Ban lãnh đạo Pa-ri; Lơ-pho có nhiệm vụ hành động *công khai*. *Đối với Lơ-pho* thì vấn đề là *những lời phát biểu* trước toàn thế giới, nhân danh Hội liên hiệp. Đó là trường hợp *bất bình thường*.

Ông ấy đề nghị chúng tôi cử ông ấy làm người bào chữa chính trên báo chí Pháp. Chúng tôi thỏa mãn đề nghị của ông ấy, vì cho rằng ông ấy hành động ăn khớp và trong sự cộng tác với Tô-lanh và những người khác. Sau khi được đề cử bằng cách đó, ông ta đã quay lại *chống* chúng tôi, với tư cách là một nhân vật chính thức. Trên cơ sở bức thư của Tô-lanh và *trước khi* Lơ Luy-bơ được phái đến Pa-ri, chúng tôi đã *hủy bỏ* việc đề cử ấy, vì đã lưu ý đến *tên tuổi* và *địa vị xã hội* của Lơ-pho. (Chúng tôi quy điều đó vào việc cho phép ông ta viết các bài báo *không ký tên mình*, mà ký tên một người công nhân - việc này ông ta có thể làm mà không cần có sự đồng ý của chúng tôi). Sự việc đúng là như vậy, điều đó thấy rõ qua bức thư cáu kỉnh do ông ta viết cũng vào thời gian ấy gửi cho Lơ Luy-bơ, nhưng ông ấy đã tỏ ra đồng ý. Cuộc họp ở Pa-ri ngày 24 tháng Hai chỉ mắc một sai lầm là đã *phản đối* bản nghị quyết đã được bãi bỏ. Và trên cơ sở đó, ông Lơ-pho hoặc các bạn bè của ông ta ở Luân Đôn đã giả vờ tựa hồ như họ đã quên rằng ông ấy đã khước từ chức vụ mà ông ta đã được đề cử vào. Ông ta thậm chí còn dọa chúng tôi, rằng ông ta *sẽ cảnh báo với tất cả những người dân chủ chống lại*

chúng tôi, và ông ta quên rằng *chúng tôi* cũng có thể cảnh báo mọi người *chống lại* ông ta, nếu thấy cần thiết.

Bản thân ông ta và đại diện của ông ta là Lơ Luy-bơ tuyên bố rằng ông ta hành động không phải do lòng hám danh của cá nhân. Ông ta chỉ đòi hỏi có sự bảo đảm chính trị. Được thôi. Chúng tôi tiến cử *Vanh-xác*, là người có được những bảo đảm lớn hơn cả hai ông Lơ-pho và Lơ Luy-bơ cộng lại. Sau khi được đề cử, *ông Ven-xa* biến thành số không trong con mắt của hai ông Lơ-pho và Lơ Luy-bơ. Lời phản bác duy nhất của hai ông ấy chống lại việc đề cử Vanh-xác – do Tô-lanh và những người khác tiến cử, và sau này đã được phê chuẩn – là người ta đã không kịp thời thông báo cho Lơ-pho biết việc này. Vậy là, vấn đề thảm hại ấy về thể thức là căn cứ cuối cùng để họ có thái độ chống đối v.v..

Mối uy hiếp đối với tính chất quốc tế của hội và quyền của Hội đồng đề cử các *sứ giả*.

Tính chất giai cấp của phong trào. Phái cộng hòa hình thức chủ nghĩa.

---

1) Không có *nghị quyết* nào chống Si-li; Mác tuyên bố rằng việc đề cử ông Si-li bị hủy bỏ và ông ấy đồng ý việc này chỉ vì nó đã được nhất trí thông qua.

2) Bản chỉ thị được trao cho Lơ Luy-bơ để chuyển đến Ban lãnh đạo Pháp và Lơ-pho (tại phiên họp của Hội đồng ngày 7 tháng Ba), có nói: "Hội đồng tuyên bố rằng *trong trường hợp không đạt được sự đồng thuận* thì, theo bản Điều lệ của chúng

ta (xem § 7), *sau khi* nhận được các thẻ hội viên, nhóm của Lơ-pho có quyền thành lập ra chi hội địa phương của Hội liên hiệp".

Tại phiên họp ngày 14 tháng Ba của Hội đồng, bản chỉ thị riêng này đã được biến thành *nghị quyết*, bởi vì đã không đạt được một sự đồng thuận nào cả. Đó là *bản nghị quyết duy nhất được thông qua.*

(Cũng còn thông qua nghị quyết về việc yêu cầu Lơ Luy-bơ thông báo nguyên văn toàn văn bản nghị quyết này cho cả hai phía.)

Do C.Mác viết vào những ngày 16-18 tháng Ba 1865
Công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong cuốn sách "Tổng Hội đồng của Quốc tế I. 1864-1866". M., 1961

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Anh và tiếng Pháp

C. MÁC

GIỚI THIỆU VẮN TẮT CUỐN SÁCH CỦA PH. ĂNG-GHEN "VẤN ĐỀ QUÂN SỰ Ở PHỔ VÀ ĐẢNG CÔNG NHÂN ĐỨC"[543]

"VẤN ĐỀ QUÂN SỰ Ở PHỔ VÀ ĐẢNG CÔNG NHÂN ĐỨC" CỦA PHRI-ĐRÍCH ĂNG-GHEN (HĂM-BUỐC, ỐT-TÔ MÂY-XNƠ)[1*]

Tranh thủ dịp này, chúng tôi vinh dự giới thiệu với bạn đọc cuốn sách này, trong đó, với một tầm nhìn rất xa, với một thái độ công tâm và sự hiểu biết vấn đề, tác giả đã trình bày những vấn đề nóng hổi đối với nước Đức đương đại. Tổ chức trước kia của quân đội Phổ, nhiệm vụ cải tổ quân đội ấy, sự xuất hiện cuộc xung đột về hiến pháp ở Phổ[544], sự lãnh đạo của đảng cấp tiến đối với phái đối lập, những bất đồng xảy ra đồng thời với vụ việc này giữa đảng tiến bộ[545] và đảng công nhân - tất cả những sự việc ấy được trình bày trong cuốn sách này một cách ngắn gọn, đồng thời mới mẻ và hoàn toàn đầy đủ.

Do C.Mác viết vào giữa tháng Ba 1865
Đã đăng trên báo "Londoner Anzeiger", 17 tháng Ba, 1865

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

1* "Die Preußische Militärfrage und die deutsche Arbeiterpartei". Von Friedrich Engels. Hamburg. Otto Meißner.

C. MÁC

*NHỮNG GHI CHÉP VỀ BẢN BÁO CÁO "TIỀN CÔNG, GIÁ CẢ VÀ LỢI NHUẬN"[546]

1) Việc tăng phổ biến mức tiền công, nói chung, sẽ dẫn đến sự sụt giảm chung của tỷ suất lợi nhuận, trong khi giá trị của hàng hóa không thay đổi.

2) Sự tăng phổ biến của tiền công chỉ có thể được thực hiện trong những hoàn cảnh hoàn toàn đặc biệt. Nếu đạt được sự tăng phổ biến ấy thì sự tăng ấy cũng có thể bị xóa bỏ trong những hoàn cảnh hoàn toàn đặc biệt. Xu hướng chung của sản xuất trên cơ sở ngày nay không phải là nâng cao, mà là hạ thấp tiền công xuống. Thậm chí nếu sự tăng phổ biến của tiền công có duy trì được trong một thời gian dài hơn thì sự tăng lên ấy cũng không thủ tiêu được, mà chỉ giảm nhẹ địa vị nô lệ của người công nhân làm thuê, tức là của đại bộ phận nhân dân.

3) Các hội công liên mang lại ích lợi, vì những hội công liên ấy đối chọi lại, dù là tạm thời, xu hướng giảm mức tiền công phổ biến và do chỗ những hội công liên ấy cố gắng cắt giảm và quy định thời gian lao động, nói cách khác, độ dài của ngày lao động. Những hội công liên ấy tỏ ra hữu ích vì chúng là phương tiện tổ chức giai cấp công nhân với tư cách là giai cấp. Đôi khi, các hội công liên không đáp ứng sứ mạng của mình khi chúng sử dụng

một cách không hợp lý sức mạnh của mình, và thông thường chúng không đáp ứng sứ mạng của mình khi chúng coi những quan hệ hiện nay giữa tư bản và lao động là cái bất di bất dịch, mà lẽ ra phải phấn đấu thủ tiêu những quan hệ ấy.

Do C.Mác viết vào tháng Sáu 1865
Công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong cuốn sách: "Tổng Hội đồng của Quốc tế I. 1864-1866". M., 1961

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Anh

C. MÁC

NGHỊ QUYẾT VỀ VIỆC TRIỆU TẬP ĐẠI HỘI CỦA QUỐC TẾ VÀO NĂM 1866

Ủy ban thường vụ đề nghị Hội đồng trung ương tán thành và chuyển dự thảo nghị quyết dưới đây lên hội nghị đại biểu để phê chuẩn:

Ủy nhiệm cho Hội đồng trung ương triệu tập đại hội vào năm 1866, nếu những tình huống không lường trước được không làm cho việc trì hoãn thêm nữa việc triệu tập đại hội trở thành cần thiết.

Đã được thông qua tại phiên họp của Tổng Hội đồng ngày 19 tháng Chín 1865
Công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong cuốn sách: "Tổng Hội đồng của Quốc tế I. 1864-1866". M., 1961

In theo bản viết trong sổ biên bản của Tổng Hội đồng Nguyên văn là tiếng Anh

C. MÁC

*NGHỊ QUYẾT VỀ THỂ THỨC THẢO LUẬN CHƯƠNG TRÌNH CỦA ĐẠI HỘI[547]

Trước khi thảo luận các vấn đề do hội nghị đại biểu đặt ra, cần phải xác định một cách chính xác những mục tiêu chung và những nguyên tắc chỉ đạo của Hội liên hiệp, được trình bày trong Tuyên ngôn và Điều lệ.

C.Mác đưa ra tại phiên họp của Tổng Hội đồng ngày 23 tháng Giêng 1866
Công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong cuốn sách: "Tổng Hội đồng của Quốc tế I. 1864-1866". M., 1961

In theo bản viết trong sổ biên bản của Tổng Hội đồng
Nguyên văn là tiếng Anh

C. MÁC

*NGHỊ QUYẾT VỀ SỰ ĐẠI DIỆN CỦA CÁC HỘI CÔNG NHÂN I-TA-LI-A TẠI ĐẠI HỘI Ở GIƠ-NE-VƠ[548]

Ủy nhiệm cho bí thư cùng với một ủy viên nào đó của Hội đồng trung ương thi hành tất cả mọi biện pháp cần thiết để các hiệp hội I-ta-li-a có đại diện tại đại hội.

Đã được thông qua tại phiên họp của Tổng Hội đồng ngày 24 tháng Bảy 1866
Công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong cuốn sách: "Tổng Hội đồng của Quốc tế I. 1864-1866". M., 1961

In theo bản viết trong sổ biên bản của Tổng Hội đồng
Nguyên văn là tiếng Anh

C. MÁC

NHỮNG ĐỀ NGHỊ CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ VỀ CHƯƠNG TRÌNH CỦA ĐẠI HỘI GIƠ-NE-VƠ

1. Ủy ban đề nghị thông qua chương trình nghị sự dưới hình thức như nó đã được công bố trong chương trình bản tiếng Pháp, với một điểm sửa đổi, cụ thể là kết hợp vấn đề cuối cùng với vấn đề thứ nhất[549].

---

2. Ủy nhiệm cho bí thư làm báo cáo về số lượng thành viên của Hội liên hiệp và bản báo cáo tổng hợp các khoản thu và chi.

---

3. Ủy ban khuyến nghị đại hội tổ chức khảo sát tình hình giai cấp công nhân theo sơ đồ dưới đây[550]:

1) Tên gọi cơ sở sản xuất.

2) Lứa tuổi và giới tính của những người làm việc tại cơ sở ấy.

3) Số người làm việc tại cơ sở ấy.

4) Các điều kiện thuê mướn và tiền công - a) của các học sinh học nghề; b) hình thức trả công nhật hoặc trả công theo sản phẩm; tiền công có được trả thông qua trung gian hay không. Mức thu nhập trung bình hàng tuần, hàng năm.

5) Độ dài của ngày lao động tại các công xưởng. Độ dài của ngày lao động ở các chủ nhỏ và trong sản xuất gia đình, trong trường hợp có tất cả các hình thức sản xuất ấy. Lao động ban đêm và lao động ban ngày.

6) Thời gian giải lao để ăn uống và sự đối xử với công nhân.

7) Tình hình nhà xưởng và điều kiện làm việc: chật chội, thông gió tồi, thiếu ánh sáng mặt trời, việc sử dụng khí đốt để thắp sáng v.v. , độ sạch sẽ v.v..

8) Loại công việc.

9) Ảnh hưởng của công việc đến tình hình thể chất.

10) Những điều kiện tinh thần. Sự giáo dục.

11) Tình hình sản xuất. Công việc sản xuất được tiến hành theo mùa vụ hay là được tiến hành ít nhiều đều đặn trong cả năm, công việc sản xuất ấy có gặp những sự dao động lớn hay không, có gặp phải sự cạnh tranh của nước ngoài hay không; công việc sản xuất ấy chủ yếu phục vụ thị trường nội địa hay thị trường bên ngoài v.v..

---

[4]. Các hội đã gia nhập nộp khoản hội phí hàng năm bằng 1/2 pen-ni đối với mỗi thành viên. Tiền thẻ hội viên hoặc livrets[1*] được thu riêng. Bí thư được quyền thỏa thuận với những hội thiếu phương tiện tài chính về những điều kiện ưu đãi.

[5]. Hội đồng khuyến nghị các hội viên của Hội liên hiệp thành lập các hội tương trợ và tổ chức việc giao lưu quốc tế giữa các hội tương trợ ấy.

1*- sổ hội viên

[6] Các ban chấp hành địa phương phải tiến hành kiểm kê tình hình nền công nghiệp tại khu vực của mình và cung cấp thông tin cho công nhân.

Do C. Mác đưa ra tại phiên họp của Tổng Hội đồng ngày 31 tháng Bảy 1866
Công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong cuốn sách: "Tổng Hội đồng của Quốc tế I. 1864-1866". M., 1961

In theo bản viết trong sổ biên bản của Tổng Hội đồng
Nguyên văn là tiếng Anh

C. MÁC

*CÁC NGHỊ QUYẾT VỀ THÀNH PHẦN TỔNG HỘI ĐỒNG

I

Mác đề cử Ốt-gie-rơ [giữ chức chủ tịch Hội đồng]. Mác tự coi mình không thích hợp với chức vụ ấy, vì ông là người lao động trí óc, chứ không phải lao động chân tay[551].

Mác đề nghị lúc này chỉ tạm thời xác định thành phần Ủy ban[538]. Ủy ban này phải gồm các cá nhân giữ chức vụ và những bí thư đã được bổ nhiệm rồi.

II

1. Ủy viên nào trong Hội đồng trung ương bỏ họp quá bốn phiên họp mà không có lý do xác đáng, thì có thể bị đưa ra khỏi Hội đồng.

2. Nghị quyết này phải được thông báo ngay lập tức cho tất cả mọi ủy viên trong Hội đồng.

III

Nhất trí thông qua quyết định không bổ nhiệm chức chủ tịch

thường trực cho năm sắp tới; chuyển giao cho tổng thư ký chức năng bí thư tài chính, còn chức bí thư tài chính thì hủy bỏ[552].

Được thông qua tại các phiên họp của Tổng Hội đồng ngày 25 tháng Chín, ngày 6 tháng Mười một 1866; ngày 24 tháng Chín 1867

Công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong cuốn sách: "Tổng Hội đồng của Quốc tế I. 1866-1868". M., 1963

In theo bản viết trong sổ biên bản của Tổng Hội đồng
Nguyên văn là tiếng Anh

C. MÁC

*CÁC NGHỊ QUYẾT VỀ CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ CỦA ĐẠI HỘI LÔ-DAN

I

Trình bày theo cách dưới đây điểm thứ nhất trong chương trình nghị sự của đại hội:

Về những biện pháp thực tế, nhờ đó mà Hội liên hiệp công nhân quốc tế sẽ có thể thực hiện được chức năng của mình là trung tâm hành động chung của công nhân, của phụ nữ, của nam giới trong cuộc đấu tranh của họ vì sự nghiệp giải phóng hoàn toàn khỏi ách thống trị của tư bản.

II

Công bố trên tờ "Courrier Français" chương trình đại hội của chúng ta; xác định rằng không một chi hội nào có quyền đề ra chương trình riêng của mình, rằng chỉ có Hội đồng mới có thẩm quyền soạn thảo chương trình đại hội; ủy nhiệm cho tổng thư ký

gửi đến báo "Courrier" bản chương trình đại hội, do Hội đồng soạn thảo, và thông báo nghị quyết này cho ban chấp hành Pa-ri[553].

C. Mác đưa ra tại phiên họp của Tổng Hội đồng ngày 9 và ngày 23 tháng Bảy 1867
Công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong cuốn sách: "Tổng Hội đồng của Quốc tế I. 1866-1868". M., 1963

In theo bản viết trong sổ biên bản của Tổng Hội đồng
Nguyên văn là tiếng Anh

C. MÁC

*LẬP TRƯỜNG CỦA QUỐC TẾ TRONG VẤN ĐỀ CÁC THUẾ SUẤT BẢO HỘ CỦA PHỔ[554]

Các công đoàn – được thành lập ở Đức theo sáng kiến và với sự ủng hộ của Hội liên hiệp công nhân quốc tế – đã cung cấp cho các nhà lãnh đạo ngành công nghiệp luyện thép tỉnh Ranh những luận cứ chống lại ý định của chính phủ Phổ muốn giảm mức thuế nhập khẩu đối với gang. Phòng thương mại En-bơ-phen-đơ và Bác-men cho rằng việc giảm mức thuế nhập khẩu gang sẽ hoàn toàn làm phá sản các nhà công nghiệp khai khoáng Phổ. Các nhà tư bản Anh khẳng định rằng họ buộc phải giảm mức tiền công của công nhân nước mình để đứng vững trước sự cạnh tranh của ngoại quốc. Các nhà công nghiệp khai khoáng Đức yêu cầu duy trì các biện pháp bảo hộ để thoát khỏi phá sản do sự cạnh tranh của người Anh; trong khi ấy tiền công của công nhân Phổ đã thấp hơn quá hai lần so với mức tiền công của công nhân Anh, mà thời gian lao động lại dài hơn.

Trong bản báo cáo của mình gửi lên chính phủ ngày 14 tháng Tư, phòng thương mại tuyên bố:

"Một khi đã xảy ra thì sự phá sản của nền công nghiệp luyện thép của Đức sẽ không thể nào cứu vãn được. Những khối lượng lớn tư bản sẽ biến mất, và hàng nghìn

công nhân sẽ không còn phương tiện sinh sống. Có thể sẽ xảy ra tình trạng hết sức nguy kịch, khiến cho vấn đề công nhân có ý nghĩa ngày càng to lớn, còn lập trường của Hội liên hiệp công nhân quốc tế thì trở nên ngày càng tích cực và ngày càng có tác dụng uy hiếp".

Sự thú nhận ấy chứng minh rằng Hội liên hiệp đã cố gắng không uổng công. Các nhà tư bản yêu cầu mở cuộc khảo sát chính thức về tình hình hiện nay của nền công nghiệp luyện thép. Công nhân đòi cuộc điều tra đó cũng phải bao gồm cả việc nghiên cứu tình cảnh các công nhân làm việc trong ngành sản xuất ấy.

Do C. Mác viết vào những ngày 5-12 tháng Năm 1868
Đã đăng trên báo "The Bee-Hive Newspaper" số 344, 16 tháng Năm 1868

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

C. MÁC

ĐOẠN MÀO ĐẦU TRONG TẬP CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI GIƠ-NE-VƠ (1866) VÀ ĐẠI HỘI BRUY-XEN (1868) CỦA QUỐC TẾ

Vì có thể coi một số nghị quyết được thông qua tại đại hội thứ nhất là một phần trong cương lĩnh có tính nguyên tắc của Hội liên hiệp công nhân quốc tế, còn bản báo cáo về đại hội này thì chỉ được phổ biến hạn chế,- nên Tổng Hội đồng cho rằng sẽ là điều hợp lý nếu in lại các phần ấy cùng với tập các nghị quyết đã được thông qua tại đại hội gần đây nhất.

Trong số các vấn đề được đại hội thứ nhất, Đại hội Giơ-ne-vơ, xem xét thì quan trọng nhất là những vấn đề sau đây[555].

Đã đăng trên báo "The Bee-Hive Newspaper" số 371, 21 tháng Mười một 1868

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Anh

C. MÁC

NHỮNG NHẬN XÉT VỀ CƯƠNG LĨNH VÀ ĐIỀU LỆ CỦA LIÊN MINH DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ[556]

[CƯƠNG LÍNH VÀ ĐIỀU LỆ CỦA LIÊN MINH CÔNG KHAI]

Thiểu số xã hội chủ nghĩa trong Đồng minh hòa bình và tự do, sau khi tách khỏi Đồng minh này do cuộc bỏ phiếu của đa số tại Đại hội Béc-nơ - đại hội này đã chính thức chống lại nguyên tắc cơ bản của tất cả các hiệp hội công nhân, cụ thể là nguyên tắc về *sự bình đẳng kinh tế và xã hội giữa các giai cấp và các cá nhân* - như thế đã tán thành những nguyên tắc được tuyên bố tại *các đại hội công nhân* họp ở Giơ-ne-vơ, Lô-dan và Bruy-xen. Một số

[NHỮNG NHẬN XÉT CỦA C. MÁC]

bình đẳng giữa các giai cấp!

thành viên của thiểu số này thuộc những dân tộc khác nhau đã đề nghị chúng tôi tổ chức ra *liên minh dân chủ xã hội chủ nghĩa quốc tế* mới hoàn toàn hòa nhập vào *Hội liên hiệp công nhân quốc tế* vĩ đại, nhưng có sứ mạng đặc biệt của mình là nghiên cứu các vấn đề chính trị và triết học trên cơ sở nguyên tắc vĩ đại là sự bình đẳng phổ biến và thật sự giữa tất cả mọi người trên trái đất.

hòa nhập và được lập ra để làm đối trọng !

Về phía mình, sau khi nhận thức rõ tính chất hữu ích của sáng kiến ấy – sáng kiến này sẽ đem lại cho những người dân chủ xã hội chủ nghĩa chân thành ở châu Âu và ở Mỹ phương tiện hiểu biết lẫn nhau và khẳng định các tư tưởng của mình mà không có bất kỳ áp lực nào từ phía chủ nghĩa xã hội giả hiệu mà phái dân chủ tư sản hiện nay thấy cần phải quảng cáo – chúng tôi coi mình có nghĩa vụ phải đảm nhận, cùng với những người bạn ấy, việc chủ động thành lập ra tổ chức *mới*[1*] này.

Vậy là đối với những người dân chủ xã hội chủ nghĩa thì Quốc tế không phải là phương tiện hiểu biết lẫn nhau.

1* Những từ in nghiêng với cỡ chữ hơi đậm là do Mác nhấn mạnh.

Xuất phát từ quan điểm này, ***chúng tôi đã tự cấu tạo thành chi hội trung tâm*** *của Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa quốc tế* và nay công bố *cương lĩnh và điều lệ* của *chi hội này*.

Một sự khiêm tốn biết nhường nào! Họ tự cấu tạo với tư cách là quyền lực trung tâm, thật là những bậc anh tài!

CƯƠNG LĨNH CỦA LIÊN MINH DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ

1) *Liên minh* tuyên bố tính chất vô thần của mình; nó hướng tới xóa bỏ các hình thức thờ phụng, thay tín ngưỡng bằng khoa học và thay sự công bằng của thần thánh bằng sự công bằng của loài người.

Tựa hồ như có thể dùng sắc lệnh để xóa bỏ tín ngưỡng!

Con người khác gốc!

Hoàn toàn giống như ***công xã Nga!***

Toa thuốc cũ của chủ nghĩa Xanh-Xi-mông!

2) Trước hết Liên minh phấn đấu đạt cho được sự bình đẳng chính trị, kinh tế và xã hội giữa các giai cấp và các cá nhân *thuộc cả hai giới nam nữ*, bắt đầu từ *sự bãi bỏ quyền thừa kế*, để trong tương lai việc hưởng thụ phúc lợi phù hợp với lao động sản xuất của mỗi người và để sao cho – căn cứ vào nghị quyết do đại hội công nhân gần đây ở Bruy-xen thông qua – ruộng đất, công cụ lao động, cũng như

mọi tư bản nói chung, trở thành tài sản tập thể của toàn xã hội và chỉ có thể được sử dụng bởi người nào có lao động, tức là bởi các hiệp hội nông nghiệp và công nghiệp.

3) Liên minh phấn đấu thực hiện đối với mọi trẻ em, thuộc cả hai giới, bắt đầu từ lúc chào đời, những điều kiện phát triển bình đẳng, nghĩa là nuôi dưỡng, giáo dục và dạy dỗ ở tất cả các bậc khoa học, sản xuất và nghệ thuật, xuất phát từ nhận thức rằng sự bình đẳng ấy, lúc đầu chỉ trong lĩnh vực kinh tế và xã hội, sau này, sự bình đẳng ấy sẽ ngày càng dẫn đến một sự bình đẳng tự nhiên, phổ biến, vĩ đại giữa các cá nhân và dẫn đến sự tan biến của mọi hình thức bất bình đẳng giả tạo - sản phẩm lịch sử của tổ chức xã hội vừa giả tạo, lại vừa bất công.

Câu nói sáo rỗng!

4) Là kẻ thù của mọi chế độ chuyên chế, không thừa nhận những hình thức chính trị nào khác ngoài những hình thức cộng hòa, và tuyệt đối bác bỏ mọi sự liên kết với thế lực phản động,

nó cũng bác bỏ mọi hành động chính trị không theo đuổi mục tiêu *trực tiếp và không quanh co* là giành thắng lợi cho sự nghiệp của công nhân chống tư bản.

5) Liên minh thừa nhận rằng tất cả các nhà nước chính trị và cực quyền hiện hữu ngày nay ngày càng quy các chức năng của mình vào những chức năng hành chính đơn thuần của những cơ quan phục vụ xã hội tại các nước mình sẽ phải biến mất trong liên minh rộng khắp của các hiệp hội tự do trong nông nghiệp cũng như trong công nghiệp.

Nếu tự bản thân các nhà nước ấy *quy* các chức năng của mình, thì chúng sẽ không *phải* biến mất, mà tự chúng đương nhiên sẽ biến mất.

6) Vì vấn đề xã hội có thể được giải quyết dứt khoát và thực sự chỉ trên cơ sở tình đoàn kết quốc tế và rộng khắp của công nhân tất cả các nước, cho nên *Liên minh* bác bỏ mọi chính sách dựa trên tinh thần yêu nước giả hiệu và trên sự tranh đua của các dân tộc.

Có nhiều hình thức tranh đua, ông bạn người Nga đáng mến của tôi ạ!

7) Liên minh phấn đấu thực hiện sự liên hiệp rộng khắp tất cả các hiệp hội địa phương trên cơ sở tự do.

ĐIỀU LỆ

1) *Liên minh dân chủ xã hội chủ nghĩa quốc tế* tự cấu tạo với tư cách là một *chi hội* của *Hội liên hiệp công nhân quốc tế* và hoàn toàn tiếp nhận Điều lệ chung của Hội liên hiệp.

Hội liên hiệp công nhân Quốc tế không cho phép có "*các chi hội quốc tế*".

2) *Các thành viên sáng lập của Liên minh* tạm thời tổ chức ra ở Giơ-ne-vơ *ban thường vụ trung ương*.

Một tổng hội đồng mới!

3) Các thành viên sáng lập thuộc một nước thì tạo thành *ban thường vụ quốc gia* ở nước mình.

4) Các ban thường vụ quốc gia có nhiệm vụ lập ra, ở tất cả các địa phương, *những nhóm địa phương của Liên minh dân chủ xã hội chủ nghĩa, những nhóm này, thông qua các ban thường vụ quốc gia của mình, sẽ trình lên Ban thường vụ trung ương của Liên minh bản kiến nghị kết nạp họ vào Hội liên hiệp công nhân quốc tế.*

Điều lệ của Quốc tế không thừa nhận "những thẩm quyền của người trung gian" như thế.

5) Tất cả các nhóm địa phương lập ra các ban thường vụ của

mình, tuân theo cách làm được các chi hội địa phương của *Hội liên hiệp công nhân quốc tế* chấp nhận.

6) Tất cả các thành viên của *Liên minh* có bổn phận nộp nguyệt phí bằng *mười xăng-tim* mà một nửa số tiền ấy sẽ được các nhóm quốc gia giữ lại để chi vào các nhu cầu của mình, còn nửa kia thì nộp vào qũy của ban thường vụ trung ương để dùng vào những nhu cầu chung của ban thường vụ ấy.

Những khoản quyên góp mới nuốt mất những khoản tiền của chính chúng ta!

Tại những nước nào mà số tiền ấy bị xem là quá cao, thì các ban thường vụ quốc gia, sau khi thỏa thuận với ban thường vụ trung ương, có thể giảm bớt số tiền ấy.

7) Vào thời gian diễn ra đại hội hàng năm của công nhân, *đoàn đại biểu của Liên minh dân chủ xã hội chủ nghĩa* - với tư cách là phân hội của *Hội liên hiệp công nhân* quốc tế - sẽ tiến hành các phiên họp công khai của mình tại một phòng họp riêng.

Họ muốn làm mất uy tín chúng ta, dưới sự bảo trợ của chúng ta.

CÁC THÀNH VIÊN CỦA NHÓM SÁNG KIẾN GIƠ-NE-VƠ

I. *Phi-líp Bếch-cơ.- M.Ba-cu-nin.– T.Rê-mi.- Ăng-toan Lin-de-gơ.- Lu-i Ni-de-gơ. – Va-lê-ri-ăng Mrô-scốp-xki. – I-ang Da-goóc-xki.- Phi-lơ. Txuê-lơ.- A. Ác-đen. - S.Pe-rôn.-Gi.Gây-.-Gi. Phri-xơ.- Ph.Rô-sa. -Ni-cô-lai Giu-cốp-xki.- M.En-pi-đin. - Đam-pê-ri-ni.- E.Bếch-cơ.- Lu-i Vây-xơ.- Pê-rê. -Ma-rau-đa .-Ê-đu-ác Crô-xê. -A.Blăng-sa-rơ. -A. Ma-ti-xơ. -Rây-mông.- Bà A-lếch-xê-ê-va*[2*]*. - Bà Ba-cu-ni-na.- Bà Xuy-dét Crô-đê.- Bà Rô-đa-li-a Xan-ghi-nét.- Bà Đê-đi-rê Gây.- Bà Ghi-nê Giên-ni.- Ăng-toan Đuy-nô.- Gi.Mô-lê.- Ghe-ri.- Giắc Cuốc-tua.- Giăng Pô-tô.-An-drê Ben.- Phr. Bô-phe-ti.- S. Ghi-ô.- S. Pô-xtơ-lép.-S. Đê-tơ-ra.- Gi. Crô-đê.- Gi. Xan-ghi-nét.- G. Giắc-la-rơ.- L. Cu-len.- Phr. Gây.- Ble-đơ Rô-xét-ti.- Gi.* Asinus Asinorum![1*] Và bà Ba-cu-ni-na!

1* - Kẻ ngu dốt trong số những kẻ ngu dốt!

2*- Bác-tê-nê-va

Ma-ri-ly.-C.Brếch-ten.-L.Mô-na-sơn.- Phr. Méc-mi-lô.- Đô-na bố. - L.Gi.Sê-nê-van.- Gi.B. Bê-đô. - L.A.Phoóc-na-sơn.- Pi-ni-e-rơ. - S.Gran-giơ.- Giắc La-pla-xơ. - X.Pê-la-tôn.- V.Rau.- Gốt-lốp Van-tơ.- A-đôn-phơ Hê-béc-linh. - Pe-ri-ê.- A-đôn-phơ Ca-ta-lan. - Mác-cơ Hê-ri-đi-ê.- Lu-i A-lơ-măng. - A.Pê-lê-grin- Đru-a.- Lu-i-đờ Cốp-pe.-Lu-i Đuy-pra.- Ghin-mô. Giô-dép Ba-kê.- Ph.Pi-xte-rơ. - S.Ruy-sê.- Ple-xít Mác-ga-ri-ta. - Pôn Gác-ba-ni.- Ê-chiên Bô-rê. - Gi-Gi. Xcô-pi-ni.- Phr.Crô-sê. - Giăng Giô-xtơ.- Lê-ô-pôn Vu-khơ. - G.Phi-e-ta.- L. Phuy-li-ke.- A-mi Gan-đi-ôn.- V. A-lếch-xê-ép[1*].- *Phrăng-xoa Sơ-va-li-ê.-*

Vì các thành viên sáng lập của Liên minh dân chủ xã hội chủ nghĩa quốc tế đã quyết định lập ra tờ báo với tên gọi "La Révolution" là cơ quan báo chí của tổ chức mới, cho nên *ban thường vụ trung ương lâm thời*

Và họ đã xác xược công bố tại Thụy Sĩ - mà không cho tôi biết - rằng tôi sẽ cho đăng các bài viết của mình trên tờ ***"Révolution"!***

1*- Bác-tê-nép

sẽ khởi sự xuất bản ấn phẩm ngay khi nào phân bổ được ba trăm cổ phần, mỗi cổ phần trị giá 10 phrăng, phải được trả một phần tư mỗi quý, tính từ ngày 1 tháng Giêng 1869. Do đó, *ban thường vụ trung ương lâm thời* mời tất cả *các ban thường vụ quốc gia của Liên minh* bắt đầu phân bổ các cổ phần tại các địa phương của mình. Vì việc mua các cổ phần được coi là tặng phẩm tự nguyện, không đem lại quyền nhận các số báo, cho nên *các ban thường vụ quốc gia* phải cùng một lúc lên danh sách những người đặt mua báo.

Báo sẽ được xuất bản mỗi tuần một lần.

Giá tiền đăng ký mua:

Một năm... *6phr.*

6 tháng... *3phr 50*

Theo ủy nhiệm *của ban thường vụ trung ương lâm thời*:

Thư ký *I-ăng Da-goóc-xki* phố Mông-bri-ăng, 8

N.B. Đề nghị *các ban thường*

vụ quốc gia trao cho *ban thường vụ trung ương* những khoản tiền thu được nhờ thanh toán các cổ phần và nhờ thu tiền đặt mua báo, chậm nhất là ngày 1 tháng Giêng.

Những nhận xét này do C.Mác viết ngày 15 tháng Chạp 1868
Công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong cuốn sách: "Tổng Hội đồng của Quốc tế I. 1868-1870". M., 1964

In theo bản truyền đơn có những chỗ ghi chú của Mác
Nguyên văn là tiếng Pháp

Bí thư phụ trách Bỉ[1*] cho biết ở Bỉ đã có 60 phân hội của Hội liên hiệp công nhân quốc tế và tuần nào cũng có một nghìn hội viên mới.

Bí thư phụ trách Thụy Sĩ[2*] đã chuyển đi tin tức nhận được về cuộc sa thải một số lượng thợ dệt dải băng ở Ba-lơ. Đã quyết định quay trở lại vấn đề này vào thứ ba tuần tới, khi mà Hội đồng sẽ nắm được tất cả mọi sự thực.

Bí thư phụ trách Pháp[3*] cho biết các chủ nhà máy sản xuất vải sợi bông ở Ru-an, thuộc tỉnh No-rơ, và thuộc một số tỉnh khác của nước Pháp đã thỏa thuận về việc giảm tiền công đối với công nhân các nhà máy của mình, để thắng các nhà công nghiệp Anh trên các thị trường của chính họ, bằng cách bán ra các hàng hóa của mình với giá thấp hơn.

Nghị quyết sau đây do ông A-plơ-gác đưa ra và được ông Mác ủng hộ, đã được nhất trí thông qua:

Theo ý kiến của Hội đồng, mưu toan của các chủ nhà máy ở Ru-an, thuộc tỉnh No-rơ và thuộc các tỉnh khác của Pháp định hạ mức tiền công trả cho công nhân của họ – rõ ràng nhằm mục đích đánh bại các chủ xưởng Anh trên các thị trường của chính họ – đáng bị công nhân và các chủ xí nghiệp ở tất cả các nước trên thế giới lên án. Trong khi thừa nhận quyền tự do cạnh tranh, nếu sự cạnh tranh ấy được thực hiện bằng những biện pháp hợp pháp, chúng tôi hoàn toàn bác bỏ việc mở rộng thương mại bằng cách cắt giảm mức tiền công vốn đã hết sức thấp của công nhân.

1*- Béc-na

2*- I-ung

3*- Duy-pông

Đã quyết định đề nghị các hội khác nhau cử đại biểu đến dự phiên họp tiếp theo của Hội đồng dự định họp vào thứ ba, ngày 19 tháng Giêng, vào lúc 8 giờ tối, để thảo luận những phương thức có hiệu quả nhất nhằm chặn đứng những mưu toan không thể chấp nhận được của các chủ xưởng Pháp và dành sự giúp đỡ cần thiết cho những công nhân hữu quan.

Quyền bí thư lâm thời *Héc-man I-ung*

Ngày 6 tháng Giêng 1869
Đã đăng trên báo "The Bee-Hive Newspaper"
số 379, ngày 16 tháng Giêng 1869

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In toàn văn bằng tiếng Nga
lần đầu

C. MÁC

*VỀ VỤ XUNG ĐỘT TRONG CHI HỘI LI-ÔNG[558]

Thưa các vị! Trên cơ sở nghị quyết của Đại hội Ba-lơ năm 1869, theo đó Tổng Hội đồng phải hành động trong vai trò người trọng tài trong trường hợp nảy sinh các bất đồng giữa các hội viên Hội liên hiệp, chi hội Li-ông của Hội liên hiệp công nhân quốc tế đề nghị Tổng Hội đồng xem xét cuộc tranh chấp giữa một bên là An-be Ri-sác và bên kia là các thành viên trong chi hội Li-ông cũ Sét-ten, Coóc-mi-ê, A. Blăng, Sa-nô và Ven-đri.

Sau khi xem xét các tài liệu do chi hội ấy gửi tới, Tổng Hội đồng tuyên bố rằng những lời buộc tội đưa ra hoàn toàn không có cơ sở nào cả, Hội đồng xác nhận quyết định của hai tiểu ban được đặc biệt cử ra để làm rõ vụ việc này: tiểu ban thứ nhất - tại Đại hội Lô-dan năm 1867, và tiểu ban thứ hai - tại Giơ-ne-vơ năm 1869. Hội đồng vẫn duy trì cho An-be Ri-sác chức thư ký - thông tấn của Hội liên hiệp công nhân quốc tế căn cứ theo Điều lệ và Quy chế.

Cũng chú ý rằng việc các hội viên cũ đã đề nghị các phần tử tư sản cấp tiến đưa ra quyết định về vấn đề này - là vấn đề chỉ

được các hội viên thuộc Hội liên hiệp công nhân quốc tế biết mà thôi - là việc làm trái với Điều lệ, trái với tinh thần và lợi ích của Hội liên hiệp và tiếp tay cho kẻ thù của Hội, cho nên Tổng hội đồng đã gay gắt khiển trách hành vi của các hội viên cũ trong chi hội.

Nhân trường hợp hiểu lầm này, Tổng hội đồng lưu ý tất cả các hội viên Hội liên hiệp công nhân quốc tế, rằng các hội viên phải thông báo cho Tổng Hội đồng biết trước khi công bố điều gì trên báo chí, hoặc có những hành động công khai nào đó. Cách hành động giống như đã làm là nhằm nhen lên sự thù hằn cá nhân, mà điều này thì luôn luôn cần tránh một cách cẩn trọng; hành động ấy gây bất hòa trong hàng ngũ chúng ta và có thể sẽ chỉ có lợi cho những kẻ thù địch với chúng ta vào thời điểm mà toàn bộ hoạt động, tất cả mọi nỗ lực và toàn bộ nghị lực của các hội viên chúng ta phải hướng vào việc đảm bảo thắng lợi thật nhanh chóng cho các nguyên tắc của Hội liên hiệp công nhân quốc tế.

Đã được Tổng Hội đồng phê duyệt ngày 8 tháng Ba 1870
Công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong cuốn sách: "Tổng Hội đồng của Quốc tế I. 1868-1870"., 1964

In theo bản viết trong sổ biên bản của Tổng Hội đồng
Nguyên văn là tiếng Anh

C. MÁC

GỬI BAN CHẤP HÀNH HỘI CÔNG NHÂN LUYỆN THÉP QUỐC TẾ[559]

Luân Đôn, ngày 18 tháng Tư 1870

Các bạn thân mến!

Khoảng hai tuần lễ trước đây, ban chấp hành Hội liên hiệp công nhân cơ khí, sau rốt, đã đề nghị Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế cử đại biểu đến thảo luận vấn đề thiết lập quan hệ trực tiếp với công nhân luyện kim ở Đức và công nhân cơ khí ở Pa-ri. Giờ đây, trước khi ra quyết định liên quan đến các vị, họ đề nghị gửi ý kiến phúc đáp về những vấn đề dưới đây:

1. Độ dài của ngày lao động là bao nhiêu?

2. Mỗi tuần có bao nhiêu ngày lao động? Có chủ nhật nào là ngày lao động không?

3. Mức tiền công?

4. Công việc ngoài giờ có được trả công không và với mức bao nhiêu?

5. Số lượng thành viên?

6. Mức đóng góp hàng tuần của các vị là bao nhiêu?
7. Các qũy bệnh viện v.v. có quan hệ với công đoàn không?
8. Công nhân thuộc các ngành lao động nào gia nhập hiệp hội?

Gửi lời chào anh em

Các Mác

Do C.Mác viết ngày 18 tháng Tư 1870
Đã đăng trên báo "Tagwachi" số 16, 1870

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu

PH. ĂNG-GHEN

RÔ-BÓC RÍT, CỰU THÔNG TÍN VIÊN CỦA BÁO "DAILY TELEGRAPH" [560]

Ngày 1 tháng Bảy 1871

Bô-oéc-xơ, thông tín viên của báo "Morning Advertiser", bị bắt ở nhà hàng Pê-téc-xơ cùng với Đa-lát, thông tín viên của tờ "Times" và một tùy viên sứ quán Nga, đã lập tức được thả ra. Nhưng sau đó ông này trở lại quán cà-phê tìm người đàn bà của mình (một phụ nữ người Anh), và sau khi trông thấy bà này cợt nhả với một vị khác, thì ông ta đã lao vào vị nọ và *vì hành vi này*, ông ta bị bắt và bị nhốt.

Ba vị này đã đăng trên báo "Vérité" bức thư trong đó khẳng định một cách sai trái: 1) tuồng như thể các ủy viên Công xã đã có mặt tại quán cà-phê ấy, họ quàng những chiếc khăn quàng đỏ với tua viền vàng, và đủ loại gái lẳng lơ đã xuất trình những tấm thẻ của mình, và 2) tuồng như thể Bô-oéc-xơ bị bắt mà không có bất kỳ lý do nào. (Đây hoàn toàn chỉ là những quan chức cảnh sát, với những chiếc khăn quàng đỏ, nhưng không có tua viền vàng.)

Tờ "Telegraph" thường cho đăng các bài tường thuật của Rít

dưới một hình thức hoàn toàn đã thay đổi. Tờ báo này đã từ chối đăng một bức thư rất quan trọng.

Thông tin viên ở Véc-xây của báo "Telegraph" đã xác nhận, trong số báo xuất bản ngày 17 hoặc ngày 18 tháng Năm, rằng Cuốc-bê ở Lu-vrơ đã dùng búa phá hủy những tác phẩm nghệ thuật. Ngày 20 Rít đã đưa cho Cuốc-bê xem bức điện này. Ông Cuốc-bê đã gửi cho chủ biên tờ "Telegraph" bức thư dưới đây:

"Thưa quý ngài!

Tôi chẳng những đã không thủ tiêu bất kỳ tác phẩm nghệ thuật nào ở Lu-vrơ, mà ngược lại, theo sáng kiến của tôi, tất cả những tác phẩm nghệ thuật ấy – đã từng được các vị bộ trưởng tán phát đến các tòa nhà khác nhau trong thủ đô – đã được tập hợp lại và được trả lại vào vị trí của chúng tại Bảo tàng [Lu-vrơ]. Cũng đã thực hiện một việc làm như vậy đối với Lúc-xăm-bua. Tôi là người đã bảo tồn và phân loại tất cả những tác phẩm nghệ thuật được đưa ra khỏi ngôi nhà của ông Chi-e, vậy mà tôi lại bị buộc tội là phá hoại chiếc cột Văng-dôm. Nhưng có một sự thật được xác nhận bằng cứ liệu là: sắc lệnh về việc phá hủy đã được thông qua ngày 14 tháng Tư, còn tôi thì được bầu vào Ủy ban vào ngày 20, tức là sau đó sáu ngày. Tôi đã kịch liệt yêu cầu bảo tồn các phù điêu và đã đề nghị lập ra bảo tàng những phù điêu ấy trong sân của Điện thương binh. Biết rõ những động cơ trong sáng trong hành động của tôi, song tôi cũng nhận thức được tất cả những khó khăn do đế chế để lại.

Xin gửi tới quý ngài lời chào anh em
G. Cuốc-bê

Hội đồng thị chính, ngày 20 tháng Năm 1871"

Thế nhưng bức thư này, được gửi cho tờ "Telegraph" thông qua Rít, đã không được đăng.

Xem các số báo ra ngày 10 - 12 tháng Tư.

Tô-lanh. Thông tín viên của báo "Times" muốn biết Tổng Hội đồng sẽ nói gì về việc này. Nhưng tờ "Times" đã từ chối đăng nghị quyết của chúng tôi[561].

Người ta đề nghị Rít gửi tin cho tờ "Telegraph", và ông ta đã sẵn sàng thề rằng trong lúc cho đăng, những tin bài này đã bị thay đổi theo hướng bất lợi cho Công xã.

Bài giảng của thông tín viên tờ "Daily News" A-đôn-phu-xơ Xmít về Công xã tại nhà hát Sê-rinh Crô-xơ, ngày 3 tháng Bảy 1871.

Ông ta đã có mặt trong cuộc biểu tình tại phố Ruy đờ la Pe. Các khẩu súng trường của đội vệ binh quốc gia tại quảng trường Văng-đôm được chất thành những đống hình kim tự tháp. Có một người Anh –, mà ông ta nêu tên người Anh ấy (là Li-tem?) và anh ta đã đi ở hàng đầu cuộc diễu hành này – đã lao đến những đống súng trường để chộp lấy một khẩu trong số ấy.

Giuốc-đơ ở lại trong tòa nhà bốc cháy của Bộ tài chính cho đến phút chót, để cứu sổ sách và tiền bạc. Vậy mà người ta quy cho ông ấy tội đốt nhà! Có một người Anh sống ở phía đối diện – mà ông ta có thể nêu tên – đã trông thấy hai quả đạn pháo xuyên thủng mái nhà và nổ tung, lát sau xuất hiện khói, rồi ngọn lửa, dần dần bao trùm toàn bộ tòa nhà.

Do Ph. Ăng-ghen viết ngày 1 tháng Bảy 1871
Công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong cuốn sách: "Quốc tế I và Công xã Pa-ri. Các văn kiện và tài liệu". M., 1972

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức và tiếng Anh

C. MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN

NHỮNG ĐOẠN TRÍCH BIÊN BẢN CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG NHỮNG NĂM 1869-1871[562]

1869
(TỪ THỜI GIAN ĐẠI HỘI BA-LƠ)

Ngày 28 tháng Chín 1869. I-ung thông báo đã nhận được bức thư của tướng Cluy-de-rê gửi đến từ Niu-Oóc. Bức thư này gửi cho đại hội, nhưng đến quá muộn.

Việc đăng bản tường thuật về Đại hội Ba-lơ.

Công bố bức thư của công nhân Niu-Oóc sản xuất giấy dán tường. Họ đề nghị Hội đồng sử dụng ảnh hưởng của mình để ngăn chặn việc nhập khẩu công nhân có thể dẫn đến sự thất bại của những công nhân hiện nay đang bãi công. Những bước hành động theo hướng này (về sau đã nhận được những bức thư của các hội đồng công liên ở Man-se-xtơ, Ê-đin-bua v.v., họ đã từng nhận được các bức thư của Tổng Hội đồng).

Ngày 5 tháng Mười 1869. Công bố bức thư của Vác-lanh gửi từ Pa-ri. Ông này cho biết đã có cuộc họp của các đại biểu và họ đã quyết định đẩy nhanh việc gia nhập của các hội của họ.

Các ứng cử viên Lai-tham và Lam-boóc-đơ *được Ốt-gie-rơ đề cử tại* một trong các phiên họp trước đây. Bị hoãn lại.

Hây-đơ (được sự ủng hộ của *Lơ-cráp-tơ)*: "Hội đồng phải bắt tay vào việc tổ chức chi hội nước Anh của Hội liên hiệp công nhân quốc tế với cương lĩnh phù hợp với các nghị quyết của các đại hội; chi hội này phải mang tên "*Liên đoàn công nhân quốc gia và Chi hội Anh của Hội liên hiệp công nhân quốc tế*".

Oét-xtơn cho biết ngày 13 tháng Mười tại Ben-lơ-In-nơ có hội nghị nhằm mục đích tổ chức hội tuyên truyền *vấn đề ruộng đất* và những biện pháp khác do công nhân đề ra.

Ngày 12 tháng Mười 1869. Đề nghị về việc tổ chức chi hội Anh của Quốc tế. Đã được chấp nhận.

Ngày 19 tháng Mười 1869

Ngày 26 tháng Mười 1869. Mốt-tơ-xhết đã được bầu.

Đã quyết định "soạn ra bản nghị quyết đòi thả các tù chính trị (Ai-rơ-len) và bày tỏ ý kiến của Hội đồng về vấn đề này".

Ngày 2 tháng Mười một. Hây-đơ: "Vào *thứ tư* tuần trước *(ngày 24 tháng Mười) Đồng minh ruộng đất và lao động*, đã được thành lập, ban chấp hành của Đồng minh này có nhiều ủy viên của Hội đồng, và hiện nay hoàn toàn không cần thực hiện thêm một điều gì đó (có liên quan đến chi hội Anh)".

Ngày 9 tháng Mười một.

Ngày 16 tháng Mười một. Bài báo chống lại Hội đồng đăng trên báo "Égalité" *(Mác mở cuộc tranh luận về vấn đề Ai-rơ-len.) Nghị quyết về tù chính trị Ai-rơ-len do Mác đưa ra.*

Ngày 23 tháng Mười một. (Cuộc thảo luận về vấn đề Ai-rơ-len.)

Ngày 30 tháng Mười một. (Các nghị quyết về tù chính trị Ai-rơ-len được thông qua).

Ngày 7 tháng Chạp.

Ngày 14 tháng Chạp. I-ung công bố những đoạn trích từ báo "Égalité" chống lại các nghị quyết Ai-rơ-len của Hội đồng (Svai-xơ, Líp-nếch v.v.) [những bản báo cáo hàng tháng][1*].

1870

[*Ngày 1 tháng Giêng. Thông tri mật nói về tờ "Égalité"* v.v.[2*] *Vấn đề Ai-rơ-len v.v. Các bản báo cáo* v.v.]

Ngày 4 tháng Giêng. Rô-bớc Hi-um (*Lông-gơ-Ai-len ở Hợp chúng quốc*) được cử làm thông tín viên. (3 nghìn thẻ hội viên được gửi cho ban chấp hành Đức *(Brao-svai-gơ)*).

Những lời than phiền của tờ "*Progrès*" *(Lốc-cơ-lơ)* và của tờ "*Égalité*" (Giơ-ne-vơ) về phong trào ở Xuy-rích ("Tagwacht") là phong trào mang *tính chất chính trị quá mức*.

Ngày 11 tháng Giêng. Bức thư của ban chấp hành Giơ-ne-vơ thông báo rằng chi hội không tán thành hành vi của tờ "Égalité".

[Ban biên tập đã xin từ chức, đơn xin từ chức đã được chấp nhận.]

Ngày 18 tháng Giêng.

Ngày 25 tháng Giêng. Đề nghị của *Duy-pông*: "bất kỳ hội nào ở Pháp cử thư ký thông tấn phụ trách trao đổi thư tín với Tổng Hội đồng đều được coi là đã gia nhập Quốc tế de facto". *(Được chấp nhận.)*

Ngày 1 tháng Hai. Hội đồng trung ương Thụy Sĩ đã bổ nhiệm thành phần mới của ban biên tập báo "Égalité".

Xéc-rai-ơ đã nhận được thư từ Bruy-xen. Tổng hội đồng Bỉ

1* Trong bản thảo này những dấu ngoặc vuông là của Mác.

2* *C.Mác*. Tổng Hội đồng gửi Hội đồng liên bang vùng ngôn ngữ Rô-man của Thụy Sĩ.

tán thành bài trả lời của Tổng Hội đồng trước những sự đả kích của báo "Égalité"[1*].

Ngày 8 tháng Hai. Lời kêu gọi của *hội những người vô sản thực chứng chủ nghĩa*.

Ngày 1 tháng Hai. Đuy-pông cho biết những bất đồng giữa chi hội cũ và chi hội mới hơn ở Li-ông. (Được chuyển cho Tiểu ban[538].)

Ngày 22 tháng Hai. Tại Na-plơ cuộc lục soát phòng họp của *Quốc tế*, được tiến hành mà viên sĩ quan cảnh sát không xuất trình lệnh lục soát. Các vị chủ tịch, thư ký và luật sư phản đối cuộc lục soát bất hợp pháp này đã bị bắt giữ.

Trên tờ "*Réveil*" đã đăng lại bản tin của một tờ báo Tây Ban Nha, cho biết các chính phủ Áo, I-ta-li-a và Pháp có ý định thi hành những biện pháp hà khắc chống lại *Quốc tế*.

Ngày 8 tháng Ba. Báo cáo của Tiểu ban về *vụ việc ở Li-ông*[2*]. (*Ri-sác* v.v.)

Ngày 15 tháng Ba. Bức thư của hội *những người vô sản thực chứng chủ nghĩa* ở Pa-ri [Đuy-pông đề nghị họ gửi đến bản điều lệ và quy chế của mình].

Họ được thu nhận, nhưng không phải với tư cách là "nhóm phái", và họ được lưu ý đến *mâu thuẫn* giữa cương lĩnh *của chính họ* và cương lĩnh của Quốc tế.

Ngày 22 tháng Ba. Chi hội Nga được thành lập ở Giơ-ne-vơ. Nó bày tỏ nguyện vọng muốn Mác làm đại diện của chi hội này.

Ngày 29 tháng Ba.

Các ngày 4, 5, 6 tháng Tư. Đại hội ở La-Sô-đờ-Phông.

1* *C.Mác*. Tổng Hội đồng gửi Hội đồng liên chi hội vùng ngôn ngữ Rô-man của Thụy Sĩ.

2* Xem tập này. tr.

Ngày 5 tháng Tư.

Ngày 12 tháng Tư. I-ung nhận được bức thư gửi từ *La-Sô-đờ-Phông*. Sự phân liệt tại đại hội. Vì phe đa số đã bỏ phiếu tán thành kết nạp Đồng minh Giơ-ne-vơ, nên các đại biểu của Giơ-ne-vơ và La-Sô-đờ-Phông đã tản sang những gian phòng khác nhau để tiếp tục các phiên họp của đại hội. I-ung được giao nhiệm vụ chất vấn cả hai phía về việc trình bày tỉ mỉ hơn nữa các sự kiện.

Ngày 19 tháng Tư. Những điểm không khớp (I-ung nói) trong những lời trình bày của cả hai phía đại biểu Thụy Sĩ. Ban chấp hành mới đại biểu cho khoảng 600 hội viên, còn ban chấp hành cũ thì đại diện cho khoảng 2 nghìn hội viên.

Ngày 26 tháng Tư. (Bức thư của Ghi-ôm gửi I-ung)

Ngày 3 tháng Năm. Nghị quyết về cái gọi là vụ âm mưu chống Ba-đanh-ghê[1*] (vụ trưng cầu ý kiến). [Vụ bắt giam nhiều thành viên của các chi hội Pa-ri và Li-ông.]

Ngày 10 tháng Năm. Nghị quyết chống lại *chi hội Pháp ở Luân Đôn*[2*]. *(Ngày 10 tháng Năm.)* I-ung đề nghị sau này trong các văn bản chính thức cần có chữ ký của tất cả các ủy viên Hội đồng, bất luận họ đã có dự phiên họp hay không.

Ngày 17 tháng Năm. Nghị quyết: "Xét thấy rằng Đại hội Ba-lơ đã chỉ định Pa-ri là địa điểm triệu tập đại hội thường kỳ của Hội liên hiệp công nhân quốc tế;

rằng chừng nào chế độ hiện nay ở Pháp còn được duy trì, thì đại hội sẽ không thể họp ở Pa-ri;

1* *C.Mác*. Về những sự bức hại các thành viên các chi hội Pháp. Tuyên bố của Tổng Hội đồng của Hội liên hiệp công nhân quốc tế

2* *C.Mác*. Dự thảo nghị quyết của Tổng Hội đồng về "Liên chi bộ Pháp" ở Luân Đôn

rằng tuy vậy, để chuẩn bị đại hội, cần ra ngay quyết định;

rằng điều 3 trong Điều lệ trao trách nhiệm cho Hội đồng, trong trường hợp cần thiết, phải thay đổi địa điểm triệu tập mà đại hội đã ấn định;

rằng Ban chấp hành trung ương của Đảng công nhân dân chủ-xã hội Đức đã đề nghị Tổng Hội đồng dời địa điểm triệu tập đại hội thường kỳ sang nước Đức.

Tổng Hội đồng trong phiên họp của mình ngày 17 tháng Năm đã nhất trí quyết định, rằng đại hội thường kỳ của Hội liên hiệp công nhân quốc tế sẽ khai mạc vào ngày 5 tháng Chín năm nay và sẽ họp ở Ma-in-txơ".

Đơ Pa-pơ, trong bức thư gửi cho Xéc-rai-ơ, có hỏi ý kiến của Hội đồng về tình hình Thụy Sĩ.

I-ung. Bức thư của Pê-rê (Giơ-ne-vơ), người đã tỏ ý muốn Hội đồng ra nghị quyết về vấn đề Thụy Sĩ.

Ngày 24 tháng Năm. (Cuộc tranh cãi xung quanh nghị quyết về báo "Bee-Hive"[1*].)

Ngày 31 tháng Năm. Những người ở Pa-ri phản đối việc dời địa điểm họp đại hội đến Ma-in-txơ. Vấn đề về Cluy-de-rơ.- Ô-xboóc-nơ Uốc-đơ mà đại diện là I-ung. I-ung đại diện cho *Đuy-va-lơ* - đại biểu của các công nhân đúc ở Pa-ri hiện đang bãi công; Hội đồng ủy nhiệm cho đoàn đại biểu (I-ung và Hây-dơ) giúp đỡ ông này trong việc đặt quan hệ tiếp xúc với các nghiệp đoàn.

Đã biểu quyết phê chuẩn thẩm quyền của Hi-um từ Niu-Oóc.

Ngày 7 tháng Sáu.

1* *C.Mác*. Dự thảo nghị quyết của Tổng Hội đồng về báo "Bee-Hive"

Ngày 14 tháng Sáu. Đợt giãn thợ mới ở Giơ-ne-vơ (trong ngành xây dựng).

Ngày 21 tháng Sáu. Lời kêu gọi gửi các tổ chức công đoàn v.v. nhân vụ việc ở Giơ-ne-vơ[1*].

Ngày 28 tháng Sáu. Đại hội khu vực ở Ru-an bị cấm.

Trong bức thư gửi từ Giơ-ne-vơ, người ta đề nghị Hội đồng hết sức nhanh chóng đưa ra một quyết định nào đó. *(Cuộc thảo luận về vấn đề này.)*

(Về *Đồng minh* hãy xem tuyên bố Oét-xtơn.)

(Đã thông qua đề nghị rằng ban chấp hành ở Giơ-ne-vơ hãy duy trì các chức năng trước kia của mình; ban chấp hành mới có thể lựa chọn cho mình một tên gọi nào đó theo đặc trưng lãnh thổ[2*].)

Mác đề nghị dời trụ sở của Tổng Hội đồng từ Luân Đôn sang Bruy-xen (cần đưa ra đề nghị này tại đại hội sắp tới) (và yêu cầu thông báo cho tất cả các chi hội biết đề nghị về việc dời trụ sở của Tổng Hội đồng). *Được chấp nhận*. Hây-dơ thông báo có ý định đưa ra đề nghị xét lại vấn đề.

Ngày 5 tháng Bảy. Những người ở Pa-ri trông đợi việc bác bỏ những lời buộc tội sai của viên chưởng lý Ô-lua, nhưng họ đã không gửi cho Hội đồng văn bản nào cả v.v.. Đuy-pông than phiền rằng ông ấy không nhận được câu trả lời.

Ngày 12 tháng Bảy. Chi hội Pháp. Lơ-Mét.- Nhánh thực chứng chủ nghĩa đã gửi đi các khoản nộp hội phí.- Số tiền (mà các công nhân

1* *C.Mác*. Vụ đóng cửa xí nghiệp và sa thải hàng loạt công nhân xây dựng ở Giơ-ne-vơ

2* *C.Mác*. Nghị quyết của Tổng Hội đồng về Ủy ban Liên đoàn vùng Thụy Sĩ thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh. Tổng Hội đồng gửi Ủy ban Liên đoàn vùng Thụy Sĩ thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh.

cơ khí hợp nhất đã quyết định chuyển cho các công nhân đúc Pa-ri).- Đề nghị (do Mác trình bày): "Đề nghị các chi hội thảo luận vấn đề tính chất hợp lý của việc dời trụ sở của Hội đồng ra khỏi Luân Đôn. Trong trường hợp họ đồng ý dời thì đề nghị chọn Bruy-xen v.v. "[1*]. *Chương trình nghị sự của Đại hội ở Ma-in-txơ.*

Ngày 19 tháng Bảy. Ban chấp hành Giơ-ne-vơ bày tỏ lòng cảm ơn về bản nghị quyết của Hội đồng. I-ung đã viết thư đến La-Sô-đờ-phông, lên án thái độ của họ né tránh chính trị. - Lời kêu gọi chống chiến tranh của Chi hội Pa-ri.- Mác được trao nhiệm vụ soạn thảo *Lời kêu gọi chống chiến tranh.*

Ngày 26 tháng Bảy. Bê-ben và Líp-nếch bàn về ngân sách quân sự của Đức (*Quốc hội Bắc Đức. Béc-lin).* - (Trong bản tuyên bố viết của mình (tại sao họ không biểu quyết) họ tự tuyên bố là thành viên của *Quốc tế*). - *Công bố lời kêu gọi thứ nhất về chiến tranh, ra ngày 23 tháng Bảy*[2*].

Ngày 2 tháng Tám. Xéc-rai-ơ công bố bức thư gửi từ nước Bỉ: Hội đồng phải ở lại Luân Đôn, song người ta thông báo rằng các đại biểu của Bỉ tại đại hội cố ý định chất vấn tại sao Hội đồng lại can thiệp vào các vấn đề của Thụy Sĩ. Mác cho biết những lời phản đối chiến tranh đã được công bố ở Bác-men, Muyn-sen, Bre-xlau v.v.. I-ung bàn về tình hình của Thụy Sĩ. Bài báo đăng trên tờ "Solidarité". Phái của Ghi-ôm đã không gửi câu trả lời thực sự. Những người ở Pa-ri đòi hỏi phải hết sức nhanh chóng giải quyết vấn đề này. Được chuyển cho Tiểu ban. Mác đề nghị hỏi các chi hội xem họ có đồng ý hoãn họp đại hội lại hay không. Được chấp nhận.

1* *C.Mác*. Thông báo mật gửi tất cả các chi bộ.

2* Tiếp đó là những trích đoạn do chính Ăng-ghen viết.

Ngày 9 tháng Tám. I-ung đã nhận được bức thư gửi từ Na-plơ cho biết Ca-pô-ru-xô đã phản bội họ.

Ngày 16 tháng Tám. Đang in nghìn thứ ba các bản lời kêu gọi về chiến tranh. Những bức thư gửi từ Thụy Sĩ và Đức (của Ban Chấp hành Trung ương): tiếp tục duy trì trụ sở Hội đồng ở Luân Đôn và ủy nhiệm cho Ban chấp hành trung ương ấn định thời gian và địa điểm họp đại hội.

Ngày 23 tháng Tám. 15 nghìn bản lời kêu gọi bằng tiếng Đức và 15 nghìn bản bằng tiếng Pháp sẽ được in ở Giơ-ne-vơ. Bức thư của Hội đồng Bỉ, trong đó rút lại những nhận xét liên quan đến tình hình Thụy Sĩ (xem ngày 2 tháng Tám) và bày tỏ đồng ý hoãn họp đại hội. Ban chấp hành khu vực thuộc hệ ngôn ngữ Rô-man ở Giơ-ne-vơ cũng đồng ý hoãn họp đại hội và để trụ sở Hội đồng ở lại Luân Đôn.

Thông qua nghị quyết về việc hoãn họp đại hội.

Ngày 30 tháng Tám. Việc thành lập chi hội Pháp ở Niu-Oóc. Ô-xboóc-nơ Uốc-đơ dự và phát biểu.

Ngày 6 tháng Chín. Sự trao đổi thư từ giữa Mác và Đảng dân chủ-xã hội Đức[1*], đảng này tuyên bố sẽ hoàn thành nghĩa vụ của mình. Đã thông qua nghị quyết về lời kêu gọi *thứ hai* về chiến tranh.

Ngày 9 tháng Chín. Lời kêu gọi được chấp nhận.

Ngày 13 tháng Chín. Xéc-rai-ơ dời đi Pa-ri.

Ngày 20 tháng Chín. Việc bắt giam những người ở Brao-svai-gơ. Việc trục xuất khỏi Ma-in-txơ. Những lời phản đối việc thôn tính, được đưa ra tại Béc-lin, Muyn-sen, Au-xbuốc, Nu-ren-be v.v.. Đoàn đại biểu gồm năm người nhằm có những hành động chung với ban

1* *C.Mác* và *Ph.Ăng-ghen*. Thư gửi Ủy ban Đảng công nhân dân chủ-xã hội

chấp hành ở A-rên-đơ-lơ-hô-lơ để chuẩn bị cuộc biểu tình bảo vệ Cộng hòa Pháp và chống lại những vụ thôn tính.

Ngày 27 tháng Chín. Có tin cho biết người ta đã thỏa thuận về đoàn đại biểu đến gặp Glát-xtôn đòi công nhận Cộng hòa Pháp (Ban chấp hành hợp nhất).

Ngày 4 tháng Mười.

Ngày 11 tháng Mười. Các cuộc hội họp ở Béc-lin và ở Muyn-sen chống lại chính sách chiến tranh của Phổ. Bức thư về hành vi của Ba-cu-nin ở Li-ông ngày 28 tháng Chín[1*]. Báo cáo của ủy ban tài chính.

Ngày 18 tháng Mười. Sự gia nhập của Hội đồng các hội công liên Bớc-minh-hêm. Lời phản đối quyết định của các tờ báo của Quốc tế ở Bỉ về việc không đăng lời kêu gọi thứ hai về chiến tranh. Việc bổ nhiệm bí thư tài chính.

Ngày 25 tháng Mười. Tờ báo "Internationale" ở Bỉ cuối cùng đã cho đăng phần đầu lời kêu gọi thứ hai về chiến tranh. – Cuộc họp do Hai-nơ-man tổ chức. Lời phản đối của Hiệp hội giáo dục công nhân Đức. Có quyết định là khi *thảo luận các vấn đề tổ chức nội bộ* thì không một ai, ngoài các ủy viên của Hội đồng, được tham dự.

Ngày 1 tháng Mười một. Những bức thư gửi từ Pa-téc-xơn (Niu-Giớc-xi) và Niu-Oóc cho biết chi hội Pháp và chi hội Đức ở đó đã đưa ra lời kêu gọi chung chống chiến tranh. Bức thư của Ô-bry (Ru-an) nói về việc phái Bô-na-pác-tơ ở đó vẫn cầm quyền và đang hành động.

Ngày 8 tháng Mười một. Ủy nhiệm cho bí thư đến dự các cuộc họp

1* Trong nguyên bản viết nhầm là ngày 27.

của ủy ban chống việc không can thiệp.

Ngày 15 tháng Mười một. Hội nghị quần chúng ở Niu-Oóc nhân có nguy cơ chiến tranh.

Ngày 22 tháng Mười một. Bức thư gửi đến từ Bre-xtơ, cho biết tất cả 12 ủy viên ban chấp hành địa phương đều đã bị bắt ngày 2-10 tháng Mười, và ngày 27 tháng Mười đã bị đưa ra tòa vì bị buộc tội có âm mưu làm hại an ninh nội bộ của nhà nước. Hai người bị kết án hai năm tù, một người bị kết án một năm tù (đơn giản vì tham gia cuộc họp bàn về phòng thủ quốc gia). – Qua những văn bản được công bố của Bô-na-pác-tơ, người ta thấy rõ rằng ngay trước cuộc trưng cầu ý kiến, thì rõ ràng là người ta đã tổ chức cuộc truy nã Quốc tế.

Ngày 29 tháng Mười một. Hội đồng các hội công liên ở Man-se-xtơ đã hứa dành *sự ủng hộ về mặt tinh thần*. Duy-pông được cử làm đại diện cho Lan-kê-sia[1*].

Ngày 6 tháng Chạp. Đề nghị của Mác về việc bí thư soạn thảo bản thông báo tổng hợp tình hình tham dự của các ủy viên trong ba tháng gần đây. Được chấp nhận.

Ngày 13 tháng Chạp. Bí thư đọc danh sách các ủy viên và số phiên họp mà họ không tới dự từ tháng Chín. Bản danh sách được đính kèm vào biên bản, sau này các ủy viên không tham dự sẽ được đánh dấu, cũng như các ủy viên tham dự.

1* Tiếp theo đó là phần ghi chép bằng bút chì của Mác: "Ban chấp hành liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ Rô-man tại Giơ-ne-vơ trong những năm 1869-1870 đã từ chối kết nạp [chi hội "Đồng minh" ở Giơ-ne-vơ] vào liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ Rô-man của Hội liên hiệp quốc tế. Chi hội được Tổng Hội đồng thừa nhận". Bắt đầu từ trang mới, những trích đoạn tiếp tục do chính tay Mác viết.

Ngày 20 tháng Chạp. Tin tức về dự định thành lập Ban chấp hành trung ương tại Niu-Oóc. *(Xem bảng ghi tình hình tham dự các phiên họp) (sau* phiên họp gần đây nhất vào tháng Chạp) *(từ tháng Chín đến tháng Chạp 1870* và từ *tháng Giêng đến cuối tháng Ba 1871).*

1871

Ngày 3 tháng Giêng.

Ngày 17 tháng Giêng. Sự gia nhập của Hội đồng các hội công liên Bốc-minh-hêm. Được ủy nhiệm hỏi tờ "Felleisen" xem nó giữ lập trường thế nào đối với *Quốc tế*. (Đám công chúng này chủ trương thôn tính.) Mác phát biểu chống lại nhiều tuyên bố của Ốt-gie-rơ tại Xanh-Giêm-xơ-hô-lơ (*Pha-vrơ* và các bạn bè) (phản đối *lời kêu gọi thứ hai* của chúng tôi).

Ngày 24 tháng Giêng. Việc thành lập Ban chấp hành trung ương cho Hợp chúng quốc tại Niu-Oóc.

Ngày 31 tháng Giêng. Từ Thụy Sĩ (Giơ-ne-vơ, liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ Rô-man) người ta viết thư cho biết họ đã nhận được bức thư gửi từ Tây Ban Nha với lời đề nghị thiết lập sự tiếp xúc chặt chẽ, nhưng trước khi làm việc này, họ muốn biết xem các chi hội ở Tây Ban Nha có quan hệ với Hội đồng hay không; nếu không thì họ không có ý định duy trì quan hệ với những chi hội ấy. Ăng-ghen được bổ nhiệm làm bí thư phụ trách Tây Ban Nha.

Dự thảo nghị quyết của Ăng-ghen về chiến tranh (chiến tranh Pháp-Đức) (và về thái độ của chính phủ Anh)[1*].

Ngày 7 tháng Hai. Cuộc tranh luận về cuộc chiến tranh Pháp-Đức. Lập trường của chính phủ Anh.

Ngày 14 tháng Hai. (Cuộc tranh luận ấy tiếp tục.)

1* Xem tập này, tr. 754-756.

Ngày 21 tháng Hai. Hiệp hội cải cách sở hữu ruộng đất có những nhượng bộ đối với đảng công nhân trong vấn đề *quốc hữu hóa (Min).* Ha-rít cho rằng đây là mưu toan kết liễu Đồng minh ruộng đất và lao động.

Ngày 28 tháng Hai. Cuộc tranh luận về *Hiệp hội cải cách sở hữu ruộng đất.* (Đã quyết định thảo luận cương lĩnh của họ.)

Báo cáo của ông Xéc-rai-ơ (Hội đồng liên chi hội Pa-ri trong thời gian có cuộc bao vây.)

Ngày 7 tháng Ba. (Cuộc tranh luận về Ban chấp hành trung ương ở Niu- Óc). (Mác nói về bản tuyên bố Pa-ri năm 1856.)

Ngày 14 tháng Ba. Rô-bin. (Cần triệu tập tại Luân Đôn hội nghị đại biểu của tất cả các chi hội.) *(Bị bác bỏ.) (Cuộc thảo luận về bản tuyên bố năm 1856.) (Vấn đề Ai-rơ-len.)*

Ngày 21 tháng Ba. Mác tuyên bố: Khi bùng nổ chiến tranh, tất cả các chi hội trên lục địa đã được gửi những bức thư nói về việc không thể triệu tập được đại hội ở Ma-in-txơ hoặc ở Pa-ri, tất cả các chi hội gửi thư trả lời đều dành cho Hội đồng quyền lựa chọn thời gian và địa điểm triệu tập đại hội thường kỳ. *Rô-bin* nói rằng tại Pa-ri người ta đã không nhận được bức thư ấy. *Đã quyết định gửi bản tuyên bố đến các tờ báo ở Anh* nhằm chống lại bản nghị quyết giả (về việc khai trừ những hội viên người Đức) mà người ta gán cho *Hội đồng liên chi hội Pa-ri soạn ra*[1*].

(Cuộc cách mạng ngày 18 tháng Ba.)

Chi hội ở khu vực phía đông Luân Đôn.

Ngày 28 tháng Ba. Xéc-rai-ơ được phái đi Pa-ri. 5 pao xtéc-linh được tài trợ cho vợ của Xéc-rai-ơ.

1* *C.Mác.* Tuyên bố của Tổng Hội đồng gửi ban biên tập báo "Times" và các ban biên tập các báo khác

Các bạn bè người Đức của chúng ta chỉ bị buộc tội là thành viên của *Quốc tế* (những lời buộc tội khác đều bị hủy bỏ). *Hội nghị của Hiệp hội cộng hòa trung ương tại Oen-linh-tơn-Miu-dích-hô-lơ* (nhằm mục đích thành lập câu lạc bộ cộng hòa). Uê-đơ đã đề nghị thêm những từ "xã hội và dân chủ". (26 phiếu tán thành, 50 phiếu phản đối.) *Các nghị quyết về việc thành lập các chi hội ở I-xtơ-En-đơ thuộc Luân Đôn.*

Ngày 4 tháng Tư. Chi hội ở Xan-Phran-xi-xcô. Chi hội ở Bết-nan-grin.

Ngày 11 tháng Tư. (Ăng-ve v.v.- vụ sa thải công nhân quấn xì gà.) (Các biện pháp do Hội đồng thi hành.)

Ngày 18 tháng Tư. (Lần đầu tiên hội đồng xem xét vụ Tô-lanh.)

Ngày 25 tháng Tư. Việc khai trừ Tô-Lanh. Được phê chuẩn[1*].

Ngày 2 tháng Năm. A-plơ-gác và Ốt-gie-rơ. (Ếch-ca-ri-út đề nghị trong trường hợp này không áp dụng đối với họ quy tắc liệt kê tên của tất cả các ủy viên trong Hội đồng ở bên dưới những lời kêu gọi. Mốt-tơ-xhết phản đối. I-ung được trao nhiệm vụ thương lượng về vấn đề này với A-plơ-gác, còn Ếch-ca-ri-út được trao nhiệm vụ thương lượng với Ốt-gie-rơ.)

Ngày 9 tháng Năm. Ếch-ca-ri-út từ chối chức tổng bí thư. (A-plơ-gác dành cho Hội đồng quyền giải quyết vấn đề ghi tên ông này ở bên dưới lời kêu gọi. Ốt-gie-rơ muốn sơ bộ tìm hiểu lời kêu gọi.)

Bức thư gửi từ Niu Di-lân.

Ngày 16 tháng Năm. Hây-đơ được bầu làm tổng bí thư.

Ngày 23 tháng Năm. Người Anh sẽ triệu tập cuộc mít-tinh để thôi thúc chính phủ Anh không hành động chống lại những người Pháp lưu vong. Người ta đã làm thế, và một loạt cuộc hội nghị đã được triệu tập về vấn đề này.

1* Xem tập này, tr. 774-775

Ngày 30 tháng Năm. Mác đọc lời kêu gọi "*Về cuộc Nội chiến*". (*Được chấp nhận*).

Ngày 6 tháng Sáu. Công Xã. Báo chí nước Anh. Mát-di-ni. (*Hiệp hội dân chủ quốc tế* toan tính đóng một vai trò).

(Ông *Ca-di-ô* xuất hiện trên sân khấu).

Ngày 13 tháng Sáu. (Ngày 12 tháng Sáu. Bài trả lời thông tri của *Pha-vrơ* được gửi đến tờ "Times"[1*].) *Đã ấn hành lời kêu gọi về cuộc Nội chiến*. (Ông *Bô-đri* nổi lên.)

Ngày 20 tháng Sáu. Cuộc ra đi của *Ốt-gie-rơ và Lơ-cráp*.

(Phiên họp đầy tai tiếng). (Vụ tai tiếng với *Hô-li-ốc*[2*].)

Tuyên bố phản đối những bản tuyên ngôn giả ở Pa-ri (*của Quốc tế*)[3*].

Ngày 27 tháng Sáu. Ủy ban giúp đỡ những người lưu vong được thành lập, ủy ban này họp vào các ngày thứ bảy. Tuyên bố về Ốt-gie-rơ, Lơ-cráp, Hô-li-ốc v.v.[4*]. Bức thư của Mác gửi cho báo "Daily News" đề cập đến lời kêu gọi.

Bản in lần thứ nhất ["Nội chiến ở Pháp"] đã bán hết.

Ngày 4 tháng Bảy. Việc *Mác-Đô-nen* trúng cử.

Bức thư của Ca-phi-ê-rô. Rô-bóc Rít được cử về tỉnh mang theo lời kêu gọi, với tư cách giảng viên nói về Công xã. Thiếu tá Vôn-phơ (Ti-ban-đi và những người khác), Mác và "Pall Mall".

1* *C.Mác và Ph.Ăng-ghen*. Tuyên bố của Tổng Hội đồng về thông tri của Giuy-lơ Pha-vrơ

2* *Ph.Ăng-ghen*. Tuyên bố của Tổng Hội đồng về bức thư của Hô-li-ốc

3* *Ph.Ăng-ghen*. Thư của Tổng Hội đồng gửi ban biên tập các báo "Spectator" và "Examiner"

4* *Ph.Ăng-ghen*. Tuyên bố của Tổng Hội đồng về vấn đề những bức thư của Hô-li-ốc và Lơ-cráp-tơ

Ngày 11 tháng Bảy. Vụ việc Át-xi-Bi-gô (luật sư Lem-li, có tham dự). Lời kêu gọi về Oa-sơ-bóc-nơ. Rát-xơn (Bru-xơ) đề nghị gửi đến các văn bản do Quốc tế ấn hành.

Ngày 18 tháng Bảy. Vấn đề Ri-sác (không được bầu vào thành phần Hội đồng). *Ê-li-ốt-tơ* (bị bác).

Héc-man được bầu làm bí thư phụ trách Bỉ.

Vấn đề tiền bạc dành cho những người lưu vong.

Ngày 25 tháng Bảy. Chi nhánh ở Niu Oóc-lê-ăng. (*"La Commune"* - cơ quan ngôn luận của họ.)

Giáo hoàng La Mã[1*] và Mát-di-ni chống lại *Quốc tế*[2*]. Rô-bin đưa ra vấn đề Thụy Sĩ. Bị hoãn đến hội nghị đại biểu.

Nghị quyết về hội nghị đại biểu không công khai (vào ngày 17 tháng Chín)[3*].

Ngày 1 tháng Tám. Tổng giám mục Ma-lin-xki, hiệp hội công nhân công giáo quốc tế. Chi hội ở Oa-sinh-tơn.

Đề nghị của Rô-sa về việc thành lập ủy ban nghiên cứu (bằng lực lượng lưu vong và gồm những người lưu vong) lịch sử Công xã (Côn).

Ngày 8 tháng Tám. Đoàn đại biểu của công nhân cơ khí Niu-cát-xơn và Luân Đôn nhân có vụ sa thải công nhân ở Niu-cát-xơn. Phái đoàn do Tổng Hội đồng cử đến Bỉ v.v.. Nhắc nhở tất cả các chi hội của Quốc tế chống lại việc nhập khẩu người *vào Niu-cát-xơn trên sông Tai-nơ.*

1* - Pi IX

2* Tường thuật lời phát biểu của Ph.Ăng-ghen về quan hệ của Mát-di-ni với Quốc tế

3* Bài ghi lời phát biểu của Ph.Ăng-ghen về việc triệu tập Hội nghị Luân Đôn năm 1871

Bức thư của *A-plơ-gác*. Từ nay về sau sẽ không để khách đến dự các phiên họp.

Ngày 15 tháng Tám. Các phân hội ở Li-vớc-pun và Láp-bô-rô tại Lê-xtơ-sia. Hội nghị đại biểu cần giới hạn ở các vấn đề về tổ chức và sách lược.

Ngày 22 tháng Tám. (Kế hoạch di cư các chiến sĩ Công xã sang Ca-na-đa.)

Ngày 29 tháng Tám. Đoàn đại biểu của hội những người lưu vong. Tình trạng lục đục.

Ngày 5 tháng Chín. Mác, Ăng-ghen, Hây-dơ, I-ung rút ra khỏi ủy ban trợ giúp những người lưu vong. Những đề nghị liên quan đến hội nghị đại biểu.

Do C. Mác và Ph. Ăng-ghen soạn thảo có lẽ vào tháng Chín 1871
Công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong cuốn sách: "Đại hội La Hay của Quốc tế I. 2-7 tháng Chín 1872. Các biên bản và văn kiện". M., 1970

In theo bản viết tay Nguyên văn là tiếng Anh

C. MÁC

NHỮNG LỜI PHÁT BIỂU TẠI PHIÊN HỌP CỦA ỦY BAN THƯỜNG TRỰC NGÀY 9 THÁNG CHÍN 1871, TRONG BIÊN BẢN DO PH. ĂNG-GHEN GHI

PHIÊN HỌP CỦA TIỂU BAN

Ngày 9 tháng Chín 1871, lúc 8 giờ tối

Chủ trì phiên họp là L ô n g - g h ê.

M á c đưa ra đề nghị Tổng Hội đồng không nên giải quyết vấn đề xét xem *Lan-de-cơ* có còn là thành viên của Quốc tế, hay không phải là thành viên của Quốc tế; cần chuyển vấn đề này cho các thành viên người Pháp của Quốc tế ở Luân Đôn giải quyết. Trong thời gian diễn ra vụ án Quốc tế ở Pa-ri, Lan-đe-cơ đã xử sự hèn hạ và đã hứa từ nay sẽ không còn liên quan gì với Quốc tế nữa. Song, những vấn đề như thế không thể do Hội đồng giải quyết được.

M ố t - t ơ - x h ế t ủng hộ đề nghị ấy.

Được nhất trí chấp nhận.

Về hội nghị đại biểu. M á c: Hội nghị đại biểu gồm các đại biểu từ *các nước*, chứ không phải đại diện cho các chi hội; gồm các đại biểu đến tụ hội để họp bàn *với* Hội đồng do những hoàn cảnh đặc biệt; do vậy hội nghị này rất khác với đại hội và có

những thẩm quyền hoàn toàn khác. Không được quên điều đó. Vấn đề đầu tiên phải là 1) vấn đề *tài chính*, vì những khoản đóng góp diễn ra không như mong muốn. Hội nghị đại biểu không có quyền thay đổi Điều lệ của Hội liên hiệp, nhưng hội nghị có quyền buộc người ta phải thực hiện Điều lệ ấy. Từ đó nảy sinh đề nghị số 1: Các chi hội có nghĩa vụ nộp khoản đóng góp trước khi các chi hội ấy được kết nạp [vào Hội liên hiệp].

I - u n g ủng hộ đề nghị này.

Được nhất trí chấp nhận.

M á c: 2) (Các nước, mà tại đó Quốc tế bị cấm, trình bày các kế hoạch của chính mình và được quyền mang những tên gọi khác, nhưng *không* có quyền tổ chức *các hội kín*).

É c h - c a - r i - ú t ủng hộ đề nghị này.

Được nhất trí chấp nhận.

M á c: 3) Ủy nhiệm cho một số ủy viên trong Hội đồng chuẩn bị báo cáo của Hội đồng về hai năm gần đây để trình lên hội nghị đại biểu.

Được chấp nhận như là lẽ đương nhiên.

I - u n g, với sự ủng hộ của É c h - c a - r i - ú t, đã đề nghị người soạn bản báo cáo là Mác.

M á c: 4) Xác nhận nghị quyết của Đại hội Ba-lơ về việc đổi tên các hội đồng trung ương thành *các hội đồng liên chi hội*, v.v. và v.v..

Xéc-rai-ơ ủng hộ đề nghị này.

Được nhất trí thông qua.

M á c: 5) Dự thảo lời phúc đáp chính phủ các nước phải được soạn thảo sau.

Ăng-ghen ủng hộ.

Được nhất trí thông qua.

[Mác]: 6) Các nước có tổ chức chính quy của Quốc tế phải định kỳ gửi báo cáo về những khoản đóng góp do các chi hội địa phương và các liên chi hội thu được.

Đích thân Mác rút bỏ đề nghị này.

Mác: 7) Tất cả các đại biểu của Tổng Hội đồng phải có quyền tham dự và phát biểu tại các phiên họp của các hội đồng liên chi hội và các chi hội địa phương.

Xéc-rai-ơ ủng hộ.

Được nhất trí thông qua.

Mác: 8) Tổng Hội đồng phải tái bản. Điều lệ với những ấn bản song ngữ chuẩn xác bằng tiếng Pháp và tiếng Đức, còn đối với tất cả những nước khác thì các bản dịch phải được Tổng Hội đồng phê duyệt trước khi công bố chúng.

Lung ủng hộ.

Được nhất trí chấp nhận.

Mốt-tơ-xhết: Đề nghị hội nghị đại biểu ủy quyền cho Tổng Hội đồng thực hiện điều V trong Điều lệ nói về việc tổng thống kê giai cấp công nhân và thực hiện nghị quyết tương ứng của Đại hội Giơ-ne-vơ. Muốn vậy cần thông qua nghị quyết rằng những hội công liên v.v. nào từ chối cung cấp các số liệu được yêu cầu, thì trong trường hợp nổ ra các cuộc bãi công họ sẽ không nhận được sự hậu thuẫn của Tổng Hội đồng.

Mác-Đô-nen ủng hộ.

Được nhất trí chấp nhận!

M á c: Đề nghị Tiểu ban họp vào lúc 8 giờ tối, thứ hai, tại căn hộ của Mác.

Được chấp nhận.

Do Ph. Ăng-ghen ghi lại
Công bố toàn văn lần đầu bằng tiếng Nga trong cuốn sách: "Tổng Hội đồng của Quốc tế I. 1870-1871". M., 1965

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Anh

C. MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

* NHỮNG LỜI PHÁT BIỂU TẠI PHIÊN HỌP CỦA ỦY BAN THƯỜNG TRỰC NGÀY 11 THÁNG CHÍN 1871, TRONG BIÊN BẢN DO PH.ĂNG-GHEN GHI

PHIÊN HỌP CỦA TIỂU BAN

Thứ hai, ngày 11 tháng Chín 1871, 1 giờ trưa, Mai-len-pác

Chủ trì phiên họp là X é c - r a i - ơ.

Ă n g - g h e n được bầu làm thư ký.

Đề nghị của Ă n g - g h e n, được Hây-dơ ủng hộ: Phê duyệt biên lai với số tiền 25 p. 11 si-linh 6 pen-ni, do Tơ-ru-lô-vơ trình lên, hoãn lại vấn đề chi phí về các bản thông báo và về 5 nghìn bản[1*].

Được nhất trí chấp nhận.

Đề nghị của Ă n g - g h e n được É c h - c a - r i - ú t ủng hộ: Trả cho ông Tơ-ru-lô-vơ 10 pao xtéc-linh, tính vào số tiền đã nêu, hoãn trả phần còn lại cho đến khi ông này trình báo cáo về các bản đã bán.

Đã được nhất trí thông qua.

Đề nghị của M á c được L ô n g - g h ê ủng hộ: Nhằm tránh

1* Có lẽ đây là tác phẩm "Nội chiến ở Pháp".

mọi sự hiểu lầm đề nghị Tổng Hội đồng , khi khai mạc hội nghị đại biểu, tuyên bố rằng hội nghị đại biểu ấy không phải là cái gì khác hơn là một hội nghị của các đại biểu đại diện cho các nước khác nhau được triệu tập đến để cùng với Tổng Hội đồng thảo luận và đưa ra quyết định về vấn đề các biện pháp tổ chức đã trở nên cần thiết do những tình huống đặc biệt.

H â y - d ơ, với sự ủng hộ của L ô n g - g h ê, đã đề nghị Tổng Hội đồng khuyến nghị thành lập hội đồng liên chi hội Anh.

Đề nghị này bị rút lại để ngày mai trình lên Tổng Hội đồng xem xét.

M á c, được sự ủng hộ của I - u n g, đã đưa ra đề nghị khuyến nghị thành lập các chi hội nữ công nhân.

Do Ph.Ăng-ghen ghi lại
Công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong cuốn sách: "Hội nghị đại biểu Luân Đôn của Quốc tế I". M., 1936

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Anh

PH. ĂNG-GHEN

VỀ NHỮNG THẮNG LỢI CỦA QUỐC TẾ TẠI I-TA-LI-A VÀ TÂY BAN NHA[563]

BẢN TỰ GHI CHÉP THÔNG BÁO TẠI PHIÊN HỌP CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG NGÀY 17 THÁNG MƯỜI 1871

Các tin tức từ I-ta-li-a mang đầy tính chất hứa hẹn, bởi vì sự phát triển của Hội liên hiệp tại nước này quả thật là đáng kinh ngạc. Ba tháng trước đây, Mát-di-ni đã khẳng định rằng ở I-ta-li-a chỉ có một thành phố mà ở đó, Quốc tế có nhiều người ủng hộ. Đến nay thì Quốc tế đã được hoàn toàn khẳng định trên toàn đất nước này, suốt từ đầu đến cuối đất nước. Trong ngành báo chí, Quốc tế được đại diện bởi một, nếu không phải là hai, tờ báo hằng ngày ở La Mã, một tờ báo hằng ngày ở Mi-la-nô, một tờ báo xuất bản một tuần hai lần ở Tu-rin, những tuần báo ở Ra-ven-na, Lô-đi, Pa-vi-a, Giếc-gien-ti và Ca-ta-ni-a, ấy là không kể một số tờ báo khác được xuất bản tại những thành phố ít quan trọng hơn. Những tờ báo ấy là đối tượng của những sự truy nã bất tận của chính phủ. Đã có sáu số liên tục của một trong số những tờ báo đó – báo "Proletario Italiano" ở Tu-rin – bị tịch thu, và mỗi số báo bị tịch thu lại gây ra ít nhất một vụ án chống lại báo đó. Tuy nhiên, những tờ báo ấy vẫn dũng cảm

tiếp tục cuộc đấu tranh của mình chống lại các cha cố, chống lại bọn tư bản và chống lại Mát-di-ni, là kẻ đã đả kích Quốc tế vì Quốc tế không mang tính chất tôn giáo. Chính phủ đã giải tán hai chi hội của Quốc tế ở Phlo-ren-xi-a và Na-plơ, nhưng điều đó chỉ dẫn đến chỗ những chi hội mới trên toàn quốc đã lập tức được lập ra. Ở Giếc-gien-ti, chi hội mới vừa mới ấn hành điều lệ của mình, trước đó có in bản dịch Điều lệ do Tổng Hội đồng công bố. Ở Ra-ven-na có sáu hội cộng hòa và hội công nhân được tổ chức ra với tư cách là những chi hội của Quốc tế, với một hội đồng chung.

Những bức thư của Ga-ri-ban-đi, trong đó ông bày tỏ sự gắn bó với Quốc tế, thì đã được in lại ở khắp nơi và được đem ra thảo luận, nhờ vậy những bức thư ấy rõ ràng đã giúp cho nhiều người dao động có thái độ tích cực đối với Quốc tế. Đối với công nhân I-ta-li-a, uy tín của Mát-di-ni đã hoàn toàn bị sụp đổ.

Ở Tây Ban Nha, Hội liên hiệp công nhân quốc tế đã phát triển cũng nhanh chóng như ở I-ta-li-a. Các công đoàn Tây Ban Nha - hầu hết do Quốc tế thành lập - tạo thành bộ phận chủ chốt trong tổ chức của Quốc tế. Ở mỗi địa phương, các công đoàn có hội đồng của mình, hội đồng này, trên những vấn đề liên quan đến toàn Hội liên hiệp, liên hệ trực tiếp với hội đồng liên chi hội Tây Ban Nha ở Ma-đrít. Đồng thời, các công đoàn thuộc cùng ngành sản xuất trong toàn quốc lại được đặt dưới sự lãnh đạo của một hội đồng trung ương, hội đồng này liên hệ với Hội đồng liên chi hội Tây Ban Nha về tất cả các vấn đề liên quan đến ngành đó.

Hiện nay, một tổ chức như thế đang được xây dựng trên toàn đất nước Tây Ban Nha - nó đã được quy định dứt khoát trong các nghị quyết của hội nghị đại biểu ở Va-len-xi-a từ ngày 10

đến ngày 18 tháng Chín 1871. Ở Tây Ban Nha khó có thể tìm ra một thành phố lớn nào mà lại không có "hội đồng công đoàn" địa phương của mình, và ở nhiều thành phố không lớn cũng đã hình thành một tổ chức như vậy. Đâu đâu người ta cũng lập ra những chi hội mới, và có hàng trăm người gia nhập hàng ngũ theo thể thức cá nhân. Đảng cộng hòa, mà mới đây còn đả kích Quốc tế như là đảng của bọn "phản trắc", thì nay đã phải cảm nhận một cách gay gắt sức mạnh của Quốc tế.

Ngay sự xuất hiện của Công xã Pa-ri cũng đã làm cho đảng cộng hòa phân liệt thành hai phe. Bộ phận tư sản thì đứng về phía phái Véc-xay, còn những phần tử trẻ hơn và những công nhân mang tư tưởng cộng hòa thì lại ủng hộ Công xã. Đương nhiên, cái nhóm nói sau cùng ấy hướng về Quốc tế và chẳng bao lâu nữa sẽ gia nhập hàng ngũ của Quốc tế, qua đó sẽ củng cố nó thông qua việc có nhiều phần tử mới và qúy báu gia nhập Quốc tế. Những tờ báo của phái cộng hòa có liên hệ với nhóm này đã bắt đầu tuyên truyền việc quốc hữu hóa ruộng đất và những nguyên tắc xã hội chủ nghĩa khác. Thuộc số những báo ấy có: "La Asociación" ở Lê-ông, "El Comunero" ở Ma-đrít, "La Justicia" ở Ma-la-ga, "El Trabajo" ở En - Phê-rôn và những tờ báo khác. Tại một cuộc mít-tinh lớn của phái cộng hòa được tiến hành ngày 15 tháng Mười ở Ma-đrít, người ta đã nhiệt tình hưởng ứng đề nghị về những hoạt động chung với Quốc tế.

Đã đăng trên báo "The Eastern Post" số 160, ngày 21 tháng Mười 1871

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

C. MÁC

NHỮNG NHẬN XÉT VỀ TÌNH CẢNH CỦA CÁC CHIẾN SĨ CÔNG XÃ LƯU VONG

460 (người nước ngoài) bị bắt trong thời gian diễn ra cuộc đàn áp Công xã. 5 tháng trên thuyền phao. Vụ án đã bị đình chỉ do thiếu cấu thành tội phạm.

Họ bị đưa lên bờ ở Niu-Hây-ven, trên tàu họ không được ăn uống. Khi được thả ra, họ hầu như chẳng còn quần áo, không có tiền bạc. Họ được người ta bảo hãy nhờ các viên lãnh sự nước mình để thoát ra khỏi tình trạng khó khăn.

Họ đã phải đi bộ một phần quãng đường từ Niu-Hây-ven đến Luân Đôn.

Do C. Mác viết vào đầu tháng Mười một 1871

Công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong cuốn sách: "Quốc tế I và Công xã Pa-ri. Các văn kiện và tài liệu". M., 1972

In theo bản viết tay

Nguyên văn là tiếng Pháp

PH. ĂNG-GHEN

VỀ TÌNH HÌNH Ở I-TA-LI-A

BẢN TỰ GHI CHÉP THÔNG BÁO TẠI PHIÊN HỌP CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG NGÀY 7 THÁNG MƯỜI MỘT 1871[564]

Những tin tức từ I-ta-li-a rất đáng quan tâm; đã nhận được những bức thư gửi đến từ một loạt thành phố I-ta-li-a, trong đó có những thư gửi từ Tu-rin, Mi-la-nô, Ra-ven-na và Giếc-gien-ti.

Những bức thư ấy đã hoàn toàn xác nhận thắng lợi to lớn của sự phát triển của Hội liên hiệp công nhân quốc tế tại I-ta-li-a.

Giai cấp công nhân, chí ít là ở các thành phố, đã nhanh chóng xa rời Mát-di-ni, những lời của ông ta đả kích Quốc tế đã không gây được tác động nào đối với quần chúng[565]. Hơn thế, những lời đả kích ấy đã có một kết quả tích cực: chúng đã thúc đẩy Ga-ri-ban-đi chẳng những kiên quyết ủng hộ Hội liên hiệp của chúng ta, mà nhân dịp này còn công khai đoạn tuyệt với Mát-di-ni. Trong một bức thư dài gửi ngài Pê-tơ-rô-ni – một luật gia thuộc vương quốc Xác-đi-ni, nhân vật này sau khi được bầu làm chủ tịch đại hội công nhân I-ta-li-a thì sinh sống ở Rô-ma – Ga-ri-ban-đi đã tỏ ý giận dữ vì phái Mát-di-ni đã cả gan nói về ông như là một lão già ngớ ngẩn chỉ luôn luôn làm cái việc mà những người

bao quanh ông, những kẻ tay sai và bọn xu nịnh, thuyết phục phải làm. Ông ấy hỏi, vậy ai là những kẻ tay sai đó? Phải chăng họ chưa từng là những chiến hữu thân cận nhất của ông, những người đã cùng với ông đến từ Nam Mỹ vào năm 1848, phải chăng họ không phải là những người mà ông đã tìm thấy ở Rô-ma vào năm 1849, những bạn chiến đấu của ông vào những năm 1859 và 1860, những người mà mới gần đây đã cùng ông chiến đấu chống quân Phổ? Và nếu đúng như vậy, thì ông khẳng định rằng đó là những con người mà tên tuổi của họ sẽ sống mãi trong ký ức của nước I-ta-li-a với lòng biết ơn. Hãy cứ để cho những người khác thử trở thành những tay sai và những kẻ xu nịnh như thế đi.

"Tôi nhắc lại, ông thậm chí cũng chẳng phải khác thường gì khi lôi ra ánh sáng "bọn tay sai và bọn xu nịnh" luôn luôn dắt mũi một đứa trẻ đầu bạc xuất thân ở Ni-xơ. Khi ông, Pê-tơ-rô-ni, bị đày ải 18 năm trong ngục tù của tòa án tôn giáo, thì chính các thành viên trong giáo phái của ông (phái Mát-di-ni) đã bị bọn bảo hoàng kết tội là thuộc hạ của tôi và những môn đệ của tôi. Ông hãy đọc tất cả những thứ rác rưởi bảo hoàng, đặc biệt là những cái đã được xuất bản sau năm 1860, thì ông sẽ tìm thấy ở đó rằng Ga-ri-ban-đi sẽ là người tốt nếu ông ấy không chịu ảnh hưởng - điều này thật bất hạnh - của Mát-di-ni và không có những phần tử thuộc phái Mát-di-ni bao quanh. Tất cả những luận điệu ấy đều là dối trá, và ông có thể hỏi những người gần gũi với tôi hoặc trực tiếp quen biết tôi, xem họ có biết người nào có thể kiên quyết bảo vệ ý kiến của mình như tôi, khi người ấy nhận thức được rằng mình đúng. Ông hãy hỏi chính Mát-di-ni xem có phải tôi đã dễ dàng để người ta thuyết phục mình, khi ông ta mưu toan hướng tôi vào một công việc vô vọng. Ông hãy hỏi Mát-di-ni xem có phải sự khởi đầu những bất đồng giữa chúng tôi đã xảy ra vào năm 1848, khi tôi nói với ông ta rằng: ông ta không đúng khi vin đủ mọi có để kìm giữ giới thanh niên Mi-la-nô, trong khi quân đội chúng tôi đang chiến đấu với kẻ thù ở phía Min-sô. Mà Mát-di-ni thì thuộc vào loại những kẻ không bao giờ tha thứ nếu ai đó hoài nghi tính chất không sai lầm của họ".

Tiếp đó, Ga-ri-ban-đi tuyên bố rằng vào năm 1860, Mát-di-ni đã làm mọi việc mà ông ta có thể làm để phá hoại và bẻ gãy kế hoạch thực hiện cuộc viễn chinh của viên tướng này nhằm vào Xi-xin, là cuộc viễn chinh đã đưa đến việc thống nhất nước I-ta-li-a. Sau đó, khi được biết về những thắng lợi của Ga-ri-ban-đi thì Mát-di-ni đã kiên quyết đòi Ga-ri-ban-đi phải tuyên bố thành lập chính thể cộng hòa ở I-ta-li-a, là điều mà trong những điều kiện thời ấy thật là phi lý và ngu ngốc, và sau cùng, ông ta[1*] quở trách "nhân vật lưu vong vĩ đại ấy – mà như mọi người đều biết, đang có mặt ở I-ta-li-a" – rằng nhân vật ấy đã bôi nhọ một cách hèn mạt những con người duy nhất đã ngã xuống ở Pa-ri, mà vào cái thời kỳ ngự trị của ách bạo chúa, của thối vu khống, của lòng hèn nhát và thoái hóa, họ đã dám giương cao, ngay cả khi hấp hối, ngọn cờ nhân quyền và chính nghĩa thiêng liêng.

Ông viết tiếp:

"Ông nguyền rủa Pa-ri, bởi vì Pa-ri đã phá sập cột Văng-đôm và tòa nhà của Chi-e. Vậy ông có nhìn thấy cảnh đốt cháy hàng loạt ngôi làng, chỉ vì những chiến sĩ tình nguyện hoặc các xạ thủ tình nguyện ẩn nấp trong những ngôi làng ấy hay không? Và cảnh đó diễn ra không chỉ ở Pháp, mà cả ở Lôm-bác-đi, ở Vơ-ni-đơ. Còn về những cung điện ở Pa-ri bị tẩm dầu lửa và đốt cháy thì ông hãy hỏi các cha cố là những người, nhờ hiểu biết gần gũi với ngọn lửa địa ngục được họ rao giảng ấy, có thể là những vị quan tòa anh minh phán xét xem có sự khác nhau như thế nào giữa ngọn lửa dầu hỏa với ngọn lửa mà quân Áo đã dùng để đốt trụi những ngôi làng ở xứ Lôm-bác-đi và Vơ-ni-đơ, khi những xứ này còn nằm dưới ách của những kẻ đã bắn chết U-gô Ba-xi, Tri-tre-ru-ác-cô và hai con trai của nhân vật ấy, cùng hàng nghìn người I-ta-li-a khác, những người đã tự cho phép mình phạm phải hành động phạm thượng đại bất kính là đòi tự do cho La Mã, tự do cho I-ta-li-a.

Tôi hy vọng rằng đến khi ánh sáng thanh thiên xua tan bóng tối bao phủ Pa-ri, thì ông, hỡi ông bạn của tôi, sẽ có thái độ khoan dung hơn đối với những hành động

1*- Ga-ri-ban-đi

bắt nguồn từ tình cảnh tuyệt vọng của dân chúng đã sống dưới sự cai quản tồi tệ - cũng giống như điều thường xảy ra với dân chúng đã để cho người ta lôi kéo mình bằng những lời sáo rỗng của những kẻ khống luận - nhưng, dân chúng ấy, về cơ bản, đã dũng cảm đấu tranh cho các quyền của mình. Những kẻ nói xấu vu khống Pa-ri thì có thể nói gì tùy ý: họ sẽ chẳng bao giờ chứng minh được rằng những tên vô lại ấy và những tên ngoại bang ấy - như họ gọi chúng tôi vào năm 1849 ở La Mã - đã có thể, trong suốt ba tháng, chống chọi lại đạo quân lớn, và đã rút lui chỉ vì đó là đạo quân mạnh nhất của nước Phổ.

Còn Quốc tế? Tại sao lại cần nói xấu Hội liên hiệp công nhân quốc tế, một khi hầu như không biết gì về nó? Hội liên hiệp ấy có phải là kết quả của tình trạng xã hội không bình thường trên toàn thế giới hay không? Xã hội mà đa số trong đó lao động để sống lay lắt, còn thiểu số, tuy không lao động, nhưng dùng thủ đoạn lừa bịp và vũ lực để chiếm hữu phần lớn sản phẩm lao động của đa số, - phải chăng một xã hội như vậy không tất yếu gây nên trong quần chúng đau khổ một sự bất bình và lòng khao khát trả thù?

Với Quốc tế, tôi không muốn sẽ xảy ra cái điều như đã xảy ra với dân chúng Pa-ri không muốn nó lại để cho mình bị lừa bịp bởi những phần tử khống luận sẽ đẩy nó đến chủ nghĩa cuồng tín, và cuối cùng, đi đến chỗ sẽ bị đem ra làm trò cười; trước khi tin cậy thì cần phải nghiên cứu thấu đáo tính cách của những người sẽ dẫn dắt đi theo con đường sáng sủa hơn về tinh thần và vật chất".

Ông lại nói đến Mát-di-ni:

"Mát-di-ni và tôi, cả hai đều đã già rồi, và không thể có chuyện hòa giải giữa chúng tôi được. Những con người không mắc lỗi lầm thì thà chết chứ không chịu nhượng bộ. Hòa giải với Mát-di-ni ư? Để làm việc này, chỉ có một cách là phục tùng ông ta, mà điều này tôi không cảm thấy có khả năng làm được".

Và cuối cùng, dựa vào quá khứ của mình, người lính già ấy chứng minh rằng ông đã luôn luôn là một người quốc tế chủ nghĩa thực thụ, rằng ông đã luôn luôn chiến đấu và chiến đấu ở mọi nơi cho tự do: thoạt đầu ở Nam Mỹ, sau đó đề nghị được giúp Giáo hoàng La Mã[1*] (đúng, thậm chí giúp Giáo hoàng ở La Mã,

1* - Pi IX

khi nhân vật ấy sắm vai một người theo chủ nghĩa tự do), sau đó ở dưới thời Vích-to-Ê-ma-nu-in, và sau cùng là ở Pháp, dưới thời Tơ-rô-suy và Giuy-lơ Pha-vrơ. Và ông kết thúc:

"Tôi và giới thanh niên I-ta-li-a sẵn sàng phục vụ Tổ quốc, kề vai sát cánh với các ông, những người thuộc phái Mát-di-ni, nếu điều đó là cần thiết".

Đấy là bức thư cuối cùng của Ga-ri-ban-đi kết thúc loạt thư, trong đó ông thể hiện một cách rõ ràng những thiện cảm với Quốc tế, nhưng lại không công khai nói về Mát-di-ni; bức thư này đã có một ảnh hưởng to lớn ở I-ta-li-a và sẽ góp phần vào việc thu hút những lớp người mới đứng dưới lá cờ của chúng ta.

Cũng đã thông báo rằng bài tường thuật đầy đủ về đại hội công nhân ở La Mã[566] sẽ được trình bày tại phiên họp tới đây của Hội đồng[1*].

Đã đăng trên báo "The Eastern Post" số 163, ngày 11 tháng Mười một 1871

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh

1* Xem bài tiếp theo.

PH.ĂNG-GHEN

ĐẠI HỘI CÔNG NHÂN Ở RÔ-MA.- CÁC DIỄN VĂN CỦA BÊ-BEN TẠI QUỐC HỘI ĐỨC

BẢN TỰ GHI CHÉP THÔNG BÁO TẠI PHIÊN HỌP CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG NGÀY 14 THÁNG MƯỜI MỘT 1871

Lại nhận được nhiều tin tức từ I-ta-li-a. Qua các tin tức ấy ta thấy rằng cái gọi là đại hội công nhân ở Rô-ma[566] chỉ là mánh khóe của Mát-di-ni nhằm đánh lừa công luận về bước phát triển hết sức nhanh chóng của Quốc tế ở I-ta-li-a. Mùa hè năm ngoái, tại nhiều thành phố lớn ở I-ta-li-a- các thủ lĩnh địa phương của đảng Mát-di-ni - một đảng được tổ chức tốt - lần đầu tiên và rất bất ngờ đụng phải sự thật là họ đã bị mất ảnh hưởng tuyệt đối mà trước đây họ đã có đối với giai cấp công nhân. Bản năng lành mạnh của công nhân I-ta-li-a đã giúp họ hiểu rằng vào thời gian tồn tại Công xã công nhân Pa-ri, tuy bị những lời nguyền rủa tế tát của tất cả các giai cấp cầm quyền ở châu Âu, nhưng thật ra họ đã đấu tranh cho sự nghiệp của toàn thể giai cấp vô sản, và rằng, khi Mát-di-ni kêu gọi những người theo mình hùa theo những sự nguyền rủa chung của toàn thể giai cấp tư sản

nhằm vào dân chúng Pa-ri, thì bản thân Mát-di-ni đã phá đổ nền tảng ảnh hưởng trước đây không thể bác bỏ được của ông ta đối với công nhân I-ta-li-a. Công nhân ở các thành phố I-ta-li-a hồi ấy đã bắt đầu hiểu rằng những lợi ích giai cấp của họ vượt ra ngoài khuôn khổ nền cộng hòa của Mát-di-ni; rằng những lợi ích ấy là giống nhau đối với tất cả công nhân trong thế giới văn minh, và rằng có một tổ chức to lớn nhằm bảo vệ những lợi ích chung ấy - đó là Quốc tế.

Hơn nữa, từ ít lâu nay họ đã chán ngấy những lời rao giảng tôn giáo của Mát-di-ni, hoàn toàn không thích hợp ở một nước bị đặt dưới quyền lực của giới tăng lữ hơn bất kỳ nước nào khác ở châu Âu; họ cũng chán ngấy những sự nhắc nhở bất tận của ông ta, rằng mục đích cuộc sống của họ là thực hiện các bổn phận, trong khi đó Mát-di-ni lại chẳng bao giờ nói đến các quyền của họ. Mát-di-ni đã tính toán rằng tốt nhất nên chặn đứng phong trào đối lập này từ trong trứng nước. Trong suốt 20 năm gần đây, ông ta đã thực tế lãnh đạo các hội tương tế của công nhân, các hội kín, các hội huynh đệ sơn lâm (Foresters) và các hội đạo sĩ của I-ta-li-a, là những tổ chức trong đó chính trị bị chính thức cấm và thậm chí những nhiệm vụ sơ đẳng nhất của các công hội bình thường cũng đã hoàn toàn bị xem thường. Theo thông lệ, các chủ tịch, thư ký và các ủy viên trong hội đồng của các hội ấy đều là những phần tử theo Mát-di-ni, và nhờ sự giúp đỡ của họ người ta đã có thể tổ chức được một số hoạt động nhằm bảo vệ chủ nghĩa Mát-di-ni đang rơi vào suy đồi. Trước năm 1864, những hội này đã tổ chức các đại hội hàng năm; đại hội cuối cùng họp ở Na-plơ vào năm kể trên đã thông qua thoả ước về tình hữu ái, thỏa ước này đề ra một thứ điều lệ có ban chấp hành trung ương để điều hành các công việc chung v.v.. Nhưng kể từ

đó họ không còn triệu tập các đại hội nữa. Nhờ các hội vùng Li-gu-ri ấy mà Mát-di-ni đã triệu tập được đại hội mới, họp vào ngày 1 tháng Mười một ở Rô-ma. Đại hội này đã được tổ chức ra sao, điều đó có thể thấy được qua các sự kiện xảy ra trong hội công nhân ở Rô-ma. Ở đấy hội đồng đã có thái độ chống lại Mát-di-ni, vì trong lời mời những người ở xứ Li-gu-ri lại đặt vấn đề triệu tập đại hội để thảo luận các vấn đề chính trị, cho nên hội đồng đã từ chối cử đại biểu, viện cớ là việc thảo luận những vấn đề như vậy là trái với điều lệ. Trên thực tế, ở nơi nào các hội đồng của các hội công nhân gồm các ủy viên không thuộc phái Mát-di-ni thì họ đã không cử đại biểu đi; chính các tờ báo có xu hướng Mát-di-ni đã tuyên bố như vậy; hiển nhiên là từ đó ta thấy rằng các đại biểu được cử đi đã được lựa chọn không phải bởi các thành viên các hội khác nhau, mà là bởi các hội đồng của những hội này. Trong những điều kiện như vậy, đa số các hội viên của Quốc tế ở I-ta-li-a không công nhận đại hội này có quyền đòi đại diện cho đại bộ phận công nhân I-ta-li-a. Chỉ một số ít trong họ đã tham dự các phiên họp của đại hội để có điều kiện theo dõi công việc của đại hội.

Đại hội khai mạc ngày 1 tháng Mười một. Mát-di-ni và Ga-ri-ban-đi được bầu làm chủ tịch danh dự, và việc này diễn ra chỉ một tuần lễ sau khi công bố bức thư của Ga-ri-ban-đi gửi Pê-tơ-rô-ni, trong đó Ga-ri-ban-đi đã dứt khoát đoạn tuyệt với Mát-di-ni! Sau đó lại có cuộc thảo luận thỏa ước về tình hữu ái do Đại hội Na-plơ thông qua. Nhân sự việc này, một đại biểu đã đề nghị một điểm sửa đổi là đưa vào đó lời tuyên bố rằng đại hội tỏ rõ sự tán thành của mình với những nguyên tắc của Giu-dép Mát-di-ni. Cuộc tranh luận kéo dài, nhưng cuối cùng thì tổ chức cũ của Mát-di-ni giành phần thắng. Đã có 34 phiếu tán thành, 19 phiếu chống, 6 đại biểu

không bỏ phiếu và 10 đại biểu vắng mặt. Với đa số 15 phiếu so với số phiếu biểu quyết, nhưng với thiểu số 1 phiếu so với tổng số đại biểu đại hội, các hội viên các hội kín I-ta-li-a (Oddfellows) và hội viên các hội đạo sĩ đã trói buộc bản thân mình trong một năm bởi tất cả những gì Mát-di-ni có thể nói hoặc có thể làm. Sẽ là thừa nếu nói rằng ba đại diện các chi hội của Quốc tế đã lập tức rời phòng họp để tỏ ý phản đối. Chúng tôi có thể nói thêm rằng tại phiên họp trù bị đầu tiên của đại hội đã có quyết định bí mật rằng sẽ không thảo luận vấn đề về Quốc tế cũng như bất cứ vấn đề tôn giáo nào. Thủ tục nghị trình đã chỉ có thể thay đổi có lợi cho Mát-di-ni!

Việc biểu quyết những vấn đề khác tại đại hội chỉ gây sự quan tâm của phái Mát-di-ni. Đây là những mưu toan định duy trì ảnh hưởng phai nhạt của Mát-di-ni, là những mưu toan hết sức vô tác dụng trước ảnh hưởng lớn mạnh của Quốc tế hiện nay trong giới công nhân I-ta-li-a. Báo chí cấp tiến I-ta-li-a ở Rô-ma, đặc biệt là tờ "La Capitale" và "Il Tribuno" đã lên án gay gắt đại hội này vì sự tin tưởng vô điều kiện của nó vào Mát-di-ni. Báo "Il Tribuno" viết:

"Cuộc biểu quyết này đã đưa ra bản án cuối cùng cho sự liên minh giữa Mát-di-ni và Ga-ri-ban-đi, giữa những giáo điều thần học của vị giáo chủ và sự khẳng định trung thực các quyền của công nhân".

Hướng về phía Ga-ri-ban-đi, người ta như muốn nói: ngài không đúng khi phủ nhận những nguyên tắc của Mát-di-ni, đó là những nguyên tắc của giai cấp công nhân I-ta-li-a; họ muốn nói với các chiến sĩ thất bại của Công xã rằng bọn địa chủ bảo hoàng ở Véc-xây đã có lý khi chúng đem xử bắn họ; người ta muốn nói với Quốc tế rằng chính phủ các nước tỏ ra có lý khi họ cố gắng thủ tiêu Quốc tế, và rằng nước I-ta-li-a sẽ trở thành con đập

ngăn những dòng thác trút xuống những đặc quyền và những sự độc quyền.

Sẽ tốt hơn nếu công nhân I-ta-li-a tập hợp lại tại đại hội, thảo luận kỹ lưỡng và phân tích thật rõ mọi đề nghị, thế nhưng thay vì làm như vậy thì những ý kiến phản đối đã nảy sinh ngay từ trước khi đặt chính các vấn đề ra. Ait philosophus[1*]: lời của người thầy mà được lĩnh hội như là kinh phúc âm thì chỉ đem lại tai hại cho cái đảng buộc phải sử dụng những thủ đoạn như vậy để thoát khỏi sự tuyên truyền mà nó không thể đối phó lại bằng cách khác.

Vẫn tờ báo ấy đã cho đăng một bài đáng chú ý về công nhân nông nghiệp và tiểu nông I-ta-li-a, họ đòi hỏi rằng những đại điền trang mà giờ đây không được canh tác và trở thành đầm lầy, phải được tuyên bố là tài sản của nhân dân lao động, nếu như trong một thời hạn nhất định những đại điền trang ấy không được khai thác và canh tác.

Trong nghị viện Đức, người bạn của chúng tôi là Bê-ben đã phát biểu hai lần[567]. Trong diễn văn đầu ông phê phán sự gia tăng những khoản chi phí chiến tranh.

"Về cơ bản, - ông nói - toàn bộ đội quân to lớn ấy cần có để chống giai cấp công nhân ở trong nước. Nhưng hỡi các ngài tư sản, bằng việc nhanh chóng phát triển các nhà máy và công xưởng của mình, chính các ngài tạo ra sự gia tăng hết sức nhanh số lượng công nhân, đến nỗi các ngài sẽ không khi nào có thể gia tăng quân đội với cùng quy mô như thế".

Trong diễn văn thứ hai liên quan đến đề nghị của phái tự do muốn tất cả các quốc gia Đức nhất thiết phải có những thiết chế đại diện, Bê-ben tuyên bố rằng tất cả các hiến pháp của các quốc gia Đức, lớn hoặc nhỏ, đều không xứng đáng với những trang giấy

1*- Nhà triết học đã nói

viết ra chúng. Quyền hành pháp Phổ đang ngự trị và muốn làm gì thì làm trên toàn nước Đức; ông ấy, Bê-ben, muốn tất cả các quốc gia nhỏ từng được coi một cách vô căn cứ là những nơi ẩn náu cuối cùng của tự do, phải bị nước Phổ thâu tóm để đặt nhân dân trực tiếp, mặt đối mặt, với kẻ thù đích thực - chính phủ Phổ. Khi Bê-ben tuyên bố rằng ông không loại trừ bản hiến pháp của đế chế Đức ra khỏi sự lên án chung ấy thì hạ nghị viện đã làm theo ông chủ tịch là cắt ngang nửa chừng bài diễn văn của ông.

Tự do thảo luận, như bọn qúy tộc, bọn quan liêu, bọn tư bản và các luật gia trong nghị viện Đức lý giải nó, là như thế đó. Đại biểu công nhân duy nhất giữa bọn người ấy là một địch thủ rất đáng gờm đối với tất cả những đại biểu khác, khiến cho bọn người ấy phải bịt miệng ông bằng vũ lực.

Đã đăng trên báo "The Eastern Post" số 164, ngày 19 tháng Mười một 1871

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

C. MÁC

TUYÊN BỐ[568]

Tôi, Các Mác, trú tại địa chỉ: 1, Mây-tơ-len-đơ-pác-cơ-rôt, Ha-vớc-xtốc-hin, tỉnh Mít-đôn-xếch, bí thư phụ trách nước Đức trong Tổng Hội đồng của Hội liên hiệp công nhân quốc tế, xin long trọng và chân thành tuyên bố như sau:

1. Đảng công nhân dân chủ - xã hội Đức – mà vào đầu tháng Chín năm một nghìn tám trăm bảy mươi, ban chấp hành của Đảng này còn có trụ sở ở Brao-svai-gơ[569] – chưa bao giờ đề nghị kết nạp nó vào Hội liên hiệp công nhân quốc tế, với tư cách là bộ phận cấu thành hoặc một chi hội của nó.

2. Vì lý do ấy nên chưa bao giờ có sự kết nạp ấy.

3. Có nhiều đảng viên của Đảng dân chủ - xã hội Đức nói trên đã nộp đơn và được kết nạp với tư cách là những hội viên cá thể của Hội liên hiệp công nhân quốc tế.

4. Tuyên bố này được đưa ra theo đề nghị của Vin-hem Brắc-cơ, một thương gia ở Brao-svai-gơ, cá nhân ông này là hội viên của Hội liên hiệp công nhân quốc tế.

Tôi đưa ra tuyên bố long trọng này, vì thành tâm cho rằng tuyên bố này phù hợp với thực tế, phù hợp với những điều khoản trong Đạo luật được soạn thảo và được thông qua trong kỳ họp

của nghị viện năm trị vì thứ năm và thứ sáu của đức vua, cố hoàng đế Uy-li-am IV, với tên gọi: Đạo luật bãi bỏ Đạo luật của kỳ họp hiện nay, có tên gọi là Đạo luật nhằm xóa bỏ có hiệu quả hơn nữa những lời tuyên thệ được chấp nhận và được thực hiện trong các cơ quan nhà nước, và nhằm thay thế chúng bằng những lời tuyên bố, và nhằm xóa bỏ một cách đầy đủ hơn nữa những lời tuyên thệ và những tuyên bố tự nguyện và ở ngoài tòa án có tuyên thệ, và nhằm thi hành những biện pháp khác để loại bỏ thủ tục tuyên thệ không cần thiết.

Bản tuyên bố này được ký và ghi nhận tại Men-sen-dơ-hau-dơ, trong khu Xi-ti Luân Đôn, vào ngày hôm nay, 17 tháng Mười một 1871.

Các Mác

Với sự hiện diện của: Xin-xơ Giôn Ghíp-bơn, huân tước thị trưởng

Công bố trong cuốn sách "Der Proceß gegen den Ausschußder Social demokratischen Arbeiterpartei". Braunschweig, 1871

In theo bản in trong sách Nguyên văn là tiếng Anh In bằng tiếng Nga lần đầu

PH. ĂNG-GHEN

VỀ LẬP TRƯỜNG CỦA CÁC HỘI VIÊN ĐAN MẠCH CỦA QUỐC TẾ TRONG VẤN ĐỀ RUỘNG ĐẤT[570]

BẢN TỰ GHI CHÉP THÔNG BÁO TẠI PHIÊN HỌP CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG NGÀY 5 THÁNG CHẠP 1871

Từ Đan Mạch người ta đã nhận được bản báo cáo chủ yếu đề cập đến tình cảnh công nhân nông nghiệp và công tác cổ động đang được tiến hành trong hàng ngũ họ. Ở Đan Mạch, có hai chính đảng chính thức: đảng "Khống luận", đại diện cho giai cấp tư sản, và Đảng "Những người bạn của nông dân", như nó tự gọi mình như vậy; đảng này đại diện cho giới điền chủ, bao gồm giới qúy tộc và các nông dân đại sở hữu. Họ cũng có tham vọng đại diện cho công nhân nông nghiệp, nhưng trên thực tế chẳng bao giờ làm gì cho họ cả. Vì ở Đan Mạch giới qúy tộc tương đối ít có ảnh hưởng, cho nên các tá điền lớn tạo thành cơ sở của đảng "Những người bạn của nông dân". Cho đến nay các tiểu chủ và công nhân nông nghiệp chịu sự lãnh đạo của họ; tuy một số đại diện của họ đã được bầu vào nghị viện, nhưng họ hành động dưới ảnh hưởng của các tá điền lớn và bị các tá điền ấy sử dụng chỉ như một công cụ.

Quốc tế đề ra cho mình nhiệm vụ giải phóng các tiểu nông và công nhân nông nghiệp khỏi sự khống chế của những kẻ làm giàu bằng lao động của họ, và Quốc tế ra sức đoàn kết họ lại thành một đảng độc lập, khác với cái gọi là đảng "Những người bạn của nông dân", và liên minh chặt chẽ với công nhân thành thị. Đảng mới này của công nhân nông nghiệp đặt nghị quyết của Đại hội Ba-lơ về *quốc hữu hóa ruộng đất* làm cơ sở cho hoạt động của mình.

"Có một chân lý ngày càng hiển nhiên – cơ quan ngôn luận của chúng tôi ở Cô-pen-ha-ghen, báo "Socialisten", nói – đó là ruộng đất là tài sản chung của nhân dân, nhân dân phải cùng nhau canh tác ruộng đất, hưởng thụ tất cả các phúc lợi do ruộng đất đem lại, trao những sản phẩm thặng dư (trả địa tô) cho nhà nước để dùng vào những mục đích chung".

Nhưng vì ở Đan Mạch ruộng đất chủ yếu nằm trong tay một số lớn nông dân hữu sản có từ 50 đến 100 a-crơ ruộng tốt, cho nên không thể lập tức tiến hành tước đoạt tầng lớp đông đảo như thế được. Vì vậy người ta đề xuất một kế hoạch sẽ đem lại nhiều ưu tiên cho những chủ sở hữu, cũng như cho những người lao động, cụ thể là: thành lập ra các hội hợp tác nông nghiệp bao gồm các chủ sở hữu và công nhân nông nghiệp, để cùng nhau canh tác ruộng đất mà hiện giờ được họ canh tác riêng rẽ. Như vậy, những nông hộ nhỏ và vừa phải được thay thế bằng những đơn vị kinh tế có 500 a-crơ ruộng đất và nhiều hơn thế, điều đó sẽ cho phép họ sử dụng các công cụ nông nghiệp, sử dụng sức hơi nước và những cải tiến hiện đại khác không thể đem lại ích lợi chừng nào nông nghiệp còn được tiến hành trên quy mô nhỏ. Nhà nước phải cung cấp số tư bản cần thiết có thể chấp bằng

ruộng đất thuộc sở hữu của mỗi hiệp hội. Những đề nghị này đương nhiên là sơ đẳng, xét về tính chất của chúng, nhưng tạm thời chúng thích hợp đối với dân cư nông nghiệp với trình độ dân trí hiện nay của họ; về sau công tác tuyên truyền tích cực về *quốc hữu hóa ruộng đất như là mục đích cuối cùng của phong trào* sẽ tác động hữu hiệu, góp phần vào việc phá vỡ sự khống chế chính trị mà các đại điền chủ, với sự giúp sức của các linh mục, các hương sư và quan lại chính phủ, cho đến nay vẫn giam hãm công nhân nông nghiệp trong sự khống chế ấy.

Đã đăng trên báo "The Eastern Post" số 167, ngày 9 tháng Chạp 1871

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh

C. MÁC
SỰ PHÂN LIỆT Ở MỸ[571]

THÁNG NĂM 1872[1*]

Ngày 15 tháng Mười 1871, trên báo của bà *Vút-han* (bà chủ ngân hàng, người tuyên truyền sự yêu đương tự do và nói chung là mụ bịp bợm) và *Cla-phlin* (em gái của bà ta, cũng đại loại như vậy) đã công bố *tuyên ngôn của chi hội số 12* (do *Vút-han* lập ra và hầu như chỉ bao gồm toàn những bọn tư sản bịp bợm và bọn trộm cắp đã thối rữa ở Mỹ, là bọn đầu cơ những cuộc cải cách; *chi hội số 9* được cô Cla-phlin lập ra).

Tuyên ngôn của chi hội số 12 (gửi *các công dân nói tiếng Anh* của Hợp chúng quốc) (đề ngày 30 tháng Tám 1871, với chữ ký của *U.Oét-xtơ*, bí thư chi hội số 12).

Dưới đây là những đoạn trích bản tuyên ngôn ấy:

"Mục đích cuối cùng của Quốc tế là giải phóng nam nữ công nhân bằng con đường giành lấy chính quyền". "Thứ nhất, điều đó đòi hỏi phải có tiền đề là *sự bình đẳng chính trị* và *tự do về mặt xã hội* cho cả hai giới". "*Sự bình đẳng chính trị* có nghĩa là sự tham gia của cá nhân mỗi người vào việc chuẩn bị, thông qua và thi hành các đạo luật điều khiển tất cả mọi người". "*Tự do về mặt xã hội* có nghĩa là *hoàn toàn bảo*

1* Đầu đề này do chính tay Ăng-ghen viết trên một trang riêng. Những chữ in nghiêng trong các đoạn trích là do Mác nhấn mạnh.

đảm không bị sự can thiệp không đúng chỗ vào tất cả các vấn đề có tính chất thuần túy cá nhân, ví dụ như những tín điều tôn giáo, *quan hệ giữa nam nữ, các mốt thời trang* v.v.".

"Thứ hai, điều khoản này bao gồm *việc thành lập chính phủ chung cho toàn thế giới*... đương nhiên, *cương lĩnh* ấy *bao gồm* cả việc thủ tiêu... ngay cả *những khác biệt về ngôn ngữ*".

"Chi hội số 12" đề nghị tổ chức "các chi hội nói tiếng Anh" ở Hợp chúng quốc trên cơ sở cương lĩnh này.

Toàn bộ tổ chức ấy là nhằm săn lùng các chức vụ và thực hiện các mục đích bầu cử, điều đó thấy rõ qua đoạn sau đây:

"*Để tiện sử dụng trong hoạt động chính trị* thì, hễ nơi nào có điều kiện, nên lập ra các chi hội *ở từng khu vực bầu cử cơ sở*".

"Rốt cuộc ở *mỗi thành phố* phải lập ra *một ủy ban, hoặc hội đồng thành phố, tương xứng với các hội đồng thị chính; tại mỗi bang thì lập ra một ủy ban chấp hành, hoặc hội đồng bang, tương xứng với các cơ quan lập pháp của các bang, còn trên quy mô toàn quốc thì lập ra ban chấp hành, hoặc hội đồng toàn quốc tương xứng với Đại hội quốc dân của Hợp chúng quốc*".

"Nhiệm vụ của Quốc tế không phải là gì khác hơn là lập ra — *trong khuôn khổ những hình thức quản lý hiện hành — một hình thức mới* có sứ mạng thay thế tất cả những hình thức ấy".

Tuyên ngôn này, cũng như việc thành lập ra, trên cơ sở tuyên ngôn này, những chi hội bịp bợm tư sản đủ loại (những môn đồ của tình yêu tự do, những phần tử theo thuyết thông linh, những tín đồ sây-cơ làm thuật chiêu hồn v.v.), là cái cớ đi đến phân liệt, hơn nữa chi hội số 1 (chi hội Đức) của hội đồng cũ đã đòi khai trừ chi hội số 12 và không chấp nhận các chi hội nào mà thành phần không bao gồm ít nhất hai phần ba là công nhân.

Thoạt đầu có năm phần tử phân liệt đã lập ra, *vào ngày 19 tháng Mười một 1871*, hội đồng riêng rẽ gồm người Mỹ, người Pháp, người Đức.

Trên tờ báo "Woodhull...", ngày 18 tháng Mười một 1871, chi hội số 12 (Oét-xtơ làm bí thư) bày tỏ sự phản đối chi hội số 1 và ngoài ra còn tuyên bố ở đấy như thế này:

"Chân lý giản đơn là: việc bảo đảm quyền bình đẳng chính trị và quyền tự do xã hội như nhau cho mọi người - mọi chủng tộc, nam nữ và *mọi đẳng cấp* - là tiền đề nhất thiết phải có của những cải cách cấp tiến hơn nữa mà Quốc tế đòi hỏi phải tiến hành.

Việc áp dụng quyền bình đẳng công dân cho phụ nữ trên khắp thế giới ***phải đi trước*** *mọi sự thay đổi chung những quan hệ hiện hữu giữa tư bản và lao động*". "Chi hội số 12 cũng phải đứng lên phản đối luận đề sai lầm – được dùng làm cơ sở cho toàn bộ sự phản đối được xem xét ở đây (của chi hội số 1) – cho rằng tuồng như Hội liên hiệp công nhân quốc tế là *tổ chức của giai cấp công nhân...*"

Từ trước nữa, trên *báo "Woodhull...", ngày 21 tháng Mười 1871*, chi hội số 12 đã tuyên bố

"*mỗi chi hội đều có chủ quyền* thảo ra, thông qua và *thể hiện sự lý giải của chính mình về các nghị quyết của các đại hội, Điều lệ* và về *các quyết nghị*(!) của Tổng Hội đồng nêu trên, *vì mỗi chi hội phải tự mình chịu trách nhiệm về những hoạt động của chính mình*".

Báo "Woodhull...", ngày 25 tháng Mười một 1871. Lời phản đối của chi hội số 12 chống "*Lời kêu gọi của chi hội số 1*" (chính là lời kêu gọi mà anh đã chuyển cho các báo I-ta-li-a và các tờ báo khác để công bố).

"Thật là sai lầm khi nghĩ rằng "sự hiểu biết lẫn nhau hoặc sự đồng thuận" của công nhân hành động độc lập ở tất cả các nước, tự nó tạo thành cơ sở của Hội liên hiệp... Không thể phủ nhận lời khẳng định rằng sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân chỉ có thể do chính giai cấp ấy giành lấy, *song lời khẳng định ấy chỉ đúng chừng nào nó xác nhận sự thật là giai cấp công nhân không thể được giải phóng trái với ý nguyện của mình*".

Ngày 3 tháng Chạp 1871 hội đồng liên chi hội mới cho Bắc Mỹ (người Mỹ, người Đức, người Pháp) đã chính thức hình thành.

Ngày 4 tháng Chạp. Hội đồng cũ (Uốc-đơ-Hô-ten, 10) vạch trần bọn bịp bợm trong thông tri gửi tất cả các chi hội của Quốc tế tại Hợp chúng quốc. Tuy nhiên, trong đó có nói:

"Trong ban chấp hành (Ban chấp hành trung ương cũ) – lẽ ra nó phải là vật cản ngăn ngừa mọi hành động lợi dụng những cải cách – cuối cùng đã hình thành một đa số gồm những nhà cải cách và các nhà từ thiện hầu như đã bị quên lãng... Hậu quả là những kẻ truyền bá kinh thánh của tình yêu tự do lại ngồi, trong tình thống nhất huynh đệ, bên cạnh những người mong muốn đem lại hạnh phúc cho thế giới bằng một thứ ngôn ngữ vạn năng *duy nhất*: những nhà kinh doanh của tổ chức hiệp tác nông nghiệp, *những người theo thuyết chiêu hồn*, những người vô thần và những người theo thuyết hữu thần – người nào cũng gắng sức thắng yên cương con ngựa của mình. Đặc biệt, chi hội số 12 của Vút-han... Bước đầu tiên cần thực hiện ở đây để phong trào được thành công, – đó là tự tổ chức lại và đồng thời thôi thúc thành phần cách mạng hành động tích cực, thành phần này ra đời do có sự đối lập về lợi ích giữa nhà tư bản và công nhân...

Các đại biểu thuộc các chi hội số 1, 4, 5, 7, 8, 11, 16, 21, 23, 24, 25 và những chi hội khác nhận thức rõ tính chất vô hiệu của mọi toan tính, định chấm dứt tình trạng không có thể thống ấy, nên họ đã quyết nghị – sau khi Ban chấp hành trung ương cũ đã đình chỉ (ngày 3 tháng Chạp 1871) hoạt động của mình vô thời hạn - thành lập một ban chấp hành mới *gồm những công nhân đích thực*, không để lọt vào đó tất cả những kẻ chỉ biết làm rối tung vấn đề". *("New - Yorker Democrat", ngày 9 tháng Chạp 1871*)

Oét-xtơ được bầu làm đại biểu của hội đồng mới.

Cần lưu ý rằng hội đồng mới đã rất nhanh chóng được bổ sung thêm những đại biểu, phần lớn đại diện cho các chi hội mới do chi hội số 9 (Cla-phlin) và chi hội số 12 (Vút-han) lập ra, được tập hợp lại một cách qua quít, và hơn nữa, phần lớn các chi hội ấy lại có ít hội viên đến nỗi chật vật lắm mới hội tụ đủ hội viên để giữ những chức vụ cần thiết được bầu ra.

Trong khi ấy báo "Woodhull..." (Oét-xtơ và những người khác)

đã nói dối một cách trơ tráo khi khẳng định rằng báo này đã được đảm bảo có sự ủng hộ của Tổng Hội đồng.

Cả hai hội đồng đều viện vào Tổng Hội đồng. Những chi hội khác nhau, chẳng hạn, chi hội Pháp số 10 (Niu-Oóc) và tất cả các chi hội Ai-rơ-len đều đã triệu hồi các đại biểu của mình khỏi hai hội đồng để chờ quyết định của Tổng Hội đồng. Bài báo nói lên những sự khẳng định giả dối của báo "Woodhull..." là bài đăng trong số báo ra *ngày 2 tháng Chạp*, dưới đầu đề "*Chi hội số 12 đã có được sự hậu thuẫn - Quyết định của Tổng hội đồng*". (Đó là nghị quyết ngày 5 tháng Mười một 1871 của Tổng Hội đồng; nghị quyết này, trái lại, đã ủng hộ Ban chấp hành trung ương chống lại những đòi hỏi của chi hội số 12 muốn chiếm lấy vị trí của nó, *với tư cách là chi hội của người Mỹ.)*

Các nghị quyết ngày 5 và ngày 12 tháng Ba 1872 của Tổng Hội đồng.

Vận mệnh của Quốc tế tại Hợp chúng quốc đã phụ thuộc vào những nghị quyết ấy. (Tuy nhiên, cần phải nêu lên sự sùng bái cố tình mà báo "Woodhull..." thi thoảng đã bao trùm lên tôi.)

Ngay khi ở Niu-Oóc người ta nhận được các bản nghị quyết ấy thì đám người trong ban chấp hành đối nghịch lại tiếp tục chính sách cũ của mình. Trước kia họ thảo luận tình trạng phân liệt ban đầu trên các tờ báo tư sản bị tai tiếng nhất ở Niu-Oóc. Giờ đây họ đã bắt đầu làm vẩn chính điều đó đối với Tổng Hội đồng (họ miêu tả vấn đề như là cuộc đấu tranh giữa người Pháp và người Đức, giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản) giữa tiếng la ó mừng rỡ của tất cả các báo chí thù địch với công nhân.

Điều rất tiêu biểu là những lời bình luận về các nghị quyết của Tổng Hội đồng, đăng trên *báo "Woodhull..."* số ra *ngày 4 tháng Năm 1872*.

Ngay trước nữa, trên báo "Woodhull..." số ra ngày 16 tháng Chạp 1871 có viết:

"Về vấn đề tư cách hội viên thì không có đòi hỏi mới nào được đề ra cả, ngoài đòi hỏi là hai phần ba hoặc một bộ phận nào đó của chi hội phải gồm các nô lệ làm thuê, tựa hồ như thể trở thành người tự do là một tội lỗi".

(Đặc biệt trong khi hình thành ban chấp hành đối nghịch.)

Báo "Woodhull...", số ra ngày 4 tháng Năm 1872, viết:

"... Trong sắc lệnh này của Tổng Hội đồng, các tác giả của nó đã không ngần ngại khuyến nghị là trong tương lai đừng thu nạp bất cứ một chi hội *Mỹ* nào mà thành phần của nó không gồm chí ít hai phần ba là các nô lệ làm thuê. Phải chăng hội viên các chi hội cũng phải là các nô lệ chính trị nữa? Cái này phải tương ứng với cái kia...". "Sự xâm nhập vào Hội liên hiệp công nhân quốc tế của *bọn cải cách giả hiệu, bọn tư sản bịp bợm và bọn đầu cơ chính trị* cần đề phòng nhiều nhất chính là từ phía *cái giai cấp những công dân* không có phương tiện sinh sống nào khác, *ngoài tiền công lao động của người nô lệ làm thuê*".

Trong khi ấy, cuộc bầu cử tổng thống càng đến gần thì càng thấy rõ thực chất là ở chỗ nào: hóa ra, *Quốc tế* phải phục vụ việc bầu... *bà Vút-han*!

Tiện thể xin nói thêm, ngay trước nữa, trên *báo "Woodhull...", số ra ngày 2 tháng Ba 1872*, trong bài *ký tên là U.Oét-xtơ* chúng ta đọc thấy:

"Việc ấn hành, vào tháng Tám năm ngoái, bản tuyên ngôn của chi hội số 12 gửi các công dân Hợp chúng quốc nói tiếng Anh, *là bước mở đầu của kỷ nguyên mới trong lịch sử Quốc tế và đã dẫn đến việc Tổng Hội đồng thừa nhận sự bình đẳng chính trị và quyền tự do xã hội của nam, nữ*, cũng như thừa nhận tính chất *chính trị* về cơ bản của hoạt động *sắp tới* của chúng tôi".

Báo "Woodhull...", số ra ngày 2 tháng Ba 1872, dưới đầu đề "*Hội nghị thống nhất sắp tới*", viết như sau:

"Các đại diện của những phần tử cải cách khác nhau ở trong nước hiện đang thảo luận đề nghị tiến hành đại hội thống nhất tại đây vào tháng Năm năm nay, vào thời

gian diễn ra tuần lễ kỷ niệm... Thật vậy, nếu hội nghị tháng Năm ấy sẽ hành động một cách sáng suốt thì ai có thể nói được rằng *những tàn dư của Đảng dân chủ quá cố* [sẽ không đi theo hội nghị này... đó là những người... coi những nguyên tắc còn quan trọng hơn đảng cộng hòa hoặc đảng dân chủ][1*] sẽ rút ra khỏi những đảng ấy và sẽ tham gia vào hội nghị dự định được triệu tập. Ngay sau khi lời mời đến tham gia hội nghị được công bố, *tất cả các tổ chức cấp tiến* tại mọi miền Hợp chúng quốc sẽ phải lập tức thi hành những biện pháp để có đại diện tại hội nghị này".

(Tiện thể xin nói thêm, báo "Woodhull...", tôi không thể nhớ số ấy xuất bản ngày nào, đã an ủi *các chi hội theo thuyết thông linh* rằng đích thân quỷ dữ sẽ chăm lo đến Tổng Hội đồng.)

Báo "Woodhull...", số ra ngày 6 tháng Tư 1872, viết:

"Mỗi ngày trôi qua lại có thêm nhiều bằng chứng cho thấy rằng hội nghị mà các đại biểu của đủ loại những người ủng hộ những cải cách triệu tập... có sứ mạng trở thành cơn bột phát của dân chúng".

Hiệp hội toàn quốc đấu tranh cho quyền bầu cử của phụ nữ thông báo:

"Hội nghị này... *sẽ xem xét các ứng cử viên tranh các chức tổng thống và phó tổng thống Hợp chúng quốc*".

Cũng điều đó, dưới nhan đề:

"Vào tháng Năm 1872, tại nước Mỹ, sẽ thành lập Đảng nhân dân nhằm bảo đảm và bảo vệ các quyền con người".

Ở phía dưới lời kêu gọi, ở hàng đầu là chữ ký của: *Vích-tô-ri-a C.Vút-han*, sau đó – *Tê-ô-đo G.Ban-cơ-xơ, R.U.Hi-um* (cả hai nhân vật này là ủy viên trong hội đồng đối nghịch, còn Ban-cơ-xơ là một trong số những người thành lập hội đồng ấy). Trong lời kêu gọi ấy có nói: hội nghị sẽ xem xét "các ứng cử viên tranh các chức tổng thống và phó tổng thống Hợp chúng quốc". Đặc biệt mời

1* Đoạn bỏ trống trong bản viết tay. Những đoạn trong ngoặc vuông được tái hiện theo báo.

"những người ủng hộ các cải cách trong lĩnh vực vấn đề công nhân và vấn đề ruộng đất, những phần tử hòa bình chủ nghĩa, những tông đồ của trạng thái tinh táo, *các hội viên của Quốc tế* và *những người ủng hộ quyền bầu cử của phụ nữ*, bao gồm các hội khác nhau đấu tranh cho quyền bầu cử, cũng như *tất cả những ai* cho rằng đã đến lúc đưa các nguyên tắc công bằng vĩnh hằng và bình đẳng giữa người và người vào luật pháp của chúng ta".

Trên báo "Woodhull...", số ra ngày 13 tháng Tư 1872 càng thấy rõ những mánh khóe liên quan đến cuộc bầu cử tổng thống. Lần này, để có được sự đa dạng, người ta hướng đến

"*các hội viên của Quốc tế* và những người khác ủng hộ cuộc cải cách lao động, hướng đến những người bạn của hòa bình, của trạng thái tinh táo và học vấn, và hướng tới tất cả những ai cho rằng đã đến lúc đưa các nguyên tắc đạo đức chân chính *và tôn giáo* vào luật pháp, vào công tác tổ tụng và thương mại".

Lời kêu gọi mới *dưới nhan đề "Đảng nhân dân v.v."*. Trên hàng đầu vẫn cùng một chữ ký: *Vích-tô-ri-a C.Vút-han*, tiếp theo sau chữ ký ấy là những tên vô lại chủ yếu, thuộc hội đồng đối nghịch – *T.G. Ban-cơ-xơ, R.U.Hi-um, G.R.A-len, Uy-li-am Oét-xtơ, G.W. Ma-đốc* (về sau là chủ tọa hội nghị tại A-pô-lô-hôn), *Gi.T.Ê-li-ốt-tơ* (bí thư nước Anh của hội đồng mới), *T.Mi-lô* (đại biểu của chi hội Pháp số 2).

"*Woodhull... Weekly*" (đây không phải là báo ngày, mà là tuần báo), *ngày 20 tháng Tư 1872*. Vẫn cái trò bịp bợm ấy tiếp diễn.

Những bản danh sách cứ tăng lên, luôn luôn đứng đầu là V.C. Vút-han (trong các bản danh sách cũng có cả những nhân vật "rất khả kính"[1*]).

"*Woodhull... Weekly*", *ngày 27 tháng Tư 1872*. Vẫn tiếp tục trò quảng cáo ấy. (Người ta bắt đầu in danh sách đại biểu.)

"*Woodhull... Weekly*", *ngày 4 tháng Năm 1872*. Trò bịp bợm

1*- các nghị sĩ trong quốc hội Mỹ

tiếp tục. (Thường xuyên in lại vẫn những danh sách ấy và đã được mở rộng.)

"*Woodhull... Weekly*", *ngày 25 tháng Năm 1872*. Sau cùng (các ngày 9, 10, 11 tháng Năm vụ tai tiếng tại Ô-pô-lô-hôn). Vút-han là ứng cử viên chức tổng thống Hợp chúng quốc Mỹ, Ph. Đu-glát là ứng cử viên chức phó tổng thống *(Ma-dốc* thuộc hội đồng đối nghịch là chủ tọa hội nghị vào ngày đầu tiên). Trò cười cho toàn thành phố Niu-Oóc và Hợp chúng quốc Mỹ.

Những nhân vật chức sắc khác của hội đồng đối nghịch: *Giôn T.Ê-li-ốt-tơ*, phó chủ tịch, *G.R.A-len*, bí thư (và là ủy viên ủy ban soạn thảo các nghị quyết và các chương trình hành động). Trong ủy ban nói sau cùng ấy: *T.G.Ban-cơ-xơ* (là một trong số năm người lập ra hội đồng đối nghịch ngày 19 tháng Mười một 1871). Bà *Ma-ri-a Ha-lếch* trứ danh cũng có chân ở một trong những ủy ban đó. Trong *ủy ban dân tộc trung ương Niu-Oóc* phụ trách *Hợp chúng quốc* có các nhân vật *G.R.A-len, T.G.Ban-cơ-xơ* (bên cạnh đại tá Blát, hội viên chi hội số 12 và là phu quân của bà Vích-tô-ri-a), *A.B.Đê-vít*.

Sự sụp đổ của hội đồng đối nghịch.

Chi hội số 2 (chi hội Pháp) tước thẩm quyền đại biểu của *Lô-grăng* (từ trước đến nay đã từng là bí thư phụ trách nước Pháp trong hội đồng đối nghịch). Người ta phê phán những tay anh chị ấy

"đã lợi dụng tổ chức để phục vụ cho các mục đích chính trị và như là một thứ vật phụ thuộc của chi nhánh các môn đồ của tình yêu tự do, chi nhánh này thuộc thành phần đảng đấu tranh cho các quyền của phụ nữ... Ông *Mi-lô*" (ông này đưa ra nghị quyết về việc chi hội số 2 rút ra khỏi hội đồng đối nghịch, và đề nghị ấy đã được chấp nhận), "khi lập luận cho dự thảo nghị quyết này, đã tuyên bố rằng chỉ có ba chi hội - chi hội số 9 (Cla-phlin), chi hội số 12 (Vút-han) và chi hội số 35 có cử đại biểu

đến dự cái hội nghị được triệu tập từ khắp nơi lại tại A-pô-lô-hôn, rằng họ đã thực hiện mưu đồ lợi dụng mọi người vào các mục đích chính trị, và rằng đoàn đại biểu đã phát biểu tại hội nghị nói trên và hành động tuồng như thay mặt hội đồng liên chi hội, thật ra là đoàn đại biểu bất hợp pháp và tự phong".

(Song, hội đồng đối nghịch liên chi hội đã không bác bỏ tư cách đại diện của đoàn đại biểu đó.) ("The World", ngày 13 tháng Năm 1872)

Chi hội số 6 (chi hội Đức) triệu hồi đại biểu của mình Ê.Grô-xơ (nguyên là thư ký riêng của ngài Phôn Svai-xơ) về, và tuyên bố rằng ông ấy sẽ ra khỏi hội đồng đối nghịch nếu hội đồng này không thừa nhận tất cả mọi nghị quyết của Tổng Hội đồng.

"*Le Socialiste*" (Niu-Oóc), ngày 18 tháng Năm 1872.

Chi hội số 2 ở Niu-Oóc, trong phiên họp chủ nhật, ngày 12 tháng Năm, đã thông qua những nghị quyết sau đây:

"Xét thấy v.v. và v.v.

Rằng chi hội số 2 có đầy đủ cứ liệu về việc hội thợ kim hoàn từ chối gia nhập Quốc tế, trong khi ấy đại biểu của hội này vẫn tiếp tục đại diện cho hội này tại hội đồng liên chi hội;

Rằng chi hội số 2 có căn cứ để coi cả một số những đại biểu khác là đại biểu của *các chi hội ma* hoặc *chỉ có số hội viên không quá 6-8 người*.

Chi hội số 2 tuyên bố rằng cần phải tiến hành điều tra v.v.".

"Xét thấy rằng chi hội số 12 – *điều này đúng hay sai* – đã tạm thời bị khai trừ bởi Tổng Hội đồng hành động theo những thẩm quyền mà Đại hội Ba-lơ đã trao cho nó, chi hội số 2 phản đối việc lưu giữ trong hội đồng liên chi hội đại biểu của chi hội số 12 với tư cách là đại biểu có quyền biểu quyết.

Sau cùng, xét thấy rằng Quốc tế là *một hội liên hiệp của công nhân, có mục đích giải phóng công nhân bởi chính công nhân*, chi hội số 2 phản đối việc *kết nạp các chi hội mà thành phần phần lớn gồm những người không phải là công nhân*".

Nghị quyết khác của chi hội số 2.

"Chi hội số 2,

về nguyên tắc, thừa nhận quyền bầu cử của phụ nữ, *nhưng trước những sự bịa đặt của bà Vút-han* - bà ta, trong hội nghị tại A-pô-lô-hôn, *đã cho công chúng hiểu rằng Quốc tế ủng hộ các ứng cử viên được đề cử trong hội nghị này*,

tuyên bố rằng hiện nay Quốc tế không thể và không được để cho bất cứ chính đảng nào ở Mỹ dẫn dắt mình, bởi vì không một chính đảng nào trong số ấy đại biểu cho các nguyện vọng của công nhân, không một chính đảng nào trong số ấy thừa nhận việc giải phóng về mặt kinh tế cho công nhân là cương lĩnh và mục tiêu.

Chi hội số 2 cho rằng,

hiện nay, mục tiêu duy nhất của chúng tôi phải là tổ chức và đoàn kết giai cấp công nhân ở Mỹ".

Dưới đầu đề "*Các hội viên của Quốc tế, hãy đề phòng!*", cũng trong số báo "Socialiste" ấy, ngoài những đoạn khác ra còn có đoạn sau đây:

"Quốc tế không bị và không thể bị truy nã ở Mỹ; các tay hoạt đầu chính trị không những không tìm cách thủ tiêu nó, mà chỉ nghĩ đến việc lợi dụng nó làm đòn xeo và điểm tựa để đạt các mục đích cá nhân của mình. Nếu Quốc tế để cho người ta lôi kéo mình vào con đường ấy thì nó sẽ không còn là *Hội liên hiệp công nhân* nữa và sẽ trở thành vũ đài cho các tay hoạt đầu chính trị.

Tín hiệu báo động đã được phát ra từ lâu; nhưng hội nghị tại A-pô-lô-hôn *đã thay mặt Quốc tế* đưa bà Vút-han ra tranh cử chức tổng thống, hội nghị ấy giờ đây phải mở mắt cho cả những người ít sáng suốt hơn. Các hội viên của Quốc tế ở Mỹ, hãy đề phòng!"

"The World", ngày 20 tháng Năm 1872.

Phiên họp của hội nghị đối nghịch ngày 19 tháng Năm 1872. Ma-đốc (thuộc cái hội nghị ở A-pô-lô-hôn) *là chủ tịch. Có 8 đại biểu bỏ phòng họp (đại diện cho 8 chi hội) (những người Pháp và những người Đức).*

"*Herald*", *ngày 20 tháng Năm 1872* đã đăng bản tin cũng về phiên họp ấy, dưới đầu đề:

"*Những người Pháp bị lăng mạ và bỏ ra về với thái độ giận dữ... Vụ chửi bới qua*

lại thật khủng khiếp. Cả thảy có 1 500 hội viên tại Hợp chúng quốc. Vụ phân liệt trong hàng ngũ các hội viên ở Luân Đôn của Quốc tế. Thắng lợi của phe nhóm Vút-han".

Nghị quyết của Tổng Hội đồng thông qua ngày 28 tháng Năm 1872, theo đó thì – đáp lại những câu hỏi do chi hội Đức ở Xanh – Lu-i và do chi hội Pháp ở Tân Oóc-lê-ăng đặt ra – hội đồng cũ (*Hội đồng liên chi hội lâm thời dành cho Hợp chúng quốc*) *được công nhận là hội đồng duy nhất có thẩm quyền.*

Do C.Mác viết vào tháng Năm 1872
Công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong cuốn sách: "Tổng Hội đồng của Quốc tế I. 1871-1872". M., 1965

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Anh, tiếng Đức và tiếng Pháp

C. MÁC

*DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CHUNG VÀ QUY CHẾ TỔ CHỨC CỦA HỘI LIÊN HIỆP CÔNG NHÂN QUỐC TẾ, ĐÃ ĐƯỢC TỔNG HỘI ĐỒNG PHÊ CHUẨN MÙA HÈ NĂM 1872[572]

ĐIỀU LỆ CHUNG CỦA HỘI LIÊN HIỆP CÔNG NHÂN QUỐC TẾ

Xét thấy:

rằng công cuộc giải phóng giai cấp công nhân phải là sự nghiệp của chính giai cấp công nhân;

rằng đấu tranh nhằm giải phóng giai cấp công nhân có nghĩa là đấu tranh không phải giành lấy những đặc quyền và độc quyền giai cấp, mà vì các quyền và nghĩa vụ bình đẳng, và để thủ tiêu mọi sự thống trị giai cấp;

rằng sự phục tùng về mặt kinh tế của người lao động đối với kẻ độc quyền nắm các tư liệu lao động, tức là các nguồn sinh sống, là cơ sở của chế độ nô lệ dưới mọi hình thức của nó, của mọi tình trạng lầm than xã hội, tình trạng thấp hèn về trí tuệ và phụ thuộc về chính trị;

rằng việc giải phóng giai cấp công nhân về mặt kinh tế, do

đó, là mục tiêu vĩ đại mà mọi phong trào chính trị phải tuân theo với tính cách là phương tiện;

rằng tất cả mọi nỗ lực hướng tới mục tiêu ấy cho đến nay đều tỏ ra vô hiệu do tình trạng thiếu đoàn kết giữa công nhân các ngành lao động khác nhau ở mỗi nước và do thiếu sự liên minh anh em giữa giai cấp công nhân các nước;

rằng sự nghiệp giải phóng lao động không phải là vấn đề của địa phương và không phải là vấn đề của dân tộc, mà là vấn đề xã hội bao trùm mọi nước trong đó tồn tại xã hội hiện đại[573]; rằng việc giải quyết vấn đề này phụ thuộc vào sự hợp tác về mặt thực tiễn và lý luận của những nước tiên tiến nhất;

rằng cao trào mới hiện nay của giai cấp công nhân ở những nước công nghiệp phát triển nhất của châu Âu tạo ra những hy vọng mới; đồng thời cũng là lời cảnh cáo nghiêm túc báo trước phải đề phòng lặp lại những sai lầm trước kia và đòi hỏi phải lập tức thống nhất những phong trào hiện vẫn còn *tồn tại riêng rẽ*;

xét thấy những lý do nêu trên, nên đã lập ra *Hội liên hiệp công nhân quốc tế*.

Hội này tuyên bố:

rằng tất cả các hội và các cá nhân riêng lẻ gia nhập Hội liên hiệp công nhân quốc tế sẽ thừa nhận *chân lý, lẽ phải* và *đạo đức* là cơ sở trong những quan hệ của mình với nhau và đối với tất cả mọi người, không phân biệt màu da, tín ngưỡng hay thành phần dân tộc của họ.

Không có các quyền nào mà lại không kèm theo các nghĩa vụ, không có các nghĩa vụ nào mà lại không kèm theo các quyền.

Xuất phát từ tất cả những căn cứ ấy đã soạn thảo ra bản Điều lệ dưới đây:

Điều 1: Hội liên hiệp công nhân quốc tế được thành lập để **tổ chức các hành động chung của công nhân**[1*] các nước[574] theo đuổi cùng một mục đích, cụ thể là: bảo vệ lẫn nhau, phát triển và giải phóng hoàn toàn giai cấp công nhân.

Điều 2: Hội mang tên là *Hội liên hiệp công nhân quốc tế*.

Điều 3: Hằng năm triệu tập đại hội chung của công nhân[575], gồm các đại biểu thay mặt cho các phân hội của Hội liên hiệp. Đại hội này có sứ mệnh tuyên bố những ước nguyện chung của giai cấp công nhân, thi hành những biện pháp cần thiết để Hội liên hiệp công nhân quốc tế hoạt động thắng lợi, và cử ra Tổng Hội đồng của Hội liên hiệp.

Điều 4: Mỗi đại hội ấn định thời gian và địa điểm họp đại hội lần sau. Các đại biểu đến họp theo các ủy nhiệm thư vào thời hạn ấn định, tại địa điểm được ấn định mà không cần có lời mời đặc biệt. Trong trường hợp cần thiết, Tổng Hội đồng có thể thay đổi địa điểm **và thời gian họp đại hội và, với sự phê chuẩn của đa số các liên chi hội, có thể thay thế đại hội bằng một hội nghị đại biểu họp kín cũng có những thẩm quyền như đại hội. Song, đại hội hoặc hội nghị đại biểu thay thế nó phải được triệu tập trong thời hạn ba tháng sau thời hạn do đại hội lần trước ấn định**.

Hằng năm đại hội xác định nơi đặt trụ sở của Tổng Hội đồng và bầu ra các ủy viên của Tổng Hội đồng, **mỗi nước có ba người. Hội đồng được bầu ra bằng cách ấy có quyền thay các ủy viên đã về hưu hoặc vì lý do nào đó không có khả năng đảm đương các trách nhiệm của mình, và bổ sung thành phần của mình bằng cách chỉ định bổ sung trong trường hợp đại hội bầu ra một số lượng ủy viên ít hơn mức đã được Điều lệ ấn định**.

1* Ở đây và tiếp theo, những câu in chữ đậm là những thay đổi đã được Tổng Hội đồng phê chuẩn mùa hè năm 1872.

Tổng Hội đồng trình lên mỗi đại hội hằng năm bản báo cáo công khai về hoạt động của mình. Trong trường hợp hết sức cần thiết, Tổng Hội đồng có thể triệu tập đại hội chung sớm hơn thời hạn quy định.

Điều 5. Tổng Hội đồng bầu ra, từ các ủy viên trong hội đồng, những người có chức vụ cần thiết để điều hành công việc.

Điều 6. Tổng Hội đồng là cơ quan quốc tế thực hiện sự liên hệ giữa các nhóm dân tộc và các nhóm địa phương khác nhau của Hội liên hiệp, phấn đấu sao cho công nhân mỗi nước thường xuyên biết được tình hình phong trào của giai cấp họ ở những nước khác; sao cho việc khảo sát các điều kiện xã hội được tiến hành đồng thời và theo cùng một tinh thần; sao cho những vấn đề được nêu ra trong một hội, nhưng đáng được sự quan tâm chung, thì được mọi hội thảo luận, và trong những trường hợp cần có những hành động tức thời thì tất thảy các hội là thành viên của Hội liên hiệp công nhân quốc tế có thể hành động cùng một lúc và có phối hợp.

Trong tất cả các trường hợp cần thiết, Tổng Hội đồng đảm nhận việc chủ động đưa ra các đề nghị với các hội của từng nước hoặc các hội địa phương.

Điều 7. Vì sự thành công của phong trào công nhân ở mỗi nước chỉ có thể được bảo đảm bằng sức mạnh của sự thống nhất và bằng tổ chức, mặt khác, hoạt động của Tổng Hội đồng sẽ có hiệu quả hơn, nếu, thay vì tiếp xúc với nhiều hội nhỏ và riêng rẽ của các địa phương, Tổng Hội đồng có thể đặt quan hệ với một số trung tâm lớn toàn quốc của các hội công nhân, nên các hội viên của Hội liên hiệp công nhân quốc tế, mỗi hội viên ở nước mình, phải dồn mọi nỗ lực để hợp nhất các hội công nhân riêng rẽ thành các tổ chức toàn quốc được các cơ quan trung ương đại

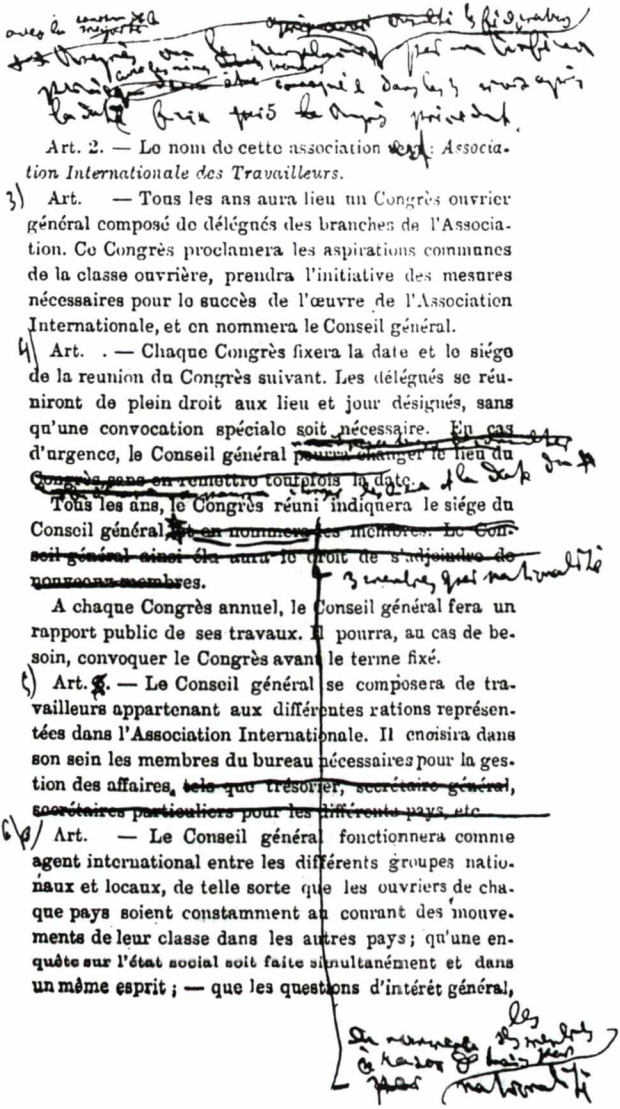

Art. 2. — Le nom de cette association sera : *Association Internationale des Travailleurs.*

3) Art. — Tous les ans aura lieu un Congrès ouvrier général composé de délégués des branches de l'Association. Ce Congrès proclamera les aspirations communes de la classe ouvrière, prendra l'initiative des mesures nécessaires pour le succès de l'œuvre de l'Association Internationale, et en nommera le Conseil général.

4) Art. . — Chaque Congrès fixera la date et le siége de la réunion du Congrès suivant. Les délégués se réuniront de plein droit aux lieu et jour désignés, sans qu'une convocation spéciale soit nécessaire. En cas d'urgence, le Conseil général pourra changer le lieu du Congrès sans en remettre toutefois la date.

Tous les ans, le Congrès réuni indiquera le siége du Conseil général, et en nommera les membres. Le Conseil général ainsi élu aura le droit de s'adjoindre de nouveaux membres.

A chaque Congrès annuel, le Conseil général fera un rapport public de ses travaux. Il pourra, au cas de besoin, convoquer le Congrès avant le terme fixé.

5) Art. . — Le Conseil général se composera de travailleurs appartenant aux différentes nations représentées dans l'Association Internationale. Il choisira dans son sein les membres du bureau nécessaires pour la gestion des affaires, tels que trésorier, secrétaire général, secrétaires particuliers pour les différents pays, etc.

6) Art. — Le Conseil général fonctionnera comme agent international entre les différents groupes nationaux et locaux, de telle sorte que les ouvriers de chaque pays soient constamment au courant des mouvements de leur classe dans les autres pays ; qu'une enquête sur l'état social soit faite simultanément et dans un même esprit ; — que les questions d'intérêt général,

MỘT TRANG CỦA BẢN IN BẰNG TIẾNG PHÁP ĐIỀU LỆ CHUNG VÀ QUY CHẾ TỔ CHỨC CỦA QUỐC TẾ I CÓ NHỮNG CHỖ DO C.MÁC SỬA

diện, **các cơ quan ấy, xét về thành phần, phải hết sức có tính chất quốc tế**.

Song, đương nhiên, việc áp dụng điều khoản này của Điều lệ tùy thuộc vào những đặc điểm của luật pháp ở mỗi nước, và bất chấp những trở ngại do luật pháp tạo ra, các hội độc lập ở địa phương không bị cấm có những quan hệ trực tiếp với Tổng Hội đồng.

Điều 8[576]. **Trong cuộc đấu tranh của mình chống chính quyền hợp nhất của các giai cấp hữu sản, giai cấp công nhân chỉ có thể hành động với tư cách là giai cấp với điều kiện là nó tự tổ chức** *thành một chính đảng riêng đối lập với tất cả các chính đảng cũ do các giai cấp hữu sản dựng lên*: **Việc giai cấp công nhân tự tổ chức thành chính đảng là việc làm cần thiết để bảo đảm thắng lợi cho cuộc cách mạng xã hội và việc đạt được mục đích cuối cùng của cuộc cách mạng này** - *thủ tiêu các giai cấp.*

Việc thống nhất lực lượng của giai cấp công nhân mà giai cấp này đã đạt được nhờ cuộc đấu tranh kinh tế, cũng phải trở thành đòn xeo trong cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống lại quyền lực chính trị của những kẻ bóc lột họ.

Vì bọn trùm sở hữu ruộng đất và tư bản luôn luôn sử dụng những đặc quyền chính trị của chúng để bảo vệ và duy trì mãi mãi các độc quyền kinh tế của chúng và để nô dịch lao động, cho nên việc giành lấy chính quyền đã trở thành nhiệm vụ vĩ đại của giai cấp vô sản.

Điều 9. Bất kỳ người nào thừa nhận và bảo vệ các nguyên tắc của Hội liên hiệp công nhân quốc tế, đều có thể trở thành hội viên Hội liên hiệp công nhân quốc tế.

Song, để đảm bảo tính chất vô sản của Hội liên hiệp, mỗi chi hội phải có ít nhất hai phần ba hội viên của mình là công nhân làm thuê[577].

Mỗi chi hội phải chịu trách nhiệm về tư cách đứng đắn của các hội viên của mình.

Điều 10. Mỗi khi chuyển từ nước này sang nước khác, mỗi hội viên của Hội liên hiệp công nhân quốc tế sẽ nhận được sự giúp đỡ trên tình anh em của các hội viên trong Hội liên hiệp.

Điều 11. Các hội công nhân **phản kháng**, sau khi gia nhập Hội liên hiệp công nhân quốc tế, **có thể** bảo lưu nguyên vẹn các tổ chức hiện hữu của mình.

Điều 12. Điều lệ này có thể được sửa đổi tại mỗi kỳ đại hội với điều kiện có 2/3 số đại biểu có mặt tại đại hội tán thành sửa đổi.

Điều 13. Tất cả những điều chưa được Điều lệ này quy định sẽ được bổ sung trong Quy chế đặc biệt, quy chế này sẽ p h ả i đ ư ợ c s ử a đ ổ i tại mỗi đại hội.

QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐÃ ĐƯỢC SỬA ĐỔI CĂN CỨ THEO CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA CÁC ĐẠI HỘI (1866-1869) VÀ CỦA HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU LUÂN ĐÔN (1871)

I

ĐẠI HỘI CHUNG

1. Mỗi hội viên trong **chi hội** của Hội liên hiệp công nhân quốc tế đều có quyền tham gia các cuộc bầu cử đại biểu đi dự đại hội chung, và cá nhân **mỗi hội viên trong Hội liên hiệp đều có thể** được bầu làm đại biểu.

2. Mỗi chi hội, hoặc nhóm chi hội có số hội viên ít nhất là 50 người, có thể cử một đại biểu đi dự đại hội.

3. Mỗi chi hội, hoặc nhóm chi hội có số hội viên 50 người trở lên, thì cứ có thêm 100 hội viên lại được quyền cử thêm một đại biểu.

4. Mỗi đại biểu chỉ có một phiếu biểu quyết tại đại hội.

5. Các chi phí của đại biểu do các chi hội và các nhóm bầu ra họ đài thọ.

6. Từ nay trở đi, các đại biểu dự đại hội có quyền biểu quyết chỉ gồm những đại biểu của những hội, những chi hội hoặc những nhóm nào là thành viên của Quốc tế và đã nộp hội phí cho Tổng Hội đồng.

7. Các phiên họp của đại hội gồm hai loại: những phiên họp kín, bàn về các vấn đề tổ chức, và những phiên họp công khai thảo luận và đưa ra biểu quyết các vấn đề **mang tính nguyên tắc** được nêu lên trong chương trình của đại hội.

8. Tổng Hội đồng thảo ra chương trình **chính thức** của đại hội, bao gồm những vấn đề được đại hội lần trước nêu trong chương trình nghị sự, cũng như những vấn đề do Tổng Hội đồng nêu bổ sung, ngoài ra còn có cả những vấn đề do các chi hội và các nhóm khác nhau hoặc các ban chấp hành của họ nêu lên với Tổng Hội đồng và được **Tổng Hội đồng phê chuẩn**.

Tất cả những chi hội muốn đưa ra thảo luận tại đại hội sắp tới một vấn đề không được đưa vào chương trình nghị sự do đại hội trước thông qua, thì phải thông báo việc này cho Tổng Hội đồng trước ngày 31 tháng Ba.

9. Tổng Hội đồng được ủy nhiệm tổ chức đại hội và kịp thời thông báo chương trình nghị sự của đại hội đến tất cả các chi

hội, thông qua các hội đồng hoặc các ban chấp hành liên chi hội.

10. Đại hội cử ra các ủy ban đặc biệt phụ trách từng vấn đề cần được thảo luận. Mỗi đại biểu nêu tên ủy ban mà mình lựa chọn tham gia. Mỗi ủy ban nghiên cứu các báo cáo về một vấn đề nào đó do các chi hội và các nhóm trình lên và được giao cho ủy ban ấy xem xét. Trên cơ sở những bản báo cáo ấy, ủy ban soạn ra một báo cáo chung, và chỉ báo cáo này mới được công bố trong phiên họp công khai. Ngoài ra, ủy ban còn quyết định xem những báo cáo nào trong số những báo cáo đã nêu, phải được đính kèm vào bản báo cáo chính thức.

11. Trong các phiên họp công khai của mình, đại hội trước hết nghiên cứu những vấn đề đã được Tổng Hội đồng đặt ra trong chương trình nghị sự; tiếp theo đó cần thảo luận những vấn đề còn lại.

12. Tất cả các nghị quyết về những vấn đề liên quan đến các nguyên tắc thì được đưa ra cuộc biểu quyết ký danh.

13. Mỗi chi hội hoặc liên chi hội trình lên Tổng Hội đồng – chậm nhất là hai tháng trước lúc khai mạc đại hội hàng năm – bản báo cáo tỉ mỉ về hoạt động của mình và sự phát triển của mình trong năm đó.

Tổng Hội đồng dựa trên những văn bản ấy thảo ra một báo cáo chung để công bố tại phiên họp của đại hội.

II

TỔNG HỘI ĐỒNG

1. Tên gọi *Tổng Hội đồng* được dành riêng để gọi Hội đồng trung ương Hội liên hiệp công nhân quốc tế.

Các hội đồng trung ương các nước khác nhau, trong đó có tổ

chức chính quy của *Quốc tế*, phải được gọi là *các hội đồng liên chi hội* hoặc *các ban chấp hành liên chi hội* cộng với tên gọi các nước tương ứng.

2. Tổng Hội đồng có trách nhiệm thực hiện nghị quyết các đại hội **và theo dõi việc tuân thủ nghiêm ngặt ở mỗi nước các nguyên tắc cơ bản của Quốc tế**.

3. Tổng Hội đồng công bố hàng tuần báo cáo về phiên họp của mình.

4. Mỗi **nhóm, nằm ngoài các tổ chức liên chi hội** nhưng muốn gia nhập *Quốc tế*, có trách nhiệm lập tức thông báo cho Tổng Hội đồng về sự gia nhập của mình.

5. Tổng Hội đồng có quyền kết nạp các chi hội mới và các nhóm mới, hoặc từ chối kết nạp họ, song dành cho họ quyền khiếu nại lên đại hội.

Song, ở những nơi có các hội đồng liên chi hội hoặc các ban chấp hành liên chi hội thì Tổng Hội đồng có trách nhiệm lắng nghe ý kiến của họ trước khi kết nạp một chi hội mới hoặc một hội mới, hoặc trước khi từ chối kết nạp họ; tuy nhiên, Tổng Hội đồng vẫn giữ quyền tạm thời giải quyết vấn đề.

6. Tổng Hội đồng cũng có quyền khai trừ tạm thời – đến kỳ đại hội thường kỳ – các **chi nhánh**, các chi hội, **các hội đồng hoặc các ban chấp hành liên chi hội và các liên chi hội của Quốc tế**.

Song, đối với các chi hội thuộc một liên chi hội nào đó, thì Tổng Hội đồng chỉ được áp dụng quyền này sau khi nghe trước ý kiến của hội đồng liên chi hội hữu quan.

Trong trường hợp hội đồng liên chi hội bị giải thể, Tổng Hội đồng phải đồng thời đề nghị các chi hội trong liên

chi hội bầu ra hội đồng liên chi hội mới, chậm nhất trong thời hạn ba mươi ngày.

Trong trường hợp có trọn vẹn một liên chi hội bị khai trừ tạm thời, Tổng Hội đồng phải lập tức thông báo cho tất cả các liên chi hội còn lại biết rõ việc này. Nếu đa số các liên chi hội yêu cầu thì Tổng Hội đồng phải triệu tập hội nghị đại biểu bất thường, chậm nhất là sau một tháng, tại hội nghị đại biểu này phải có mặt một đại biểu thay mặt cho mỗi dân tộc, và hội nghị này sẽ đưa ra quyết định cuối cùng về những vấn đề đang tranh cãi.

Song, dương nhiên, những nước mà tại đó Quốc tế bị cấm hoạt động, được hưởng các quyền như các liên chi hội tồn tại hợp pháp.

7. Tổng Hội đồng có quyền giải quyết những vụ xung đột có thể nảy sinh giữa các hội hoặc các chi nhánh thuộc một nhóm toàn quốc nào đó, hoặc giữa các nhóm dân tộc khác nhau, song vẫn dành cho họ quyền khiếu nại lên đại hội, quyết định của đại hội là quyết định sau cùng.

8. Tất cả những đại biểu do Tổng Hội đồng cử ra để thực hiện các nhiệm vụ đặc biệt có quyền tham dự và phát biểu ý kiến trong tất cả các cuộc họp của liên chi hội hoặc hội nghị địa phương **của các tổ chức của Quốc tế**, nhưng không có quyền biểu quyết.

9. Các ấn bản tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Đức của Điều lệ chung và Quy chế phải thể hiện đúng như in những văn bản chính thức đã được Tổng Hội đồng công bố.

Tất cả các bản dịch Điều lệ chung và Quy chế ra các thứ tiếng khác phải được trình lên Tổng Hội đồng để phê duyệt trước khi công bố.

III
NHỮNG KHOẢN HỘI PHÍ CẦN NỘP CHO TỔNG HỘI ĐỒNG

1. Tổng Hội đồng thu của tất cả các chi hội và các hội đã gia nhập khoản hội phí hàng năm là 10 xăng-tim đối với mỗi hội viên.

Khoản thu này dùng để trang trải các chi phí khác nhau của Tổng Hội đồng.

2. Tổng Hội đồng có nhiệm vụ in những con tem dán theo một hình mẫu nhất định, trị giá 10 xăng-tim, và hàng năm cung cấp các con tem này với số lượng cần thiết, cho các hội đồng liên chi hội hoặc các ban chấp hành liên chi hội.

3. Các hội đồng hoặc các ban chấp hành liên chi hội gửi cho các ban chấp hành địa phương hoặc – trong trường hợp không có các ban chấp hành này – cho các chi hội hữu quan một số lượng tem căn cứ vào số hội viên của các chi hội ấy.

4. Những tem này được dán vào một tờ riêng trong thẻ hội viên hoặc trong Điều lệ mà mỗi hội viên của Hội liên hiệp công nhân quốc tế phải có một bản.

5. **Mỗi quý** các hội đồng liên chi hội ở các nước khác nhau hoặc các địa phương khác nhau chuyển giao cho Tổng Hội đồng một số tiền tương ứng với trị giá của các con tem đã sử dụng, và trao trả những con tem còn lại của họ.

6. Những con tem ấy có ghi ngày tháng của năm hiện tại.

IV
CÁC HỘI ĐỒNG HOẶC BAN CHẤP HÀNH LIÊN CHI HỘI

1. Các khoản chi phí của các hội đồng hoặc các ban chấp hành liên chi hội được trang trải bởi các chi hội hữu quan.

2. Mỗi hội đồng hoặc ban chấp hành liên chi hội có nhiệm vụ hằng tháng gửi báo cáo lên cho Tổng Hội đồng.

3. Mỗi quý các hội đồng hoặc các ban chấp hành liên chi hội trình lên Tổng Hội đồng báo cáo về công tác tổ chức và về tình hình tài chính ở các chi hội của họ.

4. Mỗi liên chi hội có quyền từ chối kết nạp hoặc khai trừ ra khỏi hàng ngũ của mình từng hội hoặc chi hội riêng lẻ. Song, nó không có quyền tước của họ danh hiệu là những tổ chức của Quốc tế; nó chỉ có thể đề nghị với Tổng Hội đồng việc tạm thời khai trừ họ mà thôi.

V
CÁC HỘI, CÁC CHI HỘI VÀ CÁC NHÓM ĐỊA PHƯƠNG

1. Mỗi chi hội có quyền vạch ra điều lệ và quy chế của mình phù hợp với các điều kiện và luật lệ địa phương của nước mình; song điều lệ và quy chế ấy không được chứa đựng điều gì trái với Điều lệ chung và Quy chế.

2. Sự phù hợp của những điều lệ và quy chế địa phương ấy với Điều lệ chung và Quy chế do các hội đồng liên chi hội xác định, còn đối với những chi hội ở bên ngoài các tổ chức liên chi hội thì sự phù hợp ấy do Tổng Hội đồng xác định.

3. Tất cả các phân hội, các chi hội, các nhóm địa phương và các ban chấp hành của họ đều chỉ duy nhất được đặt tên và được

cấu tạo là các phân hội, các chi hội, các nhóm và các ban chấp hành thuộc Hội liên hiệp công nhân quốc tế, có ghi thêm tên gọi các địa phương tương ứng.

4. Vì vậy, tất cả các phân hội, các chi hội và các nhóm bị cấm mang những tên gọi có tính chất bè phái, ví dụ như: các phân hội của những người thực chứng chủ nghĩa, của các hội viên hội tương tế, của những người tập thể chủ nghĩa, của những người cộng sản v.v., hoặc bị cấm thành lập các tổ chức biệt phái dưới tên gọi "chi hội tuyên truyền" và các tên gọi khác mang tham vọng thực hiện những nhiệm vụ đặc biệt khác với mục đích chung mà tất cả các tổ chức của Quốc tế theo đuổi.

5. Đương nhiên, điều khoản 2 của chương này không áp dụng đối với các công hội (các hội công liên).

6. Đề nghị tất cả các chi hội và các hội công nhân đã gia nhập Quốc tế xóa bỏ chức chủ tịch chi hội hoặc chủ tịch hội.

7. Khuyến nghị thành lập các chi hội nữ trong giai cấp công nhân. Song, dĩ nhiên nghị quyết này tuyệt đối không được cản trở sự tồn tại của những chi hội cũ và sự hình thành những chi hội mới gồm nam nữ công nhân.

8. Các chi hội phải lập tức chuyển cho Tổng Hội đồng tất cả các tờ báo trong đó xuất hiện những lời nào đó đả kích Hội liên hiệp công nhân quốc tế.

9. Cứ ba tháng một, các cơ quan ấn loát của Hội liên hiệp công nhân quốc tế phải công bố địa chỉ của **các ban chấp hành liên chi hội** và của Tổng Hội đồng.

VI
VỀ TỔNG THỐNG KÊ LAO ĐỘNG CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

1. Tổng Hội đồng có nhiệm vụ thi hành điều 6 trong Điều lệ có liên quan đến tổng thống kê giai cấp công nhân, cũng như thi hành nghị quyết của Đại hội Giơ-ne-vơ (năm 1866) về vấn đề này.

2. Mỗi chi hội địa phương phải bổ nhiệm – trong hàng ngũ mình – một ủy ban thống kê đặc biệt để luôn luôn sẵn sàng, tùy theo khả năng phương tiện của mình, trả lời các câu hỏi có thể do hội đồng liên chi hội hoặc ban chấp hành liên chi hội nước mình, hoặc do Tổng Hội đồng của Quốc tế nêu ra. Khuyến nghị tất cả các chi hội đài thọ thư ký các ủy ban thống kê, vì tính chất quan trọng và sự hữu ích chung do hoạt động của họ mang lại cho giai cấp công nhân.

3. Hàng năm, vào ngày 1 tháng Tám, các hội đồng hoặc ban chấp hành liên chi hội gửi nộp các tài liệu thu thập được tại nước họ cho Tổng Hội đồng, để đến lượt mình Tổng Hội đồng thảo ra – trên cơ sở những dữ kiện ấy – một bản báo cáo chung để trình lên các đại hội hoặc các hội nghị đại biểu.

4. Cần thông báo cho Tổng Hội đồng biết những công hội và chi hội nào của Quốc tế từ chối không trình lên những dữ kiện cần thiết, để Tổng Hội đồng có những biện pháp thích ứng đối với hành vi này.

5. Bản nghị quyết của Đại hội Giơ-ne-vơ, được nhắc đến trong điều 1 của chương này, có nói:

Việc điều tra thống kê về tình cảnh của giai cấp công nhân các nước do chính giai cấp công nhân tiến hành là một tấm gương vĩ đại về sự thống nhất hành động trên quy mô quốc tế. Đương

nhiên, để hành động một cách có triển vọng thành công nào đó, cần phải biết tài liệu sắp phải tác động vào. Đồng thời, khi bắt tay vào công trình to lớn này, công nhân sẽ chứng minh rằng họ có năng lực nắm được vận mệnh của mình trong tay chính mình.

Do vậy, đại hội đề nghị:

ở mỗi nước có các chi nhánh của Hội liên hiệp chúng ta, cần lập tức bắt tay vào công tác thống kê và thu thập các số liệu thực tế về các điều mục khác nhau được nêu trong sơ đồ khảo sát đính kèm theo đây;

tất cả mọi công nhân châu Âu và châu Mỹ tham gia công tác thống kê này;

các bản báo cáo và các số liệu thực tế phải gửi cho Tổng Hội đồng;

trên cơ sở những tài liệu này, Tổng Hội đồng soạn thảo báo cáo, đồng thời đính kèm vào báo cáo ấy những số liệu thực tế, dưới hình thức phụ lục;

bản báo cáo này, cùng với phụ lục, cần được trình lên đại hội thường kỳ hàng năm và sau khi được đại hội phê chuẩn thì cho in ra bằng tiền của Hội liên hiệp.

Sơ đồ khảo sát chung; dĩ nhiên có thể đưa vào đó những thay đổi ở từng địa phương:

1. Ngành sản xuất nào?
2. Độ tuổi và giới tính của công nhân.
3. Số người có việc làm.

4. Tiền công: a) của thợ học nghề; b) hình thức trả công theo ngày hay theo sản phẩm. Mức tiền công do những người trung gian trả. Số tiền kiếm được trung bình hàng tuần, hàng năm.

5. a) Độ dài của ngày lao động tại các công xưởng; b) độ dài của ngày lao động ở chỗ các chủ doanh nghiệp nhỏ và trong sản xuất gia đình; c) lao động ban đêm và lao động ban ngày; d) **nghỉ ăn giữa giờ**.

6. **Các quy tắc trong các xưởng thợ.**

7. Nhận xét xưởng thợ và các điều kiện lao động: sự chật chội ở nơi làm việc, sự thông gió tồi tệ, tình trạng thiếu ánh sáng mặt trời, việc sử dụng khí thắp sáng, sự sạch sẽ v.v..

8. Ảnh hưởng của công việc đến trạng thái thể chất.

9. Những điều kiện tinh thần. Sự giáo dục.

10. Tình hình sản xuất: sản xuất theo thời vụ hay là hoạt động ít nhiều đều đặn suốt năm, sản xuất có những biến động lớn trong các thời kỳ phồn thịnh và trì trệ, có bị sự cạnh tranh của nước ngoài hay không, ngành sản xuất ấy chủ yếu phục vụ thị trường nội địa hay thị trường bên ngoài.

11. Các đạo luật đặc biệt điều tiết quan hệ giữa công nhân và chủ.

12. **Nhà ở và ăn uống.**

Công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong cuốn sách: "Tổng Hội đồng của Quốc tế I. 1871-1872". M., 1965

In theo bản in bằng tiếng Pháp của Điều lệ năm 1871, có những thay đổi đã được Tổng Hội đồng phê duyệt để trình lên đại hội
Nguyên văn là tiếng Pháp

PH. ĂNG-GHEN

CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA TIỂU BAN VỀ M.A.BA-CU-NIN VÀ VỀ ĐỒNG MINH

1. Sẽ không trả lời bức thư của Ba-cu-nin[578].

2. Ông Ăng-ghen sẽ viết thư gửi Hội đồng liên chi hội ở Va-len-xi-a để yêu cầu Hội đồng này gửi báo cáo về quan hệ của nó với *Đồng minh*, vì có ít nhất ba ủy viên của Hội đồng ấy là thành viên của hội nêu trên.

3. Tiểu ban sẽ yêu cầu Tổng Hội đồng đề nghị với đại hội tới đây khai trừ Ba-cu-nin và các thành viên của Đồng minh.

Do Ph.Ăng-ghen đưa ra tại phiên họp của Tiểu ban ngày 5 tháng Bảy 1872
Công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong cuốn sách: "Tổng Hội đồng của Quốc tế I. 1871-1872". M., 1965

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Pháp

C. MÁC

TỔNG HỘI ĐỒNG TRẢ LỜI VIỆC LIÊN CHI HỘI GIUY-RA PHẢN ĐỐI TRIỆU TẬP ĐẠI HỘI Ở LA HAY[579]

TỔNG HỘI ĐỒNG HỘI LIÊN HIỆP CÔNG NHÂN QUỐC TẾ

33, Rát-bon-plây-xơ, Ốc-xphớt-xtơ-rít, Luân Đôn

Gửi ông Svít-xguê-ben, bí thư thông tấn Ban chấp hành liên chi hội Giuy-ra.

Tôi đã trình bức thư ngày 15 tháng Bảy của Ông lên Tổng Hội đồng, và Tổng Hội đồng đã ủy nhiệm cho tôi trả lời Ông rằng khi chọn La Hay làm nơi triệu tập đại hội tương lai, Tổng Hội đồng đã lưu ý đến tất cả các luận cứ chứa đựng trong bức thư của Ông, và rằng sự lựa chọn ấy xuất phát từ những lý do sau đây.

Đại hội sẽ không thể họp ở Thụy Sĩ, bởi vì chính đó là nơi khởi phát và tập trung những cuộc lục đục; ở mức độ nhiều hay ít, đại hội luôn luôn chịu ảnh hưởng của nơi đại hội họp; để cho

những nghị quyết của đại hội có trọng lượng lớn hơn và để cho những cuộc thảo luận của đại hội được sáng suốt hơn, đại hội cần tránh tính chất địa phương như vậy, và muốn vậy cần chọn một địa điểm ở xa trung tâm chủ yếu của những vụ cãi cọ.

Ông không thể không biết rằng trong bốn đại hội thì ba đại hội họp ở Thụy Sĩ, và rằng ở Ba-lơ, các đại biểu Bỉ đã kiên quyết đề nghị đại hội tiếp theo họp ở Véc-vi-ê hoặc ở Hà Lan.

Mặc dù có được sự tự do tương đối mà người ta được hưởng tại Thụy Sĩ, song nước này không thể đòi được độc quyền triệu tập các đại hội.

Hội đồng liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ Rô-man cũng tỏ ra không hài lòng với sự lựa chọn của Tổng Hội đồng và không tán thành sự lựa chọn ấy.

Xin gửi tới Ông lời chào anh em

H.I-ung, bí thư thông tấn phụ trách Thụy Sĩ

Ngày 28 tháng Bảy 1872

Đã đăng trên báo "Bulletin de la Fédération jurassienne" số 14, ngày 1 tháng Tám 1872

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Pháp

PH. ĂNG-GHEN

VỀ HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU Ở RI-MI-NI[580]

Cuối cùng thì phái Ba-cu-nin đã tự đặt mình ra ngoài Quốc tế. Tại Ri-mi-ni đã diễn ra hội nghị đại biểu tuồng như của Quốc tế, nhưng thực ra là của phái Ba-cu-nin I-ta-li-a. Trong số 21 chi hội có đại biểu thì chỉ có *một chi hội*, chi hội Na-plơ, thật sự thuộc Quốc tế. Số 20 chi hội còn lại đã cố tình – để khỏi gây nguy hiểm cho "sự tự trị" của mình – *không làm tất cả những gì* mà, căn cứ theo Quy chế tổ chức, có thể bảo đảm kết nạp họ vào Quốc tế; họ đã không đệ nghị Tổng Hội đồng kết nạp họ và đã không gửi hội phí cho Tổng Hội đồng. Và ngày 6 tháng Tám, chi hội thứ 21 ấy của "Quốc tế" đã nhất trí thông qua tại Ri-mi-ni một quyết định sau đây:

"Hội nghị đại biểu long trọng tuyên bố trước anh em công nhân toàn thế giới rằng liên chi hội I-ta-li-a của Hội liên hiệp công nhân quốc tế khước từ mọi sự đồng tình với Tổng Hội đồng ở Luân Đôn, song công khai tuyên bố sự đồng tình của mình trong các vấn đề kinh tế với toàn thể công nhân và đề nghị tất cả những chi hội không tán thành các nguyên tắc cực quyền của Tổng Hội đồng *cử* các đại biểu của mình, vào ngày 2 tháng Chín 1872, *không phải đến*

La Hay, mà đến Nơ-sa-ten ở Thụy Sĩ để khai mạc đại hội chung chống cực quyền cùng ngày hôm ấy".

Đã đăng trên báo "Der Volksstaat" số 67, ngày 21 tháng Tám 1872

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu

C. MÁC

ĐẠI HỘI CỦA QUỐC TẾ[581]

La Hay, ngày 25 tháng Tám

Vài ngày tới đây, đại hội của Hội liên hiệp công nhân quốc tế sẽ bắt đầu họp. Với sự hậu thuẫn của báo chí tự do, nhà đương cục đã không gây bất kỳ trở ngại nào cho những người tổ chức đại hội, mặc dù từ nhiều phía người ta đã yêu cầu chính phủ không cho phép tiến hành đại hội ở La Hay. Chiếm ưu thế trong giới cầm quyền là ý kiến cho rằng không nên cất bỏ quyền tiến hành các cuộc thảo luận tự do mà chỉ nhờ đó mới có thể đấu tranh thắng lợi chống lại những tư tưởng sai trái và không có căn cứ, và tránh được những cuộc khủng hoảng nguy hiểm.

Ngay hôm nay tôi đã viết cả một bài báo nói về đại hội, bởi vì để hiểu rõ các cuộc thảo luận sẽ diễn ra tại đại hội thì bạn đọc của các vị cần được biết trước về tình hình hiện nay trong

Quốc tế. Vì đại hội năm nay sẽ thảo luận hầu như chỉ những vấn đề nội bộ, và các nhóm riêng lẻ, trong khi tiến hành thảo luận, sẽ đối lập nhau, cho nên trước hết tôi phải nhận xét về lập trường của từng nhóm ấy và những mục tiêu đấu tranh của họ. Vì vậy, trước tiên tôi sẽ trình bày ý kiến của mình về các vấn đề ghi trong chương trình làm việc của đại hội.

Theo thông báo của Tổng Hội đồng ở Luân Đôn, sẽ tiến hành thảo luận về tổ chức sắp tới của Quốc tế[1*]. Vì vậy trong Hội đồng có ý định đề nghị đưa vào bản Điều lệ những nghị quyết của hội nghị đại biểu của Quốc tế đã diễn ra năm ngoái tại Luân Đôn, theo đó các hội viên của Hội liên hiệp ở các nước phải tự tổ chức thành các chính đảng. Dưới đây là đề mục mà xung quanh đó sẽ nổ ra cuộc đấu tranh giữa những người ủng hộ các nghị quyết của hội nghị đại biểu với những người theo cái gọi là chủ nghĩa không can dự, nói chung những phần tử này không muốn dính dáng chút nào với chính trị. Những người không am tường vị tất sẽ hiểu rõ điều đó.

Hơn 20 năm về trước, những người lưu vong từ tất cả các nước châu Âu đã đưa ra bản Tuyên ngôn do các ông Mác và Ăng-ghen soạn thảo, trong đó các quan hệ xã hội được trình bày dưới ánh sáng học thuyết mới nhất về xã hội và đã nêu ra sách lược đấu tranh chính trị, theo đó tại những quốc gia nào mà giai cấp tư sản, với tư cách là một giai cấp xã hội, vẫn còn tiến hành đấu tranh chống những kẻ đại diện cho chế độ đẳng cấp hoặc chế độ phong kiến, thì công nhân phải luôn luôn ủng hộ giai cấp tư sản, nếu giai cấp ấy tích cực hành động vì sự tiến bộ.

1* *Ph.Ăng-ghen*. Nghị quyết của Tổng Hội đồng về việc triệu tập và chương trình nghị sự của Đại hội đại biểu ở La Hay

Liên đoàn công nhân toàn Đức, được thành lập vào năm 1863, đã cố gắng áp dụng sách lược này trong thực tiễn. Do tính chất chưa trưởng thành của công nhân và do trong các giai cấp xã hội khác chưa có bất cứ sự hiểu biết nào về phong trào chính trị xã hội mới, nên Liên đoàn này chưa thể trở thành một lực lượng đáng kể đôi chút; hơn thế nữa, sau khi người sáng lập tổ chức này[1*] qua đời thì Liên đoàn đã tụt xuống địa vị một nhóm phái do bọn đặc vụ của cảnh sát lãnh đạo, mà những lời ba hoa hoa mỹ của họ được lợi dụng để gây sợ hãi cho các giai cấp hữu sản. Nhóm phái này sẽ không có đại biểu tại La Hay.

Đảng dân chủ-xã hội, được lập ra tại Ai-đơ-nác, cũng đã thông qua cương lĩnh chủ yếu mang tính chất chính trị. Đảng này thực hiện những bước đầu tiên của mình, vì thế nó mắc phải một số bệnh ấu trĩ, song nó không ngừng tăng cường sức mạnh. Tại đại hội, phái này sẽ được đại diện bởi các đại biểu đến từ Béc-lin, Đre-xđen, Hăm-buốc, Lai-pxích, Muyn-sen và Stút-gát.

Về những người xã hội chủ nghĩa Áo thì hình như cả họ cũng không muốn - điều đó phù hợp với lập trường mới đây của họ và là điều thật hết sức đáng buồn cho phái giáo quyền phong kiến - nghe thấy điều gì về sự không tham gia chính trị. Nhưng do hiệu lực của bản thông tư do cựu bộ trưởng Ghi-xcơ-ra ban hành nên công nhân Áo không được phép tiến hành tuyên truyền về Quốc tế, họ cũng không được lập ra các chi hội; song tôi nghe nói rằng một số thành viên của Hội liên hiệp này sống ở Áo đã ủy nhiệm cho một đại biểu nước ngoài tuyên bố tại đại hội rằng những người xã hội chủ nghĩa Áo xem việc không tham gia chính trị là điều nực cười.

1* - Ph.Lát-xan

Mấy tuần trước, các hội viên người Anh của Hội liên hiệp công nhân quốc tế đã lại chủ trương tán thành hoạt động chính trị bằng cách thành lập chính đảng ở nước Anh[582].

Nhìn chung, xu hướng do những người xã hội chủ nghĩa Đức đại diện đã giành được những thắng lợi to lớn khiến cho không những người Anh, người Hà Lan và người Đan Mạch, mà cả đa số người Thụy Sĩ, người Pháp, người Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha tại đại hội tán thành việc đưa vào Điều lệ của Quốc tế những nghị quyết nêu trên của Hội nghị Luân Đôn. Biểu quyết chống lại sự thay đổi này trong Điều lệ sẽ chỉ có những người Bỉ mang tư tưởng liên bang chủ nghĩa, còn trong số những người thuộc vùng Thụy Sĩ nói tiếng Pháp, thuộc miền nam nước Pháp, Tây Ban Nha và I-ta-li-a thì chỉ có những phần tử ủng hộ nhân vật người Nga Ba-cu-nin.

Bây giờ trước hết tôi cần thông báo với các vị về nguồn gốc những bất đồng nảy sinh trong Quốc tế. Về người Bỉ và một bộ phận người Pháp thì họ luôn luôn ủng hộ Pru-đông và ủng hộ những nguyên tắc liên bang chủ nghĩa mà ông này đại diện. Họ sốt sắng và kiên trì theo đúng những nguyên lý ấy, và những người xã hội chủ nghĩa Đức đã coi trọng họ như là những địch thủ trung thực trong lĩnh vực lý luận.

Với những phần tử ủng hộ Ba-cu-nin thì vấn đề lại khác. Ba-cu-nin không tham gia thành lập Hội liên hiệp công nhân Quốc tế. Sau khi từ Xi-bi-ri trở về, ông ta truyền bá – trên tờ tạp chí của Ghéc-xen "Cái chuông" – chủ nghĩa đại Xla-vơ và chiến tranh chủng tộc. Năm 1868, ông này xuất hiện tại Đại hội Béc-nơ của Đồng minh hòa bình và tự do để cổ vũ những người hội họp nhằm "cào bằng các cá nhân" và "thủ tiêu nhà nước". Sau khi các đề nghị của ông ta bị bác bỏ thì ông ta, với sự hậu thuẫn

của những người lưu vong Nga, đã lập ra một số tổ chức công nhân ở vùng Thụy Sĩ nói tiếng Pháp, ở miền nam nước Pháp, ở I-ta-li-a và Tây Ban Nha, rồi đặt tên cho các tổ chức này là Liên minh dân chủ xã hội chủ nghĩa quốc tế. Theo Điều lệ của Hội liên hiệp công nhân quốc tế thì những chi hội riêng lẻ của Hội có quyền độc lập tự cấu tạo và hành động, có tính đến luật pháp ở mỗi nước và những trật tự hiện hành ở đó, song điều lệ của chi hội quyết không thể trái với cương lĩnh chung của Hội liên hiệp công nhân quốc tế, cương lĩnh ấy nói vắn tắt như thế này: cuộc đấu tranh nhằm giải phóng giai cấp công nhân "bao trùm mọi nước, trong đó tồn tại xã hội hiện đại" và theo đuổi mục tiêu "thủ tiêu mọi sự thống trị giai cấp". Không một giai cấp nào được phép thống trị giai cấp khác. Tại các đại hội ở Bruy-xen và Ba-lơ, đa số đã biểu quyết tán thành luận điểm lý luận cho rằng sự cải thiện một cách căn bản tình cảnh của giai cấp công nhân chỉ có thể thực hiện được khi các phương tiện giao thông công cộng và ruộng đất trở thành tài sản của nhà nước.

Những điều mục như: thủ tiêu chế độ tư hữu, thủ tiêu gia đình, sự cào bằng các cá nhân và thủ tiêu nhà nước đã không có trong cương lĩnh của Hội liên hiệp công nhân quốc tế được thành lập ở Luân Đôn. Vì vậy Tổng Hội đồng, tuy chỉ là cơ quan chấp hành, phải đề nghị Liên minh thay đổi cương lĩnh của mình[1*]. Đáp lại đề nghị này, Liên minh tuyên bố rằng những nguyên tắc của nó – mà Tổng Hội đồng tuyên bố là phi lý – phải trở thành khuôn mẫu đối với Hội liên hiệp công nhân quốc tế. Đến đây Tổng Hội đồng chấm dứt trao đổi thư tín với Liên minh, còn Đồng minh thì bắt đầu một cuộc chiến có tổ chức chống lại cơ quan

1* *C.Mác*. Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế gửi Ban thường vụ trung ương Liên minh dân chủ xã hội chủ nghĩa

chấp hành ở Luân Đôn. Cuộc chiến này cho đến nay vẫn không chấm dứt, và vì những người theo ông Ba-cu-nin rất sành sỏi trong nghệ thuật soạn thảo các bản tuyên ngôn huênh hoang ầm ĩ và những bài diễn văn nảy lửa, cho nên không có gì đáng ngạc nhiên khi thấy người ta rất thường hay lẫn lộn Hội liên hiệp công nhân quốc tế với Liên minh dân chủ xã hội chủ nghĩa quốc tế, và quy những quan điểm của Liên minh là của Hội liên hiệp công nhân quốc tế. Tôi chỉ muốn đưa ra sự việc Giuy-lơ Pha-vrơ, trong thông tri của mình chống lại Quốc tế, cũng như đại biểu quốc hội Xa-ca-dơ trong báo cáo về đạo luật Đuy-phô-đơ, đều đã trích dẫn các văn bản khua môi múa mép của Liên minh để chứng minh tính chất nguy hiểm của Quốc tế.

Vào những tháng đầu năm 1870, Ba-cu-nin đã tìm được cho mình người đồng chí xứng đáng là Phê-lích-xơ Pi-a. Ông Pi-a này đã sử dụng một hiệp hội công nhân Pháp nào đó ở Luân Đôn[1*] để núp dưới danh nghĩa của Quốc tế, tung ra các bản tuyên ngôn khát máu khác nhau, trong đó đặc biệt ông ta đòi giết hoàng đế Na-pô-lê-ông. Vì vậy, Tổng Hội đồng đã công khai tuyên bố trên các báo rằng Tổng Hội đồng không thể chịu trách nhiệm về những hành động của Pi-a, kẻ chưa khi nào là hội viên của Quốc tế[2*]. Hiệp hội công nhân Pháp nêu trên, sau đó, đã đem dán trên các đường phố Luân Đôn những tấm biểu ngữ, trong đó nó đã tuyên bố Quốc tế là "hội phản cách mạng".

Đến cuối năm 1870, các cơ hội của Liên minh lại giảm đi nhiều. Ba-cu-nin bị tước mất quyền lãnh đạo báo "Égalité" ở Giơ-ne-vơ, và sự lãnh đạo ấy lọt vào tay những người ủng hộ Tổng Hội đồng.

1*- Chi hội Pháp ở Luân Đôn

2* *C. Mác*. Nghị quyết của Tổng Hội đồng về bài phát biểu của Ph. Pi-a

Chỉ khi những chiến sĩ lưu vong của Công xã Pa-ri đến Thụy Sĩ và nước Anh thì mới lại có sự hoạt động sôi động trong hàng ngũ của phái theo chủ nghĩa không can dự, hay là phái vô chính phủ. Tất cả các phần tử đáng nghi ngờ đã đi theo bọn vô chính phủ, trong khi đó những người lưu vong có ý thức nhất đã đi theo Tổng Hội đồng.

Chắc hẳn ở đây cũng nên nói vài lời về thái độ của Quốc tế đối với cuộc khởi nghĩa của Công xã. Ngay cuộc điều tra[583] đã cho thấy bản thân Hội liên hiệp công nhân quốc tế tuyệt nhiên không phải là người khởi xướng cuộc cách mạng tháng Ba ở Pa-ri; bằng chứng nói lên điều này còn là thành phần của Công xã, chủ yếu gồm các phần tử Gia-cô-banh và những nhân vật giống như Pi-a và bạn bè ông ta. Chúng tôi xin nói thêm rằng các phần tử xã hội chủ nghĩa trong Công xã gần như gồm toàn những phần tử Pru-đông theo chủ nghĩa liên bang; vì vậy các cơ quan báo chí của những người xã hội chủ nghĩa Đức, chẳng bao lâu sau khi phong trào bắt đầu khởi động, đã phát biểu ý kiến theo tinh thần là kết cục của phong trào ấy sẽ bất lợi. Song, tuy vậy, khi thất bại trở thành sự thật và những người thất bại đã chịu mọi sự đả kích thì Tổng Hội đồng, và cùng với nó là báo chí của Quốc tế, đã thấy mình có bổn phận phải bảo vệ anh em công nhân Pa-ri và biện minh cho các hành động của họ[1*].

Tôi cho rằng tôi đã dành vị trí đầy đủ để đề cập đến địa vị của Quốc tế trên lục địa. Về Quốc tế ở Mỹ tôi chỉ muốn thông báo rằng ở đấy, những tông đồ của tình yêu tự do và các bà có

1* *C. Mác*. Nội chiến ở Pháp

lý lịch mờ ám đã xâm nhập vào các chi hội, nhưng đã bị trục xuất khỏi các chi hội ấy. Những phần tử bị khai trừ đã lập ra chi hội riêng biệt, nhưng Tổng Hội đồng đã từ chối thừa nhận nó[1*].

Sau khi tính đến tất cả những điều vừa nói, cần vững tin chờ đợi thất bại của phái vô chính phủ tại đại hội. Đối với cá nhân Ba-cu-nin, tình hình còn tồi tệ hơn vì có những lời buộc tội đưa ra làm cho ông ta rất mất uy tín. Có người gọi ông Ba-cu-nin là Xa-bi-na Nga. Vụ án Nê-sa-ép chứng minh hùng hồn rằng Ba-cu-nin đã gửi về nước Nga, cho những người hoàn toàn không quen biết, những bức thư mà trên phong bì có đóng dấu "Ủy ban cách mạng bí mật". Tiếp nữa, bằng chứng chống lại ông ta là một tình huống đồng thời cho thấy những tư tưởng của phái theo thuyết không can dự có thể dẫn tới đâu. Ông An-be Ri-sác và ông Ga-xpác Blăng, hai cán bộ tùy tùng của Ba-cu-nin, những nhà lãnh đạo của Liên minh quốc tế tại miền nam nước Pháp và là những người khởi xướng vụ bạo loạn ở Li-ông vào năm 1870, đã bỏ sang phe Bô-na-pác-tơ. Mấy tháng trước đây, họ đã tung ra bản tuyên bố, kết thúc bằng những từ dưới đây: "Hoàng đế muôn năm!". Ngoài ra bản tuyên bố ấy còn chứa đựng câu nói hùng biện sau đây:

"Chúng tôi đã trở thành những người ủng hộ đế chế nhờ sự phát triển tự nhiên của những tư tưởng của chúng tôi".

Sau cùng, tôi phải nói thêm rằng những người ủng hộ ngài Ba-cu-nin thậm chí còn tìm cách khơi dậy sự hằn thù dân tộc trong công nhân. Trong số cuối cùng của báo "Bulletin de la Fédération jurassienne", cái loa của phái không can dự, ngoài những

1* Xem tập này, tr. 623-634.

điều khác ra, còn chứa đựng lời hiệu triệu kết thúc bằng những lời sau đây: Tình trạng "vô chính phủ muôn năm! Chủ nghĩa tập thể muôn năm!"; số báo này còn chứa đựng lời than phiền rằng đại hội được triệu tập ở địa điểm kế cận với bốn nước Đức. Tổng Hội đồng ở Luân Đôn bị quy tội theo khuynh hướng đại Đức chủ nghĩa, một trong số các ủy viên người Pháp của Tổng Hội đồng này – họ của ủy viên này là Vai-ăng – bị phê phán về việc mang học vấn Đức, vì ông này đã học ở Viên và ở Tuy-bin-ghen.

Cần bổ sung thêm một điều: tại các nước thuộc hệ ngôn ngữ Rô-man, điều làm cho người ta bất bình là những lời tuyên bố của những người xã hội chủ nghĩa Đức rằng trong lĩnh vực lý luận, họ đã đi trước người Pháp khoảng 50 năm[584] và rằng nước Đức có sứ mạng xác định các quy luật làm cơ sở để *sẽ* thực hiện các cải cách xã hội. Nhân chuyện này tôi nhớ lại một chỗ trong các trích đoạn của nhà triết học Phi-stơ mà giáo sư I-ô-han Hu-bơ ở Muyn-sen gọi là người xã hội chủ nghĩa Đức đầu tiên:

"nước Đức sẽ là nơi khởi phát vương quốc đích thực của các quy luật dựa trên sự bình đẳng của tất cả những ai là hiện thân của nhân cách".

II

La Hay, ngày 8 tháng Chín

Trong khi thảo luận vấn đề lập trường của Quốc tế đối với chính trị mà tôi nhắc đến hôm qua, đã lộ rõ những quan điểm của từng nhóm riêng lẻ. Đa số những người tham gia Công xã Pa-ri hiện đang có mặt ở Luân Đôn thì thuộc phái Blăng-ki mà về nhiều vấn đề, phái này hành động cùng với người Đức, nhưng tuyệt nhiên không hoàn toàn đồng ý với họ. Tuy nhiên, bản thân những phần tử thuộc phái Blăng-ki, nhờ kinh nghiệm cay đắng của những năm gần đây, chẳng biết bằng cách nào đã trở nên

tỉnh táo hơn, nhưng đáng tiếc họ vẫn còn mắc cái bệnh tự cao tự đại dân tộc ở mức độ nào đó, và say mê với hành động mà họ tìm cách thỏa mãn bằng những hành động sơ suất và thực sự phi lý[585]. Họ nêu lý do khiến họ biểu quyết đưa những quyết định của Hội nghị đại biểu Luân Đôn vào Điều lệ bằng những từ ngữ khiến cho các đại biểu từ Pa-ri đến phải đưa ra lời tuyên bố như sau:

"Tuy kính trọng hết sức sâu sắc Blăng-ki, song, nay chúng tôi buộc phải tuyên bố rằng giai cấp công nhân Pa-ri ngày nay không còn chia sẻ các quan điểm của phái Blăng-ki nữa. Chúng tôi muốn giành lấy chính quyền, trước hết phấn đấu đưa tầng lớp công nhân lên tới trình độ phát triển tinh thần khiến mục tiêu của chúng tôi - thủ tiêu mọi sự thống trị giai cấp – có thể đạt được. Chúng tôi muốn làm cho toàn thế giới kính trọng chúng tôi không phải bằng những vụ âm mưu, mà bằng hoạt động công khai không mệt mỏi phục vụ sự nghiệp giải phóng của chúng tôi"[586].

Người Đức cũng phát biểu theo tinh thần đó.

Khi nói với Ghi-ôm, một phần tử vô chính phủ chủ nghĩa, H é p-n ơ đã thốt lên: "Thời kỳ luận lý theo kiểu chiến lũy của các anh đã qua rồi. Thái độ không tham gia chính trị đưa người ta đến đồn cảnh sát".

M ộ t đ ạ i b i ể u Đ ứ c k h á c[587] đã thể hiện những suy nghĩ của mình bằng những lời dưới đây: "Người ta gọi người Đức chúng tôi là những người xã hội chủ nghĩa cực quyền. Đúng, tôi thừa nhận rằng về một phương diện nào đó, chúng tôi là những người xã hội chủ nghĩa như vậy. Chúng tôi thấy cần làm cho quyền uy của tính cách và của trí tuệ được công nhận cả trong xã hội mà chúng tôi đấu tranh tạo dựng nên. Nhưng điều quan trọng hơn và nhất thiết phải có là sự kính trọng đối với

quyền uy thuộc loại như vậy trong cuộc đấu tranh mà chúng tôi đang tiến hành. Quốc tế, với tư cách là một tổ chức được lập ra để thực hiện mục tiêu xác định, không có lý do tồn tại nếu Quốc tế không có cơ quan giám sát theo dõi để những nhóm riêng lẻ không làm mất uy tín toàn thể Hội liên hiệp và không gây hại cho lợi ích của Quốc tế". (Nói với phái chủ trương không can dự): "Các anh muốn chống lại nền chuyên chế bá vương tập trung, nhưng lại rơi vào sự cực đoan khác, vào chủ nghĩa liên bang thuộc về thời kỳ lịch sử đã lùi vào dĩ vãng. Các anh muốn lật nhào bộ máy đã được tổ chức vững chắc của thế lực phản động, và để làm việc này, đã ra sắc lệnh dựng lên tình trạng vô chính phủ trong hàng ngũ của chính mình!" (Vỗ tay vang dậy). "*Phái theo chủ nghĩa liên bang* hoàn toàn không hiểu tiến trình lịch sử, đã phục vụ sự nghiệp của thế lực phản động trong thời gian diễn ra cuộc cách mạng Pháp lần thứ nhất; họ vừa mới chịu thất bại hoàn toàn ở nước Đức, họ không tránh khỏi sự thất bại ở *Áo*. Chủ nghĩa liên bang tại vùng núi Giuy-ra, Bỉ, Hà Lan và tại một số tỉnh Tây Ban Nha đã mở cửa cho bọn nội gián chui vào hàng ngũ chúng ta và đã đẩy một số nhóm vào con đường liên minh với thế lực phản động... Người ta viện dẫn Pru-đông, người mà vào năm 1863 đã khuyến nghị sự không tham gia chính trị đối với đế chế. Thứ chủ nghĩa không can dự ấy đã đưa tới đâu? Đưa đến sự hình thành chính phủ bất tài và phản trắc. Tôi tuyệt nhiên không lên án những người tham gia Công xã Pa-ri; cuộc cách mạng ngày 18 tháng Ba đã nảy sinh do sự tất yếu, hơn nữa nó đã được kích cho bùng nổ. Nước Pháp nhờ nó mà giữ được chính thể cộng hòa. Nhưng tính chất liên bang chủ nghĩa là một trong số những khuyết tật chủ yếu của nó. Khi đập tan Công xã, Chi-e đã có thể viện dẫn việc duy trì sự thống nhất quốc gia, giống như các nhà hoạt động nhà nước

Pháp đã hành động trong cuộc tàn sát các tín đồ giáo phái Huy-gơ-nô... Nếu các anh không muốn tham gia vào hoạt động chính trị của chúng tôi – hoạt động này có sứ mạng làm sáng lên một cách toàn diện và huy động những khối óc, nếu các anh muốn đứng tách riêng như một giáo phái, thì lịch sử thế giới, bất chấp các anh, sẽ chuyển sang làm những công việc trước mắt của mình".

Đúng như dự kiến, bản nghị quyết về lập trường của Quốc tế đối với chính trị đã được thông qua với sự hậu thuẫn chung, chống lại những tiếng nói của phái ủng hộ Ba-cu-nin[1*].

Phiên họp kín hôm qua còn quyết định giao cho Tổng Hội đồng thành lập các công đoàn quốc tế, triệu tập đại hội tiếp theo tại Thụy Sĩ và thu hội phí hàng năm với mức trước kia.

Ủy ban tài chính đã báo cáo về chế độ báo cáo tài chính được công nhận là đúng đắn; tổng số chi và thu đã được công bố trước sự hiện diện của tất cả các đại biểu, hóa ra, một số ủy viên Tổng Hội đồng thuộc các giai cấp hữu sản đã chịu phần lớn các khoản chi phí[2*].

Lúc 7 giờ *phiên họp công khai thứ ba* đã khai mạc, vì theo đề nghị của các đại diện báo chí, người ta đã bỏ quyết định được thông qua hôm qua về việc không tiến hành những phiên họp công khai .

Một đám người đông đảo lại ùa đến phần hội trường được ngăn riêng cho khách, các đường phố kề cận cũng đầy người, nhưng lần này đã có được một trật tự kiểu mẫu.

1* Xem tập này, tr. 683-684.

2* C.*Mác* và *Ph. Ăng-ghen*. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn thể Hội liên hiệp họp ở La Hay ngày 2-7 tháng Chín 1872

Các bài diễn văn của các đại biểu Hà Lan Van đéc A-be-lơ, Van đéc Hô-út, Héc-man và của đại biểu Bruy-xen Bri-x mê đề cập đến các nguyên tắc của Quốc tế và rất được tán đồng. Một vài tiếng huýt sáo chối tai ở tầng trên đã không thấy lặp lại, vì bản thân công chúng đã buộc những kẻ phá hoại sự bình yên phải trật tự. Sau khi công bố các nghị quyết của các phiên họp kín, cũng như công bố các bức thư và điện tín nhận được, phiên họp công khai lại được khép lại.

Phiên họp kín cuối cùng đã kết thúc vấn đề Đồng minh quốc tế. Đại hội đã thông qua nghị quyết khai trừ Đồng minh, và trước hết khai trừ các ông Ba-cu-nin và Ghi-ôm.

Vào lúc một giờ đêm, đại hội tuyên bố bế mạc. Hôm nay còn diễn ra hội nghị nhân dân ở Am-xtéc-đam, trung tâm phong trào công nhân Hà Lan.

Đã đăng trên các số ra buổi chiều của báo "Neue Freie Presse" số 2878 và 2890, ngày 29 tháng Tám và ngày 10 tháng Chín 1872

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Đức

C. MÁC

TRÍCH CÁC BIÊN BẢN CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG TRONG THỜI GIAN THÁNG SÁU 1870-THÁNG TƯ 1872[562]

CÁC PHIÊN HỌP CỦA HỘI ĐỒNG

Phiên họp của Hội đồng ngày 28 tháng Sáu 1870.

Mác đề nghị lấy Bruy-xen làm địa điểm đặt trụ sở của Tổng Hội đồng khóa sau v.v.. Gửi nghị quyết cho tất cả các chi hội.

Đề nghị được chấp nhận.

Hây-dơ cho biết ông có ý định đề nghị xem xét lại vấn đề.

Ngày 5 tháng Bảy. Tiếp tục thảo luận. Cuộc thảo luận bị hoãn lại.

Ngày 12 tháng Bảy. Mác: "Đề nghị các chi hội thảo luận vấn đề có nên dời nơi đóng trụ sở của Hội đồng ra khỏi Luân Đôn hay không. Trong trường hợp họ tỏ ý tán thành di chuyển thì đề nghị chọn Bruy-xen" (cần đưa ra câu trả lời đồng thời với các ủy nhiệm thư của các đại biểu) (bản chỉ dẫn cho các đại biểu). Chỉ có ba phiếu tán thành đề nghị của Hây-dơ.

Chương trình làm việc của Đại hội ở Ma-in-txơ.

Phiên họp ngày 2 tháng Tám.

Xéc-rai-ơ công bố bức thư gửi từ Bỉ đến, đề nghị tiến hành đại hội ở Am-xtéc-đam. Địa điểm này sẽ gần đối với tất cả các nước, trừ I-ta-li-a và Tây Ban Nha. Người Bỉ muốn Hội đồng ở lại Luân Đôn, và họ bác bỏ đề nghị dời trụ sở của Hội đồng đến Bruy-xen.

Những cuộc thảo luận về đại hội.

Mác phản đối đề nghị của những người Bruy-xen về địa điểm Am-xtéc-đam. Cần hỏi tất cả các chi hội: họ có đồng ý hoãn hay không. Có thể, thay vì đại hội cần tiến hành hội nghị đại biểu, như đã làm vào năm 1865.

I-ung phản đối họp đại hội. Thụy Sĩ đã gọi nhập ngũ (60 nghìn người).

Hây-đơ (với sự ủng hộ của Ếch-ca-ri-út) đề nghị hỏi các chi hội để họ cho biết ý kiến: họ có đồng ý hoãn họp đại hội hay không, và nếu đồng ý thì họ hãy ủy quyền cho Hội đồng quyết định vấn đề thời gian họp đại hội. *(Được chấp nhận.)*

Mác: nếu các chi hội đồng ý thì có thể triệu tập hội nghị đại biểu ở đây; nhưng ông tán thành tiến hành thăm dò ý kiến.

Ngày 9 tháng Tám. Người Tây Ban Nha đề nghị lấy Bác-xê-lô-na làm nơi triệu tập đại hội.

Ngày 16 tháng Tám. I-ung thông báo về bức thư của ban chấp hành Đức ở Thụy Sĩ, trong đó bày tỏ đồng ý hoãn họp đại hội, và ủy nhiệm cho Hội đồng ấn định thời gian và địa điểm; bức thư cũng cùng nội dung như vậy của Đảng dân chủ - xã hội Đức. Cả hai bức thư ấy đều phản đối việc di chuyển Hội đồng khỏi Luân Đôn.

Ngày 23 tháng Tám. Xéc-rai-ơ đọc bức thư của Hội đồng Bỉ bày tỏ đồng ý hoãn họp đại hội. Cũng nhận được ý kiến như vậy của Ban chấp hành vùng thuộc hệ ngôn ngữ Rô-man ở Giơ-ne-vơ, mong rằng Hội đồng cứ ở lại Luân Đôn.

Quyết định hoãn họp đại hội được thông qua.

Phiên họp ngày 22 tháng Mười một (các văn bản rút từ văn khố của chính phủ Bô-na-pác-tơ).

"Ngay trước khi tiến hành cuộc trưng cầu ý dân, Ô-li-vi-ê đã viết thư gửi đến tất cả các thành phố nước Pháp cho biết cần phải bắt giam các nhà lãnh đạo của Quốc tế, nếu không sẽ không thể tiến hành bỏ phiếu một cách thỏa đáng".

Phiên họp ngày 29 tháng Mười một. Mác cho biết rằng bè bạn của chúng ta ở Brao-svai-gơ, bị gông cùm, đã được chở ngược trở lại từ Lốt-sen, họ sẽ bị xét xử vì bị buộc tội phản quốc. Nhằm hù dọa giai cấp tư sản, các tờ bướm của cảnh sát đã công bố các bài viết dài thông báo rằng những nhân vật ấy là những đồng minh của Hội liên hiệp công nhân quốc tế, [đang tìm cách] lật nhào tất cả để lập ra nước cộng hòa toàn thế giới.

1871 [-1872]

Ngày 14 tháng Ba. Rô-bin đề nghị triệu tập hội nghị đại biểu. (Bị bác)

Ngày 25 tháng Bảy. Ăng-ghen đề nghị triệu tập hội nghị đại biểu, ông được Rô-bin ủng hộ.

Trong tháng này, đại giáo chủ Ma-lin-xki thành lập hiệp hội công nhân công giáo quốc tế nhằm chống lại Hội liên hiệp công nhân quốc tế.

Ngày 20 tháng Hai. Tuyên bố về U-tin[1*].

Ngày 12 tháng Ba. Các nghị quyết về Hợp chúng quốc[2*].

Ngày 16 tháng Tư. Cô-cren. Phô-xét[3*].

Được soạn thảo sau ngày 27 tháng Tám 1872
Công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong cuốn sách: "Đại hội đại biểu La Hay của Quốc tế I. Các ngày 2-7 tháng Chín 1872. Các biên bản và văn kiện". M., 1970

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Anh

1* *C.Mác* và *Ph.Ăng-ghen*. Tuyên bố của Tổng Hội đồng về hành động bạo ngược cảnh sát của nhà cầm quyền Thụy Sĩ

2* *C.Mác*. Các nghị quyết nói về sự chia rẽ trong Liên chi hội Mỹ được thông qua tại hội nghị của Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế ngày 5 và ngày 12 tháng Ba 1872

3* *C. Mác*. Tuyên bố của Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế nhân bài phát biểu của Cô-cren tại hạ nghị viện

C. MÁC

*NGHỊ QUYẾT VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ỦY VIÊN TỔNG HỘI ĐỒNG

Ủy viên Tổng Hội đồng không có quyền quy tội cho một ủy viên khác trong Hội đồng tại đại hội của Quốc tế, trước khi bắt đầu cuộc thảo luận về những người ứng cử vào Tổng Hội đồng mới.

Do C.Mác đưa ra tại phiên họp của Tiểu ban ngày 28 tháng Tám 1872
Công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong cuốn sách: "Tổng Hội đồng của Quốc tế I. 1871-1872". M., 1965

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Pháp

C. MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN

ĐỀ NGHỊ VỀ VIỆC CHUYỂN TRỤ SỞ VÀ VỀ THÀNH PHẦN TỔNG HỘI ĐỒNG TRONG NHỮNG NĂM 1872-1873[588]

Chúng tôi đề nghị trong những năm 1872-1873, địa điểm đóng trụ sở của Tổng Hội đồng được dời đến Niu-Oóc, và Hội đồng gồm những ủy viên sau đây thuộc Hội đồng liên chi hội Bắc Mỹ: *Ca-va-nác, Xanh-Cle-rơ, Xét-ti, Lơ-vi-e-lơ, Lô-ren, Ph.Gi.Béc-tơ-ran, Ph.Bôn-tê, C.Các*. Họ sẽ có quyền chỉ định bổ sung, nhưng tổng số ủy viên của Tổng Hội đồng tuyệt đối không được vượt quá 15 ủy viên.

Các Mác, Ph.Ăng-ghen, Va-le-ri Vru-blép-xki, Gi.Xét-xtôn, S.Lông-ghê, Ô.Xéc-rai-ơ, Mác-Đô-nen, Ó-gien Đuy-pông, Ph. Le-xnơ, Lơ Mút-xuy, M. Man-tơ-man Ba-ri[1*].

La Hay, ngày 6 tháng Chín 1872

Do C.Mác và Ph.Ăng-ghen viết ngày 6 tháng Chín 1872
Công bố dưới dạng bản chụp trong cuốn sách H.Schlüter. "Die Internationale in America". Chicago, 1918

In theo bản viết tay do C.Mác viết
Nguyên văn là tiếng Pháp

1* Tất cả đều trực tiếp ký tên.

PH.ĂNG-GHEN

VỀ ĐẠI HỘI LA HAY CỦA QUỐC TẾ[589]

Có 64 đại biểu tham gia đại hội này, trong đó: 16 đại biểu của Pháp, 10 – của Đức, 7– của Bỉ, 5 –của Anh, 5– của Bắc Mỹ, 4 –của Hà Lan, 4 –của Tây Ban Nha, 3– của Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh của Thụy Sĩ, 2– của Liên chi hội Giuy-ra của Thụy Sĩ, 1– của Ai-rơ-len, 1– của Bồ Đào Nha, 1– của Ba Lan, 1– của Áo, 1– của Hung-ga-ri, 1– của Ô-xtơ-rây-li-a, 2– của Đan Mạch. Một số đại biểu có ủy nhiệm thư của hai hoặc ba nước, cho nên những số liệu dẫn ra trên đây không hoàn toàn chính xác. Xét về thành phần dân tộc có 20 người Pháp, 16 người Đức, 8 người Bỉ, 6 người Anh, 3 người Hà Lan, 3 người Tây Ban Nha, 2 người Thụy Sĩ, 2 người Hung-ga-ri, 1 người Ba Lan, 1 người Ai-rơ-len, 1 người Đan Mạch, 1 người Coóc-xơ. Trong số các đại hội trước đây, không đại hội nào có đại biểu của nhiều dân tộc như vậy.

Việc kiểm tra các ủy nhiệm thư chiếm mất gần ba ngày. Sở dĩ có tình hình này là vì người ta không thừa nhận một số chi hội là của Quốc tế. Ví dụ, tình hình chi hội số 2 (chi hội Pháp)

ở Niu-Oóc là như vậy; chi hội này, sau khi tham gia đại hội gần đây của Liên chi hội Mỹ, đã lên tiếng phản đối các nghị quyết của đại hội này và vì vậy đã bị Hội đồng Liên chi hội Mỹ khai trừ ra khỏi liên chi hội này. Vì sau đấy nó không được Tổng Hội đồng thừa nhận là chi hội độc lập, còn đại hội thì không xét lại việc khai trừ nó, cho nên đại biểu của nó đã không được tham gia đại hội, còn ủy nhiệm thư của đại biểu ấy đã không thể được phê duyệt (Quy chế tổ chức, II, các điều 5 và 6; IV, điều 4).

Tình hình thẩm quyền của Liên chi hội Ma-đrít mới thì khác. Chi hội này gồm một số công nhân đã bị Liên chi hội Ma-đrít cũ khai trừ do đủ loại nguyên cớ giả tạo và trong điều kiện các điều lệ địa phương đã bị vi phạm hiển nhiên. Nguyên nhân đích thực dẫn đến sự khai trừ là những công nhân ấy đã buộc tội Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa – một hội kín được tổ chức ở bên trong Quốc tế tại Tây Ban Nha – là phản bội Quốc tế. Sau đó, những công nhân này đã tự tổ chức thành Liên chi hội Ma-đrít mới và yêu cầu Hội đồng liên chi hội Tây Ban Nha công nhận. Hội đồng này – đa số, nếu không phải là toàn bộ, thuộc Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa – đã khước từ. Sau khi Tổng Hội đồng, được họ đề nghị, đã công nhận họ là liên chi hội độc lập[1*] thì họ đã cử một đại biểu của mình nhưng các đại biểu của Liên chi hội Tây Ban Nha đã kháng nghị thẩm quyền của đại biểu này. Trong trường hợp cụ thể này, Tổng Hội đồng đã không chú ý đến quy định trong Quy chế tổ chức (II, 5), theo quy định này thì trước khi cho phép Liên chi hội Ma-đrít mới tham gia đại hội, Tổng Hội đồng phải tham khảo ý kiến Hội đồng Tây Ban Nha;

1* *Ph.Ăng-ghen*. Tổng Hội đồng gửi Liên chi hội Ma-đrít mới

Tổng Hội đồng hành động như vậy, vì một mặt, xét thấy chậm trễ là nguy hại, mặt khác, Hội đồng Liên chi hội Tây Ban Nha, bằng hành động công khai ngả về phía Đồng minh, đã dấy lên cuộc nổi loạn chống lại Quốc tế.

Đại hội đã tán thành cách hành động của Tổng Hội đồng bằng đa số phiếu áp đảo, không ai biểu quyết phản đối; như vậy, Liên chi hội Ma-đrít mới đã được công nhận.

Vấn đề tương tự đã nảy sinh với ủy nhiệm thư của Chi hội tuyên truyền cách mạng Giơ-ne-vơ, chi hội này đã không được Tổng Hội đồng công nhận, theo đề nghị của ban chấp hành Giơ-ne-vơ, Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ Rô-man ủy nhiệm thư và như vậy toàn bộ chi hội đã tạm thời không được công nhận cho đến cuối đại hội, và vì thiếu thời gian nên trường hợp này đã không được xem xét, chi hội này vẫn chưa được công nhận.

Quyền của Tổng Hội đồng có sáu đại biểu, cũng giống như tại các đại hội trước, đã được công nhận sau khi có những ý kiến phản đối không đáng kể.

Bốn đại biểu của Liên chi hội Tây Ban Nha chưa nộp khoản hội phí năm trước đã chỉ được phép tham gia đại hội sau khi đã trả khoản hội phí này.

Sau cùng, đại biểu của chi hội Mỹ số 12[1*] – của chính cái chi hội đã gây ra tất cả vụ tai tiếng ở Niu-Oóc (như đã thông báo trước đây trên tờ "Volksstaat"[2*]) – sau bài phát biểu kéo dài của mình nhằm bảo vệ chi hội số 12, đã bị đại hội nhất trí bác bỏ, và do vậy, chi hội số 12 rốt cuộc vẫn ở ngoài Quốc tế.

1* - Oét-xtô

2* *Ph.Ăng-ghen*. Quốc tế ở Mỹ

Vậy là, dưới hình thức kiểm tra các ủy nhiệm thư, hầu như tất cả các vấn đề thực tiễn đã làm bận tâm Quốc tế trong suốt một năm, đã được xem xét và giải quyết. Với đa số từ 38 đến 45 phiếu thuận so với thiểu số 12-20 đại biểu - thông thường nói chung những đại biểu ấy không biểu quyết - đại hội đã tán thành từng bước đi của Tổng Hội đồng, mỗi lần đều biểu quyết tín nhiệm Tổng Hội đồng.

Đại biểu I-ta-li-a cũng đã đến, đó là ông Ca-phi-ê-rô, chủ tịch hội nghị đại biểu ở Ri-mi-ni, tại hội nghị đại biểu ấy ngày 4 tháng Tám, 21 chi hội (trong số ấy có 20 chi hội đã không thực hiện những điều kiện cho phép tham gia do Điều lệ quy định, nghĩa là những chi hội ấy hoàn toàn không thuộc Quốc tế) đã ra quyết định cắt đứt mọi liên hệ với Tổng Hội đồng và tiến hành đại hội của tất cả các chi hội đồng tình với quyết định ấy vào ngày 2 tháng Chín, không phải ở La Hay, mà ở Nơ-sa-ten thuộc Thụy Sĩ.

Hình như họ đã nghỉ lại, và ông Ca-phi-ê-rô đã đến La Hay, nhưng tỏ ra khôn ngoan đến mức đã để giấy ủy nhiệm trong túi và chỉ tham dự đại hội với tư cách khán giả bình thường, trên cơ sở thẻ hội viên mà thôi.

Ngay lập tức, trong lần biểu quyết đầu tiên - để bầu ủy ban kiểm tra ủy nhiệm thư - hội nghị đã phân ra thành phe đa số và phe thiểu số, vẫn là những nhóm cố kết cho đến cuối, trừ một ít ngoại lệ. Các nước Pháp, Đức, Mỹ, Ba Lan, Đan Mạch, Ai-rơ-len, Áo, Hung-ga-ri, Bồ Đào Nha, Liên chi hội khu vực thuộc hệ ngôn ngữ Rô-man của Thụy Sĩ và Ô-xtơ-rây-li-a tạo thành phe đa số. Bỉ, Liên chi hội Tây Ban Nha và Liên chi hội Giuy-ra, Hà Lan, một đại biểu Pháp và một đại biểu Mỹ tạo thành phe thiểu số, phe này đã hoàn toàn hoặc một phần không biểu quyết về đại bộ

phận các vấn đề. Các đại biểu Anh đã bỏ phiếu lẻ tẻ và theo những cách thức khác nhau. Hạt nhân của phe đa số là người Đức và người Pháp, họ đã cùng nhau đồng tâm nhất trí, tựa hồ như thể đã hoàn toàn không có tất cả các hoạt động lớn năm 1870 về các mặt quân sự, chính phủ và nhà nước. Sự đồng tâm nhất trí của công nhân Đức và Pháp đã được hun đúc vào dịp kỷ niệm hai năm ngày đầu hàng trong trận Xê-đăng – đây là bài học đối với Bi-xmác chẳng kém gì đối với Chi-e !

Sau khi kết thúc vấn đề các ủy nhiệm thư, người ta đã chuyển sang vấn đề cấp bách thứ nhất: địa vị của Tổng Hội đồng. Không thể có vấn đề *giải thể* Tổng Hội đồng, bằng chứng là những cuộc thảo luận đầu tiên tại phiên họp công khai vào tối thứ tư. Đứng trước phe đa số cố kết, rõ ràng đầy quyết tâm không để cho Quốc tế biến thành một thứ đồ chơi, thì những câu sáo rỗng rất kêu về chế độ liên bang tự do, chế độ tự trị của các chi hội v.v. đã không gây được một tác động nào. Các đại biểu những nước mà tại đó Quốc tế phải tiến hành đấu tranh thực sự với chính quyền nhà nước, tức là những người nhận thức Quốc tế một cách nghiêm túc nhất (người Đức, người Pháp, người Áo, người Hung-ga-ri, người Ba Lan, người Bồ Đào Nha, người Ai-rơ-len), đã cho rằng Tổng Hội đồng phải có quyền lực nào đó và không nên hạ thấp nó thành một "hòm thư" đơn giản, "phòng nhận bài vở thư tín và tài liệu thống kê" như phe thiểu số đòi hỏi. Do vậy, để đưa thêm vào điều 2, chương II của Quy chế tổ chức, – điều khoản ấy nói:

"Tổng Hội đồng có trách nhiệm thi hành các nghị quyết của các đại hội", - người ta đã thông qua với 40 phiếu tán thành, 5 phiếu phản đối và 4 phiếu trắng, điều bổ sung sau đây:

"và theo dõi việc tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc của Điều lệ chung và Quy chế tổ chức của Quốc tế".

Còn điều 6 cũng của chương đó:

"Tổng Hội đồng cũng có quyền tạm thời khai trừ khỏi Quốc tế bất kỳ chi hội nào cho đến đại hội thường kỳ tiếp theo" thì nói tiếp:

"Tổng Hội đồng có quyền tạm thời khai trừ các chi hội, các hội đồng liên chi hội hoặc các ban chấp hành liên chi hội và trọn vẹn các liên chi hội.

Song, đối với các chi hội là thành viên của liên chi hội nào đó thì Tổng Hội đồng sẽ tham khảo ý kiến với hội đồng liên chi hội tương ứng.

Trong trường hợp hội đồng liên chi hội bị giải thể thì Tổng Hội đồng phải đề nghị bầu ra hội đồng liên chi hội mới, trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày.

Trong trường hợp có trọn vẹn một liên chi hội bị khai trừ tạm thời thì Tổng Hội đồng phải lập tức thông báo việc này cho tất cả các liên chi hội, và nếu đa số các liên chi hội đó đòi hỏi thì Tổng Hội đồng phải triệu tập - chậm nhất là sau một tháng - hội nghị đại biểu bất thường (mỗi nước cử một đại biểu đến dự hội nghị này) để ra nghị quyết cuối cùng về những vấn đề còn tranh chấp" (36 phiếu tán thành, 11 phiếu phản đối, 9 đại biểu không biểu quyết).

Nghị quyết này đã làm sáng tỏ đầy đủ địa vị của Tổng Hội đồng mà trên cơ sở Điều lệ trước kia và các nghị quyết của các đại hội, địa vị ấy đã có thể gây ra những hoài nghi. Tổng Hội đồng là ban chấp hành của Hội liên hiệp công nhân quốc tế và với tư cách như vậy, nó có những thẩm quyền nhất định đối với các chi hội và các liên chi hội. Trên thực tế, những thẩm quyền này không được những nghị quyết kể trên mở rộng; chúng chỉ được thể hiện rõ hơn và đã có được những bảo đảm sẽ không bao

giờ cho phép Tổng Hội đồng để mất đi ý thức trách nhiệm của mình. Sau khi có quyết định ấy rồi thì, hơn bao giờ hết, càng ít có thể có chuyện độc tài của Tổng Hội đồng.

Việc đưa hai điều khoản này vào Quy chế tổ chức đã đáp ứng nhu cầu bức xúc nhất. Do thời gian bị hạn chế nên người ta đã không xem xét lại một cách tỉ mỉ bản Điều lệ. Song, liên quan đến Điều lệ còn có một điểm quan trọng nữa. Những bất đồng nghiêm trọng đã nảy sinh xung quanh vấn đề có tính chất cương lĩnh về hoạt động chính trị của giai cấp công nhân. Phái Ba-cu-nin trong Liên chi hội Giuy-ra ở Thụy Sĩ, ở Tây Ban Nha và I-ta-li-a đã tuyên truyền chủ trương tuyệt đối khước từ mọi hoạt động chính trị, đặc biệt là khước từ hoạt động bầu cử, coi đó là một luận đề của Quốc tế. Sự lý giải sai trái ấy đã bị loại bỏ bởi nghị quyết của Hội nghị đại biểu IX họp ở Luân Đôn vào tháng Chín 1871; song, đáp lại, phái Ba-cu-nin đã bác bỏ cả quyết định này, coi đó như là hội nghị này đã vượt quá các thẩm quyền của mình. Đại hội lại làm sáng tỏ vấn đề này bằng cách đưa vào bản Điều lệ - bằng đa số hơn 2/3 số phiếu - nghị quyết của Hội nghị đại biểu Luân Đôn[1*], qua sự trình bày dưới đây:

"Trong cuộc đấu tranh của mình chống quyền hợp nhất của các giai cấp hữu sản, giai cấp công nhân chỉ có thể hành động với tư cách là một giai cấp với điều kiện là nó tự tổ chức thành một chính đảng riêng, đối lập với tất cả các chính đảng cũ do các giai cấp hữu sản dựng lên.

Việc giai cấp công nhân tự tổ chức thành chính đảng là việc làm cần thiết để bảo đảm thắng lợi cho cuộc cách mạng xã hội và việc đạt được mục đích cuối cùng của cuộc cách mạng này - thủ tiêu các giai cấp.

1* Trong báo viết là: "ở nước Anh".

Việc thống nhất lực lượng của giai cấp công nhân mà giai cấp này đã đạt được nhờ đấu tranh kinh tế, cũng phải trở thành đòn xeo trong cuộc đấu tranh của giai cấp ấy chống lại quyền lực chính trị của những kẻ bóc lột họ.

Vì bọn trùm sở hữu ruộng đất và tư bản luôn luôn sử dụng những đặc quyền chính trị của chúng để bảo vệ và duy trì mãi mãi các độc quyền kinh tế của chúng và để nô dịch lao động, cho nên việc giành lấy chính quyền đã trở thành nhiệm vụ vĩ đại của giai cấp vô sản".

Nghị quyết này được thông qua với 28 phiếu thuận và 13 phiếu chống (kể cả những đại biểu không biểu quyết). Nhưng ngoài ra, có 4 người Pháp và 6 người Đức - họ đã phải ra về sớm hơn - đã biểu quyết dưới hình thức văn bản *tán thành* điều khoản mới của Điều lệ, cho nên trên thực tế đa số là 38 phiếu.

Nhờ nghị quyết này mà sau này phái chủ trương không can dự sẽ không thể tung ra ý kiến gây lầm lạc cho rằng tuồng như việc khước từ mọi cuộc bầu cử và mọi hoạt động chính trị là nguyên tắc của Quốc tế. Nếu phe phái này - ngay từ đầu nó đã gây ra tất cả những vụ lục đục trong Quốc tế - ngay cả giờ đây vẫn còn xem việc tham gia Quốc tế là không dung hợp được với những nguyên tắc của mình, thì đó là việc của nó; chắc chắn sẽ chẳng có ai giữ phe nhóm này ở lại trong Quốc tế.

Vấn đề tiếp theo là bầu Tổng Hội đồng mới. Đa số các ủy viên trong Tổng Hội đồng trước - Mác, Ăng-ghen, Xéc-rai-ơ, Đuy-pông, Vru-blép-xki, Mác-Đô-nen và những người khác - đã đề nghị dời Tổng Hội đồng đến Niu-Oóc và bầu vào Tổng Hội đồng tám ủy viên của Hội đồng liên chi hội Mỹ, và Liên chi hội Mỹ phải bổ sung thêm bảy người nữa vào Hội đồng Liên chi hội Mỹ. Cơ sở của đề nghị này là sự thể những ủy viên tích cực nhất của Tổng

Hội đồng trước đây, mà gần đây đã buộc phải dành toàn bộ thời gian của mình phục vụ cho Quốc tế, thì nay không thể làm như vậy được nữa. Đã nhiều tháng trước đây, Mác và Ăng-ghen thông báo cho các bạn bè của mình biết rằng đối với các vị ấy thì việc tiếp tục các công việc khoa học chỉ có thể thực hiện được với điều kiện họ rút ra khỏi Tổng Hội đồng.

Những người khác cũng có những động cơ như vậy. Nếu vẫn ở lại Luân Đôn thì Tổng Hội đồng sẽ bị mất đi chính những ủy viên, mà cho đến nay, đã tiến hành tất cả hoạt động thực tiễn, vừa làm công việc bài vở thông tấn, vừa tiến hành hoạt động chính luận. Trong khi ấy ở Luân Đôn có hai thành phần tìm cách chiếm ưu thế trong Tổng Hội đồng, và trong hoàn cảnh như vậy, chắc chắn họ sẽ làm được điều đó.

Một trong hai thành phần ấy là những phần tử Blăng-ki Pháp (tuy nhiên, bản thân Blăng-ki thì chưa khi nào thừa nhận họ), một nhóm không đông, thay vì nhận thức rõ tiến trình thực sự của phong trào thì ở họ, lối nói cách mạng sáo rỗng lại ngự trị; thay vì tiến hành hoạt động tuyên truyền thì họ lại bận rộn vụn vặt với những âm mưu hư ảo, chỉ dẫn đến những vụ bắt bớ vô bổ. Nếu để cho những con người ấy nắm giữ việc lãnh đạo Quốc tế ở Pháp thì có nghĩa là ném người của chúng ta ở đó vào tù một cách vô nghĩa, và lại gây ra tình trạng vô tổ chức tại 30 tỉnh, mà tại đó có sự khởi sắc của Quốc tế. Tại chính đại hội đã có đủ việc xảy ra để tin chắc rằng các hội viên Quốc tế ở Pháp sẽ đồng ý làm bất kỳ điều gì, nhưng không đồng ý để những ngài ấy đứng đầu.

Ở Luân Đôn, thành phần nguy hiểm thứ hai là những thủ lĩnh công nhân Anh mà tại đại hội, Mác đã nói thẳng vào mặt họ như sau: thật ô nhục nếu thuộc vào số những thủ lĩnh công nhân Anh,

bởi vì hầu như tất cả bọn họ đã bán mình cho ngài Sác-lơ Đin-cơ, Xa-mu-en Mô-rơ-li hoặc cho chính bản thân Glát-xtôn[1*]. Những con người ấy - mà đa số các ủy viên Pháp - Đức cố kết trong Tổng Hội đồng cho đến nay đã không để cho họ tung hoành và hành động - giờ đây sẽ đóng một vai trò hoàn toàn khác, và hoạt động của Quốc tế ở nước Anh sẽ không chỉ chịu sự kiểm soát của các phần tử cấp tiến tư sản, mà chắc chắn nó thậm chí sẽ rơi vào sự kiểm soát của chính phủ.

Như thế, việc dời đi là cần thiết, và một khi người ta đã đồng ý làm việc này thì Niu-Oóc là địa điểm duy nhất kết hợp được hai điều kiện cần thiết: sự an toàn đối với kho lưu trữ của Hội liên hiệp công nhân quốc tế và thành phần quốc tế của chính Tổng Hội đồng. Đã phải có một số nỗ lực để có được quyết định ấy; lần này thì người Bỉ đã tách khỏi phái thiểu số và biểu quyết tán thành Luân Đôn, người Đức đặc biệt đòi Tổng Hội đồng lưu lại Luân Đôn. Trong khi ấy, sau nhiều lần biểu quyết, nghị quyết về việc dời Tổng Hội đồng đến Niu-Oóc đã được thông qua, và với quyền bổ sung thành phần của Tổng Hội đồng lên đến 15 người, 12 ủy viên sau đây của Tổng Hội đồng đã được bầu: Ca-va-nác và Xanh-Cle-rơ (đều là người Ai-rơ-len), Lô-ren (người Thụy Điển), Phoóc-na-se-ri (người I-ta-li-a), Đa-vít, Lơ-vi-e-lơ, Đê-rô-rơ (đều là người Pháp), Bôn-tê, Béc-tơ-ran, Các Spây-ơ (đều là người Đức), Uốc-đơ (người Mỹ).

Tiếp đó đã quyết định triệu tập đại hội lần tới tại Thụy Sĩ, giao cho Tổng Hội đồng đảm nhiệm việc lựa chọn thành phố.

Sau khi bầu ra Tổng Hội đồng mới, La-phác-gơ đã thay mặt hai liên chi hội mà ông đại diện, Liên chi hội Bồ Đào Nha và

1* *C.Mác*. Bản ghi lời phát biểu của C.Mác về giấy ủy nhiệm tư cách đại biểu của Ba-ri

Liên chi hội Ma-đrít mới, đưa ra đề nghị đã được nhất trí chấp thuận sau đây:

"Trao nhiệm vụ đặc biệt cho Tổng Hội đồng mới thành lập các công đoàn quốc tế.

Nhằm mục đích này, trong thời hạn một tháng, kể từ sau đại hội, Tổng Hội đồng phải thảo ra một bức thư, thư này phải được dịch và in bằng tất cả các thứ tiếng, được gửi cho tất cả các hội công nhân đã gia nhập hoặc không gia nhập Quốc tế, mà địa chỉ của các tổ chức ấy thì Tổng Hội đồng đã biết rõ.

Trong bức thư này, Tổng Hội đồng phải kêu gọi tất cả các hội công nhân thành lập hiệp hội quốc tế của ngành nghề hữu quan.

Bản thân từng hội công nhân sẽ được người ta đề nghị tự xác định các điều kiện mà theo đó, hội ấy có thể gia nhập hiệp hội quốc tế của ngành nghề hữu quan.

Tổng Hội đồng được giao nhiệm vụ thu thập tất cả các điều kiện được nêu ra bởi những hội tán thành đề nghị nói trên, và soạn thảo dự thảo chung của bản điều lệ sẽ được đưa ra để tranh thủ sự tán đồng trước của các hội gia nhập Hội liên hiệp.

Đại hội sắp tới sẽ phê chuẩn lần cuối bản điều lệ của các hiệp hội quốc tế".

Như vậy là ngay từ đầu, Tổng Hội đồng mới đứng trước nhiệm vụ quan trọng về tổ chức thực tiễn; hình như chỉ nguyên việc giải quyết nhiệm vụ này sẽ đủ để đem lại một khí thế chưa từng thấy cho Quốc tế tưởng như đã chết.

Cũng đến lượt giải quyết cả vấn đề về *Đồng minh*. Ủy ban có nhiệm vụ chuẩn bị để mục này cho đại hội thì sau thời gian làm việc kéo dài, cuối cùng vào thứ bảy, lúc 9 giờ tối, đã hoàn tất xong bản báo cáo của mình. Trong bản báo cáo, điều lệ và các

mục tiêu của Đồng minh đã bị tuyên bố là trái với Điều lệ và những mục tiêu của Quốc tế, và người ta đã yêu cầu khai trừ người sáng lập ra Đồng minh này là Ba-cu-nin, hai người lãnh đạo của Liên chi hội Giuy-ra là Ghi-ôm và Svít-xguê-ben, những đại diện chủ chốt của Đồng minh, tiếp đó khai trừ B. Ma-lông và hai nhân vật nữa. Đa số ủy viên trong ủy ban này đã được người ta cung cấp các bằng chứng cho thấy Đồng minh là một hội kín được lập ra không phải để tiến hành âm mưu chống các chính phủ, mà là để tiến hành âm mưu chống lại Quốc tế. Tại Đại hội Ba-lơ, phái Ba-cu-nin vẫn còn hy vọng chiếm đoạt việc lãnh đạo Quốc tế. Do vậy, bản thân họ lúc ấy đã đưa ra những quyết nghị Ba-lơ nổi tiếng nhằm mở rộng các thẩm quyền của Tổng Hội đồng.

Bị vỡ mộng và một lần nữa mất đi hy vọng thực hiện các ước vọng của mình, do kết quả của Hội nghị đại biểu ở Luân Đôn - trước khi hội nghị này được triệu tập họ đã được củng cố khá mạnh ở Tây Ban Nha và I-ta-li-a - họ đã thay đổi sách lược của họ. Liên chi hội Giuy-ra hoàn toàn nằm trong tay Đồng minh, đã tung ra bản thông tri Xông-vi-li-ê của nó, trong đó chứa đựng những lời đả kích nhằm vào các nghị quyết Ba-lơ - mà trước kia do các đại biểu của chính họ đưa ra - coi đó là nguồn gốc của mọi tai ương, do ma quỷ thổi vào, ma quỷ đó là "chế độ cực quyền", và họ đã đề xuất chế độ tự trị hoàn toàn, sự liên minh tự do của các nhóm độc lập, coi đó là mục tiêu duy nhất của Quốc tế. Lẽ đương nhiên rồi. Bởi vì, nếu một hội kín được lập ra để chiếm đoạt quyền lãnh đạo một hội hợp pháp lớn hơn, mà lại không thể công khai chiếm lấy quyền lực tối cao, thì nó đạt tới mục tiêu của mình một cách có kết quả hơn cả bằng cách phá hoại tổ chức của hội hợp pháp. Ở đâu không có cơ quan lãnh đạo trung ương và không có các cơ quan trung ương toàn quốc, hoặc

ở nơi nào các cơ quan ấy bị tước hết mọi thẩm quyền thì bọn âm mưu gian hùng, bằng cách hành động chung, sẽ dễ dàng bảo đảm cho mình nắm được trọn vẹn quyền lãnh đạo bằng con đường gián tiếp. Căn cứ vào kế hoạch này, các phần tử thuộc Đồng minh ở Giuy-ra, Tây Ban Nha và I-ta-li-a đã hành động rất ăn khớp, còn tại Đại hội La Hay hành động phá hoại tổ chức sẽ phải đi xa đến mức dự định thủ tiêu chẳng những Tổng Hội đồng, mà cả tất thảy các cơ quan trung ương, mọi nghị quyết của các đại hội và ngay cả Điều lệ chung, trừ phần mào đầu. Người I-ta-li-a đã đưa điều này vào điều lệ của tổ chức mình; các đại biểu của Giuy-ra đã nhận được ủy nhiệm thư bắt buộc phải đưa đề nghị về việc này ra đại hội, và trong trường hợp bị bác thì rời bỏ đại hội. Song, họ đã tính nhầm. Ủy ban đã được cung cấp những văn bản đích thực, chứng minh mối liên hệ của tất cả những âm mưu ấy tại Tây Ban Nha, I-ta-li-a và Thụy Sĩ; các văn bản này cho thấy rõ rằng sự liên hệ bí mật là ở ngay trong Đồng minh mà khẩu hiệu của nó do Ba-cu-nin đề ra, và thành viên của Đồng minh này gồm Ghi-ôm và Svít-xguê-ben. Ở Tây Ban Nha - nơi mà từ lâu Đồng minh là điều bí mật mà ai cũng biết - thì nó đã bị giải thể rồi, theo lời khẳng định của các đại biểu là thành viên của nó, và do những lời khẳng định lặp đi lặp lại ấy mà họ đã không bị bất kỳ sự trừng phạt nào.

Về vấn đề này đã có những cuộc thảo luận sôi nổi. Phái Đồng minh đã làm tất cả mọi việc để trì hoãn vấn đề, vì vào lúc 12 giờ đêm hợp đồng thuê địa điểm họp đã chấm dứt và đại hội phải bế mạc. Hành vi của phái Đồng minh đã loại trừ mọi sự hoài nghi về sự tồn tại và mục tiêu cuối cùng của âm mưu mà họ thực hiện. Sau cùng thì đa số đại biểu đã buộc được cả hai bị can chủ yếu có mặt tại đại hội - Ghi-ôm và Svít-xguê-ben - phải lên tiếng; sau khi những bài diễn văn bào chữa của họ kết thúc

liền có ngay cuộc biểu quyết. Ba-cu-nin và Ghi-ôm đã bị khai trừ ra khỏi Quốc tế, Svít-xguê-ben đã tránh được số phận ấy nhờ sự chênh lệch nhỏ về số phiếu, nhờ vẻ dễ thương của cá nhân ông ta; sau đấy người ta đã quyết định ân xá những người còn lại.

Những việc khai trừ đó là sự tuyên chiến công khai của Quốc tế đối với Đồng minh và đối với toàn thể phe phái của ông Ba-cu-nin. Cũng như mọi trào lưu khác trong chủ nghĩa xã hội vô sản, phe phái Ba-cu-nin đã được gia nhập Quốc tế trên cơ sở điều kiện chung cho tất cả mọi người - tuân thủ sự đồng thuận và tuân theo Điều lệ và các nghị quyết đại hội. Thay vì làm như vậy, phe nhóm này - do các phần tử khống luận-tư sản lãnh đạo, họ mang đầu óc hư danh hơn là có năng lực - đã tìm cách áp đặt cho toàn thể Hội liên hiệp cương lĩnh bè phái chật hẹp của mình, vi phạm Điều lệ và các nghị quyết đại hội và sau đấy còn tuyên bố những văn bản ấy là trò nhảm nhí cực quyền, không có tính chất bắt buộc đối với nhà cách mạng thực thụ. Thái độ kiên trì gần như không thể giải thích được của Tổng Hội đồng đã nhiều năm chịu đựng những âm mưu và thói vu khống của bè lũ nhỏ nhoi những phần tử gây lộn ấy, - chỉ đem lại cho Tổng Hội đồng lời chỉ trích là có những hành động chuyên chế mà thôi. Giờ đây, cuối cùng thì đại hội đã bày tỏ ý kiến, hơn nữa đủ rõ ràng. Cũng rõ ràng như thế là ngôn ngữ của các văn kiện liên quan đến Đồng minh và những âm mưu của ông Ba-cu-nin nói chung, đã được ủy ban công bố theo nghị quyết của đại hội[1*]. Lúc ấy mọi người sẽ thấy người ta đã định lạm dụng Quốc tế vì những mục đích thấp hèn như thế nào.

1* *C.Mác* và *Ph.Ăng-ghen*. Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa và Hội liên hiệp công nhân quốc tế. Báo cáo và các văn kiện được công bố theo quyết định của Đại hội La Hay của Quốc tế

Ngay sau cuộc biểu quyết về vấn đề này, phái thiểu số đã đọc bản tuyên bố do tất cả các đại biểu của vùng Giuy-ra, của Bỉ, của Hà Lan và bốn đại biểu Tây Ban Nha, ngoài ra còn có cả một đại biểu Pháp và một đại biểu Mỹ, ký tên, lời tuyên bố này nói rằng sau khi tất cả các đề nghị của họ bị bác bỏ thì họ, tuy vẫn muốn duy trì liên hệ với Tổng Hội đồng để trao đổi tin bài và số liệu thống kê, cũng như để nộp hội phí, nhưng họ sẽ không chấp nhận bất kỳ một sự can thiệp nào của Tổng Hội đồng vào sinh hoạt nội bộ của các liên chi hội. Trong trường hợp có sự can thiệp như vậy từ phía Tổng Hội đồng thì tất cả các liên chi hội đã ký tên trong bản tuyên bố này sẽ tuyên bố đồng tình với liên chi hội bị đụng chạm, trừ phi sự can thiệp ấy sẽ được biện minh bởi một sự vi phạm công khai bản Điều lệ đã được thông qua tại Đại hội Giơ-ne-vơ.

Do đó, những người ký tên trong bản tuyên bố này chỉ thừa nhận mình bị ràng buộc bởi bản Điều lệ Giơ-ne-vơ năm 1866, nhưng không phải bởi những điểm sửa đổi sau đó và bởi những nghị quyết của các đại hội tiếp theo. Họ chỉ quên rằng chính bản Điều lệ Giơ-ne-vơ đã công nhận hiệu lực bắt buộc của tất cả các nghị quyết đại hội và như vậy, ý kiến bảo lưu của họ sẽ hoàn toàn sụp đổ. Tuy nhiên, văn bản này không có ý nghĩa nào cả và cũng đã bị đại hội đón nhận với thái độ thờ ơ xứng đáng. Những người ký tên trong bản tuyên bố ấy đã vượt quá thẩm quyền của mình khi tìm cách

1) buộc các liên chi hội của mình phải thiết lập liên minh riêng rẽ[590] ở bên trong Quốc tế và

2) buộc họ phải chỉ thừa nhận hiệu lực hợp pháp của bản Điều lệ Giơ-ne-vơ, còn tất cả những nghị quyết tiếp theo của các đại hội thì phải hủy bỏ.

Vậy hiển nhiên là toàn bộ văn bản ấy - chỉ là do những kẻ lắm mồm trong Đồng minh áp đặt cho phe thiểu số ngốc nghếch - không có hiệu lực nào cả. Thậm chí nếu một chi hội nào đó hoặc một liên chi hội nào đó tìm cách bác bỏ tính chất hợp pháp của các nghị quyết đại hội của Quốc tế - được ghi nhận chính thức trong Điều lệ và Quy chế của chúng ta - thì Tổng Hội đồng mới chắc chắn sẽ biết cách hoàn thành nghĩa vụ của mình, cũng đúng y như Tổng Hội đồng trước kia đã làm đối với chi hội số 12 ở Mỹ. Cho đến nay đã đối phó được với những liên minh ly khai.

Chúng tôi xin nhận xét thêm rằng vào buổi chiều cùng ngày hôm ấy (thứ bảy), bản báo cáo tài chính của Tổng Hội đồng trong năm qua đã được kiểm tra, được công nhận là đúng và được tán thành.

Sau khi đọc thêm bức thư của chi hội La Hay gửi đại hội, đại hội đã kết thúc công việc của mình vào lúc mười hai giờ rưỡi đêm, giữa những tiếng hô vang: "Hội liên hiệp công nhân quốc tế muôn năm !"

Đã đăng trên báo "Der Volksstaat" số 78 và 81, ngày 28 tháng Chín và ngày 9 tháng Mười 1872

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

PH. ĂNG-GHEN

*NHỮNG TIỂU LUẬN VỀ PHONG TRÀO CÔNG NHÂN QUỐC TẾ ĐĂNG TRÊN BÁO "INTERNATIONAL HERALD"[591]

Tây Ban Nha

Cuộc bãi công của anh em lái tàu và thợ đốt lò thuộc tuyến đường sắt phía bắc vẫn tiếp tục. Các tờ báo tư sản đưa tin rằng các lái tàu và thợ đốt lò đình công trên tuyến đường sắt Va-len-xi-a đã chấm dứt cuộc đấu tranh rồi, nhưng tin này được đưa ra hình như lần thứ ba, và chúng tôi sẽ không tin vào tin này chừng nào các cơ quan báo chí của Quốc tế ở Tây Ban Nha chưa xác nhận nó.

Xem ra yêu sách giảm ngày lao động xuống còn 10 giờ - yêu sách này do các công nhân công xưởng ở Bác-xê-lô-na và vùng phụ cận, là hội viên của Quốc tế đưa ra - đã được thỏa mãn, vì các công xưởng đang hoạt động, còn báo chí khả kính thì giữ một sự im lặng rất có ý nghĩa. Trước đây ngày lao động là 12 và 13 giờ. Cần nêu rõ rằng thắng lợi đạt được chủ yếu nhờ các nỗ lực của công nhân ở Gác-xi-a, vùng ngoại ô công nghiệp của Bác-xê-lô-na,

ngay vào tháng Mười một năm ngoái họ đã nhất trí tỏ ý ủng hộ các nghị quyết của Đại hội La Hay.

Tại Ma-đrít, những công nhân xếp chữ cho các ấn phẩm có phần minh họa, tuy không dùng hình thức bãi công, nhưng đã buộc chủ của mình phải chấp nhận những điều kiện mới do công nhân đưa ra.

Đ ứ c

Các công nhân ngành in ở Đức đang tiến hành một cuộc đấu tranh ngày càng mang tính chất ác liệt. Họ có công đoàn với số hội viên gồm 4 nghìn công nhân trong số 7 nghìn công nhân làm nghề này trên toàn nước Đức. Mặt khác, các chủ xưởng in cũng lập ra hiệp hội của mình với điều lệ buộc các hội viên, trong trường hợp xảy ra cuộc đình công nghiêm trọng và theo quyết định tương ứng của ban chấp hành, thì phải lập tức sa thải tất cả những công nhân là đoàn viên công đoàn. Vậy là, mới vừa rồi công nhân ngành in ở Lai-pxích đã tuyên bố bãi công để đòi tăng tiền công, và ủy ban các chủ xưởng in thấy rằng ở Lai-pxích các chủ xưởng in bị mất trận địa của mình, nên đã kêu gọi các hội viên trong hiệp hội trên toàn nước Đức tuyên bố sa thải các đoàn viên công đoàn. Các chủ xưởng ngành in đã làm như vậy tại Lai-pxích, Béc-lin, Bre-xlau, Phran-phuốc, Muyn-sen và tại đa số các thành phố khác của Đức. Kết quả là nếu trong những ngày tới đây không đạt được thỏa thuận thì đại bộ phận công nhân sẽ bị sa thải vào tuần lễ tiếp theo, và toàn bộ báo chí và ngành kinh doanh sách của Đức sẽ hoàn toàn bị rối loạn. Trong khi các xưởng in tư nhân hoàn toàn bị tê liệt thì cơ sở in sách hợp tác xã ở Lai-pxích lại phát đạt và nhận được nhiều đơn đặt hàng đến mức không kịp thực hiện chúng.

Đre-xđen. – Đã xây dựng được ngành sản xuất hợp tác xã về đồ gỗ và đồ mộc.

Thụy Sĩ

Cuộc bãi công của thợ kim hoàn ở Giơ-ne-vơ đòi thực hiện chế độ ngày lao động 9 giờ vẫn tiếp diễn, đa số bọn chủ đã nhượng bộ và lại tiếp tục công việc ở các xưởng thợ theo chế độ 9 giờ một ngày. Nếu không ngừng ủng hộ công nhân bãi công thì có thể không hoài nghi về thắng lợi cuối cùng của công nhân.

Tại Giơ-ne-vơ, đây là cuộc bãi công lớn thứ hai đạt được thắng lợi nhờ sự trung gian của Quốc tế.

II

Tây Ban Nha

Cuộc bãi công của công nhân lái tàu và thợ đốt lò trên tuyến đường sắt chạy từ Va-len-xi-a đến Ta-ra-gô-na và An-man-xa đã kết thúc với thắng lợi hoàn toàn của công nhân, họ đã được thỏa mãn tất cả mọi yêu sách của mình. Mặt khác, cuộc bãi công trên tuyến đường sắt phía bắc ở Tây Ban Nha xem ra đã bị bẻ gãy do thiếu sự tổ chức.

Tại Bác-xê-lô-na, nhờ cuộc bãi công ngắn và thắng lợi, công nhân khuân vác than ở cảng đã đòi được khoản tăng tiền công, trung bình 10 pen-ni một ngày; thay vì 3 si-linh 9 pen-ni, giờ đây họ nhận được 4 si-linh 7 pen-ni cho ngày lao động 8 giờ.

Thụy Sĩ

Sắp tới đây, đại hội công nhân Thụy Sĩ sẽ họp tại Ôn-ten;

chưa xác định chính xác ngày khai mạc. Đại hội của công nhân đóng giày ở Thụy Sĩ đang được chuẩn bị.

Đ ứ c

Xem ra cuộc bãi công của công nhân ngành in - trong bản tin gần đây nhất của chúng tôi đã có nói đến cuộc bãi công này - đang có chiều hướng rất thuận lợi cho công nhân. Bọn chủ đã tung ra con át chủ bài của mình qua việc kêu gọi các hội viên trong hiệp hội của chúng trên khắp nước Đức sa thải những công nhân là đoàn viên công đoàn. Lời kêu gọi này tuy hoàn toàn tuân theo điều lệ của hiệp hội các chủ xưởng in, nhưng xem ra không phải ở đâu nó cũng được đón nhận một cách hồ hởi. Ví dụ, ở Hăm-buốc các chủ nhà in coi lời kêu gọi ấy là không có cơ sở và họ thà rút ra khỏi hiệp hội ấy, còn hơn là tuân theo nó. Điều này đã buộc ủy ban các chủ xưởng in phải cam chịu, và ủy ban này đã đề nghị với ủy ban công nhân - mà trước kia ủy ban các chủ xưởng in không muốn có quan hệ nào với nó - nối lại cuộc thương lượng để giải quyết êm thấm cuộc tranh chấp này.

Tại Đre-xđen có cơ quan lãnh đạo trung ương của công đoàn quốc tế thợ sơn, thợ đánh véc-ni, thợ mạ vàng v.v.. Tổ chức này được thành lập cách đây chỉ một năm, chẳng những nó đã buộc được bọn chủ phải chấm dứt những hành động quấy nhiễu vụn vặt liên quan đến việc tuân thủ ngày chủ nhật, mà còn lập ra được văn phòng giao dịch hợp tác xã, trong đó nhiều đoàn viên công đoàn đã tìm được việc làm.

Ở Rê-ghen-xbuốc (Ba-vi-e), dưới sự lãnh đạo của các đoàn viên công đoàn thợ giày quốc tế, công nhân đóng giày đã tuyên bố bãi công đòi tăng tiền công.

Ở Ma-in-xơ, cuộc bãi công của công nhân đóng giày đã diễn ra suốt một tháng, và vị tất cuộc bãi công ấy sẽ sớm chấm dứt. Đại bộ phận các công nhân chưa lập gia đình đã rời khỏi thành phố. Công nhân đóng thùng ở Béc-lin đã đăng trên báo lời kêu gọi của mình gửi đồng nghiệp ở Bắc Đức kêu gọi họ thành lập công đoàn; họ cho biết họ vừa mới tiến hành bãi công thắng lợi, và họ muốn mở rộng phạm vi của tổ chức đã từng hoạt động rất thành công trong các điều kiện địa phương.

Tại Hăm-buốc có 350 công nhân sản xuất dương cầm bãi công đòi tăng lương.

Tại Guê-li-sơ (vùng Xi-lê-di), ngày 17 tháng Ba đã có cuộc bãi công của thợ may đòi tăng lương. Họ đã bác bỏ mức tăng tiền công 10% do bọn chủ đề xuất.

Công nhân làm đồ gỗ và chế biến gỗ hồng sắc ở Béc-lin đòi tăng 33% tiền công và có ý định bãi công nếu họ không giành được thắng lợi bằng con đường hòa bình.

Hợp chúng quốc

Tại Niu-Oóc tờ báo công nhân bằng tiếng Đức[1*] đã bắt đầu được xuất bản, nó hoạt động dưới ngọn cờ của Quốc tế. Báo này vạch trần các thủ đoạn ô nhục mà bọn chủ xưởng ở Mỹ dùng để biến lao động kiệt sức và cuộc sống đói khát của những công nhân đồng bào của mình thành những đồng tiền kim loại. Công ty máy khâu Din-ghe có thể được nêu làm ví dụ trước tiên về điều đó. Ví dụ, người quản lý công ty này phân chia việc làm cho từng xưởng thợ, dưới hình thức đấu thầu cho các viên cai, những viên cai ấy lại phân phối công việc cho các chủ thầu, và đến lượt mình

1*- "Arbeiter-Zeitung"

các chủ thầu ấy lại chia công việc cho các tiểu chủ thầu, cho đến khi tiểu chủ thầu thỏa thuận – với các điều kiện của mình – với những công nhân sẽ thực hiện công việc thực tế. Không thể tiếp tục phát triển cái "hệ thống bòn rút mồ hôi" ấy, ở đây nó hiện ra trước mắt chúng ta dưới một dạng hoàn chỉnh. Không chỉ nhà tư bản, mà cả một hệ thống thứ bậc những kẻ ăn bám ở đây trực tiếp quan tâm đến việc bòn rút lợi nhuận từ lao động của người công nhân, và chẳng có gì lạ khi mà người công nhân hiếm khi nhận được miếng ăn mà không có nó thì không thể sống, cũng không thể lao động nổi.

III

Đ ứ c

Cuộc bãi công của công nhân xếp chữ cho các ấn phẩm có minh họa và của công nhân xưởng in vẫn tiếp tục. Công nhân đã bác bỏ các đề nghị của bọn chủ vì những đề nghị ấy không thể chấp nhận được. Đồng thời, bọn chủ lần lượt – đặc biệt là ở những thành phố nhỏ – đã có những nhượng bộ, cho nên đối với công nhân triển vọng rất sáng sủa.

Tại Han-nô-vơ, cuộc bãi công của công nhân đóng sách đã kết thúc với thắng lợi hoàn toàn của công nhân. Các yêu sách mà họ đưa ra – ngày lao động 10 giờ và tăng tiền công thêm 25% – đã được thỏa mãn hoàn toàn.

Công nhân đóng sách trên toàn nước Đức sẽ tiến hành đại hội tại Nu-ren-be vào dịp lễ phục sinh.

Tại Khem-nít, thợ may đã đòi các ông chủ của mình phải tăng tiền công thêm 33% và chấm dứt mọi công việc làm vào chủ nhật. Sau khi bị khước từ, ngày 30 tháng Ba công nhân đã bãi công.

Cuộc bãi công của thợ đóng giày ở Ma-in-xơ vẫn tiếp tục. Một

cuộc bãi công khác của công nhân cùng nghề đã bùng nổ ở Pơ-phoóc-xơ-hai-mơ; tại Vuyếc-buốc và Éc-phuốc các cuộc bãi công của công nhân cùng nghề, xem ra, là không tránh khỏi: người ta đưa ra yêu sách đòi tăng lương.

Công đoàn thợ nề ở Đức cho biết tin về cuộc bãi công của công nhân đóng gạch và thợ nề ở Phen-buốc, công nhân đấu tranh đòi rút ngắn ngày lao động. Tại Hăm-buốc, thợ làm sọt bãi công cũng với khẩu hiệu như vậy, cũng như công nhân tại một xưởng dệt vải cỡ lớn ở gần Han-nô-vơ.

Áo

Thợ may ở Viên đã đòi chủ của mình phải tăng tiền công và giảm giờ lao động; khi họ bị khước từ đòi hỏi ấy thì công nhân thuộc hơn 40 xưởng thợ, kể cả những xưởng thợ lớn nhất, đã bãi công.

Công nhân thợ may ở Grát-xơ cũng làm như vậy.

Bỉ

Đại hội toàn thể công nhân ngành may mặc châu Âu vừa họp ở Bruy-xen đã thông qua bản điều lệ tạm thời của công đoàn công nhân ngành may châu Âu, người ta kêu gọi tất cả các hội thợ may có khuynh hướng dân chủ và xã hội chủ nghĩa gia nhập công đoàn này. Mỗi hội như thế, nếu muốn tuyên bố bãi công, trước đó phải có sự đồng ý của những hội khác, nếu nó muốn bảo đảm có được sự ủng hộ của công đoàn châu Âu. Hằng năm công đoàn này sẽ tiến hành đại hội.

Thụy Sĩ

Đến nay cuộc bãi công của thợ kim hoàn ở Giơ-ne-vơ đã hoàn toàn kết thúc. Ngày lao động 9 giờ được thiết lập một cách thắng lợi.

Ở Xuy-rích, công nhân nghề mộc và làm đồ gỗ đang bãi công, ở Vin-téc-tuya có cuộc bãi công của thợ may, tất cả họ đều đưa ra vẫn những yêu sách thông thường – rút ngắn ngày lao động và tăng tiền công.

Tại Nơ-sa-ten, công nhân đóng giày đã được tăng lương mà không cần dùng đến biện pháp bãi công.

Mỹ

Các nữ công nhân giúp việc gia đình ở Ốt-ta-oa (Ca-na-đa) đã thành lập công đoàn.

IV

Đ ứ c

Béc-lin.- Công nhân làm vườn hưởng công nhật đang bãi công đòi chế độ ngày làm 10 giờ và tăng lương. Công nhân ngành sản xuất dương cầm sắp tới sẽ tuyên bố bãi công đòi tăng thêm 33,5% tiền công và đòi chế độ ngày làm 8 giờ.

Muyn-sen. - Ở đây phong trào công nhân hoạt động rất tích cực. Hầu như tất cả các nghề đều có công đoàn của mình, người ta lập ra hội đồng trung ương của các công đoàn. Công nhân ngành kim hoàn đã đạt được việc tăng lương thêm 25%, còn công nhân ngành may thì đạt được mức tăng lương 15%, mà không cần dùng đến bãi công.

Au-xbuốc. - Một bộ phận thợ mộc trong số những thợ mộc có việc làm tại bảy hãng lớn nhất của thành phố (tất cả có 90 người)

đã bãi công, vì không đồng ý với những mức giá công mới do giới chủ đưa ra.

Lai-pxích. - Cuộc xung đột lớn giữa giới chủ nhà in với công nhân xếp chữ - từ đây cuộc xung đột này đã lan ra khắp nước Đức - đã kết thúc với thắng lợi hoàn toàn của công nhân. Giới chủ cao ngạo đã phải chấp nhận tất cả những điều kiện do công nhân đưa ra, cụ thể là: hủy bỏ việc sa thải tràn lan các công nhân là đoàn viên công đoàn và một ủy ban hỗn hợp gồm các đại diện của công nhân và giới chủ - sẽ đề ra những mức giá công mới. Sau khi đạt được những điều kiện ấy, ủy ban công nhân đã tuyên bố chấm dứt bãi công.

Đan-txích. - Cuộc bãi công của thợ mộc đóng tàu đã bị thất bại vì có sự can thiệp trực tiếp của chính quyền đứng về phía giới chủ, chính quyền đe dọa sa thải khỏi các xưởng đóng tàu mọi công nhân nào có ý định ủng hộ bãi công, và đe dọa bằng những biện pháp khác cũng mang tính chất như vậy.

Hăm-buốc. - Sắp tới đây ở Hăm-buốc, An-tôn và vùng phụ cận có thể bùng nổ cuộc bãi công của công nhân ngành đóng giày, vì xem ra giới chủ không có ý định nhượng bộ các yêu sách của công nhân.

Trong số những cuộc bãi công ít quan trọng hơn, chúng tôi xin nêu ra những cuộc bãi công của thợ mộc đóng tàu ở Ki-lơ (Hôn-stai-nơ), của công nhân đúc ở Ít-xê-khô (Hôn-stai-nơ), của công nhân làm nút chai (gần 900 người) ở Đen-men-hoốc-xtơ, của công nhân ngành mộc và chế tạo đồ gỗ hồng sắc ở Brê-méc-ha-phen và những cuộc bãi công khác nổ ra chủ yếu vì tiền công thấp. Trên toàn nước Đức, các công đoàn - các công đoàn địa phương và toàn quốc, thậm chí các công đoàn quốc tế (bao gồm công nhân của một ngành nghề ở Đức, Áo và Thụy Sĩ) - đã lan rộng rất nhanh, và tiền công ngày càng tiến gần đến mức như ở Anh.

Áo

Viên. - Cuộc bãi công của thợ may vẫn tiếp tục. Cuộc bãi công của công nhân cơ khí tại xí nghiệp cơ khí lớn, do bắt đầu một cách hấp tấp nên đã bị thất bại. Mặt khác, cuộc bãi công của công nhân trong ngành sản xuất giữa đã giành được thắng lợi: tất cả các chủ xưởng đều đồng ý tăng lương thêm 20% như công nhân đã đòi hỏi.

Grát-xơ. - Công nhân làm đồ gỗ hồng sắc và thợ mộc đã bãi công vào ngày 21 tháng Tư, đưa ra đòi hỏi về cắt giảm giờ lao động trong ngày và đòi tăng tiền công thêm 20%. Tại một xí nghiệp lớn, công nhân đóng giày đã bãi công và đòi áp dụng ngày lao động 11 giờ mà hiện nay ở Viên đã trở thành phổ biến.

Hung-ga-ri

Pét. - Hội Liên hiệp công nhân Hung-ga-ri, bị cấm sau thất bại của Công xã Pa-ri, nay đã lại được tổ chức lại tại một hội nghị lớn diễn ra vào ngày 23 tháng Ba. Hội liên hiệp này có hai tờ báo, một tờ xuất bản bằng tiếng Hung-ga-ri, tờ kia bằng tiếng Đức. Ban chấp hành gồm những hội viên cũ của Quốc tế, trong số đó ông C. Phác-ca-sơ[1*], đại biểu Đại hội La Hay, đã được nêu là thủ quỹ.

Thụy Sĩ

Hiện nay cuộc bãi công của công nhân kim hoàn ở Giơ-ne-vơ đã hoàn toàn chấm dứt: đâu đâu công nhân cũng đạt được ngày lao động 9 giờ. Ở Xuy-rích, các thợ mộc đã bãi công; tính đến

1* Trong báo in nhầm là Ô. Phác-ca-sơ.

nay đã có sáu chủ xưởng chịu nhượng bộ. Công nhân ngành may ở Vin-téc-tua tiếp tục bãi công. Ở Lô-dan, giới chủ xưởng may đã đáp ứng các đòi hỏi của công nhân để tránh nổ ra bãi công.

Bỉ

Tại Ê-ca-xin, 200 công nhân mỏ đá bãi công, nhưng xem ra cuộc bãi công đó đã nhanh chóng chấm dứt. Không có các tin tức chi tiết.

V

Thụy Sĩ

Cuộc bãi công của công nhân ngành may ở Vin-téc-tuya đã kết thúc thắng lợi; tất cả giới chủ, trừ một người, đã thỏa mãn các yêu sách của công nhân.

Công nhân đóng giày ở Xuy-rích có ý định bắt đầu cuộc bãi công đòi tăng lương; họ đã kêu gọi các đồng nghiệp của mình đừng đi làm tại thành phố này.

Ru-ma-ni

Công nhân các xưởng đường sắt thuộc ga Bu-ca-rét có ý định tuyên bố bãi công nếu ban giám đốc không đồng ý thỏa mãn các đòi hỏi của họ.

Đức

Hội liên hiệp quốc tế công nhân kim khí (Đức, Áo và Thụy Sĩ) đã triệu tập đại hội hằng năm vào dịp lễ Ba ngôi, ngày 1 tháng Sáu, tại Đre-xđen.

Hăm-buốc. - Công nhân làm yên ngựa bãi công từ ngày 19 tháng Tư, vì giới chủ khước từ đáp ứng các đòi hỏi của công nhân. Cuộc bãi công của thợ đóng giày - mà chúng tôi đã nói đến tuần trước, xem nó là không tránh khỏi - nay đã nổ ra rồi. Công nhân đòi tăng lương thêm 25%. Các cuộc bãi công của thợ mộc đóng tàu ở những thành phố khác nhau thuộc Bắc Đức - mà trước kia chúng tôi đã nhắc tới - thì nổ ra chủ yếu là do giới chủ chống lại việc thành lập công đoàn thợ mộc đóng tàu Đức, giới chủ toan tính đè bẹp công đoàn này từ trong trứng nước, song công nhân đã chiến đấu dũng cảm. Tiện thể xin nói thêm rằng giới chỉ huy các xưởng đóng tàu quân sự của đế chế Đức ở Ki-lơ và các địa phương khác đều ra sức hậu thuẫn cho giới chủ các xưởng đóng tàu.

Muyn-sen. - Công nhân đóng giày đã tuyên bố bãi công, đưa ra đòi hỏi tăng lương và hạn chế ngày lao động còn 12 giờ. 250 công nhân đã giành được sự nhượng bộ của giới chủ, 150 công nhân độc thân đã rời thành phố; như thế thắng lợi hầu như đã được bảo đảm.

Béc-lin. - Công nhân đóng giày (gồm 3 nghìn người) đã tuyên bố bãi công đòi tăng lương thêm...%[1*]. Tất cả các công nhân chưa có gia đình đều rời thành phố. Cuộc bãi công của các thợ phụ giúp việc làm vườn xem ra đã thất bại do tổ chức kém. Song giờ đây tình hình đã tốt hơn: họ đã lập ra công đoàn, có ý định khôi phục đấu tranh.

Pơ-phoóc-xơ-hai-mơ. – Cuộc bãi công của công nhân đóng giày đã chấm dứt. Công nhân đòi tăng tiền lương thêm 20%, nhưng đã đạt được 15%.

1* Trong báo, chỗ này không đọc được.

Ma-in-xơ. – Cuộc bãi công tại nhà máy đóng giày của Vôn-phơ đã kết thúc sau khi giới chủ thôi không cắt giảm 15% tiền lương như đã tuyên bố, và đã trả cho công nhân gần 20 pao xtéc-linh để đền bù thiệt hại do bãi công gây ra.

Công nhân mộc ở Khuên và công nhân thuộc da ở Tơ-ria có ý định tuyên bố bãi công để giành mức lương cao hơn.

Áo

Người ta thông báo với công nhân chế biến gỗ đến dự Triển lãm ở Viên rằng ban chấp hành công đoàn Viên của nghề này đang nhóm họp ở quán rượu của Phlô-ri-ăng, trên đường phố Stum-phơ-stơ-rát-xơ, Ma-ri-a-hin-phơ, Viên.

VI

Mỹ

Công nhân của công ty khí đốt ở Niu-Oóc đã bãi công vào ngày 5 tháng Tư, đòi khôi phục chế độ ngày làm 8 giờ mà họ đã được hưởng cách đây một thời gian, nhưng chẳng bao lâu sau đó ngày làm việc lại bị kéo dài đến 12 giờ đối với ca làm đêm và 15 giờ đối với ca làm ngày. Cảnh sát cộng hòa ở thành phố Niu-Oóc đã lập tức đứng về phía công ty và phái những phân đội cảnh sát mạnh đến các xí nghiệp của công ty này, còn ủy ban từ thiện trợ giúp người di cư đã lập tức phái đến đó 200 người I-ta-li-a vừa mới lên bờ ở đảo Uốc-đơ[1*], để bố trí họ làm việc thay vào chỗ công nhân bãi công. Số người I-ta-li-a này được chở đến các xí nghiệp dưới sự canh chừng của cảnh sát, người ta đã dùng những phương pháp thô bạo nhất để buộc họ làm những

1*- trạm cách ly kiểm dịch dành cho những người di cư

loại công việc mà họ hoàn toàn không quen và không được thích nghi. Họ đã rất nhanh chóng bắt đầu yêu cầu quay trở lại đảo. Yêu cầu ấy của họ đã bị khước từ dứt khoát, người ta dùng cảnh sát để giữ họ lại làm việc. Có hai người toan chạy trốn băng qua bức tường, nhưng họ đã rơi xuống con sông I-xtơ-Ri-vơ và chết đuối, một số người khác khi thực hiện mưu toan ấy đã bị cảnh sát lôi từ dưới nước lên.

Từ đó các nhà máy khí đốt bị đội cảnh sát bao vây chung quanh từ phía biển, cũng như từ phía đất liền, để tránh những cuộc bỏ trốn khỏi nhà tù kiểu mới này. Tất cả những điều đó xảy ra trong điều kiện số người I-ta-li-a ấy hết sức không thích ứng được với công việc mà người ta đòi hỏi họ làm.

Đó là những thủ đoạn mà "nước cộng hòa mẫu mực" áp dụng ngay khi công nhân đấu tranh đòi các quyền lợi của mình và xâm phạm vào lợi ích hoặc các tiện nghi của giai cấp các nhà tư bản.

Áo

Viên. – Cuộc bãi công của công nhân sản xuất giữa vẫn tiếp tục. Cuộc bãi công của công nhân may đã kết thúc; tuy công nhân đã không thực hiện được mọi yêu sách của mình, nhưng họ đã giành được những thắng lợi đáng kể: tiền công tăng, ngày làm việc được rút ngắn.

Grát-xơ. – Công nhân nướng bánh đã triển khai cuộc vận động rộng rãi đòi rút ngắn ngày lao động mà cho đến nay đã lên tới 18 giờ và 20 giờ một ngày đêm. Cuộc bãi công của thợ mộc vẫn tiếp tục.

Phong trào công nhân phát triển khắp nước Áo một cách rất khả quan.

Hung-ga-ri

Đại hội công nhân đóng giày Hung-ga-ri sẽ họp vào ngày 1 tháng Sáu ở Pét.

Công nhân đóng giày ở Áo cũng sửa soạn cử đại biểu đến dự. Trong số các vấn đề dự định thảo luận, có: quy định ngày lao động tiêu chuẩn có độ dài giống nhau trên toàn quốc, thành lập công đoàn ngành đóng giày, tổ chức các xưởng thợ hợp tác và những vấn đề khác.

Thụy Sĩ

Cuộc bãi công của công nhân kim hoàn vừa kết thúc với thắng lợi của công nhân, lại một lần nữa cho thấy bản thân giới chủ gây ra tai hại biết nhường nào cho mình khi họ chống lại những yêu sách chính đáng của công nhân. Chưa đầy một phần tư số công nhân bãi công đã trở lại nơi làm việc cũ; số còn lại tìm được việc làm ở những nơi khác, còn giờ đây giới chủ đang gặp phải những khó khăn hết sức to lớn trong việc tuyển mộ số công nhân cần thiết. Thật đáng đời chúng !

Đức

Ha-lơ. – Cuộc bãi công của công nhân mỏ chỉ kéo dài mấy ngày đã thắng lợi: giới chủ đã nhượng bộ.

Hăm-buốc. – Cuộc bãi công của công nhân đóng giày vẫn tiếp tục.

An-đen-buốc. – Công nhân ngành may, sau một cuộc bãi công ngắn ngủi, đã đạt được thêm 16 2/3% tiền công.

Người ta đang chuẩn bị tiến hành nhiều cuộc bãi công, trong đó có: cuộc bãi công của công nhân sản xuất bàn chải ở Béc-lin đòi tăng tiền lương thêm 25%, cuộc bãi công của công nhân sản xuất yên ngựa ở Stút-gát đòi chế độ ngày lao động 10 giờ và tăng lương thêm 25%, ngoài ra còn đòi hủy bỏ quy định bắt công nhân sống và ăn uống tại nhà của chủ.

Nhiều thợ nề ở Phrây-xơ và vùng phụ cận đã bị sa thải, nhưng do công nhân nghề này được tổ chức thành công đoàn quốc tế bao trùm các nước Đức, Áo và Thụy Sĩ, cho nên có thể hoàn toàn hy vọng đạt được thắng lợi. Công đoàn này cũng ủng hộ cuộc bãi công ở Hăm-buốc.

Đại hội hàng năm của công nhân ngành xây dựng ở Đức sẽ diễn ra vào tháng Sáu tại Khem-nít (miền Dắc-den).

Do Ph.Ăng-ghen viết vào tháng Ba - tháng Năm 1873
Đã đăng trên báo "The International Herald" các số 51, 52, 54, 56, 57, 60, các ngày 22 và 29 tháng Ba, các ngày 12 và 26 tháng Tư, các ngày 3 và 24 tháng Năm 1873

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

PH. ĂNG-GHEN

* THÔNG BÁO VỀ TÌNH HÌNH TRÊN LỤC ĐỊA[592]

Bản báo cáo gửi từ lục địa cho biết rằng phong trào phân liệt, khởi đầu ở một số địa phương, nay đã đưa đến một kết quả thông thường – tình trạng vô chính phủ. Một số cá nhân vì ghen tức với danh tiếng rẻ tiền mà các đồng sự của họ đã kiếm được nhờ sự phân liệt, nên bản thân họ đã quyết định dùng thủ đoạn ấy và đã dễ dàng tìm ra cái cớ có sẵn để tách ra khỏi các phần tử phân liệt. Mưu toan trước đây định sửa lại tình hình bằng cách đề nghị các chi hội lầm lạc tìm nơi nương náu trong lòng Liên chi hội Giuy-ra (điều này chắc chắn sẽ làm cho Ba-cu-nin và Ghi-ôm hài lòng vì nó đưa họ lên hàng những nhà độc tài thực sự, và điều đó sẽ thỏa mãn tinh thần tự ái dân tộc của người khởi xướng trò vận động không lành mạnh ấy ở nước Anh[1*]) đã tỏ ra ít chấp nhận được đối với các cư dân những nước mà ở đó, "các thiết chế" ["institutions"] đã không bị sức ép tổng hợp có sức tàn phá của những câu nói suông mập mờ rẻ tiền[593].

Điều đó đã dẫn đến kết quả mà người ta có thể tiên đoán được một cách dễ dàng: những nhóm phái phân liệt nhanh chóng giảm số lượng, biến thành các nhóm cô lập chẳng có gì là chung cả, ngoài nhu cầu vốn có của tất cả các nhóm ấy là cãi vã với

1* Rõ ràng đây là Gi.Hây-đơ.

nhau và hòa thuận với kẻ thù của giai cấp công nhân - có thể đó là tình hình không phải là không thú vị đối với ông Mô-rơ-li nào đó, nhưng chỉ có Chi-e và Bi-xmác mới có thể đánh giá được đầy đủ tình hình ấy.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 22 tháng Năm 1873
Đã đăng trên báo "The International Herald" số 60, ngày 24 tháng Năm 1873

In theo bản in trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

PHỤ LỤC

*GIẤY PHÉP CẤP CHO ĂNG-GHEN ĐỂ XUẤT CẢNH RA KHỎI THỤY SĨ[594], SỐ 1279

Họ – *Ăng-ghen, làm nghề viết sách.*

Tên – *Phri-đrích.*

Nơi sinh – *Bác-men (Phổ).*

Tuổi – *28 tuổi.*

Cao – *5 phút 9 3/4 in-sơ, hay là 1 mét 79 xăng-ti-mét.*

Màu tóc – *hung thẫm.*

Trán – *rộng.*

Lông mày – *màu hung thẫm.*

Mắt – *màu nâu sẫm.*

Mũi – *không lớn.*

Miệng – *bình thường.*

Râu cằm – *màu hung thẫm.*

Cằm – *tròn.*

Mặt – *hình trái xoan.*

Mầu da mặt – *sáng*.

Những dấu hiệu đặc biệt

Cấp ngày 11 tháng Chín 1849, với thời hạn ***một năm, để đi qua Pi-ê-mông và Tây Ban Nha đến nước Anh và sống tại đó.***

(Giấy phép được bộ tư pháp và giám sát cấp ngày 11 tháng Chín 1849.)

Chữ ký của người được cấp giấy phép này

Phrê-đê-rích Ăng-ghen[1*]

Cấp ngày 11 tháng Chín 1849
Công bố lần đầu trong tạp chí "Những vấn đề lịch sử", 1970, số 11

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Pháp

1* Chữ ký do chính tay Ăng-ghen viết.

GIẤY BIÊN NHẬN[595]

Chúng tôi xác nhận đã nhận được tấm kỳ phiếu trị giá 7 pao xtéc-linh của Ngân hàng Luân Đôn-Oe-xtơ-min-xtơ, được chuyển tới thông qua ông *E.Ti-sen* ở Stết-tin.

Thay mặt cho những người Đức lưu vong đang gặp cảnh túng thiếu, chúng tôi bày tỏ lòng biết ơn về số tiền này.

Luân Đôn, ngày 16 tháng Mười 1849

Ủy ban trợ giúp những nhà hoạt động chính trị Đức lưu vong: *Các Mác, Các-lơ Blin-đơ, Hen-rích Bau-ơ, C.Pphen-đơ*

Đã đăng trên báo "Der Freischütz" số 86, ngày 26 tháng Mười 1849

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu

GIẤY KÝ NHẬN TIỀN CỦA ỦY BAN TRỢ GIÚP NHỮNG NHÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ ĐỨC LƯU VONG TẠI LUÂN ĐÔN

Ngày 13 tháng Mười một 1849

Chúng tôi xác nhận đã nhận được – thông qua ông Ti-sen ở Stết-tin – số tiền 11 pao-xtéc-linh 14 si-linh, và thay mặt những nhà hoạt động chính trị Đức lưu vong đang trong cảnh túng thiếu, chúng tôi bày tỏ sự biết ơn về số tiền này.

Luân Đôn, ngày 13 tháng Mười một 1849

Ủy ban trợ giúp những nhà hoạt động chính trị Đức lưu vong

Ký tên: *tiến sĩ Các Mác, Hen-rích Bau-ơ, Các-lơ Pphen-đơ*

Đã đăng trên báo "Norddeutsche Freie Presse" số 208, ngày 23 tháng Mười một 1849

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu



POLICE GENERALE DE FRANCE

Passe-Port

calable pour un an

DEPARTEMENT de la Seine

PREFECTURE de Police

COMMUNE de Paris

Registre des Etrang. N° 800

SIGNALEMENT

Signature du Porteur

Dr. Ch. Marx

(P. G.)

RÉPUBLIQUE FRANÇAISE.

Liberté, Egalité, Fraternité

Passe-port Gratuit,

calable pour un an

Nous Préfet de Police

Invitons les autorités civiles et militaires à laisser passer et librement circuler de Paris département de la Seine en Angleterre département de

M. Marx, charles

profession de Docteur en philosophie

natif de Trèves, Prusse département de Rhénanie

demeurant à Paris, rue de Lille 4

et à lui donner aide et protection, en cas de besoin.

Délivré au Noté

Fait à Paris le 24 août 1849

Le Préfet de Police

Le chef de bureau

Le Secrétaire Gal

Gratis

HỘ CHIẾU CỦA C.MÁC ĐƯỢC CẤP Ở PHÁP NGÀY 24 THÁNG TÁM 1849 ĐỂ ĐẾN NƯỚC ANH

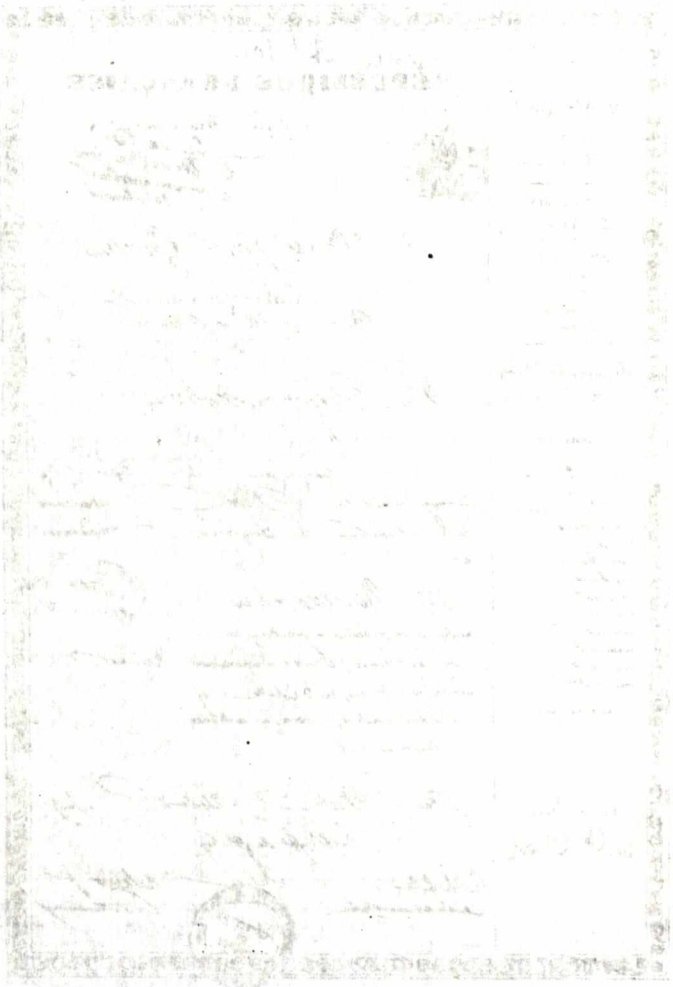

TRÍCH BẢN KẾT TỘI VỀ VỤ ÁN NHỮNG NGƯỜI THAM GIA CUỘC KHỞI NGHĨA Ở EN-BƠ-PHEN-ĐƠ THÁNG NĂM 1849[596]

... Ngoài những người bị buộc tội chính - âm mưu [xâm hại chính phủ] - kể trên ra, cũng buộc tội cả thợ may Pê-tơ Nốt-i-ung, mặc dù người này không phải là ủy viên ủy ban quân hậu bị, cũng không phải là ủy viên Ủy ban an ninh[597]. Anh này là sĩ quan tùy tùng của Phôn Miếc-bắc, với tư cách như vậy, anh này là thành viên của toàn bộ phong trào và, căn cứ vào lời khai của chính anh ta, thì anh ta đã biết các mục đích của phong trào này. Trong thời gian nổ ra cuộc bạo loạn, anh ta đã từ Khuên - là nơi cư trú của anh ta - đến En-bơ-phen-đơ. Tại đây, Ăng-ghen chủ biên của báo[1*] và Huy-nơ-bai - mà anh ta đã quen biết từ trước - đã đề nghị anh ta giúp đỡ ủy ban quân sự[598] trong việc tiếp nhận người và cấp phát phiếu nhận nơi đóng quân. Cũng trong ngày hôm ấy, Phôn Miếc-bắc cử anh ta làm sĩ quan tùy tùng và cấp cho anh ta phù hiệu đặc biệt dưới hình thức tấm băng ba màu đen-đỏ-vàng[599]. Theo lời khai của chính anh ta thì các ủy viên Ủy ban an ninh và ủy ban quân sự đã giải thích cho anh ta rằng mục đích của toàn bộ phong trào là làm sao để bản hiến pháp Đức[600] được công nhận, muốn thế cần vũ trang cho các công dân. Anh ta đảm nhiệm bổn phận làm sĩ quan tùy tùng cho

1* - "Neue Rheinische Zeitung"

đến khi Phôn Miếc-bắc ra đi; anh ta bị bắt ở vùng phụ cận của Rôn-xđoóc-phơ...

... Phri-đrích Ăng-ghen, chủ biên của báo, cũng tham gia dựng các chiến lũy. Nhân chứng Ghen-rích Mai-ning-hau-xơ đặc biệt cung khai rằng ông ta thấy có một thanh niên đeo kính, ria thưa, mà một lính tình nguyện cơ vũ trang nói rằng đó là chủ bút Ăng-ghen, người thanh niên này xử sự như là một trong số những người lãnh đạo, ông này đã ra lệnh củng cố chiến lũy ở Vun-đơ-ban. Các nhân chứng được kể đến trước đó là Xi-môn và Dau-ơ cũng nói đến một thanh niên cơ ria thưa, mặc áo choàng kẻ ô đã tham gia vào việc dựng các chiến lũy trước cửa tòa nhà của Phôn-đơ Hây-tơ...

... Trong thời gian nổ ra cuộc bạo loạn ở En-bơ-phen-đơ kho quân nhu hoàng gia ở Grê-phrát đã nhiều lần bị các băng nhóm vũ trang tấn công và cướp phá. Lần đầu tiên các hành động loại này đã xảy ra vào các ngày 10 và 11 tháng Năm, song những hành động ấy không phải do các băng nhóm ở En-bơ-phen-đơ, mà là do các cư dân ở Dô-lin-gen[601] và các vùng phụ cận tiến hành, nhằm mục đích vũ trang cho dân chúng ở đó và sau đấy chi viện cho cuộc nổi loạn ở En-bơ-phen-đơ, cũng như góp phần mở rộng cuộc nổi loạn ấy ra những vùng khác. Những cuộc hành quân ấy đến Grê-phrát là điểm luận tội trong cuộc điều tra về một vụ việc khác, về cuộc nổi loạn cùng thời gian ấy ở Dô-lin-ghen và ở vùng phụ cận của nó, trong khi vấn đề ở đây chủ yếu là vụ cướp phá kho quân nhu hoàng gia đó, do cư dân ở En-bơ-phen-đơ tiến hành vào ngày 15 tháng Năm. Căn cứ theo lời khai của nhiều cá nhân đã tham gia cuộc hành quân này thì vào ngày hôm ấy, bị can Các-lơ I-an-xen đã ra lệnh cho một bộ phận của đơn vị mình, đông khoảng 30-40 người, phải hành quân – như ông ta

nói – đến Van-đơ để lấy vũ khí ở đó. Cầm đầu đội quân này là I-an-xen, với tư cách chỉ huy và Vôn-mai-nơ với tư cách sĩ quan tùy tùng, và chủ biên Ăng-ghen đã theo hai người này. Trên dọc đường đi, Ăng-ghen và I-an-xen đã kiếm được hai con ngựa chở hàng tại nhà máy luyện đồng, và họ đã cưỡi hai con ngựa ấy đi phía trước đội quân đến trang trại của thương gia I-ung ở Ham-méc-stai-nơ. Ở đó, Ăng-ghen đã đổi ngựa của mình lấy ngựa của I-ung, rồi cả hai người ấy – Ăng-ghen và I-an-xen – đòi người ta cung cấp cho mình yên ngựa kỵ binh. Theo lời khai của bị cáo cũng trong vụ án ấy là Vin-hem Rau-sơ, thì sau khi rời khỏi Ham-méc-stai-nơ, I-an-xen ra lệnh tiến đến Grê-phrát để tìm hiểu xem tại kho quân nhu ở đó có còn vũ khí và quân trang mà họ có thể sử dụng hay không. Căn cứ vào lời khai của hạ sĩ quan kỵ binh Stác-kê trước ban chỉ huy quân hậu bị, cũng như lời khai của viên hạ sĩ quan Stai-ni-gơ, thì lúc đầu toán đi đầu của đội quân này – khoảng 6-8 xạ thủ, sau đó là băng nhóm có vũ trang gồm 30-40 người do Ăng-ghen và I-an-xen dẫn đầu – đã xuất hiện ở kho quân nhu. Cả hai người này cưỡi ngựa và được vũ trang bằng kiếm và súng lục. Đội quân này đã lập tức đứng xếp hàng trước kho quân nhu và bố trí các chốt canh giữ ở các cửa ra vào kho này. Sau đó, Ăng-ghen rút khẩu súng lục ra khỏi bao và tiến về phía viên hạ sĩ quan kỵ binh Stác-kê, hỏi ông này xem còn vũ khí nữa hay không, và khi Stác-kê trả lời rằng vũ khí đã bị tước mất bằng vũ lực, bởi các đội quân đến từ Dô-lin-ghen và từ Van-đơ, thì ông đã ra lệnh cho viên hạ sĩ quan này đi theo mình đến kho quân nhu. Sự kháng cự của hai quân nhân chống lại băng nhóm vũ trang gồm 30-40 người sẽ là việc làm vô ích, nhất là các cánh cửa của kho quân nhu không còn được khóa lại nữa, sau những cuộc tấn công trước đó của đám người từ Dô-lin-ghen tới. Như vậy, cả hai quân nhân ấy đã buộc

phải nhượng bộ trước vũ lực và cho phép đám người ấy bước vào kho quân nhu. Tại đây, Ăng-ghen đã lấy đi một số đồ vũ trang và quân trang mà ông đã ra lệnh đưa ra sân. Sau đó người ta viết hai tờ biên lai ghi nhận số đồ trang bị ấy, với nội dung không hoàn toàn giống nhau, có chữ ký của viên chỉ huy Các-lơ I-an-xen. Căn cứ vào bản liệt kê các đồ bị lấy ra khỏi kho quân nhu ấy thì trong số đó có những túi lương thực, mũ sắt, quần dài, hộp đựng đạn, súng lục, kiếm, trống, giày và một khẩu súng trường. Theo lệnh của I-an-xen, mỗi người trong băng nhóm này có thể lựa chọn, trong số những vật dụng ấy, thứ quân trang thích hợp và vũ khí cần thiết. Bản thân I-an-xen không phủ nhận rằng ông ta đã cùng một bộ phận đội quân vũ trang của mình (39-40 người)[1*] tiến về Grê-phrát nhằm mục đích trên; ông ấy chỉ khẳng định rằng, ông ta làm việc này trên cơ sở mệnh lệnh bằng văn bản của Phôn Miếc-bắc, nhận được ngày 15 tháng Năm, về việc trưng dụng các đồ quân trang trên con đường giữa Grê-phrát và Van-đơ. Ông ấy cũng khẳng định rằng Ăng-ghen cùng với ông ấy chỉ huy đội vũ trang này và đã đến Grê-phrát, bố trí các chốt canh giữ ở các cửa kho quân nhu và đã cùng với viên hạ sĩ quan kỵ binh đi vào trong kho. Theo lời của ông ấy, trong khi Ăng-ghen bận rộn trong kho quân nhu thì bản thân I-an-xen trao nhiệm vụ cho viên sĩ quan tùy tùng Vôn-mai-nơ phải có mặt cùng đội quân, và I-an-xen đã tiến hành trinh sát địa hình chung quanh kho quân nhu, và sau khi quay trở lại thì thấy các đồ quân trang đủ loại đã nằm trên bãi...

... Căn cứ vào điều đó, nay buộc tội các cá nhân dưới đây...

...7. Phri-đrích Ăng-ghen, I-ô-han Vôn-mai-nơ và Các-lơ I-an-xen:

a) Về tội: vào tháng Năm 1849 ở En-bơ-phen-đơ, họ đã cầm

1* Trong bản viết tay ghi là: "36-37 người".

đầu một băng nhóm vũ trang và còn đưa ra nhiều mệnh lệnh; về tội: họ đã cướp phá kho quân nhu của nhà nước ở Grê-phrát; cũng như

b) về tội: vào tháng Năm 1849, cùng với băng nhóm này, công khai sử dụng vũ lực, họ đã cướp đi vũ khí và quân trang tại kho quân nhu hoàng gia ở Grê-phrát...

Công bố trong phụ trương của báo "Westdeutsche Zeitung" các số 93 và 95, các ngày 19 và 21 tháng Tư 1850

In theo bản đăng trên báo, có đối chiếu với bản sao chép tay bản kết tội
Nguyên văn là tiếng Đức
In toàn văn bằng tiếng Nga lần đầu

BẢN GHI LỜI PHÁT BIỂU CỦA PH.ĂNG-GHEN TẠI CUỘC MÍT-TINH CỦA "NHỮNG NGƯỜI DÂN CHỦ ANH EM", NGÀY 5 THÁNG TƯ 1850, KỶ NIỆM NGÀY SINH CỦA M.RÔ-BE-XPI-E[602]

Ph.Ăng-ghen đánh giá một cách xứng đáng tinh thần cách mạng của người Anh. Ông nhấn mạnh rằng đến thời điểm nổ ra cuộc cách mạng Anh thì phái bình quân (những người bạn của bình đẳng)[603] đã tồn tại, và ông đã kết thúc bài diễn văn bằng lời chúc mừng công nhân Anh.

Đã đăng trên báo "Die Hornisse" số 89, ngày 17 tháng Tư 1850

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Đức In bằng tiếng Nga lần đầu

PHIÊN HỌP CỦA ỦY BAN LƯU VONG NGÀY 8 THÁNG TƯ 1850[604]

Ông Clây-nơ tuyên bố rằng ông R.Sram quả quyết với Clây-nơ rằng ông ấy không liên quan đến bất kỳ ủy ban lưu vong nào, ông ấy chỉ nhận được của Ga-le ở Giơ-ne-vơ một số vé xổ số, với nhiệm vụ gửi chuyển tiền về Giơ-ne-vơ. Ủy ban khác họp ở chỗ Hin-man, nó chỉ tồn tại trên danh nghĩa, và như Clây-nơ nhận định, nó không có khoản tiền nào cả.

Đã tuyên đọc, được thông qua và ký tên.

V.Clây-nơ
Bây-éc-le

Ông Gơ-nam: ông Stơ-ru-vơ tuyên bố rằng ông không giữ một khoản tiền nào dành cho những người lưu vong. Ông ấy nhận được của Ga-le 100 chiếc vé xổ số, nhưng chưa phân phối chúng được. Nếu ông ấy thu được tiền bán số vé xổ số ấy thì ông sẽ chuyển số tiền ấy cho một ủy ban nào đó có thể sẽ được thành lập, hoặc sẽ tự ý đem phân phối cho những người lưu vong, có lấy giấy biên nhận của người nhận tiền. Ông ấy tỏ ý lấy làm tiếc về những bất đồng trong giới lưu vong Đức; nếu không có những

bất đồng ấy thì lẽ ra hàng nghìn đồng gun-đen đã tuôn chảy về đây rồi. Vì vậy, ông ấy khuyên những người lưu vong thành lập một ủy ban gồm những người trong hàng ngũ của mình.

Đã tuyên đọc, được thông qua và ký tên.

Gơ-nam
I-ô-xíp Lê-ô-ni
I-a-cốp Clai-nơ

Sau đó ông Xtơ-ru-vơ đã góp 1 pao xtéc-linh mà Gnam đề nghị chuyển cho Ủy ban; đáp lại, ông Xtơ-ru-vơ tuyên bố: không, không trao cho ủy ban nào hết, tôi trao tiền cho những ai chính hiện giờ đang có mặt ở đây, và hãy để cho họ phân chia với nhau.

Gơ-nam
I-ô-xíp Lê-ô-ni
Lu-ca-xơ

Biên bản do Ph.Ăng-ghen ghi ngày 8 tháng Tư 1850

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
Công bố lần đầu

LỜI BÁC BỎ

Chúng tôi nhận được thông báo *từ Oa-sinh-tơn* cho biết: "Ông Đi-đi-σ, chủ biên của tờ "New Yorker Schnellpost", tự nhận mình nguyên là cộng tác viên của tờ "Neue Rheinische Zeitung". Nay chúng tôi tuyên bố đó là điều dối trá.

Do C.Mác và Ph.Ăng-ghen soạn vào cuối tháng Tư 1850
Đã đăng trong tạp chí "Neue Rheinische Zeitung. Politisch-Ökonomische Revue", 1850, số 4

In theo bản in trong tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu

*BẢN GHI LỜI PHÁT BIỂU CỦA PH.ĂNG-GHEN TẠI CUỘC MÍT-TINH CỦA "NHỮNG NGƯỜI DÂN CHỦ ANH EM", NGÀY 10 THÁNG CHÍN 1850, NHÂN VỤ NGHÊNH ĐÓN HAY-NAU[605]

Tại cuộc mít-tinh này, ngài Ăng-ghen đã lên phát biểu, ông là cựu chủ biên một tờ báo Đức[1*], người mà vị chủ tịch (Giôn Pét-ti) giới thiệu là một trong số những người đã chiến đấu và đổ máu vì tự do. Vị chủ tịch nói rằng khoảng 30 tháng trước đây, một số lượng khá đông các ngài đã được đưa đến nước Anh: Lu-i - Phi-líp, công tước Mét-téc-ních, hoàng tử Vin-hem của Phổ và những nhân vật khác, – và những người nước ngoài yêu nước cho rằng nước Anh đã tự làm nhục mình khi cung cấp cho họ nơi nương náu với thái độ sẵn lòng như thế. Nhưng xin các vị hãy đợi đấy – Ăng-ghen tuyên bố – sẽ đến lúc nhân dân Anh đánh giá họ một cách xứng đáng.

Nhân dân Anh giờ đây đã xử sự đúng như vậy. (Xin hãy nghe đây, xin hãy nghe đây!) Thái độ đối xử với Hay-nau sẽ gây ra ở lục địa một ấn tượng mạnh hơn bất kỳ một sự kiện nào khác ở nước Anh trong 10 năm trở lại đây.

Người ta đã đối xử với y một cách còn tồi tệ hơn là lột bỏ

1* - "Neue Rheinische Zeitung"

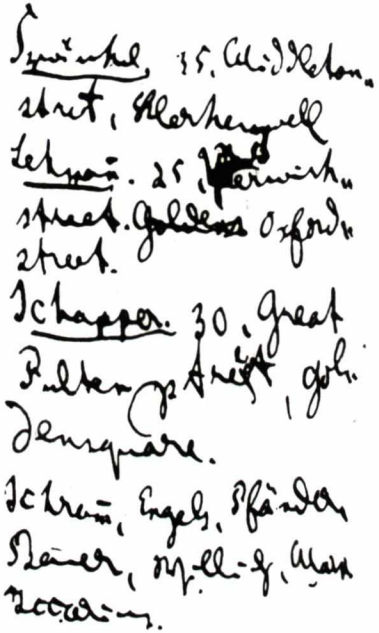

NHỮNG DÒNG C.MÁC GHI VÀO THÁNG SÁU HOẶC THÁNG TÁM 1850, TRONG ĐÓ GHI HỌ VÀ ĐỊA CHỈ CỦA MỘT SỐ ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG LIÊN ĐOÀN NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN: "P H R E N-K E N. 35, MÍT-TƠN-XTƠ-RÍT, CLÉC-KÊ-NU-EN. L Ê-M A N. 25, BÉC-VÍCH-XTƠ-RÍT, ỐC-XPHỐT-XTƠ-RÍT. S Á P-P Ơ. 30, GRÂY-TƠ PÚT-NÂY-XTƠ-RÍT, GÔN-ĐEN-XQUE. SRAM, ĂNG-GHEN, PPHEN-ĐƠ. BAU-Ơ, VI-LÍCH, MÁC, ÉCH-CA-RI-ÚT"

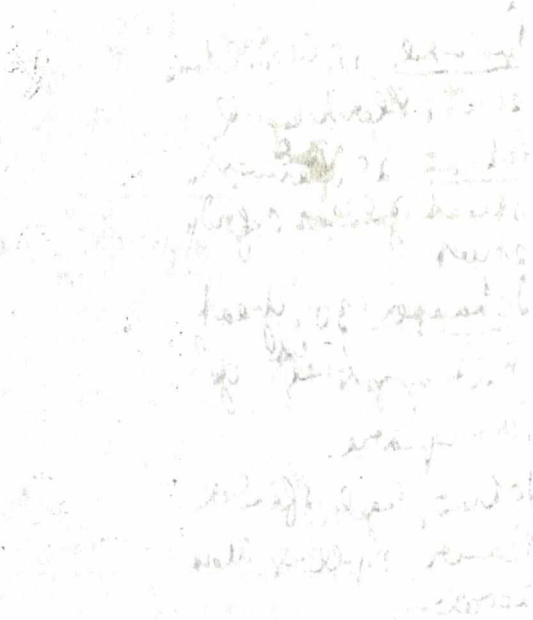

trên vai y những cái ngù hoặc bẻ gẫy chiếc gươm của y, qua đó mà hạ nhục y, đuổi cổ y ra khỏi xã hội của những kẻ ngang hàng với y. (Xin hãy nghe đây, xin hãy nghe đây.) Sắp tới đây, trên lục địa sẽ nổ ra cuộc cách mạng mới, và bọn kẻ thù của nhân dân, mà trong một hoàn cảnh khác thì chúng đã chạy sang nước Anh, nhưng giờ đây chúng sẽ sợ điều đó và sẽ chạy đến một nơi nào đó nữa, chắc là đến với ông bạn Ni-cô-lai ở Nga của chúng, có thể ông bạn ấy sẽ ban tặng cho chúng một vương quốc bé nhỏ ở Xi-bi-ri. (Cười rộ!)

Thay mặt đất nước mình, Ăng-ghen đã cảm ơn dân chúng Luân Đôn về sự đối xử của họ đối với Hay-nau, và bày tỏ hy vọng rằng con quái vật ấy sẽ được đón tiếp y như vậy ở khắp nơi, ở bất kỳ nơi nào y xuất hiện. (Vỗ tay.)

Đã đăng trên tờ "Reynolds Weekly Newspaper" số 5, ngày 15 tháng Chín 1850

In theo bản sao đánh máy Nguyên văn là tiếng Anh In bằng tiếng Nga lần đầu

BẢN GHI LỜI PHÁT BIỂU CỦA PH. ĂNG-GHEN TẠI BUỔI DẠ HỘI NĂM MỚI CỦA HỘI "NHỮNG NGƯỜI DÂN CHỦ ANH EM", NGÀY 30 THÁNG CHẠP 1850[606]

Ngài Ăng-ghen (ông cùng với Các Sáp-pơ thuộc Hiệp hội Đức, đại diện cho giới lưu vong Đức) cũng chia sẻ những tình cảm ấy, thay mặt những người anh em của mình cảm ơn về thiện cảm do các diễn giả biểu lộ và chân thành chúc nhân dân Anh phồn vinh. Sau đó ông đã đọc một bài diễn văn dài và được suy nghĩ cẩn thận về những nguyên nhân dẫn đến thất bại [của phong trào cách mạng] ở nước ngoài và dẫn đến thời kỳ phản động tiếp theo sau đó, cho thấy thế lực phản động phát triển cũng còn do tình trạng tăm tối của dân chúng và sự phản bội của các thủ lĩnh của họ, thúc đẩy.

Đã đăng trên báo "The Northern Star" số 689, ngày 4 tháng Giêng 1851

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

*BẢN LIỆT KÊ CÁC TÀI LIỆU CHO VỤ ÁN NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN Ở KHUÊN[607]

1) Gửi anh em Brau-ba-khơ để chuyển cho Snai-đơ (nguyên bản) ngày 27 tháng Mười, người cùng hội.

2) Gửi I.A.Bơ-cơ để chuyển cho Snai-đơ (bản sao), cũng vào lúc đó, Mai-cơn Sâu-crôn và bè bạn.

3) Gửi I.Đ.Héc-stát để chuyển cho Hôn-tơ-hai-mơ - gửi Mác, anh em Phi-sơ[608].

4) Gửi I.H. Stai-nơ để chuyển cho Ét-xơ I - gửi Mác, người cùng hội.

5) Gửi Lê-ôn-hác-đơ Xa-đe để chuyển cho Snai-đơ II - gửi Mác, Xmít (Uyn-xơn) Đrai-ơ và bè bạn.

6) Gửi nhà buôn ở Đuýt-xen-đoóc-phơ để chuyển cho Snai-đơ II - từ Luân Đôn, ngày 25 tháng Mười (Mác nói về Séc-van, sự giải thích về phương diện lý luận)[609].

7) Gửi Ếp-nơ - để chuyển cho Phôn Hôn-tơ-hai-mơ - Luân Đôn, ngày 26 tháng Mười (bản thứ ba của bức thư thứ nhất của Mác gửi Snai-đơ[610]), những bức thư của Bếch-cơ[1*] và Đa-ni-en-xơ gửi Mác[611], những mẫu mới nét chữ của Hiếc-sơ - tuyên bố của Séc-van đăng trên tờ "People's Paper" - bản gốc bức thư của Sti-bơ gửi Mác[612].

1*- Héc-man Hen-rích Bếch-cơ

8) Gửi G.I-ung để chuyển cho Snai-đơ II. Luân Đôn, ngày 27? tháng Mười: 1. Mẫu nét chữ đã được nhận thực và lời khai viết có tuyên thệ. 2. Bản thứ tư của bức thư thứ nhất gửi Snai-đơ cùng với các mẫu nét chữ của Hiếc-sơ. 3. Đoạn trích bức thư của Bếch-cơ gửi Mác nói về Vi-lích. 4. Ba bức thư của Béc-mơ-bắc gửi Mác. 5. Bản sao bức thư của Sti-bơ[613]. 6. Bản chỉ dẫn gửi Snai-đơ cùng với thông báo về việc gửi số 9 và số 10 đi.

9) Gửi Snai-đơ II, thư bảo đảm. - Bản sao lời khai viết có tuyên thệ. Ngày 28 tháng Mười.

10) V. gửi đến Đuýt-xen-đoóc-phơ để chuyển cho Snai-đơ II - bằng thư bảo đảm, giấy biên lai về số 9, ngày 28 tháng Mười. Các số 3, 4 hoặc 5. Một số được sử dụng cho Snai-đơ II. Lời giải thích về Roi-tơ, Sti-bơ, Đi-txơ[614]. Ngày 29 tháng Mười.

11) ...[1*] của B. và bạn bè gửi Phôn Hôn-tơ-hai-mơ. Đoạn trích bức thư thứ nhất của Mác gửi Snai-đơ. Có chỉ rõ về việc không nhận được bức thư của Snai-đơ.

12) G.Blan-cơ và con trai.

13) Hát-xen-man Sun-tơ-xơ và bè bạn[615].

Do Ph.Ăng-ghen soạn thảo vào khoảng ngày 31 tháng Mười 1852

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
Công bố lần đầu

1* Trong bản viết tay từ này không đọc được.

* GIẤY ỦY QUYỀN[616]

Nay tôi, ký tên dưới đây, ủy quyền cho vợ tôi là Gien-ni Mác, họ thời con gái là Phôn Ve-xtơ-pha-len, đại diện cho các lợi ích của tôi và thay mặt tôi hành động trong việc giải quyết vấn đề thừa kế tài sản của mẹ vợ tôi, bà Ca-rô-li-na Phôn Ve-xtơ-pha-len quá cố, nữ cố vấn cơ mật của chính phủ.

Luân Đôn, ngày 2 tháng Tám 1856

Ne varietur[1*] ký tên: tiến sĩ *Các Mác*[617]

Tơ-ria, ngày sáu tháng Tám, năm một nghìn tám trăm năm mươi sáu.

Gien-ni Mác

I-ô-dép Áp-pen-ơ
... [2*]

Hem-mê-rích

Do C.Mác soạn thảo ngày 2 tháng Tám 1856
Công bố trong cuốn sách "Archiv für Sozialgeschichte". Bd. VIII, 1968, S. 254

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu

1*- Không được thay đổi. Công thức này được sử dụng trong các văn bản ngoại giao và pháp lý.

2* Chữ ký thứ hai không đọc được.

*TƯỜNG THUẬT BÀI DIỄN VĂN CỦA C. MÁC VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỐC TẾ Ở MỸ VÀ TRÊN LỤC ĐỊA

TRÍCH TƯỜNG THUẬT TRÊN BÁO VỀ PHIÊN HỌP CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG NGÀY 31 THÁNG GIÊNG 1865

Sau đó, tiến sĩ M á c công bố những đoạn trích báo "St.- Louis Daily Press" (Mỹ), là tờ báo tán thành Tuyên ngôn và Điều lệ của Quốc tế, và tỏ ý lấy làm tiếc về việc tờ báo này, do khổ báo nhỏ, đã không thể đăng toàn văn bản Tuyên ngôn, song báo này đã cho đăng một phần Tuyên ngôn này, do có sự quan tâm sâu sắc về Hội liên hiệp.

Cần nêu lên rằng đã nhận được những bức thư từ Pa-ri, Bỉ v.v. xin hàng trăm tấm thẻ hội viên; tuy ở một số nơi trên lục địa, những người lao động bị cấm công khai tập hợp lại để bảo vệ những nguyên tắc là mục tiêu của Quốc tế, song ngay cả ở những nơi ấy, họ cũng cố gắng tìm ra hình thức gia nhập Hội liên hiệp mà vẫn không trái với luật pháp.

Đã đăng trên báo "The Bee-Hive Newspaper" số 173, ngày 4 tháng Hai 1865

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

*BẢN GHI BÀI PHÁT BIỂU CỦA C. MÁC TRONG LỄ KỶ NIỆM NGÀY THÀNH LẬP HỘI GIÁO DỤC CÔNG NHÂN ĐỨC Ở LUÂN ĐÔN[618]

Trong số những diễn văn được đọc trong lễ kỷ niệm ngày thành lập Hội giáo dục công nhân Đức, tôi muốn dẫn ra đây một số điểm trong bài phát biểu của Các Mác. Ông nói rằng trong vấn đề đang tranh luận về việc tự cứu giúp và sự giúp đỡ của nhà nước, cả hai phái đều lầm lạc. Trong xã hội tư sản, tất cả các tư liệu sinh hoạt, cũng như tất cả các tư liệu lao động đều thuộc về các nhà tư bản, vì vậy tự cứu giúp là một điều phi lý. Mặt khác, đương nhiên là dưới thời nội các Bi-xmác không thể nói đến bất cứ một sự trợ giúp nào của nhà nước - công nhân không thể bán mình cho nội các Bi-xmác. Sự trợ giúp của nhà nước chỉ có thể xuất phát từ một nhà nước, trong đó giai cấp vô sản thực hiện sự thống trị tối cao. Tuyên truyền chủ trương giải phóng lao động ở bên trong chế độ quân chủ Phổ có nghĩa là gây nên một cơn bão táp trong cốc nước. Điều kiện giải phóng lao động là giải phóng nước Đức, đến lượt nó, tiền đề của sự giải phóng này là phục hưng nước Ba Lan và lật đổ chế độ quân chủ Phổ. Về những lời chỉ trích của đảng cấp tiến đối với những hành động của công nhân chống lại giai cấp tư sản, Mác nói rằng, khi ông viết rằng công nhân phải liên hiệp với giai cấp tư sản để chống lại chế độ quân chủ chuyên chế, thì người ta chờ đợi giai cấp tư sản Đức,

chí ít, sẽ thực hiện được ở mức độ như giai cấp tư sản Anh; song điều đó đã không xảy ra. Ở Đức, đặc biệt là ở Phổ có đạo luật báo chí cho phép mọi sự thóa mạ và vu khống từ trên xuống dưới; ông nói thêm rằng các báo công nhân, cũng như phong trào công nhân, chỉ được hoạt động với sự cho phép của cảnh sát và chỉ có thể tiến hành một sự phê phán vô hại nhằm vào chính phủ mà thôi. Trong những điều kiện như vậy, không thể có các hành động chung giữa công nhân và giai cấp tư sản được, nhất là vì giai cấp tư sản quá nhút nhát nên không thể thực hiện cương lĩnh của chính mình.

Đã đăng trên báo "Social-Demokrat" số 24, ngày 19 tháng Hai 1865

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu

*BẢN MẪU ĐƠN GIA NHẬP CỦA CÁC HỘI

HỘI LIÊN HIỆP CÔNG NHÂN QUỐC TẾ THÀNH LẬP NGÀY 28 THÁNG CHÍN 1864 TẠI ĐẠI HỘI Ở XANH MÁC-TIN-XƠ-HÔN, LUÂN ĐÔN

Hội đồng trung ương, 18, Gơ-rích-xtơ-rít, Luân Đôn

Tuyên ngôn và Điều lệ, do Hội đồng trung ương lâm thời công bố, đã vạch rõ một cách triệt để các mục tiêu và ước nguyện của Hội liên hiệp, song thực chất của những mục tiêu và ước nguyện ấy có thể diễn đạt bằng vài câu. Mục tiêu của Hội liên hiệp là bảo vệ, phát triển và hoàn toàn giải phóng giai cấp công nhân - về mặt kinh tế cũng như về mặt chính trị. Để đạt mục tiêu vĩ đại ấy, Hội liên hiệp sẽ góp phần thiết lập tình đoàn kết của công nhân thuộc các ngành lao động khác nhau **ở mỗi nước**, và sự hợp tác giữa công nhân **thuộc các nước khác nhau**.

Tổ chức của Hội liên hiệp với cơ quan trung ương ở Luân Đôn, và nhiều chi nhánh ở châu Âu và châu Mỹ, đang góp phần thúc đẩy sự đoàn kết giai cấp công nhân tất cả các nước thành một khối liên minh hợp tác anh em không gì phá vỡ nổi. Các đại hội hằng năm của những đại biểu do chính các công nhân là hội viên của Hội liên hiệp bầu ra, bảo đảm cho giai cấp công nhân có được

một cơ quan đại diện công khai và hùng hậu với quy mô châu Âu.

Hội thợ nề, mà đại diện là Ban chấp hành của mình, tại cuộc họp ngày *25, Hát-phin-đơ-xtơ-rít, Blếch-phrai-ác, Luân Đôn*[1*], đã bày tỏ sự tán thành của mình với những nguyên tắc ấy và tỏ ý mong muốn gia nhập khối liên minh anh em ấy, nay được kết nạp làm phân hội của Hội liên hiệp.

Ngày hôm nay, *21 tháng Hai 1865*

Gi.Ốt-gie-rơ, chủ tịch Hội đồng

Gi. Uy-le-rơ, thủ quỹ danh dự

Ơ.Đuy-pông, bí thư thông tấn phụ trách nước Pháp

C.Mác, bí thư thông tấn phụ trách nước Đức

Ê.Hôn-toóc-pơ, bí thư thông tấn phụ trách nước Ba Lan

H.I-ung, bí thư thông tấn phụ trách nước Thụy Sĩ

L.Lu-ít, bí thư thông tấn phụ trách châu Mỹ

U.R.Cri-mơ, tổng bí thư danh dự

In thành tờ rơi vào tháng Hai 1865

In theo bản in trong tờ rơi
Nguyên văn là tiếng Anh

1* Những chữ in nghiêng trong đoạn này là những chữ tự tay điền vào mẫu đơn in sẵn.

NGHỊ QUYẾT VỀ THÁI ĐỘ CỦA HỘI LIÊN HIỆP CÔNG NHÂN QUỐC TẾ ĐỐI VỚI CUỘC CHIẾN TRANH ÁO - PHỔ NĂM 1866[619]

Hội đồng trung ương của Hội liên hiệp công nhân quốc tế cho rằng cuộc xung đột nổ ra trên lục địa là cuộc xung đột giữa các chính phủ, và Hội đồng khuyến nghị công nhân giữ thái độ trung lập và đoàn kết lại để thống nhất khai thác những lực lượng cần thiết cho công cuộc giải phóng họ về mặt xã hội và chính trị.

Đã được thông qua tại phiên họp của Tổng Hội đồng ngày 17 tháng Bảy 1866

Đã đăng trên các báo "Commonwealth" số 176, ngày 21 tháng Bảy 1866; "La Rive Gauche" số 29, ngày 22 tháng Bảy 1866

In theo bản viết trong sổ biên bản của Tổng Hội đồng
Nguyên văn là tiếng Anh

CÁC BẢN GHI NHỮNG LỜI PHÁT BIỂU CỦA C. MÁC VỀ VIỆC THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM TRIỆU TẬP ĐẠI HỘI CỦA QUỐC TẾ NĂM 1868

TRÍCH CÁC BÀI TƯỜNG THUẬT TRÊN BÁO VỀ CÁC PHIÊN HỌP CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG NGÀY 26 THÁNG NĂM VÀ NGÀY 16 THÁNG SÁU 1868

Ngày 26 tháng Năm 1868

Đã đưa ra thông báo rằng vào thứ ba tới đây sẽ đưa ra đề nghị hủy bỏ quyết định của đại hội gần đây về việc ấn định Bruy-xen làm địa điểm triệu tập đại hội, và thay vào đó, ấn định Luân Đôn làm địa điểm triệu tập đại hội[620].

Hội đồng cho rằng sẽ là điều không tương hợp với danh dự và phẩm giá của Hội liên hiệp nếu triệu tập đại hội tại một địa điểm mà đại hội sẽ bị bọn gián điệp Pháp bao vây, và tại một đất nước mà chính phủ của nó có khả năng tiến hành những hành động tùy tiện và bạo lực, như đã xảy ra đối với các thợ mỏ bị đói ở Sác-lơ-roa.

Ngày 16 tháng Sáu 1868

Tác giả bản nghị quyết[1*] tuyên bố rằng bên cạnh những lý do nêu trên người ta còn làm rõ những hoàn cảnh buộc Hội đồng không hủy bỏ quyết định của Đại hội Lô-dan[621]. Chi hội Bỉ đã có những bước hành động. Ngài Ba-ra tựa hồ đã tuyên bố tại hạ viện rằng ông ta sẽ không cho phép triệu tập đại hội. Trong lời phản kháng có chữ ký của tất cả các ủy viên trong Ban chấp hành Bruy-xen và ban chấp hành hội "Người lao động tự do" (hội chính trị đã gia nhập ở Véc-vi-ê), các hội viên địa phương của Hội liên hiệp công nhân quốc tế đã tuyên bố rằng "bất chấp tất cả các bài diễn văn khoác lác của bộ trưởng tư pháp, đại hội của Quốc tế sẽ họp ở Bruy-xen". Như vậy, toàn bộ vấn đề tựu trung lại là sự chống cự của công nhân Bỉ chống lại những biện pháp cảnh sát của chính phủ Bỉ, nhưng Tổng Hội đồng lại không có quyền can thiệp vào chuyện này. Do vậy Tổng Hội đồng thu hồi lại bản dự thảo nghị quyết của mình.

Đã đăng trên báo "The Bee-Hive Newspaper" các số 346, 349, ngày 30 tháng Năm và ngày 20 tháng Sáu 1868

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

1*- Mác

BẢN GHI BÀI PHÁT BIỂU CỦA C. MÁC VỀ NHỮNG THẮNG LỢI CỦA QUỐC TẾ Ở ĐỨC VÀ Ở PHÁP[622]

TRÍCH TƯỜNG THUẬT TRÊN BÁO VỀ PHIÊN HỌP CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG NGÀY 21 THÁNG BẢY 1868

Bức thư gửi từ nước Đức đến cho hay rằng Liên đoàn các hội công nhân các quốc gia Nam Đức đã ấn định đại hội ở Nu-ren-be, sẽ họp vào tuần lễ đầu tiên của tháng Chín. Tại đại hội ấy, vấn đề đầu tiên sẽ được giải quyết là vấn đề toàn thể Liên đoàn này gia nhập Hội liên hiệp công nhân quốc tế.

Đáng chú ý là bài đăng trên báo "Le Réveil", một tờ báo mới được các bạn bè của Lơ-đruy-Rô-lanh xuất bản ở Pa-ri; bài này tán thành lập trường của các ủy viên Ban chấp hành Pa-ri, và đem tư duy chính trị lành mạnh và ưu thế tinh thần của giai cấp công nhân châu Âu ra đối lập với sự xảo quyệt và ngu xuẩn của các giai cấp cầm quyền. Trong bài này có đoạn đáng chú ý dưới đây:

"Chính sự thống nhất tư tưởng và tình cảm đang chiếm ưu thế trong công nhân các nước châu Âu là điều chúng tôi đặt hy vọng vào để duy trì hòa bình. Sau mấy ngày nữa sẽ khai mạc đại hội của Hội liên hiệp công nhân quốc tế. Tất cả các nước châu Âu sẽ có đại biểu dự đại hội ấy, có thể, trừ nước Pháp, và vị tất sẽ là điều nói ngoa nếu nói rằng nhờ tính chất sáng suốt của các quyết định của mình, cuộc tụ họp này của tất cả các đại biểu lao động châu Âu có thể biến thành một hội nghị của

những chủ nhân đích thực của châu Âu. Vâng, nếu như ngày mai, dựa vào những nguyên tắc bất diệt của cách mạng Pháp và nắm lấy trong tay mình việc bảo vệ các lợi ích thiêng liêng của lao động – bao gồm trật tự, an ninh và tự do đại hội này sẽ kiên quyết lên tiếng đòi hòa bình, những tiếng nói của đại hội ấy sẽ được toàn châu Âu hưởng ứng nhiệt liệt".

Đã đăng trên báo "The Bee-Hive Newspaper" số 353, ngày 25 tháng Bảy 1868

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

BẢN GHI LỜI PHÁT BIỂU CỦA C. MÁC VỀ TÌNH CẢNH CÔNG NHÂN MỎ TẠI CÁC MỎ THAN Ở VÙNG DẮC-DEN [623]

TRÍCH TƯỜNG THUẬT TRÊN BÁO VỀ PHIÊN HỌP CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG NGÀY 23 THÁNG HAI 1869

Bí thư phụ trách nước Đức đã đọc bản báo cáo về tình cảnh của công nhân mỏ tại các mỏ than của vương quốc Dắc-den. Tiền công của họ lên xuống trong khoảng từ 6 si-linh đến 10 si-linh 3 pen-ni mỗi tuần, mỗi ngày làm việc 12 giờ; tiền công của các em thiếu niên là từ 4 si-linh đến 5 si-linh mỗi tuần. Mỗi mỏ đều có qũy tương trợ mà công nhân có nghĩa vụ phải tham gia, nhưng họ không có tiếng nói trong việc phân phối các qũy; các quỹ là tài sản hợp pháp của giới chủ mỏ, và tất cả các khoản cho vay, không trừ ngoại lệ nào, đều được cung cấp theo lệnh của những nhân viên quản lý chủ chốt của các mỏ. Các khoản tiền trợ cấp bệnh tật, trợ giúp và các khoản cấp theo số năm làm việc đều tăng lên tỷ lệ thuận với thâm niên lao động, nhưng nếu người công nhân bị sa thải thì bất kể vì nguyên nhân nào, anh ta cũng bị mất đi tất cả các quyền lợi đối với các quỹ ấy. Như vậy, người công nhân có thể đóng góp trong 30 hoặc 40 năm, nhưng không nhận được một xu nào khi về già. Nhờ công tác vận động công nhân mỏ mà mới đây người ta đã công bố được dự thảo sơ bộ

điều lệ hợp nhất các hiệp hội công nhân mỏ thuộc tất cả các mỏ than miền Dắc-den. Bản dự thảo này do ủy ban của công nhân soạn ra dưới sự lãnh đạo của ngài I.G.Đin-tơ. Những mục chủ yếu của dự thảo ấy như sau: 1) tất cả các quỹ tương trợ hợp nhất thành một qũy; 2) các hội viên được duy trì các quyền lợi của mình chừng nào họ còn sống ở Đức và nộp các khoản đóng góp; 3) hội nghị toàn thể của tất cả các hội viên trưởng thành là cơ quan quyền lực cao nhất. Hội nghị toàn thể này bầu ra tổng hội đồng và ban chấp hành v.v.; 4) mức đóng góp của giới chủ vào quỹ tương trợ phải đạt một nửa mức đóng góp của công nhân. Bản dự thảo này tuyệt đối không thể hiện quan điểm của những công nhân mỏ giác ngộ nhất ở Dắc-den. Nói đúng hơn, bản dự thảo này xuất phát từ bộ phận công nhân muốn tiến hành cải cách với sự cho phép của tư bản. Bản dự thảo ấy mang dấu ấn của tính chất không hiện thực. Thật vậy, thật là một quan niệm ngây ngô biết nhường nào khi cho rằng tuồng như thể bọn tư bản - cho đến nay chúng là những vị chúa tể vô giới hạn chi phối các quỹ của công nhân mỏ - sẽ nhường quyền lực của mình cho hội nghị toàn thể dân chủ của công nhân, và mặc dù vậy sẽ lại còn nộp các khoản đóng góp nữa !

Để mở mắt cho những công nhân mỏ nào còn tin tưởng vào khả năng cải tạo các quỹ ấy trên cơ sở những khoản đóng góp hỗn hợp của giới chủ và giới công nhân, thì không có cách nào tốt hơn là sự khước từ giận dữ của giới chủ.

Đã đăng trên báo "The Bee-Hive Newspaper"
số 385, ngày 27 tháng Hai 1869

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

THƯ CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG GỬI R.U.HI-UM Ở NIU-OÓC [624]

Luân Đôn, ngày 23 tháng Tư 1870

Thưa Ngài !

Phúc đáp bức thư của Ngài đề ngày 26 tháng trước, Hội đồng ủy nhiệm cho tôi tuyên bố rằng Hội liên hiệp công nhân quốc tế không thừa nhận những lợi ích dân tộc đặc biệt của những công nhân sinh ra tại những nước khác nhau.

Một trong số những nhiệm vụ của chúng tôi là loại bỏ khỏi ý thức của công nhân mọi dấu vết của thái độ ác cảm dân tộc và sự hằn thù có thể có. Vì vậy, Hội đồng không thể ủng hộ hình thức đại diện được đề xuất trong báo cáo của Ngài. Tướng Cluy-de-rơ đã bị cảnh sát Pháp xúc phạm, và hiển nhiên là sự việc này đã thôi thúc các hội nghề nghiệp trao thẩm quyền cho ông ta, do vậy ông ta đã có sự so sánh bản thân mình với viên đại sứ Pháp ở Oa-sinh-tơn. Đại sứ Pháp ở Oa-sinh-tơn phải bảo vệ những lợi ích riêng của triều đại và tài sản của các thương gia Pháp. Công nhân Pa-ri không cơ những lợi ích như vậy cần được bảo vệ ở bên kia bờ Đại Tây Dương, chống lại những sự xâm phạm có thể có từ phía công nhân Mỹ. Chúng tôi cho rằng lợi ích của những công nhân Pháp sống tại Hợp chúng quốc là hoàn toàn trùng hợp với lợi ích của tất cả các công nhân khác của Hợp chúng quốc.

Để tạo điều kiện dễ dàng cho sự giao tiếp giữa những người bị ngăn cách bởi những khác biệt về ngôn ngữ và có thể cả về lối sống, chúng tôi có những thông tín viên am hiểu các vấn đề ấy, chúng tôi giao cho họ giải quyết vấn đề này.

Việc trao đổi thư tín với nước Mỹ được phân công cho các bí thư trong Tổng Hội đồng phụ trách các dân tộc khác nhau. Tướng Cluy-de-rơ và ngài Pê-le-chi-e đều là các thông tín viên của chúng tôi ở Mỹ. Họ tiến hành trao đổi thư tín với bí thư của chúng tôi phụ trách nước Pháp [1*]. Dích-phrít Mây-ơ và Phô-gtơ là những thông tín viên Đức của chúng tôi. Họ trao đổi thư tín với bí thư ở đây phụ trách nước Đức [2*], còn tổng bí thư [3*] thì phụ trách trao đổi thư tín với nước Anh. Bên cạnh những nhân vật chức sắc của các hội công liên, ví dụ như ngài Gie-xép, chúng tôi còn trông cậy vào Ngài với tư cách là thông tín viên của chúng tôi, để cố gắng thu xếp công việc nếu xuất hiện những sự hiểu lầm nào đấy giữa các dân tộc khác nhau; nhưng chúng tôi không thể để cho người Pháp hoặc người Đức có những lợi ích đối lập hoặc đặc thù nào đó phân biệt họ với những công nhân khác, và chúng tôi luôn luôn chứng minh cho họ thấy rõ sự cần thiết phải hòa nhập với phong trào công nhân của đất nước mà họ đang sinh sống, đặc biệt là ở Mỹ, họ cần tích cực tham gia phong trào đó.

Về khuynh hướng thành lập các hội kín thì tôi được ủy nhiệm đề nghị Ngài vui lòng trình bày cho chúng tôi rõ - khi nào Ngài thấy thuận tiện làm việc này - ý kiến của Ngài về những nguyên nhân làm nảy sinh nhu cầu về hoạt động bí mật. Người ta khuyên chúng tôi thuyết phục Ngài và bạn Gie-xép công khai lên tiếng

1* - Duy-pông

2* - Mác

3* - Ếch-ca-ri-út

chống lại khuynh hướng đó. Nhưng chúng tôi cho rằng có nhu cầu về hoạt động ấy, nếu không phong trào ấy đã không có được thắng lợi như vậy; hơn nữa về phía chúng tôi sẽ là quá tự tin nếu đưa ra những lời khuyên về vấn đề này; nhưng chúng tôi muốn biết nguyên nhân để thông báo với công nhân của Cựu Thế giới, là những người chỉ vừa mới vượt qua giai đoạn tổ chức bí mật.

Gửi Ngài lời chào chân thành

Gi.Gioóc-giơ Ếch-ca-ri-út, tổng bí thư

Soạn ngày 23 tháng Tư 1870

In theo bản in trong mẩu báo được cắt ra và dán vào sổ biên bản của Tổng Hội đồng
Nguyên văn là tiếng Anh

*CÁC BẢN GHI NHỮNG LỜI PHÁT BIỂU CỦA C. MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN VỀ LẬP TRƯỜNG CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN ANH TRONG CUỘC CHIẾN TRANH PHÁP-PHỔ

TRÍCH BIÊN BẢN CÁC PHIÊN HỌP CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG

Ngày 24 tháng Giêng 1871

Ông Ăng-ghen hỏi xem có ai trong số các ủy viên Hội đồng đã tham dự cuộc mít-tinh hôm qua[625] hay không, nhưng ông không nhận được câu trả lời. Ông tuyên bố tiếp rằng vì các ủy viên Hội đồng có những ý kiến khác nhau, cho nên vấn đề lập trường của giai cấp công nhân Anh trong giai đoạn hiện nay của cuộc chiến tranh Pháp-Phổ nên được thảo luận tại phiên họp của Hội đồng. Ông đề nghị đưa vấn đề này vào chương trình nghị sự.

Ông Mác ủng hộ đề nghị này, và đề nghị này được chấp nhận.

Ngày 31 tháng Giêng 1871

Ông Ăng-ghen nói : Theo lời khuyên của vị chủ tọa

phiên họp gần đây nhất[1*] và theo tập quán Anh, tôi đã soạn thảo một số nghị quyết, chủ yếu làm cơ sở để thảo luận. Tôi không đòi hỏi những nghị quyết này được thông qua đúng nguyên văn như tôi đã soạn thảo. Dưới đây là các nghị quyết ấy:

1. Phong trào của giai cấp công nhân ủng hộ nước Cộng hòa Pháp thoạt đầu phải tập trung các nỗ lực của mình vào việc buộc chính phủ Anh công nhận nước Cộng hòa Pháp.

2. Sự can thiệp quân sự của nước Anh đứng về phía nước Pháp - như cách hiểu của những lời đề nghị có sự can thiệp ấy - sẽ có thể chỉ mang lại ích lợi vào một thời điểm nào đó mà thôi, mà thời điểm ấy đã qua lâu rồi.

3. Nước Anh không những không có khả năng can thiệp có hiệu quả vào những sự kiện đang diễn ra trên lục địa châu Âu, mà cũng không thể tự bảo vệ mình chống lại các nước quân chủ quân phiệt trên lục địa châu Âu, chừng nào nước Anh chưa lấy lại được cho mình quyền tự do sử dụng sức mạnh quân sự thực tế của mình - nghĩa là hạm đội trên biển của mình, mà nó thì chỉ có thể làm được việc này nếu nó hủy bỏ bản Tuyên ngôn Pa-ri[626].

Lập trường của Hội đồng đã được trình bày trong lời kêu gọi thứ hai về chiến tranh. Ngày 4 tháng Chín nền Cộng hòa đã được tuyên bố thành lập, ngày 9 tháng Chín lời kêu gọi của chúng tôi được tung ra, trong đó có nói: "Công nhân Anh đã thực hiện một số bước hành động theo hướng dùng áp lực làm lành mạnh từ bên ngoài để bẻ gẫy thái độ của chính phủ nước họ không muốn công nhận Cộng hòa Pháp". Nếu phong trào chỉ giới hạn ở nhiệm vụ này thì phong trào có thể thắng lợi, những nước khác sẽ làm

1* - Lơ-cráp-tơ

theo tấm gương ấy, điều đó sẽ củng cố địa vị của Pháp đến mức nước Phổ sẽ buộc phải tính đến điều đó. Nhưng đã có những người không thỏa mãn với điều đó. Tôi muốn nói đến những người theo Công-tơ, giáo sư Bi-dơ-li và bạn bè của ông ta. Trong nhiều trường hợp giáo sư Bi-dơ-li đã dũng cảm bảo vệ giai cấp công nhân, ông ấy đã dũng cảm chống lại lập trường thù địch của giai cấp tư sản trong vụ án Brốt-hét[627], nhưng phái Công-tơ không phải là đảng công nhân chính hiệu. Họ bảo vệ sự thỏa hiệp, tìm cách làm cho chế độ lao động làm thuê trở nên dễ chịu hơn để duy trì mãi mãi chế độ này; họ thuộc về phái chính trị tin rằng nước Pháp phải cai trị thế giới. Trong bản tuyên bố gần đây của mình, với chữ ký của một số ủy viên Hội đồng, họ yêu cầu nước Pháp phải được trả lại địa vị của nó trước chiến tranh; mà trước chiến tranh thì nước Pháp là một cường quốc quân sự. Phái Công-tơ đòi có sự can thiệp [vũ trang], thế là ngay lập tức phong trào công nhân bị chia rẽ. Những nhân vật khác thì tuyên bố rằng chiến tranh luôn luôn cản trở sự tiến bộ nào đó về xã hội và chính trị, và rằng mọi cuộc chiến tranh đều kéo dài sự tồn tại của giới qúy tộc. Điều này thể hiện một phần lớn sự thật. Ngoài ra, nếu không buộc được chính phủ công nhận nước Cộng hòa thì làm sao có thể buộc chính phủ khai chiến ủng hộ nước Cộng hòa ấy được? Nhưng chúng ta giả định rằng nước Anh đã tham chiến. Với việc triệu hồi tất cả các lực lượng vũ trang của Xcốt-len, giải phóng tất cả những khu vực khác khỏi sự có mặt của binh lính và chỉ để lại 10 nghìn lính ở Ai-rơ-len, thì sẽ có thể cung cấp khoảng 30 nghìn người và số lính này có thể sẽ có ích vào một thời điểm nào đó. Đã có lúc các lực lượng Pháp và Đức ít nhiều ngang nhau, và Môn-tơ-kê đã rục rịch bỏ cuộc vây hãm. Vào đúng lúc đó, quân Anh có thể làm nghiêng cán cân bất lợi cho phía Đức. Nhưng thời điểm ấy đã qua từ lâu rồi. Đó là tình hình khi

mà ở gần Oóc-lê-ăng đã có một sự sôi động nào đó, khi mà Ô-ren-lơ đơ Pa-la-đin-nơ giành được những thắng lợi cho mình. Vào thời điểm ấy sự xuất hiện của quân đội Anh có thể tác động tốt đến binh lính Pháp, nâng tinh thần của họ lên; kể từ đó quân Đức đã nhận được rất nhiều quân tiếp viện. Quân Phổ chê bai quân đội Anh đến mức họ sẽ giẫu cợt quân Anh nếu quân Anh đổ bộ lên đất Pháp. Điều duy nhất mà quân Anh có thể đạt được là một sự rút lui có tổ chức hơn đôi chút của Săng-di[628].

Các đơn vị quân Anh chỉ có thể tác chiến trên bộ trong sự liên minh với quân đội các nước khác. Đó là tình hình đã diễn ra trên bán đảo Pi-rê-nê và trong cuộc chiến tranh Crưm. Nước Anh có thể tiến hành chiến tranh một cách tốt nhất bằng cách cung cấp các vật liệu quân sự cho các nước đồng minh của mình. Tại Crưm, người Anh đã phải mượn của người Pháp binh lính để bổ sung quân vào các chiến hào của mình. Người Anh vẫn luôn luôn cho rằng không thể tiến hành chiến tranh bằng một quân đội lớn trên những miền lãnh thổ xa xôi. Do chế độ quân sự của Anh - không có chế độ quân dịch, tuyển mộ quân tình nguyện chậm và do hệ thống huấn luyện quân tình nguyện, kết quả là việc huấn luyện binh lính Anh đòi hỏi mất nhiều thời gian - cho nên quân đội Anh dựa trên thời hạn phục vụ lâu dài, và không có khả năng bảo đảm cho một quân đội đông đảo có đủ quân bổ sung cần thiết. Nếu đưa quân đến nước Pháp thì sẽ không thể duy trì số quân ấy bằng số quân bổ sung trong trường hợp có tổn thất. Điều duy nhất mà nước Anh có thể làm để giúp nước Pháp là tuyên chiến đúng vào thời điểm nước Nga hủy bỏ bản công ước Pa-ri. Chúng tôi cũng đã đề cập đến vấn đề này trong những lời kêu gọi của chúng tôi. Trong Lời kêu gọi thứ nhất có nói: "Ở phía sau cuộc chiến đấu tự sát này người ta thấy ló lên

hình ảnh u ám của nước Nga. Điềm xấu là tín hiệu mở màn cho cuộc chiến tranh hiện nay lại được tung ra đúng vào lúc chính phủ Nga đã hoàn thành việc xây dựng những tuyến đường sắt quan trọng đối với nó về mặt chiến lược, và chính phủ ấy đã tập trung quân ở hướng Pru-tơ". Trong Lời kêu gọi thứ hai có nói: "Cũng giống như vào năm 1865 Lu-i. Bô-na-pác-tơ đã trao đổi những lời hứa hẹn với Bi-xmác, thì vào năm 1870 Goóc-tra-cốp cũng đã trao đổi những lời hứa hẹn với Bi-xmác". Nhưng không có ai chú ý đến điều đó. Nước Nga đã lên tiếng chống lại Hiệp ước Pa-ri không sớm hơn thời điểm Bi-xmác khước từ bản hiệp ước về Lúc-xăm-buốc. Điều đó chứng minh là đã có sự thỏa thuận bí mật. Nước Phổ đã luôn luôn chỉ là công cụ trong tay nước Nga. Chính đó là thời điểm thuận lợi để nước Anh tham chiến. Tình cảnh nước Pháp lúc ấy chưa nặng nề như về sau này, và nếu nước Anh tuyên chiến thì Phổ và Nga sẽ cùng liên minh với nhau, phần châu Âu còn lại sẽ chống lại họ, và như thế nước Pháp sẽ được cứu thoát. Các nước Áo, I-ta-li-a và Thổ Nhĩ Kỳ đã sẵn sàng, và nếu người Thổ Nhĩ Kỳ không bị người ta cản trở, như đã diễn ra trong thời gian chiến tranh[1*], nếu người ta tạo điều kiện cho họ có thể tự bảo vệ bản thân họ theo cách họ cho là cần thiết, thì họ đã có thể trụ vững, trong khi đó những nước khác đã có thể giúp người Pháp đánh đuổi quân Phổ. Nhưng khi xuất hiện cơ hội ấy thì các vị trượng phu có ý định giúp nước Pháp lại không biết phải nói gì.

Giờ đây, khi mà Giuy-lơ Pha-vrơ đã thay mặt toàn nước Pháp tuyên bố đầu hàng, điều mà ông ta tuyệt nhiên không có quyền làm, thì không hoài nghi gì nữa, nhờ những cố gắng của giai cấp tư sản Pháp, nước Pháp sẽ phải quy phục và phải ký hòa ước.

1* Có lẽ đã bỏ sót mấy từ: "ở Crưm".

Khi ấy chúng ta sẽ thấy nước Nga hành động như thế nào. Nước Nga và nước Phổ cần đến chiến tranh, như Na-pô-lê-ông vậy, để đàn áp phong trào nhân dân ở trong nước, để duy trì uy tín của mình và duy trì các vị trí của mình.

Hạm đội là sức mạnh chủ yếu của nước Anh, nhưng theo bản tuyên bố năm 1856, một bộ luật mới về biển đã được xác lập và người ta đã quyết định phải chấm dứt tình trạng đánh cướp các tàu buôn của đối phương. Quyền khám xét các tàu trung lập đã bị bãi bỏ, và hàng hóa của đối phương được bảo đảm an toàn trong các vùng biển trung lập, còn hàng hóa các nước trung lập thì được bảo đảm an toàn tại hải phận của đối phương. Nữ hoàng Ê-ca-tê-ri-na của Nga đã có lần cố gắng tiến hành một việc tương tự như thế, nhưng nước Anh không chấp thuận chấm dứt cuộc chiến tranh Crưm cho đến khi tại Hội nghị Pa-ri, Cla-ren-đôn, bằng một dòng chữ, đã tước mất của nước Anh khả năng gây thiệt hại cho nước Nga ở trên biển. Do những âm mưu của ai hoặc theo lệnh của ai mà ông ta đã làm việc này thì điều đó cho đến nay vẫn chưa được làm sáng tỏ. Khi vấn đề này được nêu ra trước hạ viện thì Đi-xra-e-li đã lảng tránh không trả lời, và vấn đề đã được ém nhẹm. Muốn quật ngã nước Nga, cần chấm dứt việc xuất khẩu của nó, chấm dứt hoạt động thương mại xuất khẩu của nó. Nếu giai cấp quý tộc Nga không thể bán ra nước ngoài lúa mì, sợi lanh của mình, tóm lại là sản phẩm nông nghiệp của mình, thì nước Nga sẽ không đứng vững nổi một năm, mà hoạt động thương mại chủ yếu của nó lại được tiến hành trên những chiếc tàu ngoại quốc. Để đánh nhau với nước Nga, nước Anh phải lấy lại cho mình những quyền đã bị mất. Những quyền ấy đã bị bãi bỏ tuồng như để bảo đảm cho tài sản tư nhân ở trên biển có được một sự an toàn như ở trên bộ. Chúng ta đã thấy người Phổ

tôn trọng tài sản tư nhân ở Pháp như thế nào. Giai cấp công nhân không có tài sản tư hữu để có thể mất nó, do vậy giai cấp này không quan tâm đến việc bảo đảm an toàn cho tài sản tư hữu. Nhưng giai cấp công nhân quan tâm đến việc phục hồi và duy trì quyền nêu trên, chừng nào đế chế Nga chưa biến mất. Đế quốc Anh, cũng giống như những đế quốc khác dựa trên...[1*], cũng phải biến mất vào một lúc nào đó, nhưng vào thời điểm này điều chúng ta quan tâm không phải là sự biến mất đó - có thể, sự biến mất ấy sẽ xảy ra bằng con đường hòa bình hơn. Không một nước nào có khả năng chống chọi lại nước Nga như nước Anh có thể chống chọi lại nước Nga, và nước Anh phải duy trì khả năng ấy ít ra cho đến khi nước Ba Lan được phục hưng. Nếu người ta tuyên chiến với nước Nga thì đó sẽ là sự cứu thoát đối với nước Pháp, còn Ba Lan có thể được phục hưng. Giờ đây nước Nga sẽ mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược, có thể là vào năm tới, và châu Âu sẽ phải giao chiến mà không có sự tham gia của Pháp.

Ngày 7 tháng Hai 1871

Ông Ăng-ghen: Khi nhắc đến Ai-rơ-len, tôi chỉ đưa ra giả định rằng 10 nghìn binh lính là một lực lượng quân đội ít nhất mà chính phủ có thể để lại ở Ai-rơ-len. Nói chung, tôi đã không tính đến tâm trạng của người Ai-rơ-len.

Ngày 14 tháng Hai 1871

Ông Mác: Sự công nhận nước Cộng hòa đã là điều kiện trước tiên nhất và cần thiết nhất để có được những thắng lợi tiếp theo. Nếu điều kiện ấy không được bảo đảm thì mọi cái khác nhất định

1* Trong bản ghi bị bỏ trống.

sẽ bị thất bại. Nước Pháp bị trói tay trong các vấn đề đối ngoại cũng như đối nội, trong khi ấy Phổ lại được sự hậu thuẫn của nước Nga. Từ khi tuyên bố thiết lập nước Cộng hòa thì ở Pháp mọi người đều trở thành những người cộng hòa nồng nhiệt. Nếu như lúc ấy nước Cộng hòa được công nhận thì nó đã có những vận hội thành công. Nhưng khi sự công nhận ấy không diễn ra, thì người Pháp đã quay thụt lùi trở lại. Nói đúng ra, các giai cấp hữu sản đã muốn Phổ giành được thắng lợi, hơn là nước Cộng hòa thắng. Họ biết rất rõ rằng sớm hay muộn thì nước Cộng hòa ấy tất sẽ phải trở thành nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa, do vậy họ mưu mô chống lại nước Cộng hòa ấy. Và những mưu mô ấy đã làm cho Phổ nhiều hơn là Môn-tơ-kê và các viên tướng của ông ta đã làm. Trong cuộc thảo luận của chúng ta không có ai chứng minh được rằng việc công nhận nước Cộng hòa không phải là vấn đề hàng đầu. Tiếp nữa, hội nghị ở Ken-nôn-xtơ-rít[629] không phải là hội nghị của những công dân khá giả của Luân Đôn, hội nghị ấy là của những người tiểu tư sản chưa hề bao giờ có ảnh hưởng. Họ có thể hoặc là ủng hộ các nhà tư bản lớn để chống lại nhân dân, hoặc là đi theo giai cấp công nhân; họ không thể đạt được điều gì bằng lực lượng của mình, nhưng khi họ đi theo giai cấp công nhân thì không thể để cho họ tham gia lãnh đạo được, bởi vì sự lãnh đạo của họ là nguy hiểm. Họ căm ghét nước Cộng hòa và họ không muốn thừa nhận nó, nhưng họ lại sợ nước Phổ, do vậy họ chủ trương chiến tranh. Ông Éch-ca-ri-út nói rằng những lời phản đối hành động chia cắt nước Pháp mà không được củng cố bằng sự đe dọa chiến tranh thì sẽ vô ích, song điều đó không liên quan gì đến vấn đề này. Chúng tôi đã phản đối trong lời kêu gọi của chúng tôi, người Đức đã phản đối, tuy đó chỉ là sự phản đối có tính chất tinh thần. Chính phủ Anh không thể đưa ra lời phản đối chừng nào nước Phổ chưa giành được thắng

lợi và chưa chính thức đòi các tỉnh ấy. Vị tất có thể nghĩ rằng chính phủ Anh sẽ thật sự phản đối việc chia cắt nước Pháp.

Có lẽ ông Côn có những quan niệm kỳ lạ về phong trào công nhân: khi công nhân đến gặp Glát-xtôn để tìm hiểu ý kiến của ông ta thì, theo ý ông ta, họ phải xem quyết định của ông ta là quyết định sau cùng và phải phục tùng. Ông Côn còn nghĩ rằng lẽ ra còn có thể làm được nhiều hơn nếu như nghị viện họp. Thật là điều tuyệt vời khi nghị viện đã không họp. Việc công nhận nước Cộng hòa là một việc làm đơn giản của quyền hành pháp. Nếu nghị viện họp thì Glát-xtôn sẽ trút trách nhiệm ấy lên vai phe đa số trong nghị viện, và khi ấy đối với mỗi lý lẽ được đưa ra người ta sẽ tìm ra hàng nghìn luận cứ chống lại để bảo vệ Glát-xtôn. Sự thay đổi chính phủ có thể dẫn đến việc cần thiết phải tiến hành bầu cử, mà phái tự do lại không thích thú lắm cái việc quá thường xuyên phải mua chuộc các cử tri tự do. Tôi hoàn toàn tin rằng nếu công nhân kiên trì quan điểm của mình và không cho phép các diễn giả thuộc các phần tử khống luận tiểu tư sản chõ mũi vào công việc của người khác, thì công nhân sẽ thắng. Phong trào này chưa thu hút được một nửa số nghị lực đã có thời được biểu lộ trong cuộc nổi loạn về bia[630]. Ở Anh mọi cái đều diễn ra dưới sức ép từ bên ngoài. Ông Min-nơ nói rằng tuồng như sẽ là điều xúc phạm người Đức nếu người Anh đòi công nhận nước Cộng hòa Pháp. Chính là ngược lại: người Đức nghĩ rằng về phương diện này, người Anh đã làm chưa đầy đủ. Hàng trăm con người bị giam cầm, và người duy nhất mà các tù nhân có thể mong đợi sự ủng hộ tinh thần, đó là các công nhân Anh, nhưng họ đã đi không phải bằng con đường cần đi. Về cuộc đấu tranh giữa chế độ quân chủ và nền cộng hòa thì lúc đầu đã không có nền cộng hòa nào cả, chỉ duy nhất quân đội nhà vua

chống lại đối phương, và quân đội Pháp được coi là mạnh hơn. Khi quân đội thường trực Pháp không còn tồn tại nữa thì mọi người nghĩ rằng người Pháp sẽ phải đầu hàng, sau mấy ngày nữa thì không một chế độ quân chủ nào có thể giúp được nữa. Điều đó làm được chỉ là do không có vua; nước Cộng hòa đã đứng vững được 5 tháng, và nếu không có sự phản bội và không có những thủ đoạn hậu trường thì người Pháp đã có thể trụ được lâu hơn.

Yếu tố thứ ba: người ta thấy rằng ở châu Âu nền cộng hòa tư sản trở nên không thể có được. Chính phủ tư sản không dám thi hành các biện pháp cách mạng cần thiết để phòng thủ. Chính thể cộng hòa chỉ là hình thức chính trị để phát triển sức mạnh của giai cấp công nhân. Cuộc bầu cử gần đây ở Pháp và hành vi của giai cấp tư sản ở Đức chứng minh rằng giai cấp tư sản thích chế độ chuyên chế quân phiệt hơn là chế độ cộng hòa. Ở Anh cũng có sự sợ hãi như vậy. Những nguyên tắc cộng hòa và chính phủ tư sản đã trở thành những điều bất tương dung.

Bây giờ tôi chuyển sang đề cập đến chính cuộc chiến tranh. Sau khi Xê-đăng đầu hàng, Bi-xmác rơi vào thế khó khăn. Nhà vua[1*] cam đoan với nghị viện Đức và nhân dân Pháp rằng ông ta chỉ tiến hành chiến tranh chống Na-pô-lê-ông vì những mục đích tự vệ. Nhưng sau trận đánh ở Xê-đăng, đối với Phổ cuộc chiến trở nên hết sức ít giống với cuộc tự phòng thủ, như điều đã xảy ra lúc đầu với người Pháp. Tôi biết Bi-xmác cũng hướng đến chiến tranh, giống như Na-pô-lê-ông vậy, sự tự vệ chỉ là cái cớ mà thôi. Nhưng sau trận đánh ở Xê-đăng ông ta cần có một cái cớ mới. Giai cấp tư sản Đức đã dao động - phải chăng đã đến lúc dừng lại, nhưng Bi-xmác thấy rằng ở nước Pháp không có chính phủ được công nhận để có thể ký hòa ước với chính phủ

1* - Vin-hem I

ấy, cho nên để ký hòa ước, ông ta phải tiến về Pa-ri. Về phía ông ta sẽ là điều cực kỳ xấc xược khi suy xét xem chính phủ nào sẽ được người Pháp công nhận, chính phủ nào thì không, nhưng điều đó lại đáp ứng mục tiêu của ông ta. Những tay trùm tài phiệt luôn luôn sùng bái sự thành công, thế mà vì giai cấp tư sản Đức khiếp sợ nước Cộng hòa, cho nên Bi-xmác đã tự bảo đảm có được sự hậu thuẫn của nó, còn về sự ủng hộ của giới quý tộc thì ông ta từ trước đã tin chắc có được nó rồi. Bi-xmác không muốn thấy nước Anh công nhận nước Cộng hoà Pháp, bởi vì nước Anh là cường quốc duy nhất có thể chống lại được ông ta, nhưng ông ta trông cậy vào Glát-xtôn và vào những mối liên hệ triều đại. Trở thành nhạc mẫu của hoàng đế Đức [1*] là việc quan trọng, và nước Anh đã đi theo con đường của Liên minh thần thánh. Khi các đại biểu công nhân nhắc nhở Glát-xtôn về thái độ vội vã của chính phủ Anh trong việc công nhận Na-pô-lê-ông, thì Glát-xtôn đã đánh lừa họ bằng cách đánh tráo ngày tháng và đánh đồng việc Pan-mớc-xtơn công nhận Na-pô-lê-ông sau cuộc chính biến với việc chính phủ của ông ta công nhận Đớc-bi sau cuộc trưng cầu dân ý. Ông ta nói với công nhân rằng ông ta đã làm đến mức tối đa những gì có thể làm được, và tự nhận mình có công duy trì được các quan hệ ngoại giao với nước Pháp. Trong vấn đề này lẽ ra ông ta cũng có thể làm được những việc như Mỹ đã làm. Với lời khẳng định rằng nước Anh chỉ có thể sử dụng sức mạnh tinh thần ở nước ngoài, các đồng sự của ông ta: Bru-xơ, Lâu, Các-đu-en qua đó đã tỏ thái độ thù địch đối với nước Cộng hòa. Nơi duy nhất để nước Anh có thể sử dụng sức mạnh vật chất là Ai-rơ-len. Hơn nữa, người ta đã ra lệnh cho báo chí Đức chửi bới nước Anh về việc nó đã bán cho người Pháp những vật

1* Ám chỉ nữ hoàng Vích-to-ri-a.

phẩm khác nhau. Khi Béc-nơ-xtoóc-phơ đòi Gran-vin giải thích thì ông này đã lảng tránh và tuyên bố rằng ông ta sẽ điều tra vụ việc này, sau đó người ta thấy rằng mọi chuyện đều hợp lý và hợp pháp. Ông ta đã biết điều đó từ trước nhưng không dám nói. Sau đó chính phủ Anh, theo đòi hỏi của Béc-nơ-xtoóc-phơ, đã tịch thu dây cáp của Pháp - sau này viên thẩm phán Anh đã tuyên bố việc này là không hợp pháp. Sau khi Mét-xơ đầu hàng, nước Nga cho rằng đã đến lúc tham gia vào các sự kiện, và nó đã hủy bỏ Điều ước Pa-ri. Ngay lập tức sau sự việc này đã diễn ra việc hủy bỏ Hiệp ước Lúc-xăm-buốc, thế là Ru-ma-ni nhảy vào các công quốc vùng Đa-nuýp[1*]. Tất cả những hành động ấy đều nhằm đả kích nước Anh. Còn Glát-xtôn đã làm gì? Ông ta cử một đặc sứ đến gặp Bi-xmác để tham khảo ý kiến. Bi-xmác đã khuyên triệu tập một hội nghị ở Luân Đôn, nhưng thậm chí Glát-xtôn cũng cảm thấy rằng nếu không có Pháp thì không nên làm chuyện này, bởi vì nếu không có Pháp thì đa số sẽ thuộc về những nước đã hủy bỏ bản hiệp ước. Nhưng không thể để Pháp tham gia nếu không công nhận nước Cộng hòa Pháp, vì vậy Bi-xmác đã phải ngăn cản việc thừa nhận ấy. Khi Ô-be-rôn Héc-béc-tơ chất vấn Glát-xtôn về vấn đề này tại hạ viện, thì Glát-xtôn lại một lần nữa giở trò láu cá, xuyên tạc các sự việc và bác bỏ các sự việc quan trọng nhất trong số các sự việc ấy. Những kẻ giả nhân giả nghĩa luôn luôn phạm nhiều lỗi lầm. Qua sách xanh ta thấy rõ ràng khi chính phủ Anh yêu cầu cấp hộ chiếu cho Pha-vrơ thì Bi-xmác trả lời rằng nước Pháp không có năng lực hoạt động trong quan hệ quốc tế, và chừng nào tình

1* Trong bản ghi có sự thiếu chính xác: trong bài tường thuật trên báo "Eastern Post" số ra ngày 19 tháng Hai 1871, đoạn này được trình bày như sau: "Ngay lập tức tiếp sau đó đã diễn ra việc hủy bỏ Hiệp ước Lúc-xăm-buốc và các điều khoản trong thỏa ước giữa Bi-xmác và công tước Ru-ma-ni, có liên quan đến các công quốc vùng Da-nuýp".

trạng này chưa được khắc phục thì sẽ là vô ích nếu có những bước hành động nào đó nhằm để cho nước Pháp tham gia hội nghị. Việc không công nhận nước Cộng hòa Pháp là phương cách cô lập chính phủ Anh.

Ngày 21 tháng Hai 1871

Sau đấy ông M á c lưu ý Hội đồng đến việc soạn thảo một cách cẩu thả bài tường thuật lời phát biểu của ông đăng trên báo "Eastern Post". Nếu tên của ông trong bài tường thuật không bị viết nhầm thì ông đã thấy có bổn phận phải viết thư cho viên chủ biên. Trong bài tường thuật ấy nói rằng "từ khi tuyên bố thiết lập nước Cộng hòa thì ở Pháp, mọi người đều trở thành những người Cộng hòa nồng nhiệt, nhưng sự công nhận đã không diễn ra, thế là thời kỳ thế lực phản động đã đến". Đây là chuyện nhảm nhí đích thực. Ông chỉ rõ rằng ngược lại, nước Cộng hòa đã được các nước I-ta-li-a, Thụy Sĩ, Tây Ban Nha, Bỉ và những nước khác thừa nhận, và tinh thần hăng hái của nhân dân lớn đến mức, những kẻ thù của nước Cộng hòa đã buộc phải giả vờ là những người ủng hộ nước Cộng hòa; đặc biệt, ông có nhắc đến viên quan tòa của Tòa án tối cao ở Blua đã mô tả mình là một người cộng hòa. Tiếp đó bài tường thuật nói rằng "giai cấp tư sản không muốn giúp vào việc làm cho nước Cộng hòa giành được thắng lợi, nó biết rõ rằng sớm hay muộn, nước Cộng hòa sẽ buộc phải quan tâm đến vấn đề xã hội". Điều này hoàn toàn khác với những gì ông đã nói, cụ thể nước Cộng hòa phải trở thành nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa. Sau nữa, bài tường thuật còn nói tiếp: "Không một ai trong số những kẻ chủ trương chiến tranh chứng minh được rằng việc công nhận nước Cộng hòa là điều kiện trước tiên và cần thiết", trong khi ấy phải là: "*không phải* là điều kiện đầu tiên".

Về những lời nhận xét của ông đối với những lời phát biểu của các diễn giả khác, thì tác giả bài tường thuật đã không bỏ công chỉ rõ xem cụ thể ai đã nói, cho nên thật khó tìm hiểu xem ai đã nói gì. Lời nhận xét gán cho ông nói về ông Côn chẳng khác gì một sự xúc phạm. Tiếp đó bài tường thuật nói rằng "chính sự khiếm diện của nhà vua đã cổ vũ nhân dân", còn ông thì đã nói rõ ràng: "sự thiếu vắng chế độ quân chủ", hai điều đó hoàn toàn không phải là một. Ma quỷ cũng không thể hiểu nổi những bài tường thuật như vậy. Tiếp đó còn khẳng định rằng nước Anh sử dụng "vũ lực nhiều hơn [more]" ở nước ngoài - đó hiển nhiên là lối ấn loát, câu đó phải là "sức mạnh tinh thần [moral]" mới đúng.

Tiếp đó, bài tường thuật gán cho Bi-xmác những lời cho rằng tuồng như người Pháp đã không công nhận chính phủ này, và nói rằng xét xem người Pháp công nhận chính phủ nào là một hành động cực kỳ xấc xược của ông ta. Đồng thời lại không có một lời nào nói đến tuyên bố của ông, của Mác, rằng ở Pháp mọi người đều đã thừa nhận chính phủ và tuân theo nó, còn hành động cực kỳ xấc xược của Bi-xmác là khẳng định điều ngược lại.

Bài tường thuật cũng cho biết rằng việc để cho nước Pháp tham gia hội nghị sẽ đồng nghĩa với việc công nhận nước Pháp. Lời nhận xét này là của một tay bồi bút, chứ không phải của ông (của Mác); lời kết luận thì hoàn toàn bị xuyên tạc: chính phủ không có năng lực hành động về phương diện quốc tế chính vì nó không được công nhận. Ngoài ra, bài tường thuật còn mâu thuẫn với biên bản. Những bài tường thuật như vậy chỉ có thể gây ra tác hại, và nếu như sẽ còn đăng điều gì đó đại loại như vậy, thì ông sẽ yêu cầu không cho đăng các bài tường thuật nữa.

Ngày 7 tháng Ba 1871

Sau đó ông M á c trở lại vấn đề bản tuyên ngôn Pa-ri. Ông tuyên bố rằng nếu giai cấp công nhân Anh không đưa ra tiếng nói của mình thì người ta có thể đưa bản tuyên ngôn ấy vào một thỏa ước nào đó như một điều khoản riêng; nhân dân Anh không được bị tước vũ khí trong chính sách đối ngoại của mình; không được để mất thời gian, cần phải thành lập ủy ban nước Anh. Đối với một cường quốc trên biển thì cách duy nhất để tiến hành chiến tranh là phải có những hành động chống lại hoạt động ngoại thương của kẻ địch. Mỹ đã không tham gia bản tuyên ngôn Pa-ri, nhưng người Pháp đã tuân thủ bản tuyên ngôn ấy, chính vì vậy mà hạm đội Pháp đã làm rất ít. Giờ đây người ta thôi thúc Hà Lan đề nghị đưa vào bản thỏa ước - coi đó là bộ phận cấu thành thỏa ước ấy - những điều mà trước kia chỉ là lời tuyên bố. Trên biển chỉ có thể tiêu diệt hàng hóa, còn trong cuộc chiến tranh trên bộ thì tiêu diệt phần đáng kể tư bản cố định, ví dụ: các cây cầu, các tòa nhà v.v. mà việc khôi phục chúng đòi hỏi phải mất nhiều năm. Những bằng chứng cướp tàu buôn của đối phương trên biển lại là vấn đề khác: các tàu cướp là những du kích trên biển. Giai cấp cầm quyền ở nước Anh đã để tuột khỏi tay những vị trí bảo đảm cho nền phòng thủ của đất nước từ bên ngoài; trong thời điểm mà nước Pháp bất lực thì nước Anh đóng vai trò người đại diện của Tây Âu; giai cấp công nhân Anh phải lấy lại những vị trí ấy.

Ngày 14 tháng Ba 1871

Sau đó ông M á c nối lại cuộc tranh luận bị ngắt quãng. Ông nói rằng điều hết sức quan trọng là tìm ra được sức mạnh chống chọi được các cường quốc quân sự trên lục địa. Những cường quốc này lại đóng vai trò Liên minh thần thánh, và nước Anh là cường quốc duy nhất đủ sức đối chọi lại những cường quốc ấy, nhưng

chỉ với điều kiện là nước này lấy lại được cho mình các quyền trên biển. Việc tịch thu những hàng hóa chở trên các tàu trung lập, chỉ sau vài tuần lễ, sẽ phá hoại hoạt động ngoại thương của các cường quốc trên lục địa, và khi ấy giai cấp tư sản Đức sẽ trở nên ít hiếu chiến hơn nhiều so với trong thời gian gần đây. Phương pháp tiến hành các hoạt động quân sự theo kiểu này nhân đạo hơn là cách tiến hành chiến tranh theo kiểu thông thường. Với bản tuyên ngôn Pa-ri, các cường quốc trên bộ đã thực tế nói với nước Anh: anh phải chiến đấu theo cách của chúng tôi, chứ không phải theo cách của mình. Đã có nhiều ý kiến phản đối những tàu chặn bắt tàu buôn của đối phương, nhưng những tàu chặn bắt này không kém gì du kích, ngoài ra hành động chặn bắt các tàu buôn đòi hỏi sự can thiệp của chính quyền nhà nước ít hơn. Khi Bắt-lơ cổ động cho chiến tranh chống nước Anh thì người ta bảo rằng Mỹ không thể tiến hành chiến tranh nếu không có hạm đội, điều này đã bị Bắt-lơ phản bác như sau: chúng tôi không cần đến hạm đội, chỉ cần có những tàu chặn bắt các tàu buôn của địch. Đối với những người cầm quyền hiện nay của nước Anh thì có lực lượng này hay không, thế nào cũng được, nhưng họ sẽ không mãi mãi cai trị đất nước; cần làm sao để nhân dân Anh có trong tay một lực lượng mà nó có thể sử dụng để bảo vệ các dân tộc trên lục địa. Xtiu-ác Min trước kia đã có lúc ủng hộ bản tuyên ngôn Pa-ri, nhưng sau khi tìm hiểu một số văn bản gửi đến cho ông ta, ông ta quay ra chống lại bản tuyên ngôn ấy. Toàn bộ tiến trình của Hội nghị biển Đen đều nhằm đạt cho được sự khẳng định bản tuyên ngôn này. Cho đến nay, bản tuyên ngôn này chỉ được cá nhân Pan-mốc-xtơn và Cla-ren-đôn công nhận, nhưng giờ đây có lẽ bản tuyên ngôn này đã được đưa vào nghị định thư mới được ký kết ngày hôm qua.

Ông Ăng-ghen tuyên bố rằng ông không thấy cần phải nói dài dòng, vì không có mặt ông Oet-xtơn, người có những nhận xét mà Ăng-ghen muốn phản bác. Về tuyên ngôn Pa-ri thì ông Mác đã nhấn mạnh rằng đây chỉ là một sự thỏa thuận riêng tư. Nó không nhận được sự tán thành của một nhà hoạt động nhà nước riêng rẽ, cũng như của nghị viện, không ai tuyên bố nó có tính chất bắt buộc. Năm 1862, Coóc-nu-ô-lơ Lu-ít đã tuyên bố bản tuyên ngôn ấy không có tính chất bắt buộc. Năm 1867, huân tước hiện nay Đớc-bi, đáp lại lời chất vấn của Xtiu-ác Min - đã tuyên bố rằng bản tuyên ngôn ấy chỉ có tính chất bắt buộc ở mức độ nhất định, nhưng những lợi ích của công cuộc tự vệ còn quan trọng hơn mọi cam kết. Bản tuyên ngôn ấy chưa bao giờ được phê chuẩn, và ý nghĩa của nó chỉ dựa trên một bức thư riêng tư của một bộ trưởng. Bản tuyên ngôn này không trói buộc ai cả. Điều đó đã rõ ràng qua việc các cường quốc tham chiến, trong mỗi cuộc chiến tranh, đều nhận lấy một số cam kết nhất định qua một thỏa ước đặc biệt. Nhưng hội nghị này đã ký nghị định thư quy định rằng từ nay trở đi, những hiệp ước và hiệp định được coi là có tính chất bắt buộc chừng nào người ta không hủy bỏ những cam kết ấy bằng sự thỏa thuận chung. Cuộc chiến giữa Pháp và Đức đã chứng minh rằng các pháo đài hiện đại được bảo vệ không đầy đủ chống lại cuộc bắn phá của pháo binh, và những đồn bốt nhô ra phía trước có thể quyết định việc cứu nguy chính các pháo đài; một số đồn bốt được trù tính xây dựng ở Ba Lan. Nước Nga tiếp tục vũ trang một cách hăng hái không mệt mỏi, các lực lượng vũ trang ở nước này hầu như đã ở trong tư thế sẵn sàng chiến đấu. Các đội điện báo và các đội y tế đang được tổ chức. Trên thị trường Anh người ta đã hoàn toàn phân bố xong khoản vay của Nga với số tiền 12 triệu pao xtéc-linh. Chắc chắn, đây là những đồng tiền cuối cùng của Anh mà nước Nga sẽ nhận

được. Trước cuối mùa hè có thể bùng nổ chiến tranh - tình hình như thể diễn biến không theo chiều hướng hòa bình. Đề cập đến một số bài phát biểu trong cuộc thảo luận, Ăng-ghen nhận xét rằng những bất đồng xuất hiện chỉ vì một điểm: để thực hiện sự can thiệp vũ trang mà chỉ sử dụng riêng quân đội Anh thì đã đủ chưa. Ăng-ghen đã không dùng những từ ngữ gay gắt mà ngài Oét-xtơn đã nói đến. Sau đó Ăng-ghen một lần nữa chứng minh rằng người Anh có thể đưa ra đạo quân không quá 30 nghìn người; có một lần duy nhất - trong trận đánh ở An-ma - đã có 33 nghìn quân Anh tham gia, nhưng về sau trong suốt thời gian diễn ra cuộc chiến Crưm họ không một lần nào có thể lại đạt đến con số ấy. Con số này tương đương với một quân đoàn Phổ, và sẽ là phi lý nếu cho rằng một đạo quân như thế có thể làm lệch cán cân. Quân Anh không thua kém ai về tinh thần dũng cảm; lòng dũng cảm cá nhân thì ở nước nào cũng có, xong ở các chiến binh thì các phẩm chất khác nhau và chúng được biểu hiện ra một cách khác nhau. Có những chiến binh thích hợp hơn cho việc tấn công, những chiến binh khác lại thích hợp hơn cho việc phòng thủ. Người Ai-rơ-len không thể thay thế được đối với bộ binh nhẹ, còn người Anh thì không thể thay thế được đối với...[1*] nhưng bộ chỉ huy của quân Anh sử dụng người Anh như người Ai-rơ-len, và sử dụng người Ai-rơ-len như người Anh.

Hệ thống huấn luyện quân sự của Anh hết sức không hoàn hảo và lỗi thời, cho nên trước khi nổ ra cuộc chiến tranh hiện nay, binh lính ở Ôn-đéc-sốt, thậm chí, đã không kinh qua thời gian phục vụ việc canh gác. Ở đây người ta nói rằng 100 nghìn quân Anh có thể không để cho người ta nhốt chặt họ ở Pa-ri. Nhưng

1* Trong bản ghi chỗ này bỏ trống; trong bài tường thuật đăng trên báo nói về phiên họp này, ở đoạn tiếp có những từ: "bộ binh nặng".

các binh lính đại thể như những lính tình nguyện của chúng ta làm sao có thể ngăn cản được chuyện này? Người Pháp hoàn toàn có đầy đủ những binh sĩ như thế, và nếu 400 nghìn lính tình nguyện Anh bị nhốt chặt y như lính Pháp bị nhốt chặt ở Pa-ri, dưới quyền chỉ huy của những kẻ yô dụng quá tự tin và phản bội như vậy, thì họ cũng sẽ hành động y như các binh lính Pháp.

Cuối cùng, ông ấy nói rằng nước Anh không thể tiến hành chiến tranh với các cường quốc trên lục địa trong những điều kiện ngang nhau, và cũng không nên mong muốn điều đó. Hàng năm chi phí cho một lính Anh là 100 pao xtéc-linh, còn chi phí hàng năm cho một lính Phổ chỉ có 30 pao. Vì vậy, với cùng một số tiền, nước Phổ có khả năng nuôi một số lính đông hơn gấp ba lần so với nước Anh, do vậy nước Anh hoàn toàn không thể cạnh tranh được với các cường quốc trên bộ, và cần phải hy vọng rằng nó sẽ không bao giờ thử làm chuyện này.

Điểm thứ nhất và điểm thứ hai trong đề nghị được đưa ra vào thời gian đầu cuộc thảo luận đã bị loại bỏ. Điểm thứ ba được nhất trí chấp thuận, điểm đó nói:

Nước Anh chẳng những không có khả năng can thiệp một cách có hiệu quả vào các sự kiện đang diễn ra trên lục địa châu Âu, mà còn không thể tự bảo vệ mình chống lại các chính thể quân chủ quân phiệt của lục địa châu Âu, chừng nào nước Anh chưa lấy lại cho mình quyền tự do sử dụng sức mạnh quân sự thực tế của mình, tức là hạm đội hải quân của mình, mà nó chỉ có thể làm việc này nếu hủy bỏ Tuyên ngôn Pa-ri.

Công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong cuốn sách: "Tổng Hội đồng của Quốc tế I. 1870 - 1871", M., 1965

In theo bản viết trong sổ biên bản của Tổng Hội đồng

Nguyên văn là tiếng Anh

*BẢN GHI LỜI PHÁT BIỂU CỦA C.MÁC NGÀY 25 THÁNG TƯ 1871[631]

TRÍCH BIÊN BẢN PHIÊN HỌP CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG

Ông Mác công bố bức thư của bí thư Ban chấp hành Niu-Oóc[1*], trong đó đưa ra bản liệt kê các chi hội có các đại biểu trong ban chấp hành, như sau:

1. Liên đoàn công nhân toàn Đức (liên minh công nhân số 5).
2. Chi hội Pháp của Hội liên hiệp công nhân quốc tế, Niu-Oóc.
3. Hội công nhân Séc, Niu-Oóc.
4. Hội công nhân chính trị-xã hội số 1, Si-ca-gô.
5. Hội công nhân chính trị-xã hội số 2, Si-ca-gô.
6. Hội công nhân dân chủ - xã hội, Niu-Oóc.
7. Chi hội Ai-rơ-len của Hội liên hiệp công nhân quốc tế, Niu-Oóc.
8. Hội dân chủ-xã hội, Uy-li-am-xbuốc, Niu- Oóc (hội của người Đức).

Như tin tức cho biết, các chi hội này hoạt động tốt; chi hội

1* - Ph. A. Doóc-gơ

Ai-rơ-len phát triển nhanh và đang cố gắng tổ chức những hoạt động chung với Hội liên hiệp Ai-rơ-len ở Mỹ. Đã có những bước hành động thắng lợi để lập một tờ tuần báo Đức. Liên minh công nhân đã quyết định chỉ phê chuẩn những đại biểu nào đại diện cho lao động[1*], chứ không phải cho tư bản. Liên minh công nhân toàn quốc đã bị mất cơ sở trong các tổ chức ở Niu-Oóc, nhiều tổ chức ấy đã từ chối cử đại biểu của mình đến dự đại hội thường kỳ.

Đại hội đồng công nhân bang Niu-Oóc đã tiến hành kỳ họp hàng năm của mình ở Ôn-ba-ni và đã ra nghị quyết tán thành các nguyên tắc của Hội liên hiệp công nhân quốc tế, và lấy những nguyên tắc ấy làm phương châm chỉ đạo; bản nghị quyết này kết thúc với câu nói "Công nhân tất cả các nước, đoàn kết lại!".

Người ta đang tiến hành công việc soạn thảo lời kêu gọi gửi các hội công nhân và các hội công liên, và đã tổ chức được việc trao đổi thư tín với hiệp hội tương trợ thợ mỏ ở Pen-xin-va-ni. Cuộc đấu tranh chính trị có tổ chức của công nhân đã đánh một đòn vào địa vị đứng đầu của đảng cộng hòa ở Niu-Hem-sia trong cuộc bầu cử mới đây. Những người Mỹ bản địa đã thành lập ra chi hội và đã cử đại biểu của mình [vào Ban chấp hành Niu-Oóc]. Đã nhận được tấm kỳ phiếu 2 pao xtéc-linh, đó là khoản đóng góp thường kỳ của 203 hội viên và khoản thanh toán về các bài tường thuật về đại hội.

Ông Mác thông báo đã nhận được những bức thư gửi từ Pa-ri, một bức đề ngày 12, một bức khác đề ngày 15[632], nhưng mãi đến thứ bảy mới nhận được. Có một người Pháp là thành viên của Công xã đã đến Luân Đôn để tiến hành các hoạt động kinh doanh

1* Tiếp đó bắt đầu nội dung của trang bị thiếu trong sổ biên bản.

ở sở giao dịch và đã đến thăm ông [Mác] để bảo đảm có được sự giúp đỡ của ông. Việc khai trừ Tô-lanh thật sự đã xảy ra[633], nhân sự việc này, Mác đề xuất nghị quyết sau đây:

"Xét thấy Tổng Hội đồng đã nhận được, để phê duyệt, bản nghị quyết của Hội đồng liên chi hội Pa-ri về việc khai trừ ông Tô-lanh ra khỏi Hội liên hiệp công nhân quốc tế vì ông này, sau khi được bầu vào quốc hội với tư cách đại diện của giai cấp công nhân, đã phản bội một cách hết sức hèn nhát sự nghiệp của giai cấp công nhân;

xét thấy rằng chỗ đứng của mỗi hội viên Pháp của Hội liên hiệp công nhân quốc tế, không nghi ngờ gì nữa, là ở trong hàng ngũ Công xã Pa-ri, chứ không phải ở trong nghị viện Véc-xây có tính chất tiếm quyền và phản cách mạng, -

Tổng Hội đồng của Hội liên hiệp công nhân quốc tế phê duyệt nghị quyết của Hội đồng liên chi hội Pa-ri và tuyên bố ông Tô-lanh bị khai trừ ra khỏi Hội liên hiệp công nhân quốc tế".

Bản nghị quyết này được sự ủng hộ của Éch-ca-ri-út, đã được nhất trí thông qua.

Ông Mác tiếp tục bài phát biểu của mình. Ông nói rằng ông đã nói cho vị đại biểu Công xã hiểu rằng thật là một sai lầm to lớn như thế nào, nếu không gửi cho chúng tôi thư từ[1*] cũng như các tờ báo. Sau này điều đó sẽ được sửa chữa, vì các quan hệ công việc giữa Công xã và Luân Đôn sẽ do một phái viên lưu động đảm nhiệm[538] người này cũng sẽ đảm nhiệm việc bảo đảm sự liên lạc giữa chúng ta.

Xéc-rai-ơ và Đuy-pông được đề cử giữ các ghế bỏ trống trong quận 17. Xéc-rai-ơ viết thư cho biết thế nào Đuy-pông cũng đắc

1* Đến đây chấm dứt nội dung của trang bị thiếu trong sổ biên bản.

cử, nhưng từ sau cuộc bầu cử ông ấy đã không thông báo điều gì; tuy nhiên, có thể ông ấy đã viết thư đến Man-se-xtơ. Hóa ra, hoàn toàn không phải tất cả những bức thư gửi đi đều đến đúng địa chỉ.

Phê-lích-xơ Pi-a và Vê-di-ni-ê vu khống Xéc-rai-ơ và Đuy-pông, và khi Xéc-rai-ơ dọa đưa họ ra tòa thì họ xoay ra phủ nhận chuyện đó. Cần lập tức viết thư gửi đến Pa-ri và giải thích vì những nguyên nhân nào mà Pi-a vu khống Xéc-rai-ơ và Đuy-pông.

Theo đề nghị của Mốt-tơ-xhết, Mác được ủy nhiệm làm việc này[634].

La-phác-gơ đã gửi những thư đã nhận được về phía sau tuyến công sự Pa-ri[635], thảo nào mà việc chuyển những thư đó bằng đường sắt bị chậm trễ đến thế: cả chính quyền Pháp, cả chính quyền Đức đều đã xem xét những thư ấy một cách kỹ lưỡng. Đại bộ phận những thông tin chứa đựng trong những thư ấy đã lỗi thời, nhưng trên báo chí đã không nói đến một số sự thực. Hóa ra, ở tỉnh lẻ cũng ít hay biết về những gì diễn ra ở Pa-ri như trong thời gian có cuộc bao vây. Ngoại trừ những nơi diễn ra các trận đánh, trong thành phố chưa bao giờ yên tĩnh như vậy. Một số lượng đông đảo các nhà tư sản đã gia nhập đội ngũ đội vệ binh quốc gia của Ben-vin. Các tên đại tư bản đã bỏ chạy, còn giới tiểu thương và thợ thủ công thì đã cùng hành động với công nhân[1*]. Thật không thể hình dung được nhiệt tình của dân chúng và của đội vệ binh quốc gia: phe Véc-xây thật ngu ngốc nếu họ nghĩ rằng họ có thể tiến vào Pa-ri. Người dân Pa-ri không hy vọng vào cuộc khởi nghĩa ở tỉnh lẻ và họ biết rằng đối chọi với họ là những lực lượng vượt trội, nhưng điều đó không làm cho

1* Trong bài tường thuật đăng trên báo "Eastern Post", phần cuối câu này được trình bày như sau: "còn các chủ hiệu nhỏ và các thợ thủ công thì không phàn nàn lắm về phái Véc-xây".

họ sợ; họ lo ngại cuộc can thiệp của Phổ và tình trạng thiếu lương thực. Các sắc lệnh về tiền thuê nhà và về những kỳ phiếu thương mại thật sự là một nước cờ tài tình: nếu không có các sắc lệnh ấy thì ba phần tư số thương nhân và thợ thủ công đã bị phá sản rồi. Việc giết hại Đuy-va-lơ và Phlu-răng đã làm thức dậy lòng khao khát trả thù. Gia đình Phlu-răng và Công xã đã uổng công cử đi một đại diện để làm rõ một cách chính xác hoàn cảnh cái chết của họ[1*]. Phlu-răng bị giết trong nhà ở [2*].

Cũng nhận được một số tài liệu khác cho biết những bức điện báo đã được soạn ra như thế nào. Khi Prô-tô xem các báo cáo tài chính của chính phủ phòng thủ quốc gia thì ông ta phát hiện rằng người ta đã trả tiền cho việc chế tạo ra một chiếc máy chém lưu động cải tiến[3*]. Chiếc máy chém này được tìm thấy và đã bị thiêu hủy trước công chúng theo lệnh của Công xã[4*]. Công ty khí đốt đã nợ hội đồng thành phố hơn 1 triệu phrăng, nhưng đã không hề tỏ ý muốn trả nợ, chừng nào tài sản của công ty này chưa bị niêm phong, chỉ đến lúc ấy mới nhận được tấm kỳ phiếu về số tiền ấy cho Ngân hàng Pháp. Những bức điện báo và những bản tin của các thông tín viên đã miêu tả tất cả những điều này dưới

1* Trên báo "Eastern Post" là như sau: "làm rõ nguyên nhân của cái chết, để làm việc này cần có cuộc điều tra, nhưng phái Véc-xây đã dứt khoát khước từ".

2* Trên báo "Eastern Post" là như sau:"Phlu-răng ngã xuống không phải trong trận chiến đấu công khai, mà do bàn tay của một tên sát nhân cố ý đã bắt gặp ông tại nhà ở".

3* Trên báo "Eastern Post": "Một bước đầu tiên của các thành viên Công xã là tìm hiểu các văn bản và những sổ sách đăng ký của những người tiền nhiệm. Trong các báo cáo của bộ nội vụ, chính phủ phòng thủ quốc gia đã phát hiện ra bản ghi chép về số tiền trả cho việc chế tạo ra một chiếc máy chém lưu động cải tiến. Đây là công cụ mới dùng để thủ tiêu hàng loạt công nhân Pa-ri, nó được chế tạo ra đúng vào lúc những người yêu nước - hiện đang có mặt ở Véc-xây - đã giả vờ tựa hồ họ đang bảo vệ Pa-ri chống lại bọn Phổ".

4* Tiếp đó, trên báo "Eastern Post" in: "Những bức điện báo và bài tin đã mô tả sự việc như thể dân chúng đã thiêu rụi chúng để tự bảo vệ chống lại Công xã".

một hình thức hoàn toàn khác [1*]. Điều làm cho mọi người bực bội nhất là Công xã quản lý một cách ít tốn kém như thế. Các chức sắc cao cấp chỉ hưởng mức lương 6000 phrăng mỗi năm, những chức sắc khác có mức lương chỉ bằng tiền công của người công nhân mà thôi [2*].

Lời kêu gọi[3*] sẽ được hoàn tất vào phiên họp tới.

Đã in một phần trên báo "The Eastern Post" số 135, ngày 29 tháng Tư 1871

In theo bản ghi biên bản, có đối chiếu với bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In toàn văn bằng tiếng Nga lần đầu

1* Trên báo "Eastern Post" toàn bộ tình tiết này được truyền đạt như sau: "Điều bịa đặt khác là tin về việc "đánh cướp" công ty khí đốt. Báo cáo tài chính của hội đồng thị chính cho thấy rằng công ty khí đốt đã thu được hơn 1 triệu phrăng của dân chúng Pa-ri trả tiền sử dụng khí đốt. Số tiền này được tính thành khoản nợ của công ty khí đốt nợ hội đồng thị chính, tuy công ty này có đủ quỹ tại Ngân hàng Pháp. Sau khi công ty này từ chối trả khoản tiền đó cho Công xã, thì Công xã đã phái một nhân viên thừa hành của tòa án đến trụ sở công ty khí đốt; sau khi phát hiện thấy tài sản của nó và các két sắt bị niêm phong thì công ty này đã xuất một ngân phiếu đứng tên Ngân hàng Pháp với tất cả số tiền, và người ta đã trả lại cho công ty này chiếc két sắt của nó và những vật bị niêm phong khác. Hai sự việc này có ý nghĩa tiêu biểu".

2* Trên báo "Eastern Post" in: "Mức trả lương cho các quan chức bình thường bằng mức tiền công của một công nhân được đào tạo có tay nghề, còn mức lương của các quan chức cao cấp thì không vượt quá 240 pao xtéc-linh mỗi năm. Rõ ràng tất cả là những người bình dân, trong số họ không hề có một tôn ông nào: có điều xin hãy hình dung một tôn ông tiến hành một buổi tiếp đón tại trụ sở bộ, hoặc buổi chiêu đãi của một vị thị trưởng, trong khi người ấy nhận được 240 pao xtéc-linh mỗi năm!".

3* *C.Mác*. "Nội chiến ở Pháp"

* BẢN GHI NHỮNG LỜI PHÁT BIỂU CỦA PH.ĂNG-GHEN NHÂN KỶ NIỆM 100 NĂM NGÀY SINH CỦA RÔ-BỐC Ô-OEN

TRÍCH BIÊN BẢN PHIÊN HỌP CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG NGÀY 9 THÁNG NĂM 1871

Ông Ă n g - g h e n ủng hộ đề nghị này[636]. Ông nói rằng hầu như ông không biết gì về những người đề xướng việc tổ chức lễ kỷ niệm này, nhưng về Rô-bốc Ô-oen thì không thể có bất cứ sự hoài nghi nào. Trong các tác phẩm của ông ấy, ta thấy có những tư tưởng đến nay chưa lỗi thời. Ông ấy đã xuất phát từ những tư tưởng của chính mình; thoạt đầu bản thân ông ấy là một chủ xưởng, ông ấy là người đầu tiên chống lại giai cấp mình để chấm dứt chế độ bóc lột ô nhục đối với phụ nữ và trẻ em tại các công xưởng. Ăng-ghen cho rằng Quốc tế phải có đại diện trong buổi lễ kỷ niệm ngày sinh ấy.

Khi phản bác Mốt-tơ-xhết[637], ông Ă n g - g h e n nói rằng Lốc-cơ đã từng là nhà thần học, còn Ô-oen là nhà duy vật. Triết học của Lốc-cơ đã đưa người Pháp đến chủ nghĩa duy vật. Ăng-ghen

không tin là Ô-oen đã làm quen với các nhà văn Pháp lớn tuổi hơn. Ăng-ghen hoàn toàn không đồng ý với Mốt-tơ-xhết. Phong trào Ô-oen khởi đầu từ năm 1809, không phụ thuộc vào bất cứ điều gì được viết từ trước đó. Năm 1812, Ô-oen đã cho in cuốn sách của mình về hôn nhân, rồi vào năm 1818 thì đến dự đại hội của các vị quân vương ở A-khen để thuyết phục họ thấy rõ sự cần thiết phải tuyên bố chủ nghĩa cộng sản. Về sau chủ nghĩa Ô-oen đã mang màu sắc tôn giáo, ở chừng mực nào đó đúng là như thế, nhưng nó đã chú ý nhiều đến những cải cách xã hội. Đa số những người theo chủ nghĩa Ô-oen đã chuyển sang phía giai cấp tư sản. Đã có thời họ thuộc phái Hiến chương, nhưng sau đó họ đã buộc phải trở thành các nhà cổ động chuyên nghiệp và trở thành những người ít đáng tin cậy hơn, họ đã mất đi lòng trung thành với các nguyên tắc của mình. Sẽ rất đáng tiếc nếu cuộc kỷ niệm đó được tiến hành mà Hội đồng không thể tham gia.

Ông Ă n g - g h e n nói rằng ông không muốn nói tuồng như tất cả những người xã hội chủ nghĩa đều là những người thuộc phái Hiến chương, nhưng một số người mà ông quen biết thì đã từng theo phong trào Hiến chương.

Công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong cuốn sách:"Tổng Hội đồng của Quốc tế I. 1870-1871". M., 1965

In theo bản ghi trong sổ biên bản của Tổng Hội đồng
Nguyên văn là tiếng Anh

BẢN GHI LỜI PHÁT BIỂU CỦA C. MÁC VỀ CÔNG XÃ PA-RI

TRÍCH BÀI TƯỜNG THUẬT TRÊN BÁO VỀ PHIÊN HỌP CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG NGÀY 20 THÁNG SÁU 1871

Ông Mác tỏ ý hài lòng về việc công nhân trên lục địa đã thành thật nói lên ý kiến của mình về Công xã. Tại Giơ-ne-vơ, Bruy-xen, Muyn-sen, Viên và Béc-lin đã diễn ra những cuộc hội họp trong đó người ta lên án những hành động dã man [của chính phủ] Chi-e-Pha-vrơ. Mác cũng lưu ý Hội đồng về việc các tờ báo Pháp đã cho đăng một loạt cái gọi là các bản tuyên ngôn mà người ta bảo là của chi hội Pa-ri của Quốc tế. Tất cả những tuyên ngôn ấy là những tuyên ngôn giả do cảnh sát Pháp nặn ra để cài bẫy những người thiếu thận trọng; điều này cho thấy chính phủ đáng khinh bỉ ấy có thể làm những việc đê hèn như thế nào[638].

Đã đăng trên báo "The Eastern Post" số 143, ngày 24 tháng Sáu 1871

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh

*BẢN GHI CUỘC NÓI CHUYỆN GIỮA C. MÁC VỚI PHÓNG VIÊN BÁO "THE WORLD"[639]

Luân Đôn, ngày 3 tháng Bảy [1871]

... Tôi đi thẳng vào vấn đề. Tôi đã nói, rõ ràng là thế giới hình dung chưa rõ Quốc tế là gì; người ta rất căm ghét nó, nhưng vị tất người ta giải thích được người ta căm ghét chính là cái gì. Một số người cho rằng họ đã biết thâm nhập sâu hơn người khác vào bí mật của Quốc tế, họ khẳng định rằng đó phần nào là I-a-nút có hai mặt, một mặt nở nụ cười thật thà và hiền lành của người công nhân, còn mặt kia lại là nụ cười gằn của một tên âm mưu gian ác. Tôi đã đề nghị Mác làm sáng tỏ điều bí mật mà những lý thuyết loại như thế tỏ ra bất lực không làm rõ được. Vị bác học ấy đã cười phá lên, ông cảm thấy thật nực cười - như tôi có cảm giác như vậy - khi nghĩ rằng chúng ta sợ ông đến thế.

Thưa quý ông, - Mác bắt đầu câu chuyện với cách dùng thổ ngữ rất tinh tế của Han-xơ Brai-tơ-man[640] - họa chăng đó là bí mật của điều ngu dốt của những con người cứ ngoan cố xem thường sự thật là Hội liên hiệp của chúng tôi hoạt động công khai, và những bài tường thuật hết sức chi tiết về hoạt động của nó đều được in ra cho tất cả những ai muốn đọc chúng. Ông có thể mua bản Điều lệ của chúng tôi với giá vài pen-ni, và nếu chi ra 1 si-linh để mua các tập sách mỏng thì ông sẽ biết về chúng tôi hầu như tất cả những gì mà chính chúng tôi biết.

Tôi. Hầu như - rất có thể là như thế; nhưng liệu điều quan trọng nhất có chứa đựng ở cái mà tôi không được biết hay không? Tôi sẽ hoàn toàn cởi mở với Ông và

tôi sẽ đặt câu hỏi theo cách mà nó được quan niệm bởi một người đứng ngoài quan sát; phải chăng việc mọi người có thái độ không thiện cảm đối với tổ chức của Ông là bằng chứng nói lên điều gì đó lớn hơn là sự căm tức ngu xuẩn của đám đông? Liệu Ông có cho phép hỏi Ông một lần nữa - tuy Ông đã nói rồi - Quốc tế là gì?

Tiến sĩ Mác. Chỉ cần Ông nhìn vào những người tạo thành Quốc tế, nhìn vào những người công nhân, là đủ.

Tôi. Vâng, nhưng người lính không phải bao giờ cũng là tiêu biểu cho quốc gia sử dụng người lính đó. Tôi biết một số hội viên của các ông và tôi hoàn toàn cho rằng họ không phải thuộc vào loại nguyên liệu nhào nặn ra những kẻ âm mưu. Ngoài ra, điều bí mật mà một triệu người đã biết thì sẽ không còn là bí mật nữa, nhưng vấn đề sẽ như thế nào nếu những con người ấy chỉ là công cụ ở trong tay một ban lãnh đạo nào đó táo bạo - tôi hy vọng Ông thứ lỗi cho tôi nếu tôi nói thêm, - và không quá nghiêm khắc trong việc lựa chọn các phương cách?

Tiến sĩ Mác. Chẳng có gì chứng minh điều đó là như vậy.

Tôi. Thế còn cuộc khởi nghĩa gần đây nhất ở Pa-ri thì sao?

Tiến sĩ Mác. Thứ nhất, tôi đề nghị Ông chứng minh rằng ở đây nói chung đã có một vụ âm mưu nào đó, rằng mọi chuyện diễn ra không phải là kết quả hợp quy luật của những bối cảnh đã hình thành. Còn nếu xuất phát từ sự tồn tại của một vụ âm mưu, vậy có thể chứng minh sự tham gia của Hội liên hiệp công nhân quốc tế vào vụ âm mưu ấy bằng cái gì?

Tôi. Bằng sự có mặt của nhiều hội viên của Hội liên hiệp trong các cơ quan của Công xã.

Tiến sĩ Mác. Trong trường hợp như vậy thì đây cũng là vụ âm mưu của cả các hội viên hội Tam điểm, bởi vì sự tham gia của các cá nhân thuộc phái này vào hoạt động của Công xã hoàn toàn không phải ít. Quả thật, tôi sẽ không lấy làm ngạc nhiên nếu Giáo hoàng La Mã tuyên bố toàn bộ cuộc khởi nghĩa là công việc của phái Tam điểm. Nhưng ông hãy thử tìm ra một cách giải thích khác. Cuộc khởi nghĩa ở Pa-ri là do các công nhân

Pa-ri tiến hành. Những công nhân có năng lực nhất tất yếu phải trở thành các lãnh tụ và những người tổ chức cuộc khởi nghĩa ấy; nhưng những công nhân có năng lực nhất chính lại là những hội viên của Hội liên hiệp công nhân quốc tế. Song, tuyệt nhiên không thể quy trách nhiệm cho Hội liên hiệp, với tư cách như vậy, về các hoạt động của những công nhân ấy.

Tôi. Thế giới nhìn điều đó theo cách khác. Người ta bàn tán về những chỉ thị mật đến từ Luân Đôn và thậm chí về sự hậu thuẫn bằng tiền bạc. Liệu có thể khẳng định rằng tính chất công khai của hoạt động của Hội liên hiệp, mà Ông đã viện dẫn, loại trừ khả năng có mọi quan hệ bí mật được chăng?

Tiến sĩ Mác. Liệu có khi nào đã từng xuất hiện một tổ chức nào tiến hành hoạt động của mình mà lại không sử dụng cả những phương tiện liên lạc không công khai, bên cạnh những phương tiện công khai hay không? Nhưng nếu nói đến những chỉ thị bí mật đến từ Luân Đôn, xem đó như là những sắc lệnh trong các vấn đề tín ngưỡng và đạo đức đến từ một trung tâm thống trị và âm mưu nào đó của Giáo hoàng, thì như vậy có nghĩa là hoàn toàn không hiểu bản chất của Quốc tế. Muốn làm việc đó cần phải có hình thức điều khiển tập trung của Quốc tế, còn trên thực tế thì hình thức tổ chức của Quốc tế chính là dành tự do lớn nhất cho hoạt động chủ động và cho sự độc lập của địa phương. Thật vậy, Quốc tế tuyệt nhiên không phải là một chính phủ thực sự của giai cấp công nhân; nó là một tổ chức tập hợp hơn là một lực lượng chỉ huy.

Tôi. Tổ chức tập hợp nhằm mục đích gì?

Tiến sĩ Mác. Nhằm mục đích giải phóng giai cấp công nhân về mặt kinh tế thông qua việc giành lấy chính quyền; nhằm mục đích sử dụng chính quyền ấy để thực hiện các nhiệm vụ xã hội. Các mục tiêu của chúng tôi phải rộng đến mức bao gồm mọi hình

thức hoạt động của giai cấp công nhân. Nếu gán cho chúng một tính chất đặc biệt thì có nghĩa là làm cho chúng thích ứng với những nhu cầu chỉ của một nhóm công nhân nào đó, với những nhu cầu của công nhân của một dân tộc nào đó. Nhưng làm sao có thể kêu gọi mọi người tập hợp lại phục vụ lợi ích của số ít người ? Nếu Hội liên hiệp của chúng tôi đi vào con đường đó thì nó đã mất đi cái quyền mang tên gọi là Quốc tế. Hội liên hiệp không áp đặt một hình thức xác định cho các phong trào chính trị; nó chỉ đòi hỏi các phong trào ấy hướng đến một mục tiêu. Nó là một mạng lưới các hội tập hợp nhau lại trải ra khắp thế giới lao động. Ở mỗi phần của thế giới, nhiệm vụ của chúng tôi được quan niệm từ một khía cạnh đặc biệt nào đó, và ở đó công nhân tiếp cận việc thực hiện khía cạnh đó bằng con đường của chính mình. Các tổ chức của công nhân không thể hoàn toàn giống như nhau về mọi chi tiết ở Niu-cát-xơn và ở Bác-xê-lô-na, ở Luân Đôn và ở Béc-lin. Ví dụ, ở nước Anh trước mặt giai cấp công nhân mở ra con đường để thể hiện sức mạnh chính trị của mình. Khởi nghĩa sẽ là một sự điên rồ ở nơi mà hoạt động cổ động hòa bình có thể dẫn đến mục đích bằng con đường nhanh hơn và chắc chắn hơn. Ở Pháp, hàng trăm đạo luật khủng bố và sự đối kháng tột độ giữa các giai cấp có lẽ khiến cho việc xảy ra kết cục bạo lực của cuộc chiến xã hội là không tránh được. Nhưng bản thân giai cấp công nhân nước ấy phải tự mình lựa chọn cách thức đạt đến kết cục của cuộc chiến ấy. Quốc tế không đảm nhiệm công việc áp đặt một cái gì đó trong vấn đề này, và vị tất ngay cả đưa ra một lời khuyên. Nhưng đối với mỗi phong trào thì Quốc tế biểu lộ sự đồng tình và giúp đỡ trong khuôn khổ được quy định trong Điều lệ của chính Quốc tế.

Tôi. Thế tính chất của sự giúp đỡ ấy như thế nào?

Tiến sĩ Mác. Tôi sẽ đưa ra ví dụ để giải thích cho ông rõ. Một trong những hình thức thông thường nhất của phong trào giải phóng là bãi công. Vào thời gian trước kia, khi nổ ra bãi công ở một nước, thì cuộc bãi công ấy bị phá vỡ bằng cách đưa công nhân từ nước khác đến làm việc thay vào. Quốc tế gần như hoàn toàn chấm dứt tình trạng này. Quốc tế nhận được các dữ liệu về cuộc bãi công được dự định tiến hành và thông tin những dữ liệu ấy cho các hội viên của mình, những hội viên này ngay lập tức biết được rằng địa phương đang xảy ra cuộc đấu tranh phải trở thành khu vực cấm đối với họ. Như vậy, giới chủ chỉ có thể có quan hệ với công nhân của mình mà thôi. Trong đa số trường hợp, công nhân bãi công không cần đến bất kỳ một sự giúp đỡ nào khác. Những khoản tiền cần thiết được thu gom qua việc đăng ký quyên góp ngay trong hàng ngũ họ hoặc trong hàng ngũ các hội viên của các hội mà họ có những quan hệ trực tiếp hơn; nhưng nếu tình cảnh của họ tỏ ra quá khó khăn và nếu cuộc bãi công được sự tán thành của Hội liên hiệp thì các công nhân bãi công được cung cấp tiền lấy từ qũy chung. Bằng cách như vậy, ví dụ, cuộc bãi công của công nhân sản xuất xì- gà ở Bác- xê- lô- na[641] mới đây đã giành được thắng lợi. Nhưng Hội liên hiệp không có lợi ích vật chất trong các cuộc bãi công, tuy rằng Hội vẫn ủng hộ những cuộc bãi công ấy với những điều kiện nhất định. Về phương diện tiền bạc, Hội liên hiệp không thể thu được lợi lộc gì nhờ các cuộc bãi công ấy, nhưng nó có thể dễ dàng bị thua thiệt. Chúng tôi tóm gọn vấn tắt một cách thực chất vấn đề như sau. Giai cấp công nhân vẫn là giai cấp không có của giữa đống của cải ngày càng tăng lên, vẫn bần cùng giữa cảnh xa hoa ngày càng tăng. Những thiếu thốn vật chất làm cho công nhân què quặt về phương diện tinh thần cũng như thể chất. Công nhân không thể trông cậy vào sự giúp đỡ bên ngoài. Do vậy, họ nhất thiết phải

nắm chắc sự nghiệp của mình. Công nhân phải thay đổi các quan hệ hiện hữu giữa một bên là họ, với bên kia là bọn tư bản và bọn địa chủ, điều này có nghĩa là họ phải cải tạo xã hội. Đó là mục tiêu chung của bất kỳ tổ chức nào trong số các tổ chức công nhân mà người ta đã biết đến; Đồng minh ruộng đất và lao động[642], các công đoàn và các hội tương tế, những cửa hàng hợp tác xã và sản xuất hợp tác - tất cả những hình thức ấy chỉ là phương tiện để đạt được mục đích đó. Xác lập tình đoàn kết hoàn toàn giữa các tổ chức ấy là công việc của Hội liên hiệp quốc tế. Ảnh hưởng của Hội bắt đầu được cảm nhận khắp nơi. Có hai tờ báo đang tuyên truyền các quan điểm của nó ở Tây Ban Nha, ba tờ báo khác - ở Đức, cũng từng ấy - ở Áo và ở Hà Lan, sáu tờ báo - ở Bỉ, sáu tờ ở Thụy Sĩ. Còn giờ đây, khi tôi đã kể cho ông biết Quốc tế là gì thì có lẽ Ông tự mình sẽ có được ý kiến của mình về những vụ âm mưu hữu danh vô thực của nó[1*].

Tôi. Tôi không hoàn toàn hiểu Ông.

Tiến sĩ Mác. Chẳng lẽ Ông không thấy rằng xã hội cũ bất lực không nghênh đón được Quốc tế bằng chính vũ khí của nó - tranh luận và tổ chức - nên đã buộc phải sử dụng đến trò bịp bợm, bằng cách gắn cho nó cái nhãn hiệu âm mưu ư ?

Tôi. Nhưng cảnh sát Pháp khẳng định rằng nó có thể chứng minh sự can dự của Quốc tế vào vụ việc gần đây nhất, ấy là chưa kể đến những toan tính trước đó.

Tiến sĩ Mác. Thôi thì chúng ta hãy nói đến những toan tính ấy nếu Ông không phản đối, bởi vì căn cứ vào những toan tính ấy có thể xét đoán một cách tốt nhất tính chất nghiêm túc của tất cả những lời buộc tội âm mưu mà người ta gán cho Quốc tế. Ông hãy nhớ lại "âm mưu" trước lần cuối. Người ta công bố tiến hành cuộc trưng cầu ý dân[643]. Có nhiều người trong số những

1* Tiếp đó là đoạn văn không được đưa vào t.17 của Toàn tập.

người phải bỏ phiếu đã lưỡng lự ra mặt. Họ không thấy ích lợi trước kia của chính quyền hoàng đế nữa, vì họ không còn tin vào sự tồn tại của hiểm nguy mà người ta bảo là chính quyền ấy đã cứu xã hội khỏi hiểm nguy ấy. Cần đến con ngoáo ộp mới. Cảnh sát đã bắt tay tìm kiếm nó. Lẽ đương nhiên là do căm ghét tất cả các tổ chức công nhân, nên nó chẳng bỏ lỡ dịp làm hại Quốc tế. Thế là một ý tưởng may mắn đã ra đời: nên chăng chọn Quốc tế làm con ngoáo ộp và bằng một đòn vừa làm ô danh Hội liên hiệp, vừa phục vụ sự nghiệp của đế chế ? Từ cái ý tưởng may mắn ấy đã xuất hiện "vụ âm mưu" nực cười nhằm vào sinh mạng của hoàng đế - như thể chúng tôi định giết một ông già đáng thương. Người ta đã bắt giam các nhà lãnh đạo của Quốc tế. Người ta đã ngụy tạo ra những chứng cứ, chuẩn bị hồ sơ để đưa ra tòa, trong khi ấy người ta tiến hành cuộc trưng cầu ý dân. Nhưng tấn hài kịch được nghĩ ra quá hiển nhiên, chỉ là một trò hề kỳ quặc và thô kệch. Quan sát tấn tuồng này, châu Âu thông thái đã tỏ ra không một giây phút nào bị lầm lẫn về tính chất của Quốc tế, và chỉ có những nông dân Pháp đi bỏ phiếu đã để người ta lừa bịp mình. Các tờ báo của các ông ở Anh đã đưa tin về sự mở đầu vụ án thảm hại ấy, nhưng lại quên không nêu lên sự chấm hết của nó. Song, sau khi công nhận vụ âm mưu ấy có tồn tại - cốt để giữ quy tắc, - các quan tòa Pháp đã buộc phải tuyên bố không có bằng chứng về sự can dự của Quốc tế trong vụ này. Xin ông hãy tin tôi, vụ âm mưu thứ hai giống vụ âm mưu thứ nhất. Vị quan Pháp lại phải vất vả vã mồ hôi trán. Người ta ra lệnh cho ông quan này phải tìm ra sự giải thích về phong trào công dân hết sức vĩ đại mà thế giới chưa từng thấy. Hàng trăm dấu hiệu của thời gian lẽ ra đã phải gợi lên cách giải thích đúng đắn - tinh thần giác ngộ của công nhân tăng lên, sự gia tăng lối sống xa hoa và ăn bám của những kẻ cầm quyền,

quá trình lịch sử hiện đang diễn ra của sự chuyển hoàn toàn quyền lực từ một giai cấp vào tay nhân dân - một sự ăn khớp hiển nhiên về thời gian, địa điểm và bối cảnh cho một phong trào giải phóng vĩ đại. Nhưng để nhìn ra điều đó, viên quan chức ấy phải là nhà triết học, nhưng ông ta vẻn vẹn chỉ là munchard[1*]. Do vậy, tuân theo quy luật tồn tại của mình, ông ta bám lấy sự giải thích của munchard - "vụ âm mưu". Kho dự trữ cũ của ông ta về những tài liệu ngụy tạo sẽ cung cấp cho ông ta những bằng chứng, và lần này châu Âu hoảng sợ sẽ tin vào câu chuyện hoang đường.

Tôi. Châu Âu vị tất có thể xử sự theo cách khác khi thấy tờ báo nào của Pháp cũng đưa tin về vụ việc này.

Tiến sĩ Mác. Tờ báo Pháp nào cũng đưa tin ! Xin hãy xem đây, đây là một trong số các tờ báo ấy (ông cầm tờ báo "La Situation"lên). Ông hãy tự mình suy xét giá trị bằng chứng mà nó đưa ra, xét trên góc độ những sự thật. (Ông đọc) "Tiến sĩ Các Mác, Hội viên của Quốc tế, đã bị bắt ở Bỉ khi đang tìm cách lẻn vào Pháp. Cảnh sát Luân Đôn từ lâu đã theo dõi cái hội mà ông ấy có quan hệ, và giờ đây cảnh sát Luân Đôn đang thi hành những biện pháp tích cực để cấm hội này".

Hai câu ba hoa, hai chuyện bịa đặt. Ông có thể tận mắt thấy rõ điều đó. Như Ông thấy đấy, thay vì ngồi tù ở Bỉ, tôi đang ngồi trong nhà mình ở nước Anh. Ngoài ra, chắc là Ông biết rằng ở Anh, cảnh sát cũng ít có thể cản trở Hội liên hiệp công nhân quốc tế, giống như hội này ít có thể cản trở cảnh sát Anh. Song - bao giờ cũng vẫn như thế - tin này được đăng trên tất cả các tờ báo trên lục địa mà không thấy ở đâu có sự đính chính, và người ta còn tiếp tục đăng lại tin ấy, ngay cả nếu tôi có gửi trực

1* - nhân viên cảnh sát

tiếp từ Luân Đôn những lời cải chính đến tất cả các báo châu Âu cũng vậy.

Tôi. Ông có thường hay tìm cách bác bỏ những tin đối trá loại ấy không?

Tiến sĩ Mác. Tôi đã tìm cách làm việc này chừng nào còn chưa mệt mỏi vì công việc uổng phí đó. Để chỉ rõ những tin tức ấy được ngụy tạo một cách cẩu thả, thô bỉ đến mức nào, tôi có thể nhắc đến trường hợp trong một bản tin như vậy - như tôi được thấy - Phê-lích-xơ Pi-a bị coi là thành viên của Quốc tế.

Tôi. Phải chăng không đúng như vậy?

Tiến sĩ Mác. Trong Hội liên hiệp công nhân quốc tế vị tất tìm được chỗ đứng cho một con người hết sức bất kham ấy. Có một lần, ông ta đã tỏ ra quá tự tin đến nỗi đã lấy danh nghĩa chúng tôi tung ra một lời kêu gọi bộp chộp mà chúng tôi đã phải lập tức chối bỏ[1*], mặc dù - phải đánh giá thích đáng họ - các báo này dĩ nhiên đã bỏ qua không thèm chú ý đến lời cải chính ấy[2*].

Tôi. Vậy Mát-di-ni cũng là thành viên trong tổ chức của các ông?

Tiến sĩ Mác (cười). Ồ không! Những thắng lợi của chúng tôi sẽ không lớn lắm nếu chúng tôi không tiến xa hơn những tư tưởng của ông ấy.

Tôi. Ông làm tôi ngạc nhiên. Tôi đã từng tin chắc Mát-di-ni đại diện cho những quan điểm tiên tiến nhất.

Tiến sĩ Mác: Ông ta chỉ đại biểu cho tư tưởng cổ xưa về chính thể cộng hòa tư sản. Còn chúng tôi thì không muốn có chút gì chung với giai cấp tư sản. Mát-di-ni đã thụt lùi so với phong trào ngày nay, chẳng kém gì các giáo sư Đức, là những người tuy vậy cho đến nay ở châu Âu vẫn được xem là những tông đồ của

1* *C.Mác.* Nghị quyết của Tổng Hội đồng về bài phát biểu của Ph. Pi-a

2* Đến đây kết thúc đoạn được công bố lần đầu trong tập này.

tư tưởng dân chủ phát triển của tương lai. Đã có lúc họ đã từng là như thế; có thể trước năm 1848, khi mà giai cấp tư sản Đức - theo cách hiểu của người Anh về từ này - gần như đã đạt đến trình độ phát triển thích đáng. Nhưng giờ đây, những giáo sư ấy đã hoàn toàn chạy sang phía thế lực phản động, và thế là giai cấp vô sản không muốn biết đến họ nữa.

Tôi. Một số người cho rằng trong tổ chức của các ông có những yếu tố chủ nghĩa thực chứng.

Tiến sĩ Mác. Tuyệt nhiên không có. Trong số chúng tôi có những phần tử theo chủ nghĩa thực chứng, có cả những phần tử thực chứng chủ nghĩa không thuộc tổ chức chúng tôi và thành công trong việc thực hiện công việc của mình. Nhưng đó tuyệt nhiên không phải công lao của triết học của họ, triết học ấy hoàn toàn không có điểm chung nào với tư tưởng chính quyền nhân dân, theo cách chúng tôi hiểu về chính quyền ấy; triết học đó chỉ cố gắng thay thế tôn ty trật tự cũ bằng tôn ty trật tự mới.

Tôi. Trong trường hợp này, tôi có cảm tưởng là các lãnh tụ của phong trào quốc tế hiện đại phải soạn ra triết học riêng của mình, giống như họ đã lập ra Hội liên hiệp của chính mình.

Tiến sĩ Mác. Hoàn toàn đúng vậy. Ví dụ, khó mà trông chờ chúng tôi có thể đạt được thắng lợi trong cuộc chiến của chúng tôi chống lại tư bản nếu chúng tôi bắt đầu xây dựng sách lược của chúng tôi bằng cách, chẳng hạn, dựa trên khoa kinh tế chính trị của Min. Ông ta đã nghiên cứu một loại hình quan hệ xác định giữa lao động và tư bản. Chúng tôi hy vọng chỉ ra rằng có thể thiết lập được những quan hệ khác[1*].

Tôi. Thế tôn giáo thì sao?

Tiến sĩ Mác. Về vấn đề này tôi không thể nhân danh Hội

1* Tiếp đó là đoạn không được đưa vào t. 17 của Toàn tập.

liên hiệp để phát biểu. Bản thân tôi là người vô thần. Chắc chắn, thật là rất bất ngờ khi nghe thấy sự thú nhận này ở nước Anh, nhưng sẽ là điều an ủi phần nào khi nghĩ rằng ở Đức, cũng như ở Pháp đều không cần phải nói về điều đó một cách thì thầm.

Tôi. Tuy vậy, các ông vẫn đặt đại bản doanh của mình tại đất nước này?

Tiến sĩ Mác. Vì những nguyên nhân hiển nhiên: ở đây quyền được hội họp là điều đã được quy định. Thật ra, quyền ấy cũng tồn tại ở Đức, nhưng gắn với vô số khó khăn; còn ở Pháp đã nhiều năm rồi không có quyền hội họp[1*].

Tôi. Còn Hợp chúng quốc ?

Tiến sĩ Mác. Các trung tâm hoạt động cơ bản của chúng tôi hiện nằm ở các nước cũ của châu Âu. Cho đến nay, có nhiều lý do ngăn cản khiến cho vấn đề công nhân chưa có được ý nghĩa bao trùm rộng khắp ở Hợp chúng quốc. Nhưng những hoàn cảnh ấy đang nhanh chóng biến đi, và ở đó vấn đề công nhân đang được nhanh chóng đặt lên hàng đầu, giống như điều đó đã diễn ra ở châu Âu, cùng với đà phát triển của giai cấp công nhân, - giai cấp không giống như các tầng lớp khác trong xã hội và tách rời khỏi tư bản.

Tôi. Xem ra ở Anh kết cục đang được chờ đợi - dù kết cục ấy sẽ như thế nào - có thể đạt đến mà không cần phải sử dụng những phương sách bạo lực của cách mạng. Trong khi thiểu số chưa biến thành đa số thì phương pháp của Anh là vận động trong những cuộc mít-tinh và trên báo chí, cho phép hy vọng đạt được điều đó.

Tiến sĩ Mác. Về điểm này tôi không tỏ ra lạc quan như Ông. Giai cấp tư sản Anh luôn luôn tỏ ra sẵn sàng chấp nhận quyết định của đa số chừng nào nó còn được hưởng độc quyền về quyền bỏ phiếu. Nhưng xin Ông hãy tin rằng, đến lúc giai cấp tư sản Anh rơi vào địa vị thiểu số trong những vấn đề mà nó coi là

1* Đến đây kết thúc đoạn được công bố lần đầu trong tập này.

Ông Ăng-ghen còn thông báo rằng ông Pôn La-phác-gơ, con rể của tiến sĩ Mác và đã từng là ủy viên của Tổng Hội đồng, đã bị bắt ở Tây Ban Nha và bị các hiến binh áp giải về Ma-đrít. Song, do không thể đưa ra bất kỳ lời buộc tội nào chống ông La-phác-gơ nên chính phủ đã thả ông ấy ra.

Đã đăng trên báo "The Eastern Post" số 152, ngày 26 tháng Tám 1871

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

* BẢN GHI LỜI PHÁT BIỂU CỦA C. MÁC TRONG BUỔI KHAI MẠC HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU CỦA QUỐC TẾ Ở LUÂN ĐÔN NGÀY 17 THÁNG CHÍN 1871[644]

Hội nghị đại biểu này là hội nghị của những đại biểu các nước khác nhau, được triệu tập vì tình hình bất thường, nhằm cùng với Tổng Hội đồng thảo luận những vấn đề cấp bách nảy sinh nhân tình hình bất thường đó. Nhưng hội nghị này không thể bổ nhiệm thành phần mới của Tổng Hội đồng, cũng như không thể dời địa điểm trụ sở của Tổng Hội đồng, và không thể đưa ra những thay đổi trong Điều lệ cơ bản của Hội liên hiệp công nhân quốc tế. Thẩm quyền của hội nghị đại biểu này là thông qua nghị quyết về các vấn đề sách lược, chính sách và tổ chức trong khuôn khổ bản Điều lệ hiện hành, và đề ra những biện pháp nhằm thực hiện có kết quả hơn nữa bản Điều lệ đó.

Đã đăng trên báo "The Scotsman" số 8789, ngày 2 tháng Mười 1871

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

THÔNG BÁO CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG CỦA QUỐC TẾ GỬI ÔNG VÉC-MÉC-SƠ, CHỦ BIÊN BÁO "QUI VIVE !"

Luân Đôn, ngày 11 tháng Mười một 1871

Thưa ông,

Sự xuất hiện trên tờ "Qui Vive!" các nghị quyết của hội nghị đại biểu Hội liên hiệp công nhân quốc tế, họp tại Luân Đôn, đã gây nên những sự bình luận khác nhau, tuyệt nhiên không có thiện ý, vì vậy tôi đề nghị ông tạo điều kiện cho tôi công khai tuyên bố rằng, tài liệu công bố ấy đã xuất hiện *ngoài ý muốn* của Tổng Hội đồng. Hơn nữa, đến thời điểm Tổng Hội đồng có thể công bố những nghị quyết ấy thì một phần các nghị quyết ấy đã được tờ báo của các ông công bố rồi[645].

Tôi biết quá rõ kẻ thù của chúng tôi chăm chú theo dõi các hoạt động của Hội liên hiệp như thế nào, để rồi vội vàng loan báo về những hoạt động ấy, dưới một dạng xuyên tạc, nhằm làm cho tôi có thể cung cấp những nghị quyết ấy để công bố, mà không loại bỏ trước mọi khả năng có một sự giải thích nước đôi về đoạn dưới đây trong văn bản các nghị quyết ấy: "Hội nghị tuyên bố rằng trong thời gian cuộc chiến tranh Pháp-Đức, công nhân Đức đã làm tròn nghĩa vụ của mình". Văn bản gốc được chuyển cho các báo Pháp, nói như sau: "Hội nghị tuyên bố rằng

trong thời gian cuộc chiến tranh Pháp-Đức, những công nhân Đức *là thành viên của Quốc tế* đã làm tròn nghĩa vụ của mình".

Sự khác biệt này trong các văn bản đã tạo cớ cho những lời bình luận có tính chất xúc phạm, đăng trên một số báo phản động và của kẻ thù của Hội liên hiệp công nhân quốc tế. Song, chỉ có đầu óc bệnh hoạn mới có thể cho rằng, hội nghị đại biểu Hội liên hiệp công nhân quốc tế – trong các nghị quyết dành cho các hội viên của Hội liên hiệp – lại có thể dùng những từ "công nhân Đức" để chỉ những người nào đó khác ngoài những công dân đã dùng các cuộc mít - tinh và biểu tình chống chiến tranh để hưởng ứng những hoạt động của công nhân Pháp nhằm bảo vệ hòa bình, đã từ chối biểu quyết tán thành ngân sách chiến tranh tại quốc hội Đức, và giữa những lời hò hét chiến thắng của bọn quân phiệt và của giai cấp tư sản Đức – đã cất cao tiếng nói phản kháng và chào mừng nước Cộng hòa Pháp ngày 4 tháng Chín 1871; đó là những công dân đã bác bỏ hành động ô nhục là thôn tính vùng An-da-xơ và Lo-ren-nơ, đã hân hoan chào đón sự ra đời của *Công xã Pa-ri* và đã bảo vệ các nguyên tắc của nó, còn khi nó sụp đổ sau khi đã tạm thời bị thất bại dưới những đòn đánh của thế lực phản động, và các thành viên của Công xã ấy và những người bảo vệ nó đã hy sinh do bàn tay của bọn sát nhân, hoặc đã bị đầy ải nơi giam cầm khổ sai và trong cảnh biệt xứ, thì những công dân ấy đã nguyền rủa ngay tại quốc hội Đức những hành động tàn bạo bỉ ổi của phái Véc-xây, và đã tuyên bố đoàn kết ủng hộ Công xã, tự nhận lấy trách nhiệm về *mọi hành động của Công xã*.

Những người bị tống giam vào các nhà tù và ngục tối cho đến khi chiến tranh kết thúc, được hội nghị tuyên bố rằng họ "đã làm

tròn nghĩa vụ của mình", thì nay họ lại bị đưa ra tòa xét xử vì bị buộc tội *phản quốc*.

Tôi mạnh dạn khẳng định rằng, bất cứ một sự giải thích nào khác về bản nghị quyết này đều chỉ có thể nảy sinh do hoàn toàn không am hiểu về những hoạt động và những tuyên ngôn của Quốc tế trong thời gian chiến tranh, hoặc là do thái độ không trung thực ra mặt.

Xin ông nhận lời chào trân trọng của tôi.

Ô. Xéc-rai-ơ
Bí thư thông tấn về nước Pháp

Đã đăng trên báo "Qui Vive!" số 39, ngày 16 tháng Mười một 1871

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Pháp
In bằng tiếng Nga lần đầu

PH. ĂNG-GHEN

* ĐIỂM SỬA CHỮA

Bí thư về Tây Ban Nha, ông Ăng-ghen, sửa chữa một chỗ sai trong bài tường thuật đăng trên báo "Eastern Post", số ra ngày 23 tháng Chạp[646]. Các chi hội Tây Ban Nha đã hoàn toàn không tiến hành hội nghị đại biểu, như đã công bố trên báo này. Bản thông báo của ông ấy đề cập đến những tuyên bố đăng trên báo "Emancipación" (cơ quan chính thức của Hội đồng liên chi hội Tây Ban Nha), sau đó được các cơ quan báo chí khác ở Tây Ban Nha đăng lại và ủng hộ, qua những tuyên bố ấy, người ta thấy rõ rằng các chi hội Tây Ban Nha đã hoàn toàn tán thành các nghị quyết của Hội nghị đại biểu Luân Đôn và đã dứt khoát quyết định hành động theo nghị quyết về mối liên hệ khăng khít giữa đấu tranh chính trị và đấu tranh xã hội[1*].

Đã đăng trên báo "The Eastern Post" số 170, ngày 30 tháng Chạp 1871

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

1* *C.Mác* và *Ph.Ăng-ghen*. Các nghị quyết của Hội nghị đại biểu của Hội liên hiệp công nhân quốc tế họp ở Luân Đôn từ ngày 17 đến ngày 23 tháng Chín 1871

C. MÁC

VỀ THÁI ĐỘ CỦA CHÍNH PHỦ GLÁT-XTÔN ĐỐI VỚI CÁC CHIẾN SĨ CÔNG XÃ SỐNG LƯU VONG

TRÍCH TƯỜNG THUẬT TRÊN BÁO NÓI VỀ PHIÊN HỌP CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG NGÀY 19 THÁNG CHẠP 1871[647]

Tiến sĩ Mác thông báo đã nhận được bức thư của một nhân vật có quan hệ rất gần gũi với Bộ nội vụ. Trong thư có nói rằng chính phủ Anh có ý định truy tố một số người trong số những người Pháp lưu vong vì họ bị buộc các tội dân sự; có ý cho biết rằng những hành động này được thực hiện theo yêu cầu của chính phủ Pháp.

Tin này trùng với những tin tức khác mà ông [Mác] đã nhận được từ lục địa, và cần khẩn cấp chất vấn chính phủ Anh về chuyện này.

Vì nảy sinh vấn đề chính phủ Pháp khước từ gia hạn hiệp định thương mại, cho nên người ta không lấy gì làm lạ nếu thấy Glát-xtôn tỏ ý sẵn sàng truy tố những người lưu vong để đổi lấy việc ký kết một hiệp định thương mại mới. Nếu ông ta nảy ra ý đồ này thì ông ta sẽ không thực hiện nổi ý đồ ấy. Nhân dân Anh sẽ không bao giờ cho phép ông thủ tướng ấy mua bán các quyền

tự do của nước mình. Uy tín của huân tước Pan-mốc-xtơn trước đây lớn hơn nhiều so với uy tín mà ông Glát-xtôn có được vào một lúc nào đó, tuy vậy uy tín ấy đã chấm hết ngay khi ông này toan thực hiện một điều gì đó tương tự như vậy.

Đã đăng trên báo "L'Égalité" số 1, ngày 10 tháng Giêng 1872

In theo bản đăng trên báo, có đối chiếu với văn bản trong sổ biên bản của Tổng Hội đồng
Nguyên văn là tiếng Pháp
In bằng tiếng Nga lần đầu, dưới hình thức như hiện nay

ỦY NHIỆM THƯ CỦA ĐẠI BIỂU ĐẠI HỘI LA HAY, ĐƯỢC TRAO CHO C. MÁC

I

Niu-Oóc, ngày 30 tháng Bảy 1872

CHI HỘI SỐ 1 HỘI LIÊN HIỆP CÔNG NHÂN QUỐC TẾ, BẮC MỸ, UỐC-HÔ-TEN, 10 GỬI CÁC MÁC Ở LUÂN ĐÔN

Đồng chí kính mến!

Tôi hân hạnh thông báo với Đồng chí rằng tại cuộc hội nghị ngày 28 tháng Bảy, Đồng chí đã được cử làm đại biểu của chi hội nêu trên đi dự đại hội chung ở La Hay, và chúng tôi hy vọng Đồng chí sẽ đồng ý với sự lựa chọn của chúng tôi và sẽ đại diện cho chi hội Niu-Oóc số 1 tại đại hội này.

Ủy nhiệm thư của Đồng chí sẽ do một trong số các đại biểu ở đây của chúng tôi tại đại hội chuyển cho Đồng chí, sau khi đại biểu này đến châu Âu.

Theo quyết định cũng của hội nghị ngày 28 tháng Bảy, thì nhiệm vụ được ủy nhiệm cho Đồng chí tại đại hội ở La Hay là như sau: Đồng chí có nhiệm vụ cùng với đại biểu của chúng tôi – trực tiếp khởi hành từ đây – kiên quyết bảo vệ các nghị quyết

của đại hội Liên chi hội Bắc Mỹ, nhằm mục tiêu cơ bản là có được một tổ chức rạch ròi và trước hết là có được chế độ tập trung, hiểu theo ý nghĩa đầy đủ của từ này, và nhằm chống lại các âm mưu của *Ba-cu-nin, Ghi-ôm* và đồng bọn, với ý đồ hiển nhiên của họ là phi tập trung hóa Hội liên hiệp công nhân quốc tế, để bảo đảm tự do thực hiện các mưu đồ cá nhân của họ, và làm tê liệt phong trào của chúng ta.

Lần này, đại hội của liên chi hội chúng tôi đã ngăn cản chi hội Niu-Oóc số 1 chính thức ghi trong các nghị quyết quan điểm của nó về việc xét lại – đã trở nên cần thiết – đối với bản Điều lệ chung, do vậy chúng tôi cho phép Đồng chí tự hành động về vấn đề này tại đại hội ở La Hay, cũng như về tất cả những vấn đề khác mà đại hội kể trên sẽ thảo luận hoặc quyết định.

Chi hội Niu-Oóc số 1 hoàn toàn nhận thức rõ rằng khi trao cho Đồng chí các nhiệm vụ của một đại biểu, chi hội này cũng còn phải quan tâm đến việc trang trải các khoản chi tiêu liên quan đến việc này, nhưng tôi phải giải thích với Đồng chí rằng hiện nay kinh phí của chúng tôi đã hoàn toàn cạn kiệt, và chúng tôi thậm chí không thể trang trải nổi những chi phí nhỏ nhất.

Bất chấp hoàn cảnh đó, tính chất quan trọng của Đại hội La Hay đòi hỏi phải có sự đại diện trực tiếp cho chúng tôi, cho nên chúng tôi mong Đồng chí tìm ra khả năng thực hiện được việc này, dù không có sự giúp đỡ của chúng tôi.

Gửi Đồng chí lời chào anh em

Bí thư thông tấn *C. Spây-o*

Địa chỉ của bí thư thông tấn: *C. Spây-o, 76 I-u-go, Đại lộ số 5, Niu- Oóc.*

CHI HỘI NIU- OÓC SỐ 1 CỦA HỘI LIÊN HIỆP CÔNG NHÂN QUỐC TẾ Ở BẮC MỸ

Ủy nhiệm thư

Người trình ủy nhiệm thư này, Các Mác, đã được hội nghị ngày 28 tháng Bảy 1872 của chi hội kể trên bầu làm đại biểu của chi hội này tại đại hội chung ở La Hay, và là đại biểu của chi hội Niu-Oóc số 1, được ủy quyền biểu quyết thay chi hội trên, với quyền biểu quyết chính thức.

Bí thư thông tấn *C. Spây-ơ*
Chủ tọa hội nghị *Ph. A. Doóc-gơ*

Ngày 28 tháng Bảy 1872

Công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong cuốn sách: "Đại hội La Hay của Quốc tế I. Các ngày 2-7 tháng Chín 1872. Biên bản và văn kiện". M., 1970

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức

CÁC ỦY NHIỆM THƯ CỦA ĐẠI BIỂU ĐẠI HỘI LA HAY, ĐƯỢC TRAO CHO PH. ĂNG-GHEN

I

Thẩm quyền

Các hội viên ở Bre-xlau của Hội liên hiệp công nhân quốc tế ủy quyền cho ông Phri-đrích Ăng-ghen ở Luân Đôn, đại diện cho họ tại đại hội của Hội liên hiệp công nhân quốc tế ở La Hay, khai mạc vào ngày 2 tháng Chín năm nay.

Hen-rích Ê-me, Pau-lơ Bô-cơ, Héc-man Cri-mi-khen

Bre-xlau, ngày 19 tháng Tám 1872

II

Nay xác nhận ông Phri-đrích Ăng-ghen ở Luân Đôn, đã được bầu một cách hợp lệ làm đại biểu của chi hội Niu-Ooc số 6 (Bắc Mỹ) của Hội liên hiệp công nhân quốc tế, tại đại hội chung, sẽ diễn ra tại La Hay từ ngày 2 tháng Chín 1872.

Phr. Gi. Béc-tơ-ran, quyền chủ tịch
Giôn-Xtốc, bí thư

Niu-Ooc, ngày 8 tháng Tám 1872

Tính xác thực của ủy nhiệm thư này được xác nhận bằng con

dấu của Hội đồng liên chi hội Bắc Mỹ của Hội liên hiệp công nhân quốc tế và bằng chữ ký.

Tổng bí thư Hội đồng liên chi hội Bắc Mỹ của Hội liên hiệp công nhân quốc tế, *Ph.Bôn-tê*

Niu-Oóc, ngày 9 tháng Tám 1872

Công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong cuốn sách: "Đại hội La Hay của Quốc tế I. Các ngày 2-7 tháng Chín 1872. Biên bản và văn kiện". M., 1970

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Anh

CÁC BẢN GHI NHỮNG LỜI PHÁT BIỂU CỦA C. MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN TẠI ĐẠI HỘI LA HAY NĂM 1872[648]

C. MÁC

VỀ NHỮNG PHIÊN HỌP KÍN CỦA ĐẠI HỘI NGÀY 1 THÁNG CHÍN 1872

Về vấn đề này, M á c nói thêm rằng các phiên họp phải là các phiên họp kín đối với tất cả mọi người, ngoài các hội viên thuộc chi hội La Hay.

Mác chấp nhận phần bổ sung [về việc cho phép tất cả các hội viên Hội liên hiệp tham dự] với điều kiện là phải xác nhận người tham dự là hội viên.

(Doóc-gơ ghi)

PH. ĂNG-GHEN

VỀ TÍNH CHẤT KHÔNG CÔNG KHAI CỦA CÁC PHIÊN HỌP KÍN NGÀY 2 THÁNG CHÍN 1872

Ă n g - g h e n yêu cầu không cho phép các thông tín viên

đưa tin về các phiên họp kín (điều này liên quan đến những đại biểu đồng thời viết các bài tường thuật cho các báo).

(Doóc-gơ ghi)

C. MÁC

VỀ THỂ THỨC BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI NGÀY 2 THÁNG CHÍN 1872

M á c (*với sự ủng hộ của tất cả những người thuộc phái Blăng-ki và tất cả những người Đức)* nói rằng cách thức biểu quyết như vậy là trái với Điều lệ của Hội liên hiệp; ông nói: mỗi chi hội đều có quyền có đại biểu và đại biểu của chi hội ấy có quyền biểu quyết[649].

(Giu-cốp-xki ghi)

M á c lên tiếng phản đối cách biểu quyết ấy: ông nói, ở đây chúng ta đại diện cho các chi hội, chứ không phải cho các liên chi hội, nếu không thì đại hội của chúng ta sẽ không mang tính chất chung.

(Giu-cốp-xki ghi lần thứ hai)

PH. ĂNG-GHEN

VỀ SỰ ĐẠI DIỆN CỦA LIÊN CHI HỘI MA-ĐRÍT MỚI[1*] NGÀY 3 THÁNG CHÍN 1872

Ă n g - g h e n: Đây là vấn đề quan trọng; chúng ta sẽ

1* Xem tập này, tr. 677-679.

phải giải quyết thông qua biểu quyết vấn đề liệu Quốc tế có phục tùng một bè đảng tập hợp thành một hội bí mật hay không. Ở đây có sáu hội viên của hội này tham dự. Họ đã thừa nhận việc này: đó là Ghi-ôm và các đại biểu Tây Ban Nha. Vả lại, ông ta sẽ chứng minh điều đó trong tiến trình thảo luận chung. Trước hết, thừa nhận rằng việc khai trừ là bất hợp pháp. Trước đó Mô-ra-gô nói rằng không cần phải mời [những người bị khai trừ], nhưng ngược lại, Điều lệ lại đòi hỏi cử ra một tòa án trọng tài. Tiếp đó, Mô-ra-gô nói vả lại đây là vấn đề nội bộ, không liên quan đến đại hội. Vì chi hội đã đề xuất với Hội đồng nên vấn đề này không còn là vấn đề nội bộ nữa. Hội đồng lãnh trách nhiệm vi phạm Điều lệ, vì vấn đề là duy trì Quốc tế ở Tây Ban Nha. Hội kín – mà mục tiêu của nó là phá hoại Quốc tế – đã giành được năm ghế trong số tám ghế trong Hội đồng liên chi hội. Họ đề nghị áp dụng trong toàn nước Tây Ban Nha phương thức biểu quyết dành quyền tự do hành động chỉ riêng cho hội kín mà thôi ! Đối với Tổng Hội đồng, điều quan trọng là tại đại hội có một đại biểu Tây Ban Nha không thuộc bè lũ ấy, và đại biểu ấy phải chịu trách nhiệm về hành động ấy vì lợi ích của Hội liên hiệp công nhân quốc tế.

(Lơ Mút-xuy ghi)

Ăng-ghen nói: chúng ta sẽ phải quyết định xem Hội liên hiệp công nhân quốc tế từ nay trở đi có cần được quản lý trên cơ sở các nguyên tắc dân chủ, hay là việc lãnh đạo hội này sẽ nằm trong tay một bè lũ được tổ chức bí mật và trái với Điều lệ. Tại đây có mặt sáu người thuộc hội kín đó: bốn người Tây Ban Nha, Svít-xguê-ben và Ghi-ôm[650].

Ăng-ghen đưa tay vào túi, lấy ra một bức thư và nói: "Đây là bằng chứng". Tiếp đó Ăng-ghen chỉ ra tính chất bất hợp pháp của việc khai trừ tùy tiện, mà khi tiến hành người ta đã không cử ra tòa án trọng tài như Điều lệ đòi hỏi. Liên chi hội mới chỉ sử dụng quyền của mình khi nó đoạn tuyệt với Hội đồng liên chi hội và trực tiếp liên hệ với Tổng Hội đồng. Thật ra, Tổng Hội đồng đã đi chệch Điều lệ, nhưng nó làm việc này có ý thức, với ý định bằng cách ấy cứu vãn Hội liên hiệp công nhân quốc tế ở Tây Ban Nha. Đồng minh ở Tây Ban Nha hoạt động bằng tiền của Hội liên hiệp công nhân quốc tế, còn trong Hội đồng liên chi hội Tây Ban Nha thì có đến năm "anh em hội viên của Đồng minh" trong số tám ủy viên của mình. Tổng Hội đồng hoàn toàn hiểu rõ ý nghĩa của bước hành động của mình, song nó có bổn phận phải thực hiện bước đó.

(Doóc-gơ ghi)

PH. ĂNG-GHEN

VỀ CÁC ỦY NHIỆM THƯ CỦA CÁC ĐẠI BIỂU TÂY BAN NHA NGÀY 3 THÁNG CHÍN 1872

Ăng-ghen cho rằng điều hết sức kỳ lạ là người Tây Ban Nha để tiền ở trong túi của mình, thay vì giao số tiền ấy cùng với các ủy nhiệm thư, như việc đó vẫn luôn luôn được thực hiện và phải được thực hiện tại các đại hội. Những người Tây Ban Nha thắc mắc tại sao người ta muốn họ dính líu vào vấn đề Đồng minh, nhưng chính họ lại thừa nhận rằng họ là hội viên của Đồng minh. Mác-xê-lau và ba người khác khẳng định rằng trước kia họ

thuộc Đồng minh, nhưng giờ đây họ đã rút ra khỏi tổ chức ấy rồi. Ăng-ghen cho rằng họ vẫn còn có chân trong Đồng minh, nhưng chỉ với tên gọi khác. Nếu họ viện dẫn sự hưng thịnh của Hội liên hiệp công nhân quốc tế ở Tây Ban Nha thì họ phải nhớ rằng sự phát triển ấy đạt được nhờ thành phần trước kia của Hội đồng liên chi hội đã bị khai trừ ở Ma-đrít.

(Doóc-gơ ghi)

C. MÁC

VỀ BÁO CÁO TỔNG KẾT CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG NGÀY 5 THÁNG CHÍN 1872

M á c nhắc rằng bản báo cáo của Tổng Hội đồng không đề cập đến các vấn đề nội bộ vì: 1) trong trường hợp này, việc công khai công bố nó sẽ làm mất uy tín Quốc tế tại những nước mà Quốc tế bị cấm, 2) các liên chi hội đã không thực hiện những cam kết do các đại hội gần đây quy định, và các liên chi hội ấy đã không gửi các báo cáo của mình cho Hội đồng, 3) do vậy, việc soạn thảo một bản báo cáo như vậy không thể thực hiện được ngay cả không tính đến mối nguy hiểm mà việc công bố nó có thể tạo ra.

M á c đề nghị ấn định trước hết các phiên họp kín và các phiên họp công khai.

(Lơ Mút-xuy ghi)

M á c thông báo rằng bản báo cáo của Tổng Hội đồng được dành để công bố trên báo chí; vì Tổng Hội đồng không thể công

khai cũng như bí mật báo cáo về các tổ chức của các dân tộc khác nhau, cũng như vì một số liên chi hội, ví dụ Liên chi hội Giuy-ra và Liên chi hội Bỉ, đã không thực hiện các nghĩa vụ của mình về mặt cung cấp tin tức, cho nên bản báo cáo mang tính chất chung chung. Báo cáo viên khen Liên chi hội Mỹ là liên chi hội duy nhất đã hoàn toàn thực hiện các cam kết của mình về mặt trao đổi thư tín và nộp hội phí, và mong rằng sẽ có những biện pháp quy định thể thức cho các phiên họp kín và công khai.

(Doóc-gơ ghi)

C. MÁC

VỀ CÁC THẨM QUYỀN CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG[651] NGÀY 6 THÁNG CHÍN 1872

M á c nói rằng khi thảo luận về các thẩm quyền của Hội đồng, người ta không có ý nói đến Hội đồng cũ; tức là không có ý nói đến chúng ta, mà là nói đến chính nguyên tắc. Ông tuyên bố rằng ông thà biểu quyết tán thành giải thể Hội đồng, còn hơn là biến nó thành cái hòm thư; hòm thư sẽ nằm trong tay các nhà báo, mà điều đó sẽ là sự uy hiếp lớn đối với Quốc tế. Chúng ta chịu trách nhiệm, còn các ngài nhà báo thì sẽ không chịu trách nhiệm. - Không thể lường trước mọi trường hợp như Xô-va muốn. Chẳng hạn, ở Luân Đôn đã xuất hiện một chi hội cảnh sát núp dưới bình phong Điều lệ. Đã xảy ra trường hợp với chi hội số 12 của phái thông linh ở Niu-Oóc v.v.. Tôi không hiểu tại sao những người ở Giuy-ra, thay vì đấu tranh chống lại bọn tư sản, thì ở một mức độ nào đó, họ lại hành động cùng với chúng.

Tuy nhiên, những thẩm quyền cần có thì về đại thể đã được

phản ánh trong Điều lệ. Thay vì dành cho Hội đồng hưởng quyền không giới hạn thì điều khoản được đề xuất lại quy định sự kiểm soát.

Trong suốt nhiều năm, Hội đồng đã vấp phải những mưu toan của các phần tử cảnh sát và tư sản tìm cách thâm nhập vào Quốc tế ở Áo, ở Pháp, tại đó một trong những viên chỉ huy cảnh sát đã toan thành lập một chi hội; đương nhiên, người ta đã phải tạm thời giải tán chi hội này. Vê-di-ni-ê, Lan-đe-cơ ủng hộ những người ở Giuy-ra, cũng như các phần tử tư sản thuộc chi hội số 12, - tất cả họ đều là một. - Không có một hội đồng nào bị công nhân Bỉ phê phán mạnh mẽ nhiều hơn là Hội đồng liên chi hội Bỉ, hội đồng này bị chỉ trích về chủ nghĩa cực quyền chẳng kém gì Tổng Hội đồng. Người Pháp cho rằng ở họ có quá nhiều chủ nghĩa dân tộc đối với những người quốc tế chủ nghĩa.

Ô Niu - Oóc đã xuất hiện cái cớ để tạm thời giải tán hội đồng liên chi hội; có thể, cả ở những nước khác các hội kín cũng muốn thao túng các hội đồng liên chi hội, cần tạm thời giải thể các hội ấy. - Về khả năng tự do lập ra các liên chi hội như Vê-di-ni-ê, Lan-đe-cơ và một tên gián điệp Đức đã làm, thì không được để khả năng ấy xảy ra. Ngài Chi-e đã trở thành tên đày tớ của tất cả các chính phủ trong cuộc đấu tranh chống lại Quốc tế, và Hội đồng cần có những thẩm quyền để loại bỏ các phần tử gây nên sự tan rã.

Tiếp nữa, đề nghị còn đưa ra những điều kiện bảo lưu. Hội đồng cũ chỉ chú ý đến những lợi ích của Hội liên hiệp và đã tạm thời chỉ khai trừ một mình chi hội số 12. Các hội đồng liên chi hội thì không có các thẩm quyền đầy đủ: đó là lời tuyên bố - khi có mặt I-ung và Lơ Mút-xuy - của một ủy viên Hội đồng Mỹ, ám chỉ chi hội số 12.

Ngoài ra, hội đồng liên chi hội có thể gạt sang một bên lời kêu gọi các chi hội bầu lại – điều đó có lợi cho liên chi hội; và nếu Tổng Hội đồng quyết định thực hiện một hành động vô căn cứ thì hội nghị đại biểu của các liên chi hội sẽ lên án Tổng Hội đồng.

Tại các nước mà Quốc tế bị truy nã thì [những chi hội] ưu tú nhất cũng phải có những quyền như vậy. Sự lo lắng mà các ông nói ra – chẳng qua là mánh khóe, bởi vì các ông thuộc vào số các hội hoạt động bí mật và mang tính chất cực quyền nhất. – Tổng Hội đồng không có quân đội, cũng chẳng có ngân sách – nó chỉ có sức mạnh tinh thần và nếu các ông tước mất các quyền hạn của nó thì bản thân các ông sẽ chỉ là một sức mạnh hão huyền.

(Lơ Mút-xuy ghi)

Công bố toàn văn lần đầu bằng tiếng Nga trong cuốn sách: "Đại hội La Hay của Quốc tế I. Các ngày 2- 7 tháng Chín 1872. Biên bản và văn kiện". M., 1970

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức và tiếng Pháp

VỀ ĐẠI HỘI LA HAY

BẢN GHI LỜI PHÁT BIỂU CỦA C. MÁC TẠI CUỘC MÍT - TINH Ở AM-XTÉC-ĐAM NGÀY 8 THÁNG CHÍN 1872[652]

Diễn giả nói rằng trước kia La Hay từng là cái nôi của nền ngoại giao châu Âu. Tại đây, chỉ vừa kịp ký các hòa ước là người ta đã lập tức âm mưu gây ra những cuộc chiến tranh đủ loại. Tương phản rõ nét với điều ấy là đại hội của công nhân, mà mục đích là làm cho chiến tranh không thể nổ ra được. Người ta nói với Quốc tế rằng La Hay là thành phố phản động nhất của Hà Lan, và rằng cư dân ngu dốt của thành phố này "sẽ xé nát thành từng mảnh" "bọn ô hợp Công xã Pa-ri". Song, đây là một nguyên nhân nữa đã thúc đẩy người ta lựa chọn chính thành phố "khát máu" này, để cho thấy Quốc tế không sợ bất cứ hành động quá khích phản động nào. Hơn nữa, Quốc tế tin chắc rằng nó sẽ tìm thấy được ở đây những người đồng tình, vả lại họ có mặt ở khắp nơi nào có người lao động.

Ông Mác chuyển qua xem xét các kết quả của đại hội vừa mới bế mạc. Ông gọi những kết quả ấy là quan trọng. Sự tập trung mạnh mẽ quyền lực trong tay Tổng Hội đồng là điều cần thiết cấp bách đối với hội nghị ở Béc-lin, mà theo ý kiến của diễn giả thì hội nghị này báo trước một cuộc tổng tấn công nhằm vào giai

cấp vô sản, những sự truy nã và đàn áp giai cấp công nhân[653]. Chừng nào Quốc tế chưa hành động như một tổ chức đoàn kết thì nó không thể biến phong trào trở thành rộng khắp, không thể làm cho phong trào xuất hiện đồng loạt ở khắp mọi nơi, và những nỗ lực của nó sẽ không đem lại những kết quả đáng kể. Diễn giả dẫn ra ví dụ về Công xã Pa-ri. Tại sao nó thất bại? Bởi vì Công xã bị cô lập. Nếu như cùng với cuộc khởi nghĩa ở Pa-ri, các cuộc cách mạng bùng nổ ở Béc-lin, Viên và ở các thủ đô khác thì sẽ có nhiều cơ hội thành công hơn.

Diễn giả biện hộ cho việc sử dụng bạo lực ở những nơi mà các phương tiện khác không giúp ích được. Ở Bắc Mỹ không cần đến các lũy chiến đấu, bởi vì ở đó những người vô sản - nếu họ muốn - có thể giành được thắng lợi thông qua các cuộc bầu cử. Với nước Anh và một số nước khác mà giai cấp công nhân được hưởng tự do ngôn luận, thì cũng vậy. Nhưng trong đại đa số các quốc gia thì cách mạng phải thay thế tính hợp pháp, bởi vì nếu dùng cách khác - bằng lòng cao thượng giả dối, bằng ý thức công bằng được định hướng không đúng - thì sẽ không thể đạt được mục tiêu cần thiết. Công tác tuyên truyền mạnh mẽ, tích cực sẽ phải chuẩn bị và hậu thuẫn cho cuộc cách mạng ấy. Do những nguyên nhân đó nên cũng hết sức cần một sự tập trung rất lớn quyền lực trong tay Tổng Hội đồng.

Ông Mác nói rằng hôm qua (thứ bảy) đại hội đã quyết định dời trụ sở của Tổng Hội đồng từ Luân Đôn sang Niu-Oóc. Ông tán thành quyết định này. Mỹ là đất nước của công nhân. Hàng năm có hàng trăm nghìn người hướng sang nước này vì họ bị xua đuổi khỏi châu Âu, hoặc vì tình cảnh túng thiếu, đã buộc họ phải bỏ sang đó. Thật là một môi trường hoạt động mới thuận lợi biết bao cho những nỗ lực của Quốc tế ! Diễn giả hy vọng rằng bước hành động này sẽ đem lại những kết quả tốt.

Còn về bản thân ông thì thật ra ông từ chối nhận danh hiệu ủy viên Tổng Hội đồng, nhưng - trái với những lời đồn đại - ông không từ bỏ danh hiệu thành viên của Quốc tế. Hoàn toàn ngược lại. Sau khi thoát khỏi gánh nặng của hoạt động hành chính, với nghị lực mới, ông sẽ hiến dâng đời mình cho nhiệm vụ mà ông đã cống hiến suốt 25 năm trời và ông sẽ làm cho đến hơi thở cuối cùng: giải phóng lao động.

(V ỗ t a y v a n g d ậ y.)

Đã đăng trên báo "Algemeen Handelsblad" số 12837, ngày 10 tháng Chín 1872

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Hà Lan

NHỮNG QUYỀN HẠN DO TỔNG HỘI ĐỒNG Ở NIU-OÓC TRAO CHO PH. ĂNG-GHEN

Nay xác nhận là bằng quyết định ngày 27 tháng Mười 1872, Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế đã ủy quyền cho Phri-đrích Ăng-ghen, cư trú tại số nhà 122, đường Rít-gien-xơ-pác-cơ-rốt (Luân Đôn, nước Anh), tiếp nhận các khoản tiền và các khoản hội phí để chuyển lên Tổng Hội đồng kể trên.

Được sự ủy nhiệm và thay mặt Tổng Hội đồng

Ph.A. Doóc-gơ, tổng bí thư

Niu-Oóc, ngày 27 tháng Mười 1872

Công bố lần đầu trong tập chí "Annali", vol. IV, 1961

In theo bản chụp bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

GIÔN HÂY-DƠ "TRUNG THỰC"

THƯ GỬI BAN BIÊN TẬP BÁO "INTERNATIONAL HERALD"[654]

Thưa ông,

Dù việc công khai phát biểu là điều cấm kỵ như thế nào đi nữa đối với tôi, thì tôi vẫn thấy có bổn phận – với tư cách là ủy viên Tổng Hội đồng cũ, ngay từ thời điểm thành lập Quốc tế, và với tư cách là ủy viên Hội đồng liên chi hội Anh, từ lúc ban đầu của nó – trả lời bức thư của Giôn Hây-dơ "trung thực" được đăng trong số mới đây của tờ báo của các ông.

Giôn Hây-dơ khoe rằng ông ta viết những bức thư của mình là nhân danh cá nhân ông ta; Ăng-ghen và Mác biết rất rõ rằng đối với ông ta không có niềm vui sướng nào lớn hơn là được nhìn thấy tên của mình trên báo chí. Nhưng thực chất vấn đề không phải ở đấy. Hai ông phản đối việc những bức thư ấy – mà ông ta ký tên trong đó là "Giôn Hây-dơ", *Tổng bí thư Hội đồng liên chi hội Anh*" – đã được viết ra mà "không có sự thông báo" cho Hội đồng liên chi hội Anh biết và "không được sự chấp thuận" của Hội đồng liên chi hội ấy[1*]. Sự thật đúng là thế này.

Ngày 26 tháng Chín, theo sự xúi giục của ông ta, một số người ủng hộ ông ta đã đề xuất nghị quyết dưới đây: "Ủy quyền cho bí

1* *C. Mác* và *Ph.Ăng-ghen*. Gửi ông chủ bút báo "International Herald"

thư thông tấn" (Giôn Hây-dơ) "gửi cho tất cả các hội đồng liên chi hội của Hội liên hiệp công nhân quốc tế, mỗi hội đồng một bản của cơ quan ngôn luận chúng ta ở Anh là tờ "International Herald". Để thực hiện quyết định này, ông ta đã lập tức, theo sáng kiến của mình, gửi cho các hội đồng đã phân liệt những bức thư được đăng trên các báo "Internationale" (Bruy-xen), "Bulletin de la Fédération jurassienne", "Federacion" (Bác-xê-lô-na) và những báo khác; qua đó Giôn Hây-dơ "trung thực" đã bao biện làm thay hội đồng liên chi hội.

Về những mưu toan của ông ta - đã bị Mác và Ăng-ghen vạch trần - định tự mình thâu tóm mọi chức năng của hội đồng liên chi hội, thì có thể căn cứ vào những ví dụ sau đây mà suy xét. Trong phiên họp của hội đồng liên chi hội ngày 7 tháng Mười một, Giôn Hây-dơ đã đề nghị "sự phân công lại các trách nhiệm dưới đây, cụ thể là: bổ nhiệm tổng bí thư, là người sẽ phụ trách việc trao đổi thư tín và phụ trách việc thanh toán tài chính, soạn thảo các báo cáo chính thức cho báo chí và giữ vai trò người đại diện cho hội đồng, và bổ nhiệm bí thư phụ trách công tác biên bản, có nhiệm vụ trông coi sổ biên bản của hội đồng". Nhưng điều đó còn chưa đủ đối với Giôn Hây-dơ. Ông ta rút lại đề nghị của mình, và đã thông qua đề nghị do kẻ thù cũ của ông ta, nhưng nay là bạn của Mốt-tơ-xhết đưa ra, cụ thể là: "Chúng ta bổ nhiệm tổng bí thư, là người sẽ chịu trách nhiệm trước hội đồng *về tất cả những vấn đề liên quan đến Hội liên hiệp, và chúng ta bảo đảm cho vị tổng bí thư một sự giúp đỡ mà vị ấy có thể cần đến*". Đây thật sự là một sự tập trung hóa, và không có gì ngạc nhiên khi ta thấy Hội đồng liên chi hội Man-se-xtơ đã phản đối ngay lập tức quyết định của Hội đồng liên chi hội Anh về vấn đề này.

Trong bức thư của mình gửi Liên chi hội Giuy-ra, Giôn Hây-dơ đã khẳng định rằng "Hội đồng liên chi hội Anh đã yêu cầu ông Ăng-ghen, hồi ấy là bí thư thông tấn về Tây Ban Nha, cung cấp địa chỉ của Lô-ren-xô", nhưng "ông Ăng-ghen đã chính thức từ chối cung cấp địa chỉ đó". Trong thư trả lời, Ăng-ghen đã đòi Hây-dơ xác nhận - bằng văn bản tương ứng trích trong biên bản - lời yêu cầu này của Hội đồng liên chi hội. Thay vì làm việc xác nhận ấy, Hây-dơ lại viện dẫn lời chứng nhận của người bạn mình là Rô-chơ. Lời chứng nhận của Rô-chơ có giá trị như thế nào, thì ta có thể biết được qua việc so sánh hành vi của ông này và sự biểu quyết của ông ta tại Đại hội La Hay, với bản báo cáo chính thức cũng về đại hội ấy, do ông ta trình lên Hội đồng liên chi hội Anh.

Về địa chỉ của Hội đồng liên chi hội Li-xbon thì, như Ăng-ghen đã tuyên bố, người ta đã không cung cấp địa chỉ ấy cho Hây-dơ, bởi vì người ta biết rằng "ông ta cần đến những địa chỉ loại đó hoàn toàn chỉ để dùng vào những âm mưu cá nhân. Đối với những ủy viên khác của Hội đồng liên chi hội Anh thì không thể có vấn đề về thái độ thận trọng như thế". Vậy Hây-dơ đã trả lời ra sao? Rằng Ăng-ghen tuồng như đã từ chối cung cấp địa chỉ ấy là vì Hội đồng liên chi hội Anh đã không thực hiện một bước hành động nào liên quan đến vấn đề Bồ Đào Nha !

Thái độ trung thành một cách "trung thực" với chân lý cũng đã thể hiện cả trong câu trả lời của Hây-dơ về lời tuyên bố trong bức thư của Ăng-ghen và Mác, cụ thể là: tuồng như "việc ông ta đảm đương những trách nhiệm của thông tín viên đã được đánh giá trong bản nghị quyết riêng của Tổng Hội đồng khi chuyển giao các chức năng ấy cho ông Min-nơ". Ông ta gợi ý cho thấy tuồng như thể đoạn này trong biên bản là thuộc thời điểm ông

ta tạm thời bị gạt khỏi chức vụ tổng bí thư. Việc bãi chức ấy là do Tiểu ban (trong Tiểu ban này có người bạn của Hây-dơ là I-ung) đề nghị và đã được Tổng Hội đồng nhất trí phê chuẩn. Ủy ban trọng tài của Tổng Hội đồng được giao nhiệm vụ tiến hành điều tra nhân có những lời buộc tội Hây-dơ, nhưng việc triệu tập Đại hội La Hay và việc giải thể Tổng Hội đồng ở Luân Đôn diễn ra sau đó đã làm gián đoạn công việc của Ủy ban này; việc công bố các tài liệu do Ủy ban này thu thập được vẫn thuộc về Ủy ban đó. Song đoạn kể trên trong biên bản lại liên quan đến một thời điểm hoàn toàn khác. Cũng tại phiên họp mà trong đó Hây-dơ đã tạm thời bị Tổng Hội đồng cất chức (biên bản này cũng ngẫu nhiên do I-ung ghi), ông Ếch-ca-ri-út đã đưa ra đề nghị bổ nhiệm một bí thư riêng về nước Anh, nhằm làm sôi động việc trao đổi thư tín với các hội công liên, công việc này đã bị Hây-dơ hoàn toàn bỏ bễ. Nghị quyết đã được thông qua với sự biên tập có sửa đổi như sau: ủy nhiệm cho một ủy viên của Hội đồng tiến hành trao đổi thư tín với các hội công liên - ông Min-nơ đã được bổ nhiệm nhằm mục đích này.

Giôn Hây-dơ đã cẩn thận tránh lặp lại những lời khẳng định nực cười của mình rằng, tuồng như thể sự tồn tại của Đồng minh *bí mật* là "phát minh" của Tổng Hội đồng cũ, hoặc tuồng như thể Hội đồng này "đã toan tính tổ chức ra một hội kín rộng lớn ở bên trong Hội liên hiệp của chúng ta". Nhưng Giôn Hây-dơ có thể làm được gì trong lĩnh vực *bịa đặt trung thực*, thì có thể thấy điều này qua tấm bưu thiếp sau đây do ông ta gửi đến một loạt địa chỉ ngày 21 tháng Chạp năm ngoái:

"Thưa các vị ! Hội đồng liên chi hội Anh đã dời khỏi trụ sở đóng tại ngôi nhà số 7 trên đường Rết-Lai-ôn-coóc-tơ, Phlít-xtơ-rít, Luân Đôn, và nếu như một nhóm người thâm hại còn chiếm giữ lấy trụ sở thì hành động ấy được thực hiện không được sự đồng ý của các ủy viên trong hội đồng, và mọi bước hành động của bè nhóm này phải

được đánh giá một cách tương xứng. *Những cá nhân liệt kê dưới đây có ý định biến Hội liên hiệp thành một tổ chức chính trị bí mật, để nuôi dưỡng những âm mưu được ghi trong điều lệ của bè nhóm này, thay vì duy trì Hội liên hiệp như hiện nay, tức là như một tổ chức thực tế của lao động.* Họ tạo thành nhóm thiểu số đã được nói đến trong thông tri vừa được công bố. Đó là ông Le-xnơ (người Đức, được nhóm này tuyển lựa), U.H.Rai-li (đại diện của nhóm). A. Vai-le-rơ (chi hội Đức), E-Hin-đơ (Oe-xtơ-En-đơ), Gi.Mít-sen (cũng vậy, nhưng đại diện cho Hin-cli), X.Vi-kê-ri (Béc-ken-hét), S.Mơ-rây (Nooc-man-đi), nhưng ông ta chỉ gia nhập nhóm này tại hội nghị đã bị ông Vi-kê-ri giải tán, Ô. Duy-pông (chi hội ngoại quốc ở Man-se-xtơ), Gi.Min-nơ (xuất hiện với ủy nhiệm thư của cái gọi là Đồng minh cải cách dân tộc năm 1849)".

Chưa thỏa mãn với việc tán phát điều bịa đặt phi lý ấy, Giôn Hây-dơ "trung thực" còn đưa điều bịa đặt đó vào tấm bưu thiếp. Tại sao không *thông báo* trực tiếp cho đại tá Hen-đéc-xơn?

Giôn Hây-dơ chỉ trích ông Ăng-ghen, – một trong số các lãnh tụ kỳ cựu nhất và được kính trọng nhất của giai cấp công nhân Đức, – rằng ông Ăng-ghen là chủ xưởng vải sợi. Rô-bớc Ô-oen cũng đã từng là chủ xưởng. Hây-dơ quên nói thêm rằng trong suốt 40 năm Ăng-ghen đã tiến hành cuộc đấu tranh vì sự nghiệp của giai cấp công nhân bằng ngòi bút của mình, cũng như bằng vũ khí trong tay (trong thời gian cuộc cách mạng năm 1849 ở Đức); rằng ngay từ năm 1845, ông đã lên tiếng bảo vệ sự nghiệp ấy trong cuốn sách nổi tiếng ở châu Âu: "Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh"; rằng vào những năm tiếp theo đó ông đã tích cực tham gia phong trào công nhân Anh, cộng tác với tạp chí của Rô-bớc Ô-oen "New Moral World", cộng tác với các báo của Phéc-giuýt Ố Cô-no "Northern Star", của Gi.Gi. Hác-ni "Red Republican" và của Éc-ne-xtơ Giôn-xơ "People's Paper".

Về "tính trung thực" của Giôn Hây-dơ thì có thể là bản thân ông ta tin vào tính trung thực ấy, nhưng theo chỗ tôi biết, điều đó không ngăn cản hội công liên - mà ông ta là hội viên - phái

các đại diện của họ đến Tổng Hội đồng để buộc tội Hây-dơ rằng khi còn là một viên cai, ông ta đã câu kết với chủ để chống lại các công nhân đồng chí của ông ta. Điều đó đã không ngăn cản người bạn của ông ta là Mốt-tơ-xhết, tại phiên họp của chính Hội đồng ấy, đã quy tội ông ta là kẻ bán mình. Và điều đó đã không ngăn cản bản thân ông ta tuyên bố trước ủy ban điều tra - được cử ra cũng vào thời điểm ấy - rằng ông ta, trong khi tìm kiếm việc làm, đã nhờ cậy đến ông Glin, nhân viên tuyển mộ người cho ngài Glát-xtôn. Điều đó đã không ngăn cản cả ông Bun-khi ông này được cử vào ủy ban kiểm tra giấy tờ thanh toán tài chính của Hây-dơ - từ chối ký vào bản quyết toán. Ông ấy tuyên bố, khi Éch-ca-ri-út là bí thư - rằng Hây-dơ đã chứng minh rằng 5 si-linh mỗi tuần dành cho chức vụ này là đủ rồi, nhưng bản thân ông ta lại đòi 10 si-linh, ngay sau khi ông ta được bổ nhiệm, và sau đó đã đòi được tăng lên đến 15 si-linh. Khoản tăng thêm này đã được phê duyệt chỉ cho ba tháng, song Hây-dơ vẫn tiếp tục cấp cho mình khoản tăng thêm đó mà không có sự biểu quyết phê chuẩn mới. Ông Bun đề nghị Hây-dơ hoàn trả số tiền dôi dư đó mà ông này đã nhận quá mức quy định, nhưng đề nghị này đã không được thông qua, vì điều sửa đổi của Ăng-ghen đã được chấp thuận - vì xét thấy rằng bản thân Hội đồng đã không làm tròn những trách nhiệm của mình và đã không thi hành biện pháp nào trong vấn đề này, nên mỗi tuần khấu trừ 5 si-linh mà thủ quỹ I-ung đã trả cho Hây-dơ quá mức quy định, cho đến khi Hây-dơ bị truất chức.

Trong bức thư của mình, Giôn Hây-dơ tuyên bố rằng bổn phận của ông ta, với tư cách là tổng bí thư, là thực hiện những chỉ thị của Tổng Hội đồng. Cứ cho là như vậy, nhưng điều rất kỳ lạ là "*lòng trung thực*" của ông ta vẫn là công cụ ngoan ngoãn của

Tổng Hội đồng khi Hây-dơ còn được Hội đồng trả lương, và lòng trung thực ấy công khai nổi loạn ngay khi khoản lương ấy không còn nữa.

Bản thân tôi đã bị giam cầm trong ngục tù nước Phổ, và bị trục xuất khỏi quê hương vì tôi đã tham gia phong trào của giai cấp mình, vì vậy tôi không thể cho phép những kẻ như Giôn Hây-dơ bóp méo phong trào này, làm cho nó phải phục tùng những lợi ích nhỏ nhen của lòng háo danh cá nhân.

Gửi ông lời chào anh em

Phri-đrích Le-xnơ của ông

Do Ph.Le-xnơ soạn thảo với sự tham gia của C.Mác vào khoảng ngày 4 tháng Giêng 1873
Đã đăng trên báo "International Herald" số 41, ngày 11 tháng Giêng 1873

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

* THƯ CỦA HỘI ĐỒNG LIÊN CHI HỘI ANH GỬI CHỦ BIÊN BÁO "EASTERN POST"[654]

Thưa ngài,

Xin cho phép tôi - theo sự ủy nhiệm của Hội đồng liên chi hội Anh đích thực của Hội liên hiệp công nhân quốc tế - sử dụng các cột báo của ngài để trả lời một số lời khẳng định đăng trong số báo mới đây, có chữ ký của Giôn Hây-dơ và những người khác.

Quyền của chúng tôi được mang danh hiệu Hội đồng liên chi hội Anh đích thực được khẳng định bằng việc một loạt chi hội Anh đã định hình về mặt tổ chức và tồn tại thực sự gia nhập tổ chức của chúng tôi - theo điều lệ các chi hội này có 23 đại biểu trong hội đồng chúng tôi - cũng như bằng việc gia nhập của hai thành viên nhóm Nốt-tinh-hêm và bằng sự ủng hộ của cơ quan ngôn luận duy nhất của Hội liên hiệp công nhân quốc tế ở nước Anh[1*] đã theo chúng tôi. Hơn nữa, trong số tất cả các tổ chức thuộc loại này ở Anh, chỉ có chúng tôi duy trì liên hệ với Tổng Hội đồng - là cơ quan đại diện cho thẩm quyền của toàn thể Hội liên hiệp công nhân quốc tế, - cũng như với các hội đồng và các chi hội ủng hộ nó tại khắp các nơi trên thế giới; trong khi ấy các thông tín viên của các ngài - thậm chí nếu như họ có được một số lượng cần thiết để bảo vệ địa vị mà họ đòi có được - lẽ ra đã

1* - tờ "International Herald"

có quyền được xưng danh là hội đồng của Hội liên hiệp công nhân quốc tế, quyền ấy tuyệt nhiên không nhiều hơn quyền mà đại hội của phe liên bang trong thời kỳ Nội chiến ở Mỹ đòi được gọi tên là Quốc hội của Hợp chúng quốc. Trên thực tế, các thông tín viên của các ngài và bạn bè của họ đã từ bỏ các nghị quyết của Đại hội La Hay, từ bỏ Tổng Hội đồng và từ bỏ cương lĩnh hành động của Quốc tế. Sẽ không có ai phản đối, nếu họ tạo thành một hiệp hội - gần gũi về tính chất - có những mục tiêu phần nào giống nhau, nhưng có tham vọng trở thành Hội đồng Anh đích thực duy nhất của Hội liên hiệp công nhân quốc tế, và lên án các hội viên được thừa nhận của Quốc tế là những kẻ phân liệt - tất cả những cái đó đều là biểu hiện của sự sáng trí vừa kỳ lạ, vừa nực cười.

Về địa điểm các phiên họp của chúng tôi thì hoàn cảnh riêng tư - dĩ nhiên, không nên trình bày hoàn cảnh ấy trên báo của ngài - đã cản trở chúng tôi tiến hành một số phiên họp gần đây của chúng tôi tại địa điểm thường ngày mà tại đó, tiện thể xin nói thêm - chúng tôi vẫn thường xuyên hội họp. Cũng những hoàn cảnh nói trên hoặc những hậu quả của những hoàn cảnh ấy đã cản trở chúng tôi ngay một lúc tìm ra một địa điểm thích hợp để tiến hành các phiên họp của chúng tôi, song những phiên họp ấy sau này sẽ được tiến hành ở Ê-clếch-tích-hô-lơ, Đen-mác-cơ-xtơ-rít, Xô-hô. Vả lại, ngôi nhà 197, trên đường Xi-ti-rốt, nơi họp của cái gọi là "đại hội", chắc là đã không được đăng ký là địa điểm công cộng; và vì đã không có thông báo nào về nơi mà "ban chấp hành mới được bầu ra" tiến hành các phiên họp của mình, cho nên sẽ tuyệt nhiên không phải là vô căn cứ nếu cho rằng, những phiên họp ấy diễn ra cũng ở nơi đã diễn ra biết bao nhiêu cuộc hội họp của Quốc tế, cũng vẫn dưới sự lãnh đạo ấy, mà cụ thể - đơn giản là chẳng ở đâu hết.

Về tính hợp lệ của cái gọi là "đại hội" thì cuộc họp đưa ra quyết định về việc triệu tập nó đã được tiến hành mà không có thông báo trước, và tiến hành không phải vào cái buổi tối vẫn diễn ra những phiên họp đều kỳ; chỉ có các thành viên của phe đa số được thông báo về việc triệu tập, còn các thành viên của phe thiểu số thì lần đầu tiên được biết về việc triệu tập ấy, khi họ đến địa điểm hội họp như mọi khi và vào buổi tối đã định để tham gia công việc của Hội đồng. Tất nhiên, họ thấy kinh ngạc, nhưng do không có các sổ ghi biên bản, các văn kiện v.v. nên họ đã ra về sau khi quyết định sẽ kêu gọi các chi hội. Họ đã làm như vậy, và kết quả là các chi hội đã hầu như nhất trí lên tiếng ủng hộ họ, trong khi người ta chỉ lùa được 12 đại biểu đến dự cái đại hội rất "bất thường" ấy, đương nhiên không hề có chút hoài nghi nào về các ủy nhiệm thư của những đại biểu ấy.

Các thông tín viên của ngài quá hy vọng vào sự kém am hiểu - họ cho là như vậy - của chúng tôi về Điều lệ của Hội liên hiệp công nhân quốc tế khi họ dẫn ra đoạn dưới đây, coi đó là một trong những điều khoản của điều lệ, tuồng như thể nó đã được Đại hội Nốt-tinh-hêm[582] thông qua: "Nếu tình hình trong liên chi hội đòi hỏi thì hội đồng liên chi hội có quyền triệu tập đại hội bất thường sớm hơn thời gian ấn định họp đại hội thường kỳ". Biên bản chính thức của Đại hội Nốt-tinh-hêm, do thư ký đại hội ghi, hiện nằm trong tay Hội đồng và trong biên bản ấy không có điểm nào như thế; hơn nữa, cũng không có cả điểm nào khiến người ta có thể gán cho nó một ý nghĩa như thế bằng một sự xuyên tạc nào đó.

Để trả lời ý kiến khẳng định rằng tại Đại hội La Hay có mặt những nhân vật mà các ủy nhiệm thư của họ không có hiệu lực,

có thể nêu việc đại biểu của Hội đồng liên chi hội Anh[1*] - có mặt tại đại hội và là ủy viên ủy ban thẩm tra ủy nhiệm thư - đã hài lòng với những giấy ủy quyền trình ủy ban này đến mức - như có thể xét đoán căn cứ vào biên bản của ủy ban - ông này đã ký vào biên bản mà không có ý kiến bảo lưu hoặc phản đối nào cả. Trong khi ấy, theo thông lệ, các nghị quyết của đại hội được thông qua bằng đa số phiếu, với tỷ lệ bốn trên một. Vị đại biểu nọ đã tỏ ra hết sức coi thường nghĩa vụ của mình, vậy mà cả khi ấy, và cả bây giờ ông ta đã và đang còn nhận được sự tín nhiệm của ban chấp hành ở 197 đường Xi-ti-rốt, và của những người ủng hộ ban chấp hành ấy!

Bản thân thái độ bất phân biệt về cách chọn phương tiện hành động nhiều khi đẩy những người tham gia cuộc đấu tranh phe phái tới những hành động rất đáng ngờ, cực đoan, nhằm đạt cho được thắng lợi cho cương lĩnh của mình, đó là sự thật, tiếc thay sự thật đó được khẳng định quá thường xuyên, song sự thật ấy không mảy may áp dụng được vào các đại hội và hội nghị đại biểu của Hội liên hiệp công nhân quốc tế. Trước và sau đại hội ở Nốt-tinh-hêm, những lời khẳng định vô căn cứ về những giấy mẫu không được điền và về những ủy nhiệm thư giả đã được loan truyền, và giờ đây vẫn được tung ra không ít hơn trước và sau Đại hội La Hay. Đặc biệt, hiện nay Hội đồng liên chi hội đang có trong tay bức thư của một nhân vật đang đảm nhiệm - đối với ủy ban ở đường Xi-ti-rốt - vẫn những chức năng mà ông Glin đảm nhiệm đối với nội các. Trong bức thư này, đại hội ở Nốt-tinh-hêm bị làm mất tư cách đại diện bằng những lời lẽ rất giống những lời lẽ mà hiện nay cũng cấp ấy sử dụng đối với đại hội ở La Hay. Vì đại hội ở Nốt-tinh-hêm đã diễn ra trước đại hội ở La Hay,

1* - Giôn Rô-chơ

cho nên trước tiên tìm hiểu vấn đề về đại hội ở Nốt-tinh-hêm thì sẽ tốt hơn chăng ? Đó sẽ là một công việc rất thích hợp với cái nhóm người, mà đại diện của nó là các tác giả bức thư mà các ngài đã công bố tuần trước.

Còn hiện giờ thì họ bị lôi cuốn vào cuộc cãi cọ cá nhân, moi móc trong lịch sử của Hội liên hiệp tất cả những gì có thể cảm thấy đáng chê trách, và họ công khai phơi bày điều đó trước mặt các đối thủ đầy thái độ châm chọc và hằn học của chúng tôi mà họ hiển nhiên đã cung cấp tư liệu, chúng tôi sẽ tiếp tục đi theo đường lối của mình, không chùn bước trước những trở ngại. Chúng tôi coi thường những lời đả kích nhỏ nhen của những kẻ hình như chỉ muốn tính sổ cá nhân, và bằng hành động ấy, họ gây tổn thất cho Hội liên hiệp công nhân quốc tế. Sự nghiệp vĩ đại đang chờ chúng tôi ở phía trước, và chúng tôi có ý định cống hiến đời mình không ngừng cho sự nghiệp ấy và sẽ không cho phép mình, thậm chí trong một thời gian ngắn, xa rời sự nghiệp ấy để lao vào những trò cãi cọ giả tạo, với nội dung mà công chúng bạn đọc không am tường chỉ thấy toàn là một đống những lời lẽ trống rỗng tầm thường và chán ngấy.

Được sự ủy nhiệm của Hội đồng liên chi hội Anh

Xam. Vi-kê-ri, bí thư thông tấn

Do X.Vi-kê-ri soạn thảo với sự tham gia của Ph.Ăng-ghen vào các ngày 17-20 tháng Hai 1873
Đã đăng trên báo "The Eastern Post" ngày 22 tháng Hai 1873

Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

CHƯƠNG TRÌNH LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI MAN-SE-XTƠ CỦA LIÊN CHI HỘI ANH CỦA QUỐC TẾ. CÁC NGÀY 1-2 THÁNG SÁU 1873[655]

1. Tổ chức Liên chi hội Anh.

2. Biện pháp tốt nhất để thực hiện các mục tiêu và nguyên tắc của Hội liên hiệp công nhân quốc tế.

3. Quan hệ của Hội liên hiệp công nhân quốc tế với các công đoàn.

4. Biện pháp tốt nhất để thực hiện nghị quyết Đại hội La Hay về hành động chính trị của giai cấp công nhân.

5. Giáo dục quốc dân phổ cập.

6. Vấn đề ruộng đất.

7. Bãi bỏ quyền thừa kế.

8. Chế độ sở hữu nhà nước về tất cả các tư liệu sản xuất.

9. Quyền của công nhân được hưởng một phần nhất định tín dụng quốc gia để hỗ trợ nền sản xuất hợp tác xã.

Đã được soạn thảo với sự tham gia của C.Mác và Ph.Ăng-ghen sớm nhất là ngày 3 tháng Năm 1873
Công bố trên báo "The International Herald" số 59, ngày 17 tháng Năm 1873, và dưới hình thức tờ rơi

In theo bản in trong tờ rơi
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

QUỐC TẾ VÀ CÁC CÔNG ĐOÀN[656]

Dưới đây là thư gửi hội viên các hội công liên Anh và Ai-rơ-len, do Hội đồng liên chi hội Anh Hội liên hiệp công nhân quốc tế công bố:

Thưa các đồng chí công nhân !

Đại hội thường kỳ của Hội liên hiệp công nhân quốc tế họp tại La Hay tháng Chín năm ngoái đã nhất trí thông qua nghị quyết dưới đây: Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế được giao nhiệm vụ đặc biệt - thành lập các công đoàn quốc tế. Để làm việc này, Tổng Hội đồng trong vòng một tháng, kể từ sau đại hội này, phải soạn ra, dịch và công bố bằng tất cả mọi ngôn ngữ một bức thư và gửi đến tất cả các hội công nhân có thể xác định được địa chỉ, bất kể những hội này đã gia nhập hay chưa gia nhập Quốc tế. Trong thư này, Tổng Hội đồng phải đề nghị các hội công nhân khác nhau thành lập liên minh quốc tế của ngành nghề mình, và nói rõ những điều kiện để bản thân họ đồng ý gia nhập một liên minh như thế. Tổng Hội đồng sẽ tập hợp những điều kiện đó khi nào những điều kiện ấy được nêu và sẽ soạn ra một dự án chung, bản dự án ấy sẽ được đưa ra cho tất cả những hội muốn gia nhập các công đoàn quốc tế. Đại hội tới đây của Hội liên hiệp công nhân quốc tế, được ấn định họp vào tháng Chín 1873, sẽ phê chuẩn những điều kiện được phê duyệt cuối cùng để thành lập các công đoàn quốc tế.

Trên cơ sở bản nghị quyết này, Tổng Hội đồng của Hội liên hiệp công nhân quốc tế đã đề xuất dự án về công đoàn quốc tế, bản trình bày tóm tắt dự án ấy nay được Hội đồng liên chi hội Anh đưa ra để các đồng chí xem xét, và đề nghị các đồng chí thông báo càng sớm càng tốt ý kiến của mình về dự án đó. Tất nhiên, bản dự án này chỉ có nhiệm vụ đóng vai trò điểm xuất phát và không có bất cứ tính chất bắt buộc hoặc cưỡng bức nào; ngược lại, bản thân các công đoàn được dành khả năng hoàn toàn được soạn ra bản điều lệ của mình.

TRÌNH BÀY TÓM TẮT DỰ ÁN

1. Tất cả các công đoàn thuộc cùng một ngành nghề ở mỗi nước, cùng nhau bầu ra cơ quan chấp hành trung ương cho ngành nghề đó ở nước sở tại.

2. Các cơ quan trung ương của các ngành nghề khác nhau, tại các nước khác nhau, bầu ra tổng hội đồng cho tất cả các ngành nghề và tất cả các nước.

3. Nhiệm vụ của tổng hội đồng - dựa vào những ý kiến tham vấn và sự giúp đỡ của các cơ quan trung ương - là ngăn ngừa việc xuất khẩu hoặc nhập khẩu lực lượng lao động từ một nước (hoặc khu vực) này sang nước (hoặc khu vực) khác mỗi khi lợi ích của giai cấp công nhân đòi hỏi làm như vậy.

4. Trong trường hợp cần thiết, toàn bộ sức mạnh của tổ chức phải được huy động vào việc giải quyết cuộc xung đột nảy sinh trong một ngành nghề, hoặc ở một nước nào đó.

Hội liên hiệp công nhân quốc tế - nó không phải là gì khác hơn là tổ chức liên kết công nhân tất cả các nước đã đoàn kết

lại để giải phóng giai cấp mình về mặt kinh tế, và được cổ vũ bởi tình cảm anh em chân thành nhất - đề ra bản dự án này để tất cả các hội viên công đoàn và công nhân đã gia nhập Hội liên hiệp công nhân quốc tế theo thể thức cá nhân hoặc tập thể, cũng như chưa đứng trong hàng ngũ của Hội, xem xét. Đối với những ai đã là đoàn viên công đoàn thì không cần phải giải thích cho họ về ý nghĩa của những hành động chung. Kinh nghiệm của bản thân họ sẽ nhắc cho họ nhớ rằng, mỗi thắng lợi mà họ giành được trong cuộc đấu tranh của họ chống lại giới chủ đều đạt được nhờ những hành động chung, còn mỗi thất bại đều xảy ra do những sự bất đồng và chia rẽ. Dự án về công đoàn quốc tế chỉ là sự tiếp tục triển khai nguyên tắc đã được thừa nhận, chỉ là sự thực hiện ý tưởng được dùng làm cơ sở cho hoạt động của vô số các hội địa phương và toàn quốc hiện đang tồn tại.

Cho đến nay, các chức năng của công đoàn quốc tế do Hội liên hiệp công nhân quốc tế đảm nhiệm, nhưng có thể dễ dàng hiểu được rằng những nhiệm vụ đặc thù ấy có thể do một tổ chức thuần túy công nhân - được dành chuyên cho mục đích này - đảm nhiệm một cách dễ dàng hơn nhiều, và có hiệu quả hơn nhiều. Đại hội lần thứ nhất của Hội liên hiệp công nhân quốc tế, được triệu tập năm 1866 ở Giơ-ne-vơ, cũng đã thông qua những nghị quyết sau đây: 1. Thành lập trên toàn thế giới các công đoàn giống như những công đoàn hiện đang tồn tại ở nước Anh. 2. Tổ chức việc khảo sát thống kê về điều kiện sống của công nhân tại tất cả các nước, để cho các số liệu thống kê ấy phải do chính công nhân thu thập. 3. Đề nghị ngày làm việc tối đa là 8 giờ lao động; vì yêu sách đòi ngày làm việc 8 giờ hiện nay do công nhân ở Mỹ đưa ra, nên đại hội thấy cần ghi yêu sách này trên lá cờ của giai cấp công nhân tất cả các nước.

Tất cả các đại hội tiếp theo đã khẳng định những nghị quyết này. Đại hội Bruy-xen năm 1868 đã thông qua nghị quyết về việc thành lập các công đoàn và lập ra quỹ bãi công chung. Hội nghị Luân Đôn năm 1871 đã thông qua nghị quyết sau đây về công nhân nông nghiệp:

"1. Hội nghị đề nghị Tổng Hội đồng, cũng như các hội đồng liên chi hội hoặc các ban chấp hành liên chi hội, chuẩn bị để trình lên đại hội thường kỳ các báo cáo về những biện pháp bảo đảm cho công nhân nông nghiệp gia nhập phong trào của giai cấp vô sản công nghiệp.

2. Đồng thời đề nghị các hội đồng liên chi hội hoặc các ban chấp hành liên chi hội phái đến các vùng nông thôn các cán bộ tuyên truyền nhằm mục đích tổ chức các hội nghị quần chúng, tuyên truyền các nguyên tắc của Quốc tế và lập ra các chi hội nông thôn".

Sau cùng, Đại hội La Hay ra một nghị quyết hoàn tất vấn đề này và cung cấp cho công nhân thứ vũ khí mà nhờ nó có thể điều khiển được thế giới.

Mặc dù không đi vào những chi tiết của rất nhiều cuộc bãi công, trong đó Hội liên hiệp công nhân quốc tế đã đóng vai trò trung gian một cách thắng lợi, chúng tôi sẽ chỉ nhắc tới hai - ba sự việc tiêu biểu. Tháng Mười 1866, Tổng Hội đồng đã gửi một bức điện tín đến nước Pháp, nhờ vậy đã ngăn cản được việc chuyển một số lượng lớn các công nhân mạ kẽm sửa soạn đi Luân Đôn, để thay thế các công nhân Anh bãi công. Tháng Ba 1867, trong thời gian diễn ra cuộc bãi công của các tài xế xe lửa và thợ đốt lò ở các đầu máy, khi các công ty đường sắt tuyên bố rằng các công nhân từ Pháp và từ Bỉ đang được chuyển đến các tuyến đường sắt, thì Tổng Hội đồng đã đứng ra thu xếp để tất cả các

báo trên lục địa của Hội liên hiệp công nhân quốc tế đưa tin về cuộc bãi công, và Tổng Hội đồng đã kêu gọi các thông tín viên của mình thi hành mọi biện pháp có thể có để đình chỉ việc chuyển những công nhân đã được thuê đến nơi có bãi công. Tổng Hội đồng đã làm việc này, theo sáng kiến của chính mình, mà không chờ có lời kêu gọi của các tài xế và thợ đốt lò - những người mà cho đến nay, chúng tôi cảm thấy vẫn chưa hay biết gì về những sự việc ấy. Tuy nhiên, trong thời gian diễn ra vụ xử án các thành viên của Quốc tế ở Pa-ri, viên chưởng lý đã nêu ra những sự việc này để buộc tội Hội liên hiệp công nhân quốc tế.

Cách đây mấy năm, khi công nhân đúc Mỹ bãi công thì tuy là chi hội của Hội công nhân đúc Anh, song họ vẫn thấy cần nhờ đến Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế để ngăn chặn việc nhập khẩu công nhân Anh vào nước họ. Trong thời gian cuộc bãi công vừa rồi của thợ mộc và thợ mộc tinh, ban chấp hành của họ đã kêu gọi Hội liên hiệp công nhân quốc tế giúp đỡ, sau đó Tổng Hội đồng đã đề nghị tất cả các bí thư thông tấn thông báo cho các công đoàn ở lục địa biết về cuộc bãi công đó để ngăn chặn việc chuyển công nhân đến nước Anh. Hơn nữa, Tổng Hội đồng đặc biệt trao nhiệm vụ cho một ủy viên của mình theo dõi diễn biến của cuộc bãi công để kịp thời nhắc nhở công nhân trên lục địa đề phòng. Vừa mới đây thôi, Hội đồng liên chi hội Anh, theo yêu cầu của Hội thợ đóng sách ở Luân Đôn, đã ngăn cản được mưu toan của một hãng ở Luân Đôn toan nhập khẩu công nhân ngoại quốc để thu nạp họ vào làm việc với tiền công hạ hơn so với mức tiền công mà công nhân ở đây chấp nhận. Những người xuất bản tờ báo Pháp đăng thông báo của Hội đồng liên chi hội Anh đã bị tòa án của nước cộng hòa tự do chủ nghĩa của ngài Chi-e phạt tiền và bỏ tù.

Không cần phải liệt kê tất cả những cuộc bãi công trên lục địa mà lẽ ra các cuộc bãi công ấy đã đòi thực hiện được những yêu sách đề ra, nếu như không có sự can thiệp của các chính phủ. Chúng tôi chỉ đề cập đến những sự việc đã xảy ra trong thời gian diễn ra cuộc bãi công gần đây của công nhân mỏ ở miền bắc nước Pháp. Cuộc bãi công ấy đã tiếp diễn được mấy tuần lễ, thì người ta được biết các hội công liên Anh đã quyết định gửi tiền đến hỗ trợ cho các công nhân bãi công. Được biết về việc này, ngài Chi-e (ông ta là cổ đông của công ty ấy) đã phái quân đội đến nơi xảy ra bãi công, kiên quyết ra lệnh cho quân đội phải lùa công nhân vào mỏ tiếp tục làm việc và bắn bỏ những ai chống lại. Mệnh lệnh này được thực hiện nghiêm chỉnh, khiến cho các báo tư sản vô cùng hoan hỉ, họ lại tuyên bố ngài Chi-e là vị cứu tinh.

Khiếp sợ trước sức mạnh của Hội liên hiệp công nhân quốc tế, bọn kẻ thù của giai cấp công nhân đã ngấm ngầm tìm cách gây tổn thương cho Hội liên hiệp công nhân quốc tế trong con mắt của các hội công liên, mô tả Hội này như là một tổ chức thuần túy chính trị không quan tâm đến lợi ích nghề nghiệp của họ. Một số sự việc dẫn ra trên đây là câu trả lời của chúng tôi đối với lời buộc tội có tính chất vu cáo ấy.

Hội nghị Luân Đôn (1871) và Đại hội La Hay (1872) đã phê chuẩn nghị quyết dưới đây về hành động chính trị của giai cấp công nhân:

IX. VỀ HÀNH ĐỘNG CHÍNH TRỊ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

"Xét thấy

rằng trong phần mở đầu của Điều lệ có nói: "Sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân về mặt kinh tế là mục tiêu vĩ đại mà mọi phong trào chính trị phải *là phương tiện* phục vụ mục tiêu ấy";

rằng Tuyên ngôn thành lập Hội liên hiệp công nhân quốc tế (1864) có nói: "Bọn trùm ruộng đất và bọn trùm tư bản sẽ luôn luôn sử dụng các đặc quyền chính trị của chúng để bảo vệ và duy trì vĩnh viễn những độc quyền kinh tế của chúng. Bọn chúng chẳng những sẽ không hỗ trợ công cuộc giải phóng lao động, mà ngược lại, sẽ tiếp tục dựng lên đủ mọi trở ngại trên con đường của giai cấp công nhân... Do đó, việc giành lấy chính quyền là nghĩa vụ vĩ đại của giai cấp công nhân";

rằng Đại hội Lô-đan (1867) đã thông qua nghị quyết sau đây: "Công cuộc giải phóng công nhân về mặt xã hội gắn chặt với công cuộc giải phóng nó về mặt chính trị";

rằng trong tuyên bố của Tổng Hội đồng về cái gọi là âm mưu của các thành viên Pháp của Quốc tế ngay trước khi diễn ra cuộc trưng cầu ý dân (1870) có nói: "Xét theo ý nghĩa của bản Điều lệ của chúng ta thì nhiệm vụ đặc biệt của tất cả các chi hội của chúng ta ở nước Anh, trên lục địa châu Âu và ở Mỹ hiển nhiên không chỉ là các trung tâm tổ chức của cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân, mà còn là hậu thuẫn, ở những nước tương ứng, cho mọi phong trào chính trị giúp vào việc đạt đến mục tiêu cuối cùng của chúng ta - giải phóng giai cấp công nhân về phương diện kinh tế";

rằng những bản dịch bị xuyên tạc của bản Điều lệ ban đầu đã tạo cái cớ cho những cách lý giải sai lệch, làm tổn hại cho sự phát triển và cho hoạt động của Hội liên hiệp công nhân quốc tế;

đứng trước thế lực phản động đang hoành hành trong việc đàn áp tàn bạo mọi mưu toan giải phóng của công nhân và đang tìm cách dùng bạo lực thô bạo để duy trì những sự khác biệt giai cấp và duy trì sự thống trị chính trị - do những sự khác biệt ấy đẻ ra - của các giai cấp hữu sản;

xét thấy

rằng giai cấp công nhân chỉ có thể hành động như một giai cấp chống lại quyền lực liên hợp của các giai cấp hữu sản, nếu nó tự tổ chức thành một đảng chính trị riêng biệt, đối chọi với tất cả các đảng cũ do các giai cấp hữu sản lập ra;

rằng việc tổ chức như thế giai cấp công nhân thành chính đảng là cần thiết để bảo đảm thắng lợi cho cuộc cách mạng xã hội và đạt đến mục tiêu cuối cùng của cuộc cách mạng ấy - thủ tiêu các giai cấp;

rằng sự hợp nhất sức mạnh mà giai cấp công nhân đã đạt được nhờ cuộc đấu tranh kinh tế cũng phải làm đòn xeo cho giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh của nó chống quyền lực chính trị của bọn đại địa chủ và bọn tư bản, -

nay hội nghị lưu ý các thành viên của Quốc tế

rằng trong cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân, phong trào kinh tế và hành động chính trị của nó gắn liền với nhau"[1*].

Về bản nghị quyết này thì - theo ý kiến chúng tôi - nghĩa vụ của Hội liên hiệp là phải nhắc nhở giai cấp công nhân nhớ rằng

1* C. *Mác* và *Ph. Ăng-ghen*. Các nghị quyết của hội nghị đại biểu Hội liên hiệp công nhân quốc tế họp ở Luân Đôn từ ngày 17 đến ngày 23 tháng Chín 1871

đối với nó, đã đến lúc cần tách khỏi giai cấp tư sản và đề ra đường lối hành động chính trị của riêng mình; chỉ có như vậy giai cấp công nhân mới không còn là công cụ của bọn gian hùng tư sản háo danh, bất kể chúng tự gọi mình là phái ly khai, phái phân lập chủ nghĩa, phái tự trị chủ nghĩa hoặc bằng cái tên nào khác nữa. Chúng ta hãy để mặc tất cả bọn đó cho sự bảo trợ với tình cha chú của các chính phủ đã đòi nước Anh - tuy nhiên, thật uổng công - cấm Tổng hội đồng và chính ngay Hội liên hiệp công nhân quốc tế. Những con người nhỏ nhen ấy không thể ngăn cản bước tiến của giai cấp công nhân đến mục đích của mình.

Nhưng khi tuyên bố về sự cần thiết của hoạt động chính trị của giai cấp công nhân, Hội liên hiệp công nhân quốc tế chỉ coi hoạt động ấy như là phương tiện đạt đến mục tiêu, mà mục tiêu ấy là sự giải phóng giai cấp công nhân về mặt xã hội và về mặt kinh tế, nói vắn tắt là sự thủ tiêu các giai cấp.

Càng gần đến ngày hoàn toàn giải phóng giai cấp công nhân khỏi sự nô dịch về kinh tế của giai cấp ăn không ngồi rồi, đối với nó thì càng thấy rõ ý nghĩa hàng đầu của sự liên hợp.

Cho đến nay, chỉ có tình trạng không có những mối liên kết anh em giữa công nhân các nước, đã kìm hãm sự giải phóng ấy.

Tất cả mọi nỗ lực của các nhà hoạt động nhà nước đều nhằm duy trì tình trạng đó, nhằm duy trì sự xa lánh hơn nữa giữa công nhân các nước khác nhau. Để làm việc này, người ta tung ra những từ ngữ "dân tộc" và "chủng tộc", để làm việc này, người ta viết lịch sử. Để làm việc này, những kẻ mạnh trên thế giới này - do không có những phương cách tốt hơn - quyến rũ các dân tộc dốt nát và bị lừa bịp bằng các khẩu hiệu dân tộc chủ nghĩa dối trá, xúi bẩy họ chống lại nhau và xô đẩy họ vào các cuộc chiến tranh đẫm máu. Nhưng trò chơi ấy hầu như đã thất bại.

Giờ tận số của bọn thống trị sắp điểm, thời vận của nhân dân đang đến gần. Công nhân toàn thế giới - mà toàn bộ tòa lâu đài của xã hội đương đại thối nát đã dựa trên sự dốt nát và sự ghẻ lạnh với nhau của họ - đang bừng tỉnh để hiểu rõ sức mạnh tập thể của mình, mà sự biểu thị đầu tiên của nó sẽ biến tòa nhà đã ọp ẹp ấy thành đống tro tàn.

Hội đồng liên chi hội Anh:

Man-tơ-man Ba-ri
Gioóc-giơ Ben-nét
A.Côm-bô
An-phrết Đây-xơ
Ó-gien Đuy-pông
Gi. Gioóc-giơ
Phri-đrích Le-xnơ
Gioóc-giơ Min-nơ
Sác-lơ Mơ-rây
U.Ha-ri-xơn Rai-li
Ô-guy-xtơ Xéc-rai-ơ
U. Tau-xen
Xa-muy-en Vi-kê-ri
Gi.U. Uy-le-rơ

Ê-clếch-tích-hô-lơ, Đen-mác-cơ-xtơ-rít, Xô-hô, 8 tháng Năm.

Được viết với sự tham gia của Ph.Ăng-ghen cuối tháng Tư - đầu tháng Năm 1873
Đã đăng trong phụ trương của báo "The International Herald" số 60, ngày 24 tháng Năm 1873

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

CHÚ THÍCH
CÁC BẢN CHỈ DẪN

CHÚ THÍCH

1 Loạt bài của Ph.Ăng-ghen "Những bức thư từ nước Pháp" (cũng như các bài "Những bức thư từ nước Đức", xem tập này, tr.11-42, 45-59) được viết cho tạp chí "Democratic Review" của phái Hiến chương, do Gi.Gi. Hác-ni xuất bản ở Luân Đôn trong những năm 1849-1850. Chủ bút tạp chí là Hác-ni và Ăng-ghen đã cố gắng làm cho những bài ấy mang tính chất những bài tin được gửi trực tiếp từ Pa-ri tới, điều này đặc biệt thấy rõ ở bài thứ sáu (xem chú thích 31). Việc phân tích những bài này cho thấy rằng chúng dựa trên tài liệu không chỉ của báo chí Pháp mà cả của báo chí Anh, cũng như dựa trên những nguồn thông tin khác nữa (những thư riêng gửi từ Pa-ri tới địa chỉ của Ăng-ghen, những điều tai nghe mắt thấy của thành viên Liên đoàn những người cộng sản Phéc-đi-năng Vôn-phơ - người bị trục xuất khỏi Pa-ri, tới Luân Đôn vào tháng Chạp 1849). Bức thư thứ tư của loạt bài này - "Cuộc bầu cử.- Thắng lợi vẻ vang của phái đỏ.- Ảnh hưởng vượt trội của giai cấp vô sản. - Tâm trạng buồn nản trong đảng trật tự.- Các kế hoạch khủng bố và khiêu khích mới đối với cách mạng" - được Ăng-ghen viết đồng thời với lúc Mác viết chương thứ ba tác phẩm "Đấu tranh giai cấp ở Pháp" (tháng Ba 1850), lúc đó chương này đã được đăng trên báo "Neue Rheinische Zeitung. Politisch-ökonomische Revue" với nhan đề chung "Từ 1848 đến 1849". Các bài của Ăng-ghen chứa đựng sự phân tích sâu sắc hoàn cảnh chính trị ở Pháp. Ngoài chương thứ ba nói trên của tác phẩm "Đấu tranh giai cấp" ra, những sự thực được dẫn ra trong "Những bức thư từ nước

Pháp" và những lời đánh giá các sự kiện thường được lặp lại trong "Bài thứ ba điểm tình hình quốc tế", cũng như sau này trong tác phẩm "Ngày mười tám tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ" (xem Toàn tập, t.7, 1993, tr.91-132, 621-634; t.8, 1993, tr.141-277). Sự trùng khớp của nhiều ý và của bản thân cách phân tích các sự kiện ở Pháp chứng tỏ không thể nghi ngờ gì về việc "Những bức thư từ nước Pháp" phản ánh quan điểm chung của Mác và Ăng-ghen.

Khi công bố những bài điểm những số mới của tạp chí "Democratic Review", lần nào tuần báo "The Northern Star" của phái Hiến chương cũng nêu ý nghĩa đặc biệt của "Những bức thư từ nước Pháp" và "Những bức thư từ nước Đức". Thí dụ, trong bài điểm số ra tháng Chạp ("The Northern Star", 5.I. 1850) có nói rằng" "Những bức thư từ nước Pháp và nước Đức" là bộ phận mới và có giá trị của tạp chí này; chúng sẽ góp phần đẩy sự nghiệp vẻ vang của tình anh em giữa các dân tộc tiến lên".

"Những bức thư từ nước Pháp" và "Những bức thư từ nước Đức" được công bố trong tập 44 theo trình tự y như trong tạp chí "Democratic Review", tuy bức thư thứ nhất từ Đức đề ngày 18 tháng Chạp, còn bức thư thứ nhất từ Pháp đề ngày 20 tháng Chạp 1849. "Những bức thư từ nước Pháp" được công bố bằng tiếng Nga lần đầu tiên trong tạp chí "Những vấn đề lịch sử Đảng cộng sản Liên Xô", 1976, số 8-9. - *11*.

2 Thông tin này có lẽ Ăng-ghen lấy từ tin điện công bố trên báo "Times", ngày 19 tháng Chạp 1849; dự luật được đưa ra Quốc hội ngày 18 tháng Chạp 1849. - *11*.

3 Quyết định bãi bỏ thuế rượu vang từ ngày 1 tháng Giêng 1850, được Quốc hội lập hiến thông qua ngày 19 tháng Năm 1849. - *12*.

4 *Droit d'octroi* (Thuế nhập thị) - thuế đánh vào vật phẩm thông dụng nhập vào thành phố. - *13*.

5 Nguyên cớ trực tiếp dẫn tới cuộc cách mạng tháng Hai là việc cấm bữa tiệc thường kỳ và cuộc biểu tình chống chính phủ dự định tổ chức ở Pa-ri ngày 22 tháng Hai 1848. - *16*.

6 Trong Chính phủ lâm thời (ngày 24 tháng Hai- ngày 4 tháng Năm 1848), giữ cương vị bộ trưởng tài chính là các đại biểu của đảng cộng hòa tư sản ôn hòa: chủ ngân hàng Mi-sen Gút-sô, từ chức ngày 5 tháng Ba, và người thay ông ta là Lu-i Ăng-toan Gác-ni-ê-Pa-giét. - *16*.

7 Dây muốn nói đến cái gọi là đảng trật tự được thành lập năm 1848, sau khi cuộc khởi nghĩa tháng Sáu của giai cấp vô sản Pa-ri thất bại, đây là khối liên hợp của những phái quân chủ đua tranh với nhau - phái chính thống và phái Óc-lê-ăng, do Chi-e, Pha-lu,

Mông-ta-lăm-be v.v. đứng đầu - về điều này xem tác phẩm "Đấu tranh giai cấp ở Pháp" của C.Mác (Toàn tập, t. 7, 1993, tr. 81-84). - *16.*

8 Trong cuộc bầu cử tổng thống ở Pháp ngày 10 tháng Chạp 1848, 5 343 nghìn người - 3/4 tổng số người tham gia bầu cử - bỏ phiếu cho ứng cử viên Lu-i Na-pô-lê-ông. - *16.*

9 Từ tháng Chạp 1848, cung điện Ê-li-dê được dùng làm dinh tổng thống Cộng hòa Pháp Lu-i Na-pô-lê-ông Bô-na-pác-tơ. - *17.*

10 Về bài này trong loạt bài "Những bức thư từ nước Pháp", cũng như bài thứ hai "Những bức thư từ nước Đức" (xem tập này, tr.45-59), báo "The Northern Star" (ngày 2 tháng Hai 1850) viết: " "Những bức thư từ nước Pháp và nước Đức" chắc chắn là quan trọng nhất trong số những tài liệu của số tạp chí "Democratic Review" này. Những lời vạch trần ý định của những kẻ độc tài châu Âu và những bằng cứ dẫn ra để chứng minh sự phát triển của tinh thần cách mạng ở Pháp và ở Đức làm cho những bức thư ấy có giá trị đặc biệt. Bức thư gửi từ Pháp có một nhược điểm là nó tương đối ngắn". - *17.*

11 Nói về sự thay đổi tâm trạng của nông dân Pháp trong 12-15 tháng gần đây, Ăng-ghen so sánh hoàn cảnh ở Pháp mùa đông năm 1850 với những ấn tượng về sự thù địch của nông dân Pháp đối với những hoạt động cách mạng của giai cấp vô sản thành thị, mà ông cảm nhận qua chuyến du lịch Pháp vào tháng Mười - tháng Mười một 1848 (xem Toàn tập, t.5, 1993, tr. 594-597.). - *17.*

12 *Phri-hôn-đơ (Những người tự do chiếm hữu ruộng đất)*- một trong những hạng người chiếm hữu ruộng đất nhỏ ở Anh, bắt nguồn từ "những người tự do giữ ruộng đất" thời trung cổ; những người tự do chiếm hữu ruộng đất trả cho địa chủ khoản địa tô bằng tiền cố định không đáng kể và có quyền tự do chi phối những khoảnh đất của mình. Ở đây, cũng như trong nhiều trường hợp khác, khi miêu tả các hiện tượng của thực tại Pháp và Đức, Ăng-ghen cố gắng dùng những khái niệm quen thuộc đối với công nhân Anh. - *17.*

13 Ngày 16 tháng Ba 1848, Chính phủ lâm thời ra sắc lệnh ban hành khoản phụ thu 45 xăng-tim tính trên mỗi phrăng của bốn thuế trực thu đánh vào những người sở hữu ruộng đất (thuế ruộng đất, thuế bất động sản, thuế cửa sổ và cửa ra vào, thuế môn bài); gánh nặng thuế mới chủ yếu nằm trên vai các tiểu nông. - *18, 81.*

14 Ngày 13 tháng Chạp 1849, để cách chức những giáo viên có tinh thần dân chủ, ngay trước khi ban hành đạo luật mới về giáo dục (xem chú thích 16), bộ trưởng giáo dục Pa-ri-ê đưa ra Quốc hội lập pháp một đạo luật tạm thời, theo đó các giáo viên phải

phục tùng quyền lực của các viên quận trưởng cảnh sát. Đạo luật đã được thông qua ngày 11 tháng Giêng 1850. - *19.*

15 Những tư liệu này có lẽ Ăng-ghen lấy từ bài đăng trên báo "Times" ra ngày 21 tháng Giêng 1850, trong đó cho biết rằng Ê-chiên Ê-đu-ác Pha-văng, người thuộc phái cộng hòa từng theo phái Núi, trong cuộc bầu cử ở quận Ha-rơ, diễn ra sau cái chết của nghị sĩ theo phái chính thống Giăng Ba-ti-xtơ đờ Bông, đã thu được 21 668 phiếu, phần tử bảo thủ E. Gre-lơ thu được 12 745 phiếu, còn người thuộc phái chính thống Luốc-đu-ê thì thu được 9 249 phiếu. - *19.*

16 Dây muốn nói đến đạo luật về cải cách nền giáo dục quốc dân (cái gọi là đạo luật Pha-lu) mà dự thảo của nó được bộ trưởng giáo dục quốc dân Pha-lu đưa ra ngày 18 tháng Sáu 1849. Đạo luật này được Quốc hội lập pháp thông qua ngày 15 tháng Ba 1850, đã dành cho giáo hội Thiên Chúa giáo và các tổ chức tôn giáo địa vị thống trị trong ngành giáo dục quốc dân. - *19.*

17 Thông báo về việc đạo luật về trục xuất những người khởi nghĩa tháng Sáu sang An-giê-ri sẽ được xem xét tại Quốc hội lập pháp ngày 21 tháng Giêng 1850, được công bố trên tạp chí "Le Moniteur Universel" số 20, ngày 20.I.1850. - *20*

18 Ngày 2 tháng Ba 1850, báo "The Northern Star", khi điểm qua số tháng Ba của tạp chí "Democratic Review", đã viết về bài này và bài thứ ba "Những bức thư từ nước Đức" (xem tập này, tr. 55-59) như sau: "Chúng tôi phải nói thêm rằng "Những bức thư từ nước Pháp và nước Đức" chứa đựng những lời quan trọng vạch trần ý định của Liên minh thần thánh và công cụ của nó - tổng thống Bô-na-pác-tơ. Chắc hẳn những bức thư ấy là bộ phận có giá trị nhất của tạp chí "Democratic Review", ai ai cũng phải đọc chúng - nói chung là những ai muốn biết sự thật về các dân tộc và các bạo chúa trên lục địa. "Những bức thư" được công bố trong số này cho thấy rằng những sự kiện vĩ đại không còn xa nữa". - *21.*

19 "*Cây tự do*" được trồng trên các đường phố Pa-ri sau khi cuộc cách mạng tháng Hai 1848 thắng lợi. Việc trồng những "cây tự do"- thường là cây sồi và hoặc cây dương - đã trở thành truyền thống ở Pháp ngay từ thời kỳ cách mạng tư sản cuối thế kỷ XVIII, và lúc bấy giờ được ghi nhận trong quyết định của Hội nghị quốc ước. Tháng Giêng 1850, lấy cớ trừ bỏ chướng ngại đối với sự đi lại trên đường phố, theo lệnh của cảnh sát trưởng Các-li-ê, người ta đã chặt hạ những "cây tự do". Bằng những hành động ấy, về thực chất các nhà đương cục tìm cách kích động để gây ra những làn sóng đấu tranh của nhân dân. Bức tranh mà Ăng-ghen nhắc đến được đăng trên họa báo "The Illustrated London

News" số 412, ngày 9.II.1850. - *22.*

20 Đây muốn nói đến ngày kỷ niệm cuộc cách mạng tháng Hai 1848. - *22.*

21 Ở Véc-xây, từ ngày 10 tháng Mười đến ngày 15 tháng Mười một 1849, đã diễn ra phiên tòa của Tòa án tối cao xử những người tham gia cuộc biểu tình phản đối việc vi phạm hiến pháp - phái quân đội Pháp đi đàn áp cuộc cách mạng ở Rô-ma - do các nghị sĩ thuộc phái Núi tổ chức. Ngày 13 tháng Sáu 1849, trong số 76 bị cáo có 29 người bị xử vắng mặt; qua phiên tòa, 11 người trắng án, 36 người bị kết án trục xuất. - *22.*

22 Những cuộc tranh luận này trong Quốc hội lập pháp Pháp ngày 16 tháng Hai 1850 được Ăng-ghen dẫn ra theo báo cáo công bố trên tờ "Le Moniteur universel" số 48, ngày 17.II.1850. - *24.*

23 Đoạn trong bài này từ những chữ: "Đó thật là một thành phần đáng ghi nhớ..." đến cuối đoạn, dưới nhan đề "Việc bầu Các-nô, Vi-đan và Đơ-phlốt" được dẫn ra trên tờ "The Northern Star" ngày 6.IV.1850 trong bài điểm số ra tháng Tư của tạp chí "Democratic Review". - *26.*

24 Câu này: "Hiện nay không thể nói đến Thụy Sĩ được" là một trong những bằng cứ chứng minh rằng cả hai loạt bài - "Những bức thư từ nước Đức" và "Những bức thư từ nước Pháp"- do một tác giả viết. Về việc Liên minh thần thánh có ý đồ bắt đầu cuộc hành quân chống cách mạng, Ăng-ghen đã viết ngày 18 tháng Hai 1850, trong bài thứ ba của loạt bài "Những bức thư từ nước Đức". Đặc biệt, bài ấy có câu như thế này: "Không nghi ngờ gì nữa, nếu như ở Pháp sẽ không xảy ra điều gì bất lợi thì tháng sau sẽ mở đầu chiến dịch "thần thánh" chống lại Thụy Sĩ và có thể là chống cả Thổ Nhĩ Kỳ nữa" (xem tập này, tr. 57). - *27.*

25 Cũng như ở trường hợp trước (xem chú thích 24), câu này của Ăng-ghen khẳng định cả "Những bức thư từ nước Pháp" lẫn "Những bức thư từ nước Đức" đều do ông viết. Ý nghĩ về việc cuộc cách mạng nhanh chóng đến gần đã được Ăng-ghen phát triển trong bức thư thứ ba gửi từ Pháp, còn những quan điểm về cuộc chiến tranh sắp tới, về ý đồ của Liên minh thần thánh định phát động cuộc chiến tranh ở châu Âu để bóp chết cách mạng thì được phát triển trong bức thư thứ ba trong số "Những bức thư từ nước Đức". Ngoài ra, cũng trong bức thư tháng Hai đó gửi từ Đức, Ăng-ghen xem xét vấn đề các chính phủ độc tài của Áo, Phổ và Nga toan tính vay tiền ở nước ngoài nhằm mục đích ấy. Đồng thời, ông viết rằng "nước Nga và nước Phổ đang kiếm tiền để tiến hành chiến tranh. Còn nước Áo thì phải đánh nhau để có được tiền!" (xem tập này, tr. 57). Còn ở đây, trong bài tháng Ba trong số "Những bức thư từ nước Pháp", trở lại ý của mình, ông đi đến kết luận rằng "Không

thể nuôi quân đội ở bên trong từng nước được nữa - hoặc phải giải tán quân đội, hoặc quân đội phải tự nuôi mình bằng tiền của đối phương". - *27.*

26 Quân đồn trú Pa-ri đã tham gia bầu cử trên cơ sở sắc lệnh của Chính phủ lâm thời ngày 4 tháng Ba 1848, theo đó tất cả những nam giới Pháp đạt 21 tuổi đều được hưởng quyền bầu cử. - *27.*

27 Có lẽ thông tin này Ăng-ghen nhận được không phải qua các báo: những dự án luật được kể ra trên báo "Le Moniteur Universel" ngày 20 và 21 tháng Ba, mà người ta đã đưa ra để thảo luận tại Quốc hội lập pháp trong những ngày ấy, chỉ trùng khớp một phần với những dự luật được Ăng-ghen nêu tên trong bài này. Giả định này cũng được đoạn đầu trong bài tiếp theo của Ăng-ghen xác nhận. - *27.*

28 Trong bài điểm qua số tạp chí "Democratic Review" này, đăng ngày 4 tháng Năm 1850 trên báo "The Northern Star", có nói rằng "trong tháng này, bài "Bức thư từ nước Pháp" đặc biệt hay". - *28.*

29 Việc thảo luận dự thảo đạo luật về việc trục xuất công nhân khỏi Pa-ri đã diễn ra tại các phiên họp của Quốc hội lập pháp ngày 4, 5, 18-22 tháng Tư 1850. - 30.

30 *Phần tử Xpác-tác tư sản* là tên mà Ăng-ghen dùng để gọi mỉa mai nhà buôn Pa-ri A-lếch-xăng-đrơ Lơ-cléc, người được thường huân chương Bắc đẩu bội tinh về việc ông ta, với tư cách đội viên vệ binh quốc gia, đã cùng với những người con của mình tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa tháng Sáu 1848. - *31.*

31 Bức thư này có lẽ không phải do Ăng-ghen viết toàn bộ. Nó được công bố dưới dạng trích đoạn trong tạp chí "Democratic Review", số ra tháng Sáu, trong bài của Hác-ni "Sách lược và cương lĩnh của bọn phản cách mạng" với lời bình luận sau đây: "Chúng tôi đã bắt đầu lo rằng phóng viên của chúng tôi ở Pa-ri bị bắt; so với thời hạn thông thường, chúng tôi nhận được bức thư của ông ấy chậm mất mấy ngày. Nó chỉ đến khi tạp chí của chúng tôi đã đưa đi in. Và ở đây chúng tôi chỉ có thể đưa ra những đoạn trích ngắn". - *32.*

32 Ăng-ghen muốn nói đến kết quả của việc thảo luận sơ bộ, diễn ra ngày 22 tháng Năm 1850, đối với đạo luật về việc hủy bỏ quyền bầu cử phổ thông. Có 462 phiếu tán thành, 227 phiếu chống việc hủy bỏ quyền ấy. Về điều này xin xem tỉ mỉ trong tác phẩm "Đấu tranh giai cấp ở Pháp" và "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ" (Toàn tập, t. 7, 1993, tr. 138-140; t. 8, 1993, tr. 203-207). - *32.*

33 Ám chỉ thư của báo của phái cộng hòa tiểu tư sản "La République" gửi nhân dân ngày

17 tháng Năm 1850, kêu gọi giữ yên tĩnh bằng bất cứ giá nào ("La République", 18.V.1850), cũng như ám chỉ bài nói của Vích-to Huy-gô tại Quốc hội lập pháp ngày 21 tháng Năm 1850, khi thảo luận dự án thay đổi quyền bầu cử ("Le Moniteur Universel", 1er et 2ième supplément au N0- 142, 22.V.1850, p. 1762-1763). - *33.*

34 Dron-ke đã viết cho Ăng-ghen từ Pa-ri (21 tháng Hai và đầu tháng Năm 1850) về sự suy sụp uy tín của các đại biểu của chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản và của các nhà dân chủ cách mạng (An-be, Bác-be, Lu-i Blăng, Pru-đông v.v.) trong công nhân Pháp. - *35.*

35 Khi Quốc hội lập pháp thảo luận dự thảo đạo luật về khoản phụ cấp hàng năm vào lương của tổng thống, do bộ trưởng tài chính Phun-đơ trình Quốc hội ngày 4 tháng Sáu 1850, người ta đã cử ra một ủy ban đặc biệt gồm 15 người (Ba-vu, Crê-tôn, Sa-pô, Phoóc-tun v.v.), ngày 14 tháng Sáu ủy ban này đã bác dự thảo đó. - *36.*

36 Đây muốn nói đến toát yếu cuốn sách nhỏ của một người nào đó tên là Da-ni-en Boóc-mơ: Borme fils. Le Rideau est levé. Grande lanterne magique des pâtissiers politiques des 24 février, 15 mai et 24 juin 1848, dédiée aux paysans, aux ouvriers laborieux et aux honnêtes gens, par M. Borme fils, ex - accusé du 15 mai. [Paris], impr. de Mme de Lacombe [1850] in 4⁰, 2p. (Boóc-mơ con. Màn đã kéo lên. Đèn lồng thần xán lạn - đã chiếu sáng cảnh bận rộn chính trị ngày 24 tháng Hai, 15 tháng Năm và 24 tháng Sáu 1848 - do ông Boóc-mơ, nguyên là bị cáo trong vụ ngày 15 tháng Năm tặng nông dân, công nhân cần cù và những công dân trung thực. [Pa-ri], in ở nhà in của bà La-com-bơ [1850] khổ 4⁰, 2 trang). Trong bản toát yếu này có nói đến việc Boóc-mơ tham gia tổ chức những cuộc đấu tranh của phái bảo hoàng vào tháng Ba-tháng Năm 1848, cũng như tham gia phiên tòa diễn ra ở Buốc-giơ.

Phiên tòa ở Buốc-giơ diễn ra ngày 7 tháng Ba - 3 tháng Tư 1849, xử những công nhân Pa-ri tham gia các sự kiện ngày 15 tháng Năm 1848 (xem chú thích 81). Kết quả của vụ án là Bác-be bị kết án tù chung thân, Blăng-ki bị kết án biệt giam 10 năm, Xô-bri-ê, Ra-xpai, An-be và những người khác bị kết án tù giam với thời hạn khác nhau và bị đày ở thuộc địa. - *38.*

37 Đây muốn nói đến mưu toan của báo "Times" định sử dụng Boóc-mơ làm nhân chứng trong phiên tòa do cựu cảnh sát trưởng Pa-ri, nhà dân chủ tiểu tư sản Cô-xi-đi-e, khởi tố chống báo này (vào tháng Hai-tháng Sáu 1848), tờ báo bị buộc tội là vu khống cảnh sát Pa-ri do công bố những đoạn trích quyển sách của A. Chénu. Des Conspirateurs. Les sociétés secrètes; la préfecture de police sous Cossidière; les corps francs. Paris, 1850 (A. Sê-nuy. Những kẻ mưu phản. Những hội kín; sở cảnh sát thời Cô-xi-đi-e; đội

nghĩa dũng. Pa-ri, 1850). Ngày 11 tháng Sáu 1850, báo "La République" công bố bức thư của Boóc-mơ, trong đó ông ta phản đối mưu toan của báo "Times" sử dụng ông ta làm nhân chứng bào chữa trong phiên tòa này; bức thư của Boóc-mơ cũng được đăng lại trên báo "The Red Republican" ở Luân Đôn số 3, ngày 6.VII.1850 (vol.1). - *38*.

38 Thay vì tăng phí hoàng gia thêm 3 triệu phrăng mỗi năm, Quốc hội lập pháp đã trao cho Lu-i Na-pô-lê-ông cùng một lúc số tiền 2 160 nghìn phrăng (xem Toàn tập, t. 7, 1993, tr. 143). - *38*.

39 Ý nói quyết định do Quốc hội lập pháp thông qua ngày 16 tháng Bảy 1850, về việc nộp tiền ký quỹ về tờ báo và thực hiện thuế tem đối với các ấn phẩm định kỳ và ấn phẩm không định kỳ. - *38*.

40 Đây muốn nói đến bài "Affaiblissement graduel de l'Assembleé nationale" ("Sự suy yếu dần dần của Quốc hội") đăng trên tờ báo của phái Bô-na-pác-tơ "Le Pouvoir" ngày 15 tháng Bảy 1850. Báo này bị phạt tiền theo điều 15 của đạo luật ngày 25 tháng Ba 1822 về việc xúc phạm hai viện. - *41*.

41 Ăng-ghen đã cho đăng trong tạp chí "Democratic Review" cả thảy bốn bài dưới nhan đề "Những bức thư từ nước Đức" (xem chú thích 1); ba bài đầu có những chú dẫn tham khảo lẫn nhau, được công bố trong tập 44 dưới nhan đề chung "Những bức thư từ nước Đức"; bức thư thứ tư viết muộn hơn và không có những chỗ trực tiếp viện dẫn ba bài đầu, được đăng riêng ra theo đúng ngày tháng mà nó được ghi trong tạp chí "Democratic Review" (xem tập này, tr. 94 - 99). - *45*.

42 Thuật ngữ này được tạo ra phỏng theo những khái niệm thường gặp trong báo chí của phái Hiến chương ("profit mongers", "money mongers"); nó được Ăng-ghen dùng ở đây lần đầu tiên về mặt trình tự thời gian; trong "Những bức thư từ nước Pháp", ông sử dụng nó để biểu thị những người ủng hộ "đảng trật tự" (xem chú thích 7). - *45*.

43 Đây muốn nói đến Quốc hội Phrăng-phuốc, mà ngày 30 tháng Năm chuyển đến họp ở Stút-gát, còn ngày 18 tháng Sáu 1849 thì bị các nhà đương cục Vuyếc-tem-bec giải tán. - *46*.

44 *Interim* (thỏa ước tạm thời) - hiệp ước ký vào tháng Chín 1849, giữa Phổ và Áo, về việc cùng nhau chỉ đạo công việc của Đức đến khi giải quyết dứt khoát vấn đề hiến pháp Đức. Trên cơ sở hiệp ước này ủy ban liên minh Phổ - Áo đã được thành lập. - *46*.

45 Về điểm này của bài viết, ban biên tập tạp chí đã có chú thích như sau: "Ngay sau khi nhận được bức thư này, ở Anh người ta đã nhận được thông báo về sự khước từ của "Quan nhiếp chính" và về việc chuyển giao quyền lực của ông ấy(?) cho các phái viên

Áo và Phổ. Trò hề Phran-phuốc đã kết thúc như vậy. *Ban biên tập tạp chí "Democratic Review"*. Chắc là chú thích này do chính Ăng-ghen viết. - *46.*

46 Hội đồng nhiếp chính này được bầu ngày 7 tháng Sáu 1849, gồm năm người (Ra-vô, Phô-gtơ, Xi-môn, Suy-lơ, Bê-khơ); sau khi cách mạng thất bại, tất cả họ đều sang Thụy Sĩ sống lưu vong. - *46.*

47 *"Liên minh ba vua"* - hiệp định được ký kết ngày 26 tháng Năm 1849, ở Béc-lin, giữa Phổ, Dắc-den và Han-nô-vơ, nó là mưu toan của nền quân chủ Phổ nhằm giành bá chủ ở Đức. Hiệp định đó đề ra việc làm cho hiến pháp đế chế do Quốc hội Phran-phuốc đề xuất thích nghi với lợi ích của nền quân chủ. Thậm chí người ta đã bầu ra cái nghị viện họp ở Éc-phuốc ngày 20 tháng Ba 1850. Người ta gọi liên minh đó là "nhà nước liên bang" hạn chế, trước hết do sự hạn chế về quyền hạn của chính quyền trung ương. Ngay từ đầu, không chỉ Áo, mà cả một loạt quốc gia Đức khác (Ba-vi-e v.v.) không gia nhập Liên minh, vì thế sách báo hồi ấy đôi lúc gọi "Liên minh ba vua" là Đồng minh đặc biệt của Phổ (xem chú thích 65). Tháng Mười một 1850, dưới sức ép của Nga và Áo, Phổ đã buộc phải từ bỏ Liên minh ba vua ấy. - *46.*

48 Ám chỉ việc ngày 28 tháng Năm 1849, chính phủ Phổ kêu gọi chính phủ các quốc gia Đức gia nhập "Liên minh ba vua". Lời kêu gọi cùng với dự thảo hiến pháp đế chế mới được báo chí Đức công bố vào cuối tháng Năm - đầu tháng Sáu 1849. - *47.*

49 Các cơ quan quyền lực trung ương đủ loại ở Đức mưu toan thống nhất đất nước, nhưng bất lực; sự mỉa mai của Ăng-ghen đối với các mưu toan bất lực ấy xuyên suốt ngay cả trong việc in nghiêng một số chữ cái trong đầu đề. - *47.*

50 Ám chỉ Ni-cô-lai I lấy công chúa Sác-lốt (A-lếch-xan-đra Phê-đô-rốp-na), chị em gái của vua Phổ Phri-đrích Vin-hem IV. - *47.*

51 Ăng-ghen muốn nói đến việc vào tháng Chạp 1849, ở Béc-lin và Khuê-ni-xbéc, tòa án hội thẩm xử trắng án những người lãnh đạo cánh tả trong Quốc hội Phổ là B.Van-đếch-cơ và L.Gia-cô-bi, nhân việc họ không chịu rời bỏ Quốc hội Phran-phuốc theo yêu cầu của chính phủ Phổ nên bị buộc tội phản quốc. - *48.*

52 *Phái O-răng-giơ* - thành viên của tổ chức khủng bố phản động do địa chủ và giới tu hành đạo Tin lành thành lập ở Ai-rơ-len năm 1795, để chống phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân Ai-rơ-len. Hội đoàn của phái O-răng-giơ thường xuyên xúi bẩy những người theo đạo Tin lành chống những người Ai-rơ-len theo đạo Thiên Chúa. Hội đoàn lấy tên gọi ấy để tưởng nhớ Vin-hem III O-răng-giơ, kẻ đã từng đàn áp cuộc khởi

nghĩa ở Ai-rơ-len trong những năm 1688-1689. - *48.*

53 Từ năm 1615, việc tiến hành liên lạc bưu chính ở Đế quốc Đức, trừ Phổ và một số quốc gia khác, là quyền cha truyền con nối của các công tước Tuốc-nơ-un - Tắc-xít-xơ; sau cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII quyền này đã bị hủy bỏ ở một loạt miền. Năm 1815, giữa Tuốc-nơ-un - Tắc-xít-xơ và một số quốc gia, trước hết là ở Nam Đức, đã ký kết những hiệp định, theo đó đặc quyền vận chuyển bưu chính đã được trả lại cho dòng họ Tuốc-nơ-un - Tắc-xít-xơ hoặc phải trả thuế hàng năm, hoặc được coi là quyền phong cấp. Ở Vuyếc-tem-béc, việc quản lý bưu chính lại chuyển vào tay Tuốc-nơ-un - Tắc-xít-xơ vào năm 1819, với số tiền nộp mỗi năm là 70 nghìn gun-đen. Vào cuối năm 1849, Interim (xem chú thích 44) đã chấm dứt hiệp ước đã được soạn thảo về việc chuyển bưu điện cho chính phủ Vuyếc-tem-béc. Mãi vào năm 1851, bưu điện mới được chuyển vào tay chính phủ này với số tiền chuộc $1\frac{1}{2}$ triệu gun-đen. - *49.*

54 Dây muốn nói đến hiến pháp Áo ngày 4 tháng Ba 1849, và hiến pháp của một số vùng đất Đức thuộc Đế quốc Áo được thành lập trên cơ sở hiến pháp Áo. Những hiến pháp ấy đã không được thi hành. - *50.*

55 Đến nay người ta chưa biết sự kiện này trong tiểu sử của Ăng-ghen; song ý tưởng được phát biểu trong cuộc tranh luận này thì đã được Ăng-ghen phát triển vào năm 1846, trong bài "Vấn đề ngân hàng Phổ" (xem Toàn tập, t.4, 1995, tr.39-40). - *50.*

56 Ăng-ghen có ý nói đến bài diễn văn do Cốp-đen đọc ngày 18 tháng Giêng 1850, ở Luân Đôn - Ta-véc-nơ, Bi-sốp-xgai-tơ-xtơ-rít, tại cuộc mít-tinh được triệu tập, nhân có việc nước Nga xin vay 5500 nghìn pao xtéc-linh để xây dựng đường sắt giữa Pê-téc-bua và Mát-xcơ-va. Bài tường thuật về cuộc mít-tinh và bài diễn văn của Cốp-đen được công bố trên báo "Times" ngày 19 tháng Giêng 1850. - *51.*

57 Ngày 5 tháng Chạp 1848, đồng thời với việc giải tán Quốc hội Phổ bản hiến pháp vua ban đã được công bố. Theo hiến pháp ấy, Phổ đã thực hiện chế độ hai viện, viện thứ nhất nhờ tiêu chuẩn tuổi tác và tài sản đã biến thành "viện quý tộc" có đặc quyền; theo luật bầu cử ngày 5 tháng Chạp 1848, chỉ có những người gọi là người Phổ độc lập mới được phép tham gia cuộc bầu cử hai cấp vào viện thứ hai. - *51.*

58 Viện thứ hai bị Phri-đrích-Vin-hem IV giải tán vào tháng Tư 1849; ngày 30 tháng Năm luật bầu cử mới, đã được ban hành, luật này quy định chế độ bầu cử ba giai cấp, dựa trên tiêu chuẩn tài sản cao và quyền đại diện không ngang nhau của các tầng lớp dân cư. Mỗi giai cấp đưa ra số lượng đại biểu cử tri như nhau, không kể số cử tri như thế nào. Bằng cách đó, nhà vua đã đạt được việc bầu đa số ninh bợ vào viện dân biểu, viện

này họp ngày 7 tháng Tám 1849, đã thông qua hiến pháp mà chính phủ đề nghị. - *52.*

59 Dây muốn nói đến thông điệp của Phri-đrích Vin-hem IV ngày 7 tháng Giêng 1850, trong đó có những điểm sửa đổi của ông ta đối với hiến pháp ngày 7 tháng Tám 1849 (xem chú thích 58). Thông điệp được công bố trên báo "Neue Preußische Zeitung" số 9, ngày 11 tháng Giêng 1850. - *52.*

60 *Viện ngôi sao* (tiếng Anh - Court of Star Chamber) - cơ quan tư pháp cao nhất ở Anh trong những thế kỷ XV-XVII (gọi như vậy vì trần hội trường trong hoàng cung ở Oe-xtơ-min-xte được trang trí bằng những ngôi sao). - *52.*

61 Phiên tòa này diễn ra ở Khuên trong những ngày 17-19 tháng Giêng 1850. - *54.*

62 Hiến pháp mới của Phổ được thông qua ngày 31 tháng Giêng 1850; xem nhận xét về hiến pháp này trong tác phẩm của C.Mác và Ph. Ăng-ghen "Bài thứ nhất điểm tình hình quốc tế" (Toàn tập, t. 7, 1993, tr. 298-300, 311-314). Ở bên dưới Ăng-ghen nói mỉa bài diễn văn của Phri-đrích - Vin-hem IV nhân dịp thông qua hiến pháp này trước hai viện của Quốc hội Phổ, ngày 6, tháng Hai 1850. - *55, 100.*

63 Dây muốn nói đến bài diễn văn long trọng của vua Phri-đrích - Vin-hem IV tại buổi khai mạc Nghị viện liên hợp ở Phổ, ngày 11 tháng Tư 1847. - *56.*

64 Do cuộc cách mạng tư sản ngày 29 tháng Hai 1848, công quốc Nơ-sa-ten ở Thụy Sĩ - một công quốc vẫn còn lệ thuộc kiểu chư hầu vào Phổ (về lịch sử những mối quan hệ này xem chú thích 295) - đã được tuyên bố là nước cộng hòa. Về các sự kiện ở Nơ-sa-ten năm 1848 xem bài của Ăng-ghen "Một công quốc cũ" (Toàn tập, t.6, 1993, tr. 13-15). - *58.*

65 *Đồng minh đặc biệt* - liên minh riêng rẽ của bảy bang theo đạo Thiên Chúa và lạc hậu nhất về kinh tế của Thụy Sĩ, ký kết vào năm 1843 để chống những cải tạo tư sản tiến bộ ở Thụy Sĩ và bảo vệ các đặc quyền của giáo hội và giáo đoàn đạo Do Thái. Ngày 23 tháng Mười một 1847, quân đội của Đồng minh đặc biệt chống những bang còn lại với sự hậu thuẫn của Áo và Phổ, đã bị quân đội của chính phủ liên bang đập tan. - *58, 510.*

66 "Thông báo" này được C.Mác và Ph. Ăng-ghen viết nhân việc xuất bản số thứ nhất của tạp chí "Neue Rheinische Zeitung. Politisch-ökonomische Revue" bị chậm; đầu tháng Hai 1850 tài liệu cho nó mới được gửi đi Hăm-buốc. Số thứ nhất của tạp chí "Neue Rheinische Zeitung. Politisch-ökonomische Revue" đã chuẩn bị xong vào ngày 28 tháng Hai, và ra mắt ở Hăm-buốc ngày 8 tháng Ba, số thứ hai - ra khoảng ngày 25 tháng Ba 1850.- *62.*

67 Trong số thứ hai của tạp chí "Neue Rheinische Zeitung. Politisch-ökonomische Revue",

người ta đã công bố chương thứ hai của tác phẩm "Đấu tranh giai cấp ở Pháp" - "Ngày 13 tháng Sáu 1849"; chương thứ ba nêu trong "Thông báo" - "Ảnh hưởng của ngày 13 tháng Sáu đến lục địa", đã được đăng trong số thứ ba của tạp chí "Revue"; dưới đầu đề "Hậu quả của ngày 13 tháng Sáu 1849", ý định viết chương thứ tư và một phần chương thứ ba đã được Mác thực hiện trong những tài liệu khác của tạp chí, đặc biệt là trong những bài điểm tình hình thế giới mà ông viết cùng với Ăng-ghen. - *62.*

68 Chương thứ tư tác phẩm của Ph. Ăng-ghen "Chiến dịch vận động ở Đức ủng hộ bản hiến pháp đế chế", được công bố dưới nhan đề "Chết vì nước cộng hòa!", trong số thứ ba của tạp chí "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue", ra mắt khoảng ngày 11 tháng Tư 1850. - *62.*

69 Ý định này không được thực hiện.

Hội công nhân Đức ở Luân Đôn (Hội giáo dục công nhân Đức) - xem chú thích 94. - *62.*

70 Bài viết về tình hình tài chính của Phổ lẽ ra phải được nhà sử học và nhà chính luận Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản - từng tham gia cuộc cách mạng năm 1848-1849 - Gu-xtáp Béc-ghen-rốt viết theo đề nghị của Mác; để trả lời bức thư đề ngày 7 tháng Hai của Mác, ngày 10 tháng Hai 1850 Béc-ghen-rốt đã hứa sẽ làm việc này. Song sau đó Béc-ghen-rốt bị trục xuất khỏi Béc-lin, việc ấy đã cản trở thực hiện ý định đó, điều này Béc-ghen-rốt đã thông báo cho Ăng-ghen trong bức thư ngày 9 tháng Ba 1850. - *62.*

71 Ở cuối "Thông báo", ban biên tập đã đăng lời công bố sau đây: ""Neue Rheinische Zeitung" ra những số hàng tháng với khối lượng ít nhất là năm tờ. Giá đặt mua ba tháng là 25 din-béc-grô-sen, mỗi số riêng lẻ giá mười din-béc-grô-sen. Người phụ trách xuất bản: C.Sram". - *63.*

72 Tác phẩm của Ph.Ăng-ghen: "Hai năm của một cuộc cách mạng. Năm 1848 và năm 1849" là bản lược thuật chương thứ nhất tác phẩm của C.Mác "Đấu tranh giai cấp ở Pháp" (xem Toàn tập, t.7, 1993, tr. 18-49), chương này được công bố năm 1850 trong tạp chí "Neue Rheinische Zeitung. Politich-ökonomische Revue" (xem chú thích 1 và 67). Bài lược thuật công bố vào tháng Tư - tháng Sáu 1850, trong "Democratic Review", chứa đựng lời kể về việc xuất bản báo "Neue Rheinische Zeitung" và về số phận của các biên tập viên tờ báo, việc đánh giá tổng quát tác phẩm của Mác, cũng như những sự kiện mới và quan điểm của bản thân Ăng-ghen về các sự kiện ở Pháp. Trong bài lược thuật, Ăng-ghen dẫn ra những đoạn dài trích tác phẩm của Mác, đồng thời cố gắng làm cho chúng dễ hiểu hơn đối với độc giả Anh. Những cách viết khác nhau quan trọng nhất

giữa chính văn của Mác và bài lược thuật của Ăng-ghen được nêu trong các chú thích cuối trang. - *64.*

73 Mác đến Pa-ri sau khi báo "Neue Rheinische Zeitung" bị đóng cửa vào đầu tháng Sáu 1849, ông mang theo giấy ủy nhiệm của Ban chấp hành trung ương của những người dân chủ và đã lập tức bắt liên lạc với những người lãnh đạo phong trào dân chủ và phong trào xã hội chủ nghĩa Pháp, các tổ chức bí mật của công nhân. Ngoài Mác ra, ở Pa-ri còn có ba biên tập viên báo "Neue Rheinische Zeitung" - G.Vét-thơ, Ph.Vôn-phơ và E.Dron-ke - là những người đã tham gia các sự kiện ngày 13 tháng Sáu. -- *64.*

74 Đây muốn nói đến bản thân Ăng-ghen, người đã từng tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ với tư cách sĩ quan tùy tùng của Vi-lích, và đã tham gia bốn trận chiến đấu. Sau khi cuộc khởi nghĩa thất bại, đội quân của Vi-lich là đơn vị cuối cùng rời khỏi lãnh thổ Đức, cùng với đội quân ấy, Ăng-ghen vượt qua biên giới Thụy Sĩ ngày 12 tháng Bảy 1849. Chiến đấu trong hàng ngũ quân đội cách mạng còn có những thợ xếp chữ của báo "Neue Rheinische Zeitung" và nhiều thành viên của Liên đoàn những người cộng sản, kể cả I-ô-xíp Môn - người đã hy sinh trong chiến đấu. -- *65.*

75 Năm 1895, khi xuất bản tác phẩm "Đấu tranh giai cấp ở Pháp" thành sách riêng, Ăng-ghen đã viết chú thích sau đây về những sự kiện ấy: "Ngày 8 tháng Bảy 1847, Viện nguyên lão ở Pa-ri bắt đầu xử án Pác-măng-chi-ê và tướng Quy-bi-e-rơ về tội hối lộ các quan chức, nhằm mục đích xin được tô nhượng những mỏ muối, và xử án bộ trưởng Bộ các công trình công cộng hồi đó là Te-xtơ về tội ăn hối lộ. Trong khi xét xử, Te-xtơ đã toan tự tử. Tất cả đều bị phạt tiền nặng. Ngoài ra, Te-xtơ còn bị ba năm tù" (Toàn tập, t.7, 1993, tr. 112). - *67.*

76 *Cuộc khởi nghĩa ở Pa-ri ngày 5-6 tháng Sáu 1832* do cánh tả trong đảng cộng hòa, những hội cách mạng bí mật, trong đó có Hội những người bạn dân chuẩn bị. Những công nhân tham gia khởi nghĩa đã đắp một loạt chiến lũy và đã tự vệ rất anh dũng và kiên cường.

Cuộc khởi nghĩa của công nhân ở Li-ông tháng Tư 1834, được tiến hành dưới sự lãnh đạo của Hội nhân quyền và dân quyền bí mật theo khuynh hướng cộng hòa, là một trong những cuộc đấu tranh quy mô lớn đầu tiên của giai cấp vô sản Pháp. Cuộc khởi nghĩa được những người cộng hòa ở một loạt thành phố khác, đặc biệt là ở Pa-ri ủng hộ, đã bị đàn áp tàn khốc.

Cuộc khởi nghĩa ngày 12 tháng Năm 1839 ở Pa-ri - đóng vai trò chủ chốt trong đó là những công nhân cách mạng - do Hội bốn mùa bí mật theo khuynh hướng cộng hòa - xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Ô. Blăng-ki và A.Bác-be, chuẩn bị; cuộc khởi

nghĩa đã bị quân đội và đội vệ binh quốc gia đập tan. - *68.*

77 *Gioóc-giơ Hát-xơn* - có lẽ Ăng-ghen có ý nói đến Gie-phri Hát-xơn (1619-1682), một người Anh lùn, thị đồng của Hăng-ri-ét-ta Ma-ri-a, vợ của vua Anh Sác-lơ I - đại uy quân đội hoàng gia trong thời gian nội chiến. Ông được biết đến một cách rộng rãi nhờ cuốn tiểu thuyết "Pê-vê-rin Pích", trong đó Uôn-tơ Xcốt mô tả Gie-phri Hát-xơn dưới tên thật của ông ta.

Rô-bớc Ma-cơ - kiểu người kinh doanh tinh ma khôn khéo, do diễn viên nổi tiếng người Pháp Phrê-đê-rích Lơ-me-tơ-rơ tạo ra, và được lưu danh muôn thuở trong những bức biếm họa của Ô-nô-rê- Đô-mi-ê. Hình tượng Rô-bớc Ma-cơ là sự châm biếm sự thống trị của giới quý tộc tài chính trong thời kỳ chế độ quân chủ tháng Bảy. - *69.*

78 Vào tháng Hai 1846, cuộc khởi nghĩa trên các vùng đất Ba Lan đã được chuẩn bị nhằm giải phóng dân tộc Ba Lan. Song do sự phản bội của các phần tử quý tộc Ba Lan và việc cảnh sát Phổ bắt giam những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa, nên cuộc khởi nghĩa chỉ bùng nổ ở Cra-cốp mà thôi. Ngày 22 tháng Hai, nghĩa quân đã giành thắng lợi và thành lập chính phủ dân tộc, chính phủ này đã ra tuyên ngôn bãi bỏ các đảm phụ phong kiến. Cuộc khởi nghĩa đã bị dẹp tan vào đầu tháng Ba 1846, còn vào tháng Mười một thì Áo, Phổ và Nga ký hiệp ước sáp nhập Cra-cốp vào đế quốc Áo. Quyết định đó thực tế là sự vi phạm Hiệp ước Viên năm 1815, song cả Anh lẫn Pháp đều không chống lại nó.

Đồng minh đặc biệt - xem chú thích 65. Trong thời gian các sự kiện tháng Mười một 1847, Ghi-dô thực tế đứng trên lập trường của Áo và Phổ, hai nước này tìm cách can thiệp vào công việc của Thụy Sĩ và hậu thuẫn cho Đồng minh đặc biệt.

Ngày 12 tháng Giêng 1848, ở Pa-lec-mô (Xi-xin) đã nổ ra cuộc khởi nghĩa, làm tín hiệu bắt đầu cuộc cách mạng trên toàn I-ta-li-a. —*70.*

79 Ở Buy-dan-xe (quận En-đrơ) mùa xuân năm 1847, những công nhân đói, những cư dân của các làng lân cận đã tấn công các kho lương thực của những kẻ đầu cơ, dẫn tới cuộc xung đột đổ máu giữa dân cư và quân đội. Ngày 16 tháng Tư 1847, bốn người tham gia các sự kiện đã bị hành quyết, nhiều người khác bị kết án khổ sai. —*70.*

80 Có thể khi viết bài lược thuật, Ăng-ghen đã sử dụng bản viết tay ban đầu chứ không phải bản viết hoàn tất của Mác, vì văn bản được dẫn ra trong đoạn này không hoàn toàn khớp với văn bản cuối cùng trong "Đấu tranh giai cấp" (xem Toàn tập, t.7, 1993, tr. 28-30). —*76.*

81 Ngày 15 tháng Năm 1848, công nhân Pa-ri tìm cách giải tán Quốc hội lập hiến và lập

chính phủ lâm thời mới; họ đòi thực hiện lời hứa cung cấp lương thực, việc làm cho công nhân và lập bộ lao động. Cuộc đấu tranh đã bị đàn áp, còn các lãnh tụ của những người khởi nghĩa - Blăng-ki, Bác-be, An-be, Ra-xpai - thì bị bắt (xem chú thích 36).- *90.*

82 Tài liệu công bố kết thúc bằng ghi chú của ban biên tập "Còn nữa", song lời hứa đó đã không được thực hiện. —*93.*

83 Dây muốn nói đến cuộc cách mạng tháng Hai 1848. —*94.*

84 Ăng-ghen nói về cái gọi là phiên tòa xử vụ Ri-xcôn - Tu, diễn ra từ ngày 9 đến ngày 30 tháng Tám 1848 ở Ăng-ve. Phiên tòa do chính phủ của vua Bỉ Lê-ô-pôn bày ra để trừng trị những người dân chủ. Nguyên cớ để mở phiên tòa là cuộc xung đột xảy ra ngày 29 tháng Ba 1848 giữa quân đoàn lê dương Bỉ theo khuynh hướng cộng hòa từ nước Pháp về nước, với một đội lính của quân đội Bỉ ở làng Ri-xcôn-Tu. Ăng-ghen có một bài viết chuyên về sự kiện này với nhan đề "Các án tử hình ở Ăng-ve", đăng trên báo "Neue Rheinische Zeitung" (xem Toàn tập, t.5, 1993, tr. 478-481). —*94.*

85 Cái gọi là *thuế quan Dun-đơ* - một thứ thuế mà Đan Mạch thu của những tàu nước ngoài đi qua vịnh Dun-đơ, từ năm 1425 đến năm 1857. —*95.*

86 Có lẽ Ăng-ghen muốn nói hiệp ước bí mật Nga-Đan Mạch về hữu nghị, liên minh và giúp đỡ, ký kết vào năm 1767 và được khẳng định bằng điều ước năm 1773. Theo điều ước này, đại công tước Pa-ven Pê-tơ-rô-vích (sau này là hoàng đế Nga) nhường cho Đan Mạch cái quyền mà ông ta thừa hưởng của Pi-ốt III về công quốc Gốt-toóc-pơ để đổi lấy các tỉnh Ôn-đen-buốc và Đen-men-hoóc-xtơ ở Bắc Đức. Với việc sáp nhập công quốc Gốt-toóc-pơ, toàn bộ Slê-đơ-vích-Hôn-stai-nơ thuộc quyền chiếm hữu của Đan Mạch. Đan Mạch cũng đứng về phía nước Nga trong cuộc chiến tranh miền bắc (1700-1720), là đồng minh của Nga trong việc cùng theo hiệp ước "nền trung lập vũ trang" (xem chú thích 492) và trong cuộc chiến tranh Nga - Thụy Điển những năm 1788-1790. —*95.*

87 Từ năm 1460, đã tồn tại một hợp quốc quân chủ giữa Đan Mạch, Slê-đơ-vích và Hôn-stai-nơ. Vua Đan Mạch, khi được bầu ở các công quốc Slê-đơ-vích và Hôn-stai-nơ, đã phải tuyên thệ rằng cả hai vùng đất này vẫn "mãi mãi" phải là một. Trong cả hai công quốc, việc thừa kế chỉ tiến hành theo dòng nam giới, còn ở Đan Mạch thì từ năm 1665 đã cho phép thừa kế cả theo dòng nữ giới nữa. —*96.*

88 Văn bản công hàm của Vin-đen-brúc được đăng trong phụ trương báo "Allgemeine Zeitung" số 170, ngày 18 tháng Sáu 1848. Về công hàm này, xin tham khảo thêm bài của Mác "Chúc mừng năm mới" (Toàn tập, t 6, 1993, tr. 217-218). —*97.*

89 Trận đánh ở Phrê-đê-ri-xi xảy ra ngày 6 tháng Bảy 1849. — *97.*

90 Hòa ước giữa Phổ và Đan Mạch được ký kết ngày 2 tháng Bảy 1850. — *98.*

91 Bản phác thảo phần nói về Đức cho "Bài thứ ba điểm tình hình quốc tế", do C.Mác và Ph.Ăng-ghen công bố vào tháng Mười một 1850 trong các số 5-6 của tờ "Neue Rheinische Zeitung. Politisch- ökonomische Revue" (xem Toàn tập, t.7, 1993, tr. 586-645), chắc là được C.Mác viết vào tháng Mười 1850. Bên cạnh những ý được phát triển cặn kẽ trong "Bài điểm tình hình", bản phác thảo này còn chứa đựng cả những luận điểm không được phản ánh trong tác phẩm đã công bố. — *100.*

92 Đại công quốc Hét-xen-Dác-mơ-stát và hầu quốc Hét-xen-Cát-xen (Cuốc-hét-xen) năm 1849 đã đồng ý gia nhập khối liên minh các quốc gia Đức dưới bá quyền của Phổ (xem chú thích 47); năm 1850 dưới sức ép của Áo và Nga, đại công quốc này đã ra khỏi liên minh và chuyển sang phía Áo. — *100.*

93 *Nông dân đã gặt hái thành quả của cách mạng* - đây là nói việc hủy bỏ sự lệ thuộc kiểu nông nô của nông dân Áo, mà quốc hội Áo tiến hành ngày 31 tháng Tám 1848. Về điều này, xem: Ph.Ăng-ghen. "Cách mạng và phản cách mạng ở Đức" (Toàn tập, t.8, 1993, tr. 51-52).

Chế độ bảo hộ đối với ngân hàng - đây là nói loạt biện pháp của chính phủ đã đặt ngân hàng quốc gia Áo dưới sự bảo vệ của nhà nước: ngày 22 tháng Năm 1848 sắc lệnh của nội các cho phép ngân hàng hạn chế việc đổi giấy bạc lấy tiền đúc và thực hành thị giá cưỡng bức của giấy bạc, vào đầu năm 1849, với sự giúp đỡ của ngân hàng, người ta đã bắt đầu phát hành tiền giấy nhà nước; ngày 6 tháng Chạp 1849 thỏa ước giữa nhà nước và ngân hàng điều tiết yêu cầu của nhà nước và yêu cầu của ngân hàng đối với nhau v.v. đã được ký. — *101.*

94 Bản sơ thảo này, dự định công bố nhân danh hai thành viên của Liên đoàn những người cộng sản C.Pphen-đơ và H. Bau-ơ, chắc là do C.Mác và Ph. Ăng-ghen soạn trong thời gian hai ông gặp nhau ở Luân Đôn cuối tháng Chạp 1850, nhân việc các đại biểu của nhóm bè phái - phiêu lưu tả khuynh Vi-lích-Sáp-pơ - sau khi có sự phân liệt trong Liên đoàn những người cộng sản (tháng Chín 1850) và Mác, Ăng-ghen và những người ủng hộ hai ông ra khỏi Hội giáo dục công nhân Đức ở Luân Đôn - đã cố buộc tội họ phung phí tiền của Ủy ban dân chủ - xã hội trợ giúp những người Đức lưu vong (về điều này, xem Toàn tập, t. 27, 1996, tr. 913-914.- Lời tuyên bố của C.Pphen-đơ ngày 21 tháng Giêng 1852). Song, có thể bản sơ thảo này do Mác và Ăng-ghen làm sau đó một năm, trong thời gian Ăng-ghen lưu lại Luân Đôn từ ngày 20 tháng Chạp 1851 đến ngày 3

tháng Giêng 1852, và làm cơ sở cho lời tuyên bố thứ hai của Pphen-đơ (xem Toàn tập, t. 28, 1996, tr. 667). Văn bản lời tuyên bố thứ hai này chưa tìm thấy, song tại Cục lưu trữ trung ương thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê-nin (Liên Xô trước kia) có lưu giữ văn kiện - do tay V.Pi-pơ chép lại vào tháng Giêng 1852- được soạn thảo nhân danh Pphen-đơ và Bau-ơ và về nhiều điểm lặp lại bản sơ thảo được công bố ở tập này.

Hội giáo dục công nhân Đức do C.Sáp-pơ, I.Môn và những nhà hoạt động khác của Liên đoàn những người chính nghĩa thành lập ở Luân Đôn tháng Hai 1840. Sau khi Liên đoàn những người cộng sản được tổ chức, vai trò lãnh đạo trong Hội chuyển sang các chi hội địa phương của Liên đoàn. Mác và Ăng-ghen tham gia tích cực vào hoạt động của Hội vào năm 1847 và 1849-1850.

Ủy ban dân chủ-xã hội trợ giúp những người Đức lưu vong được thành lập ngày 18 tháng Chín 1849 để giúp đỡ những nhà dân chủ túng thiếu; tham gia ủy ban có Các Mác, Hen-rích Bau-ơ, Các-lơ Pphen-đơ, Các-lơ Blin-đơ, An-tôn Phuy-xtơ (xem Toàn tập, t.7, 1993, tr. 710-711). Ngày 3 tháng Chạp, Phri-đrích Ăng-ghen được đưa vào ủy ban. Khi Mác, Bau-ơ, Pphen-đơ và Ăng-ghen ra khỏi ủy ban thì một tiểu ban chuyên môn của Hội giáo dục đã kiểm tra tất cả mọi sổ sách kế toán, giấy biên nhận và thấy tất cả đều ổn. Bản báo cáo tổng kết cuối cùng của ủy ban những người dân chủ - xã hội lưu vong, do Mác và Ăng-ghen ký ngày 18 tháng Chín 1850, đã được công bố trên báo "Deutsche Londoner Zeitung" số 287, ngày 27 tháng Chín 1850 (xem Toàn tập, t.7, 1993, tr. 733-734).

Bản sơ thảo do chính tay Ăng-ghen viết trong Sổ ghi chép của Mác và được Mác biên tập. — *102.*

95 Bốn bản viết tay của Mác công bố ở tập này nói về tác phẩm chủ yếu của nhà kinh tế chính trị học tư sản cổ điển Anh D.Ri-các-đô "Về nguyên lý của kinh tế chính trị học và của thuế khóa", được viết vào tháng Chạp 1850 và tháng Ba-tháng Tư 1851. Trong thời kỳ này, Mác sang Luân Đôn sống lưu vong sau khi các cuộc cách mạng dân chủ-tư sản trên lục địa châu Âu thất bại, ông đã bắt tay vào loạt nghiên cứu kinh tế mới, đặc biệt là đi sâu nghiên cứu phân tích các nhà kinh tế học tư sản cổ điển. Trong thư gửi Ăng-ghen đề ngày 2 tháng Tư 1851, Mác nhận xét: "Nói đúng ra thì từ thời A.Xmít và D.Ri-các-đô môn khoa học này đã không tiến lên được, mặc dù trong lĩnh vực những công trình nghiên cứu riêng lẻ, nhiều khi là những công trình hết sức tinh xảo, người ta đã làm được không ít" (Toàn tập, t. 27, 1996, tr. 337). Trong những năm 1844-1845, ở Pa-ri và ở Bruy-xen, Mác đã viết xong bản tóm tắt bản dịch tiếng Pháp cuốn sách của

Ri-các-đô, do Gi.-B.Xây xuất bản, năm 1835. Vào đầu những năm 50, Mác nghiên cứu kỹ bản in lần thứ ba bằng tiếng Anh (lần xuất bản cuối cùng khi tác giả còn sống), được công bố vào năm 1821, trước khi tác giả từ trần hai năm.

Những bản thảo công bố ở đây có trong những quyển sổ của Mác ghi những đoạn trích tác phẩm của nhiều tác giả, những đoạn trích các văn kiện chính thức, báo chí định kỳ, chủ yếu về các vấn đề kinh tế. Người ta còn giữ được nhiều quyển vở như vậy, trong số đó có 24 quyển vở Mác đánh số bằng các chữ số La Mã. Trong quyển IV có những đoạn trích quyển sách của Ri-các-đô về lý luận tiền tệ của Ri-các-đô. Trong quyển vở VIII có bản tóm tắt tỉ mỉ toàn bộ tác phẩm của Ri-các-đô. Sau cùng, trong một quyển sách ghi chép riêng có những nhận xét của Mác về quan điểm của Ri-các-đô đối với thuế ruộng đất và bản phác thảo mục lục vấn đề cho quyển sách của ông.

Những đoạn trích quyển sách của Ri-các-đô được Mác dẫn ra hoặc dưới hình thức trích dẫn trực tiếp (thường ông dịch sang tiếng Đức, có bổ sung thêm những từ tiếng Anh và cả câu tiếng Anh), hoặc dưới hình thức trình bày ý của Ri-các-đô. Tất cả những đoạn trích ấy đều được trích theo bản dịch đã được kiểm tra lại và đã được sửa cho chính xác hơn, đồng thời trong những ngoặc vuông chúng tôi chỉ ra số trang của bản in tác phẩm của Ri-các-đô bằng tiếng Nga, công bố trong tập I bộ Toàn tập của ông (M. 1955). Trong một loạt trường hợp, bản dịch những chỗ Mác trích dẫn, in ở lần xuất bản này, không khớp với bản dịch đưa ra trong lần xuất bản quyển sách của Ri-các-đô bằng tiếng Nga nói trên. Nếu Mác dẫn đoạn trích này hay đoạn trích khác, dưới dạng rút gọn, hoặc dưới dạng trình bày lại bằng lời của mình, thì trong lần xuất bản này, bản dịch đoạn trích dẫn ấy được đưa ra theo cách Mác diễn đạt nó. Tất cả mọi đoạn trích dẫn ấy đều được đặt trong ngoặc kép, ngay cả khi trong bản viết tay không có ngoặc kép.

Những đầu đề do ban biên tập đưa ra được đánh dấu bằng hoa thị, còn những điểm bổ sung cần thiết trong văn bản thì được đặt trong ngoặc vuông. Số của các quyển vở viết tay của Mác được nêu trong ngoặc vuông bằng chữ số La Mã, số các trang của bản viết tay được ghi bằng chữ số Ả Rập.

Khi dịch lời văn ra tiếng Nga, những lỗi viết sai rõ rệt trong bản viết tay đều được sửa lại, đồng thời tất cả những điểm sửa chữa tương đối căn bản đều được nói rõ thêm trong các chú thích. Những điểm khác biệt căn bản của lời văn trong bản viết tay với lời văn trong sách của Ri-các-đô cũng được nêu trong các chú thích.

Những lời bình luận của bản thân Mác cho những đoạn trích và bản tóm tắt mà ông đã soạn, cũng như những đầu đề và đầu đề phụ mà ông đưa ra, theo thường lệ, được

in bằng chữ cỡ thường, toàn bộ văn bản còn lại được in bằng chữ cỡ nhỏ. — *105.*

96 Những đoạn trích của Mác được dẫn ra ở bên dưới thuộc về học thuyết tiền tệ của Ri-các-đô. Chúng nằm ở những trang cuối của quyển vở ghi chép, mà trên bìa của nó Mác tự tay viết: "Quyển vở IV. Luân Đôn. Tháng Mười một 1850. Tháng Chạp 1850". — *107.*

97 Trong bản viết tay có viết: "trong giá cả", song ở bên dưới, trong văn bản ở đâu cũng nói về *giá trị* của vàng và bạc. — *107.*

98 Đầu đề này lấy lại phần đầu của đầu đề phần VII chương thứ nhất quyển sách của Ri-các-đô. — *108.*

99 Trong bản viết tay, thay vì "giá trị" đã viết: "sản phẩm", song trong sách của Ri-các-đô đây là nói *giá trị của tư bản ứng trước*: tỷ suất lợi nhuận không thay đổi chỉ trong trường hợp, nếu những thay đổi trong giá trị của tiền tệ sẽ có ảnh hưởng như nhau đến giá trị của tư bản ứng trước, cũng như đến giá trị của sản phẩm mà nó đã sản xuất ra. — *108.*

100 Trong bản viết tay của Mác tại đây, thay vì thuật ngữ của Ri-các-đô "thương mại trao đổi" (trade of barter) đã dùng thuật ngữ "mức của sự trao đổi" (rate of barter). — *110.*

101 Trong bản viết tay thay vì "khoản thưởng" đã viết: "thuế quan". — *111.*

102 Trong bản viết tay đã viết nhầm: 125 p.xt. — *114.*

103 Ý nói tiền giấy. — *114.*

104 Trong sách của Ri-các-đô viết: "giá trị thị trường". — *116.*

105 Trong sách của Ri-các-đô viết: "để duy trì sự sống của anh ta". — *116.*

106 Trong sách của Ri-các-đô nói về sự tương ứng giữa *giá cả* thị trường và *giá cả* tự nhiên của hàng hóa. — *116.*

107 Trong sách của Ri-các-đô viết: "thậm chí số lượng giấy bạc lớn gấp bội so với số lượng giấy bạc nằm trong lưu thông vào thời điểm ấy". — *119.*

108 Đây muốn nói đến việc giữ gìn cho vàng khỏi hao mòn trong lưu thông bằng cách thay nó bằng tiền giấy. — *119.*

109 Những nhận xét này, cũng như bản phác thảo mục lục vấn đề được công bố tiếp theo chúng, nằm trong quyển vở khổ không lớn, mà Ăng-ghen ghi năm 1851. Có thể giả định rằng chúng được thảo ra vào khoảng cuối tháng Ba-đầu tháng Tư 1851. Những nhận xét của Mác là phần tóm tắt một số kết luận của Ri-các-đô được trình bày ở các chương IX - XII trong tác phẩm của ông. — *122.*

110 "Địa tô giả tưởng" là từ Mác dùng ở đây để gọi cái mà ở Ri-các-đô (xem chương X quyển sách của ông) hiện diện với tư cách "tiền thưởng mà người sở hữu ruộng đất nhận được về việc sử dụng tư bản của anh ta được đầu tư vào trang trại". Ri-các-đô phân biệt tiền thưởng ấy với địa tô theo đúng nghĩa mà ông xác định là "số tiền trả cho người sở hữu ruộng đất về việc sử dụng ruộng đất, và chỉ ruộng đất mà thôi". — *122.*

111 Mác gọi loại thuế này là thuế "đặc thù" (originelle) vì nó khác thuế đánh vào địa tô, cũng như khác thuế thập phân. — *122.*

112 Tất cả những dòng của bản phác thảo được công bố ở bên dưới đều lần lượt bị gạch xóa, điều này chứng tỏ rằng Mác sử dụng nó trong việc tiếp tục nghiên cứu quyển sách của Ri-các-đô. — *124.*

113 Một phần bản phác thảo mục lục vấn đề có trên bìa, được đánh dấu ở đây bằng con số [1a]. — *124.*

114 Ở đây và tiếp theo (trong bản tóm tắt quyển sách của Ri-các-đô được công bố ở bên dưới), tiếp theo Ri-các-đô, đôi khi thay vì thuật ngữ "giá cả tự nhiên" (natural price), Mác dùng thuật ngữ "giá cả thực tế" (real price) như là thuật ngữ đồng nghĩa. Mặt khác, Ri-các-đô triệt để phân biệt các khái niệm "giá cả gốc và giá cả tự nhiên" (primary and natural price) và các khái niệm "giá cả thực tế hoặc giá cả thị trường" (actual or market price). — *125.*

115 Bản tóm tắt chứa đựng những lời bình luận uyên bác của Mác về tác phẩm của Ri-các-đô, được Mác soạn vào tháng Tư 1851, trong quá trình ghi chép các đoạn trích vào quyển vở VIII. Bản tóm tắt bao quát tất cả những phần cơ bản trong quyển sách của Ri-các-đô, trừ những phần được Mác sử dụng khi viết những đoạn trích có liên quan tới học thuyết tiền tệ của Ri-các-đô. — *126.*

116 Câu này là đầu đề phần IV chương thứ nhất quyển sách của Ri-các-đô. — *127.*

117 Trong ví dụ của Ri-các-đô, mà Mác dẫn lại ở đây, ngầm giả định rằng ngay vào cuối năm đầu, người chủ xưởng sử dụng máy móc nhận được lợi nhuận 1 000p.xt. về 10 000p.xt. tư bản ứng trước. Do đó, giá trị hàng hóa vào cuối năm thứ nhất không phải là 5 500 mà là 6 000p.xt. (không tính phần hao mòn máy móc). Trong số lợi nhuận 1 000 p.xt., thì 500 p.xt. được chi tiêu cho nhu cầu cá nhân, còn 500 p.xt. thì nhập vào tư bản ứng trước, mà giờ đây bằng 10 500 p.xt. Trong số tiền này, 5 000 p.xt. cũng như trước đây được chi tiêu vào lao động, còn 5 500 p.xt.chi tiêu vào máy móc. — *128.*

118 Trước khi nâng cao tiền lương, nhà tư bản thứ nhất bán hàng hóa của mình với

giá 5 000+500, nghĩa là 5 500 p.xt.. Sau khi nâng tiền lương lên 10% - từ 2 000 lên 2 200 p.xt.- anh ta bán nó với giá 5 200+520, nghĩa là 5 720p.xt.- *—129.*

119 Trong sách của Ri-các-đô viết: "giá trị trao đổi". - *130.*

120 Trong sách của Ri-các-đô viết: "giá cả". -*130.*

121 Ý nói trường hợp tư bản lưu động chiếm ưu thế. -*131.*

122 Trong bản viết tay là 1 500 p.xt., song ở bên trên và bên dưới, Mác xuất phát từ chỗ giá cả hàng hóa mà chủ xưởng sản xuất ra bằng 2 000 p.xt. - *131.*

123 Trong bản viết tay, thay vì 1 333 và 1 300 đã đưa nhầm con số 1 033 và 1 030. - *131.*

124 Trong sách của Ri-các-đô, thay vì "máy móc" đã viết: "hàng hóa đã sản xuất ra", nhưng ngay sau đó viết rằng giá trị thực tế của máy móc không tăng do tăng tiền lương. - *133.*

125 Trong sách của Ri-các-đô viết: "giá trị". -*133.*

126 Ở cuối trang 21, tự tay Mác viết: "(Xem tiếp ở tr. 29)". Ở các trang 22-28 có những đoạn trích ghi tiếp quyển sách của Giêm-xơ Xtiu-át "An Inquiry into the Principles of Political Oeconomy". In three volumes. Dublin, 1770. Ở đầu trang 29, Mác tự tay viết: "*Ri-các-đô*, Da-vít. Tiếp tục từ tr. 21". - *133.*

127 Trong bản viết tay viết: "*không tỷ lệ*". -- *134.*

128 Trong sách của Ri-các-đô viết: "giá trị". -*136.*

129 Trong sách của Ri-các-đô viết: "Sự giàu có thường tăng lên nhanh nhất, trong khi...". - *136.*

130 Những từ "và lao động" do Mác thêm vào. -*137.*

131 Những từ "hoặc cao hơn mức đó" do Mác thêm vào. -*137.*

132 Những từ "cũng sản phẩm đó" do Mác thêm vào. -*137.*

133 Trong sách của Ri-các-đô viết: "với lao động ít hơn". – *137.*

134 Trong sách của Ri-các-đô viết: "tương đối". -*137.*

135 Trong sách của Ri-các-đô, câu này nói đến chi phí vào nhà xưởng v.v., chứ không phải nói đến thuế. -*138.*

136 Đây là nói những cải tiến trong nông nghiệp mà kết quả là số lượng sản phẩm sản xuất ra trong nông nghiệp tăng lên. -*143.*

137 Đoạn trích dẫn này được Mác gạch ở lề. -*144.*

138 Trong sách của Ri-các-đô viết: "với số lượng y như trước". —*145.*

139 Ý nói cuộc chiến tranh của Khối liên minh các cường quốc châu Âu chống nước Pháp thời Na-pô-lê-ông kết thúc vào năm 1815. -- *148.*

140 Trong bản viết tay viết nhầm là: "đã vi phạm rất mạnh". -- *148.*

141 Trong sách của Ri-các-đô viết: "giá trị thị trường". -- *154.*

142 Trong sách của Ri-các-đô viết: "giá trị thị trường". -- *155.*

143 Đây là nói đến "giá cả tự nhiên" theo cách hiểu của Ri-các-đô, nghĩa là về thực chất nói đến giá trị của hàng hóa. -- *157.*

144 Trong bản viết tay viết nhầm là: "tiền tệ". -- *157.*

145 Trong sách của Ri-các-đô viết: "cần khẳng định". -- *157.*

146 Ở đây trong sách của Ri-các-đô viết: "thông qua việc mua", song điều này không thay đổi ý tứ của câu. Ri-các-đô trước tiên nói về việc thương nhân *mua* hàng hóa của chủ xưởng, trong khi Mác lập tức nói đến việc *bán* hàng hóa ấy ra nước ngoài. - *159.*

147 Đoạn trong quyển sách của Ri-các-đô, mà ở đây có ý nói đến, đã được Mác trích dẫn ở trên (xem tập này, tr. 156). - *161.*

148 Ở các trang 41 - 42 là phần tiếp theo những đoạn trích được nhắc đến ở trên (xem chú thích 126) từ tác phẩm của Giêm-xơ Xtiu-át " An Inquiry...". Ở cuối trang 40, Mác tự tay viết: "Phần tiếp theo ở tr. 43". Ở đầu trang 43 có ghi chú: "Ri-các-đô D.Những nguyên lý cơ bản của kinh tế chính trị học. Phần tiếp theo tr. 40". -- *163.*

149 Trong bản viết tay, thay vì "tại Bồ Dào Nha" đã viết: "tại Xcốt-len". -- *163.*

150 Ri-các-đô trích dẫn ở đây phần đầu chương VI quyển IV "Sự giàu có của các dân tộc" của A.Xmít (xem *A.Xmít.* "Nghiên cứu về bản chất và nguyên nhân sự giàu có của các dân tộc". M., 1962. tr. 397). -- *165.*

151 Trong sách của Ri-các-đô viết: "trên thị trường kém năng suất nhất". -- *165.*

152 Câu cuối cùng trong đoạn trích dẫn này được Mác gạch đứng hai lần ở lề. -- *167.*

153 Câu này được Mác gạch đứng hai lần ở lề. -- *168.*

154 Trong sách của Ri-các-đô viết: "giá trị thực tế của chúng". -- *169.*

155 Trong sách của Ri-các-đô: "đôi khi". - *169.*

156 Trong sách của Ri-các-đô: "thực tế". -- *171.*

157 Trong sách của Ri-các-đô: "giá trị". - *173.*

158 Hai câu cuối cùng được Mác gạch đứng ở lề. -- *174.*

159 Trong sách của Ri-các-đô viết: "như thường nói". – *175.*

160 Trong bản viết tay viết: "các đạo luật về ngũ cốc". – *175.*

161 Trong sách của Ri-các-đô viết: "thù lao thực tế cho công nhân". - *177.*

162 Trong sách của Ri-các-đô: "giai cấp công nhân". – *177.*

163 Trong sách của Ri-các-đô viết: "đôi khi". - *178.*

164 Trong sách của Ri-các-đô: "hoàn thiện". - *178.*

165 Ở cuối trang 49. Mác tự tay ghi: "(Phần tiếp theo ở tr. 53)". Một cách tương ứng, trang 53 mở đầu bằng ghi chú: "*Ri-các-đô (Đ.) (Tiếp tục tr. 49)*". Ở các trang 50-52 có những đoạn trích luận văn viết vào đầu thế kỷ XVII của An-tô-ni-ô Xe-rơ về tiền tệ, và tiếp tục trích tác phẩm của Giêm-xơ Xtiu-át. – *179.*

166 Hai câu cuối được Mác gạch đứng hai lần ở lề. - *180.*

167 Luận điểm của Ri-các-đô mà Mác trình bày ở đây nói rằng: "Ông Xây dẫn ra ví dụ thuế muối ở nước Pháp trước cách mạng, theo lời ông, thuế muối đã làm giảm mức khai thác muối xuống một nửa. Song nếu muối tiêu dùng ít hơn thì tư bản đầu tư vào việc sản xuất muối cũng ít hơn. Do đó, tuy người sản xuất sản xuất muối thu được lợi nhuận ít hơn, nhưng khi sản xuất những hàng hóa khác anh ta đã thu được nhiều lợi nhuận hơn" (tr. 273) [tr. 197]. - *181.*

168 Ở cuối tr. 53 có ghi: "(Phần tiếp theo ở tr. 56)". Ở các trang 54-55 là phần tiếp theo những đoạn trích ghi tác phẩm nói trên của Giêm-xơ Xtiu-át. Ở đầu tr. 56 có ghi: "*Đ.Ri-các-đô* (tiếp tục tr. 53)". - *182* .

169 Trong bản viết tay viết: "sản phẩm thô". - *182.*

170 Ri-các-đô xuất phát từ chỗ tổng giá trị của sản phẩm thu được từ khoảnh đất không nộp địa tô là 720 p.xt. và quyết định tổng giá trị (sau khi khấu trừ địa tô) sản phẩm của tất cả mọi khoảnh đất còn lại. - *183.*

171 Trong sách của Ri-các-đô viết: "đảm bảo cho công nhân". - *185.*

172 Trong sách của Ri-các-đô có thêm: "hoặc với tư bản đó". - *185.*

173 Ý nói những lời bình luận của Uây-cơ-phin về tác phẩm "Sự giàu có của các dân tộc" của A.Xmít, xuất bản bằng tiếng Anh trong những năm 1835-1839 (xem Toàn tập, t.26, ph.III,1995,tr.259-260). - *187.*

174 Toàn bộ lời bình luận này của Mác được ông gạch đứng ở lề. - *189.*

175 Trong sách của Ri-các- đô viết :"hàng rẻ của nước ngoài ". - *190.*

176 Trong bản viết tay viết nhầm:"tiền lương ". - *192.*

177 Xem tập này, tr. 160-162. - *194.*

178 Trong sách của Ri-các-đô viết:"một hạng người đặc biệt". - *194.*

179 Trong sách của Ri-các-đô:"đôi khi". - *194.*

180 Ri-các-đô trích dẫn luận điểm tương ứng của A.Xmít ngay ở đầu chương XXVI, làm bằng cứ chứng minh rằng Xmít thổi phồng vai trò của tổng thu nhập so với thu nhập ròng. - *195.*

181 Trong sách của Ri-các-đô:" chủ nợ nhà nước". -- *198.*

182 Trong sách của Ri-các-đô viết:"những người tái sản xuất giá trị mới, hoặc những người không tái sản xuất giá trị mới". -- *202.*

183 Trong sách của Ri-các-đô: "trong 20 năm". -- *203.*

184 Ri-các-đô dùng từ thuế "một chiều" để gọi thứ thuế động chạm đến lợi nhuận ở những ngành này mà không động chạm đến lợi nhuận ở những ngành khác. -- *203.*

185 Trang tiếp theo, tr. 66 của bản viết tay, mở đầu bằng ghi chú "Tháng Năm 1851", tiếp sau đó trích ghi tạp chí "Economist". -- *204.*

186 "Những điều suy ngẫm" của Mác nằm ở các trang 48-52 của quyển vở VII là quyển vở có những đoạn trích ghi các tác phẩm của nhiều tác giả chủ yếu về các vấn đề của lý luận tiền tệ và lưu thông tiền tệ. Quyển vở này Mác viết đầy vào khoảng tháng Ba 1851, vì vậy trình độ lý luận của "Những điều suy ngẫm" phản ánh thời kỳ tương ứng trong việc xây dựng kinh tế chính trị học mác-xít. Đó là thời kỳ tiếp tục tích lũy tài liệu thực tế đồ sộ - tài liệu cụ thể, tài liệu lịch sử và tài liệu lý luận - và đồng thời chuyển từ việc nghiên cứu cụ thể nền kinh tế tư sản sang tiếp tục những khái quát biểu hiện cơ chế vận hành sâu xa của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. "Những điều suy ngẫm" tiếp tục - trên một trình độ cao hơn-sự phê phán đã bắt đầu vào những năm 40 đối với những quan niệm tiểu tư sản - đặc biệt là những quan niệm của Pru-đông - giải thích nguyên nhân của khủng hoảng kinh tế là do những khuyết điểm của hệ thống tiền tệ tư bản chủ nghĩa, cố thiết kế gượng ép tiền tệ theo cách, như Mác đã nêu, để "tiền tệ không có các thuộc tính tiền tệ". Việc phê phán học thuyết Pru-đông về vấn đề này được Mác hoàn tất trong bản thảo năm 1857-1858, và trong tập thứ nhất "Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị" (1859), trên cơ sở lý luận giá trị và lý luận tiền tệ mà ông đi sâu nghiên cứu trong thời kỳ ấy. -- *205.*

187 Xem *Smith, A.* Recherches sur la nature et les causes de la richesse des nations. Tome

II. Paris, 1802, p. 292-293 *(Xmít, A.* Nghiên cứu bản chất và nguyên nhân sự giàu có của các dân tộc. Tập II. Pa-ri, 1802, tr. 292-293); *Tooke, Th.* An Inquiry into the currency principle. Second edition. London, 1844, p. 36 *(Tu-cơ, T.* Nghiên cứu các quy luật của lưu thông tiền tệ. Xuất bản lần thứ hai. Luân Đôn, 1844, tr. 36); "Report... from the select committee appointed to inquire into the cause of the high price of gold bullion. Ordered, by the House of Commons, to be printed, 8 June 1810". London, 1810 ("Báo cáo... của ủy ban đặc biệt điều tra nguyên nhân khiến giá vàng thoi cao. Công bố theo chỉ thị ngày 8 tháng Sáu 1810 của hạ nghị viện". Luân Đôn, 1810). Những đoạn trích ghi báo cáo này nằm ở các trang 29-31 của quyển vở VII.

Về sau Mác nhận định các quan điểm của Xmít và Tu-cơ về vấn đề này trong "Các học thuyết về giá trị thặng dư" và trong tập III bộ "Tư bản" (xem Toàn tập, t. 26, ph. I, 1995, tr. 149-150, 340-344; t. 25, ph. I, 1994, tr. 676-682). Khi trích dẫn Xmít, Mác dẫn lại lời giải thích của Gi. Gác-ni-ê, người dịch tác phẩm của Xmít ra tiếng Pháp rằng từ "dealers" được hiểu là "tất cả các nhà buôn; những nhà công nghiệp, những thợ thủ công, v.v., - nói tóm lại, tất cả những người làm thương nghiệp và công nghiệp trong nước" (Toàn tập, t.26, ph. I, 1995, tr. 149). -*205.*

188 Về sau Mác nhận định tỉ mỉ cuộc luận chiến của các nhà kinh tế học tư sản về vấn đề sản xuất thừa trong điều kiện nền kinh tế tư bản chủ nghĩa và đặc biệt là quan điểm của Ri-các-đô và Xi-xmôn-đi trong cuộc tranh luận này ở các bản thảo những năm 1857-1858 và 1861-1863 (xem Toàn tập, t. 46, ph. I, 1999, tr. 630-636; t. 26, ph. II, 1995, tr. 775-786). -*205.*

189 Về sau Mác phê phán các quan điểm thô thiển của Pru-đông - ông này giải thích sản xuất thừa là do chỗ công nhân trong xã hội tư sản không thể mua sản phẩm của chính mình - trong bản thảo những năm 1857-1858 (xem Toàn tập, t.46, ph. I, 1999, tr. 656-657). -*206.*

190 Trong bản viết tay viết nhầm: "lớn nhất". -*209.*

191 Ý nói các cuộc khủng hoảng sản xuất thừa. -*210.*

192 Nhận định của Mác về các đại biểu của trường phái Bốc-minh-hêm "chủ trương đồng si-linh nhỏ", do chủ ngân hàng Bốc-minh-hêm Tô-mát Át-vut thành lập, xem Toàn tập, t. 46, ph. I, 1999, tr. 632-635; t. 13, 1993, tr. 91-92; t. 23, 1993, tr. 344; t.25, ph. II, 1994, tr. 127-128, 159-160. -*212.*

193 Hai câu cuối được Mác gạch đứng ở lề. -*212.*

194 Xem *M.Stirner.* "Der Einzige und sein Eigenthum". Leipzig, 1845, S.353 *(M.Stiếc-nơ.*

"Kẻ duy nhất và sở hữu của nó". Lai-pxích, 1845, tr. 353). Mác và Ăng-ghen phê phán các quan điểm tiểu tư sản của Stiếc-nơ về bản chất của tiền tệ trong tác phẩm "Hệ tư tưởng Đức" (xem Toàn tập, t. 3, 1995, tr. 576-583). -- *213.*

195 Nếu sự kiện Mác dẫn ra là đúng thì hoàng đế A-đri-an đã lặp lại lời đối đáp của hoàng đế Ve-xpa-xi-an về thuế nhà xí công cộng do ông ta ban hành. -- *216.*

196 Tác phẩm của Ph. Ăng-ghen *"Phân tích phê phán cuốn sách của Pru-đông "Tư tưởng phổ biến của cách mạng trong thế kỷ XIX""* là bài lược thuật quyển sách "Idée générale de la Révolution au XIXe siècle (Choix d'études sur la pratique révolutionnaire et industrielle)" do Pru-đông xuất bản vào năm 1851. Bài lược thuật do Ăng-ghen soạn theo đề nghị của Mác cho tác phẩm ông dự định viết "Những điều phát hiện mới nhất của chủ nghĩa xã hội hoặc "Tư tưởng chung của cách mạng thế kỷ XIX" của P.Gi. Pru-đông. Ý kiến phê phán của Các Mác". Mác dự định công bố tác phẩm ấy trong tạp chí "Die Revolution" của I.Vây-đơ-mai-ơ. Việc thảo luận quyển sách của Pru-đông chiếm một vị trí lớn trong thư từ trao đổi của Mác và Ăng-ghen vào tháng Tám 1851. Ngày 8 tháng Tám, Mác trình bày tỉ mỉ nội dung của tác phẩm ấy trong thư gửi Ăng-ghen, đồng thời trích những đoạn dài (xem Toàn tập, t. 27, 1996, tr. 434-445), còn vào giữa tháng Tám thì gửi quyển sách tới Man-se-xtơ cho Ăng-ghen và đề nghị phát biểu ý kiến xét đoán tỉ mỉ về quyển sách ấy. Ăng-ghen viết bài lược thuật làm hai đợt, trong tháng Tám (khoảng từ ngày 16 đến ngày 21) và từ giữa tháng Mười. Vào cuối tháng Mười, toàn bộ tài liệu đã được gửi cho Mác, ngày 24 tháng Mười một 1851 Mác viết cho Ăng-ghen: "Ở đây một lần nữa tôi đã đọc tài liệu phê phán của anh. Đáng tiếc là không có điều kiện đem in tài liệu ấy được. Nếu tôi thêm vào đó phần dấm ớt của tôi, thì tài liệu ấy có thể xuất hiện dưới cái tên chung của chúng ta, với điều kiện là nếu điều đó không gây phiền phức nào cho hãng buôn của anh" (Toàn tập, t. 27, 1996, tr. 547).

Bản thảo của Ăng-ghen gồm sáu tờ khổ lớn, trên mỗi trang đều viết thành hai cột, ở góc trên bên trái hoặc bên phải đều có ghi: "Tư tưởng phổ biến của cách mạng trong thế kỷ XIX"; trong lần công bố này, không in những chữ ghi chú ấy. Bản thảo viết bằng hai thứ tiếng. Lời văn của Pru-đông được in bằng chữ cỡ nhỏ, hơn nữa những đoạn trích nguyên văn bằng tiếng Pháp được đặt trong ngoặc kép, những chỗ mà văn bản của Pru-đông được Ăng-ghen chuyển thành tiếng Đức thì không đặt trong ngoặc kép. Lời văn của bản thân Ăng-ghen được in bằng chữ cỡ thường, còn những chỗ nhấn mạnh trong đó thì in nghiêng. Trong những đoạn in bằng chữ cỡ nhỏ, thì chữ in nghiêng thông thường là chữ in nghiêng của Pru-đông, chữ in nghiêng đậm là những từ Ăng-ghen làm

nổi bật. -- *218.*

197 Đây muốn nói đến cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII. -- *219.*

198 *Ngày 21 tháng Giêng 1793, Lu-i XVI* bị hành quyết theo bản án của Hội nghị quốc ước. -- *219.*

199 Pru-đông có ý nói đến loạt phiên tòa năm 1822 xử những thành viên của các hội cộng hòa (trong đó có những người thuộc phái Than)- những người đã tìm cách phát động cuộc khởi nghĩa chống chế độ quân chủ ở Ăng-giơ, La-Rô-sen, Xô-muya.

Về cuộc khởi nghĩa năm 1839, xem chú thích 76. - *219.*

200 Luật bầu cử mới thực tế hủy bỏ quyền phổ thông đầu phiếu ở Pháp, được Quốc hội lập pháp thông qua ngày 31 tháng Năm 1850 (xem tập này, tr. 32-34). - *220.*

201 Tháng Năm 1852 là lúc mãn hạn nhiệm kỳ tổng thống của Lu-i Bô-na-pác-tơ. Theo hiến pháp năm 1848 của Pháp, việc bầu tổng thống mới phải được tiến hành bốn năm một lần, vào ngày chủ nhật thứ hai của tháng Năm. - *220.*

202 Ở đây và ở bên dưới, Pru-đông dùng các thuật ngữ: "le préjugé gouvernemental", "l'idée gouvernementale", "le système gouvernemental", "l' évolution gouvernementale" để biểu thị những phương diện khác nhau của hệ thống quản lý chính trị — mà ông ta đem đối lập với hệ thống kinh tế do ông ta thiết kế — với "sự tổ chức các lực lượng kinh tế". -- *222.*

203 Theo truyền thống mà ngay cả cuộc cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII cũng không thể xóa bỏ được, việc buôn bán thịt ở Pa-ri nằm trong tay hội những người buôn thịt, họ đã giữ giá thấp đối với gia súc sống và giá cao đối với thịt. Khi nói đến việc "tự do bán thịt", Pru-đông có ý nói những biện pháp mà chính phủ thi hành từ năm 1848 nhằm xóa bỏ sự độc quyền của hội những người buôn thịt (cho phép những người không thuộc hội ấy bán thịt hàng ngày ở các chợ, v.v.). -- *223.*

204 Tiếp theo cuốn sách của Pru-đông trình bày nội dung của khái niệm này: "sự tiêu dùng có tính chất ăn bám [le parasitisme]- đấy là giới tài chính, sở hữu trái phép, ngân sách và tất cả những cái đi đôi với ngân sách" (Proudhon, p. 52). — *224.*

205 Ý nói những quyết định được Quốc hội lập hiến thông qua trong những ngày 4-11 tháng Tám 1789, theo đó cuộc cách mạng tư sản Pháp tuyên bố hủy bỏ những đặc quyền đẳng cấp và tất cả mọi hình thức lệ thuộc về con người của nông dân. -- *227.*

206 Ý nói bài diễn văn của Roay-ê-Cô-la, đọc tại viện dân biểu ngày 22 tháng Giêng 1822 trong cuộc thảo luận dự án luật về báo chí. — *228.*

207 *Những tổ chức quan tòa độc lập*- ý nói những cơ quan hành chính-tư pháp tối cao của nước Pháp trước cách mạng. — *228.*

208 Đây muốn nói đến bản hiến pháp "ban" ngày 4 tháng Bảy 1814 cho nhân dân Pháp, nhân danh Lu-i XVIII, trong thời gian phục tích dòng họ Buốc-bông lần thứ nhất.- *228, 440.*

209 Giải thích ý này, Pru-đông nói tiếp: "Nguyên tắc này cũng chính là thực chất của những cái gọi là hội giết mổ gia súc, nó ít giống với hiệp hội đến mức trong nhiều [hội] giết mổ gia súc ấy, công việc do công nhân làm thuê thực hiện dưới sự quản lý của viên giám đốc đại biểu cho những người đóng góp tiền" (Proudhon, p. 98). — *233.*

210 Ăng-ghen mỉa mai chú thích sau đây của Pru-đông: "Tính có đi có lại không phải là điều đồng nhất với trao đổi; song nó ngày càng muốn trở thành quy luật của trao đổi và dung hợp với trao đổi. Việc phân tích quy luật này một cách khoa học lần đầu tiên được đưa ra trong cuốn sách "Organisation du Crédit et de la Circulation" (Paris, 1848, Garnier Frères), còn cố gắng đầu tiên vận dụng nó thì được "Ngân hàng nhân dân" tiến hành" (Proudhon, p. 97-98). -- *233.*

211 Đây muốn nói đến lời của Lu-i Blăng, lấy từ bài "Un homme et une doctrine" trong tạp chí của ông "Le Nouveau Monde" số 6, ngày 15 tháng Chạp 1849.- *233.*

212 *Những công ty công nhân* (compagnies ouvrières, compagnonnages) — những hội bí mật của thợ bạn thủ công nghiệp tồn tại ở Pháp từ thế kỷ XII đến giữa thế kỷ XIX. Lúc đầu những công ty này đặt ra cho mình nhiệm vụ là xúc tiến sự giúp đỡ lẫn nhau giữa thợ bạn cùng một nghề, từ thế kỷ XVI chúng trở thành những tổ chức đấu tranh của thợ bạn chống sự bóc lột của thợ cả. Tiếp theo trong văn bản, "compagnies ouvrières" đâu đâu cũng được dịch là "hội công nhân". -- *234.*

213 Đây muốn nói đến trường phái lịch sử pháp quyền - một khuynh hướng phản động trong khoa học pháp luật và khoa học lịch sử (Hu-gô, Xa-vi-nhi, Ếch-hoóc-nơ), ra đời ở Đức như là sự phản ứng đối với các tư tưởng của thời đại Khai sáng và của cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII.

Việc nhận định trường phái này, xem trong các bài của C.Mác "Tuyên ngôn triết học của trường phái lịch sử pháp quyền" và "Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hê-ghen. Lời nói đầu" (Toàn tập, tập 1, 1995, tr. 127-138 và 572). -- *237.*

214 Đây muốn nói đến Quốc hội lập hiến họp từ ngày 4 tháng Năm 1848 và Quốc hội lập pháp thay thế nó ngày 28 tháng Năm 1849. Thông qua bầu cử phổ thông, Lu-i Bô-na-pác-tơ được bầu làm tổng thống Cộng hòa Pháp ngày 10 tháng Chạp 1848. - *237.*

215 Ý nói hiến pháp Gia-cô-banh được Hội nghị quốc ước thông qua ngày 24 tháng Sáu 1793. Hiến pháp tuyên bố quyền tự do cá nhân, tự do tín ngưỡng, tự do sáng kiến lập pháp, tự do báo chí, tự do đưa đơn thỉnh nguyện, quyền lao động, quyền học hành, quyền chống lại sự áp bức. Trong cuộc trưng cầu ý dân, hiến pháp được đa số nhân dân Pháp tán thành, song không được đem ra thi hành. — *238.*

216 Pru-đông lồng vào khái niệm "cuộc cách mạng trước đây" ("l'ancienne révolution") quan niệm về cách mạng chính trị thuần túy. Ông đem cuộc cách mạng ấy đối lập với sơ đồ của mình về cách mạng xã hội (Proudhon, p. 196). - *239.*

217 Đây muốn nói đến Ngân hàng Pháp do công ty cổ phần, dưới sự bảo trợ của Bô-na-pác-tơ, thành lập năm 1800 với số vốn 30 triệu phrăng (trong sách của Pru-đông viết sai là 90 triệu phrăng). Ngân hàng được nhà nước trao cho một loạt đặc quyền, nhưng vẫn được coi là sở hữu của công ty. Tổng giám đốc ngân hàng từ năm 1834 đến năm 1857 là bá tước D' Ác-gu, dưới thời ông này ngân hàng nhận được một loạt đặc quyền mới, trong đó có độc quyền phát hành giấy bạc ngân hàng có mệnh giá thấp hơn. Theo lời Mác, những đặc quyền mới đã biến ngân hàng thành "xí nghiệp tư nhân có quy mô quốc gia" (Toàn tập, t. 12, 1993, tr. 285). -- *239.*

218 Trong thư đề ngày 8 tháng Tám 1851 gửi Ăng-ghen, khi tổng thuật quyển sách của Pru-đông, Mác viết: "Thay cho lợi tức, Nhà nước trả khoản tiền trả hàng năm, nghĩa là hàng năm hoàn trả từng phần số tư bản nhà nước đã vay" (Toàn tập, t. 27, 1996, tr. 429). — *240.*

219 Theo đạo luật ngày 15 tháng Giêng 1790 do Quốc hội lập hiến thông qua, cách tổ chức hành chính mới đã được thực hiện ở Pháp. Nước Pháp được chia thành 83 tỉnh, mỗi tỉnh lại chia thành các tổng và công xã. — *241.*

220 Ở đây thuật ngữ "plus-value" được Pru-đông dùng với ý nghĩa khác so với ý nghĩa thường dùng lúc bấy giờ ở Pháp; xin so sánh tác phẩm của Ăng-ghen ("Chủ nghĩa xã hội pháp lý"): "... bên cạnh từ mieux-value [giá trị thặng dư] vẫn được Xi-xmôn-đi dùng, trong đời sống giao dịch hàng ngày ở Pháp thuật ngữ plus-value cũng đã được mọi người thừa nhận từ xa xưa để chỉ mọi giá trị tăng lên mà người sở hữu hàng hóa không phải trả giá gì cả" (Toàn tập, t.21, 1995, tr. 714). —*244.*

221 Trong số họ, Pru-đông nêu tên Xanh-Xi-mông, Phu-ri-ê, Ô-oen, Ca-bê, Lu-i Blăng, những người thuộc phái Hiến chương (Proudhon, p.238). - *245.*

222 Tiếp theo cũng ở trang ấy, Ăng-ghen chép ba khổ thơ lấy từ tác phẩm "Ép-ghê-ni

Ô-nhê-ghin" của A.Pu-skin bằng tiếng Nga, nhưng dùng chữ cái La-tinh. - *255.*

223 Bản thảo này là những nhận xét mở đầu và kết thúc của C.Mác về "Cương lĩnh chính trị" của viên tướng Hung-ga-ri Đi-ốc-đi (Ghê-oóc) Cláp-ca - người tham gia cuộc cách mạng 1848-1849. Văn kiện này được Mác quan tâm vì nó chứng tỏ những sự bất đồng trong nội bộ giới lưu vong Hung-ga-ri và sự bất bình của những nhóm người nhất định trong số họ đối với những cung cách độc đoán của Cô-sút. Ngoài ra, những xu hướng thân Bô-na-pác-tơ, mà một bộ phận đáng kể giới lưu vong dân chủ tư sản và tiểu tư sản trong những năm 50 thế kỷ XIX chịu ảnh hưởng của nó, đã làm cho Mác phải chú ý đề phòng. Như chúng ta thấy qua bức thư của Mác đề ngày 10 tháng Năm 1852 gửi Clút-xơ, Mác chuẩn bị công bố những nhận xét của mình trên báo "New-York Daily Tribune" (xem Toàn tập t.28, 1996, tr. 682), ông không yên tâm trước tình hình là Cláp-ca có ý định tham gia các hoạt động vũ trang chống sự thống trị của Áo, được những người ủng hộ Cô-sút và Mát-di-ni chuẩn bị ở Hung-ga-ri và I-ta-li-a. Mác cho rằng ý định tổ chức những hoạt động đấu tranh cách mạng trên lục địa, sau khi cuộc cách mạng năm 1848-1849 thất bại, chỉ có thể làm lợi cho thế lực phản động đã thắng thế và đặc biệt là cho chế độ Đế chế thứ hai. Ý muốn của Mác dưới hình thức này vẫn chưa được thực hiện, song mấy tháng sau, vào tháng Chín 1852, Mác phát biểu trên báo "New - York Daily Tribune" chống những xu hướng nguy hiểm ấy trong các bài "Hoạt động của Mát-di-ni và Cô-sút.- Liên minh với Lu-i Na-pô-lê-ông- Pan-móc-xtơn", "Cô-sút, Mát-di-ni và Lu-i Na-pô-lê-ông" (xem Toàn tập, t.8, 1993, tr. 489-492, 523-524). - *256.*

224 Những nhận xét của C.Mác về quan điểm của nhà kinh tế học tư sản tầm thường Mỹ, Hen-ri Sác-lơ Kê-ri, được rút ra từ bài viết của thành viên Liên đoàn những người cộng sản A-đôn-phơ Clút-xơ ""Tờ báo ưu tú của Hoa Kỳ" và "những người ưu tú" của nó và các nhà kinh tế chính trị học", bài viết được tờ báo công nhân ở Niu-Oóc "Die Reform" đăng vào tháng Chín 1853. Bài viết của Clút-xơ chứa đựng việc phê phán sự bất đồng về tư tưởng trong giới lưu vong tiểu tư sản Đức ở Thế giới cũ và Thế giới mới, phê phán quan điểm của các nhà kinh tế học Mỹ và đã giải thích lập trường của những người cách mạng vô sản do Mác lãnh đạo. Khi viết bài này, Clút-xơ sử dụng rộng rãi những bức thư của Mác và Ăng-ghen trong những năm 1852-1853, gửi cho bản thân ông và gửi cho Vây-đơ-mai-ơ. Ngày 11 tháng Chín 1853, ông viết cho Mác rằng tuy ông công bố bài viết nhân danh mình, nhưng nó là sự đánh cắp văn của Mác ("Sie bloß von Euch zusammengestohlener Zeug ist").

Văn bản của Mác khác văn bản của bản thân Clút-xơ trước hết ở chỗ trái với Clút-xơ,

ông đề cập những vấn đề lý luận căn bản của sự phát triển chủ nghĩa tư bản ở Mỹ, vị trí của chủ nghĩa tư bản ở Mỹ trong toàn bộ hệ thống các quan hệ tư bản chủ nghĩa và những nét đặc thù - gắn liền với điều đó - của tư tưởng kinh tế ở nước này, mà đại biểu là nhà kinh tế học cỡ lớn nhất của nó là H.S.Kê-ri. Clút-xơ đã đưa hết những đoạn lấy trong các bức thư của Mác vào bài viết của mình, thay đổi một cách tối thiểu cách hành văn và bổ sung thêm một số điểm (những điểm này được nói thêm trong các chú thích) nhằm trình bày toàn bộ văn bản một cách mạch lạc. Sự gắn gũi và đôi khi cả sự đồng nhất trực tiếp của nội dung những đoạn nói trên với những điều đã nói về các quan điểm của Kê-ri, trong các bức thư của Mác gửi Ăng-ghen ngày 14 tháng Sáu 1853 và gửi Vây-đơ-mai-ơ ngày 5 tháng Ba 1852, đã nói lên điều đó. Trong bức thư gửi Ăng-ghen ngày 8 tháng Mười 1853, sau khi đánh giá tốt tác phẩm đó của Clút-xơ, Mác đã trực tiếp chỉ ra: "Trong bài của mình chống tờ "Neu-England-Zeitung", cậu ấy, như tôi cảm thấy, đã tập hợp khá thành công những chỗ thích hợp trong thư của tôi về Kê-ri v.v." (Toàn tập, t.28, 1996, tr. 354-356, 396-397, 660-661).

Việc trao đổi thư từ về những vấn đề này giữa Mác và Clút-xơ vẫn được tiếp tục cả sau khi bài này được công bố.

Văn bản của Mác được in lần đầu bằng tiếng Nga trong tạp chí "Nước Mỹ. Kinh tế, chính trị, tư tưởng" số 5, năm 1977. · *259.*

225 Trước câu này, Clút-xơ viết đoạn văn sau đây: "Lý luận kinh tế tư sản bảo thủ, mà *những người xã hội chủ nghĩa (Sozialen) thuộc tất cả mọi phái* thẳng thừng chống lại, lý luận của người Mỹ Kê-ri và người Pháp Ba-xti-a được dâng tặng cho công chúng cả tin (và lại, xét theo tiếng kêu cứu lâu dài của báo "Neu - England - Zeitung" và theo tin đồn đang lan truyền, nếu giả thuyết về công chúng thì quá sớm) với tư cách là phát hiện mới nhất của Đức và Mỹ, với tư cách là "*sự tổng hợp tối cao*" của kinh tế chính trị học. Chúng ta sẽ thấy rằng ở khắp những nơi mà *sự tổng hợp tối cao* khoa trương dám xâm nhập vào đời sống thực tế, thì nó đều tiếp tay cho *các nhà chức trách* như là một công cụ sẵn sàng phục vụ. Ban biên tập báo "Neu-England-Zeitung" hình như chưa làm vấy bẩn lối suy nghĩ trong trắng của mình bằng việc nghiên cứu các luận văn có đặc tính vật chất rắc rối như những luận văn về kinh tế chính trị học. Ngày ngày chúng ta thấy rằng các các cuộc tranh luận của nó về những vấn đề xã hội chỉ thích hợp cho các bãi đổ rác. Học thuyết được nhắc tới ở trên, cùng với bản thân ông Ba-xti-a, đã bị các tòa án xã hội chủ nghĩa châu Âu lên án dứt khoát vào năm 1849, trong thời gian luận chiến trên báo "Voix du peuple" của Pru-đông; sự diễn biến tiếp theo của lịch sử từ lâu đã

làm cho học thuyết phản ánh thời kỳ lịch sử được xác định chặt chẽ ấy mất mọi cơ sở trong xã hội Âu châu".

Đoạn văn này là của Clút-xơ, điều này cũng được bức thư của ông ta đề ngày 4 tháng Chín 1853 gửi Mác khẳng định. Những điều xét đoán của Clút-xơ về cuộc luận chiến của Ba-xti-a với những người xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản (ở đây trước hết có ý nói cuộc luận chiến của Ba-xti-a với Pru-đông vào năm 1850) không giống sự đánh giá của Mác (xem Toàn tập, t.16, 1994, tr.47-48; t. 26, ph.III, 1995, tr. 737; t. 27, 1996, tr. 546).

"Neu-England-Zeitung" ("Báo nước Anh mới") - tờ báo dân chủ do nhà dân chủ tiểu tư sản Ê-đu-ác Sê-gơ xuất bản bằng tiếng Đức ở Bô-xtơn; được thành lập vào năm 1852. Cộng tác với báo này có A. Ru-gơ, A. Guê-gơ, C. Hai-nơ-txen và những phần tử cấp tiến tư sản và những người dân chủ tiểu tư sản Đức khác. Một thời gian báo này đăng bài của I.Vây-đơ-mai-ơ. - *259.*

226 Về sau, khi viết bộ "Tư bản", Mác đã trích khá tỉ mỉ quyển sách này của Uây-len-đơ và ghi những đoạn trích ấy vào quyển vở đặc biệt của ông trong những năm 1859-1862. - *259.*

227 Tiếp theo là câu do Clút-xơ chêm thêm vào văn bản của Mác: "Chúng tôi sẽ tóm tắt ngắn gọn những nguyên lý cơ bản của học thuyết đã được Ba-xti-a trình bày trong tác phẩm "Hài hòa xã hội" của ông với dáng vẻ yêu kiều và dưới hình thức dễ hiểu, nhưng được Kê-ri tuyên truyền mà hoàn toàn không có tài trình bày, không có năng khiếu khái quát và không chính xác. Không thể phủ nhận là H.S. Kê-ri có một số tri thức tích cực và thậm chí có những ý tưởng kiểu diễm độc đáo". Về việc Mác đánh giá so sánh Kê-ri và Ba-xti-a, xem Toàn tập, t.46, ph.I, 1999, tr. 12, 14, 20-22, 326. - *259.*

228 Ở đây tác giả sử dụng tên gọi quyển sách của hai nhà dân chủ tiểu tư sản Đức T. Puê-sê và C. Guếp-pơ: "The New Rome. The United States of the World", xuất bản ở Phi-la-đen-phi-a năm 1853. - *260.*

229 Trong câu này ta có thể thấy rõ sự can dự của Clút-xơ, bức thư của ông gửi Mác đề ngày 11 tháng Chín 1853 chứng tỏ điều đó. Trong bức thư của Mác gửi Vây-đơ-mai-ơ đề ngày 5 tháng Ba 1852 - bức thư mà Clút-xơ vay mượn những ý này từ đó, - có nói: Kê-ri "cố gắng bác bỏ họ [những nhà kinh tế học châu Âu - Ri-các-đô, Man-tút, Min, Xây và những người khác.- *BT*], nhưng không phải như cách Hai-nơ-txen ngu ngốc đang làm, ông này gắn sự tồn tại của các giai cấp với sự hiện diện của những đặc quyền đặc lợi và *độc quyền chính trị*. Kê-ri muốn trình bày rằng các điều kiện *kinh tế* - địa tô (sở hữu ruộng đất), *lợi nhuận* (tư bản) và tiền công (lao động làm thuê) - là những điều

kiện của liên hợp và hài hòa, chứ tuyệt nhiên không phải là điều kiện của đấu tranh và đối kháng" (Toàn tập, t.28, 1996, tr. 661). - *260*.

230 Đây là nói quyển sách của Kê-ri "Essay on the Rate of Wages: with an Examination of the Causes of the Differences in the Condition of the Labouring Population throughout the World". New-York, [1835], p. 194-210, 213-220, 228, 230 etc. - *261*.

231 Ở đây Mác có ý nói đến quyển sách của Kê-ri "The Slave Trade, Domestic and Foreign: why it exists, and how it may be extinguished". Philadelphia, 1853. Cũng năm ấy, cuốn sách này được xuất bản bằng cách in bản đúc ở Luân Đôn. Trong quyển sách này, Kê-ri (tr. 203-204) đã trích dẫn bài của Mác "Bầu cử.- Những khó khăn về tài chính.- Công tước phu nhân Xa-thơ-len và chế độ nô lệ" công bố trên báo "New-York Daily Tribune" ngày 9 tháng Hai 1853 (xem Toàn tập, t. 8, 1993, tr. 665-667). Mác tìm hiểu quyển sách của Kê-ri qua bản mà tác giả gửi đến cho ông, và ngày 14 tháng Sáu 1853, trong thư gửi Ăng-ghen, ông làm bản tổng thuật phê phán vắn tắt, mà những điểm cơ bản được nêu lại trong bản phác thảo này (xem Toàn tập, t. 28, 1996, tr. 354-356).

Tiếp theo là câu Clút-xơ chêm thêm vào văn bản của Mác: "Ông sẽ ngạc nhiên biết nhường nào khi biết rằng những kẻ bú sữa Đức coi sự tăng cường ào ạt sức mạnh của tư bản lớn là sự hình thành hòn tuyết tinh thần "ăng-glô-xắc-xông" của sự phi tập trung hóa và của tính cá biệt". - *261*.

232 Tiếp theo là câu của Clút-xơ: "Vì ngay cả trường phái Kê-ri cũng hoàn toàn không nhận thấy điều này, nên về phía chúng ta, tất nhiên sẽ hoàn toàn không công bằng nếu đòi hỏi những nhà hoạt động nhà nước đã rơi vào tình trạng lụn bại và những nhà kinh tế học nhà nước mới ra lò ở báo "Neu - England - Zeitung" phải có khái niệm, dù chỉ là chung chung, về điều này, vì họ ngập đến tai trong đống phân tư sản và còn rất xa mới hiểu được ý nghĩa lịch sử của trào lưu mà tự họ đã học thuộc lòng". - *262*.

233 Tiếp theo là đoạn văn của Clút-xơ và bằng đoạn văn này ông kết thúc việc phê phán Kê-ri và các môn đồ của ông ta: "Tất cả những sự thực ấy dĩ nhiên không thể hiểu được đối với "nỗi sợ hãi tinh táo trước chiếc gậy và lý trí thô lậu" của những thằng nhóc La Mã người Phi-la-đen-phi-a - những người từng lấy ở tạp chí bảo thủ nào đó cái đạo lý tuồng như hôm nay nữ công nhân ở Lô-ven kiếm được gấp ba so với cách đây 30 năm. Xét đoán theo kết luận sáng suốt ấy, nữ công nhân thời ấy hẳn chỉ được ăn 4 1/2 ngày trong một tuần, còn sự trần truồng của họ thì may ra họ cũng chỉ có thể che đậy được bằng chiếc lá nho. Thành phố nói chung chỉ xuất hiện trong 30 năm gần đây và từ hai trăm khẩu kéo lê cuộc sống thực vật, bình lặng tăng lên thành một thành thị công xưởng

với ba mươi sáu nghìn dân; ngày nay khoảng một phần ba số dân ấy gồm nữ công nhân (năm phần tám số dân Lô-ven gồm phụ nữ và chỉ có ba phần tám là đàn ông, song chúng tôi cho rằng trên thực tế sự không cân đối đó gay gắt hơn nhiều), mà với thu nhập bình quân hàng tuần ba đô-la còn đắp đổi lần hồi, nghĩa là tiền công của họ dao động xung quanh giá cả trung bình ấy theo cách trong thời buổi thuận lợi họ có thể bỏ vào qũi tiết kiệm một pphen-ních, mà họ lại đem ra tiêu để sống khi đời sống làm ăn hoặc hoàn toàn lắng xuống, hoặc ngày lao động rút ngắn xuống một nửa; một bộ phận lớn số công nhân ấy bị sức mạnh hoàn cảnh, chứ không phải bị những quy định pháp luật dân chủ, đẩy vào cảnh sống không hôn thú - tất cả những cái đó là những điều mà kẻ săn lùng chức vị "dân chủ" dự bị không được phép thấy, ngay cả nếu cho rằng anh ta có thể thấy điều đó.

Tất nhiên tại đây, ở Mỹ, chúng ta không thể phủ nhận "sự bình đẳng về khả năng cho các cá nhân, mà vượt qua nó một số người (nghĩa là người La Mã ở Phi-la-đen-phi-a) không thể thấy gì cả"; cơn sốt vàng đã tác động khá lâu với tư cách phái viên dân chủ La Mã, còn sự bình đẳng về khả năng thì được biểu lộ ở Tân Oóc-lê-ăng. Nhưng ông nhóc ơi, khả năng bình đẳng nằm ở phía bên kia chân trời tư sản, chỉ có tầm mắt thoáng rộng hơn, không bị bất kỳ định kiến nào trói buộc của nhà cải tạo [C.Mác.- *BT*] nắm được *trọn vẹn* vấn đề công nhân hiện đại mới bao quát được khả năng ấy". - *263.*

234 Bài viết của C. Mác "Đa-vít Uốc-các-tơ" để đăng trên báo "Die Reform", đã được Clút-xơ trình bày dưới dạng này, như toát lên qua bức thư của ông đề ngày 7 tháng Chạp 1853 gửi Vây-đơ-mai-ơ, và qua những nhận xét của Mác về Uốc-các-tơ đã gửi đến cho Clút-xơ. Đối với Mác, đối tượng cơ bản để phê phán các quan điểm của Uốc-các-tơ là quyển sách: D. Urquhart. Progress of Russia in the West, North and South, Ld., 1853. Đoạn đầu của bài "Đa-vít Uốc-các-tơ" có lẽ là của Clút-xơ, hoặc nó được Clút-xơ sửa. Bài "Đa-vít Uốc-các-tơ" được in lần đầu tiên bằng tiếng Nga trong chú thích 761 cho tập 28 Toàn tập của C. Mác và Ph. Ăng-ghen. - *264.*

235 Như thấy rõ qua bức thư của Clút-xơ đề ngày 7 tháng Chạp 1853 gửi Vây-đơ-mai-ơ, đây là nói bài viết của Giôn-xơ. - *264.*

236 Trong Sổ tay của Mác ghi chép trong những năm 1850-1854 có đoạn ghi sau đây về việc gửi bài này đi Niu-Oóc: "Thứ Sáu ngày 31 tháng Ba. Linh tinh: thuế thu nhập, ông Bai-nơ-xơ, O. Uyn-xơ, Pre-xtơn". Khi công bố bài viết, ban biên tập đã bỏ đi phần bài của Mác, trong đó ông phân tích phê phán quyển sách của nhà chính luận cấp tiến Anh Oa-sinh-tơn Uyn-xơ "Pan-mốc-xtơn trong ba thời đại" (W. Wilks. "Palmerston in three

Epochs: a Comparision of Facts with Opinions". London, 1854). Bức thư của Mác đề ngày 4 tháng Tư 1854, gửi Ăng-ghen (xem Toàn tập, t. 28, 1996, tr. 445) cho ta hình dung được những nhận xét phê phán của ông đối với quyển sách này.

Bài này được in theo bản sao chụp tờ báo chất lượng rất tồi. Những từ đặt trong ngoặc vuông là những từ không đọc được một cách dứt khoát. - *267.*

237 *Dự luật về thuế thu nhập* - đây là nói đến việc Glát-xtôn đề nghị tăng gấp đôi suất thuế thu nhập trong sáu tháng, nhân việc nước Anh sắp tham gia Chiến tranh Crưm. Ngày 27 tháng Ba 1854, Anh tuyên chiến với Nga, ngày 30, sau lần thảo luận thứ ba, dự luật về thuế thu nhập được thông qua. - *267.*

238 Dây muốn nói đến việc Chính phủ Anh công bố Sách xanh: "Correspondence respecting the Rights and Privileges of the Latin and Greek Churches in Turkey". London, 1854. Tài liệu của cuốn sách này được phân tích trong các bài viết của Mác "Những tài liệu về việc chia cắt Thổ Nhĩ Kỳ" và "Thư tín ngoại giao bí mật" (xem Toàn tập, t. 10, 1993, tr. 155-166 và 167-183). - *267.*

239 Nhận định tỉ mỉ ngân sách do Glát-xtôn đưa ra ngày 18 tháng Tư 1853, xin xem trong những bài của Mác "Phéc - giuýt-Ô' Cô-no.- Sự thất bại của nội các.- Ngân sách", "Đồng pao, si-linh, pen-ni, hay là ngân sách có tính chất giai cấp và nó có lợi cho ai", "Những vụ lộn xộn ở Công-xtăng-ti-nô-plơ.- Thuật gọi hồn ở Đức.-Ngân sách", " Xà phòng cho nhân dân, miếng ngon cho tờ"Times". - Ngân sách của nội các liên hiệp". (Toàn tập, t.9,1993,tr.80-87,88-93,94-99,105-114). - *267.*

240 Đoạn trích bài nói của Pa-kinh-tơn được Mác dẫn theo bản công bố trên báo "Times"số 21703, ngày 31 tháng Ba 1854. - *267.*

241 Dây muốn nói đến nội các liên hiệp những năm 1852-1855 của Giooc-giơ A-bớc-đin. Tham gia nội các A-bớc-đin ("nội các của tất cả mọi tài năng") có các đại biểu của đảng Vích, của phái Pin và của nhóm nghị sĩ Ai-rơ-len trong nghị viện Anh. - *268.*

242 *"Con người ốm yếu"* - thành ngữ được Ni-cô-lai I dùng đối với Thổ Nhĩ Kỳ trong buổi hội đàm ngày 9 tháng Giêng 1853 và trong những cuộc hội đàm tiếp sau đó với công sứ Anh Gi. H. Xây-mu-rơ ("Correspondence...", Part V, p. 877). - *268.*

243 *"Vị tín đồ ngọt ngào của giáo phái Pi-u-đi"* - Mác gọi Glát-xtôn như vậy. Giáo phái Pi-u-đi là một trào lưu trong giáo hội Anh mà Glát-xtôn theo; để nhấn mạnh sự giả dối và giả nhân giả nghĩa của Glát-xtôn, Mác thường gọi ông ta là "ngọt ngào" (chẳng hạn, xem Toàn tập, t. 9, 1993, tr. 101). Ở bên dưới Mác dẫn một đoạn trong bài phát biểu

của Glát-xtôn theo bài diễn văn của Pa-kinh-tơn ("Times" 31. III.1854). - *268*.

244 Ở đây Mác có ý nói đến bài viết của mình "Phéc-giuýt Ô' Cô-no.- Sự thất bại của nội các.- Ngân sách" đăng trên báo "New-York Daily Tribune" ngày 3 tháng Năm 1853 (xem Toàn tập, t. 9, 1993, tr. 80-87). - *268*.

245 Khi gọi Glát-xtôn như vậy, Mác sử dụng tên lóng của nhà triết học kinh viện thời trung cổ Đun-xơ Xcốt - "Tiến sĩ Xúp-ti-lít" ("Doctor Subtilis" - "Tiến sĩ tinh tế"). - *268*.

246 *Công ty Nam Hải* bị phá sản vào năm 1720, sự phá sản của nó đã góp phần làm tăng nợ nhà nước của nước Anh. Theo dự án cải cách tài chính năm 1853, Glát-xtôn dự định hạ thấp lợi tức cổ phiếu của công ty này từ 3% xuống còn 2 3/4 %. Về việc đánh giá đề nghị của ông ta, xem Toàn tập, t.9, 1993, tr. 64 và 74. - *269*.

247 Nhân phong trào bãi công quy mô lớn của giai cấp vô sản Anh dâng cao vào năm 1853, một nhóm người thuộc phái Hiến chương, đứng đầu là Giôn-xơ, đã đưa ra ý tưởng xây dựng tổ chức công nhân rộng lớn "Phong trào quần chúng", tổ chức này phải liên kết cả các hội công liên lẫn công nhân chưa được tổ chức, trước hết nhằm phối hợp những cuộc bãi công ở những vùng khác nhau của đất nước. Lãnh đạo tổ chức này phải là Nghị viện công nhân, được triệu tập định kỳ, gồm những đại biểu được bầu tại các cuộc mít-tinh của công nhân chưa vào tổ chức và tại các hội nghị của những hội công liên đã tham gia "Phong trào quần chúng". Nghị viện công nhân được triệu tập ở Man-se-xtơ ngày 6 tháng Ba 1854 và đã họp đến ngày 18 tháng Ba 1854. Nó đã thảo luận và thông qua cương lĩnh của "Phong trào quần chúng" và đã thành lập Ban chấp hành gồm 5 người.

Song ý định tổ chức "Phong trào quần chúng" đã không thành công, vì đa số thủ lĩnh các hội công liên không tán thành đấu tranh chính trị, không ủng hộ ý tưởng xây dựng tổ chức quần chúng công nhân thống nhất. Sự suy thoái của phong trào bãi công vào mùa hè năm 1854 cũng đã ảnh hưởng tiêu cực đến sự tham gia của quần chúng công nhân đông đảo vào phong trào. Sau tháng Ba 1854 Nghị viện công nhân không họp nữa. - *271*.

248 Mác có ý nói đến bài xã luận của báo "The Morning Post", số 25033, ngày 27 tháng Ba 1854. - *271*.

249 Đây muốn nói đến một trong những tình tiết của cuộc bãi công lớn nhất hồi đó của công nhân Anh, bắt đầu vào tháng Tám 1853 ở thành phố Pre-xtơn. Về tiến trình cuộc bãi công và ý nghĩa của nó, xem Toàn tập, t.9, 1993, tr. 439-440, 544-548, 575-577.

605-607; t. 10, 1993, tr.258-259, 711-712. – *271.*

250 *Phác-mơ-xơ-am-xơ* (Farmer's Arms) - gian phòng làm trụ sở của Ủy ban công nhân trong thời gian diễn ra cuộc bãi công của công nhân dệt Pre-xtơn. - *271.*

251 Tiếp theo Mác sử dụng những số liệu thực tế lấy từ bài viết của E. Giôn-xơ "The Cottonlaw of Preston. Who are the real Conspirators?" đăng trên báo "The People's Paper" ngày 25 tháng Ba 1854. - *271.*

252 *Đạo luật về bạo loạn* (Riot act) đã ủy nhiệm cho các nhà đương cục địa phương dùng vũ lực giải tán các hội nghị của "những người vi phạm trật tự", đồng thời truy tố hình sự đối với những người tham dự những hội nghị ấy. Lệnh giải tán được đọc trước đám đông và sau một giờ, nếu không phục tùng, thì nổ súng bắn. - *272.*

253 Dây muốn nói đến những công nhân được tuyển mộ, được các chủ xưởng chở tới Pre-xtơn nhằm phá hoại cuộc bãi công ("Times" số 21694, ngày 21.III.1854). - *273.*

254 Văn bản các nghị quyết được Mác dẫn ra theo bài "Prosecution of the Lancashire Leaders" đăng trên báo "The People's Paper" ngày 1 tháng Tư 1854. Theo cách làm thông thường lúc bấy giờ, báo "People's Paper" ngày 1 tháng Tư ra chiều ngày 31 tháng Ba và đã được Mác sử dụng để viết bài này ngay tối hôm đó. - *275.*

255 Nhân cuộc Chiến tranh Crưm nổ ra, Ăng-ghen đã tỏ ý muốn cộng tác với tờ báo của phái tự do "Daily News" ở Luân Đôn với danh nghĩa là người bình luận quân sự, do đó ngày 30 tháng Ba ông đã gửi cho ban biên tập bài viết "Pháo đài Crôn-stát" (xem Toàn tập, t. 10, 1993, tr. 698-704), còn sau ngày 3 tháng Tư 1854 thì theo đề nghị của chính ban biên tập, ông gửi bài "Quân đội Nga"; bài này sẽ mở đầu loạt bài về lực lượng lục quân và hải quân Nga. Bài này đã sắp chữ, và Ăng-ghen nhận được bản in thử chắc là vào ngày 12 tháng Tư 1854, cùng với bức thư của chủ bút báo H. Gi. Lin-côn, hỏi Ăng-ghen xem ông đồng ý viết cho báo này với điều kiện nào. Ăng-ghen đặt những hy vọng lớn vào việc cộng tác với báo "Daily News"; ông dự tính rằng việc làm cố định ở báo sẽ cho phép ông thôi hoạt động thương mại và chuyển sang Luân Đôn ở. Song như thấy rõ qua bức thư của Ăng-ghen gửi Mác đề ngày 20 tháng Tư 1854, sau khi biết quan điểm chính trị của Ăng-ghen, Lin-côn bèn hủy bỏ thỏa thuận trước đây. Ăng-ghen đã phát triển một số điểm trong bài "Quân đội Nga" ở những tác phẩm "Lực lượng quân sự của Nga" và "Các quân đội châu Âu" mà ông công bố trên báo "New-York Daily Tribune" và trong nguyệt san "Putnam's Monthly" (xem Toàn tập, t.10, 1993, tr. 582-587; t.11, 1993, tr. 533-619). - *276.*

256 Ăng-ghen có ý nói đến quyển sách của tác giả Anh S. Ph. Hen-ních-xen - người tham gia phong trào của dân miền núi Đa-ghe-xtan và Sê-si dưới sự lãnh đạo của Sa-min - "Revelations of Russia", ra mắt ở Luân Đôn năm 1844. Sách này nổi tiếng khá rộng rãi ở châu Âu. Về sau tác giả cuốn sách này trở thành người tham gia cuộc cách mạng năm 1848-1849 ở Hung-ga-ri và Nội chiến ở Mỹ. - *276.*

257 Đây muốn nói đến cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ trong những năm 1828-1829. - *282.*

258 Bài viết của C. Mác và Ph. Ăng-ghen "Cuộc chiến tranh châu Âu" mà trong Sổ tay của Mác không ghi chú gì, lúc đầu là một phần của bài viết của ông "Những cuộc tranh luận ở nghị viện về chiến tranh" (xem Toàn tập, t.10, 1993, tr. 194-205) được Mác gửi đi Niu-Oóc ngày 4 tháng Tư 1854. Ban biên tập báo "Tribune" đã chia bài này thành ba đoạn, công bố riêng từng đoạn một, làm cho nó mang dáng vẻ bài xã luận do chính ban biên tập viết. Sự can thiệp đó của ban biên tập vào văn bản ban đầu của Mác và Ăng-ghen bộc lộ một cách rõ rệt.

Ở *đoạn thứ nhất* - hai dòng đầu và câu: "Tuy nhiên, thông tín viên thạo tin của chúng tôi ở Luân Đôn cho rằng đây là trò bịa đặt của bọn người hoạt động ở sở giao dịch" là do ban biên tập viết. Phần lớn đoạn này từ những chữ "Thật ra, hình như hoàn toàn hiển nhiên..." đến cuối là do Ăng-ghen viết; nó trùng khớp hầu như nguyên văn với bức thư của Ăng-ghen gửi Mác đề ngày 3 tháng Tư 1854 (xem Toàn tập, t. 28, 1996, tr. 441-442). Phần còn lại của đoạn này là của Mác.

Ở *đoạn thứ hai*, việc so sánh đoạn này với đoạn thứ tư và đoạn thứ năm của bài "Những cuộc tranh luận ở nghị viện về chiến tranh" cho thấy ban biên tập cũng đối xử tùy tiện với tài liệu của Mác, tuy ở đây khó xác định hơn về mức độ can thiệp, song sự can thiệp đó hầu như không thể nghi ngờ trong câu: "Nếu như các điều kiện ấy được đưa ra công khai sớm hơn, thì chúng sẽ giảm được đáng kể nguy cơ chiến tranh, bởi vì không nghi ngờ gì cả, sự giải phóng như vậy chính là điều mà các nước đồng minh mong muốn". Ban biên tập cũng viết cả câu cuối cùng trong đoạn này: "Không nghi ngờ gì nữa, điều đó sẽ thấy rõ khi mà chuyến tàu biển tiếp theo sẽ chuyển đến cho chúng tôi thông tin đầy đủ".

Đoạn thứ ba, về nội dung, ở nhiều điểm, giống với những bài viết của Mác "Cuộc khởi nghĩa của người Hy Lạp", "Tuyên chiến.- Bàn về lịch sử phát sinh vấn đề phương Đông", cũng như giống với bài "Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ.- Thổ Nhĩ Kỳ và các cường quốc phương Tây.- Việc buôn bán lúa mì giảm đi ở Anh" viết về sau (xem Toàn tập, t. 10,

1993, tr. 146-149, 184-193, 222-225). - *284.*

259 Vào tháng Ba 1854, vua Phổ Phri-đrích Vin-hem IV đề nghị Ni-cô-lai I rút quân đội ra khỏi các công quốc vùng Đa-nuýp để tránh xung đột. Trong thư phúc đáp, Ni-cô-lai I bày tỏ đồng ý với điều kiện các cường quốc phương Tây đảm bảo giải phóng những người theo đạo Cơ Đốc ở Thổ Nhĩ Kỳ và rút hạm đội của mình khỏi biển Đen. Mác lấy những thông tin về cuộc đàm phán ấy từ những tài liệu công bố trên báo "Times" ngày 4 tháng Tư 1854. - *286.*

260 Dây muốn nói đến những bất đồng ý kiến nảy sinh trong giới cầm quyền Thổ Nhĩ Kỳ nhân việc hiệp ước liên minh quân sự Pháp, Anh và Thổ Nhĩ Kỳ được ký ngày 12 tháng Ba 1854. Giáo trưởng đạo Hồi A-rip Hích-mét-bây và chủ tịch Hội đồng quy định pháp lý tối cao Ri-pha-át-pa-sa chống lại bất cứ sự thỏa hiệp nào trong vấn đề địa vị của các tín đồ đạo Cơ Đốc ở Thổ Nhĩ Kỳ và họ đã bị miễn nhiệm. - *287.*

261 Bài của Ph. Ăng-ghen "Cuộc chiến tranh Thổ Nhĩ Kỳ" được ông viết ngày 24 tháng Tư 1854, điều đó thấy rõ qua bức thư của Ăng-ghen gửi Mác đề ngày 21 tháng Tư 1854 (xem Toàn tập, t. 28, 1996, tr. 451-453) và lời ghi chú trong Sổ tay của Mác về việc gửi bài ấy đi Niu-Oóc: "Thứ ba, ngày 25 tháng Tư. Bài viết quân sự". Bài "Cuộc chiến tranh Thổ Nhĩ Kỳ" nhận được ở Niu-Oóc chậm đáng kể, vào ngày 14 tháng Năm. Thế nhưng ban biên tập báo muốn có các bài viết quân sự của Ăng-ghen, nên đã sử dụng tài liệu gửi đến và đã công bố nó làm xã luận. Đồng thời nó đã làm cho tài liệu ấy có dạng một bài viết trên cơ sở những tin tức muộn hơn nhận được với chuyến tàu thủy "Đại Tây Dương" rời châu Âu sau đó một tuần, vào ngày 3 tháng Năm 1854. Nhằm mục đích đó, ban biên tập đã thêm vào bài viết của Ăng-ghen đoạn thứ nhất điểm tin tức về việc hải quân đồng minh bắn phá Ô-đét-xa, được đăng trong chính số báo "New - York Daily Tribune" ấy trong mục "Chiến tranh". Có thể sự đánh giá mỉa mai ở cuối đoạn về sự dũng cảm của đô đốc Đan-đát được ban biên tập báo "Tribune" lấy từ bài viết của Mác "Cuộc bắn phá Ô-đét-xa.- Hy Lạp.- Lời kêu gọi của hầu tước Đa-ni-lô xứ Séc-nô-gô-ri-a.- Diễn văn của Man-toi-phen" được đăng trong chính số báo ấy (xem Toàn tập, t.10, 1993, tr. 233-240). Đoạn thứ nhất của bài "Cuộc chiến tranh Thổ Nhĩ Kỳ" được in lại toàn văn dưới đây:

"Hôm qua, tàu thủy "Đại Tây Dương" đã đem lại thông báo về cuộc tấn công thực sự lần thứ nhất của hạm đội Anh và hạm đội Pháp vào quân Nga ở biển Đen. Có lẽ, chiếc tàu chiến chạy bằng hơi nước của Anh "Phu-ri-ốt" cắm cờ sứ giả thương thuyết đến gần Ô-đét-xa để đưa lãnh sự Anh và lãnh sự Pháp rời khỏi đó, và, sau khi họ được

đưa lên tàu thì bị bắn từ một phía bờ. Người Anh coi hành động đó là sự vi phạm vô trách nhiệm đối với quyền của cờ sứ giả thương thuyết, đòi hỏi sự vi phạm đó phải bị trả thù ngay lập tức. Về phía mình, người Nga khẳng định rằng sau khi các viên lãnh sự bước lên thì tàu vẫn ở trong bến, để các viên sĩ quan có thể vẽ các công sự, và tàu bị bắn nhằm mục đích duy nhất là chấm dứt những hành động trái phép ấy. Dù ở đấy có thế nào đi nữa, đô đốc Anh và đô đốc Pháp cũng quyết định cần phải hành động, và để làm việc đó đã phái những lực lượng lớn để bắn phá thành phố. Rõ ràng là hành động ấy được tiến hành không lấy gì làm oanh liệt lắm, vì theo tin tức hiện có, tuy chúng tôi còn chưa có những báo cáo chính thức, trong thời gian khống chế hỏa lực của các khẩu đội pháo bờ biển, đốt những tàu buôn đậu ở trong cảng với một số lượng nhỏ, và phá hủy lâu đài của công tước Vô-rôn-txốp ở cách bờ không xa, một số tàu chiến Anh bị hư hỏng rất nghiêm trọng. Bản thân thành phố nằm trên đỉnh đồi, tương đối xa bờ thì không bị thiệt hại. Sau khi trả thù bằng cách ấy, các tàu chiến lại ra khơi. Có lẽ đô đốc Dan-đát đã chấp nhận lời khuyên của một trong những sĩ quan của ông ta trong bức thư được công bố ở Luân Đôn khuyên ông ta đừng quá sốt sắng và đừng sa vào những công việc khó khăn và nguy hiểm và lấy lời khuyên ấy làm kim chỉ nam cho hành động". — *289.*

262 Đây muốn nói đến cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ những năm 1828-1829.- *289.*

263 Sau này lịch sử pháo đài Xi-li-xtơ-ri được Ăng-ghen trình bày tỉ mỉ hơn một chút trong bài "Cuộc bao vây Xi-li-xtơ-ri" (xem Toàn tập, t. 10, 1993, tr. 299-300).- *290.*

264 Tác giả của bài này được xác định trên cơ sở những bức thư của Ăng-ghen gửi Mác đề ngày 1,6 và 9 tháng Năm 1854, trên cơ sở lời ghi trong Sổ tay của Mác về việc gửi bài quân sự đi Niu-Oóc ngày 5 tháng Năm ("Ngày 5 tháng Năm, thứ sáu. Bài quân sự"), và trên cơ sở so sánh văn bản bài này với những điều công bố của báo "Times" làm nguồn tư liệu cho Ăng-ghen để mô tả chiến sự trên mặt trận vùng Đa-nuýp. Trong bài (câu thứ nhất của đoạn đầu, câu cuối của đoạn thứ hai và một số trường hợp khác) thấy rõ sự can thiệp của ban biên tập báo "Tribune" vào văn bản của Ăng-ghen. — *293.*

265 Đây muốn nói đến tin điện từ Viên được đăng trên báo "Times" số 21732, ngày 4 tháng Năm 1854 dưới đầu đề "Defeat of the Russians". - *294.*

266 Những nghi ngờ của Ăng-ghen về tính xác thực hoàn toàn của những tư liệu về "thắng lợi có tính chất quyết định" của Ô-me-rơ-pa-sa ở gần Séc-na-vô-đa đã hoàn toàn được xác nhận. Ngày 9 tháng Năm 1854, báo "Times" đăng bài viết của phóng viên của chính tờ báo gửi từ Viên, trong đó phóng viên ấy coi sự kiện đó là cuộc đụng độ thông thường

của quân đội hai bên đối địch và cho rằng số liệu về tổn thất của quân Nga là phóng đại. - *294.*

267 Những từ này do ban biên tập báo "New - York Daily Tribune" chêm vào bài viết của Ăng-ghen; đây là nói bài "The Greek Insurrection" đăng trên chính số báo "Tribune" ấy.- *295.*

268 Vào tháng Giêng 1854, ở Xtam-bun người ta công bố rằng cảnh sát đã khám phá được âm mưu lật đổ của người Hy Lạp. Theo xác nhận của báo chí phương Tây, người cầm đầu vụ âm mưu này - mà mục đích là phát động cuộc khởi nghĩa của những người Hy Lạp và người Xla-vơ sống ở Thổ Nhĩ Kỳ - là nam tước En-xnơ. Về điều này, xem các bài viết của C.Mác "Các kế hoạch quân sự của Pháp và Anh.- Cuộc khởi nghĩa ở Hy Lạp.- Tây Ban Nha.- Trung Quốc"; "Cuộc bắn phá Ô-đét-xa.- Hy Lạp.- Lời kêu gọi của hầu tước Đa-ni-lô xứ Séc-nô-gô-ri-a.- Diễn văn của Man-toi-phen" (Toàn tập, t.10, 1993, tr. 124, 235-236). - *295.*

269 Đây muốn nói đến bài tiểu luận được đăng trên báo "National-Zeitung" và được in lại trên báo "Times" số 21732, ngày 4 tháng Năm 1854. - *295.*

270 Về cuộc khởi nghĩa ở Séc-nô-gô-ri-a, xem bài của C.Mác "Cuộc bắn phá Ô-đét-xa.- Hy Lạp.- Lời kêu gọi của hầu tước Đa-ni-lô xứ Séc-nô-gô-ri-a.- Diễn văn của Man-toi-phen" (Toàn tập, t.10, 1993, tr.237-239). - *296.*

271 Ăng-ghen có ý nói đến các bài viết của C.Mác "Tranh luận ở nghị viện ngày 22 tháng Hai.- Báo cáo khẩn của Pốt-xô-đi-Boóc-gô.- Chính sách của các cường quốc phương Tây", "Các kế hoạch quân sự của Pháp và Anh.- Cuộc khởi nghĩa ở Hy Lạp.- Tây Ban Nha.- Trung Quốc", "Thư tín ngoại giao bí mật" và một phần bài viết của mình "Vấn đề Thổ Nhĩ Kỳ" (xem Toàn tập, t.10, 1993, tr. 113-114, 126-127, 173-175; t.9, 1993, tr. 37-38). Chú dẫn đề nghị tham khảo này phù hợp với ý định của Ăng-ghen, mà ông viết cho Mác ngày 1 tháng Năm 1854: "Đã đến lúc quay trở lại những bài đầu tiên của chúng ta về vấn đề này và về mặt chính trị cả ở đây các sự kiện cũng đã xác nhận tuyệt vời quan điểm của chúng ta" (Toàn tập, t.28, 1996, tr. 463). - *296.*

272 Nhân cuộc cách mạng tư sản nổ ra năm 1854 ở Tây Ban Nha, Mác nghiên cứu kỹ lịch sử các cuộc cách mạng Tây Ban Nha thế kỷ XIX, kết quả việc nghiên cứu của ông là 5 quyển vở ghi chép và loạt bài "Nước Tây Ban Nha cách mạng" công bố trên báo "New-York Daily Tribune" vào tháng Chín - tháng Chạp 1854 (xem Toàn tập, t. 10, 1993, tr. 463-526 và 693-697). Bản phác thảo "Hội đồng trung ương" chắc là phương án ban đầu của bài thứ ba trong loạt bài này. Bản viết tay này là bản nháp có nhiều chỗ gạch xóa, mà trong

lần công bố này không in lại. - *298.*

273 Trong trận đánh ở Bai-len ngày 20 tháng Bảy 1808, 14 nghìn quân Pháp dưới sự chỉ huy của tướng Duy-pông và tướng Vê-đen đã đầu hàng tướng Tây Ban Nha Ca-xta-nhi-ô-xơ IA-ra-gô-ni. Về việc đánh giá vai trò của trận đánh ở Bai-len trong tiến trình cách mạng năm 1808 - 1814, xem Toàn tập, t.10, 1993, tr. 480-482. - *298.*

274 Trước khi Hội đồng trung ương được thành lập thì hội đồng Xê-vi-lơ về danh nghĩa được coi là hội đồng tối cao. - *298.*

275 Về điều này xem: C.Mác "Nước Tây Ban Nha cách mạng" (Toàn tập, t.10, 1993, tr. 487-488). - *299.*

276 *Chủ soái* - quân hàm cao nhất ở Tây Ban Nha được xác lập vào thế kỷ XVI. Chủ soái có quyền lực quân sự và quyền lực hành chính tối cao ở một khu, một vùng hoặc một nước. - *301.*

277 Mác trích dẫn bức thư của Oen-linh-tơn theo cuốn sách: W.Napier. History of the War in the Peninsula and in the South of France, from the year 1807 to the year 1814. London, 1838, v. 2, p. 473. - *301.*

278 Bản phác thảo của Ăng-ghen về trận đánh ngày 25 tháng Mười 1854 ở Ba-la-cla-va đã được ông sử dụng một phần trong bài "Trận đánh ở Ba-la-cla-va" đăng trên báo "New - York Daily Tribune" (xem Toàn tập, t.10, 1993, tr. 603-611). Số liệu của các báo cáo phía Anh và phía Nga được Ăng-ghen bố trí vào hai cột để đối chiếu rõ ràng cụ thể hơn; ở một trang của bản viết tay ông vẽ sơ đồ bố trí quân trong trận đánh này. Đầu đề bản phác thảo do Ăng-ghen đặt. - *303.*

279 Một phần số liệu về quân số và thành phần quân Nga được Ăng-ghen lấy từ tài liệu "Thương binh Nga" (ngày 22 tháng Mười 1854) - "Báo cáo của chỉ huy sư đoàn bộ binh 12, trung tướng Li-pran-đi ngày 14.X gửi tuỳ tướng - công tước Men-si-cốp", - chắc là theo bản in lại trên báo "Times" ngày 13 tháng Mười một 1854. - *303.*

280 Số liệu về quân số và thành phần những đội quân tham gia trận đánh từ cả hai phía ở Ba-la-cla-va ngày 25 tháng Mười 1854, được Ăng-ghen sửa lại cho chính xác trong bài "Trận đánh ở Ba-la-cla-va" (xem Toàn tập, t. 10, 1993, tr. 609-611). - *311.*

281 Bản phác thảo của Ph.Ăng-ghen "Cuộc chiến tranh Crưm" chứa đựng việc điểm qua những chiến dịch quan trọng nhất ở Crưm theo thứ tự thời gian, từ việc đổ bộ của quân đội đồng minh ngày 14 tháng Chín 1854 đến cuộc tấn công Xê-va-xtô-pôn tháng Chín 1855. Bản phác thảo được in lại (ảnh thu nhỏ) ở t.11 của Toàn tập, 1993, còn phần dịch

ra tiếng Nga thì ở chú thích 289 cũng của tập ấy (tr. 713, 869-871). - *312.*

282 Ăng-ghen đã viết một bài chuyên về trận đánh ở In-ke-rơ-man (xem Toàn tập, t.10, 1993, tr. 612-618). - *313.*

283 Về ý nghĩa của pháo đài Xê-len-ghin trong việc phòng thủ Xê-va-xtô-pôn, xem trong các bài viết của Ăng-ghen "Trận đánh ở Xê-va-xtô-pôn", "Tiến trình của chiến tranh", "Vụ xuất kích ngày 23 tháng Ba" và những bài khác (Toàn tập, t.11, 1993, tr. 196-201, 222-227, 248-252). - *314.*

284 Về vai trò của pháo đài hình cặp kính kiểu Cam-sát-ca (Ma-mơ-lông) trong việc phòng thủ Xê-va-xtô-pôn, xem trong các bài viết của Ăng-ghen "Vụ xuất kích ngày 23 tháng Ba", "Xê-va-xtô-pôn" v.v. (Toàn tập, t.11, 1993, tr. 251-252, 370-372, 374-375 v.v.). - *314.*

285 Đây muốn nói đến toan tính của quân đồng minh định chiếm pháo đài phía Cô-ra-ben ở Xê-va-xtô-pôn, được thực hiện ngày 18 tháng Sáu 1855; cuộc tấn công của quân Pháp và quân Anh bị đẩy lui, quân đồng minh chịu tổn thất lớn (xem Toàn tập, t.11, 1993, tr. 435-439, 453-456). - *315.*

286 Về trận đánh này, Ăng-ghen đã viết bài chuyên đề "Trận giao chiến trên sông Đen" (xem Toàn tập, t. 11, 1993, tr. 662-669). - *315.*

287 Ba bài viết của C.Mác được công bố ở bên dưới "Sự khiếm nhã về ngoại giao", "Ủy ban ở Niu-cát-xơn trên sông Tai-nơ" và "Cuộc mít-tinh lớn để bênh vực những người lưu vong chính trị" được đăng trên tờ báo dân chủ Đức "Neue Oder-Zeitung" mà Mác cộng tác vào năm 1855. Sự hợp tác đó đã làm cho ông có thể phát biểu trên báo chí trong những năm thế lực phản động hoành hành, khi báo chí công nhân trên lục địa hầu như không có, để ông có thể duy trì liên lạc với nước Đức, giới thiệu cho bạn đọc Đức những vấn đề quan trọng nhất của đời sống chính trị quốc tế, của phong trào công nhân và phong trào dân chủ, của sự phát triển kinh tế của các nước tư bản chủ nghĩa. Những bài viết của Mác trên báo "Neue Oder-Zeitung" công bố trong t.11 Toàn tập, được đăng trên báo không để tên tác giả, nhưng đánh dấu bằng ký hiệu chuyên dùng của phóng viên - "X". Vào tháng Mười 1855, nhân những khó khăn về tài chính và kiểm duyệt, chủ bút báo M.En-xnơ đề nghị Mác tạm ngừng gửi bài và tin tức. Những giấy tờ còn giữ được không cho phép khẳng định hoàn toàn chắc chắn rằng sau lần gián đoạn, Mác nối lại việc cộng tác với báo "Neue Oder-Zeitung", tuy vào tháng Mười một và tháng Chạp lại có nhiều bài gửi từ Luân Đôn được đánh dấu bằng ký hiệu phóng viên của ông. Số bài như vậy cả thảy có 24 bài. Hai bài đầu trong số ba bài nêu trên chắc chắn là của Mác, vì chúng được gửi đi từ Anh ngày 2 và 6 tháng Mười 1855, trước khi nhận được

thư của En-xnơ. Những điểm quan trọng nhất của bài thứ ba "Cuộc mít-tinh lớn để bênh vực những người lưu vong chính trị" khớp hầu như hoàn toàn với bức thư của Mác gửi En-xnơ đề ngày 8 tháng Mười một 1855 (xem Toàn tập, t.28, 1996, tr. 820-821), điều này cũng cho phép kết luận rằng bài này là của Mác. Tất cả 24 bài đều được công bố bằng tiếng Đức trong cuốn sách: Stanislaw Schwann. "Korespondencje Karola Marksa do wrozlawskiej "Neue Oder-Zeitung"". Poznań, 1958. - *316.*

288 *Ủy ban ở Niu-cát-xơn trên sông Tai-nơ* là một trong những ủy ban tổ chức phụ trách công việc đối ngoại (Foreign Affairs Committees) do Uốc-các-tơ và những người ủng hộ ông ta thành lập ở các thành phố Anh trong những năm 40-60 thế kỷ XIX, chủ yếu để đấu tranh với chính sách của Pan-mốc-xtơn. Về Uốc-các-tơ, xem tập này, tr. 264-266.- *318.*

289 Trên báo "Neue Oder - Zeitung, không thấy có phần tiếp theo của bài tin này. Có lẽ sau khi nhận được thư của En-xnơ đề ngày 7 tháng Mười 1855 (xem chú thích 257), Mác thôi không viết nốt bài tin ấy nữa. - *321.*

290 Ngày 10 tháng Mười 1855, phần tử dân chủ tiểu tư sản Pháp Phê-lích Pi-a công bố trên báo "L'Homme" bức thư ngỏ gửi nữ hoàng Vích-tô-ri-a nhân việc bà này sang thăm Pháp vào tháng Tám năm ấy. Với nội dung chống Bô-na-pác-tơ, bức thư ấy mang tính chất khiêu khích và phiêu lưu vốn có của tất cả mọi bài phát biểu của Pi-a. Bức thư đã gây ra một cuộc bút chiến lớn trong báo chí Anh, cũng như báo chí của giới lưu vong, gây nên những nỗi lo ngại rằng đạo luật về người nước ngoài (xem chú thích 291) sẽ được áp dụng trở lại. Chủ bút báo "L'Homme" Xven-tô-xláp-xki và một số người lưu vong khác nhận được lệnh của thống đốc Giốc-xi buộc phải rời đảo. Trong số những bài viết về cuộc xung đột trên đảo Giốc-xi được công bố trên báo "Neue Oder-Zeitung", ngoài bài này ra còn có hai bài viết và hai bài tin nữa được ghi ký hiệu phóng viên "X" (xem chú thích 287).

Bài tường thuật về cuộc mít-tinh mà bài này của Mác nói đến, được công bố trên báo "Times" ngày 13 tháng Mười một 1855. - *322.*

291 *Đạo luật về người nước ngoài* thình thoảng được nghị viện Anh áp dụng với tư cách một đạo luật với cái cớ là che chở các thần dân Anh khỏi cái gọi là những hành động thù địch từ phía những người nước ngoài đang ở Anh. Mãi đến đầu năm 1856, vấn đề thi hành lại đạo luật này nhân các sự kiện ở Giốc-xi và về việc trục xuất khỏi Anh các đại biểu của giới lưu vong cách mạng mới bị gạt bỏ. Ngày 1 tháng Hai 1856, Pan-mốc-xtơn tuyên bố tại hạ nghị viện rằng chính phủ Anh sẽ không đưa ra nghị

viện dự luật mới về người nước ngoài. - *322.*

292 *Phái Hợp nhất, chủ nghĩa hợp nhất* (Fusion-sự hợp nhất) - những người chủ trương hợp nhất phái chính thống, những người theo dòng trưởng của vương triều Buốc-bông Pháp với những người theo dòng thứ của vương triều Buốc-bông - phái Oóc-lê-ăng. - *323, 439.*

293 Nhà hoạt động nhà nước phản động Anh, tử tước Xít-mut (Hen-ri Át-đin-tơn) là bộ trưởng nội vụ trong nội các của đảng To-ri Li-vốc-pun từ năm 1812 đến năm 1821. Gắn với tên tuổi của ông ta là một loạt các đạo luật phản nhân dân được thi hành vào thời ấy: năm 1815 - thi hành các đạo luật ngũ cốc vì lợi ích của địa chủ; năm 1817- "Luật bịt miệng" ("Gagging Act") hạn chế quyền tiến hành những cuộc họp công cộng, đóng cửa các câu lạc bộ của phái cấp tiến và thực tế thi hành chế độ kiểm duyệt; cũng như những đạo luật ban hành sau cuộc trừng trị đẫm máu công nhân tại cuộc mít-tinh ở Man-se-xtơ (cuộc tàn sát ở Pi-tếc-lô). - *324.*

294 Thư gửi kèm theo này được Mác gửi cho chủ bút báo "The Free Press" của Uốc-các-tơ nhân việc gửi loạt bài "Các-xơ thất thủ" - đã được đăng toàn văn trên báo "The People's Paper" của phái Hiến chương tháng Tư 1856 (xem Toàn tập, t. 11, 1993, tr. 771-815)- đến ban biên tập báo "The Free Press" để đăng dưới dạng rút gọn. Dị bản được đăng trên báo "Frees Press" dưới đầu đề "Những chỗ đáng chú ý trong các tài liệu về Các -xơ" ("Kars Papers Curiosities") về cơ bản là những đoạn trích bài thứ hai và bài thứ ba trên báo "People's Paper". - *326.*

295 Mùa thu năm 1856, giữa Phổ và Thụy Sĩ đã nảy sinh cuộc xung đột nhân các sự kiện ở Nơ-sa-ten. Công quốc Nơ-sa-ten và lãnh địa Vi-lan-gien (tên gọi tiếng Đức là Nây-en-buốc và Va-len-đi-xơ) trước kia thuộc dòng họ quận vương Buốc-gun-đi, năm 1707 dưới thời vua Phổ Phri-đrích I thì chuyển thành lãnh địa sở hữu của Phổ (xem tập này, tr. 342-344). Năm 1815, theo quyết định của Đại hội Viên, công quốc được đưa vào Liên bang Thụy Sĩ với tư cách là bang thứ 21, đồng thời nó vẫn là nước chư hầu phụ thuộc Phổ. Năm 1848, Nơ-sa-ten trở thành nước cộng hòa (xem chú thích 64), vào tháng Chín 1856 ở đây đã nổ ra cuộc khởi nghĩa mang tính chất bảo hoàng, những người tham gia cuộc khởi nghĩa này đã bị chính phủ Thụy Sĩ bắt. Vua Phổ đòi thả những người bị bắt, đáp lại, chính phủ Thụy Sĩ đòi Phổ từ bỏ mọi quyền đối với bang này. Cuộc xung đột đã gây ra tiếng vang lớn trong đời sống chính trị và đời sống xã hội châu Âu.

Mác đáp lại cuộc xung đột đó bằng bài viết châm biếm sắc bén "Quyền thánh thượng của dòng họ Hô-hen-txô-léc", được đăng trên báo "The People's Paper" ở Luân Đôn

của phái Hiến chương, ngày 13 tháng Chạp 1856, và trên tờ báo tiến bộ "New-York Daily Tribune" ở Mỹ, ngày 9 tháng Giêng 1857. Mác coi cuộc xung đột đã nảy sinh là "sự tranh chấp muôn thuở giữa cách mạng với quyền thánh thượng" (Toàn tập, t. 12, 1993, tr. 124).

Cơ sở để viết bài "Quyền thánh thượng của dòng họ Hô-hen-txô-léc" còn là tác phẩm của Mác." Nước Phổ ("Nhà nước quân phiệt")" vốn là bản tóm tắt quyển sách: *A.F. Stein*. "Preußisch-Brandenburgische Geschichte. Ein Handbuch zur Erinnerung und Belehrung" xuất bản lần thứ nhất vào năm 1811. Quyển sách của Stai-nơ là sự công khai bào chữa cho chủ nghĩa quân phiệt Phổ, về sau cuốn sách nhiều lần được tái bản và được bộ máy nhà nước sử dụng nhằm mục đích tuyên truyền để tán dương "niềm vinh quang và truyền thống anh dũng" của giới quân phiệt Phổ. Ngoài quyển sách của Stai-nơ ra, trong bản tóm tắt của mình Mác còn sử dụng một số nguồn khác nữa.

Bản tóm tắt do Mác soạn vào tháng Mười một 1856 là bản thảo viết tay dưới dạng hai cột: ở cột bên trái chứa đựng phần tóm tắt theo đúng nghĩa của nó, còn ở cột bên phải là những nhận xét của Mác và những chỗ gạch đánh dấu của ông. Song văn bản của chính Mác không chỉ đóng khung ở những nhận xét ở cột bên phải mà thôi; ngay trong bản tóm tắt có nhiều cách diễn đạt và sự đánh giá là của Mác. Ngoài ra, Mác còn đưa ra sự phân kỳ lịch sử Phổ khác với cách phân kỳ của Stai-nơ. Khác với giọng tán dương của Stai-nơ, Mác nhấn mạnh rằng sức mạnh của các tuyển đế hầu Bran-đen-buốc, sau đó của các vua Phổ không phải dựa trên lòng dũng cảm và sức mạnh quân sự của họ, mà dựa trên sự mua chuộc, mua bán và thủ đoạn trong việc kế thừa. Do đó mà có sự mỉa mai chứa đựng ngay trong đầu đề: từ "Nhà nước quân phiệt" được Mác đặt trong ngoặc kép.

Ít ra Mác đã đọc hai lần tác phẩm này: khi viết bài "Quyền thánh thượng của dòng họ Hô-hen-txô-léc", như đã nói ở trên, và vào những năm 1863-1864 khi viết lịch sử Ba Lan. Như vậy, "Nước Phổ ("Nhà nước quân phiệt")" được ông sử dụng rộng rãi trong bản thảo năm 1863-1864 về Ba Lan khi lập "Biên niên" (xem "Văn khố của Mác và Ăng-ghen", t. XIV, Mát-xcơ-va, 1973, tr. 690-699) và trong nhiều trường hợp khác. Có thể những chỗ gạch đánh dấu trong bản thảo tác phẩm "Nước Phổ ("Nhà nước quân phiệt")" được in trong lần công bố này cũng do ông làm trong những năm đó.

Các đoạn trích được sắp chữ cỡ nhỏ, các nhận xét của chính Mác được xếp chữ cỡ thường. Chỗ in nghiêng trong văn bản là do Mác nhấn mạnh. Quyển sách của Stai-nơ đầy rẫy lỗi in sai và sai lầm thực tế nghiêm trọng, đặc biệt là về năm tháng. Nhiều lỗi được Mác sửa, một số chỗ đã mặc nhiên được sửa khi chuẩn bị bản thảo để in. - *327*.

296 Ở đây Mác tính thời gian cai trị của dòng họ Ba-len-stết và dòng họ Lúc-xăm-buốc; những con số này được ông sử dụng ở bên dưới, trong những nhận xét của mình. Stai-nơ tính thời gian cai trị của các quận vương thuộc dòng họ Ba-len-stét không phải là 178, mà là 163 năm, vì ông ta tính từ năm 1157, khi An-brếch Gấu trụ vững ở Bran-đen-buốc. - *327.*

297 Bá tước Ốt-tô Phôn Ba-len-stết trở thành quận công Dắc-den vào năm 1112, song chẳng bao lâu đã mất tước hiệu ấy; vợ của ông ta là con gái của bá tước Dắc-den Ma-gnút; trên cơ sở đó con trai của họ là An-brếch Gấu ngấp nghé xứ Dắc-den. - *327.*

298 Đây muốn nói đến sự cai trị ở Bran-đen-buốc của các quận vương thuộc dòng họ Ba-vi-e (1320-1373) và dòng họ Lúc-xăm-buốc (1373-1417). - *327.*

299 *Công đồng Công-xtăng-xơ-* nghị hội chung của giáo hội Thiên Chúa được triệu tập nhằm củng cố vị trí của giáo hội Thiên Chúa trong điều kiện phong trào cải cách tôn giáo đã bắt đầu. Tại công đồng này người ta đã lên án các học thuyết của những lãnh tụ Phong trào cải cách tôn giáo Giôn Uých-líp và I-an Hu-xơ. Công đồng đã chính thức xóa bỏ sự phân liệt của giáo hội Thiên Chúa, bầu người trưởng mới của giáo hội, giáo hoàng Mác-tin V. Các quyết định của công đồng đã làm cho phong trào Hu-xơ ở Séc lại dâng cao.- *329.*

300 *Công đồng Ba-lơ* (1431-1449)- nghị hội chung của giáo hội Thiên Chúa được triệu tập nhằm củng cố giáo hội Thiên Chúa bằng cách xác lập địa vị tối cao của công đồng so với quyền lực của Giáo hoàng. Trong văn bản, đây là nói đến một tình tiết trong hoạt động của công đồng này: cuộc thương lượng của các đại biểu của công đồng với phái Hu-xơ đã bắt đầu vào tháng Năm 1432 và kết thúc ngày 30 tháng Mười một 1433 bằng việc ký cái gọi là Thỏa ước Pra-ha (thừa nhận lễ ruớc thánh thể ở Séc "dưới cả hai dạng" cho giáo dân, tự do giảng đạo ở nhà thờ theo tinh thần chủ nghĩa Hu-xơ v.v.). Thỏa ước Pra-ha là hiệp định thỏa hiệp giữa cánh ôn hòa của phong trào Hu-xơ - phái trát-xních - và thế lực phong kiến-Thiên Chúa giáo phản động. Các đại biểu của cánh tả - phái Ta-bo - bác bỏ Thỏa ước Pra-ha, đòi chấp nhận những yêu cầu ban đầu của phong trào Hu-xơ. - *329.*

301 Đây muốn nói đến buổi lễ trọng thể trong đó hoàng đế Xi-ghi-đơ-mun-đơ chuẩn y Thỏa ước Pra-ha (xem chú thích 300) tại Công đồng Ba-lơ vào tháng Bảy 1436. Chính sau việc này hiệp định mang tên gọi Thỏa ước Pra-ha. - *330.*

302 *Han-da* - liên minh thương mại và chính trị của các thành thị Bắc Đức, đứng đầu là Luy-bếch, tồn tại trong các thế kỷ XIV-XVI. - *331.*

303 Trấn mới của hoàng đế Xi-ghi-đơ-mun-đơ được Giáo đoàn Tơ-tông mua vào năm 1402 với giá 63200 đu-cát. - *332.*

304 Hiệp ước về việc biến các vùng đất của Giáo đoàn Tơ-tông thành công quốc thế tục và thừa nhận sự lệ thuộc phong cấp của Phổ vào Ba Lan, được vua Ba Lan Xi-ghi-đơ-mun-đơ và cựu đại tôn sư của Giáo đoàn Tơ-tông An-brếch Bran-đen-buốc ký ở Cra-cốp năm 1525. - *332.*

305 *Liên minh Sman-can-đen* (lấy tên thành phố Sman-can-đen, nơi ký kết liên minh ngày 27 tháng Hai 1531)- liên minh các vua chúa theo đạo Tin lành và một loạt thành thị đế chế để bảo vệ sự nghiệp Cải cách tôn giáo chống các vua chúa theo đạo Thiên Chúa, đứng đầu là hoàng đế Sác-lơ V. Trong những năm 1546-1548, giữa hoàng đế và Liên minh đã diễn ra cuộc chiến tranh, kết thúc bằng thắng lợi của Sác-lơ V và sự tan vỡ của Liên minh Sman-can-đen (xem chú thích 307). - *332, 477.*

306 *Hòa ước tôn giáo Au-xbuốc* được ký kết giữa các vua chúa Đức theo đạo Tin lành và hoàng đế Sác-lơ V tại quốc hội ở Au-xbuốc ngày 25 tháng Chín 1555; hòa ước này kết thúc một loạt cuộc chiến tranh giữa những người theo đạo Thiên Chúa và những người theo đạo Tin lành và thiết lập sự độc lập của các vua chúa trong các vấn đề tôn giáo; hòa ước đã khẳng định các thành quả của những người theo đạo Tin lành ở Đức, thừa nhận giáo phái Lu-the (bên cạnh đạo Thiên Chúa) là một tín ngưỡng chính thức, đã chuẩn y việc thế tục hóa đất đai của nhà thờ, giúp tăng cường chế độ quân chủ chuyên chế của vua chúa.- *333.*

307 *Interim* (In-te-rim Au-xbuốc, Thỏa hiệp tôn giáo Au-xbuốc) - hiệp ước giữa những người theo đạo Thiên Chúa và những người theo đạo Tin lành ở Đức, được thông qua tại quốc hội ở Au-xbuốc sau thất bại của những người theo đạo Tin lành trong cuộc chiến tranh Sman-can-đen (xem chú thích 305). Hiệp ước mang tính chất thỏa hiệp, gây bất bình cho cả hai bên và đã bị Hòa ước tôn giáo Au-xbuốc năm 1555 (xem chú thích 306) hủy bỏ hoàn toàn.

Công đồng Tơ-ri-đen-tơ- nghị hội chung của giáo hội Thiên Chúa họp ở thành phố Tơ-ri-đen-tơ (Tơ-ri-en-tơ) và thành phố Bô-lô-ni-ê trong những năm 1545-1563. Công đồng này đã lên án đạo Tin lành và thông qua một loạt quyết định liên quan đến giáo hội Thiên Chúa, đặc biệt công đồng đã tuyên bố quyền lực của Giáo hoàng cao hơn quyền lực của các công đồng và đã tăng cường quyền lực của các giáo chủ. Các quyết định của công đồng trở thành cương lĩnh của những người ủng hộ thế lực phong kiến Thiên Chúa giáo phản động chống phong trào cải cách tôn giáo.- *334, 478.*

308 Năm 1611, bất chấp sự chống đối của nhóm nghị sĩ bảo vệ quyền của Ba Lan đối với Đông Phổ. Nghị viện Ba Lan ra quyết định liên kết công quốc Phổ với Bran-đen-buốc dưới quyền lực của dòng họ Hô-hen-txô-léc. Đồng thời sự lệ thuộc phong cấp của Phổ vào Ba Lan phải được duy trì, sự lệ thuộc này chấm dứt vào năm 1657 (xem chú thích 313).- *337.*

309 *Liên minh đạo Tin lành* thành lập năm 1608 để đấu tranh với các vua chúa Đức theo đạo Thiên Chúa và đấu tranh với hoàng đế, là liên minh của các vua chúa theo đạo Tin lành và các thành thị để chế Đức, thành viên lúc đầu của nó là Pphan-xơ - Nây-buốc. Liên minh tồn tại đến năm 1621.

Đồng minh Thiên Chúa giáo - liên minh của các chúa phong kiến Thiên chúa giáo và thế tục Đức, được thành lập năm 1609 để đấu tranh với *Liên minh đạo Tin lành*. Quân đội của Đồng minh, dưới sự chỉ huy của Ti-li, đã tích cực tham gia cuộc Chiến tranh ba mươi năm (xem chú thích 310), đứng về phía hoàng đế Phéc-đi-năng II. Đồng minh đã ngừng tồn tại vào năm 1635.- *338.*

310 *Hòa ước Ve-xtơ-pha-li* kết thúc cuộc Chiến tranh ba mươi năm (1618-1648) diễn ra giữa những quốc gia châu Âu theo đạo Tin lành (Séc (Bô-hêm), Đan Mạch, Thụy Điển, Hà Lan và một loạt quốc gia Đức) và những quốc gia châu Âu theo đạo Thiên Chúa (dòng họ Háp-xbuốc Tây Ban Nha và Áo, các vua chúa Đức theo đạo Thiên Chúa). Trong thời kỳ cuối chiến tranh (1635-1648), Pháp đã công khai hành động đứng về phía những người theo đạo Tin lành. Hòa ước Ve-xtơ-pha-li ghi nhận sự chia cắt về chính trị của Đức (xem thêm chú thích 384). - *338, 497.*

311 Có lẽ đây muốn nói đến cuộc Chiến tranh miền Bắc năm 1655-1660 (xem chú thích 314). - *338.*

312 *Chiếu dụ hoàn trả* năm 1629 quy định việc trả lại các vùng đất của giáo hội đã thế tục hóa cho các vua chúa Đức theo đạo Thiên Chúa, là kết quả thắng lợi của phe Háp-xbuốc theo đạo Thiên Chúa ở giai đoạn đầu của cuộc Chiến tranh ba mươi năm. Nó bị chính thức hủy bỏ theo Hòa ước Ve-xtơ-pha-li (xem chú thích 310). - *338, 481.*

313 Phri-đrích Vin-hem Hô-hen-txô-léc nhận được quyền này theo Hiệp ước Vê-li-áp ký kết ngày 19 tháng Chín 1657: Bran-đen-buốc từ bỏ tất cả mọi yêu sách về Tây Phổ và đã nhận từ Ba Lan chủ quyền độc lập đối với Đông Phổ.- *341.*

314 *Hòa ước Ô-li-vơ* ký ngày 3 tháng Năm 1660, giữa một bên là Thụy Điển, và một bên là Ba Lan, hoàng đế Lê-ô-pôn I và tuyển đế hầu Bran-đen-buốc Phri-đrích Vin-hem,

là một trong những hiệp ước kết thúc cuộc Chiến tranh miền Bắc 1655-1660. Trong số những điều kiện của Hòa ước này có điểm khẳng định các điều kiện của Hiệp ước Vê-li-áp (xem chú thích 313).- *341, 485, 498.*

315 *Hòa ước Nim-vê-ghen* - hiệp ước giữa Pháp (và cả Thụy Điển) và hoàng đế Lê-ô-pôn I ký kết ngày 5 tháng Hai 1679, khẳng định các điều kiện của Hòa ước Ve-xtơ-pha-li (xem chú thích 310). Hiệp ước này là một bộ phận của các Hiệp ước Nim-vê-ghen (1678-1679) kết thúc cuộc chiến tranh 1672-1678 giữa khối liên hợp những quốc gia - đứng đầu là Pháp, và khối liên hợp chống Pháp - đứng đầu là Hà Lan.- *342.*

316 *Hòa ước Xanh-Giéc-men* ký ngày 29 tháng Sáu 1679 giữa một bên là Pháp và Thụy Điển, và một bên là Bran-đen-buốc. Hòa ước này gắn liền với các hoa ước Nim-vê-ghen (xem chú thích 315).- *342.*

317 Cuộc *Chiến tranh giành quyền thừa kế ngai vàng Tây Ban Nha* diễn ra trong những năm 1701-1714 giữa một bên là Pháp và Tây Ban Nha và một bên là Anh, Áo, Hà Lan và một số nước châu Âu khác, để đòi chia các lãnh địa Tây Ban Nha ở châu Âu và ở những miền khác của thế giới, sau khi vua Tây Ban Nha không con Sác-lơ II chết vào năm 1700 (xem chú thích 390 và 479). Tuyển đế hầu Bran-đen-buốc Phri-đrích III, sau khi đảm bảo cho mình được giới quý tộc Ba Lan ủng hộ bằng cách mua chuộc, được hoàng đế Lê-ô-pôn I ủng hộ bằng cách gửi quân đội Bran-đen-buốc cho ông ta để chiến đấu với Tây Ban Nha, ngày 18 tháng Giêng 1701 đã tuyên bố thành lập Vương quốc Phổ, đồng thời tự xưng là vua đầu tiên của Vương quốc Phổ với danh hiệu Phri-đrích I. - *343.*

318 Có thể điều ghi chú này của Mác (Ma-xê-ốp-xki là nhà sử học và nhà luật học Ba Lan nổi tiếng thế kỷ XIX, tác giả của nhiều tác phẩm về người Xla-vơ) không có quan hệ trực tiếp với những đoạn trích này. - *343.*

319 *Hòa ước U-tơ-rếch* (xem chú thích 390). Phổ đã tham gia Hòa ước U-tơ-rếch ngày 11 tháng Tư 1713 và ngoài những quyền đối với Nơ-sa-ten và Va-lan-gien ra còn đòi được Pháp và Tây Ban Nha thừa nhận tước hiệu quốc vương cho tuyển đế hầu Bran-đen-buốc - *343.*

320 *Liên minh Han-nô-vơ* - liên minh chính trị nhằm chống Tây Ban Nha và Áo, do Pháp, Anh và Phổ thành lập ngày 3 tháng Chín 1725. Về sau còn có Hà Lan (1726), Đan Mạch và Thụy Điển (1727) gia nhập liên minh. - *344.*

321 *Chỉ dụ* - luật nối ngôi trong quốc gia của dòng họ Háp-xbuốc - do Sác-lơ VI ban hành

năm 1713. Chỉ dụ quy định tính chất không thể chia cắt của đất đai thế tập của dòng họ Háp-xbuốc, và vương miện đế chế Áo có thể chuyển cho Ma-ri-a Tê-rê-di-a, con gái của Sác-lơ VI.- *344, 399, 492.*

322 *Hòa ước Gu-béc-tơ-xbuốc* được ký kết ngày 15 tháng Hai 1763 giữa một bên là Áo và Dắc-den và bên kia là Phổ, có thể thực hiện được là nhờ Pi-ốt III, ông này không chỉ chấm dứt chiến sự chống Phổ, mà còn cam kết với Phri-đrích II sẽ sử dụng mọi ảnh hưởng của Nga đối với Áo để kết thúc cuộc Chiến tranh bảy năm (1756-1763). Theo điều kiện của Hòa ước Gu-béc-tơ-xbuốc, Phổ lại nhận được tất cả những vùng lãnh thổ đã mất trong tiến trình chiến tranh.- *344, 497.*

323 Theo *Hòa ước Tô-run* năm 1466, Giáo đoàn Tơ-tông đã buộc phải nhường Tây Phổ cho Ba Lan, thừa nhận Đông Phổ là đất phong của Ba Lan. Năm 1568, tuyển đế hầu Bran-đen-buốc I-ô-a-sim II Hếch-tô, sau khi tuyên thệ với Cộng hòa Ba Lan, đã cùng với Cộng hòa Ba Lan chiếm lĩnh công quốc Phổ làm đất phong (xem chú thích 304, 308, 313). - *345.*

324 *Hòa ước Cam-pô-phoóc-mi-ô* ngày 17 tháng Mười 1797 kết thúc cuộc chiến tranh của Pháp chống Áo - nước có chân trong liên minh chống Pháp thứ nhất của các quốc gia châu Âu. Theo hiệp ước, Pháp nhận được Bỉ, quần đảo I-ô-ni và một phần An-ba-ni. Áo đã cam kết giúp chuyển cho Pháp tả ngạn sông Ranh và từ bỏ các lãnh địa của mình ở Bắc I-ta-li-a, lãnh thổ của chúng được nhập vào nước Cộng hòa Xi-dan-pin - được thành lập dưới sự bảo hộ của Pháp. Cũng lúc ấy đại bộ phận lãnh thổ nước Cộng hòa Vơ-ni-dơ đã bị bãi bỏ, cũng như một phần I-xtơ-ri và Đan-ma-xi thuộc nước Cộng hòa này đã được chuyển cho Áo. - *345, 348, 503.*

325 Đây muốn nói đến hiệp ước ký kết ở Suên-brum ngày 15 tháng Chạp 1805. Phổ nhường An-xbắc, Clê-vê và Nơ-sa-ten cho Pháp; Pháp đồng ý để Phổ chiếm cứ Han-nô-vơ - sở hữu của các vua Anh.- *346.*

326 Có lẽ trong văn bản viết nhầm: đúng ra là "Đan Mạch" chứ không phải "Thụy Điển". Theo Hòa ước Kin ký kết ngày 14 tháng Giêng 1814 giữa Đan Mạch và Thụy Điển (một trong hai hiệp ước kết thúc cuộc chiến tranh Anh-Đan Mạch những năm 1807-1814), Đan Mạch nhường Na Uy cho Thụy Điển, đổi lại, Đan Mạch nhận được xứ Pô-mê-ra-ni thuộc Thụy Điển và đảo Ruy-ghen. Theo hiệp ước ngày 27 tháng Bảy 1816 giữa Đan Mạch và Phổ, được nói đến trong bài này, Pô-mê-ra-ni thuộc Thụy Điển và đảo Ruy-ghen được nhường cho Phổ để đổi lấy Lau-en-buốc. - *346.*

327 Mác viết những nhận xét này trong quyển vở đặc biệt để tháng Mười một 1854 - đầu

năm 1857, nhân viết bài "Buôn bán bằng đường biển của Áo" (xem Toàn tập, t. 12, 1993, tr. 115- 123). - *347.*

328 Đây muốn nói đến những đặc quyền của người Giê-nơ mà họ nhận được theo Hiệp ước Nim-phây năm 1261 với hoàng đế Bi-dăng-xơ Mi-sen VIII Pa-lê-ô-lốc. - *347.*

329 Ý nói hiệp ước ký ở Phôn-ten-blô, ngày 10 tháng Mười 1807, giữa Đế chế Pháp và Áo, về hoạch định biên giới giữa Đế chế Áo và Vương quốc I-ta-li-a, mà quốc vương của nó là Na-pô-lê-ông I.- *349.*

330 *Tiền quy ước, tiền đúc quy ước* - hệ thống tiền tệ 20 gun-đen, hay là hệ thống tiền tệ quy ước, bắt đầu được thực hiện ở Áo vào năm 1753, quy định lấy bạc làm cơ sở cho lưu thông tiền tệ ở trong nước. Theo hệ thống này, từ một mác bạc nguyên chất ở Khuên (khoảng 234 gam) đúc được 20 gun-đen. Từ thời điểm ấy, tiền bạc hoặc vàng được gọi là tiền đúc quy ước. Mặc dù vào đầu thế kỷ XIX tiền đúc thực tế bị tiền giấy - được gọi chung là "tiền Viên"- gạt khỏi lưu thông, và việc đúc tiền hầu như đã ngừng lại, nhưng việc tính toán vẫn tiến hành cả theo hệ thống quy ước. Theo quá trình tăng số lượng tiền giấy, đặc biệt là trong thời kỳ cuộc cách mạng 1848-1849, thị giá tiền đúc quy ước so với tiền giấy không ngừng tăng lên. - *349.*

331 Bài của Ph.Ăng-ghen "Cuộc chiến tranh trong vùng rừng núi trước đây và ngày nay" viết theo đề nghị của Mác cho báo "New - York Daily Tribune" vào đầu tháng Giêng 1857. Ngày 10 tháng Giêng, Mác báo cho Ăng-ghen biết là đã nhận được bài viết đó (xem Toàn tập, t. 29, 1996, tr. 116-117, 118-119). Nguyên cớ để viết bài này là cuộc xung đột ở Nơ-sa-ten (xem chú thích 295) và các kế hoạch được thảo luận trên báo chí hồi bấy giờ về việc quân đội Phổ xâm nhập Thụy Sĩ. Bài gồm hai phần; nửa thứ nhất trong đó Ăng-ghen xem xét những vấn đề chung của chiến lược và chiến thuật của chiến tranh miền núi, đặc biệt là trường hợp các cuộc chiến tranh của Na-pô-lê-ông ở Thụy Sĩ, được số báo ngày 27 tháng Giêng 1857 công bố (xem Toàn tập, t.12, 1993, tr. 140-150). Nửa thứ hai xem xét những phương án xâm nhập có thể có của quân Phổ vào Thụy Sĩ qua sông Ranh và tổ chức phòng thủ từ phía Liên bang Thụy Sĩ, theo quyết định của ban biên tập báo "Tribune" (như thấy rõ qua bức thư của S.Đan gửi Mác đề ngày 5 tháng Ba 1857), đã không được công bố. Tờ báo quyết định như vậy vì ngày 16 tháng Giêng 1857, chính phủ Thụy Sĩ chịu nhượng bộ Phổ, đã thả những người quân chủ bị bắt. Cuộc xung đột thế là đã được giải quyết. "Sự phá sản thảm hại của thói khoác lác Thụy Sĩ"- Mác đã đánh giá như vậy hành vi cuối cùng của cuộc xung đột Nơ-sa-ten (xem Toàn tập, t.29, 1996, tr. 125) - *353.*

332 Có lẽ khi chép lại Mác đã chép sai. Những hồ nói trên nằm ở sườn phải (sườn phía đông) vị trí được Ăng-ghen xem xét ở đây. - *355.*

333 Ngay sau khi phác thảo bài "Vơ-ni-đơ" (xem chú thích 327), Mác làm bốn bản ghi: dưới đầu đề chung "Cuộc chiến tranh chống Ba Tư" hai bản đầu là bản nháp các bài viết về cuộc chiến tranh Anh-I-ran, bản thứ ba và bản thứ tư được Mác đặt nhan đề là "Những số liệu thực tế" và "Lời tuyên bố của Pan-mốc-xtơn tại nghị viện" cũng nói đến vấn đề ấy. Việc trong bản thảo có nhắc đến bài viết trên báo "Times" nói về Trung Quốc và được công bố ngày 2 tháng Giêng 1857 cho phép xác định thời gian viết những bản phác thảo ấy là tháng Giêng năm đó (từ ngày 2 đến ngày 27 tháng Giêng). Trên cơ sở tất cả những tài liệu ấy, Mác đã viết cho báo "New - York Daily Tribune" hai bài về cuộc xung đột Anh - I-ran, mà ban biên tập báo đã gộp lại thành một bài (xem Toàn tập, t.12, 1993, tr. 151-157). Như vậy, những bản phác thảo được công bố cho phép có khái niệm đầy đủ hơn về ý định ban đầu của Mác. Bản thảo "Cuộc chiến tranh chống Ba Tư" mang tính chất thuần túy bản nháp, trong bản thảo ấy có nhiều chỗ gạch xóa và chêm thêm mà trong lần công bố này không nói gì thêm, trừ một trường hợp. - *360.*

334 Mác nói về cuộc xung đột Anh-I-ran những năm 1837 - 1842. Ông cũng có ý nói cả những sự kiện của cuộc chiến tranh Anh-Áp-ga-ni-xtan thứ nhất (1838-1842), trong đó quân đội Anh bị thất bại nặng nề. - *360.*

335 Đây muốn nói đến Pen-giáp, từng là một quốc gia tập quyền mạnh dưới thời trị vì của Răng-gi-tơ Xinh-khơ; bị Anh thôn tính năm 1849. - *361.*

336 Thủ đô của vương triều Đại Mô-gôn - Đê-li, đã bị Na-đia-sắc chiếm vào năm 1739. - *361.*

337 *Hòa ước Guy-li-xtan* kết thúc cuộc chiến tranh Nga - I-ran những năm 1804-1813, được ký ngày 24 (12) tháng Mười 1813. - *362.*

338 *Hiệp ước Tuốc-man-sai* ký ngày 22 (10) tháng Hai 1828, kết thúc cuộc chiến tranh Nga-I-ran những năm 1826-1828; hiệp ước trao cho Nga quyền đặc biệt có hạm đội hải quân trên biển Ca-xpiên. - *362.*

339 Đây muốn nói đến cuộc viễn chinh từ Ô-ren-bua đến Hi-va dưới sự chỉ huy của thống đốc Ô-ren-bua, tướng V.A. Pê-tơ-rốp, được tổ chức vào năm 1839 nhằm xác lập ảnh hưởng của Nga ở vùng hạ lưu sông A-mua - Da-ri-a và đảm bảo an ninh cho những con đường vận chuyển bằng gia súc tới Bu-kha-ra và Cô-can-đơ. Cuộc viễn chinh này được tiến hành để đáp lại cuộc chiến tranh chống Áp-ga-ni-xtan do nước Anh phát động vào

năm 1838; do chuẩn bị kém nên cuộc viễn chinh này đã thất bại. - *362.*

340 *Ngày 17 tháng Sáu 1809* - hiệp ước về liên minh chống nước Pháp thời Na-pô-lê-ông do vua Áp-ga-ni-xtan Su-gia ký, còn về phía Anh do En-phin-xtôn ký.

Ngày 4 tháng Giêng 1801- ký kết hiệp ước Anh - I-ran nhằm chống Pháp.

Ngày 25 tháng Mười một 1814. Anh và I-ran ký hiệp ước buộc I-ran xóa bỏ liên minh với tất cả những quốc gia thù địch với Anh. - *363.*

341 Mác viết về việc bắt đầu cuộc chiến tranh Anh-Pháp-Trung Quốc những năm 1856-1860 (cái gọi là "cuộc chiến tranh thuốc phiện" thứ hai). Lúc bấy giờ Mác viết tỉ mỉ về những sự kiện làm nguyên cớ cho cuộc chiến tranh này trong bài "Cuộc xung đột giữa Anh và Trung Quốc" (xem Toàn tập, t.12, 1993, tr. 133-139). - *366.*

342 Mác có ý nói đến bài xã luận của báo "Times" ngày 29 tháng Chạp 1856 nói về cuộc chiến tranh Anh-I-ran và bài xã luận nói về các sự kiện ở Trung Quốc cũng do báo ấy đăng ngày 2 tháng Giêng 1857. - *366.*

343 Vào tháng Hai 1839, quân đội Anh đóng ở miền bắc Ấn Độ được lệnh tiến qua đèo Hai-bơ sang Áp-ga-ni-xtan. - *370.*

344 Ý nói Công ước Luân Đôn ngày 15 tháng Bảy 1840 về việc giúp vua Thổ Nhĩ Kỳ chống tổng trấn Ai Cập Mô-ha-mét- A-li, do Anh, Nga, Áo và Phổ ký. - *372, 383, 510.*

345 Tác phẩm viết dở dang của C.Mác "Những cuốn sách của B.Bau-ơ về cuộc xung đột với nước Nga" dành để phê phán quan niệm chính trị đối ngoại của B.Bau-ơ và đặc biệt là quan niệm của ông ta về vai trò của nước Nga thời Nga hoàng đối với vận mệnh của các dân tộc châu Âu. Bru-nô Bau-ơ, nhà triết học duy tâm Đức, về quan điểm chính trị là phần tử cấp tiến tư sản, vào năm 1854 trong thời gian cuộc Chiến tranh Crưm đã công bố một loạt cuốn sách, trong đó khi phân tích các sự kiện của cuộc chiến tranh và lịch sử chính sách đối ngoại trước đó của các quốc gia châu Âu, ông đã đi đến kết luận rằng các cường quốc phương Tây đã bị thảm bại và nước Nga trở thành trọng tài toàn châu Âu. Ngay vào năm 1855, Mác và Ăng-ghen đã chuẩn bị phát biểu chống "sự ngu độn ngạo mạn" của "sự phê phán có tính chất phê phán", nghĩa là chống B.Bau-ơ (xem Toàn tập, t.28, 1996, tr. 812). Chắc hẳn bản thảo này viết vào tháng Giêng 1857 chính là sự cố gắng thực hiện ý định đó. Khi viết bản thảo này Mác chủ yếu phê phán hai cuốn sách của Bau-ơ: "La Russie et l' Angleterre" (ra mắt vào tháng Sáu 1854 ở Sác-lốt-ten-buốc và là bản dịch của ấn phẩm tiếng Đức "Rußland und England") và "Die jetzige Stellung Rußlands" (cũng in ở đấy vào tháng Mười 1854).

Bản viết tay này mở đầu quyển vở đặc biệt của Mác năm 1857, có ghi ở trang thứ nhất: "1.Heft A."; ở trang thứ hai: "A.Spada Russian Ephémérides" (đây là nói ấn phẩm: A. Spada "Ephémérides russes politiques, littéraires, historiques et necrologiques... jusqu' en 1816". St-Petersbourg. 1816) và năm tháng "1857" (Januar)". Từ trang thứ ba bắt đầu chính bản thảo chiếm tổng cộng sáu trang. Trước đầu đề bản thảo là số một A rập với dấu ngoặc ở đằng sau. Khi công bố bản thảo, những chỗ quan trọng nhất đã bị gạch xóa được in lại trong các chú thích cuối trang. Bản thảo lần đầu tiên được công bố bằng tiếng Nga trong tạp chí "Sử biên niên chủ nghĩa Mác", t. VI, 1928 dưới nhan đề "Những cuốn sách của B.Bau-ơ về cuộc xung đột ở Nga". - *373.*

346 "*Sự phê phán*", tức là B.Bau-ơ, Mác và Ăng-ghen đã gọi Bau-ơ như vậy ngay từ nửa đầu những năm 40 thế kỷ XIX (xem Toàn tập, t.2, 1995, tr. 9-316). - *373.*

347 Dây muốn nói đến những hoạt động của quân đội Nga ở vùng sông Đa-nuýp vào tháng Năm - tháng Chín 1854 và trước hết là việc dỡ bỏ cuộc bao vây Xi-li-xtơ-ri (xem Toàn tập, t.10, 1993, tr. 295-318, 339-344, 402-407 và những trang khác). - *375.*

348 Dây muốn nói đến câu: "Châu Âu được phân vai trong vở kịch lập hiến: phương Tây đảm nhiệm vai phe đối lập trung thực, nước Nga đóng vai chính phủ được trang bị vũ lực và thực hiện quyền lực của mình". Câu này lần đầu tiên được dùng trong cuốn sách "Nước Nga và nước Anh"; Bau-ơ đã dùng câu ấy để mở đầu cuốn sách khác của mình "Lập trường hiện nay của nước Nga". Từ "nêu trên" do Mác thêm vào chính văn của Bau-ơ. - *375.*

349 Mác phê phán cặn kẽ thuyết "ngân hàng nhân dân" và "tiền lao động" của Pru-đông trong "Bản thảo kinh tế năm 1857-1858 (phương án ban đầu của bộ "Tư bản")", ở chương thứ hai (xem Toàn tập, t. 46, ph. 1).- *379.*

350 Năm 1774, sau khi trở thành tổng thanh tra tài chính, An Tuyếc-gô thực hiện ở Pháp việc buôn bán tự do lúa mì và bột. Biện pháp này, cũng như những cải cách tiếp theo của Tuyếc-gô, đã gặp phải sự chống đối kịch liệt của giới cận thần, giới tu hành cao cấp, giới quý tộc, giới quan lại. Năm 1776 Lu-i XVI ký lệnh bãi nhiệm Tuyếc-gô.

Đồng minh chống các đạo luật về ngũ cốc nói đến ở bên dưới, được các chủ xưởng Man-se-xtơ, những người chủ trương tự do buôn bán Cốp-đen và Brai-tơ thành lập năm 1838; nó đấu tranh đòi hoàn toàn tự do buôn bán. Đồng minh chấm dứt tồn tại sau khi các đạo luật về ngũ cốc được hủy bỏ vào năm 1846. Hoạt động của Đồng minh nhiều lần được Mác và Ăng-ghen phân tích và phê phán trong các tác phẩm viết vào những năm 40-50, cũng như trong bộ "Tư bản". - *379.*

351 Đây muốn nói đến cuộc Chiến tranh Crưm (1853-1856). - *380.*

352 Đây muốn nói đến dự luật về cải cách luật bầu cử (được thông qua vào năm 1832); nó nhằm chống lại sự độc quyền chính trị của giới quý tộc ruộng đất và tài chính, xóa bỏ quyền đại diện của một số "địa phương thối rữa" (xem chú thích 362), và đã mở đường cho các đại biểu của giai cấp tư sản tài chính vào nghị viện. Vào đầu những năm 50, ở Anh bắt đầu cuộc đấu tranh cho việc cải cách bầu cử lần thứ hai. Vào tháng Hai 1852, Rớt-xen đọc lời tuyên bố sơ bộ tại nghị viện về dự luật cải cách bầu cử, song dự luật này thậm chí không được đưa ra thảo luận. Ăng-ghen phân tích nội dung của dự luật này trong bài "Nước Anh" (xem Toàn tập, t.8, 1993, tr. 289-293). - *381, 448.*

353 Ám chỉ Đ. Uốc-các-tơ, người coi Pan-mốc-xtơn là tay sai trực tiếp của chính phủ Nga hoàng. - *381.*

354 Giả thuyết nói rằng nhà ngoại giao Anh Rô-bốc-A-đơ, người được ủy nhiệm của Phốc-xơ, được ông ta cử đi Pê-téc-bua nhằm làm rối loạn các kế hoạch của U. Pít, được đưa ra vào năm 1821 trong cuốn sách: G.Tomline. Memoirs of the Life of the Right Honorable William Pitt. 3 Volumes. London, 1821. - *382.*

355 Lo lắng trước thắng lợi của Nga trong cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ năm 1787-1791, Pít con tìm cách ngăn cản việc thực hiện hiệp ước I-át-xơ. Giới ngoại giao Nga, nhờ sử dụng báo chí Anh và bắt liên lạc với thủ lĩnh phe đối lập Sác-lơ Giêm-xơ Phốc-xơ, nên đã ngăn ngừa được sự tan vỡ quan hệ ngoại giao với Anh. Tại hạ nghị viện, Phốc-xơ đã phê phán kịch liệt chính sách của Pít. Sau khi giành thắng lợi ngoại giao đối với Pít, Ê-ca-tê-ri-na đã ra lệnh mua - để tỏ thái độ - cho bà ở Luân Đôn bức tượng bán thân của Phốc-xơ, tượng này được đặt trong cung điện làng vua giữa các bức tượng của Đê-mô-xphen và Xi-xê-rôn. Chắc hẳn khi nói "các mối liên hệ trái phép", Mác có ý nói những tình huống này.- *382.*

356 Về *Hòa ước U-tơ-rếch*, xem chú thích 390.

Năm 1716 ở Han-nô-vơ, Anh và Pháp đã ký hiệp ước bí mật, theo đó nước Anh đóng vai nhân tố đảm bảo duy trì vương miện Pháp cho triều đại Oóc-lê-ăng trong trường hợp Lu-i XV chết không có con. Ký hiệp ước về phía nước Anh là quốc vụ khanh phụ trách ngoại giao bên cạnh vua Giooc-giơ I Xtan-hốp, còn về phía Pháp là hồng y giáo chủ Duy-boa. Trên cơ sở hiệp ước ấy, năm 1717 Liên minh ba bên giữa Anh, Pháp và Hà Lan đã được ký, năm 1718 Áo gia nhập Liên minh (Liên minh tay tư). Về những sự kiện này chính Mác nói tiếp trong bài này. - *382.*

357 Đây muốn nói đến công ước do Pháp, Anh, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha ký ngày 22 tháng Tư 1834 ở Luân Đôn về những vấn đề liên quan đến bán đảo Pi-rê-nê.- *382, 510.*

358 *Đại úy trường I-tơn* (Captain from Eton) - danh hiệu vẻ vang mà sinh viên Trường cao đẳng I-tơn nhận được do tham gia những cuộc tranh luận chính trị được tiến hành dưới hình thức những cuộc tranh luận nghị trường. Can-ninh nhận được danh hiệu này vào năm 1788, sau khi tốt nghiệp trường cao đẳng này. - *383.*

359 Ở đây Mác có ý nói đến bài diễn văn của Can-ninh đọc ngày 12 tháng Chạp 1826, tại nghị viện Anh, nhân việc phái quân Anh sang Bồ Đào Nha. Can-ninh tuyên bố rằng vai trò của nước Anh trong cuộc chiến tranh các nguyên tắc (hoặc ý kiến) giữa các nước trên thế giới có thể sánh với vai trò của Ê-ôn: "... đang ngồi trong pháo đài cao, tay cầm quyền trượng, làm dịu tinh thần của họ và kìm nén nỗi căm giận của họ..." (Viếc-gi-lơ. "Ê-nê-i-đa", I, 56-57). Việc phái quân Anh sang Bồ Đào Nha là một trong những tình tiết của các cuộc nội chiến ở nước này (các cuộc chiến tranh của Mi-ghen những năm 1823-1834). - *383.*

360 Đây muốn nói đến chính sách chống Pháp của thủ tướng Anh Uy-li-am Pít (cha), ông này đóng vai trò lớn trong việc gây ra cuộc Chiến tranh bảy năm (1756-1763), cho phép nước Anh chiếm hầu hết các lãnh địa của Pháp ở Ấn Độ và Bắc Mỹ. - *383.*

361 Nền độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở châu Mỹ được tuyên bố vào năm 1826 (trừ Cu-ba và Pu-éc-tô Ri-cô), nền độc lập của thuộc địa Bồ Đào Nha Bra-xin được tuyên bố vào năm 1822 do kết quả của cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha những năm 1810-1826. - *384.*

362 *"Những địa phương thối rữa"* là cách gọi mà ở Anh vào thế kỷ XVIII-XIX người ta dùng để chỉ những thị trấn và làng ít dân hoặc không có người đã có quyền đại diện trong nghị viện từ thời trung cổ. Đặc quyền của "những địa phương thối rữa" đã bị những cuộc cải cách năm 1832 (xem chú thích 352), 1867 và 1884 hủy bỏ. - *384.*

363 Trong bản gốc là "Stämme"; trong những năm 48-50 thế kỷ XIX, trong khoa học lịch sử, từ "Stamm" có ý nghĩa rộng hơn bây giờ. Lúc ấy nó biểu thị tổng thể những người có nguồn gốc chung. Ở đây nó được dịch bằng từ *"bộ tộc"* phù hợp với nội dung thực tế của thuật ngữ đã được dùng. - *388.*

364 *B.Bauer*, "De la Dictature occidentale". Charlottenbourg, 1854, p.25-26.- *388.*

365 Do kết quả cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ năm 1828-1829, người ta đã ký Hiệp ước A-đri-a-nô-pôn (IX. 1829) khẳng định quyền tự trị của Xéc-bi và đảm bảo quyền

tự trị của các Công quốc vùng Đa-nuýp (Môn-đa-vi và Va-la-ki). Nhân tố đảm bảo các quyền đã giành được là nước Nga. Trên cơ sở Hiệp ước A-đri-a-nô-pôn, ở các công quốc vùng Đa-nuýp, trong những năm 1831-1832, người ta đã ban hành Quy chế tổ chức quy định cơ cấu xã hội-chính trị của những công quốc ấy. Về việc Mác đánh giá Quy chế tổ chức, xin xem thêm t. I bộ "Tư bản" (Toàn tập, t.23, 1993, tr. 351-353) - *389.*

366 Đây muốn nói đến một trong những sự kiện của cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ những năm 1828-1829 - quân Nga bao vây cảng Ê-nô-xơ trên biển Ê-giê. Ê-nô-xơ bị đội quân của tướng Xi-véc-xơ chiếm ngày 26 tháng Tám 1829. - *390.*

367 Đây muốn nói đến đoạn trích sau đây từ công văn khẩn của Li-ven, mà Bau-ơ dẫn ra: "Hòa ước phải được ký kết chính là trong phe chúng ta; và chỉ sau khi nó được ký kết, châu Âu mới có thể được biết các điều kiện của nó; lúc đó thời gian để phản kháng sẽ bị bỏ qua và sẽ phải bền bỉ chịu đựng cái mà không thể ngăn cản được nữa" *(B.Bauer.* "La Russie et l'Angleterre", p. 40). Những đoạn trích công văn khẩn của Li-ven Nê-xen-rô-đê ngày 13 (1) tháng Sáu 1829 được Mác dẫn ra theo ấn phẩm "The Portfolio. Diplomatie Review. (New Series)". Vol. I, N1. London, 1843, p. 24. - *390.*

368 Ngày 25 tháng Mười một 1836, ở vịnh Xút-giúc-Ca-lơ (duyên hải biển Đen của Cáp-ca-dơ), tàu chiến Nga đã bắt giữ tàu buôn Anh "Vích-xen". Sự kiện này được Mác phân tích tỉ mỉ trong bài đả kích "Huân tước Pan-mốc-xtơn" (xem Toàn tập, t.9, 1993, tr. 526-537). - *391.*

369 Về chính sách của Quốc hội Phran-phuốc trong vấn đề dân tộc, xem những bài của Mác và Ăng-ghen trên báo "Neue Rheinische Zeitung" (Toàn tập, t.5, 1993). - *392.*

370 Bản phác thảo "Về vấn đề phương Đông" được Mác viết vào cuối quyển vở đặc biệt để tháng Giêng-tháng Ba 1857; trên cơ sở đó, thời gian viết bản phác thảo này được xác định là tháng Ba 1857. - *393.*

371 Mác có ý nói đến những bài của Ăng-ghen viết vào thời kỳ chuẩn bị và mở đầu Chiến tranh Crum, và đặc biệt là: "Điểm tranh chấp thực sự ở Thổ Nhĩ Kỳ", "Vấn đề Thổ Nhĩ Kỳ", "Thổ Nhĩ Kỳ thuộc châu Âu sẽ ra sao?" v.v. (xem Toàn tập, t. 9, 1993, tr. 22-28, 34-41, 46-52). - *393.*

372 Những nguồn tư liệu chính để C.Mác viết những ghi chú này là những cuốn sách: G.F Martens. Grundriβ einer diplomatischen Geschichte der Europäischen Staatshandel und Friedensschlüsse seit dem Ende der 15-ten Jahrhunderts bis zum Frieden zu Amiens. Berlin, 1807 và ấn phẩm khuyết danh của người tham gia cuộc cách mạng Hung-ga-ri năm

1849 I. Xa-bô, The State Policy of Modern Europe, from the Beginning of the sixteenth Century to the Present Time. 2 volumes. London, 1857 (xem thêm chú thích 459). Mác trích cuốn sách của Mác-ten-xơ ngay hồi tháng Chín-tháng Mười một 1853, nhân khi viết các bài về Pan-mớc-xtơn, trích "State Policy" vào năm 1860 (xem tập này, tr. 475-512). "Những ghi chú" này chứa đựng những kết luận và nhận xét của chính Mác. Tác phẩm được công bố theo bản chụp, điều này làm cho việc xác định đúng năm tháng viết tài liệu rất khó khăn. "Những ghi chú" được viết sớm nhất là vào giữa năm 1857, nhân khi Mác nghiên cứu các vấn đề quan hệ chính trị đối ngoại Nga-Anh và lịch sử ngoại giao nói chung. - *394*.

373 Sau khi Các-lơ Dũng cảm chết, công quốc Buốc-gun-đi và công quốc Pi-các-đi chuyển sang tay Pháp. Bằng việc sáp nhập những vùng đất ấy, cũng như Prô-văng-xơ với Mác-xây, Lu-i XI hoàn thành việc thống nhất tất cả các vùng đất Pháp, trừ Brơ-ta-nhơ. - *394*.

374 Đây muốn nói đến khối liên hợp chống Pháp hình thành vào thời kỳ đầu các cuộc chiến tranh I-ta-li-a (1494-1559). Hiệp ước thành lập khối liên hợp này được các đại biểu của Mi-la-nô, Vơ-ni-đơ, Tây Ban Nha, cái gọi là Đế chế La Mã thần thánh và Giáo hoàng La Mã ký ngày 31 tháng Ba 1495 ở Vơ-ni-đơ. Tiếp theo Mác-ten-xơ, Mác gọi khối liên hợp ấy là "Đồng minh phúc lợi xã hội", tương tự như liên minh quý tộc phong kiến - ra đời dưới tên gọi này vào cuối năm 1464 ở Pháp - thực tế do quận công Buốc-gun-đi Các-lơ Dũng cảm lãnh đạo, và nhằm chống chính sách thống nhất đất nước thành một quốc gia tập quyền do vua Lu-i XI thi hành. - *395*.

375 Lu-i XII từ bỏ phần Vương quốc Na-plơ của mình, nhận được năm 1504 theo hiệp ước năm 1500; sự kiện này kết thúc thời kỳ thứ hai của các cuộc chiến tranh I-ta-li-a. - *395*.

376 Đây muốn nói đến những sự kiện xảy ra trước khi Đồng minh Cam-brê được thành lập. - *395*.

377 Năm 1506 Mắc-xi-mi-li-an I xâm nhập miền Mi-la-nô và bị quân Vơ-ni-đơ đập tan; tiếp sau đó, ở thành phố Cam-brê đã có sự giao kết liên minh giữa Giáo hoàng La Mã I-u-li II, Mắc-xi-mi-li-an I, Lu-i XII, vua Tây Ban Nha Phéc-đi-năng và một số quốc gia I-ta-li-a (Phlo-ren-xi-a, Măng-tua, Phe-ra-ra, Xa-voa v.v.) chống Cộng hòa Vơ-ni-đơ nhằm phân chia các lãnh địa của nó. Đồng minh Cam-brê được chính thức thành lập ngày 10 tháng Chạp 1508. Sau thắng lợi của Pháp ở A-ni-a-đe-lô (trong sách của Mác-ten-xơ là Ghi-ác-đát-đa), tất cả những đồng minh cũ của nó đều quay lại chống nó, và ngày 5 tháng Mười 1511 Giáo hoàng La Mã I-u-li II, Vơ-ni-đơ, Tây Ban Nha, Anh và các bang Thụy Sĩ thành lập Đồng minh thần thánh (Đồng minh tối thiêng liêng). Do kết quả hoạt

động của Đồng minh thần thánh, quân đội Pháp đã bị gạt khỏi I-ta-li-a năm 1512. - *395.*

378 Có lẽ trong bản thảo ở đây viết nhầm. Sau trận đánh ở Pa-ri và sau khi thoát khỏi cảnh bị bắt làm tù binh, Phrăng-xoa I liên kết với cái gọi là Đồng minh Cô-nhắc nhằm chống Sác-lơ V - hoàng đế của "Đế chế La Mã thần thánh" (xem tập này, tr.476). - *396.*

379 Hòa ước Ca-tô-Cam-brê-di năm 1559 kết thúc các cuộc chiến tranh I-ta-li-a (1494-1559), gồm hai hiệp ước (giữa Pháp và Anh, giữa Pháp và Tây Ban Nha). Theo hiệp ước này, Pháp từ bỏ mọi yêu sách đòi chiếm đất ở I-ta-li-a. Công quốc Xa-voa, bị Phrăng-xoa I chiếm năm 1536 được khôi phục, và một phần Pi-ê-mông đã được sáp nhập vào nó. - *396, 478.*

380 Năm 1581, các Hội đồng dân biểu của những tỉnh khởi nghĩa đã tuyên bố lật đổ Phi-líp II, còn ngày 26 tháng Bảy 1581, các Hội đồng dân biểu ấy đã tuyên bố tách Hà Lan khỏi Tây Ban Nha, đồng thời tuyên bố nền độc lập quốc gia của Hà Lan. - *397.*

381 Lần đầu tiên các Hội đồng dân biểu ở Hà Lan được thành lập vào năm 1463, chúng đại diện cho lợi ích của một số tỉnh và có quyền biểu quyết thuế. Trong tiến trình cuộc cách mạng tư sản Hà Lan thế kỷ XVI, các nghị viện của cả nước được thành lập vào năm 1576, sau khi cách mạng thắng lợi chúng trở thành cơ quan lập pháp thường trực tối cao hiện hành của nước cộng hòa. — *397.*

382 Sau khi ký kết *Hòa ước Ve-xtơ-pha-li năm 1648* (xem chú thích 310), Pháp tiếp tục cuộc chiến tranh với Tây Ban Nha đến tận năm 1659. Chiến tranh kết thúc bằng việc ký hòa ước ngày 7 tháng Mười một 1659, ở Pi-rê-nê trên đảo Phơ-dan trên sông Bi-đa-xoa. Hòa ước Pi-rê-nê đã góp phần chuyển bá quyền ở Tây Âu từ Tây Ban Nha sang cho Pháp. — *397, 484.*

383 Đây muốn nói đến cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế Măng-tua (1628-1631), là một bộ phận cấu thành của cuộc Chiến tranh ba mươi năm (1618-1648). Cuộc chiến tranh để giành ưu thế ở Bắc I-ta-li-a đã diễn ra giữa đại biểu của các ngành bàng hệ của dòng họ Gôn-da-ga: giữa một bên là Phéc-đi-năng, quận vương xứ Goa-xta-la (Phéc-đi-năng II) được dòng họ Háp-xbuốc Tây Ban Nha và Áo ủng hộ, và Giê-nơ phụ thuộc thực tế vào Tây Ban Nha theo hiệp ước năm 1528, và bên kia là Sác-lơ - tay sai của Pháp, quận công Nê-ve-rơ (Các-lô I Gôn-da-ga). Năm 1629, quận công Xa-voa cũng buộc phải theo Pháp. Kết cục của chiến tranh đã củng cố vị trí quốc tế của Pháp. — *397.*

384 Đây muốn nói đến Hòa ước Ve-xtơ-pha-li (xem chú thích 310) ký ngày 24 tháng Mười 1648 ở Muyn-xtơ; gồm hai hòa ước kết hợp lại - Hòa ước Ô-xna-bruých (giữa một bên

là hoàng đế của "Đế chế La Mã thần thánh" và các đồng minh của ông ta, và một bên là Thụy Sĩ và các đồng minh của nó) và Hòa ước Muyn-xtơ (giữa hoàng đế và Pháp cùng đồng minh của họ). Cuộc đàm phán về hòa ước diễn ra từ năm 1645. - *397, 483.*

385 Mác dẫn lại tên gọi chương I tập thứ nhất tác phẩm của I. Xa-bô "The State Policy of Modern Europe", p.1. - *398.*

386 Đây muốn nói đến hiệp ước riêng rẽ của Tây Ban Nha với Hà Lan - một hiệp ước trong loạt hiệp ước Ve-xtơ-pha-li (xem chú thích 310, 384). - *398, 483.*

387 *Bô-hêm*- tên gọi chính thức của Séc, Séc nằm trong Đế chế Háp-xbuốc từ năm 1526 đến năm 1918 dưới tên gọi này .

Nói đến *cuộc ân xá* là Mác muốn nói đến lời hứa của các chính phủ Anh, Pháp, Thụy Điển, Đan Mạch và những quốc gia khác đối với Bô-hêm; trong cuộc Chiến tranh ba mươi năm Bô-hêm đứng về phía khối liên hợp chiến đấu chống dòng họ Háp-xbuốc. Những vùng đất Séc mà trong suốt cuộc Chiến tranh ba mươi năm là vũ đài tác chiến, thì theo điều kiện của Hòa ước Ve-xtơ-pha-li năm 1648 (xem chú thích 310, 384), vẫn ở dưới quyền của dòng họ Háp-xbuốc. - *398, 483.*

388 *Hòa ước Ri-xvích năm 1697* kết thúc cuộc chiến tranh những năm 1688 - 1697 giữa Pháp và Đồng minh Au-xbuốc (Hà Lan, Anh, Tây Ban Nha, Đế chế Đức, Xa-voa, Thụy Điển, một loạt vua chúa Đức và I-ta-li-a), xác nhận đường biên giới trước chiến tranh với một số thay đổi. Pháp phải thừa nhận cuộc chính biến những năm 1688-1689 (cái gọi là cuộc cách mạng vẻ vang), mà sau cuộc chính biến đó, ở Anh, chế độ quân chủ lập hiến đã được củng cố. Theo điều kiện của hiệp ước, phần phía tây đảo Ha-i-ti (Xan-Đô-min-gô) được cắt cho Pháp.- *398, 487.*

389 Ở đây Mác dẫn ra tên gọi các chương IV, V, VI của tập thứ nhất bộ sách "The State Policy", p. 84, 100, 132.- *398.*

390 Đây muốn nói đến những hiệp ước ký kết trong những năm 1713-1715 (trong đó có các hiệp ước ký ở U-tơ-rếch và Ra-stát) giữa một bên là Pháp và Tây Ban Nha, và một bên là những nước tham gia khối liên hợp chống Pháp (Anh, Hà Lan, Bồ Đào Nha, Phổ, Xa-voa và dòng họ Háp-xbuốc Áo), kết thúc cuộc chiến tranh kéo dài giành quyền thừa kế ngai vàng Tây Ban Nha (xem chú thích 317). Trong số các điều kiện của hiệp ước, những điều kiện quan trọng nhất là duy trì ngai vàng Tây Ban Nha cho Phi-líp Buốc-bông, cháu trai của Lu-i XIV, nhưng vua Pháp phải từ bỏ kế hoạch của mình liên kết chế độ quân chủ Pháp và chế độ quân chủ Tây Ban Nha. Những hiệp ước này đã phê chuẩn

việc chuyển cho Anh một loạt thuộc địa của Pháp và Tây Ban Nha ở Tây Ấn và Bắc Mỹ, cũng như Gi-bran-ta và cảng Ma-on trên đảo Mê-noóc-ca. Ngoài ra, Anh đảm bảo cho mình cái gọi là độc quyền nhập khẩu nô lệ da đen sang Mỹ, nghĩa là độc quyền nhập khẩu nô lệ từ châu Phi đến các thuộc địa Tây Ban Nha ở Mỹ. - *398, 495.*

391 Mác dẫn ra tên gọi chương IX của tập thứ nhất "The State Policy", p. 247.- *399.*

392 Có lẽ Mác có ý nói đến dự thảo hiệp định quốc tế được trình bày trong quyển sách của viên cố vấn của Hăng-ri IV là M.Xuy-li "Những nguyên tắc sáng suốt của kinh tế nhà nước" ("Mémoires des sages et royales économies d' Estat, domestiques, politiques et militaires de Henry le Grand") ra mắt năm 1638. Tác giả là Xuy-li, tuy ông ta gán nó cho Hăng-ri IV. Thực chất của dự thảo, soạn lúc cuộc Chiến tranh ba mươi năm đang sôi sục và nó mang sắc thái chống dòng họ Háp-xbuốc, chung quy lại là gạt người Thổ Nhĩ Kỳ và người Ta-ta ra khỏi châu Âu và tổ chức một khối kết hợp những quốc gia theo đạo Cơ Đốc dưới sự cầm đầu danh nghĩa của Giáo hoàng La Mã, mà thực chất là dưới sự thống trị của Pháp. Kế hoạch mang tính chất hoàn toàn không hiện thực và không thích hợp với chính sách đối ngoại đích thực của Hăng-ri IV. - *399, 479.*

393 Tiếp theo trong bản thảo là những con số tính toán không có quan hệ với nội dung chính. - *400.*

394 Tiểu luận của Ph.Ăng-ghen "A-ben-xbéc" được công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong chú thích 54 cho tập 14 Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghen. - *401.*

395 Chín tiểu luận ngắn công bố ở bên dưới, lấy từ "New American Cyclopaedia" (A-crơ, Ác-xi, Quần đảo A-lăng, An-đen-hô-ven, A-lê-xan-đri-a, An-mây-đa, A-muy-dét, Ăng-ve, Ác-be-lư) là của Ăng-ghen. Tên gọi của những tiểu luận ấy nhập vào danh mục bước đầu những mục từ về các vấn đề quân sự thuộc vần "A", mà Ăng-ghen soạn và ngày 28 tháng Năm 1857 ông gửi cho Mác, rồi sau đó gửi đi Niu-Oóc cho ban biên tập Tân Bách khoa toàn thư của Mỹ (xem Toàn tập, t.29, 1996, tr. 182-184). - *402.*

396 *Các hiệp sĩ của thánh Gioan*- các thành viên của hội đoàn Thiên Chúa giáo quân sự - tu hành do những người lính Thập tự quân thành lập ở Pa-le-xtin vào đầu thế kỷ XII; sau thất bại năm 1291, họ chuyển trụ sở sang Síp, rồi lần lượt sang Rô-đốt, Man-ta và Rô-ma. - *402.*

397 Theo Hiệp định Brun-đi-di giữa Ốc-ta-vi-ăng, An-tô-ni-út và Lê-pít, ký kết vào năm 40 trước công nguyên, An-tô-ni-út nhận được tất cả các tỉnh phía đông của đế chế La Mã, Ốc-ta-vi-ăng nhận được tất cả các tỉnh phía tây, còn Lê-pít thì nhận châu Phi. - *404.*

398 Ăng-ghen dành hai bài chuyên đề trên báo "New - York Daily Tribune" và một bài ngắn trong "New American Cyclopaedia" để nói về trận đánh ở Bộ-mác-xun-đơ này (xem Toàn tập, t.10, 1993, tr. 452-462; t.14, 1994, tr. 355).- *406.*

399 Đây muốn nói đến trận Gan-gút diễn ra các ngày 25-27 tháng Bảy 1714, giữa hạm đội Nga và hạm đội Thụy Điển, kết thúc bằng thắng lợi của quân Nga. - *407.*

400 Như thấy rõ qua bức thư của Ăng-ghen gửi Mác đề ngày 28 tháng Năm 1857, trong tiểu luận này Ăng-ghen cũng định viết về các sự kiện năm 1797 (xem Toàn tập, t.29, 1996, tr. 184). Ý định của Ăng-ghen không được thực hiện. - *409.*

401 Trong "New American Cyclopaedia" người ta đã in hai bài ngắn dưới tên gọi này; trong số đó, tiểu phẩm thứ hai là của Ăng-ghen, mà chúng tôi in lại trong tập này.- *410.*

402 Trong "New American Cyclopaedia" người ta đã in ba bài ngắn dưới tên gọi này: "An-mây-đa" - thành phố ở Bồ Đào Nha, "An-mây-đa"- hải cảng ở Bra-xin và "An-mây-đa, Phran-xi-scu"- phó vương Bồ Đào Nha đầu tiên của Ấn Độ. Bức thư của Ăng-ghen gửi Mác đề ngày 28 tháng Năm 1857 cho phép khẳng định rằng Ăng-ghen là tác giả của bài thứ nhất (xem Toàn tập, t. 29, 1996, tr. 183).- *412.*

403 Đây muốn nói đến việc quân Bỉ và quân Pháp bao vây Ăng-ve trong thời gian cuộc chiến tranh Bỉ-Hà Lan những năm 1831-1833. Cuộc chiến tranh do vua Hà Lan Vin-hem I mở đầu, ông này không chịu thừa nhận nền độc lập nhà nước của Bỉ mà cuộc cách mạng năm 1830 đã giành được. - *415.*

404 Bản phác thảo được công bố của Ph.Ăng-ghen "Ben-ních-xen và Bác-clai" là phương án thứ nhất của hai bài viết chung của Mác và Ăng-ghen cho "New American Cyclopaedia": "Bác-clai-đơ-Tô-li" và "Ben-ních-xen". Bản phác thảo được Ăng-ghen gửi cho Mác cùng với bức thư đề ngày 10 tháng Chín 1857, tên gọi được đặt theo bức thư của Ăng-ghen (xem Toàn tập, t. 14, 1994, tr. 117-119, 139-143; t. 29, tr. 218). - *418.*

405 Sự kiện này được Mác đưa vào tiểu sử của Bác-clai-đơ-Tô-li (xem Toàn tập, t.14, 1994, tr. 117). - *418.*

406 Việc quân Pháp bao vây Dan-txích (Gđan-xcơ) kéo dài từ tháng Ba đến cuối tháng Năm 1807. - *419.*

407 Trận đánh ở Xmô-len-xcơ giữa quân đội của Na-pô-lê-ông và quân Nga, diễn ra ngày 4-6 (16-18) tháng Tám 1812. - *420.*

408 Trong văn bản cuối cùng của bài viết, Mác chỉ ra rằng vai trò của Bác-clai-đơ - Tô-li trong các chiến dịch năm 1813-1814, xét về tính chất, là không giống nhau, và những

điều Ăng-ghen nói trong bản phác thảo này chỉ liên quan đến hoạt động của Bác-clai-đơ - Tô-li năm 1814 (xem Toàn tập, t.14, 1994, tr. 118-119). - *421.*

409 Bài "Pháo kích" được Ăng-ghen viết và được Mác gửi đi Niu-Oóc ngày 8 tháng Giêng 1858 cùng với các bài "Bô-li-va-rơ-i - Pôn-tê", "Chiến dịch", "Đại úy" v.v. (xem Toàn tập, t.14, 1994, tr. 275-298 và những trang khác). Điều ghi trong Sổ tay của Mác năm 1858 chứng tỏ điều đó.- *422.*

410 Bài "Các-tút" được công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong chú thích 253 cho tập 14 của Toàn tập C.Mác và Ph. Ăng-ghen. - *424.*

411 Bài viết về Phri-đrích Vin-hem Buy-lốp được Mác cung cấp cho Bách khoa toàn thư theo sáng kiến của Ăng-ghen, lúc đầu dự định rằng Mác sẽ viết phần tiểu sử chung, còn Ăng-ghen viết phần quân sự. Song ý định đó không được thực hiện đầy đủ (xem Toàn tập, t.29, 1996, tr. 388-389). Phương án bài viết Mác gửi đi Niu-Oóc (xem chú thích 414) có lẽ đã bị ban biên tập Bách khoa toàn thư rút ngắn. Những bài bước đầu này của Mác chứng tỏ ý định ban đầu rộng lớn hơn. - *425.*

412 *Ben-A-li-ăng-xơ-* một làng ở Bỉ, tại tỉnh Bra-ban, cách Oa-téc-lô 4 km về phía Nam, đại bản doanh của Na-pô-lê-ông I trong thời gian diễn ra trận Oa-téc-lô ngày 18 tháng Sáu 1815. Trong sách báo Đức đôi khi người ta gọi trận Oa-téc-lô là trận Ben-A-li-ăng-xơ. - *427.*

413 Đây muốn nói đến trận đánh ở Lai-pxích ngày 16-19 tháng Mười 1813, giữa quân của khối liên hợp thứ sáu các cường quốc châu Âu với nước Pháp thời Na-pô-lê-ông. "Trận đánh của các dân tộc" kết thúc bằng thắng lợi của quân đồng minh. - *427.*

414 Trong "New American Cyclopaedia" người ta đã in hai bài dưới tên gọi "Buy-lốp": "Buy-lốp, Phri-đrích Vin-hem" và "Buy-lốp, Hen-rích". Như thấy rõ qua thư từ trao đổi giữa Mác và Ăng-ghen trong tháng Hai - tháng Ba 1858, Mác chỉ viết bài đầu (xem chú thích 411). - *428.*

415 Nhân cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc của các dân tộc Ấn Độ chống ách thống trị của Anh trong những năm 1857-1858, Mác công bố trên báo "New - York Daily Tribune" một loạt bài phân tích nguyên nhân, tính chất và động lực của cuộc khởi nghĩa ấy, vạch trần chính sách thuộc địa của Anh. Các bài viết của Mác được in ở tập 12 của bộ Toàn tập này. Bài này ("Vận chuyển quân đến Ấn Độ") Ăng-ghen viết theo đề nghị của Mác trong khoảng từ ngày 16 đến ngày 20 tháng Bảy 1858 và gửi đi Niu-Oóc ngày 27 tháng Bảy. Bài viết của Ăng-ghen đề cập đến các vấn đề về cách thức tổ chức đàn áp bằng

quân sự của nước Anh đối với cuộc khởi nghĩa, kịch liệt phê phán bộ chiến tranh của chính phủ Pan-móc-xtơn, đầu óc bảo thủ và thủ cựu ngự trị trong bộ ấy. Bài của Ăng-ghen bị ban biên tập báo "New - York Daily Tribune" sửa, dấu vết sửa đặc biệt thấy rõ ở đoạn cuối. Ban biên tập cũng sửa cả đầu đề, công bố bài viết dưới tên gọi "How the Indian War has been mismanaged". Trong tập này đầu đề được in theo Sổ tay của Mác: "Transport of Troops to India". Bài viết đã được công bố không để tên tác giả, nhưng có ghi: "Bài tin của báo "The New -York Tribune"". - *429.*

416 Bài tin của Mác "Tuyên ngôn cách mạng mới của Pháp" dành để phân tích bài đả kích của nhà dân chủ tiểu tư sản Pháp Phê-lích-xơ Pi-a "Lettre aux mandarins de la France". Mác luôn luôn không tán thành những lời phát biểu có tính chất khiêu khích của Pi-a; trong những năm 50 và cả về sau, trong những năm 60, ông này phát biểu ở Anh những lời vô trách nhiệm kêu gọi ám sát Na-pô-lê-ông III và nói chung kêu gọi "giết vua", đã tạo cho cảnh sát Anh cái cớ để trục xuất những người lưu vong cách mạng khỏi nước Anh, tạo cho cảnh sát Pháp cái cớ để truy bức những người tham gia phong trào công nhân và phong trào dân chủ ở chính ngay nước Pháp. Song, bài đả kích này làm cho Mác chú ý do chỗ nó chứa đựng "một hoặc hai sự kiện lý thú" (xem Toàn tập, t. 29, 1996, tr. 457-458), cụ thể là: những bằng cứ chứng tỏ ý thức giác ngộ của giai cấp công nhận tăng lên và hoạt động đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản phát triển, điều này ngay cả Pi-a, người luôn luôn chống đối kịch liệt phong trào công nhân độc lập và đã trở thành - trong những năm Quốc tế I còn hoạt động - kẻ thù không đội trời chung của Quốc tế I, cũng đã buộc phải thừa nhận. Ngoài ra, Mác còn dẫn ra những chỗ trong bài châm biếm của Pi-a chứng tỏ đế chế Bô-na-pác-tơ lâm vào khủng hoảng và giai cấp tư sản Pháp đã hết khả năng cách mạng. Trong Sổ tay của Mác có ghi việc gửi bài tin đi Niu-Óóc. Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê-nin (Liên xô trước kia) không có cuốn sách của Pi-a, vì thế không xác định được mức độ Mác sửa văn bản của Pi-a. - *439.*

417 *Ích-xi-ôn-* nhân vật thần thoại cổ Hy Lạp, vua của người La-píp; Ích-xi-ôn theo đuổi nữ thần Hê-ra, nhưng bị Dớt lừa: Dớt giả làm Hê-ra đem mây trình cho Ích-xi-ôn. Pi-a ám chỉ lý tưởng chế độ quân chủ đại diện mà Ghi-dô thuyết giáo và đặc biệt, ám chỉ tác phẩm của Ghi-dô "Cours d' histoire moderne. Histoire des origines du gouvernement représentatif en Europe". - *439.*

418 Ám chỉ các tác phẩm của V. Cu-den những năm 50 thế kỷ XIX có phụ đề chung: "Etudes sur les femmes illustres et la société du XVIIe siècle": "Madame de Longueville". "Madame de Sablé", "Madame de Chevreuse et madame de Hautefort" v.v.. - *440.*

419 Lúc Chi-e đứng đầu chính phủ Pháp năm 1840, di hài của Na-pô-lê-ông I được chở về Pa-ri và chôn ở Điện Thương binh; Pi-a cũng có ý nói toàn tập hai mươi tập của Chi-e "Histoire du Consulat et de l'Empire".- *440.*

420 *Cent-gardes* - đội cận vệ, đội quân chuyên dụng có đặc quyền bên cạnh hoàng đế, được thành lập ở Pháp theo chỉ dụ ngày 24 tháng Ba 1854. - *440.*

421 Ám chỉ sự bất bình trong giới theo đạo Thiên Chúa và giới theo Bô-na-pác-tơ trước hành vi của L.Vây-ô, chủ bút báo Thiên Chúa giáo "Univers" đã dựa vào Giáo hoàng để tiến hành trên báo này cuộc bút chiến đầy tai tiếng với tất cả những người có tư tưởng khác. - *441.*

422 Ám chỉ việc đình bản báo "Le Peuple constituant" của La-mơ-ne, số cuối cùng của báo này ra ngày 11 tháng Bảy 1848. Những từ: "silence au pauvre" là của La-mơ-ne viết trong số cuối cùng này.- *441.*

423 La-mơ-ne trối lại để nghị chôn mình tại nghĩa địa của người nghèo, không tiến hành bất cứ nghi lễ nhà thờ nào.- *441.*

424 Ám chỉ việc ở Bỉ và Pi-ê-mông ngày 18 tháng Hai 1858 người ta đã thảo luận và thông qua những đạo luật trừng trị việc xúi giục và tham gia những vụ mưu sát. Những đạo luật này được thông qua để làm vui lòng Na-pô-lê-ông III sau vụ nhà cách mạng I-ta-li-a Oóc-xi-ni mưu sát ông ta vào ngày 14 tháng Giêng 1858. -*441.*

425 Năm 1858 ở Gít-đa (một cảng trên biển Đỏ) đã xảy ra vụ xung đột đẫm máu giữa những người theo đạo Hồi và những người theo đạo Cơ Đốc.- *441.*

426 Ám chỉ lời trong bài diễn văn của Lu-i Bô-na-pác-tơ đọc ngày 9 tháng Mười 1852 ở Boóc-đô ít lâu trước cuộc trưng cầu ý dân và ngày tuyên bố thành lập Đế chế thứ hai; để tìm cách chiếm cảm tình của dân chúng, ông ta tuyên bố một cách mị dân rằng "đế chế là hòa bình". - *443.*

427 *Lê-vít*- những người làm công việc tế lễ tôn giáo ở người Do Thái cổ đại, mà thuế thập phân được thu cho những thầy tu này. - *443.*

428 Pi-a dẫn ra một đoạn trong bài của Ác-man Ca-ren đăng ngày 24 tháng Giêng 1832 trên báo "National". Trong bài ấy, Ca-ren chống những vụ bắt bớ phòng ngừa trái phép diễn ra dưới thời Lu-i Phi-líp. -*444.*

429 *Vụ án Trường đua ngựa*- phiên tòa xử nhóm người cộng hòa mà vào mùa hè năm 1853 đã hai lần (ngày 7 tháng Sáu trên đường đi Trường đua ngựa, ngày 6 tháng Bảy tại nhà hát Ca hài kịch) định ám sát Na-pô-lê-ông III. - *444.*

430 Đây muốn nói đến nhiều mưu toan của hội cộng hòa bí mật "Ma-ri-an-na" ra đời vào năm 1850 định tổ chức những cuộc đấu tranh chống đế chế Bô-na-pác-tơ.

Ở Ăng-giê, vào đêm 26 sáng ngày 27 tháng Tám 1855, công nhân mỏ đá phiến, sau khi nhận được tin giả về thắng lợi của chế độ cộng hòa ở Pa-ri, đã tiến vào thành phố và bị quân đội giải tán.

Năm 1858, sau vụ mưu sát không thành của Oóc-xi-ni, ngày 14 tháng Giêng, ở một loạt thành phố của nước Pháp, đã có toan tính đảo chính của phái cộng hòa, trong đó, ngày 6 tháng Ba, ở Sa-lông trên sông Xôn-na đã xảy ra cuộc đấu tranh của các đơn vị quân đội (về các sự kiện ở Sa-lôn trên sông Xô-na, xem Toàn tập, t. 12, 1993, tr. 504-509).- *444.*

431 Bài "Ngài Giôn Brai-tơ", đăng trên báo "New - York Daily Tribune" làm xã luận là do Mác viết (xem chú thích 437). Trong bài này ta có thể thấy rõ sự can thiệp của ban biên tập báo "New-York Daily Tribune", đặc biệt đoạn thứ nhất đã bị thay đổi đáng kể, còn toàn bộ đoạn cuối do ban biên tập viết (xem chú thích 440), ban biên tập cũng thêm những tính ngữ khoái tai trong việc nhận xét Brai-tơ. Đầu đề do ban biên tập sách đặt theo đầu bài viết.

Bài này được đăng lại trên báo "New-York Semi-Wekly Tribune" số 1406 ngày 16 tháng Mười một 1858 dưới đầu đề "Radicalism in England". - *446.*

432 Ngày 11 tháng Sáu 1858, trong bài "Các chính đảng ở Anh.- Tình hình ở châu Âu", Mác viết: "Vấn đề là ở chỗ hai đảng thống trị đang cầm quyền ở Anh từ lâu đã biến thành những bọn người tầm thường không có những nguyên tắc nhất định nào cả. Sau những mưu toan không thành công nhằm xây dựng lúc đầu là một khối liên minh, rồi sau đấy là nền độc tài, hiện giờ hai đảng này đã đi đến tình trạng là một trong số họ có thể hy vọng kéo dài sự tồn tại của mình, chỉ sau khi đã trao lợi ích chung của họ vào tay kẻ thù chung của họ là đảng tư sản cấp tiến, đảng này có một người đại diện có thế lực ở hạ nghị viện là ngài Giôn Brai-tơ" (Toàn tập, t.12, 1993, tr. 622). - *446.*

433 Về thất bại của trường phái Man-se-xtơ trong cuộc bầu cử hạ nghị viện tháng Ba 1857, xem bài của C.Mác "Sự thất bại của Cốp-đen, Brai-tơ và Ghíp-xơn" (Toàn tập, t. 12, 1993, tr. 215-221).

Cuộc chiến tranh Trung Quốc - xem chú thích 341. - *446.*

434 Nhân bức công hàm ngày 29 tháng Giêng 1858 của bộ trưởng ngoại giao Pháp, bá tước Va-lép-xki, biểu hiện sự bất bình trước việc nước Anh trao quyền cư trú cho những người

lưu vong chính trị Pháp. Pan-móc-xtơn đưa ra hạ nghị viện dự luật về âm mưu lật đổ. Điểm sửa đổi dự luật, do Min-nơ Ghíp-xơn đưa ra trong cuộc thảo luận thứ hai ngày 19 tháng Hai và được Brai-tơ ủng hộ, đã lên án chính phủ Pan-móc-xtơn về việc nó không trả lời thỏa đáng công văn khẩn của Va-lép-xki. Điểm sửa đổi, được đa số trong hạ nghị viện thông qua, thực tế là sự biểu quyết không tín nhiệm đối với chính phủ và đã buộc chính phủ phải từ chức. - *446.*

435 Câu này do ban biên tập báo "Tribune" thêm vào văn bản bài viết. Bài diễn văn của Brai-tơ được công bố trên chính số báo ấy. - *447.*

436 Mác có ý nói đến hai bài diễn văn của Giôn Brai-tơ do ông ta đọc ngày 31 tháng Ba 1854 và ngày 26 tháng Ba 1858. - *447.*

437 Về việc đánh giá chương trình này của Brai-tơ, xem thêm bức thư của Mác gửi Ăng-ghen đề ngày 29 tháng Mười một 1858: "Về phong trào cải cách ở Anh, gần đây tôi chỉ nói nhân cuộc mít-tinh của Brai-tơ ở Bốc-minh-hêm, cụ thể là - thực chất là ở chỗ chương trình của ông ta là sự hạ thấp yêu cầu của Hiến chương nhân dân xuống đến mức yêu cầu của giai cấp tư sản" (Toàn tập, t. 29, 1991, tr. 437). - *448.*

438 Mác có ý nói điểm 4 của Hiến chương vốn là cương lĩnh chính trị của phái Hiến chương: "Bầu cử bằng bỏ phiếu kín để loại bỏ sự mua chuộc và hù dọa của giai cấp tư sản" (Toàn tập, t. 2, 1995, tr. 612-613). - *448.*

439 *"Người đầu tròn"* - tiếng lóng dùng để chửi, do những người ủng hộ nhà vua đặt cho những người bảo vệ nghị viện trong thời kỳ cách mạng tư sản Anh thế kỷ XVII. - *450.*

440 Tiếp theo là đoạn do ban biên tập báo thêm vào bài: "Về phía mình, khi xét vấn đề này trên góc độ sự công bằng chính trị và sự tiến bộ của nhân dân, cũng như trên góc độ việc giải quyết vấn đề đó sẽ dẫn đến chỗ thành lập một chính phủ Anh dân chủ hơn, chúng tôi hoan nghênh những hoạt động của ngài Brai-tơ với niềm hy vọng hân hoan, và chúc ông thành công trong những khởi xướng dũng cảm và cao cả của ông". - *450.*

441 Bản phác thảo dở dang bài viết "Các dấu hiệu của sinh hoạt nội bộ đang hồi sinh của nước Pháp" chứng tỏ Mác rất chú ý đến sự phát triển của tình thần chống đối trong đế chế Bô-na-pác-tơ và bổ sung cho những bài nói về sự khủng hoảng tài chính, kinh tế và chính trị đang tăng lên ở Pháp, được công bố trên báo "New-York Daily Tribune" năm 1858 (xem Toàn tập, t.12, 1993). Tuy trong bản thảo Mác chỉ ghi ngày và tháng, nhưng những sự kiện chứa đựng trong bản phác thảo cho phép xác định bản phác thảo được

viết năm 1858. Trong lần công bố này không in lại những chỗ đã gạch xóa. - 451.

442 Văn bản công bố ở đây được Mác viết làm nhận xét mở đầu cho bài tin đăng trên báo "New-York Daily Tribune" dưới đầu đề "Chính sách đối ngoại của nước Nga. Bị vong lục về nước Nga để thông báo cho hoàng đế đang trị vì. Do nội các Nga lập năm 1837". Trong bài tin ghi "Bài tin của N-Y Tribune. Béc-lin, 14 tháng Bảy 1859". Mác dẫn lại văn kiện - đã được báo "Free Press" của Uốc-các-tơ công bố ngày 13 tháng Bảy 1859 - dưới tên gọi "Memoir on Russia, for the Instruction of the present Emperor. Drawn up by the Cabinet in 1837". Văn kiện này làm cho Mác chú ý nhân lúc cuộc đấu tranh xung quanh vấn đề thống nhất nước Đức và I-ta-li-a và cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ trở nên gay gắt (Hiệp ước Vi-la-phran-ca nhục nhã vừa mới được ký kết - xem chú thích 453). Theo lời của chính ông, ông muốn sử dụng văn kiện ấy làm cái cớ để "trình bày vắn tắt vai trò của Nga trong tấn bi hài kịch này, và đồng thời thanh toán với Bô-na-pác-tơ" (Toàn tập, t.29, 1996, tr. 583). Mác đã trình bày cũng ý này trong nhận xét mở đầu cho lần công bố khác cũng văn kiện ấy, mà ông đã thực hiện bằng tiếng Đức trên báo "Das Volk" dịch từ bản tiếng Anh in trên báo "Free Press". Khi tìm hiểu văn kiện này, Mác và Ăng-ghen đã nói lên sự nghi ngờ tính đích thực của một số chỗ trong đó (xem Toàn tập, t.29, 1996, tr. 580-583, 583-585). Qua những số báo "Free Press" tiếp theo (27.VII và 31.VII 1859), người ta đã thực sự thấy rõ rằng cơ sở của tài liệu công bố không phải là bản gốc của văn kiện, mà là tài liệu đăng vào tháng Sáu 1855 trên tờ báo bảo thủ Đức "Preußisches Wochenblatt", tài liệu này dường như là bản tổng thuật văn kiện ấy với những đoạn trích dài ("Preußisches Wochenblatt zur Besprechung politischer Tagesfragen" số 23, 24, 25 ra ngày 9, 16, 23 tháng Sáu 1855). Lần công bố ấy cũng không nêu nguồn cung cấp văn kiện, tên gọi và toàn văn. Trong hồi ký của mình ("Gedanken und Erinnerungen von Otto Fürst von Bismark". Stuttgart, 1898, Bd. 1, S. 111-112), Bi-xmác nói thẳng rằng tài liệu công bố ấy đã bị làm giả. Những công trình nghiên cứu được tiến hành khi chuẩn bị tập này để in ở Cục lưu trữ chính sách ngoại giao của Nga, cũng như ở Cục lưu trữ quốc gia trung ương về các văn bản cổ cho phép khẳng định hoàn toàn chắc chắn rằng văn bản văn kiện đó là tài liệu giả.

Nhận xét mở đầu cho lần công bố bằng tiếng Đức trên báo "Das Volk" ngày 23, 26 tháng Bảy và 6, 13 tháng Tám 1859 được in lại ở tập này trong chú thích cuối trang. - *453.*

443 Những tiểu luận theo thứ tự thời gian "Cuộc chiến tranh I-ta-li-a. Năm 1859" chắc là được Ăng-ghen soạn ngày 19 tháng Bảy 1859 nhân việc Mác đề nghị viết bài cho báo "Das Volk" về "kết quả quân sự của cuộc hành quân" của Na-pô-lê-ông III sang I-ta-li-a

(xem Toàn tập, t.29, 1996, tr. 578). Những tiểu luận này được Ăng-ghen sử dụng một phần khi viết bài "Chiến tranh I-ta-li-a. Điểm tình hình thời gian qua" (xem Toàn tập, t. 13, 1993, tr. 553-568). Chắc hẳn Ăng-ghen ghi các sự kiện theo trí nhớ, vì trong ngày tháng thấy có những chỗ nhỏ không chính xác, mà khi chuẩn bị văn bản ban biên tập đã để nguyên không thay đổi. - *454.*

444 Ngày 1 tháng Giêng 1859, tại buổi tiếp đoàn ngoại giao ở điện Tuy-lơ-ri, Na-pô-lê-ông III khi nói chuyện với đại sứ Áo Huýp-nơ, đã tỏ ý tiếc rằng "quan hệ giữa Pháp và Áo đã trở nên kém hữu hảo so với trước". - *454.*

445 Vào giữa tháng Hai 1859 chính phủ Anh của Đốc-bi đề nghị làm trung gian chính thức để dàn xếp cuộc xung đột Pháp-Áo. Nhằm mục đích đó, vào cuối tháng Hai 1859, được sự đồng ý của Na-pô-lê-ông III, huân tước Cau-li được cử đi Viên. Về sự đánh giá của Mác đối với sứ mệnh này, xem Toàn tập, t. 29, 1996, tr. 535-537. - *454.*

446 Về ý kiến đánh giá ý định đích thực của những cường quốc châu Âu chủ trương triệu tập đại hội và giải quyết xung đột bằng con đường hòa bình, xem các tác phẩm của Ăng-ghen "Hội nghị hòa bình sắp họp", "Không tránh khỏi chiến tranh"; và của Mác "Hội nghị hòa bình sắp tới"; trong bài viết chung của hai ông "Triệu chứng sắp nổ ra chiến tranh. - Việc vũ trang của nước Đức" cũng như trong bức thư của Mác gửi Ăng-ghen ngày 22 tháng Tư 1859 (Toàn tập, t.13, 1993, tr. 381-386, 397-400, 401-406, 407-411; t.29, 1996, tr. 334-336). - *454.*

447 Cuộc cách mạng ở Đại công quốc Tô-xca-nơ (một bộ phận của cuộc cách mạng tư sản I-ta-li-a năm 1859-1860) bắt đầu ngày 27 tháng Tư 1859. Ngày 1 tháng Năm 1859 Chính phủ lâm thời Tô-xca-nơ được thành lập sau cách mạng, được thay bằng nội các đứng đầu là bá tước Sác-lơ Bôn-côm-pa-nhi, người được Vích-to- Êm-ma-nu-en cử làm phái viên đặc biệt của nhà vua ở Tô-xca-nơ. Ăng-ghen gọi chính phủ ấy chính là "ủy ban Pi-ê-mông". - *455.*

448 Trận đánh ở Mông-tê-ben-lô được Ăng-ghen dành một bài chuyên đề công bố trên báo "New-York Daily Tribune" (xem Toàn tập, t.13, 1993, tr. 459-461, cũng như tr. 452-454, 468-470, 471-473). - *455.*

449 Về trận đánh ở Pa-le-xtơ-rô, xem bài của Ph.Ăng-ghen "Diễn biến của chiến sự" (Toàn tập, t.13, 1993, tr. 484-488). - *455.*

450 Về ý kiến đánh giá trận đánh ở Mát-gien-ta, xem các bài của Ph.Ăng-ghen "Thất bại của quân Áo", "Trận Mát-gien-ta" (Toàn tập, t.13, 1993, tr. 494-498, 499-507). - *455.*

451 Ăng-ghen dành hai bài trên báo "Das Volk" ("Trận Xôn-phê-ri-nô") và một bài trên báo "New-York Daily Tribune" ("Lời phán xét công minh của lịch sử" (xem Toàn tập, t.13, 1993, tr. 427-436) để nói về trận đánh ở Xôn-phê-ri-nô. - *455.*

452 Theo những điều kiện của hiệp định bí mật của Na-pô-lê-ông III với Ca-vuốc ở Plôm-bi-e (1858) ủng hộ Vương quốc Xác-đi-ni trong cuộc chiến tranh với Áo, Xa-voa và Ni-xơ phải chuyển sang cho Pháp. - *455.*

453 Hòa ước sơ bộ ở Vi-la-phran-ca được ký ngày 11 tháng Bảy 1859 giữa Pháp và Áo (không có Pi-ê-mông tham gia) theo sáng kiến của Na-pô-lê-ông III. Về nguyên nhân khiến hiệp ước được ký kết một cách vội vã, xem các bài viết của C.Mác "I-ta-li-a được gì?", "Hòa ước", "Hiệp ước Vi-la-phran-ca", cũng như bức thư của Ăng-ghen gửi Mác đề ngày 14 tháng Bảy 1859 (Toàn tập, t. 13, 1993, tr. 541-543, 544-546, 547-552; t.29, tr.576-577). - *456, 457, 473.*

454 Tác giả của bài "Tương lai của I-ta-li-a" được xác định trên cơ sở đối chiếu nội dung của bài đó với những bài khác của Mác viết về tình hình I-ta-li-a vào năm 1859 (xem Toàn tập, t. 13, 1993), cũng như trên cơ sở thư tín cho phép khẳng định rằng vào tháng Chín 1859, Mác tiếp tục viết trên báo "New-York Daily Tribune" về I-ta-li-a. Bài viết bị sự can thiệp phần nào của ban biên tập báo "Tribune". - *457.*

455 Văn bản công bố ở đây là bản phác thảo một trong những bài giảng về kinh tế chính trị, mà Mác đã giảng cho công nhân Đức ở Luân Đôn từ mùa thu năm 1859, sau khi tác phẩm "Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị" của ông ra mắt. Nội dung của bản phác thảo gần với văn bản ban đầu của chương thứ hai "Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị" (xem Toàn tập, tiếng Nga, t. 46, ph. II, tr. 445-450). Phần đầu bản thảo đã bị mất. - *462.*

456 Bài tin của C.Mác "Hoàng đế Na-pô-lê-ông III và nước Phổ", trong đó ông dẫn ra những đoạn trích cuốn sách của nhà chính luận Pháp theo Bô-na-pác-tơ E. A-bu "La Prusse en 1860", báo trước bài của ông "Những tin tức lý thú từ Phổ" được viết sau đó một ngày, ngày 13 tháng Sáu 1860. Cả bài tin lẫn bài viết đều nhằm chống những tên tay sai của Bô-na-pác-tơ trong giới dân chủ tư sản châu Âu, vạch trần tính chất sô-vanh của cuốn sách của A-bu (xem Toàn tập, t. 15, 1994, tr. 93-95; t. 30, 1997, tr. 87-89) ra mắt đúng vào dịp cuộc hội kiến sắp tới vào ngày 16 tháng Sáu 1860 của Na-pô-lê-ông III với hoàng thân nhiếp chính Phổ Vin-hem. Ngoài ra, trong bài tin này với sự châm biếm chua cay, Mác lại tấn công chế độ độc tài Phổ và lên án hoạt động khiêu khích của nhân viên cảnh sát Phổ trong giới dân chủ châu Âu. Mác rất coi trọng việc vạch

trần A-bu; ông trở lại vạch trần A-bu trong tác phẩm "Ngài Phô-gtơ", chỉ ra mối liên hệ của những tư tưởng và ý nghĩ của A-bu với hoạt động của Các Phô-gtơ, mật vụ ăn lương của Na-pô-lê-ông III (xem Toàn tập, t. 14, 1994, tr. 695-696, 889-890 v.v.). Mác cũng thôi thúc nhà dân chủ Đức Xi-ghi-đơ-mun-đơ Boóc-cơ-hai-mơ ra cuốn sách chuyên đề: "Napoleon III. und Preußen. Antwort eines deutschen Flüchlings auf "Preußen in 1860" von Edmond About" (Ld., 1860) và đã giúp ông khi viết cuốn sách này, đọc sửa bản in thử.

Khi viết bài tin, chắc Mác đã sử dụng bản mo-rát cuốn sách của A-bu do Boóc-cơ-hai-mơ gửi đến, vì trong tên gọi của bài tin của mình, trong bài "Những tin tức lý thú từ Phổ", cũng như trong Sổ tay năm 1860 với những đoạn trích cuốn sách này, Mác dẫn ra tên gọi ban đầu của nó - "Napoleon III et la Prusse". Bài tin của Mác được công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong lần xuất bản thứ nhất Toàn tập của C.Mác và Ph.Ăng-ghen, t. XII, ph. II. Bài tin của Mác được đối chiếu với cuốn sách của A-bu, văn bản của Mác được in bằng chữ cỡ thường. - *465.*

457 Đây muốn nói đến điều ước Áo ký với La Mã vào năm 1855, nó khôi phục một loạt đặc quyền của giáo hội Thiên Chúa giáo ở trong nước. - *466.*

458 Những từ cuối này lấy từ cuốn sách của A-bu được Mác dẫn ra trong tác phẩm của mình "Ngài Phô-gtơ" (xem Toàn tập, t. 14, 1994, tr. 890). - *474.*

459 Tác phẩm này của Mác là những đoạn trích từ tác phẩm gồm hai tập của I. Xa-bô xuất bản khuyết danh ở Luân Đôn vào tháng Năm - tháng Sáu 1857 bằng tiếng Anh: "The State Policy of Modern Europe, from the Beginning of the sixteenth Century to the Present Time" (xem thêm chú thích 372). Quyển sách của I. Xa-bô không mang tính chất độc đáo, nó là bảng tổng hợp cóp nhặt về lịch sử các quan hệ giữa các quốc gia ở châu Âu từ thời các cuộc chiến tranh I-ta-li-a nửa đầu thế kỷ XVI đến Đại hội Pa-ri năm 1856. Mác trích ghi quyển sách này vào nửa đầu tháng Sáu 1860 nhân viết tác phẩm đả kích "Ngài Phô-gtơ". Mác cần điểm lại lịch sử này để vạch trần bản chất phản cách mạng của chính sách của Na-pô-lê-ông III, mà mật vụ ăn lương của ông ta là Phô-gtơ. Mác chỉ lấy từ quyển sách của Xa-bô - được viết dưới ảnh hưởng phần nào của các tư tưởng của Đ.Uốc-các-tơ (xem tập này, tr. 264-266) - những sự kiện mà thôi, và hoàn toàn bỏ qua quan niệm của tác giả. Song ông thường chêm vào các đoạn trích ấy những sự kiện lịch sử không có trong quyển sách của tác giả, và qua đó đem lại một bức tranh rộng lớn và toàn diện hơn về các sự kiện lịch sử. Một số đoạn thêm vào được viết bằng tiếng Đức. Những đoạn thêm đó của Mác được in trong văn bản công bố lần này bằng

chữ cỡ thường.

Các đoạn trích được Mác sử dụng một phần trong chương "Ông Phô-gtơ Đa-đa và những nghiên cứu của ông ta" và trong một số chương khác trong tác phẩm "Ngài Phô-gtơ" (xem Toàn tập, t. 14, 1994, tr. 627-696 và những trang khác). - *475.*

460 *Liên minh Can-ma-rơ* (1397-1523) - khối liên minh Đan Mạch, Na Uy (với Ai-xlen) và Thụy Điển (với Phần Lan) trong một hợp quốc quân chủ dưới quyền lực của các vua Đan Mạch; vào thế kỷ XV, Thụy Điển thực tế ra khỏi liên minh; cố gắng của vua Đan Mạch Cri-xti-an II định khôi phục quyền lực của mình ở Thụy Điển bằng cuộc trừng phạt đẫm máu đối với Xtốc-khôm đã dẫn đến sự đoạn tuyệt hoàn toàn với Đan Mạch và sự khôi phục tổ chức nhà nước Thụy Điển (1523). - *475.*

461 Đây muốn nói đến sự liên minh (Đồng minh Cô-nhắc) ký kết ngày 22 tháng Năm 1526. - *476.*

462 *Traité des dames* (hiệp ước các bà) - tên mỉa mai để gọi Hiệp ước Cam-brây ký kết với sự hỗ trợ tích cực của Lu-i-đa Xa-voa, mẹ Phrăng-xoa I, và Mác-ga-rít, dì của Sác-lơ V vào tháng Tám 1529. - *477.*

463 Đây muốn nói đến việc Sác-lơ V và Quốc hội Au-xbuốc năm 1530 bác bỏ cái gọi là Tín ngưỡng Au-xbuốc, một tín ngưỡng trình bày những cơ sở của đạo Luy-the và quy định mặt nghi lễ của nó. - *477.*

464 Năm 1534 Hen-ri VIII cắt đứt quan hệ với Giáo hoàng và được nghị viện tuyên bố là người đứng đầu giáo hội Anh ("Luật tối thượng"). - *477.*

465 Trong những năm 1604 - 1606 ở Hung-ga-ri, Xlô-va-ki và Tơ-ran-xin-va-ni-a đã diễn ra phong trào giải phóng chống dòng họ Háp-xbuốc dưới sự lãnh đạo của chúa phong kiến Hung-ga-ri I-stơ-van Bốt-scai. Tham gia phong trào có những nông dân đưa ra những yêu sách chống phong kiến, điều này bắt các nhà lãnh đạo phong trào phải thỏa hiệp với dòng họ Háp-xbuốc. Theo Hòa ước Viên do I. Bốt-scai và Ru-đôn-phơ II Háp-xbuốc ký năm 1606, nền độc lập của Tơ-ran-xin-va-ni-a được khôi phục, tự do tín ngưỡng được thực hiện đối với những người theo đạo Tin lành, một số cố vấn của hoàng đế được thay bằng đại biểu của giới quý tộc Hung-ga-ri. - *480.*

466 Cuộc khởi nghĩa chống dòng họ Háp-xbuốc ở Séc diễn ra từ năm 1618 đến năm 1620 đã mở đầu cuộc Chiến tranh ba mươi năm. Một đồng minh của người Séc là Ga-bo-rơ Bét-len từng lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống dòng họ Háp-xbuốc ở Hung-ga-ri (xem chú thích 467). Quân khởi nghĩa đã thất bại trong trận đánh có tính chất quyết định trên

núi Trắng ngày 8 tháng Mười một 1620. *481.*

467 Phong trào chống dòng họ Háp-xbuốc những năm 1619-1626 ở Hung-ga-ri dưới sự lãnh đạo của Ga-bo-rơ Bét-len diễn ra trong khuôn khổ cuộc Chiến tranh ba mươi năm đã kết thúc bằng việc ký Hòa ước Pô-giôn (Bra-ti-xla-va) ngày 20 tháng Chạp 1626 khẳng định các điều kiện của những hiệp ước trước đó: do từ bỏ chế độ nhà nước độc lập, Hung-ga-ri nhận được một loạt vùng đất, trong đó có bộ phận đáng kể Xlô-va-ki. Mặc dù có tính chất thỏa hiệp, phong trào Ga-bo-rơ Bét-len đã cho phép Hung-ga-ri, vào nửa đầu thế kỷ XVII, tránh được việc hoàn toàn phục tùng dòng họ Háp-xbuốc. - *481.*

468 Dây muốn nói đến Hiệp định đình chiến An-tơ-ma giữa Ba Lan và Thụy Điển ký kết ngày 26 tháng Chín 1629 trong sáu năm với sự môi giới của Pháp. Sự đình chiến đã cho phép Thụy Điển bắt đầu những hoạt động quân sự tích cực chống dòng họ Háp-xbuốc. - *481.*

469 Dây muốn nói đến các sự kiện của cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế Măng-tua, giai đoạn thứ ba của cuộc Chiến tranh ba mươi năm (xem chú thích 383). - *482.*

470 Hòa ước Pra-ha của các vua chúa Đức theo đạo Tin lành với hoàng đế được ký kết ngày 30 tháng Năm 1635. - *482.*

471 An-na Áo, vợ của vua Pháp Lu-i XIII, là con gái của vua Tây Ban Nha Phi-líp III và trong thời kỳ nhiếp chính của mình (1643-1661) bên cạnh con trai là Lu-i XIV đã tìm cách thi hành chính sách thân Tây Ban Nha. Trong thời kỳ An-na Áo nhiếp chính, trên thực tế người cai trị nước Pháp là Ma-da-ri-ni.- *482.*

472 Dây muốn nói đến quyển sách: Bougeant. Histoire du traité de Westphalie. Paris, 1751 mà I. Xa-bô trích dẫn trong cuốn sách "State Policy..." của ông ta Những câu trong ngoặc kép là trích quyển sách của Bu-gian. - *483.*

473 Dây muốn nói đến Hòa ước Oe-xtơ-min-xtơ ngày 14 tháng Tư 1654 kết thúc cuộc chiến tranh Anh - Hà Lan lần thứ nhất (1652-1654). Cuộc chiến tranh giữa hai cường quốc diễn ra để giành quyền thống trị trên biển và kết thúc bằng thất bại của Hà Lan và nước này đã buộc phải tuân thủ Hiệp ước hàng hải năm 1651 nhằm chống việc buôn bán trung gian của Hà Lan. - *484.*

474 Dây muốn nói đến các điều khoản của Hòa ước Rô-xkin ký kết giữa Đan Mạch và Thụy Điển ngày 26 tháng Hai 1658 kết thúc cuộc chiến tranh Đan Mạch - Thụy Điển năm 1657-1658. Trong nguồn tài liệu mà Mác tóm tắt, những sự kiện này bị nêu sai là thuộc năm 1660. Về thuế quan Dun-đơ, xem chú thích 85. - *484.*

475 *Luật chuyển giao* - điều khoản tồn tại ở một loạt vùng đất Hà Lan, theo đó trong

trường hợp người cha lấy vợ lần thứ hai thì ruộng đất của ông ta được chuyển cho các con sinh ra từ cuộc hôn nhân thứ nhất. Đây là cái cớ để Lu-i XIV, lấy Ma-ri-a Tê-rê-di-a, con gái của Phi-líp IV từ cuộc hôn nhân thứ nhất, phát động cuộc chiến tranh (cái gọi là Chiến tranh chuyển giao năm 1667-1668) chống Sác-lơ II vua Tây Ban Nha, con trai của Phi-líp IV từ cuộc hôn nhân thứ hai để giành Hà Lan thuộc Tây Ban Nha.- *485.*

476 Đây muốn nói đến Hòa ước Nim-vê-ghen (xem chú thích 315). - *486.*

477 *Các viện liên kết* (Chambres de réunion)- những thiết chế được Lu-i XIV thành lập bên cạnh hội đồng thành phố Brây-dắc, các nghị viện Mét-xơ và Bơ-dăng-xông vào những năm 1679-1680 nhằm đặt cơ sở pháp lý cho các quyền của Pháp đối với các vùng đất ở An-da-xơ, Tây Lo-ren-nơ và một số miền khác. - *486.*

478 *Liên minh lớn* - khối liên hợp chống Pháp ký kết ngày 7 tháng Chín 1701 ở La Hay giữa hoàng đế Lê-ô-pôn I, nước Anh và Hà Lan ngay trước cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế ngai vàng Tây Ban Nha. Về sau có Phổ, Đan Mạch, Bồ Đào Nha và một số quốc gia khác gia nhập Liên minh. Gọi khối liên hợp này là Liên minh lớn thứ hai, I. Xa-bô ngụ ý nói Liên minh lớn thứ nhất là khối liên hợp chống Pháp năm 1688 (xem tập này, tr.486). - *488.*

479 Đây muốn nói đến khởi đầu cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế ngai vàng Tây Ban Nha (xem chú thích 317), được mở đầu bằng việc năm 1701, quân đội đế chế dưới sự chỉ huy của Ơ-gien Xa-voa được phái sang I-ta-li-a nhằm không để cho quân đội Pháp chiếm công quốc Mi-la-nô. Chiến tranh được chính thức tuyên bố với Lu-i XIV vào năm 1702. - *488.*

480 Đây muốn nói đến phong trào giải phóng chống dòng họ Háp-xbuốc ở Hung-ga-ri (1703-1711) dưới sự lãnh đạo của Phê-ren-xơ II Ra-cô-txi. Những nông dân, mà cuộc đấu tranh của họ mang tính chất chống phong kiến, đã tích cực tham gia phong trào, đặc biệt là ở thời kỳ đầu của nó. Phong trào kết thúc bằng việc ký kết hòa ước Xát-ma-rơ phản bội (1711), mà Ra-cô-xi không chịu thừa nhận, và bằng sự đầu hàng của nghĩa quân. Hung-ga-ri trở thành một bộ phận hợp thành của đế chế Háp-xbuốc. - *488.*

481 Ở đây viết sai, đại công tước Các-lơ Háp-xbuốc (Các-lơ VI) không phải là con trai, mà là người anh em của I-ô-dép I. - *489.*

482 *Đại hội A-lan-đơ* (1718-1719)- cuộc đàm phán sơ bộ của các đại biểu Nga và Thụy Điển trong tiến trình cuộc Chiến tranh miền Bắc (1700-1721) về các điều kiện ký kết

hòa ước. Do một loạt nguyên nhân, hai bên không đi đến thỏa thuận - *490.*

483 *Cuộc chiến tranh miền Bắc* (1700-1721) kết thúc bằng một loạt hòa ước: Hiệp ước Xtốc-khôm ngày 9 tháng Mười một 1719 giữa Thụy Điển và Anh (Hạn-nô-vơ), Hiệp ước Xtốc-khôm ngày 21 tháng Giêng 1720 giữa Thụy Điển và Phổ, hiệp ước giữa Thụy Điển và Đan Mạch ngày 3 tháng Bảy 1720 và Hiệp ước Ni-stát giữa Nga và Thụy Điển ngày 10 tháng Chín (30 tháng Tám) 1721. - *491.*

484 *Liên minh tay tư năm 1718*- khối liên minh của Pháp, Anh, sau đó cả Áo cũng tham gia, nhằm ủng hộ các điều kiện của Hòa ước U-tơ-rếch (xem chú thích 390) chống các yêu sách của Tây Ban Nha. Dự định cả Hà Lan cũng sẽ gia nhập liên minh, vì vậy nó được gọi là Liên minh tay tư. Việc Tây Ban Nha - lúc đó An-be-rô-ni lãnh đạo chính sách đối ngoại của Tây Ban Nha - không thừa nhận các yêu cầu của Liên minh tay tư đã dẫn đến cuộc chiến tranh kết thúc bằng thất bại của Tây Ban Nha. - *491.*

485 Đây muốn nói đến Liên minh Han-nô-vơ (xem chú thích 320). - *492.*

486 Trong cuốn sách của I. Xa-bô viết sai: thắng trận này là quân đội Pháp dưới sự chỉ huy của nguyên soái L.S.Đ' E-xtơ-rê; nguyên soái L. Ph.Ri-sơ-li-ơ bắt đầu chỉ huy quân đội này năm 1758. - *496.*

487 Đây muốn nói đến trận Lây-ten (Luy-tư-ni-a) ở Xi-lê-di ngày 5 tháng Chạp 1757, trong đó Phri-đrich II đánh tan quân Áo và đảm bảo cho Phổ chiếm Xi-lê-di.- *496.*

488 Ám chỉ việc một trong những nguyên nhân chủ yếu của cuộc Chiến tranh bảy năm là cuộc tranh đua của Anh và Pháp giành thuộc địa.- *496.*

489 Ám chỉ nguyên tắc bất kỳ thành viên nào của nghị viện đều có quyền dùng sự phản kháng của mình hủy bỏ quyết định của nghị viện; áp dụng từ năm 1652 và đã góp phần tăng cường trạng thái vô chính phủ phong kiến ở Ba Lan.- *498.*

490 Luật thuế tem thu từ tài liệu thương mại và tư pháp, từ các ấn phẩm định kỳ v.v. ở Bắc Mỹ, được nghị viện Anh tán thành ngày 22 tháng Ba 1765. - *499.*

491 *Cuộc chiến tranh khoai tây* - tên gọi mỉa mai của cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế Ba-vi-e (1778-1779) giữa một bên là Phổ và Dắc-den, với một bên là Áo. - *500.*

492 Nhân vấn đề sử dụng Dun-đơ năm 1778, người ta đã đề ra năm nguyên tắc công pháp quốc tế làm cơ sở cho "nền trung lập có vũ trang" được tuyên bố vào năm 1780, có Đan Mạch, Nga, Thụy Điển, Phổ tham gia và nhằm chống nước Anh. - *500.*

493 Vào tháng Sáu - tháng Bảy 1790 ở thành phố Rai-sen-bắc (Đđéc-giô-ni-úp) xứ Xi-lê-di đã diễn ra hội nghị các đại biểu Áo, Phổ, Ba Lan, Anh và Hà Lan. Lo lắng trước thành

công của vũ khí Nga trong cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ (1787-1791), những người tham gia đại hội buộc Áo phải ký kết hòa ước với Thổ Nhĩ Kỳ (xem chú thích 495). - *500.*

494 *Hòa ước Vê-ren* kết thúc cuộc chiến tranh Nga - Thụy Điển năm 1788-1790 được ký ngày 14 tháng Tám 1790. Nga thừa nhận hiến pháp mới của Thụy Điển; ngay sau nó đã thừa nhận quyền về những vùng lãnh thổ chiếm được theo Hiệp ước Ni-stát và Hiệp ước A-bô-xcơ (xem tập này, tr.491, 494). - *500.*

495 *Hòa ước Xi-xtốp* kết thúc cuộc chiến tranh Áo - Thổ Nhĩ Kỳ năm 1788-1790 được ký ngày 4 tháng Tám 1791 ở Xi-xtốp (Bun-ga-ri) với điều kiện duy trì statut quo ante bellum (nguyên trạng trước chiến tranh). Áo chỉ nhận được Oóc-sô-va cũ và không có quyền xây dựng công sự chiến tranh ở đấy. - *500.*

496 *Hòa ước I-át-xcơ* kết thúc cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ năm 1787-1791 được ký ngày 29 tháng Chạp 1791 (ngày 9 tháng Giêng 1792). Hoà ước này khẳng định việc sáp nhập Crưm vào Nga, xác định biên giới giữa Nga và Thổ Nhĩ Kỳ theo sông Đne-xtơ-rơ, củng cố địa vị của Nga ở vùng Duyên hải biển Đen và tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác các thảo nguyên miền nam. - *500.*

497 Tiếp theo là bản tóm tắt tập thứ hai của bộ sách: "The State Policy of Modern Europe..."; trong bản tóm tắt, Mác đánh dấu thêm các chương của tập thứ hai bằng chữ cái "a": Ia, IIa, v.v. - *500.*

498 Theo Hòa ước Ba-lơ riêng rẽ giữa Pháp và Tây Ban Nha (ngày 22 tháng Bảy 1795), Pháp nhận phần thuộc Tây Ban Nha (phần phía đông) của đảo Ha-i-ti. Phần phía tây của nó, vào những năm 1697-1803 gọi là Xan-Đô-min-gô, trước đó đã thuộc Pháp theo những điều khoản của Hòa ước Ri-xvích năm 1697 (xem chú thích 388). Trong thế kỷ XIX toàn bộ đảo Ha-i-ti đôi khi được gọi là đảo Xan-Đô-min-gô. - *502.*

499 Đây muốn nói đến hiệp ước giữa Pháp và Cộng hòa Ba-ta-va ra đời trên lãnh thổ Vương quốc Hà Lan do quân đội cộng hòa Pháp tiến vào nước này và do cuộc khởi nghĩa của dân chúng địa phương chống chế độ phản động của người đứng đầu nhà nước Vin-hem V (tháng Giêng - tháng Ba 1795). Hiệp ước ký vào tháng Năm 1795 quy định việc chuyển một phần lãnh thổ nước cộng hòa cho Pháp. Năm 1806 Na-pô-lê-ông I cải tổ Cộng hòa Ba-ta-va thành Vương quốc Hà Lan.- *502.*

500 Đây muốn nói đến các cuộc đàm phán của các đại biểu Pháp, Áo, Phổ và một loạt quốc gia Đức khác về việc dàn xếp các vấn đề lãnh thổ của "Đế chế La Mã thần thánh"

diễn ra ở Ra-stát từ ngày 9 tháng Chạp 1797. Tháng Ba 1798, phái đoàn để chế tán thành việc chuyển tả ngạn sông Ranh cho Pháp (có lẽ Mác đã ghi chính là năm tháng này), còn ngày 23 tháng Tư 1799, do cuộc chiến tranh của Khối liên minh thứ hai chống Pháp nổ ra nên công việc của đại hội chấm dứt. - *503.*

501 *Cộng hòa Pác-tê-nô-pây* được tuyên bố thành lập trên lãnh thổ Vương quốc hai Xi-xin ngày 22 tháng Giêng 1799 bởi những người cộng hòa Na-plơ dựa vào quân đội của Hội đồng chấp chính Pháp. Cộng hòa này tồn tại đến ngày 23 tháng Sáu 1799, khi quyền lực của dòng họ Buốc-bông (Phéc-đi-năng IV) được khôi phục nhờ sự giúp đỡ của người Anh.- *503.*

502 Dây muốn nói đến Quốc hội (nghị viện) hiệp bang gồm các đại biểu của những vùng đất Đức đã lập ra hiệp bang Đức gồm 39 quốc gia ngày 8 tháng Sáu 1815 tại Đại hội Viên. Nghị viện hiệp bang không có quân đội, không có tiền, còn các quyết định của nó thực tế không có tính chất bắt buộc đối với các thành viên của Hiệp bang Đức. - *506.*

503 *Lễ hội Vác-tơ-buốc* được tổ chức theo sáng kiến của sinh viên trường đại học tổng hợp I-ê-na ngày 18 tháng Mười 1817 nhân kỷ niệm 300 năm cuộc Cải cách tôn giáo và Kỷ niệm trận Lai-pxích năm 1813. Lễ hội trở thành cuộc biểu dương tinh thần đối lập của sinh viên chống chế độ Mét-téc-nich.

Hội sinh viên - những tổ chức sinh viên Đức ra đời do ảnh hưởng của cuộc chiến tranh giải phóng chống Na-pô-lê-ông; hội chủ trương thống nhất nước Đức. Bên cạnh những tư tưởng tiến bộ, tư tưởng chủ nghĩa dân tộc cực đoan phổ biến rộng rãi trong các hội sinh viên Đức. - *507.*

504 Mác có ý nói đến Hiến pháp Ca-đi-xơ do quốc hội Tây Ban Nha thông qua ở Ca-đi-xơ ngày 18 tháng Ba 1812 trong thời gian cách mạng Tây Ban Nha năm 1808-1814, nó đề ra việc cải tạo một loạt thiết chế của nước Tây Ban Nha quân chủ chuyên chế theo tinh thần dân chủ - tư sản. Hiến pháp này bị Phéc-đi-năng VII hủy bỏ ngày 4 tháng Năm 1814. Hiến pháp được Ri-ê-gô tuyên bố lần thứ hai trong tiến trình cuộc cách mạng Tây Ban Nha năm 1820-1823 và lại bị Phéc-đi-năng VII - trước đây tuyên thệ với nó - hủy bỏ ngày 1 tháng Mười 1823. Lần thứ ba hiến pháp có hiệu lực từ ngày 12 tháng Tám 1836 đến ngày 18 tháng Sáu 1837. - *507.*

505 Dây muốn nói đến ủy ban điều tra trung ương ở Ma-in-xơ được thành lập tại hội nghị các bộ trưởng Áo, Phổ, Ba-vi-e, Dắc-den và những quốc gia khác là thành viên của Hiệp bang Đức (xem chú thích 502) ngày 31 tháng Tám 1819 để đấu tranh chống tư tưởng tự do chủ nghĩa đối lập và tư tưởng cách mạng ở Đức. - *507.*

506 Đây muốn nói đến giai đoạn đầu của phong trào Các-bô-na-ri thế kỷ XIX, khi những người đảng Than lãnh đạo phong trào chống Pháp ở Vương quốc Na-plơ (chống Muy-rát) và giúp Phéc-đi-năng I và con trai của ông ta là Phrăng-xoa I lấy lại ngôi vua của Vương quốc hai Xi-xin. Trong nguồn tài liệu mà Mác tóm tắt, Phrăng-xoa được gọi nhầm là hoàng đế. - *507.*

507 Đây muốn nói đến Hiến pháp Ca-đi-xơ (xem chú thích 504). - *508.*

508 Vào lúc Đại hội Viên họp, Bác-ba-ra Cruy-đe-nơ nổi tiếng khá rộng rãi trong giới cận thần như là người đàn bà tiên tri và truyền bá những tư tưởng thần bí, đã gọi A-lếch-xan-đrơ I là "thiên thần trắng phương Bắc", gọi Na-pô-lê-ông I là "thiên thần đen phương Nam". - *508.*

509 *U-lêm (U-la-ma)* - đẳng cấp các nhà thần học và luật học cao cấp ở các nước Hồi giáo. - *508.*

510 "Ghê-tê-ri-a" - đây muốn nói đến tổ chức bí mật "Phi-li-ki Ê-tê-ri-a" được thành lập năm 1814 ở Ô-đét-xa và năm 1818 chuyển trung tâm của mình đến Công-xtăng-ti-nô-plơ. Tổ chức này chẳng bao lâu mang tính chất toàn quốc, đã chuẩn bị cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc ở Hy Lạp, sau khi cuộc khởi nghĩa nổ ra (năm 1821) thì hội này bị giải tán. - *508.*

511 Ám chỉ việc trước khi chuyển sang phục vụ trong ngành ngoại giao Nga vào năm 1809, I.Ca-pô-đi-xtơ-ri đã giữ một loạt chức vụ trong chính phủ "Cộng hòa bảy đảo liên kết", được thành lập trên quần đảo I-ô-ni theo công ước Nga - Thổ Nhĩ Kỳ năm 1800. - *508.*

512 Vào tháng Hai 1833 một đoàn tàu chiến Nga tiến vào Bô-xpho, sau đó, vào tháng Tư, quân Nga đổ bộ lên địa điểm Un-ki-a - I-xkê-lê-xi nhằm bảo vệ Công-xtăng-ti-nô-plơ chống quân đội Ai Cập đang tấn công. Ngày 8 tháng Bảy (26 tháng Sáu) hiệp ước Un-ki-a I-xkê-lê-xi về liên minh giữa Nga và Thổ Nhĩ Kỳ đã được ký kết ở Công-xtăng-ti-nô-plơ. Theo điều khoản bí mật của hiệp ước, Thổ Nhĩ Kỳ cam kết trong trường hợp có chiến tranh sẽ đóng cửa eo biển không cho tất cả các tàu chiến nước ngoài đi qua. Việc ký kết hiệp ước Un-ki-a -Ixkê-lê-xi đã làm cho quan hệ giữa Nga và các cường quốc phương Tây thêm căng thẳng, điều này đã dẫn đến chỗ hủy bỏ hiệp ước đó vào những năm 1840-1841.- *509.*

513 Đây muốn nói đến chương trình cải cách tư sản tự do ôn hòa (thành lập ủy ban phụ trách các vấn đề cải tổ lãnh địa Giáo hoàng về mặt hành chính, ân xá chính trị một phần v.v.) do Pi IX tuyên bố lúc ông bắt đầu nhiệm kỳ Giáo hoàng. - *510.*

514 Tiếp theo. Mác trích không phải theo chính văn quyển sách, mà theo niên biểu làm phụ lục ở cuối tập thứ hai ("State Policy...", v.II, p.389-391). - *511.*

515 Tiểu luận "Bài tường thuật của Đức về cuộc duyệt binh ở Niu-tơn" được Ăng-ghen viết làm nhận xét mở đầu cho bài viết của chính ông "Duyệt lính bộ binh tình nguyện Anh" công bố lần đầu trên báo "Allgemeine Militär-Zeitung" ngày 8 tháng Chín 1860 (xem Toàn tập, t.15, 1994, tr.176-186). Bài tiểu luận cùng với chính văn bài viết trên báo "Militär-Zeitung" được Ăng-ghen gửi cho một loạt báo Anh; bài "Bài tường thuật của Đức về cuộc duyệt binh ở Niu-tơn" được công bố dưới dạng đầy đủ nhất trong "The Volunteer Journal, for Lancashire and Cheshire" số 2, 14 tháng Chín 1860. - *513.*

516 Tiếp theo trong tạp chí dẫn ra chính văn bài viết của Ăng-ghen "Duyệt lính bộ binh tình nguyện Anh". - *514.*

517 Bài viết của C.Mác "Về vấn đề ân xá" được ông viết trên cơ sở những tài liệu do V.Vôn-phơ gửi đến cho ông từ Man-se-xtơ trong thư đề ngày 10-12 tháng Chín 1862. Nó vạch trần tính chất mị dân của việc Phổ ân xá cho những người lưu vong chính trị (xem chú thích 518) và được phổ biến khá rộng rãi ở Đức. Bài viết được công bố trên báo "Barmer Zeitung", rồi được đăng lại trên báo "Niederrheinische Volks-Zeitung" và báo "Märkische Volks-Zeitung". Về việc công bố này, Ăng-ghen viết cho Mác ngày 16 tháng Mười 1862: "Thật là một trường hợp hết sức nực cười. Những thằng cha Phổ tội nghiệp nói dối quá chừng, những kẻ luôn bị bẽ mặt cứ mỗi lần đưa ra một tác phẩm viết lách!" (Toàn tập, t.30, 1997, tr.386). - *515.*

518 Ngày 12 tháng Giêng 1861, nhân vua Phổ Vin-hem I lên ngôi, người ta đã ban hành lệnh ân xá đảm bảo cho tất cả những người lưu vong chính trị "đàng hoàng trở về những vùng đất của nhà nước Phổ". - *515, 532.*

519 Hai bài viết của Ph.Ăng-ghen "Các tiểu luận về pháo binh ở Mỹ" được dành để đăng trên báo "Allgemeine Militär-Zeitung". Chúng được Ăng-ghen viết vào cuối tháng Chín 1863 nhân có khả năng nổ ra chiến tranh của Đức chống Đan Mạch (xem chú thích 523), khi vấn đề những con đường thống nhất nước Đức có tính chất đặc biệt bức thiết. Bản thảo chưa được công bố khi Ăng-ghen còn sống, gồm hai phần. Đầu mỗi phần đều có ghi chữ đầu tên Ăng-ghen (Ph.Ă.), mà trong lần công bố này không in lại. - *518.*

520 Ăng-ghen muốn nói đến trận đánh ngày 9 tháng Ba 1862 giữa tàu bọc thép "Mê-ri-mác" của người miền Nam và tàu bọc thép "Mô-ni-tơ" của người miền Bắc, mà pháo của nó đặt ở phần giữa tàu trong tháp quay bọc thép. Sau 4 giờ giao chiến, tàu "Mô-ni-tơ" đã làm cho đối thủ của mình bỏ chạy (xem Toàn tập, t.15, 1994, tr.678-679). - *518.*

521 Có lẽ Ăng-ghen muốn nói đến nhận xét của ban biên tập viết cho bài "Der Angriff auf Charleston am 7. April 1863" trong số 20 báo "Allgemeine Militär-Zeitung" ngày 16 tháng Năm 1863; thông báo về trận đánh giữa tàu "Mô-ni-tơ" và tàu "Mê-ri-mác" cũng chứa đựng trong bài điểm tình hình "Verlauf und Bedeutung des dießjährigen Feldzugs in Nordamerika" ("Allgemeine Militär-Zeitung" số 41, 11.X.1862). - *518.*

522 Đây muốn nói đến trận đánh diễn ra ngày 17 tháng Sáu 1863. - *518.*

523 Ăng-ghen nhắc đến khả năng xảy ra chiến tranh với Đan Mạch nhân quan hệ giữa Đan Mạch và Hiệp bang Đức, vào nửa sau năm 1863, trở nên gay gắt vì các công quốc nói tiếng Đức Slê-đơ-vích và Hôn-stai-nơ. Trong cuộc cách mạng năm 1848, ở Slê-đơ-vích và Hôn-stai-nơ phong trào giải phóng dân tộc chống Đan Mạch đã phát triển rộng và kết thúc bằng thất bại của các lực lượng cách mạng. Theo Nghị định thư Luân Đôn ngày 8 tháng Năm 1852 về tính toàn vẹn của nước quân chủ Đan Mạch, công quốc Hôn-stai-nơ ở lại Hiệp bang Đức và đồng thời nằm trong thành phần Đan Mạch; công quốc Slê-đơ-vích nằm trong thành phần vương quốc Đan Mạch, đồng thời vẫn giữ một số quyền đặc biệt. Đến tận khi vua Đan Mạch Phrê-đê-rích VII qua đời ngày 15 tháng Mười một 1863, các giai cấp thống trị Đan Mạch vẫn không ngừng mưu toan chi phối hoàn toàn cả hai công quốc, điều này đã góp phần tăng cường tinh thần chống Đan Mạch ở các công quốc và ở chính nước Đức. - *523.*

524 Có lẽ đây muốn nói đến những quyền mà Đức nhận được theo hiệp ước ký kết ở Thiên Tân ngày 2 tháng Chín 1861 và được phê chuẩn ở Thượng Hải ngày 14 tháng Giêng 1863. Hiệp ước này đã đem lại cho các thần dân Đức những đặc quyền như của người Anh và người Pháp theo các hiệp ước Bắc Kinh năm 1860. Những hiệp ước này do nước Anh và nước Pháp áp đặt cho Trung Quốc sau khi Trung Quốc thất bại trong cuộc chiến tranh Anh-Pháp-Trung Quốc những năm 1856-1860 (xem chú thích 341), là một giai đoạn quan trọng trong việc biến Trung Quốc thành nước nửa thuộc địa. Trong thời gian ấy, các hãng của Đức đã tiến hành buôn bán ở Hồng Kông và những cảng bỏ ngỏ khác của Trung Quốc. - *523.*

525 Về hệ thống công sự của Mông-ta-lăm-be, Ăng-ghen đã viết tỉ mỉ hơn trong bài "Xây công sự" cho "New American Cyclopaedia" (xem Toàn tập, t.14, 1994, tr.398-430). - *524.*

526 Việc tướng Gi-lơ-mo-rơ bắn phá đồn Puy-la-xki xảy ra ngày 10-11 tháng Tư 1862. Có lẽ Ăng-ghen, như ông viết bên dưới, có thông tin không xác thực: trong trận đánh chiếm đồn Puy-la-xki, Gi-lơ-mo-rơ đã sử dụng pháo rãnh xoắn, chứ không phải pháo nòng trơn. - *525.*

527 Việc pháo kích và bắn lần đầu đồn Vác-nơ nằm trên đảo và che chắn đường tiến tới đồn Xam-tơ được tiến hành ngày 10 tháng Bảy 1863; ngày 18 tháng Bảy, đồn bắt đầu bị bắn phá và bao vây thường xuyên. Vào đêm ngày 6 sang ngày 7 tháng Chín, quân đội của Liên hiệp các bang miền nam đã rời đồn. Sơ đồ Sác-lơ-xtơn được công bố làm phụ lục cho số 20 báo "Allgemeine Militär-Zeitung" ngày 16 tháng Năm 1863. - *526.*

528 Ý định chiếm pháo đài Xam-tơ sau cuộc bắn phá mà Ăng-ghen mô tả, do quân đội liên bang dưới sự chỉ huy của Dan-gren tiến hành ngày 8 tháng Chín 1863. Thất bại của cuộc đổ bộ đã buộc bộ chỉ huy quân miền bắc từ bỏ ý định chiếm Sác-lơ-xtơn từ phía biển. - *528.*

529 Bài "Cáo phó" được công bố bằng tiếng Nga lần đầu trong chú thích 704 của tập 30 của bộ Toàn tập này. - *530.*

530 "Những ghi chép về tiểu sử Vin-hem Vôn-phơ" được Mác viết vào cuối tháng Năm - đầu tháng Sáu 1864, sau khi người bạn thân và bạn chiến đấu trung thành của ông mất ngày 9 tháng Năm 1864 ở Man-se-xtơ. Mác có ý định viết tiểu sử tỉ mỉ của Vôn-phơ và nhằm mục đích ấy, ông đã sưu tầm tài liệu về cuộc đời của Vôn-phơ. Song, ý định đó không được thực hiện. Mãi vào năm 1876, Ăng-ghen mới thực hiện được một phần ý định của Mác (xem Toàn tập, t.19, 1995, tr.85-144). "Bút ký tiểu sử" được công bố ở chú thích 458 của tập 30 trong bộ Toàn tập này. - *531.*

531 Nhà tù Phổ ở Xi-lê-di, nơi V.Vôn-phơ bị giam giữ vì đã tham gia hội sinh viên và vì "tội chống Đức vua Phổ". Vôn-phơ nhận tên lóng "Ngục tối" do bài "Die Kasematten" của ông viết về nhà ổ chuột ở Bre-xlau đăng trên tờ "Breslauer Zeitung" số 271, ngày 18 tháng Mười một 1843. - *531.*

532 Dây muốn nói đến phòng thông tin viên do nhà chính luận dân chủ Đức, về sau là thành viên Liên đoàn những người cộng sản, Xê-ba-xti-an Dây-lơ thành lập ở Bruy-xen. Phòng đã cung cấp cho các báo dân chủ Đức những thông tin từ Pháp, Anh, Bỉ. - *531.*

533 Nhân tình trạng giới nghiêm được ban hành ở Khuên ngày 26 tháng Chín 1848, báo "Neue Rheinische Zeitung" bị đình bản, một loạt biên tập viên (Ăng-ghen, Vôn-phơ, Buyếc-ghéc-xơ v.v.) bị buộc tội là có âm mưu lật đổ. Vôn-phơ ẩn trốn ở Duyếc-hai-mơ (Pphan-xơ), để khỏi bị bắt, nhưng ít lâu sau ông bí mật trở về Khuên và tiếp tục tham gia biên tập báo. - *531.*

534 Ngày 26 tháng Năm 1849, tại Quốc hội Phran-phuốc, nơi V.Vôn-phơ được bầu đại diện cho Xi-lê-di vào năm 1848, ông đòi tuyên bố đặt quan nhiếp chính để chế, đại

công tước I-ô-han, và các bộ trưởng của ông ta ra ngoài vòng pháp luật, coi là những kẻ chủ chốt phản bội nhân dân (xem Toàn tập, t.19, 1995, tr.137-139). - *532.*

535 Những nghị quyết do Mác đưa ra liên quan đến việc thành lập cơ quan lãnh đạo của Hội liên hiệp công nhân quốc tế là sự tiếp tục và cụ thể hóa những nguyên tắc chung được nêu vắn tắt trong các điểm 4, 5 và 6 Điều lệ tạm thời (xem Toàn tập, t.16, 1994, tr.25-27). - *533.*

536 Nghị quyết này được in theo bản công bố trên báo công nhân Luân Đôn "Bee-Hive Newspaper" ngày 12 tháng Mười một 1864. Trong Sổ biên bản của Tổng Hội đồng Quốc tế I, nó được lưu lại trong lời ghi ngắn hơn. Nghị quyết đó loại trừ tư cách hội viên danh dự rất phổ biến hồi bấy giờ mà thông qua đó, những đại biểu của các giai cấp thống trị thâm nhập được vào cơ quan lãnh đạo của các tổ chức công nhân. - *533.*

537 Nghị quyết này trực tiếp gắn với nghị quyết thông qua ngày 22 tháng Mười một 1864 về điều kiện kết nạp các tổ chức công nhân vào Hội liên hiệp quốc tế (xem Toàn tập, t. 16, 1994, tr. 29). Theo điểm 8 của Điều lệ tạm thời, bên cạnh việc lãnh đạo toàn bộ tổ chức nói chung, Tổng Hội đồng còn được giao những chức năng đặc biệt về việc thu hút các hội công nhân Anh vào Quốc tế. Mác rất chú ý đến việc thực hiện điểm này. - *535.*

538 *Tiểu ban*, Ủy ban thường trực hoặc đơn giản Ủy ban, là tên gọi của một cơ quan chấp hành hẹp hơn gồm những người có chức vụ của Tổng Hội đồng và thường họp vào ngày thứ bảy để chuẩn bị phiên họp thường kỳ của Tổng Hội đồng. Người thực tế lãnh đạo Tiểu ban là Mác, ông tham gia Tiểu ban với tư cách bí thư thông tấn về Đức. - *535, 552, 583.*

539 Những ghi chép này là tài liệu chuẩn bị cho bài phát biểu của Mác tại phiên họp của Ủy ban thường trực ngày 4 và 5 tháng Ba 1865 khi thảo luận về cuộc xung đột nảy sinh giữa những người thành lập chi hội Pa-ri, những công nhân theo phái Pru-đông (Tô-lanh, Phri-bua, Li-mu-danh) và nhóm những phần tử cộng hòa tư sản do luật sư A.Lơ-pho đại diện. Nghị quyết được Ủy ban thường trực thông qua theo đề nghị của Mác, xem Toàn tập, t.16, 1994, tr. 117-118.

Những ghi chép lưu lại trong Sổ tay của Mác được viết trên cơ sở bức thư tỉ mỉ đề ngày 25-28 tháng Hai 1865, do V. Si-li, một người cộng sản Đức lưu vong hoạt động với tư cách phái viên của Tổng Hội đồng, gửi từ Pa-ri cho Mác. - *536.*

540 Ở đây Mác viết nhầm: thay vì "ngày 23 tháng Hai" đã viết "ngày 24 tháng Hai". Do

đó, cả những sự kiện của ngày 24 tháng Hai, đặc biệt là cuộc hội nghị buổi tối, đã bị viết nhầm là vào ngày 25 tháng Hai. Xét theo dấu chấm than, ngày tháng đó đã làm cho bản thân tác giả những ghi chép cũng băn khoăn. - *536.*

541 Ngày 12 tháng Ba 1865, I-ung - người được giao nhiệm vụ viết bản phân tích ngắn gọn cuộc xung đột ở chi hội Pa-ri để thông báo cho các thành viên của Quốc tế ở Pháp - đã báo điều này cho Mác và đề nghị Mác giúp đỡ. Ngày 13 tháng Ba Mác trả lời đồng ý và ngày 18 tháng Ba đã chuyển bút ký của mình cho I-ung. Nhờ việc tiếp tục thảo luận nên đã có bản ghi cuối cùng (bắt đầu từ những chữ: "Không có *nghị quyết* nào cả"), một phần do Mác viết, một phần do I-ung viết. - *538.*

542 Lời phản đối chống việc cử Si-li làm phái viên của Tổng Hội đồng ở Pa-ri do các đại biểu của giới lưu vong dân chủ tư sản Pháp, thành viên của một trong những hội tam điểm ở Luân Đôn, đưa ra và đã được đọc tại phiên họp của Tổng Hội đồng ngày 14 tháng Ba 1865. - *539.*

543 Việc Mác là tác giả lời giới thiệu vắn tắt này về tác phẩm của Ăng-ghen "Vấn đề quân sự ở Phổ và đảng công nhân Đức" (Toàn tập, t.16, 1994, tr. 57-113) được xác định trên cơ sở bức thư của ông gửi Ăng-ghen đề ngày 18 tháng Ba 1865 (Toàn tập, t.31, 1997, tr. 141- 143).

Bút ký này được công bố bằng tiếng Nga lần đầu trong "Bản tin thông tin khoa học của ban các tác phẩm của C. Mác và Ph.Ăng-ghen", 1973, số 25.- *543.*

544 *Cuộc xung đột hiến pháp* nảy sinh ở Phổ vào tháng Hai 1860 nhân đa số tư sản trong hạ nghị viện của Quốc hội Phổ khước từ chuẩn y dự án cải tổ quân đội, do bộ trưởng chiến tranh Rô-ôn đề nghị. Đến tận năm 1866, chính phủ Phổ không đếm xỉa đến quốc hội, đã tiến hành cải cách quân sự và chi tiêu tiền cho việc đó mà không được quốc hội chuẩn y. Cuộc xung đột được giải quyết vào năm 1866 sau khi Phổ thắng Áo, khi giai cấp tư sản Phổ hoàn toàn đầu hàng Bi-xmác, người chủ xướng chính chính sách quân phiệt của nội các Phổ. - *543.*

545 *Đảng tiến bộ*, phái tiến bộ - đảng tư sản ra đời ở Phổ vào tháng Sáu 1861. Đảng này đòi thống nhất nước Đức dưới sự lãnh đạo của Phổ, đòi triệu tập nghị viện toàn Đức, đòi thành lập một nội các tự do chủ nghĩa mạnh chịu trách nhiệm trước viện dân biểu. Do sợ giai cấp công nhân và căm ghét phong trào xã hội chủ nghĩa nên Đảng tiến bộ cam chịu sự thống trị của giới quý tộc địa chủ Phổ trong điều kiện nước Đức nửa chuyên chế. - *543.*

546 Những ghi chép này được lưu lại trong Sổ tay của Mác là bản phác thảo ban đầu các nghị quyết về báo cáo "Tiền công, giá cả và lợi nhuận" mà ông đọc ngày 20 và 27 tháng Sáu 1865 tại Tổng Hội đồng; văn bản cuối cùng của các nghị quyết, xem Toàn tập, t. 16, 1994, tr. 210. - *544.*

547 Nghị quyết này được Mác đưa ra phiên họp của Tổng Hội đồng ngày 23 tháng Giêng 1866 sau khi ông tán thành đề nghị của Gi.Oe-xtơn bắt đầu thảo luận chương trình nghị sự của Đại hội Giơ-ne-vơ của Quốc tế. Nghị quyết đã được nhất trí thông qua. - *547.*

548 Việc thu hút các đại biểu của phong trào công nhân I-ta-li-a, một phong trào đang này nở, vào Quốc tế, theo ý kiến của Mác, ắt sẽ đẩy nhanh quá trình giải thoát công nhân I-ta-li-a khỏi ảnh hưởng của phái Mát-di-ni. Tại Đại hội Giơ-ne-vơ năm 1866 không có đại diện của các hội công nhân I-ta-li-a dự. - *548.*

549 Điểm cuối cùng, điểm 12 của chương trình Đại hội Giơ-ne-vơ được công bố trên báo "Courrier français" ngày 24 tháng Sáu và báo "Rive gauche" ngày 8 tháng Bảy 1866 có vấn đề xây dựng các hội tương trợ và giúp đỡ về vật chất và tinh thần của các thành viên Hội liên hiệp cho trẻ mồ côi. Trong "Những chỉ thị cho các đại biểu của Hội đồng trung ương lâm thời về một số vấn đề" do Mác soạn, đề nghị này ở trong điểm 1 (xem Toàn tập, t.16, 1994, tr. 257-258). - *549.*

550 Sơ đồ này là một trong những phương án sơ đồ đầu tiên mà Mác đề nghị để điều tra tình cảnh của giai cấp công nhân bằng phương pháp thống kê. Sau khi thay đổi một ít về biên tập, nó được đưa vào "Những chỉ thị cho các đại biểu của Hội đồng trung ương lâm thời về một số vấn đề" (xem Toàn tập, t.16, 1994, tr. 259-260). - *549.*

551 Tại Đại hội Giơ-ne-vơ của Quốc tế I (ngày 3-8 tháng Chín 1866) khi xét duyệt Điều lệ, những người Pháp thuộc phái Pru-đông tìm cách thông qua cho được quan điểm nói rằng chỉ có công nhân mới được đưa không chỉ vào các cương vị lãnh đạo trong các tổ chức công nhân, mà cả vào số thành viên của những tổ chức ấy. Việc người Anh Mê-tin Lô-ren-xơ, ủy viên Hội đồng, đề cử Mác vào cương vị chủ tịch Hội đồng là một cách biểu lộ chống lại lập trường đó. Nhưng Mác không tán thành đề cử mình. - *552.*

552 Nghị quyết này được in theo bản đã công bố trên báo "Bee-Hive" số 311, ngày 28 tháng Chín 1867. Đề nghị được ủy viên Hội đồng Gi.Hây-đơ đưa ra phiên họp ngày 24 tháng Chín theo sáng kiến của Mác (xem Toàn tập, t. 31, 1997, tr. 500-502). Đại hội Ba-lơ (tháng Chín 1869) trong một nghị quyết đặc biệt mà năm 1871 được đưa vào Điều lệ, đã đề nghị tất cả các chi hội bỏ cương vị chủ tịch thường trực. - *553.*

553 Nghị quyết này do Mác đưa ra nhân việc ban chấp hành chi hội Pa-ri của Quốc tế đã bất chấp Tổng Hội đồng, cứ đưa ra cho đại hội sắp tới của Hội liên hiệp một cương lĩnh sặc tinh thần Pru-đông và công bố cương lĩnh đó vào ngày 20 tháng Bảy 1867 trên báo "Courrier français". - *555.*

554 Ghi chép này của Mác, soạn thảo trên cơ sở thông tin của I.B. Svai-xơ (xem Toàn tập, t. 32, 1997, tr. 109-110, 112-113), được dùng vào bài tường thuật trên báo về phiên họp của Tổng Hội đồng ngày 12 tháng Năm 1868 ("Bee-Hive" số 344, ngày 16 tháng Năm 1868); tài liệu này không được ghi trong sổ biên bản. - *556.*

555 Những nghị quyết của Đại hội Giơ-ne-vơ được Mác chọn để đưa vào tài liệu công bố các nghị quyết của Đại hội Bruy-xen năm 1868 đề cập đến vai trò của Quốc tế trong cuộc đấu tranh kinh tế của giai cấp vô sản, ngày làm việc 8 giờ, bảo hộ lao động của trẻ em và phụ nữ, tổ chức sản xuất hợp tác và nhiệm vụ của công đoàn (điểm 2, 3, 4, 5 và 6 "Những chỉ thị cho các đại biểu của Hội đồng trung ương lâm thời về một số vấn đề" - xem Toàn tập, t.16, 1994, tr. 258-267). - *558.*

556 Vào tháng Chạp 1868, Liên minh dân chủ xã hội chủ nghĩa quốc tế do M.Ba-cu-nin thành lập mùa thu năm 1868 gửi cho Tổng Hội đồng đơn xin gia nhập Quốc tế. Sau khi thảo luận cương lĩnh của Liên minh ngày 15 tháng Chạp 1868, dựa trên ý kiến của Mác rằng việc kết nạp một hội quốc tế khác vào Hội liên hiệp là trái với Điều lệ, Tổng Hội đồng đã ủy nhiệm cho Mác soạn thảo thư trả lời (xem Toàn tập, t. 16, 1994, tr. 460-462).

Những nhận xét đối với cương lĩnh và điều lệ của Liên minh dân chủ xã hội chủ nghĩa quốc tế được Mác ghi ở lề bản tiếng Pháp của văn kiện này; tự tay I-ung ghi trên lề tên họ Duy-pông và Gioan-na, hai người đã đọc văn kiện này và phát biểu trong buổi thảo luận nó. - *559.*

557 Ngày 15 tháng Chạp 1868, theo đề nghị của Mác, Tổng Hội đồng giao cho Mác giúp I-ung soạn thảo báo cáo ngắn gọn về hoạt động của Hội đồng, kết quả là đã có thông báo này, nó chứa đựng tài liệu của mấy phiên họp gần đây nhất. Nghị quyết của Mác và Áp-plơ-gác dẫn ra trong thông báo ấy về thái độ của Quốc tế đối với tự do buôn bán không có trong sổ biên bản. - *570.*

558 Tài liệu này là bản báo cáo của Ủy ban thường trực, được Tổng Hội đồng chuẩn y tại phiên họp ngày 8 tháng Ba 1870. Vấn đề đã được Ủy ban thường trực thảo luận ngày 19 tháng Hai (xem Toàn tập, t. 32, 1997, tr. 600-601) và ngày 5 tháng Ba 1870. - *573.*

559 Bức thư này là thư phúc đáp bức thư của ủy ban Hội công nhân luyện thép quốc tế

ở Han-nô-vơ gửi Mác ngày 12 tháng Giêng 1870 đề nghị giúp thiết lập liên lạc với các hội công liên Anh. Việc thương lượng được giao cho đoàn đại biểu của Tổng Hội đồng do I-ung cầm đầu; ngày 12 tháng Tư I-ung báo cáo về cuộc gặp mặt ngày 7 tháng Tư với Hội đồng Hội liên hiệp công nhân cơ khí Luân Đôn; Hội đồng bày tỏ sẵn sàng thiết lập liên lạc với công nhân cơ khí Đức và Pháp và đưa ra một phiếu điều tra đặc biệt với một danh mục những vấn đề mà công nhân Anh quan tâm. Phiếu điều tra được ghi lại trong bức thư này của Mác hơi khác về mặt biên tập so với bản tiếng Anh được lưu lại trong bức thư của I-ung gửi Mác đề ngày 13 tháng Tư 1870 (xem "Tổng Hội đồng của Quốc tế I. 1868-1870", tr. 162). - *575.*

560 Tài liệu này là bản ghi của Ăng-ghen về cuộc nói chuyện của ông và Mác với nhà báo dân chủ Anh Rô-bớc Rít ngày 1 tháng Bảy 1871. Ngày 30 tháng Sáu, Rít đề nghị Mác sử dụng những tài liệu mà ông ta đã có thể thu thập được khi ông ta ở Pa-ri vào thời gian Công xã, với tư cách là phóng viên tờ báo tự do "Daily Telegraph" ở Luân Đôn, để bảo vệ các chiến sĩ Công xã. - *577.*

561 Ngày 12 tháng Tư 1871, Hội đồng liên chi hội các chi hội Pa-ri của Quốc tế ra quyết định khai trừ A.Tô-lanh, kẻ phản bội giai cấp công nhân và đã chuyển sang phía phái Véc-xây. Ngày 25 tháng Tư 1871 Tổng Hội đồng chuẩn y quyết định ấy bằng một nghị quyết đặc biệt chỉ được báo chí công nhân công bố (xem tập này, tr. 772). - *578.*

562 Những đoạn trích - còn được lưu lại trong di cảo của Mác - từ sổ biên bản của Tổng Hội đồng những năm 1869-1871, do ông và một phần do Ăng-ghen viết trên hai tờ khổ lớn trong thời kỳ chuẩn bị Hội nghị Luân Đôn của Quốc tế, đến ngày 5 tháng Chín 1871. Gắn với chúng có những đoạn trích biên bản trong thời kỳ tháng Sáu 1870 - tháng Tư 1872 trên một tờ, do Mác ghi sau đó một năm, vào cuối tháng Tám 1872, ngay trước Đại hội La Hay của Quốc tế (xem "Đại hội La Hay của Quốc tế I. Ngày 2-7 tháng Chín 1872. Biên bản và văn kiện", tr. 580-581). Trong cả hai bản viết tay đều có chữ ghi chú và dấu gạch đứng, chứng tỏ Mác và Ăng-ghen đã sử dụng chúng trong tiến trình viết các văn kiện của Quốc tế.- *580, 671.*

563 Trong biên bản phiên họp của Tổng Hội đồng ngày 17 tháng Mười 1871 người ta chỉ dẫn ra đề tài của lời phát biểu này (xem "Tổng Hội đồng của Quốc tế I. 1870-1871", tr. 232). Cũng như trong một loạt trường hợp khác, Ăng-ghen đã chuyển bản ghi cho thư ký của Tổng Hội đồng để công bố trên báo "Eastern Post" (xem "Tổng Hội đồng của Quốc tế I. 1871-1872", tr. 80). Bản viết tay của Ăng-ghen không giữ lại được. - *603.*

564 Trong biên bản phiên họp của Tổng Hội đồng ngày 7 tháng Mười một 1871, lời phát

biểu của Ăng-ghen được phản ánh bằng lời ghi sau đây: "Ông Ăng-ghen báo cáo rằng ông có nhiều thông tin từ các chi hội ở I-ta-li-a, mà ông muốn chuyển cho thư ký để báo cáo hàng tuần trên báo "Eastern Post". Bức thư của Ga-ri-ban-đi, trong đó rốt cuộc ông đoạn tuyệt với Mát-di-ni, đã có ảnh hưởng lớn ở I-ta-li-a, và ngay khi nhận được thư, nó sẽ được đưa vào báo cáo" ("Tổng Hội đồng của Quốc tế I, 1871-1872", tr. 11). Bản viết tay của Ăng-ghen không giữ lại được. - *607.*

565 Đây muốn nói đến những bài viết của Mát-di-ni trên báo "Roma del Popolo" số 20, 28, 29 và 30-31 ngày 13 tháng Bảy, 7, 14 và 21-22 tháng Chín 1871. - *607.*

566 Đại hội XII thường kỳ của các hội công nhân I-ta-li-a, chủ yếu là những tổ chức tương trợ về cơ bản chịu ảnh hưởng của Mát-di-ni, họp ở La Mã ngày 1-6 tháng Mười một 1871. - *611, 612.*

567 Đây muốn nói đến những lời phát biểu của Bê-ben tại Quốc hội ngày 30 tháng Mười và ngày 8 tháng Mười một 1871. - *616.*

568 Lời tuyên bố được dành để sử dụng khi bào chữa cho các ủy viên Ban chấp hành Đảng công nhân dân chủ - xã hội Đức (Đảng Ai-đơ-nác) V. Brắc-cơ và những người khác trong phiên tòa xử ở Brao-svai-gơ ngày 23-25 tháng Mười một 1871. Những bị cáo bị bắt vào tháng Chín 1870 do lập trường quốc tế chủ nghĩa của đảng trong tiến trình cuộc chiến tranh Pháp - Phổ, bị buộc tội "xâm phạm trật tự xã hội". Như Mác đã nêu, "điểm cơ bản để buộc tội là: họ là hội viên của Quốc tế" (Toàn tập, t. 33, 1997, tr. 428). Trong khi đó, tính đến luật về các hội công nhân hiện hành ở các quốc gia Đức, tại đại hội thành lập của mình ở Ai-đơ-nác năm 1869 Đảng công nhân dân chủ - xã hội đã ủng hộ cương lĩnh hành động của Quốc tế, nhưng không chính thức gia nhập Quốc tế; về tư cách thành viên cá thể trong các hội nước ngoài (hội khoa học và hội khác), thì pháp luật không cấm các thần dân Đức gia nhập những hội ấy. - *618.*

569 Theo cơ cấu tổ chức của Đảng Ai-đơ-nác thì nơi đặt trụ sở của Ban chấp hành trung ương được chỉ định lần lượt ở một trong những thành phố lớn của đất nước tại đại hội hàng năm của đảng; thành phần ban chấp hành được bầu trong số các thành viên của tổ chức địa phương. Thành phố Brao-svai-gơ được chỉ định là nơi đầu tiên đặt trụ sở của ban chấp hành. Đến lúc Mác soạn tài liệu này thì ban chấp hành mới ở Hăm-buốc từ tháng Tám 1871. - *618.*

570 Thông báo này của Ăng-ghen có lẽ được đưa ra tại phiên họp của Tổng Hội đồng ngày 5 tháng Chạp 1871 và được chuyển dưới dạng văn bản để công bố, nó không được phản ánh trong sổ biên bản. Cơ sở của thông báo này là báo cáo của Hội đồng

liên chi hội Dan Mạch của Quốc tế và tài liệu từ các bài viết của L.Pi-ô trên báo "Socialisten".- *620.*

571 Bản viết tay này của Mác là những đoạn trích vào cuối tháng Hai - cuối tháng Năm 1872 từ những báo cáo và thư của những người lãnh đạo các chi hội của Quốc tế ở Mỹ, và từ báo chí Mỹ về sự phân liệt trong Liên chi hội Bắc Mỹ. Các đoạn trích được Mác sử dụng khi soạn thảo các nghị quyết của Tổng Hội đồng về sự chia rẽ trong Liên chi hội Mỹ và được Ăng-ghen sử dụng để viết bài "Quốc tế ở Mỹ" (xem Toàn tập, t. 18, 1995, tr. 72-75, 130-139). - *623.*

572 Dự thảo Điều lệ chung và Quy chế tổ chức được Tổng Hội đồng sửa đổi theo đề nghị của Mác vào tháng Sáu - tháng Tám 1872, được dự định trình Đại hội La Hay của Quốc tế (ngày 2-7 tháng Chín 1872) để xét duyệt. Tình trạng thiếu thời gian và bầu không khí chung tại đại hội đã buộc Mác, Ăng-ghen và các bạn chiến đấu của hai ông đóng khung ở việc chỉ đưa ra thông qua một số điểm quan trọng nhất: đã đưa vào Điều lệ điều 7 về hành động chính trị của giai cấp công nhân, còn trong Quy chế thì thay đổi một loạt lời diễn đạt nhằm củng cố kỷ luật và chế độ tập trung về tổ chức. Bản gốc là bản in chính thức bằng tiếng Pháp của Điều lệ chung năm 1871, trong đó những thay đổi và sửa chữa mà Tổng Hội đồng đã thông qua được P.La-phác-gơ đưa vào theo bản nháp mà chính Mác đã chuẩn bị. - *635.*

573 Khi thảo luận dự thảo Điều lệ chung tại phiên họp của Tổng Hội đồng ngày 9 tháng Bảy 1872, ủy viên Tổng Hội đồng, nhà xã hội chủ nghĩa Anh Man-tơ-man Ba-ri đề nghị bỏ những từ "trong đó tồn tại xã hội hiện đại" - những từ có vẻ như hạn chế phạm vi hoạt động của Hội liên hiệp. Nhân việc này Ăng-ghen tuyên bố rằng "việc gạt bỏ những từ được nhắc tới, như đã đề nghị, sẽ biến Hội liên hiệp thành một hội từ thiện giống như những hội do giai cấp tư sản lập nên. Xã hội hiện đại là xã hội trong đó tư bản thống trị, còn công nhân thì được sử dụng chỉ như là những công cụ. Sẽ là vô lý nếu tưởng tượng rằng có thể ngay lập tức biến những người nô lệ Cu-ba hoặc Bra-xin, hoặc dân cư Trung Quốc và Ấn Độ thành những công nhân có tổ chức. Trước khi họ được giải phóng, họ phải trở thành những công nhân tự do trước đã. Vứt bỏ những từ "xã hội hiện đại" sẽ có nghĩa là làm cho cách diễn đạt đó mất đi thực chất đích thực" ("Tổng Hội đồng của Quốc tế I, 1871-1872", tr. 189). - *636.*

574 Trong văn bản trước đây của Điều lệ, chỗ này được diễn đạt như sau: "để làm trung tâm liên lạc và hợp tác giữa các đoàn thể công nhân tồn tại ở các nước" (Toàn tập, t. 17, 1994, tr. 584). Sự thay đổi đó được Mác luận chứng tại phiên họp của Tổng Hội

đồng ngày 16 tháng Bảy 1872. Lời ghi trong biên bản nói: "Về điều 1 của Điều lệ, ông *Mác* đề nghị gạch bỏ những từ "làm trung tâm liên lạc" với lý do là sự phát triển của Hội liên hiệp đã thay đổi điều kiện và đề nghị thay chúng bằng những từ "tổ chức những hành động chung của công nhân những nước khác nhau". Ông nói rằng cần thay đổi để ngăn ngừa những cách hiểu không đúng" ("Tổng Hội đồng của Quốc tế I. 1871-1872", tr. 191). - *637.*

575 M.Ba-ri đề nghị gạch bỏ từ "công nhân" trong cách diễn đạt này, coi đó là sự lặp lại không cần thiết. Mác phản bác ông ta, nói rằng "đó là vấn đề thuần túy thuộc về mặt biên tập, nhưng theo ý ông, không thay đổi văn bản thì tốt hơn, vì đại hội có thể đánh giá đó là toan tính của Tổng Hội đồng cố xóa mờ tính chất công nhân của đại hội" ("Tổng Hội đồng của Quốc tế I. 1871-1872", tr. 192). - *637.*

576 Điều 8 là cách diễn đạt cô đọng hơn nghị quyết của Hội nghị Luân Đôn năm 1871, đã được Đại hội La Hay chuẩn y và được đưa vào Điều lệ với tư cách điều 7a. Khi thảo luận điều này tại phiên họp Tổng Hội đồng ngày 23 tháng Sáu 1872, Ăng-ghen và Mác phát biểu ủng hộ đề nghị đưa điều ấy vào Điều lệ:

"Ông *Ăng - ghen* ủng hộ đề nghị đó. Những động cơ bắt chúng ta chấp nhận nghị quyết ấy tại hội nghị vẫn còn hiệu lực cả đến hôm nay, và vì thế chúng ta sẽ phải đấu tranh để nó được thông qua tại đại hội.

Ông *Mác* nói rằng cũng có những lý do khác. Chúng ta có hai loại đối thủ: những người chủ trương từ bỏ chính trị, họ đã kích nghị quyết đó hơn bất cứ ai, và công nhân Anh và Mỹ cho phép giai cấp tư sản lợi dụng mình trong các mục đích chính trị. Chúng ta phải chấm dứt điều đó, vạch trần tình hình ấy" ("Tổng Hội đồng của Quốc tế I. 1871-1872", tr. 196). - *641.*

577 Phần bổ sung này cho điều 9 được đưa vào theo đề nghị của Mác, ông xuất phát từ kinh nghiệm của các chi hội Bắc Mỹ đã vận dụng thành công nguyên tắc này trong cuộc đấu tranh chống các phần tử cải lương tư sản. - *642.*

578 Ý nói bài của M.Ba-cu-nin được công bố trong "Bulletin de la Fédération jurassienne" số 10-11, ngày 15 tháng Sáu 1872 trả lời thông tri mật của Tổng Hội đồng do C.Mác và Ph.Ăng-ghen soạn thảo "Cái gọi là những sự phân liệt trong Quốc tế" (xem Toàn tập, t.18, 1995, tr. 9-71) - *653.*

579 "Thư của Tổng Hội đồng trả lời việc Liên chi hội Giuy-ra phản đối triệu tập đại hội ở La Hay" do Mác soạn, ông đã trình bày nội dung của nó tại phiên họp của Tổng Hội

đồng ngày 27 tháng Bảy 1872. Thư này đã được công bố với chữ ký của I-ung. Trong sổ biên bản còn lưu lại được lời ghi sau đây: "Mác nói rằng đã có ba đại hội được tiến hành ở Thụy Sĩ, Hà Lan đã được người Bỉ đề nghị ngay vào năm 1870; Hà Lan là điểm trung tâm đối với Anh, Bỉ, Đức và Bắc Pháp, và không cần xét lại quyết định lúc đầu của Tổng Hội đồng. (Thông qua.)" ("Tổng Hội đồng của Quốc tế I. 1871-1872", tr. 239).- *654.*

580 Tiểu luận này được công bố trên báo "Volksstaat" ngày 21 tháng Tám 1872, về nội dung nó trùng khớp với "Thư của Tổng Hội đồng gửi các chi hội I-ta-li-a của Hội liên hiệp công nhân quốc tế nói về hội nghị đại biểu Ri-mi-ni" do Ăng-ghen soạn thảo cũng vào những ngày đó (xem Toàn tập, t. 18, 1995, tr. 171-172). - *656.*

581 Phần đầu của bài này, đề ngày 25 tháng Tám 1872, là lời giáng trả những lời công kích vu khống của phái Ba-cu-nin; trong số 14 "Bulletin de la Fédération jurassienne" ngày 1 tháng Tám 1872 phái này đã cố giải thích cuộc đấu tranh tư tưởng trong Quốc tế là do những tham vọng "độc tài" của những người cộng sản Đức. Khác với những bài do đại biểu Áo, nhà báo L. Ô-béc-vin-đơ gửi từ La Hay tới cho báo "Neue Freie Presse" và được đăng, ký tên "g", bài của Mác được đăng không ký tên. Bài báo được in bằng tiếng Nga lần đầu tiên trong cuốn sách "Đại hội La Hay của Quốc tế I. Ngày 2-7 tháng Chín 1872. Các báo cáo và thư". M., 1972. - *658.*

582 Đại hội của các chi hội Anh của Quốc tế họp ở Nốt-tinh-hêm ngày 21 tháng Bảy 1872 đã nhất trí thông qua nghị quyết, trong đó tuyên bố cần xây dựng đảng công nhân độc lập dựa trên các nguyên tắc của Quốc tế. - *661, 826.*

583 Đây muốn nói đến việc điều tra chính thức các nguyên nhân của cuộc khởi nghĩa ngày 18 tháng Ba và thiết lập Công xã Pa-ri do một ủy ban của Quốc hội Véc-xây tiến hành ("Enquête parlementaire sur l'insurrection du 18 mars", t. I - III. Versailles, 1872). -*664.*

584 Ý kiến này là của Ăng-ghen phát biểu ở cuối chương thứ nhất của tác phẩm "Về vấn đề nhà ở", chương này được công bố lần đầu trên báo "Volksstaat" số 53, ngày 3 tháng Bảy 1872 (xem Toàn tập, t. 18, 1995, tr. 315). Tiếp theo, tác phẩm của I.H. Phi-stơ "Politische Fragmente aus den Jahren 1807 und 1813" được trích dẫn không hoàn toàn chính xác. - *666.*

585 Đây muốn nói đến việc các đại biểu thuộc phái Blăng-ki dự đại hội rời La Hay để tỏ thái độ sau khi đề nghị của Mác và Ăng-ghen về chuyển Tổng Hội đồng từ Luân Đôn sang Niu-Oóc được chấp nhận. - *667.*

586 Trong các tài liệu của Đại hội La Hay, văn bản lời tuyên bố này của các đại biểu Pa-ri không giữ lại được. Văn bản ấy về thực chất trùng khớp với những văn kiện được biết khác của các chi hội Pháp của Quốc tế, nhưng khác chúng về mặt biên tập. - *667.*

587 Văn bản được dẫn ra tiếp theo không trùng khớp với bất kỳ lời phát biểu nào của những đại biểu Đức dự Đại hội La Hay, được ghi trong những biên bản chính thức và những bài tường thuật trên báo về các phiên họp mà chúng ta còn tìm kiếm được. Có lẽ hình thức như vậy được Mác sử dụng để phê phán nhiều mặt hơn đối với lập trường của những người theo chủ nghĩa liên bang. - *667.*

588 Đề nghị chuyển Tổng Hội đồng sang Niu-Oóc được Mác và Ăng-ghen đưa ra tại phiên họp thứ 10 của Đại hội La Hay của Quốc tế I ngày 6 tháng Chín 1872 và đã được thông qua tại chính phiên họp ấy với 26 phiếu thuận, 23 phiếu chống và 9 phiếu trắng. Về lý do tỉ mỉ của đề nghị đó, xem tập này, tr. 684-686.- *676.*

589 Bài này Ăng-ghen viết theo đề nghị của Ban biên tập báo "Volksstaat" sau khi A. Hép-nơ, người viết những bài tường thuật về Đại hội La Hay cho báo này, bị bắt. Về bố cục và nội dung, bài ấy rất gần với bài "Đại hội đại biểu ở La Hay" do Ăng-ghen gửi cho báo "La Plebe" ngày 1 tháng Mười 1872 (xem Toàn tập, t. 18, 1995, tr. 224-231). Khi viết bài này Ăng-ghen chưa có văn bản chính thức các nghị quyết của Đại hội La Hay bằng tiếng Pháp được ban biên tập duyệt lần cuối vào ngày 21 tháng Mười 1872. Điều đó giải thích vì sao có một số chỗ khác nhau không đáng kể giữa những đoạn trích dẫn trong bài này và văn bản những nghị quyết công bố trong Toàn tập (xem t. 18, 1995, tr. 203-216). Bài này được in bằng tiếng Nga lần đầu trong cuốn sách "Đại hội đại biểu La Hay của Quốc tế I. Ngày 2-7 tháng Chín 1872. Các báo cáo và thư". M., 1972. - *677.*

590 Ở đây và ở bên dưới trong bản gốc tác giả dùng từ "Dôn-đéc-bun"; từ này thường hay được dùng trong các tác phẩm của Mác và Ăng-ghen, để chỉ phái phiêu lưu - bè phái Vi-lích-Sáp-pơ đã tách khỏi Liên đoàn những người cộng sản năm 1850. Về nguồn gốc của tên gọi này, xem chú thích 65. - *691.*

591 Những tiểu luận của Ph.Ăng-ghen về phong trào công nhân ở châu Âu và châu Mỹ gần với "Thông báo về hoạt động của Quốc tế trên lục địa" cũng của ông, đăng vào tháng Giêng - tháng Hai 1873 cũng trên báo ấy (xem Toàn tập, t. 18, 1995, tr. 423-428). Khác với "Thông báo" được đăng trên báo cùng với những bài tường thuật về các phiên họp của Hội đồng liên chi hội Anh của Quốc tế, "Những tiểu luận" được in riêng trong mục "Tin tức về phong trào công nhân nước ngoài" hoặc "Tin tức về phong trào công nhân trên lục địa". Nguồn tài liệu để viết "Những tiểu luận" - bên cạnh thông tin mà

Ăng-ghen lấy từ thư tín rộng lớn trao đổi với bạn bè và chiến hữu - là báo chí công nhân nhiều nước, trước hết là báo "Volksstaat" ở Lai-pxích và báo "Emancipacion" ở Ma-đrít. - *693.*

592 "Thông báo" này được đăng trong bài tường thuật về phiên họp thường kỳ của Hội đồng liên chi hội Anh họp ngày 8 tháng Năm 1873.- *709.*

593 Ám chỉ toan tính của Giôn Hây-đơ - cựu thư ký Tổng Hội đồng sau khi Tổng Hội đồng của Quốc tế chuyển từ Luân Đôn sang Niu-Ooc (xem chú thích 588) cố biến cánh cải lương chủ nghĩa đã tách khỏi Hội đồng liên chi hội Anh thành một trung tâm nào đó cho tất cả những liên chi hội chống các quyết định của Đại hội La Hay. Tham vọng của Hây-đơ đòi giữ địa vị lãnh đạo trong phong trào công nhân quốc tế không được sự ủng hộ trên lục địa. - *709.*

594 Giấy này do các nhà đương cục Thụy Sĩ ở Lô-dan trao cho Ph.Ăng-ghen nhân khi ông rời đi Luân Đôn, lúc này Mác bị trục xuất khỏi Pa-ri đã đến đó rồi. Ăng-ghen tới Thụy Sĩ khi cuộc khởi nghĩa ở Tây Nam nước Đức bị thất bại (xem chú thích 74). Khẩn khoản muốn Ăng-ghen sang Luân Đôn, Mác viết cho Ăng-ghen ngày 23 tháng Tám 1849: "... Sự an ninh của anh cũng đòi hỏi phải làm như vậy. Bọn Phổ có thể xử bắn anh đến hai lần: 1) vì sự kiện ở Ba-đen; 2) vì sự kiện ở En-bơ-phen-đơ" (chú thích 596) (Toàn tập, t. 27, 1996, tr. 219). Ăng-ghen đi sang Anh bằng con đường vòng, qua I-ta-li-a và Tây Ban Nha, vì chính phủ Pháp cấm ông đi qua lãnh thổ Pháp. - *713.*

595 "Giấy biên nhận" công bố ở đây là bằng chứng xác nhận một trong những việc đầu tiên hưởng ứng "Lời kêu gọi trợ giúp những nhà hoạt động chính trị Đức" lưu vong do Ủy ban dân chủ - xã hội trợ giúp những nhà hoạt động chính trị Đức lưu vong viết ngày 20 tháng Chín 1849 (xem Toàn tập, t. 7, 1993, tr. 709-711).

Về *Ủy ban dân chủ - xã hội trợ giúp những người Đức lưu vong*, xem chú thích 94.- *715.*

596 Tài liệu công bố ở đây là những đoạn trích "bản kết tội về vụ án những người tham gia cuộc khởi nghĩa ở En-bơ-phen-đơ hồi tháng Năm 1849", một trong những cuộc đấu tranh của quần chúng nhân dân Đức nhằm bảo vệ hiến pháp đế chế (xem chú thích 600). Những đoạn trích liên quan đến sự tham gia của Ph.Ăng-ghen vào cuộc khởi nghĩa này, ông đến En-bơ-phen-đơ với một đội công nhân vũ trang từ Dô-lin-ghen (xem chú thích 601). Ủy ban an ninh En-bơ-phen-đơ đã giao cho Ăng-ghen lãnh đạo việc xây dựng các công trình phòng thủ và chuyển pháo binh cho ông sử dụng. Những hành động kiên quyết của Ăng-ghen và ý muốn của ông dựa vào công nhân đã làm cho các thủ lĩnh tiểu

tư sản của phong trào sợ hãi, và theo yêu cầu của Ủy ban an ninh En-bơ-phen-đơ (xem chú thích 597), Ăng-ghen đã buộc phải rời thành phố.

Những đoạn trích này (trừ hai đoạn cuối cùng) được in bằng tiếng Nga lần đầu trong tạp chí "Những vấn đề lịch sử", 1970, số 11. - *719.*

597 Ủy ban an ninh En-bơ-phen-đơ gồm: thành viên của Liên đoàn những người cộng sản Vin-hem Huy-nơ-bai (thợ may), I-ô-han Pốt-man (thợ đồng) và I-u-li-út Tơ-rô-xtơ (người thực lợi). - *719.*

598 Ý nói ủy ban quân sự bên cạnh Ủy ban an ninh En-bơ-phen-đơ.- *719.*

599 Những màu tượng trưng cho sự thống nhất của nước Đức. - *719.*

600 Đây muốn nói đến hiến pháp đế chế được Quốc hội Phran-phuốc thông qua ngày 27 tháng Ba 1849. Mặc dù còn hạn chế và còn có nhượng bộ thế lực phản động phong kiến, nhưng hiến pháp là một bước tiến trong sự nghiệp thống nhất nước Đức và dân chủ hóa nước Đức. Song Quốc hội Phran-phuốc không có quyền lực thực tế để thực hiện hiến pháp đó, còn các chính phủ của những quốc gia Đức lớn nhất (Phổ, Dắc-den, Ba-vi-e, Han-nô-vơ v.v.) thì không thừa nhận nó. Vào tháng Năm 1849 những cuộc đấu tranh vũ trang của quần chúng nhân dân Đức để bảo vệ hiến pháp đế chế đã bắt đầu bùng nổ (ở tỉnh Ranh, Dắc-den, Ba-đen và Pphan-xơ), đứng đầu là những người dân chủ tiểu tư sản mà chính sách hèn nhát và nhằm thỏa hiệp của họ đã đưa phong trào cách mạng ấy đến thất bại. - *719.*

601 Đây muốn nói đến cuộc khởi nghĩa ở Dô-lin-ghen và vùng phụ cận nhằm ủng hộ hiến pháp đế chế vào đầu tháng Năm 1849. Cuộc tấn công kho quân nhu ở Grê-phrát nằm gần đấy đã cho phép những người khởi nghĩa, trong đó có nhiều công nhân Dô-lin-ghen, dự trữ vũ khí cần thiết. Các nhà đương cục thành phố bị cách chức, và Ủy ban an ninh đã chiếm vị trí của họ. Cuộc khởi nghĩa thất bại vì chính sách phản bội của giai cấp tư sản.- *720.*

602 Bài tường thuật cuộc mít- tinh ngày 5 tháng Tư 1850 kỷ niệm ngày sinh của M.Rô-be-xpi-e có cả Mác tham dự, ngoài báo "Die Hornisse" ra, bài này còn được công bố trong số ra tháng Năm của tạp chí "Democratic Review" năm 1850. Bài tường thuật ấy, đã nói như sau về bài phát biểu của Ăng-ghen: "Người Đức bị trục xuất đã phát biểu trả lời và kết thúc bài diễn văn tuyệt vời bằng việc chúc mừng những người vô sản Anh".

Hội "*Những người dân chủ anh em*" - hội dân chủ quốc tế, do các đại biểu của cánh tả trong phong trào Hiến chương (Hác-ni, Giôn-xơ) và những người lưu vong cách mạng

(thành viên của Liên đoàn những người chính nghĩa v.v.) thành lập ở Luân Đôn năm 1845. Mác và Ăng-ghen đã tham gia chuẩn bị hội nghị của những người dân chủ thuộc những dân tộc khác nhau vào ngày 22 tháng Chín 1845, tại đó hội này thực tế đã được thành lập, sau đó các ông đã duy trì sự tiếp xúc thường xuyên với hội này. Sau thất bại của phái Hiến chương năm 1848, hoạt động của hội đã suy giảm đáng kể và vào năm 1853 thì hội hoàn toàn tan rã. - *724.*

603 *Phái bình quân* - phe nhóm dân chủ - tiểu tư sản cấp tiến trong thời kỳ cách mạng tư sản Anh thế kỷ XVII, định hình trên quy mô toàn quốc vào năm 1647.- *724.*

604 Về *Ủy ban lưu vong* (Ủy ban dân chủ - xã hội trợ giúp những người Đức lưu vong) xem chú thích 94.

Biên bản công bố ở đây, do chính tay Ăng-ghen ghi, được sử dụng trong "Tuyên bố của ủy ban những người lưu vong" ngày 20 tháng Tư 1850 do C.Mác và Ph.Ăng-ghen soạn thảo (xem Toàn tập, t. 7, 1993, tr. 421-423). - *725.*

605 Vào tháng Chín 1850, trong thời gian tên đao phủ đàn áp cách mạng I-ta-li-a và cách mạng Hung-ga-ri là Hay-nau lưu lại ở Anh, công nhân nhà máy bia Bác-clây, Déc-kin-xơ và Công ty đã đánh viên tướng Áo này, y đã chạy trốn dưới sự bảo vệ của cảnh sát và lập tức rời nước Anh. Ngày 10 tháng Chín 1850 Hội "Những người dân chủ anh em" (xem chú thích 602) đã triệu tập một cuộc mít-tinh để biểu thị sự ủng hộ và tán thành đối với công nhân xí nghiệp ấy, chính Ăng-ghen đã phát biểu tại cuộc mít-tinh này. Ngoài báo "Reynolds Weekly Newspaper" đã công bố bản ghi đầy đủ nhất bài phát biểu của Ăng-ghen, những thông báo vắn tắt về bài diễn văn của ông còn được đăng trên báo "The Northern Star" số 673, ngày 14 tháng Chín; báo "The Times" số 20591, ngày 11 tháng Chín; báo "The Morning Chronicle" số 26139, ngày 12 tháng Chín 1850. Bài tường thuật về cuộc mít-tinh cũng được công bố trong hai tờ báo Đức - "Die Deutsche Londoner Zeitung" số 285, ngày 13 tháng Chín và "Die Hornisse" số 218, ngày 18 tháng Chín 1850. - *728.*

606 Ngày 29 tháng Chạp 1850 Mác và Ăng-ghen nhận được của Hác-ni giấy mời dự bữa tiệc mừng năm mới của hội "Những người dân chủ anh em" (xem chú thích 602). Tại bữa tiệc, Hác-ni tổng kết hoạt động của hội trong năm và điểm qua tình hình chính trị ở châu Âu. Ăng-ghen - lúc đó cùng với Mác không còn ở trong Hội giáo dục của công nhân Đức ở Luân Đôn nữa (xem Toàn tập, t.7, 1993, tr. 576)- đã phát biểu tại bữa tiệc nhân danh mình, chắc là theo thỏa thuận trước với ban lãnh đạo Hội này, và đặc biệt là với C.Sáp-pơ. Mặc dù lời ghi bài diễn văn của Ăng-ghen cực kỳ ít ỏi, nhưng nó chứng

622 Trong sổ biên bản của Tổng Hội đồng, ở lời ghi ngày 21 tháng Bảy 1868, bài phát biểu này của Mác được trình bày thế này: "Ông M á c. Nước Đức. Tổng liên đoàn công nhân dự định làm bằng con đường vòng cái việc mà pháp luật Phổ cấm làm công khai. Ở những quốc gia miền nam và miền đông của Đức có một Liên đoàn công nhân khác có một số nhánh ở Thụy Sĩ; những nhánh ấy cũng định liên kết lại. Tờ báo mới "Le Réveil" do đảng của Lơ-đruy-Rô-lanh xuất bản, có nhận xét thiện chí về Hội liên hiệp quốc tế" ("Tổng Hội đồng của Quốc tế I. 1866-1868", tr. 161). - *744.*

623 Tại phiên họp của Tổng Hội đồng ngày 23 tháng Hai 1869, Mác trình bày tỉ mỉ bằng tiếng Anh "Báo cáo về các hội có tính chất phường hội của thợ mỏ ở các mỏ than vùng Dắc-den" do Ăng-ghen viết bằng tiếng Đức (xem Toàn tập, t. 16, 1994, tr. 463-471). Lời ghi bài phát biểu của Mác được lưu lại trong sổ biên bản của Tổng Hội đồng; bài tường thuật trên báo công bố ở tập này khác với lời ghi ở chỗ đầy đủ và chính xác hơn một chút. - *746.*

624 Tài liệu này được lưu giữ dưới dạng mẩu cắt từ báo Mỹ (có lẽ báo "The Democrat"), được dán vào sổ biên bản của Tổng Hội đồng. Trong biên bản phiên họp của Tổng Hội đồng ngày 19 tháng Tư 1870, có ghi như sau về bài phát biểu của Mác về bức thư của Hi-um và bản báo cáo gửi kèm theo nó đòi Tổng Hội đồng thành lập một cơ quan đại diện đặc biệt cho công nhân thuộc những dân tộc khác nhau ở mỗi nước: "Ông M á c không đồng ý với bản báo cáo, vì trong Hội đồng đã có đại biểu của những dân tộc khác nhau, còn tất cả những điều còn lại thì phải trao cho các thông tín viên của Hội liên hiệp. Trong thư có chỉ ra rằng phong trào công liên ở Mỹ có xu hướng mang hình thức những hội bí mật. Điều đó được xác nhận qua bức thư của thông tín viên Đức ở Niu-Óóc kêu gọi Hội đồng can thiệp vào công việc và cố gắng khuyên Hi-um và Gie-xép đừng tham gia vào phong trào đó". Hội đồng đã ra quyết định đề nghị tiếp tục thông tin về thực chất của vấn đề (xem "Tổng Hội đồng của Quốc tế I. 1868-1870", tr. 163). - *748.*

625 Đây muốn nói đến cuộc mít-tinh quần chúng ngày 23 tháng Giêng 1871 ở quảng trường Tơ-ra-phan-ga; nhân danh công nhân, cuộc mít - tinh này đã yêu cầu chính phủ Anh đòi Phổ chấm dứt cuộc chiến tranh chống Cộng hòa Pháp. - *751.*

626 Đây muốn nói đến "Tuyên ngôn về các nguyên tắc của luật hàng hải quốc tế" kèm theo Hòa ước Pa-ri năm 1856, mà các cường quốc châu Âu ký kết sau khi chiến tranh Crum kết thúc. - *752.*

627 Trong bài diễn văn đọc tại cuộc mít-tinh ở Luân Đôn ngày 4 tháng Bảy 1867, Bi-đơ-li đã lên án thói giả dối của giai cấp tư sản Anh, kẻ đã hãm hại thủ lĩnh công liên Brốt-hét,

nhân những sự rối loạn do việc sử dụng những kẻ phá hoại bãi công trong thời gian cuộc bãi công ở Sép-phin mùa thu năm 1866, gây ra.- *753.*

628 Sau thất bại ở Lơ-man ngày 10-12 tháng Giêng 1871, đạo quân mới thành lập của tướng Săng-di đã rút lui với những tổn thất đáng kể. - *754.*

629 Cuộc hội nghị ngày 5 tháng Giêng 1871, trong gian phòng khách sạn ở Ken-nôn-xtơ-rít, dưới sự chủ tọa của luật sư Gi.Me-ri-men, đã kêu gọi chính phủ Anh đòi chấm dứt chiến tranh giữa Phổ và Pháp, và thừa nhận Cộng hòa Pháp. - *758.*

630 Đây muốn nói đến cuộc biểu tình quy mô lớn ở Luân Đôn vào tháng Sáu - tháng Bảy 1855 nhân việc nghị viện quyết định hạn chế giờ làm việc của các quán bia vào các ngày chủ nhật. - *759.*

631 Lời phát biểu của Mác tại phiên họp của Tổng Hội đồng của Quốc tế I ngày 25 tháng Tư 1871 trước đây chỉ được công bố một phần (xem Toàn tập, t. 17, 1994, tr. 823-825); ở đây nó được công bố toàn văn có tính đến trang mới tìm được cách đây không lâu của sổ biên bản. Trong chú thích cuối trang nêu những chỗ khác nhau quan trọng nhất của biên bản viết tay với văn bản trong bài tường thuật về phiên họp đó trên báo "Eastern Post" số 135, ngày 29 tháng Tư 1871.- *770.*

632 Đây muốn nói đến những bức thư của Ô. Xéc-rai-ơ đề ngày 12 và 15 tháng Tư 1871 nhận được ở Luân Đôn ngày 23 tháng Tư. - *771.*

633 Tại phiên họp trước, ngày 18 tháng Tư 1871, nhân bức điện xuất hiện trên báo chí Anh về việc Tô-lanh bị khai trừ khỏi Quốc tế, Tổng Hội đồng ra quyết định, nếu tin ấy là chính xác thì sẽ công bố nghị quyết khẳng định quyết định của Hội đồng liên chi hội Pa-ri. Bản nghị quyết bằng tiếng Anh của Tổng Hội đồng còn lưu giữ được dưới dạng bản viết tay của Ph.Ăng-ghen với một số chỗ sửa của C.Mác (xem Toàn tập, t. 17, 1994, tr. 406). - *772.*

634 Mác thực hiện nhiệm vụ được giao này trong bức thư gửi L. Phran-ken khoảng ngày 20 tháng Tư 1871 (xem Toàn tập, t. 33, 1997, tr. 293-295). - *773.*

635 Pôn-La-phác-gơ ở Pa-ri từ ngày 6 đến ngày 12 tháng Tư 1871. - *773.*

636 Ăng-ghen ủng hộ đề nghị của I-ung về việc cử một phái đoàn của Tổng Hội đồng đến dự lễ kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Rô-bớc Ô-oen, ấn định vào ngày 16 tháng Năm 1871 tại hội trường Phri-mê-xôn-xơ ở Luân Đôn.- *776.*

637 Mốt-tơ-xhết phản đối việc tham dự lễ kỷ niệm, nên ông đã tuyên bố rằng: "Ô-oen tuyệt nhiên không đặc sắc như, xem ra, Ăng-ghen quan niệm: ông vay mượn chủ nghĩa

xã hội ở những nhà văn Pháp cũ, còn những tư tưởng tôn giáo của mình thì ông vay mượn của Lốc-cơ" ("Tổng Hội đồng của Quốc tế I. 1870-1871", tr. 136). Ngoài ra, Mốt-tơ-xhết gán cho Ăng-ghen là đã khẳng định rằng tuồng như "tất cả mọi người xã hội chủ nghĩa đều là những người theo phái Hiến chương". - *776.*

638 Trong biên bản phiên họp của Tổng Hội đồng ngày 20 tháng Sáu 1871, lời phát biểu này của Mác được phản ánh như sau: "Sau đó ông M á c đề nghị gửi thư đến báo "Examiner" và báo "Spectator" vạch trần những bản tuyên ngôn hình như do chi hội Pa-ri của Quốc tế công bố. Tất cả những bản tuyên ngôn ấy là những tài liệu giả, do cảnh sát Véc-xây bịa ra" ("Tổng Hội đồng của Quốc tế I. 1870-1871", tr. 159). Bức thư do Ăng-ghen soạn nhân danh Tổng Hội đồng, không xuất hiện trong những báo được nhắc đến và đến với chúng ta dưới dạng bản nháp viết tay (xem Toàn tập, t. 17, 1994, tr. 499). - *778.*

639 Bài ghi cuộc nói chuyện của C.Mác với R. Lan-do - phóng viên ở Luân Đôn của báo "World" - trước đây đã được công bố bằng tiếng Nga (xem Toàn tập, t. 17, 1994, tr. 832-838), theo bản rút ngắn đăng trong tờ "Woodhull and Claflin's Weekly", cơ quan ngôn luận của các chi hội Mỹ của Quốc tế số 13/65, ngày 12 tháng Tám 1871. Nó được in toàn văn bằng tiếng Nga lần đầu trong tạp chí "Ở nước ngoài" số 45, năm 1972.- *779.*

640 Đó là một thổ ngữ Anh-Đức độc đáo; tác phẩm hài hước "Diễn ca Han-xơ Brai-tơ-man" của nhà văn Mỹ Sác-lơ Gốt-phri Li-lôn-đơ (1824-1903) được viết bằng thổ ngữ này. - *779.*

641 Trong bản ghi của phóng viên có chỗ không chính xác: mùa xuân năm 1871 ở Bắc-xê-lô-na diễn ra cuộc bãi công của thợ dệt, còn cuộc bãi công của công nhân sản xuất xi-gà lúc bấy giờ thì diễn ra ở Ăng-ve. - *783.*

642 *Đồng minh ruộng đất và lao động* - tổ chức quần chúng của công nhân Anh, được thành lập vào mùa thu 1869 với sự tham gia trực tiếp của Mác, ông coi tổ chức này là một trong những con đường tiến tới cách mạng hóa giai cấp vô sản Anh. - *784.*

643 Theo ý kiến của giới cầm quyền Đệ chế thứ hai ở Pháp, cuộc trưng cầu ý dân được công bố vào mùa xuân năm 1870 ắt phải củng cố sự cai trị của Na-pô-lê-ông III đã lung lay do sự khủng hoảng toàn bộ hệ thống của Bô-na-pác-tơ. Đồng thời với lời kêu gọi mị dân ấy đối với quần chúng nhân dân, chủ yếu là nông dân, người ta đã tiến hành những cuộc đàn áp phong trào vô sản và phong trào cộng hòa cánh tả. - *784.*

644 Lời phát biểu của Mác trong buổi khai mạc Hội nghị Luân Đôn của Quốc tế (ngày 17-23 tháng Chín 1871) được công bố trước đây trong Toàn tập (t. 17, 1994, tr. 845-846) theo bản ghi biên bản bằng tiếng Pháp. Ở đây, bài ấy được công bố theo bản tiếng Anh

do Éch-ca-ri-út ghi. Hai bản ghi bổ sung cho nhau. - *793.*

645 Hội nghị Luân Đôn được triệu tập trong hoàn cảnh cảnh sát khủng bố và truy bức các thành viên của Quốc tế, hội nghị mang tính chất bí mật và diễn ra trong phòng kín. Thế nhưng những tin tức về hội nghị đã lọt vào báo chí: trên báo "Scottsman" ngày 2 tháng Mười 1871 đã xuất hiện bài viết của Éch-ca-ri-út - được một loạt báo Âu, Mỹ đăng lại - trình bày diễn biến các phiên họp của hội nghị và những nghị quyết quan trọng nhất của nó; còn báo "Qui Vive!" ở Luân Đôn (số 31-32 ngày 7 và 8 tháng Mười một 1871) ngay trước khi các nghị quyết của hội nghị được chính thức công bố, đã đăng những nghị quyết ấy do một người thợ sắp chữ cung cấp bí mật. - *794.*

646 Dây muốn nói đến bài phát biểu của Ăng-ghen tại phiên họp của Tổng Hội đồng ngày 19 tháng Chạp 1871. Trong sổ biên bản, lời ghi bài phát biểu này là chính xác (xem "Tổng Hội đồng của Quốc tế I. 1871-1872", tr. 33). - *797.*

647 Tại phiên họp của Tổng Hội đồng ngày 19 tháng Chạp 1871, Mác thông báo về tình hình ở Đức, Mỹ, Thụy Sĩ và Anh. Đoạn trong thông báo có liên quan đến thái độ của chính phủ Anh đối với các chiến sĩ Công xã lưu vong, được đăng bằng tiếng Pháp trên báo "Égalité" số 1, ngày 10 tháng Giêng 1872 và bằng tiếng Đức trên báo "Tagwacht" số 3, ngày 20 tháng Giêng 1872. Một số chỗ trong thông báo này cũng được dẫn ra trong bài tin nước ngoài của báo "Tin tức ngày nay" ở Mát-xcơ-va, số 7, ngày 21 (8) tháng Giêng 1872. -*798.*

648 Biên bản các phiên họp của Đại hội La Hay của Quốc tế I (ngày 2-7 tháng Chín 1872) còn lưu được dưới dạng bản sao có thị thực của Ph. T. Cu-nô sao lại văn bản bằng tiếng Đức đã được Ph.A. Doóc-gơ xử lý trên cơ sở bản ghi của chính mình, và còn lưu được dưới dạng lời ghi - nhiều chỗ mang tính chất bản nháp - của thư ký Pháp Lơ Mút-xuy. Vì các thư ký mãi ngày 3 tháng Chín mới được bầu, nên ba phiên họp đầu của đại hội không được phản ánh trong bản viết tay của Lơ Mút-xuy. Bài phát biểu của Mác ngày 2 tháng Chín 1872 chỉ còn lưu được trong hai bản ghi của N. Giu-cốp-xki - thuộc phái Ba-cu-nin - mà giấy ủy nhiệm tư cách đại biểu của ông ta không được đại hội chuẩn y. Bốn bài phát biểu của Mác và một bài phát biểu của Ăng-ghen, do Doóc-gơ ghi, được công bố trong Toàn tập, t. 18, 1995, tr. 891-900.- *805.*

649 Những đại biểu Tây Ban Nha thuộc phái Ba-cu-nin căn cứ vào những giấy ủy nhiệm có tính chất mệnh lệnh đã yêu cầu, khi biểu quyết tại đại hội, nên tính số thành viên của tổ chức đã bầu đại biểu, chứ không phải tính phiếu của mỗi đại biểu. Yêu cầu này đã bị đại hội bác bỏ.- *806.*

650 Tiếp theo trong bản ghi của Doóc-gơ là: "Ghi-ôm ngắt lời diễn giả: Điều đó không đúng". - *807.*

651 Bài phát biểu của Mác về thẩm quyền của Tổng Hội đồng được công bố trước đây trong Toàn tập (t. 18, 1995, tr. 896-898) theo bản ghi bằng tiếng Đức của Doóc-gơ. Ở đây nó được in theo bản ghi của Lơ Mút-xuy bằng tiếng Pháp. - *810.*

652 Bản ghi vắn tắt lời phát biểu của Mác ngày 8 tháng Chín 1872 ở Am-xtéc-đam được công bố trong bài tường thuật về cuộc mít-tinh trên báo Hà Lan "Algemeen Handelsblad". Bản ghi đầy đủ hơn, của phóng viên đã được tác giả đọc soát, được công bố trên báo "Liberté" và báo "Volksstaat" được in ở Toàn tập, t.18, 1995, tr. 217-220. - *813.*

653 Đây muốn nói đến cuộc gặp gỡ của các hoàng đế Đức, Áo - Hung và Nga ở Béc-lin vào tháng Chín 1872, hòng khôi phục khối liên minh phản động của những quốc gia này; đặc biệt, tại cuộc gặp gỡ người ta đã thảo luận vấn đề phối hợp đấu tranh chống phong trào cách mạng. - *814.*

654 Trong tiến trình tuyên truyền các nghị quyết của Đại hội La Hay ở Anh, Mác và Ăng-ghen đã nhiều lần phải đập lại những lời công kích vu khống của Giôn Hây-đơ-nguyên thư ký Tổng Hội đồng; sau khi chuyển sang lập trường cải lương, ông này đã câu kết một cách vô nguyên tắc với thiểu số bè phái vô chính phủ trong đại hội, đã gây phân liệt trong Liên chi hội Anh, và ngày 26 tháng Giêng đã triệu tập được ở Luân Đôn một đại hội riêng rẽ của những chi hội đã tách ra.

Cuộc đấu tranh không khoan nhượng của Mác và Ăng-ghen, với tư cách những người lãnh đạo tổ chức vô sản quốc tế chống các phần tử cải lương trong các chi hội Anh của Quốc tế, lúc đó được phản ánh trong một loạt tài liệu, trước hết là trong "Thư gửi ông chủ bút báo "International Herald"" và trong những lời kêu gọi của Chi hội người nước ngoài ở Man-se-xtơ và của Hội đồng liên chi hội Anh (xem Toàn tập, t. 18, 1995, tr. 264-282).

Hai bức thư công bố ở tập này gửi ban biên tập các báo Luân Đôn, một bức do Ph. Le-xnơ soạn thảo với sự tham gia của Mác, bức kia do X. Vi-kê-ri soạn thảo với sự tham gia của Ăng-ghen; mô tả những phương diện và chi tiết cụ thể hơn của cuộc bút chiến này. - *817, 824.*

655 Tại Đại hội Man-se-xtơ của Liên chi hội Anh, ngày 1-2 tháng Sáu 1873, có mặt 26 đại biểu của 23 chi hội thừa nhận các nghị quyết của Đại hội La Hay năm 1872. Đại hội đã thông qua nghị quyết về củng cố tổ chức và tăng cường tuyên truyền, đã nhấn mạnh cần

xây dựng đảng chính trị độc lập của giai cấp vô sản, chủ trương xã hội hóa ruộng đất và tất cả mọi tư liệu sản xuất và khẳng định lòng trung thành của mình đối với chủ nghĩa quốc tế vô sản; trước đó đại hội đã tặng Liên chi hội Anh lá cờ đỏ của Hội liên hiệp công nhân quốc tế. - *829.*

656 Để thực hiện nghị quyết của Đại hội La Hay về việc thành lập liên hiệp công đoàn quốc tế, Hội đồng liên chi hội Anh đã cử ra một ủy ban gồm những ủy viên của mình để chuẩn bị vấn đề. Sau thông báo thứ nhất của ủy ban tại phiên họp của Hội đồng liên chi hội Anh ngày 24 tháng Tư, việc soạn thảo lời kêu gọi tương ứng gửi các hội nghề nghiệp Anh đã được giao cho M. Ba-ri-e và E. Duy-pông. Ph. Ăng-ghen đã tham gia trực tiếp vào việc biên soạn văn kiện mà các phiên họp của Tổng Hội đồng ngày 1 và 8 tháng Năm 1873 đã nghe đọc và nhất trí tán thành. Lời kêu gọi đã nêu rõ vai trò của các công đoàn trong quá trình hình thành Hội liên hiệp công nhân quốc tế và trong những thời điểm khác nhau trong lịch sử của nó, cũng như đã đề ra những nhiệm vụ được đặt ra cho công đoàn trong giai đoạn phát triển mới của phong trào công nhân quốc tế sau Đại hội La Hay. - *830.*

BẢN CHỈ DẪN TÊN NGƯỜI

A

A-ba-xơ I (1571-1629) - quốc vương I-ran (1587-1629), thuộc triều đại Xe-phe-vít.- 480.

A-be-lơ (Abeele). Hăng-ri *van đen* (sinh 1847) - người Bỉ, theo chủ nghĩa vô chính phủ, thương gia; bị khai trừ khỏi Quốc tế theo quyết định của Tổng Hội đồng ngày 30 tháng Năm 1873.- 670.

A-bớc-đin (Aberdeen), Giooc-giơ Gooc-đơn, bá tước (1784-1860) - nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên đảng To-ri, từ năm 1850 là thủ lĩnh phái Pin, bộ trưởng ngoại giao (1828-1830, 1841-1846) và thủ tướng chính phủ liên hiệp (1852-1855).- 390.

A-bu (About), Ét-mông (1828-1885) - nhà báo Pháp, người theo phái Bô-na-pác-tơ.- 465.

A-đôn-phơ Phrê- đrích (1710-1771) - quốc vương Thụy Điển (1751-1771), thuộc triều đại Hôn-stai-nơ-Gốt-toóc-pơ.- 494.

A-đơ (Adair). Rô-béc-tơ (1763-1855) - nhà ngoại giao Anh, phụ tá của S.Gi. Phốc-xơ.- 382.

A-đri-an, Pu-bli E-li (76-138) - hoàng đế La Mã (117-138).- 216.

A-ga-khan Nu-ri, thân vương - người đứng đầu chính phủ dưới thời quốc vương Ba Tư Na-xrơ-E-đơ-Đin (từ năm 1852).- 367.

A-giê-ne (Agénais) - công nhân Pháp, theo phái cộng hòa.- 444-445.

A-gríp-pa (Mác-cơ Víp-xa-ni A-gríp-pa) (khoảng 63 - 12 trước công nguyên) - vị tướng và nhà hoạt động nhà nước La Mã kiệt xuất, từ năm 21 trước công nguyên là người cùng cầm quyền với Ô-guy-xtơ.- 405.

A-khmét-sắc Đua-ra-ni (1724-1773)- quốc vương Áp-ga-ni-xtan (1747-1773), người sáng lập nhà nước Áp-ga-ni-xtan và triều đại Đua-ra-ni.- 361.

A-len (Allen), Gioóc-giơ - phần tử cấp tiến tư sản Mỹ.- 630-631.

A-lếch-xan-đrơ I (1777-1825) - hoàng đế Nga (1801-1825).- 362, 420, 503, 505. 508. 509.

A-lếch-xan-đrơ VI (khoảng 1431-1503) (tên tục là Rô-đri-gô Boóc-gia) - giáo hoàng La Mã (1492-1503).- 395.

A-lếch-xan-đrơ Ma-xê-đoan (356-323 trước công nguyên)- vị thống soái nổi tiếng và nhà hoạt động nhà nước của thế giới Cổ đại.- 417.

A-li-pa-sa I-a-nin-xki (hay là Te-pe-len-xki) (1744-1822) - trên thực tế là nhà cầm quyền độc lập (từ 1787) các vùng đất An-ba-ni và Hy Lạp thuộc Thổ Nhĩ Kỳ.- 508.

A-lơ-măng (Allement), Lu-i.- 567.

A-ma-li-a, công chúa xứ *Ôn-đen-buốc* (1818-1875) - hoàng hậu Hy Lạp, vợ của Ốt-tôn I.- 286.

A-ma-ran-te - xem *Sa-vi-sơ*.

A-plơ-gác (Applegarth), Rê-bốc (1833-1925)- một trong những lãnh tụ của phong trào công liên Anh, thợ làm đồ gỗ hồng sắc; tổng thư ký Hội liên hiệp thợ mộc (1862-1871); ủy viên Hội đồng công liên Luân Đôn, ủy viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1865, 1868-1872); sau này đã rời khỏi phong trào công nhân.- 571, 593, 596.

A-prắc-xin, Phê-đo Mát-vê-ê-vích, bá tước (1661-1728) - đô đốc Nga, bạn chiến đấu của Pi-ốt I.- 406.

A-ri-phơ Hích-mét-bây (sinh 1786) - nhà hoạt động nhà nước Thổ Nhĩ Kỳ, từ 1846 đến tháng Ba 1854 là người giảng kinh Cô-ran (đại công cáo, đại luật sĩ) trong đạo Hồi.- 286.

Ác-đen (Ardin), Ăng-toan (mất sau năm 1898)- công nhân Thụy Sĩ, chủ tịch Hội những người đóng xe và thợ rèn tham gia Quốc tế; thành viên chi hội Giơ-ne-vơ của Quốc tế "Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa".- 566.

Ác-nôn (Arnold).- 292.

Am-xtơ-rông (Armstrong), Uy-li-am Gioóc-giơ (1810-1900) - nhà phát minh và chủ xưởng Anh, người chế tạo ra đại bác có rãnh xoắn.- 521, 526.

An-ba (Alba), Phéc-nan-đô An-va-rét, công tước (1507-1582) - vị thống soái và nhà hoạt động nhà nước Tây Ban Nha, trong những năm 1567-1573 là thống đốc Hà Lan.- 414.

An-be (Albert) (tên thật là A-lếch-xan-đrô Mác-tanh) (1815-1895) - công nhân Pháp, một trong những người lãnh đạo các hội cách mạng bí mật trong thời kỳ nền quân chủ tháng Bảy, năm 1848 là thành viên Chính phủ lâm thời.- 71, 73, 89.

An-be-rô-ni (Alberoni), Giu-li-ô (1664-1752) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Tây Ban Nha; gốc người I-ta-li-a; hồng y giáo chủ và tể tướng triều đình Tây Ban Nha (1717-1719), trên thực tế là người cai trị đất nước; năm 1719 bị trục xuất khỏi Tây Ban Nha.- 490, 491.

An-brếch III A-khin-lét (1414-1486) - công tước vùng An-xbắc (từ năm 1440), tuyển đế hầu Bran-đen-buốc (1470-1486).- 332.

An-brếch Bran-đen-buốc (1490-1568) - đại đầu lĩnh cuối cùng của đoàn hiệp sĩ Tơ-tông, vị công tước đầu tiên của Phổ (từ năm 1525).- 335.

An-brếch Gấu, bá tước Phôn *Ba-len-stết* (khoảng 1100-1170) - quận vương đầu tiên của Bran-đen-buốc (từ năm 1150).- 327.

An-brếch-Phri-đrích (1553-1618) - công tước Phổ (1568-1618).- 332-337.

An-bu-kéc-cơ (Albuquerque), công tước (mất năm 1811) - vị tướng Tây Ban Nha, tham gia cuộc chiến tranh giành độc lập của Tây Ban Nha, năm 1811 là đại sứ của Tây Ban Nha ở Luân Đôn.- 299, 301.

An-na - xem *An-na Áo*.

An-na (1576-1625) - con gái của công tước Phổ An-brếch-Phri-đrích, vợ (từ năm 1594) của tuyển đế hầu Bran-đen-buốc I-ô-han Xi-ghi-dơ-mun-đơ.- 334-336.

An-na (1665-1714) - nữ hoàng Anh (1702-1714).- 488.

An-na Áo (1601-1666) - hoàng hậu Pháp, vợ của Lu-i XIII, quan nhiếp chính (1643-1661) thời Lu-i XIV; con gái của Phi-líp III - vua Tây Ban Nha.- 481, 482.

An-na I-va-nốp-na (1693-1740) - nữ hoàng Nga (1730-1740).- 492, 493.

An-na Pe-tơ-rốp-na (1708-1728) - con gái của Pi-ốt I, từ năm 1725 là vợ của Các-lơ I, nữ công tước vùng Hôn-stai-nơ Gốt-toóc-pơ, mẹ của Pi-ốt III.- 491.

An-tô-ni-út (Mác-cút An-tô-ni-út) (khoảng 83-30 trước công nguyên) - nhà hoạt động chính trị và vị thống soái La Mã.- 404-405.

An-xơn (Anson), Giooc-giơ, nam tước (1697-1762) - đô đốc Anh, bộ trưởng Hải quân (1751-1756, 1757-1762), tham gia cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế ngai vàng Áo (1740-1748); thi hành cuộc cải cách hạm đội Anh.- 495.

Áp-đun Mét-gít (1823-1861) - hoàng đế Thổ Nhĩ Kỳ (1839-1861).- 286, 296, 436.

Át-vút (Uttwood), Sác-lơ - nhà hoạt động xã hội Anh, theo phái Uốc-các-tơ.- 321.

Át-xi (Assi), A-đôn-phơ An-phông-xơ (1840-1886) - nhà hoạt động của phong trào công nhân Pháp; người ủng hộ Ga-ri-ban-đi, thợ cơ khí, tham gia và tổ chức cuộc bãi công ở Crê-đô (1870); bị đưa ra tòa trong vụ xử lần thứ ba các chi hội Pa-ri của Quốc tế; ủy viên Ban chấp hành trung ương đội vệ binh quốc gia và Công xã Pa-ri.- 595.

Au-gu-xtơ Dắc-den - xem *Au-gu-xtơ II Hùng Mạnh*.

Au-gu-xtơ Dắc-den, công tước (1614-1680) - người cầm quyền giáo phận Mác-đơ-buốc (từ năm 1628).- 341.

Au-gu-xtơ II Hùng Mạnh (1670-1733) - quốc vương Ba Lan (1697-1706 và 1709-1733) và tuyển đế hầu vùng Dắc-den với tên gọi Phri-đrích - Au-gu-xtơ I (1694-1733).- 342, 490, 492.

Au-gu-xtơ III Dắc-den (1696-1763) - con trai của Au-gu-xtơ II Hùng Mạnh; quốc vương Ba Lan (1734-1763) và tuyển đế hầu vùng Dắc-den (từ năm 1733) với tên gọi Phri-đrích - Au-gu-xtơ II.- 399, 492, 494, 498.

Au-gu-xtơ III (Dắc-den) - xem *Phri-đrích Au-gu-xtơ I*.

Ăng-ghen (Engels), Phri-đrích (1820-1895) (tư liệu tiểu sử).- 21, 27, 36, 38, 42, 48-51, 56, 62-65, 418, 520, 530, 543, 591, 596, 599, 601, 653, 659, 673, 676, 684, 713, 714, 720-724, 728-732, 751-753, 757, 767, 768, 776, 777, 791-792, 797, 803-809, 816-821.

Ăng-gu-lêm (Angoulême), Sác-lơ đơ Va-loa, quận công (1573-1650)- con trai ngoài giá thú của Sác-lơ IX, phục vụ trong quân đội của Lu-i XIII.- 481.

B

Ba-cu-nin, Mi-kha-in A-lếch-xan-đrô-vích (1814-1876) - nhà cách mạng và nhà chính luận Nga, người tham gia cuộc cách mạng những năm 1848-1849 ở Đức; theo phái Dân túy, một trong những nhà tư tưởng của chủ nghĩa vô chính phủ trong Quốc tế, kẻ thù điên cuồng chống chủ nghĩa Mác, bị khai trừ khỏi Quốc tế tại Đại hội La Hay năm 1872 vì hoạt động chia rẽ.- 566, 589, 653, 661-665, 669, 688, 689-690, 709, 801.

Ba-cu-nin-na. An-tô-ni-na Cxa-ve-ri-ép-na (nguyên họ là Cvi-át-cốp-xcai-a) (khoảng 1840-1887) - vợ của M.A.Ba-cu-nin.- 566.

Ba-đanh-ghê - xem *Na-pô-lê-ông III*.

Ba-đen, công tước - xem *Lê-ô-pôn*.

Ba-kê (Baquet), Giô-dép.- 567.

Ba-ne-rơ (Baner), I-ô-khan (1596-1641) - vị tướng Thụy Điển, người tham gia cuộc Chiến tranh 30 năm (1618-1648).- 339.

Ba-ra (Bara), Giuy-lơ (1835-1900) - nhà hoạt động nhà nước Bỉ, đảng viên đảng tự do, bộ trưởng tư pháp (1865-1870, 1878-1884).- 743.

Ba-ra-ghê đ'I-li-ê (Baraguay d'Illilliers), A-si-lơ (1795-1878) - nhà hoạt động quân sự và chính trị Pháp, từ năm 1854 là thống chế; người theo phái Bô-na-pác-tơ; đại sứ ở Công-xtăng-ti-nô-plơ (1853-1854); năm 1854 chỉ huy đội quân viễn chinh ở biển Ban-tích.- 295.

Ba-ri (Barry), Man-tơ-man (1842-1909) - nhà báo Anh, người theo chủ nghĩa xã hội, thành viên Quốc tế, đại biểu dự Đại hội La Hay (1872), ủy viên Tổng Hội đồng (1871-1872) và ủy viên Hội đồng liên chi hội Anh (1872-1874), ủng hộ Mác và Ăng-ghen trong cuộc đấu tranh của hai ông chống phái Ba-cu-nin và các nhà hoạt động công liên Anh theo chủ nghĩa cải lương.- 676, 839.

Ba-rô (Barrot), Ô-đi-lông (1791-1873) - nhà hoạt động chính trị tư sản Pháp; trong thời gian tháng Chạp 1848- tháng Mười 1849 đứng đầu nội các dựa vào khối phản cách mạng gồm các phe phái theo chủ nghĩa quân chủ; sau khi từ nhiệm khỏi nội các tháng Mười một 1849 đã rời bỏ hoạt động chính trị.- 452.

Ba-rô-sơ (Baroche), Pi-e Giuy-lơ (1802-1870) - nhà hoạt động chính trị Pháp, nhà luật học; trong thời kỳ Cộng hòa thứ hai là đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, người đại diện cho đảng Trật tự; tham gia một loạt nội các trước và sau cuộc đảo chính năm 1851, người theo phái Bô-na-pác-tơ.- 38.

Ba-xi (Bassi), U-gô (1801-1849) - nhà cách mạng I-ta-li-a, nhà dân chủ tư sản, tham gia cuộc cách mạng 1848-1849, bị người Áo xử bắn.- 609.

Ba-xti-a (Bastiat), Phrê-đê-rích (1801-1850) - nhà kinh tế học tầm thường Pháp, người truyền bá lý thuyết hòa hợp các lợi ích giai cấp trong xã hội tư sản.- 261.

Bác-be (Barbès), Ác-măng (1809-1870) - nhà cách mạng Pháp, nhà dân chủ tiểu tư sản,

một trong những người lãnh đạo các hội cách mạng bí mật trong thời kỳ nền Quân chủ tháng Bảy, người hoạt động tích cực trong cuộc cách mạng năm 1848.- 35, 38.

Bác-clai-đơ-Tô-li, Mi-kha-in Bô-gđa-nô-vích (1761-1818) - vị thống lĩnh và nhà hoạt động quân sự Nga nổi tiếng, từ năm 1814 là thống soái; tham gia các cuộc chiến tranh chống Pháp thời Na-pô-lê-ông, bộ trưởng chiến tranh (1810-1812), chỉ huy một trong các đạo quân Nga trong thời gian Chiến tranh vệ quốc năm 1812.- 418-420.

Bác-ni (Barni), Giuy-lơ (1818-1878) - nhà hoạt động chính trị Pháp, nhà triết học duy tâm, một trong những người tổ chức Đồng minh hòa bình và tự do; từ năm 1872 là nghị sĩ.- 452.

Bác-tê-lê-mi-Xanh-I-le-rơ (Barthélemy-Sainte-Hilere), Giuy-lơ (1805-1895) - nhà triết học và nhà hoạt động chính trị Pháp, người theo phái cộng hòa tư sản ôn hòa, đại biểu Quốc hội năm 1871, bộ trưởng ngoại giao (1880-1881).- 452.

Bác-tê-ne-va, Ê-ca-tê-ri-na Gri-gô-ri-ép-na (1843-1914) - nhà nữ cách mạng và nhà chính luận Nga, thành viên nhóm khởi xướng Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa; năm 1869 đoạn tuyệt với phái Ba-cu-nin, tham gia thành lập chi hội Nga của Quốc tế I, tích cực đấu tranh chống hoạt động chia rẽ của phái Ba-cu-nin; tham gia đại hội thứ nhất của Quốc tế II (1889) ở Pa-ri, vợ của V.I. Bác-tê-nép.- 566.

Bác-tê-nép, Vích-to I-va-nô-vích (bí danh A-lếch-xê-ép, Ni-e-tốp) (sinh năm 1838) - sĩ quan Nga, đồng tình với cuộc khởi nghĩa Ba Lan năm 1863 và chẳng bao lâu sau đó đã từ chức; năm 1867 di cư sang Thụy Sĩ, thành viên nhóm khởi xướng Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa; năm 1869 đoạn tuyệt với phái Ba-cu-nin; ủy viên ủy ban chi hội Nga của Quốc tế ở Giơ-ne-vơ, tích cực tham gia cuộc đấu tranh chống hoạt động chia rẽ của phái Ba-cu-nin.- 567.

Ban-cơ-xơ (Banks), Tê-ô-đo - ủy viên Ủy ban trung ương các chi hội Bắc Mỹ của Quốc tế (1871), làm nghề thợ sơn, giữ lập trường cấp tiến tư sản.- 629, 630-631.

Bau-ơ (Bauer), Bru-nô (1809-1882) - nhà triết học duy tâm Đức, một trong những người nổi tiếng nhất trong phái Hê-ghen trẻ, phần tử cấp tiến tư sản; sau năm 1866 là phần tử tự do dân tộc; tác giả một số công trình nghiên cứu lịch sử đạo Cơ Đốc.- 373, 391.

Bau-ơ (Bauer), Hen-rích - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Đức, một trong những người lãnh đạo Liên đoàn những người chính nghĩa, ủy viên Ủy

ban trung ương Liên đoàn những người cộng sản; làm nghề thợ giày; năm 1851 di cư sang Ô-xtơ-rây-li-a.- 103, 715, 716, 729.

Bắt-lơ (Butler). Ben-gia-min Phran-clin (1818-1893) - nhà hoạt động chính trị Mỹ, thành viên cánh tả đảng cộng hòa, trong thời gian Nội chiến ở Hợp chúng quốc Mỹ chỉ huy quân đội viễn chinh đánh chiếm Tân Oóc-lê-ăng.- 766.

Bây-éc-le (Beyerle) - kiều dân Đức ở Luân Đôn. 725.

Bây-rno (Bairn). Đa-vít - sĩ quan Anh.- 433.

Be-ren-spơ-rung (Baerensprung)- người đứng đầu cơ quan cảnh sát Phổ ở Pô-đơ-nan trong những năm 50 thế kỷ XIX.- 471-472.

Be-ri (Berry). Ma-ri-a Ca-rô-li-na Phéc-đi-năng Lu-i-đơ, nữ công tước (1798-1870) - mẹ của bá tước Sam-boóc; năm 1832 mưu toan dấy lên cuộc khởi nghĩa ở Van-đây nhằm lật đổ Lu-i-Phi-líp.- 440.

Be-ri (Berry). Sác-lơ Phéc-đi-năng, công tước (1686-1714) - cháu trai của Lu-i XIV; từ năm 1710 lấy vợ là Ma-ri-a Lu-i-đơ, con gái Phi-líp Oóc-lê-ăng.- 488-489.

Be-ri-ê (Berryer). Pi-e Ăng-toan (1790-1868) - luật sư và nhà hoạt động chính trị Pháp, người theo chủ nghĩa chính thống.- 451.

Béc-mơ-bắc (Bermbach). A-đôn-phơ (1821-1875) - nhà luật học ở Khuên, thành viên Liên đoàn những người cộng sản, người làm chứng bênh vực trong vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852), thông tín viên của Mác, về sau là phần tử tự do chủ nghĩa.- 734.

Béc-na (Bernard), Ma-ri - công nhân quét sơn Bỉ; ủy viên Tổng Hội đồng Quốc tế (tháng Chín 1868-1869), bí thư thông tấn về Bỉ (tháng Chín 1868 - tháng Mười một 1869).- 571.

Béc-na-đốt-tơ (Bernadotte). Giăng Ba-ti-xtơ Giuy-lơ (1763-1844) - thống chế Pháp người tham gia các cuộc chiến tranh của nước Cộng hòa Pháp và nước Pháp thời Na-pô-lê-ông; vua Thụy Điển và Na Uy dưới tên hiệu là Các-lơ XIV I-ô-han (1818-1844).- 426, 506.

Béc-ni (Bernis), Phrăng-xoa I-ô-a-khim *đơ Pi-e, đơ* (1715-1794) - nhà hoạt động nhà nước, nhà ngoại giao và nhà văn Pháp, hồng y giáo chủ (từ năm 1758), bộ trưởng ngoại giao (1757-1758).- 495.

Béc-nơ-xtoóc-phơ (Bernstorff). An-brếch, bá tước phôn (1809-1875) - nhà ngoại giao Phổ, bộ trưởng ngoại giao Phổ (1861-1862), đại sứ ở Luân Đôn (1862-1873).- 762.

Béc-ten (Bertin), Lu-i Ma-ri Ác-man (1801-1854) - nhà báo Pháp, theo phái Oóc-lê-ăng; trong những năm 1841-1854 là người xuất bản báo "Journal des Débats".- 40.

Béc-tơ-ran (Bertrand, Fr.G.) - nhà hoạt động của phong trào công nhân Mỹ, công nhân làm xì-gà; ủy viên Hội đồng liên chi hội Bắc Mỹ của Quốc tế (1872) và ủy viên ban biên tập báo "Arbeiter-Zeitung", ủy viên của Tổng Hội đồng được bầu tại Đại hội La Hay (1872).- 676, 686, 803.

Ben (Bel), An-drê (mất sau năm 1898) - công nhân Thụy Sĩ, thợ mộc, thư ký hội thợ mộc ở Giơ-ne-vơ.- 566.

Ben-li-lơ hay là *Ben-I-lơ* (Belleisle, Belle-Isle), Sác-lơ Lu-i Ô-guy-xtơ *Phu-kê*, công tước (1684-1761) - nhà quân sự và nhà ngoại giao Pháp, thống chế Pháp (từ năm 1741), từ năm 1750 - có thời gian gián đoạn - là bộ trưởng chiến tranh, tham gia cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế ngai vàng Áo (1740-1748).- 399, 495.

Ben-nét (Bennett), Gioóc-giơ - ủy viên Hội đồng liên chi hội Anh (1872-1873) do chi hội ở Ha-li-phắc bầu vào.- 839.

Ben-ních-xen, Lê-vin Au-gu-xtơ Tê-ô-phin (Lê-ôn-ti Lê-ôn-ti-ê-vích) (1745-1826) - tướng phục vụ quân đội Nga, xuất thân là người Han-nô-vơ; tham gia cuộc mưu sát Pa-ven I; tham gia cuộc chiến tranh chống Pháp thời Na-pô-lê-ông, trong cuộc Chiến tranh vệ quốc năm 1812 làm tổng tham mưu trưởng quân đội Nga.- 418, 419-420.

Bét-len (Bethlen), Ga-bo-rơ (1580-1629) - người lãnh đạo phong trào chống dòng họ Háp-xbuốc ở vương quốc Hung-ga-ri, công tước xứ Tơ-ran-xin-va-ni (1613-1629) và vua Hung-ga-ri (1620-1621).- 481

Bê-ben (Bebel), Au-gu-xtơ (1840-1913) - nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào công nhân quốc tế và phong trào công nhân Đức; làm nghề thợ tiện; từ năm 1867 lãnh đạo Liên minh các hội công nhân Đức; thành viên Quốc tế, nghị sĩ từ năm 1867; một trong những người sáng lập và lãnh đạo Đảng dân chủ-xã hội Đức, đấu tranh chống phái Lát-xan; trong cuộc chiến tranh Pháp-Phổ đứng trên quan điểm quốc tế vô sản, ủng hộ công xã Pa-ri; bạn và bạn chiến đấu của Mác và Ăng-ghen.- 587, 612, 616-617.

Bê-đô (Bédeau,J.).- 567.

Bê-răng-giê (Béranger), Pi-e Giăng (1780-1857) - nhà thơ dân chủ lớn nhất ở Pháp.- 440, 443.

Bếch-cơ (Becker), Éc-nơ-xtơ (mất sau năm 1898).- 566.

Bếch-cơ (Becker). Héc-man Hen-rich (1820-1885) - nhà luật học và nhà chính luận Đức, từ năm 1850 là thành viên Liên đoàn những người cộng sản, một trong các bị cáo trong vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852), bị kết án 5 năm tù giam; trong những năm 60 là người thuộc phái tiến bộ, sau đó là phần tử tự do dân tộc.- 733-734.

Bếch-cơ (Becker). I-ô-han Phi-líp (1809-1886) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân quốc tế và phong trào công nhân Đức; công nhân làm bàn chải; tham gia cuộc cách mạng những năm 1848-1849; người tổ chức các chi hội Đức của Quốc tế ở Thụy Sĩ, biên tập viên tạp chí "Vorbote" (1866-1871); tháng Mười 1868 là ủy viên ủy ban lâm thời Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa, song do ảnh hưởng của Mác và Ăng-ghen nên đã đoạn tuyệt với phái Ba-cu-nin; bạn và bạn chiến đấu của Mác và Ăng-ghen.- 566.

Bi-do-li (Beezly). Ét-uốt Xpen-xơ (1831-1915) - nhà sử học và nhà hoạt động chính trị Anh, phần tử cấp tiến tư sản, theo chủ nghĩa thực chứng; chủ tịch Hội nghị thành lập Quốc tế 28 tháng Chín 1864; phát biểu bênh vực Công xã Pa-ri trên báo chí Anh; có quan hệ thân thiết với Mác.- 753.

Bi-gô (Bigot). Lê-ông (1826-1872) - luật sư và nhà chính luận Pháp, theo phái cộng hòa cánh tả, sau khi Công xã bị đàn áp đứng ra làm người bào chữa cho các chiến sĩ Công xã trước tòa án quân sự Véc-xây.- 595.

Bi-xmác (Bismarck). Ốt-tô, hầu tước (1815-1898) - nhà hoạt động nhà nước Phổ và Đức, đại biểu của giới địa chủ Phổ, đại sứ ở Pê-téc-bua (1859-1862) và ở Pa-ri (1862); thủ tướng Phổ (1862-1872 và 1873-1890), thủ tướng Hiệp bang Bắc Đức (1867-1871) và đế quốc Đức (1871-1890); kẻ thù điên cuồng của phong trào công nhân.- 681, 710, 737, 755, 760-764.

Blát (Blood). Giây-xơ - phần tử cấp tiến tư sản Mỹ.- 631.

Blăng (Blanc). An-drê - thành viên chi hội Quốc tế ở Li-ông.- 573.

Blăng (Blanc). Ga-xpác - người Pháp theo phái Ba-cu-nin, làm đội trưởng bảo dưỡng đường; người tham gia cuộc khởi nghĩa năm 1870 ở Li-ông; sau khi Công xã Pa-ri bị đàn áp, hành động như một người theo phái Bô-na-pác-tơ.- 665.

Blăng (Blanc). Lu-i (1811-1882) - nhà xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản, nhà sử học Pháp; năm 1848 là ủy viên Chính phủ lâm thời và chủ tịch ủy ban Lúc-xăm-buốc; đứng trên lập trường thỏa hiệp với giai cấp tư sản; tháng Tám 1848 di cư sang Anh; đại

biểu Quốc hội năm 1871, phản đối Công xã Pa-ri.- 71. 73. 86. 89. 229. 233-234. 236-237.

Blăng-ki (Blanqui). A-đôn-phơ (1798-1854) - nhà kinh tế học tư sản Pháp và nhà sử học nghiên cứu lịch sử các học thuyết kinh tế.- 219.

Blăng-ki (Blanqui). Lu-i Ô-guy-xtơ (1805-1881)- nhà cách mạng Pháp, người theo chủ nghĩa cộng sản không tưởng, người tổ chức một số hội bí mật và các vụ âm mưu, tham gia tích cực các cuộc cách mạng năm 1830 và 1848, người lãnh đạo rất nổi tiếng của phong trào vô sản ở Pháp, nhiều lần bị kết án tù giam.- 25. 35. 38. 667. 685.

Blăng-sa-rơ (Blanchard, D.A.) (mất năm 1869) - chủ nhà in ở Giơ-ne-vơ, thành viên Quốc tế.- 566.

Blin-đơ (Blind). Các-lơ (1826 - 1907) - nhà báo Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, người tham gia phong trào cách mạng ở Ba-đen trong những năm 1848-1849, trong những năm 50 là một trong các lãnh tụ giới kiều dân tiểu tư sản Đức ở Luân Đôn, về sau là phần tử tự do dân tộc.- 65, 715.

Bluy-khơ (Blücher). Ghép-hác Lê-bê-rếch (1742-1819) - đại nguyên soái Phổ.- 427.

Bon-ni-vê (Bonnivet). Ghi-ôm Gu-phi-ê đơ(1488-1525) - đô đốc Pháp; trong những năm 1523-1525 chỉ huy quân đội Pháp trong cuộc chiến tranh I-ta-li-a, bị giết trong trận đánh ở Pa-vi.- 476.

Boóc-khác-tơ (Borchardt). Lu-i - bác sĩ người Đức, một trong những người quen của Ăng-ghen ở Man-se-xtơ.- 530.

Boóc-mơ (Borme) - nhà sáng chế Pháp, người nắm kỹ thuật chế tạo thuốc nổ; về chính kiến là người bảo hoàng, phần tử phiêu lưu.- 38.

Bô-cơ (Bok). Pau-lơ.- 803.

Bô-đri (Baudry) - người Pháp, tham gia Công xã Pa-ri, kiều dân ở Luân Đôn.- 594.

Bô-ghi-xláp XIV (1580-1637)- vị công tước cuối cùng ở Pô-mê-ra-ni.- 339, 340.

Bô-ghi-xláp Éc-nơ-xtơ, công tước *Phôn Grôi* - con rể của Bô-ghi-xláp XIV- công tước Pô-mê-ra-ni, từ năm 1633 là người kế nhiệm công tước Pô-mê-ra-ni trên cương vị giáo chủ Ca-min.- 341.

Bô-hác-ne (Beauharnais). Ô-gien, hoàng tử (1781-1824) - tướng Pháp, con riêng của Na-pô-lê-ông I, trong những năm 1805-1814 là phó vương I-ta-li-a.- 426.

Bô-na-pác-tơ xem *Nu-pô-lê-ông I*.

Bô-nơ (Beaune), Giăng Ba-ti-xtơ Ô-guy-xten *đờ* (1796-1849) - nhà hoạt động chính trị Pháp, người theo chủ nghĩa quân chủ, đại biểu Quốc hội lập hiến tỉnh Ga-rơ.- 19.

Bô-oéc-xơ (Bowers) - nhà báo Anh.- 577.

Bô-phe-ti (Boffétу), Phrăng-xoa (mất sau năm 1898) - thợ mộc Thụy Sĩ.- 566.

Bô-rê (Borret), Ê-chiên.- 567.

Bôn-tê (Bolte), Phri-đrích - nhà hoạt động của phong trào công nhân Mỹ, công nhân làm xì-gà, dân tộc Đức; thư ký Hội đồng liên chi hội Bắc Mỹ của Quốc tế (1872); ủy viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1872-1874).- 676, 686, 804.

Bơ-ti-khơ (Bötticher), Các-Vin-hem (1791-1868) - nhà hoạt động nhà nước Phổ, tỉnh trưởng Đông Phổ (1842-1848).- 49.

Bơ-vích (Berwich), Giây-xơ Phít-xơ-giây-xơ, công tước (1670-1734) - thống chế Pháp; con trai ngoài giá thú của vua Anh Gia-cốp II; tham gia các cuộc chiến tranh đòi di sản Tây Ban Nha (1701-1714) và di sản Ba Lan (1733-1735).- 492.

Bra-gan-xa- triều đại các quốc vương Bồ Đào Nha (1640-1853) và các hoàng đế Bra-xin (1822-1889).- 508.

Brai-tơ (Bright), Giôn (1811-1889) - chủ xưởng Anh, nhà hoạt động chính trị tư sản, một trong những lãnh tụ phái mậu dịch tự do và một trong những người thành lập Đồng minh chống các đạo luật về ngũ cốc, thành viên hạ nghị viện (từ năm 1843); tham gia các nội các Đốc-bi của đảng To-ri (1852, 1856, 1859, 1866-1868); từ đầu những năm 60 là lãnh tụ cánh tả đảng tự do.- 14, 320, 446-450.

Brao-nơ-svai-gơ (Braunschweig), Các-Vin-hem - Phéc-đi-năng, quận công (1735-1806)- năm 1792 là tổng tư lệnh quân đội Áo - Phổ hoạt động chống lại nước Pháp cách mạng.- 500.

Brắc-cơ (Bracke), Vin-hem (1842-1880) - nhà dân chủ-xã hội Đức, người xuất bản sách báo xã hội chủ nghĩa ở Brao-svai-gơ; một trong những người thành lập và lãnh đạo Đảng công nhân dân chủ - xã hội, nghị sĩ (1877-1879).- 618.

Brê-dê (Brézé), Uốc-ben *Đơ Mai-e*, hầu tước (1597-1650) - nhà hoạt động quân sự và nhà ngoại giao Pháp, thống soái (từ 1632), tham gia cuộc Chiến tranh 30 năm (1618-1648).- 482.

Brếch-ten (Brechtel, C.) (mất sau năm 1898) - từ năm 1866 là ủy viên Ủy ban trung ương các chi hội nói tiếng Đức ở Thụy Sĩ đóng ở Giơ-ne-vơ; thành viên của chi

hội Giơ-ne-vơ của Quốc tế "Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa" (tháng Giêng - tháng Ba 1870).- 567.

Bri-xmê (Brismée), Đê-di-rê (1823-1888) - nhà hoạt động của phong trào công nhân và dân chủ Bỉ; thợ in; người theo phái Pru-đông, một trong những người thành lập chi hội Bỉ của Quốc tế (1865); theo phái Ba-cu-nin; về sau rời bỏ chủ nghĩa vô chính phủ; ủy viên ban lãnh đạo Đảng công nhân Bỉ.- 670.

Brốt-hét (Broadhead), Uy-li-am (1815-1879) - người theo chủ nghĩa công liên nổi tiếng ở Anh, thư ký hội thợ dao (1848-1867).- 753.

Bru-nét-ti (Brunetti), An-gie-lơ (bí danh *Tri-tre-ru-ác-cô*) (1800-1849) - nhà cách mạng I-ta-li-a, tham gia cuộc cách mạng 1848-1849 và cuộc phòng thủ anh dũng bảo vệ Cộng hòa Rô-ma năm 1849, bị người Áo xử bắn.- 609.

Bru-xơ (Bruce), Hen-ri Ô-xtin (1815-1895) - nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên đảng tự do, bộ trưởng nội vụ (1868-1873).- 595, 761.

Bu-giăng (Bougeant), Ghi-ôm Ghi-a-txin (1690-1743) - nhà sử học và nhà văn học Pháp, tu sĩ dòng Tên, những tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là những tác phẩm viết về lịch sử cuộc Chiến tranh 30 năm (1618-1648) và Hòa ước Ve-xtơ-pha-li.- 483.

Bu-tuốc-lin, Dmi-tơ-ri Pê-tơ-rô-vích (1790-1846)- nhà sử học quân sự Nga, tham gia cuộc Chiến tranh vệ quốc năm 1813, thượng nghị sĩ, từ năm 1848 là ủy viên Ủy ban đặc biệt giám sát sách báo.- 277.

Bu-xtơ-ra-pa - xem *Na-pô-lê-ông III.*

Búc-xghép-đen, Phê-đo Phê-đô-rê-vích, bá tước (1750-1811) - tướng Nga, trong những năm 1805 và 1806 tham gia các cuộc chiến tranh chống nước Pháp thời Na-pô-lê-ông.- 418.

Bun (Boon), Mác-tin Giêm-xơ - nhà hoạt động của phong trào công nhân Anh, thợ cơ khí, người kế tục những quan điểm xã hội cải lương của Ô Brai-en, thành viên phong trào Hiến chương, ủy viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1869-1872), ủy viên Hội đồng liên chi hội Anh (1872).- 822.

Buốc-bông - triều đại các hoàng đế ở Pháp (1589-1792, 1814-1815 và 1815-1830) và ở Tây Ban Nha (1700-1868, 1874-1931 và từ 1975).- 12, 36, 496, 500, 505.

Buốc-bông (Bourben), Sác-lơ, công tước (1490-1527) - tổng tư lệnh quân đội Pháp thời Phrăng-xoa I, sau đó chạy sang phía hoàng đế Sác-lơ V, năm 1525 trong trận đánh ở Pa-vi-a đã đánh thắng quân Pháp.- 476.

Buy-lốp (Bülow). Phri-đrích Vin-hem. bá tước *Phôn Đen-ne-vi-txơ* (1755-1816) - tướng Phổ, tham gia các cuộc chiến tranh chống nước Pháp thời Na-pô-lê-ông.- 425-428.

Buy-tơ (Bute), Giôn Xtiu-ác, bá tước (1713-1792) - nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên đảng To-ri, thủ tướng (1762-1763).- 497.

C

Ca-bê (Cábet), Ê-chiên (1788-1856) - nha chính luận Pháp, đại biểu nổi tiếng của chủ nghĩa cộng sản không tưởng hòa bình, tác giả cuốn sách "Du lịch tới xứ I-ca-ri".- 229

Ca-đi-ô (Cadiot hoặc Cadrot) người Pháp, tham gia Công xã Pa-ri.- 594.

Ca-men-xki, Mi-kha-in Phê-đô-tô-vích. bá tước (1738-1809) - đại nguyên soái Nga, năm 1806 là tổng tư lệnh trong cuộc chiến tranh chống nước Pháp của Na-pô-lê-ông.- 418.

Ca-ninh (Canning), Sác-lơ Giôn (1812-1862) - nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên đảng To-ri, sau theo phái Pin, toàn quyền Ấn Độ (1856-1862), tổ chức đàn áp cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc những năm 1857-1859 ở Ấn Độ.- 368, 436.

Ca-phi-ê-rô (Cafiero), Các-lô (1846-1892) - người tham gia phong trào công nhân I-ta-li-a, thành viên Quốc tế I, năm 1871 thi hành ở I-ta-li-a đường lối của Tổng Hội đồng, từ năm 1872 là một trong những người lãnh đạo các tổ chức vô chính phủ I-ta-li-a, vào cuối những năm 70 rời bỏ chủ nghĩa vô chính phủ; năm 1879 xuất bản bài trình bày vắn tắt tập I bộ "Tư bản" của Mác bằng tiếng I-ta-li-a.- 594, 680.

Ca-pô-đi-xtơ-ri, I-ô-an-nít (1776-1831) - nhà hoạt động nhà nước Hy Lạp; những năm 1809-1822 phục vụ trong ngành ngoại giao Nga, là Quốc vụ khanh về các vấn đề ngoại giao của Nga (1815-1822); tổng thống Hy Lạp (1827-1831); bị giết do vụ âm mưu lật đổ.- 508, 509.

Ca-pô-ru-xô (Caporusso), Xtê-pha-nô - phần tử vô chính phủ I-ta-li-a, thợ may, một trong những người sáng lập chi hội Na-plơ của Quốc tế, năm 1870 bị khai trừ khỏi chi hội vì phung phí tiền.- 588.

Ca-pơ-phi-gơ (Capefigue), Giăng Ba-ti-xtơ Ô-nô-rê Ray-mông (1802-1872) - nhà chính luận và nhà sử học Pháp, theo chủ nghĩa quân chủ.- 40.

Ca-ren (Carrel), Ác-măng (1800-1836) - nhà chính luận tư sản Pháp, đảng viên đảng tự do; là một trong những người sáng lập và biên tập viên báo "National".- 443.

Ca-ta-lan (Catalan), A-đôn-phơ - nhà báo cấp tiến Thụy Sĩ, biên tập viên báo "Liberté", thành viên Quốc tế I.- 567.

Ca-tơ-ri-na (1584-1638) - mẹ của vua Thụy Điển Các-lơ X Gu-xtáp.- 484.

Ca-va-nác (Kavanagh), Xa-muy-en - người tham gia phong trào công nhân Mỹ; người dân tộc Ai-rơ-len; là ủy viên Tổng Hội đồng, được bầu tại Đại hội La Hay (1872).- 676, 686.

Ca-ve-nhắc (Cavaignac), Lu-i Ơ-gien (1802-1857) - tướng và nhà hoạt động chính trị Pháp, phần tử cộng hòa tư sản ôn hòa; đàn áp cực kỳ tàn khốc cuộc khởi nghĩa tháng Sáu của công nhân Pa-ri, đứng đầu quyền lực hành pháp (tháng Sáu - tháng Chạp 1848).- 34, 255.

Ca-vuốc (Cavour), Ca-min-lô Ben-đô, bá tước (1810-1861) - nhà hoạt động nhà nước I-ta-li-a, nhà tư tưởng và lãnh tụ của giai cấp tư sản quân chủ tự do và tầng lớp quý tộc tư sản hóa, người đứng đầu chính phủ Pi-ê-mông (1852-1859 và 1860-1861), thi hành chính sách thống nhất I-ta-li-a "từ trên xuống"; năm 1861 đứng đầu chính phủ toàn I-ta-li-a đầu tiên.- 454.

Ca-xlê-ri (Castlereagh), Rô-bốc *Xtiu-át*, huân tước *Lôn-đơn-đéc-ri* (1769-1822) - nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên đảng To-ri; bộ trưởng ngoại giao ((1812-1822), tại Đại hội Viên những năm 1814-1815 đã ký hiệp ước bí mật với Áo và Pháp về liên minh chống Nga và Phổ.- 507.

Ca-xta-nhi-ô-xơ i A-ra-gô-ni (Castanos y Aragoni), Phran-xi-xcô Ha-vi-ê (1758-1852) - tướng Tây Ban Nha, tham gia cuộc chiến tranh giành độc lập (1808-1814).- 301.

Các (Carl), Côn-rát (mất năm 1890) - kiều dân Đức ở Hợp chúng quốc Mỹ (từ năm 1854), thợ may; thành viên câu lạc bộ cộng sản Niu-Oóc (1867); uỷ viên Hội đồng liên chi hội Niu Oóc của Quốc tế (1871); được bầu vào Tổng Hội đồng tại Đại hội La Hay (1872); năm 1873 là biên tập viên báo "Arbeiter-Zeitung"; sau năm 1875 rời bỏ phong trào công nhân.- 676.

Các-đi-gan (Cardigan), Giêm-xơ Tô-mát Brút-nen-lơ, bá tước (1797-1868) - tướng Anh, năm 1854 chỉ huy lữ đoàn kỵ binh ở Crưm.- 304.

Các-đu-en (Cardwell), Ét-uốt (1813-1886) - nhà hoạt động nhà nước Anh, lúc đầu gia nhập đảng To-ri, về sau theo đảng tự do, bộ trưởng chiến tranh (1868-1874).- 761.

Các-li-ê (Carlier), Pi-e (1799-1858) - cục trưởng cảnh sát Pa-ri (1849-1851), theo phái Bô-na-pác-tơ.- 224.

Các-lô I Gôn-da-ga (1580-1637) - quận công xứ Nê-ve-rơ và Măng-tua (1627-1637).- 481.

Các-lơ - xem *Các-lơ Áo*.

Các-lơ, quận công Nê-ve-rơ- xem *Các-lô I Gôn-da-ga*.

Các-lơ, đại công tước - xem *Sác-lơ VI*.

Các-lơ I (Các-lơ-Phri-đrích) (1700-1739) - quận công Hôn-stai-nơ-Gốt-toóc-pơ.- 491.

Các-lơ VII An-brếch (1697-1745) - tuyển đế hầu Ba-vi-e (1726-1745); hoàng đế của cái gọi là Đế chế La Mã thần thánh (1742-1745).- 399, 494.

Các-lơ X Gu-xtáp (1622-1660) - vua Thụy Điển (1654-1660).- 341, 484.

Các-lơ XI (1655-1697) - vua Thụy Điển (1660-1697).- 485.

Các-lơ XII (1682-1718) - vua Thụy Điển (1697-1718).- 344, 488-490.

Các-lơ A-lếch-xan-đrơ (mất năm 1806) - trấn thủ An-xbắc và Bai-roi-tơ.- 346.

Các-lơ Áo, đại công tước (1771-1847) - thống soái Áo và nhà lý luận quân sự; từ 1792 đến 1809 tham gia các cuộc chiến tranh chống nước Pháp của Na-pô-lê-ông.- 505.

Các-lơ Dũng cảm (1433-1477) - quận công Buốc-gun-đi (1467-1477).- 394.

Các-lơ Ê-ma-nu-in III (1701-1773) - vua Pi-ê-mông (vương quốc Xác-đi-ni) (1730-1773), công tước Xa-voa.- 492.

Các-lơ-Ê-ma-nu-in IV (1751-1819) - vua Pi-ê-mông (vương quốc Xác-đi-ni) (1796-1802), công tước Xa-voa.- 503.

Các-mác-ten - xem *Ô-xboóc-nơ*.

Các-nô (Carnot), La-da-rơ Íp-pô-lít (1801-1888) - nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị Pháp, phần tử cộng hòa tư sản; năm 1848 là bộ trưởng giáo dục trong Chính phủ lâm thời, đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp.- 25.

Cam-pơ-hau-den (Camphausen), Lu-đôn-phơ (1803-1890) - chủ ngân hàng Đức, một trong những lãnh tụ của giai cấp tư sản tự do vùng Ranh; tháng Ba-tháng Sáu 1848 là thủ tướng Phổ, thi hành chính sách phản bội thỏa hiệp với bọn phản động.- 54.

Can-ninh (Canning), Giooc-giơ (1770-1827) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Anh, một trong những lãnh tụ của đảng To-ri, bộ trưởng ngoại giao (1807-1809, 1822-1827), thủ tướng (1827).- 384, 508, 509.

Cát-các-tơ (Cathcart), Giooc-giơ (1794-1854) - tướng và nhà văn quân đội Anh, năm 1854 chỉ huy sư đoàn ở Crưm.- 304, 307.

Cau-li (Cowley). Hen-ri Ri-sốt Sác-lơ *Oen-xli*, nam tước (1804-1884) - nhà ngoại giao Anh, đại sứ ở Pa-ri (1852-1867).- 454.

Cau-nít-xơ (Kaunitz). Ven-xen An-tôn, công tước (1711-1794) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Áo, thủ tướng (1753-1792).- 495.

Căm-béc-len-đơ (Cumberland). Uy-li-am Au-gu-xtơ, công tước (1721-1765) - tướng Anh; con trai Ghê-oóc II; vào thời kỳ đầu của cuộc Chiến tranh bảy năm (1756-1763) chỉ huy quân đội Anh.- 496.

Căm-brít-giơ (Cambridge). Giooc-giơ Uy-li-am Phrê-đê-rích Sác-lơ, công tước (1819-1904)- tướng Anh, năm 1854 chỉ huy sư đoàn ở Crưm, tổng tư lệnh quân đội Anh (1856-1895).- 296, 304.

Chi-e (Thiers), A-đôn-phơ (1797-1877)- sử gia tư sản và nhà hoạt động nhà nước Pháp, thủ tướng (1836-1840); tên đao phủ tàn sát Công xã Pa-ri; tổng thống nước Cộng hòa (1871-1873).- 19, 36, 440, 578, 609, 681.

Cla-phlin (Claflin). Ten-nê-xi (1845-1923) - người phụ nữ Mỹ theo chủ nghĩa nữ quyền tư sản, tìm cách sử dụng tổ chức Quốc tế ở Hợp chúng quốc Mỹ.- 623, 626, 631.

Cla-ren-đôn (Clarendon). Giooc-giơ Uy-li-am Phrê-đê-rích Vi-li-ê-xơ, bá tước (1800-1870)- nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên đảng Vích, về sau theo đảng tự do, bộ trưởng ngoại giao (1853-1858, 1865-1866 và 1868-1870).- 756, 766.

Clai-nơ (Klein), I-a-cốp - kiều dân Đức ở Luân Đôn.- 726.

Cláp-ca (Klapka), Đuyếc-giơ (Ghê-oóc-gơ) (1820-1892) - tướng Hung-ga-ri, trong thời kỳ cách mạng những năm 1848-1849 chỉ huy một trong những đạo quân cách mạng Hung-ga-ri.- 256, 258.

Clây-nơ (Kleiner, W.) - kiều dân Đức ở Luân Đôn.- 725.

Clê-ô-pát VII (năm 69-30 trước công nguyên) - nữ hoàng Ai Cập cuối cùng của triều đại Ptô-lê-mê.- 404-405.

Cli-men-tơ VII (tên thế tục là Giu-li-ô Me-đi-si) (mất năm 1534) - giáo hoàng La Mã (1523-1534).- 476, 478.

Clốt-vích I (465-511) - vua Phran-cô thuộc vương triều Mê-rô-vinh (481-511).- 219.

Chuy-de-rê (Cluseret). Guy-xta-vơ Pôn (1823-1900) - sĩ quan Pháp, tham gia các cuộc hành quân của Ga-ri-ban-đi và tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ; thành viên của Quốc tế I, theo phái Ba-cu-nin, tham gia các cuộc khởi nghĩa cách mạng ở Li-ông và Mác-xây (1870), ủy viên Công xã Pa-ri.- 580, 585, 748, 749.

Coóc-mi-ê (Cormier). A-ri-xtít - công nhân ngành công nghiệp tuyn, thành viên chi hội Li-ông của Quốc tế I.- 573.

Cô-buốc-gơ (Coburg). Phri-đrích *Dắc-den-Da-an-phen-đơ*, hoàng tử (1737-1815)- thống soái Áo, tha n gia cuộc Chiến tranh bảy năm và các cuộc chiến tranh của khối liên minh thứ nhất chống nước Cộng hòa Pháp.- 408.

Cô-cren-Bai-li (Cochrane-Baillie). A-lếch-xan-đrơ (1816-1890) - nhà hoạt động chính trị và nhà văn học Anh, đảng viên đảng bảo thủ, nghị sĩ.- 674.

Cô-đi-mô III Me-đi-si (1642-1723) - người cầm quyền ở Phlo-ren-xi-a (1670-1723).- 491.

Cô-li-nhi (Coligny). Ga-xpơ *đơ Sa-ti-ông*, bá tước (1584-1646) - thống chế Pháp, tham gia cuộc Chiến tranh 30 năm (1618-1648).- 481-482.

Cô-oen (Cowell). Gioóc-giơ - công nhân Anh, người tham gia phong trào Hiến chương, một trong những người lãnh đạo cuộc bãi công những năm 1853-1854 ở Pre-xtơn.- 271.

Cô-sút (Cossuth). La-i-ốt (Lut-vích) (1802-1894) - lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc Hung-ga-ri, trong cuộc cách mạng những năm 1848-1849 đứng đầu những phần tử dân chủ tư sản, là người đứng đầu chính phủ cách mạng Hung-ga-ri; sau khi cách mạng thất bại, rời Hung-ga-ri ra sống ở nước ngoài; trong những năm 50 tìm sự ủng hộ trong giới những người theo Bô-na-pác-tơ.- 256, 258, 323.

Cô-xtiu-scô (Kósciuszko). Ta-đê-út (1746-1817) - nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào giải phóng dân tộc Ba Lan những năm 90 thế kỷ XVIII, người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Ba Lan năm 1794; trong những năm 1776-1783 tham gia cuộc đấu tranh giành độc lập của các thuộc địa Bắc Mỹ.- 501.

Côm-bô (Combault). A-mê-đe Ben-gia-men (sinh khoảng năm 1838 - mất sau năm 1884)- nhà hoạt động của phong trào công nhân Pháp, làm nghề kim hoàn; ủy viên Tổng Hội đồng của Quốc tế (1866 - 1867), năm 1870 sáng lập một trong các chi hội Pa-ri của Quốc tế và tham gia Hội đồng liên chi hội Pa-ri, tham gia Công xã Pa-ri, sau khi Công xã Pa-ri thất bại di cư sang Luân Đôn.- 839.

Côn (Cohn hoặc Cohen). Giêm-xơ - nhà hoạt động của phong trào công nhân Anh và Đan Mạch, công nhân thuốc lá; ủy viên Tổng Hội đồng của Quốc tế (1867-1871), bí thư thông tấn phụ trách về Đan Mạch.- 595, 759, 764.

Công-xi-đê-răng (Considérant). Vích-to (1808-1893) - nhà chính luận Pháp, nhà chủ nghĩa xã hội không tưởng, học trò và người kế tục Phu-ri-ê.- 235.

Cốp-đen (Cobden), Ri-sớt (1804-1865) - chủ xưởng Anh, nhà hoạt động chính trị tư sản, một trong những lãnh tụ phái mậu dịch tự do và một trong những người sáng lập Đồng minh chống các đạo luật về ngũ cốc.- 14, 51, 323.

Cốp-pê (Coppet), Lu-i *Đờ*.- 567.

Cran-uốc-thơ (Cranworth), Rô-bớc Môn-xi Rôn-phơ, nam tước (1790-1868) - nhà hoạt động nhà nước và nhà luật học Anh, đảng viên đảng Vích, đại pháp quan (1852-1858 và 1865-1866).- 274.

Crê-ki (Créqui), Sác-lơ *Đơ Blan-sphoóc*, hoàng tử *Đơ Pua*, công tước *Đơ Lê-đi-ghi-e-rơ* (1578-1638) - thống chế Pháp, tham gia cuộc Chiến tranh 30 năm (1618-1648); đại sứ ở La Mã (1633) và Vơ-ni-dơ (1636).- 482.

Crê-mi-ơ (Crémieux), A-đôn-phơ (1796-1880) - luật sư và nhà hoạt động chính trị tư sản Pháp, vào những năm 40 là đảng viên đảng tự do, trong thời kỳ cuộc cách mạng năm 1848 là ủy viên Chính phủ lâm thời.- 71.

Cri-mi-khen (Criemichen), Héc-man - thành viên Quốc tế I ở Brê-xláp.- 803.

Cri-mơ (Cremer), Uy-li-am Ran-đơn (1838-1908) - nhà hoạt động của phong trào công liên và phong trào hòa bình chủ nghĩa tư sản Anh, người theo chủ nghĩa cải lương; ủy viên Hội đồng công liên Anh, tham gia ban chấp hành Đồng minh cải cách; tham gia Hội nghị thành lập Quốc tế I ngày 28 tháng Chín 1864, ủy viên Tổng Hội đồng Quốc tế và là Tổng thư ký Tổng Hội đồng (1864-1866); về sau là đảng viên đảng tự do, nghị sĩ (1885-1895 và 1900-1908).- 548-550, 740.

Cri-xti-an IV (1577-1648) - vua Đan Mạch và Na Uy (1588-1648).- 481.

Cri-xti-na Au-gu-xta (1626-1689) - nữ hoàng Thụy Điển (1632-1654).- 484.

Crô-dê (Croset, J.).- 566.

Crô-dê (Croset), Xuy-dét.- 566.

Crô-sê (Crochet), Phrăng-xoa (mất sau năm 1898)- thợ mộc Thụy Sĩ.- 567.

Crô-si (Crowshay, J.) - nhà báo Anh, người ủng hộ Uốc-các-tơ.- 319.

Crô-xê (Crosset), Ê-đu-ác - công nhân in Thụy Sĩ, tham gia đại hội thành lập Liên chi hội các vùng nói tiếng Rô-man của Quốc tế (tháng Giêng 1869).- 566.

Crôm-oen (Cromwell), Ô-li-vơ (1599-1658) - lãnh tụ của giai cấp tư sản và tầng lớp qúi tộc đã tư sản hóa trong thời kỳ cách mạng tư sản Anh thế kỷ XVII; từ năm 1653 là quan bảo quốc ở Anh, Xcốt-len và Ai-rơ-len.- 484.

Cruy-đe-nơ (Krüdener), Bác-ba-ra I-u-li-a, nam tước phu nhân (1764-1824) - nữ văn sĩ, người truyền bá thuyết kiến thành; vào thế kỷ XIX người ta đã sai lầm gán cho bà có tư tưởng thành lập Liên minh thần thánh.- 508.

Cu-danh (Cousin), Vích-to (1792-1867) - nhà triết học duy tâm Pháp, người theo chủ nghĩa chiết trung.- 439.

Cu-ê-xta - xem *Gác-xi-a Đơ La Cu-ê-xta*, Grê-go-ri-ô.

Cu-len (Coulin, L.).- 566.

Cu-ri-ê (Courier), Pôn Lu-i (1772-1825) - nhà ngữ văn học và nhà chính luận Pháp, chống bọn phản động qúi tộc và giáo quyền ở Pháp.- 443.

Cu-tu-dốp, Mi-kha-in I-la-ri-ô-nô-vích, công tước (1745-1813) - thống soái vĩ đại Nga.- 420.

Cuốc-bê (Courbet), Guy-xtáp (1819-1877) - họa sĩ theo chủ nghĩa hiện thực lối lạc Pháp; ủy viên Công xã Pa-ri.- 578.

Cuốc-tua (Courtois), Giắc - thợ mộc Thụy Sĩ, thành viên Quốc tế I.- 566.

D

Da-goóc-xki (Zagorsky), I-an - kiều dân Ba Lan ở Thụy Sĩ, tham gia ủy ban Đồng minh hòa bình và tự do.- 566, 568.

Da-pô-li-a (Zápolya hay là Szapolyai), I-a-nốt (I-ô-han) (1487-1540) - tỉnh trưởng Tơ-ran-xin-va-ni-a; chỉ huy đàn áp cuộc khởi nghĩa nông dân năm 1514 ở Hung-ga-ri; năm 1526 được tuyên bố là vua Hung-ga-ri.- 477, 478.

Dam-pe-ri-ni (Zamperini, J.)- công nhân làm mũ I-ta-li-a, thành viên chi hội I-ta-li-a ở Giơ-ne-vơ của Quốc tế I.- 566.

Dau-ơ (Sauer), Hen-rích - nhân chứng trong vụ án xử những người tham gia cuộc khởi nghĩa vũ trang ở En-bớc-phen-đơ tháng Năm 1849.- 720.

Doóc-gơ (Sorge), Phri-đrích A-đôn-phơ (1828-1906) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân và xã hội chủ nghĩa Mỹ và quốc tế, tham gia cuộc cách mạng những năm 1848-1849 ở Đức; người tổ chức các chi hội Quốc tế I ở Mỹ, thư ký Hội đồng liên chi hội; đại biểu dự Đại hội La Hay (1872), uỷ viên Tổng Hội đồng ở Niu-Oóc (1872-1874), tích cực tuyên truyền chủ nghĩa Mác; bạn và bạn chiến đấu của Mác và Ăng-ghen.- 770, 802, 805, 808, 809, 816.

Đ

Đa-lát (Dallas), Ê-nây Xu-ít-len-đơ (1828-1897) - phóng viên báo "Times" ở Pa-ri.- 577.

Đa-ni-en-xơ (Daniels), Rô-lan (1819-1855) - bác sĩ người Đức, một trong những người lãnh đạo Liên đoàn những người cộng sản; bị cáo trong vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852); bạn của Mác và Ăng-ghen.- 733.

Đa-ri I Ghi-xta-xpơ (năm 550-486 trước công nguyên) - quốc vương Cổ Ba Tư.- 417.

Đa-vít (David), Ê-đu-ắc - nhà hoạt động của phong trào công nhân Pháp và Mỹ, được bầu vào Tổng Hội đồng tại Đại hội La Hay của Quốc tế (năm 1872) nhưng ông đã từ chối.- 686.

Đan-gren (Dahlgren), Giôn A-đôn-phơ (1809-1870) - sĩ quan hải quân và nhà phát minh quân sự Mỹ, từ năm 1863 là đô đốc hải quân, tác giả một số công trình về pháo binh của hải quân.- 519.

Đao-nơ (Daun), Lê-ô-pôn, bá tước (1705-1766)- thống tướng Áo (từ năm 1754), tham gia cuộc Chiến tranh bảy năm (1756-1763).- 496.

Đây-xơ (Days), An-phrết - ủy viên Hội đồng liên chi hội Anh (1873), tham gia đại hội Liên chi hội Anh ở Man-se-xtơ.- 839.

Đê-lê-cluy-dơ (Delescluze), Lu-i Sác-lơ (1809-1871) - nhà cách mạng tiểu tư sản Pháp, tham gia các cuộc cách mạng năm 1830 và năm 1848; năm 1854 bị kết án 4 năm tù giam, khi mãn hạn tù bị đày đi lao động khổ sai ở Cai-en-na, ủy viên Công xã Pa-ri, tham gia phái đa số Blăng-ki-Gia-cô-banh, hy sinh trên chiến luỹ trong thời gian chiến đấu trên đường phố ở Pa-ri tháng Năm 1871.- 441.

Đê-rô-rơ (Dereure), Xi-mông (1838-1900) - nhà hoạt động của phong trào công nhân Pháp và quốc tế, thợ giày ; theo phái Blăng-ki, ủy viên Công xã Pa-ri, sau khi Công xã bị đàn áp di cư sang Hợp chúng quốc Mỹ, ủy viên Tổng Hội đồng (1872-1874); từ năm 1882 là đảng viên Đảng công nhân Pháp.- 686.

Đê-tơ-ra (Détraz, Ch.).- 566.

Đê-vít (Davis), Ai-ra - phần tử cấp tiến tiểu tư sản Mỹ.- 631.

Đi-bích - Đa-ban-can-xki, I-van I-va-nô-vích, bá tước (1785-1831) - đại nguyên soái Nga (từ năm 1829); trong thời gian chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ những năm 1828-1829 thực tế là người chỉ huy những hoạt động quân sự ở vùng Ban-căng, từ tháng Hai 1829 là tổng tư lệnh.- 291.

Đi-đi-ơ (Didier), Hen-rich - người tham gia cuộc cách mạng những năm 1848-1849 ở Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, vào đầu những năm 50 tham gia xuất bản một loạt tờ báo của những người dân chủ Đức sống lưu vong ở Hợp chúng quốc Mỹ.- 727.

Đi-txơ (Dietz), Ô-xvan-đơ (khoảng 1824-1864) - kiến trúc sư Đức, người vùng Vi-xba-đen, tham gia cuộc cách mạng những năm 1848-1849, thành viên Liên đoàn những người cộng sản, sau khi Liên đoàn bị phân liệt năm 1850 có chân trong nhóm phiêu lưu-bè phái Vi-lích-Sáp-pơ; tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ đứng về phía những người miền Bắc.- 734.

Đi-xra-e-li (Disraeli), Ben-gia-min, bá tước *Bi-cơn-xphin* (1804-1881) - nhà hoạt động nhà nước và nhà văn Anh, một trong những lãnh tụ đảng To-ri, về sau là lãnh tụ đảng bảo thủ, thủ tướng (1868, 1874-1880).- 756.

Đin-cơ (Dilke), Sác-lơ Oen-tu-uốt (1843-1911) - nhà hoạt động chính trị và nhà văn Anh, một trong những lãnh tụ cánh cấp tiến của đảng tự do, nghị sĩ.- 686.

Đin-tơ (Dinter, J.G.) - công nhân mỏ Đức, người lãnh đạo Liên đoàn thợ mỏ ở Xvích-cau.- 747.

Đô-na (Donat).- 767.

Đô-xtơ - Mô-ha-mét (1793-1863)- thủ lĩnh Hồi giáo ở Áp-ga-ni-xtan.- 360, 369-370.

Đôn Các-lốt - xem *Sác-lơ III*.

Đơ Pa-pơ (De Paepe), Xê-da (1841-1890) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân và phong trào xã hội chủ nghĩa Bỉ, công nhân in, về sau là bác sĩ; một trong những người sáng lập chi hội Bỉ của Quốc tế, ủy viên Hội đồng liên chi hội Bỉ, người theo chủ nghĩa tập thể, đại biểu các đại hội và hội nghị của Quốc tế; sau Đại hội La Hay (1872) ủng hộ phái Ba-cu-nin một thời gian; một trong những người sáng lập Đảng công nhân Bỉ (1885).- 585.

Đơ-la-ma-rơ (Delamarre), Tê-ô-đo Ca-di-mia (1797-1870) - chủ ngân hàng và nhà chính luận Pháp, từ năm 1844 là chủ tờ báo "La Patrie", theo phái Bô-na-pác-tơ.- 40.

Đơ-phlốt hay *Đơ Phlốt* (Deflotte, De Flotte), Pôn Lu-i Phrăng-xoa Rê-ne (1817-1860)- sĩ quan hải quân Pháp; nhà dân chủ và nhà xã hội chủ nghĩa; người ủng hộ Blăng-ki, sau đó là người ủng hộ Bác-be, tham gia cuộc khởi nghĩa tháng Sáu 1848, đại biểu Quốc hội lập pháp (tháng Ba 1850-1851), sau cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851 đã di cư, sau bí mật trở về Pháp; năm 1860 chỉ huy những người lính tình nguyện Pháp tham gia chiến dịch Xi-xin của Ga-ri-ban-đi.- 25, 31.

Đớc-bi (Derby), Ê-đu-ác Giooc-giơ Giê-phri Xmít *Xten-li*, bá tước (1799 - 1869) - nhà hoạt động nhà nước Anh, lãnh tụ đảng To-ri, về sau là một trong những lãnh tụ đảng bảo thủ, thủ tướng (1852, 1858-1859 và 1866-1868).- 321, 448, 450, 761, 767.

Đơn-côm-bơ (Duncombe), Tô-mát Xlinh-xbi (1796-1861) - nhà hoạt động chính trị Anh, phần tử cấp tiến tư sản, trong những năm 40 tham gia phong trào Hiến chương, nghị sĩ.- 271.

Đron-ke (Dronke), Éc-ne-xtơ (1822-1891) - nhà chính luận Đức, thành viên Liên đoàn những người cộng sản, một trong những biên tập viên tờ "Neue Rheinishe Zeitung", trong thời gian Liên đoàn những người cộng sản bị phân liệt (1850) là người ủng hộ Mác và Ăng-ghen; về sau rời bỏ hoạt động chính trị.- 530.

Đrô-đơ (Droz), Phrăng-xoa Cxa-vi-ê Giô-dép (1773-1851) - nhà sử học, nhà triết học và nhà kinh tế học.- 219.

Đu-glát (Douglass), Phrê-đê-rích (khoảng 1817-1895) - nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào đòi thủ tiêu chế độ nô lệ, tham gia cuộc đột kích của Gi. Brao-nơ năm 1855, tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ; đấu tranh tích cực cho quyền phụ nữ.- 631.

Đuy-gia-ri-ê (Dujarrier). - 69.

Đuy-mu-ri-ê (Dumouriez), Sác-lơ Phrăng-xoa (1739-1823)- tướng Pháp và nhà hoạt động chính trị thời kỳ cách mạng tư sản cuối thế kỷ XVIII, theo phái Gi-rông-đanh, trong những năm 1792-1793 chỉ huy quân đội cách mạng miền Bắc; tháng Ba 1793 phản bội nước Cộng hòa Pháp.- 408.

Đuy-nô (Dunaud), Ăng-toan - thợ khắc Thụy Sĩ, phát biểu phản đối phái Ba-cu-nin tại đại hội Liên chi vùng thuộc hệ ngôn ngữ Rô-man ở La-Sô-đơ-Phông (tháng Tư 1870).- 566.

Đuy-panh (Dupin), Ăng-đrê Ma-ri Giăng Giắc-cơ (1783-1865) - nhà luật học và nhà hoạt động chính trị Pháp, theo phái Oóc-lê-ăng, chủ tịch Quốc hội lập pháp (1849-1851); về sau theo phái Bô-na-pác-tơ.- 23.

Đuy-phô-rơ (Dufaure), Giuy-lơ Ác-măng Xta-ni-xla (1798-1881) - nhà hoạt động chính trị tư sản Pháp, theo phái Oóc-lê-ăng, bộ trưởng tư pháp (1871-1873); tác giả của đạo luật cấm các chi hội Quốc tế ở Pháp hoạt động (1872).- 663.

Đuy-pô-ti (Dupoty), Mi-sen Ô-guy-xtơ (1797-1864) - nhà chính luận Pháp, tham gia xuất bản một loạt tờ báo mang khuynh hướng dân chủ cộng hòa.- 443.

Đuy-pông (Dupont). Ơ-gien (khoảng 1831-1881) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân quốc tế, công nhân Pháp, thợ chuyên làm nhạc cụ, tham gia cuộc

khởi nghĩa tháng Sáu 1848; từ năm 1862 sống ở Luân Đôn; ủy viên Tổng Hội đồng Quốc tế (tháng Mười một 1864-1872), bí thư thông tấn về Pháp (1865-1871), tham gia các đại hội và hội nghị của Quốc tế, thực hiện đường lối của Mác, năm 1872 tham gia Hội đồng liên chi hội Anh của Quốc tế; năm 1874 chuyển sang Hợp chúng quốc Mỹ.- 571, 582, 583, 586, 590, 676, 684, 740, 749, 772-773, 821, 839.

Duy-pông đờ l' Ơ-rơ (Dupont de l'Eure), Giắc-cơ Sác-lơ (1767-1855) - nhà hoạt động chính trị Pháp, theo đảng tự do; tham gia cuộc cách mạng tư sản cuối thế kỷ XVIII và cuộc cách mạng năm 1830; năm 1848 là chủ tịch Chính phủ lâm thời.- 71.

Duy-pra (Dupras), Lu-i - đại biểu của công nhân xây dựng Giơ-ne-vơ tại cuộc đàm phán với chính phủ trong thời gian họ bãi công mùa xuân năm 1869.- 567.

Duy-pra(Dupraz), Pa-xcan (1815-1885) - nhà hoạt động chính trị Pháp, nhà báo, phần tử cộng hòa tư sản; trong thời kỳ Cộng hòa thứ hai là đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, chống Lu-i Bô-na-pác-tơ.- 23.

Duy-va-lơ (Duval), Ê-min Vích-to (1841-1871) - nhà hoạt động của phong trào công nhân Pháp, thợ đúc, theo phái Blăng-ki, thư ký Hội đồng liên chi hội Pa-ri của Quốc tế, ủy viên Ban chấp hành trung ương đội vệ binh quốc gia và thành viên Công xã Pa-ri, tướng vệ quốc quân của Công xã; ngày 4 tháng Tư 1871 bị bắt làm tù binh và bị phái Véc-xây bắn chết.- 585, 774.

Duy-véc-giê Đờ Hô-ran (Duvergier de Hauranne), Prô-xpe (1798-1881) - nhà hoạt động chính trị theo chủ nghĩa tự do và nhà chính luận Pháp.- 452.

E, Ê

E-xki-rốt (Esquiros), Hăng-ri Phrăng-xoa (1812-1876) - nhà văn Pháp; năm 1840 bị kết án tù vì quyển sách "Phúc âm nhân dân" ("L'Evangilo du peuple"); sau cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp 1851 bị trục xuất khỏi Pháp.- 443.

Éc-nơ-xtơ-Au-gu-xtơ (1771-1851)- vua Han-nô-vơ (1837-1851).- 47, 511.

Éc-tan (Erthal), Phri-đrích Các Giô-dép, công tước (1719-1802)- hầu tước tuyển đế và giáo chủ Ma-in-xơ.- 503.

Em-phi (Amphy).- 368.

En-pi-đin, Mi-kha-in Côn-xtan-ti-nô-vích (1835-1908)- người tham gia phong trào cách

mạng đầu những năm 60 ở Nga, sau đó sống lưu vong ở Thụy Sĩ; nhân viên sở mật thám Nga hoàng.- 566.

Ét-xơ I (Esser I), I-ô-han Hen-rích Tê-ô-đo - luật sư Phổ, theo thuyết giáo quyền; năm 1848 là phó chủ tịch Quốc hội Phổ, thuộc phái giữa; người bào chữa tại phiên tòa xử những người cộng sản ở Khuên (1852). - 733.

Ê-ca-tê-ri-na II (1729-1796)- hoàng hậu Nga (1762-1796).- 382, 399, 498-502, 756.

Ê-ca-tê-ri-na Mê-đi-si (1519-1589)- hoàng hậu Pháp, vợ của vua Pháp Hăng-ri II.- 477.

Ê-lê-ô-no-ra - con gái của công tước Phổ An-brếch-Phri-đrích, vợ của hầu tước tuyển đế Bran-đen-buốc I-ô-a-sim Phri-đrích (từ năm 1605).- 336.

Ê-lê-ô-no-ra Áo (1498-1558) - chị của vua Sác-lơ V, vợ của vua Bồ Đào Nha Ma-pu-en I (1519-1521), sau đó (từ năm 1530) là vợ của vua Pháp Phrăng-xoa I.- 477.

Ê-lê-ô-no-ra Bồ Đào Nha - xem *Ê-lê-ô-no-ra Áo*.

Ê-li-đa-bét - xem *Ê-li-đa-bét Va-loa*.

Ê-li-đa-bét Tuy-đo-rơ (1533-1603) - nữ hoàng Anh (1558-1603), nữ hoàng cuối cùng của dòng họ Tuy-đo-rơ.- 478, 479.

Ê-li-đa-bét Va-loa (Ê-li-đa-ve-ta Pháp) (1545-1568) - con gái vua Pháp Hăng-ri II, vợ (từ năm 1559) vua Tây Ban Nha Phi-líp II.- 478.

Ê-li-đa-ve-ta - xem *Phác-ne-đơ*, Ê-li-đa-bét.

Ê-li-đa-ve-ta Pê-tơ-rốp-na (1709-1761) - con gái của Pi-ốt I, hoàng hậu Nga (1741-1761).- 494, 496.

Ê-li-ốt-tơ (Elliott), Giôn - người dân chủ tiểu tư sản Mỹ, thành viên của Quốc tế.- 595, 630.

Ê-li-xơ (Ellis), Hen-ri (1777-1855) - nhà ngoại giao Anh; công sứ (1814-1815), đại sứ (1835-1836) ở Tê-hê-ran.- 565.

Ê-me (Oehme), Hen-rích - thành viên của Quốc tế ở Đức.- 803.

Ê-van-xơ (Evans), Giooc-giơ *Đơ Lây-xi* (1787-1870) - tướng Anh, tham gia cuộc Chiến tranh Crưm; nhà hoạt động chính trị thuộc phái tự do, nghị sĩ - 429.

Ê-xten (Estaing), Giăng Ba-ti-xtơ Sác-lơ Hăng-ri Ếch-tơ-rơ, bá tước *Đờ* (1729-1794) - đô đốc Pháp; năm 1778 chỉ huy hải đoàn Pháp tham gia cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Bắc Mỹ (1775-1783).- 499.

Ếch-ca-ri-út (Eccarius). I-ô-han Ghê-oóc (Giôn Giooc-giơ) (1818-1889) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân quốc tế và Đức, nhà chính luận, thợ may; thành viên Liên đoàn những người cộng sản và ủy viên Tổng Hội đồng của Quốc tế (1864-1872), tổng thư ký của Tổng Hội đồng (1867-1871), bí thư thông tấn về Mỹ (1870-1872); sau Đại hội La Hay theo các thủ lĩnh cải lương của các hội công liên Anh, về sau là nhà hoạt động của phong trào công liên.- 554, 589-590, 593, 598-601, 672, 729, 749, 750, 758, 772, 820, 822.

G

Ga-le (Galeer), An-be (1816-1851) - giáo viên và nhà văn học Thụy Sĩ, người theo chủ nghĩa dân chủ; tham gia cuộc chiến tranh chống Đồng minh đặc biệt ở Thụy Sĩ năm 1847 và cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849; ủy viên Đại hội đồng Giơ-ne-vơ.- 725.

Ga-ri-ban-đi (Garibaldi), Giu-dép-pơ (1807-1882) - lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc I-ta-li-a; tham gia cuộc cách mạng những năm 1848-1849 ở I-ta-li-a; trong những năm 50-60 lãnh đạo cuộc đấu tranh của nhân dân I-ta-li-a đòi độc lập dân tộc và thống nhất đất nước, trong những năm 70 lên tiếng bảo vệ Công xã Pa-ri, hoan nghênh việc thành lập các chi hội Quốc tế ở I-ta-li-a.- 604, 607-611, 614, 615.

Gác-ba-ni (Garbani), Pôn.- 567.

Gác-ni-ê - Pa-giê-xơ (Garnier-Pagès), Lu-i Ăng-toan (1803-1878) - nhà hoạt động chính trị Pháp, phần tử cộng hòa tư sản ôn hòa, năm 1848 là ủy viên Chính phủ lâm thời và thị trưởng Pa-ri, thành viên của chính phủ phòng thủ quốc gia (1870-1871).- 71.

Gác-xi-a Đơ La Cu-ê-xta (Garcia de la Cuesta), Grê-go-ri-ô (1741-1811)- tướng Tây Ban Nha, tham gia cuộc chiến tranh giải phóng chống lại ách thống trị của Na-pô-lê-ông (1808-1814).- 300.

Gan-đi-ôn (Gandillon), A-mi.- 567.

Gây (Gay), Đê-di-rê.- 566.

Gây (Gay), Giuy-lơ (1807- mất sau năm 1876) - nhà chính luận Pháp, người cộng sản không tưởng, người theo phái Ô-oen; năm 1849 xuất bản ở Pa-ri tờ báo "Le Communiste"; thành viên của Quốc tế.- 566.

Gây (Gay), Phrăng-xoa.- 566.

Ghe-ri (Guerry).- 566.

Ghê-bri-ăng (Guébriant), Giăng Ba-ti-xtơ Buy-đơ, bá tước (1602-1643) - thống chế Pháp; tham gia cuộc Chiến tranh 30 năm (1618-1648).- 482.

Ghê-oóc-Phri-đrích (1539-1603) - quan nhiếp chính công quốc Phổ từ năm 1571, người cầm quyền ở Bai-roi-tơ và trấn thủ An-xbắc thuộc nhánh Phran-côn-Bran-đen-buốc của dòng họ Hô-hen-txô-léc.- 336.

Ghê-oóc-Vin-hem (1595-1640) - tuyển đế hầu Bran-đen-buốc (1619-1640).- 338, 339-340.

Ghi-dô (Guizot), Phrăng-xoa Pi-e Ghi-ôm (1787-1874) - nhà sử học tư sản và nhà hoạt động nhà nước Pháp, từ năm 1840 đến cuộc Cách mạng tháng Hai 1848 trên thực tế là người điều khiển chính sách đối nội và đối ngoại của Pháp, thể hiện lợi ích của giai cấp đại tư sản tài chính.- 14, 36, 439.

Ghi-nê (Guinet), Giê-ni.- 566.

Ghi-ô (Guyot, Ch.).- 566.

Ghi-ôm (Guillaume), Giêm-xơ (1844-1916) - giáo viên Thụy Sĩ, phần tử vô chính phủ, người ủng hộ Ba-cu-nin, một trong những người tổ chức Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa; thành viên Quốc tế, người tham gia các đại hội của Quốc tế; đã bị khai trừ ra khỏi Quốc tế tại Đại hội La Hay vì hoạt động chia rẽ; trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất là người theo chủ nghĩa sô-vanh - xã hội.- 584, 587, 667, 670, 688, 689-690, 709, 801, 807.

Ghi-xcơ-ra (Giskra), Các (1820-1879) - nhà hoạt động nhà nước Áo, bộ trưởng nội vụ (1867-1870).- 660.

Ghin-mô (Guillmeaux) - thành viên Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ Rô-man của Quốc tế I, chủ tịch chi hội thợ nguội và thợ cơ khí.- 567.

Ghíp-bơn (Gibbons), Xin-xơ Giôn - năm 1871 là thị trưởng Luân Đôn.- 619.

Gi-giơ-ca (Žižka), I-an (khoảng 1360-1424) - nhà hoạt động của phong trào cách mạng Gu-xơ, thống soái, anh hùng dân tộc của nhân dân Séc.- 329.

Gi-lơ-mo-rơ (Gillmore), Quyn-xi A-đam-xơ (1825-1888) - tướng và kỹ sư quân sự Mỹ, tham gia cuộc nội chiến ở Mỹ đứng về phía những người miền Bắc.- 525-528.

Gia-bô-crít-xki, Ô-xin Pê-tơ-rô-vích (1793-1866) - tướng Nga, tham gia cuộc chiến tranh Crưm.- 304, 307, 310.

Gia-cô-bi (Jacobi), I-ô-han (1805-1877) - nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị Đức, nhà dân chủ tư sản; năm 1848 là một trong những người lãnh đạo cánh tả trong Quốc hội Phổ; năm 1849 là đại biểu viện thứ hai, thuộc cánh cực tả, trong những năm 70 theo những người dân chủ - xã hội.- 48.

Gia-cốp I (1566-1625) - vua Anh thuộc vương triều Xtiu-át (1603-1625), vua Xcốt-len dưới tên hiệu Gia-cốp VI (1567-1625).- 479.

Gia-cốp II (1633-1701) - vua Anh (1685-1688), thuộc vương triều Xtiu-át.- 488.

Gia-cốp Xtiu-át, tên hiệu là *Gia-cốp III* (1688-1766) - con trai của Gia-cốp II, người nắp ranh lên ngôi vua nước Anh.- 488.

Giắc-la-rơ (Jaclard), Sác-lơ Vích-to (1843-1903) - nhà chính luận Pháp, theo phái Blăng-ki, thành viên Quốc tế I, tham gia nhóm khởi xướng Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhưng chẳng bao lâu đã đoạn tuyệt với phái Ba-cu-nin; ủy viên Ban chấp hành trung ương đội vệ binh quốc gia và người tham gia tích cực Công xã Pa-ri; sau khi Công xã bị đàn áp di cư sang Thụy Sĩ, sau đó sang Nga; sau lệnh ân xá năm 1880 trở về Pháp và tiếp tục tham gia phong trào xã hội chủ nghĩa.- 566.

Gie-xép (Jessup), Uy-li-am Gi. - nhà hoạt động của phong trào công nhân Mỹ, thợ mộc đóng tàu; bí thư thông tấn bang Niu-Óóc của Liên đoàn công nhân toàn quốc Mỹ (1867), một trong những người lãnh đạo Liên đoàn công nhân Niu-Óóc; thông tín viên của Tổng Hội đồng Quốc tế ở Hợp chủng quốc Mỹ.- 749-750.

Giê-rác (Gérard), Ê-chiên Mô-ri-xợ (1773-1852) - thống chế và nhà hoạt động nhà nước Pháp, theo phái Óóc-lê-ăng.- 415.

Gioăng VI (1769-1826) - vua Bồ Đào Nha (1816-1826).- 508, 509.

Gioăng-vin (Joinville), Phrăng-xoa Phéc-đi-năng Phi-líp Lu-i Ma-ri, công tước *Óóc-lê-ăng*, hoàng tử (1818-1900) - con trai Lu-i-Phi-líp; sau cuộc cách mạng tháng Hai năm 1848 di cư sang Anh.- 37, 58.

Giooc-giơ (Geordge, J.) - ủy viên Hội đồng Liên chi hội Anh của Quốc tế.- 839.

Giooc-giơ I (1660-1727) - vua Anh (1714-1727), tuyển đế hầu Han-nô-vơ.- 382, 384, 490.

Giô-mi-ni (Jomini), Hăng-ri (An-tôn Hăng-ri Ve-ni-a-mi-nô-vích) (1779-1869) - tướng phục vụ trong quân đội Pháp, về sau phục vụ trong quân đội Nga, tác giả một loạt tác phẩm về chiến lược và lịch sử quân sự, người gốc Thụy Sĩ.- 419.

Giô-xơ (Jost), Giăng - thư ký chi hội thợ nguội, thợ cơ khí và thợ đúc ở Giơ-ne-vơ.- 567.

Giôn-xơn (Jones). Éc-ne-xtơ Sác-lơ (1819-1869) - nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào công nhân Anh, nhà thơ và nhà chính luận vô sản, một trong những lãnh tụ cánh tả trong phong trào Hiến chương và một trong những biên tập viên tờ "Northern Star", biên tập viên tờ "Notes to the People" và "People's Paper"; bạn của Mác và Ăng-ghen.- 821.

Giu-cốp-xki. Ni-cô-lai I-va-nô-vích (1833-1895) - người tham gia các nhóm cách mạng Pê-téc-bua đầu những năm 60; từ năm 1862 là kiều dân ở Thụy Sĩ, phần tử vô chính phủ, một trong những người lãnh đạo Đồng minh bí mật.- 566, 806.

Giu-li II (tên tục là Giu-li-a-nô đen-la Rô-ve-rơ) (1443-1513)- Giáo hoàng La Mã (1503-1513).- 395.

Giuốc-đơ (Jourde). Phrăng-xoa (1843-1893) - nhà hoạt động của phong trào công nhân Pháp, theo phái Pru-đông cánh hữu, nhân viên ngân hàng; thành viên Quốc tế I, ủy viên Ban chấp hành trung ương đội vệ binh quốc gia và thành viên Công xã Pa-ri, lãnh đạo ủy ban tài chính của Công xã; sau khi Công xã Pa-ri bị đàn áp, bị đày đến Tân Ca-lê-đô-ni-a, ông đã trốn khỏi Tân Ca-lê-đô-ni-a năm 1874.- 579.

Giuv-ri-e (Jurieu). Pi-e (1637-1713) - nhà thần học Pháp, theo đạo Tin lành, chống lại chế độ chuyên chế.- 235.

Glát-xtôn (Gladstone). Uy-li-am I-u-át (1809-1898) - nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên đảng To-ri, sau đó theo phái Pin, vào nửa cuối thế kỷ XIX là lãnh tụ đảng tự do; bộ trưởng tài chính (1852-1855 và 1859-1866) và thủ tướng (1868-1874, 1880-1885, 1886, 1892-1894).- 268, 269, 319, 589, 686, 759-762, 798-799, 822.

Glin (Glyn), Giooc-giơ Gren-phen (1824-1887) - chủ ngân hàng Anh, đảng viên đảng tự do, nghị sĩ, tổng trưởng quốc khố (1868-1873). - 822, 827.

Goóc-tra-cốp. A-lếch-xan-đrơ Mi-khai-lô-vích, công tước (1798-1883) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Nga, đại sứ ở Viên (1854-1856), bộ trưởng ngoại giao (1856-1882) và thủ tướng (1867-1882).- 755.

Goóc-tra-cốp. Mi-kha-in Đmi-tơ-ri-ê-vích, công tước (1793-1861) - nhà hoạt động quân sự Nga, tướng; trong cuộc Chiến tranh Crum chỉ huy quân đội ở vùng Đa-nuýp (1853-1854), từ 24 tháng Hai đến cuối năm 1855 chỉ huy quân đội ở Crum.- 284.

Gô-li-txun. A-lếch-xan-đrơ Mi-khai-lô-vích, công tước (1718-1789) - nhà ngoại giao Nga, đại sứ ở Anh (1755-1762), phó thủ tướng (1762-1775).- 497.

Gốt-lốp (Gottlob), Van-tơ - 567.

Gơ-nam (Gnam) - nhà dân chủ Đức, tham gia cuộc cách mạng những năm 1848-1849 ở Đức; năm 1852 di cư sang Hợp chúng quốc Mỹ.- 725-726.

Gra-ni-ê Đơ Cát-xa-nhắc (Granier de Cassagnac), A-đôn-phơ (1806-1880) - nhà báo Pháp, nhà chính trị vô nguyên tắc, trước cuộc cách mạng 1848 theo phái Oóc-lê-ăng, sau đó theo phái Bô-na-pác-tơ, trong thời kỳ Đế chế thứ hai là đại biểu Hội đồng lập pháp; cộng tác với báo "Constitutionnel", trong những năm 50 là chủ bút báo "Pays". - 40.

Gran-giơ (Grange), Sác-lơ - thợ trát vữa Thụy Sĩ, thành viên chi hội Giơ-ne-vơ của Quốc tế "Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa". - 567.

Gran-vin (Granville), Giooc-giơ Lu-xơn-Gô-e-rơ, bá tước (1815-1891) - nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên đảng Vích, về sau là một trong những lãnh tụ của đảng tự do, bộ trưởng ngoại giao (1851-1852, 1870-1874 và 1880-1885).- 762.

Grây (Gray), Giôn (1798-1850) - nhà kinh tế học Mỹ, theo chủ nghĩa xã hội không tưởng, người kế tục R.Ô-oen; một trong những tác giả thuyết "tiền lao động".- 212.

Gre-lơ (Grail, E.) - người theo chủ nghĩa chính thống Pháp.- 19.

Grip-bơ - tướng Nga, tham gia cuộc chiến tranh Crưm.- 308.

Grô-xơ (Grosse), Ê-đu-ác- kiều dân Đức ở Hợp chủng quốc Mỹ, theo phái Lát-xan, thành viên của Quốc tế.- 632.

Gu-xtáp I Va-da (1496-1560) - vua Thụy Điển (1523-1560).- 475.

Gu-xtáp II A-đôn-phơ (1594-1632) - vua Thụy Điển (1611-1632) và vị thống lĩnh.- 338, 339, 480, 482, 484.

Gum-péc-tơ (Gumpert), Ê-đu-ác (mất năm 1893) - bác sĩ người Đức ở Man-se-xtơ, một trong những người bạn của Mác và Ăng-ghen.- 530.

Guy-đen (Gudin), Sác-lơ Ga-bri-en Xê-da, bá tước (1798-1874) - sĩ quan tùy tùng của vua Lu-i-Phi-líp; nguyên soái Pháp (từ năm 1846); năm 1847 bị đuổi ra khỏi quân đội vì bịp bợm.- 69.

H

Ha-lếch (Huleck), Ma-ri-a - ủy viên Tổng Hội đồng của Quốc tế (1868); di cư sang Mỹ.- 631.

Hiếc-sơ (Hirsch), Vin-hem - người bán hàng gốc Hăm-buốc, vào đầu những năm 50 thế kỷ XIX là nhân viên cảnh sát Phổ ở Luân Đôn.- 733-734.

Hin-đơ (Hills), Ét-mun-đơ - thư ký Hội đồng liên chi hội Anh của Quốc tế (1872), chống cánh cải lương trong Tổng Hội đồng.- 821.

Hin-đơ-buốc-hau-den (Hildburghausen), Giô-dép Ma-ri-a Phri-đrích Vin-hem, hoàng tử Dắc-den (1702-1787) - nguyên soái Đức.- 496.

Hin-man (Hillmann), Gu-gô - nhà dân chủ Đức, tham gia cuộc cách mạng 1848-1849, sau khi cách mạng thất bại sống lưu vong ở Luân Đôn; thành viên Tổng liên đoàn công nhân Đức, năm 1869 liên kết với Đảng công nhân dân chủ-xã hội.- 725.

Hoan-na Mất trí (1479-1555) - nữ hoàng Ca-xti-li-a từ năm 1504, nữ hoàng A-ra-gôn từ năm 1516; vợ của Phi-líp I Đẹp trai (từ năm 1496); dưới thời Hoan-na, thực tế cai trị Tây Ban Nha là các nhiếp chính, còn từ năm 1516 là Sác-lơ V, con trai của bà.- 394.

Hô-hen-txô-léc - triều đại các tuyển đế hầu Bran-đen-buốc (1415-1701), các vua Phổ (1701-1918) và các hoàng đế Đức (1871-1918).- 328.

Hô-hen-txô-léc - Dích-ma-rin-ghen (Hohenzollern-Sigmaringen), Các-lơ An-tôn, hoàng tử (1811-1885) - tướng Phổ, thủ tướng (1858-1862).- 468.

Hô-li-ốc (Holyoake), Giooc-giơ Giê-cốp (1817-1906) - nhà chính luận Anh, phần tử cải lương, trong những năm 30-40 theo phái Ô-oen và phái Hiến chương, nhà hoạt động có tiếng tăm của phong trào hợp tác xã.- 594.

Hô-me - nhà thơ sử thi nửa huyền thoại Cổ Hy Lạp, tác giả của "I-li-át" và "Ô-đi-xê".- 440.

Hô-ra-xơ (Kinh-tút Hô-ra-ti-út Phla-cút) (65-8 trước công nguyên) - nhà thơ La Mã kiệt xuất.- 449.

Hô-rô (Hauréau), Giăng Bác-tê-lê-mi (1812-1896) - nhà sử học và nhà chính luận Pháp, thuộc phái cộng hòa tư sản ôn hòa.- 452.

Hô-út (Hout), I-xa-ác Xô-lô-mơn, *van đéc* (sinh năm 1843) - công nhân Hà Lan, đại biểu đại diện cho các chi hội ở Am-xtéc-đam dự đại hội La Hay của Quốc tế (1872).-679

Hô-ve-li-a-nốt I Ra-mi-rết (Jovellanos y Ramirez), Ga-xpác (1744-1811) - nhà hoạt động nhà nước, nhà văn, luật gia và nhà kinh tế học Tây Ban Nha, môn đồ của các nhà khai sáng Pháp thế kỷ XVIII; trong những năm 1808-1810 cầm đầu phe thiểu số tả trong Hội đồng trung ương.- 300.

Hôn-toóc-pơ (Holtorp), Ê-min - kiều dân Ba Lan ở Luân Đôn, ủy viên Tổng Hội đồng của Quốc tế (1864-1866), bí thư thông tấn về Ba Lan (1864-1865).- 740.

Hôn-tơ-hai-mơ (Hontheim), Ri-hác (mất năm 1857) - luật sư ở Khuên, bào chữa tại phiên tòa xử những người cộng sản ở Khuên.- 733, 734.

Hôn-tơn (Holton) - nhà tư bản Anh.- 436.

Hu-bơ (Huber), I-ô-han (1830-1879) - nhà triết học và nhà thần học Đức; giáo sư triết học ở Muyn-sen (từ 1855).- 666.

Huy-gô (Hugo), Vích-to (1802-1885) - nhà văn vĩ đại Pháp.- 323.

Huy-nơ-bai (Hünerbein), Phri-đrích Vin-hem (sinh khoảng năm 1817) - thợ may Anh, thành viên Liên đoàn những người cộng sản, ủy viên Ủy ban an ninh trong thời gian khởi nghĩa vũ trang ở En-béc-phen-đơ tháng Năm 1849.- 719.

I

I-a-ghe-lông - triều đại các vua Ba Lan (1386-1572) và các đại công tước Lít-va (1377-1572).- 480.

I-an-xen (Jansen), Các (sinh khoảng năm 1830) - thầy giáo Đức; tham gia cuộc khởi nghĩa vũ trang ở En-béc-phen-đơ tháng Năm 1843.- 721, 722.

I-át-vi-ga (1513-1573) - con gái của vua Ba Lan Xi-ghi-đơ-mun I, vợ của tuyển đế hầu Bran-đen-buốc I-ô-a-sim II Hếch-tô (từ năm 1535).- 335.

I-bra-him-pa-sa (khoảng 1789-1848)- thống soái và nhà hoạt động nhà nước Ai Cập, tư lệnh tập đoàn quân Ai Cập (1816-1841), tham gia chống cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc của Hy Lạp (1824-1827), tham gia các cuộc chiến tranh của Ai Cập chống Thổ Nhĩ Kỳ (1831-1833 và 1839-1841); từ năm 1844 cùng cầm quyền với bố ông là Mô-ha-mét - A-li, từ năm 1847 là người thực tế cai trị Ai Cập, năm 1848 được chỉ định là pa-sa kế vị của Ai Cập.- 402-403, 509.

I-oóc (Yorck), Han-xơ Đa-vít Lút-vích, bá tước *Vác-ten-buốc* (1759-1830) - tướng Phổ, tham gia cuộc chiến tranh chống nước Pháp của Na-pô-lê-ông.- 426.

I-ô-a-sim I Nê-xtô (1484-1535) - tuyển đế hầu Bran-đen-buốc (1499-1535).- 332.

I-ô-a-sim II Hếch-tô (1505-1571) - tuyển đế hầu Bran-đen-buốc (1535-1571).- 332-335.

I-ô-a-sim - Phri-đrích (1546-1608) - tuyển đế hầu Bran-đen-buốc (1598-1608).- 335-336.

I-ô-dép I (1678-1711) - hoàng đế của cái gọi là Đế chế La Mã thần thánh (1705-1711), vua Hung-ga-ri (1687-1711).- 487, 489.

I-ô-dép II (1741-1790) - người cùng cầm quyền với mẹ là Ma-ri-a Tê-rê-di-a (1765-1780), đứng đầu chính thể quân chủ Áo (1780-1790), hoàng đế của cái gọi là Đế chế La mã thần thánh (1765-1790).- 497, 499.

I-ô-dép-Phéc-đi-năng, hoàng tử (1692-1699) - người thừa kế ngôi vua hầu quốc Ba-vi-e và được dự kiến thừa kế ngôi vua Tây Ban Nha.- 487.

I-ô-han (1782-1859) - đại công tước Áo, từ tháng Sáu 1848 đến tháng Chạp 1849 là quan nhiếp chính của đế chế Đức.- 46, 49, 505.

I-ô-han II (1513-1571) - quận vương biên trấn mới, em trai I-ô-a-sim II Hếch-tô - tuyển đế hầu Bran-đen-buốc.- 332.

I-ô-han Xi-xê-rôn (1455-1499) - tuyển đế hầu Bran-đen-buốc (1486-1499).- 332.

I-ô-han-Ghê-oóc I (1525-1598) - tuyển đế hầu Bran-đen-buốc (1571-1598).- 334.

I-ô-han-Ghê-oóc I (1585-1656) - tuyển đế hầu Dắc-den (1611-1656).- 482.

I-ô-han-Xi-ghi-dơ-mun-đơ (1572-1619) - tuyển đế hầu Bran-đen-buốc (1608-1619), công tước Phổ (từ năm 1618).- 334-337.

I-pxi-lan-ti, A-lếch-xan-đrơ (1792-1828) - nhà hoạt động của phong trào giải phóng dân tộc Hy Lạp, thiếu tướng quân đội Nga, tham gia cuộc Chiến tranh vệ quốc năm 1812, năm 1821 mưu toan dấy lên cuộc khởi nghĩa ở Môn-đa-vi, sau khi cuộc khởi nghĩa bị thất bại chạy trốn sang Áo, bị bắt và bị giam giữ đến năm 1827; được thả nhờ sự can thiệp của Nga.- 508.

I-ung (Jung), Ghê-oóc (1814-1886)- nhà chính luận Đức, thuộc phái Hê-ghen trẻ, một trong những người có trọng trách xuất bản báo "Rheinische Zeitung", người dân chủ tiểu tư sản; năm 1848 là đại biểu Quốc hội Phổ, thuộc cánh tả.- 734.

I-ung (Jung), Héc-man (1830-1901) - nhà hoạt động có tiếng tăm của phong trào công nhân quốc tế và Thụy Sĩ; thợ đồng hồ; ủy viên Tổng Hội đồng Quốc tế và bí thư thông tấn về Thụy Sĩ (tháng Mười một 1864-1872), thủ quỹ Tổng Hội đồng (1871-1872); uỷ viên Hội đồng liên chi hội Anh (1872), trước Đại hội La Hay (tháng Chín 1872) thi hành đường lối của Mác, sau đó theo cánh cải lương trong Quốc tế.- 538, 571, 572, 580-587, 593, 596-602, 654, 655, 672, 740, 811, 820, 822.

I-ung (Jung), Ru-đôn-phơ - thương nhân, nhân chứng tại phiên tòa xử những người tham gia cuộc khởi nghĩa vũ trang ở En-béc-phen-đơ tháng Năm 1849.- 721.

K

Ke-léc-man (Kellermann), Phrăng-xoa Cri-xtốp (1735-1820) - tướng Pháp, người tham gia các cuộc chiến tranh của nước Cộng hòa Pháp chống khối liên minh các nước châu Âu và các cuộc hành quân của Na-pô-lê-ông I, về sau theo chủ nghĩa chính thống.- 422.

Kê-nê (Quesnay), Phrăng-xoa (1694-1774) - nhà kinh tế học lớn nhất ở Pháp, người sáng lập trường phái trọng nông, bác sĩ.- 222.

Kê-ri (Carey), Hen-ri Sác-lơ (1793-1879) - nhà kinh tế học tư sản tầm thường Mỹ, tác giả học thuyết phản động về sự hòa hợp các lợi ích giai cấp trong xã hội tư bản chủ nghĩa.- 259-261.

Ki-xê-lép, Pa-ven Đmi-tơ-ri-ê-vích, bá tước (1788-1872) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Nga, là một vị tướng, người tham gia cuộc chiến tranh vệ quốc năm 1812, những năm 1829-1834 đứng đầu cơ quan chính quyền Nga ở Môn-đa-vi và Va-la-ki, từ năm 1835 là ủy viên thường trực của tất cả các ủy ban bí mật về vấn đề nông dân, bộ trưởng tài sản quốc gia (1837-1856), đại sứ ở Pa-ri (1856-1862).- 389.

Khai-ra-đin, Bác-ba-rô-xa (khoảng 1483-1546) - người cai trị An-giê-ri (1519-1546).- 477.

L

La-bu-se-rơ (Labouchere), Hen-ri (1798-1869) - nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên đảng Vích; bộ trưởng thương mại (1839-1841, 1847-1852), bộ trưởng thuộc địa (1855-1858).- 319.

La-mác-tin (Lamartine), An-phông-xơ (1790-1869) - nhà thơ, nhà sử học và nhà hoạt động chính trị Pháp, trong những năm 40 là phần tử cộng hòa tư sản, năm 1848 là bộ trưởng ngoại giao và thực tế đứng đầu chính phủ lâm thời.- 71-72, 77, 440.

La-mơ-ne (Lamennais), Phê-li-xi-tê (1782-1854) - linh mục, nhà chính luận Pháp, một trong những nhà tư tưởng của chủ nghĩa xã hội Cơ Đốc giáo.- 441-443.

La-phác-gơ (Lafargue), Pôn (1842-1911) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Pháp và quốc tế, người tuyên truyền kiệt xuất chủ nghĩa Mác, ủy viên Tổng Hội đồng của Quốc tế, bí thư thông tấn về Tây Ban Nha (1866-1869); tham gia

xây dựng các chi hội của Quốc tế ở Pháp (1869-1870), ở Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha (1871-1872); một trong những người sáng lập Đảng công nhân Pháp (1879), đại biểu dự đại hội công nhân xã hội chủ nghĩa quốc tế năm 1889 và 1891; học trò và bạn chiến đấu của Mác và Ăng-ghen.- 686, 773, 792.

La-phe-rô-ne (La Ferronnays), Ô-guy-xtơ Pi-e Ma-ri *Phe-rôn*, bá tước *đơ* (1777-1842) - nhà hoạt động chính trị và nhà ngoại giao Pháp, đại sứ ở Pê-tec-bua (1819-1827), tham gia các đại hội của Liên minh thần thánh, bộ trưởng ngoại giao (1828-1829).- 509.

La-pla-xơ (Laplace), Giắc - thành viên Liên chi hội hệ ngôn ngữ Rô-man của Quốc tế.- 567.

La-xi, Pi-ốt Pê-tơ-rô-vích, bá tước (1678-1751) - nguyên soái Nga; người gốc Ai-rơ-len; tham gia cuộc chiến tranh miền bắc (1700-1721), cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế ngai vàng Ba Lan (1733-1735) và cuộc chiến tranh Nga-Thổ Nhĩ Kỳ 1735-1739.- 493.

Lai-tham (Latham), Rô-bớc Ma-xđen - người công liên chủ nghĩa Anh, chủ tịch Đồng minh đại diện công nhân, thành viên của Quốc tế I.- 581.

Lam-boóc-đơ (Lambord)- thành viên của Quốc tế I.- 581.

Lan-đe-cơ (Landeck), Béc-na (sinh năm 1832)- thợ kim hoàn Pháp; đại biểu của Công xã Pa-ri ở Mác-xây; thành viên chi hội Pháp năm 1871 chống Tổng Hội đồng của Quốc tế.- 597, 811.

Lan-nơ (Lannes), Giăng (1769-1809) - thống chế Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp thời Na-pô-lê-ông.- 418, 419.

Lát-xan (Lassalle), Phéc-đi-năng (1825-1864) - nhà chính luận tiểu tư sản, luật sư Đức, trong những năm 1848-1849 tham gia phong trào dân chủ ở tỉnh Ranh; vào đầu những năm 60 tham gia phong trào công nhân, một trong những người sáng lập Liên đoàn công nhân toàn Đức (1863); ủng hộ chính sách thống nhất nước Đức "từ trên xuống" dưới bá quyền của Phổ, mở đầu khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa trong phong trào công nhân Đức.- 660.

Lâu (Lowe), Rô-bớc (1811-1892) - nhà hoạt động nhà nước và nhà chính luận Anh, phần tử tự do chủ nghĩa, nghị sĩ, bộ trưởng tài chính (1868-1873), bộ trưởng nội vụ (1873-1874).- 761.

Le-xno (Lessner), Phri-đrích (1825-1910) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Đức và quốc tế, thợ may; thành viên của Liên đoàn những người cộng

sản, tham gia cuộc cách mạng 1848-1849, từ năm 1856 sống lưu vong ở Luân Đôn, ủy viên Tổng Hội đồng của Quốc tế (tháng Mười một 1864-1872), tham gia Hội nghị Luân Đôn (1865), Đại hội Lô-dan (1867), Đại hội Bruy-xen (1868), Đại hội Ba-lơ (1869) và Đại hội La Hay (1872) của Quốc tế, ủy viên Hội đồng liên chi hội Anh, tích cực đấu tranh cho đường lối của Mác và Ăng-ghen trong Quốc tế; bạn và bạn chiến đấu của Mác và Ăng-ghen.- 676, 817, 821-823, 839.

Le-xtốc (L'Estocq), An-tôn Vin-hem (1738-1815) - tướng Phổ, trong những năm 1806-1807 tham gia cuộc chiến tranh chống nước Pháp thời Na-pô-lê-ông.- 419, 425.

Lem-li (Lumley).- 595.

Len-đo (Landor, R.)- nhà báo Mỹ, năm 1871 là phóng viên báo "World" ở Luân Đôn.- 779-790.

Lê-man (Lehman), An-be - công nhân Đức ở Luân Đôn, nhà hoạt động tích cực của Liên đoàn những người chính nghĩa, sau đó là thành viên của Liên đoàn những người cộng sản, sau khi Liên đoàn bị phân liệt vào năm 1850 ông thuộc phái phiêu lưu - bè phái Vi-lích Sáp-pơ.- 729.

Lê-ô-ni (Leoni), I-ô-xíp - kiều dân Đức ở Luân Đôn.- 726.

Lê-ô-pôn (1790-1852) - đại công tước Ba-đen (1830-1852). - 467.

Lê-ô-pôn I (1640-1705) - hoàng đế của cái gọi là Đế chế La Mã thần thánh (1658-1705).- 338, 342, 484-488.

Lê-ô-pôn II (1797-1870) - đại công tước Tô-xca-nơ. - 455.

Lê-sin-xki, Xta-ni-xláp (1677-1766) - vua Ba Lan (1704-1711 và 1733-1734).- 399, 492.

Lê-vút-xki, Phê-đo Gri-gô-ri-ê-vích - tướng trong quân đội Nga, tham gia Chiến tranh Crưm.- 303, 308.

Li-đéc-xơ, A-lếch-xan-đrơ Ni-cô-la-ê-vích, bá tước (1790-1874) - tướng Nga; trong những năm 1853-1854 chỉ huy quân đoàn ở vùng Da-nuýp, năm 1855 chỉ huy tập đoàn quân miền nam ở Crưm, từ tháng Chạp 1855 là tổng tư lệnh ở Crưm.- 284, 293.

Li-e-vrơ (Lièvre) - nhà luật học Pháp.- 444.

Li-mu-danh (Limousin), Ăng-toan - công nhân Pháp, nhà hoạt động của phong trào hợp tác xã, theo phái Pru-đông, thành viên của Quốc tế, một trong những người lãnh đạo chi hội Pa-ri đến giữa năm 1865.- 538.

Li-ven, Đa-ri-a (Đô-rô-tây-a) Khri-xtô-rốp-na, công tước phu nhân (1785-1857) - vợ của

Kh.A.Li-ven; đóng vai trò nổi bật trong đời sống ngoại giao châu Âu với tư cách bà chủ các phòng khách chính trị ở Luân Đôn và Pa-ri.- 320.

Li-ven, Khri-xtô-pho An-đrê-ê-vích, công tước (1774-1839) - nhà ngoại giao Nga, công sứ ở Béc-lin (1810-1812), đại sứ ở Luân Đôn (1812-1834).- 390.

Lin-côn (Lincoln), H.Gi - chủ biên báo "Daily News". - 276.

Lin-đe-gơ (Lindegger), Ăng-toan (mất sau năm 1898) - công nhân bốc vác Thụy Sĩ; thuộc phái Ba-cu-nin, ủy viên ban chấp hành chi hội Giơ-ne-vơ của Quốc tế "Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa".- 566.

Líp-nếch (Liebknecht), Vin-hem (1826-1900) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Đức và quốc tế; tham gia cuộc cách mạng 1848-1849, thành viên của Liên đoàn những người cộng sản; thành viên của Quốc tế I, đấu tranh tích cực chống chủ nghĩa Lát-xan để bảo vệ các nguyên tắc của Hội liên hiệp trong phong trào công nhân Đức; từ năm 1867 là đại biểu quốc hội; một trong những người sáng lập và lãnh đạo Đảng dân chủ-xã hội Đức, chủ bút báo "Volksstaat" (1869-1876); bạn và bạn chiến đấu của Mác và Ăng-ghen.- 582, 587.

Liu-bô-mia-xki (Liu-béc-min-xki), công tước - năm 1811 là đại diện riêng của A-lếch-xan-đrơ I bên cạnh triều đình của hoàng thân nhiếp chính Anh (vua Giooc-giơ IV sau này).- 506.

Lô-đéc-đan (Lauderdale), Giêm-xơ, bá tước (1759-1839) - nhà hoạt động chính trị tư sản và nhà kinh tế học Anh; phê phán lý thuyết của A-đam Xmít trên lập trường kinh tế chính trị học tầm thường.- 155.

Lô-đô-vi-cô Mo-rô (1452-1508) - công tước Mi-la-nô thuộc vương triều Xphoóc-xơ.- 395.

Lô-grăng (Laugrand, P.) - kiều dân Pháp ở Mỹ.- 631.

Lô-ren (Laurel)- người tham gia phong trào công nhân Mỹ, người dân tộc Thụy Điển; ủy viên Tổng Hội đồng do Đại hội La Hay của Quốc tế (1872) bầu.- 676, 686.

Lô-ren-xô (Lorenzo), An-xen-mô (1841-1915) - nhà hoạt động của phong trào công nhân Tây Ban Nha, công nhân in; một trong những người tổ chức các chi hội của Quốc tế ở Tây Ban Nha, ủy viên Hội đồng liên chi hội Tây Ban Nha (1870-1872), đại biểu dự Hội nghị Luân Đôn của Quốc tế (1871). 819.

Lô-ta-rơ III (Lô-ta-rơ Dắc-den, Lô-ta-rơ Xu-plin-buốc) (khoảng 1075-1137) - vua Đức (từ năm 1125), hoàng đế của cái gọi là Đế chế La Mã thần thánh (1133-1137).- 327.

Lô-ven-đan (Loewendahl hoặc Löwendahl). Un-rích-Phrê-đê-rích Van-đơ-mác, bá tước (1700-1755) - tướng, từ năm 1747 là thống chế, phục vụ trong quân đội Nga (1735-1743), sau đó phục vụ trong quân đội Pháp (1743-1755); tham gia cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế ngai vàng Áo (1740-1748); người gốc Thụy Điển.- 495.

Lốc-cơ (Locke). Giôn (1632-1704) - nhà triết học kiệt xuất Anh, theo nhị nguyên luận, thuyết duy cảm; nhà kinh tế học tư sản.- 776.

Lông-ghê (Longuet). Sác-lơ (1839-1903)- nhà hoạt động của phong trào công nhân Pháp, nhà báo; thuộc phái Pru-đông, về sau thuộc phái Khả năng; ủy viên Tổng Hội đồng của Quốc tế (1866-1867, 1871-1872); tham gia phòng thủ Pa-ri (1870-1871), ủy viên Công xã Pa-ri; đại biểu dự Đại hội công nhân xã hội chủ nghĩa quốc tế năm 1889.- 597, 602, 676.

Lốt-tum (Lottum), Phri-đrích An-brếch Các-lơ, bá tước (1720-1797) - tướng Phổ.- 425.

Lơ Lu-bơ (Le Lubez). Vích-to P. (sinh khoảng năm 1834)- người Pháp sống lưu vong ở Luân Đôn, theo phái cộng hòa; tham gia Hội nghị thành lập Quốc tế ngày 28 tháng Chín 1864, ủy viên Tổng Hội đồng (1864-1866), bí thư thông tấn về Pháp (1864-1865); bị Đại hội Giơ-ne-vơ (1866) khai trừ khỏi Hội đồng vì những mưu kế và vì vu khống.- 536-542.

Lơ-Mét (Le Maitre), Phrê-đê-vích - nhà dân chủ tiểu tư sản Pháp, thành viên Chi hội Pháp của Quốc tế ở Luân Đôn, vào cuối những năm 60 trở về Pháp.- 586.

Lơ Mút-xuy (Le Moussu), Ben-gia-men (bí danh - Công-xtăng) - nhà hoạt động của phong trào công nhân Pháp; thợ khắc, chiến sĩ Công xã, sau khi Công xã bị đàn áp di cư sang Luân Đôn; ủy viên Tổng Hội đồng của Quốc tế và bí thư thông tấn về các chi hội Pháp ở Mỹ (1871-1872); ủng hộ cuộc đấu tranh của Mác và Ăng-ghen chống phái Ba-cu-nin.- 676, 807, 809, 811-812.

Lơ-clếc (Leclerc), A-lếch-xăng-đrơ - thương gia Pa-ri, ủng hộ đảng Trật tự, tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa tháng Sáu của công nhân vào năm 1848.- 31.

Lơ-cráp-tơ (Lucraft), Ben-gia-min (1809-1897) - một trong những thủ lĩnh cải lương của các hội công liên Anh, thợ làm đồ gỗ, ủy viên Tổng Hội đồng (1864-1871); năm 1871 chống Công xã Pa-ri và chống lại lời kêu gọi "Nội chiến ở Pháp" của Tổng Hội đồng.- 581, 594, 752.

Lơ-đruy Rô-lanh (Ledru-Rollin). A-lếch-xan-đrơ Ô-guy-xtơ (1807-1874) - nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị Pháp, một trong những lãnh tụ của những người dân

chủ tiểu tư sản; năm 1848 là ủy viên Chính phủ lâm thời; đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, ở đấy ông lãnh đạo đảng Núi; sau cuộc biểu tình ngày 13 tháng Sáu 1849 sang Anh sống lưu vong.- 71, 82, 238, 255, 744.

Lơ-pho(Lefort), Hăng-ri (1835-1917) - luật sư và nhà báo Pháp; phần tử cộng hòa tư sản, tham gia Hội nghị thành lập Quốc tế, tháng Ba 1865 cắt đứt liên hệ với Quốc tế.- 536-542.

Lơ-vi-e-lơ(Leviele)- người tham gia phong trào công nhân Mỹ; người dân tộc Pháp; ủy viên Tổng Hội đồng, được bầu tại Đại hội La Hay của Quốc tế.- 676, 686.

Lu-ca-xơ(Lukas)- thành viên liên đoàn công nhân ở Muyn-hai-mơ (tỉnh Ranh) năm 1849, về sau sống lưu vong ở Luân Đôn.- 726.

Lu-i (1661-1711)- thái tử Pháp, con trai của Lu-i XIV.- 487.

Lu-i IX "Thánh" (1214-1270) - vua Pháp (1226-1270).- 53.

Lu-i XI(1423-1483) - vua Pháp (1461-1483).- 394.

Lu-i XII(1462-1515) - vua Pháp (1498-1515).- 395, 396, 475.

Lu-i XIII(1601-1643) - vua Pháp (1610-1643).- 481, 482.

Lu-i XIV(1638-1715) - vua Pháp (1643-1715).- 342, 398, 485-490.

Lu-i XV(1710-1774) - vua Pháp (1715-1774).- 380, 399, 496.

Lu-i XVI(1754-1793) - vua Pháp (1774-1792), bị xử tử trong thời gian cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII.- 500.

Lu-i XVIII(1755-1824) - vua Pháp (1814-1815 và 1815-1824).- 12, 19, 508.

Lu-i Bô-na-pác-tơ- xem *Na-pô-lê-ông III*.

Lu-i Na-pô-lê-ông- xem *Na-pô-lê-ông III*

Lu-i-Phi-líp (1773-1850)- công tước *Oóc-lê-ăng*, vua Pháp (1830-1848). - 12-16, 18, 20, 33, 36-37, 67, 69, 80, 227, 323, 377, 383, 443, 509, 728.

Lu-i-Phi-líp An-be, công tước *Oóc-lê-ăng*, bá tước *Pa-ri* (1838-1894) - cháu trai của vua Pháp Lu-i Phi-líp, ngấp nghé ngôi vua Pháp.- 36-37.

Lu-i-đa Buốc-bông, Ma-ri-a - Tê-rê-đa (1819-1864)- công tước phu nhân Pác-mơ, nữ nhiếp chính của công quốc Pác-ma (1854-1859).- 455.

Lu-i-đa Hăng-ri-ét-ta 1627-1667) - vợ thứ nhất (từ năm 1646) của tuyển đế hầu Bran-đen-buốc Phri-đrích Vin-hem.- 340.

Lu-i-da Xa-voa (1476-1531) - nữ nhiếp chính Pháp, mẹ của vua Pháp - Phrăng-xoa I.- 476.

Lu-ít(Lewis), Giooc-giơ *Coóc-nu-ô-lơ* (1806-1863)- nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên đảng Vích, bộ trưởng nội vụ (1859-1861) và bộ trưởng chiến tranh (1861-1863).- 767.

Lu-ít (Lewis), Lê-ông - nhà báo Mỹ, thuộc phái cộng hòa; ủy viên Tổng Hội đồng của Quốc tế (1865).- 740.

Lu-ki-a-nô-vích, Ni-cô-lai An-đrê-ê-vích (khoảng 1806 - mất sau năm 1855)- sĩ quan và nhà sử học quân sự Nga, tham gia cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ 1828-1829, tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa của phái tháng Chạp (1825) và cuộc khởi nghĩa Ba Lan 1830-1831.- 277.

Luốc-đu-ê (Lourdoueix, H.) - người Pháp theo chủ nghĩa chính thống.- 19.

Lút-vích Ca-pét - xem *Lu-i XVI*.

Lút-vích Phéc-đi-năng, hoàng tử *Phổ* (1772-1806).- 425.

M

Ma-da-ri-ni(Mazarini), Giuy-li-ô (1602-1661) - nhà hoạt động nhà nước Pháp, hồng y giáo chủ; từ năm 1643 là bộ trưởng, thực tế cai trị nước Pháp thời Lu-i XIV.- 482, 484.

Ma-đốc (Madox, Maddock, Maddoss, G.W.) - phần tử cấp tiến Mỹ.- 630, 633.

Ma-gá-lông (Magalon), Giăng Đê-ni (1794- khoảng 1840) - nhà văn và nhà báo Pháp, theo khuynh hướng tự do chủ nghĩa.- 443.

Ma-khơ-mút II (1785-1839)- vua Thổ Nhĩ Kỳ (1808-1839). 508, 509.

Ma-lít (Mallet), A-lếch-xan-đe-rơ (1800-1886)- nhà ngoại giao Anh, công sứ ở Phran-phuốc trên sông Mai-nơ bên cạnh Hiệp bang Đức (1849-1866).- 316.

Ma-lông (Malon), Bê-nua (1841-1893) - thợ sơn Pháp, nhà chính luận, nhà xã hội chủ nghĩa, thành viên của Quốc tế I, ủy viên Ban chấp hành trung ương Đội vệ binh quốc gia và Công xã Pa-ri; sau khi Công xã bị đàn áp di cư sang I-ta-li-a, sau đó sang Thụy Sĩ, ở đây ông theo phái Ba-cu-nin; về sau là một trong những thủ lĩnh và nhà tư tưởng của trào lưu cơ hội chủ nghĩa trong phong trào xã hội chủ nghĩa ở Pháp - chủ nghĩa Khả năng.- 688.

Ma-ra-xtơ (Marrast), Ác-măng (1801-1852) - nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị Pháp, một trong những thủ lĩnh của phái cộng hòa tư sản ôn hòa; năm 1848 là ủy viên Chính phủ lâm thời và thị trưởng Pa-ri, chủ tịch Quốc hội lập hiến (1848-1849). - 20, 71, 443.

Ma-rau-đa(Marauda).- 566.

Ma-ri (Marie), A-lếch-xăng-đrơ (1795-1870) - luật sư và nhà hoạt động chính trị Pháp, phần tử cộng hòa tư sản ôn hòa; năm 1848 là bộ trưởng công chính trong Chính phủ lâm thời. - 71, 85.

Ma-ri Ăng-toa-nét (1755-1793) - hoàng hậu Pháp (1774-1793), vợ của Lu-i XVI, bị xử tử trong thời gian cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII.- 381.

Ma-ri-a - xem *Ma-ri-a Buốc-gun-đi*.

Ma-ri-a - xem *Ma-ri-a II Đa Glô-ri-a*.

Ma-ri-a Buốc-gun-đi (1457-1482) - con gái và người thừa kế của công tước Buốc-gun-đi Các-lơ Dũng cảm. - 394.

Ma-ri-a II Đa Glô-ri-a (1819- 1853) - nữ hoàng Bồ Đào Nha (1826-1828 và 1834-1853).- 509.

Ma-ri-a Tê-rê-đi-a (1638-1683)- hoàng hậu Pháp, vợ của vua Pháp Lu-i XIV (từ năm 1660), con gái của vua Tây Ban Nha Phi-líp IV.- 485.

Ma-ri-a Tê-rê-đi-a (1717-1780) - đại công tước phu nhân Áo (1740-1780), nữ hoàng của cái gọi là Đế chế La Mã thần thánh (1745-1780).- 399, 493-497.

Ma-ri-ly (Marilly), Giô-dép.- 566-567.

Ma-ti-xơ(Matis, A.).- 566.

Ma-xê-na (Massena), Ăng-đrê (1756-1817) - thống chế Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của Cộng hòa Pháp và của nước Pháp thời Na-pô-lê-ông.- 357, 412.

Ma-xê-ốp-xki (Maciejowski), Va-xláp A-lếch-xan-đrơ (1793-1883) - nhà sử học và luật học Ba Lan, nhà nghiên cứu các dân tộc Xla-vơ; giáo sư pháp luật La Mã.- 343.

Ma-xi-mi-li-a-nô Xphoóc-txa (1493-1530) - quận công Mi-la-nô, con trai của Lô-đô-vi-cô Mô-rô.- 395, 476.

Mác (Marx), Các (1818-1883) (tư liệu tiểu sử). - 62-68, 77, 268, 271-272, 323-326, 380, 390-391, 393, 452, 530, 541, 552, 566-567, 571, 575, 581, 583, 586-602, 618-619, 627-628, 658-665, 671, 672, 676, 685, 715, 716, 729, 733-737, 740, 742-746, 749, 751, 757-767, 770-773, 778-793, 798-802, 805-810, 813, 814, 817, 818.

Mác(Marx), Gien-ni, nguyên họ là Phôn Ve-xtơ-pha-len (1814-1881)- vợ Các Mác, người bạn chung thuỷ và trợ thủ của ông.- 735.

Mác-Đô-nen (Mac Donnel), Gi. Pa-tơ-rích (khoảng 1845-1906)- nhà hoạt động của phong trào công nhân Ai-rơ-len, ủy viên Tổng Hội đồng của Quốc tế và bí thư thông tấn về Ai-rơ-len (1871-1872); năm 1872 sang Mỹ sống lưu vong, tham gia phong trào công nhân Mỹ.- 594, 599, 676, 684.

Mác-ga-ri-ta Tê-rê-di-a (mất năm 1673) - con gái vua Tây Ban Nha Phi-líp IV, vợ thứ nhất của Lê-ô-pôn I, hoàng đế của cái gọi là Đế chế La Mã thần thánh.- 485.

Mác-Grê-go (Macgregor), Giôn (1797-1857) - nhà kinh tế học, thống kê học và sử học Anh, chủ trương tự do buôn bán, thứ trưởng thương mại (1840-1847), nghị viên (từ năm 1847). - 320.

Mác-Nai-lơ (McNeill), Giôn (1795-1883) - nhà ngoại giao Anh, công sứ ở Tê-hê-ran (1836-1842). - 364-370.

Mác-xê-lau(Marcelau), Ni-cô-lô A-lông-xơ - phần tử vô chính phủ Tây Ban Nha, một trong những người lãnh đạo tổ chức Tây Ban Nha của Đồng minh; bị khai trừ khỏi Quốc tế theo quyết định ngày 30 tháng Năm 1873 của Tổng Hội đồng.- 808.

Mai-an (Miall), Ê-đu-a (1809-1881) - nhà chính luận Anh, tuyên truyền tà đạo, phần tử cấp tiến tư sản; nghị viên (1852-1857, 1869-1874). - 322, 323.

Mai-ning-hau-xơ (Meininghaus), Ghen-rích - chủ khách sạn ở En-béc-phen-đơ; nhân chứng trong vụ án xử những người tham gia cuộc khởi nghĩa vũ trang ở En-béc-phen-đơ tháng Năm 1849.- 720.

Man-bô-rô (Marlborough), Giôn *Sớc-sin*, công tước (1650-1722) - thống soái Anh, trong những năm 1702-1711 là tổng tư lệnh quân đội Anh trong cuộc chiến tranh đòi Di sản Tây Ban Nha.- 488.

Man-toi-phen (Manteuffell), Ốt-tô Tê-ô-đo, nam tước (1805-1882)- nhà hoạt động nhà nước Phổ, đại biểu của giới quan liêu quý tộc; bộ trưởng nội vụ (1848-1850), thủ tướng và bộ trưởng ngoại giao (1850-1858).- 453.

Man-nút (Malthus), Tô-mát Rô-bớc (1766-1834) - linh mục, nhà kinh tế học Anh, nhà tư tưởng của giới quý tộc địa chủ đã tư sản hóa, kẻ biện hộ cho chủ nghĩa tư bản, tuyên truyền thuyết nhân mãn thất nhân tâm.- 143, 144, 175, 181, 224.

Mát-di-ni (Mazzini), Giu-dép (1805-1872) - nhà cách mạng I-ta-li-a, nhà dân chủ tư sản, một trong những lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc ở I-ta-li-a; chống Quốc

tế và Công xã Pa-ri; cản trở sự phát triển của phong trào công nhân độc lập ở I-ta-li-a.- 323, 472, 473, 594, 595, 603, 604, 607-615, 787.

Mắc-Cu-lốc (Mac Culloch), Giôn Ram-xi (1789-1864) - nhà kinh tế học tư sản Anh, người tầm thường hóa học thuyết kinh tế của Ri-các-đô, người biện hộ cho chủ nghĩa tư bản.- 205.

Mắc-xi-mi-li-an I (1459-1519) - hoàng đế của cái gọi là Đế chế La Mã thần thánh (1493-1519).- 394, 395, 475.

Mắc-xi-mi-li-an II (1527-1576) - hoàng đế của cái gọi là Đế chế La Mã thần thánh (1564-1576).- 480.

Mắc-xi-mi-li-an II (1811-1864)- vua Ba-vi-e (1848-1864).- 47.

Mắc-xi-mi-li-an III Giô-dép (1727-1777) - tuyển đế hầu Ba-vi-e (1745-1777).- 494, 499.

Mắc-xi-mi-li-an Ba-vi-e (Mắc-xi-mi-li-an I) (1573-1651) - công tước Ba-vi-e (từ năm 1597) và tuyển đế hầu Ba-vi-e (từ năm 1623), nhà hoạt động ráo riết của thế lực phản động Thiên Chúa giáo ở Đức.- 481.

Mây-ơ (Meyer), Đích-phrít (khoảng 1840-1872) - nhà hoạt động của phong trào công nhân Đức và Mỹ, nhà xã hội chủ nghĩa, kỹ sư; thành viên Tổng liên đoàn công nhân Đức, chống ảnh hưởng của chủ nghĩa Lát-xan trong phong trào công nhân; năm 1866 di cư sang Mỹ, là một trong những người tổ chức các chi hội của Quốc tế ở Mỹ, ủng hộ C. Mác và Ph. Ăng-ghen.- 749.

Me-rây (Murrey) - công sứ Anh ở Tê-hê-ran trong những năm 50 thế kỷ XIX.- 367.

Méc-mi-lô (Mermillod), Phrăng-xoa - công nhân làm vỏ hộp Thụy Sĩ, phó chủ tịch Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ Rô-man của Quốc tế I.- 567.

Men-buốc (Melbourme), Uy-li-am *Lam*, tử tước (1779-1848) - nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên đảng Vích, thủ tướng (1834 và 1835-1841).- 318

Men-đe-xơ Đơ Ha-rô (Mendes de Haro), Lu-ít, bá tước (1598-1661) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Tây Ban Nha, tể tướng Tây Ban Nha (từ năm 1643).- 484.

Men-si-cốp, A-lếch-xan-đrơ Xéc-ghê-ê-vích, công tước (1787-1869) - nhà hoạt động quân sự và nhà hoạt động nhà nước Nga, năm 1853 là đại sứ đặc mệnh ở Công-xtăng-ti-nô-plơ, tổng tư lệnh các lực lượng bộ binh và hải quân ở Crưm (1853-1855).- 267.

Mét-téc-ních (Metternich), Clê-men-xơ, công tước (1773-1859) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Áo, bộ trưởng ngoại giao (1809-1821) và thủ tướng (1821-1848); phần tử phản động điên cuồng, một trong những người tổ chức ra Liên minh thần thánh.- 49, 507-509, 728.

Mê-đi-si - dòng họ I-ta-li-a cai trị ở Phlo-ren-xi từ năm 1434 đến năm 1737 (có gián đoạn).- 395.

Mê-đi-si, Ma-ri-a (1573-1642) - hoàng hậu Pháp, vợ của Hăng-ri IV. 481.

Mi-ghen Bra-gan-xki (1802-1866)- hoàng tử Bồ Đào Nha, trong những năm 1824-1834 là vua, người đứng đầu đảng giáo quyền - chuyên chế ở Bồ Đào Nha.- 508, 510.

Mi-kha-in Phê-đô-rô-vích (1596-1645)- Nga hoàng (1613-1645), thủy tổ của vương triều Rô-ma-nốp.- 480.

Mi-khai-lốp-xki - Đa-ni-lép-xki, A-lếch-xan-đrơ I-va-nô-vích (1790-1848)- tướng Nga, tham gia cuộc Chiến tranh vệ quốc năm 1812, nhà sử học quân sự.- 277.

Mi-lô (Millaud), Mô-i-đơ (1813-1871) - chủ ngân hàng Pháp, thành lập một loạt báo và ngân hàng.- 443.

Mi-lô (Millot, T.)- kiều dân Pháp ở Mỹ, thợ đóng sách; ủy viên Ban chấp hành trung ương các chi hội Bắc Mỹ của Quốc tế I; đứng trên lập trường chủ nghĩa cấp tiến tư sản.- 630.

Mi-ních, Cri-xtô-pho-rơ An-tô-nô-vích (Buốc-khác-đơ Cri-xtốp), bá tước (1683-1767)- nhà hoạt động quân sự và nhà hoạt động nhà nước Nga, kỹ sư, nguyên soái (từ năm 1730), chủ tịch Ban quân sự (từ năm 1730), trong thời gian cuộc chiến tranh Nga-Thổ Nhĩ Kỳ 1735-1739 chỉ huy quân đội Nga ở Crưm và Be-xa-ra-bi.- 493.

Mi-re-xơ (Mirès), Giuy-lơ I-xa-ác (1809-1871)- chủ ngân hàng Pháp, chủ một loạt báo.- 443.

Miếc-bắc(Mirbach), Ốt-tô (sinh năm 1804) - sĩ quan pháo binh Phổ về hưu; nhà dân chủ tiểu tư sản, tham gia cuộc cách mạng 1848-1849, tư lệnh En-béc-phen-đơ trong thời gian cuộc khởi nghĩa vũ trang tháng Năm 1849; sau khi cuộc khởi nghĩa thất bại, rời Đức ra sống ở nước ngoài.- 719, 722.

Min (Mill), Giôn Xtiu-ác (1806-1873)- nhà kinh tế học tư sản và nhà triết học thực chứng Anh, hậu bối của trường phái kinh tế chính trị học cổ điển.- 592, 767, 788.

Min-nơ (Milner), Giooc-giơ - nhà hoạt động của phong trào công nhân Anh, người dân

tộc Ai-rơ-len: thợ may; theo quan điểm xã hội - cải cách của Ô Brai-en, người thuộc phái Hiến chương; ủy viên Tổng Hội đồng của Quốc tế (1868-1872), ủy viên Hội đồng liên chi hội Anh (1872-1873), đấu tranh chống cánh cải lương trong Hội đồng này.- 759, 819, 820, 839.

Mít-sen (Mitchell) - ủy viên Hội đồng liên chi hội Anh của Quốc tế (1871-1873), chống cánh cải lương trong Tổng Hội đồng.- 821.

Moóc-chi-e (Mortier), Ê-đu-ác A-đôn-phơ Ca-di-mia Giô-dép (1768-1835)- thống chế Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của Pháp thời Na-pô-lê-ông.- 419.

Moóc-la (Morla), Tô-mát (1752-1820) - tướng Tây Ban Nha, ủy viên Hội đồng trung ương, sau đó là bộ trưởng chiến tranh và hải quân thời vua Giô-dép Bô-na-pác-tơ (1808-1813).- 300.

Mô-ha-mét-Á-li (1769-1849)- người cai trị Ai Cập (1805-1848).- 402, 509.

Mô-ha-mét-sắc (1810-1848) - vua Ba Tư (1834-1848).- 364-367.

Mô-lê (Maulet, J.).- 566.

Mô-na-sơn (Monachon, L.).- 567.

Mô-ra-gô Gôn-xa-lét (Morago Gonzales), Tô-mát - phần tử vô chính phủ Tây Ban Nha, thợ khắc chạm, một trong những người thành lập và lãnh đạo Đồng minh ở Tây Ban Nha; ủy viên Ủy ban liên chi hội Tây Ban Nha của Quốc tế (1870-1871); bị khai trừ khỏi Quốc tế theo quyết định ngày 30 tháng Năm 1873 của Tổng Hội đồng.- 807.

Mô-ri-txơ Dắc-den (1521-1553)- công tước Dắc-den (từ năm 1541), tuyển đế hầu (từ năm 1547), tổng tư lệnh quân đội đế chế trong thời gian cuộc Chiến tranh Sman-can-đen 1546-1548.- 478.

Mô-rít-xơ Đờ Xắc-xơ (Maurice de Saxe), bá tước (1696-1750)- thống chế Pháp, tham gia cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế ngai vàng Áo (1740-1748); tác giả những tác phẩm lý luận quân sự.- 495.

Mô-rơ-li (Morley), Xa-mu-en (1809-1886)- nhà công nghiệp và nhà hoạt động chính trị Anh, phần tử tự do chủ nghĩa, nghị viên (1805, 1868-1885).- 686, 710.

Môn-rô (Monroe), Giêm-xơ (1758-1831)- nhà hoạt động nhà nước Mỹ, tổng thống Mỹ (1817-1825), năm 1823 đọc tuyên ngôn công bố những nguyên tắc chính sách đối ngoại của Mỹ và về sau được biết dưới tên gọi học thuyết Môn-rô.- 508.

Môn-tít (Monteith), Rô-béc-tơ - quan chức Anh.- 320, 321.

Môn-tơ-kê (Moltke), Hen-mút Các-lơ Béc-nơ-hác-tơ (1800-1891) - nguyên soái và nhà lý luận quân sự Phổ, một trong những nhà tư tưởng của chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa sô-vanh Phổ.- 753, 758.

Mông-ta-lăm-be (Montalember), Mác-cơ Rê-nơ (1714-1800) - tướng Pháp, kỹ sư quân sự, đã nghiên cứu đề xuất hệ thống mới về xây dựng công sự được vận dụng rộng rãi trong thế kỷ XIX.- 410, 524.

Mông-te-xki-ơ (Montesquieu), Sác-lơ (1689-1755)- đại biểu lỗi lạc của phong trào Khai sáng tư sản thế kỷ XVIII, nhà lý luận của chế độ quân chủ lập hiến.- 222.

Mốt-tơ-xhết (Mottershead), Tô-mát Gi. (khoảng 1825-1884)- thợ dệt Anh, ủy viên Tổng Hội đồng của Quốc tế (1869-1872), bí thư thông tấn về Đan Mạch (1871-1872); đứng trên lập trường cải lương chống đường lối của Mác và Ăng-ghen trong Tổng Hội đồng và trong Hội đồng liên chi hội Anh, bị khai trừ khỏi Quốc tế theo quyết định ngày 30 tháng Năm 1873 của Tổng Hội đồng.- 581, 593, 597, 599, 773, 776, 818, 822.

Mơ-rây hoặc Ma-ri (Murrey), Sác-lơ - một trong những người lãnh đạo các hội công liên Anh, thợ giày; tham gia phong trào Hiến chương, một trong những người lãnh đạo Đồng minh cải cách dân tộc, ủy viên Tổng Hội đồng của Quốc tế (1870-1872) và ủy viên Hội đồng liên chi hội Anh (1872-1873), ủng hộ Mác và Ăng-ghen.- 821, 839.

Mrô-scốp-xki (Mroczkowsky), Va-lê-ri-an (1840-1889)- người tham gia cuộc khởi nghĩa Ba Lan năm 1863, thợ ảnh; thuộc phái Ba-cu-nin, thành viên của Đồng minh công khai và bí mật.- 566.

Mu-xta-pha III (1717-1774) - vua Thổ Nhĩ Kỳ (1757-1774).- 498.

N

Na-đia-sắc (Ku-li-khan) (1688-1747) - vua I-ran (1736-1847).- 361.

Na-pô-lê-ông I Bô-na-pác-tơ(1769-1821)- hoàng đế Pháp (1804-1814 và 1815).- 12, 13, 18, 23, 281, 298, 300, 346-349, 374, 401, 402, 410, 415, 418, 419, 428, 439, 440, 502-506.

Na-pô-lê-ông III (Lu-i - Na-pô-lê-ông Bô-na-pác-tơ) (1808-1873)- hoàng đế Pháp (1852-1870).- 16, 18, 22-24, 35-38, 41, 58, 237, 323-324, 436, 442, 443, 452-461, 465-470, 473, 584, 589, 663, 755, 756, 760, 761, 785.

Nây (Ney), Mi-sen (1769-1815)- thống chế Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của Cộng hòa Pháp và nước Pháp thời Na-pô-lê-ông.- 426.

Nây-pia (Napier), Sác-lơ (1786-1860)- đô đốc Anh, trong những năm 1833-1834 chỉ huy một hải đoàn Anh từng tham gia các cuộc nội chiến ở Bồ Đào Nha (1823-1834); năm 1854 là tư lệnh hạm đội ở biển Ban-tích.- 279, 287, 295, 510.

Nây-pia (Napier), Uy-li-am Phren-xít Pa-tơ-rích (1785-1860)- tướng và sử gia quân sự Anh, trong những năm 1808-1814 tham gia cuộc chiến tranh chống Na-pô-lê-ông I ở bán đảo Pi-rê-nê.- 277.

Nê-sa-ép, Xéc-gây Ghen-na-đi-ê-vích (1847-1882)- nhà cách mạng Nga, người âm mưu thuộc khuynh hướng vô chính phủ, lập ra tổ chức bí mật "Sự trừng phạt của nhân dân" (1869), trong những năm 1869-1871 gắn chặt với Ba-cu-nin; năm 1872 bị các nhà đương cục Thụy Sĩ nộp cho chính phủ Nga; chết trong pháo đài Pê-tơ-rô-páp-lốp.- 665.

Nê-xen-rô-đe, Các-lơ Va-xi-li-ê-vích, bá tước (1780-1862)- nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Nga, bộ trưởng ngoại giao (1816-1856).- 370-372, 391, 507.

Nếch-ke (Necker), Giắc (1732-1804)- nhà hoạt động nhà nước và kinh tế học Pháp, trong những năm 70-80 thế kỷ XVIII là tổng giám đốc tài chính, ngay trước cuộc cách mạng tư sản ông định tiến hành một số cải cách.- 381.

Ni-bua (Niebuhr), Bác-tơn Ghê-óóc (1776-1831)- sử gia Đức nghiên cứu thế giới cổ đại.- 417.

Ni-cô-lai I (1796-1855) - hoàng đế Nga (1825-1855).- 47, 268-270, 286, 287, 362, 382, 508, 731.

Ni-đe-gơ(Niedegger), Lu-i.- 566.

Ni-e-gô-lép-xki (Niegolewscki), Vla-đi-xláp Mau-rit-xư Gơ-gi-ma-la (1819-1885)- nhà hoạt động chính trị và luật sư Ba Lan; nhà dân chủ tiểu tư sản, năm 1848 là đại biểu Quốc hội Phran-phuốc, từ năm 1849 là nghị sĩ Phổ đại biểu của Pô-dơ-nan.- 471.

Ni-en (Niel), A-đôn-phơ (1802-1869) - tướng Pháp, sau đó là thống chế, tham gia cuộc Chiến tranh Crưm và cuộc chiến tranh Áo - I-ta-li-a - Pháp.- 314.

Nốt-i-ung (Nothjung), Pê-tơ (khoảng 1821-1866) - thợ may Đức; thành viên Liên đoàn công nhân Khuên, thành viên Liên đoàn những người cộng sản; tham gia cuộc khởi nghĩa vũ trang ở En-béc-phen-đơ tháng Năm 1849; một trong những bị cáo trong vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852), bị kết án sáu năm tù giam.- 719.

Nơ-mua (Nemours), Ma-ri-a, nữ công tước Oóc-lê-ăng-Lông-vin (1625-1707)- công chúa Nơ-sa-ten.- 343.

O, Ô, Ơ

Oa-ren (Warren), Pi-tơ (1703-1752)- đô đốc Anh; người gốc Ai-rơ-len; tham gia cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế ngai vàng Áo (1740-1748), nghị viên.- 495.

Oa-sinh-tơn (Washington), Giooc-giơ (1732-1799)- nhà hoạt động nhà nước lỗi lạc Mỹ, tổng tư lệnh quân đội trong thời kỳ chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Bắc Mỹ (1775-1783), tổng thống đầu tiên của Hợp chúng quốc Mỹ (1789-1797).- 23.

Oa-sơ-bớc-nơ (Washburne), Ê-li-huy Ben-gia-min (1816-1887)- nhà hoạt động chính trị và nhà ngoại giao Mỹ, thuộc đảng cộng hòa, công sứ ở Pa-ri (1869-1877), thi hành chính sách thù địch với Công xã Pa-ri. - 595.

Oen-lin-tơn (Wellington), Ác-tuya *Oen-xli*, công tước (1769-1852)- thống soái và nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên đảng To-ri; trong những năm 1808-1814 và 1815 chỉ huy quân đội trong cuộc chiến tranh chống nước Pháp thời Na-pô-lê-ông; thủ tướng (1828-1830). - 301, 390, 412, 428.

Oen-xli (Wellesley), Ri-sớt *Cô-li*, hầu tước (1760-1842)- nhà hoạt động quân sự và nhà nước Anh, đại sứ ở Tây Ban Nha (1809).- 301.

Oét-xtơ (West), Uy-li-am - phần tử cấp tiến tư sản Mỹ, thành viên của chi hội Niu Oóc số 12, bị Đại hội La Hay khai trừ khỏi Quốc tế.- 623-628, 630, 679.

Oét-xtơn (Weston), Giôn - nhà hoạt động của phong trào công nhân Anh, thợ mộc, sau đó là chủ xí nghiệp; thuộc phái Ô-oen; ủy viên Tổng Hội đồng của Quốc tế (1864-1872) và ủy viên Hội đồng Liên chi hội Anh.- 581, 586, 767, 768.

Oóc-lê-ăng, công tước - xem *Phi-líp Oóc-lê-ăng*.

Oóc-lê-ăng, Ê-len, nguyên họ là *Mê-clen-buốc*, quận chúa (1814-1856)- vợ của Phéc-đi-năng (mất năm 1842), con trai cả của Lu-i Phi-líp.- 37, 440.

Oóc-xi-ni (Orsini), Phê-lít-sơ (1819-1858)- nhà cách mạng I-ta-li-a, nhà dân chủ và cộng hòa tư sản, một trong những người có tiếng tăm tham gia công cuộc giải phóng dân tộc và thống nhất I-ta-li-a; bị tử hình vì mưu sát Na-pô-lê-ông III.- 473-474.

Ô' Cô-no (O' Connor), Phéc-giuýt (1794-1855)- một trong những thủ lĩnh của phái Hiến chương, người sáng lập và chủ bút báo "Northern Star"; sau năm 1848 là phần tử cải lương.- 821.

Ô-bre-xcốp, A-lếch-xây Mi-khai-lô-vích (1718-1787)- nhà ngoại giao Nga; đại biện (1751) và công sứ (1752-1768) ở Công-xtăng-ti-nô-plơ; năm 1768 nhân cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ bùng nổ, ông bị bắt và giữ lại ở Thổ Nhĩ Kỳ đến năm 1771; tham gia ký hòa ước Ki-u-súc-Cai-nác-gi năm 1774.- 498.

Ô-bry (Aubry), Ê-min (khoảng 1829-1900) - công nhân in thạch Pháp, nhà hoạt động nổi tiếng của Quốc tế, thuộc phái Pru-đông, thành lập và lãnh đạo Liên chi hội Ru-ăng của Quốc tế, tham gia Công xã Pa-ri.- 589.

Ô -clên-đơ, Giooc-giơ I-đen, bá tước (1784-1849)- nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên đảng Vích, toàn quyền Ấn Độ (1836-1842).- 365, 369.

Ô-guy-xtơ (năm 63 trước công nguyên - năm 14 sau công nguyên) - hoàng đế La Mã (năm 27 trước công nguyên - năm 14 sau công nguyên).- 404.

Ô-li-vi-ê (Ollivier), Ê-min (1825-1913)- nhà hoạt động chính trị Pháp, phần tử cộng hòa ôn hòa, sau đó thuộc phái Bô-na-pác-tơ, đứng đầu chính phủ (tháng Giêng-tháng Tám 1870).- 673.

Ô-lua(Aulois)- kiểm sát viên Pháp.- 586.

Ô-me-rơ-pa-sa (Mi-kha-in La-ta-xơ) (1806-1871)- tướng Thổ Nhĩ Kỳ, người gốc Crô-a-xi, tổng tư lệnh quân đội Thổ Nhĩ Kỳ trong cuộc Chiến tranh Crưm.- 269, 291, 293-294, 392.

Ô-oen (Owen), Rô-bớc (1771-1858) - nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng Anh vĩ đại.- 229, 776-777, 821.

Ô-pu-lơ(Hautpoul), An-phông-xơ Hăng-ri *Đơ* (1789-1865)- tướng Pháp, thuộc phái chính thống, sau đó thuộc phái Bô-na-pác-tơ; bộ trưởng chiến tranh (1849-1850).- 18, 24, 31.

Ô-ren-lơ Đơ Pa-la-đi-nơ(Aurelle de Paladines), Lu-i Giăng Ba-ti-xtơ (1804-1877)- tướng Pháp, theo thuyết giáo quyền; trong thời gian chiến tranh Pháp-Phổ chỉ huy tập đoàn quân Loa-rơ.- 754.

Ô-xboóc-nơ (Osborne), Tô-mát *Các-mác-ten*, hầu tước (1631-1712)- nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên đảng To-ri, nghị viên, chủ tịch Viện cơ mật (1689-1699).- 382.

Ô-xôn-vin (Aussonville), *Đơ*- nhà hoạt động chính trị Pháp.- 452.

Ô-xten-Xa-ken, Đmi-tơ-ri Ê-rô-phây-ê-vích (1789-1881)- tướng Nga, chỉ huy quân đồn trú Xê-va-xtô-pôn (cuối 1854-1855).- 313.

Ốt-gie-rơ (Odger), Gioóc-giơ (1820-1877)- một trong những thủ lĩnh cải lương của các hội công liên Anh, thợ giày; thư ký Hội đồng công liên Luân Đôn (1862-1872); thành viên Tổng Hội đồng của Quốc tế (1864-1871) và chủ tịch Tổng Hội đồng (1864-1867); năm 1871 từ chối ký vào lời kêu gọi của Tổng Hội đồng "Nội chiến ở Pháp", và ra khỏi Hội đồng.- 552, 581, 591-594, 740.

Ốt-tô - xem *Ốt-tô Giàu có*.

Ốt-tô Giàu có, bá tước Phôn *Ba-len-stết* (mất năm 1123) - bố của An-brếch Gấu.- 327.

Ốt-tôn I (1815-1867) - hoàng tử Ba-vi-e, từ năm 1832 đến năm 1862 là vua Hy Lạp.- 286, 509.

Ơ-gien Xa-voa, hoàng tử (1663-1736)- thống soái và nhà ngoại giao Áo.- 410.

P

Pa-kinh-tơn (Pakington), Giôn Xô-móc-xết (1799-1880) - nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên đảng To-ri, về sau là đảng viên đảng bảo thủ, nghị viên (từ năm 1832); cục trưởng hải quân (1858-1859, 1867), bộ trưởng Bộ chiến tranh (1867-1868).- 269, 429.

Pa-ri, bá tước - xem *Lu-i Phi-líp An-be*.

Pa-rốt (Parrott), Rô-bớc Pác-cơ (1804-1877)- sĩ quan hải quân và nhà phát minh quân sự Mỹ; người sáng chế loại đại bác được sử dụng rộng rãi trong thời gian Nội chiến ở Mỹ.- 526.

Pa-ven I (1754-1801) - hoàng đế Nga (1796-1801).- 504.

Pa-ven V (tên tục là Ca-mi-lô Boóc-ghê-dơ) (1552-1621)- Giáo hoàng La Mã (1605-1621).- 480, 481.

Pa-xkê-vích, I-van Phê-đô-rô-vích; công tước *Vác-sa-va* (1782-1856) - nguyên soái Nga; năm 1854 là tổng tư lệnh quân đội ở Biên giới phía tây và phía nam nước Nga, vào tháng Năm-tháng Sáu 1854 chỉ huy quân đội ở vùng Đa-nuýp.- 291.

Phéc-đi-năng- xem *Phéc-đi-năng Phôn E-xtơ.*

Phéc-đi-năng, công tước Gua-xta-la - xem Phéc-ran-te II.

Phéc-đi-năng nước Áo- xem *Phéc-đi-năng I.*

Phéc-đi-năng Ca-tô-lích (1452-1516) - vua xứ A-ra-gôn (1479-1516), cuộc hôn nhân của ông với nữ hoàng xứ Ca-xti-li I-da-be-la (1469) hoàn tất việc thống nhất Tây Ban Nha.- 395.

Phéc-đi-năng I (1503-1564) - vua của cái gọi là Đế chế La Mã thần thánh (1556-1564), em trai của Sác-lơ V.- 476-480.

Phéc-đi-năng I (1751-1825)- vua của hai xứ Xi-xin (1816-1825); trong những năm 1759-1825 (có gián đoạn) là vua Na-plơ với tên hiệu Phéc-đi-năng IV; vua Xi-xin (1759-1825) với tên hiệu Phéc-đi-năng III.- 506, 507.

Phéc-đi-năng II (1578-1637)- hoàng đế của cái gọi là Đế chế La Mã thần thánh (1619-1637).- 339, 481, 482.

Phéc-đi-năng III (1608-1657)- đại công tước Áo, hoàng đế của cái gọi là Đế chế La Mã thần thánh (1637-1657).- 398, 482, 484.

Phéc-đi-năng VII (1784-1833)- vua Tây Ban Nha (1808 và 1814-1833).- 507, 510.

Phéc-đi-năng Phôn Ê-xtơ, đại công tước (1781-1850)- nguyên soái Áo, tham gia các cuộc chiến tranh chống nước Pháp thời Na-pô-lê-ông.- 505.

Phéc-ran-te II (1563-1630) - công tước xứ Gua-xta-la thuộc dòng họ Gôn-da-ga.- 481.

Phi-e-ta (Filliétaz, G.) - người tham gia phong trào công nhân Thụy Sĩ, thành viên của Quốc tế.- 567.

Phi-líp (1720-1765)- công tước *Pác-ma* (1748-1765).- 495.

Phi-líp I Đẹp trai (1478-1506) - vua Hà Lan (1482-1506), chồng của Hoan-na Mất trí, cha của Sác-lơ V.- 394.

Phi-líp II (1527-1598)- vua Tây Ban Nha (1556-1598).- 396, 479.

Phi-líp III (1578-1621)- vua Tây Ban Nha (1598-1621).- 479, 481.

Phi-líp IV (1605-1665) - vua Tây Ban Nha (1621-1665).- 481, 484, 485.

Phi-líp V (1683-1746) - vua Tây Ban Nha (1700-1746), công tước xứ Ăng-giuy.- 488- 492, 495.

Phi-líp Oóc-lê-ăng (Philippe d'Orléans), công tước *Sác-tơ-rơ* (1674-1723)- cháu họ của Lu-i XIV, nhiếp chính của Pháp (1715-1723) thời Lu-i XV còn nhỏ.- 488, 490.

Phi-stơ (Fichte), I-ô-han Gốt-líp (1762-1814)- đại biểu của triết học cổ điển Đức, nhà duy tâm chủ quan.- 666.

Phin-kê (Vincke), Ghê-oóc, nam tước (1811-1875)- nhà hoạt động chính trị Phổ, trong những năm 1848-1849 là một trong những thủ lĩnh của cánh hữu trong Quốc hội Phran-phuốc; trong những năm 50-60 là đại biểu Quốc hội Phổ, phần tử tự do chủ nghĩa ôn hòa.- 469, 470.

Phlo-ri-đa-blan-ca (Floridablanca), Hô-xê Mô-nhi-nô, bá tước (1728-1808)- nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Tây Ban Nha, ủng hộ chế độ chuyên chế có văn hóa, bộ trưởng (1777-1792), chủ tịch Hội đồng trung ương.- 300.

Phlô-công (Flocon), Phéc-đi-năng (1800-1866)- nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận Pháp, nhà dân chủ tiểu tư sản, năm 1848 là ủy viên Chính phủ lâm thời.- 71.

Phlơ-ri (Fleury), En-drê Éc-quy-lơ *Đơ* (1653-1743)- Hồng y giáo chủ và nhà hoạt động nhà nước Pháp, tể tướng của Lu-i XV (từ năm 1726).- 399, 494.

Phlu-răng (Flourens), Guy-xtáp (1838-1871) - nhà cách mạng và nhà khoa học tự nhiên Pháp, thuộc phái Blăng-ki, một trong những người lãnh đạo các cuộc khởi nghĩa ở Pa-ri ngày 31 tháng Mười 1870 và 22 tháng Giêng 1871; ủy viên Công xã Pa-ri; tháng Tư 1871 bị phe Véc-xây giết hại một cách dã man.- 774.

Phoóc-na-se-ri (Fornaccieri) - người tham gia phong trào công nhân Mỹ, người gốc I-ta-li-a; ủy viên Tổng Hội đồng của Quốc tế được bầu tại Đại hội La Hay (1872).- 686.

Phoóc-na-sơn (Fornachon, L.H.) (mất sau năm 1898) - thành viên của chi hội Giơ-ne-vơ của Quốc tế "Liên minh dân chủ xã hội chủ nghĩa".- 567.

Phô-gtơ (Vogt), Au-gu-xtơ (khoảng 1830- khoảng 1883) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Đức và Mỹ; thợ giày; thành viên Liên đoàn những người cộng sản, tham gia cuộc cách mạng 1848-1849 ở Đức; thành viên Tổng liên đoàn công nhân Đức, cùng với Líp-nếch chống chủ nghĩa Lát-xan; thành viên Quốc tế, năm 1867 di cư sang Mỹ, thành viên Câu lạc bộ cộng sản Niu-Oóc, một trong những người tổ chức ra các chi hội của Hội liên hiệp ở Mỹ, thông tín viên của Tổng Hội đồng, ủng hộ Mác và Ăng-ghen.- 749.

Phô-xét (Fawcett), Hen-ri (1833-1884)- nhà kinh tế học tư sản tầm thường Anh, môn đồ của Giôn Xtiu-át Min, nghị viên từ năm 1865, phần tử tự do chủ nghĩa.- 674.

Phốc-xơ (Fox), Pi-tơ (tên thật là Pi-tơ Phốc-xơ An-drê) (mất năm 1869)- nhà hoạt động

của phong trào dân chủ và phong trào công nhân Anh, nhà báo, người theo chủ nghĩa thực chứng; một trong những người lãnh đạo Đồng minh độc lập dân tộc Ba Lan, ủy viên Tổng Hội đồng của Quốc tế (1864-1869).- 539.

Phốc-xơ (Fox), Sác-lơ Giêm-xơ (1749-1806)- nhà hoạt động nhà nước Anh, thủ lĩnh của đảng Vích, bộ trưởng ngoại giao (1782, 1783 và 1806).- 381, 504.

Phrai-li-grát (Freiligrath), Phéc-đi-năng (1810-1876) - nhà thơ Đức, lúc bắt đầu hoạt động là nhà thơ lãng mạn, sau đó là nhà thơ cách mạng, trong những năm 1848-1849 là một trong những biên tập viên của tờ "Neue Rheinische Zeitung", thành viên Liên đoàn những người cộng sản; trong những năm 50 rời bỏ đấu tranh cách mạng.- 64.

Phran-clin (Franklin), Ben-gia-min (1706-1790) - nhà vật lý học, nhà kinh tế học, nhà hoạt động chính trị lớn của Mỹ, tham gia cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Bắc Mỹ.- 499.

Phran-tre-xcô II (1495-1535)- công tước Mi-la-nô thuộc vương triều Xphoóc-txơ.- 396, 475.

Phran-txơ I (Phran-txơ Xtê-phan Lo-ren-nơ) (1708-1765)- hoàng đế của cái gọi là Đế chế La Mã thần thánh (1745-1765); công tước Lo-ren-nơ với tên hiệu Phran-xi-xcơ III (1729-1736); đại công tước Tô-xca-nơ (1737-1765).- 399, 493, 494.

Phran-txơ I (1768-1835)- hoàng đế Áo (1804-1835), hoàng đế dưới tên hiệu Phran-txơ II của cái gọi là Đế chế La Mã thần thánh (1792-1806). - 507.

Phran-txơ-I-ô-xíp I (1830-1916)- hoàng đế Áo (1848-1916).- 50, 296, 374, 458-461.

Phran-xi-xcơ II (1836-1894)- vua Na-plơ (1859-1860).- 466.

Phran-xi-xcơ III - xem *Phran-txơ I* (Phran-txơ Xtê-phan Lo-ren-nơ).

Phrăng-xoa I (1494-1547)- vua Pháp (1515-1547).- 396, 398, 475-478.

Phrăng-xoa I (1777-1830)- vua của cả hai xứ Xi-xin (1816-1825).- 507.

Phrăng-xoa II (1544-1560)- vua Pháp (1559-1560).- 478.

Phre-gô-xô (Fregoso), Trê-da-re (mất năm 1541)- nhà ngoại giao Pháp xuất thân từ dòng họ Giê-nơ cổ, công sứ Pháp ở Vơ-ni-đơ; bị giết theo lệnh của Sác-lơ V.- 477.

Phren-ken (Fränkel) - công nhân Đức, nhà hoạt động của Hội giáo dục của công nhân Đức ở Luân Đôn, trong những năm 1849-1850 là ủy viên Ban chấp hành trung ương Liên đoàn những người cộng sản; sau khi Liên đoàn bị phân liệt vào năm 1850 ông theo phái bè phái phiêu lưu Vi-lích - Sáp-pơ.- 729.

Phrê-đê-rích VII (1808-1863)- vua Đan Mạch (1848-1863).- 97.

Phri-bua (Friburg. E.E.)- nhà hoạt động của phong trào công nhân Pháp, thợ chạm khắc, về sau là thương nhân, thuộc phái Pru-đông cánh hữu, một trong những người lãnh đạo chi hội Pa-ri của Quốc tế; năm 1871 xuất bản quyển sách "L'Association Internationale des Travailleurs" thù địch với Quốc tế và Công xã Pa-ri.- 536, 538.

Phri-đrích I- xem *Phri-đrích VI*.

Phri-đrích I (1657-1713)- tuyển đế hầu Bran-đen-buốc với tên hiệu Phri-đrích III (từ năm 1688), sau đó là vua Phổ (1701-1713).- 342, 343, 489.

Phri-đrích I (1754-1816)- công tước (từ năm 1797) và vua (1805-1816) Vuyếc-tem-béc.- 503.

Phri-đrích II (1712-1786)- vua Phổ (1740-1786).- 344, 494-498.

Phri-đrích II "Sắt" (1413-1471)- tuyển đế hầu Bran-đen-buốc (1440-1470), năm 1470 nhường ngôi cho anh mình là An-brếch III A-khin-lét.- 330, 331.

Phri-đrích V (1596-1632)- tuyển đế hầu Pphan-xơ (1610-1623).- 481.

Phri-đrích VI (1371-1440)- quan đốc quân Nuyn-béc (từ 1398), tuyển đế hầu Bran-đen-buốc (1417-1440) với tên hiệu Phri-đrích I; người sáng lập vương triều Hô-hen-txô-léc.- 328-331.

Phri-đrích-Au-gu-xtơ I (1750-1827) - tuyển đế hầu Dắc-den (1763-1806) với tên hiệu Phri-đrích-Au-gu-xtơ III, vua Dắc-den (1806-1827).- 505.

Phri-đrích-Au-gu-xtơ II (1797-1854)- vua Dắc-den (1836-1854).- 47, 467, 511.

Phri-đrích - Au-gu-xtơ Dắc-den- xem *Au-gu-xtơ II Hùng Mạnh*.

Phri-đrích - Vin-hem (1620-1688) - tuyển đế hầu Bran-đen-buốc (1640-1688), năm 1657 sáp nhập công quốc Phổ - trước đó ông chiếm hữu với tư cách người được phong cấp của Vương quốc Ba Lan - vào Bran-đen-buốc.- 340-342, 484.

Phri-đrích - Vin-hem I (1688-1740)- vua Phổ (1713-1740).- 343, 493.

Phri-đrích - Vin-hem II (1744-1797)- vua Phổ (1786-1797).- 345, 501.

Phri-đrích - Vin-hem III (1770-1840) - vua Phổ (1797-1840).- 346, 427.

Phri-đrích - Vin-hem IV (1795-1861) - vua Phổ (1840-1861).- 46, 49-56, 58, 97, 316, 353, 374, 467-470, 511.

Phri-môn (Frimont). I-ô-han Ma-ri-a, công tước *An-tơ-rô-đốc-cô* (1759-1831) - tướng Áo, tư lệnh quân đoàn viễn chinh Áo tham gia đàn áp cuộc cách mạng Na-plơ những năm 1820-1821.- 508.

Phri-xơ (Friess. J. hoặc Fries)- thành viên của Quốc tế và ủy viên Ban chấp hành trung ương nhóm những chi hội nói tiếng Đức ở Thụy Sĩ.- 566.

Phu-ri-ê (Fourier). Sác-lơ (1772-1837)- nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng Pháp vĩ đại.- 229.

Phun-đơ(Fould). A-si-lơ (1800-1867)- chủ ngân hàng và nhà hoạt động chính trị Pháp. người thuộc phái Oóc-lê-ăng. về sau thuộc phái Bô-na-pác-tơ. trong những năm 1849-1867 nhiều lần giữ cương vị bộ trưởng tài chính.- 16. 83.

Phuy-li-ke (Fulliquet). Lu-i - công nhân Thụy Sĩ; thành viên của Quốc tế, thư ký chi hội thợ mộc làm đồ gỗ hồng sắc ở Giơ-ne-vơ.- 567.

Pi VII (tên tục là Grê-gô-ri-ô Lu-i-gi Bác-na-ba Ki-a-ra-môn-ti) (1742-1823) - Giáo hoàng La Mã (1800-1823).- 504, 507.

Pi IX (tên tục là Giô-van-ni Ma-ri-a Ma-xta-i Phe-rét-ti) (1792-1878) - Giáo hoàng La Mã (1846-1878).- 467, 510, 595, 610.

Pi-a (Pyat). Phê-lích-xơ (1810-1889) - nhà chính luận, nhà viết kịch và nhà hoạt động chính trị Pháp, tham gia cuộc cách mạng 1848; chống lại phong trào công nhân độc lập; ủy viên Công xã Pa-ri; tiến hành chiến dịch vu khống Mác và Quốc tế.- 438, 439, 443-444, 472, 663, 664, 773, 787.

Pi-ni-e-rơ (Pinière hoặc Pinier) (mất sau năm 1898)- chủ tiệm Thụy Sĩ, thuộc phái Ba-cu-nin.- 567.

Pi-ốt I (1672-1725)- Nga hoàng từ năm 1682, hoàng đế toàn Nga từ năm 1721.- 362, 453, 488-491.

Pi-ốt III (1728-1762)- hoàng đế Nga (1761-1762).- 497, 498.

Pi-xte-rơ(Pisteur. Fr.). - 567.

Pin (Peel). Rô-bớc (1788-1850)- nhà hoạt động nhà nước Anh, thủ lĩnh của phái To-ri ôn hòa (phái Pin), thủ tướng (1834-1835, 1841-1846); với sự ủng hộ của phái tự do, làm cho việc hủy bỏ các đạo luật về ngũ cốc được thông qua (1846).- 14, 319.

Pít (Pitt), Uy-li-am, Cha, từ năm 1766 là bá tước *Sa-tam* (1708-1778)- nhà hoạt động nhà nước Anh, một trong những thủ lĩnh của đảng Vích, bộ trưởng ngoại giao và bộ trưởng bộ chiến tranh (1756-1761), thủ tướng (1766-1768).- 383, 496.

Pít (Pitt), Uy-li-am, Con (1759-1806)- nhà hoạt động nhà nước Anh, một trong những thủ lĩnh của đảng To-ri; thủ tướng (1783-1801 và 1804-1806).- 81, 500, 504.

Ple-xít (Placide), Mác-ga-ri-ta.- 567.

Poóc-tơ (Porter), Gioóc-giơ (1792-1852)- nhà kinh tế học và thống kê học tư sản Anh, chủ trương tự do buôn bán; thứ trưởng thương mại (từ năm 1841).- 318-320.

Pô-nhi-a-tốp-xki (Poniatowski), Xta-ni-xláp Au-gu-xtơ (1732-1798) - vua Ba Lan dưới tên hiệu *Xta-ni-xláp II Au-gu-xtơ* (1764-1795).- 344, 498.

Pô-pốp, Mi-kha-in Ghê-ra-xi-mô-vích (1818-1883)- tướng Nga, tham gia cuộc Chiến tranh Crưm.- 310.

Pô-tô (Potot), Giăng.- 566.

Pô-xtơ (Post)- quan chức cảnh sát Phổ.- 471.

Pô-xtơ-lép (Postleb, Ch.).- 566.

Pốt-xô-đi-Boóc-gô, Các-lơ Ô-xi-pô-vích, bá tước (1764-1842)- nhà ngoại giao Nga, người gốc đảo Coóc-xơ, từ năm 1814 đến năm 1821 là công sứ, từ năm 1821 đến năm 1835 là đại sứ ở Pa-ri, sau đó ở Luân Đôn (1835-1839).- 506, 510-511.

Pphen-đơ(Pfänder), Các-lơ (khoảng 1818-1876)- nhà hoạt động của phong trào công nhân Đức và quốc tế, họa sĩ; ủy viên Ban chấp hành trung ương Liên đoàn những người cộng sản và ủy viên Tổng Hội đồng của Quốc tế; bạn và bạn chiến đấu của Mác và Ăng-ghen.- 103, 715, 716, 729.

Pra-xlanh (Praslin), Sác-lơ, công tước *Đơ Soa-đơn* (1805-1847)- nhà quý tộc Pháp; vụ án của ông ta năm 1847 về việc giết vợ có tiếng vang chính trị.- 69.

Prô-tô (Protot), Sác-lơ Ô-gien Lu-i (1839-1921)- luật sư, thầy thuốc và nhà báo Pháp; thuộc phái Blăng-ki; ủy viên Công xã Pa-ri, sau khi Công xã bị đàn áp di cư sang Thụy Sĩ rồi sang Anh; sau cuộc ân xá năm 1881 trở về Pháp; chống Quốc tế và những người mác-xít.- 774.

Pru-đông (Proudhon), Pi-e Giô-dép (1809-1865)- nhà chính luận, nhà kinh tế học và nhà xã hội học Pháp, nhà tư tưởng của giai cấp tiểu tư sản, một trong những người sáng lập chủ nghĩa vô chính phủ.- 206-207, 212, 218, 222-223, 224-237, 243, 246-253, 378, 661, 668.

Pun-xki (Pulszky), A-vrê-li Phê-ren-xơ (Phran-xi-sếch) (1814-1897)- nhà hoạt động chính trị, nhà văn và nhà khảo cổ học Hung-ga-ri; tham gia cuộc cách mạng 1848-1849 ở Hung-ga-ri; trong những năm 50 cộng tác với báo "New-York Daily Tribune";

năm 1867 sau cuộc ân xá trở về Hung-ga-ri; đại biểu nghị viện (1867-1876, 1884-1897).- 266.

Pút-ca-mơ(Puttkammer)- tổng đốc tỉnh Pô-đơ-nan ở Phổ (1851-1860).- 471, 472.

Q

Quy-bếch (Kübeck), Các, công tước (1780-1855) - nhà hoạt động nhà nước Áo, chuyên viên tài chính.- 49.

R

Ra-cô-txi (Rákóczy), (Đốc-đi I Ra-cô-txi) (1593-1648)- công tước Tơ-ran-xin-va-ni-a (1630-1648), đấu tranh chống dòng họ Háp-xbuốc và Đế chế Ô-xman, chủ trương thống nhất tất cả các vùng đất Hung-ga-ri, trong quá trình cuộc Chiến tranh ba mươi năm liên minh với Thụy Điển.- 482.

Ra-cô-txi (Rákóczy), (Đốc-đi II Ra-cô-txi) (1621-1660)- công tước Tơ-ran-xin-va-ni-a (1648-1660).- 484.

Ra-cô-txi (Rákóczy), Giô-dép (1700-1738)- một trong những đại biểu cuối cùng của dòng họ Hung-ga-ri cổ của các công tước Tơ-ran-xin-va-ni-a; từ năm 1736 sống ở Thổ Nhĩ Kỳ, chết trong thời gian viễn chinh ở Môn-đa-vi.- 493.

Ra-đét-xki (Radetzky), I-ô-dép, bá tước (1766-1858)- thống soái Áo, trong những năm 1848-1849 đàn áp khốc liệt phong trào giải phóng dân tộc cách mạng ở I-ta-li-a; trong những năm 1850-1856 là toàn quyền vương quốc Lôm-bác-đi-Vơ-ni-đơ.- 49, 291.

Ra-đô-vít-xơ (Radowitz), Giô-dép (1797-1853)- tướng và nhà hoạt động nhà nước Phổ, đại biểu của đám cận thần cung đình, trong những năm 1848-1849 là một trong những thủ lĩnh cánh hữu trong Quốc hội Phran-phuốc.- 49.

Ra-glan (Raglan), Phi-xrôi Giêm-xơ Hen-ri *Xô-méc-xét*, nam tước (1788-1855)- tướng Anh, thống soái (từ năm 1854); cục trưởng cục pháo binh (1852-1854), tổng tư lệnh quân đội ở Crưm (1854-1855).- 295.

Ra-xpai (Raspail), Phrăng-xoa (1794-1878)- nhà khoa học tự nhiên Pháp nổi tiếng, nhà

chính luận, người xã hội chủ nghĩa gắn gũi với giai cấp vô sản cách mạng; tham gia các cuộc cách mạng năm 1830 và 1848, đại biểu Quốc hội lập hiến.- 72, 443.

Rai-li (Riley), Uy-li-am Ha-ri-xơn (sinh năm 1835)- nhà báo Anh, thuộc phái cộng hòa, nhà xã hội chủ nghĩa; chủ bút và người xuất bản tờ "International Herald", ủy viên Hội đồng liên chi hội Anh của Quốc tế (1872-1873), chống cánh cải lương trong Hội đồng; về sau rời bỏ phong trào công nhân.- 821, 839.

Rát-xơn (Rutson)- thư ký riêng của bộ trưởng nội vụ Anh Bru-xơ.- 595.

Rau (Rau), Vin-hem - ủy viên Ban chấp hành trung ương nhóm chi hội nói tiếng Đức của Quốc tế I.- 567.

Rau-sơ (Rausch), Phri-đrích Vin-hem (sinh khoảng 1820) - thợ in gốc Bác-men; tham gia cuộc khởi nghĩa vũ trang ở En-béc-phen-đơ tháng Năm 1849.- 721.

Răng-gi-tơ Xinh-khơ (1780-1839)- người cai trị Pen-giáp (1797-1839).- 360, 368.

Rây-mông (Raymond), Sác-lơ - đại biểu dự Đại hội thành lập Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ Rô-man của Quốc tế (tháng Giêng 1869), thư ký chi hội trung tâm ở Giơ-ne-vơ (1870).- 566.

Rép-nhin, Ni-cô-lai Va-xi-li-ê-vích, công tước (1734-1801) - nhà hoạt động quân sự và nhà ngoại giao Nga, đại nguyên soái (từ năm 1796); tham gia cuộc Chiến tranh bảy năm (1756-1763); đại sứ ở Ba Lan (1763-1769); tham gia các cuộc chiến tranh Nga-Thổ Nhĩ Kỳ (1768-1774 và 1787-1791).- 498.

Rê-mi (Rémy), Tê-ô-đo - thầy giáo Thụy Sĩ, thư ký Ban chấp hành trung ương nhóm các chi hội nói tiếng Đức của Quốc tế I; thuộc phái Ba-cu-nin, thành viên chi hội Giơ-ne-vơ của Quốc tế "Liên minh dân chủ xã hội chủ nghĩa".- 566.

Ri-các-đô (Ricardo), Đa-vít (1772-1823) - nhà kinh tế học Anh, đại biểu lớn nhất của kinh tế chính trị học tư sản cổ điển.- 107, 114-120, 122, 124-131, 134, 141-142, 144, 147, 149, 151-155, 158-162, 166, 167, 172, 178, 179, 181, 187, 192-195, 200, 260-261.

Ri-pha-át-pa-sa(1798-1855) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Thổ Nhĩ Kỳ, bộ trưởng ngoại giao (1853), chủ tịch Hội đồng chế định pháp lý cao cấp (tháng Năm 1853- tháng Ba 1854).- 286.

Ri-sác (Richard), An-be (1846-1925)- nhà báo Pháp, một trong những người lãnh đạo chi hội Li-ông của Quốc tế, thành viên của Đồng minh bí mật, tham gia cuộc khởi nghĩa Li-ông năm 1870; sau khi Công xã Pa-ri bị đàn áp ông biểu hiện là người

thuộc phái Bô-na-pác-tơ; trong những năm 80 theo trào lưu cơ hội chủ nghĩa trong phong trào xã hội chủ nghĩa Pháp - phái A-lơ-măng.- 573, 583, 595, 665.

Ri-sơ-li-ơ (Richelieu), Ác-măng Giăng *Duy Plét-xi*, công tước (1585-1642) - nhà hoạt động nhà nước Pháp lớn nhất thời kỳ chế độ quân chủ chuyên chế, hồng y giáo chủ.- 219, 397, 481, 482.

Ri-sơ-li-ơ (Richelieu), Lu-i Phrăng-xoa Ác-măng *Duy Plét-xi*, công tước (1696-1788)- nhà hoạt động quân sự và nhà ngoại giao Pháp; thống chế Pháp (từ năm 1748); tham gia các cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế ngai vàng Tây Ban Nha, Ba Lan và Áo và cuộc Chiến tranh bảy năm.- 496.

Ri-sớt I Tim Sư tử (1157-1199) - vua Anh (1189-1199).- 402.

Rin-côn (Rincon), An-tô-ni-ô (mất năm 1541) - nhà ngoại giao Pháp, công sứ Pháp ở Công-xtăng-ti-nô-plơ; bị giết ở I-ta-li-a theo lệnh của Sác-lơ V.- 477.

Rít (Reid), Rô-bốc - nhà báo Anh, năm 1871 là phóng viên báo chí Anh và Mỹ ở Pháp; đồng tình với Công xã Pa-ri.- 577, 579, 594.

Rít-tinh-hau-den (Rittinghausen), Mô-rít-xơ (1814-1890)- nhà chính luận Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, tác giả một loạt cuốn sách về các vấn đề kinh tế - xã hội; trong những năm 1848-1849 cộng tác với tờ "Neue Rheinische Zeitung"; thành viên của Quốc tế; đảng viên Đảng dân chủ - xã hội Đức đến năm 1884.- 235, 237.

Roay-ê-Cô-la (Royer-Collard), Pi-e Pôn (1763-1845) - nhà hoạt động chính trị, nhà triết học, nhà luật học Pháp, ủng hộ chế độ quân chủ lập hiến.- 228.

Roi-tơ (Reuter), Mác-xơ - vào đầu những năm 50 thế kỷ XIX là mật vụ cảnh sát Phổ ở Luân Đôn.- 734.

Roi-tơ (Ruyter), Mi-khi-en Đơ (1607-1676)- thống soái hải quân, tổng tư lệnh hạm đội của nghị viện Hà Lan trong thời gian cuộc chiến tranh Anh - Hà Lan thứ hai và thứ ba (1665-1667, 1672-1674); từ năm 1673 là phó thủy sư đô đốc chính của Hà Lan.- 485.

Rô-bác(Roebuck), Giôn Ác-tua (1801-1879)- nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận Anh, phần tử cấp tiến tư sản, nghị viên.- 370.

Rô-be-xpi-e (Robespierre), Mắc-xi-mi-liêng (1758-1794) - nhà hoạt động lỗi lạc của cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, lãnh tụ của phái Gia-cô-banh, đứng đầu chính phủ cách mạng.- 19, 237, 238-239, 381, 724.

Rô-bin (Robin), Pôn (sinh năm 1837) - thầy giáo Pháp, thuộc phái Ba-cu-nin, một trong

những người lãnh đạo Liên minh dân chủ xã hội chủ nghĩa, ủy viên Tổng Hội đồng của Quốc tế (1870-1871).- 592, 595, 673.

Rô-bớc (Roberts), Uy-li-am Prau-tinh (1806-1871) - nhà luật học Anh, gắn bó với phong trào Hiến chương và công liên.- 103.

Rô-chơ (Roach), Giôn- nhà hoạt động của phong trào công nhân Anh, ủy viên Tổng Hội đồng của Quốc tế (1871-1872), đại biểu dự Đại hội La Hay (1872), bí thư thông tấn của Hội đồng liên chi hội Anh (1872), theo cánh cải lương trong Hội đồng, chống các nghị quyết của Đại hội La Hay của Quốc tế.- 819, 827.

Rô-dơ (Rose), Hiu Hen-ri (1801-1885)- sĩ quan Anh, đại biện ở Công-xtăng-ti-nô-plơ (1852-1853), tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc ở Ấn Độ (1857-1859).- 267.

Rô-ma-na (Romana), Pê-drô *Ca-rô-i-Xu-rê-đa*, hầu tước *Đơ la* (1761-1811) - tướng Tây Ban Nha, tham gia cuộc chiến tranh giành độc lập (1808-1814).- 301.

Rô-sa (Rochat, F.).- 566.

Rô-sa (Rochat), Sác-lơ (sinh năm 1844) - nhà hoạt động của phong trào công nhân Pháp, ủy viên Hội đồng liên chi hội Pa-ri của Quốc tế, bí thư thông tấn về Hà Lan của Tổng Hội đồng (1871-1872).- 595.

Rô-xét-ti (Rosscty hoặc Rossetti), Bi-át-giô (Ble-dơ) - công nhân I-ta-li-a, chủ tịch chi hội Giơ-ne-vơ ở I-ta-li-a của Quốc tế, năm 1870 gia nhập Ban chấp hành liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ Rô-man.- 566.

Rôn (Roon), An-brếch (1803-1879)- nhà hoạt động nhà nước Phổ, bộ trưởng bộ chiến tranh (1859-1873) và bộ trưởng hải quân (1861-1871).- 469.

Rốt-xơ (Ross, D.).- 320.

Rớt-xen(Russell), Giôn (1792-1878) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thủ lĩnh đảng Vích, bộ trưởng ngoại giao (1852-1853, 1859-1865), thủ tướng (1846-1852, 1865-1866), năm 1855 là đại biểu của nước Anh tại Hội nghị Viên.- 380-381, 455.

Ru-đôn-phơ II (1552-1612) - hoàng đế của cái gọi là Đế chế La Mã thần thánh (1576-1612).- 480.

Rút-xô (Rousseau), Giăng Giắc (1712-1778) - nhà khai sáng lỗi lạc Pháp, nhà dân chủ, nhà tư tưởng của giai cấp tiểu tư sản.- 222, 235, 236.

Ruy-sê (Ruchet, Ch.).- 567.

Ru-giốp- tướng của quân đội Nga, tham gia cuộc Chiến tranh Crưm.- 304, 309.

S

Sa-nô (Chanoz), Giăng Ba-ti-xtơ (sinh năm 1828) - thợ dệt Pháp, thành viên chi hội Li-ông của Quốc tế.- 573.

Sa-tam - xem *Pít Uy-li-am, Cha.*

Sa-ti-ông- xem *Cô-li-nhi.*

Sa-vi-sơ (Chaves), Ma-nu-en Đơ Xin-vây-ra Pin-tơ Đờ Phôn-de-ca, bá tước *A-ma-ran-tê*, hầu tước (1784-1830) - tướng và nhà hoạt động chính trị Bồ Đào Nha, ủng hộ chế độ quân chủ chuyên chế; một trong những người lãnh đạo cuộc bạo động mở đầu các cuộc chiến tranh của Mi-ghen (1823-1834).- 508.

Sác-lơ, đại công tước - xem *Sác-lơ VI.*

Sác-lơ I (1600-1649) - vua Anh (1625-1649), bị xử tử trong thời gian cuộc cách mạng tư sản Anh thế kỷ XVII.- 481.

Sác-lơ II (1630-1685)- vua Anh (1660-1685).- 486.

Sác-lơ II (1661-1700)- vua Tây Ban Nha (1665-1700).- 485-488.

Sác-lơ III (1716-1788)- vua Tây Ban Nha (1759-1788); vua Na-plơ (với tên hiệu là Sác-lơ VII) và vua Xi-xin (với tên hiệu là Sác-lơ IV) (1735-1759).- 300, 399, 491.

Sác-lơ V (1500-1558)- hoàng đế của cái gọi là Đế chế La Mã thần thánh (1519-1556) và vua Tây Ban Nha (1516-1556) với tên hiệu là Sác-lơ (Sác-lốt) I; hoàng tử Hà Lan (1516-1555); vua Xi-xin (1516-1556).- 333-334, 396, 475-478, 500.

Sác-lơ VI (1685-1740)- hoàng đế của cái gọi là Đế chế La Mã thần thánh (1711-1740), con trai của Lê-ô-pôn I.- 344, 487-488, 489-493.

Sác-lơ VIII (1470-1498)- vua Pháp (1483-1498).- 395, 396.

Sác-lơ IX (1550-1574) - vua Pháp (1560-1574).- 479.

Sác-lơ X (1757-1836)- vua Pháp (1824-1830).- 508.

Sác-lơ An-be (1798-1849)- vua Pi-ê-mông (vương quốc Xác-đi-ni) (1831-1849).- 510.

Sác-tô-ru-xki (Czartoryski), A-đam Ê-giu, công tước (1770-1861)- đại quan Ba Lan, trong thời gian cuộc khởi nghĩa Ba Lan 1830-1831 là người đứng đầu chính phủ lâm thời, sau khi cuộc khởi nghĩa bị đàn áp đi cư sang Pa-ri, ở đấy ông cầm đầu giới lưu vong bảo thủ-quân chủ Ba Lan.- 473.

Sam-béc-xơ (Chambers)- nhà hoạt động chính trị Anh, nghị viên.- 270.

Sam-bo (Chambord), Hăng-ri Sác-lơ, quận công *Boóc-đô* (1820-1883)- đại biểu cuối cùng của nhánh trưởng dòng họ Buốc-bông, cháu trai của Sác-lơ X, ngắp nghé ngôi vua Pháp với tên hiệu Hăng-ri V.- 37, 53, 58, 440.

Sáp-pơ (Schapper), Các (1812-1870)- nhà hoạt động của phong trào công nhân Đức, một trong những người lãnh đạo Liên đoàn những người chính nghĩa, ủy viên Ban chấp hành trung ương Liên đoàn những người cộng sản, tham gia cuộc cách mạng 1848-1849; năm 1850 là một trong những thủ lĩnh của phe bè phái phiêu lưu trong thời gian Liên đoàn những người cộng sản bị phân liệt; từ năm 1856 lại xích gần với Mác; ủy viên Tổng Hội đồng của Quốc tế.- 102, 103, 729, 732.

Săng-di (Chanzy), Ăng-toan An-phrết Ô-gien (1823-1883)- tướng Pháp, trong thời gian cuộc chiến tranh Pháp-Phổ chỉ huy quân đoàn số 16 rồi Tập đoàn quân Loa-rơ số 2; đại biểu Quốc hội năm 1871.- 755.

Săng-gác-ni-ê (Changarnier), Ni-cô-la An Tê-ô-đuyn (1793-1877) - tướng và nhà hoạt động chính trị tư sản Pháp, người theo chủ nghĩa quân chủ, trong thời kỳ nền Cộng hòa thứ hai là đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp; sau tháng Sáu 1848 chỉ huy quân đồn trú và đội vệ binh quốc gia Pa-ri, tham gia giải tán cuộc biểu tình ngày 13 tháng Sáu 1849 ở Pa-ri; năm 1851 bị trục xuất khỏi Pháp.- 23.

Séc-van (Cherval), Giuy-liên (tên thật là Giô-dép Crê-mơ)- mật vụ nội gián cảnh sát Phổ đã thâm nhập vào hàng ngũ Liên đoàn những người cộng sản; một trong những bị cáo trong vụ gọi là âm mưu Đức-Pháp ở Pa-ri tháng Hai 1852; vượt ngục nhờ sự giúp đỡ của cảnh sát.- 733.

Sét-ten (Schettel), A-đri-en - thợ cơ khí Pháp, nhà cộng hòa cánh tả, tham gia cuộc cách mạng năm 1848; một trong những người tổ chức chi hội của Quốc tế ở Li-ông.- 573.

Sê-nê-van (Cheneval, L.J.).- 567.

Sê-ô-đa-ép, Mi-kha-in I-va-nô-vích (mất năm 1859) - tướng Nga, tham gia cuộc Chiến tranh vệ quốc năm 1812, trong thời gian Chiến tranh Crưm chỉ huy quân đoàn và bộ binh dự bị.- 285.

Si-li (Schily), Vích-to (1810-1875) - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, luật sư; tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen-Pphan-xơ năm 1849; sau đó sống lưu vong ở Pháp, nhà hoạt động tích cực của Quốc tế ở Pa-ri.- 536-541.

Si-se-ru-a-cô- xem *Bru-nét-ti*, An-giê-lô.

Snai-đơ II (Schneider II), Các - luật gia Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, tham gia cuộc cách mạng 1848-1849; người bào chữa tại phiên tòa xử những người cộng sản ở Khuên.- 733, 734.

Soa-đơn (Choiseul), Ê-chiên Phrăng-xoa, bá tước *đơ Xten-vin*, công tước Đờ (1719-1785)- nhà hoạt động nhà nước và hoạt động quân sự Pháp; trong những năm 1758-1770 khi là tể tướng Pháp, ông giữ cương vị bộ trưởng ngoại giao (1758-1761 và 1766-1770), bộ trưởng bộ chiến tranh và hải quân (1761-1766).- 495, 496.

Sơ-va-li-ê (Chevalier), Phrăng-xoa - người tham gia phong trào công nhân Thụy Sĩ, ủy viên ủy ban hội hợp tác xã sản xuất bánh mì ở Giơ-ne-vơ, một chi hội của Quốc tế.- 567.

Spây-ơ (Speyer), Các (sinh năm 1845) - thợ mộc Đức, thành viên của Quốc tế, năm 1870 đi cư sang Mỹ, từ tháng Mười 1872 là ủy viên Tổng Hội đồng.- 686, 801, 802.

Sram (Schramm), Côn-rát (khoảng 1822-1858)- người có tiếng tăm tham gia phong trào công nhân Đức, ủy viên Ban chấp hành trung ương Liên đoàn những người cộng sản, người có trọng trách xuất bản tạp chí "Neue Rheinische Zeitung. Politisch-ökonomische Revue"; bạn và bạn chiến đấu của Mác và Ăng-ghen.- 729.

Sram(Schramm), Ru-đôn-phơ (1813-1882) - nhà chính luận Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, năm 1848 là đại biểu Quốc hội Phổ, thuộc cánh tả; sau cách mạng di cư sang Anh, chống Mác; trong những năm 60 ủng hộ Bi-xmác.- 725.

Stác-kê (Starke), Các - hạ sĩ quan người gốc Ghê-phrát; nhân chứng tại phiên tòa xử những người tham gia cuộc khởi nghĩa vũ trang ở En-béc-phen-đơ tháng Năm 1849.- 721, 722.

Stai-ni-gơ (Steiniger), Au-gu-xtơ - hạ sĩ quan Đức; nhân chứng tại phiên tòa xử những người tham gia cuộc khởi nghĩa vũ trang ở En-béc-phen-đơ tháng Năm 1849.- 721, 722.

Stai-nơ (Stein, A.F.) - sử gia Phổ đầu thế kỷ XIX.- 327.

Sti-bơ (Stieber), Vin-hem (1818-1882)- cục trưởng cảnh sát chính trị Phổ (1850-1860); một trong những người tổ chức phiên tòa ở Khuên xử các thành viên Liên đoàn những người cộng sản và là nhân chứng chính trong vụ xử này (1852).- 733, 734.

Stiếc-nơ (Stirner), Mắc-xơ (bút danh của Ca-xpa Smít) (1806-1856) - nhà triết học Đức, thuộc phái Hê-ghen trẻ, một trong những nhà tư tưởng của chủ nghĩa cá nhân tư sản và chủ nghĩa vô chính phủ.- 213, 227, 245.

Stôn-xen-béc-gơ (Stolzenberg)- quan chức cảnh sát Phổ ở Pô-dơ-nan.- 472.

Suên-han-xơ (Schönhals), Các-lơ Rit-tơ (1788-1857) - tướng Áo, tham gia các cuộc chiến tranh với nước Pháp thời Na-pô-lê-ông và tham gia đàn áp phong trào giải phóng ở I-ta-li-a trong những năm 1848-1849.- 49.

Sun-txơ-Đê-lít-sơ (Schulze-Delitzsch), Héc-man (1808-1883) - nhà hoạt động chính trị và nhà kinh tế học tư sản tầm thường Đức, ủng hộ việc thống nhất nước Đức dưới bá quyền của Phổ; trong những năm 60 là một trong những thủ lĩnh của phái tiến bộ cố gắng đánh lạc hướng công nhân khỏi cuộc đấu tranh cách mạng bằng cách tổ chức các hội hợp tác.- 570.

Sút-gia-Un-Mun-cơ (mất năm 1842) - vua Áp-ga-ni-xtan (1803-1809 và 1839-1841).- 368.

Svác-xen-béc (Schwarzenberg), A-đam, bá tước (1587-1641)- cố vấn cơ mật của tuyển đế hầu Bran-đen-buốc Ghê-oóc Vin-hem, thi hành chính sách nhằm làm cho Bran-đen-buốc xích gần với các hoàng đế của cái gọi là Đế chế La Mã thần thánh.- 339.

Svác-xen-béc (Schwarzenberg), Các-lơ Phi-líp, công tước (1771-1820) - nguyên soái và nhà ngoại giao Áo, tham gia các cuộc chiến tranh chống nước Pháp thời Na-pô-lê-ông, trong những năm 1813-1814 là tổng tư lệnh liên quân của khối liên minh chống Pháp.- 421.

Svai-xơ (Schweitzer), Giô-han Báp-ti-xtơ (1833-1875) - một trong những đại biểu có tiếng tăm của chủ nghĩa Lát-xan ở Đức, chủ tịch Tổng liên đoàn công nhân Đức (1867-1871); ủng hộ chính sách thống nhất nước Đức "từ trên xuống" dưới bá quyền của Phổ do Bi-xmác thi hành; chống Đảng công nhân dân chủ - xã hội; năm 1872 bị khai trừ khỏi Tổng liên đoàn do bị vạch trần có liên hệ với các nhà đương cục Phổ.- 582, 632.

Svê-rin (Schwerin), Mắc-xi-mi-liêng, bá tước (1804-1872)- một trong những đại biểu của giới qúy tộc và quan lại Phổ, đại biểu Quốc hội Phran-phuốc, thuộc cánh hữu, bộ trưởng nội vụ (1859-1862), phần tử tự do dân tộc chủ nghĩa.- 472.

Svít-xguê-ben (Schwitzguebel), A-đê-ma-rơ (1844-1895) - nhà hoạt động của phong trào công nhân Thụy Sĩ, thợ chạm khắc, thành viên của Quốc tế; người thuộc phái Ba-cu-nin, một trong những người lãnh đạo Liên minh dân chủ xã hội chủ nghĩa và Liên chi hội Giuy-ra.- 654, 688-689, 807.

T

Ta-xít (Pu-bli-út Coóc-nê-li-út Ta-xít) (khoảng 56 - khoảng 117) - sử gia La Mã lớn nhất.- 440.

Tau-en-txin (Tauenzien), Bô-ghi-xláp Phri-đrích I-ma-nu-in (1760-1854) - tướng Phổ, tham gia các cuộc chiến tranh liên hợp chống Cộng hòa Pháp và nước Pháp thời Na-pô-lê-ông.- 426.

Tau-xen (Townshend), Uy-li-am - công nhân Anh, ủy viên Tổng Hội đồng của Quốc tế (1869-1872), tham gia phong trào xã hội chủ nghĩa trong những năm 80.- 839.

Te-xtơ (Teste), Giăng Ba-ti-xtơ (1780-1852)- luật sư và nhà hoạt động nhà nước Pháp, thuộc phái Oóc-lê-ăng, bộ trưởng thương mại, bộ trưởng tư pháp và bộ trưởng công chính trong thời kỳ nền Quân chủ tháng Bảy, bị truy tố về tội mua chuộc và lạm dụng.- 69.

Ti-ban-đi (Tibaldi), Pau-lô (1825-1901)- nhà cách mạng I-ta-li-a, thuộc phái Ga-ri-ban-đi, thành viên của Quốc tế, tham gia Công xã Pa-ri.- 595.

Ti-li (Tilly), I-ô-han Xéc-cla-xơ, bá tước (1559-1632)- tướng lĩnh nổi tiếng, tín đồ Thiên Chúa giáo cuồng tín, từ năm 1630 là tổng tư lệnh quân đội đế chế trong cuộc Chiến tranh ba mươi năm.- 339.

Ti-sen (Tichen, Thiessen, Tiehsen), Ét-uốt.- 715, 716.

Tô-lanh (Tolain), Hăng-ri Lu-i (1828-1897) - thợ chạm khắc Pháp, thuộc phái Pru-đông cánh hữu, một trong những người sáng lập chi hội Pa-ri của Quốc tế; đại biểu Quốc hội năm 1871, trong thời gian Công xã Pa-ri ông chuyển sang phía phái Véc-xây và bị khai trừ khỏi Quốc tế.- 539, 541, 578, 593, 772.

Tô-rê (Thoré), Ê-chiên Giô-dép Tê-ô-phin (1807-1869)- nhà hoạt động chính trị, luật sư và nhà báo Pháp, nhà dân chủ tiểu tư sản, nhà hoạt động tích cực của cuộc cách mạng năm 1848, tham gia các sự kiện ngày 15 tháng Năm 1848.- 443.

Tôn-xtôi, Gia-cốp Ni-cô-la-ê-vích (1791-1867) - nhà văn học Nga; từ năm 1823 sống lưu vong ở Pa-ri, từ năm 1837 là thông tín viên của bộ giáo dục quốc dân và mật vụ của phòng III.- 277, 278.

Tơ-rê-la (Trélat), Uy-lít-xơ (1795-1879) - nhà hoạt động chính trị Pháp, thuộc phái cộng

hòa tư sản, năm 1848 là đại biểu Quốc hội lập hiến, bộ trưởng công chính (tháng Năm - tháng Sáu 1848).- 89.

Tơ-rê-xtai-ôn (Trestaillons). Giắc Duy-pông - người theo phái chính thống Pháp.- 19.

Tơ-rô-suy (Trochu), Lu-i Giuy-lơ (1815-1896)- tướng và nhà hoạt động chính trị Pháp, thuộc phái Oóc-lê-ăng, đứng đầu chính phủ phòng thủ quốc gia, tổng tư lệnh lực lượng vũ trang Pa-ri (tháng Chín 1870- tháng Giêng 1871), tráo trở phá hoại ngầm công cuộc phòng thủ thành phố; đại biểu Quốc hội năm 1871.- 611.

Tơ-rôm-pơ (Tromp), Coóc-ne-lít (1629-1691) - tư lệnh hải quân, thủy sư đô đốc Hà Lan, tham gia cuộc chiến tranh Anh - Hà Lan thứ hai và thứ ba (1665-1667, 1672-1674): từ năm 1676 là tổng tư lệnh hải quân Hà Lan.- 485.

Tơ-ru-lô-vơ (Truelove), Ê-đu-ác (1809-1899)- người xuất bản ở Luân Đôn, thuộc phái Hiến chương, môn đồ của Ô-oen; xuất bản hai lời kêu gọi của Tổng Hội đồng về cuộc chiến tranh Pháp - Phổ và "Nội chiến ở Pháp".- 601.

Tu-cơ (Tooke), Tô-mát (1774-1858) - nhà kinh tế học tư sản Anh, theo trường phái cổ điển của khoa kinh tế chính trị - phê phán lý thuyết của Ri-các-đô về tiền tệ, tác giả của tác phẩm nhiều tập "Lịch sử giá cả".- 205.

Tuốc-nơ-un Tắc-xít-xơ (Thurn und Taxis), Mắc-xi-mi-li-an Các (1802-1871) - công tước cầm quyền Đức.- 49.

Tuy-ren (Turenne), Ăng-ri *Đơ La Tu-rơ đ'Ô-véc-nhơ*, tử tước (1611-1675)- tướng lĩnh nổi tiếng, thống chế Pháp (từ năm 1643), trong thời gian cuộc Chiến tranh ba mươi năm (1618-1648) là tổng tư lệnh quân đội Pháp ở Đức; tham gia các cuộc chiến tranh Phrôn-đơ, cuộc Chiến tranh chuyển giao (1667-1668), tác giả các hồi ký.- 482, 485.

Tuyếc-gô (Turgot), An-nơ Rô-be Giắc-cơ (1727-1781) - nhà kinh tế học và nhà hoạt động nhà nước Pháp, đại biểu lớn nhất của trường phái trọng nông, tổng kiểm soát viên tài chính (1774-1776).- 379.

Txuê-lơ (Zöller, Phil.). 566.

U

U-đi-nô (Oudinot), Ni-cô-la Sác-lơ (1767-1847) - tướng Pháp, từ năm 1809 là thống chế, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp thời Na-pô-lê-ông.- 426.

U-lan (Uhland), Lút-vích (1787-1862)- nhà thơ lãng mạn Đức, trong những năm 1848-1849 là đại biểu Quốc hội Phran-phuốc, thuộc phái giữa thiên tả.- 467.

U-sa-cốp, A-lếch-xan-đrơ Clê-ô-na-cô-vích (1803-1877)- tướng Nga, năm 1854 tham gia các hoạt động quân sự ở vùng Da-nuýp, năm 1855 chỉ huy sư đoàn ở Crưm.- 284.

U-tin, Ni-cô-lai I-xa-cô-vích (1845-1883) - nhà cách mạng Nga, tham gia phong trào sinh viên, hội viên hội "Ruộng đất và tự do", một trong những người tổ chức Chi hội Nga của Quốc tế ở Giơ-ne-vơ, ủy viên ban biên tập tờ "Sự nghiệp nhân dân" (1868-1870); tích cực ủng hộ Mác và Tổng Hội đồng trong cuộc đấu tranh chống Ba-cu-nin và những người theo Ba-cu-nin; vào giữa những năm 70, sau khi trở về Nga ông rời bỏ phong trào cách mạng.- 674.

Uây-cơ-phin (Wakefield), Ét-uốt Gi-bơn (1796-1862) - nhà hoạt động nhà nước, nhà kinh tế học Anh, đưa ra lý thuyết tư sản về xâm chiếm thuộc địa.- 187.

Uây-len-đơ (Wayland), Phren-xít (1796-1865) - linh mục Mỹ, tác giả của một loạt sách giáo khoa phổ thông về mỹ học, kinh tế chính trị học, hiệu trưởng trường đại học tổng hợp ở thành phố Prô-vi-đen-xơ (Mỹ).- 259.

Uê-đơ (Wade), Sác-lơ - người tham gia phong trào cộng hòa ở nước Anh.- 593.

Uên-xơ, hoàng tử - xem *Sác-lơ I.*

Un-phơ (Wolfe), Giây-xơ (1727-1759) - tướng Anh, tham gia các hoạt động quân sự ở Ca-na-đa trong thời gian cuộc chiến tranh Bảy năm (1756-1763).- 496.

Uốc-các-tơ (Urquhart), Đa-vít (1805-1877) - nhà ngoại giao Anh, nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị phản động, thân Thổ Nhĩ Kỳ; vạch trần chính sách đối ngoại của Pan-mớc-xtơn; sáng lập và chủ biên báo "Free Press" (1855-1865). - 264, 266, 320, 321, 326, 378.

Uốc-đơ (Ward), Ô-xboóc-nơ - thợ cơ khí; tham gia phong trào công nhân Mỹ; thành viên chi hội Quốc tế ở Bru-clin; ủy viên Tổng Hội đồng được bầu tại Đại hội La Hay; chịu ảnh hưởng của các nhà cải cách tư sản.- 585, 588, 686.

Uy-le-rơ (Wheeler), Goóc-giơ Uy-li-am - nhà hoạt động của phong trào công nhân Anh, ủy viên Tổng Hội đồng của Quốc tế (1864-1867), ủy viên Hội đồng liên chi hội Anh.- 740, 839

Uy-li-am IV (1765-1837)- vua Anh (1830-1837).- 619.

Uy-li-am III O-răng-giơ (1650-1702) - thống đốc Hà Lan (1672-1702), vua Anh (1689-1702).- 343, 382, 486-487

Uyn-xơ (Wilks). Oa-sinh-tơn (khoảng 1826-1864) - nhà chính luận cấp tiến Anh, một trong những biên tập viên của báo "Morning Star". - 323.

V

Va-loa - triều đại các vua Pháp (1328-1589).- 479.

Va-len-stai-nơ (Wallenstein), An-brếch-tơ Ven-txen Ép-xê-vi (1583-1634) - vị thống lĩnh của cái gọi là Đế chế La Mã thần thánh, tổng tư lệnh của Đế chế trong cuộc Chiến tranh 30 năm (1618-1648), là người gốc Séc.- 481.

Va-xláp IV (1361-1419) - vua Séc (1378-1419), hoàng đế của cái gọi là Đế chế La Mã thần thánh (1378-1400).- 329-330.

Vác-lanh (Varlin), Ơ-gien (1839-1871) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Pháp, làm nghề đóng sách; theo phái Pru-đông cánh tả, một trong những người lãnh đạo Quốc tế ở Pháp; đại biểu dự một số đại hội của Quốc tế, ủy viên Ban chấp hành trung ương đội vệ binh quốc gia và ủy viên Công xã Pa-ri, bị phái Véc-xây bắn ngày 28 tháng Năm 1871.- 580.

Vai-ăng (Vaillant), Ê-đu-a Ma-ri (1840-1915) - đảng viên đảng xã hội chủ nghĩa Pháp, theo phái Blăng-ki, ủy viên công xã Pa-ri và ủy viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1871-1872), một trong những người sáng lập Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp; trong thời gian Chiến tranh thế giới thứ nhất giữ quan điểm sô vanh-xã hội.- 666.

Vai-le-rơ (Weiler), A-đam (1841-1894) - công nhân Đức, thợ làm đồ gỗ hồng sắc; kiều dân ở Hợp chúng quốc Mỹ, sau đó ở Anh; trong những năm 1861-1862 tham gia cuộc Nội chiến ở Hợp chúng quốc Mỹ; từ năm 1862 là thành viên Hội giáo dục công nhân Đức ở Luân Đôn; thành viên Quốc tế (từ năm 1865), ủy viên Hội đồng liên chi hội Anh của Quốc tế (tháng Mười một 1872-1873) và là người thư ký cuối cùng của hội đồng; nhà hoạt động tích cực của phong trào công liên Anh; thành viên Liên đoàn dân chủ-xã hội (từ năm 1883); ủng hộ Mác và Ăng-ghen trong cuộc đấu tranh của hai ông chống những người theo chủ nghĩa cải lương Anh - 821.

Van-đếch-cơ (Waldeck), Bê-nê-đích-tơ Phrăng-xơ Lê-ô (1802-1870) - nhà hoạt động chính trị Đức, phần tử cấp tiến tư sản, luật sư, năm 1848 là phó chủ tịch Quốc hội; về sau theo đảng tiến bộ.- 48.

Vanh-xác (Vinçard), Pi-e Đê-ni (1820-1882)- công nhân Pháp, nhà chính luận tham gia

cuộc cách mạng năm 1848, nhà hoạt động của phong trào hợp tác xã, tác giả một loạt tác phẩm về tình hình giai cấp công nhân; thành viên Quốc tế I.- 538, 541.

Vây-ô (Veuillot), Lu-i Phrăng-xoa (1813-1883) - nhà báo Pháp, người ủng hộ cuồng nhiệt Thiên Chúa giáo, tổng biên tập báo "Univers" (1848-1860).- 441.

Vây-xơ (Weiss), Lu-i (Lút-vích) (mất trước năm 1898) - thợ kim hoàn Thụy Sĩ, ủy viên Ủy ban trung ương nhóm các chi hội nói tiếng Đức do I. Ph. Bếch-cơ lãnh đạo.- 566.

Ve-xtơ-pha-len (Westphalen), Ca-rô-li-na *Phôn* (1780-1856)- mẹ của Gien-ni, vợ Mác.- 735.

Véc-méc-sơ (Vermerch), Ô-gien (1845-1878)- nhà xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản Pháp, tham gia phong trào cộng hòa; trong thời gian Công xã Pa-ri xuất bản báo "Père Duchêne"; sau khi Công xã bị đàn áp di cư sang Anh và đã xuất bản tại đây báo "Qui Vive!", trong đó phát biểu vu khống Quốc tế và Tổng Hội đồng.- 794.

Véc-thơ (Weerth), Ghê-oóc (1822-1856)- nhà thơ vô sản và nhà chính luận Đức, thành viên Liên đoàn những người cộng sản, trong những năm 1848-1849 là một trong những biên tập viên tờ "Neue Rhenische Zeitung", bạn của Mác và Ăng-ghen.- 64.

Ven-dri (Vindry)- thợ nhuộm Pháp, thành viên chi hội Li-ông của Quốc tế I.- 573.

Ven-xen- xem *Va-xláp IV*.

Vê-di-ni-ê (Vésinier), Pi-e (1826-1902) - nhà chính luận tiểu tư sản Pháp, năm 1868 bị khai trừ khỏi Quốc tế vì tội vu khống Tổng Hội đồng; ủy viên Công xã Pa-ri; thư ký chi hội Pháp năm 1871 và ủy viên Hội đồng thế giới của phái liên bang, chống lại Mác và Tổng Hội đồng Quốc tế.- 773, 811.

Vê-li-da-ri (khoảng 504-565)- thống soái Bi-dăng-xơ, phụ tá hoàng đế I-u-xti-ni-an I.- 440.

Vê-rông (Véron), Lu-i Đê-di-rê (1798-1867) - nhà báo và nhà hoạt động chính trị Pháp, trước năm 1848 theo phái Oóc-lê-ăng, sau đó theo phái Bô-na-pác-tơ, biên tập viên và chủ báo "Constitutionnel".- 40.

Vi-đan (Vidal), Phrăng-xoa (1814-1872) - nhà kinh tế học Pháp, nhà xã hội chủ nghĩa, năm 1848 là thư ký Ủy ban Lúc-xăm-bua, đại biểu Quốc hội lập pháp (1850-1851).- 25, 29.

Vi-đốc (Vidocq), Phrăng-xoa Ô-gien (1775-1857) - kẻ phạm tội hình Pháp, nhân viên cảnh sát mật, từ năm 1812 đến năm 1827 đứng đầu Cơ quan cảnh sát hình sự bí mật; tên của ông ta đã trở thành danh từ chung để chỉ những tên mật thám và kẻ bịp bợm có tài xoay xở.- 471.

Vi-kê-ri (Vickery). Xa-muy-en - thư ký Hội đồng liên chi hội Anh (1872-1873), đấu tranh tích cực chống cánh cải lương trong Hội đồng, chủ tịch đại hội Liên chi hội Anh của Quốc tế (1873).- 821, 824, 828, 839.

Vi-la-rơ (Villars), Clốt Lu-i Ếch-to-rơ, công tước (1653-1734)- vị thống tướng Pháp, thống soái (từ năm 1733); tham gia các cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế ngai vàng Tây Ban Nha (1701-1714) và Ba Lan (1733-1735).- 492.

Vi-lích (Willich), Au-gu-xtơ (1810-1878) - sĩ quan Phổ, từ chức vì chính kiến; thành viên Liên đoàn những người cộng sản, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen-Pphan-xơ năm 1849; năm 1850 là một trong những lãnh tụ nhóm phiêu lưu-bè phái trong thời gian Liên đoàn những người cộng sản bị phân liệt; năm 1853 di cư sang Hợp chúng quốc Mỹ; tham gia cuộc Nội chiến đứng về phía những người miền Bắc. - 102, 103, 729, 734.

Vi-xcôn-ti (Visconti), Va-len-ti-na, nữ công tước (1366-1408)- bà của vua Pháp Lu-i XII; xuất thân từ dòng họ qúy tộc ở Mi-la-nô.- 475.

Vích-tơ-A-me-đây I (1587-1637)- quận công Xa-voa từ năm 1630.-482.

Vích-tơ-A-me-đây II (1666-1732) - quận công Xa-voa (1675-1730)- quốc vương Xi-xin (1713-1718); vị vua đầu tiên của Xác-đi-ni (1718, 1720-1730).- 486-488.

Vích-tơ-Ê-ma-nu-en II (1820-1878) - vua Pi-ê-mông (1849-1861), vua I-ta-li-a (1861-1878).- 466, 611.

Vích-tô-ri-a (1819-1901) - nữ hoàng Anh (1837-1901).- 381, 761.

Viếc-gi-lơ (Pu-bli-út Viếc-gi-li-út Ma-rô) (70-19 trước công nguyên) - nhà thơ lỗi lạc La Mã.- 383.

Vin-đen-brúc (Wildenbruch), Lu-i (1803-1874) - nhà ngoại giao Phổ, năm 1848 là công sứ ở Cô-pen-ha-ghen.- 97.

Vin-hem I, hoàng tử *Phổ* (1797-1888) - hoàng tử nhiếp chính (1858-1861), vua Phổ (1861-1888) và hoàng đế Đức (1871-1888).- 466, 471, 728, 760.

Vin-hem I (1781-1864) - quốc vương Vuyếc-tem-béc (1816-1864).- 47.

Vin-hem I Ô-răng-giơ ("Người trầm lặng"), hoàng tử *Ô-răng-giơ*, bá tước *Na-xau* (1513-1584) - nhà hoạt động chính trị Hà Lan thời kỳ cách mạng tư sản thế kỷ XVI, năm 1572 được mời giữ chức thống đốc Hà Lan.- 479.

Vin-hem V (1602-1637) - lãnh chúa vùng đất Hét-xen-Cát-xen (1627-1637).- 339.

Vin-hem V (1748-1806) - thống đốc Hà Lan từ năm 1751, năm 1784 bị trục xuất ra khỏi nước, năm 1787 chính quyền của ông ta được khôi phục nhờ sự can thiệp của Phổ, năm 1795 ông bị quân đội Pháp lật đổ; là chồng của em gái Phri-đrích Vin-hem II.- 345.

Vin-tren-txơ II Gôn-da-ga (1594-1627) - quận công Măng-tua cuối cùng thuộc dòng họ Gôn-da-ga, cầm quyền từ năm 1626, hồng y giáo chủ từ năm 1615.- 481.

Vit-ghen-stây-nơ, Pi-ốt Khri-xti-a-nô-vích, bá tước (1768-1842) - tướng Nga, tham gia các cuộc chiến tranh chống nước Pháp thời Na-pô-lê-ông, trong thời gian tháng Tư - tháng Năm 1813 là tổng tư lệnh quân đội Nga-Phổ.- 426.

Vôn-mai-nơ (Wohlmeiner), I-ô-han Gốt-phrít (sinh khoảng năm 1826) - kiến trúc sư Đức; tham gia cuộc khởi nghĩa vũ trang ở En-béc-phen-đơ tháng Năm 1849.- 721, 722.

Vôn-phơ - tu sĩ dòng Tên, linh mục của hoàng đế Lê-ô-pôn I.- 342.

Vôn-phơ(Wolff), Lu-ít-gi - thiếu tá I-ta-li-a, người ủng hộ Mát-di-ni, ủy viên Tổng Hội đồng Quốc tế (1864-1865), năm 1871 bị vạch trần là điệp viên của cảnh sát Pháp.- 595.

Vôn-phơ (Wolf), Phéc-đi-năng ("Vôn-phơ Đỏ") (1812-1895) - nhà chính luận Đức, thành viên Liên đoàn những người cộng sản, trong những năm 1848-1849 là một trong những biên tập viên của tờ "Neue Rheinische Zeitung"; khi Liên đoàn những người cộng sản bị phân liệt năm 1850 là người ủng hộ Mác; về sau rời bỏ hoạt động chính trị.- 64.

Vôn-phơ (Wolf), Vin-hem ("Lu-pu-xơ") (1809-1864) - nhà cách mạng vô sản Đức, nhà giáo, con trai một nông nô ở Xi-lê-di, từ tháng Ba 1848 là ủy viên Ban chấp hành trung ương Liên đoàn những người cộng sản, trong những năm 1848-1849 là một trong những biên tập viên của tờ "Neue Rheinische Zeitung", đại biểu Quốc hội Phran-phuốc; bạn và bạn chiến đấu của Mác và Ăng-ghen.- 62, 64, 515, 516-517, 530-532.

Vôn-te (Voltaire), Phrăng-xoa Ma-ri (họ thật là *A-ru-ê*) (1694-1778)- nhà triết học - nhà thần luận Pháp, nhà văn trào phúng, đại diện nổi tiếng của phong trào Ánh sáng tư sản thế kỷ XVIII, đấu tranh chống chế độ quân chủ chuyên chế và đạo Thiên Chúa.- 440.

Vru-blép-xki (Wróblewski), Va-lê-ri An-tô-nhi (1836-1908) - nhà hoạt động của phong

trào công nhân Ba Lan và quốc tế, nhà dân chủ cách mạng, một trong những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa giải phóng Ba Lan những năm 1863-1864; tướng của Công xã Pa-ri, ủy viên Tổng Hội đồng Quốc tế và bí thư thông tấn về Ba Lan (1871-1872), tham gia tích cực cuộc đấu tranh chống phái Ba-cu-nin.- 676, 684.

Vu-khơ (Wucher), Lê-ô-pôn (mất trước năm 1898) - thợ may Đức, thành viên Quốc tế I, hội trưởng chi hội thợ may ở Giơ-ne-vơ.- 567.

Vút-han (Woodhull), Vích-to-ri-a (1838-1927) - người đấu tranh cho quyền phụ nữ tư sản Mỹ, đứng đầu chi hội N^{Q} 12 - chi hội bị khai trừ khỏi Quốc tế.- 623, 626-633.

X

Xa-bi-na (Sabina), Ca-ren (1813-1877) - nhà văn Séc bị kết án tù giam vì tham gia phong trào dân chủ - cách mạng trước và trong thời gian cuộc cách mạng 1848-1849; sau khi được trả lại tự do vào năm 1857 chuyển sang lập trường chủ nghĩa tự do.- 665.

Xa-bô (Czabò), Im-rơ (Ê-mê-rích) (1820-1865) - sĩ quan Hung-ga-ri, tham gia cách mạng 1848-1849, ủy viên chính phủ cách mạng Hung-ga-ri thứ nhất (tháng Ba-tháng Chín 1848) và đại biểu Quốc hội ở Đê-brét-xen (1849); sau khi cách mạng thất bại di cư sang Pa-ri rồi sang Luân Đôn.- 475.

Xa-ca-dơ (Sacase), Phrăng-xoa (1808-1884) - quan tư pháp Pháp, theo chủ nghĩa quân chủ, từ năm 1871 là đại biểu Quốc hội.- 663.

Xa-la-đin, I-u-xúp (Xa-lắc-át-Đin) (1138-1193) - vua Ai Cập (1171-1193), người sáng lập vương triều Ai-i-u-bít.- 402.

Xai-đơ-pa-sa, Mu-ha-mét (1822-1863) - người cai trị Ai Cập (1854-1863).- 436.

Xan-ghi-nét (Sanguinède, J.).- 566.

Xan-ghi-nét (Sanguinède), Rô-da-li-a.- 566.

Xanh-Ác-nô (Saint-Arnaud), Ác-măng Giắc A-sin *Lơ-rua Đơ* (1801-1854)- thống chế Pháp, thuộc phái Bô-na-pác-tơ; một trong những người tổ chức cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851, bộ trưởng quốc phòng (1851-1854), năm 1854 là tổng tư lệnh quân đội ở Crưm.- 295.

Xanh-Cle-rơ (Saint-Clair) - người tham gia phong trào công nhân Mỹ, ủy viên Tổng Hội đồng, được bầu tại Đại hội La Hay của Quốc tế (1872).- 676, 686.

Xanh-Xi-mông (Saint-Simon), Hăng-ri (1760-1825) - nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng Pháp vĩ đại.- 236.

Xắc-xơ (Saxe), Hen-rích Mô-ri-xơ, bá tước (1696-1750) - thống chế Pháp, tác giả quyển sách về các vấn đề nghệ thuật quân sự.- 413.

Xây (Say), Giăng Ba-ti-xtơ (1767-1832) - nhà kinh tế học tư sản Pháp, đại biểu của khoa kinh tế chính trị tầm thường.- 154, 157, 190, 201.

Xcô-pi-ni (Scopini, J.J.)- chủ tịch, rồi phó thư ký chi hội thợ nguội, thợ cơ khí và thợ cán thép Giơ-ne-vơ, tham dự đại hội Liên chi hội vùng thuộc hệ ngôn ngữ Rô-man của Quốc tế ở La-Sô-đơ-Phông (tháng Tư 1870).- 567.

Xéc-rai-ơ (Serailler), Gien-ni - vợ của Ô. Xéc-rai-ơ. - 593.

Xéc-rai-ơ (Serailler), Ô-guy-xtơ (sinh năm 1840) - nhà hoạt động của phong trào công nhân Pháp và quốc tế, thợ làm khuôn giày, ủy viên Tổng Hội đồng của Quốc tế (1869-1872), bí thư thông tấn về Bỉ (1870) và Pháp (1871-1872); ủy viên Công xã Pa-ri và ủy viên Hội đồng liên chi hội Anh (1873-1874); bạn chiến đấu của Mác và Ăng-ghen.- 582-588, 592, 593, 598-599, 601, 672, 673, 676, 684, 794, 796, 839.

Xéc-xtôn (Sexton), Gioóc-giơ - nhà xã hội chủ nghĩa Anh, thầy thuốc, ủy viên Tổng Hội đồng của Quốc tế (tháng Năm-tháng Tám 1872), đại biểu dự Đại hội La Hay (1872); tại Hội đồng liên chi hội Anh (1872-1873) chống các phần tử cải lương.- 676.

Xét-ti (Setti) - ủy viên Hội đồng liên chi hội Bắc Mỹ của Quốc tế.- 676.

Xê-mi-a-kin, Côn-xtan-tin Rô-ma-nô-vích (1802-1867) - tướng Nga, trong thời kỳ Chiến tranh Crưm chỉ huy lữ đoàn, tham mưu trưởng tập đoàn quân (tháng Mười một 1854- tháng Tư 1855), tham gia phòng thủ Xê-va-xtô-pôn.- 303, 308.

Xi-ghi-đơ-mun-đơ I Lúc-xăm-buốc (1361-1437) - hoàng đế của cái gọi là Đế chế La Mã thần thánh (1410-1437).- 328-329.

Xi-ghi-đơ-mun-đơ I Già (1467-1548) - vua Ba Lan và đại công tước Lít-va (1506-1548).- 335.

Xi-mô-ni-sơ, I-van Xtê-pa-nô-vích (1792-1855) - tướng Nga, công sứ ở Tê-hê-ran (1832-1839).- 364.

Xi-môn (Simon), Giuy-lơ (1814-1896) - nhà hoạt động nhà nước và nhà triết học duy tâm Pháp, phần tử cộng hòa tư sản ôn hòa, đại biểu Quốc hội lập hiến (1848-1849), ủy viên Viện lập pháp, ủy viên chính phủ phòng thủ quốc gia và chính phủ Chi-e.- 452.

Xi-môn (Simon), Le-vi - thương nhân Đức; nhân chứng trong vụ án những người tham gia cuộc khởi nghĩa vũ trang ở En-béc-phen-đơ tháng Năm 1849.- 720.

Xi-xmôn-đi (Sismondi), Giăng Sác-lơ Lê-ô-na *Xi-môn-đơ Đờ* (1773-1842) - nhà kinh tế học Thụy Sĩ, phê phán chủ nghĩa tư bản trên lập trường tiểu tư sản, đại biểu có tiếng tăm của chủ nghĩa lãng mạn kinh tế.- 201, 205, 261, 262.

Xít-mút (Simouth), Hen-ri *Át-đin-tơn*, tử tước (1757-1844)- nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên đảng To-ri, thủ tướng và bộ trưởng tài chính (1801-1804); trên cương vị bộ trưởng nội vụ (1812-1821) thi hành các biện pháp khủng bố đàn áp phong trào công nhân.- 324.

Xmít (Smith), A-đam (1723-1790) - nhà kinh tế học Anh, một trong những đại biểu lớn nhất của khoa kinh tế chính trị tư sản cổ điển.- 134, 136, 141-142, 150-151, 157-158, 165, 192-193, 195, 205, 206, 222.

Xmít (Smith), A-đôn-phơ *He-đinh* - nhà xã hội chủ nghĩa, nhà báo Anh, năm 1871 theo chi hội Pháp ở Luân Đôn thù địch với Tổng Hội đồng của Quốc tế; từ những năm 80 là thành viên Liên đoàn dân chủ-xã hội.- 579.

Xmít, Phê-đo I-va-nô-vích (khoảng 1787-1865) - sử gia quân sự Nga.- 277, 278.

Xmít (Smith), Uy-li-am Xít-nây (1764-1840) - đô đốc Anh.- 402.

Xô-va (Sauva), Ác-xen - nhà xã hội chủ nghĩa Pháp, thợ may; môn đồ của Ca-bê, một trong những người lãnh đạo các khu di dân của người In-ca-ri ở Mỹ; tham gia Công xã Pa-ri, thành viên của Quốc tế; trong những năm 70 tham gia phong trào xã hội chủ nghĩa ở Mỹ.- 810.

Xphoóc-txa - xem *Ma-xi-mi-li-a-nô Xphoóc-txa*.

Xtan-hốp (Stanhope), Giêm-xơ, bá tước (1673-1721) - nhà hoạt động quân sự và chính trị, nhà ngoại giao Anh, đảng viên đảng Vích, quốc vụ khanh (1714-1717), bộ trưởng tài chính (1717-1721).- 382.

Xten-li (Stanley), Ê-đu-ác Hen-ri, từ năm 1869 là bá tước *Đớc-bi* (1826-1893) - nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên đảng To-ri, trong những năm 60-70 là người của đảng bảo thủ, sau đó là người của đảng tự do; bộ trưởng phụ trách vấn đề Ấn Độ (1858-1859), bộ trưởng ngoại giao (1866-1868 và 1874-1878).- 429.

Xtiu-ác - vương triều trị vì ở Xcốt-len (1371-1714) và ở Anh (1603-1649, 1660-1714).- 490, 495.

Xtốc (Stock), Giôn.- 803.

Xtơ-rát-pho Đơ Rét-clíp-phơ (Stratford de Redcliffe), Xtơ-rát-pho *Ca-ninh*, tử tước (1786-1880) - nhà ngoại giao Anh, công sứ ở Công-xtăng-ti-nô-plơ (1810-1812, 1825-1828, 1841-1858).- 436.

Xtơ-ru-vơ (Struve), Gu-xtáp (1805-1870) - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, nhà báo, một trong những người lãnh đạo các cuộc khởi nghĩa Ba-đen tháng Tư và tháng Chín 1848 và cuộc khởi nghĩa Ba-đen-Pphan-xơ năm 1849, một trong những thủ lĩnh của giới tiểu tư sản lưu vong ở Anh; tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ đứng về phía người miền Bắc.- 725, 726.

Xu-bi-dơ (Soubise), Sác-lơ *đơ Rô-gan*, hoàng tử *Đờ* (1715-1787) - thống chế Pháp, sủng thần của Lu-i XV, tham gia cuộc Chiến tranh bảy năm (1756-1763).- 496.

Xu-en-xơn (Swainson), Giôn - chủ xưởng ở Pre-xtơn.- 273.

Xu-lây-man I Ca-nu-ni (Xu-lây-man Tuyệt diệu) (1495-1566) - vua Thổ Nhĩ Kỳ (1520-1566).- 476, 478.

Xu-lu-cơ (Soulouque), Phau-xtin - tổng thống cộng hòa da đen Ha-i-ti (1847-1849), năm 1849 tự xưng là hoàng đế với tên hiệu Phau-xtin I.- 23.

Xu-vô-rốp, A-lếch-xan-đrơ Va-xi-li-ê-vích (1729-1800) - thống soái Nga vĩ đại.- 501.

Xun-tơ (Soult), Ni-cô-la Giăng (1769-1851) - thống chế và nhà hoạt động nhà nước Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp thời Na-pô-lê-ông, trong những năm 1808-1813 chỉ huy quân Pháp trong cuộc chiến tranh trên bán đảo Pi-rê-nê, bộ trưởng bộ chiến tranh (1830-1834, 1840-1845), bộ trưởng ngoại giao (1839-1840) và thủ tướng (1832-1834, 1839-1840, 1840-1847).- 299.

Xuy (Sue), Ô-gien (1804-1857) - nhà văn Pháp, tác giả của những tiểu thuyết ủy mị tiểu thị dân về các đề tài xã hội.- 30, 39.

CÁC NHÂN VẬT VĂN HỌC VÀ THẦN THOẠI

A-pô-lông - trong thần thoại cổ Hy Lạp là thần mặt trời và ánh sáng, thần bảo hộ nghệ thuật.- 405.

Ê-ô-lơ - trong thần thoại cổ Hy Lạp là chúa tể của gió, người cầm quyền đảo Ê-ô-li, nơi Ô-đi-xê tìm đến trú ngụ trong thời gian phiêu du.- 383.

I-a-nút - vị thần cổ La Mã, được mô tả với hai khuôn mặt hướng về hai phía ngược nhau.- 779.

Ích-xi-ôn - trong thần thoại cổ Hy Lạp là vua của người La-píp, do tội lỗi mà bị trừng phạt phải chịu đày đọa dưới âm phủ. - 439.

Lao-cơ-ông - trong anh hùng ca cổ Hy Lạp là tư tế thành Tơ-roa của thần A-pô-lông.- 452.

Nác-xít-xơ - trong thần thoại cổ Hy Lạp là chàng thanh niên đẹp trai, phải lòng hình phản chiếu của chính mình.- 443.

Phau-xtơ - nhân vật chính trong bi kịch cùng tên của Gơ-tơ.- 439.

BẢN CHỈ DẪN NHỮNG SÁCH BÁO ĐƯỢC TRÍCH DẪN VÀ NHẮC ĐẾN

CÁC TÁC PHẨM CỦA C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN[1*]

Mác C. Các kế hoạch quân sự của Pháp và Anh. - Cuộc khởi nghĩa ở Hy Lạp. - Tây Ban Nha. - Trung Quốc (Toàn tập, t.10, 1993, tr. 123 - 130).

In: "The New-York Daily Tribune" N° 4030, 18 tháng Ba 1854.- 297.

Mác C. Điều lệ tạm thời của Hội liên hiệp công nhân quốc tế (Toàn tập, t.16, 1994, tr. 24 - 28).

- Provisional Rules of the Association.

In: Address and Provisional Rules of the International Working Men's Association. Established September 28, 2864, at a Public Meeting held at St. Martins's Hall, Long Acre, LonDon, 1864.- 541, 547, 564, 736, 739.

Mác C. Lời kêu gọi thứ hai của Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế về cuộc chiến tranh Pháp-Phổ. Gửi các hội viên Hội liên hiệp công nhân quốc tế ở châu Âu và Hợp chủng quốc (Toàn tập, t.17, 1994, tr. 362 - 374).

- Second Address of the General Council of the International Working Men's Association on the War. To the members of the International Working Men's Association in Europe and the United States [London, 1870].- 588-592, 752, 755, 758.

Mác C. Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế gửi Ban thường vụ trung ương Liên minh dân chủ xã hội chủ nghĩa (Toàn tập, t.16, 1994, tr. 472 - 474).

- Le Conseil Général de l'Association Internationale des Travailleurs au Bureau Central de l'Alliance Internationale de la Démocratie Socialiste.

1* Những ấn phẩm bằng tiếng nguyên bản chỉ được nêu trong trường hợp những ấn phẩm ấy được công bố khi tác giả còn sống.

In trong cuốn sách nhỏ: "Les Prétendues scissions dans l'Internationale. Circulaire privée du Conseil Général de l'Association Internationale des Travailleurs". Genève. 1872.- 662.

Mác C. Tổng Hội đồng gửi Hội đồng liên đoàn Thuỵ Sĩ vùng thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh (Toàn tập. t.16. 1994. tr. 521 - 531).

- Le Conseil Général au Conseil Fédéral de la Suisse Romande.- 582, 583.

Mác C. Ông Oa-sơ-bớc-nơ. đại sứ Mỹ ở Pa-ri. Gửi uỷ ban trung ương Niu Oóc của các chi bộ Hội liên hiệp công nhân quốc tế ở Hợp chúng quốc Mỹ (Toàn tập. t.17. tr. 510 - 515).

- Mr. Washburne, the American Ambassador in Paris. To the New-York Central Committee for the United States Sections of the International Working Men's Association. [London, 1871].- 595.

Mác C. Nội chiến ở Pháp. Lời kêu gọi của Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế (Toàn tập. t.17, 1994, tr. 417 - 482).

- The Civil War in France. Address of the General Council of the International Working Men's Association. [London]. 1871.- 592-594, 601, 665, 775.

[*Mác C.*] Bản ghi lời phát biểu của C.Mác về giấy uỷ nhiệm tư cách đại biểu của Ba-ri (Toàn tập. t.18. 1995, tr. 891).- 686.

Mác C. Tiền công, giá cả và lợi nhuận (Toàn tập. t.16, 1994. tr. 141 - 210). - 544.

Mác C. Tuyên bố của Tổng Hội đồng gửi ban biên tập báo "Times" và các ban biên tập các báo khác (Toàn tập. t.17. 1994. tr. 396 - 397).

In: "The Times". N° 27018, 23 tháng Ba 1871; "The Easter Post" N° 130,25 tháng Ba 1871 và các báo khác.- 592.

Mác C. Tuyên bố của Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế nhân bài phát biểu của Cô-cren tại hạ nghị viện (Toàn tập. t. 18, 1995, tr. 91 - 98).

- International Working Men's Association. At a full meeting of the General Council...[London, April 17, 1872]. [Truyền đơn].- 674.

Mác C. Đấu tranh giai cấp ở Pháp 1848 - 1850 (Toàn tập, t.7, 1993. tr. 15 - 150).

- 1848 - 1849. I.Die Juni Niederlage 1848; II. Der 13.Juni 1849; III.Folgen des 13. Juni 1849. In: "Neue Rheinische Zeitung. Politisch-ökonomische Revue" N^{o} N° 1, 2, 3, 1850.- 62.

Mác C. Thông báo mật gửi tất cả các chi bộ (Toàn tập, t.16, 1994, tr. 590).

- Communication confidentielle aux différentes sections.- 587.

Mác C. Vụ đóng cửa xí nghiệp và sa thải hàng loạt công nhân xây dựng ở Giơ-ne-vơ. Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế gửi nam nữ công nhân châu Âu và Hợp chúng quốc (Toàn tập, t. 16, 1994, tr. 587 - 589).

- The Look-out of the Building Trades at Geneva. The General Council of the International Working Men's Association to the Working Men and Women of Europe and the United States.

Truyền đơn được in cả bằng tiếng Đức và tiếng Pháp và trên một số báo.- 586.

Mác C. Huân tước Pan-mớc-xtơn (Toàn tập, t.9, 1993, tr. 453 - 537).

- Palmerston. In: "The Peoplés Paper" N^{o} N° 77-81, 84-86, 22 và 29 tháng Mười, 5, 12 và 19 tháng Mười một, 10, 17 và 24 tháng Chạp 1853 và 11 tháng Giêng 1854.- 391.

Mác C. Điều lệ chung và Quy chế tổ chức của Hội liên hiệp công nhân quốc tế (Toàn tập, t.17, 1994, tr. 583 - 603).

- Statuts Généraux et Réglements administratifs de l'Association Internationale des Travailleurs. Edition officielle, revisée par le Conseil Général. London, 1871.- 599, 659, 661, 667, 678-684, 687-691, 801, 805-810, 826, 836.

Mác C. *Về những sự bức hại các thành viên các chi bộ Pháp. Tuyên bố của Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế (Toàn tập, t.16, 1994, tr. 577 - 578).

- Declaration of the General Council of the International Working Men's Association. Xuất bản ngày 4 tháng Năm 1870 dưới dạng truyền đơn.- 584, 836.

Mác C. Báo cáo của Tổng Hội đồng trước đại hội đại biểu hàng năm lần thứ năm của Hội liên hiệp công nhân quốc tế họp tại La Hay 2 - 7 tháng Chín 1872 (Toàn tập, t.18, 1995, tr. 175 - 187).

- Offizieller Bericht des Londoner Generalraths, verlesen in öffentlicher Sitzung des Internazionalen Kongresses [Braunschweig, 1872].- 809, 810.

Mác C. *Tranh luận ở nghị viện ngày 22 tháng Hai. - Báo cáo khẩn của Pốt-xô-đi-Boóc-gô. - Chính sách của các cường quốc phương Tây (Toàn tập, t.10, 1993, tr. 105).

In: "The New-York Daily Tribune" N° 4025, 13 tháng Ba 1854.- 296.

Mác C. *Lời kêu gọi thứ nhất của Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế về cuộc chiến tranh Pháp-Phổ. Gửi các hội viên của Hội liên hiệp công nhân quốc tế ở Châu Âu và Hợp chúng quốc (Toàn tập, t.17, 1994, tr. 9 - 16).

In: "La Emancipación". N° 63, 24 tháng Tám 1872.- 678.

Ăng-ghen Ph. Phong trào đòi hiến pháp để chế ở Đức (Toàn tập. t.7. 1993. tr.151 - 276).

- Die deutsche Reichsverfassungscampagne. In: "Neue Rheinische Zeitung. Politisch-ökonomische Revue". N^{o} N° 1-3. 1850.- 62.

[*Ăng-ghen Ph.*] *Bài ghi lời phát biểu của Ph.Ăng-ghen về việc triệu tập hội nghị Luân Đôn năm 1871 (Toàn tập. t.17. 1994. tr. 842).- 595.

Ăng-ghen Ph. Tuyên bố của Tổng Hội đồng về bức thư của Hô-li-ốc (Toàn tập, t.17. 1994. tr.497 - 498). In: "The Daily News". 23 tháng Sáu 1871; "The Eastern Post". N° 143, 24 tháng Sáu 1871.- 594.

Ăng-ghen Ph. *Tuyên bố của Tổng Hội đồng về những bức thư của Hô-li-ốc và Lơ-crép (Toàn tập. t.17. 1994. tr.502 - 503). In: "The Daily News". 29 tháng Sáu 1871 và "The Eastern Post", N° 144. 1 tháng Bảy 1871.- 594.

Ăng-ghen Ph. *Tường thuật lời phát biểu của Ph.Ăng-ghen về quan hệ của Mát-di-ni với Quốc tế (Toàn tập. t.17. 1994. tr.839 - 841). In: "The Eastern Post", N° 148. 29 tháng Bảy 1871.- 595.

Ăng-ghen Ph. Quốc tế ở Mỹ (Toàn tập. t.18, 1995. tr.131 - 139).

- Die Internationale in America. In: "Der Volksstaat". N° 57. 17 tháng Bảy 1872.- 679.

Ăng-ghen Ph. Về vấn đề nhà ở (Toàn tập, t.18, 1995. tr.287 - 394).

- Zur Wohnungsfrage. In: "Der Volksstaat", N° 53, 3 tháng Bảy 1872.-666-667.

Ăng-ghen Ph. *Thư của Tổng Hội đồng gửi ban biên tập các báo "Spectator" và "Examiner" (Toàn tập, t.17, 1994, tr.499).- 594.

Ăng-ghen Ph. Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh (Toàn tập, t.2, 1995, tr.317 - 698).

- Die Lage der arbeitenden Klasse in England. Leipzig. 1845.- 821.

Ăng-ghen Ph. *Dự thảo nghị quyết của Tổng Hội đồng về lập trường của giai cấp công nhân Anh trong giai đoạn hiện nay của cuộc chiến tranh Pháp-Phổ (Toàn tập. t.17. 1994, tr.383 - 384).

In: "The Eastern Post", N° 123, 4 tháng Hai 1871.- 591.

Ăng-ghen Ph. *Nghị quyết của Tổng Hội đồng về việc triệu tập và chương trình nghị sự của Đại hội đại biểu ở La Hay (Toàn tập, t. 18, 1995, tr.125 - 126).

In: "The International Herald", N° 13. 29 tháng Sáu 1872; "Der Volksstaat", N° 53. 3 tháng Bảy 1872 và các xuất bản phẩm khác.- 659.

Ăng-ghen Ph. Duyệt lính bộ binh tình nguyện Anh (Toàn tập. t. 15. 1994. tr.176 - 186).

- The Review of English volunteer riflemen. In: "Allgemeine Militär-Zeitung". N° 36. 8 tháng Chín 1860.- 513.

Mác C. và *Ăng-ghen Ph.* Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa và Hội liên hiệp công nhân quốc tế. Báo cáo và các văn kiện được công bố theo quyết định của Đại hội La Hay của Quốc tế (Toàn tập. t.18. 1995. tr.451 - 634).

- L'Alliance de la démocratic socialiste et l'Association Internationale des Travailleurs. Rapport et documents publiés par ordre du Congrès International de la Haye. Londres-Hamburg. 1873.- 690.

Mác C. và *Ăng-ghen Ph.* Tuyên bố của Tổng Hội đồng về thông tri của Giuy-lơ Pha-vrơ. Gửi ông tổng biên tập báo "Times" (Toàn tập. t.17. 1994. tr.490 - 492). In: "The Times". N° 27088. 13 tháng Sáu 1871; "The Eastern Post", N° 142. 17 tháng Sáu 1871; "Der Volksstaat", N° 50. 21 tháng Sáu 1871 và các xuất bản phẩm khác.

Mác C. và *Ăng-ghen Ph.* Tuyên bố của Tổng Hội đồng về hành động bạo ngược cảnh sát của nhà cầm quyền Thụy Sĩ (Toàn tập. t.17. 1994. tr.644 - 645). In: "The Eastern Post". N° 178. 24 tháng Hai 1872; "The International Herald", N° 1. 2 tháng Ba 1872.- 674.

Mác C. và *Ăng-ghen Ph.* Tuyên ngôn của Đảng cộng sản (Toàn tập, t.4, 1995, tr.591 - 646).

-Manifest der Kommunistischen Partei. Veröffentlicht im Februar 1848. London.- 659.

Mác C. và *Ăng-ghen Ph.* Thư gửi Uỷ ban Đảng công nhân dân chủ - xã hội (Toàn tập, t.17. 1994. tr.358 - 361). In: "Manifest des Ausschusses des social-demokratischen Arbeiterpartei. An alle deutschen Arbeiter! 5. September 1870". Braunschweig. 1870.- 588.

Mác C. và *Ăng-ghen Ph.* Gửi ông chủ bút báo "International Herald" (Toàn tập. t.18. 1995. tr.264 - 267). In: "The International Herald". N° 38, 21 tháng Chạp 1872.- 817.

Mác C. và *Ăng-ghen Ph.* Nghị quyết của Hội nghị đại biểu của Hội liên hiệp công nhân quốc tế họp ở Luân Đôn từ ngày 17 đến 23 tháng Chín 1871 (Toàn tập. t.17. 1994. tr.553 - 565).

- Resolusions of the Conference of Delegates of the International Working Men's Association. Assembled at London from 17th to 23rd September 1871. (Circular issued

by the General Council of the Association). London. 1871.- 658-662. 667. 683. 794-795. 797. 833. 835. 837.

Mác C. và *Ăng-ghen Ph.* Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn thể Hội liên hiệp họp ở La Hay ngày 2 - 7 tháng Chín 1872 (Toàn tập, t.18. 1995. tr.203 - 216).

- Resolutions of the General Congress held at the Hague from the 2nd to the 7th of September. 1872.

In: "The International Herald", N° 37. 14 tháng Chạp 1872.- 669. 835.

Mác C. và *Ăng-ghen Ph.* Nghị quyết của Tổng Hội đồng về khai trừ Tô-lanh (Toàn tập. t.17. 1994. tr.406). In: "The Eastern Post", N° 135. 29 tháng Tư 1871.- 772.

Mác C. và *Ăng-ghen Ph.* Bài thứ ba điểm tình hình quốc tế (Toàn tập, t.7. 1993. tr.586 - 645).

- Revue. Mai bis Oktober. In: "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue". N° 5-6. 1850.- 100.

NHỮNG TÁC PHẨM CỦA CÁC TÁC GIẢ KHÁC

Bu-tuốc-lin Đ.P. Lịch sử cuộc xâm lược của hoàng đế Na-pô-lê-ông đối với nước Nga năm 1812. Phần thứ nhất-phần thứ hai. Xanh-Pê-téc-bua. 1823 - 1824.- 277.

Lu-ki-a-nô-vích [N.A.] Mô tả cuộc chiến tranh Thổ Nhĩ Kỳ các năm 1828 - 1829. Phần thứ nhất-phần thứ tư. Xanh-Pê-téc-bua. 1844 - 1847.- 277.

Mi-khai-lốp-xki-Đa-ni-lép-xki A.I. Mô tả Cuộc chiến tranh vệ quốc năm 1812. Bản in lần thứ nhất gồm 4 phần. xuất bản ở Xanh-Pê-téc-bua năm 1839.- 277.

Phri-đrích-Vin-hem IV. Thư gửi Nghị viện liên hợp. Đăng trên báo: "Neue Preußische Zeitung", N° 9. 11 tháng Giêng 1850.- 52.

About, E. La Pruss en 1860. Paris. 1860.- 465-474.

Arnold. The Coming War. In: "The Leader", volume V. N° 200. 21 tháng Giêng 1854. tr.59 - 60.- 292.

Bakounine, M. Réponse du citoyen Bakounine. Aux compagnons rédacteurs du "Bulletin de la Fédération Jurassienne". In: "Bulletin de la Fédération Jurassienne de l'Association internationale des travailleurs", N° 10-11. 15 tháng Sáu 1872.- 653.

Bastiat, Fr. Harmonies économiques. Bản in thứ nhất được xuất bản ở Pa-ri năm 1850.-261.

Bauer, B. De la Dictature occidentale. Charlottenbourg, 1854.- 387.

Bauer, B. Die jetzige Stellung Ruβlands. Charlottenburg, 1854.- 373-391.

Bauer, B. La Russie et l'Angleterre. Charlottenbourg, 1854. Bản dịch từ bản in bằng tiếng Đức: *Bauer B.* Ruβland und England. Charlottenburg, 1854.- 373-391.

Bebel, A. Các bài phát biểu tại quốc hội 30 tháng Mười và 8 tháng Mười một 1871. In: Stenographische Berichte über die Verhandlungen des Reichstages I. Legislatur-Periode.II. Session 1871. Erster Band. Berlin. 1871, S.80, 183.- 616-617.

Blanc, L. Un homme et une doctrine. Đăng trên tạp chí:"Le Nouveau Monde", N^{Q} 6, 15 tháng Chạp. 1849.- 233.

Borme fils. Le Rideau est levé. Grande lanterne magique des pâtissiers politiques des 24 février, 15 mai et 24 juin 1848, dédiée aux paysans, aux ouvriers laborieux et aux honnêtes gens, par M. Bormo fils, ex-accusé du 15 mai. [Paris], 1850.- 38.

Bougeant, G. Histoire du traité de Westphalie, ou des négociations qui se firent à Munster et à Osnabrug, pour établir la paix entre toutes les puissances de l'Europe. Tomes I-VI, Paris, 1751.- 483.

Bright, J. Bài phát biểu tại hạ nghị viện 31 tháng Ba 1854. Đăng trên báo: "The Times", N^{Q} 21704, 1 tháng Tư, 1854.- 449.

Bright, J. Bài phát biểu tại hạ nghị viện 26 tháng Ba 1858. Đăng trên báo: "The Times", N^{Q} 22952, 27 tháng Ba, 1858.- 449.

Bright, J. Bài phát biểu với các cử tri 27 và 29 tháng Mười 1858. Đăng trên báo "The Times", N^{Q} 23136 và 23138, 28 và 30 tháng Mười, 1858.- 449.

Canning, G. Address on the king's message respecting Portugal. In: The Parliamentary debates. Publisched under the superintendence of T.C. Hansard. New series. Volume XVI. London, 1827.- 383.

Carey, H. C. Essay on the Rate of Wages: with an Examination of the Causes of the Differences in the Condition of the Labouring Population throughout the World. New-York, [1835].- 260-261.

Carey, H.C. The Slave Trade, Domestic and Foreign; why it exists, and how it may be extinguisched. Bản in thứ nhất được xuất bản ở Phi-la-đen-phi-a năm 1853.- 260-261.

Droz, J. Histoire de règne de Louis XVI, pendant les années où l'on pouvait prévenir ou diriger la révolution française. Tomes 1-3. Paris. 1839 - 1842.- 219.

Duncombe, T. Bài phát biểu ở hạ nghị viện 30 tháng Ba 1854. Đăng trên báo: "The Times", N° 21703, 31 tháng Ba 1854.- 271.

Duprat, P. Chất vấn ở Quốc hội lập pháp về chế độ quản lý quân sự mới ngày 16 tháng Hai 1850. Đăng trên báo: "Le Moniteur Universel", N° 48, 17 tháng Hai 1850.- 23.

Fichte, J.G. Politische Fragmente aus den Jahren 1807 und 1813. In: J.G.Fichte. Fichte's Sämmtliche Werke. Bd. VII. Berlin, 1846.- 666.

Fox, Ch.J. Bài phát biểu ở hạ nghị viện 24 tháng Năm 1803. In: The Speeches of the Right Honorable Charles James Fox in the House of Commons. Volume VI. London, 1815, tr. 484 - 529.- 381-382.

[*Guillaume, D.*]. Bài báo phản động trên tờ "Solidarité", N° 16, 23 tháng Bảy 1870.- 587.

Hales, J.Pape, F., Joung, H. The Federal Council. To the Editor of the "Eastern Post". Đăng trên báo: "The Eastern Post", 15 tháng Hai 1873.- 824-827.

Hautpoul, A. Bài phát biểu ở Quốc hội lập pháp. Đăng trên báo "Le Moniteur universel", N° 48, 17 tháng Hai 1850, tr. 377.- 23-24, 30.

Hennigsen, Ch.F. Revelations of Russia. Volumes I-II. London, 1844.- 277.

Jomini, A. Vie politique et militairre de Napoléon. Bruxelles, 1829.- 419.

Jones, E. The Cottonlaw of Preston. -Who are the real Conspirators? Đăng trên báo "The People's Paper", N° 99, 25 tháng Ba 1854.- 271-272.

Lamennais, F. Bài báo ghi "Paris, 10 juillet". Đăng trên báo "Le Peuple constituant", N° 134, 11 tháng Bảy 1848.- 441.

Liebknecht, W., Bebel, A. Tuyên bố không bỏ phiếu tại Quốc hội Bắc Đức 21 tháng Bảy 1870. Đăng trên báo: "Der Volksstaat", N° 59, 23 tháng Bảy 1870.- 587.

Martens, G.F. Grundriß einer diplomatischen Geschichte der Europäischen Staatshändel und Friedensschlüsse seit dem Ende der 15-ten Jahrhunderts bis zum Frieden zu Amiens. Berlin, 1807.- 394-400.

Napier, W. History of the War in the Peninsula and in the South of France, from the year 1807 to the year 1814. Volumes 1-6. London, 1828 - 1840.- 277, 301.

Palmerston, H. Bài phát biểu tại hạ nghị viện 1 tháng Ba 1843. Đăng trên báo: "The Times", N° 18233, 2 tháng Ba 1843, tr.4 - 5.- 370-371.

Pakington, J. Bài phát biểu tại hạ nghị viện 50 tháng Ba 1854. Đăng trên báo: "The Times". N° 21703. 31 tháng Ba 1854. tr. 7.- 267.

Poesche, T., Goepp, Ch. The New Rome. The United States of the World. Philadelphia. 1853.- 259-261.

Porter, G. R. The Progress of the nation, in its various social and economical relations, from the beginning of the nineteenth century. A New edition. London, 1851.- 318.

Proudhon, P.-J. Banque du peuple suivie du rapport de la commission des délégués du Luxembourg. Paris. 1849.- 233.

Proudhon, P.-J. Idée générale de la Révolution au XIX-e siècle (Choix d'études sur la pratique révolutionnaire et industrielle). Paris, 1851.- 218-255.

Proudhon, P.-J. Organisation du Crédit et de la Circulation, et solution du problème sociale. Paris. 1848.- 233.

Proudhon, P.-J. Qu'est-ce que la proporiété? ou recherches sur le principe du droit et du gouvernement. Bản in thứ nhất được xuất bản ở Pa-ri năm 1840.- 206, 230.

Pyat, F. Lettre aux mandarins de la France. Londres. 1858.- 438-444.

Pyat, F. Liberté. Egalité. Fraternité. Commune révolutionnaire. Paris, 24 juin 1868. Đăng trên báo "L'Espiègle". N° 27, 5 tháng Bảy 1868.- 663.

Ricardo, D. On the principles of political economy, and taxation. Third edition. London. 1821.- 107-204.

Richard, A. et *Blanc, G.* L'Empire et la France nouvelle. Appel du peuple et de la jeunesse à la conscience française. Bruxelles. 1872.- 665.

Royer-Collard, P. Bài phát biểu tại Viện dân biểu 22 tháng Giêng 1822. Đăng trên báo: "Le Moniteur Universel". N° 24. 24 tháng Giêng 1822.- 228.

Smith, A. Recherches sur la nature et les causes de la richesse des nations. Tome II. Paris. 1802.- 205.

Smitt, F. Geschichte des polnischen Aufstandes und Krieges in den Jahren 1830 und 1831. Theile I-III. Berlin. 1839 - 1848.- 277, 278.

Stein, A.F. Preußisch-Brandenburgische Geschichte. Ein Handbuch zur Erinnerung und Belehrung. Theile 1- 2. Bản in thứ nhất được xuất bản ở Béc-lin năm 1811.- 327-346.

Stirner, M. Der Einzige und sein Eigenthum. Leipzig. 1845.- 213.

Sully, M. Mémoires des sages et royales économies d'Estat, domestiques, politiques et

militaires de Henry le Grand. Bản in thứ nhất, gồm hai tập, được xuất bản ở Am-xtéc-đam năm 1683.- 400.

[*Szabó, I.*]. The State Policy of Modern Europe, from the Beginning of the sixteenth Century to the Present Time. In two volumes. London. 1857.- 394-400. 475-511.

Tolstoy, J. Relation des opérations de l'armée russe en Hongrie. Paris, 1850.- 276, 278.

Tooke, Th. An Inquiry into the currency principle. Second edition. London. 1844.- 205.

Urquhart, D. Progress of Russia in the West. North. and South. London. 1853.- 264-266.

[*Wakefield, E. G.*] Bài bình luận trong cuốn:

Smith, A. An Inquiry into the nature and causes of the wealth of nations. With a commentary, by the author of "England and America" [E. G. Wakefield]. Volumes I-IV. London, 1835 - 1839.- 187.

Wayland, F. The Elements of political economy. Boston, 1843. Bản in thứ nhất được xuất bản ở Bô-xtơn năm 1837.- 259.

West, W. The Final adjournement of the U.S. Central Committee of I.W.A.. Đăng trên báo "Woodhull and Claflin's Weekly", N° 5, 16 tháng Chạp 1871, tr.3.- 628.

West, W. Officious interference with the local governement of the several sections properly rebuked-section 12 vindicated. Đăng trên báo: "Woodhull and Claflin's Weekly", N° 27, 18 tháng Mười một 1871, tr.3.- 623-625.

West, W. Section 12 sustained. - The Decision of the General Council. Đăng trên báo: "Woodhull and Claflin's Weekly", N° 3, 2 tháng Chạp 1871, tr.3.- 626-628.

West, W. The United States federal council versus the delagate of the twelfth section. Đăng trên báo: "Woodhull and Calflin's Weekly", N° 16, 2 tháng Ba, 1872, tr.3.- 628-630.

Wolf, W. Das Elend und der Aufruhr in Schlesien. In: Deutsches Bürgerbuch für 1845. Darmstadt, 1845.- 531.

Wolf, W. Nachträgliches "aus dem Reich". In: "Neue Rheinische Zeitung. Politisch-ökonomische Revue". Viertes Heft. April 1850, S. 73 - 79.- 62.

CÁC VĂN KIỆN

Ban chấp hành Chi hội Nga của Quốc tế gửi Mác. 12 tháng Ba 1870. (C.Mác, Ph.Ăng-ghen và nước Nga cách mạng. Tiếng Nga, M., 1967, tr.168-170).- 583.

Ban chấp hành Liên chi hội Giuy-ra gửi Tổng Hội đồng ở Luân Đôn. Xông-vi-li-ê, 15 tháng Bảy 1872 (Đại hội La Hay của Quốc tế thứ nhất. Các báo cáo và thư từ. Tiếng Nga. M.,1972. tr.311-312). Ký tên: Svít-xguê-ben. Đăng trên báo: "Bulletin de la Fédération Jurassienne", N^{Q} 13. 15 tháng Bảy 1872 r., Supplément. tr.1.- 654.

Lời kêu gọi của Hội đồng trung ương gửi các tổ chức công nhân (Toàn tập, t.16, 1994, tr.685-686).

- International Working Men's Association. Central Council. 18 Greek street, London. W. "Trade. Friendly, or any Working Men's Societies are invited to join...". [London. 1865].- 535.

Lời kêu gọi của Tổng Hội đồng về đại hội Lô-dan (Toàn tập, t. 16, 1994, tr.713 - 716). -Adresse du Conseil Général de l'Association Internationale. Aux membres et aux sociétés affiliées et à tous les travailleurs. [Londres, 1867].- 554.

Tuyên bố của phe thiểu số tại Đại hội La Hay (Đại hội La Hay của Quốc tế I năm 1872. Các biên bản và văn kiện. Tiếng Nga. M. 1970, tr.166 - 167). Đăng trên báo: "Bulletin de la Fédération Jurassienne", N^{Q} 17 - 18, 15 tháng Chín - 1 tháng Mười 1872.- 690.

Nghị quyết của Tổng Hội đồng về Uỷ ban trung ương các chi bộ của Hội liên hiệp công nhân quốc tế ở Mỹ. Luân Đôn. 5 tháng Mười một 1871 (C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập. t.17. 1994. tr. 874). Đăng trên báo: "Woodhull and Claflin's Weekly", N^{Q} 3. 2 tháng Chạp 1871, tr.3.- 627.

Associazione Internationale dei Lavoratori. Federazione Italiana. Primo Conferenza. Risoluzioni, 1872. Ký tên: Ca-phi-ê-rô, Cô-xta.- 680.

A Monsieur Bara, ministre de la justice. Các uỷ viên ban quản trị và hội đồng liên hiệp các chi hội Bruy-xen của Quốc tế ký tên. Đăng trên báo: "La Tribune du Peuple". N^{Q} 5, 24 tháng Năm 1868.- 743.

Circulaire à toutes les fédérations de l'Association Internationales des Travailleurs. Genève, 1871. Các đại biểu của Liên chi hội Giuy-ra tại đại hội ở Xông-vi-li-ê ký tên.- 688.

Correspondence relating to Persia and Affghanistan. London. 1839.- 373.

Correspondence respecting the Rights and Privileges of the Latin and Greek Churches in Turkey. Presented to both Houses of Parliament by command of Her Majesty. London. 1854.- 267.

Enquête parlementaire sur l'insurrection du 18 mars. Tomes I-III. Versailles. 1872.- 664-665.

The French Governement of National Defence. Ký tên: A-plơ-gác. Ốt-gie-rơ. Ếch-ca-ri-út và những người khác. Đăng trên báo: "The Times". N° 26947. 30 tháng Chạp 1870.- 752.

The International. Appeal of section N° 12. Ký tên: Uy-li-am Oét-xtơ. Đăng trên báo: "Woodhull and Claflin's Weekly", N° 19. 23 tháng Chín 1871. tr.3.- 623.

International Association of Working Men. Congress of Geneva. Đăng trên báo: "The International Courier". 20 tháng Hai. 13. 27 tháng Ba. 3. 10 và 17 tháng Tư 1867.- 650. 832.

Association Internationale des Travailleurs. Compte rendu du congrès de Genève. Đăng trên báo: "Le Courrier international", 9. 16. 23 và 30 tháng Ba. 6. 13. 20 và 27 tháng Tư 1867.- 650. 832.

The International Working Men's Association. Resolutions of the Congress of Geneva. 1866, and the Congress of Brussels. 1868. London. [1869].- 558.

Manifest des Ausschusses der socialdemokratischen Arbeiterpartei. An alle deutschen Arbeiter. Braunschweig-Wolfenbüttel. 5. September 1870 [truyền đơn].- 759.

The Party of the People to secure and maintain human rights, to be inaugurated in the U.S.A. in May 1872. Ký tên: Vút-han và những người khác. Đăng trên báo: "Woodhull and Claflin's Weekly", N° 21. 6 tháng Tư 1872.- 628-629.

The Party of the People to secure and maintain human rights, to be inaugurated in the U.S.A in May 1872. Ký tên: Vút-han và những người khác. Đăng trên báo: "Woodhull and Claflin's Weekly", N° 22. 13 tháng Tư 1872.- 629-631.

People's Convention. Ký tên: Xten-tôn và những người khác. Đăng trên báo: "Woodhull and Claflin's Weekly", N° 21. 6 tháng Tư 1872.- 629.

People's Convention. Ký tên: Xten-tôn và những người khác. Đăng trên báo: "Woodhull and Claflin's Weekly", N° 22. 13 tháng Tư 1872.- 629-631.

The Portfolio. Diplomatic Review (New Series). Volume I. N° 1. London. 1843. Copy of a despatch from prince Lieven, and count Matuszevich, addressed to count Nesselrode, dated London, 1st (13th) June, 1829.- 389-391.

Proces-verbaux du congrès de l'Association Internationale des travailleurs réuni à Lausanne du 2 au 8 septembre 1867. Chaux-de - Fonds. 1867.- 570. 836.

Programme et Règlement de l'Alliance internationale de la Démocratie socialiste. Genève. [1868].- 559-568. 688.

Programm und Statuten der social-demokratischen Partei Deutschlands. In: Protokoll über die Verhandlungen des Allgemeinen Deutschen social-demokratischen Arbeiterkongress zu Eisenach am 7.. 8. und 9. August 1869. Leipzig. 1869.- 660.

Report from the select committee appointed to inquire into the cause of the high price of gold bullion. Ordered. by the House of Commons. to be printed. 8 June 1810. London. 1810.- 205.

Report of the Fourth Annual Congress of the International Working Men's Association, held at Basle. in Switzerland. From the 6th to the 11th september. 1869. London, 1869.- 573.

To the United States Central Committee of the I.W.A.. Ký tên: Uy-li-am Oét-xtơ, thư ký chi hội N° 12. Đăng trên báo: "Woodhull and Claflin's Weekly". N° 27. 18 tháng Mười một 1871.- 625.

To the Workingmen of America. Address of the Central Committee of the United States. New-York. October 15. 1871. Đăng trên báo: "Woodhull and Claflin's Weekly", N° 25. 4 tháng Mười một 1871.- 625.

Troisième Congrès de l'Association Internationale des Travailleurs. Compte-rendu officiel. Bruxelles. septembre 1868. Supplément au journal "Le Peuple belge". 1868.- 570. 833.

CÁC BÀI BÁO VÀ TIN TỨC TRONG CÁC XUẤT BẢN PHẨM ĐỊNH KỲ CHƯA BIẾT TÊN TÁC GIẢ

"*Allgemeine Zeitung*". Au-xbuốc. Phụ trương của N° 170. 18 tháng Sáu 1848. Trong chú thích cuối trang của bài báo "Blicke auf die Zeitlage" đã trình bày bức công hàm của Vin-đen-brúc.- 97.

"*Allgemeine Militär-Zeitung*". Dác-mơ-stát. N°20. 16 tháng Năm 1863. Der Angriff auf Charleston am 7. April 1863.- 518.

- Cũng trên số báo này. Kế hoạch của Sác-lơ-xtôn. (Phụ trương).- 526.

BẢN CHỈ DẪN CÁC XUẤT BẢN PHẨM ĐỊNH KỲ

"*Cái chuông*" - báo dân chủ - cách mạng Nga do A. I. Héc-xen và G. P. Ô-ga-rê-vi xuất bản trong những năm 1857 - 1867 bằng tiếng Nga và trong những năm 1868 - 1869 bằng tiếng Pháp kèm theo những phụ trương tiếng Nga; báo được xuất bản ở Luân Đôn đến năm 1865, sau đó ở Giơ-ne-vơ.- 662.

"*Allgemeine Militär-Zeitung*" (*"Báo quân sự phổ thông"*) - báo Đức, cơ quan của Hội các sĩ quan Đức và những người phục vụ quân đội; được xuất bản từ năm 1826 đến năm 1902 ở Đác-mơ-stát và ở Lai-pxích. Trong những năm 1860 - 1864 Ăng-ghen cộng tác với tờ báo này. - 513, 518, 526.

"*Arbeiter-Zeitung*" ("Báo công nhân") - tuần báo công nhân, cơ quan của chi hội Mỹ của Quốc tế N° 1, được xuất bản ở Niu-Óóc bằng tiếng Đức; xuất bản từ tháng Hai 1873 đến tháng Ba 1875.- 697.

"*L'Assemblée Nationale*" ("Quốc hội") - nhật báo Pháp theo khuynh hướng quân chủ-chính thống, được xuất bản ở Pa-ri từ năm 1848 đến năm 1857.- 39.

"*La Asociación*" ("Hội liên hiệp") - báo cộng hoà Tây Ban Nha, được xuất bản ở Lê-ông vào đầu những năm 70 thế kỷ XIX.- 605.

"*The Bee-Hive Newspaper*" ("Tạp chí bọng ong") - tuần báo tiếng Anh, cơ quan ngôn luận của các hội công liên Anh; xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1861 đến năm 1876 dưới các tên gọi khác nhau: từ tháng Mười một 1864 đến tháng Tư 1870 báo đăng các văn kiện của Quốc tế. - 570, 585.

" *Bulletin de la Fédération Jurassienne de l'Association internationale des travailleurs*" ("Tập san của Liên chi hội Giuy-ra thuộc Hội liên hiệp công nhân quốc tế") - cơ quan ngôn luận của phái vô chính phủ Thụy Sĩ, được xuất bản dưới quyền chủ biên của Gi. Ghi-ôm trong những năm 1872 - 1878.- 665, 818.

"*La Capitale*"("Thủ đô") - báo của phái cấp tiến I-ta-li-a xuất bản ở Rô-ma trong những năm 1871 - 1872.- 615.

"*Journal des Débats politiques et littéraires*" ("Báo tranh luận chính trị và văn học") - nhật báo tư sản Pháp, thành lập ở Pa-ri năm 1789.- 39, 440.

"*La Justicia*" ("Công lý") - tờ báo cộng hoà Tây Ban Nha, xuất bản ở Ma-la-ga vào đầu những năm 70 thế kỷ XIX.- 605.

"*Le Moniteur Universel*" ("Báo đại chúng") - nhật báo Pháp, xuất bản ở Pa-ri từ năm 1789 đến năm 1901; từ năm 1799 đến năm 1869 là cơ quan ngôn luận chính thức của chính phủ.- 90, 443, 457-460, 470.

"*The Morning Advertiser*" ("Người đưa tin buổi sáng") - nhật báo Anh, xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1794 đến năm 1934; trong những năm 50 của thế kỷ XIX là cơ quan ngôn luận của phái tư sản cấp tiến.- 577.

"*The Morning Chronicle*" ("Tin buổi sáng") - nhật báo tư sản Anh, xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1770 đến năm 1862; cơ quan ngôn luận của đảng Vích, vào đầu những năm 50 là cơ quan ngôn luận của phái Pin, sau đó là cơ quan ngôn luận của phái bảo thủ.- 450.

"*The Morning Post*" ("Bưu điện buổi sáng") - nhật báo bảo thủ Anh, xuất bản ở Luân Đôn trong những năm 1772-1937; vào giữa thế kỷ XIX là cơ quan ngôn luận của các thành viên cánh hữu của đảng Vích tập hợp xung quanh Pan-mớc-xtơn.- 271, 321, 450.

"*Le National*" ("Báo dân tộc") - nhật báo Pháp; xuất bản ở Pa-ri từ năm 1830 đến năm 1851; cơ quan ngôn luận của những người cộng hoà tư sản theo phái ôn hoà.- 16, 20, 25, 89.

"*National-Zeitung*" ("Báo dân tộc") - nhật báo tư sản Đức, được xuất bản với tên gọi này ở Béc-lin trong những năm 1848 - 1915.- 295.

"*Neue Rheinische Zeitung. Organ der Demokratie*" ("Báo mới tỉnh Ranh. Cơ quan của phong trào dân chủ") - tờ báo của phái vô sản cách mạng của giới dân chủ trong thời kỳ cách mạng 1848 - 1849 ở Đức; xuất bản hàng ngày ở Khuên do Mác chủ biên từ ngày 1 tháng Sáu 1848 đến ngày 19 tháng Năm 1849; trong ban biên tập có Ăng-ghen.- 64, 515, 530, 719, 727.

"*Neue Rheinische Zeitung. Politisch-Ökonomische Revue*" ("Báo mới tỉnh Ranh. Tạp chí kinh tế - chính trị") - tạp chí do Mác và Ăng-ghen thành lập tháng Chạp 1849 và do hai ông xuất bản đến tháng Mười một 1850; cơ quan lý luận của Liên đoàn những người cộng sản.- 62, 65.

"*The New Moral World: and Gazette of the Rational Society*" ("Thế giới đạo đức mới, và

Báo của một xã hội hợp lý") - tuần báo của những người theo chủ nghĩa xã hội không tưởng do R.Ô-oen thành lập năm 1834, được xuất bản đến trước năm 1846, lúc đầu ở Lít-xơ, còn từ tháng Mười 1841 thì ở Luân Đôn; từ tháng Mười một 1843 đến tháng Năm 1845 Ăng-ghen đã cộng tác với tờ báo này.- 821.

"New-York Daily Tribune" ("Diễn đàn Niu-Óóc hàng ngày") - tờ báo Mỹ, xuất bản từ năm 1841 đến năm 1924; đến giữa những năm 50 là cơ quan ngôn luận của cánh tả trong đảng Vích ở Mỹ, rồi sau đó là cơ quan ngôn luận của đảng cộng hoà. Trong những năm 40 - 50 tờ báo đứng trên lập trường tiến bộ và đấu tranh chống chế độ chiếm hữu nô lệ. Từ tháng Tám 1851 đến tháng Ba 1862 Mác cộng tác với tờ báo này. Ăng-ghen đã viết nhiều bài báo cho tờ báo. Mác và Ăng-ghen cùng viết một số bài cho tờ báo này.

Ngoài các số báo ra hàng ngày, tờ báo còn ra các số báo khác, trong đó có *"New-York Weekly Tribune"* và *"New-York Semi-Weekly Tribune"* cũng đăng các bài của Mác và Ăng-ghen.- 266, 268.

" The New-York Herald" ("Người truyền tin Niu-Óóc") - nhật báo Mỹ, cơ quan ngôn luận của đảng cộng hoà; xuất bản ở Niu-Óóc từ năm 1835 đến năm 1924.- 633.

"New-Yorker Democrat" ("Người dân chủ Niu-Óóc").- 626.

"New-Yorker Schnellpost" - xem *"Deutsche Schnellpost"*.

"The Northern Star" ("Ngôi sao Bắc đẩu") - tuần báo Anh, cơ quan trung ương của phái Hiến chương; xuất bản từ năm 1837 đến năm 1852; lúc đầu ở Lít-xơ, còn từ tháng Mười một 1844 xuất bản ở Luân Đôn; Ăng-ghen cộng tác với tờ báo này từ năm 1843 đến năm 1850.- 821.

"L'Opinion nationale" ("Quan điểm dân tộc") - nhật báo Pháp, xuất bản ở Pa-ri từ năm 1859 đến năm 1874.- 470.

"The Pall Mall Gazette" ("Báo Pen-Men") - nhật báo Anh, xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1865 đến năm 1920; theo khuynh hướng bảo thủ; từ tháng Bảy 1870 đến tháng Sáu 1871, Mác và Ăng-ghen đã liên hệ với tờ báo, tờ báo đã đăng loạt bài của Ăng-ghen "Tiểu luận về chiến tranh".- 595.

"La Patrie" ("Tổ quốc") - nhật báo Pháp, thành lập năm 1841; sau cuộc đảo chính 2 tháng Chạp 1851 là tờ báo của phái Bô-na-pác-tơ.- 443.

"Le Pays, Joural de l'Empire" ("Đất nước, tờ báo của Đế chế") - nhật báo Pháp, thành lập ở Pa-ri năm 1849; trong thời kỳ Đế chế thứ hai (1852 - 1870) là cơ quan bán chính thức của chính phủ.- 443.

"*The People's Paper*" ("Báo nhân dân") - tuần báo do E.Giôn-xơn xuất bản ở Luân Đôn trong những năm 1852 - 1858, cơ quan ngôn luận của phong trào Hiến chương cách mạng; từ tháng Mười 1852 đến tháng Chạp 1856 Mác và Ăng-ghen đã cộng tác với tờ báo, đồng thời giúp cả việc biên tập tờ báo này.- 733, 821.

"*Le Pouvoir*" ("Quyền lực") - tờ báo Pháp của phái Bô-na-pác-tơ, thành lập ở Pa-ri năm 1849, xuất bản với tên gọi này từ năm 1850 đến năm 1851.- 39, 41.

"*Le Progrès*" ("Tiến bộ") - tờ báo của phái Ba-cu-nin, công khai chống Tổng Hội đồng; xuất bản ở Lốc-lơ do Ghi-ôm làm chủ bút từ tháng Chạp 1868 đến tháng Tư 1870.- 582.

"*Il Proletario Italiano*" ("Người vô sản I-ta-li-a") - tờ báo I-ta-li-a, cơ quan ngôn luận của chi hội Tu-rin của Quốc tế, xuất bản năm 1871.- 603.

"*Qui Vive*" ("Ai đó!") - nhật báo, cơ quan ngôn luận của chi hội Pháp năm 1871, xuất bản bằng tiếng Pháp ở Luân Đôn năm 1871.- 794.

"*The Red Republican*" ("Người cộng hoà đỏ") - tuần báo của phong trào Hiến chương, do Gi.Hác-ni xuất bản vào tháng Sáu - tháng Mười một 1850.- 821.

"*La République*" ("Nước cộng hoà") - nhật báo Pháp, cơ quan ngôn luận của phái cộng hoà tiểu tư sản; xuất bản ở Pa-ri từ 26 tháng Hai 1848 đến 2 tháng Chạp 1851 do E.Ba-re-xtơ làm chủ bút.- 38.

"*Le Réveil*" ("Thức tỉnh") - tuần báo Pháp, còn từ tháng Năm 1869 là nhật báo, cơ quan ngôn luận của phái cộng hoà cánh tả, xuất bản ở Pa-ri do S.Đê-lê-cluy-dơ làm chủ bút từ tháng Bảy 1868 đến tháng Giêng 1871; tờ báo đã công bố các văn kiện của Quốc tế và các tài liệu về phong trào công nhân.- 744.

"*Le Siècle*" ("Thế kỷ") - nhật báo tư sản Pháp, xuất bản ở Pa-ri từ năm 1836 đến năm 1839; trong những năm 50 - 60 của thế kỷ XIX là tờ báo theo khuynh hướng cộng hoà ôn hoà.- 20, 441, 470.

"*La Situation*" ("Tình thế") - nhật báo theo khuynh hướng chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ; xuất bản bằng tiếng Pháp ở Luân Đôn từ tháng Chín 1870 đến tháng Tám 1871; đối lập với chính phủ quốc phòng và chính phủ của Chi-e.- 786.

"*Le Socialiste*" ("Người xã hội chủ nghĩa") - tuần báo, xuất bản từ tháng Mười 1871 đến tháng Năm 1873 ở Niu-Óóc; cơ quan ngôn luận của các chi hội Pháp của Quốc tế ở Mỹ; sau Đại hội La Hay đoạn tuyệt với Quốc tế.- 632.

"*Socialisten*" ("Người xã hội chủ nghĩa") - tờ báo công nhân Đan Mạch, xuất bản ở Cô-pen-ha-ghen từ tháng Bảy 1871 đến tháng Năm 1872.- 621.

"*La Solidarité*" ("Đoàn kết") - tuần báo của phái Ba-cu-nin; xuất bản từ tháng Tư đến tháng Chín 1870 ở Nơ-sa-ten; từ tháng Ba đến tháng Năm 1871 xuất bản ở Giơ-ne-vơ.- 587.

"*St.-Louis Daily Press*" ("Báo chí hàng ngày ở Xanh-Lu-i") - tờ báo công nhân Mỹ; xuất bản ở Xanh-Lu-i từ năm 1864.- 736.

"*Die Tagwacht*" ("Người lính gác") - tờ báo dân chủ-xã hội Thụy Sĩ, xuất bản ở Xuy-rích bằng tiếng Đức từ năm 1869 đến năm 1880; trong những năm 1869 - 1873 là cơ quan ngôn luận của các chi hội Đức của Quốc tế ở Thụy Sĩ, sau đó là cơ quan ngôn luận của Liên minh công nhân Thụy Sĩ và Đảng dân chủ-xã hội Thụy Sĩ.- 582.

"*Telegraph*" - xem "*Daily Telegraph*".

"*The Times*" ("Thời báo") - nhật báo Anh lớn nhất theo khuynh hướng bảo thủ, xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1785.- 38, 274, 323, 367, 442, 449, 577, 578, 592.

"*El Trabajo*" ("Lao động") - tờ báo cộng hoà Tây Ban Nha, xuất bản ở Lơ-Phéc-rôn vào đầu những năm 70 của thế kỷ XIX.- 605.

"*Tribune*" - xem "*New-York Daily Tribune*".

"*Il Tribuno*" - xem "*Ciceruacchio il Tribuno*".

"*Der Volksstaat*" ("Nhà nước dân chủ") - cơ quan trung ương của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Đức, xuất bản ở Lai-xpích từ tháng Mười 1869 đến tháng Chín 1876. Sự lãnh đạo chung đối với tờ báo thuộc về V.Líp-nếch, A.Bê-ben giữ vai trò to lớn trong việc xuất bản tờ báo. Tờ báo thường xuyên đăng các bài báo của Mác và Ăng-ghen.- 679.

"*The Volunteer Journal, for Lancashire and Cheshire*" ("Tạp chí Vô-lôn-téc ở Lan-kê-sia và Sê-sia") - tạp chí quân sự ra hàng tuần ở Anh, xuất bản ở Man-se-xtơ trong những năm 1860 - 1862; Ăng-ghen đã cộng tác với tạp chí từ tháng Tám 1860 đến tháng Ba 1862.- 513

"*La Vérité*" ("Chân lý") - nhật báo cộng hoà tư sản Pháp, xuất bản ở Pa-ri từ tháng Mười 1870 đến tháng Chín 1871. Lúc đầu tờ báo ủng hộ Công xã Pa-ri, sau đó phản đối các phương sách của Công xã.- 577.

"*Woodhull and Claflin's Weekly*" ("Tuần báo Vút-han và Cla-phlin") - tuần báo Mỹ do

Khuê-ních-xbéc (Ca-li-nin-grát).- 427.

Li-cu-xơ (Da-bơ Lớn), sông.- 417.

Lốt-sen (Ghi-giư-skô).- 673.

Ma-ri-en-véc-đơ (Cvít-dựn).- 426.

Ô-*xtéc-lít* (Xláp-cốp).- 346.

Phi-u-mê (Ri-ê-ca).- 349, 350, 505.

Phri-sơ-Ha-phơ (vịnh Gơ-đan-xcai-a), vịnh.- 341.

Phrít-lan-đơ (Práp-đin-xcơ).- 419, 505.

Pô-mê-ra-ni (Pơ-mô-ri-e).- 230, 339-344, 397, 481, 483, 490.

Proi-xi-sơ-Ây-lau (Ba-gra-ti-ô-nốp-xcơ).- 418, 420.

Quảng Châu.- 366.

Quy-xten-gi (Côn-xtan-txa).- 285.

Ra-gu-da (Đu-brốp-ních).- 349.

Ra-ti-xbon (Re-ghen-xbuốc).- 486.

Stết-tin (Sê-xin).- 340, 344, 426, 483, 490, 715, 716.

Sum-la (Su-men).- 290, 291.

Svây-đơ-nít-xơ (Xvít-nít-xa).- 530.

Tác-nau (Tác-nu-vơ).- 530, 531.

Tia-lê-mon (Ti-nen).- 409.

Tin-dít (Xô-vét-xcơ).- 419.

Vin-nơ (Vin-nhút).- 501.

Vịnh Am-bra-ki (Am-bra-ki-xô-xơ, vịnh).- 404.

Xi-li-xtơ-ri (Xi-li-xtơ-ra).- 289, 290, 291, 294.

MỤC LỤC[1*]

	Trang
Lời Nhà xuất bản	7
PH. ĂNG-GHEN. NHỮNG BỨC THƯ TỪ NƯỚC PHÁP	11
I	11
II	17
III	21
IV	25
V	28
VI	32
VII	33
VIII	38
PH. ĂNG-GHEN. NHỮNG BỨC THƯ TỪ NƯỚC ĐỨC	45
I	45
II	48
III	55
C. MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN. THÔNG BÁO	62
PH. ĂNG-GHEN. HAI NĂM CỦA MỘT CUỘC CÁCH MẠNG. Năm 1848 và năm 1849	64

1* Dấu hoa thị là chỉ những tiêu đề do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên Xô (trước đây) đặt ra.

PH. ĂNG-GHEN. BỨC THƯ TỪ NƯỚC ĐỨC. CUỘC CHIẾN TRANH Ở SLÊ-ĐÔ-VÍCH - HÔN-STAI-NÔ 94

C. MÁC. *PHÁC THẢO VỀ NƯỚC ĐỨC ĐỂ VIẾT TÁC PHẨM CỦA C. MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN "BÀI THỨ BA ĐIỂM TÌNH HÌNH QUỐC TẾ" 100

C. MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN. *BẢN SƠ THẢO TUYÊN BỐ VỀ TIỀN CỦA ỦY BAN DÂN CHỦ - XÃ HỘI TRỢ GIÚP NHỮNG NGƯỜI ĐỨC LƯU VONG 102

C. MÁC. *VỀ CUỐN SÁCH CỦA D. RI-CÁC-ĐÔ "VỀ NGUYÊN LÝ CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ HỌC VÀ CỦA THUẾ KHOÁ" (CÁC TRÍCH ĐOẠN, NHỮNG NHẬN XÉT, TÓM LƯỢC) 105

C. MÁC. NHỮNG ĐIỀU SUY NGẪM 205

PH. ĂNG-GHEN. *PHÂN TÍCH PHÊ PHÁN CUỐN SÁCH CỦA PRU-ĐÔNG "TƯ TƯỞNG PHỔ BIẾN CỦA CÁCH MẠNG TRONG THẾ KỶ XIX" 218

C. MÁC. TƯỚNG CLÁP-CA 256

C. MÁC. *VỀ KÊ-RI 259

C. MÁC. ĐA-VÍT UỐC-CÁC-TƠ 264

C. MÁC. NỀN TÀI CHÍNH CỦA ANH. - NHỮNG VỤ LỘN XỘN Ở PRE-XTƠN 267

PH. ĂNG-GHEN. QUÂN ĐỘI NGA. GỬI ÔNG CHỦ BIÊN BÁO "DAILY NEWS" 276

C. MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN. CUỘC CHIẾN TRANH CHÂU ÂU 284

PH. ĂNG-GHEN. CUỘC CHIẾN TRANH THỔ NHĨ KỲ 289

PH. ĂNG-GHEN. NHỮNG TIN TỨC VỀ CUỘC ĐẤU TRANH Ở CHÂU ÂU 293

C. MÁC. HỘI ĐỒNG TRUNG ƯƠNG 298

PH. ĂNG-GHEN. BA-LA-CLA-VA 303

PH. ĂNG-GHEN. CUỘC CHIẾN TRANH CRƯM 312

C. MÁC. SỰ KHIẾM NHÃ VỀ NGOẠI GIAO 316

C. MÁC. ỦY BAN Ở NIU-CÁT-XƠN TRÊN SÔNG TAI-NÔ 318

C. MÁC. CUỘC MÍT-TINH LỚN ĐỂ BÊNH VỰC NHỮNG NGƯỜI LƯU VONG CHÍNH TRỊ 322
C. MÁC. GỬI CHỦ BIÊN BÁO "FREE PRESS" 326
C. MÁC. NƯỚC PHỔ ("NHÀ NƯỚC QUÂN PHIỆT") 327
C. MÁC. VỚ-NI-ĐƠ 347
PH. ĂNG-GHEN. *CUỘC CHIẾN TRANH TRONG VÙNG RỪNG NÚI TRƯỚC ĐÂY VÀ NGÀY NAY (BÀI THỨ HAI) 353
C. MÁC. CUỘC CHIẾN TRANH CHỐNG BA TƯ 360
C. MÁC. NHỮNG CUỐN SÁCH CỦA B. BAU-Ơ VỀ CUỘC XUNG ĐỘT VỚI NƯỚC NGA 373
C. MÁC. *VỀ VẤN ĐỀ PHƯƠNG ĐÔNG (PHÁC THẢO) 393
C. MÁC. *NHỮNG GHI CHÚ VỀ LỊCH SỬ CHÂU ÂU (các thế kỷ XV - XVIII) 394
PH. ĂNG-GHEN. A-BEN-XBÉC 401
PH. ĂNG-GHEN. A-CRƠ 402
PH. ĂNG-GHEN. ÁC-XI 404
PH.ĂNG-GHEN. QUẦN ĐẢO A-LĂNG 406
PH. ĂNG-GHEN. AN-ĐEN-HÔ-VEN 408
PH. ĂNG-GHEN. A-LÊ-XAN-DRI-A 410
PH. ĂNG-GHEN. AN-MÂY-ĐA 412
PH. ĂNG-GHEN. A-MUY-DÉT 413
PH. ĂNG-GHEN. ĂNG-VE 414
PH. ĂNG-GHEN. ÁC-BE-LƯ 417
PH. ĂNG-GHEN. BEN-NÍCH-XEN VÀ BÁC-CLAI 418
PH. ĂNG-GHEN. PHÁO-KÍCH 422
PH. ĂNG-GHEN. CÁC-TÚT 424
C. MÁC. BUY-LỐP 425
C. MAC. BUY-LỐP, PHRI-ĐRÍCH VIN-HEM 428
PH. ĂNG-GHEN. VẬN CHUYỂN QUÂN ĐẾN ẤN ĐỘ 429

C. MÁC. TUYÊN NGÔN CÁCH MẠNG MỚI CỦA PHÁP 438

C. MÁC. NGÀI GIÔN BRAI-TƠ 446

C. MÁC. • CÁC DẤU HIỆU CỦA SINH HOẠT NỘI BỘ ĐANG HỒI SINH CỦA NƯỚC PHÁP 451

C. MÁC. *NHẬN XÉT MÀO ĐẦU VỀ VIỆC CÔNG BỐ CÁI GỌI LÀ "BỊ VONG LỤC VỀ NƯỚC NGA ĐỂ THÔNG BÁO CHO HOÀNG ĐẾ ĐANG TRỊ VÌ" 453

PH. ĂNG-GHEN. CUỘC CHIẾN TRANH I-TA-LI-A. NĂM 1859 454

C. MÁC. TƯƠNG LAI CỦA I-TA-LI-A 457

C. MÁC. • VỀ PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG 462

C. MÁC. HOÀNG ĐẾ NA-PÔ-LÊ-ÔNG III VÀ NƯỚC PHỔ 465

C. MÁC. * NHỮNG TRÍCH ĐOẠN TRONG CUỐN SÁCH CỦA [I. XA-BÔ] "CHÍNH SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA CHÂU ÂU HIỆN ĐẠI, TỪ ĐẦU THẾ KỶ XVI ĐẾN NGÀY NAY" 475

PH. ĂNG-GHEN. BÀI TƯỜNG THUẬT CỦA ĐỨC VỀ CUỘC DUYỆT BINH Ở NIU-TƠN 513

C. MÁC. VỀ VẤN ĐỀ ÂN XÁ 515

PH. ĂNG-GHEN. CÁC TIỂU LUẬN VỀ PHÁO BINH Ở MỸ 518

C. MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN. CÁO PHÓ 530

C. MÁC. • NHỮNG GHI CHÉP VỀ TIỂU SỬ VIN-HEM VÔN-PHƠ 531

C. MÁC. • CÁC NGHỊ QUYẾT VỀ THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG TRUNG ƯƠNG LÂM THỜI 533

C. MÁC. • NGHỊ QUYẾT VỀ THỂ THỨC CÁC HỘI CÔNG NHÂN VÀ CÁC CÁ NHÂN GIA NHẬP QUỐC TẾ 535

C. MÁC. • NHỮNG GHI CHÉP VỀ VỤ XUNG ĐỘT TRONG CHI HỘI PA-RI 536

C. MÁC. • BẢN GHI CHÉP GỬI G. I-UNG VỀ VỤ XUNG ĐỘT TRONG CHI HỘI PA-RI 538

C. MÁC. • GIỚI THIỆU VẮN TẮT CUỐN SÁCH CỦA PH. ĂNG-GHEN "VẤN ĐỀ QUÂN SỰ Ở PHỔ VÀ ĐẢNG CÔNG NHÂN ĐỨC" 543

C. MÁC. NHỮNG GHI CHÉP VỀ BẢN BÁO CÁO "TIỀN CÔNG, GIÁ CẢ VÀ LỢI NHUẬN" 544

C. MÁC. • NGHỊ QUYẾT VỀ VIỆC TRIỆU TẬP ĐẠI HỘI CỦA QUỐC TẾ VÀO NĂM 1866 546

C. MÁC. • NGHỊ QUYẾT VỀ THỂ THỨC THẢO LUẬN CHƯƠNG TRÌNH CỦA ĐẠI HỘI 547

C. MÁC. • NGHỊ QUYẾT VỀ SỰ ĐẠI DIỆN CỦA CÁC HỘI CÔNG NHÂN I-TA-LI-A TẠI ĐẠI HỘI Ở GIƠ-NE-VƠ 548

C. MÁC. • NHỮNG ĐỀ NGHỊ CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ VỀ CHƯƠNG TRÌNH CỦA ĐẠI HỘI GIƠ-NE-VƠ 549

C. MÁC. • CÁC NGHỊ QUYẾT VỀ THÀNH PHẦN TỔNG HỘI ĐỒNG 552

C. MÁC. • CÁC NGHỊ QUYẾT VỀ CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ CỦA ĐẠI HỘI LÔ-DAN 554

C. MÁC. • LẬP TRƯỜNG CỦA QUỐC TẾ TRONG VẤN ĐỀ CÁC THUẾ SUẤT BẢO HỘ CỦA PHỔ 556

C. MÁC. • DOẠN MÀO ĐẦU TRONG TẬP CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI GIƠ-NE-VƠ (1866) VÀ ĐẠI HỘI BRUY-XEN (1868) CỦA QUỐC TẾ 558

C. MÁC. • NHỮNG NHẬN XÉT VỀ CƯƠNG LĨNH VÀ ĐIỀU LỆ CỦA LIÊN MINH DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ 559

C. MÁC. THÔNG BÁO VỀ CÁC PHIÊN HỌP CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG 570

C. MÁC. • VỀ VỤ XUNG ĐỘT TRONG CHI HỘI LI-ÔNG 573

C. MÁC. GỬI BAN CHẤP HÀNH HỘI CÔNG NHÂN LUYỆN THÉP QUỐC TẾ 575

PH. ĂNG-GHEN. RÔ-BÓC RÍT, CỰU THÔNG TÍN VIÊN CỦA BÁO "DAILY TELEGRAPH" 577

C. MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN. • NHỮNG ĐOẠN TRÍCH BIÊN BẢN CỦA TỔNG HỘI ĐỒNG NHỮNG NĂM 1869-1871 580

C. MÁC. NHỮNG LỜI PHÁT BIỂU TẠI PHIÊN HỌP CỦA ỦY BAN THƯỜNG TRỰC NGÀY 9 THÁNG CHÍN 1871, TRONG BIÊN BẢN DO PH. ĂNG-GHEN GHI 597

*Tường thuật bài diễn văn của C. Mác về hoạt động của Quốc tế ở Mỹ và trên lục địa 736

*Bản ghi bài phát biểu của C. Mác trong lễ kỷ niệm ngày thành lập Hội giáo dục công nhân Đức ở Luân Đôn 737

*Bản mẫu đơn gia nhập của các hội 739

*Nghị quyết về thái độ của Hội liên hiệp công nhân quốc tế đối với cuộc chiến tranh Áo - Phổ năm 1866 741

*Các bản ghi những lời phát biểu của C. Mác về việc thay đổi địa điểm triệu tập đại hội của Quốc tế năm 1868 742

*Bản ghi bài phát biểu của C. Mác về những thắng lợi của Quốc tế ở Đức và ở Pháp 744

*Bản ghi lời phát biểu của C. Mác về tình cảnh công nhân mỏ tại các mỏ than ở vùng Dắc-den 746

*Thư của Tổng Hội đồng gửi R.U. Hi-um ở Niu-Oóc 748

*Các bản ghi những lời phát biểu của C. Mác và Ph. Ăng-ghen về lập trường của giai cấp công nhân Anh trong cuộc chiến tranh Pháp - Phổ 751

* Bản ghi lời phát biểu của C. Mác ngày 25 tháng Tư 1871 770

*Bản ghi những lời phát biểu của Ph. Ăng-ghen nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Rô-bớc Ô-oen 776

*Bản ghi lời phát biểu của C. Mác về Công xã Pa-ri 778

*Bản ghi cuộc nói chuyện giữa C. Mác với phóng viên báo "The World" 779

*Bản ghi lời phát biểu của Ph. Ăng-ghen về tình hình ở Tây Ban Nha 791

*Bản ghi lời phát biểu của C. Mác trong buổi khai mạc Hội nghị đại biểu của Quốc tế ở Luân Đôn ngày 17 tháng Chín 1871 793

Thông báo của Tổng Hội đồng của Quốc tế gửi ông Véc-méc-sơ, chủ biên báo "Qui Vive!" 794

Ph.Ăng-ghen. * Điểm sửa chữa 797

C. Mác. *Về thái độ của chính phủ Glát-xtôn đối với các chiến sĩ công xã sống lưu vong 798

Ủy nhiệm thư của đại biểu đại hội La Hay, được trao cho C. Mác 800

Các uỷ nhiệm thư của đại biểu Đại hội La Hay, được trao cho Ph. Ăng-ghen 803

*Các bản ghi những lời phát biểu của C. Mác và Ph.Ăng-ghen tại Đại hội La Hay năm 1872 805

*Về Đại hội La Hay. Bản ghi lời phát biểu của C.Mác tại cuộc mít-tinh ở Am-xtéc-đam ngày 8 tháng Chín 1872 813

Những quyền hạn do Tổng Hội đồng ở Niu-Oóc trao cho Ph. Ăng-ghen 816

Giôn Hây-đơ "trung thực". Thư gửi ban biên tập báo "International Herald" 817

*Thư của Hội đồng Liên chi hội Anh gửi chủ biên báo "Eastern Post" 824

Chương trình làm việc của Đại hội Man-se-xtơ của Liên chi hội Anh của Quốc tế. Các ngày 1-2 tháng Sáu 1873 829

Quốc tế và các công đoàn 830

Chú thích 841

Bản chỉ dẫn tên người 947

Bản chỉ dẫn những sách báo được trích dẫn và nhắc đến 1027

Bản chỉ dẫn các xuất bản phẩm định kỳ 1045

Danh mục những địa danh đã thay đổi 1053

PHỤ BẢN

Bìa trong của tạp chí "Democratic Review" của phái Hiến chương và những trang đăng các bài viết của Ph. Ăng-ghen "Những bức thư từ nước Pháp" và "Những bức thư từ nước Đức" 43

Trang đầu bản thông báo của H.Bếch-cơ về việc xuất bản "bộ tác phẩm" của C. Mác gồm hai tập (1850) 59

Các trang bản viết tay của Ph. Ăng-ghen trong bài "Ba-la-cla-va", có kèm theo sơ đồ trận đánh 305

Ph. Ăng-ghen (năm 1856) giữa 380 và 381

Ngôi nhà ở Grích-xtơ-rít của Luân Đôn, trong đó đã diễn ra các phiên họp của Tổng Hội đồng từ năm 1864 đến năm 1866 giữa 570 và 571

Một trang của bản in bằng tiếng Pháp Điều lệ chung và Quy chế tổ chức của Quốc tế I có những chỗ do C. Mác sửa 639

Hộ chiếu của C. Mác được cấp ở Pháp ngày 24 tháng Tám 1849 để đến nước Anh 717

Những dòng C. Mác ghi vào tháng Sáu hoặc tháng Tám 1850, trong đó ghi họ và địa chỉ của một số uỷ viên Ban chấp hành trung ương Liên đoàn những người cộng sản 729

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TRỊNH THÚC HUỲNH

Biên tập: LÊ XUÂN TIỀM
NGUYỄN LÊ PHƯƠNG
KHUẤT MINH HOA

Trình bày, bìa: DƯƠNG THÁI SƠN

Sửa bản in: BAN KINH ĐIỂN

In 800 cuốn, khổ 15 x 22cm, tại Công ty Liksin.
Giấy phép xuất bản số: 19 - 272/CXB-QLXB, cấp ngày 15 tháng 3 năm 2004
In xong và nộp lưu chiểu tháng 4 năm 2004